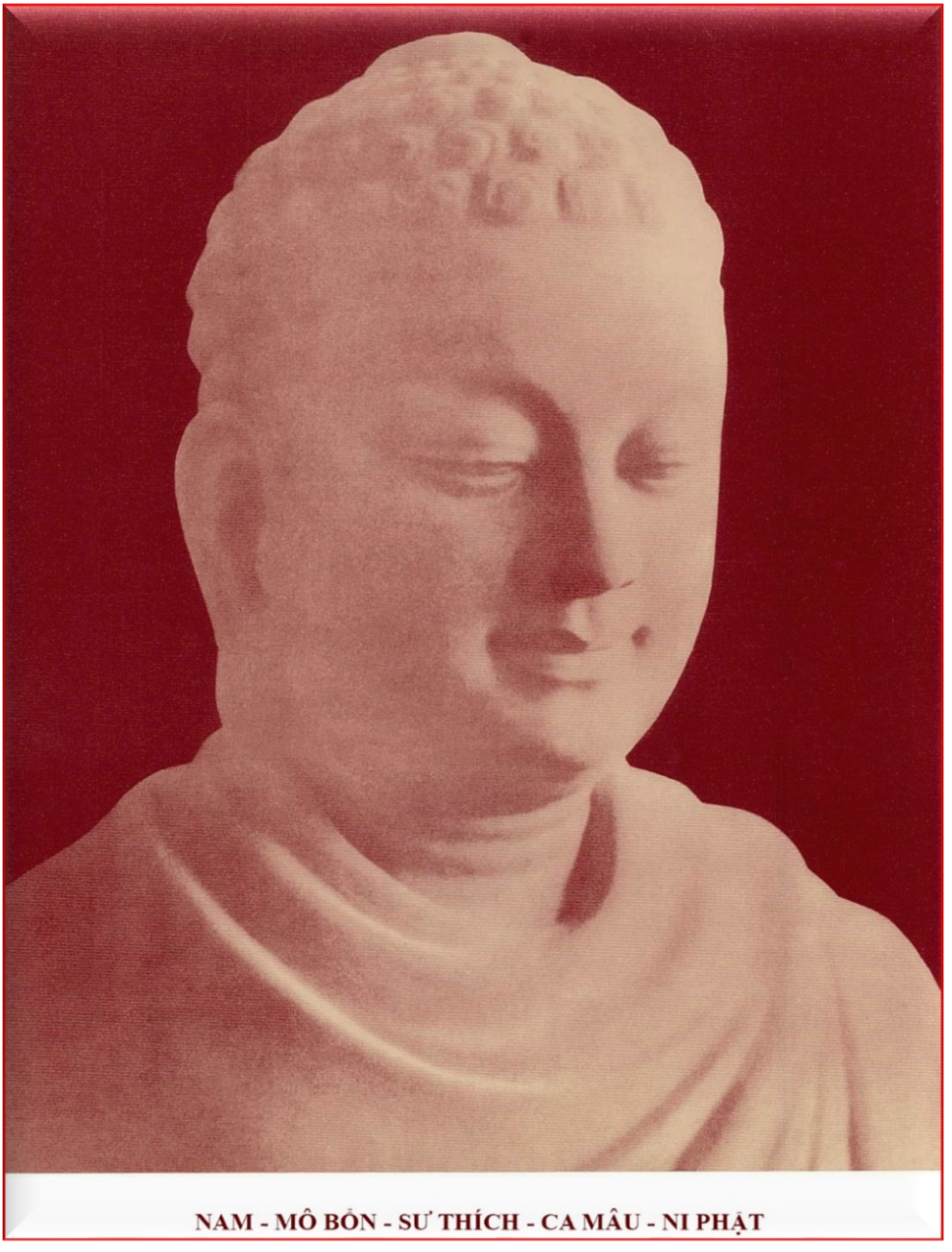

BỘ LUẬT 1 – T071

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

BỘ LUẬT

I

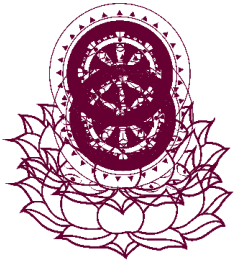

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Lời Giới Thiệu

Ngày nay, có thể nói, đại đa số Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đều nhận thấy, một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt là nhu cầu hết sức bức thiết, vì hai lý do:

Thứ nhất, hầu hết các nước Phật giáo châu Á, kể cả Lào và Campuchia, đều đã có Đại Tạng Kinh riêng của họ, lẽ ra Phật giáo Việt Nam cũng đã phải có từ lâu rồi, nhưng cho đến nay vẫn chưa: điều này chứng tỏ Phật giáo Việt Nam đã thua kém Phật giáo các nước bạn rất xa. Đó là điều mà giới Phật giáo Việt Nam, đặc biệt giới xuất gia, cần quan tâm suy nghĩ.

Thứ hai, khả năng học tập, nghiên cứu Phật giáo trực tiếp qua Đại Tạng Kinh chữ Hán, có thể sẽ mỗi ngày một sút giảm dần; như vậy, nếu không có được bộ Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh và gấp rút, thì e các thế hệ học Phật tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu, học hỏi; và về lâu về dài, sự phát huy tinh thần Phật pháp ở Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng, nếu không nói bị hạn chế.

Chúng tôi nhấn mạnh, "Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh", có nghĩa là trước nay ở Việt Nam tuy cũng đã có một số lớn kinh điển Hán văn được dịch sang chữ Việt rồi, nhưng số đó còn rời rạc, lẻ tẻ, chứ chưa được tổ chức thành hệ thống hẳn hoi cho đúng với danh nghĩa Đại Tạng Kinh như tạng chữ Hán, để truyền trì cho đời sau. Hơn nữa, "hoàn chỉnh" còn có nghĩa là Đại Tạng Kinh chữ Việt phải gồm đủ Kinh, Luật, Luận và những tác phẩm chú thích, sớ giải v.v... của các bậc Tổ sư tiền bối cũng như của các học giả cận đại.

Nay, chúng tôi được biết, Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh –Tiến sĩ Triết học– hiện đang ở bên Đài Loan, phát nguyện đứng ra tổ chức phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh chữ Việt. Hòa thượng đã hoạch định một chương trình phiên dịch và ấn loát quy mô, công việc đang được tiến hành một cách thuận lợi và đều đặn. Chúng tôi vô cùng hân hoan và xin nhất tâm tùy hỷ.

Nhưng đây là sự nghiệp lớn lao, công đức cũng vô lượng, không phải sức của một người có thể chu toàn được, mà phải cần sự hỗ trợ của nhiều người. Cái khó trước kia là ở chỗ đã chưa có ai đề xướng và đứng ra gánh vác trách nhiệm, cho nên dù có người muốn hỗ trợ cũng không biết hướng về đâu. Thì nay đã có Hòa thượng Tịnh Hạnh, tương đối đủ năng lực và điều kiện, đứng ra cán đáng công việc to lớn này, nên chúng tôi chí thành tha thiết thỉnh cầu chư tôn Hòa thượng, chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, hãy phát đại tâm hộ trì Phật pháp, giúp đỡ Hòa thượng Tịnh Hạnh bằng hai cách:

– Tích cực tham gia công trình phiên dịch, hiệu đính, chứng nghĩa, góp ý v.v...

–Hỗ trợ tài chính, tùy theo khả năng, cho công trình ấn loát, xuất bản v.v...

Đây là việc chung, có ảnh hưởng rất lớn đối với tiền đồ Phật giáo Việt Nam, chúng tôi ước mong quí vị sốt sắng tham gia, để phúc quả to tát này mau được viên mãn.

Sự nghiệp phiên dịch và xuất bản Đại Tạng Kinh chữ Việt, khi được hoàn thành, sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển nền văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời, giúp nâng cao địa vị của Phật giáo Việt Nam lên ngang tầm địa vị của các nước Phật giáo trên thế giới.

Nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Hộ pháp thiện thần gia bị cho Hòa thượng Tịnh Hạnh và toàn thể quí vị Mạnh thường quân hộ trì Chánh pháp mau thành tựu đại nguyện.

Nam mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ-tát tác đại chứng minh.

Sài Gòn ngày 16 - 12 - 1998

Hội đồng Chứng minh

Lời Nói Đầu

Ba tạng giáo điển là kho tàng của trí tuệ Bát-nhã, là chìa khóa của sự thành tựu đạo nghiệp. Hơn mười ba thế kỷ trước, thấu triệt lẽ này, Đại sư Huyền Tráng đã phát đại hùng tâm phiên dịch kiện toàn ba tạng giáo điển, giúp Trung Quốc hồng phước sở hữu Trung văn Đại Tạng Kinh.

Trải năm mươi năm ấp ủ một hoài bão tương tự, mãi đến ngày nay, chúng tôi, mới tạm hội đủ nhân duyên để thực hiện bộ Việt tạng; thành tựu ấy chẳng thể, chẳng phải do một cá nhân: nó là thành quả của một công đức cộng đồng, do nhiều trái tim, bộ óc hợp lại.

Xưa kia, sự hiện diện của Hán tạng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp nâng cao đời sống văn hóa, tâm linh của Trung Hoa, giúp nước này đủ sức mạnh gốc rễ để đứng vững trước bao phong ba, thử thách. Nhận định về điều này, ông Phùng Hữu Lan, giáo sư Viện đại học Bắc kinh đã viết:

"Vào thời đại Nam Bắc triều, giới tư tưởng Trung Quốc lại có sự chuyển mình lớn lao. Bởi vì lúc đó tư tưởng Phật giáo truyền vào Trung Quốc có hệ thống, người Trung Quốc đối với Phật giáo cũng thâm nhập hiểu được những huyền diệu sâu xa. Từ đó cho đến thời sơ diệp nhà Tống, những người có tư tưởng lỗi lạc nhất của Trung Quốc đều là những người nghiên cứu tư tưởng đạo Phật (khoảng năm sáu trăm năm). Tư tưởng Phật giáo vốn là sản vật của Ấn Độ nhưng được người Trung Quốc giảng giải, phần nhiều đem tư tưởng đó thâm nhập vào khuynh hướng tư tưởng người Trung Quốc, biến thành tư tưởng Phật giáo của Trung Quốc." *

Sự hiện diện của Việt tạng đối với dân tộc ta đương nhiên cũng là như thế.

Về mặt nội dung, Việt tạng tiếp nạp cả Đại tạng Bắc truyền và Đại tạng Nam truyền. Về phần Đại tạng Bắc truyền, quan trọng nhất được chọn từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Tục Tạng Kinh...; thêm vào những sắc thái đặc biệt của Đại tạng Tây Tạng, Nhật Bổn; những văn bản tư tưởng Phật giáo của các vị Cao tăng học giả Đông, Tây cận đại và hiện đại: tất cả vào khoảng một ngàn tập, mỗi tập dày một ngàn trang khổ 17 x 24 cm, như

---

* Trung Quốc Triết Học Sử, trang 661, xb. 1970 tại Đài loan:
"Nam Bắc triều thời, Trung Quốc tư tưởng giới hựu hữu đại biến động. Cái ư thị thời Phật giáo tư tưởng hữu hệ thống đích du nhập, nhi Trung Quốc nhơn đối chi diệc năng hữu thậm thâm liễu giải. Tự thử dĩ hậu, dĩ chí Tống sơ Trung Quốc chi đệ nhất lưu tư tưởng gia, giai vi Phật học gia. Phật học bổn vi Ấn Độ chi sản vật, đản Trung Quốc nhơn giảng chi, đa tương kỳ gia nhập Trung Quốc tư tưởng chi khuynh hướng, dĩ sử thành vi Trung Quốc chi Phật học."

qúy vị đang có trước mắt.

Chỉ nói sơ qua, đã mường tượng được công việc thực hiện Việt tạng là khó khăn như thế nào. Thử liếc nhìn qua nước Nhật Bổn chẳng hạn: chỉ mỗi phần việc biên tập tu đính dành cho bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (vì toàn bộ Đại Tạng Trung văn và Đại Tạng Nhật Bổn đã hoàn thành từ lâu), do hai học giả Phật giáo lỗi lạc của Nhật Bản là Cao Nam Thuận Thứ Lang (Junjiro Takakusu) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe) chủ trì, cùng với sự cộng tác của nhiều học giả Phật giáo và Đông phương học mà phải cống hiến ròng rã mười ba năm trí tuệ tâm huyết, mới tạm gọi là hoàn chỉnh.

Việc đã đành là khó, ngàn khó vạn khó, nhưng lẽ nào thấy khó mà không làm. Tự lượng sức mình có hạn, nhưng vì mỗi chút lòng thao thức cho sinh mệnh, tiền đồ của Phật giáo và dân tộc Việt Nam, chúng tôi đã mạo muội đứng lên khởi xướng, những mong một gọi nghìn thưa: mỗi Phật tử người Việt, xin ý thức trách nhiệm của mình, tự nguyện góp phần công đức vào sự nghiệp thực hiện bộ Việt tạng này, chẳng những là một phương tiện thù thắng để hoằng dương Chánh pháp, mà còn là đối với nền văn hóa dân tộc được cống hiến vô cùng sâu rộng, cũng xứng đáng là một tôn giáo đã có mặt trên đất nước Việt Nam ngót hai ngàn năm lịch sử.

Hôm nay Việt tạng bắt đầu xuất bản, vì là lần đầu, mặc dầu chúng tôi cố gắng đến mức tối đa, nhưng chắc cũng khó tránh khỏi những khuyết điểm về hình thức lẫn nội dung; hy vọng những vị cao kiến chỉ dạy để kịp thời sửa lại trong những tập sau cũng như lần tái bản. Ở đây chúng tôi xin ghi ơn những vị tiền bối đã âm thầm góp sức, cũng như nhiều vị phụng hiến trí tuệ và mồ hôi qua sáu năm và những ngày sắp tới vào công việc gian lao này. Sau hết, không quên cảm ơn Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua, đã dành cho chúng tôi nhiều sự dễ dàng trong khi thực hiện Đại Tạng Kinh chữ Việt.

Kính chúc Quý vị vô lượng cát tường.

Viết tại chùa Pháp Bảo Quận THỦ ĐỨC
Ngày 06 tháng giêng năm Canh thìn
P.L: 2544 (2000)
Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm…

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác…

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm…

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi…

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế…

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả…

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá…

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāḷī)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất…

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề…

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa…

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán…

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà…

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāḷī)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần…

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)…

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 …

VI- Đặc biệt:

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ…

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

BỘ LUẬT
I

SỐ 1421 → 1425

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 1 – T071

SỐ 1421 3
LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN 3
QUYỂN 1 3
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 3
Đoạn 1: NÓI VỀ BỐN PHÁP BA LA DI 3
QUYỂN 2 47
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 47
Đoạn 1: NÓI VỀ BỐN PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo) 47
Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN 67
QUYỂN 3 97
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 97
Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 97
QUYỂN 4 152
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 152
Đoạn 3: NÓI VỀ HAI PHÁP BẤT ĐỊNH 152
Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP XẢ ĐỌA 154
QUYỂN 5 200
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 200
Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP XẢ ĐỌA (Tiếp Theo) 200
QUYỂN 6 246
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 246
Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA 246
QUYỂN 7 298
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 298
Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo) 298
QUYỂN 8 250
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 250
Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo) 250
QUYỂN 9 250
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 250
Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo) 250
QUYỂN 10 306
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 306
Đoạn 6: NÓI VỀ BỐN PHÁP HỐI QUÁ 306
Đoạn 7: NÓI VỀ 100 PHÁP CHÚNG HỌC 320
Đoạn 8: NÓI VỀ 7 PHÁP DIỆT TRÁNH 340

QUYỂN 11 342
Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 342
Đoạn 1: NÓI VỀ TÁM PHÁP BA LA DI 342
Đoạn 2: NÓI VỀ 17 PHÁP TĂNG TÀN 350
QUYỂN 12 374
Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 374
Đoạn 3: NÓI VỀ BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA 374
Đoạn 4: NÓI VỀ HAI TRĂM LẺ BẢY PHÁP ĐỌA 387
QUYỂN 13 322
Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 322
Đoạn 4: NÓI VỀ HAI TRĂM LẺ BẢY PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo) 322
QUYỂN 14 354
Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 354
Đoạn 4: NÓI VỀ HAI-TRĂM-LẺ-BẢY PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo) 354
Đoạn 5: NÓI VỀ TÁM PHÁP HỐI QUÁ 384
Đoạn 6: NÓI VỀ MỘT TRĂM PHÁP CHÚNG HỌC 386
QUYỂN 15 390
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 390
Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP THỌ GIỚI 390
QUYỂN 16 429
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 429
Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP THỌ GIỚI (Tiếp Theo) 429
QUYỂN 17 432
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 432
Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP THỌ GIỚI (Tiếp Theo) 432
QUYỂN 18 432
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 432
Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP BỐ TÁT 432
QUYỂN 19 441
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 441
Đoạn 3: NÓI VỀ PHÁP AN CƯ 441
Đoạn 4: NÓI VỀ PHÁP TỰ TỨ 451
QUYỂN 20 470

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 470
Đoạn 5: NÓI VỀ PHÁP Y 470
QUYỂN 21 511
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 511
Đoạn 5: NÓI VỀ PHÁP Y (Tiếp Theo) 511
Đoạn 6: NÓI VỀ PHÁP GIÀY DÉP DA 530
QUYỂN 22 549
Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V… 549
Đoạn 7: NÓI VỀ THỨC UỐNG 549
Đoạn 8: NÓI VỀ THỨC ĂN 553
Đoạn 9: NÓI VỀ PHÁP Y CA HI NA 583
QUYỂN 23 589
Phần 4: NÓI VỀ PHÁP DIỆT TRÁNH VÀ YẾT MA 589
Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP DIỆT TRÁNH 589
Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP YẾT MA 606
QUYỂN 24 618
Phần 4: NÓI VỀ PHÁP DIỆT TRÁNH VÀ YẾT MA 618
Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP YẾT MA (Tiếp Theo) 618
QUYỂN 25 653
Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V… 653
Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP PHÁ TĂNG 653
Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP NGỌA CỤ 668
QUYỂN 26 688
Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V… 688
Đoạn 3: NÓI VỀ TẠP PHÁP 688
QUYỂN 27 733
Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ v.v… 733
Đoạn 4: NÓI VỀ PHÁP OAI NGHI 733
QUYỂN 28 755
Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V… 755
Đoạn 5: NÓI VỀ PHÁP NGĂN BỐ TÁT 755

Đoạn 6: NÓI VỀ PHÁP BIỆT TRÚ 758
Đoạn 7: NÓI VỀ PHÁP ĐIỀU PHỤC 762
QUYỂN 29 782
Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V… 782
Đoạn 8: NÓI VỀ PHÁP TỲ KHEO NI 782
QUYỂN 30 813
Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V… 813
Đoạn 9: NÓI VỀ PHÁP NGŨ BÁCH KẾT TẬP 813
Đoạn 10: NÓI VỀ PHÁP THẤT BÁCH KẾT TẬP 824
SỐ 1422 845
DI SA TẮC NGŨ PHẦN GIỚI BỔN 845
BỐN PHÁP BA LA DI 847
13 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA 849
HAI PHÁP BẤT ĐỊNH 855
30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ 856
91 PHÁP BA DẬT ĐỀ 863
BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI 876
PHÁP CHÚNG HỌC 877
BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH 885
NGŨ PHẦN GIỚI BỔN (CŨNG GỌI LÀ DI TẮC GIỚI BẢN) 889
BỐN PHÁP BA LA DI 891
13 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA 893
HAI PHÁP BẤT ĐỊNH 897
30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ 898
90 PHÁP BA DẬT ĐỀ 903
BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI 911
BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH 919
SỐ 1423 927
NGŨ PHẦN TỲ KHEO NI GIỚI BỔN 927
TÁM PHÁP BA LA DI 929
17 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA 932
30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ 941
210 PHÁP BA DẬT ĐỀ 947
TÁM PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI 970
PHÁP CHÚNG HỌC 971
SỐ 1424 983

BỔN DI SA TẮC YẾT MA 983
I- DUYÊN KHỞI TÁC PHÁP 984
II- PHÁP KẾT GIẢI CÁC GIỚI 990
III- XẢ THỌ CÁC GIỚI 1000
IV- PHÁP Y DƯỢC THỌ TỊNH , THỌ TRÌ Y PHÁP: 1037
V- PHÁP TĂNG CÙNG BỐ TÁT 1043
VI- PHÁP TĂNG CÙNG AN CƯ. 1049
VII- PHÁP TĂNG TỰ TỨ 1051
VIII- PHÁP THỌ THÍ CHIA Y: 1055
IX- PHÁP SÁM HỐI CÁC TỘI 1067
SỐ 1425 1089
LUẬT MA HA TĂNG KỲ 1089
QUYỂN 1 1089
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1089
Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI 1089
1. GIỚI: DÂM DỤC 1089
QUYỂN 2 1143
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1143
Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo) 1143
1. GIỚI DÂM DỤC (Phần còn lại) 1143
2. GIỚI TRỘM CẮP 1163
QUYỂN 3 1191
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1191
Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo) 1191
2. GIỚI: TRỘM CẮP (Phần còn lại) 1191
QUYỂN 4 1271
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1271
Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo) 1271
3. GIỚI SÁT SINH 1271
4. GIỚI ĐẠI VỌNG NGỮ 1297
QUYỂN 5 1324
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1324
Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN 1324
1. GIỚI CỐ Ý LÀM XUẤT TINH 1324
2. GIỚI XÚC CHẠM NỮ NHÂN 1337
GIỚI NÓI NĂNG THÔ TỤC 1363
QUYỂN 6 1386
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1386

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 1386
GIỚI LÀM MAI MỐI 1386
GIỚI LÀM NHÀ QUÁ MỨC QUY ĐỊNH 1422
GIỚI KHÔNG MỜI TĂNG CHỈ CHỖ LÀM THẤT 1441
GIỚI VÌ TỨC GIẬN MÀ VU KHỐNG 1449
QUYỂN 7 1457
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1457
Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 1457
GIỚI XUYÊN TẠC ĐỂ HỦY BÁNG 1457
GIỚI PHÁ TĂNG HÒA HỢP 1461
GIỚI ĐỒNG LÕA VỚI NGƯỜI PHÁ TĂNG 1473
GIỚI BƯỚNG BỈNH 1483
GIỚI LÀM MẤT LÒNG TIN CỦA TÍN ĐỒ 1496
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1517
Đoạn 3: NÓI VỀ 2 PHÁP BẤT ĐỊNH 1517
GIỚI NGỒI CHỖ KHUẤT, CHỖ TRỐNG VỚI NGƯỜI NỮ 1517
QUYỂN 8 1525
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1525
Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ 1525
1. GIỚI CẤT Y DƯ QUÁ HẠN 1525
2. GIỚI RỜI Y MÀ NGỦ 1544
GIỚI CẤT VẢI QUÁ HẠN 1575
GIỚI NHẬN Y CỦA NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON 1581
QUYỂN 9 1589
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1589
Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo) 1589
GIỚI NHỜ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON GIẶT Y 1589
GIỚI XIN Y CỦA NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON 1596
GIỚI NHẬN VẢI QUÁ MỨC QUY ĐỊNH 1605
GIỚI KHUYÊN NGƯỜI CÚNG Y THEO Ý MÌNH 1614
GIỚI KHUYÊN HAI GIA ĐÌNH CHUNG TIỀN SẮM 1619
GIỚI ĐỔI TIỀN Y QUÁ SỐ LẦN QUY ĐỊNH 1620
GIỚI LÀM PHU CỤ LÔNG ĐEN 1628
GIỚI LÀM PHU CỤ THUẦN MÀU ĐEN 1634
GIỚI DÙNG TƠ TRỘN LÔNG LÀM PHU CỤ 1636
GIỚI DÙNG PHU CỤ CHƯA ĐỦ SÁU NĂM. 1640
GIỚI KHÔNG MAY MỘT MIẾNG CŨ TRÊN PHU CỤ MỚI 1645
GIỚI CẦM LÔNG DÊ ĐI QUÁ GIỚI HẠN 1648

GIỚI NHỜ TỲ KHEO NI GIẶT LÔNG DÊ 1652
QUYỂN 10 1657
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 1657
Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (tiếp theo) 1657
GIỚI CẦM CỦA TIỀN VÀNG BẠC 1657
GIỚI BUÔN BÁN 1670
GIỚI MUA BÁN VÀNG BẠC 1677
GIỚI CẤT BÁT THỪA QUÁ HẠN 1681
GIỚI BÁT CŨ CHƯA HƯ MÀ TÌM BÁT MỚI 1687
GIỚI CẤT THUỐC QUÁ HẠN 1695

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

LUẬT DI SA TẮC
BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

SỐ 1421

(QUYỂN 1→ 30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1421

LUẬT DI SA TẮC
BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

Hán Dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng
Phật Đà Thập người nước Kế Tân,
cùng Trúc Đạo Sinh.

QUYỂN 1

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ BỐN PHÁP BA LA DI

Từ nước Tu-lại-bà, Đức Phật cùng Đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị đến ấp Tỳ-lan-nhã và trú ngụ trong rừng cây. Ấp này có Bà-la-môn tên Tỳ-lan-nhã. Vua Ba-tư-nặc phong cho ông ta ấp này nên mang tên như thế. Ông ta nghe Đức Phật là giòng họ Thích xuất gia học đạo, thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thấu suốt hết mọi tâm niệm của thế gian, khéo giảng nói chánh pháp đầu, giữa, cuối đều mang đầy đủ ý nghĩa thiện, mùi vị thiện và hình tướng phạm hạnh thanh bạch, cùng các đệ tử du hóa đến ấp này. Tỳ-lan-nhã rất đỗi vui mừng thốt nên lời: "Lành thay! Ta nguyện xin bái

kiến Phật". Lập tức, ông ta cùng năm trăm quyến thuộc tiền hô hậu ủng đến nơi Phật đang cư ngụ. Từ xa trông thấy Đức Thế Tôn nơi rừng cây với ánh sáng đặc thù, các căn đều tịch định, ông ta rất hớn hở, xuống xe đi bộ về phía Đức Thế Tôn, cung kính hỏi chào rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì ông ta thuyết giảng pháp diệu khiến ông ta vui mừng vì lợi ích được chỉ bày. Từ tấm lòng hoan hỷ sau khi nghe pháp, ông ta liền bạch Phật:

Nguyện xin Phật và Tăng chúng nhận lời thỉnh của con đến an cư ba tháng để con được cúng dường.

Đức Phật dạy:

Đại chúng của Ta thì đông mà lòng tin của ông có khác, cách nhìn của ông có khác, niềm vui nơi tín ngưỡng của ông có khác, liệu được chăng?

Ông ta bạch Phật:

Tuy lòng tin của con có khác, cách nhìn và niềm vui có khác song đối với số chúng đông đảo của Thế Tôn thì không can gì!

Được ông thỉnh mời như vậy đến ba lần, Đức Phật mới nhận lời. Từ nơi chỗ ngồi đứng dậy, ông nhiễu quanh bên phải rồi cúi chào Phật ra về. Sau khi trở về nhà, ông cho chuẩn bị đầy đủ phẩm vật cúng dường an cư.

Lúc ấy, ma Ba-tuần nảy sinh ý niệm: "Nay

người Bà-la-môn này thỉnh cầu Phật và Tăng chúng về an cư ba tháng, ta phải gây độc hại làm mê loạn ý nghĩ của hắn". Ma liền thực hiện ý đồ. Bị ma làm mê hoặc, người Bà-la-môn này bèn lui vào trong nhà thọ hưởng dục lạc, ra lệnh cho người giữ cửa: "Ta nay muốn được nghỉ ngơi ba tháng trong khuôn viên nhà này, mọi sự việc bên ngoài dù xấu tốt gì cũng đều khỏi phải bẩm báo". Ông ta hoàn toàn không nhớ đến việc thỉnh Phật và Tăng chúng.

Đã một thuở, quốc độ này tin theo tà đạo nên khắp cả ấp chưa có một Tinh xá, giảng đường. Phía Bắc thành có núi, có rừng, có nhiều dòng nước chảy trong lành, Đức Phật cùng đại chúng lấy nơi đây làm chỗ an cư. Vào thời điểm ấy gặp lúc mất mùa, khó tìm được nơi khất thực, chư Tăng chia nhau vào các xóm để khất thực cũng không nhận được thức ăn gì. Cũng vào thời điểm ấy, ở nước Ba-lợi có người lái buôn ngựa, đưa năm trăm con ngựa đi tránh nắng đầu mùa Hạ, thấy nơi ấp này có dòng nước mát và cỏ tươi nên thu gom ngựa dừng lại nơi đây để cho chúng nghỉ ngơi ăn uống.

Đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo đến chỗ người chủ ngựa đứng im lặng (trong sự trầm mặc). Người chủ ngựa với tấm lòng thanh tịnh tin Phật, động lòng nghĩ đến các Tỳ-kheo khất thực không được, bèn từ tốn nói:

Tôi có loại lúa cho ngựa ăn, nếu quý thầy có

thể dùng được thì tôi bớt nửa phần, một thăng xin biếu quý vị, chắc có thể đủ nuôi sống mà hành đạo.

Các Tỳ-kheo nói:

Đức Phật chưa cho phép chúng tôi ăn phần lúa của ngựa.

Các Tỳ-kheo đem sự việc này bạch Phật. Và nhân đó, Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng rồi bằng nhiều cách, Ngài đề cao, khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc và nói trước các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau cho phép ăn phần lúa của ngựa.

Khi đó, Tôn giả A-nan nhận phần lúa của Phật rồi nhờ người làm bún cúng dường Đức Thế Tôn. Các chúng Tỳ-kheo trẻ thì tự giã nấu lấy để ăn.

Trong thời gian ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên từ chỗ vắng lặng sinh ý niệm: "Hiện nay trong quốc độ này việc khất thực khó được, ta nên cùng với các vị có thần thông đến xứ Uất-đơn-việt lấy thức ăn bằng lúa gạo tự nhiên". Với ý niệm này, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nơi Đức Phật đảnh lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên, kính cẩn thưa:

Bạch Thế Tôn! Trong con đã phát sinh ý nghĩ: "Hiện nay, nơi quốc độ này khất thực khó được, con sẽ cùng với các vị có thần thông đến xứ Uất-đơn-việt để lấy thức ăn bằng lúa gạo tự nhiên.

Đức Phật hỏi lại Tôn giả Mục-liên:

Riêng các thầy thì được rồi, còn đối với các Tỳ-kheo phàm phu thì giải quyết sao đây?

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

Con sẽ vận dụng thần lực để tiếp giúp cho họ. Đức Phật bảo:

Đừng, đừng làm như vậy! Thầy tuy có được thần lực nhưng đối với nhân quả của nghiệp đời trước thì bỏ vào đâu? Lại nữa, đối với phàm phu đời đương lai thì sao?

Tôn giả Mục-liên ghi nhận lời dạy này của Phật, trong tư thế đứng im lặng sâu lắng.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ nơi chỗ vắng lặng, suy nghĩ: "Các Đức Phật trong đời quá khứ, phạm hạnh của Đức Phật nào không được lâu dài? Phạm hạnh của Đức Phật nào được trụ lâu?

Sau khi suy nghĩ, Tôn giả Xá-lợi-phất bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, sụp lạy dưới chân Ngài rồi đứng lui qua một bên, kính cẩn bạch Phật:

Trong con đã gợi lên ý nghĩ: Các Đức Phật đời quá khứ, Đức Phật nào thì phạm hạnh không dài lâu? Đức Phật nào thì phạm hạnh trụ lâu?

Bấy giờ, Đức Phật hết lời khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất:

Lành thay! Lành thay! Ý nghĩa của thầy rất sâu xa, câu hỏi của thầy cũng thật hay. Này Xá-lợi-phất! Đức Phật Duy Vệ, Đức Phật Thi Khí, Đức Phật Tùy Diếp thì phạm hạnh không lâu dài. Đức Phật Câu Lâu Tôn, Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni,

Đức Phật Ca-diếp thì phạm hạnh lâu dài.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Do vì nguyên nhân nào mà phạm hạnh của ba Đức Phật ấy không được dài lâu, phạm hạnh của ba Đức Phật kia lại được bền vững?

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

Ba Đức Phật ấy không vì đệ tử giảng nói rộng chánh pháp, không kiết giới cũng không nói Ba-la-đề-mộc-xoa nên sau khi Phật và đệ tử vào Niết-bàn, các đệ tử bao gồm nhiều chủng tộc xuất gia, nên phạm hạnh nhanh chóng chấm dứt. Ví như trên chiếc bàn trải nhiều loại hoa, đem đặt ở ngả tư đường, gió từ bốn phương thổi đến, hoa tùy theo gió mà bay tứ tản. Tại sao vậy? Vì không có dây buộc giữ nó lại. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Ba Đức Phật ấy không vì đệ tử rộng giảng nói chánh pháp, không kiết giới, không nói Ba-la-đề-mộc-xoa, vì vậy phạm hạnh không được lâu dài. Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đức Phật Tùy Diếp cùng một ngàn đệ tử du hành đến rừng Khủng Bố, sở dĩ có tên gọi ấy là vì người chưa lìa dục mà vào rừng này thì lông trong người đều dựng ngược lên. Ngài đã vì đệ tử không dùng lời nói mà dùng tâm niệm thuyết pháp: Các Tỳ-kheo nên nghĩ như thế này, không nên nghĩa như thế kia, nên suy tư như thế này, không nên suy tư như thế kia, nên đoạn điều

này, nên tu điều này, nên y theo đây mà làm. Các Tỳ-kheo dùng tâm biết rõ như vậy rồi, các lậu liền dứt sạch, ý sáng tỏ đắc đạo quả A-la-hán.

Này Xá-lợi-phất! Đức Phật Câu Lâu Tôn, Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Đức Phật Ca-diếp vì đệ tử rộng giảng nói chánh pháp không biết mỏi mệt, như nói Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Già Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, Dục Đa Già Bà, Bổn Sinh, Tỳ Phú La, Vị Tằng Hữu, A Bà Đà Na, Ưu Ba Đề Xá, Kiết giới, nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Sau khi Đức Phật và đệ tử vào Niết-bàn, các đệ tử tuy nhiều giòng họ xuất gia nhưng phạm hạnh không sớm bị tiêu diệt. Ví như các loại hoa đã dùng sợi chỉ xâu kết lại để trên bàn, đem đặt ở ngả tư đường, dù có gió bốn phương thổi đến cũng không bay tứ tản được. Vì sao thế? Chính sợi chỉ xâu đã buộc giữ nó lại. Cũng như vậy, này Xá-lợi-phất! Ba Đức Phật này vì đệ tử rộng giảng nói các pháp như đã đề cập ở trên, chính vì thế mà phạm hạnh được bền vững.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

Kính bạch Thế Tôn! Nếu vì lẽ không rộng giảng nói pháp, không kiết giới, không nói Ba-la-đề-mộc-xoa mà phạm hạnh không được trụ lâu thì cúi xin Đức Thế Tôn vì các đệ tử rộng giảng nói pháp, kiết giới, nói Ba-la-đề-mộc-xoa, phải chăng chính nay đã đúng lúc?

Đức Phật dạy:

Thôi đi! Ta tự biết khi nào thì đúng lúc. Này Xá-lợi-phất! Trong chúng thanh tịnh của Ta chưa có và cũng chưa hề xảy ra sự việc gì, kẻ thấp nhất cũng đắc quả Tu-đà-hoàn, đủ chứng minh sự trong sạch trong chúng của Ta rồi. Các Đức Phật Như Lai chưa bao giờ kiết giới cho hàng đệ tử khi các pháp hữu lậu chưa phát sinh. Trong chúng của Ta đây chưa có ai cậy cho mình là đa văn nên không sinh các lậu hoặc, chưa hề có ai mang tiếng vì lợi dưỡng, chưa hề có người có nhiều ham muốn, chưa hề có người hiện thần túc cho trời, người quen biết nên không phát sinh các lậu hoặc.

Bấy giờ đã hết ba tháng an cư, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

Ông và Ta cùng đến chỗ Tỳ-lan-nhã.

Tôn giả A-nan vâng lời, y phục tề chỉnh theo hầu Phật. Khi đến cửa ngõ, lúc Bà-la-môn đang thọ hưởng dục lạc, từ trên lầu cao trông thấy Đức Thế Tôn, ông ta liền sực nhớ, vội vàng xuống lầu lau chỗ ngồi, cung thỉnh Phật an tọa. Ông ta gieo năm chi thể sát đất, đảnh lễ Phật, hối hận tự trách:

Con là người ngu si, đã thỉnh Phật an cư mà không cúng dường. Không phải con có lòng tiếc rẻ cũng không phải thiếu phương tiện, chỉ vì con đã quên mất không còn nhớ. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận cho con sự sám hối này.

Đức Phật dạy:

Ông quả là ngu si, thỉnh Phật và Tăng mà không cúng dường, sám hối là điều hợp lý. Nay Ta và chúng Tăng nhận sự sám hối của Ông.

Đức Phật lại bảo Bà-la-môn.

Trong Thánh pháp của người biết sám hối thì pháp thiện được tăng trưởng.

Người Bà-la-môn lại bạch Phật:

Nguyện xin Phật và Tăng lưu lại đây một tháng để con được cúng dường.

Đức Phật không nhận, lại có lời dạy:

- Ông là người Bà-la-môn lòng tin có khác, nhận thức có khác nhưng ông đã có thể thỉnh được Phật rồi, đó là việc lớn.

Bà-la-môn ba lần thỉnh mời như vậy, Đức Phật đều không nhận lời, Ngài nói:

Ta đã an cư nơi đây ba tháng, nay cần du hóa, không thể ở lại được.

Người Bà-la-môn lại tha thiết bạch Phật:

Cúi xin Đức Thế Tôn nhận bữa cơm cúng dường tiễn đưa của con vào ngày mai.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Ngay trong đêm đó, Bà-la-môn cho chuẩn bị đầy đủ các thức ăn thượng vị.

Sáng ngày sau, đến gần thời thọ thực, ông ta trải phu cụ lên tòa ngồi rồi đúng thời thỉnh Phật quang lâm. Đức Thế Tôn cùng chúng đệ tử đến đông đủ rồi an tọa nơi các chỗ ngồi. Bà-la-môn Tỳ-

lan-nhã sau khi thiết lễ tác bạch cúng dường, đích thân hầu hạ dâng từng món ăn, lại tận tay đem nước đến. Sau khi ăn xong, ông ta dâng cúng lên Phật bốn trương vải Kiếp bối và một đôi dép, còn chúng Tăng hai trương vải Kiếp bối và một đôi dép. Đây gọi là phẩm vật cúng dường an cư. Các Tỳ-kheo nói:

Đức Phật chưa cho chúng tôi nhận phẩm vật cúng dường an cư.

Nhân sự việc này, các Tỳ-kheo thỉnh thị ý kiến Phật. Đức Phật đã hết lời đề cao khen ngợi hạnh tri túc, thiểu dục, đề cao giới khen ngợi người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo:

Nhân sự cúng dường của Tỳ-lan-nhã, từ đây về sau cho phép nhận phẩm vật an cư.

Phẩm vật cúng dường của Tỳ-lan-nhã, đã được phép, các Tỳ-kheo thọ nhận.

Về phía người Bà-la-môn, tâm ông vô cùng hoan hỷ. Ngồi trên chiếc ghế nhỏ đối diện với Đức Phật, ông ta lắng nghe Đức Phật nói kệ tùy hỷ:

Tất cả sự thờ cúng
Thờ lửa là hơn hết
Các học thuyết khác biệt
Tát Bà Đế cao nhất.
Trong tất cả hạng người
Vua Chuyển Luân hơn hết
Nước trong mọi dòng chảy

Nước biển cả nhiều nhất.
Mọi nguồn sáng chiếu rọi
Nguồn trời, trăng sáng nhất
Phước cả thế gian này
Ruộng phước Phật là nhất.

Ngay sau khi nói kệ này, Đức Thế Tôn thuyết pháp. Người Bà-la-môn vui mừng vì điều lợi ích được Đức Phật chỉ rõ ràng.

Rời ấp Tỳ-lan-nhã, Đức Phật cùng chúng Đại Tỳ-kheo đi về nước Tăng-già-thi, du hóa khắp cả nước này, sau cùng đến Tỳ-xá-ly trú tại giảng đường Trùng các bên bờ sông Di-hầu. Tại đây bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng quốc vương, Đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Ngài.

Bấy giờ, các trưởng giả người ấp Ca-lan-đà nhân có sự việc vào thành, nghe Đức Phật -Thế Tôn ở tại giảng đường Trùng các, nên cùng rủ nhau đến chỗ Phật. Họ trông thấy Đức Phật Thế Tôn đang giảng nói pháp trước một rừng người, đủ mọi tầng lớp vây quanh. Trong rừng người ấy có con trưởng giả Ca-lan-đà tên là Tu-đề-na, Tu-đề-na nghe pháp rất hoan hỷ, liền gợi lên ý nghĩ: Như lời Phật dạy đã lý giải cho ta thấy: "Phàm người tại gia thì bị ân ái ràng buộc không thể trọn đời tu phạm hạnh được. Xuất gia không bị đắm vướng, ví như hư không. Nay ta đâu có thể đặt lòng tin vào gia đình mà phải xuất gia tu đạo".

Chúng hội ra về, Tu-đề-na đến trước Đức Phật, đảnh lễ sát chân và thưa:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Con đã hết lòng nghe Ngài thuyết pháp, trong con gợi lên ý niệm: "Như lời Phật dạy đã lý giải cho thấy: Phàm người tại gia thì bị ân ái ràng buộc, không thể trọn đời tu phạm hạnh. Xuất gia không bị đắm vướng ví như hư không. Nay con đâu có thể đặt lòng tin vào gia đình mà phải xuất gia tu đạo". Kính bạch Đức Thế Tôn! Con đã có ý niệm như vậy, nay muốn xuất gia, cúi xin Ngài nhận cho con được xuất gia thọ giới.

Đức Phật dạy:

Tốt lắm, nhưng cha mẹ của con đã cho phép hay chưa?

Dạ thưa chưa được phép, Tu-đề-na kính cẩn đáp lời.

Đức Phật dạy:

Theo pháp của Phật, cha mẹ không cho phép thì không được nhận vào đạo.

Tu-đề-na liền bạch Phật:

Nay con xin trở về để xin phép cha mẹ.

Đức Phật dạy:

Con nên thực hiện ngay.

Tu-đề-na nhanh nhẹn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh bên phải ba vòng rồi trở về nhà. Tu-đề-na thưa với cha mẹ:

Con nghe Đức Phật dạy: Tại gia luôn bị ràng

buộc chặt chẽ, nay con xin phép cha mẹ được xuất gia tu phạm hạnh.

Cha mẹ gạt ngay:

Thôi đi Tu-đề-na! Con đừng nói điều đó. Trước đây cha mẹ không có con, tế cúng cầu khẩn thần kỳ mới có được mụn con. Con là đứa con duy nhất của cha mẹ, tình thương của cha mẹ đối với con quá ư sâu nặng, dù chết cũng không muốn xa nhau, huống chi là sống biệt ly. Nhà mình nhiều của cải, vàng bạc, châu báu, con cứ tu phước theo ý muốn, với đời tận hưởng thú vui, không phiền gì phải xuất gia để lòng thương của cha mẹ bị tan nát.

Ba lần khẩn thiết cầu xin, cha mẹ vẫn không hứa nhận, Tu-đề-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, một mình đến ở nơi chốn vắng vẻ lập lời thề: "Nếu không được xuất gia, dứt khoát không bao giờ ăn uống, đối với nguyện này thà chết, đâu cần phải sống uổng phí". Tu-đề-na không ăn cho đến ngày thứ sáu. Thân thích nghe tin động lòng đến khuyên bảo.

Cha mẹ anh chỉ có một mình anh là con, tình thương rất là sâu nặng, chết không còn muốn xa lìa, huống chi là sống mà biệt ly. Nhà anh quá giàu có, có thể gieo trồng phước đức, đạo do nơi tâm chứ đâu ở nơi hình thức áo quần, hà tất phải sống với khổ cực, làm ngược lại ý của cha mẹ.

Khuyến dụ như vậy đến Ba lần, Tu-đề-na vẫn

im lặng điềm nhiên không trả lời.

Bấy giờ tới lượt các bạn bè cùng đến, dùng hết lời can gián tha thiết như trên, cũng bị thất bại như vậy, tất cả đều rút lui.

Họ đến chỗ cha mẹ Tu-đề-na, đều nói:

Theo nhận xét của chúng tôi, không thể thuyết phục làm lay chuyển được Tu-đề-na. Tốt hơn ông bà nên cho phép Tu-đề-na xuất gia, theo thời gian sẽ thấy rõ, người không vui sống với đạo ắt sẽ quay về, ngày ấy không xa, chứ đã trên sáu ngày tuyệt thực rồi, mạng sống mong manh, trong vài ngày nữa ắt phải đem bỏ nơi hoang dã, mặc cho chim quạ, cọp beo tranh nhau xâu xé. Làm cha, làm mẹ sao nỡ nhẫn tâm trước thảm cảnh này.

Cha mẹ Tu-đề-na ngậm ngùi nuốt lệ nói:

Đành phải chấp nhận cho con tôi xuất gia tu phạm hạnh, nhưng làm thế nào phải hứa có thời gian trở về nhà để thăm viếng.

Thân thuộc bạn bè nghe ý kiến ấy đều vui mừng nhẹ nhõm, liền đến báo cho Tu-đề-na hay:

Cha mẹ anh đã cho phép anh xuất gia rồi, nhưng đừng quên là về nhà thăm viếng.

Tu-đề-na rất đỗi vui mừng đến gặp cha mẹ và thưa:

Nay con đến với Đức Phật xuất gia tu đạo. Cha mẹ nước mắt chảy ròng buồn rầu nói:

Cha mẹ đồng ý cho con xuất gia tu phạm hạnh

nhưng phải hứa đừng quên về nhà thăm cha mẹ.

Tu-đề-na ghi nhận, bái từ cha mẹ, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở lại với Đức Phật, Tu-đề-na đảnh lễ sát chân Ngài rồi thưa:

Kính bạch Thế Tôn! Cha mẹ con đã cho phép rồi, cúi xin Ngài cho con xuất gia thọ giới.

Đức Phật dạy:

Lại đây, này Tỳ-kheo để tu các phạm hạnh! Ta thuyết pháp hoàn hảo để đoạn trừ tất cả khổ ách.

Sau khi nghe Phật thuyết giáo, tóc râu Tu-đề-na tự rụng, thân khoác áo cà sa, tay bưng bình bát trở thành Sa-môn, đắc giới Cụ túc.

Xuất gia chưa được bao lâu gặp lúc mất mùa, các Tỳ-kheo vào thành khất thực đều không nhận được thức ăn. Trong chỗ thanh vắng, Tu-đề-na khởi lên ý nghĩ: "Hiện nay mất mùa, khất thực khó lòng ai cho, nơi quê nhà ta thức ăn lại dư dật, ta nên đưa các Tỳ-kheo về lại bổn ấp để được cúng dường tu phước, cơ hội tốt để độ giòng họ ta".

Với suy nghĩ ấy, Tu-đề-na từ chỗ ngồi đứng dậy rồi cùng các Tỳ-kheo trở về quê quán, trú trong rừng cây.

Hay tin này, cha mẹ Tu-đề-na hối thúc người con dâu:

Con phải trang điểm hết sức lộng lẫy với y phục mà con ta khi còn ở nhà đắc ý nhất.

Trang điểm xong cha mẹ đưa con dâu mình đến

khu rừng, nơi trú ngụ của các Tỳ-kheo. Trông thấy cha mẹ đến, Tu-đề-na đứng lên tiếp đón chào hỏi. Cha mẹ Tu-đề-na nói với lời lẽ khó chịu:

Tại sao con phải tự hủy thân mình nơi rừng sâu thế này? Con hãy bỏ đạo trở về nhà tu thiện?

Tu-đề-na ôn tồn thưa với cha mẹ:

Con không thể bỏ đạo trở về nhà sống đời sống thấp kém như thế!

Có đến Ba lần cha mẹ khẩn khoản như vậy, song Tu-đề-na vẫn sắt son kiên định. Cha mẹ Tu-đề-na đành ngậm ngùi ra về.

Con dâu của ông bà trưởng giả Ca-lan-đà, tính theo nguyệt thủy, biết số ngày "Không an toàn" liền thưa với mẹ chồng. Bà mẹ chồng vui mừng nói: "Đó là thời kỳ có thể thụ thai". Bà ta khuyên con dâu trang điểm mặc y phục lộng lẫy như trước. Cha mẹ lại đưa con dâu đến khu rừng các Tỳ-kheo đang trú ngụ. Tu-đề-na chào hỏi như lần trước. Song thân lại nói:

Tại sao con lại tự hủy hoại thân hình mình nơi rừng cây này? Tại sao con phải chấp nhận gió sương, đói khát, lạnh lẽo, khốn khổ ấy? Nhà con giàu có, thiên hạ đều biết. Chỉ riêng về số châu báu của phần con đã chất cao quá đầu người, huống chi là của cải nơi cha mẹ gộp lại thì vô số, ai có thể sánh kịp. Con hãy trở về nhà tha hồ tu thiện. Hiện tại, với đời thọ hưởng thú vui, về sau lại hưởng cả

phước đức.

Tu-đề-na thưa với cha mẹ:

Như chỗ con biết thì năm dục làm tổn hại đến đức, hoan lạc chỉ trong chớp nhoáng mà ưu khổ thì lại kéo dài mãi, con không vì thế mà bỏ tu phạm hạnh.

Chiêu dụ đến ba lần nhưng Tu-đề-na vẫn trả lời kiên quyết như vậy. Song thân lại nói:

Con tuy là con của ta, nay theo giòng họ Thích đó là đạo trái với ta, đâu còn lời gì để nói. Nghiệt một nỗi, tổ tiên thôi người kế thừa, nghĩa tình này nặng lắm con ơi! Theo luật nước không có người thừa kế thì toàn bộ tài sản thuộc về nhà quan. Cha mẹ đã chuẩn bị cả rồi, con đâu biết rằng tất cả kỳ vọng đều đặt nơi con là người kế tục giòng họ. Con hãy nghĩ kỹ về điều ấy! Cha mẹ đã nói hết lời rồi đó!

Khi nghe lời nói này Tu-đề-na bùi ngùi khóc, mặc nhiên chấp nhận, ông ta cùng với người vợ quay về chốn cũ. Tại bổn thất ba lần trở lại đường cũ hành dâm. Trong bối cảnh này, liền có vị thần hạ sinh ấy là vị trời Đại-oai-đức, nơi cõi Đâu Suất, mạng chung nhập vào thai.

Bấy giờ, Địa thần báo với thần Hư không: “Con của Ca-lan-đà ở trong chúng Tăng chưa từng sánh, lại làm cái việc chưa từng có”. Thần Hư không báo cho Tứ Thiên vương. Tứ Thiên vương báo cho Đao

lợi Thiên và lần lượt báo cho nhau đến trời Phạm thiên. Vợ Tu-đề-na đủ tháng sinh con, thông minh đặt tên là Tục-chủng, lớn lên xuất gia tu thành bậc A-la-hán.

Khi đã phạm phải điều ác rồi, Tu-đề-na liền tự hối trách: "Nay ta đánh mất điều ích lợi. Tại sao xuất gia trong chánh pháp của Đức Phật mà không tu phạm hạnh một cách rốt ráo, để rồi phải xanh xao, mất hết khí lực thế này?". Các Tỳ-kheo thấy vậy hỏi:

Trước kia sắc diện thầy rất tốt, tại sao nay lại tiều tụy như thế? Phải chăng thầy đã không vui với phạm hạnh? Phải chăng đã phạm phải tội ác?

Tu-đề-na trả lời:

Tôi đã phạm phải tội ác nên mới ra nông nỗi này! Các Tỳ-kheo liền hỏi tiếp:

Thầy phạm tội ác gì vậy? Tu-đề-na đáp:

Tôi đã cùng với bổn nhị làm hạnh bất tịnh. Các Tỳ-kheo nói:

Việc thầy làm là bất thiện, chẳng phải hạnh thanh tịnh, chẳng phải pháp của Sa-môn, không tùy thuận chánh đạo.

Hằng loạt quở trách Tu-đề-na như thế và sau khi quở trách đúng như lời Phật dạy, các Tỳ-kheo đưa Tu-đề-na đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Phật sự việc xảy ra. Đức Phật vì sự việc này, tập hợp các Tỳ-kheo Tăng. Pháp thông lệ của chư Phật có

trường hợp biết mà vẫn hỏi, có trường hợp biết mà không hỏi, biết hỏi đúng lúc, không đúng lúc không hỏi, hỏi khi có lợi ích, không lợi ích thì không hỏi. Thường pháp của chư Phật là có năm trăm vị thần Kim cang hộ vệ ở hai bên. Nếu Đức Phật hỏi ba lần mà không trả lời như thật thì đầu bị đập vỡ làm bảy phần. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

Các thầy muốn nói điều gì?

Các Tỳ-kheo trình bày lại vấn đề. Đức Phật hỏi Tu-đề-na:

Thật sự ông có làm như vậy không? Tu-đề-na thưa:

Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật dạy:

Ông là người ngu si, làm điều bất thiện, chẳng phải hạnh thanh tịnh, chẳng phải pháp của Sa-môn, không tùy thuận chánh đạo. Điều này không thể khiến cho người chưa tin, tin theo được, khiến cho người đã tin bị giảm sút lòng tin. Ông há không nghe Ta từng lập đi, lập lại sự quở trách về dục, tưởng dục, cảm giác dục, lửa dục và khen ngợi sự đoạn dục, xa lìa tưởng dục, trừ cảm giác dục, diệt lửa dục hay sao? Ta thường nói: Dục như đống xương đỏ, như hầm lửa lớn, như dao sắc bén, như mũi tên nhọn, như rắn độc, như thuốc độc, như huyễn, như mộng làm mê hoặc con người. Tại sao nay ông lại làm việc ác lớn như vậy? Ông đâu

không nghe chỗ cốt yếu pháp Ta nói là cho người ta chưa lìa dục được lìa dục, người phóng dật khiến không phóng dật, có khả năng đoạn khát ái, xa lìa pháp hữu vi, là bậc vô học lìa dục hướng đến đạo vô vi, chỉ vẽ cho người con đường chính để cuối cùng đạt đến Niết-bàn hay sao? Ông đâu không sợ cái khổ của ba đường ác? Nếu ông không làm điều đại ác này, trong chánh pháp của Ta ắt sẽ được vô lượng điều công đức thiện. Ông là người đầu tiên mở cửa lậu hoặc, làm điều đại ác này. Ma Ba-tuần thường dò xét mọi lỗi lầm của các Tỳ-kheo, nay ông lại mở ra cho ma con đường tắt, xô ngã cờ pháp, xây dựng ngọn cờ đầu cho ma. Này Tu-đề-na! Thà là đem phần thân xác này để vào trong lò lửa lớn hay miệng rắn độc, chớ không nên đem nó xúc chạm đến thân người nữ. Việc ác ông đã phạm, vĩnh viễn trôi lăn trong đường sinh tử, hoàn toàn không thể nuôi lớn pháp thiện.

Sau khi Đức Phật bằng lòng thương, bằng sự nghiêm khắc quở trách Tu-đề-na rồi bảo các Tỳ-kheo:

Nay Ta vì các Tỳ-kheo mà kiết giới. Việc kiết giới có mười điều lợi. Mười điều lợi ấy là những gì?

Tăng hòa hợp.
Thâu tóm chúng Tăng.
Điều phục người ác.
Người có hổ thẹn được an lạc.

Đoạn lậu hoặc đời này.
Đoạn lậu hoặc đời sau.
Khiến người chưa tin tin tưởng.

Người đã tin rồi càng được tăng trưởng mở rộng lòng tin.

Chánh pháp trụ lâu.

Phân biệt Tỳ-ni khiến phạm hạnh lâu bền.

Từ nay giới này được nói như sau: *"Nếu Tỳ-kheo nào hành pháp dâm dục thì phạm Ba-la-di, không được sống chung"*.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Có Tỳ-kheo A-lan-nhã sống một nơi thanh vắng, ở đấy có bầy khỉ sống gần bên Tỳ-kheo. Lúc này có một Tỳ-kheo khởi niệm nghĩ đến con khỉ cái, đã dùng thức ăn dụ nó để cùng hành dâm. Sau đó, có nhiều Tỳ-kheo đi tuần xét ngọa cụ đến trú xứ của Tỳ-kheo này. Trong khi Tỳ-kheo ấy vào thành khất thực, con khỉ cái kia đến chỗ các Tỳ-kheo biểu hiện tướng dâm dục. Các Tỳ-kheo cùng tuần xét ấy có chung nhận định: "Xét hiện tướng của con khỉ cái này ắt có vấn đề". Và hiện trạng của vấn đề ấy đã xảy ra trước sự dò xét kín đáo của các Tỳ-kheo: Không bao lâu Tỳ-kheo ở nơi trú xứ này khất thực trở về, con khỉ cái liền đến hiện tướng thọ dục, ngay lúc ấy Tỳ-kheo kia cùng với con khỉ cái hành dâm…

Thấy rõ vấn đề, các Tỳ-kheo nói:

Thầy không nghe Đức Phật kiết giới: Tỳ-kheo

hành dâm dục phạm Ba-la-di hay sao?

Thầy ta liền đáp:

Phật cấm hành dâm với người nữ chứ đâu cấm với súc sinh. Các Tỳ-kheo vặn lại:

Người nữ với súc sinh có khác gì đâu? Thầy đã làm việc bất thiện, chẳng phải hạnh thanh tịnh, chẳng phải pháp Sa-môn, không hợp với chánh đạo. Chính việc làm này không thể khiến người chưa tin có được lòng tin, người đã có lòng tin rồi khiến họ thoái lui. Thầy đâu lại không nghe Đức Thế Tôn từng nhiều lần quở trách về dục, tưởng dục, cảm xúc về dục, lửa dục… (như trên).

Sau khi quở trách, các Tỳ-kheo đưa Tỳ-kheo ấy đến trước Phật trình bày đầy đủ mọi sự việc đã xảy ra. Nhân sự việc này, Đức Phật cho tập hợp các Tỳ-kheo Tăng. Ngài hỏi Tỳ-kheo ấy:

Thật sự thầy có làm như vậy không? Tỳ-kheo ấy thưa:

Bạch Thế Tôn, thật đúng như vậy. Đức Phật dạy:

Thầy là người ngu si, việc làm của thầy là phi pháp.

Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách như trên, rồi bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau giới này được nói như sau: *"Nếu Tỳ-kheo hành*

pháp dâm dục, kể cả loài súc sinh, phạm Ba-la-

di, không được sống chung”.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ có số đông trong chúng Tỳ-kheo không vui thích với đời sống phạm hạnh, cùng nhau nói: “Xuất gia trong pháp của Phật thật là khổ sở. Chúng ta nên cùng nhau làm nghi pháp của bạch y, nghi pháp của ngoại đạo, làm việc của bạch y, làm việc của ngoại đạo, đúng thời cũng vào xóm, không đúng thời cũng vào xóm, làm việc sát sinh, trộm cắp, dâm dục, uống rượu, ăn thịt, ngày đêm xem hát, ca xướng tự do vui thích”. Số Tỳ-kheo này nói năng hành động như thế, không có sự xấu hổ nào cả. Trong khi ấy, các Tỳ-kheo trì giới, thiểu dục, tri túc, bằng mọi cách quở trách số Tỳ-kheo ấy rồi đưa họ đến trước Phật trình bày mọi sự việc đã xảy ra. Nhân việc này, Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Ngài hỏi:

Các thầy thật có nói như vậy không?

Các Tỳ-kheo thưa:

Bạch Thế Tôn! Thật đúng như vậy.

Đức Phật bằng lời lẽ nghiêm khắc quở trách:

Các thầy không được nói làm theo nghi pháp của ngoại đạo, làm theo nghi pháp của bạch y. Nếu nói, làm theo nghi pháp của ngoại đạo thì mỗi lời nói phạm một Thâu-lan-giá, làm theo nghi pháp bạch y thì phạm Đột-kiết-la.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy có Tỳ-

kheo sống nơi ấp Bạt-kỳ tên là Tôn-đà-la-nan-đà được nhiều người quen biết ở đây cúng dường, cung kính nhưng không vui thích tu phạm hạnh, làm theo nghi pháp của ngoại đạo, nghi pháp của bạch y, làm việc sát sinh, trộm cắp, dâm dục và mọi việc ác khác. Đối với các cư sĩ không có lòng tin ưa thích Phật pháp bèn chê bai: "Tại sao Sa-môn Thích tử lại làm các điều ác như vậy!". Họ báng bổ khắp nơi. Tỳ-kheo Tôn-đà-la cũng thọ năm dục lạc. Các Tỳ-kheo này không có hạnh Sa-môn, không có hạnh Bà-la-môn, không thọ pháp Sa-môn, không thọ pháp Bà-la-môn. Các Tỳ-kheo này, nơi nào họ không đến, nơi đó có được điều thiện, điều lợi lạc. Tiếng xấu ác của họ như thế là lan truyền khắp thiên hạ. Khi ấy, Tôn-đà-la trở lại trong chúng tác bạch: "Cho tôi xuất gia, thọ giới". Các Tỳ-kheo nói: "Cần phải bạch Đức Thế Tôn", rồi các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Nhân sự việc này Đức Phật cho tập hợp các Tỳ-kheo Tăng và bảo:

Tôn-đà-la chẳng phải là Tỳ-kheo, nếu đã thọ giới thì Bạch-tứ-yết-ma tác pháp diệt tẫn. Vị Thượng tọa hay tương đương cấp bậc Thượng tọa biết pháp luật nên tác bạch như sau:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Tôn-đà-la giới bị sút kém, không xả, hành pháp dâm dục. Nay Tăng tác pháp Yết-ma-diệt tẫn Tỳ-kheo Tôn-đà-la. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đây là lời tác bạch".

"Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Tôn-đà-la giới sút kém, không xả, hành pháp dâm dục. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo Tôn-đà-la pháp Yết-ma-diệt tẫn. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói". Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

"Tăng đã trao cho Tỳ-kheo Tôn-đà-la pháp diệt tẫn rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy".

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Nếu Tỳ-kheo nào nói, làm theo nghi pháp bạch y, nghi pháp ngoại đạo thì không gọi là xả giới. Nếu miệng nói: "Tôi xả giới" như vậy là xả giới. Từ nay về sau, giới này được nói như sau: "Nếu Tỳ-kheo cùng các Tỳ-kheo đồng học giới pháp, giới sút kém, không xả, hành pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sinh, Tỳ-kheo như vậy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung".

Tỳ-kheo có nhiều hạng: Tỳ-kheo khất thực, Tỳ-kheo mặc y hoại sắc cắt rọc, Tỳ-kheo phá ác, Tỳ-kheo chân thật, Tỳ-kheo kiên cố, Tỳ-kheo thấy được lỗi lầm, Tỳ-kheo một lời thọ giới, Tỳ-kheo hai lời thọ giới, Tỳ-kheo ba lời thọ giới, Tỳ-kheo khéo đi đến thọ giới, Tỳ-kheo như pháp Bạch-tứ-yết-ma thọ giới. Như vậy gọi là Tỳ-kheo.

Đồng học: Như lời Phật dạy trọn đời không phạm, đồng học những học xứ như vậy gọi là đồng

học.

Giới pháp: Giới đã thọ không có khiếm khuyết, không phát sinh pháp giới ác, thành tựu pháp giới thiện, định cộng giới.

Giới sút kém không xả: Xả giới khi ngủ, hướng đến người ngủ xả giới. Xả giới khi say, hướng đến người say xả giới. Xả giới khi cuồng, hướng đến người cuồng xả giới, hướng đến người tâm tán loạn xả giới, xả giới với tâm bệnh hoạn, hướng đến người tâm bệnh hoạn xả giới, hướng đến không phải chúng sinh, hướng đến không phải người, hướng đến súc sinh xả giới, sai sứ viết thư xả giới, ra dấu xả giới, cử động tay xả giới, nói lời tương tợ xả giới. Một mình tưởng một mình, một mình không tưởng là một mình, không phải một mình tưởng một mình xả giới. Người nói tiếng vùng giữa nước hướng đến người biên địa, người nói tiếng biên địa hướng đến người vùng giữa nước xả giới, vui đùa xả giới, nói lời bất định xả giới, tâm giận xả giới, cưỡng bức xả giới, không nên hướng đến người để xả giới mà nói xả giới. Tất cả điều nêu trên không gọi là xả giới. Không nói lên lời xả giới thì không gọi là xả giới. Như vậy gọi là không xả giới. Ngược lại với trên là xả giới. Hoặc giới sút kém nhưng chẳng phải là xả giới, hoặc xả giới nhưng chẳng phải sút kém, hoặc giới sút kém cũng là xả giới, hoặc chẳng phải giới sút kém cũng chẳng phải xả giới.

Thế nào là giới sút kém nhưng chẳng phải là xả giới? Nếu Tỳ-kheo không ưa tu phạm hạnh, hay không thích tu phạm hạnh mà còn kính Phật, Pháp, Tăng, kính giới, kính pháp Sa-môn, kính pháp Tỳ-kheo, kính Tỳ-ni, kính Ba-la-đề-mộc-xoa, kính Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, A-xà-lê, kính người đồng phạm hạnh, không hủy Tam tôn, mà nhờ xóm làng, vườn tược, ao hồ, núi rừng, cây cối, cha mẹ, anh chị em, con trai, con gái cho đến đứa ăn, đứa ở v.v… nhớ nghĩ như vậy, sầu ưu không vui, suốt đời không phạm đến phạm hạnh, như vậy gọi là giới sút kém nhưng chẳng phải là xả giới.

Thế nào là xả giới nhưng chẳng phải là giới sút kém? Nếu Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, và tuy không thích tu phạm hạnh nhưng còn kính Phật cho đến kính người đồng phạm hạnh. Vị ấy với ý nghĩ muốn làm Sa-di, hoặc Ưu-bà-tắc, cho đến muốn làm Phạm chí ngoại đạo, chẳng phải Sa-môn Thích tử. Vị ấy lại nghĩ: "Nay ta muốn xả Phật, Tăng, xả giới, xả Tỳ-ni, xả Ba-la-đề-mộc-xoa, xả Hòa thượng, xả A-xà-lê, đồng Hòa thượng, A-xà-lê, xả người đồng phạm hạnh, rồi liền nói như vầy: "Nay tôi xả Phật, Phật có ích gì? Phật có nghĩa gì? Nay tôi thoát khỏi Phật", cho đến nói: "Nay tôi được thoát khỏi người đồng phạm hạnh". Vị ấy lại nói: "Tôi thích hợp với nếp sống chẳng phải Sa-môn Thích tử". Phỉ báng Phật, Pháp, Tăng như vậy

cho đến phỉ báng người đồng phạm hạnh, khởi lên các ý niệm như thế, đối với trước một người lòng nghĩ, miệng nói như thế thì gọi là xả giới nhưng chẳng phải là giới sút kém.

Thế nào gọi là giới sút kém cũng là xả giới? Nếu Tỳ-kheo không ưa tu phạm hạnh, ít kính Phật, Pháp, Tăng, cho đến ít kính người đồng phạm hạnh, nhớ nghĩ làng xóm cho đến đứa ăn, đứa ở, nghĩ như sau: "Nay ta muốn xả Phật, Pháp, Tăng cho đến xả người đồng phạm hạnh", rồi liền nói: "Nay tôi xả Phật, Phật có ích gì? Phật có nghĩa gì? Nay tôi đối với Phật được thoát khỏi, cho đến thoát khỏi người đồng phạm hạnh". Vị ấy lại nói: "Tôi thích sống chẳng phải Sa-môn Thích tử". Hủy báng Phật, Pháp, Tăng như vậy, cho đến hủy báng người đồng phạm hạnh, khởi các ý niệm như thế rồi hướng đến người, tâm nghĩ miệng nói như thế thì gọi là giới sút kém cũng là xả giới.

Thế nào gọi là chẳng phải giới sút kém, cũng chẳng phải xả giới? Nếu Tỳ-kheo đối với giới mình đã thọ, kiên trì không xả, không động, không chuyển. Như vậy gọi là chẳng phải giới sút kém, cũng chẳng phải xả giới.

Hành pháp dâm dục: Pháp dâm dục tức là chẳng phải là pháp phạm hạnh, là pháp biếng trễ, là pháp đáng ghét. Hai thân giao hợp, xuất bất tịnh là thực hiện pháp dâm dục.

Ba-la-di: Tức là pháp đọa, pháp ác, pháp đoạn đầu, chẳng phải pháp của Sa-môn.

Không sống chung: Như trước kia còn là bạch y, không được cùng với Tỳ-kheo học một loại, học như nhau, học không như nhau, học không cùng loại. Không cùng với Tỳ-kheo Yết-ma một loại, Yết-ma như nhau, Yết-ma không như nhau, Yết-ma không cùng loại. Không

cùng với Tỳ-kheo cùng thuyết giới, thuyết giới như nhau, thuyết giới không như nhau, thuyết giới không cùng loại. Như vậy gọi là không sống chung.

Các Đức Phật Thế Tôn khéo nói chánh pháp, cũng khéo nói thí dụ: Người phạm dâm dục như cây kim bị sứt phần, không thể dùng được, như người đã chết không thể sống lại, như hòn đá bị vỡ không thể hợp lại, như cây Đa-la chặt đứt đọt không thể sống lại. Tỳ-kheo nào cùng ba loại chúng sinh sau đây hành dâm thì phạm Ba-la-di: nhân, phi nhân, súc sinh. Tỳ-kheo cùng ba giống cái hành dâm phạm Ba-la-di: nữ nhân, nữ phi nhân, súc sinh cái. Cùng ba giống đực: nam nhân, nam phi nhân, súc sinh đực. Ba loại huỳnh môn: nhân huỳnh môn, phi nhân huỳnh môn, súc sinh huỳnh môn. Ba loại vô căn: nhân vô căn, phi nhân vô căn, súc sinh vô căn. Ba loại hai căn: người hai căn, phi nhân hai căn, súc sinh hai căn. Hành dâm với những hạng trên cũng như vậy. Tỳ-kheo cùng nữ

nhân, nữ phi nhân, súc sinh cái hành dâm ba nơi: đường đại, đường tiểu, và miệng, khi họ ngủ, khi say, khi cuồng, khi tâm tán loạn, khi tâm bệnh hoạn, thây chết bị ăn phân nửa, phạm Ba-la-di. Khi quá nửa, khi còn bộ xương mà xuất bất tịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất bất tịnh phạm Thâu-lan-giá. Vô căn nữ, nhị căn cũng vậy. Tỳ-kheo cùng với người nam, nam phi nhân, súc sinh đực hành dâm hai chỗ: đường đại và miệng, khi ngủ cho đến khi bị ăn còn phân nửa phạm Ba-la-di. Khi quá phân nửa, còn bộ xương, xuất bất tịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất bất tịnh phạm Thâu-lan-giá. Vô căn nam huỳnh môn cũng vậy. Đối với các chỗ hành dâm như trên, mượn phương tiện bên ngoài, bên trong xuất bất tịnh, mượn phương tiện bên trong, bên ngoài xuất bất tịnh, khi ngủ cho đến khi bị ăn còn phân nửa phạm Ba-la-di. Khi quá phân nửa, khi còn bộ xương, xuất bất tịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất bất tịnh phạm Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo vì cường lực cưỡng bức hành dâm các nơi đã nêu trên thì khi vào cảm nhận khoái lạc, lấy ra trụ lại không có cảm giác. Khi lấy ra cảm nhận khoái lạc, đưa vào, trụ lại không cảm giác. Khi trụ lại cảm nhận khoái lạc, đưa vào, lấy ra không cảm giác, vào, ra cảm nhận khoái lạc. Khi trụ lại không cảm giác, vào trụ lại cảm nhận khoái lạc. Khi lấy ra không cảm giác, lấy ra, trụ lại cảm nhận khoái lạc. Khi vào không cảm

giác, khi lấy ra, đưa vào, trụ lại cảm nhận khoái lạc. Khi ngủ cho đến cả khi bị ăn còn phân nửa đều phạm Ba-la-di. Khi quá nửa, khi còn bộ xương, xuất bất tịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất bất tịnh phạm Thâu-lan-giá. Khi lấy ra, đưa vào trụ lại đều không cảm nhận khoái lạc thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo với tâm dâm dục, dùng nam căn để vào những chỗ nói trên, dù chỉ một phần thôi cũng phạm Ba-la-di. Nếu dùng ngón tay, với tất cả vật bên ngoài để vào trong các chỗ nói trên đều phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo-ni cũng xảy ra như thế, phạm Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm thì tội Đột-kiết-la, đuổi đi.

Trường hợp không phạm: Tâm cuồng, tâm loạn, tâm bệnh hoạn, phạm trước khi kiết giới, bốn trường hợp này đều không phạm. Tất cả các giới đều như vậy, khỏi phải chép lại.

Xong giới thứ nhất.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ có Tỳ-kheo tên là Đạt-ni-ca, con nhà làm đồ gốm, làm cái am bằng cây cỏ để ở tại núi Ất-la. Đến giờ, Đạt-ni-ca bưng bát vào thành khất thực, ngay sau đấy người hái củi phá am lấy củi mang đi. Sau khi khất thực xong trở về, Đạt-ni-ca tu bổ am trở lại. Tình trạng này xảy ra cho đến lần thứ ba, Đạt-ni-ca hết

kiên nhẫn, giận lắm, lại có ý nghĩ: Chính bản thân ta có thừa khả năng khéo nhồi đất sét, tại sao ta không làm cái am toàn bằng gạch nung để tránh khỏi cái họa phá nhà này? Đạt-ni-ca liền thực hiện ngay ý nghĩ, làm một cái am bằng đất, có nóc, có trụ cột, rui kéo, có cửa lớn, cửa nhỏ, cửa sổ v.v… rất khéo léo. Làm xong chất củi đốt thành màu đỏ, tươi đẹp vô cùng. Khi có gió lớn thổi đến tạo nên âm thanh vi vu của ống tiêu, ống sáo. Đức Phật ở trên núi Kỳ-xà-quật, từ xa trông thấy cái am kia màu đỏ tươi, đẹp đẽ, bèn hỏi Tôn giả A-nan:

Nhà của ai vậy? Tôn giả A-nan thưa:

Đạt-ni-ca tự lực làm cái am bằng đất nung. Đức Phật bảo A-nan:

Đạt-ni-Ca-làm điều phi pháp, tại sao người xuất gia lại làm nghiệp ác, tổn thương đến mạng sống sinh vật, không có lòng thương xót? Trước đây Ta đã bằng nhiều cách nói pháp từ bi, tại sao Tỳ-kheo lại đánh mất tâm từ?

Đức Thế Tôn bằng mọi cách khéo léo quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

Các ông nên đến phá bỏ cái nhà ấy.

Các Tỳ-kheo vâng lệnh liền đến triệt hạ nhà Đạt-ni-ca. Lúc ấy,

Đạt-ni-ca từ trong nhà bước ra, hỏi các Tỳ-kheo:

-Tôi không xúc phạm quý vị, tại sao quý vị rủ

nhau đến phá nhà tôi?

Các Tỳ-kheo trả lời:

Chẳng phải chúng tôi tự ý làm mà chúng tôi làm theo lệnh Đức Thế Tôn.

Đạt-ni-ca nói:

Đức Pháp Vương ra lệnh phá thì tôi đâu dám nói gì.

Các Tỳ-kheo liền phá hủy toàn bộ rồi dẫn Đạt-ni-ca đến trước Phật và trình bày đầy đủ mọi sự việc lên Ngài. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Đạt-ni-ca:

Thật sự ông có làm cái nhà đó không?

Thật đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Đạt-ni-ca thưa.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách như trên rồi bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay nếu có Tỳ-kheo nào làm nhà bằng đất nung chín, phạm Thâu-lan-giá, tự mình thi thố nghề giỏi, phạm Đột-kiết-la.

Đạt-ni-ca-lại khởi ý niệm: "Trước đây ta làm am bằng tranh bị tiều phu phá để lấy củi, sau làm nhà bằng đất nung thì trái với thể thống người xuất gia của đấng Pháp Vương. Nay ta có thể tìm gỗ tốt để làm một cái nhà lớn cho được lâu bền, khỏi phải khổ não".

Đạt-ni-ca-lại nghĩ: "Người coi cây gỗ trong thành Vương-xá là bạn học của ta, ta sẽ đến đó để

xin gỗ". Làm theo ý nghĩ, Đạt-ni-ca đến nói với người bạn:

Tôi cần gỗ bạn có thể cho tôi? Người coi giữ cây gỗ trả lời:

Tôi chỉ có bổn phận giữ chứ không có quyền cho. Đạt-ni-ca hỏi:

Vậy thì ai có quyền?

Nhà Vua mới có quyền. Đạt-ni-ca nói:

Vua đã cho tôi rồi.

Người bạn coi giữ cây gỗ nói:

Nếu Vua đã cho thì tùy ý cứ lấy.

Đạt-ni-ca bèn đốn lấy những cây gỗ lớn dùng để phòng vệ thành mang đi. Khi ấy Đại thần Vũ-xá đi thanh tra các nơi, trên đường bắt gặp, đến hỏi người giữ gỗ:

Tại sao lại cho Tỳ-kheo kia đốn những cây gỗ lớn dùng để bảo vệ thành như vậy?

Người giữ cây gỗ trả lời:

Chẳng phải tôi cho.

Như vậy ai cho? Đại thần hỏi?

Vua cho. Người coi giữ cây gỗ đáp lời.

Đại thần Vũ-xá không chút dè dặt đến gặp nhà Vua hỏi ngay:

Vì lý do gì Đại vương lại cho Đạt-ni-ca những cây gỗ lớn dùng để bảo vệ thành.

Nhà Vua hỏi:

Ai nói ta cho? Vũ Xá tâu:

Người giữ cây gỗ nói.

Nhà Vua liền ra lệnh quan hầu cận bắt người giữ cây gỗ. Quan hầu cận thừa lệnh bắt giải đến Vua. Thời điểm ấy Đạt-ni-ca vào thành khất thực, trên đường đi thấy vậy hỏi:

Bạn phạm tội gì mà bị bắt trói như thế? Người giữ cây gỗ nói:

Do Đại đức mà tôi phạm phải tội như thế này. Xin Đại đức cứu tôi thoát khỏi chết.

Đạt-ni-ca nói:

Bạn đến trước, tôi sẽ đến sau.

Khi người giữ gỗ đã được giải đến, Vua hỏi:

Tại sao ngươi lại cho Đạt-ni-ca đốn những cây gỗ lớn dùng để bảo vệ thành.

Người giữ gỗ tâu:

Tâu Đại vương! Con đâu dám lạm quyền cho như vậy. Đạt-ni-ca bảo đã được phép nhà Vua nên con mới cho đốn.

Nhà Vua lệnh gọi đương sự đến. Khi ấy Đạt-ni-ca đã có mặt ngoài cửa. Nhà Vua bảo vào trình diện, Đạt-ni-ca liền vào trước Vua, Vua hỏi:

Trẫm cho Tỳ-kheo gỗ vào lúc nào? Đạt-ni-ca nói:

Nhà Vua há không nhớ, khi mới lên ngôi, nhà Vua có nói: “Tất cả cỏ cây cũng như nước trong quốc nội, bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn”.

Nhà Vua thở ra nói:

Trẫm nói bố thí là đối với những vật không có chủ, quái thay Tỳ-kheo lại lạm dụng điều này để lấy vật của người. Nhà Vua nói: Ta là vị Vua Quán-đảnh, đâu nên cầm tù hay giết hại Sa-môn. Thầy nên sớm về gặp Đức Phật, Ngài là vị Pháp Vương sẽ dùng pháp trị thầy.

Khi ấy có người nghe đều kinh ngạc nói:

Đạt-ni-ca phạm tội đáng chết, tại sao chỉ quở trách rồi cho đi.

Tội như vậy được tha thì ai không làm việc ăn trộm.

Người ta lại dị nghị: "Sa-môn Thích tử được nhà Vua cung cấp, lại ăn trộm gỗ của Vua, như thế chúng ta đâu còn gì để lo sợ. Sa-môn Thích tử thường ca ngợi người không ăn trộm, dạy người bố thí, tại sao chính mình lại làm việc của kẻ giặc? Những kẻ này không có hạnh của Sa-môn, phá pháp Sa-môn". Tiếng xấu này theo thời gian lan khắp. Trong nước, các Trưởng giả, Cư sĩ, Bà-la-môn v.v… không tin ưa Phật pháp cứ trông thấy Sa-môn liền bằng mọi cách mắng nhiếc. Các Tỳ-kheo nghe cùng hỏi ai ăn trộm gỗ của nhà Vua mà có tiếng xấu như thế. Đạt-ni-ca nói: "Điều đó chính tôi làm". Các Tỳ-kheo dùng mọi cách quở trách:

Thầy làm điều phi pháp, không hợp đạo. Đức Thế Tôn bằng nhiều cách chê bai việc lấy của

không cho, khen ngợi người không lấy trộm. Tại sao nay thầy làm việc của kẻ giặc?

Các Tỳ-kheo quở trách như vậy rồi dẫn đến chỗ Phật, trình bày đầy đủ sự việc. Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Đạt-ni-ca:

Thật sự ông có làm như vậy không?

Bạch Thế Tôn có. Đạt-ni-ca thưa.

Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách như Tu-đề-na.

Khi ấy, có vị Đại thần nước Ma-kiệt xuất gia hành đạo đang đứng hầu Phật, Đức Phật hỏi:

Vua A-xà-thế quy định người trong nước ăn trộm bao nhiêu thì thọ tội tử hình?

Từ năm tiền trở lên thì thọ tội tử hình. Tỳ-kheo thưa. Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

Để có mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo mà kiết giới. Từ nay giới này nên nói như vầy: *"Nếu Tỳ-kheo ăn trộm năm tiền trở lên thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung"*.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ, khi ấy có số đông Tỳ-kheo nói:

Đức Phật chế giới cấm lấy vật nơi xóm làng chứ đâu có cấm lấy vật nơi đất trống.

Các Tỳ-kheo khác lại nói: Phạm cùng chẳng phạm, chế cấm hay không chế cấm, chẳng sao cả, cứ dụng tâm ăn trộm vật nơi đất trống, có chủ hay không chủ thì sự lấy cắp này có can gì ai đâu?

Kiểu ăn cắp này đã xảy ra và lòng sinh nghi ngờ, hối hận. Các thầy đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi, Tôn giả liền đến bạch Phật, Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng và hỏi:

Thầy có như vậy không?

Kính bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách:

Xóm làng cùng đất trống khác nhau ở chỗ nào?

Quở trách rồi Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: *"Nếu Tỳ-kheo nơi xóm làng hoặc chỗ đất trống lấy vật không cho với tâm trộm cắp, hoặc Vua hoặc Đại thần bắt, trói giết, đuổi ra khỏi nước, nói: Ngươi là giặc, ngươi là kẻ tiểu nhân, ngươi là kẻ ngu si. Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được sống chung".*

Xóm làng: Là nơi có thành quách, có hàng bao quanh ba do-tuần, cho đến chỉ một cái nhà.

Ngoài xóm làng: Ngoài xóm làng, trừ nơi đường đi của xóm làng gọi là đất trống. Ngoài xóm làng trong tầm tên bắn, có lối đi vệ sinh cho người biết xấu hổ, gọi là nơi đi lại của xóm làng.

Tâm ăn trộm: Vật thuộc về người khác, hay vật đã có người bảo hộ không cho mà lấy, lại dùng tâm dối trá, quanh co, giận dữ, khủng bố để lấy vật của người cũng gọi là tâm ăn trộm.

Mình lấy, sai người lấy, vật rời khỏi chỗ cũ gọi là không cho mà lấy.

Chủ nước, chủ xóm làng, Vua Quán đảnh, Vua Chuyển luân đều gọi là chủ.

Đại thần là vị trông coi việc nước.

Nắm tay hay nắm tóc thì gọi là bắt. Dùng gông cùm, xiềng xích gọi là trói. Dùng dao gậy v.v… để chấm dứt mạng sống gọi là giết. Đuổi ra khỏi một trú xứ, cho đến ra khỏi nước gọi là đuổi.

Xa lìa pháp thiện, pháp vô ký, rơi vào chỗ bất thiện gọi là giặc. Không có sự hiểu biết gọi là tiểu nhân. Sống trong sự tối tăm gọi là si. *Trường hợp phạm:* Vật ở trong đất, vật ở trên đất, vật ở trong hư không, xóm làng, vật của xóm làng, tiệm, quán, vật của tiệm quán, ruộng đất, vật của ruộng đất, vườn tược, vật của vườn tược, phòng xá, vật của phòng xá, xe cộ, vật của xe cộ, gánh xách, vật của gánh xách, thuyền bè, vật của thuyền bè, ao hồ, vật của ao hồ, gởi, trả, ngăn đường, rình đường, chỉ chỗ, dẫn đường, dạy cách lấy, cùng lấy, không nộp thuế.

Vật trong đất: Nếu vật còn ở trong lòng đất, Tỳ-kheo với ý niệm: "Ta sẽ trộm lấy", khởi tâm và tạo điều kiện đều phạm Đột-kiết-la. Đào đất phạm Ba-dật-đề. Nắm lấy vật phạm Đột-kiết-la. Động đến vật phạm Thâu-lan-giá. Vật lìa khỏi chỗ trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật ở trên đất: Vật ở trên đất như giường, giá,

ghế, sập, cửa, cây xà ngang, đòn tay, rui mè, cho đến vật trên nhà, trên cây. Tất cả các vật như vậy đều gọi là vật trên đất. Tỳ-kheo khởi ý niệm: "Ta sẽ lấy vật ấy", dấy tâm tạo phương tiện cho đến nắm lấy vật đều phạm Đột-kiết-la, động đến vật phạm Thâu-lan-giá, vật rời khỏi chỗ cũ trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật ở trong hư không: Nếu dùng thần lực để lấy trong hư không, hoặc có chủ, hoặc do chim tha, hoặc gió thổi đến, Tỳ-kheo với ý niệm: "Ta sẽ lấy vật ấy", khởi tâm tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Động đến vật phạm Thâu-lan-giá. Dời vật khỏi chỗ cũ trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Xóm làng: Xung quanh ba do-tuần, cho đến chỗ một cái nhà, Tỳ-kheo với ý niệm: "Tôi sẽ trộm lấy nhà ấy". Dấy tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Đóng nọc lấy vồ nện xuống phạm Ba-dật-đề. Dùng dây đo lường tranh cho được, trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật trong xóm làng: Tùy theo trong xóm làng có vật gì, Tỳ-kheo có ý niệm: Ta sẽ lấy trộm vật ấy, lấy được phạm Ba-la-di.

Tiệm quán: Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ lấy trộm quán, tiệm ấy. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm

Đột-kiết-la. Đóng nọc, lấy vồ đập nện phạm Ba-dật-đề. Dùng dây đo lường tranh cho được, phạm Ba-la-di.

Vật nơi quán tiệm: Tùy theo trong quán, tiệm có vật gì, Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ lấy trộm vật ấy, lấy được phạm Ba-la-di.

Ruộng: Có loại ruộng có nước hay không nước, Tỳ-kheo với ý niệm, ta sẽ lấy trộm ruộng ấy. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Đóng nọc, lấy vồ nện xuống phạm Ba-dật-đề. Lấy dây đo để tranh cho được, phạm Ba-la-di.

Vật trong ruộng: Trong các thứ ruộng sản xuất năm thứ lúa, Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ trộm với vật ấy, lấy được, phạm Ba-la-di.

Vườn: Các vườn trồng cây trái, Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ trộm vườn ấy. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Đóng nọc, lấy vồ nện xuống phạm Ba-dật-đề. Dùng dây đo để tranh cho được, phạm Ba-la-di.

Vật trong vườn: Tùy theo trong vườn ấy có sản xuất thứ gì, Tỳ-kheo với ý niệm, tôi sẽ trộm lấy vật ấy, lấy được, phạm Ba-la-di.

Nhà: Nhà trệt hoặc nhà lầu, nơi người tại gia hay xuất gia ở. Tỳ-

kheo với ý niệm, tôi sẽ trộm lấy nhà ấy. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Đóng nọc, lấy vồ nện xuống phạm Ba-dật-đề. Dùng dây

đo để tranh cho được, phạm Ba-la-di.

Vật trong nhà: Tùy theo trong nhà có vật gì, Tỳ-kheo với tâm niệm, ta sẽ lấy vật ấy, lấy được phạm Ba-la-di.

Xe: Chỉ chung các loại xe như: xe voi, xe ngựa, xe cộ v.v… Tỳ-kheo với ý niệm ta sẽ trộm lấy xe ấy. Khởi tâm, tạo phương tiện cho đến nắm cầm đều phạm Đột-kiết-la. Động đến vật phạm Thâu-lan-giá. Vật lìa khỏi chỗ trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật trong xe: Tùy theo trong xe có vật gì, Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ trộm lấy vật ấy, lấy được, phạm Ba-la-di.

Gánh: Đội trên đầu, gánh nơi vai, vác nơi lưng, xách nơi tay đều gọi là gánh cả. Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ trộm vật gánh này. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Động đến vật phạm Thâu-lan-giá, dời vật khỏi chỗ trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật của gánh: Tùy theo trong gánh có những vật gì, Tỳ-kheo với ý niệm ta sẽ trộm lấy vật ấy, lấy được, phạm Ba-la-di.

Thuyền: Thuyền bằng da, thuyền bằng đất nung, thuyền bằng cây, bằng tre v.v… đều gọi là thuyền. Tỳ-kheo với ý niệm ta sẽ lấy trộm thuyền này. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-

la. Động đến vật phạm Thâu-lan-giá, vật rời khỏi trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật trong thuyền: Tùy theo trong thuyền có những vật gì, Tỳ-kheo với ý niệm ta sẽ trộm lấy vật ấy, lấy được, phạm Ba-la-di.

Ao: Tất cả các vũng, các hồ chứa nước đều gọi là ao, Tỳ-kheo với ý niệm ta sẽ trộm ao này. Khởi tâm, tạo phương tiện đều phạm Đột-kiết-la. Đóng nọc, lấy vồ nện xuống đều phạm Ba-dật-đề. Dùng dây đo để tranh cho được trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Vật trong ao: Tùy theo trong ao có sản xuất thứ gì, Tỳ-kheo với tâm niệm ta sẽ lấy trộm vật ấy, lấy được, phạm Ba-la-di.

Gởi: Người đem gởi vật cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo với tâm niệm trộm không trả vật, tâm người chủ coi như mất rồi, trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Trả: Tỳ-kheo nhận vật của người khác gởi, với tâm trộm không trả lại cho người kia, trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá.

Ngăn đường: Tỳ-kheo vì giặc ngăn đường không cho người khác đến.

Rình đường: Rình mò thấy người báo với giặc.
Chỉ chỗ: Tỳ-kheo chỉ cho giặc đường đi chỗ đến.

Dẫn đường: Tỳ-kheo dẫn đường cho giặc.

Dạy cách lấy: Tỳ-kheo dạy cho giặc phương pháp lấy trộm.

Cùng lấy: Tỳ-kheo cùng giặc lấy trộm đồ.

Không nộp thuế: Tỳ-kheo nên nộp thuế mà không nộp.

Như các trường hợp trên, lấy vật trị giá năm tiền phạm Ba-la-di, dưới năm tiền phạm Thâu-lan-giá. Nếu vật của người không cho mà lấy từ năm tiền trở lên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la đuổi ra khỏi chùa. Vật của phi nhân không cho mà lấy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni phạm Đột-kiết-la. Vật của súc sinh không cho mà lấy đều phạm Đột-kiết-la.

Bốn trường hợp lấy trọng vật của người mà không phạm:

Tưởng của mình lấy.

Tạm lấy.

Đồng ý lấy.

Không có tâm trộm lấy. Xong giới thứ hai.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 2

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ BỐN PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo tu pháp quán bất tịnh thì được quả lớn về lợi lạc. Kể từ ấy, các Tỳ-kheo đều tu tập pháp ấy càng nhàm chán, xấu hổ, gớm ghiếc thân này chẳng khác nào một thiếu niên đang hồn nhiên trong trắng, thân thể tắm rửa thơm phức, mặc áo mới tinh, bỗng đâu có ba xác chết trẻ mới sinh đem quấn vào cổ, máu mủ chảy nhớp cả thân, dòi bò nhung nhúc khắp người thiếu niên kia. Cậu ta đau khổ quá sức không thể nào tưởng tượng nổi và rồi với ý nghĩ còn lại là làm thế nào để thoát khỏi thân khổ nạn ấy. Các Tỳ-kheo nhàm chán, ghét bỏ thân này cũng giống như vậy. Trong số những Tỳ-kheo ấy, hoặc có vị tự sát, hoặc lần lượt từng mạng giết hại nhau, hoặc thắt cổ, hoặc uống thuốc độc. Có một Tỳ-kheo nhàm chán thân này rồi, bèn đến chỗ

người Chiên-đà-la-di-lân nói: "Hãy vì tôi, ông đoạn mạng này đi, y bát ấy tôi cho ông". Ngay lúc đó, Chiên-đà-la vì y bát nên đã dùng dao chặt phứt mạng sống của Tỳ-kheo ấy. Chiếc dao đẫm máu, người Di-lân đem đến sông Bà-cầu-mạt để tẩy rửa, bỗng lòng đầy hối hận, liền gợi lên ý nghĩ: "Nay ta làm điều bất thiện, tại sao chỉ vì chút lợi nhỏ mà sát hại tính mạng của vị Sa-môn trì giới, tội này trời đất không dung tha". Lúc ấy, Thiên ma cõi Tự Tại biết được tâm niệm đó, nhanh như cái duỗi tay của một tráng sĩ, Thiên ma từ dưới nước vọt lên, đứng trên mặt nước, sừng sững trước Di-lân với lời khen ngợi: "Lành thay! Ông đã được điều lợi lớn, do đoạn mạng vị Sa-môn trì giới, độ người chưa được độ, phước đức vô lượng, thiên thần ghi nhận điều đó, nên ta đến tin cho ông biết". Thật đúng lúc, Chiên-đà-la liền sinh tà kiến ác độc, lòng rất vui mừng nói: "Nay ta sẽ lại độ người chưa độ". Người Chiên-đà-la ấy biết rõ được tướng trạng thân nào đã nhàm chán, thân nào chưa nhàm chán. Nếu Tỳ-kheo phàm phu chưa lìa dục, khi đưa dao đến, thân họ sợ sệt, đó là người chưa nhàm chán thân, ta giết người này được phước quá ít, nay ta nên tìm những vị đã đắc đạo quả, người không có sự sợ sệt. Với ý nghĩ như thế, tay cầm trường đao, ông ta đi từ phòng này sang phòng kia, từ chỗ kinh hành này đến chỗ kinh hành khác, cao giọng lớn tiếng rao: "Ai muốn diệt độ, tôi sẽ độ cho". Lúc đó,

các Tỳ-kheo nhàm chán, ê chề về thân xác đều sẵn sàng tìm đến để nhờ đoạn mạng. Có ngày ông ta giết mười vị, hai mươi vị, cho đến sáu mươi vị. Do nhân duyên như vậy nên số lượng Tăng càng giảm, nhất là các Đại đức Thanh văn đều tuần tự vắng bóng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi Tam-muội, đứng dậy, đến ngồi trên chỗ đất trống, đại chúng vây quanh. Đức Phật quan sát Tăng chúng, rồi hỏi Tôn giả A-nan:

Hôm nay sao Tăng chúng lại giảm sút như vậy? Tôn giả A-nan bạch Phật:

Có một thuở, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói phép quán bất tịnh, các Tỳ-kheo tu tập, nhàm chán ghét bỏ thân xác khổ đau này nên đã lần lượt cùng nhau tìm cái chết tai hại. Thậm chí chỉ nội trong một ngày mà Di Lân nhẫn tâm sát hại đến sáu mươi vị phạm hạnh. Vì vậy, hôm nay số lượng Tăng giảm nhiều như thế. Lành thay, Đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài chỉ cho con đường pháp thiện khác, khiến các Tỳ-kheo sống vững trong an lạc.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

Nay ông thông báo cho các Tỳ-kheo y chỉ nơi Tỳ-xá-ly này về hội hợp tại giảng đường.

Tôn giả làm theo lời dạy, lệnh gọi các Tỳ-kheo về hội. Sau khi tập hợp xong, Tôn giả đến bạch Phật:

Đã đông đủ, con xin cung thỉnh Thế Tôn.

Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến giảng đường ngồi uy nghi trên pháp tòa. Ngài hỏi các Tỳ-kheo:

Thật có sự việc như trên không? Các Tỳ-kheo thưa:

Bạch Thế Tôn, có sự thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Các ông là người ngu si, làm việc phi pháp, các ông há không nghe ta nói, để hộ niệm chúng sinh thì phải có lòng từ và sự kiên nhẫn, tại sao các ông không nhớ điều này.

Sau khi bằng nhiều cách quở trách, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Nếu ai tự sát, phạm tội Thâu-lan-giá. Đức Phật lại bảo:

Từ nay về sau nên tu niệm An-ban, quán Lạc tịnh, quán Lạc hỷ. Quán như vậy rồi, nên điều ác sinh ra thì pháp bất thiện này có thể trừ diệt. Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo tự tay sát hại, giết chết mạng sống của chính mình, Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung".***

Lúc ấy, số đông Tỳ-kheo mắc trọng bệnh, có các Tỳ-kheo đến thăm hỏi:

Bệnh tình của Đại đức có bớt không? Có đau

đớn lắm không? Tỳ-kheo bệnh nói:

Bệnh chắc khó giảm, đau đớn khó chịu lắm. Tỳ-kheo bệnh lại van xin các Tỳ-kheo:

Cho tôi con dao hay sợi dây, cho tôi thuốc độc, cho tôi thức ăn làm cho bệnh tăng thêm, đem tôi đến chỗ bờ cao của sông.

Trước tình cảnh đó, các Tỳ-kheo thuận theo ý của bệnh nhân. Tỳ-kheo bệnh đã tự sử dụng một trong các phương tiện trên để đoạn mạng. Sau khi các Tỳ-kheo chứng kiến người bệnh chết, lòng đầy hối hận, thưa với Tôn giả A-nan. Tôn giả đến chỗ Đức Phật trình bày đầy đủ sự việc. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự có các việc như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa:

Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Các thầy là người ngu si, tự đoạn mạng người và đưa dao khiến cho họ tự sát, khác nhau chỗ nào? Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo tự đoạn mạng người, cầm dao trao cho người, phạm tội Ba-la-di, không được sống chung".***

Lại có Tỳ-kheo mắc trọng bệnh, các Tỳ-kheo đến thăm hỏi (như trên)… bảo đưa dao, dây, thuốc độc cho tôi. Các Tỳ-kheo nói: "Đức Phật không cho chúng tôi đưa dụng cụ cho người tự sát, song

chúng tôi có người thợ săn quen biết, sẽ vì thầy, kêu người ấy đến để đoạn mạng thầy". Tỳ-kheo bệnh nói: "Hãy vì tôi gọi họ mau mau đi". Tỳ-kheo kia hối hả đến nói với người thợ săn: "Này bạn! Có Tỳ-kheo bị bệnh nặng, không muốn sống, bạn đoạn mạng vị ấy sẽ được phước lớn". Người thợ săn nói: "Nếu sát sinh được phước lớn, thì người làm lò sát sinh kia được phước lớn lắm hay sao?". Các thầy Tỳ-kheo tự nghĩ: "Mình có lòng từ bi, nay lại bảo người giết, khác nhau chỗ nào? Khi ấy các Tỳ-kheo đều sinh tâm hối hận, đến nói với Tôn giả A-nan, Tôn giả cùng đưa đến chỗ Đức Phật và trình bày đầy đủ sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy thật sự có như vậy hay không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi nói với các Tỳ-kheo: Tự mình giết và dạy người giết có gì khác nhau?! Từ nay giới này được nói như vầy: ***"Nếu Tỳ-kheo tự mình giết, dạy người giết, phạm Ba-la-di không được sống chung".***

Lại có Tỳ-kheo mắc bệnh nặng, các Tỳ-kheo đến thăm hỏi như trên, rồi nói với Tỳ-kheo bệnh: Giới hạnh của thầy đầy đủ nên nhận lấy phước của cõi trời. Nếu thầy tự sát chắc được sinh thiên, chuyện gì phải nhận lấy cái khổ triền miên thế này?! Tỳ-kheo bệnh nói: Sự việc sẽ như vậy, tuy dù có sự khổ đấy nhưng không thể tự sát. Tại sao?

Vì nếu tự sát thì không những phạm tội Thâu-lan-giá mà còn không thể rộng tu phạm hạnh. Vị ấy lại quở trách: Tự tay mình giết người, dạy người khác tự giết đâu có cái gì khác, đã là Tỳ-kheo các thầy làm theo nghiệp ác này chăng! Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài đầy đủ sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các thầy có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, có đúng như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Các thầy ngu si, tự tay giết người, dạy người khác tự giết có gì khác đâu. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo tự tay giết người, dạy người khác tự giết, phạm Ba-la-di không được sống chung".***

Lại có Tỳ-kheo mắc bệnh nặng, các Tỳ-kheo đến thăm giống như trên, cũng nói với các Tỳ-kheo bệnh: Với phạm hạnh đã lập của mình, thầy chết chắc chắn nhận quả an vui của cõi trời, tại sao không tự sát để sinh thiên, lại cam chịu khổ triền miên vì bệnh như thế này? Tỳ-kheo bệnh nói: Dù cho có như vậy, tôi cũng không thể tự sát. Tại sao? Vì Đức Phật cấm tự sát, nếu tự sát phạm Thâu-lan-giá. Vả lại, khi được lành bệnh tôi sẽ tu phạm hạnh.

Vào thời gian ấy, ở nước nọ, lại có giặc giã, các cư sĩ bị nạn cốt nhục phân ly, đầy dẫy khổ não. Tỳ-kheo nói: Các người đã tu phước báo sinh thiên, tại

sao không tự sát, lại cam sống trong nỗi khổ cốt nhục chia lìa, ưu não thế này? Họ trả lời: Chúng tôi tuy chịu nỗi khổ não, nhưng không thể tự sát. Tại sao? Vì ở đời có gặp khổ mới biết tu đạo nghiệp. Họ lại quở trách: Đạo của Sa-môn vì chúng sinh mà từ bi, nhẫn nhục, tại sao lại khen ngợi sự chết, thôi thúc người tự sát? Tự sát hay khen ngợi sự chết đâu có khác gì! Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi đưa các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, trình bày đầy đủ sự việc lên Ngài. Nhân sự việc này Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các thầy có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, thật vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Việc của các thầy làm là phi pháp, tự sát và khen ngợi sự chết đâu có gì khác.

Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo, hoặc người, hoặc tương tợ người, hoặc tự sát, hoặc đưa dao hay thuốc độc để giết, hoặc dạy người giết, hoặc dạy người tự sát, đề cao sự chết, khích lệ sự chết, nói: Ôi! Ông sống khổ quá, sống mà làm gì, chết sướng hơn sống, tùy theo tâm sát sinh khởi tâm như vậy, như vậy dưới mọi hình thức khác nhau của vấn đề, đã làm cho người kia chết vì nguyên nhân như thế, Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung".***

Từ khi vào thai mẹ cho đến bốn mươi chín ngày gọi là tương tợ người, sau bốn mươi chín ngày đến

ra khỏi thai gọi là người. Tự tay mình cầm dao, gậy, thuốc độc… để giết gọi là đích thân giết. Người nào đó muốn tự sát, tìm phương tiện để sát, mình đưa cho họ dao, thuốc độc gọi là sự giết do mình trao cho. Sai khiến người khác, gọi là bảo người giết. Dạy người khác tự sát: tức là bảo người tự làm cho mình chết. Nói chết còn hơn sống gọi là đề cao, khen ngợi cái chết. Nhờ cậy quỷ thần giết theo ý mình gọi là tùy tâm sát, sinh khởi tâm sát.

Trường hợp phạm: Tự giết mình, sai khiến người giết, lần lượt sai, sai lại, chỉ bày lời lẽ, nói khi ngủ, hướng đến người ngủ nói, nói khi say, hướng đến người say nói, nói khi cuồng, hướng đến người cuồng nói, nói khi tâm loạn, hướng đến người tâm loạn nói, viết thư, ra dấu, nói bằng tay, nói tương tợ, một mình tưởng là một mình, không một mình tưởng là một mình, một mình tưởng là không một mình, nói giỡn, sắc, thanh, hương, vị, xúc, ưu ba đầu, ưu ba xà, ưu ba hại.

Tự mình giết: Chính mình cầm dao gậy… giết, người kia chết, phạm Ba-la-di.

Sai người: Sai khiến giết người kia, người kia chết, phạm Ba-la-di

Lần lượt sai: Khiến ông A giết, ông A không giết được, rồi sai ông B giết, người kia chết, phạm Ba-la-di

Sai lại: Người đầu tiên nhận, không giết được,

về báo với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo lại sai người khác giết, người kia chết, phạm Ba-la-di.

Chỉ bày: Chỉ mặt trời, mặt trăng, tinh tú, nói với người kia: Phước của ông nên sinh đến đó, ông nên tự sát. Do thế họ chết, phạm Ba-la-di.

Lời lẽ: Nói sống là tội lỗi, xấu xa, khen ngợi, tán thán sự chết.

Do vậy người kia chết, phạm Ba-la-di.

Nói khi ngủ: Tỳ-kheo trong khi ngủ, nói việc đã nghĩ trước: Công đức của ông đã thành, ông có thể tự sát. Người kia nghe rồi, đợi Tỳ-kheo thức dậy hỏi: Tại sao thầy nói lời ấy? Trong khi ngủ tôi muốn ông có được điều lợi ích như vậy nên nói thế. Nay ông thức cũng nên làm theo lời nói ấy. Ông có thể chết theo lời nói của tôi. Người kia do thế mà chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Hướng đến người ngủ nói: Tức hướng đến người ngủ nói lên điều này: Công đức của ông đã thành, có thể dùng dao… tự sát. Quỷ thần khiến người ngủ nghe, liền thức dậy hỏi: Tại sao thầy nói lời ấy? Đáp: Khi ông ngủ, tôi muốn tạo lợi ích cho ông nên nói lời ấy, nay ông thức cũng nên làm theo lời nói đó. Ông có thể chết theo lời nói của tôi. Do thế người kia chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Nói khi say: Khi say nói những điều trước đó đã nghĩ: Công đức của ông đã thành, nên dùng dao… tự sát. Người kia nghe rồi, đợi Tỳ-kheo tỉnh

dậy hỏi: Tại sao thầy nói lời ấy? Đáp: Khi tôi say muốn cho ông có được lợi ích, nên nói lời ấy, nay tỉnh cũng nói như vậy. Ông có thể chết theo lời nói của tôi. Người kia nhân thế mà chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Hướng tới người say nói, nói như thế này: Công đức của ông đã thành, ông có thể dùng dao… tự sát. Khi tỉnh say rồi hỏi: Tại sao thầy nói lời ấy? Đáp: Vì muốn tạo lợi ích cho ông. Khi ông say nói như vậy, nay ông tỉnh cũng nói như vậy, ông có thể theo lời nói của tôi mà chết, nhân đấy người kia chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Nói khi cuồng, hướng về người cuồng nói, nói khi tâm loạn, hướng về người tâm loạn nói, nói lúc tâm bệnh hoạn, hướng về người tâm bệnh hoạn nói, cũng như vậy đều phạm Ba-la-di.

Viết thư: Tỳ-kheo viết thư bảo người kia chết, khi viết thư mỗi chữ phạm một Thâu-lan-giá. Thư đến người kia, người kia do thế mà chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Ra dấu: Tỳ-kheo nói với người mình sai bảo: Ông xem ta ngồi, đứng, đưa tay lên, hạ tay xuống, miệng nói khi lạnh khi nóng thì giết người kia. Người ấy thấy tướng ra dấu bèn giết. Người kia chết, phạm Ba-la-di.

Nói bằng tay: Bằng ngôn ngữ tác động tay dạy người giết, người kia tùy theo đó mà giết. Người

ấy chết, phạm Ba-la-di.

Nói tương tợ: Tỳ-kheo tác động với lời nói tương tợ dạy người giết. Người kia theo đó mà sát hại. Người ấy chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Một mình tưởng là một mình, phạm Đột-kiết-la.

Không một mình, tưởng là một mình, một mình, tưởng là không một mình, phạm Thâu-lan-giá.

Nói giỡn: Tỳ-kheo nói vui chơi: Công đức của ông đã thành, có thể nên tự sát. Người kia hỏi: Tại sao nói lời ấy? Tỳ-kheo trả lời: Tuy trước đây tôi nói giỡn, nay trong ý cũng thật như vậy, ông có thể tự sát. Do vậy người kia chết, phạm Ba-la-di.

Sắc: Tỳ-kheo làm chú thuật triệu quỷ thần sắc xấu ác khiến người sợ sệt, nhân đó mà chết, phạm Ba-la-di.

Thanh: Nếu Tỳ-kheo nói lên điều này: Cha mẹ, con cái của ngươi đã chết, tài sản bị phá tan, nói như vậy, nhằm muốn cho người kia lo rầu rồi tự sát, nhân đó mà họ chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Hương: Dùng chất độc trộn chung với các loại hương, khiến cho người kia ngửi để chết, do đó mà chết, phạm Ba-la-di.

Vị: Dùng chất độc trộn chung với thức ăn, khiến ăn, nhân đó mà họ chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Xúc: Giết bằng độc dược ca-tỳ, xoa nơi thân khiến cho họ chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Ưu ba đầu: Đào hầm gài bẩy để sát hại tất cả chúng sinh. Nếu người rớt xuống chết thì phạm Ba-la-di, phi nhân rớt xuống chết thì phạm Thâu-lan-giá, súc sinh rớt xuống chết phạm Ba-dật-đề.

Ưu ba xà: Làm giường yếu phủ lên trên một lớp mỏng, trên dưới đều có đặt dụng cụ giết người, khiến người ngồi lên phải chết. Do thế mà họ chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Ưu ba hại: Dùng nọc độc của trùng để giết người, người do thế mà chết, Tỳ-kheo phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo với ý niệm: Ta sẽ giết người kia, khi khởi tâm, phạm Đột-kiết-la, khi tạo phương tiện phạm Thâu-lan-giá, người kia chết phạm Ba-la-di. Nếu giết phi nhân phạm Thâu-lan-giá, giết súc sinh phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm: Với tâm từ bi, không có tâm sát. Xong giới thứ ba.

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly, gặp lúc mất mùa, khất thực khó đạt, các Tỳ-kheo vào thành khất thực, không nhận được thức ăn gì. Trước thời buổi như vậy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy tùy

theo chỗ quen biết nên đến đó an cư, đừng ở nơi đây để chịu sự đói khát.

Các Tỳ-kheo vâng lời. Một số vị đến nơi nước Ma-kiệt, một số khác về các làng ven sông Bà-cầu-mạt. Đến bên sông, các Tỳ-kheo họp lại cùng nhau bàn bạc: Nay gặp lúc khất thực khó được, trong xóm làng này có những người thành tín, chúng ta nên khen gợi nhau, như nói: Vị kia đắc sơ thiền, tôi cũng đắc sơ thiền, vị kia đắc nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, bốn xứ vô lượng, bốn định vô sắc, tôi cũng đắc như vậy. Vị kia được bốn niệm xứ, cho đến tám chánh đạo phần, ba môn giải thoát, tôi cũng được như vậy. Vị kia được tám giải thoát, chín định thứ đệ, mười nhất thế nhập, mười trực đạo, tôi cũng được như vậy. Vị kia đắc Kiên tín, Kiên pháp, bốn quả Sa-môn, ba minh, sáu thần thông, tôi cũng đắc như vậy. Các cư sĩ nghe ắt sinh lòng cảm phục nhiều hơn, họ sẽ bảo nhau: Chúng ta được nhiều thiện lợi nên mới có những vị đắc Thánh đạo như vậy an cư nơi ấp của chúng ta. Họ tất sẽ mua các thứ ngon bổ cúng dường Sa-môn chúng ta không thiếu thốn, chúng ta sẽ sống trong sự an lạc. Nghị bàn xong các Tỳ-kheo liền vào trong thành, đến các nhà giàu cùng nhau ca tụng như trên. Trước đó, các thầy nói: Quý vị được điều lợi lớn lắm, ruộng phước của Thánh chúng đã đến với xóm làng của quý vị rồi đó. Các cư sĩ nghe, nức lòng vui, hân hoan với sự việc chưa từng được gặp. Họ đều giảm

phần chi dụng của mình, bỏ qua việc tế tự, không bố thí người khác, chỉ dồn vào việc cúng dường. Thường pháp của chư Phật trong hai kỳ đại hội, cuối tháng mùa Xuân, mùa hạ, Tỳ-kheo các nơi đều về để thăm hỏi nhau. Các Tỳ-kheo nước Ma-kiệt an cư xong, ốm gầy tiều tụy, đến chỗ Đức Phật đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Thường pháp của Đức Phật, mỗi khi Tỳ-kheo đến đều có lời an ủi hỏi: Các thầy an cư có hòa hiệp, khất thực có dễ được, trên đường đi có vất vả lắm không? Các Tỳ-kheo thưa: Chúng con an cư hòa hợp, trên đường đi không mấy nhọc mệt, chỉ có khất thực khó được. Sau đó Đức Phật vì họ, nói từng vấn đề về các pháp diệu, chỉ bày sự lợi ích trong niềm vui và bảo họ tùy nghi cư trú. Các Tỳ-kheo ở bên sông Bà Cầu-mạt thân thể mập khỏe, sung túc, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật cũng như thường lệ, an ủi hỏi. Các Tỳ-kheo bạch: Chúng con an cư hòa hiệp, khất thực dễ dàng, trên đường đi không nhọc mệt. Đức Phật liền hỏi: Hiện nay nơi nào cũng mất mùa, khất cầu khó được, tại sao riêng các thầy lại nói là dễ. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Chúng con ở tại đó, do khất thực khó được nên cùng nhau khen ngợi… (như trên đã nói đầy đủ). Đức Phật liền hỏi: Những điều các thầy ca tụng với nhau là sự thật hay là hư dối? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Có sự thật và cũng có hư dối. Đức Phật bằng mọi cách quở trách sự hư

dối: Các thầy làm điều phi pháp, không hợp đạo lý, người xuất gia không nên làm như vậy, thà nuốt viên đá nóng đỏ hay uống nước đồng sôi, chứ không nên dùng lời hư dối mà ăn của tín thí. Các thầy há không nghe Ta chê trách tội vọng ngữ, và bằng mọi cách khen ngợi đức không nói lời dối trá hay sao? Tại sao nay các thầy lại vì lợi dưỡng mà hư dối tự nói đắc pháp vượt khỏi người. Đức Phật lại quở trách các Tỳ-kheo:

Ở đời có năm hạng giặc lớn:

Một là hạng người làm chủ một trăm người cho đến một ngàn người để phá hoại thành ấp, xóm làng, hại người lấy của.

Hai là các Tỳ-kheo dẫn các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian nói pháp tà mạng.

Ba là các Tỳ-kheo xấu ác đối với các pháp do Phật nói tự xưng là ta tạo ra.

Bốn là có Tỳ-kheo xấu ác không tu phạm hạnh, tự nói là ta tu phạm hạnh.

Năm là có Tỳ-kheo xấu ác vì lợi dưỡng, không có pháp vượt hơn người lại tự xưng là có.

Hạng giặc thứ năm này gọi là hạng giặc lớn nhất, tột cùng nhất của cả Thiên, nhân, Ma phạm, Sa-môn, Bà-la-môn nơi thế gian. Tại sao các thầy chỉ vì một chút lợi dưỡng mà lại làm kẻ giặc lớn nhất này? Quở trách như vậy rồi Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo

kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo không biết, không thấy pháp vượt hơn người theo Thánh lợi một cách đầy đủ mà lại xưng là tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy. Thời gian sau hoặc có người hỏi hoặc không có người hỏi, vì muốn hết tội để được thanh tịnh nên tự mình nói: Tôi không biết mà nói biết, không thấy mà nói thấy, hư cuống vọng ngữ. Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung".***

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ, có số đông Tỳ-kheo ít nghe không học, không hỏi, không có pháp vượt hơn người, tự cho là tôi biết, tôi thấy, tôi chứng. Một thời gian sau, vị kia nghe các Tỳ-kheo giảng luận về trạng thái đắc đạo, chưa đắc đạo mới tỏ rõ cái sai về đắc đạo của mình, lòng đầy xấu hổ khơi dậy suy nghĩ: Trước đây, chúng ta chưa đắc

đạo mà nói là đắc đạo, há không phạm tội Ba-la-di!

Lại có Tỳ-kheo ít nghe, không học, không hỏi, không có pháp hơn người, tự nói là ta biết, ta thấy, ta chứng. Về sau, vị này học rộng các kinh, lòng đầy hổ thẹn hối tiếc, khơi dậy suy nghĩ: Như chỗ hiểu biết của ta đối với Phật pháp hiện nay thì trước kia ta chưa đắc đạo mà lại nói là đắc đạo, là tăng thượng mạn, há không phạm tội Ba-la-di!

Lại có Tỳ-kheo ít nghe, không học, không hỏi, không có pháp hơn người, tự nói là tôi biết, tôi

thấy, tôi chứng. Về sau vị kia rộng tu phạm hạnh, đắc được đạo quả. Từ sự xấu hổ ấy khơi dậy ý niệm: Trước đây ta chưa đắc đạo mà nói là đắc đạo, là tăng thượng mạn, há không phạm tội Ba-la-di!

Các Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy rồi, liền đến chỗ Tôn giả A-nan để hỏi vấn đề đó. Tôn giả cùng đưa các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, trình bày đầy đủ sự việc lên Ngài. Nhân sự việc này Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, tùy theo trường hợp một, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự thầy có như vậy không? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, sự thật đúng như vậy. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có năm hạng hiện bày pháp hơn người pháp: Một là ngu si, hai là tâm loạn, ba là chạy theo xấu ác, bốn là tăng thượng mạn, năm là thật có. Nếu ngu si, tâm loạn, tăng thượng mạn thật có pháp hơn người tự nói là ta chứng đắc, phạm Ba-la-di, điều này không có.

Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào không biết, không thấy pháp vượt hơn người theo Thánh lợi một cách đầy đủ mà lại tự xưng là ta biết như vậy, thấy như vậy. Thời gian sau, Tỳ-kheo này hoặc có người hỏi hoặc không có người hỏi, vì muốn khỏi tội để được thanh tịnh nên nói: Tôi không biết mà nói biết, không thấy mà nói thấy, hư cuống vọng ngữ, trừ tăng thượng mạn, Tỳ-kheo này mắc tội Ba-la-di, không được sống chung".

Không biết không thấy: Tức là không biết

không thấy pháp vượt hơn người. Tất cả pháp quan trọng ra khỏi thế gian, như các thiền định, Tam-muội giải thoát, chánh thọ, các đạo quả Thánh, gọi là pháp vượt hơn người. Đối với lời Phật dạy: Khổ, tập, diệt, đạo đã làm xong một cách đầy đủ, không có chỗ mong cầu, như vậy gọi là Thánh lợi trọn vẹn. Tự nói tôi thấy biết pháp như vậy, pháp cũng thấy biết về tôi như vậy gọi là tự xưng tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy. Hoặc một tháng cho đến một năm sau, có người hỏi: Thầy đắc đạo thế nào, đắc ở đâu, đắc từ ai, do pháp gì đắc? Hoặc không ai hỏi mà tự phát lồ tội đã phạm để cầu giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh, nghi tịnh nên nói: Tôi không biết không thấy khổ, tập, diệt, đạo mà nói có biết có thấy, là hư cuống vọng ngữ. Tuy phát lồ như vậy mà vẫn phạm tội Ba-la-di.

Trường hợp phạm: Có hai hạng phạm Ba-la-di: Một là trước có nảy sinh ý niệm: Tôi đang dối nói là đắc pháp vượt hơn người. Hai là khi đang nói có ý niệm: Tôi nay dối nói đắc pháp vượt hơn người. Lại có ba hạng phạm Ba-la-di: Hai hạng như trên, hạng thứ ba là với ý niệm: Tôi đã dối nói đắc pháp vượt hơn người. Lại có bốn hạng phạm Ba-la-di: Ba hạng như trên, hạng thứ tư là dị kiến nói pháp vượt hơn người. Lại có năm hạng phạm Ba-la-di: Bốn hạng như trên, hạng thứ năm là di tưởng nói pháp vượt hơn người. Lại có sáu hạng phạm Ba-la-di: Năm hạng như trên, hạng thứ sáu là dị nhẫn nói

pháp vượt hơn người. Lại có bảy hạng phạm Ba-la-di: Sáu hạng như trên, hạng thứ bảy là di lạc nói pháp vượt hơn người. Lại có tám hạng phạm Ba-la-di: Bảy hạng như trên, hạng thứ tám là không trả lời theo câu hỏi đã nói về pháp vượt hơn người.

Có bốn loại không phải Thánh ngữ, và bốn loại Thánh ngữ. Không phải Thánh ngữ: không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không hiểu nói hiểu, không biết nói biết. Thánh ngữ: thấy nói thấy, nghe nói nghe, hiểu nói hiểu, biết nói biết.

Lại có tám loại không phải Thánh ngữ và tám loại Thánh ngữ. Không phải Thánh ngữ: không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe, không hiểu nói hiểu, hiểu nói không hiểu, không biết nói biết, biết nói không biết. Ngược với nghĩa trên, gọi là tám Thánh ngữ.

Lại có mười sáu loại không phải Thánh ngữ và mười sáu loại Thánh ngữ. Không phải Thánh ngữ: không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không hiểu nói hiểu, không biết nói biết, thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, hiểu nói không hiểu, biết nói không biết, thấy nghi nói không nghi, nghe nghi nói không nghi, hiểu nghi nói không nghi, biết nghi nói không nghi, thấy không nghi nói nghi, nghe không nghi nói nghi, hiểu không nghi nói nghi, biết không nghi nói nghi. Ngược với nghĩa trên gọi là mười sáu Thánh ngữ.

Tỳ-kheo hướng đến người tự xưng đắc pháp vượt hơn người, đối tượng hiểu được, phạm Ba-la-di, không hiểu được phạm Thâu-lan-giá. Hướng đến phi nhân nói phạm Thâu-lan-giá, hướng đến súc sinh nói phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na. Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là nói đúng sự thật.

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục đốt, thân thể tiều tụy, khí lực tiêu hao, dùng tay xuất bất tịnh mới có được niềm vui an ổn. Có Tỳ-kheo khác cũng bị gầy ốm, Ưu-đà-di thấy thế hỏi: Tại sao thầy mất sức nhiều vậy? Tỳ-kheo kia trả lời: Thưa trưởng lão, tôi bị lửa dục thiêu đốt cho nên như thế. Ưu-đà-di nói: Trước đây tôi cũng vậy, dùng tay xuất bất tịnh mới được trụ an lạc. Nếu thầy áp dụng phương pháp của tôi thì cũng sẽ như vậy. Tỳ-kheo kia nói: Thầy làm điều phi pháp, không phải hạnh thanh tịnh, phá pháp của Sa-môn, không hợp chánh đạo. Đức Thế Tôn bằng mọi cách quở trách về dục, tưởng về dục, cảm giác dục, lửa dục và khen người đoạn tưởng dục, trừ cảm giác về dục, diệt lửa dục. Ngài nói lửa dục như xương đỏ, như thuốc độc. Tại sao nay thầy dùng tay để xuất bất tịnh, nhận lấy của tín thí, thậm

chí dạy người việc đó? Quở trách rồi, họ cùng dẫn đến trước Phật, trình bày sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di:

Thật sự thầy có như vậy không? Ưu-đà-di thưa:

Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật cũng dùng mọi cách quở trách như trên rồi bảo các Tỳ-kheo:

Do mười điều lợi, vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được ***nói như sau:*** "Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Bấy giờ, Tỳ-kheo với tâm không an khi ngủ, mộng tưởng xuất bất tịnh, thức dậy, vấn đề được đặt ra: Ta ở trong mộng cũng có tâm, cũng có động thân, xuất bất tịnh, há không phạm Tăng-già-bà-thi-sa? Do đó có vị phát lồ, có vị hành Ma-na-đỏa, có vị xin xuất tội, có vị bạch thẳng sự việc với Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Sự thật các thầy có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa:

Kính bạch Thế Tôn, có thật như vậy! Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Các thầy không nên ngủ với tâm tán loạn. Nếu ngủ với tâm tán loạn phạm Đột-kiết-la.

Ngủ với tâm tán loạn có năm điều lỗi lầm:

Bị mộng ác.

Thiện thần không hộ vệ.

Không có được tưởng ánh sáng.

Không có tâm giác pháp.

Xuất bất tịnh.

Ngủ với tâm không tán loạn có năm công đức:

Không có mộng ác.

Thiện thần hộ vệ.

Có tưởng ánh sáng.

Có tâm giác pháp.

Không xuất bất tịnh.

Khi ngủ có năm nhân duyên căn nổi dậy:

Đại tiện thôi thúc.

Tiểu tiện thôi thúc.

Ứ hơi.

Trùng cắn.

Tâm dục thôi thúc. Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

Nếu chưa lìa dục, ngủ với tâm sân si tán loạn thì chắc chắn bị xuất bất tịnh, tuy chưa có thể lìa dục nhưng ngủ với tâm hệ niệm, vẫn không có những lỗi lầm ấy.

Từ nay giới này được nói như vầy: ***"Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, trừ trong chiêm bao, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Cố ý xuất bất tịnh: Khởi tâm, động thân làm cho bất tịnh xuất.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tội này còn một chút cơ

hội có thể cứu chữa được. Cơ hội đó là, giữa Tăng cần cầu để trừ diệt mới được.

Bất tịnh có mười loại:

Sắc xanh.

Sắc vàng.

Sắc hồng.

Sắc đen.

Sắc đỏ.

Sắc trắng.

Màu sữa.

Màu tô.

Màu đầu.

Màu mật.

Nếu khởi tâm động thân muốn xuất màu xanh, mà xuất màu vàng

cho đến màu mật đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu khởi tâm động thân muốn xuất màu vàng cho đến màu mật mà xuất các màu khác cũng như vậy.

Có mười loại khởi tâm động thân xuất bất tịnh đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa: Một là làm thử, hai là trừ bệnh, ba là vì nhan sắc, bốn là vì sức lực, năm là vì vui, sáu là bố thí, bảy là vì sinh thiên, tám là vì hội tế trời của ngoại đạo, chín là vì chủng tử, mười là vì thờ lửa.

Có năm loại khởi tâm động thân xuất bất tịnh đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa:

Nội sắc.

Ngoại sắc.

Hư không.

Gió.

Nước.

Nội sắc: Là tự nơi thân mình.

Ngoại sắc: Là thân người khác.

Hư không: Động thân giữa hư không.

Gió: Hướng ngược gió để làm.

Nước: Hướng ngược nước để làm.

Lại có năm loại khởi tâm động thân xuất bất tịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa:

1. Đầy đại tiện.
2. Đầy tiểu tiện.
3. Ứ hơi.
4. Trùng cắn.
5. Đầy dục.

Nếu khởi tâm, thân không động, không xuất bất tịnh, khởi tâm thân không động, xuất bất tịnh đều phạm Đột-kiết-la. Khởi tâm, thân động, không xuất bất tịnh, phạm Thâu-lan-giá. Không khởi tâm, thân động, không xuất bất tịnh, không khởi tâm, thân không động, xuất bất tịnh đều không phạm. Khi ngủ xuất bất tịnh, khi thức dậy khởi tâm, thân động phạm Thâu-lan-giá. Khi ngủ thân động, khi thức dậy khởi tâm, xuất bất tịnh phạm Đột-kiết-la.

Khi ngủ khởi tâm, khi ngủ dậy thân không động, xuất bất tịnh không phạm. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ nhất.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục thiêu đốt, nảy ra ý nghĩ: Cố ý xuất bất tịnh, Đức Thế Tôn đã cấm, nay ta tạo điều kiện cùng người nữ xúc chạm để lấy thú vui nơi sự mềm mại. Ưu-đà-di bèn lau quét trong phòng, trang hoàng giường ghế đẹp, rồi lấy một cái ghế nhỏ ngồi nơi chỗ đất trống. Lúc ấy có các người nữ đến vãng cảnh, nói với Ưu-đà-di: Chúng tôi đến đây muốn xem các phòng xá. Ưu-đà-di đáp: Các chị em cứ xem xét theo ý muốn của mình. Ưu-đà-di liền hướng dẫn họ vào phòng rồi đóng cửa ra vào, mở cửa sổ, bằng nhiều kiểu xúc chạm họ, hoặc nắm, hoặc ôm, hoặc bóp, hoặc xoa, hoặc đưa lên, hoặc để xuống, hoặc cỡi, hoặc cõng. Trong số họ, người thích thì nói: Sao không làm cái việc chánh, làm chi những việc phụ như vậy? Ưu-đà-di nói: Đức Phật không cho phép tôi làm cái việc chánh ấy.

Những người không ưa thì giận dữ nói: Xưa nay gọi chỗ này là nơi an ổn, giờ ngược lại thành chỗ đáng ghê sợ, lửa bốc cháy trong nước chưa đủ để so sánh điều quái gỡ này, kẻ cư sĩ ở tại nhà còn

xấu hổ khi làm việc này, tại sao Tỳ-kheo lại làm điều ác như thế.

Họ liền trở về nhà, từng người một nêu bày chê bai. Những người thiếu lòng tin không ưa Phật pháp tha hồ trách cứ, mạ lị: Chúng ta là cư sĩ xúc chạm với đàn bà, Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy, thế thì uổng phí cái đầu được cạo đi, thế họ với ta khác gì nào? Họ không có hạnh của bậc Sa-môn, họ phá pháp Sa-môn, tiếng xấu như vậy đồn khắp thiên hạ. Lại có một Bà-la-môn dẫn vợ đi vãng cảnh, lần lượt họ đến phòng của Ưu-đà-di, nói: Vợ chồng chúng tôi muốn vào xem phòng xá. Ưu-đà-di nói: Không được cùng một lúc hai người vào, có thể người trước kẻ sau. Bà-la-môn nói: Nếu không được vào một lượt thì để vợ tôi vào trước. Người vợ vào phòng, Ưu-đà-di cũng lại làm bao nhiêu trò xúc chạm như trước. Kéo dài lâu lắm người phụ nữ mới ra khỏi phòng. Người chồng hỏi vợ: Chứ làm chuyện gì mà lâu thế, không muốn đi xem các phòng khác hay sao? Bà vợ nói: Thôi! Thôi! Đừng nói điều đó nữa, chỉ vào một phòng mà gần muốn chết mới ra được đây, xem các phòng khác lại phải chịu nỗi như thế sao?! Người chồng hỏi lý do, người vợ trình bày đúng sự thật. Ngay khi ấy, người Bà-la-môn liền trách mắng: Cái nghiệp ác ấy, tại sao Sa-môn Thích tử lại làm như thế? Ông ta vào thành Xá-vệ, nơi ngả tư đường, chỗ chợ búa xóm làng, tận hang cùng ngõ hẻm, cao

giọng lớn tiếng rêu rao: "Sa-môn Thích tử đã xúc chạm bậy bạ với vợ tôi". Những người không có lòng tin đối với Phật pháp tha hồ mắng nhiếc Sa-môn Thích tử làm hạnh ác như thế, tại sao tự xưng là tịnh tu phạm hạnh? Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe bèn quở trách đủ thứ, rồi trình bày đầy đủ mọi sự việc lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di:

Thật sự ông có làm như vậy không? Ưu-đà-di thưa:

Bạch Thế Tôn, có sự thật như vậy.

Đức Phật bằng sự nghiêm khắc quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo do lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm, xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc vuốt tóc, hoặc nắm bất cứ ở đâu trên phần thân họ, xoa rờ, tham đắm sự mềm mại, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm: Tức là hướng về tâm dục, khởi tâm mạnh, sự việc mới được hình thành, biến pháp thiện, pháp vô ký, rơi vào chỗ bất thiện.

Người nữ: Là người đàn bà kể cả trẻ mới sinh.

Xúc chạm: Bất cứ chỗ nào trên thân, bằng mọi cách xoa rờ, cho đến chỉ một sợi tóc. Có năm trường hợp, Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ

phạm Tăng-già-bà-thi-sa: người nữ, tưởng người nữ, người sống theo kiểu nữ, người tâm nhiễm nữ, do tình gần gũi xoa rờ xúc chạm có cảm giác và thọ nhận cho đến xúc chạm nơi tóc cũng như vậy. Năm việc xúc chạm người nữ phạm Thâu-lan-giá: người nữ, tưởng là người nữ, người sống theo kiểu nữ, không do tình gần gũi xoa rờ xúc chạm có cảm giác và thọ nhận, cho đến xúc chạm nơi tóc cũng như vậy. Người nữ xúc chạm Tỳ-kheo cũng như thế. Năm việc xúc chạm người nữ không phạm: người nữ, tưởng là người nữ, người sống theo kiểu nữ, người tâm nhiễm nữ, không do tình thân cận, các người nữ này nắm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tạo phương tiện để thoát, tuy có cảm giác, có xúc chạm mà không thọ nhận, cho đến xúc chạm nơi tóc cũng như vậy. Lại, người nữ, tưởng là người nữ, nghi người nữ, người nữ không căn, người nữ tưởng, tưởng nhị căn, xúc chạm phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Người nữ tưởng là nam, nữ tưởng là huỳnh môn, xúc chạm phạm Thâu-lan-giá. Nam, tưởng là nam, nghi là nam, nam tưởng là huỳnh môn, xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nam, tưởng là nữ, tưởng nam vô căn, tưởng nam hai căn, xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá. Huỳnh môn cũng như vậy. Vô căn, tưởng là vô căn, nghi vô căn. Vô căn, tưởng nhị căn, vô căn, tưởng là nữ, xúc chạm, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Vô căn tưởng là nam, vô căn tưởng là huỳnh môn, xúc chạm, phạm Thâu-lan-giá. Hai căn cũng như

vậy. Tỳ-kheo cùng với nữ không có y phục xúc chạm nhau, phạm Tăng già ba thi xa, cùng người nữ có y phục xúc chạm nhau, phạm Thâu-lan-giá. Người nữ nắm Tỳ-kheo không có y, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nắm Tỳ-kheo có y, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo cùng người nữ, cả hai đều có y nắm nhau, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nắm y của người nữ, người nữ bỏ y cho Tỳ-kheo, phạm Thâu-lan-giá. Người nữ nắm y Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không bỏ y cho người nữ, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo xúc chạm người chết là nữ, không phải người nữ, phạm Thâu-lan-giá, nắm súc sinh cái phạm Đột-kiết-la, Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-đà-di bị lửa dục thiêu đốt nảy sinh ý nghĩ, cố ý xuất bất tịnh, xúc chạm thân người nữ, Đức Thế Tôn đã ngăn cấm, nay ta nên tạo điều kiện khác, hướng đến người nữ nói lời thô tục để tìm sự vui trong dục lạc. Với ý nghĩ ấy, Ưu-đà-di liền lau quét phòng rồi ngồi nơi chỗ đất trống. Người nữ đến viếng cảnh, dẫn vào phòng đóng cửa, như trước đã nói. Ưu-đà-di bèn ở trong phòng, cùng người nữ nói những lời thô tục, bằng cách hỏi sỗ sàng: Tay chân, bắp chân, cổ tay, eo lưng, bụng,

cổ, vú, đầu, mặt, móng tay, tóc, đường đại tiểu tiện của cô giống như cái gì? Lại nói: Này cô em, tay chân, cho đến đường đại tiểu tiện của cô em chỗ nào cũng xấu xí! Lại nói: Này cô em, tay chân, cho đến đường đại tiểu tiện của cô em chỗ nào cũng tốt đẹp! Lại hỏi: Khi chồng cô gần gũi cô, lại vỗ về cô ra sao? Nếu theo ý của tôi, tôi sẽ cho cô châu báu. Nếu cô cần gì, cho tôi được biết. Tất cả thiên thần đều chứng giám cho lòng tôi. Các người nữ nghe qua, người vui thích, kẻ không thích có phản ứng như trước đã nói. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được, bằng mọi cách quở trách, và đem vấn đề này bạch Phật. Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di:

Thật sự thầy có như vậy không? Ưu-đà-di thưa:

Bạch Thế Tôn, có như vậy.

Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm, hướng đến người nữ nói những lời thô tục, tùy theo vấn đề dâm dục, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Trường hợp phạm: Chê khen, cầu xin, hỏi, hỏi lại, chỉ dẫn. Tỳ-kheo có năm sự việc cùng người nữ nói lời thô tục, người nữ, tưởng người nữ, người sống theo cách nữ, người tâm nhiễm nữ, do tình thân cận, từ chê khen cho đến chỉ dẫn, người kia

hiểu rõ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu rõ phạm Thâu-lan-giá.

Chê: Chê bai ba chỗ của người nữ, hoặc nhỏ, hoặc lớn, hình sắc xấu xí. Khen: Ngợi khen ba chỗ của người nữ, không nhỏ, không lớn, hình sắc tốt đẹp. Xin: Đến người nữ xin ba chỗ, nếu có thể cho tôi, tôi có thể làm theo ý của cô. Nguyện: Muốn được ba chỗ của cô, được ba chỗ của cô là người phước lạc. Hỏi: Như hỏi chồng cô trong ba chỗ, hành dục chỗ nào? Làm gì khi nào? Hỏi lại: Như hỏi chồng cô đối với ba chỗ, không làm như vậy hay sao? Chỉ dẫn: Như dạy: Cô đem ba chỗ đáp ứng theo ý người nam thì được người nam luyến ái. Người nữ, tưởng là người nữ, cho đến hai căn, tưởng là hai căn, đều như trên đã đề cập. Lại có năm thứ: Sai sử, viết thư, ra dấu, cử động tay, nói lời tương tợ. Người kia hiểu rõ, phạm Thâu-lan-giá, hiểu không rõ, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo đối diện cùng người nữ nói lời thô tục, người nữ hiểu, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu phạm Thâu-lan-giá. Hướng đến phi nhân nữ nói lời thô tục, phạm Thâu-lan-giá, hướng đến súc sinh cái nói lời thô tục phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Trưởng lão

Ưu-đà-di bị lửa dục thiêu đốt, nảy sinh ý nghĩ: Cố ý làm xuất bất tịnh, xúc chạm thân người nữ, hướng đến người nữ nói lời thô tục, Đức Phật đều đã chế cấm, nay ta nên hướng đến người nữ tự khen ngợi việc hiến dâng thân xác, nhằm tìm lấy thú vui thỏa thích. Ưu-đà-di lại lau quét phòng, làm mọi việc như trên. Rồi ở trong phòng nói với người nữ: Này cô em! Cô em cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến các vị nhập thiền định, được bốn đạo quả, không bằng đem sự dâm dục cúng dường người trì giới. Các người nữ nghe qua, có người vui thích, có người không thích… cho đến câu: Đức Phật bằng mọi cách quở trách, như trên đã nói. Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo lòng dục thôi thúc làm biến dạng tâm, hướng đến người nữ tự khen việc đem thân cúng dường, nói: Cô em đem việc dâm dục cúng dường là sự cúng dường hạng nhất, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Nếu bằng nhiều cách nói để khen việc đem thân cúng dường dâm

dục thì mỗi lời nói đều phạm Đột-kiết-la. Nếu nói: Không bằng đem dâm dục để cúng dường thì mỗi lời nói đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói: Cúng dường bằng dâm dục là sự cúng dường bậc nhất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Dùng năm việc tự khen

cúng dường thân, người nữ, tưởng là người nữ, người nữ sống theo kiểu nữ, người tâm nhiễm nữ, dùng tình gần gũi, nói: Cúng dường dâm dục là sự cúng dường bậc nhất, người kia hiểu rõ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu rõ phạm Thâu-lan-giá. Người nữ, tưởng người nữ, cho đến hai căn, tưởng là hai căn, sai người cho đến nói tương tợ, đối diện cùng người nữ nói, hướng đến phi nhân nữ, súc sinh cái đều như trước đã nói. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tư.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy có Trưởng giả tên là Ca-lưu, thông minh lợi căn, khéo đoạn nghi hoặc cho người. Trong thành Xá-vệ, hễ có sự việc gì, đến cả việc hôn nhân không ai là không đến hỏi ý kiến. Ca-lưu nói được, họ mới làm, nói không được thì họ không làm. Kết quả tốt thì họ nói: "Nhờ Ca-lưu nên họ mới được thế này, nên làm thế nào để Ca-lưu cũng được vui như ta". Nếu kết quả xấu thì họ cũng nói: "Do Ca-lưu nên ta mới ra nông nỗi thế này, làm sao cho Ca-lưu cũng chịu nỗi khổ như ta". Như vậy tiếng khen, tiếng chê đối với Ca-lưu khắp đầy cả nước. Thời gian sau, do lòng tin, Ca-lưu xuất gia học đạo, những người cần hỏi ý kiến, theo ngày tháng càng đông hơn, thậm

chí Vua Ba-tư-nặc cũng đích thân đến hỏi việc nước. Điều hoan hỷ, sự phẫn nộ vang lừng gấp bội so với trước.

Khi ấy có một quả phụ, đứa con gái của bà ta sắc đẹp nhất xứ, nhiều người đến cầu hôn, bà đều không nhận lời. Bà ta nói: Nếu người nào muốn cưới con gái của bà thì phải ở rể luôn thì bà mới gả cho.

Bấy giờ, một người Bà-la-môn giàu có, tiền của không sao kể xiết được, nói với bà quả phụ: Cho con trai tôi cưới con gái của bà thì sẽ có sự sống an lạc.

Bà quả phụ vẫn trả lời như lúc trước.

Bị từ chối, người Bà-la-môn bèn dò la trong quần chúng để biết ai là người thường tới lui nhà bà quả phụ ấy.

Có người cho biết: Sa-môn Ca-lưu là người thường đến nhà ấy.

Người Bà-la-môn liền mời Ca-lưu tới nhà mình để cúng dường thường xuyên. Đã trở thành chỗ thân giao, người Bà-la-môn đem sự việc thưa: Tôi muốn cưới con gái của bà… làm vợ cho con tôi, nhờ Đại đức vì tôi nói giúp lời.

Ca-lưu liền mặc y bưng bát đến nhà quả phụ. Bà quả phụ liền ra lễ bái hỏi chào. Ca-lưu nói: Cô có thể gả con gái của cô cho con ông ? Gia đình ông ấy giàu có, chắc chắn con cô được an lạc. Bà

quả phụ vẫn trả lời như trước.

Ca-lưu lại nói: Nếu không gả đứa con gái này, khi lớn lên bị lỡ thì nó không nghe lời bà nữa đâu. Tại sao lại để mất đứa con gái, lại mất một người rể tốt!

Bà quả phụ nghe nói như vậy liền đồng ý. Ca-lưu trở lại nhà trai với lời báo tốt đẹp. Cuộc hôn nhân thành tựu. Sau khi về nhà chồng, chịu nhiều điều cực khổ, cô ta liền viết thư nhờ mẹ nói với nhà chồng cầu xin chút thong thả.

Bà mẹ bảo cô ta: Việc này phải cần Ca-lưu đến nói.

Hôm sau Ca-lưu tới nhà bà quả phụ, bà nói hết những điều khổ cực của con mình, và thưa: Do Đại đức mà có cuộc hôn nhân này, Đại đức vì tôi đến nói giúp.

Ca-lưu trả lời: Con của bà vô phúc mới gặp cảnh khổ này, nếu có phúc thì cơ sự đâu đến nỗi như vậy. Pháp của Sa-môn, không cho tôi biết đến sự việc ấy của người thế tục.

Bà quả phụ liền mắng: Trước kia biết việc của người, nay lại nói không biết, người ác như thế thì cuối cùng sẽ không ra chi. Bà ta tru tréo đủ cách, ngôn từ hết sức cay nghiệt mắng nhiếc Ca-lưu.

Người hàng xóm nghe đều đến can, nói: Con của bà bạc phước nên mới chịu lắm cái khổ như vậy, chứ can chi đến Sa-môn này mà mắng nhiếc

ông ta thậm tệ như thế?

Bà quả phụ nói: Các người đâu có biết gì, do Sa-môn này xuôi tôi gả con nên con bé nhà tôi mới chịu khổ cực như vậy.

Lúc này, những người thiếu lòng tin đối với Phật pháp đều buông lời mỉa mai: Bà tin Sa-môn nên con bà chịu khổ là đáng đời! Nếu ai còn tin lời họ thì cứ coi đó mà tin!

Mọi người lại mắng nhiếc: Chúng ta là Cư sĩ, sự thường làm mai mối, Sa-môn Thích tử cũng làm như vậy. Việc làm thường tình này khiến họ và ta có khác gì đâu, khác chăng là cái đầu trọc và chiếc áo hoại sắc!

Tiếng xấu ấy đồn vang khắp cả gần xa, các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được liền bằng mọi cách quở trách, rồi cùng nhau đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài việc đã xảy ra. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ca-lưu:

Thật sự ông có như vậy không? Ca-lưu thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Do mười điều lợi nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Tỳ-kheo nào làm mai mối, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Bấy giờ, các nhà hào phú nơi thành Xá-vệ

muốn làm việc tư thông với các đồng nữ đã lớn tuổi trong thành, nhưng họ tự xấu hổ không dám nói lên ý muốn của mình, lại không nhờ được ai, bèn nói với nhóm Lục quần Tỳ-kheo: Thầy có thể vì tôi nói điều đó, cần chi tôi sẽ lo liệu. Một ngày một đêm cho đến một lần gặp nhau là bao nhiêu? Lục quần Tỳ-kheo liền đến chỗ các người nữ, nói rõ ràng vấn đề trên. Những người thấy biết việc làm ấy đều cùng nhau đồn đại: Sa-môn Thích tử tịnh tu phạm hạnh, tại sao nay lại làm nghiệp ác này. Chỗ nhục nhã là câu kết, hợp tác với đám tà dâm, không phải là Cư sĩ. Các Sa-môn này chẳng còn chút hổ thẹn nào cả!

Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa đến chỗ Phật, trình bày lên Ngài sự việc. Đức Phật nhân việc này tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo Lục quần:

Sự thật các ông có như vậy không? Lục quần Tỳ-kheo thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay giới này được nói như sau: "Nếu Tỳ-kheo làm việc mai mối, hay làm việc tư thông, đem ý người nam đến nói với người nữ, đem ý người nữ đến nói với người nam, cho đến một lần gặp gỡ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Có mười hạng nam, mười hạng nữ. Mười hạng nữ: Cha mẹ bảo hộ, anh chị bảo hộ, bà con bảo hộ, tự bảo hộ, pháp bảo hộ, tự ý mình nhận y vật, cùng thề, có chủ và tác tín. Cha mẹ bảo hộ: Là người nữ có cha mẹ, cha mẹ có quyền cưới gả, có quyền định đoạt. Anh chị, bà con cũng như vậy. Tự bảo hộ: Tự mình được tự tại, tự mình ưng hay không ưng ai, tự mình quyết định. Pháp bảo hộ: Là chánh pháp, xuất gia tu hành phạm hạnh. Tự ý mình: Tự theo sở thích của mình. Y vật: Là nhận y vật của người khác. Cùng thề: Cùng người hứa hẹn. Có chủ: Người nữ có chồng. Tác tín: Nhận bưu thiếp của người, đưa đến sự hứa hẹn một ngày một tháng, cho đến một lần gặp gỡ. Mười hạng nam cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo nhận lời của người nam có cha mẹ bảo hộ, phạm Đột-kiết-la. Nói với người nữ có cha mẹ bảo hộ, cho đến người nữ tác tín, phạm Thâu-lan-giá. Họ không chấp thuận, trở lại báo, phạm Thâu-lan-giá. Họ hứa gả trở lại báo, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo nhận lời nói của người nam có cha mẹ bảo hộ, nói với người nữ có cha mẹ bảo hộ, người nữ nói: Có thể nói với cha mẹ tôi. Tỳ-kheo đem lời nói này trở lại trả lời, phạm Thâu-lan-giá. Người nam có cha mẹ bảo hộ lại khiến Tỳ-kheo nói với cha mẹ người nữ kia, nhận lời nói này, phạm Đột-kiết-la. Nói với cha mẹ người nữ kia, cho đến không chấp thuận, trở lại trả lời, phạm Thâu-lan-giá, hứa thuận trở lại trả lời,

phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nhận lời nói của người nam có cha mẹ bảo hộ, nói với người nữ có anh chị, bà con bảo hộ cũng như vậy. Cho đến nhận lời nói của người nam tác tín, nói với người nữ có cha mẹ bảo hộ, cho đến nói với người nữ tác tín, cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo nhận lời nói của người nữ có cha mẹ bảo hộ, cho đến người nữ tác tín, nói với người nam có cha mẹ bảo hộ, cho đến nói với người nam tác tín, cũng lại như vậy.

Có sáu cách nói: Tự mình nói, sai người nói, viết thư nói, sai người này sai người khác nói, nói lời tương tự, ra dấu. Nếu Tỳ-kheo tự mình nhận lời, tự mình nói với người kia, tự mình trở lại trả lời, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-kheo tự mình nhận lời, sai người đến nói người kia, sai người trở lại trả lời, đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tự mình nhận lời, cho đến ra dấu nói với người kia, ra dấu trở lại trả lời, cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo nhận lời nói bằng cách ra dấu, cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo vì người bên nam hay người bên nữ, làm việc mai mối, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Vì người nam tiến hành việc mai mối với bên phi nhân nữ, phạm Thâu-lan-giá. Vì người nam, làm việc mai mối, với bên súc sinh cái, phạm Đột-kiết-la. Vì người nữ cũng như vậy. Vì phi nhân nam làm mai mối với bên người nữ phạm Thâu-lan-giá. Vì súc sinh đực làm mai mối với bên người nữ, phạm Đột-kiết-la. Vì người nữ làm mai mối với bên huỳnh môn,

phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo vì người nam mượn người nữ, vì người nữ mượn người nam, để sai khiến lâu dài, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Không phạm: Vì hòa hợp.

Xong giới thứ năm.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở ấp A-đồ-bệ, tự xin vật liệu để làm phòng xá, đến các Cư sĩ xin xe cộ, trị giá bằng xe

cộ, xin nhân công, trị giá bằng nhân công, gỗ cây tre trúc thứ gì cũng xin. Cư sĩ chán ngấy, thấy Tỳ-kheo là tránh xa. Các Tỳ-kheo xin không được thứ gì nữa cả, bèn tự mình chặt cây phát cỏ, đào đất làm vật liệu. Có một Đại đức Tỳ-kheo tự mình chặt cây của vị thần, trong khi đứa con nhỏ của vị thần đang vui chơi nơi cây, bị chặt đứt một ngón tay. Thần cây đau khổ vô cùng, ý ác nổi dậy muốn đến đánh Tỳ-kheo, song liền nghĩ lại: Vị này có oai đức lớn, nếu ta đánh lỡ tay bị chết, chắc chắn phải nhận lấy tăm tối triền miên của bao điều khổ não. Vị thần lại nghĩ: Hiện nay Đức Thế Tôn ở tại thành này, ta nên đến trình bày việc này, Đức Phật dạy sao thì ta phụng hành thế ấy. Vị thần liền đến Kỳ-hoàn trình bày đầy đủ vấn đề lên Đức Phật. Ngay lúc ấy, Đức Phật tán thán vị thọ thần:

Hay thay! Hay thay! Ông có được niệm thiện như thế! Hiện nay Tỳ-kheo này thật có oai đức, nếu đánh, ắt phải thọ khổ báo.

Đức Phật lại bảo vị Thọ thần:

Nơi vùng ấy có một cây rất lớn chưa thuộc về của ai, ông có thể đến đó nương tựa.

Nhận lời chỉ giáo vị Thọ thần ra đi. Với sự việc như vậy, trên đường du hành, Đức Phật chậm rải về ấp A-đồ-bệ.

Trưởng lão Đại Ca-diếp, sáng sớm đắp y bưng bát vào thành khất thực. Vì chuyện trên, các Cư sĩ trông thấy đều lánh mặt. Trưởng lão lấy làm lạ, hỏi người đi đường, họ nói: Các Tỳ-kheo ở đây xin vật liệu để làm phòng xá không biết thế nào là chán, người trong ấp lo nghĩ khổ tâm lắm nên thấy Tôn giả họ tránh là vậy. Tôn giả Đại Ca-diếp sau khi thọ thực trở về lại chỗ Đức Phật, trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Sự thật các thầy có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa:

Bạch Thế Tôn! Sự thật có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách và nói:

Các thầy nên tu hạnh ít ham muốn, biết vừa đủ, không nên có nhiều sự cầu xin không biết nhàm chán như vậy.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

Vào đời quá khứ có một Tiên nhân ở trong hang đá bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, Long vương hằng ngày từ nước xuất hiện, nhiễu quanh vị Tiên nhân bảy vòng, đưa đầu lên xuống để nêu bày sự cung kính. Sau đó, vị Tiên nhân du hành trong nhân gian, người đệ tử trông coi cái hang, con rồng cũng như trước kia, hằng ngày đến tỏ vẻ cung kính, nhưng người đệ tử quá hoảng sợ đâm ra suy nhược gầy đi trầm trọng. Thời ấy, Ta đang hành đạo Bồ-tát, du hóa bên bờ sông Hằng chứng kiến sự việc này, liền hỏi lý do, được người học trò của Tiên nhân thổ lộ sự thật. Ta lại hỏi: Nay ông không muốn thấy con rồng ấy nữa phải không? Người đệ tử trả lời: Đúng như vậy. Ta hỏi: Ông thấy dưới cổ con rồng có những vật gì hay không? Người đệ tử nói: Có hạt ngọc Ma-ni. Ta bảo: Khi con rồng tới, ông chấp tay hướng đến nó, nói lên ý muốn này: Nay ta cần hạt ngọc Ma-ni ở dưới cổ của ngươi, xin ngươi cho ta. Người đệ tử của Tiên nhân ghi nhận lời chỉ vẽ của Ta nên ngay khi con rồng từ dưới nước xuất hiện, liền ngỏ lời xin hạt minh châu. Con rồng nghe xin hạt minh châu liền đứng sững cả người, lặng thinh. Người đệ tử Tiên nhân lại vì Long vương nói kệ:

Long vương nay cần ngươi
Cho hạt châu dưới cổ
Lòng ta rất ưa thích!
Cớ sao lặng cả người?

Rồng liền dùng kệ đáp:

Tất cả gì ta cần
Đều được từ ngọc châu
Nay ông theo cầu xin
Vĩnh viễn ta không đến.
Như tiếng lửa vỡ bùng
Khiến lòng người khiếp sợ
Nay ta nghe ông nói
Hoảng hốt sợ nhiều hơn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dẫn tích xưa, nói kệ:

Người xin không ai ưa
Xin mãi bị oán ghét
Long vương nghe tiếng xin
Một đi không trở lại.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Long vương thọ nghiệp báo tự nhiên, hãy còn không hoan hỷ nghe tiếng cầu xin. Nay các Cư sĩ làm ăn vất vả khổ nhọc mới có được của tiền, tại sao các ông không biết điều đó, lại cứ luôn luôn cầu xin.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Xưa kia, một thời Ta ở tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo an cư xong, đến chỗ Ta, nhân đó Ta hỏi: Thầy an cư ở đâu? An cư có được an ổn không? Khất thực có dễ được không? Đi đường có nhọc mệt không?

Tỳ-kheo kia trả lời: Con an cư tại khu rừng nơi

sườn núi Tuyết, an cư được an ổn, khất thực dễ được, trên đường đi không nhọc mệt, duy chỉ có một điều đáng lo là các con chim ban đêm ồn ào, nên không chuyên niệm được trong khi tọa thiền tư duy. Ta hỏi Tỳ-kheo ấy: Nay thầy còn muốn vui với khu rừng đó nữa không? Tỳ-kheo ấy thưa: Bạch Thế Tôn! Con rất thích. Ta nói: Thầy về lại nơi đó lúc xẩm tối, muôn chim bay về, thầy chấp tay hướng đến nó nói: Nay ta cần những cánh lông của các ngươi, các ngươi có thể cho ta. Giữa đêm, sau đêm cũng nói như vậy. Tỳ-kheo kia làm y theo lời Ta bảo. Các con chim suốt đêm bàn nói: Nay Tỳ-kheo này xin ta điều đó, chúng ta có nên cho hay không? Chúng nó đều nói: Không thể cho được, rồi bay đi luôn, không trở lại.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Loài chim còn không ưa nghe tiếng cầu xin, huống chi là người. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Thuở đời quá khứ có quốc vương tên là Ca-di, ưa làm việc bố thí, cung cấp cho người nghèo khổ. Khi ấy, có vị Phạm chí, được nhà Vua rất ái trọng, nhưng chưa bao giờ đến nhà Vua cầu xin thứ gì. Bấy giờ, nhà Vua nói kệ:

Phương xa, người đều đến
Khắp nơi tới ta xin
Nay sao ông tại chỗ
Không xin, có ý gì?

Phạm chí lại dùng kệ trả lời:

Người xin không ai thích
Không cho gây oán hờn
Thế nên im, không xin
Sợ lìa mất tình thân

Nhà Vua lại nói kệ:

Người trí đâu ghét xin
Lắng nghe rõ tiếng cầu
Huống ông, tình thân ái
Bao dung sẽ sẵn lòng.
Cam nghèo thẹn cầu xin
Chỗ đáng nhận không nhận
Mất người rộng lòng phước
Lại tự khổ lấy mình.
An bần cầu không thẹn
Nhận nơi chỗ đáng nhận
Vun xới thiện cho người
Cho tự thân an lạc.
Điều xin tròn đức hạnh
Cũng không lỗi miệng, thân
San sẻ giữa có không
Cớ sao lại chối từ!

Phạm chí lại dùng kệ trả lời:

Người hiền không nói xin
Nói xin chẳng phải hiền
Im lặng không cầu xin
Đại nhân ấy người hiền.

Nhà Vua nghe kệ nói về Hiền nhân, tâm rất

hoan hỷ, liền đem một con bò chúa và một ngàn con bò khác để biếu tặng Hiền nhân Phạm chí.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Mối quan hệ giữa nhà Vua với Phạm chí tuy rất thân tình, song còn khó xảy ra sự cầu nhiều như thế, huống chi là các cư sĩ, đối với các thầy không có sự ái kính mà cầu xin nhiều sao?

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

Xưa kia có một người con thuộc nhà danh giá, tên là La-tra-ba-la, cha mẹ rất yêu quý, nhưng từ khi xuất gia không hề xin cha mẹ thứ gì. Ngạc nhiên, cha mẹ bằng lời kệ hỏi con:

Xa xôi người tìm tới
Khắp nơi đến ta xin
Con là con yêu quý
Không xin có ý gì?

La-tra-ba-la cũng dùng kệ trả lời:

Người xin không ai ưa
Đã không cho lại ghét
Con đã xuất ra rồi
Không nên cầu xin nữa.

Này các Tỳ-kheo! La-tra-ba-la được cha mẹ yêu quý, còn lấy cớ xuất gia không trở về cầu xin, huống chi là các Cư sĩ, đối với các thầy đâu có thân hậu gì mà lại xin nhiều như thế?

Đức Phật bằng mọi hình thức, quở trách như vậy rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Do mười điều lợi, nên Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau:

"Tỳ-kheo nào tự mình xin vật liệu làm nhà, không có thí chủ, phải làm đúng lượng, bề dài mười hai gang tay Phật, bề rộng bảy gang tay Phật, nên mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ. Các Tỳ-kheo phải chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi. Nếu không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, hoặc làm quá lượng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Tự mình xin: Tỳ-kheo vì mình đến người khác xin.

Phòng: Là nơi có thể đi, đứng, ngồi, nằm, sinh hoạt theo bốn oai nghi.

Không có thí chủ: Không có người dâng cúng.

Vì mình: Vì chính mình chứ không vì người khác, cũng không vì Tăng.

Mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ: Tức là mời các Tỳ-kheo biết pháp, trì luật đến chỉ chỗ cho mình.

Các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi: Chỗ trở ngại là chỗ ngả tư đường, nhiều người tụ họp, vui đùa, chỗ dâm nữ, chỗ chợ búa, chỗ thả trâu, chỗ sư tử, hổ lang, thú dữ, bên bờ sông nước xói, chỗ có đại thọ được thờ cúng, chỗ có ruộng vườn tốt, chỗ có phần mộ, chỗ quá gần hay quá xa thôn xóm, chỗ có đường đi hiểm trở. Như vậy gọi là chỗ trở ngại. Không có các nạn

trên đây thì gọi là chỗ không có trở ngại.

Chỗ có đường đi: Là chỗ xung quanh có đường xe đi được. Như vậy gọi là chỗ có đường đi. Nếu chỗ có các trở ngại như trên đó là chỗ không có đường đi. Các Tỳ-kheo chỉ chỗ phải nói với các Tỳ-kheo kia: Thầy đừng nên xây cất ở chỗ này. Nếu chỗ không có các trở ngại như trên, chỗ có đường đi quanh thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo kia: Thầy nên chọn xây cất nơi chỗ này. Tỳ-kheo đương sự phải đến chỗ Tăng cầu xin chỉ chỗ xây cất. Tỳ-kheo để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, chấp tay tác bạch trước Tăng như sau:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là tự xin vật liệu làm phòng cho mình, không có thí chủ, nay đến xin Tăng chỉ chỗ, cúi xin Tăng hiện tiền chỉ chỗ cho tôi". Xin Ba lần như vậy. Tăng nên sai một vị tác bạch:

Đại đức Tăng, xin lắng nghe, Tỳ-kheo này tên là tự xin vật liệu làm phòng cho mình, không có thí chủ, nay đến xin Tăng chỉ chỗ. Nay Tăng vì Tỳ-kheo tên là chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là tác bạch.

Đại đức Tăng, xin lắng nghe, Tỳ-kheo này tên là_tự xin vật

liệu làm phòng cho mình, không có thí chủ, nay đến xin Tăng chỉ chỗ. Nay Tăng vì Tỳ-kheo tên là

chỉ chỗ không có trở ngại, chỗ có đường đi. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, ai không đồng ý xin nói.

Tăng đã vì Tỳ-kheo tên là chỉ chỗ không trở ngại, chỗ có đường đi rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy phải thi hành đúng như vậy.

Nếu Tăng chỉ chỗ có trở ngại, chỗ không có đường đi, thì Tăng phạm Đột-kiết-la. Nếu cất ở chỗ trở ngại này thì cũng như vậy. Không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, thì từ khi nghĩ ra việc xây cất rồi hình thành chỗ đất đến xem đất sơ qua đều phạm Đột-kiết-la. Làm đất kỹ lưỡng phần nền, phạm Thâu-lan-giá. Cất xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Làm bằng tạp kim, ngân, châu báu và làm thành bằng ngói gạch, cho đến làm trong đất của Tăng, đều phạm Thâu-lan-giá, Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 3

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà, thường tới lui các gia chủ để nói pháp, lo liệu xử lý công việc nhà quan cũng như chữa trị cho các con bệnh. Các quốc vương, Đại thần, trưởng giả, cư sĩ không ai là không kính trọng, thân tình. Có trường hợp các người thuộc những tầng lớp cùng đến thăm viếng, gặp lúc Xiển-đà đang đi kinh hành, họ đến tận nơi đảnh lễ sát chân. Xiển-đà vì họ nói pháp diệu, họ vui mừng vì sự lợi ích đã được chỉ dạy. Khi mọi người lui về, Xiển-đà cũng trở về phòng mình, nhưng phòng này đã có Thượng tọa đến trưng dụng rồi. Cứ như vậy phòng nào cũng có người ở, cho đến phòng nhỏ nhất cũng đã có chủ. Đã mất chỗ ở, Xiển-đà đành phải du hành trong nhân gian. Sau đó, các người thuộc các tầng lớp kia lại đến thăm viếng, thấy các

Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống, họ hỏi: Thầy của chúng tôi là Xiển-đà, hiện nay ở đâu?

Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi không biết.

Họ tìm khắp nơi nhưng không kết quả, đành quay về. Ra đi rồi lại trở về, Xiển-đà mặc y, bưng bát đến các gia chủ cũ của mình. Họ đều ra đón chào và thưa: Bạch Đại đức! Vừa rồi chúng con có tới Tăng phòng tìm thăm mà không gặp, vậy nay Đại đức từ đâu đến?

Xiển-đà nói: Tôi là hàng hạ tọa nhỏ nhất, tất cả phòng, các Thượng tọa đều ở hết, nên tôi phải du hành, do đó các vị đến không gặp để thăm hỏi nhau.

Các gia chủ thưa: Có thể tìm nơi nào đó, chúng con sẽ cất phòng xá cho Đại đức ở, không những chúng con được phước mà Đại đức có chỗ an ổn để tu hành. Vả lại, khi chúng con đến thăm viếng khỏi bị trở ngại.

Xiển-đà trả lời: Tôi không thể tự làm vì sẽ xao lảng việc hành đạo. Khi tuổi càng lớn, theo thứ tự, sẽ có được chỗ ở là điều dĩ nhiên.

Các gia chủ lại thưa: Chúng con may mắn có vật liệu lại có tâm thiện. Của cải vật dụng thì vô thường còn tâm thiện khó lòng giữ mãi, vậy xin Đại đức tìm chỗ, chúng con muốn được cất phòng xá để cúng dường.

Xiển-đà thấy họ quá ân cần, khó lòng từ chối,

bèn đi khắp vùng tìm đất để làm thất. Nhận thấy địa điểm Thọ thần là nơi rất tốt cho việc tạo dựng phòng xá, nên Xiển-đà liền triệt hạ cây cổ thụ này.

Vị thần nơi cây đại thọ ấy, người trong nước đều thờ phụng, mọi sự khấn vái được thần đáp ứng như ý nguyện. Nay bỗng nhiên chứng kiến cây bị đốn, ai nấy đều vô cùng kinh ngạc. Những người không có lòng mến tin Phật pháp đồng loạt mắng: Sa-môn Thích tử thật là vô đạo, chỉ biết lợi cho mình mà làm tổn thương đến trời, người.

Người có lòng mến tin Phật pháp thì nói: Cây này có thần ở, mọi người đều kính sợ, ngày đêm đều khấn nguyện không dám ngạo mạn xúc phạm, nay các Tỳ-kheo chặt cây không chút ngại ngùng. Nhưng rồi nơi cư ngụ ấy mọi sắc tâm vẫn an ổn như thường. Có thể nói vị thần ấy đã vô cùng kính trọng Tỳ-kheo.

Lời khen tiếng chê đồn đãi khắp nước, các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa Xiển-đà đến chỗ Phật, trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Xiển-đà:

Thật sự ông có làm như vậy không? Xiển-đà thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách nghiêm khắc rồi bảo các Tỳ-kheo:

Do mười điều lợi, nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Nếu Tỳ-kheo có thí chủ, vì mình làm phòng xá, nên mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ. Các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ không bị trở ngại, chỗ có đường đi. Nếu không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Có thí chủ: Là có người dâng cúng. Ngoài ra như trong giới không có thí chủ vừa rồi đã nói.

Xong giới thứ bảy

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Vua Bình-sa hằng ngày theo thứ tự thỉnh năm trăm vị Tăng vào trong thành nội để thọ trai, thần dân cũng đồng thực hiện như vậy. Khi ấy, các Tỳ-kheo đều nghĩ đến việc hành đạo, chưa có người chuyên trách phân phối theo thứ lớp mời đi thọ trai. Lục quần Tỳ-kheo luôn luôn có mặt ở chỗ tốt ấy. Mọi người hỏi: Chúng con thỉnh Tăng theo thứ tự thọ trai, tại sao các Trưởng lão thường đến đây mà không thấy các vị khác? Họ chê khéo như vậy mà vẫn không chút tự trọng. Khi ấy, có người con của lực sĩ Đà-bà, tuổi mười bốn, xuất gia hành đạo, trong chỗ yên tịnh đã có suy nghĩ: Nay Vua Bình-sa, hằng ngày theo thứ tự thỉnh năm trăm vị Tăng thọ trai tại thành nội, thần dân cũng lại làm như vậy, song trong Tăng không có người chuyên trách

phân phối việc thọ trai, nên đưa đến tình trạng Lục quần cứ lựa chỗ tốt mà đến, điều này làm mất sự ngưỡng vọng chung và làm lệch ý nghĩ của người tín thí. Nếu đến tuổi hai mươi, ta thọ giới Cụ túc, đắc A-la-hán, có được sáu thần thông, sẽ vì chúng Tăng làm người chỉ định Tăng đi phó hội và phân phối ngọa cụ. Đến tuổi mười sáu, Đà-bà thành tựu quả A-la-hán, đắc sáu thần thông, hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Ý nghĩ thuở ấy lại khơi dậy trong Đà-bà: Trước đây ta nguyện vì chúng Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọa cụ, nay đã đến lúc làm việc đó. Đà-bà đi ngay đến thành Vương-xá, trước các Tỳ-kheo nói lên lời nguyện của mình trước đây. Vì lời nguyện này, các Tỳ-kheo bạch lên Phật. Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Đà-bà:

Thật sự ông có muốn vì Tăng làm người sai Tăng phó hội, và phân phối ngọa cụ phải không?

Đà-bà thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách khen hạnh thiểu dục, tri túc, khen ngợi giới, khen ngợi người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo:

Nay cho phép Đà-bà vì Tăng làm người chỉ định Tăng phó hội và phân phối ngọa cụ. Tăng nên sai một Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma:

Đại đức Tăng xin lắng nghe, nay Tỳ-kheo Đà-

bà này muốn vì Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọa cụ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo Đà-bà này muốn vì Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọa cụ. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã chấp thuận Tỳ-kheo Đà-bà làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọa cụ rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thi hành như vậy.

Đà-bà với nhiệm vụ liền vì Tăng làm người sai Tăng phó hội và phân phối ngọa cụ. Người thiểu dục, tri túc thì ở cùng chúng thiểu dục, tri túc. Người lạc tịnh thì ở cùng chúng lạc tịnh. Người tụng Tu-đa-la thì ở cùng chúng tụng Tu-đa-la. Người trì luật thì ở cùng chúng trì luật. Người làm pháp sư thì ở cùng chúng pháp sư. Người tán tụng thì ở cùng chúng tán tụng. Người tu nơi A-lan-nhã thì ở cùng chúng A-lan-nhã. Người khất thực thì ở cùng chúng khất thực. Người ngồi thiền thì ở cùng chúng ngồi thiền. Như vậy, những người do tu hạnh khác nhau mà Đà-bà đã phân thành các chúng, tùy theo đặc điểm mà chỉ dẫn nơi ở và phòng xá. Tất cả các Tỳ-kheo đều được chỗ ở an ổn. Tỳ-kheo các nơi, hữu sự đến vào lúc xẩm tối cũng vội tới Đà-bà để xin chỗ tạm trú nghỉ ngơi. Đà-bà liền nhập Tam-muội Hỏa quang, tay bên trái

phóng ra ánh sáng, tay bên phải chỉ chỗ ngọa cụ một cách trung thực hợp tình. Lúc ấy, các nơi xa xôi đều nghe tiếng Tỳ-kheo Đà-bà đã vì chúng Tăng thành Vương-xá làm người chỉ định Tăng phó hội và phân ngọa cụ đầy đủ đức độ như vậy, đều hăm hở thổ lộ ý nghĩ: Ta sẽ đến trú xứ ấy để thăm hỏi Đức Thế Tôn, luôn tiện diện kiến Đà-bà cũng như để được trông thấy thần lực của người. Với ý nghĩ như vậy, họ ra đi và đến thành vào lúc xẩm tối. Họ tới Đà-bà xin chỗ tạm trú. Như pháp, Đà-bà sắp xếp chỗ ở thích nghi. Và cũng như vậy, Đà-bà chỉ định họ theo thứ tự đến dự hội.

Bấy giờ, tại thành Vương-xá có trưởng giả Thiện-phạn đã thấy được pháp và đắc quả. Hằng ngày ông ta đích thân mời hai Tỳ-kheo về nhà cúng dường với thức ăn thượng vị. Phước đức tự thân của anh em Từ-địa đều mỏng, nên khi chia ngọa cụ cũng như mời đi thọ trai thường nhận thứ thô xấu và cấp bậc thấp. Điều may mắn lại đến, Từ-địa được Tăng sai đến nhà thí chủ này. Thiện-phạn biết rõ nên lại nảy ra ý nghĩ: Hai vị này là người ác, không có hạnh thanh tịnh, tại sao lại được nhận thức ăn thượng vị của ta cúng dường? Thiện-phạn liền lui tìm gặp vợ và căn dặn: Hôm nay bà chỉ nên làm thức ăn đơn giản, đạm bạc. Khi anh em Từ-địa đến, bên ngoài cửa đã có đứa ở trải tòa phu cụ để đón. Người vợ làm theo lời dặn của chồng, chuẩn bị thức ăn thô kém phẩm chất. Anh em Từ-địa đã

đến lúc nên bưng bát tới, gia đình Thiện-phạn ngồi yên nơi tòa của mình. Đám nô tỳ ra dâng cúng thức ăn thô kém phẩm chất. Từ-địa thấy vậy hỏi: Này chị em! Nhà này thường cúng dường bữa ăn rất ngon, tại sao nay lại cúng thức ăn thô dở thế này? Nô tỳ nói: Tôi là kẻ thấp hèn, làm sao biết được lý do ấy.

Ăn xong ra về, trên đường đi, Từ, Địa mắng thầm Đà-bà, con của Lực sĩ: Phen này cần cho Đà-bà một bài học đích đáng. Về đến trú xứ, trước các Thượng tọa, ta sẽ nói rõ việc này: Đà-bà con của Lực sĩ làm việc theo cảm tính: Yêu, ghét, giận, hờn, si mê, sợ hãi. Sợ ai thì cho đồ tốt, không sợ ai thì cho đồ xấu. Các Tỳ-kheo nói: Các thầy chớ nên nói những lời như thế, Tỳ-kheo Đà-bà nào có tùy tiện vì yêu, ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi. Tạo sao vậy? Vì lẽ Tỳ-kheo Đà-bà đắc A-la-hán, đầy đủ sáu thần thông mà làm việc theo yêu, ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi là điều không có cơ sở.

Từ, Địa nói: Chính vì đắc thần thông nên biết được nhà nào có thức ăn ngon, nhà nào có thức ăn dở, chỗ nào ngon thì dành cho người khác, chỗ nào dở thì sai chúng tôi đến, nên tôi kết luận là làm việc theo yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi. Nói như vậy chưa thõa lòng, Từ-địa đến các nơi khác, việc hàng đầu là rêu rao nói xấu Đà-bà. Sau đó, Từ-địa đến thành Vương-xá để gặp người em gái tên là Di-đa-la là ni cô. Di-đa-la thấy hai anh đến ra nghinh đón

đảnh lễ hỏi chào. Hai anh em Từ-địa đều không nói năng chi cả. Di-đa-la thưa: Em không nhớ có phạm điều chi, tại sao hai anh có thái độ thế này! Từ-địa trả lời: Em không giúp hai anh nên khiến cho Đà-bà làm khổ hai anh như vậy. Di-đa-la hỏi: Hai anh muốn em trợ giúp bằng cách nào? Từ-địa bảo: Em hãy giúp hai anh bằng cách đến chỗ Đức Phật thưa: "Kính bạch Thế Tôn, từ trong chỗ không có lo sợ, hốt hoảng, xoay ngược lại thành chỗ khủng bố, sợ hãi. Nay con không còn chỗ nào để tìm được sự an ổn! Đà-bà vốn được cho là người phạm hạnh, giờ đây đến xúc chạm làm hoen ố con, phạm Ba-la-di".

Di-đa-la nói: Đà-bà thanh tịnh, nếu em hủy báng người thì ắt Tăng sẽ tác pháp Tự ngôn, đuổi em. Em đã xuất gia, cần phải có chỗ để nương tựa. Từ-địa nói: Hai anh sẽ làm chứng cho em để Đà-bà bị đuổi, làm gì có chuyện em bị tác pháp Tự ngôn và bị đuổi. Di-đa-la nói: Nếu Tăng đuổi Đà-bà thì ta đâu có được thêm gì khác? Hai anh Từ-địa nói: Điều cần là làm cho Thế Tôn ruồng bỏ và Đà-bà vì ta nên bị đuổi đi, tức ta không còn khổ. Hai anh sẽ được sống an lành với trú xứ. Cô em gái vì kính trọng hai anh nên không dám trái mạng. Di-đa-la đến chỗ Đức Phật và tố cáo như trên. Khi ấy, Đà-bà và La-hầu-la đang đứng hai bên Đức Phật. Đức Phật hỏi Đà-bà: Ông có nghe Di-đa-la nói điều gì không? Đáp: Bạch Thế Tôn, con có nghe, nhưng điều đó Thế Tôn đã tự biết. Đức Phật hỏi ba lần

như vậy và ba lần Đà-bà cũng trả lời như vậy. Với sự việc như thế, La-hầu-la bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! phiền gì phải ba lần hỏi Đà-bà, chỉ cần tẫn xuất cô ni này là xong. Đức Phật hỏi lại: Nếu Di-đa-la sử dụng việc này để phỉ báng ông thì ông phải như thế nào đây?

La-hầu-la thưa: Con sẽ nói việc này Phật tự biết cho con. Đức Phật dạy: Ông có thể như thế song Đà-bà cũng lại nói như vậy được sao? Đức Phật dạy Đà-bà: Ông nên tự làm sáng tỏ vấn đề, nay không phải là lúc im lặng. Ông cần vận dụng ký ức của mình, có thì nói có, không thì nói không, không được tránh né, nói: Phật tự biết điều này. Đà-bà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục rồi quỳ gối chấp tay thưa: Kính Bạch Đức Thế Tôn! Từ khi con sinh ra đến nay dù là trong mộng con cũng chưa hề nghĩ tưởng đến việc này. Tại sao nay với sự việc như thế lại có được trong trí nhớ con? Đức Phật khen: Lành thay! Lành thay! Ông đã quả quyết tự biện minh. Người muốn tự biện minh nên nói như vậy. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên trao cho Đà-bà Tỳ-ni Ức niệm không nên cử tội, phải Bạch-tứ-yết-ma trao cho Di-đa-la pháp Tự ngôn diệt tẫn. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Di-đa-la này tự nói Đà-bà làm nhiễm ô mình, nay Tăng trao cho phép Tự ngôn diệt tẫn. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác

bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo-ni Di-đa-la này tự nói Đà-bà làm nhiễm ô mình. Nay Tăng trao cho phép Tự ngôn diệt tẫn. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, nếu không đồng ý xin nói (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo-ni Di-đa-la pháp Tự ngôn diệt tẫn rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo-ni Di-đa-la sau khi bị diệt tẫn, lê bước lang thang vào nhân gian. Anh em Từ-địa vẫn giọng điệu cũ nói với các Tỳ-kheo: Đà-bà con của Lực sĩ phá hoại phạm hạnh của em tôi cho nên đưa đến sự việc như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Các thầy phải phối kiểm lại và hỏi Từ-địa: Ông nói Đà-bà phá hoại phạm hạnh của em ông là thật hay là hư dối? Các Tỳ-kheo làm theo sự chỉ giáo, hỏi Từ-địa, Từ-địa trả lời: Điều tôi nói là sự thật. Tăng lại hỏi: Ông thấy khi nào, thấy chỗ nào, vì sao thấy? Từ-địa trả lời: Tôi thấy chỗ đó, tôi thấy khi đó, tôi thấy như vậy. Tăng hỏi tiếp Đà-bà: Khi ấy thầy ở chỗ nào? Đà-bà nói: Tôi ở chỗ đó. Tăng lại hỏi Từ-địa: Địa điểm không tương ứng, thời gian không tương ứng, tại sao ông nói chỗ đó, lúc đó, thấy như vậy? Tăng lại dùng lời thức tỉnh Từ-địa: Nếu đối trước một vị Tỳ-kheo kiên tín mà nói dối thì tội nặng như giết hại vô số

chúng sinh. Đối trước một vị kiên pháp nói dối tội của vị này thì tội nặng gấp một trăm lần đối với vị kiên tín. Như vậy, đối trước Tăng mà cứ lần lượt nói dối thì tội của ông nặng như đối với một trăm vị A-la-hán. Tăng lại vặn hỏi Từ-địa: Nay Tăng quy tụ về hội họp không tùy thuộc yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi, thì điều này ông bảo là sự thật hay là hư dối? Từ-địa nói: Đà-bà làm theo yêu ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi nên tôi phải nói như vậy. Các Tỳ-kheo bằng mọi lý lẽ sắc bén, bằng sự quở trách nghiêm khắc, rồi cùng đưa Từ-địa đến chỗ Đức Phật để trình bày sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Từ-địa: Thật sự ông đã dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Đà-bà phải không? Từ-địa thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thật vậy. Đức Phật bằng nhiều hình thức quở trách: Ông là người ngu si, tại sao lại dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh? Ông há không nghe về ba hạng người bị đọa vào địa ngục: Một là người phạm giới, không có pháp của Sa-môn mà tự nói mình có, không tu phạm hạnh mà tự nói mình tu. Với hạng người này là giặc trong Phật pháp. Hai là hạng người hành động như vầy, thấy như vầy, nói dâm dục không phải là điều xấu rồi làm việc phóng dật. Ba là hạng người dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng vị Tỳ-kheo phạm hạnh thanh tịnh. Ba hạng người này chắc chắn bị đọa vào địa ngục. Tại

sao nay ông lại làm việc ác này? Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình không biết pháp, vì xấu ác giận dữ nên dùng Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, muốn phá hoại phạm hạnh của vị kia. Sau đó Tỳ-kheo này, hoặc có người hỏi, hoặc không có người hỏi, nói: Việc này là không căn cứ vì giận dữ nên tôi hủy báng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa"***.

Tự mình không biết pháp: Tự mình làm mọi việc không như pháp.

Xấu ác giận dữ: tức là chín phiền não.

Không căn cứ: Không thấy, không nghe, không nghi.

Người không phạm Ba-la-di: Tức là người đối với bốn Ba-la-di

không phạm một tội nào.

Muốn phá phạm hạnh của vị kia: Là muốn khiến cho vị kia hoàn tục hay làm ngoại đạo.

Thời gian sau hoặc có người hỏi hoặc không có người hỏi: Nghĩa là sau đó tự kiểm nghiệm lại chỗ nào, khi nào, thấy thế nào.

Sự việc có bốn thứ: Ngôn tránh sự (Sự tranh cãi do lời nói), Giáo

giới tránh sự (Sự tranh cãi do chỉ dẫn), Phạm tội tránh sự (Sự tranh cãi do phạm tội, Sự tránh sự

(Sự tranh cãi do sự việc).

Nếu Tỳ-kheo không thấy, không nghe, không nghi người khác phạm Ba-la-di mà dùng pháp này hủy báng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Thấy mà nghi, nghe mà nghi, nghi mà nghi, thấy mà quên, nghe mà quên, nghi mà quên, rồi dùng pháp không căn cứ để hủy báng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người nghe sự hủy báng mà hiểu rõ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không hiểu rõ phạm Thâu-lan-giá.

Nếu viết thư, sai sử, ra dấu hiệu, nói lời tương tợ, dùng lời bằng tay để hủy báng mà người hiểu rõ, phạm Thâu-lan-giá, không hiểu rõ, phạm Đột-kiết-la. Nếu hủy báng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni hủy báng Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Hủy báng Tỳ-kheo phạm Ba-dật-đề, hủy báng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni hủy báng năm chúng đều phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tám

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, do vì Tỳ-kheo Đà-bà là bậc đạt thần thông có oai đức lớn, nên thường tới

lui thăm viếng, rồi cùng trong một trú xứ ngồi để nghe pháp. Từ-địa thấy vậy nên tìm cách phỉ báng. Nhân một bữa nọ, từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, Từ-địa thấy hai con khỉ ôm nhau giao hợp, lại nảy sinh ý nghĩ: Nay ta nên mượn bối cảnh hai con khỉ này đặt tên con đực là Đà-bà, con cái là Thâu-la-nan-đà. Làm theo ý nghĩ, Từ-địa nói với các Tỳ-kheo Trưởng lão: Trước đây tôi dùng pháp không căn cứ hủy báng Đà-bà, nay chính tôi thấy Đà-bà cùng Thâu-la-nan-đà làm hạnh bất tịnh. Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo nên tập hợp Tăng để kiểm vấn Từ-địa: Ông nói trước đây ông dùng pháp không căn cứ phỉ báng Đà-bà, nay chính ông thấy Đà-bà cùng Thâu-la-nan-đà làm hạnh bất tịnh là sự thật hay là hư dối? Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tập hợp Tăng rồi hỏi Từ-địa… cho đến câu: Ông nói đó là sự thật hay là hư dối (như trên đã nói). Để trả lời cho câu hỏi này, Từ-địa nói: Thật sự tôi không thấy Đà-bà làm hạnh bất tịnh. Tôi chỉ thấy Thâu-la-nan-đà thường tới lui chỗ Đà-bà, vì muốn phỉ báng nên mượn bối cảnh hai con khỉ giao hợp tôi đã thấy khi từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống. Tôi tạm gọi con khỉ đực là Đà-bà và con khỉ cái là Thâu-la-nan-đà rồi kết luận: Chính tôi thấy hai người làm hạnh bất tịnh mà thôi. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách: Tại sao với phần việc khác nhau, ông lại lấy ra một mẫu nhỏ hay một khía cạnh tương tự rồi quy

kết là Ba-la-di để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di? Các Tỳ-kheo cùng đến chỗ Đức Phật để trình bày lên Ngài sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Từ-địa: Thật sự ông có như vậy không? Từ-địa thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách nghiêm khắc rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự thân không như pháp vì giận dữ, ác ý, từ trong phần khác lấy ra một khía cạnh nhỏ hay một khía cạnh tương tự rồi quy kết Ba-la-di để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của vị kia. Thời gian sau, Tỳ-kheo này, hoặc có người hỏi hoặc không có người hỏi, tự nói: Việc này vì tôi giận nên từ trong phần khác lấy ra một phần nhỏ hay một khía cạnh tương tự để phỉ báng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Sự là Ngôn tránh sự, Giáo giới tránh sự, Phạm tội tránh sự, Sự tránh sự. Nếu Tỳ-kheo thấy người khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc khi nhập định tưởng họ phạm Tăng-già-bà-thi-sa, vì giận dữ, trong phần sự khác lấy một mảnh hoặc tương tợ một mảnh để phỉ báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nghe, nghi cũng như vậy. Thấy, nghe, nghi người khác phạm Thâu-lan-giá, phạm Ba-dật-đề, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni,

phạm Đột-kiết-la. Dùng Ba-la-di phỉ báng cũng như vậy. Ngoài ra như trên đã nói.

Xong giới thứ chín.

Đức Phật ở trong rừng cây A-nậu thuộc ấp Di Na. Khi ấy, các quý tộc thuộc giòng họ Thích, nhiều người đến với Đức Phật xuất gia học đạo. Không bỏ lỡ thời gian, Thích-ma-nan nói với A-na-luật: Nay các quý tộc đều xuất gia tu phạm hạnh, tại sao riêng anh em chúng ta không xuất gia? Nếu ta xuất gia thì ngươi coi ngó việc nhà. Nếu ngươi xuất gia thì ta ở nhà lo liệu. A-na-luật nói: Anh cứ đi xuất gia, em sẽ lo liệu việc nhà. Thích-ma-nan nói: Trước đây, việc nhà có anh lo, em chỉ thọ hưởng sung sướng, đâu có biết gian nan cực nhọc là gì. Tuy nhiên, xuất gia hành đạo, điều cực khổ cũng đâu là kém. Nay em ở nhà thì anh phải chỉ vẽ em phương pháp quản lý gia nghiệp. Cách quán xuyến mọi việc nghe anh nói đây: Ban ngày phải thích ứng ra sao, ban đêm phải làm gì, phương pháp làm ruộng, mua bán, điều hành người ăn kẻ ở, tất yếu phải khôn khéo dùng lời như vậy. A-na-luật nói: Nếu quản lý gia nghiệp mà phải như vậy mới có được kết quả thì một ngày em cũng không thể quản lý nổi, thôi anh ở nhà, em sẽ đi xuất gia. Thích-ma-nan nói: Pháp của chư Phật Thế

Tôn, cha mẹ không cho phép thì không được tu đạo, nay em phải đến xin phép mẹ, tự mình nói lên ý nguyện này. Trước mẹ, A-na-luật giải bày lời xin: Thưa mẹ, con muốn vì Phật pháp mà xuất gia học đạo. Bà mẹ trả lời: Mẹ chỉ có hai anh em con, tình mẹ thương yêu hai con quá sâu đậm, làm sao sống mà xa lìa nhau được! Nhà mình rất giàu có, thích hợp với việc tu công đức, con phiền gì phải xuất gia, để làm đau lòng mẹ! A-na-luật tha thiết cầu xin đến lần thứ ba, bà mẹ bèn nói: Nếu Vua Bạt-đề xuất gia thì mẹ cũng đồng ý cho con xuất gia. Đã từ lâu Vua Bạt-đề cùng A-na-luật, A-nan, Nan-đề, Điều-đạt, Bà-bà, Kim-tỳ-lô v.v… rất nặng tình thương mến, nên có làm việc gì, thề không trái ý nhau. Với ý của mẹ như thế, A-na-luật đến ngỏ lời lên Vua Bạt-đề: Nay tôi có chút ước nguyện, ước nguyện này chỉ tìm thấy từ lời thề của Vua là chúng ta đã long trọng thề không làm trái ý, nếu làm trái nhau thì đầu bị vỡ thành bảy mảnh. Vua nói: Chỉ khiến lời nguyện của khanh tất phải thuận hợp với lời thề. A-na-luật liền đem ý kiến của mẹ mình trình bày lên Vua Bạt-đề. Nhà Vua nghe xong nói: Ý nguyện của khanh tôi chưa có thể làm liền được. Tại sao vậy? Tôi nguyện làm Vua, cái quả này ngày nay tôi mới bắt đầu. Thân tộc tôi giàu sang không có việc gì để lo cả, làm sao có thể bỏ nếp sống này để xuất gia học đạo?

A-na-luật nói: Nếu Vua xuất gia thì nguyện tôi

mới toại, tham đắm sự phồn vinh thì tôi phải trầm luân lâu dài, xin Vua suy nghĩ kỹ đừng để trái với lời thề trước kia. Vua Bạt-đề nói: Tôi sẽ làm theo nguyện của bạn, nhưng để cho tôi sau bảy năm, tôi sẽ cùng bạn xuất gia học đạo. A-na-luật nói: Sau bảy năm chắc gì Đức Phật còn tại thế?! Hơn nữa mạng sống của tôi khó có thể bảo đảm được. Tại sao nay Vua lại nêu ra kỳ hẹn này? Vua Bạt-đề nói: Bảy năm, nếu có lâu thì sáu năm có thể được chăng? A-na-luật cũng trả lời như trên, lại hẹn năm, bốn, ba, hai đến còn một năm, rồi từ bảy tháng đến còn một tháng, từ bảy ngày đến còn một ngày đều cũng như vậy. Nhà Vua nói: Chúng ta là Trưởng giả đâu có thể đi một cách đột xuất như vậy. Chúng ta cần phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, xa giá hết sức trang nghiêm để du hành, nhân đó mới thực hiện chí nguyện được. Bây giờ bạn có thể nói ý định này với A-nan-đà v.v… A-na-luật liền thông tin cho năm người bạn. Năm người bạn rất hân hoan tâm đầu ý hợp. Ngay trong đêm đó, bốn binh chủng được trang bị hoàn tất. Một sự trang hoàng hết sức lộng lẫy, oai nghiêm, vào lúc trời vừa sáng, đoàn người ra khỏi thành du hành… Cuối cuộc du hành thưởng lãm, Ưu-ba-ly người thợ cạo tóc được mật báo… Bảy người rời khỏi đoàn tùy tùng đến một nơi hẻo lánh, vắng vẻ, ẩn mình rồi cởi y phục quý giá biếu cho người thợ cạo, nhờ ông ta cạo tóc, cải đổi y phục lên đường xuất

gia. Bảy người đi chưa bao lâu, Ưu-ba-ly giựt mình nghĩ ngợi: Các hào tộc giòng họ Thích hùng cường, nếu biết ta cạo đầu cho bảy người này, chắc họ sẽ giết ta. Hơn nữa, các quý tộc này còn bỏ nhà đi xuất gia, nay ta tại sao không bỏ đồ nghề hớt tóc và các y phục quý giá này để xuất gia? Không do dự, Ưu-ba-ly liền cạo đầu, rồi đem các y phục quý treo nơi gốc cây, với ý nghĩ, ai cần thì lấy, rồi đi thật nhanh, không bao lâu đuổi theo kịp bảy người và nói: Nay tôi cũng muốn theo quý vị để xuất gia. Bảy người kết nạp ngay. Họ cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nay chúng con muốn xuất gia tịnh tu phạm hạnh, riêng Ưu-ba-ly là người nô bộc của chúng con, xin Ngài độ cho ông ta thọ giới Cụ túc trước, sau đó mới độ chúng con, điều cần phải như thế để cho chúng con và các Thích chủng phá tâm kiêu mạn đối với Ưu-ba-ly. Đức Phật liền độ Ưu-ba-ly trước, độ bảy người sau.

Ngay sau thời gian này, Đức Thế Tôn có những suy nghĩ: Thành Ca-duy-la-vệ cách đây không xa, các giòng họ Thích biết được có thể gây trở ngại. Đức Phật cùng đưa tám người đến thành Bạt-đề-la. Dưới tàng cây Võng Lâm, Đức Phật đã vì họ nói pháp diệu: nhãn vô thường, sắc vô thường, nhãn thức, nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ vô thường. Cho đến ý vô thường, pháp vô thường, ý thức, ý xúc, ý xúc nhân duyên sinh thọ vô

thường. Các người là Thánh đệ tử nên phải thực hiện quán sát như vậy, sinh tâm chán lìa, sở đắc trí tuệ giải thoát, chỗ phải làm đã làm xong, phạm hạnh đã lập, không thọ thân sau. Sau khi nghe thuyết pháp, có sáu người đoạn hết lậu hoặc, đắc A-la-hán. A-nan vì hầu Phật nên các lậu hoặc không đoạn hết, Điều-đạt, người duy nhất không thu được điều gì.

Vua Bạt-đề sau khi đắc quả A-la-hán, tâm tịnh không có sợ sệt, hoặc tọa thiền hay kinh hành dưới tàng cây hay nơi vắng vẻ, tự thân liền được sự vui sướng thanh thản đã thốt lên lời: Thích thay! Vui thay! Âm thanh này được một Tỳ-kheo khác nghe được, tác ý nghĩ: Chắc Tỳ-kheo Bạt-đề nhớ đến niềm vui thế tục, không vui với phạm hạnh nữa. Ngay sau đó, vị ấy đến bạch Phật: Con đã hướng về Bạt-đề và nghe vị này nói: Thích thay! Vui thay! Chắc ông ta nhớ lại niềm vui khi còn làm Vua, không thích sống phạm hạnh. Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy gọi Bạt-đề đến đây. Vị kia đến chỗ Bạt-đề nói: Đại sư gọi thầy. Bạt-đề đến gặp Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Bạt-đề: Sự thật ông có nói: "Vui thay" hay không? Bạt-đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự con có nói "Vui thay". Đức Phật lại hỏi Bạt-đề: Ông nói "Vui thay" với ý nghĩa như thế nào? Bạt-đề thưa: Xưa kia ở tại gia, con sống trong bảy lớp thành vây bọc, bảy hàng voi, bảy hàng ngựa, bảy

hàng xe, bảy hàng bộ binh, bốn binh chủng bao quanh, ấy vậy khi nghe một âm thanh khác lạ thì lòng kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Nay ở dưới tàng cây, nơi đất trống mà thản nhiên không chút lo sợ nên con đã phải nói lớn "Vui thích" là vậy! Đức Phật bảo Tỳ-kheo kia: Bạt-đề đã đắc A-la-hán, mà không vui với nếp sống phạm hạnh là điều không hề có. Từ Bạt-đề, bấy giờ Đức Phật nói kệ:

Vui thay! A-la-hán
Không còn ân ái buộc
Phá được dục, sân, si
Xóa bỏ lưới kiết sử.
Niết-bàn đã đến nơi
Đâu còn tâm uế trược
Nhiễm đắm nơi thế gian
Giải thoát dứt các lậu.
Năm ấm tường tận rõ
Bảy rừng pháp du hành
Chỗ đi của rồng lớn
Chế phục mọi sợ hãi.
Thành tựu mười thứ đức
Vua đức Tam-muội thiền
Mọi hữu lậu đã sạch
Là đệ nhất thế gian.
Bất động không sợ hãi
Không thọ nhận thân sau
Tịch diệt, đều dứt sạch
Báo khổ, lạc hằng không.

Vững vàng trí vô học
Thân này, thân sau cùng
Phạm hạnh kiên cố lập
Không đâu mà không tin.
Khắp cả thế gian này
Còn đâu các dục lạc
Vang lừng sư tử gầm
Nào ai hơn Đức Phật.

Sự việc Điều-đạt: Đức Thế Tôn cùng các Đại đức Thanh văn nhận lời mời của Long vương A-nậu-đạt. Điều-đạt chưa đắc thần thông nên không thể đi được, xấu hổ vô cùng, do vậy nảy sinh ý nghĩ: Nay ta cần phải tìm pháp học tu thần thông. Điều-đạt đến bạch Phật: Cúi xin Phật vì con dạy pháp tu thần thông. Đức Phật hướng dẫn, Điều-đạt thọ giáo. Trong thời gian an cư, Điều-đạt đắc thần thông. Với kết quả thu hoạch được, Điều-đạt tư duy: Ai nên giáo hóa trước. Điều-đạt nghĩ ngay đến thái tử con Vua Bình-sa tên là Chúng Lạc, cần dẫn dắt người này trước, rồi sau mới chỉ bày cho những người khác. Làm theo ý nghĩ, Điều-đạt tức thì mất dạng khỏi Võng lâm. Trên giường của thái tử, Điều-đạt hiện thành một đứa trẻ nít nằm ngửa, mút ngón tay. Thái tử thấy thế vô cùng hoảng sợ, hỏi: Người là trời hay là quỷ thần? Đứa trẻ trả lời: Tôi là Điều-đạt, đừng nên sợ sệt chi cả! Thái tử nói: Nếu là Điều-đạt thì nên hiện nguyên hình trở lại. Đứa trẻ liền biến thành Điều-đạt, đầy đủ oai nghi

như cũ. Thái tử hoan hỷ, tôn Điều-đạt làm thầy, hằng ngày đích thân đến thăm hỏi, đem theo năm trăm chiếc xe. Điều-đạt lại hóa thành năm trăm đứa trẻ nằm ngửa, mút ngón tay trên mỗi xe. Thái tử lại dùng năm trăm chiếc xe chở từng loại thức ăn sang trọng, ngon lành đến cúng dường. Bấy giờ, người các nước rất thán phục cùng bảo nhau: Điều-đạt có Đại thần lực nên mới biến hóa được như vậy, khiến thái tử hằng ngày đến thăm hỏi, cúng dường quá nhiều các loại thức ăn ngon bổ. Về phía Điều-đạt đã không tự lượng sức mình, nên cứ làm theo ý muốn, chiêu dụ, bảo bọc, nuôi dưỡng đồ chúng. Lúc ấy, Đức Thế Tôn rời Võng Lâm đi vào nhân gian du hành hóa độ, đến nước Câu-xá-di, trú ngụ trong vườn Cù-sư-la. Khi ấy, Tôn giả Mục-liên an trú ở một nơi vắng vẻ. Tại nước này, trước đây có con của Kiều-trần-như tên là Kha-hưu, tịnh tu phạm hạnh đắc quả A-na-hàm, sinh lên cõi trời Phạm thiên. Nửa đêm lúc tĩnh lặng, từ cõi trời giáng hạ, phóng ra ánh sáng rực rỡ, đến chỗ Tôn giả Mục-liên, đầu mặt kính lễ sát chân rồi có lời thưa báo với Tôn giả Mục-liên như sau: Nay Điều-đạt giáo hóa thái tử Chúng Lạc, hiện các thần thông biến hóa. Sợ rằng Điều-đạt đã chiêu dẫn, nuôi dạy đồ chúng, với ý muốn nhằm phá hòa hiệp Tăng. Vừa dứt lời thưa, Kha-hưu nhanh như chớp biến mất. Trời vừa sáng, Tôn giả Mục-liên y phục chỉnh tề đến thẳng chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài các

sự việc về Điều-đạt mà Kha-hưu đã thưa báo. Đức Phật hỏi Tôn giả Mục-liên ý ông thế nào? Nên cứu xét lời của Kha-hưu nói hay không? Tôn giả Mục-liên thưa: Ý con là như vậy. Đức Phật bảo Mục-liên: Không nên nói lời ấy. Tại sao vậy? Khắp thế gian này Ta không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma phạm nào có thể thống lãnh đồ chúng của Phật. Đức Phật lại bảo Mục-liên: Ở đời có năm hạng thầy, hiện nay đều có mặt:

Giới không thanh tịnh, tự nói thanh tịnh. Các đệ tử của họ đều biết sự thật, nhưng che giấu tội lỗi của thầy để mong cầu lợi dưỡng.

Tà mạng dua nịnh dối trá, tự nói mình chánh trực. Các đệ tử cũng che giấu điều đó.

Nói điều bất thiện, tự nói là lời thiện nên các đệ tử vui mừng cho là thiện.

Hiểu biết không thanh tịnh, tự nói là thanh tịnh, nên các đệ tử hết lời ca tụng hiểu biết ấy là tịnh.

Nói lời không phải pháp luật, lại nói là pháp luật nên các đệ tử cũng nói theo là đúng pháp, vì thế không thể thuyết phục được kẻ trí chấp nhận tin theo. Này Mục-liên! Giới của Như Lai thanh tịnh, không có dối trá, đâu nói lời bất thiện, chỗ thấy, chỗ hiểu biết thanh tịnh, điều nói ra như pháp, kẻ trí chấp nhận tin tưởng, không cần đệ tử hùa theo che giấu và khen ngợi.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khác ở thành Vương-xá

an cư xong, mặc y mang bát đến chỗ Đức Phật, bạch: Bạch Đức Thế Tôn! Điều-đạt giáo hóa Thái tử Chúng Lạc, hiện làm một đứa trẻ… cho đến cúng dường các thức ăn ngon bổ. Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo! Đừng ham muốn theo kiểu Điều-đạt làm các biến hóa đó… để có được lợi lộc cúng dường. Sự cung kính cúng dường ấy nếu có càng làm tăng gánh nặng nơi đêm dài sinh tử thọ các thống khổ mà thôi. Cũng như con chó dữ, dùng gậy đánh nó, nó càng thêm dữ. Điều-đạt cũng như vậy, nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, phiền não càng nhanh chóng tăng lên. Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa ấy nên nói kệ:

Người ngu tăng điều ác
Ác sinh từ lợi dưỡng
Người si đoạn pháp thiện
Như đầu lìa khỏi thân.
Không tu hạnh thanh tịnh
Lại muốn chiêu dạy Tăng
Muốn ngồi trên mọi người
Vọng cầu mọi kính quy.
Có người cầu lợi dưỡng
Có người cầu Niết-bàn
Lợi dưỡng hại pháp thiện
Tịch diệt trừ xan tham.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Cây chuối, cây trúc, cây lau do trái mà chết. Con Cự lư mang thai cũng bỏ mạng. Nay Điều-đạt tham cầu lợi dưỡng

cũng như vậy. Đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, nói kệ như sau:

Do buồng, cây chuối chết
Do trái, trúc lau diệt
Cự lư ôm thai chết
Kẻ sĩ mất vì tham.

Nối tiếp sự việc: Rời nước Câu-xá-di, Đức Thế Tôn trên bước đường du hành đã đến thành Vương-xá, trú ngụ trong núi Kỳ-xà-quật. Ngài được các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, Đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí, Cư sĩ cung kính tôn trọng, tán thán và cúng dường thức ăn, y phục, ngọa cụ và thuốc men. Giống như bông sen, Ngài không hề đắm trước. Lúc ấy, ở giữa một rừng người đủ mọi tầng lớp vây quanh lắng nghe Ngài thuyết pháp, Điều-đạt từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, để trống vai bên phải, đầu mặt đảnh lễ sát chân, quỳ gối chấp tay bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Ngài ở yên trong sự an lạc, từ nay cho con xin được lãnh đạo xử lý việc chúng Tăng. Đức Phật nói với Điều-đạt: Xá-lợi-phất, Mục-liên còn chưa thể thống lãnh đồ chúng của Ta, huống nữa ông là người ngu si, như loại đờm dãi! Bị quở trách, Điều-đạt lòng đầy phẫn hận nghĩ: Tại sao Đức Thế Tôn đối trước đại chúng lại nhục mạ ta thậm tệ như thế! Do tâm ác ấy nảy sinh nhắm đến Đức Phật nên Điều-đạt bắt đầu tổn giảm thần túc. Điều-đạt lại nghĩ: Đức Phật khen ngợi Xá-lợi-

phất, Mục-kiền-liên mà nhục mạ ta. Điều-đạt lần nữa sinh tâm ác đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên thần túc của Điều-đạt lại bị tổn giảm lần thứ hai. Điều-đạt trở về nơi cư ngụ của mình. Vây quanh nghe Điều-đạt thuyết pháp là quốc vương và đông đảo quần chúng. Trong số người đông đảo kia có một Tỳ-kheo đến bạch Phật: Nay quốc vương và rất đông quần chúng vây quanh Điều-đạt để nghe nói pháp. Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo, Điều-đạt không những đời này có được đại chúng mà đời quá khứ đã từng có được số đông Tỳ-kheo vây quanh.

Về đời quá khứ xa xưa, có một Ma-nạp ở trong hang núi, tụng đọc

sách sát lợi. Một con cáo đồng ở sát cạnh đó đã chuyên chú nghe tụng sách ấy nên nơi tâm có được sự tỏ rõ, rồi nghĩ ra được điều này: Như chỗ ta hiểu lời văn trong sách này, đủ để làm Vua trong các loài thú. Từ ý niệm đã có, con cáo đồng liền lên đường. Trên đường du hành, nó gặp một con cáo đồng khác ốm yếu, muốn giết quách. Con cáo kia nói: Tại sao giết tôi? Liền đáp: Ta là Vua của loài thú, ngươi không thần phục ta thì bị giết ngay. Con cáo kia vâng lời: Xin ông đừng giết tôi, tôi xin làm kẻ tùy tùng ông. Thế là hai con cáo cùng nhau lên đường. Lại gặp một con cáo khác, chúng cũng muốn giết ngay. Hai bên đối đáp như trên. Con cáo kia lại ngỏ lời xin được tùy tùng. Cứ như thế lần

lữa nó hàng phục tất cả loài cáo. Lại dùng bầy cáo hàng phục tất cả voi. Lại dùng loài voi hàng phục hổ. Lại dùng loài hổ hàng phục tất cả sư tử. Con cáo đồng kia tạm thời được làm Vua trong loài thú. Đã được làm Vua rồi lại nảy sinh ý nghĩ: Nay ta đã là Vua trong loài thú, thì không nên lấy loài thú làm vợ. Nó hành động ngay trên lưng voi chúa trắng, vây quanh nó là vô số loài thú, nó ra lệnh vây hãm ngàn vòng thành Ca-di. Nhà Vua sai sứ hỏi: Các ngươi là loài thú, tại sao làm như vậy? Con cáo đồng kia trả lời: Ta là Vua các loài thú, nên cần cưới con gái của nhà Vua. Nếu ông thuận ý ta thì tốt lắm, bằng không, ta sẽ tiêu diệt nước ông. Sứ thần về báo như vậy. Nhà Vua tập hợp quần thần lại để cùng nhau nghị bàn. Chỉ trừ một vị quan, số còn lại đều có ý kiến là nên gả. Tại sao vậy? Vì lẽ quốc gia chỉ nương vào uy sắc của voi ngựa, ta có voi ngựa, đối phương lại có sư tử. Voi ngựa nghe tiếng gầm của sư tử đều khiếp vía, nằm sát đất, do vậy chiến cuộc không chắc chắn thắng được, sẽ bị các loài thú tiêu diệt, đâu chỉ vì một người con gái mà để cho quốc gia bị tiêu vong. Khi ấy, vị Đại thần thông minh đầy mưu lược kia tâu với nhà Vua: Xưa nay thần chưa hề nghe thấy có một con gái của nhà Vua nào đem gả cho loài thú thấp hèn. Thần tuy yếu đuối thật nhưng thần xin giết cho kỳ được con cáo nọ, khiến bầy thú kia đều phải chạy tán loạn. Nhà Vua hỏi: Mưu kế ra sao

khanh đề xuất đi? Vị Đại thần tâu: Nhà Vua chỉ nên sai sứ hẹn ngày đánh nhau. Trước khi giao chiến, Vua yêu cầu Vua thú một điều, đó là ra lệnh sư tử đánh trước rồi mới gầm sau. Chúng nó tưởng ta sợ nên nhất định cho sư tử gầm trước rồi đánh sau. Đến ngày giao chiến, nhà Vua phải ra lệnh trong thành, mọi người đều nhét lỗ tai lại. Nhà Vua áp dụng mưu kế này, sai sứ hẹn ngày giao chiến và yêu cầu điều trên. Trước khi giao chiến, nhắc lại đề nghị trên rồi mới xuất quân. Khi trận chiến bắt đầu, quả thật chàng cáo kia ra lệnh cho sư tử gầm rống trước, nghe tiếng sư tử gầm rống, trái tim chàng cáo vỡ làm bảy mảnh, chết từ trên lưng voi và rớt ào xuống đất, ngay lúc ấy các loài thú tán loạn, tẩu thoát. Nhân việc này, Đức Phật nói kệ:

Cáo đồng lắm kiêu mạn
Muốn tìm cầu vây cánh
Kéo đến thành Ca-di
Tự xưng là Vua thú.
Người kiêu mạn cũng vậy
Muốn thống lãnh đồ chúng
Tại nước Ma-kiệt-đà
Tự xưng là pháp chủ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Vua Ca-di thuở ấy, nay chính là Ta. Vị Đại thần thông tuệ đó, nay là Xá-lợi-phất, Vua thú cáo đồng kia là Điều-đạt hiện nay. Này các Tỳ-kheo! Xưa kia Điều-đạt dối trá để được thuộc hạ vây cánh, nay cũng như vậy. Này

Xá-lợi-phất! Ông nên đến trong chúng của Điều-đạt công bố như sau: Ai chấp nhận năm pháp của Điều-đạt thì người ấy sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Xưa kia, con đã từng khen ngợi Điều-đạt, làm sao nay con lại chê bai được? Đức Phật dạy: Trước kia ông khen ngợi là đúng sự thật hay không? Xá-lợi-phất thưa: Là đúng sự thật! Đức Phật dạy: Nay, Điều-đạt là người đáng chê, ông chê, cũng là đúng sự thật. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay nên bạch nhị Yết-ma để sai Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt tuyên bố lời chê trách này. Một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tôn giả Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt công bố: Nếu vị nào chấp nhận năm pháp của Điều-đạt sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tôn giả Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt công bố: Nếu vị nào chấp nhận năm pháp của Điều-đạt sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói.

Tăng đã đồng ý sai Tôn giả Xá-lợi-phất rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Thi hành như vậy nên Tôn giả Xá-lợi-phất đến thẳng trong chúng của Điều-đạt dõng dạc xướng lên: Nếu vị nào chấp nhận năm pháp của Điều-đạt sẽ không thấy Phật, Pháp, Tăng. Khi ấy, trong chúng hội của Điều-đạt mọi người đều la lớn: Sa-môn Thích tử lại ganh ghét với nhau, thấy Điều-đạt nhận được nhiều phẩm vật cúng dường nên ganh ghét nói

như thế. Bấy giờ, Vua Bình-sa cũng ở trong chúng ấy tuyên lệnh: Đừng nói như vậy. Tại sao? Chúng đệ tử Phật thanh tịnh, không có vấn đề ganh ghét như thế. Ngay lúc ấy, Điều-đạt nói với chúng: Ai muốn thấy hoa Mạn-đà-la trên cõi trời? Cả chúng đều nói, muốn thấy. Điều-đạt liền biến mất dạng trước chúng hội đến bên ao hoa với sự ham thích bẻ lấy cành hoa, thần túc từ đó mất luôn. Trở về lại vị trí cũ, Điều-đạt sau khi mất thần túc, đã sinh tâm ác muốn hại Đức Phật, nên nói với thái tử: Nay phụ vương của ông cai trị bằng chánh pháp, theo chỗ tôi hiểu thì không biết khi nào mới suy tàn. Mạng người vô thường, khó bảo đảm được hơi thở sau, tại sao vương vị này phải kéo dài thời gian lâu như vậy đối với thái tử? Ông có thể mưu đồ để sớm nắm lấy bốn biển. Tôi sẽ hại Phật thay thế ngôi Pháp vương. Trong nước Ma-kiệt này sẽ có Vua mới, Phật mới cùng nhau hoằng hóa đạo, há không phải là điều tốt chăng? Thái tử trả lời: Công ơn cha mẹ lớn hơn trời đất, công ơn nuôi

dưỡng trời bể ấy tôi muốn báo đền nhưng chưa đáp được, tại sao thầy lại chỉ lối cho tôi làm điều phản nghịch như vậy?! Điều-đạt nghe như thế, lòng vẫn không xấu hổ cứ dùng lời xảo quyệt để khuyên dụ thái tử, làm cho thái tử chìm đắm trong sự mê muội, nên chấp nhận làm theo lời của Điều-đạt. Sau đó thái tử bí mật mang một lưỡi kiếm bén đi vào cửa vương cung. Vì ôm lòng ác độc, phản nghịch nên bất giác bị giằng xé hoảng sợ, lảo đảo té nhào trước vương cung, rồi lại đứng dậy. Quan giữ cửa thấy vậy, liền nhạy bén trong ý nghĩ: Thái tử thường vào đây với oai nghi đĩnh đạc, tại sao hôm nay lại có hiện tượng như thế, chắc có lý do gì, vội vàng đến hỏi. Thái tử trả lời: Tôi muốn giết Vua cha nên mới thế này. Viên quan lại hỏi: Ai xúi giục thái tử làm phản? Thái tử nói: Điều-đạt. Các quan giữ cửa cùng nhau bàn định: Nên giải quyết sao đây? Vị thứ nhất đề nghị: Nên giết sạch Sa-môn và thái tử Chúng Lạc. Vị thứ hai nêu ý kiến: Trước đây Đức Phật đã sai Tôn giả Xá-lợi-phất tuyên bố sự ác nghịch của Điều-đạt, tại sao lại muốn giết hết Sa-môn? Chính tội này chỉ do thái tử và Điều-đạt, hai người mà thôi. Vị thứ ba kiến nghị: Chúng ta không vội phán quyết tội này, cần phải tâu lên nhà Vua. Nhà Vua sẽ có giáo sắc, ta sẽ thừa lệnh thi hành. Nghị bàn như vậy rồi, các quan liền đem vấn đề tâu lên nhà Vua. Nhà Vua hỏi: Chư thần, các ông có ý kiến gì đây? Các quan liền trình

bày đầy đủ vấn đề đã bàn. Nhà Vua liền đuổi vị quan có ý kiến thứ nhất, di chuyển vị quan có ý kiến thứ hai và trao thêm quyền hạn cho vị có kiến nghị thứ ba. Nhà Vua lại cho tập hợp quần thần để nghị bàn việc này. Các quan đều nói: Vị quan có ý kiến thứ hai là hợp lý mà nhà Vua còn

di chuyển địa vị, xem thế thì rõ thánh tâm của nhà Vua là không nhẫn tâm tạo sự tác hại. Với hình phạt chính đã không áp dụng thì phải dùng hạ kế. Các quan nói: Ngôi Vua, thái tử là người thừa kế. Chỉ vì thái tử muốn gấp làm Vua nên mới phản nghịch, nay nên trao ngôi vị Vua cho thái tử thì tâm ác kia sẽ chấm dứt. Ý kiến đó hợp với lòng Vua, Vua liền thoái vị, truyền ngôi cho thái tử với vương hiệu là A-xà-thế. Buổi đầu ở ngôi Vua, thọ hưởng năm dục lạc nên tâm sát nghịch tạm thời quên đi. Sau một thời gian ngắn, cho dù không có việc gì đi nữa, A-xà-thế vẫn hãm hại phụ mệnh.

Bấy giờ, Vua A-xà-thế có một con voi rất hung hãn. Điều-đạt bí mật đến chỗ người nài voi nói với người ấy: Ngày mai Sa-môn Cù-đàm sẽ đi trên con đường này, Ông vì tôi phục cho con voi thật say, rồi thả ra nơi đoạn đường đó. Đức Phật với tâm nhiều kiêu ngạo ắt sẽ đi không tránh, do đó sẽ bị nó đạp chết. Đối với ông tôi sẽ hậu tạ. Sáng hôm sau, đến giờ khất thực, Đức Phật đắp y, mang bát cùng năm trăm đệ tử vào thành. Trước đó, người nài voi đã cho voi uống rượu say mèm. Từ xa thấy

Đức Phật đi tới, ông ta liền thả voi ra. Những người có lòng tin, vui thích Phật pháp, thấy voi say được thả ra, vội vàng đến bạch Phật: Cúi xin Đức Thế Tôn nên đi con đường khác, năm trăm vị đệ tử và Tôn giả A-nan cũng bạch Phật như vậy. Đức Phật Ba lần đều trả lời: Không can chi! Rồng còn không hại ta được, huống gì là voi. Các đệ tử do phản xạ tự nhiên rời Phật đi qua đường khác, chỉ có Tôn giả A-nan một mình đi theo Phật. Khi ấy, những người xem coi bao vây xung quanh đông nghẹt, ai nấy đều luận bàn: Nay hai rồng thử sức, xem con nào hơn. Ngoại đạo thì nói: Voi rồng sức đều mạnh, chắc là thắng so với người. Đệ tử của Phật thì nói: Người rồng, đạo cao đức trọng, chắc hàng phục được voi. Lời qua tiếng lại không đi đến đâu, họ cá nhau bằng tiền để phân định hơn thua. Đối với voi say, khi từ xa thấy Phật đi đến, nó đập tai, hỉnh mũi, như sức gió mạnh xông thẳng về phía Đức Phật. Tôn giả A-nan hoảng hốt, khiếp sợ, bất giác chui ngay vào nách Đức Phật. Đức Phật nói: Này A-nan! Vừa rồi chính ông đã nghe Ba lần ta nói: Không can chi. Tại sao không tin mà còn hoảng sợ đến thế? Đức Phật thấy voi tiến tới, Ngài liền nhập Tam-muội Tâm từ và nói kệ:

Ngươi đừng hại Đại long
Đại long ra đời khó.
Nếu ai hại Đại long,
Đời sau đọa cõi ác.

Con voi nghe kệ rồi, đưa cái vòi ra trải lên đất, ôm chân Đức Thế

Tôn. Trong chốc lát, với động tác kính cẩn ấy được lập lại ba lần, nó chiêm ngưỡng Đức Phật từ trên xuống dưới. Voi đi quanh bên phải ba vòng, bước lui lại rồi ra đi. Từ đó về sau nó thành một con voi hiền lành. Đây chính là một điều kỳ lạ! Mọi người đồng thanh khen ngợi: Sa-môn Thích tử không dùng dao gậy mà hàng phục được con voi hung dữ này. Người dân trong nước không còn bị sợ hãi nữa. Kỳ diệu thay! Các ngoại đạo thảy đều xấu hổ. Còn đệ tử của Đức Phật thì hớn hở vui mừng. Kiểm thu số tiền đắc cuộc lên đến hơn bảy mươi vạn. Sau khi hàng phục voi, Đức Phật lại nói kệ:

Voi say đầy sân hận
Tiến về đấng Đạo sư
Trăm họ đều thấy rõ
Hơn thu tiền cược nhau.
Hình voi tựa Thái sơn
Sáu mươi voi nào hơn
Vang dội chúng lòng người
Rống lên phá quân địch.
Đại lực của Đạo sư
Thương chúng sinh, xuất thế
Muốn độ con voi dữ
Trước nó ta đứng yên.
Voi lạy mọi người biết

Đạo, tục đều vui mừng
Khen Ta hàng voi dữ
Phật là Sư tử vương.

Điều-đạt chứng kiến như vậy rồi, tâm ác khác lại nảy sinh: Nay hại Phật bằng phương thức này không được rồi, ta sẽ tìm một tên hung thủ, không biết Phật là ai, thuê nó với giá đắt để nó giết mới được. Lập tức, Điều-đạt đi khắp nơi tìm kiếm, gặp được một người đàn ông vạm vỡ, bèn nói: Ông vì tôi giết Phật, tôi sẽ hậu tạ. Người kia ham của nên đồng ý. Bấy giờ, Đức Phật đang kinh hành nơi đất trống, từ xa đã thấy hung thủ, Ngài dùng Tam-muội tâm từ bủa khắp thân người ấy, đưa tay vẫy gọi. Hung thủ bất giác buông dao, vội đến với Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, bạch Phật: Nay con là người si cuồng, muốn hại Đức Thế Tôn. Con tự biết có tội nặng, cúi xin Ngài cho con sám hối.

Đức Phật dạy: Ông thật là người ngu si nên mới ham tiền mà hại Đức Như Lai. Trong giáo pháp của Ta, nếu người biết có tội mà sám hối thì sẽ tăng trưởng căn lành. Liền theo đó Đức Thế Tôn nói pháp độ

ông ta. Ngài phân tích vấn đề bố thí, vấn đề trì giới, vấn đề sinh thiên, vấn đề nhiễm ô của kẻ tại gia và vấn đề an vui của người xuất thế. Tâm hồn người ấy vui mừng, Đức Phật biết được điều đó nên lại vì ông ta nói pháp khổ, tập, tận, đạo. Nghe các pháp ấy, ông ta bùng vỡ sự tỏ ngộ và với các

pháp được tỏ ngộ này, ông ta xa lìa trần cấu, đạt được mắt pháp trong sạch. Thấy pháp đắc quả rồi, ông ta xin quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Đức Thế Tôn bảo ông ta trở về bằng con đường khác, vì Điều-đạt đã thuê hai người đón đường cũ giết người này, ngõ hầu bịt kín tiếng xấu ác. Tuần tự như vậy, Điều-đạt thuê bốn người, cho đến ba mươi hai người. Họ đều đến trước Đức Phật và được Phật thứ lớp độ họ như thế, sau cùng Ngài nói pháp. Nghe pháp họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Các Tỳ-kheo nghe Điều-đạt thuê người hại Phật, cùng nhau cầm đao trượng đến để hộ vệ Đức Thế Tôn. Các Tỳ-kheo phân bố đứng khắp nơi. Nếp sống của chư Phật là mỗi buổi sáng khi mặt trời mọc thì rời phòng ra ngoài. Sáng hôm nọ, Ngài đi ra khỏi phòng thì thấy các Tỳ-kheo đứng hai bên, Ngài hỏi: Vì lý do gì các thầy cầm đao gậy đứng đây? Các Tỳ-kheo thưa: Chúng con nghe Điều-đạt thuê người hại Phật, không an tâm nên đến đứng đây. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Như Lai mà bị chết không đúng lúc là điều không có thể. Năm hạng thầy ở đời mới cần sự hộ vệ, chư Như Lai thì không, các thầy cứ an tâm trở về, tự bảo hộ lấy tâm mình.

Điều-đạt biết rõ sự thất bại, lại nung nấu ý đồ khác: Âm mưu của ta hại Phật phen này cũng bị thất bại. Ta tìm một người phối hợp cùng ta thực

hiện sẽ có kết quả hơn. Điều-đạt lập tức tìm được một người, cùng leo lên núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy, Đức Thế Tôn đang đi kinh hành trên tảng đá phía dưới núi. Điều-đạt vội vã sai người kia xô đá hại Phật, vừa khởi tâm xô đá thì tay chân người kia không cử động được. Tâm niệm ông ta lại nghĩ đến công đức to lớn của Phật. Với tâm niệm ấy tay chân ông ta bình phục như cũ. Điều-đạt thấy vậy nổi giận nói: Tại sao ngươi khốn nạn thế, ngươi đi cho khuất mắt ta gấp! Điều-đạt liền tự tay đẩy một tảng đá lớn chui lăn xuống hại Phật. Có thần núi bên dưới tên là Kim-bệ-lô, đỡ lấy hòn đá quăng ra ngoài xa, chỉ có một mảnh nhỏ quăng trúng làm bị thương ngón chân cái của Đức Phật. Đức Thế Tôn chứng kiến như vậy, nói với Điều-đạt: Nay ông phạm phải tội vô gián. Nếu ai với tâm ác làm cho thân Phật chảy máu chắc chắn sẽ bị đọa vào địa ngục vô gián A-tỳ.

Điều-đạt lại nghĩ ra mưu mẹo khác: Ta đã không thể hại được Phật, chỉ còn có cách là phá sự hòa hợp của Tăng. Phật có Đại thần lực,

nếu ta có thể phá được Tăng của Ngài thì uy danh của ta sẽ chấn động khắp nơi. Đức Phật biết được ý nghĩ đó, liền nói với Điều-đạt: Ông chớ nên phá hòa hợp Tăng. Nếu Tăng bị phá và ai có thể hòa hợp lại, người đó sẽ được sinh lên cõi trời, nhận lấy một kiếp an vui. Nếu người nào phá hòa hợp Tăng, người đó bị đọa vào địa ngục một kiếp

thọ khổ. Điều-đạt nghe rồi, tạm thời xả bỏ tâm ác đó, nhưng sau thời gian làm sống dậy lại tâm ấy. Đức Phật cũng khuyên can như trước và nói kệ:

Chúng Tăng hòa hợp vui
Hòa hợp thường an ổn
Ai phá hòa hợp Tăng
Một kiếp địa ngục khổ.
Chúng Tăng hòa hợp vui
Hòa hợp thường an ổn
Hàn gắn Tăng bị phá
Thọ vui một kiếp trời.
Nếu chia rẽ riêng biệt
Thường nói lời bất thiện
Để phá hòa hợp Tăng
Một kiếp địa ngục khổ.
Không chia rẽ riêng biệt
Thường hay nói lời lành
Để hàn gắn Tăng phá
Thọ vui một kiếp trời.

Điều-đạt nghe rồi, tạm thời xả bỏ tâm ác ấy, nhưng thời gian sau tâm ác ấy lại sống dậy mạnh hơn trước. Các Tỳ-kheo nghe Điều-đạt rắp tâm phá hòa hợp Tăng, liền đến bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng mọi phương tiện chuyển lời đến khiển trách Điều-đạt, rồi Ngài bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân tình nồng thắm với Điều-đạt đến khuyên can: Thầy đừng phá hòa hợp Tăng, đừng làm việc phá Tăng,

nên cùng Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp nên hoan hỷ không tranh cãi, một lòng cùng học như nước với sữa hòa hợp, cùng nhau phát huy lời thầy dạy về hạnh an lạc. Nếu Điều-đạt thuận tùng thì tốt, bằng không thì sai số đông Tỳ-kheo đến khuyên. Nếu Điều-đạt lại cũng không nghe lời thì Tăng nên đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, ba lần khuyên như vậy, Điều-đạt đều không nghe theo. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách rồi, trình bày vấn đề lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, lại cũng bằng mọi phương tiện chuyển lời khiển trách đến Điều-đạt và bảo các

Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào tìm phương tiện để làm việc phá hòa hợp Tăng, các Tỳ-kheo nên nói với các Tỳ-kheo kia: Thầy đừng tìm phương tiện phá hòa hợp Tăng. Thầy nên cùng Tăng hòa hợp. Cùng Tăng hòa hợp thì vui vẻ không tranh cãi. Một lòng cùng học như nước với sữa hòa hợp, cùng nhau phát huy lời dạy của Bổn sư về hạnh an lạc. Can gián như vậy, đương sự kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Phá Tăng: Tìm mọi phương tiện để phá Tăng.

Hòa hợp: Đồng Bố-tát, Tự tứ Yết-ma, cùng Tăng làm những việc của Tăng.

Tăng: Từ bốn vị trở lên, Tỳ-kheo kia muốn phá Tăng, các Tỳ-kheo khác thấy, nghe, biết nên sai một Tỳ-kheo thân quen với vị ấy đến can gián. Tỳ-kheo ấy bỏ thì phạm một Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì sai số đông Tỳ-kheo đến can gián, khi ấy chịu bỏ thì phạm hai tội Đột-kiết-la hối quá. Nếu lại không bỏ thì Tăng đến can gián, khi ấy chịu bỏ thì phạm ba tội Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì Tăng Bạch-tứ-yết-ma can gián.

Một Tỳ-kheo tuyên bố như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo_này hăng hái tạo

phương tiện phá hòa hợp Tăng. Tăng đã can gián: Thầy không nên hăng hái tạo phương tiện phá hòa hợp Tăng. Khi can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nay Tăng Yết-ma can gián. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Bạch rồi nên nói với Tỳ-kheo kia: Tăng đã bạch rồi, còn ba Yết-ma nữa, thầy nên bỏ việc phá hòa hợp Tăng, đừng để phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vị kia bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, một Thâu-lan-giá hối quá. Nếu không bỏ thì nên xướng tiếp: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này hăng hái tạo phương tiện phá hòa hợp Tăng. Cho đến nay Tăng Yết-ma can gián. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói. Rồi lại phải nói với Tỳ-kheo kia: Tăng đã Yết-ma lần thứ nhất xong, còn hai Yết-ma nữa.

Thầy nên bỏ phá hòa hợp Tăng, đừng để phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vị kia chịu bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, hai Thâu-lan-giá hối quá. Nếu không bỏ thì Yết-ma lần thứ hai, như trên. Yết-ma lần thứ hai xong, lại phải nói như trên. Nếu vị kia chịu bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, ba Thâu-lan-giá hối quá. Nếu không chịu bỏ thì Yết-ma lần thứ ba, như trên. Yết-ma lần thứ ba chưa xong, vị ấy chịu bỏ thì trao cho ba Đột-kiết-la, ba Thâu-lan-giá hối quá. Yết-ma lần thứ ba xong, bỏ hay không bỏ đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu tác bạch không thành thì ba Yết-ma đều không thành. Nếu tác Yết-ma khác, giá Yết-ma, phi pháp Yết-ma, không can gián tự tỏ đều không phạm.

Xong giới thứ mười

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, những Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt, nói với các Tỳ-kheo: Những gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật, tâm chúng tôi đều chấp nhận và vui mừng. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách: Tại sao các thầy nói: Những

gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật, tâm chúng tôi đều chấp nhận và vui mừng?! Quở trách rồi, đem vấn đề bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, sau khi chuyển lời quở trách các Tỳ-kheo yểm trợ cho Điều-đạt, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân quen với các Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt đến can gián họ: Các thầy đừng nói: Những gì Điều-đạt nói là Điều-đạt biết, chứ không phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật, chúng tôi đều chấp nhận và vui mừng. Tại sao vậy? Điều-đạt chẳng phải biết mà nói, nói phi pháp, nói phi luật. Các thầy đừng yểm trợ việc làm phá hòa hợp Tăng, nên yểm trợ việc hòa hợp Tăng. Hòa hợp Tăng thì vui vẻ không tranh cãi. Một lòng đồng học như nước hòa với sữa, cùng nhau hoằng truyền lời dạy về hạnh an lạc của đức Đạo sư. Nếu họ chấp nhận thì tốt, bằng không nên sai số đông Tỳ-kheo Tăng đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, can gián như vậy Ba lần, các Tỳ-kheo yểm trợ Điều-đạt đều không chấp nhận. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách rồi, đem sự việc trình bày lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng nhiều phương tiện chuyển lời quở trách đến các Tỳ-kheo yểm trợ

Điều-đạt, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau:

"Tỳ-kheo nào yểm trợ việc phá hòa hợp Tăng, hoặc một, hoặc hai, hoặc số đông, nói với các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo này nói ra là biết chứ không phải không biết mà nói, nói như pháp chứ không nói phi pháp, nói đúng luật chứ không nói sai luật. Những gì Tỳ-kheo này nói chúng tôi chấp nhận và vui mừng. Các Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo kia: Các thầy đừng nói: Những gì Tỳ-kheo này nói ra là biết chứ không phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ chẳng phải nói phi pháp, nói đúng luật chứ chẳng phải nói sai luật. Những gì Tỳ-kheo này nói chúng tôi chấp nhận và vui mừng. Tại sao vậy? Vì Tỳ-kheo ấy chẳng phải biết mà nói, không nói pháp, không nói luật. Các thầy chớ nên vui thích với việc yểm trợ phá hòa hợp Tăng, nên vui vẻ yểm trợ với việc hòa hợp Tăng. Tăng hòa hợp thì hoan hỷ, không tranh cãi. Một lòng đồng học như nước hòa với sữa, cùng nhau hoằng truyền hạnh an lạc của Đạo sư dạy. Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa".

Yểm trợ phá Tăng: Bằng nhiều cách yểm trợ tạo thành việc phá Tăng.

Hòa hợp: Đồng Bố-tát, Tự tứ. Sai một người thân quen can gián, nếu bỏ thì phạm Đột-kiết-la hối quá. Cho đến không can gián mà tự bỏ đều như giới trước đã nói.

Xong giới thứ mười một

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Bấy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà phạm các tội: Vào nhà bạch y bạ giường nào cũng nằm, ngồi, không đúng pháp, ăn riêng chúng, ăn phi thời là chuyện thường đối với ông. Vào xóm làng Xiển-đà cũng không thưa với Tỳ-kheo thiện. Các Tỳ-kheo thấy vậy chỉ trích thầy phạm phép tắc như thế là có lỗi. Thầy phải nhìn thấy điều này mà sám hối, đừng để mất sự thanh tịnh đối với việc tu phạm hạnh. Không lẽ thầy sống mãi với đêm dài tội lỗi này mà nhận lấy các khổ não! Sao đành để cho thí chủ mất hết mọi công đức!

Xiển-đà trả lời: Đại đức! Các thầy không nên dạy tôi, tôi dạy các thầy mới phải: Tại sao vậy? Pháp vương Thánh sư là chủ của tôi, pháp tắc tôi rút ra từ đó, không dính dự gì đến các Đại đức. Giống như trận gió lớn thổi các cỏ rác dơ uế tập trung lại một chỗ. Tất cả các Đại đức gồm nhiều dòng họ, gồm nhiều gia đình, gồm nhiều quốc gia, xuất gia cũng bao gồm như vậy. Tại sao các thầy

lại muốn răn dạy tôi: Này các Đại đức, đừng nói với tôi điều gì hoặc tốt, hoặc xấu, tôi cũng không nói điều gì với các Đại đức hoặc tốt, hoặc xấu.

Các Tỳ-kheo lại nói với Xiển-đà: Thầy đừng tự cao, thầy không thể không dùng lời cộng tác với nhau. Thầy nên nói với các Tỳ-kheo những chuyện tốt xấu, các Tỳ-kheo cũng sẽ nói chuyện với thầy, những chuyện tốt xấu. Sự trao đổi chỉ giáo cho nhau, giúp nhau sám hối xuất tội như vậy, làm trưởng thành chúng Tăng của Đức Như lai. Các Tỳ-kheo can gián như vậy, Xiển-đà vẫn ngoan cố không bỏ, nên các Tỳ-kheo cùng đưa đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Xiển-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn! Sự thật con có như vậy, Xiển-đà thưa. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách: Ông là người ngu si, tại sao nói không thể dùng lời hợp tác với nhau?! Các Tỳ-kheo thấy ông phạm tội, nên không muốn cùng ông Bố tát, Tự tứ, Yết-ma, làm những việc của Tăng nên rủ lòng thương mà quở trách, can gián ông. Tại sao ông lại không thuận chấp nhận?! Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân thiện với Xiển-đà tới can gián như trên, kế đến sai nhiều chúng Tỳ-kheo, tiếp theo là Tăng đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, ba phen can gián mà Xiển-đà vẫn không chịu nghe theo, nên mới bạch Phật. Nhân việc này,

Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, rồi bằng mọi cách chuyển lời đến khiển trách Xiển-đà xong, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào có tánh ác, khó dạy, đối với các Tỳ-kheo đồng học kinh luật, thường hay phạm tội, các Tỳ-kheo như pháp, như luật can gián kẻ phạm giới ấy. Vị ấy lại nói: Này Đại đức, thầy đừng nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không đem điều tốt điều xấu nói với thầy. Các Tỳ-kheo lại nói: Thầy đừng ngạo mạn, không thể không cùng nhau xây dựng. Thầy nên vì các Tỳ-kheo nói như pháp, các Tỳ-kheo cũng sẽ vì thầy nói như pháp. Sự trao đổi chỉ vẽ cho nhau như vậy sẽ giúp nhau loại trừ các tội lỗi, khiến chúng Tăng của Như Lai trưởng thành. Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa".***

Tánh ác khó dạy: Không chấp nhận sự răn dạy sửa đổi, không có tâm cung kính, cho mình là phải, cho người là trái.

Đồng học kinh luật: Kinh là tất cả lời Phật dạy, luật là Ba-la-đề-mộc-xoa. Khi sai một Tỳ-kheo thân thiết đến can mà bỏ thì phạm một Đột-kiết-la hối quá, cho đến không can mà tự bỏ đều giống như giới trên đã nói.

Xong giới thứ mười hai

Đức Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, nơi ấp Kiết La có hai Tỳ-kheo, một người tên là Át-bệ, người thứ hai tên là Phân-na-bà cùng hành hạnh ác, làm nhơ nhớp nhà người, làm những việc phi oai nghi như tự kết tràng hoa, dạy người kết tràng hoa, tự mình mang, dạy người mang tràng hoa, cùng ngồi một giường với người nữ, cùng ăn một mâm, ăn thịt, uống rượu, ca múa theo âm nhạc, giả làm âm thanh các loài chim, cũng làm các loài chim đá nhau, khi thì bài bạc, khi thì đi ngã nghiêng cười đùa, khi thì ném bắt, chỉ tay nheo mắt, hướng đến người nữ làm các trò hề để trêu ghẹo. Cả thân, khẩu, ý làm các điều ác như vậy, phá giới, phá kiến, phá oai nghi chánh mạng. Khi ấy có năm trăm Tỳ-kheo oai nghi đầy đủ, từ nước Ca-di đến ấp này, tới giờ mang bát vào thôn khất thực. Thấy các nhà sư, các Cư sĩ đều nói: Các Tỳ-kheo này từ đâu đến, sao lại cúi đầu làm thanh giống như hiếu tử, không biết mở miệng giao tiếp với mọi người. Ở nơi ấp chúng ta đã có sẵn hai Tỳ-kheo hiền đủ tài, lắm nghề, khéo làm đẹp lòng người, đâu có phiền gì để hạng người này ở lại ấp của ta, dứt khoát không cho họ thức ăn, để họ mang bát không mà ra về. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cũng trên đường từ Ca-di đến ấp này. Nghe tin ấy, nhóm Át-bệ lo lắng suy nghĩ: Hai vị này đến đây ắt phải

nghe việc làm ác nổi tiếng của chúng ta mà cắt đứt mọi sự cúng dường. Cả hai bèn đến nói với các Cư sĩ: Không bao lâu nữa sẽ có hai Tỳ-kheo đến đây, một vị tên là Mục-liên, rất tài tình về huyễn thuật, hiển hiện, biến hóa đủ mọi hình thức. Vị thứ hai tên là Xá-lợi-phất rất giỏi chú pháp, xảo ngôn, khéo mê hoặc người. Các Phật tử nên đồng tâm đừng để bị mê hoặc! Chúng tôi sẽ ở lại đây. Nếu không đạt được yêu cầu chính đáng này thì chúng tôi sẽ đi. Các Cư sĩ nói: Quý Trưởng lão cứ an tâm, chúng con sẽ không bao giờ bị họ mê hoặc.

Đến với ấp này, hai vị được các Cư sĩ già trẻ lớn nhỏ đều ra nghinh đón hỏi chào, cung kính đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên. Nhân lúc ấy Mục-liên hiện bày thần biến, chia thân ra làm trăm ngàn rồi hiệp lại làm một, đi xuyên qua tường vách, đi trên nước như đi trên đất, ngồi nằm trên hư không như chim bay liệng, thân đến Phạm thiên, tay sờ mặt trời, mặt trăng, phần trên của thân tuôn ra lửa, phần dưới của thân tuôn ra nước, phần trên của thân tuôn ra nước, phần dưới của thân tuôn ra lửa, hoặc hiện nửa thân, hoặc hiện toàn thân, vọt ra nơi phương Đông, lặn nơi phương Tây, vọt ra nơi phương Tây, lặn nơi phương Đông, vọt ra nơi phương Nam, lặn nơi phương Bắc, vọt ra nơi phương Bắc, lặn nơi phương Nam, vọt ra nơi chính giữa, lặn mất vào một bên, vọt ra nơi một bên, lặn mất vào chính giữa. Hiện thần biến rồi trở lại ngồi

vào chỗ cũ. Bấy giờ, các Cư sĩ đều nói với nhau: Mục-liên huyễn thuật tài tình, sự thật này là hiển nhiên. Đến phiên Xá-lợi-phất giảng nói pháp diệu. Suốt từ đầu đến cuối bài thuyết pháp không chỗ nào là không dễ hiểu, không mang ý nghĩa thiện, pháp vị thiện với đầy đủ hình tướng thanh bạch phạm hạnh. Nói pháp rồi, Tôn giả ngồi yên trong tư thế thiền định. Đối với các Cư sĩ họ lại cùng nhau bàn nói: Xá-lợi-phất quả có tài nói pháp. Dù cho cả hai đã được kiểm chứng, ấy vậy mà mọi người vẫn không tín thọ, không có sự cúng dường.

Vào thời điểm ấy, ấp này có hai Ưu-bà-tắc, một tên là Phú Xà, một tên là Ưu-lâu-già, với lòng tin vui theo Phật Pháp, thấy rõ chân lý đã đắc quả, nên rất hoan hỷ bố thí cúng dường Sa-môn. Hai ông này nghe Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên từ Ca-di đến, cả hai cùng tới nghinh đón, đầu mặt đảnh lễ sát chân. Hai Tôn giả đã vì họ nói pháp diệu và họ rất vui mừng vì điều lợi ích được chỉ bày. Sau khi nghe pháp hai ông thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất: Trong ấp này có hai Tỳ-kheo, qua nhiều sự việc cả hai đã hành động không còn gì là oai nghi (họ trình bày đầy đủ như trên). Gần đây có năm trăm vị Tỳ-kheo, rất mực oai nghi vào trong thôn khất thực, đành phải ôm bát không ra về. Cúi xin Đại đức đem việc này bạch lên Đức Phật. Một lần nữa Tôn giả vì hai Ưu-bà-tắc giảng nói pháp vi diệu, chỉ dạy điều lợi ích, làm cho họ

ra về đầy vui mừng. Trở về thành Xá-vệ, hai Tôn giả bạch lên Đức Phật vấn đề trên một cách đầy đủ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng rồi bảo Tôn giả A-nan: Ông đến ấp Kiết-la trao cho hai Tỳ-kheo ấy pháp Yết-ma khu xuất (đuổi khỏi ấp). Tôn giả A-nan bạch Phật: Tỳ-kheo ác kiến kia chẳng phải Sa-môn, tự nói là Sa-môn, thường làm điều bất tịnh, tâm họ đã bại hoại đến thế, nếu một mình con đến, chắc chắn với cái ác tột cùng ấy, hai ông tha hồ quấy phá, não loạn. Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: Đúng vậy, đúng vậy, nhận xét của ông là sự thật. Nay ông có thể cùng với một số Tỳ-kheo, nhiều ít tùy ý ông, đến ấp Kiết La, trước tập hợp chúng, sau đó mới cử tội nhóm Át-bệ, Bạch-tứ-yết-ma, đuổi ra khỏi ấp. Một Tỳ-kheo tác pháp như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là đã hành xử theo hạnh xấu ác làm hoen ố nhà người. Về hạnh xấu ác mọi người cũng đều nghe thấy và biết rõ. Nay Tăng đuổi ra khỏi ấp này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là hành xử theo hạnh xấu ác, làm nhơ nhớp nhà người. Làm hạnh xấu ác mọi người đều thấy nghe và biết rõ, làm nhơ nhớp nhà người, ai nấy cũng đều nghe thấy và biết rõ. Nay Tăng đuổi ra khỏi ấp này. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị

nào không đồng ý thì xin nói. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy)

Tăng đã đồng ý đuổi Tỳ-kheo ra khỏi ấp rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thi hành như vậy.

Tôn giả A-nan ghi nhận và làm theo lời Phật dạy, cùng đưa năm trăm Tỳ-kheo đến ấp Kiết La. Các Cư sĩ nghe Tôn giả A-nan cùng năm trăm Tỳ-kheo đến ấp đều ra nghinh đón, hỏi chào và đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. A-nan liền tập hợp chúng, cho đến việc Yết-ma. Tác pháp Yết ma xong, hai Tỳ-kheo ấy cũng ngoan cố không đi. Các Tỳ-kheo hỏi: Tại sao hai thầy không đi? Họ trả lời: Tôn giả A-nan đã tùy tiện làm việc theo thương ghét, giận hờn, si mê, sợ hãi, cho nên không đi. Tại sao vậy? Có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi! Các Tỳ-kheo nói: Hai thầy đừng nên nói Tôn giả A-nan tùy tiện làm việc theo thương, giận, si, sợ, có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi có người không bị đuổi. Các thầy hành xử theo hạnh xấu ác, làm nhơ nhớp nhà người. Làm hạnh xấu ấy, mọi người đều nghe thấy, biết rõ, làm nhơ nhớp nhà người ai nấy đều quá rõ, chán ngấy. Các thầy nên ra khỏi chỗ này, không nên ở lại đây. Các Tỳ-kheo can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo đem việc ấy về bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng mọi hình thức chuyển

lời khiển trách hai Tỳ-kheo kia rồi, Ngài lại bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một vị thân cận thâm tình với hai Tỳ-kheo kia tới can gián như trên. Kế đến sai nhiều chúng Tỳ-kheo, tiếp theo là Tăng. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, ba phen can gián mà đương sự vẫn không chấp nhận nên đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, một lần nữa chuyển lời khiển trách đến phạm nhân. Ngài lại bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nương tựa trong xóm làng, hành xử xấu xa làm nhơ nhớp nhà người, hạnh xấu xa ấy ai nấy đều nghe biết, và việc làm nhơ nhớp nhà người, mọi người cũng đều nghe biết. Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo này: Thầy hành xử hạnh xấu xa, làm nhơ nhớp nhà người. Hạnh xấu xa này ai nấy cũng đều nghe biết, và việc làm nhơ nhớp nhà người ai nấy cũng đều nghe biết. Thầy nên đi khỏi chỗ này, không nên ở nơi đây. Tỳ-kheo kia nói: Các Đại đức tùy tiện làm việc theo yêu, giận, si, sợ. Tại sao vậy? Vì có Tỳ-kheo đồng tội như thế mà có người bị đuổi có người không bị đuổi. Các Tỳ-kheo lại nói: Thầy đừng cường điệu nói: Các Đại đức làm việc theo yêu, giận, sợ, si, có người đồng tội mà người bị đuổi, người không bị đuổi. Thầy hành xử hạnh xấu xa, làm nhơ nhớp nhà người. Hạnh xấu xa này mọi người đều nghe biết và việc làm nhơ***

nhớp nhà người ai nấy cũng đều nghe biết. Thầy nên bỏ lời nói yêu, giận, si, sợ. Thầy nên ra khỏi chỗ này, không nên ở lại đây. Khi can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Can gián lần thứ hai, thứ ba, bỏ việc này thì tốt, không bỏ phạm Tăng-già-bà-thi-sa”.

Hành hạnh ác: Thân, khẩu, ý phát xuất hạnh ác.

Làm ô uế nhà người: Khiến cho nhà người mất đi lòng tin tưởng nơi Phật pháp.

Thấy: Là tận mắt nhìn thấy.

Nghe: Là nghe từ người đáng tin cậy.

Biết: Là xa gần đều hay biết.

Sai một Tỳ-kheo thân quen can gián, mà chịu bỏ thì phạm Đột-kiết-la hối quá, cho đến không can gián mà tự bỏ, đều như trên đã nói.

Xong giới thứ mười ba

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 4

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 3: NÓI VỀ HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà thường tới lui nhà một cư sĩ. Vào một buổi sáng sớm nọ, Bạt-nan-đà đắp y mang bát đến nhà cư sĩ ấy. Ở nhà chỉ có mỗi một vợ cư sĩ, Bạt-nan-đà trải Ni-sư-đàn nơi chỗ vắng vẻ rồi cùng bà ta ngồi nói những lời xấu xa, thô tục về dâm dục. Khi ấy, Lộc-tử mẫu Tỳ-xá-khư nghe Bạt-nan-đà cùng người vợ cư sĩ ngồi một mình nơi chỗ vắng nói những lời thô ác về dâm dục, nghĩ: Nếu cư sĩ về bắt gặp chắc sinh tâm xấu đối với Tỳ-kheo khác, cũng như sẽ khiến Bạt-nan-đà trong đêm dài sinh tử thọ nhận nhiều khổ não. Ta nên sai người đến bạch với Đức Thế Tôn. Bà liền bảo Bà-la-môn tên là Na-lân-già, người thường được bà sai đến cúng dường Phật: Ngươi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân Ngài, rồi trình bày rõ việc này. Người Bà-la-môn liền đến bạch Phật. Đức Phật vì Bà-la-môn Na-lân-

già giảng nói pháp diệu rồi bảo trở về. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự thầy có như vậy không? Bạt-nan-đà thưa: Thật sự có như vậy, bạch Đức Thế Tôn... Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách, như trong giới dâm đã nói, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng với một người nữ, một mình ngồi chỗ vắng, chỗ có thể hành dâm, Ưu-bà-di đáng tin thấy, nói một trong ba pháp, nghĩa là hoặc nói Ba-la-di, hoặc nói Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc nói Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo đó công nhận như lời người Ưu-bà-di đã nói, thì nên tùy theo đó mà trị một trong ba pháp, gọi là pháp Bất định".***

Một mình: Là một Tỳ-kheo, một người nữ chứ không có người thứ ba. Chỗ vắng: Là chỗ mắt không thấy. Đáng tin: Là người đã thấy bốn chân đế, không vì mình, không vì người, không vì lợi mà nói dối. Ưu-bà-di: Là người nữ thọ ba tự quy, tuyệt đối chấm dứt với tà đạo.

Bất định: Một trong ba pháp chưa nhất định là pháp nào. Các Tỳ-kheo Thượng tọa nên hỏi Tỳ-kheo ấy: Thầy có đến nhà đó hay không? Nếu Tỳ-kheo nói có, thì chưa đủ yếu tố để trị. Thượng tọa nên hỏi nhẹ nhàng: Thầy cùng với người nữ, một mình ngồi chỗ vắng nói lời thô ác về pháp hành dâm dục phải không? Nếu nói không thì Tỳ-kheo

Thượng tọa, Hạ tọa nên nói một cách tha thiết: Thầy nên nói thật, đừng nên nói dối. Như lời Ưu-bà-di nói có đúng hay không? Nếu nói: Như lời Ưu-bà-di nói là đúng. Như vậy tùy theo đó mới trị tội. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Giới bất định thứ hai là cùng người nữ ngồi chỗ trống thì trừ Ba-la-di, ngoài ra như trên đã nói.

Chỗ trống: Là chỗ mắt có thể thấy.

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP XẢ ĐỌA

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo chỉ được cất chứa ba y, vậy mà các Tỳ-kheo Lục quần trước bữa ăn, buổi xế chiều, mỗi thời gian mặc một loại y khác nhau. Các Tỳ-kheo thấy thế hỏi: Đức Thế Tôn không cho phép chứa y dư, các thầy không nghe hay sao? Lục quần trả lời: Chúng tôi có nghe chứ, nhưng những y này của chúng tôi là nhận được từ Tăng, hoặc từ Cư sĩ hay từ đồ vất bỏ. Vì nhu cầu đắp mặc nên họ cho tôi, vốn không khiến tôi vì năm nhà mà cất chứa. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa đến chỗ Đức Phật để trình bày vấn đề. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các thầy có như vậy không? Lục quần Tỳ-kheo thưa: Sự thật có như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi hình thức

quở trách: Trước đây các thầy không nghe Ta khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc: Áo cắt rọc đủ để che thân, cơm ăn đủ để nuôi sống hay sao?! Ví như các loài chim chỉ có đôi lông cánh, Tỳ-kheo cũng như vậy, chỉ mang theo ba y mà thôi. Tại sao nay các thầy lại tích giữ cất chứa phi pháp. Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào chứa y dư, quá một đêm phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Kể từ ấy, các Tỳ-kheo lúc cần mỗi một y nào, chúng Tăng Yết-ma, đem số vật nên phân mà phân cho. Vào một dịp nọ, y của A-na-luật cũ rách hư hoại, các Tỳ-kheo nói: Y của thầy cũ rách sao không đến Tăng xin sai người may một ngày cho xong? A-na-luật nói: Tôi không dám xin, sợ một ngày may không xong, phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở ấp Ba-lợi với ý muốn đến thành Xá-vệ để hậu an cư, song không còn thời gian nữa, nên hợp ý nhau an cư tại ấp Ta-bệ-đà và đã hoàn tất. Ngày mười sáu cùng nhau đến chỗ Phật ở. Vì mưa nên suốt lộ trình lầy lội ướt át, ba y đã thô nặng, bị ướt càng thêm nặng, các Tỳ-kheo rất nhọc mệt với gánh nặng này. Các Tỳ-kheo đến nơi, kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Phật thăm hỏi các Tỳ-kheo: An cư có vui hòa không? Trên đường đi có nhọc mệt lắm không?

Các Tỳ-kheo thưa: Chúng con an cư được vui hòa, khất thực không bị thiếu thốn. Chúng con trước ở ấp Ba-lợi ý muốn về nơi đây an cư, nhưng trong đoàn có nhiều bạn quen nên không khởi hành sớm được. Chúng con tưởng đến kịp hậu an cư song cũng vẫn không kịp bèn tới an cư tại Ta-bệ-đà và đã hoàn tất. Ngày mười sáu lên đường về đây, trên đường đi bị mưa, đường lầy lội ướt át, ba y đã thô nặng bị ướt càng nặng nên rất vất vả suốt lộ trình. Các Tỳ-kheo nhân việc này trình bày lên Phật vấn đề không dám xin may y của A-na-luật. Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Sau khi khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép thọ y Ca-hi-na, để khỏi phạm năm việc:

Ăn riêng chúng.

Có thể ăn nhiều lần.

Trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đến gia đình nào đó khỏi phải dặn Tỳ-kheo khác.

Chứa y dư.

Ngủ riêng không mất ba y.

Khi ấy, các Tỳ-kheo lại có ý nghĩ: Đức Phật cho thọ Y Ca-hi-na, cho phép chứa y dư, không biết được phép ấy vào lúc nào. Với suy nghĩ này lại bạch Phật. Phật dạy: Khi đã thọ Ca-hi-na thì được phép chứa. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ba y đã xong, y Ca-hi-na đã xả,***

chứa y dư quá một đêm, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề”.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan vì Trưởng lão Xá-lợi-phất mà nhận hai trương vải kíp bối. Vào lúc ấy Trưởng lão Xá-lợi-phất lại đi vắng. Tôn giả A-nan áy náy nghĩ ngợi: Đức Thế Tôn không cho phép chứa y dư quá một đêm, nay Trưởng lão Xá-lợi-phất lại không có mặt ở trú xứ phải giải quyết việc này thế nào đây?! Đem nghi vấn này bạch Phật, Đức Phật hỏi A-nan: Bao nhiêu ngày nữa Xá-lợi-phất trở về? A-nan thưa: Khoảng mười ngày, hoặc không đến mười ngày. Do đó Đức Phật cho tập hợp Tỳ-kheo Tăng và Ngài đã hết lời khen ngợi sự thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: “Tỳ-kheo nào ba y đã xong, y Ca-hi-na đã xả, chứa y cho đến mười ngày, nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề”.

Ba y đã xong: Tức là giặt, nhuộm, may đã xong.

Y Ca-hi-na đã xả: Tức bạch nhị yết-ma xả.

Y dư: Ngoài ba y đều gọi là dư.

Y: Là y kíp bối, y Khâm-ba-la, y bằng tơ tằm, y độn, y vải thô.

Mười ngày: Nếu ngày thứ nhất được y nên xả ngay trong ngày, hoặc thọ trì, hoặc cho người, hoặc tịnh thí. Nếu không xả liền trong ngày, ngày thứ

hai lại được y, nên xả cả hai trong ngày này. Nếu ngày ấy không xả, ngày thứ ba cho đến ngày thứ mười lại được y, cũng nên xả hết trong ngày ấy. Nếu ngày này không xả, đến ngày thứ mười một, khi tướng mặt trời xuất hiện, y nhận được trong mười ngày đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu có y quá mười ngày nên xả cho Tỳ-kheo Tăng, hoặc xả cho một, hai, ba Tỳ-kheo, không được xả cho người khác và phi nhân. Xả rồi tiếp theo sau là sám hối: Nếu không xả mà sám hối thì tội kia càng sâu. Trừ trường hợp ba y dư, nếu các y khác dư, cho đến khăn lau tay quá mười ngày đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu tịnh thí thì không phạm.

Xong giới thứ nhất

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc này nhóm Tỳ-kheo mười bảy người an cư xong muốn du hành, lại có ý nghĩ: Chúng ta sẽ trở về lại đây, đem theo một y là đủ, phiền gì phải đem nhiều. Nghĩ sao làm vậy, các Tỳ-kheo lấy khăn gói các y còn lại đem để trên giá, gởi cho các Tỳ-kheo tại trú xứ, rồi ra đi. Cũng vào lúc đó nhóm sáu Tỳ-kheo từ nơi khác trở về, nói với Tỳ-kheo ở trú xứ: Cung cấp phòng cho tôi. Tỳ-kheo tại trú xứ chỉ ngay phòng của nhóm

mười bảy người để y. Nhóm sáu Tỳ-kheo thấy y để trên giá hỏi: Tại sao các thầy cất chứa các y dư này? Tỳ-kheo trú xứ nói: Đây là y của nhóm mười bảy Tỳ-kheo, an cư xong du hành trong nhân gian không thể mang theo được nên lưu lại gởi cho tôi đó. Được cớ, nhóm sáu Tỳ-kheo tha hồ quở trách rồi đem vấn đề trình lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi nhóm mười bảy Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn đúng như vậy. Đức Phật bằng mọi cách khéo léo quở trách: Các ông ngu si, không nghe Ta dạy: Vật bất ly thân của một Tỳ-kheo là ba y và bình bát giống như con chim bay được là tự nhờ đôi cánh lông của nó đó sao? Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ba y đã xong, y Ca-hi-na đã xả, trong ba y, nếu lìa mỗi một y nào, ngủ quá một đêm phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Bấy giờ, một Tỳ-kheo nọ có một y phấn tảo muốn đến ấp Sa-kiệt-đà, nhưng y nặng không thể mang theo, muốn xả, không biết nên như thế nào, bạch các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cùng đưa đến chỗ Phật để trình lên Ngài sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu các Tỳ-kheo thọ trì y phấn tảo nặng, muốn du hành nơi khác, không thể mang theo được, Tỳ-kheo ấy nên đến xin Tăng Yết-ma không mất y với nghi

thức như sau: Đương sự cởi giày dép, đầu mặt đảnh lễ sát chân Tăng, quỳ gối, chấp tay bạch: Đại đức Tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo tên là muốn du hành đến xứ y phấn tảo nặng không thể mang theo được, muốn để lại. Nay đến xin Tăng Yết-ma pháp không mất y. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch xin như vậy. Sau đó, một Tỳ-kheo trong Tăng xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên là muốn du hành đến xứ y phấn tảo nặng không thể mang theo được, muốn để lại. Nay đến Tăng xin Yết-ma không mất

y. Nay Tăng trao cho Yết-ma không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên là muốn du hành đến xứ y phấn tảo nặng không thể mang theo, muốn lưu lại, đến xin Tăng Yết-ma không mất y. Nay Tăng trao cho Yết-ma không mất y. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, ai không đồng ý xin nói.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo tên là___Yết-ma không mất y rồi.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo thấy Đức Thế Tôn cho phép Yết-ma ly y, bèn thường tác Yết-ma ly y để ngủ đêm, thậm chí Yết-ma ly hết cả ba y, chỉ mặc

y cũ rách để đi. Tỳ-kheo Trưởng lão thấy hỏi: Tại sao các thầy mặc y cũ rách đi như thế? Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật cho phép Yết-ma ly y, cho nên chúng tôi thường Yết-ma ly y để ngủ đêm, cũng Yết-ma ly ba y luôn. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa đến Đức Phật trình bày sự việc. Đức Phật dạy: Các thầy không được phép nhiều lần Yết-ma ly y để ngủ đêm và Yết-ma ly cả ba y. Đây là hai Yết-ma phi pháp, Tỳ-kheo Tăng phạm hai tội Đột-kiết-la. Đối với Yết-ma ly y để ngủ đêm này, mỗi y, một đêm đều phạm tội mất y. Nay cho phép Tỳ-kheo Yết-ma lưu y lại, tiền an cư được chín tháng, hậu an cư được tám tháng, không được Yết-ma lưu y Tăng-già-lê, An-đà-hội, cho phép Yết-ma Ưu-đa-la-tăng. Chỗ có nạn giặc cướp, trong ba y, y cắt rọc nào hơn hết, cho phép tùy theo đó mà lưu (gởi). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, ba y đã xong, y Ca-hi-na đã xả, trong ba y, nếu lìa mỗi một y nào, ngủ quá một đêm, trừ Tăng yết-ma, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Ly y: Vườn, đồng giới khác giới; nhà, đồng giới khác giới; Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, đồng giới khác giới; xóm làng, đồng giới khác giới; nhà lầu, đồng giới khác giới; xe, đồng giới khác giới; thuyền, đồng giới khác giới; khoảng đất rộng, đồng giới khác giới; nơi gốc cây, đồng giới khác giới; đất trống, đồng giới khác giới; trên đường đi, đồng giới

khác giới.

Vườn đồng giới: Tăng Yết-ma quy định ranh giới không mất y, trong đó tự do tới lui. Khác giới: Tăng không Yết-ma quy định ranh giới không mất y, tuy là cùng một vườn mà không được tự do tới lui trong đó. Nhà, Tinh xá Tỳ-kheo-ni, xóm làng, nhà lầu cũng như vậy.

Xe đồng giới: Trong đó được tự ý lấy hay di chuyển. Khác giới: Trong đó không được tự ý lấy hay di chuyển.

Thuyền cũng như vậy.

Khoảng đất rộng đồng giới: Là chỗ sân phơi lúa, được tự ý lấy.

Khác giới là không được tự ý lấy.

Nơi gốc cây đồng giới: Chỗ có bóng mát che. Khác giới là chỗ không có bóng mát che.

Đất trống đồng giới: Là chỗ ngồi kiết già cách trước mặt bảy thước. Khác giới là ngoài bảy thước.

Trên đường đi đồng giới: Là cách thân hình bảy cung. Khác giới là ngoài bảy cung, cho đến tướng mặt trời có mặt, khi ấy Tỳ-kheo trở về tới giới, cho đến một chân vào trong giới cũng không mất y. Hoặc là miệng tự nói: Tôi xả y đó, cũng không mất y. Nếu không nói xả, khi tướng mặt trời có mặt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Ngoài ba y của Tỳ-kheo, những thứ y thọ dụng khác, mà xa lìa để ngủ ban đêm thì phạm Đột-kiết-

la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo y đã đủ, y Ca-hi-na đã xả, lại được y phi thời, các Tỳ-kheo tự thấy xấu hổ nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận y phi thời. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các thầy có nhận được y phi thời mà tự xấu hổ nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận y phi thời, phải vậy không? Các Tỳ-kheo trả lời: Bạch Thế Tôn thật vậy. Đức Phật bằng nhiều cách khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép nhận y phi thời. Khi ấy Lục quần Tỳ-kheo nảy sinh ý nghĩ: Đức Thế Tôn đã cho phép nhận y phi thời, chúng ta có thể tha hồ thọ nhận. Nhận nhiều song họ không thọ trì, không cho người, cũng không tịnh thí. Các Tỳ-kheo thấy vậy hỏi: Các thầy không nghe Đức Thế Tôn chế cấm không được chứa y dư hay sao? Họ trả lời: Tuy Đức Phật chế cấm chứa y dư, nhưng cho phép nhận y phi thời. Các Tỳ-kheo hỏi: Có phải bất cứ lúc nào các thầy cũng chứa y phi thời, lại không thọ trì, không cho người, không tịnh ví như thế hay sao?

Họ trả lời: Đúng như vậy. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi hình thức quở trách, trình lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn có thật như vậy, Lục quần thưa. Đức Phật bằng lời lẽ nghiêm khắc quở trách: Các ông là kẻ ngu si. Không nên ham cầu xin quá nhiều như thế. Đối với pháp của ngoại đạo, người nhận, nhận mấy cũng không chán, kẻ cho lại so lường tính toán. Trong chánh pháp của Ta thì thiểu dục, tri túc, người thí tuy tích cực rộng rãi, nhưng kẻ nhận chỉ nhận ít mà thôi. Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: ***"Nếu Tỳ-kheo nào nhận được y phi thời, không thọ trì, không cho người, không tịnh thí, cho đến một đêm phạm Đột-kiết-la".***

Khi ấy, có một trú xứ nọ, các Tỳ-kheo nhận được nhiều y, thọ trì, cho người, tịnh thí, còn dư một khúc vải, cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không nhận, nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi nhận vải không đủ may y. Tỳ-kheo cho vải lại nói: Cứ nhận đi, cần đủ vải thì sẽ đủ ngay. Có Trưởng lão Già-tỳ nhận được miếng vải vừa hẹp vừa ngắn, hằng ngày cứ kéo ra, hy vọng miếng vải dài rộng hơn trước. Thường lệ, cứ mỗi năm ngày, Đức Phật đi xem xét các phòng, thấy Già-tỳ kéo vải, hỏi: Thầy làm gì vậy? Già-tỳ thưa: Con nhận được miếng vải nhỏ này, không thọ trì được. Đức Phật

hỏi: Thầy có hy vọng nhận được chỗ nào nữa không? Thưa có, Già-tỳ đáp. Đức Phật lại hỏi: Thời gian lâu mau nữa sẽ nhận được? Già-tỳ đáp: Trong vòng một tháng. Nhân việc này, Đức Phật bằng nhiều cách khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: "Từ nay cho phép chứa y phi thời, nếu không đủ, chờ cho đủ trong vòng một tháng".

Đức Phật đã cho phép chứa vải phi thời mà không đủ may y, các Tỳ-kheo lại mang vải này du hành quá một tháng. Các Tỳ-kheo thấy vậy hỏi: Đức Phật không cho phép chứa vải phi thời, không đủ may y quá một tháng, tại sao các thầy lại mang nó du hành quá một tháng? Sau khi bằng mọi cách quở trách, các Tỳ-kheo cũng đưa đến chỗ Đức Phật, trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ba y đã đủ, y Ca-hi-na đã xả, lại được vải phi thời, cần thì nhận, nhận rồi phải sớm thọ trì, đủ thì tốt, nếu không đủ thì chờ đợi có chỗ cho thêm đủ để may, cho đến một tháng, nếu quá phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Y phi thời: Y nhận được sau khi xả y Ca-hi-na, đều gọi là y phi thời.

Cần: Trong ba y có cái cũ rách cần để bổ sung.

Hy vọng có chỗ nhận được: Có nơi nào đó, hy vọng họ sẽ cho.

Nhận được từ một ngày cho đến một tháng: Nếu Tỳ-kheo ngày

thứ nhất nhận được vải mà không đủ may y, ngay trong ngày lại nhận được đủ vải như ước muốn phải may thành y để thọ trì, hoặc cho người hay tịnh thí, nếu không thọ trì, không cho người, không tịnh thí, đến ngày mười một khi tướng mặt trời xuất hiện, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Ngày thứ hai cho đến mười ngày cũng vậy. Ngày thứ mười một có hy vọng, nếu nhận được thì nội nhật nên may thành y, để thọ trì, hoặc cho người hay tịnh thí, đến ngày mười hai, khi tướng mặt trời xuất hiện phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Cho đến ngày ba mươi cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc này, nơi ấp Ưu-thiện-na có một thiếu niên cư sĩ trên đường du lịch vui chơi gặp một người con gái tên là Liên Hoa-sắc, sắc đẹp như hoa đào, tướng nữ trọn vẹn. Đã nặng tình kính yêu tương hợp, người thiếu niên ấy cưới cô ta làm vợ. Sau một thời gian ngắn người vợ có thai. Gần đến ngày sinh, cô ta về lại nhà cha mẹ, và sinh được một đứa con gái. Vì người vợ ở

cữ nên người chồng không thể gần gũi được. Anh ta lại vụng trộm tư thông với mẹ của cô. Liên Hoa-sắc biết được muốn vất bỏ tất cả, cắt đứt đạo vợ chồng nhưng lại sợ liên lụy đến cha mẹ, hơn nữa vì thương con nên phải ôm sầu, nuốt hận chịu tủi nhục để nuôi con. Liên Hoa-sắc về lại nhà chồng nuôi đứa con gái của mình lên tám tuổi, sau đó mới bỏ nhà ra đi, đến thành Ba-la-nại, đói khát mệt lả người, cô ta ngồi nghỉ bên mé nước. Trong khi ấy, có ông Trưởng giả nọ đi du ngoạn vừa thấy cô ta đã đem lòng yêu mến sâu nặng liền ngỏ lời hỏi han: Cha mẹ, dòng họ của cô ở đâu? Hiện nay cô có bị ai ràng buộc không, hay còn độc thân? Liên Hoa-sắc trả lời: Tôi là đứa con gái thuộc dòng họ nay tôi không thuộc sở hữu của ai. Ông Trưởng giả lại ngỏ lời: Nếu không thuộc sở hữu của ai thì có thể vì tôi làm chánh thất được không? Liên Hoa-sắc nói: Người con gái lấy chồng tại sao không được! Ông Trưởng giả liền đưa cô ta lên xe trở về nhà rồi phong làm vợ cả. Liên Hoa-sắc giải quyết sắp đặt chu toàn mọi việc trong nhà. Từ lớn đến nhỏ, hòa thuận sung túc, vợ chồng tương kính nặng nghĩa lẫn nhau. Sau tám năm, bấy giờ ông Trưởng giả nói với người vợ: Tôi có đầu tư vốn tại ấp Ưu-thiện-na, kiểm tra số nợ lãi tám năm qua theo sổ sách, kế toán cho đến nay lãi sinh từ số vốn ấy, lên đến số cả ức. Hôm nay tôi muốn đến đó thu nợ lãi về, chúng ta tạm thời xa nhau. Người vợ nói: Phong

tục tại ấp đó người nữ thích phóng dật, anh đến đó coi chừng sẽ bị mất tiết tháo của người trượng phu. Của cải như phấn thổ sao lại quá bận lòng tính toán làm chi! Người chồng trả lời: Tôi tuy biết rõ nhược điểm của mình nhưng không đến nỗi bị điều đó mê loạn. Người vợ lại nói: Nếu anh tự quyết định cần phải đi thì nên suy nghĩ và cho em nghe được một lời thề. Người chồng nói: Tốt lắm, anh thề: "Nếu anh có khởi tâm làm điều đó, thì khi anh trở về, lúc về cửa ngõ anh sẽ chết với tâm tà ấy".

Với lời thề như thế, người chồng đến ấp Ưu-thiện-na. Anh ta thu tiền lãi nhiều nơi nên trải qua thời gian cả năm. Xa nhà càng lâu ngày, nhớ nhà càng gấp bội, lòng sinh nọ kia, nảy ra ý nghĩ: Ta nên giải quyết thế nào để khỏi trái với lời thề trước mà vẫn thỏa tình hiện nay! Trưởng giả lại nghĩ: Nếu ta tà dâm thì trái với lời thề trước vợ, thôi thì tạo một nhà riêng là xong chuyện, khỏi trái với lời thề. Trong khi trao đổi, dò la, ông Trưởng giả gặp một người con gái dung nhan tao nhã, dịu dàng, toát lên một vẻ đoan chính. Ông yêu thương cô ta một cách say đắm, liền tìm đến cầu hôn. Cha người con gái thấy ông Trưởng giả tiền tài sung túc, giàu có vô cùng, nên hoan hỷ nhận lời gả con. Thu nợ xong, ông Trưởng giả cùng với người vợ mới cưới trở về bổn xứ, đến ở yên nơi một tổ ấm riêng, sau đấy ông mới trở về nhà cũ. Từ đó, ông Trưởng giả sáng đi chiều về, khác hẳn với ngày trước. Liên

Hoa-sắc ngạc nhiên, âm thầm hỏi người tùy tùng, người ấy nói: Ngoài ấy có một thiếu phụ nên mới đi như vậy. Chiều hôm đó, người chồng về, Liên Hoa-sắc hỏi: Anh có người hầu tại sao giấu em, không cho em thấy? Ông Trưởng giả nói: Sợ em biết sẽ hận anh, nên phải giấu ngoài ấy. Người vợ nói: Em không ghen ghét, hiềm khích đâu, thần minh chứng giám cho em điều đó, anh nên gọi cô ấy về để cùng em lo liệu việc nhà. Ông Trưởng giả bèn đưa người ấy về và người đó chính là con gái của Liên Hoa-sắc. Mẹ con gặp nhau mà không hề hay biết. Thời gian sau, nhân lúc gội đầu, để ý nhìn kỹ tướng mạo, Liên Hoa-sắc mới nghi là con gái của mình, bà ta khéo léo hỏi rõ về làng xã, cha mẹ, tộc tánh của thiếu phụ và thiếu phụ đã trả lời cặn kẽ. Thế là vỡ lẽ! Liên Hoa-sắc kinh hoàng nói: Xưa kia mẹ và con đồng một chồng! Nay con và mẹ cùng một chàng rể! Sinh tử mê loạn cho đến nỗi này ư?! Nếu không đoạn ái dục, xuất gia học đạo thì sự điên đảo mê hoặc này làm sao chấm dứt được?! Liên Hoa-sắc liền vất bỏ tất cả ra đi và đến được cửa Kỳ-hoàn, đói khát mệt lả, ngồi tựa vào gốc cây.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi giữa một rừng người vây quanh để nghe Ngài thuyết pháp. Liên Hoa-sắc thấy hàng hàng lớp lớp người tấp nập ra vào tới lui, nghĩ là tiết hội chắc có thức ăn, bèn vào trong Tinh xá, thấy Đức Thế Tôn đang vì mọi hạng

người giảng nói pháp. Liên Hoa-sắc nghe pháp, lãnh hội được vấn đề, sự đói khát từ đó được xua tan. Ngay lúc ấy, Đức Thế Tôn quan sát khắp chúng hội xem ai có thể độ được. Ngài thấy rõ chỉ có Liên Hoa-sắc là người sẽ đắc được đạo quả, nên liền nói pháp bốn chân đế: Khổ, tập, tận, đạo. Từ nơi chỗ ngồi Liên Hoa-sắc liền rũ sạch mọi trần cấu, đạt được mắt pháp trong sạch. Khi đắc quả rồi, Liên Hoa-sắc một lòng chấp tay hướng đến Đức Phật. Đức Phật giảng nói pháp xong, chúng hội đều ra về. Liên Hoa-sắc đến trước Đức Phật, kính lễ sát chân, quỳ gối, chấp tay bạch Phật: Con nguyện xin được xuất gia trong chánh pháp của Đức Phật. Đức Phật liền chấp thuận, rồi bảo Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề: Này Tỳ-kheo-ni nên độ người nữ ấy thực hành đạo. Ma-ha-ba-xà-ba-đề thọ giáo, liền độ cho xuất gia thọ giới. Liên Hoa-sắc siêng năng tinh tấn hành đạo, nên dẫn đến thành bậc A-la-hán, nhờ vui thú trong các cảnh thiền giải thoát, nên dung nhan, tướng mạo càng sáng rực bội phần so với trước.

Đến giờ, Liên Hoa-sắc mang bát vào thành khất thực. Một người Bà-la-môn trông thấy liền mê đắm sắc đẹp của Liên Hoa-sắc nên nảy sinh ý nghĩ: Đây là Tỳ-kheo-ni, ta không thể chiếm đoạt, chỉ có một cách là tìm đến chỗ ở rồi tạo phương tiện để hành sự. Liên Hoa-sắc khất thực xong trở về nơi vườn An-đà, rồi đi vào trú phòng. Người Bà-la-môn kia theo quan sát, biết được chỗ ở của Liên Hoa-sắc.

Hôm sau, khi đến giờ khất thực, vắng người, từ phía sau ông ta đột nhập vào phòng Tỳ-kheo-ni Liên Hoa-sắc nằm dưới gầm giường. Suốt ngày ấy, các Tỳ-kheo-ni nghe xong thời thuyết pháp thì trời đã tối. Về đến phòng, vì mệt mỏi nên nằm xuống ngủ say. Ngay lúc ấy, người Bà-la-môn từ dưới gầm giường bò ra làm hạnh bất tịnh. Tỳ-kheo-ni liền thức dậy rồi vụt bay lên hư không. Lúc đó, người Bà-la-môn từ ngay trên giường đọa thẳng vào địa ngục. Liên Hoa-sắc nhân đó bay đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi bạch Phật vấn đề vừa xảy ra. Đức Phật hỏi: Ngay lúc ấy tâm con thế nào? Liên Hoa-sắc thưa: Lúc ấy như lưới sắt đốt nóng đỏ rực áp vào thân con. Đức Phật dạy: Như thế là vô tội. Liên Hoa-sắc lại bạch Phật: Ngủ một mình có phạm tội hay không? Đức Phật dạy: Người đắc đạo thì không phạm.

Bấy giờ, có đám giặc tập trung lại cùng nhau bàn luận: Vật dụng chúng ta thu được nên phân chia nơi nào đó để dễ dàng có thức ăn ngon lại được gái đẹp. Chúng đều nói: Nơi vườn An-đà này là trú xứ của Tỳ-kheo-ni, chắc chắn có sắc đẹp và cũng sẽ có nhiều thức ăn ngon cung cấp, ta đến đó phân chia vật dụng đương nhiên sẽ được như ý muốn. Trong khi ấy, tên cầm đầu đám giặc lại có lòng tin kính Phật pháp, nghe nói như vậy, lấy làm lo lắng, ông ta trong ý nghĩ hình dung mọi việc: Người này chắc sẽ đến gây náo loạn các Tỳ-kheo-

ni. Ta nên âm thầm cho người đến báo trước. Ông ấy liền sai người đến nói với Tỳ-kheo-ni: Tối nay sẽ có đám người ác đến đấy khủng bố ắt sẽ xảy ra não loạn, để được an lành chư ni nên đi tránh. Các Tỳ-kheo-ni nghe vậy vội vã vào trong thành Xá-vệ. Vị Đại thần coi thành này trước đây có dành riêng một ngôi nhà cho Tỳ-kheo Tăng, nhưng hôm đó không có Tăng ở, các Tỳ-kheo-ni xế chiều đến đấy, và đêm trú ngụ tại ngôi nhà ấy. Tối lại đám giặc đến vườn An-đà tuyệt nhiên không tìm thấy một ai. Vị chủ tướng của đám giặc với ý nghĩ vui mừng: Chư Tỳ-kheo-ni đã thoát được cảnh hoạn nạn sỉ nhục, không gì vui bằng! Ông ta lấy một tấm vải rất tốt, gói đầy đủ đồ ăn thức uống thơm ngon rồi treo trên nhánh cây với tâm niệm: Nếu Tỳ-kheo-ni nào đắc đạo thần thông thì đến lấy thức ăn nơi gói này. Cảm ứng được, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa-sắc nhanh như cánh tay co duỗi của một lực sĩ, từ thành Xá-vệ đến vườn An-đà lấy thức ăn trên nhánh cây. Sáng hôm sau tới giờ ăn, thay vì đem ăn, Liên Hoa-sắc thiết dọn sẵn sàng để cúng dường Trưởng lão Ưu-ba-tư-na và Bạt-nan-đà. Đến giờ thọ thực, hai vị tới và thọ dụng từng món ăn ấy. Ăn xong hai vị rửa tay rồi tiếp nhận nước uống. Liên Hoa-sắc, trước chúng ngồi trên chiếc ghế nhỏ thỉnh cầu hai vị nói pháp diệu. Sau khi Ưu-ba-tư-na vì họ thuyết pháp xong liền đứng dậy cáo từ ra về. Bạt-nan-đà ở lại, hỏi Liên Hoa-sắc: Sư cô được

thức ăn ngon ấy từ đâu? Liên Hoa-sắc trình bày đầy đủ sự việc. Bạt-nan-đà nói: Có thể cho tôi xem tấm vải ấy được không? Cô vội đem vải cho Bạt-nan-đà xem. Bạt-nan-đà thấy tấm vải đẹp lòng tham nổi dậy, muốn chiếm giữ nên nài nỉ theo xin. Liên Hoa-sắc nói: Điều này không thể được. Tại sao? Người nữ phước mỏng nên phải cất năm y. Bạt-nan-đà nói: Như người đem voi ngựa bố thí mà lại không cho dây cương, sư cô cũng như vậy. Tại sao cúng dường thức ăn ngon được mà lại tiếc tấm vải không cho? Bạt-nan-đà bằng tài ăn nói tìm mọi cách nài nỉ thuyết phục xin cho kỳ được. Bất đắc dĩ Liên Hoa-sắc phải trao cho. Bạt-nan-đà được tấm vải rồi về lại trú xứ. Các Tỳ-kheo thấy tấm vải đẹp nói: Thầy là người phước đức nên mới được tấm vải tốt ấy. Bạt-nan-đà nói: Tôi đâu có phước đức gì, tôi năn nỉ Tỳ-kheo-ni muốn gãy lưỡi mới được đấy. Các Tỳ-kheo nghe thế bằng mọi cách mọi cách quở trách: Tại sao thầy lại cưỡng bức bằng lời nói để đoạt vải của Tỳ-kheo-ni!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lo ngại bốn chúng tới lui ồn ào nên bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta muốn vào tĩnh thất ba tháng, không cho ai đến chỗ ta đang trú, chỉ trừ Tỳ-kheo đem cơm. Các thầy nên lập quy chế. Vâng lời Phật dạy các Tỳ-kheo lập định chế: Từ nay không ai được đến chỗ Phật ở, chỉ trừ Tỳ-kheo đem cơm. Nếu người nào vi phạm, phạm Ba-dật-đề. Trong khi ấy, Trưởng lão Ưu-ba-tư-na không

nghe quy chế của Tăng, sau khi đến thành Xá-vệ hỏi Tỳ-kheo khác để biết Đức Phật ở phòng nào. Theo chỉ dẫn của Tỳ-kheo này, Ưu-ba-tư-na đến trước cửa phòng Phật đưa tay gõ cửa. Đức Phật mở cửa. Ưu-ba-tư-na kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật hỏi Ưu-ba-tư-na: Chúng của thầy rất mực oai nghi thanh tịnh, thầy giáo hóa cách nào mà được như vậy? Trưởng lão thưa: Nếu có người nào đến con cầu xin xuất gia, con dạy họ mười hai hạnh Đầu đà. Con bảo: Phải trọn đời làm Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, khất thực, nhất tọa thực, nhất chủng thực, nhất thọ thực, tuần tự khất thực, ở nơi gò mả, mặc y phấn tảo, ba y, phu tọa tùy thân, ngồi bên gốc cây, ngồi chỗ đất trống. Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu người nào nói trọn đời có thể phụng hành pháp này thì được nhập vào chúng của con, con làm thầy họ. Đức Phật khen: Hay lắm! Hay lắm! Như vậy thầy có thể gọi là hạng người khéo giáo dục đồ chúng. Đức Phật lại hỏi: Thầy biết chúng Tăng này có quy chế hay không? Vị ấy thưa: Con không biết. Tại sao vậy? Con từng nghe Phật dạy: Những gì Phật chưa chế không được tự ý chế, những gì Phật đã chế nên phụng hành. Đức Phật thuật lại đầy đủ quy chế trên. Vị ấy thưa: Con không tùy theo quy chế của Tăng mà sám hối tội Ba-dật-đề được. Đức Phật dạy: Hay lắm, thầy nhận xét như thế là đúng! Khi đó, Tỳ-kheo cựu trú đứng ở trước phòng, chờ Ưu-ba-tư-na đi ra để nói: Thầy

phạm quy chế của Tăng, nên tác pháp sám Ba-dật-đề. Vị ấy trả lời: Tôi phạm Ba-dật-đề nào? Các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ các quy chế trên. Vị ấy trả lời: Tôi không thể dựa theo quy chế của Tăng để sám hối được. Tại sao? Chính tôi nghe Phật dạy: Nếu Phật không chế thì Tăng không được chế. Nếu Phật chế rồi thì Tăng không được trái phạm. Lúc ấy, Đức Phật đích thân ra nói với các Tỳ-kheo: Từ nay nếu có Tỳ-kheo A-lan-nhã nào như Ưu-ba-tư-na thì cho phép đến chỗ ta. Các Tỳ-kheo nghe rồi lại có ý nghĩ: Chúng ta nên phụng hành hạnh Đầu đà để được đến chỗ Đức Thế Tôn.

Quý vị đều đua nhau tu khổ hạnh. Bấy giờ, các Cư sĩ lập nên các phòng xá cúng dường, không có vị nào nhận. Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật, Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Nay cho phép bốn chúng được tự do đến thăm ta. Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề nghe Đức Phật dạy như vậy, liền cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni lên đường đến thăm Đức Phật, trên đường đi gặp Ưu-ba-tư-na. Trong chúng của Ưu-ba-tư-na có một Tỳ-kheo mặc y thô rách, Ba-xà-ba-đề hỏi: Tại sao Trưởng lão mặc chiếc y như vậy? Vị ấy trả lời: Vì không có chiếc nào khác! Tỳ-kheo-ni lại chỉ vào chiếc y của mình mà nói: Thầy có thể mặc y này không? Trưởng lão đáp: Có thể. Lại hỏi: Trưởng lão có thể cho con chiếc y đang mặc không? Có thể. Hai bên liền trao đổi y. Khi đến trước Đức Phật, Tỳ-kheo-ni đảnh lễ sát chân

Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật hỏi Cù-đàm-di: Tại sao cô mặc chiếc y rách rưới như thế? Cù-đàm-di trình bày sự việc vừa xảy ra. Đức Phật giảng nói pháp cho Cù-đàm-di nghe rồi, bảo về lại trú xứ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có đổi chiếc y thô xấu rách rưới của ông để lấy chiếc y tốt của Tỳ-kheo-ni không? Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như vậy. Đức Phật nghiêm khắc quở trách: Ông là người ngu si, nhiều ham muốn. Các Tỳ-kheo nhân việc này, đem việc của Bạt-nan-đà ra bạch Phật. Đức Phật hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào nhận lấy y từ Tỳ-kheo-ni, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

Một số Tỳ-kheo có bà con là Tỳ-kheo-ni và nhiều người quen biết, có thể từ các người này nhận được y vật. Thấy các Tỳ-kheo mặc y xấu rách, các Tỳ-kheo-ni bà con hỏi: Tại sao thầy mặc y xấu rách thế? Tỳ-kheo nói: Không có người nào để xin. Các Tỳ-kheo-ni nói: Sao không đến để nhận! Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật cấm không cho đến các Tỳ-kheo-ni nhận y. Các Tỳ-kheo-ni nói: Trong phạm vi bà con thì biết điều nên cho và nên nhận, xin thầy bạch Phật việc này. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật, nhân việc ấy Đức Phật tập hợp Tỳ-

kheo Tăng, bằng nhiều cách khen ngợi người thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến Tỳ-kheo-ni không phải bà con nhận y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Bấy giờ, tại thành Xá-vệ, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nhận được y cúng dường, cùng nhau phân chia. Vì có Tỳ-kheo nhận lầm y của Tỳ-kheo-ni, hay ngược lại. Các Tỳ-kheo-ni thưa với các Tỳ-kheo: Cho chúng con đổi y. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho chúng tôi nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Các Tỳ-kheo-ni thưa: Dùng y đổi y tại sao nói là nhận y? Quý vị bèn đến bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng nhiều cách khen ngợi người ít ham muốn, biết vừa đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con, trừ trao đổi, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Chẳng phải bà con: Không liên hệ bên cha hay bên mẹ trong phạm vi bảy đời. Trao đổi: Hai bên đều có ích, lại tùy theo sở thích của mỗi người. Nhận y từ Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu người bà con phạm giới, có tà kiến mà nhận y nơi họ, phạm Đột-kiết-la. Sa-di nhận y của Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, nhận y phạm Đột-kiết-la. Nếu không có tâm tìm cầu, họ tự bố thí, hay biết người kia dư mà nhận thì

không phạm.

Xong giới thứ tư

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà, trời vừa sáng đã mặc y bưng bát đến nơi chỗ ở của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà. Cách ngồi xuống hớ hênh của cô ni đã để lộ hình. Bạt-nan-đà nhìn thấy không kìm chế nổi, xuất bất tịnh. Tỳ-kheo-ni biết, nói: Trưởng lão thay y cho tôi giặt. Bạt-nan-đà trao y đã thay cho cô ni. Cô ta nhận y dính nhớp bất tịnh, cô lấy thứ bất tịnh ấy đặt vào âm hộ của mình.

Lại có các Tỳ-kheo khác cũng đưa y cho các Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, đập. Một khi các Tỳ-kheo-ni phải bận rộn với công việc như thế nên việc đọc tụng, tọa thiền, hành đạo… bị xao lãng, bỏ phế. Các bạch y thấy thế, lại lắm lời chê trách, mỉa mai: Các Tỳ-kheo-ni lấy việc giặt, nhuộm, đập y làm sự nghiệp, người tu hành với kẻ tại gia đâu có khác gì?! Vào dịp ấy, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ ở Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Phật hỏi Cù-đàm-di: Tại sao tay chân của các Tỳ-kheo-ni lại dính đầy sắc màu nhuộm? Chư ni bạch Phật đầy đủ vấn đề các Tỳ-kheo sai giặt, nhuộm. Đức Phật vì họ giảng nói pháp diệu

xong, họ về lại trú xứ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các thầy có sai các Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, đập y hay không? Bạch Đức Thế Tôn! có thật như vậy. Nhân việc ấy, các Tỳ-kheo đem việc của Bạt-nan-đà bạch Phật. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào sai Tỳ-kheo-ni giặt y cũ hoặc nhuộm, hoặc đập, phạm Ni kỳ Ba-dật-đề".***

Nhân có các Tỳ-kheo già, bệnh, không thể tự giặt, nhuộm hay đập y của mình được, các Tỳ-kheo-ni bà con có khả năng làm được công việc này, với ý muốn giúp đỡ đến xin nhận làm thay. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi sai Tỳ-kheo-ni giặt nhuộm hay đập

y. Các Tỳ-kheo-ni nói: Trong phạm vi bà con mới biết được việc làm nên hay không nên, xin thầy bạch Phật cho điều đó. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, khen hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào sai Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ hoặc nhuộm, hoặc đập, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Y cũ: Là y đã mặc, có nhơ nhớp, bảo giặt giũ mà không nhuộm, không đập; hoặc bảo nhuộm mà không giặt, không đập; hoặc bảo đập mà không

giặt, không nhuộm; hoặc bảo giặt nhuộm mà không đập; hoặc bảo giặt đập mà không nhuộm; hoặc khiến nhuộm mà không giặt; hoặc khiến giặt nhuộm, đập đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu bảo giặt, không giặt mà nhuộm; hoặc khiến giặt, không giặt mà đập; hoặc bảo giặt, không giặt mà nhuộm đập, đều phạm Đột-kiết-la. Khiến nhuộm không nhuộm mà giặt, mà đập, mà giặt đập. Khiến đập không đập mà giặt mà nhuộm. Khiến giặt nhuộm, không giặt nhuộm mà đập. Khiến giặt đập không giặt đập mà nhuộm. Khiến nhuộm đập không nhuộm đập mà giặt, cũng như vậy. Nếu khiến chẳng phải bà con giặt, nhuộm, đập, mà bà con giặt, nhuộm, đập. Nếu khiến chẳng phải bà con giặt, nhuộm, đập mà bà con, chẳng phải bà con cùng giặt, nhuộm, đập. Nếu khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt, nhuộm, đập mà bà con giặt, nhuộm, đập. Nếu khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt, nhuộm, đập, mà chẳng phải bà con giặt, nhuộm, đập. Nếu khiến bà con, chẳng phải bà con cùng giặt, nhuộm, đập mà bà con, chẳng phải bà con cùng giặt, nhuộm, đập, đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu y chưa có thể giặt, nhuộm, đập, mà khiến chẳng phải bà con giặt, nhuộm, đập, phạm Đột-kiết-la. Nếu khiến bà con giặt nhuộm đập mà chẳng phải bà con giặt, nhuộm, đập thì không phạm. Ngoài ra như trong giới nhận y đã nói.

Xong giới thứ năm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, trong thành có ông Trưởng giả thích mặc loại áo sang trọng. Ông ta rất mực tin yêu Phật pháp, thường đến chỗ Phật nghe pháp. Hôm nọ, ông Trưởng giả mặc trong, ngoài hai sắc áo tốt cùng với các vị khách và tùy tùng ra khỏi thành, đến viếng thăm Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo. Đức Phật vì họ giảng nói pháp. Họ rất vui mừng vì đã nghe Phật chỉ dạy những điều lợi ích. Họ đảnh lễ ra về, ngay lúc ấy gặp Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà lại vì họ nói pháp. Trước khi ra về, họ nói: Mời Trưởng lão ngày mai đến thọ bữa cơm đạm bạc. Bạt-nan-đà nói: Tôi không thiếu ăn, mà lại bị khổ vì thiếu mặc. Trưởng giả có thể cho bớt tôi chiếc áo hiện ông đang mặc hay không? Ông Trưởng giả nói: Sẽ cho nhưng không thể cho liền được, về nhà tôi sẽ tính sau. Bạt-nan-đà nói: Tôi nghe Trưởng giả ưa làm việc bố thí, tại sao đối với riêng tôi lại hờ hững như thế? Bạt-nan-đà nói tiếp: Tôi nói pháp khiến ông có thể xa lìa sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não, để làm công việc cứu độ nên xả bỏ tất cả không mưu cầu gì cho chính bản thân. Tại sao nay ông lại keo kiệt đối với chiếc áo này? Nghe phải, ông Trưởng giả liền cởi áo cho. Khi về đến cửa thành, người giữ cửa hỏi: Ra đi ông mặc hai lớp áo, khi trở về thì nhẹ nhàng, vì người đẹp mà cởi áo cho hay bị ai đó

tước đoạt? Ông Trưởng giả nói: Tôi không cho người nữ, cũng không bị ai cướp, mà lại bị Sa-môn Thích tử cưỡng bức xin, nên tôi phải cho. Người giữ cửa nói: Ông đừng nói như vậy! Tôi nghe Sa-môn Thích tử ít ham muốn, biết vừa đủ, có người cho còn không nhận huống là nay lại cưỡng bức xin vật của người? Ông trưởng giả kể lại việc đã xảy ra cho người giữ cửa nghe. Đối với những người không có lòng tin ưa Phật pháp, nghe thế, lớn tiếng miệt thị: Đây chính là cướp đoạt. Những ai gần gũi họ cũng sẽ bị trấn lột như thế. Đích thị Sa-môn Thích tử thường khen việc bố thí, chê việc không cho mà lấy, nay cưỡng đoạt y vật của người thì đâu khác gì đám cướp? Ông Trưởng giả về đến nhà, người trong nhà hỏi, ông Trưởng giả cũng phân trần như trên.

Sự việc này lọt đến tai các Tỳ-kheo Trưởng lão. Bằng mọi cách, các vị quở trách xong cùng đưa đến chỗ Đức Phật và bạch lên Ngài sự việc trên. Nhân việc ấy Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật nghiêm khắc quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ xin y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Lúc này, có các Tỳ-kheo mặc y thô xấu rách

rưới, các người bà con thấy vậy hỏi: Tại sao thầy lại mặc y vứt đi như thế? Hãy đến nơi con lấy y khác. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho chúng tôi đến chỗ cư sĩ hay vợ Cư sĩ xin y. Nếu đem y cúng cho Tăng, tôi sẽ nhận từ Tăng thì được. Các người bà con nói: Con chỉ muốn cúng cho thầy, chứ không muốn cúng cho Tăng, vì sợ vị khác nhận được. Các Tỳ-kheo nói: Nếu Đức Phật cho phép chúng tôi đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ bà con xin y thì chúng tôi đâu có mặc y xấu rách thế này! Các người bà con thưa: Trong chỗ bà con với nhau thì biết lúc nào nên nhận và không nên nhận, xin thầy bạch lên Đức Phật điều ấy. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có nhiều chúng Tỳ-kheo đi theo đoàn khách buôn, lạc đường, bị đám cướp cướp đoạt sạch, cứ để mình trần thân trụi đến thành Xá-vệ. Người đi đường thấy hỏi: Ông là người nào? Trả lời: Tôi là Sa-môn Thích tử. Lại hỏi: Y bát của ông đâu? Lại trả lời: Bị đám cướp cướp sạch cả rồi. Khi đến Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo hỏi đáp với nhau cũng như vậy. Lại hỏi: Nếu ông là Tỳ-kheo thì thọ giới, Bố-tát, Tự tứ phải như thế nào? Lại trả lời: Thọ giới như vậy! Bố-tát như vậy! Tự tứ như vậy! Các

Tỳ-kheo hỏi rồi vẫn không đưa y cho mặc. Quý vị đến chỗ Phật ở. Đức Phật quở trách: Tại sao các ông lõa hình đến thăm Như Lai! Các ông đâu không thể lấy lá cây hay cỏ che thân lại được hay sao! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay lõa hình đến trước Như Lai, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo bạch Phật: Ngài không cho phép chúng con đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ chẳng phải bà con xin y, trong khi đó, bà con của chúng con ở cách đây rất xa thì làm sao có y được! Đức Phật hỏi: Các thầy đã đến nơi ở của Tỳ-kheo cựu trú chưa? Thưa, chúng con đã đến rồi. Tại sao họ không đưa y cho các thầy? Thưa, các thầy ấy vừa thấy chúng con, liền hỏi: Thọ giới thế nào? Bố-tát thế nào? Tự tứ thế nào? Tuy chúng con trả lời như pháp mà vẫn không thấy các thầy ấy đưa cho y để mặc. Đức Phật chuyển lời quở trách các Tỳ-kheo cựu trú: Tại sao chính mắt trông thấy Tỳ-kheo lõa hình mà không trợ cấp gấp! Đối với Tỳ-kheo mất y, Ngài khen hạnh ít ham muốn, biết vừa đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, trừ có nhân duyên, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Có nhân duyên là: Y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, y bị rách. Như vậy gọi là có nhân duyên.

Nếu y bị đoạt cho đến y bị hư hoại nhưng vốn

có y khác và có y để chỗ khác thì không được xin. Tỳ-kheo-ni cũng y theo như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhiều chúng Tỳ-kheo từ nơi ấp Ba-lợi đi đến chỗ Đức Phật, gặp đám cướp cướp mất y, cùng nhau nói: Có tới năm nhân duyên được Đức Phật cho phép đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y. Tuy vậy, ta cũng không biết đến ai để xin bây giờ! Được cơ hội, Lục quần Tỳ-kheo lại nảy xin ra ý nghĩ: Các Tỳ-kheo bị mất y này không biết đến ai xin y, ta nên đi xin hộ cho họ, nếu có dư thì ta sẽ lấy. Với ý nghĩ đó, Lục quần liền đến đề nghị với các Tỳ-kheo mất y. Các Tỳ-kheo mất y nói: Hay lắm! Tốt lắm! Được thỏa thuận như vậy, Lục quần Tỳ-kheo đi khắp trong thành, đến các Cư sĩ hay vợ Cư sĩ nói: Các Tỳ-kheo từ ấp Ba-lợi về hầu thăm Đức Thế Tôn, không may bị đám giặc cướp mất y, quý vị có thể giảm bớt chỗ cắt may cùng nhau đem y đến cúng. Các Cư sĩ, vợ Cư sĩ mỗi người tích thiểu thành đa, được một số y phục khá lớn đem đến cúng. Mỗi vị đều đầy đủ. Các Tỳ-kheo mất y nói: Chúng tôi đủ rồi, không phiền phải xin nữa. Lục quần Tỳ-kheo nói: Các thầy có nhân duyên xin

y, còn chúng tôi thì không được phép. Chúng tôi dựa vào nhân duyên của thầy mới có lý do để xin. Các Tỳ-kheo mất y nói: Điều đó tùy ý các Trưởng lão. Như thế là Lục quần Tỳ-kheo lại đi đến các nơi xin nữa, thu được số y rất nhiều. Khi ấy, các Cư sĩ họp lại cùng nêu ra ý kiến: Tỳ-kheo mất y không có bao nhiêu người, trong thành chúng ta, nam nữ, lớn nhỏ đều đem y đến cúng, như vậy là quá đủ rồi, tại sao còn đến xin nữa! Phải chăng mấy ông này muốn tích trữ để mua bán trao đổi, không tu phạm hạnh? Khi các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được, bằng mọi cách quở trách, rồi đem việc ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? -Bạch Thế Tôn, thật sự đúng như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi, bị hư hoại, đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, nếu Cư sĩ hay vợ Cư sĩ muốn đem nhiều y để cúng, Tỳ-kheo nên thọ hai y, nếu thọ quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới thì phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bảy

Đức Phạt ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà thường tới lui một nhà Cư sĩ để nói pháp, trường hợp họ bệnh hoạn hay có việc gì, Bạt-nan-đà cũng lo liệu luôn. Có một Tỳ-kheo vào buổi sáng sớm nọ đắp y bưng bát vào thành khất thực, khi đến gia đình này, gặp lúc hai vợ chồng đang cùng nhau bàn nói: Bạt-nan-đà đối với ta là ân nhân, nên sử dụng giá tiền may y như vậy để may y cúng cho Tôn giả. Tỳ-kheo khất thực nghe như vậy rồi khi trở về nói với Bạt-nan-đà: Thầy có phước đức. Bạt-nan-đà hỏi: Có phước đức gì? Tỳ-kheo ấy đáp: Tôi vừa khất thực, đến nhà Cư sĩ đó, nghe vợ chồng họ bàn nói: Bạt-nan-đà đối với ta là ân nhân, nên dùng giá tiền như thế may y như thế để cúng cho Tôn giả. Nay thầy đến đó, chắc chắn được y không có gì trở ngại. Sáng sớm hôm sau, tới giờ khất thực, Bạt-nan-đà mặc y, bưng bát đến nhà kia. Cư sĩ vội vàng ra đón chào. Bạt-nan-đà hỏi: Phật tử dùng số tiền như thế để may y như thế cho tôi phải không? Bạch thầy đúng như vậy. Bạt-nan-đà nói: Phật tử dư biết tôi không mặc y xấu chứ? Nếu may tốt thì tôi sẽ mặc. Hãy nhớ cho, lúc Phật tử có bệnh hoạn hay có việc chi tôi đều liệu lý. Nếu y không tốt thì tôi cho đệ tử hay đem cất mà thôi, như vậy vật này coi như vất đi, việc cho không có tác dụng phước đức. Bất bình, Cư sĩ kia nói với người xung quanh: Thầy này tham lam quá, ai cung cấp nổi, làm sao thỏa mãn được. Đã gấp năm, sáu lần hơn, so với chỗ

phát tâm của tôi mà vẫn không thỏa lòng. Trước đây tôi có lòng tốt như vậy, nhưng nay thì không còn nữa. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe như thế, bằng mọi cách quở trách, rồi đem việc này bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Thật đúng như vậy, bạch Đức Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, Cư sĩ hay vợ Cư sĩ chẳng phải bà con bàn luận: Nên dùng số tiền như vậy may y như vậy để cúng cho Tỳ-kheo có tên như vậy. Tỳ-kheo ấy, trước không được mời như ý muốn, bèn đến nhà Cư sĩ, vợ Cư sĩ nói: Người vì tôi dùng số tiền như vậy, may y như vậy phải không? Người ấy trả lời: Đúng như vậy. Tỳ-kheo bèn nói: Lành thay Cư sĩ, vợ Cư sĩ có thể may y như vậy cho tôi, vì muốn đẹp, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Trước không được mời như ý muốn: Nghĩa là trước không hỏi Tỳ-kheo muốn thứ y nào. Vì muốn đẹp: Tức là yêu cầu khiến may rất đẹp, rất tốt so với trước. Nếu đến người bà con xin y tốt, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bạt-nan-đà thường lui tới các gia đình. Có hai gia đình, vợ chồng cùng nhau bàn nói: Chúng ta mỗi người nên vì Tôn giả Bạt-nan-đà sử dụng số tiền may y như vậy để may y cho Tôn giả Bạt-nan-đà. Tỳ-kheo khất thực nghe, cũng lại về nói. Bạt-nan-đà liền đến hỏi Cư sĩ, vợ Cư sĩ: Tôi nghe quý vị mỗi người đều vì tôi dùng số tiền như vậy để may y cho tôi phải không? Họ thưa: Thật như thế. Bạt-nan-đà nói: Quý vị có thể hiệp lại để may một y cho hết sức tốt. Nếu thật tốt thì tôi sẽ mặc, để luôn nhớ đến quý vị. Nếu không tốt thì tôi xếp bỏ vào một chỗ. Như vậy là coi như vứt đi, vật thí này không có tác dụng phước đức nữa. Khi ấy, Cư sĩ, vợ Cư sĩ đùng đùng nổi giận nói: Ông này tham lam quá, làm sao cung cấp nổi, làm sao thỏa mãn nổi. Tuy yêu cầu hiệp lại thành một cái, song so với chỗ phát tâm của chúng tôi đã nhiều gấp năm, sáu lần hơn, ấy thế cũng không thỏa lòng. Kẻ ác thế này, không đủ để tồn tại, từ nay không cho đến đây nữa. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe như thế, bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đến chỗ Đức Phật trình bày sự việc lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạt-nan-đà thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Đức Phật hết sức nghiêm khắc quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên

vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu không phải Cư sĩ, vợ Cư sĩ bà con cùng nhau nghị bàn: Ta sẽ cùng dùng số tiền may y như vậy, may y cho Tỳ-kheo có tên như vậy. Tỳ-kheo ấy trước không được mời, tùy ý đến nói với Cư sĩ hay vợ Cư sĩ: Quý vị dùng số tiền may y như vậy cho tôi phải không? Thí chủ nói: Đúng như thế. Tỳ-kheo bèn nói: Lành thay! Cư sĩ, vợ Cư sĩ có thể chung lại may thành một y cho tôi, vì muốn đẹp, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ chín

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Đại thần Vương-xá nói với người dưới quyền: Ngươi đến chỗ Bạt-nan-đà, nhân danh ta đảnh lễ thăm hỏi, và đem số tiền may y này cúng cho Tôn giả. Sứ giả thừa lệnh đến chỗ Bạt-nan-đà nói: Đại thần Vương-xá thăm hỏi sức khỏe và cho tôi đem số tiền may y này cúng Đại đức, xin Đại đức nhận cho.

Bạt-nan-đà nói: Tôi không được phép nhận tiền may y này, nếu được tịnh y thì sẽ thọ trì. Sứ giả hỏi: Đại đức có người chấp sự hay không? Bạt-nan-đà liền chỉ chỗ người chấp sự. Sứ giả bèn đến chỗ người chấp sự nói: Đại thần Vương-xá cho tôi

đem số tiền may y cúng cho Tôn giả Bạt-nan-đà, ông hãy vì Tôn giả mà nhận cất cho, khi nào Bạt-nan-đà đến lấy thì đưa. Sứ giả đưa tiền rồi trở lại chỗ Bạt-nan-đà nói: Đại đức chỉ chỗ người chấp sự, tôi đã đưa tiền rồi, khi nào Đại đức cần y thì đến đó lấy. Sứ giả thưa như vậy rồi trở về. Sau một thời gian, Đại thần lại sai người đến hỏi Bạt-nan-đà: Gần đây tôi có sai sứ đem tiền may y đến gởi nơi người chấp sự, Đại đức đã may mặc chiếc y đó chưa? Bạt-nan-đà nói: Tôi chưa lấy để mặc. Người kia trở về thưa lại như vậy, Đại thần đâm ra suy nghĩ: Ta thực hiện đúng cách cho y. Đã lâu rồi sao chưa lấy mặc, chắc y của ta không đáng giá, cho nên Tôn giả không đến lấy để mặc. Đại thần lại bảo người tin cậy đến nói với Bạt-nan-đà: Đại thần cúng y lâu rồi, vì sao không mặc, nếu không cần thì trả lại cho Đại thần. Bạt-nan-đà trả lời: Tôi rất cần. Bạt-nan-đà liền đến chỗ của người chấp sự vào lúc phi thời, nói: Nay tôi cần y, có thể cho tôi nhận. Người chấp sự thưa: Xin Đại đức chờ một chút, nay mọi người nhóm họp, tôi phải đến tham dự, nếu không đến kịp sẽ bị phạt năm trăm kim tiền. Bạt-nan-đà nói: Đối với pháp duyên ông thường vui vẻ hết lòng, tại sao nay lại coi trọng việc thế tục. Người chấp sự nghe câu nói này đâm ra suy nghĩ: Dù có bị phạt cũng vẫn giao y cho xong sau rồi mới đến họp. Người chấp sự tất bật lo liệu có y để giao. Quá mất nhiều thời gian mới

xong việc nên đến trễ. Mọi người hỏi: Tại sao anh đến trễ? Đương sự trả lời: Bạt-nan-đà đòi y, phải lo liệu để giao, nên mới đến trễ. Mọi người đều nói: Coi trọng một Tỳ-kheo mà xem nhẹ quy chế của nhiều người, theo lý, không thể tha thứ, phải nộp phạt. Đương sự bị phạt rồi, nổi giận nói: Sa-môn Thích tử tự nói có đạo lý, làm lợi ích cho mọi người mà nay ngược lại khiến cho ta bị phạt. Người không có lòng ưa Phật pháp, đồng tình nói: Ông tin kính Sa-môn để rồi đền nổi bị phạt nặng như vậy, nếu lại cứ gần gũi sẽ bị nặng hơn. Tiếng xấu ác đồn khắp cả thành Xá-vệ, lọt đến tai các Tỳ-kheo Trưởng lão, bằng mọi cách các vị ấy quở trách, rồi cùng đưa đến chỗ Đức Phật trình bày lên Ngài vấn đề. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạt-nan-đà thưa: Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Vua hay Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ vì Tỳ-kheo nên sai sứ giả đem tiền may y đến. Sứ giả tới chỗ Tỳ-kheo nói: Đại đức, Đại thần của Vua, Bà-la-môn, Cư sĩ đưa số tiền may y này đến đây, Đại đức nhận cho. Tỳ-kheo này nói: Tôi không được phép nhận tiền may y, nếu được y thanh tịnh thì sẽ nhận thọ trì. Sứ giả hỏi: Đại đức có người chấp sự hay không? Tỳ-kheo liền chỉ chỗ***

người chấp sự. Sứ giả đến chỗ người chấp sự nói: Đại thần của Vua tên đó, đưa tiền may y này đến cho Tỳ-kheo tên đó, ông vì Tỳ-kheo nên cất cho, khi Tỳ-kheo cần lấy thì đưa. Sứ giả đưa rồi trở lại chỗ Tỳ-kheo nói: Đại đức chỉ người chấp sự, tôi đã đưa tiền cho họ rồi, khi nào Đại đức cần y cứ đến đó lấy. Tỳ-kheo ấy hai lần, Ba lần đến chỗ người chấp sự nói: Tôi cần y! Tôi cần y! Nếu nhận được y thì tốt, nếu không nhận được bốn lần, năm lần, sáu lần đến trước người chấp sự đứng im lặng. Nhận được y thì tốt, nếu đến quá mức đó để cầu cho được, thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề”. Nếu không được y, tới chỗ người sứ giả đưa tiền đến, hoặc chính mình, hoặc sai người tin cậy đến nói: Trước đây ông vì Tỳ-kheo có tên sai người đưa tiền may y tới, cuối cùng Tỳ-kheo đó không nhận được y, ông nên đến lấy lại đừng để mất. Việc như vậy nên làm như vậy. Tỳ-kheo-ni cũng như thế. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, chúng Tăng nhận được nhiều tơ sợi, cùng nhau phân chia. Các Tỳ-kheo dùng tơ để may Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, và tất cả các loại y khác, lại làm dây lưng, dây ngồi thiền, cho đến dây cột cửa, mà

vẫn không hết. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo lại thuê thợ dệt, dệt làm một y, tơ sợi vẫn con dư. Chỗ sợi dư dệt thêm một tấm lót thì lại không đủ, bèn đi xin thêm, Trưởng giả, Cư sĩ đều cho. Được dễ dàng như vậy, Lục quần Tỳ-kheo, "Nhất dạ sinh bá kế" nói: Ta đạt được thiện lợi, từ nay ta chỉ nên làm theo nghề này. Lục quần đi xin nhiều tơ sợi rồi thuê tất cả thợ dệt đến dệt. Khi ấy có một Cư sĩ đến thuê thợ dệt, dệt y. Thợ dệt nói: Tôi đã hứa dệt cho Tỳ-kheo rồi, nên không thể nhận dệt được. Đi khắp các nơi, người Cư sĩ đó cũng chỉ nhận câu trả lời như thế của thợ dệt. Nổi giận, Cư sĩ nói: Sa-môn Thích tử ít ham muốn, biết vừa đủ, nay lại đi khắp thuê tất cả các thợ dệt, ham hố, bao nhiêu cũng không vừa, lòng tham của họ đâu có khác gì của người đời?! Họ không có hạnh của Sa-môn, phá pháp của Sa-môn! Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe thế bằng mọi cách quở trách rồi bạch sự việc lên Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Các ông có như vậy không? Lục quần thưa: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật nghiêm khắc quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình đi xin tơ sợi, rồi thuê thợ dệt, dệt thành y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười một

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Bạt-nan-đà thường tới lui một nhà khách buôn nói pháp, chữa bệnh. Người khách buôn nói với vợ: Bạt-nan-đà là ân nhân của ta, có thể dùng số tơ sợi này thuê thợ dệt thành y, khi ta trở về sẽ đem cúng. Sau khi người chồng đi, bà vợ đem tơ sợi đến chỗ thợ dệt thuê dệt thành y. Bà ta nói: Ông tính cho đủ, đừng để dư, đừng để thiếu. Bạt-nan-đà biết được việc này, liền đến gia đình khách buôn, người vợ ra đón chào thăm hỏi và thưa: Chồng của con bảo con vì Đại đức dệt y, con đã nhờ thợ dệt đang dệt. Bạt-nan-đà hỏi: Thuê thợ nào dệt? Người vợ đáp: Con thuê thợ tên đó. Bạt-nan-đà bèn đến nhà thợ dệt nói: Ông có biết chăng? Y này họ dệt để cúng cho tôi, ông dệt cho tốt, cho dài, cho rộng, riêng phần tôi ít nhiều sẽ trả ơn ông. Người thợ dệt nói: Bà ấy bảo tôi tính toán vừa đủ đâu vào đó rồi, nay làm sao tôi theo đề nghị của thầy được. Bạt-nan-đà nói: Cứ dệt cho tốt, nếu chỉ sợi không đủ, ông cứ đến bảo bà ta cho tôi xin thêm sợi, đảm bảo bà ấy sẽ đưa cho thôi. Người thợ dệt nghe theo lời, dệt hết chỉ đến xin thêm. Bà vợ của người khách buôn nói: Trước đây tôi đã bảo ông tính cho đủ kia mà, tại sao nay lại đến lấy thêm? Ông thợ dệt kể lại đầu đuôi câu chuyện để trả lời. Người vợ bèn đưa thêm chỉ. Khi người khách buôn trở về, hỏi bà vợ: Trước

đây tôi bảo bà vì Bạt-nan-đà dệt y, nay đã dệt xong chưa? Xong rồi, người vợ trả lời. Đâu, bà lấy đem cho tôi xem với. Người vợ mang đến cho chồng xem. Thấy y quá tốt, quá dày, người chồng hỏi: Với số tơ mình dự trù ít sao dệt được y dày tốt thế này? Bà vợ nói: Bạt-nan-đà lại đến lấy thêm, cho nên được thế này. Người khách buôn nổi giận mắng càn: Bạt-nan-đà, túi tham không đáy, không ai cung cấp, thỏa mãn nổi cho ông ta đâu! Với y như thế này là gấp hai lần số tơ ta dự định ban đầu. Tuy trước kia là ân nhân nhưng bây giờ thì xin tuyệt giao, bèn không cúng y cho Bạt-nan-đà nữa. Như vậy là tiếng xấu lan khắp gần xa, và lọt đến tai các Tỳ-kheo Trưởng lão, bằng mọi cách các vị quở trách rồi cùng đưa đến chỗ Đức Phật, trình bày lên Ngài sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạt-nan-đà thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Cư sĩ, vợ Cư sĩ vì Tỳ-kheo bảo thợ dệt, dệt y. Tỳ-kheo ấy trước không được nhận lời mời tùy ý, bèn đến chỗ thợ dệt bảo: Ông biết không? Y này họ may để cho tôi, ông dệt y cho tốt, phải cho thật dày rộng, tôi sẽ đền ơn riêng cho ông. Sau đó dù trả thêm bằng một bữa ăn hay giá trị bằng một bữa ăn, nhận được y, phạm Ni-***

tát-kỳ-ba-dật-đề”. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Bạt-nan-đà nói với người đệ tử tên là Đạt-ma: Nay tôi muốn cùng ông đi du hành đến nước Câu-tát-la. Đạt-ma thưa: Nước đó lạnh, không có y con không thể đi được. Bạt-nan-đà nói: Nếu ông có thể đi thì tôi sẽ cho ông y. Đạt-ma nói: Phải cho y con trước rồi sau mới đi. Bạt-nan-đà đem y cho ngay. Được y rồi, Đạt-ma lại không chịu đi. Bạt-nan-đà nói: Ông nói có được y sẽ đi, tại sao nhận y rồi lại không chịu đi? Nếu không chấp nhận đi thì trả y lại cho tôi. Đạt-ma thưa: Thầy đã cho rồi, tại sao đòi lại! Bạt-nan-đà nói: Chẳng phải tôi cho ông, mà tôi muốn ông cùng du hành nên mới cho. Nay ông không đi, không có lý do gì mà ông không trả y lại cho tôi. Bạt-nan-đà cưỡng bức lấy lại y. Đạt-ma lớn tiếng khóc la, Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, hỏi: Tại sao khóc? Đạt-ma đáp: Thầy tôi đoạt y tôi. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách Bạt-nan-đà: Tại sao gọi là Tỳ-kheo mà lại đoạt y của người ta? Bạt-nan-đà nói: Tôi muốn Đạt-ma cùng đi với tôi đến nước Câu-tát-la nên mới dùng y để thuê ông ấy. Ông ta nhận được y rồi, không chịu đi, nên tôi lấy

lại, chứ không phải cưỡng đoạt. Các Tỳ-kheo lại bằng mọi cách quở trách Đạt-ma: Tại sao ông dối trá đối với thầy, đòi cho y để đi, được y rồi lại không đi?! Các Tỳ-kheo đưa cả hai đến chỗ Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có đem y cho đệ tử rồi đoạt lại hay không? Bạch Thế Tôn, con có cho y. Đức Phật lại hỏi Đạt-ma: Thật sự ông có dối trá đối với thầy ông hay không? Bạch Thế Tôn, con có dối trá. Đức Phật bằng mọi cách quở trách hai Tỳ-kheo rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay, giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đem y cho Tỳ-kheo rồi đoạt lấy lại, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo đem y cho các Tỳ-kheo rồi bảo Sa-di hay người giữ vườn đoạt lấy lại. Các Tỳ-kheo hỏi: Thầy không nghe Đức Phật cấm, đã đem y cho Tỳ-kheo rồi không được lấy lại hay sao? Lục quần nói: Có nghe chứ! Nhưng nay tôi bảo Sa-di hay người giữ vườn đoạt lại nên không trái với lời Phật cấm. Các Tỳ-kheo nói: Tự mình đoạt lại, dạy người đoạt đâu có khác gì?! Bằng mọi cách quở trách rồi, các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như

sau: ***"Tỳ-kheo nào đã đem y cho Tỳ-kheo khác, rồi tự mình đoạt lại hay sai người đoạt lại, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo khác gởi y cho Tỳ-kheo cựu trú rồi đi bặt, lâu lắm mới trở về, sợ phạm giới này nên không dám đòi lại. Lại có các Tỳ-kheo trên lộ trình đi, đem y gởi cho Tỳ-kheo. Sau một hành trình dài trở về, sợ phạm giới này cũng không dám đòi y lại, hoặc là đã đòi rồi lòng lại thấy xấu hổ vì nghĩ là phạm giới ấy nên tác pháp hối Xả đọa. Các Tỳ-kheo đem các vấn đề ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Thật có như vậy. Đức Phật khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nếu xin nhận lại y đã gởi mà phạm Xả đọa, điều này không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào đã đem y cho Tỳ-kheo khác, sau vì giận, bất hòa tự mình đoạt lại hay sai người khác đoạt lại, nói như vầy: Trả y lại cho tôi, tôi không cho thầy, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười ba

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 5

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP XẢ ĐỌA (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ có số đông Cư sĩ đồng tình trong việc thỉnh Phật và chúng Tăng. Trong số họ, có người bửa củi, có người xách nước, có người rưới nước để quét dọn, có người trải tọa cụ, có người rải hoa, có người trải phu cụ ở tòa cao, có người lo trai soạn. Sáng sớm hôm đó, Bạt-nan-đà đắp y, bưng bát đến trước ngôi nhà có mọi người đang chuẩn bị cung thỉnh Phật và Tăng. Tùy theo công việc của mỗi người, Bạt-nan-đà nồng nhiệt tán dương. Bạt-nan-đà lại nói tiếp: Việc làm của quý vị hôm nay là rất thiện, rất tốt, niềm vui này thật xứng đáng.

Mọi người nói: Chúng con thật sự vui mừng với các việc làm để cúng dường này. Ngoài việc cúng dường đồ ăn thức uống, mỗi thứ đầy hương vị thơm ngon, chúng con còn cúng dường y vật cho

chúng Tăng nữa.

Bạt-nan-đà nói: Đã được nhiều người cúng dường rồi nên y vật của chúng Tăng quá thừa thãi. Nếu quý vị tiếp tục cúng nữa thì hóa ra chỉ xếp dồn lại thành vật vô dụng, làm sao có được tác dụng của phước đức. Ừ nhỉ! Sao lại không cho tôi, nếu cho tôi, tôi luôn mặc bên mình để gắn liền sự nhớ nghĩ lên nhau, các sự việc như ốm đau, bệnh tật v.v… lại được cùng nhau lo liệu, giải quyết.

Mọi người nghe rồi, cùng họp lại lấy ý kiến, có người nói: Nếu Tăng không cần thì nên cho vị này để sự cúng dường của chúng ta có tác dụng của phước đức. Hoặc có người nói: Với bản nguyện của chúng ta cúng cho Tăng, tại sao lại tập trung cúng cho một người? Ý kiến cho đông hơn, nên toàn y vật được cúng cho Bạt-nan-đà.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà vác cả một vác nặng y vật trở về trú xứ của Tăng, các Tỳ-kheo khen: Thầy là người có phước đức, làm thế nào mới đi ra một lát mà có được số y như vậy! Bạt-nan-đà nói: Khéo miệng nên được chứ chẳng do phước đức gì cả. Bạt-nan-đà liền kể lại lý do câu chuyện được y. Thế là việc này lọt đến tai các Tỳ-kheo Trưởng lão, bằng nhiều cách các vị quở trách: Thầy là người ngu si, tại sao xoay xở vật cúng cho Tăng về riêng cho mình?

Sao khi thiết dọn thức ăn đầy đủ đâu vào đấy,

các Cư sĩ ấy sai người đến thỉnh Phật. Đức Thế Tôn mặc y, mang bát đi giữa Tỳ-kheo Tăng tới gia đình được chọn làm nơi chốn cúng dường… Ngài và Tăng ngồi uy nghiêm vào tòa. Các Cư sĩ đích thân hầu hạ từng thức ăn. Ăn xong, họ dâng nước song chẳng có phẩm vật nào cúng dường. Số người trước kia không đồng ý cho Bạt-nan-đà, thầm thì với nhau: Buổi cơm cúng dường hôm nay, đâu phải chúng ta không chuẩn bị đầy đủ, tại các người ấy không xét kỹ đem y vật cúng cho Tăng, cúng riêng cho một người nên mới thiếu đầu, thiếu đuôi như thế này, làm sao không hổ thẹn được.

Các Tỳ-kheo nghe hỏi: Các vị nói nhỏ to gì đó? Các Cư sĩ trả lời bằng cách kể lại câu chuyện. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách Bạt-nan-đà: Thầy là người ngu si, tại sao xoay vật cúng cho Tăng về riêng cho mình? Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Cư sĩ giảng nói pháp diệu rồi, Ngài rời chỗ ngồi ra về. Các Tỳ-kheo Trưởng lão đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào xoay vật cúng cho Tăng về riêng cho mình, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***.

Biết: Hoặc tự mình biết hoặc nghe từ người

khác. Vật nhằm cúng cho Tăng: Hoặc người phát tâm, nói: Tôi sẽ đem phẩm vật này cúng cho chúng Tăng kia. Nếu muốn xoay vật cúng cho Tăng về cho người khác, phạm Ba-dật-đề. Cho Tăng khác, Tỳ-kheo-ni Tăng, hai bộ Tăng, Tăng bốn phương, hay cho tháp đều phạm Đột-kiết-la. Nếu xoay phẩm vật dành cúng cho Tỳ-kheo-ni Tăng, hai bộ Tăng, Tăng bốn phương cũng như vậy. Nếu xoay phẩm vật dành cúng cho pháp về mình, cho Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni Tăng, hai bộ Tăng, Tăng bốn phương, người khác, tháp khác cũng đều phạm Đột-kiết-la. Nếu xoay phẩm vật muốn cho người cũng như vậy. Cho đến xoay một miếng ăn định cho súc sinh này đem cho súc sinh khác cũng phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu bạch Tăng, Tăng cho, hoặc thí chủ tự ý xoay vật dành cúng cho Tăng đem cho mình thì không phạm.

Xong giới thứ mười bốn

Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta trú tại núi Lăng-cầu-la, bay lên không trung để rưới nước dội sạch nơi phòng ở. Trong khi ấy Vua Bình-sa dạo đến núi này. Tất-lăng-già trông thấy Vua, lập tức trở về lại mặt đất trước Vua, ngỏ lời chào: Lành thay Đại vương mới

đến! Xin mời Vua ngồi nơi này. Nhà Vua ngồi, rồi hỏi: Tại sao thầy phải tự làm lụng như vậy? Không có người giúp việc chăng? Tất-lăng-già nói: Không ai cả. Nhà Vua liền ra lệnh cho một vị cận thần: Nên cung cấp người giúp việc cho Tỳ-kheo này. Tất-lăng-già-bà-ta nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi nuôi người giúp việc. Nhà Vua nói: Nên bạch Đức Phật về điều này. Sau khi ra về, nhà Vua đến bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng khen sự thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới xong, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay ta cho phép các Tỳ-kheo nuôi người giữ vườn (giúp việc).

Vì Đại thần đã nhận lệnh của Vua, nhưng vì ông không có lòng tin ưa Phật pháp nên không cung cấp người. Tất-lăng-già-bà-ta trước sau gì cũng chỉ có mỗi Tất-lăng-già-bà-ta. Bẵng đi một thời gian, Tất-lăng-già-bà-ta đắp y mang bát vào thành khất thực, nhà Vua cùng quần thần từ trên lầu cao nhìn thấy, liền sực nhớ lại tự hỏi: Trước đây ta có hứa cung cấp người giúp việc cho Tỳ-kheo, không biết đã cấp chưa? Nhà Vua liền hỏi lại vị Đại thần lúc trước nhận lệnh. Vị quan tâu: Chưa cấp. Nhà Vua lại hỏi: Lệnh của ta đến nay được bao nhiêu ngày? Vị quan ấy tâu: Đã năm trăm ngày. Nhà Vua bảo tùy theo số ngày này mà cung cấp. Vị Đại thần vâng lệnh liền lấy người giúp việc từ năm trăm nhà, mỗi nhà một người để cấp. Khi

nhận lệnh ấy, năm trăm nhà mỗi ngày sai một người đến trú xứ của Tất-lăng-già-bà-ta để lau quét phòng ốc, nhà cửa, ngoài ra còn làm mọi việc khác.

Bấy giờ, người trong thôn nọ đến ngày tiết hội, nam nữ trang sức y phục sặc sỡ dạo chơi vui đùa. Có một người con gái nhà nghèo vừa đi vừa khóc lớn. Thời điểm ấy, Tất-lăng-già-bà-ta vào xóm khất thực, thấy người con gái kêu khóc, hỏi bà mẹ cô gái: Con gái của bà tại sao khóc lóc như vậy? Bà ta đáp lời: Hôm nay, mọi người đều ăn mặc đẹp đẽ để đi chơi, nhà tôi nghèo khổ không lấy chi chưng diện như người ta, cho nên nó buồn, nó khóc. Ngay lúc ấy, Tất-lăng-già-bà-ta thấy con bò đang gặm cỏ, thầy nói với bà mẹ cô gái: Lấy ít cộng cỏ đem đến đây! Bà ta liền nhặt cỏ đưa cho thầy. Tất-lăng-già-bà-ta kết cỏ lại, biến hóa thành hai tràng hoa bằng vàng, đưa cho mẹ cô gái, nói: Trong thiên hạ có hai loại vàng tốt hơn hết là vàng Diêm-phù-đàn và loại vàng do thần túc biến hóa. Bà cầm lấy hai tràng hoa này đưa cho con gái bà mang vào. Người con gái ấy nhận được hai tràng hoa, rất vui mừng, thong dong mang vào dạo chơi. Trông thấy, mọi người đều ham muốn. Một khi điều lạ này đập vào mắt người ta thì ắt phải sinh lòng ghen tỵ. Có một người đến tâu với Vua Bình-sa: Thôn đó, gia đình đó, phát hiện được một kho chứa vật báu, nên người con gái của gia đình này mang tràng hoa bằng loại vàng trong thiên hạ không ai sánh kịp,

hậu cung của Đại vương cũng chưa hề có được như thế. Nhà Vua lệnh cho gọi người ấy đến hỏi: Ngươi được kho tàng chỗ nào, có thể chỉ cho ta? Người đàn bà thưa: Tâu Đại vương! Thật sự tôi không được kho tàng. Nhà Vua lại hỏi: Vật trang sức con gái ngươi mang đó, từ đâu có? Người ấy đáp: Vật ấy là do Tất-lăng-già-bà-ta kết cỏ biến hóa thành. Nhà Vua nghe nói như vậy hết sức kinh ngạc và giận dữ: Tại sao cỏ mà biến hóa thành tràng hoa bằng vàng! Nhà Vua liền ra lệnh cho các quan bắt trói và hạ ngục người mẹ đó.

Sau một thời gian, Tất-lăng-già-bà-ta lại đến nơi thôn ấy. Vừa gặp Tất-lăng-già-bà-ta, người con gái bật khóc nức nở… Tỳ-kheo hỏi: Vì lý do gì nhà ngươi lại khóc nức nở như thế? Người con gái thưa: Mẹ của con bị ngồi tù. Tất-lăng-già-bà-ta hỏi: Phạm phải những tội gì vậy? Dạ thưa: Do Đại đức cho hai tràng hoa bằng vàng. Lại nói: Thôi đừng khóc nữa, ta sẽ làm cho mẹ cô được thả ra. Tất-lăng-già-bà-ta lập tức đến trước quan giữ ngục, quan giữ ngục cung kính chào hỏi: Đại đức có việc gì phải hạ cố đến đây? Tất-lăng-già-bà-ta đáp: Người giúp việc của ta bị nhốt nơi ngục tù này, nên ta mới đến đây. Nay ông có thể thả nó ra được không? Quan coi ngục nói: Người này được kho tàng quý báu mà không chỉ cho nhà Vua, nếu chỉ cho nhà Vua thì mới có thể được thả. Tất-lăng-già-bà-ta nói: Ta kết cỏ làm thành chứ chẳng phải là

của kho tàng đâu. Quan giữ ngục nói: Kết cỏ làm thành vàng là điều không thể có.

Tất-lăng-già-bà-ta liền biến chỗ ngồi của ông cai ngục thành cái giường bằng vàng và hỏi: Nay ông tự thấy mình ngồi trên tòa nào? Rõ ràng tận mắt nhìn thấy mình đang ngồi trên chiếc giường bằng vàng, người giữ ngục hoảng hồn, liền xuống giường cúi đầu: Lạy Đại đức giải tha cho con nhờ, nếu nhà Vua nghe con ngồi trên giường bằng vàng thì chắc chắn bị trọng tội! Tất-lăng-già-bà-ta nói: Thả người giúp việc của ta ra, rồi ta mới giải phép cho ngươi. Quan giữ ngục nói: Việc này không phải quyền của con. Lại hỏi: Vậy thì quyền của ai? Dạ thưa: Quyền của Vua. Tất-lăng-già-bà-ta liền làm phép xóa mất giường vàng, rồi bay đến chỗ nhà Vua, đứng trong hư không. Khi ấy, nhà Vua từ trên lầu cao thấy, liền đảnh lễ, thưa: Đại đức có việc gì đến đây? Tất-lăng-già-bà-ta nói: Người giúp việc của tôi bị ngồi tù nên tôi đến đây, xin nhà Vua thả ra cho. Nhà Vua nói: Người kia được kho tàng bảo vật, nếu chỉ cho tôi thì mới được thả. Tất-lăng-già-bà-ta nói: Tôi kết cỏ làm thành, chứ không phải của báu trong kho tàng đâu. Nhà Vua nói: Kết cỏ làm thành vàng là điều không thể có. Ngay khi ấy, Tất-lăng-già-bà-ta lấy cây gậy gõ vào trụ cột lầu, cả tòa lầu cao liền biến thành lầu vàng, và nói: Xin hỏi lầu cao của Vua đây xây cất bằng vật liệu gì? Chứng kiến việc ấy, nhà Vua rất hoan

hỷ ra lệnh thả ngay người đàn bà kia. Tất-lăng-già-bà-ta cứ như vậy biến hiện bốn thần túc từ nơi này sang nơi khác. Một khi toàn dân đều nghe biết sự biến hóa nhiệm mầu này, lòng tin kính Phật pháp đối với họ lớn lắm. Họ cúng dường Tăng đầy đủ: bát na, bữa ăn trước, bữa ăn sau, các loại nước uống phi thời, dụng cụ dùng để tắm rửa, dầu thoa mình, dầu thoa chân, dầu thắp đèn… Bấy giờ, chúng Tăng nhận được nhiều sữa sống, sữa chín, dầu, đường, đường phèn, ăn không hết. Các thực phẩm dư này được dồn chứa, cất giữ trên sàn đất, từ đó bị rỉ chảy tràn lan làm dính nhớp y phục, giường chiếu, ngọa cụ. Các Cư sĩ thấy vậy, hỏi: Vật này của ai? có người nói: Đây là của Sa-môn Thích tử tích lũy chứa cất. Các Cư sĩ nói: Sa-môn Thích tử tự nói tiết chế sự ăn uống, mà dồn chứa như thế này thì tha hồ ăn uống. Những người này vì cầu giải thoát, xa lìa sinh, lão, tử mà nay lại cầu thức ăn mỹ vị thế này, là không có hạnh của Sa-môn, phá pháp của Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe vậy, bằng mọi cách quở trách rồi trình việc này lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Các ông thật sự có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép ăn đồ ăn cách đêm, như sữa, dầu, đường, đường phèn. Người nào vi phạm,

phạm tội Đột-kiết-la.

Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo bị bệnh, không thể có được tịnh nhân để thọ nhận hàng ngày, cũng không có tiền để mua, cũng không có chỗ bán, các Tỳ-kheo không biết làm thế nào, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, khen hạnh ít ham muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo bệnh nhận sữa, dầu, đường, đường phèn để ăn cách đêm, cho đến đêm thứ sáu. Lúc ấy, các Tỳ-kheo lại để các thực phẩm đó quá sáu đêm, Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách rồi, đem vấn đề bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Các ông thật sự có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Đức Thế Tôn có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào bệnh được uống bốn thứ thuốc hàm tiêu, như sữa, dầu, đường và đường phèn, một lần nhận được để đến bảy ngày, nếu để quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Nếu ngày thứ nhất nhận được, ngày thứ hai lại nhận được cho đến ngày thứ bảy cũng lại nhận được, lưu lại đến ngày thứ tám, khi tướng mặt trời xuất hiện, đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Vật cất giữ ấy nên thưa và xả cho Tăng, Tăng cho bạch y

hay Sa-di, hoặc dùng để thắp đèn, hoặc dùng thoa chân. Thuốc đã bị xả Tỳ-kheo không được dùng và tất cả Tỳ-kheo không được để vào miệng. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy có đám giặc Tháng tám, thường rình rập bắt người giết để tế trời, tất cả dân chúng và các Tỳ-kheo, không ai là không hoảng sợ. Ngày tế sắp đến mà chưa bắt được người, lũ giặc cùng nhau họp lại bàn bạc: Nơi A-lan-nhã chắc có Tỳ-kheo, bắt họ không khó. Ngay lúc ấy, đám giặc tiến về nơi A-lan-nhã nọ. Nghe được tin này, các Tỳ-kheo, ai nấy tìm cách lẫn tránh. Đám giặc bị thất bại, lại bàn với nhau: Ta sẽ tới chỗ khác, ngày tế sắp đến rồi, không được phép biếng trễ. Trong đám giặc ấy có một người tu xuất, nói với chúng: Tôi được biết Đức Phật dạy không cho phép Tỳ-kheo lìa y một đêm, chúng ta phải phục sẵn tại đây, vào lúc mờ mờ sáng chắc chắn họ sẽ về. Chúng nói: Nếu họ không về thì sẽ giết ngươi. Nếu ngươi không ân hận hối tiếc, thì chúng ta sẽ ở lại đây. Người ấy trả lời: Tốt lắm! Đã được cam kết như vậy, đám giặc bố trí phục sẵn. Một khi đã sợ phạm tội lìa y ngủ nên lúc trời vừa gà gáy

sáng, các Tỳ-kheo đều quay trở về trú xứ. Đám giặc hỏi: Các ông tưởng chúng tôi đã đi rồi phải không? Các Tỳ-kheo trả lời: Chúng tôi biết các ông còn ở lại, nhưng Đức Phật không cho phép chúng tôi lìa y ngủ, cho nên chúng tôi phải trở về. Đám giặc liền bắt giết, cần máu thì lấy máu, cần thịt thì lấy thịt. Các Tỳ-kheo tránh được cuộc tàn sát này đã có sự suy nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta khi chưa hết các ngày tháng tám được gởi một loại y nào nơi nhà bạch y trong giới nội thì đâu gặp phải tai nạn như thế. Các Tỳ-kheo trình lên Đức Phật sự suy nghĩ ấy. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã an cư ba tháng, chưa hết tháng tám được gởi một loại y nào nơi nhà bạch y trong giới nội, và lìa y đó ngủ đêm không phạm tội.

Có các Tỳ-kheo ở gần xóm làng cũng gởi y nơi nhà bạch y thuộc giới nội để ngủ đêm. Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật, Đức Phật dạy: Không cho phép Tỳ-kheo ở gần xóm làng mà lìa y ngủ. Lại có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã, chỗ không có sự khủng bố mà lìa y ngủ. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật, Đức Phật dạy: Cũng không cho phép Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã không có sự sợ hãi lại lìa y ngủ. Nếu nơi nào có sự nghi ngờ sẽ bị khủng bố mới cho phép. Trong thời điểm khác, các

Tỳ-kheo gởi y nơi nhà người khác rồi không trở lại thăm chừng, lâu ngày bị ẩm ướt, bẩn nhớp, trùng cắn, mục nát. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Đức Phật dạy: Nên đến xem chừng, hong phơi. Khi được Phật dạy như thế, các Tỳ-kheo lại thường xuyên đến thăm chừng, Cư sĩ chán ngấy việc làm ấy của Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép mười ngày đến thăm chừng một lần. Khi ấy, các Tỳ-kheo có việc Tăng, việc tháp, việc nơi các Hòa thượng, A-xà-lê và việc riêng của mình, hay việc của người cần ra đi ngoài phạm vi giới, vì sợ lìa y nên không dám đi, bạch Phật. Phật dạy: Nếu có việc cần thiết đích thân phải đi ra ngoài phạm vi giới, cho phép lìa y một đêm. Công việc chưa xong, trở lại bạch Phật. Phật dạy: Cho phép sáu đêm. Đã cho phép sáu đêm rồi, các Tỳ-kheo lại mặc y cũ rách đi quá sáu đêm, Tỳ-kheo Trưởng lão đem việc ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Các ông có thật sự như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ở chỗ A-lan-nhã, an cư ba tháng, chưa hết tháng tám, nếu chỗ có sự khủng bố, cho phép gởi một loại y nào nơi nhà bạch y trong giới nội, nếu có nhân duyên ra ngoài phạm***

vi giới, lìa y ngủ cho đến sáu đêm, nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề”.

An cư ba tháng: Là tiền an cư. Chưa hết tháng tám: Là hậu an cư. Một loại y nào: Hoặc Tăng-già-lê hoặc Ưu-đa-la-tăng, tùy theo chỗ nhận mà nhiều lần gởi một y. không được gởi y An-đà-hội vì là y đang mặc che thân. Lễ bái, nhập Tăng, khất thực không đơn thuần mặc mỗi một y, không được gởi hai y. Có nhân duyên ra ngoài phạm vi giới sáu đêm: Hoặc có việc của tháp, việc của Hòa thượng, A-xà-lê và việc riêng của mình hay việc của người, lưu lại một loại y nào nơi nhà bạch y để ra ngoài phạm vi giới tối Đa-là sáu đêm. Nếu một đêm, hai đêm cho đến năm đêm việc xong mà không trở về, phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, mẹ Lộc-tử Tỳ-xá-khư, định vào một buổi sáng ngày nọ, thiết lễ trai phạn, thỉnh Phật và Tăng để cúng dường. Chính vào ngày ấy, trời nổi giông tố, mưa xối xả, như thời gian co duỗi cánh tay của một lực sĩ, nước mưa đầy cả bát nước này rút ngay vào lòng đất như những giọt dầu rơi thấm vào đống cát nóng, bằng không thì đã trở thành biển nước mênh mông. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Xem trận mưa

trong Kỳ-hoàn hôm nay, thì rõ sức mưa cả cõi Diêm-phù-đề cũng như vậy. Các ông có thể ra tắm. Đây là trận mưa cuối mùa đều khắp như nhau. Các Tỳ-kheo mình trần trùng trục ùa ra tắm mưa. Trong khi ấy, người nô tỳ được bà Tỳ-xá-khư sai đến bạch Phật: "Thiết lễ cúng dường đã sửa soạn xong". Người nô tỳ đến Kỳ-hoàn trông thấy các Tỳ-kheo, ai nấy đều lõa hình tắm mưa, lòng ái ngại, nghi: Đây là ngoại đạo chứ chẳng phải Tỳ-kheo. Cô ta quay trở về báo lại như vậy. Tỳ-xá-khư có ý nghĩ: Chắc là Tỳ-kheo tắm giữa đất trống nhưng đứa tớ gái không biết cho đó là ngoại đạo. Bà ta lại bảo: Mi tới cửa Kỳ-hoàn thưa lớn như sau: "Thức ăn đã sửa soạn xong, kính mời quý vị đến thọ trai". Lúc nô tỳ đến trước cửa Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo đã tắm xong, về phòng không còn một vị nào bên ngoài, nô tỳ muốn thưa lớn lời dạy của bà chủ nhưng lại ngớ ngẩn nghĩ: Vừa rồi, trong sân thấy đầy cả ngoại đạo, bây giờ lại chẳng còn mống nào thôi thì trở về thưa lại vậy. Nghe nô tỳ báo, Tỳ-xá-khư nghĩ: Chắc các Tỳ-kheo tắm xong vào an nghỉ. Bà ta lại sai: Mi có thể vào trong cửa, đứng giữa sân thưa… Nô tỳ vâng lời, vào trong cửa ngõ Kỳ-hoàn, đứng giữa sân thưa. Đức Phật nghe thưa, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-xá-khư mời thọ trai. Các ông nên mặc y bưng bát đến phó trai. Các Tỳ-kheo vâng lời tập hợp nơi giảng đường. Nô tỳ đến trước giảng đường bạch Phật: Trai bàn đã thiết cúng xong, xin

cung thỉnh quý Ngài đến dự. Đức Phật bảo người tớ gái: Ngươi có thể về trước, chư Tăng sẽ đến sau. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo, chớp nhoáng như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi giảng đường, rồi xuất hiện tại nhà bà Tỳ-xá-khư, an tọa nơi tòa, y phục lại không ướt. Tỳ-xá-khư thấy Đức Phật và Tăng hốt nhiên ngồi nơi tòa, y phục không ướt, lòng cảm phục, thầm nghĩ: Ta được thiện lợi, cúng dường đầy đủ cho bậc Thánh sư. Các Ngài đi trong mưa lũ mà không hề ướt y phục. Bà vui mừng hớn hở tự tay san sẻ các thức ăn ngon bổ. Ăn xong, bà dâng nước, rồi kính cẩn chấp tay ngồi qua một bên, bạch Phật: Cúi xin Đức Thế Tôn cho con lời ước nguyện! Đức Phật bảo Tỳ-xá-khư: Phật đã vĩnh viễn lìa các ước nguyện của thế gian. Tỳ-xá-khư lại thưa: Cúi xin Đức Phật cho con phát những lời nguyện thanh tịnh. Đức Phật dạy: Lành thay! Tỳ-xá-khư bạch Phật: Sáng nay con sai đứa tớ gái tới thưa thỉnh Phật và Tăng đến thọ trai, lúc ấy các Tỳ-kheo đang lõa hình tắm, nhìn thấy, nó chạy về báo với con là: Trong Kỳ-hoàn đều là ngoại đạo, không có Tỳ-kheo. Bạch Đức Thế Tôn: Tại sao các Tỳ-kheo lõa hình tắm trước Hòa thượng, A-xà-lê! Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo sử dụng y tắm mưa. Con nguyện trọn đời cung cấp y tắm mưa cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này. Bà lại thưa: Thời gian gần đây, con có chút việc, đến nơi sông A-di-la,

thấy các Tỳ-kheo-ni lõa hình tắm rửa trong dòng sông. Khi ấy, có người thấy hình ảnh này đều chê cười: Người nữ mặc áo che thân còn coi không được, huống là người nữ xuất gia mà lại lõa thể. Cúi xin Phật cũng cho Tỳ-kheo-ni được sử dụng y tắm. Con cũng xin nguyện trọn đời cung cấp y tắm cho các Tỳ-kheo-ni trong thành Xá-vệ này. Bà lại thưa: Đức Phật dạy có ba loại bệnh, một loại uống thuốc hay không uống thuốc cũng chết. Loại thứ hai uống thuốc hay không uống thuốc đều qua khỏi bệnh. Loại thứ ba, uống thuốc thì mạnh, không uống thuốc thì chết. Cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo được uống các thứ thuốc. Con cũng xin nguyện trọn đời cung cấp thuốc cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ. Bà lại thưa: Đức Phật dạy có ba loại bệnh, một loại tùy theo bệnh được ăn thức ăn, không được ăn thức ăn, tùy theo bệnh đều chết. Loại thứ hai: Tùy theo bệnh được ăn thức ăn, không được ăn thức ăn, tùy theo bệnh đều sống. Loại thứ ba: Tùy theo bệnh được ăn thức ăn thì lành, không được ăn thức ăn thì theo bệnh mà chết. Cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo được ăn thức ăn tùy theo bệnh. Con cũng xin nguyện trọn đời cung cấp thức ăn tùy theo bệnh cho các Tỳ-kheo ở tại thành Xá-vệ này. Bà lại thưa: Người nuôi bệnh, nếu phải đi khất thực thì lại không chu toàn việc chăm sóc. Cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo nuôi người bệnh được nhận thức ăn để nuôi bệnh. Con

cũng xin nguyện trọn đời cung cấp thức ăn cho các vị nuôi người bệnh trong thành Xá-vệ này. Bà lại thưa: Tỳ-kheo khách từ xa mới đến quá mệt mỏi, hơn nữa không biết chỗ nào để khất thực. Cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo nhận thức ăn từ nơi con để Tỳ-kheo khách dùng trong thời gian nghỉ ngơi vì mệt mỏi và chưa biết chỗ khất thực. Con cũng xin nguyện trọn đời cung cấp thức ăn cho quý Tỳ-kheo khách trong thành Xá-vệ này. Bà lại thưa: Nếu có Tỳ-kheo nào đi xa, phải vào thôn khất thực nên đi không kịp bạn đồng hành, hoặc gặp phải đám giặc tháng tám, hay bị lạc đường, cúi xin Phật cho phép các Tỳ-kheo đi xa nhận thức ăn đi xa của con. Con xin nguyện trọn đời cúng dường lương thực đi đường xa cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này. Bà lại thưa: Con nghe Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo ở nước A-na-tần-đầu ăn cháo. Cúi xin Ngài cho phép các Tỳ-kheo được thọ nhận cháo nơi con cúng dường. Con cũng xin nguyện trọn đời cúng dường cháo cho các Tỳ-kheo trong thành Xá-vệ này. Bà lại bạch Đức Phật: Nguyện Đức Thế Tôn, trọn đời nhận y phục, ẩm thực, thuốc thang của con. Đức Phật hỏi bà Tỳ-xá-khư: Với sự hiểu biết về ý nghĩa của sự lợi lạc như thế nào mà bà phát chín lời nguyện như trên? Tỳ-xá-khư thưa: Với đất nước này luôn luôn có các Tỳ-kheo ở khắp nơi về vấn an thăm hỏi Đức Thế Tôn, hoặc có trường hợp Tỳ-kheo nào đó ở địa phương nào đó

qua đời, đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A na hàm, A-la-hán, con sẽ tìm hiểu, hỏi xem Tỳ-kheo ấy đã từng về thành Xá-vệ này hay không? Nếu được trả lời vị ấy đã từng đến đây, trong lòng con sẽ có được suy nghĩ này: Vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn đã từng nhận nơi con, ít nhất là một món cúng dường, chừng ấy thôi cũng đủ để con vui mừng với căn lành được đơm hoa kết trái. Với tâm thiện như vậy, Đức Thế Tôn nói với Tỳ-xá-khư: Cho phép bà thực hiện tám lời nguyện, còn một lời nguyện chót không thể chấp thuận được. Ngay khi ấy, bà Tỳ-xá-khư lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật, Đức Phật vì bà nói kệ tùy hỷ:

Lòng vui cúng ẩm thực
Cúng dường Phật, Thánh Tăng
Phước lập, xan tham diệt
Thọ báo luôn an lạc
Sinh cõi trời sống lâu
Sinh cõi trần lìa cấu
Pháp cúng dường, quả lớn
Ở đâu cũng mãi vui.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn lại giảng nói các pháp vi diệu, Tỳ-xá-khư lại rất vui mừng vì các điều lợi lạc đã được chỉ bày. Đức Thế Tôn và Thánh đệ tử trở về lại Kỳ-hoàn, tập hợp các Tỳ-kheo, khen sự thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo nhận y tắm mưa, các Tỳ-kheo-ni nhận y tắm, nhận

thuốc tùy theo bệnh, nhận thức ăn tùy theo bệnh, người nuôi bệnh được nhận thức ăn, Tỳ-kheo khách được nhận thức ăn, Tỳ-kheo đi xa được nhận thức ăn đi đường, và Tỳ-kheo được ăn cháo. Sau khi được Phật cho phép, các Tỳ-kheo nảy sinh ý nghĩ: Đức Phật cho phép ta chứa y tắm mưa, vậy đi tìm xin để cất giữ. Đã không thọ trì, không cho người, không tịnh thí, ôm đồm cả gánh nặng đi đường. Các Tỳ-kheo khác thấy hỏi: Thầy không nghe Đức Phật cấm chứa y dư hay sao? Tỳ-kheo trả lời: Tuy Phật có cấm nhưng lại cho phép chứa y tắm mưa. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Các thầy thường chứa y tắm mưa, không thọ trì, không cho người, không tịnh thí phải không? Các vị trả lời: Đúng như vậy. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách, rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, mùa Xuân còn một tháng, nên tìm y tắm mưa, còn nửa tháng nên dùng. Nếu chưa đến một tháng mà tìm, trước nửa tháng mà dùng, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***.

Y tắm mưa: Là y sử dụng để tắm khi trời mưa, khi tắm vào mùa hạ cũng dùng y này. Nếu mùa Xuân còn một tháng, trước đó có người hứa cho y

tắm mưa, Tỳ-kheo quen biết nên đến nói: Nay là lúc may, nhuộm y tắm mưa. Nếu nhận được thì tốt, bằng không nên nói lại: Các nơi đều đã may, nhuộm y tắm mưa. Nếu nhận được thì tốt, bằng không lại nên nói: Trước đây người hứa cho Tỳ-kheo đó y tắm mưa, nay chính là lúc cần nhận. Nếu nhận được thì tốt, bằng không, Tỳ-kheo ấy nên đến chỗ khác xin để chứa dùng, cho đến nữa tháng tám, tức một trăm ba mươi lăm ngày. Nếu quá thời hạn ấy, không làm y khác, không thọ trì, không cho người khác, không tịnh thí, phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Lục quần Tỳ-kheo đến thôn nhà buôn. Khách buôn nói: Trưởng lão an cư nơi đây đi. Sau chuyến đi, chúng tôi về sẽ cúng dường phẩm vật an cư. Lục quần Tỳ-kheo nói: Muốn chúng tôi ở lại đây an cư thì phải cúng cho chúng tôi, trong khi an cư chúng tôi may y, an cư xong chúng mặc đến thăm viếng Đức Phật. Khách buôn cùng nhau bàn bạc: Chúng ta nên cúng trước phẩm vật an cư để các Tỳ-kheo ở lại, như vậy là gia đình chúng ta kẻ lớn người nhỏ đều được nghe pháp, thọ tám phần giới, giữ gìn trong sạch thân, khẩu, ý. Họ thống nhất việc quyên góp vật

phẩm cúng dường sau đó mới lên đường. Nhận được phẩm vật an cư rồi và sau khi các nhà buôn ra đi, Lục quần Tỳ-kheo cũng đi nơi khác. Một thời gian sau, các nhà buôn thu được lợi nhuận và trở về, nói với người trong nhà: Tuy trước đây ta đã cúng phẩm vật an cư cho các Tỳ-kheo rồi, nay ta buôn có lời, an ổn trở về, phải cúng dường thêm, các người cứ an tâm nghe pháp. Người nhà trả lời: Các Tỳ-kheo, sau đó, họ cũng đi. Các nhà buôn lại đến trú xứ gần đó để mời các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo ấy nói: Các người nên cúng dường cho các Tỳ-kheo đã thỉnh trước đây, chúng tôi không được phép nhận phẩm vật cúng dường của các vị.

Khi đó, các nhà buôn nổi giận nói: Bổn ý của chúng tôi cúng dường là để ở lại thôn an cư, nhận phẩm vật rồi lại đi, cùng với kẻ trộm đâu khác gì? Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được bằng mọi cách quở trách, rồi bạch với Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Các ông thật sự có như vậy không? Bạch Thế Tôn! Có. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không được phép trong khi an cư nhận vật phẩm an cư, phạm điều này là tội Đột-kiết-la.

Bấy giờ, nơi biên giới có giặc, Vua Ba-tư-nặc sai Ất-sư-đạt-đa và Phú-lan-na đến dẹp giặc. Hai vị cùng nhau thảo bàn: Nay chúng ta đi hành quân có thể bị bỏ mạng, chúng ta nên đem phẩm vật

cúng dường cho Tỳ-kheo. Hai người cùng mang phẩm vật đến chỗ Tỳ-kheo thưa: Nay chúng tôi đi dẹp giặc, sợ không trở về được, xin cúng dường các phẩm vật, mong quý thầy nhận cho. Các Tỳ-kheo nhớ lại điều này: Đức Thế Tôn không cho phép chúng ta trong khi an cư nhận phẩm vật an cư, biết làm thế nào đây! Trình việc ấy lên Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tôn giả A-nan: Còn bao nhiêu ngày nữa đến ngày Tự tứ? A-nan thưa: Còn mười ngày. Đức Phật bằng mọi cách khen hạnh ít ham muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo, tiền an cư hay hậu an cư, còn mười ngày nữa đến ngày Tự tứ, được nhận y cấp thí. Các Tỳ-kheo lại thường cất chứa, không thọ trì, không cho người, không tịnh thí, ôm đồm cả gánh nặng đi du hành khắp nơi. Các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy vậy, hỏi: Thầy không nghe Đức Phật cấm chứa y dư hay sao? Vâng, tuy Phật có cấm nhưng lại cho nhận y cấp thí. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Các thầy thường chứa y cấp thí, không thọ trì, không cho người, không tịnh thí phải không? Vâng, đúng như thế. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách, rồi bạch với Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay

không cho phép thường chứa y cấp thí, không thọ trì, không cho người, không tịnh thí, cho đến thời của

Vì đã được cho phép đến thời của y, nên các Tỳ-kheo còn chứa quá thời của y. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật. Nhân việc ấy Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tiền an cư còn mười ngày nữa mới đến ngày Tự tứ được y cấp thí, cần thì nhận cất cho đến thời của y, nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***.

Y cấp thí: Hoặc hành quân, hoặc sản phụ gần sinh, đó là trường hợp được thí cấp thời, qua thời gian ấy không thí được.

Thời của y: Thọ y Ca-hi-na. Xả y Ca-hi-na rồi, gọi là y phi thời. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc này, không phải thời xin bát, Bạt-nan-đà vẫn đến một nhà

buôn, nói: Nay tôi cần bình bát, cho tôi đi! Nhà buôn nói: Đại đức đợi một thời gian ngắn. Nay các nhà có phiên họp, nếu ai đến không đúng giờ phải bị phạt năm trăm tiền. Bạt-nan-đà nói: Tôi được nghe người rất tinh tấn trong việc cung cấp phương tiện hành đạo, tại sao nay lại bỏ việc làm công đức này mà lại ưu tiên coi trọng việc đời. Nghe những lời như vậy, người nhà buôn thức tỉnh nghĩ ngợi: Dù có bị phạt, việc quan trọng này ta cũng phải thực hiện trước. Người nhà buôn liền đi mua bát cúng cho Bạt-nan-đà, sau đó mới đi họp. Rõ ràng phải đến trễ giờ, thấy ông ta đến mọi người đều nói: Phải phạt tội đi trễ giờ. Người nhà buôn nói: Tôi không phải vì việc riêng mà vi phạm quy chế của quý vị. Có một Sa-môn đến tôi xin bình bát, không thể không cho, phải lo cho xong, cho nên đến trễ.

Người không có lòng vui tin theo Phật pháp nói: Vì một Sa-môn mà ông vi phạm quy chế của nhiều người, phải phạt thật nặng là xứng đáng. Họ thi hành ngay. Bị phạt quá nặng, người nhà buôn bực tức, giận dữ nói: Sa-môn Thích tử chẳng biết điều chút nào, bảo chờ không chịu, để đến nỗi tôi bị phạt nặng như thế này. Mọi người nặng lời, nặng tiếng chê trách: Các Sa-môn Thích tử này thường nói biết điều, nào là ít ham muốn, biết vừa đủ, mà phi thời đến người cưỡng bức xin cho được, họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-

kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch với Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Thế Tôn bằng mọi lời lẽ quở trách nặng nề rồi hỏi các Tỳ-kheo: Ý các ông thế nào? Bát không tỳ vết hàn gắn ấy phải là bát không? Đáp: Là bát. Bát bị hàn gắn từ một đường cho đến năm đường ấy là bát phải không? Vâng là bát. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Bát lành lặn, bát có dấu hàn gắn từ một đường cho đến bốn đường là bát, bát hàn gắn năm đường không phải là bát. Do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào bát chưa đủ năm đường hàn gắn, lại xin bát mới, vì muốn đẹp, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Bát ấy nên xả giữa Tăng, Tăng nên lấy cái bát chót (bát không vị nào lấy) đưa cho và nói: Thầy nên thọ trì cái bát này cho đến vỡ. Pháp xả bát là như vậy.

Bát có ba loại: Bát sắt, Bát-tô ma, bát sành. Lại có ba cỡ: Lớn, nhỏ và vừa. Lớn là đựng được ba bát cơm của tín thí, trừ canh và rau. Nhỏ là đựng được một bát cơm của tín thí, trừ canh và rau. Vừa là chặng giữa của cỡ lớn và cỡ nhỏ. Vì muốn đẹp: Mong cầu bền chắc và tốt. Nếu đã có bát không hàn gắn bốn đường lại xin bát lành lặn cho đến hàn gắn bốn đường, nhận được, đều phạm Ni-tát-kỳ-

ba-dật-đề. Nếu đã có bát lành lặn, cho đến bát hàn gắn bốn đường, lại xin bát ràng rịt năm đường, nhận được, đều phạm Đột-kiết-la.

Nên xả giữa Tăng: Bát mới nhận được nên xả cho chúng Tăng, không được xả cho một, hai, ba người. Pháp xả: Đương sự phải đến giữa Tăng thưa: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là có bát chưa đủ năm đường hàn gắn, lại xin bát mới, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Đây là lời tác bạch. Tăng nên bạch nhị Yết-ma sai Tỳ-kheo biết pháp, đến giữa Tăng thực hành pháp xả, một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là có bát chưa đủ năm đường ràng, lại xin bát mới, nay xả cho Tăng. Nay Tăng sai Tỳ-kheo này tên là làm người hành bát. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là có bát chưa đủ năm đường hàn, lại xin bát mới, nay xả cho Tăng. Tăng nay sai Tỳ-kheo tên là làm người hành bát. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã sai Tỳ-kheo tên là làm người hành bát rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, Tỳ-kheo này nên công bố và tất cả Tỳ-kheo đều mang bát của mình đến. Sau đó người hành bát đem bát xả đó tới trước Thượng tọa, hỏi: Thầy cần cái bát này không? Nếu vị Thượng tọa nói cần thì người hành bát lấy bát

của Thượng tọa xem xét. Nếu Thượng tọa không có bát, hay bát quá lớn, hoặc quá nhỏ, hoặc lủng lỗ, méo mó thì không nên đổi. Nếu không có năm trường hợp trên thì nên trao cho (tức đổi). Đưa rồi, lấy bát của Thượng tọa đem đến vị Thượng tọa thứ hai, cho đến vị mới thọ giới Cụ túc cũng làm y như vậy. Tăng nên lấy bát tối hậu này (tức cái bát sau cùng không ai lấy) trao cho vị Tỳ-kheo xả bát. Trường hợp hành bát, không có vị nào lấy thì cho phép hoàn bát đó lại cho đương sự. Tăng nên có lời dạy: Đây là bát của thầy. Thầy phải hết lòng trân trọng hộ trì, đừng đặt bừa lên đất, đừng đựng những đồ thừa thãi, đừng đựng thức ăn cách đêm, đừng đựng nước nóng, đừng đựng hương, đừng đựng thuốc, cần trân trọng gìn giữ như thế. Nếu bát bị bể thì cho phép thầy xin cái khác. Tỳ-kheo-ni cũng thi hành như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười chín

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà nhận được nhiều bát, mỗi cái dùng năm, sáu ngày lại đem để dồn xếp xó. Như vậy số bát cũ chỗ nào cũng có để. Các Trưởng giả thấy vậy hỏi: Bát của ai chất đống đây? Có ai đó nói: Của Bạt-nan-đà. Các Trưởng giả nói: Sa-môn Thích tử thường

nói thiểu dục, tri túc, mà nay không hề nhàm chán, thu gom chất chứa như người buôn bán bát, không có hạnh của Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi cùng đưa đến chỗ Đức Phật, bạch lên Ngài sự việc ấy. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật quở trách nghiêm khắc rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào chứa bát dư cho đến một đêm, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo ở riêng một mình, nhận được hai cái bát, lại khơi dậy ý nghĩ: Đức Phật không cho phép ta chứa bát dư quá một đêm. Với ý nghĩ này, vị Tỳ-kheo liền đem một bát cho Tỳ-kheo khác. Sau khi cho, chiếc bát của Tỳ-kheo lại bị bể, không có bát để du hành. Các Tỳ-kheo hỏi: Trước đây thầy có hai cái bát, nay tại sao không còn cái nào? Tỳ-kheo trả lời bằng cách kể lại vấn đề. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Ông đem bát cho một thầy khác, sau đó được mấy ngày thì bát của ông bị bể? Bạch Thế Tôn, mười ngày. Đức Phật khen hạnh ít ham muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này nên nói như

sau: ***"Tỳ-kheo nào chứa bát dư cho đến mười ngày, nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***.

Khi nhận được hai bát thì nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê: Trong hai chiếc bát này cái nào tốt hơn? Nếu Hòa thượng, A-xà-lê không khéo phân biệt được thì nên dùng mỗi cái năm ngày, qua đó tự biết cái nào tốt hơn thì gìn giữ thọ trì, cái không như ý thì cho người. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi

Đức Phật ở tại ấp A-đồ-tỳ. Lúc này, các Tỳ-kheo đích thân làm ngọa cụ bằng kiều-xa-da (tơ tằm), tự mình làm lại khiến người làm, tự mình gánh kén cũng khiến người gánh kén, tự mình nấu cũng khiến người nấu. Các Cư sĩ thấy, nói: Chúng ta ươm (nấu) kén Tỳ-kheo cũng ươm kén. Sa-môn Thích tử với ta đâu có khác gì? Những người này thường nói thương xót chúng sinh, nay lại chính mình ươm kén, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp của Sa-môn.

Có một Tỳ-kheo tự mình quay tơ tằm rồi nhờ các Tỳ-kheo khác may ngọa cụ, bị thiếu tơ, đến nhà người làm tơ nói: Tôi đang may ngọa cụ mà lại thiếu tơ, ít nhiều cho tôi được chứ? Người ấy nói: Có thể vì tôi mà ươm cho vậy. Người ấy liền nấu kén trước mặt Tỳ-kheo. Tiếng nhộng khua động

trong kén, Tỳ-kheo bảo nhận nó xuống nước sôi. Người ươm tơ tỏ vẻ bực mình mắng ngay: Thầy thường nói không sát sinh mà nay lại bảo người sát sinh, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch với Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới bằng Kiều-xa-da, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Kiều-xa-da: Tức tơ làm bằng kén.

Ngọa cụ: Nệm nằm cho đến mới thành ba nấc không hư hoại gọi là ngọa cụ. Nên xả cho Tăng không nên xả cho người khác. Tăng nên dùng trải trên đất, hay trên giường dây, giường nằm. Trừ Tỳ-kheo xả ngọa cụ. Ngoài ra tất cả Tăng tùy theo thứ tự mà nằm ngồi. Khởi tâm muốn làm hay chuẩn bị làm đều phạm Đột-kiết-la. Làm thành phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Tuy không tự mình làm, người khác cho mà nhận cũng phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi mốt.

Đức Phật ở tại thành Câu-xá-di. Khi ấy phần đông người Bạt-kỳ dùng lông dê đen tuyền màu lấp lánh mượt mà rất quyến rũ làm đồ phục sức, ngọa cụ. Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ cũng bắt chước làm như vậy. Bất chợt các Cư sĩ vào phòng xem chơi thấy vậy đâm hoảng, e sợ các hào tộc Bạt-kỳ tập hợp để vui chơi. Tiện lúc có người đi qua, các Cư sĩ hỏi: Đây là phục sức của quý nhân nào? Người ấy trả lời: Không phải vật dụng của quý nhân, mà là kiểu học đòi của Tỳ-kheo Bạt-kỳ! Các Cư sĩ dị nghị chê trách: Các Tỳ-kheo mà ăn mặc như nhà Vua, như Đại thần, như hào tộc lúc họ cần chưng diện để lên xe, xuống ngựa. Tôi nghe Tỳ-kheo mặc y cắt rọc, cầu đạo vô vi, nay lo cái mặc sang trọng như thế này chăng! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp của Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe thế bằng mọi cách quở trách rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Dạ thưa: Thật có như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới bằng lông dê hoàn toàn màu đen, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Hoàn toàn đen: Lông dê đen hay nhuộm đen. Nên xả cho Tăng, Tăng dùng trải trên giường dây

hay ghế ngồi, không được trải trên đất. Ngoài ra như trong giới ngọa cụ bằng Kiều-xa-da đã nói.

Xong giới thứ hai mươi hai.

Đức Phật ở tại thành Câu-xá-di. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Bạt-kỳ làm ngọa cụ bằng lông dê màu đen trộn thêm một ít lông trắng và lông sắc kém, và cho như thế là tịnh. Các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy vậy hỏi: Thầy không nghe Đức Phật cấm làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen hay sao? Tỳ-kheo Bạt-kỳ trả lời: Có nghe, nhưng tôi đã trộn màu trắng và màu sắc kém, đâu phải là toàn đen. Các Tỳ-kheo nói: Toàn đen với đem pha một ít màu tạp thì đâu đủ để khác nhau? Bằng mọi cách quở trách rồi, các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Thật có như vậy. Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo làm ngọa cụ với hai phần lông dê màu toàn đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu sắc kém. Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới nên dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu hạ (xám). Nếu làm quá mức lượng này, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***. Nếu Tỳ-kheo làm

ngọa cụ bốn mươi Ba-la thì nên dùng hai mươi Ba-la lông màu đen, mười Ba-la màu trắng. mười Ba-la màu hạ. Nếu màu đen dư một Ba-la, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Ngoài ra như trong giới làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen đã nói.

Xong giới thứ hai mươi ba

Đức Phật tại thành Câu-xá-di. Lúc ấy, các Tỳ-kheo Bạt-kỳ nảy ra ý nghĩ: Đức Phật đã cho phép chúng ta dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu hạ để làm ngọa cụ. Vì thế, họ tìm xin được nhiều ba loại lông dê ấy rồi tự làm và khiến người làm ngọa cụ. Trong các trú xứ không chỗ nào là không có việc làm này. Các Cư sĩ đến thăm chơi, thấy thế bèn hỏi: Vật này của ai? Được trả lời: Của Tỳ-kheo Bạt-kỳ. Các Cư sĩ dị nghị chê trách, như trong giới chứa bát dư đã nói. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được việc ấy, bằng mọi các quở trách rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này nên nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới, nên cất để dùng sáu năm,***

chưa đủ sáu năm, hoặc xả hay không xả lại làm ngọa cụ mới, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề”.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nhận ra trong ngọa cụ phấn tảo có được

nhiều tiện lợi nên cất giữ cẩn thận. Vì ngọa cụ này khá nặng nên không thể mang theo lúc đi xa. Vị Tỳ-kheo ấy muốn đi từ thành Xá-vệ về ấp Ta-kiệt-đà, không biết làm thế nào để đem theo ngọa cụ ấy, nên bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cùng đến chỗ Đức Phật bạch lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo này muốn đến ấp Ta-kiệt-đà, vì tấm ngọa cụ nặng, nhưng nhận thấy có điều lợi trong đó, nên không thể xả, lại không thể mang theo được. Tăng nên bạch nhị Yết-ma cho đổi cái nhẹ hơn. Tỳ-kheo nên đến giữa Tăng nói lên lời xin: Tôi Tỳ-kheo tên là đã gìn giữ ngọa cụ phấn tảo bên mình vì thấy trong ấy có điều lợi. Nay tôi muốn du hành đến chỗ đó, mà ngọa cụ nặng nên không thể mang theo được, xin Tăng cho tôi đổi cái ngọa cụ nhẹ của Tăng. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Trong Tăng nên sai một Tỳ-kheo bạch: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là tự mình chứa ngọa cụ, thấy trong đó có điều lợi, nay muốn du hành đến chỗ kia, nhưng ngọa cụ nặng không thể mang theo được, đến trước Tăng xin đổi cái nhẹ hơn. Nay Tăng cho đổi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác

bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo này tên là tự chứa ngọa cụ, thấy trong đó có điều lợi, muốn du hành đến chỗ đó, mà ngọa cụ nặng không thể mang theo được, nên đến xin Tăng đổi cái nhẹ. Nay Tăng cho đổi. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là___đổi lấy ngọa cụ nhẹ hơn của Tăng rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới,***

phải thọ trì (chứa sáu năm), chưa đủ sáu năm, hoặc xả hoặc không xả, lại sắm ngọa cụ mới, trừ Tăng Yết-ma, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

Sáu năm: Là tính đủ ngày trong sáu năm. Ngoài ra, như trong giới làm ngọa cụ bằng lông dê đen đã nói.

Xong giới thứ hai mươi bốn.

Đức Phật ở tại thành Câu-xá-di. Bấy giờ, các người Bạt-kỳ làm Ni-sư-đàn bằng lông dê toàn màu đen, Tỳ-kheo ở Bạt-kỳ cũng xin lông dê để làm. Việc tìm tòi hỏi xin này làm cho các Cư sĩ rất phiền hà, chán nản. Sau đó họ đến trong phòng của Tăng xem, thấy các Tỳ-kheo cất chứa nhiều nệm

ngồi bằng lông dê toàn màu đen, nên lắm lời chê trách, như trong giới làm ngọa cụ toàn đen đã nói. Các Tỳ-kheo Trưởng lão đem những điều đã nghe được, bạch lên Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự các ông có như vậy không? Dạ thưa, có như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm Ni-sư-đàn mới nên dùng một miếng bằng một gang tay Đức Thiện Thệ để làm nhằm hoại đi sắc tốt. Nếu không làm hoại sắc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Một gang tay Đức Thiện Thệ vuông vức hai thước.

Làm hoại sắc: Là tùy ý phủ lên trên cái mới. Ngoài ra, như trong giới làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen đã nói.

Xong giới thứ hai mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo người gánh, kẻ vác lông dê đi theo đường. Người đi đường thấy thế đều chê trách nói: Chúng ta vì gia đình, vì miếng cơm manh áo nên phải còng lưng gánh lông dê, các Tỳ-kheo cũng làm như vậy, thì hạng người mặc y hoại sắc cắt rọc, cạo đầu, khất

thực cùng ta đâu có khác gì? Họ không làm theo hạnh của Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Có một Tỳ-kheo ở trên núi thường theo thói quen gánh lông dê đi đường, hôm đó quá mệt, lả người, khi về đến trước sân của Tăng phường thì té xỉu xuống đất. Các Tỳ-kheo thấy tưởng là bị ma quỷ nhập vào, liền lấy nước tiểu rưới lên mặt. Tỳ-kheo kia hỏi: Tại sao Trưởng lão lại rưới nước nơi mặt tôi? Trưởng lão đáp: Tôi sợ ma quỷ nhập nơi thầy nên mới xối chứ! Vị Tỳ-kheo tiếp lời: Đâu phải ma quỷ nhập, tại tôi gánh lông dê quá nặng đi đường mỏi mệt nên sốt nóng ngất xỉu thôi. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chế Tỳ-kheo chỉ thọ trì ba y và bình bát, ví như chim bay được nhờ đôi lông cánh, thầy đâu không nghe mà lại còn gánh thứ ấy? Bằng mọi cách quở trách rồi, các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào gánh lông dê đi đường, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***. Vào một dịp khác, có Cư sĩ vì Tỳ-kheo làm một cái phòng, nghĩ:

Tỳ-kheo nào đến ở phòng này thì tôi cúng dường và cung cấp y. Sau đó, có một Tỳ-kheo đến ở, Cư sĩ bèn cúng lông dê, Tỳ-kheo không nhận, Cư sĩ nói: Con để dồn lông dê với bổn ý là vì Tỳ-

kheo chứ không phải vì bản thân. Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép tôi tự gánh lông dê thì làm sao nhận được.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo cần lông dê làm ngọa cụ, tự mình không biết làm, muốn nhờ Tỳ-kheo khác, nên không dám nhận, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Người mà ông muốn nhờ ở cách ông xa gần? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Ở cách con ba do-tuần. Nghe thế, Đức Thế Tôn liền khen hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận được lông dê, nếu cần mang đến địa chỉ nào đó, thì tự mình mang đi và chỉ mang trong phạm vi ba do-tuần, mang đi quá mức định, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Tỳ-kheo nhận được lông dê, cần mang đến địa chỉ nào đó, nên khiến tịnh nhân mang hộ, nếu không có tịnh nhân mới cho phép mình mang, nhưng không được đội trên đầu hay vác nơi lưng, nếu đội, vác phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Trong phạm vi ba do-tuần, hay lần lượt thay nhau mang, hoặc có người mang thế, hoặc mang trở lại ba do-tuần lần thứ hai, hoặc chỉ mang năm, sáu Ba-la đủ để làm dây lưng hay cái mão…

Xong giới thứ hai mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, đập lông dê. Các Tỳ-kheo-ni vì vấn đề cúng dường, không dám từ nan, do vậy công việc càng thêm bề bộn nên phế bỏ việc đọc tụng, tọa thiền, hành đạo. Các Cư sĩ nghe thấy điều này rất bất bình chê bai. Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Phật, như trong giới giặt y cũ đã nói. Nhân việc này, Đức Thế Tôn tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề"***.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni bà con, cũng như trong giới giặt y cũ đã nói. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, khen hạnh ít ham muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-***

kheo nào sai Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt lông dê, hoặc nhuộm, hoặc chải, phạm Ni-

tát-kỳ-ba-dật-đề”. Ngoài ra, như trong giới giặt y cũ đã nói.

Xong giới thứ hai mươi bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà trao đổi mọi thứ, phần lợi thuộc về mình, người khác không bao giờ được lợi từ sự trao đổi đó. Có một ngoại đạo nhận được một tấm vải chưa may thành, mang đến nhà ngoại đạo nói: May thành y cho tôi. Các người nói: Nhà tôi nhiều việc không thể may được. Sa-môn Thích tử nhàn rỗi không có việc gì, lại nhận được nhiều y bố thí, có thể đến đó nhờ may, cũng có thể trao đổi, nhưng Sa-môn kia rất dẻo mồm nổi tiếng là một nhà buôn, ông đến đó nên cẩn thận. Theo lời hướng dẫn, ngoại đạo mang tới nơi Tăng đang cư ngụ dò hỏi: Ai có thể vì tôi may chiếc y này? Quý vị đều nói không thể may được. Đương sự lại hỏi Bạt-nan-đà: Tôi nghe Đại đức có nhiều y đã may xong, có thể đổi cho tôi một cái được không?

Bạt-nan-đà nói: Các ngoại đạo của ông, tâm không dứt khoát, hay thay đổi bất thường, đổi được rồi lại nói tốt, xấu lôi thôi. Nếu sau khi đổi rồi không được nói gì thì tôi đổi cho.

Ngoại đạo nói: Người khác thì có thể đổi ý, chứ tôi thì không bao giờ nói tới, nói lui. Như đắc ý,

Bạt-nan-đà lấy một cái y cũ được nhuộm lại bằng nước hồ Kiếp bối, nén ép thật láng để đổi. Ngoại đạo đổi được y rồi, đem về trong chúng của mình. Đồng bạn hỏi: Đã may thành y chưa? Đương sự nói: Đã đổi được y rồi. Đâu đưa chúng tôi xem với! Đương sự liền đem ra trình xem. Các người ngoại đạo xem qua đều lên giọng trách: Ối cha! Đem tấm vải quý giá đổi lấy cái y xấu tệ thế này, khờ thật, chênh lệch gấp năm, sáu lần, phải lấy vải lại thôi. Chúng tôi sẽ cùng nhau bỏ công may cho. Người ngoại đạo liền mang y trả lại, nói với Bạt-nan-đà: Ông là Thích tử, tại sao dối tôi, dùng y xấu tệ thế này đánh tráo cho tôi. Đổi lại cho tôi đi! Nếu không tôi rao truyền tiếng xấu của ông đó. Bạt-nan-đà nói: Tôi biết tâm ngoại đạo không dứt khoát, hay nói tới, nói lui, tôi không muốn đổi kia mà. Vì ông đã một lời dứt khoát nên tôi mới theo ý ông mà đổi, sao bây giờ lại nói như vậy? Tôi không đổi lại đâu! Ngoại đạo bèn la lớn. Các Cư sĩ hỏi: Tại sao ông la lớn thế? Ngoại đạo trả lời bằng cách kể lại chuyện đã xảy ra. Các Cư sĩ chê trách nói: Người đời mua bán sau bảy ngày còn đổi lại được, tại sao Sa-môn mới trong chốc lát lại không đổi được? Hình thức ăn mặc

có khác với người đời, song mua bán thì quá hơn họ! Tiếng xấu ấy lan khắp các nơi. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được, bằng mọi cách quở trách rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức

Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Dạ thưa có thật như thế, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào mua bán các thứ để cầu lợi, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".***

Dùng cái đã làm đổi cái đã làm, dùng cái đã làm đổi cái chưa làm, dùng cái đã làm đổi cái làm chưa xong, dùng cái chưa làm đổi cái chưa làm, dùng cái chưa làm đổi cái đã làm, dùng cái chưa làm đổi cái làm chưa xong, dùng cái làm chưa xong đổi cái làm chưa xong, dùng cái chưa xong đổi cái đã làm, dùng cái làm chưa xong đổi cái chưa làm, đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo muốn trao đổi nên bảo tịnh nhân nói: Vì tôi lấy vật này đổi vật kia. Hơn nữa, phải với tâm niệm: Phải làm sao cho người kia được lợi hơn ta, ta không nên được lợi hơn người kia. Nếu tự trao đổi thì nên trao đổi với năm chúng xuất gia. Nếu cùng bạch y trao đổi phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi tám

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Nan-đà, Bạt-nan-đà dùng vàng, bạc, tiền bằng vàng, tiền

bằng bạc, tiền bằng tạp vật để mua vật dụng hay bán vật dụng, thu vào các loại tiền. Khi ấy có đám cướp đến thành Vương-xá, dò tìm, rình rập các nhà giàu, thấy hai Tỳ-kheo dùng nhiều vàng bạc và tiền mua vào bán ra các vật dụng để thu vàng, tiền vào. Chúng cùng nhau bàn nói: Quan sát nơi thôn ấp này không ai giàu hơn Sa-môn Thích tử. Như vậy nơi A-lan-nhã cướp đoạt của cải Thích tử chắc dễ thôi. Vào ngay hôm sau, chúng đến nơi A-lan-nhã, bắt các Tỳ-kheo ở đấy tra khảo để lấy vàng bạc và các loại tiền. Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi đã xa lìa vàng bạc và tiền, không thọ nhận cất giữ các thứ bất tịnh ấy. Đám cướp nói: Các ông nói dối. Chính tôi thấy Tỳ-kheo dùng nó để mua bán. Họ tra khảo Tỳ-kheo gần chết, rồi lấy hết y, bát đi. Các Tỳ-kheo này chuyển lời quở trách Nan-đà, Bạt-nan-đà: Tại sao xuất gia lại cất chứa vật báu để đến nỗi gây tai họa đến chúng ta. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Nan-đà, Bạt-nan-đà: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật

có như vậy. Đức Phật nghiêm khắc quở trách: Các ông là người ngu si, nếu các ông không làm vậy thì các Tỳ-kheo kia đâu có bị tai họa như thế. Bằng mọi cách quở trách xong rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dùng vàng bạc và các loại tiền mua bán,***

phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề”.

Phạm vật nên xả giữa Tăng, không nên dùng một, hai, ba người xả vật. Tỳ-kheo ấy nên bạch Tăng: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là dùng vàng bạc và tiền mua bán phạm Xả đọa, nay xin đối trước Tăng xả. Đây là lời tác bạch. Tăng nên bạch nhị Yết-ma, sai một Tỳ-kheo làm người vất bỏ vàng bạc và tiền. Một Tỳ-kheo bạch: Đại đức Tăng xin lắng nghe: Tỳ-kheo này tên… dùng vàng bạc và tiền mua bán, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Tăng nên sai Tỳ-kheo tên là làm người vất bỏ vàng bạc và tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Đại đức Tăng xin lắng nghe: Tỳ-kheo ấy tên… dùng vàng bạc và tiền mua bán, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Tăng sai Tỳ-kheo tên làm người vất bỏ vàng bạc và tiền. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã sai Tỳ-kheo tên làm người vất bỏ vàng bạc và tiền rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Tỳ-kheo kia nên vất bỏ vật này trong hầm, trong lửa, trong dòng nước, trong đồng hoang, vất bỏ rồi, không nên ghi nhớ chỗ vất bỏ. Hoặc cầm đem bỏ chỗ khác thì không được lấy lại. Tỳ-kheo kia không nên hỏi Tăng: Vật này nên làm thế nào? Tăng cũng không nên bảo phải làm thế này, thế này. Nếu không đem vất bỏ, không hỏi Tăng, bảo tịnh nhân đem đổi lấy thức ăn

hay y phục đem đến cho Tăng, Tăng có thể nhận. Nếu đem phân chia thì chỉ có người phạm tội không được nhận phần. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Tuy đã cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo không hề biết, tịnh nhân nhận rồi mua tịnh vật.

Xong giới thứ hai mươi chín

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Nan-đà, Bạt-nan-đà tự tay cầm vàng bạc và tiền, bảo người cầm, người cho cũng nhận. Các Cư sĩ thấy, chê trách, như trong giới gánh lông dê đã nói. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi các quở trách, rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Nan-đà và Bạt-nan-đà:

Thật sự hai ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình cầm vàng bạc và tiền, hoặc khiến người cầm hay khởi tâm thọ nhận, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".*** Ngoài ra, như trong giới sử dụng vàng bạc và tiền đã nói.

Xong giới thứ ba mươi

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 6

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo pháp sư, tên là Sa-lan, thông minh biện tài, tất cả bốn chúng, ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn không ai sánh kịp. Thậm chí, thầy sử dụng điều quấy, sai cho là đúng, đúng cho là sai, biết nói chẳng biết, chẳng biết nói biết, luôn luôn dùng tài ăn nói để hơn người. Các Tỳ-kheo thấy vậy, đều rất khâm phục, hỏi: Thầy cùng người biện luận lấy quấy làm phải, ý thầy cho đó là phải hay biết là quấy? Sa-lan nói: Thật sự tôi biết đó là quấy, nhưng vì sĩ diện sợ rơi vào chỗ bị thua nên phải nói dối thôi. Các thầy Tỳ-kheo Trưởng lão bằng cách nhắc lại lời Phật để quở trách: Đức Phật thường khen ngợi người không nói dối, dạy người không nói dối, nay thầy tại sao muốn hơn người mà lại nói dối. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Sa-lan: Thật sự ông có

như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nói dối, phạm Ba-dật-đề".***

Lúc này, các Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo-ni nhầm nói là Tỳ-kheo, thấy Tỳ-kheo nói là Tỳ-kheo-ni, hoặc thấy nam nói nữ, thấy nữ nói nam, hay thấy ngoại đạo nhầm nói Thích tử, thấy Thích tử nói ngoại đạo. Các trường hợp thấy một cách khác nói theo một cách khác như vậy, các Tỳ-kheo kịp nhận thấy xấu hổ, tự nhủ: Chúng ta phạm Ba-dật-đề hay không?! Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo từ nơi tâm, do nhầm mà nói, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cố ý nói dối phạm Ba-dật-đề".***

Cố ý nói dối: Như trong giới vọng ngữ được pháp hơn người đã nói. Tỳ-kheo-ni phạm cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ nhất

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo cùng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, A-xà-lê siêng năng học hỏi, đầu đêm cuối đêm không hề ngủ nghỉ. Lục quần Tỳ-kheo khởi ý

niệm: Nay các Tỳ-kheo lần lượt cùng nhau dạy bảo, đêm ngày không phế bỏ, như thế này, không bao lâu họ sẽ hơn ta, sẽ thấy lỗi của ta, sẽ tìm những tỳ vết của ta. Chúng ta cần phải cùng nhau hủy báng gây não loạn, khiến họ phế bỏ việc học. Lục quần bèn đến nói: Thầy là hạng hạ tiện, thuộc tầng lớp tiểu nhân, thợ thuyền. Thầy từng làm các việc đại ác, không nhân từ, không có hạnh lành.

Các Tỳ-kheo nghe liền sinh ưu não, thối chí phế bỏ việc học hành. Lục quần Tỳ-kheo nói với người khác: Tôi đã phá hoại việc đọc tụng, tọa thiền, hành đạo của họ. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách: Tại sao các thầy hủy báng các Tỳ-kheo, khiến họ phế bỏ việc học tập. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Xưa kia có một cái thành tên là Đắc-xoa-thi-la. Bấy giờ, trong thành ấy có một người Bà-la-môn nuôi một con bò đực, đi nhanh, nhiều sức. Lại có một Cư sĩ cũng nuôi một con bò, giống như con bò kia. Hai người đem hai con bò đấu sức nhau, con nào thua, chủ phải chung năm mươi kim tiền. Con bò của người Bà-la-môn đắc thắng. Mất năm mươi tiền vàng, người Cư sĩ bị nhục bèn tìm tậu một con bò khác, sức khỏe gấp bội con bò trước. Cư sĩ tăng tiền cược lên gấp bội. Người Bà-la-môn liền nói

với con bò mình: Người Cư sĩ kia vừa tậu một con bò khác, sức của nó phi phàm, lại đặt tiền đánh cá lên gấp bội, ngươi có thể địch nổi hay không? Con bò trả lời: Có thể. Họ liền tập hợp hai con bò lại một chỗ để đấu sức nhau. Khi ấy, người Bà-la-môn sợ con bò không thắng, bèn đốc suất, động viên bằng cách nói khích, chê con bò mình: cái sừng cong khổ sở, cái cổ yếu đuối bạc nhược, không thắng nổi, vứt đi thôi! Nay con bò mình đi đứng không ngay thẳng. Con bò nghe những lời nói ấy, sức lực liền bị suy sụp ngay và không thắng nổi con bò của Cư sĩ kia. Người Bà-la-môn nộp gấp bội tiền cược rồi, hỏi con bò: Vừa rồi ngươi nói với ta là có thể, tại sao bây giờ lại thua. Con bò trả lời: Thật sự tôi có đủ khả năng. Nhưng nghe những lời nhục mạ của ông nên bị kiệt sức.

Ông có thể cược lại gấp bội lần trước, điều cốt yếu là khi tôi dốc toàn lực kéo một trăm xe lên ngược triền núi cao, ông nên khéo lời khuyến dụ, nói cái sừng tôi đẹp, bộ đi của tôi ngoạn mục, hình thể tôi phơi phới, nhàn nhã, kéo trăm xe lên dốc núi như chơi, thì ông sẽ thắng cuộc. Quả thật ông ta đã thắng. Nhân việc này, Đức Phật liền nói kệ:

Lời thiện vừa lòng nhau Lời ác đau lòng người
Súc sinh nghe lời khéo Vui kéo nặng lên đồi.

Vô địch sức này thắng Thắng cuộc rạng lòng vui
Huống chi đối với người Khen chê quyết thành bại.

Này các Tỳ-kheo! Loài súc sinh nghe lời hủy báng còn mất sức kéo, huống chi là đối với người. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào hủy báng Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề".***

Hủy báng: Như nói dòng hạ tiện, dòng làm thợ v.v… Tuy nói thật mà có tâm hủy báng, nếu người kia nghe hiểu lời nói này thì phạm Ba-dật-đề, nếu không nghe, không hiểu phạm Đột-kiết-la.

Nếu nói: Thầy là dòng hạ tiện, nhưng vị ấy nói: Không phải, lại cố chứng minh là phải, mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo hủy báng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni hủy báng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề, hủy báng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni hủy báng năm chúng đều phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Lời nói vì muốn lợi ích, lời nói vì răn dạy, lời nói có sự thỏa thuận.

Xong giới thứ hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo siêng năng học hỏi, như trong giới hủy báng đã nói. Lục quần Tỳ-kheo lại sợ hơn mình, bèn tìm cách quấy phá. Lục quần đến Tỳ-kheo này nói:

Thầy với tôi là chỗ quen biết thân tình, ấy thế tôi lại nghe Tỳ-kheo kia nói thầy là hạng hạ tiện, dòng họ làm thợ, tiểu nhân, từng làm những việc đại ác, không nhân từ, không có hạnh lành. Tỳ-kheo kia nói thầy như vậy coi như nói về tôi không khác. Lục quần đến Tỳ-kheo kia cũng nói những

lời như thế. Hai bên nghe như thế, tâm bị dao động, thối chí phế bỏ việc học tập, lại giận nhau không thèm đếm xỉa đến nhau. Có một Tỳ-kheo hỏi các Tỳ-kheo: Tại sao các thầy không nói chuyện với tôi? Tỳ-kheo kia trả lời: Có người nói: Thầy bảo tôi xấu. Vị kia hỏi: Ai nói? Đáp: Lục quần Tỳ-kheo nói. Vị kia nói: Lục quần Tỳ-kheo cũng nói các thầy nói tôi xấu. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách Lục quần Tỳ-kheo: Tại sao các thầy lại nói đâm thọc để gây xích mích? Quý vị bạch Phật, Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách: Các ông là người ngu si, tại sao đồng sống trong một giáo pháp mà lại đâm thọc nhau? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Thuở đời quá khứ có con sư tử tên là Thiện nha và một con cọp tên là Thiện trảo, cùng nhau làm bạn thân tình. Có một con chồn rừng thường đi theo ăn đồ thừa. Sư tử và cọp không nói chuyện với nó. Sau đó, chồn rừng nảy ra ý nghĩ: Hai con thú này rất là yêu mến nhau, ta

sẽ tìm cách gây rối để ta thừa hưởng thức ăn dư của hai bên được nhiều hơn. Chồn bèn đến cọp nói kệ:

Thiện trảo ông hùng mạnh
Sắc tướng khỏe, oai phong
Thiện nha nói ông xấu
Tôi nghe không vui lòng.

Chồn lại cũng đến bên Sư tử nói kệ:

Thiện nha ông hùng mạnh
Sắc tướng khỏe, oai phong
Thiện trảo nói ông xấu
Tôi nghe không vui lòng.

Hai con thú nghe kệ đều không vui với nhau. Thiện nha thông minh nên nhìn thấy ngay vấn đề: Thiện trảo không nói ta như vậy, mà chắc là chồn rừng muốn nội tình gây đấu loạn đây. Sau đó, Thiện nha bắt được con trâu nghé đem cho Thiện trảo, Thiện trảo không chịu ăn. Khi ấy, Thiện nha liền nói kệ hỏi:

Mồi ngon tôi đem biếu
Cớ sao bạn không dùng?!
Tình thân không hề lỗi
Sao xoay mặt buồn ngơ?!
Lời chồn, kẻ vô tín
Cốt ly gián tình ta!
Tin theo, ôm tình hận
Rồi ra thành oán cừu.
Việc này chẳng ai khác
Chính chồn rừng gièm pha

Kẻ hạ tiện rối ta
Nay phải tìm giết vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Súc sinh còn cho gây rối là bậy, huống chi là đối với người. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dùng hai lưỡi gây tranh chấp nơi các Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề"***. Ngoài ra như trong giới hủy báng đã nói.

Xong giới thứ ba

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Bạt-nan-đà thường tới lui một nhà Cư sĩ để nói pháp, lo liệu các việc quan, cứu chữa các bệnh khổ. Thời gian sau gia đình này bị suy tán kiệt quệ, chỉ con hai người, một mẹ chồng, một nàng dâu thôi. Vì tình thân hậu, Bạt-nan-đà nói pháp cho mẹ chồng nghe nhưng khi nàng dâu đến thì lại thôi. Khi vì nàng dâu nói pháp, nhưng lúc mẹ chồng đến thì cũng thôi như vậy. Điều này dẫn tới những ý nghĩ nghi kỵ lẫn nhau. Cứ ngỡ là Bạt-nan-đà muốn làm hạnh bất tịnh. Cả mẹ chồng lẫn nàng dâu đều nêu bày sự nghi ngờ ấy khắp nơi. Những người không tin ưa Phật pháp bèn chê trách nói: Sa-môn Thích tử làm hạnh phi pháp, quá hơn hạng người dâm đãng ở thế gian, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe được, bằng

mọi cách quở trách rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạt-nan-đà thú nhận là có. Đức Phật nghiêm khắc quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vì người nữ nói pháp, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đại oai đức, đến giờ, đắp y mang bát vào thành khất thực, theo thứ tự tới một gia đình nọ. Người phụ nữ bước ra trải tòa mời Tỳ-kheo ngồi. Bà thiết cúng đồ ăn thức uống ngon bổ. Tỳ-kheo ăn xong, bà ta lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi phía trước rồi bạch: Đại đức vì con giảng nói pháp. Tỳ-kheo quán xét, biết người nữ kia chỉ không bao lâu nữa sẽ bị trúng gió chết và đọa vào địa ngục. Nếu bà ta nghe được pháp thì có thể từ nơi chỗ ngồi xa trần lìa cấu. Tuy biết rõ như vậy nhưng Tỳ-kheo lại nhớ điều cấm. Đức Phật không cho vì phụ nữ giảng nói pháp, dù bỏ mạng ta cũng không được phạm, do vậy nên Tỳ-kheo từ chối: Này Ưu-bà-di, cứ an tâm như thế, chứ tôi không thể nói pháp được. Dứt lời, Tỳ-kheo bỏ đi. Sau đó không lâu, quả thật người phụ nữ kia trúng gió chết. Tỳ-kheo thương tâm, khi trở về Tăng phòng, kể lại chuyện đó cho các thầy nghe. Các Tỳ-kheo cùng đưa đến chỗ Đức Phật để trình bày việc trên. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo ấy: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, thật

sự có như trên. Đức Phật lại hỏi: Ông nếu vì người ấy giảng nói pháp thì cần bao nhiêu lời để họ hiểu? Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn! Chừng năm, sáu lời. Rất bằng lòng, Đức Phật khen hạnh ít ham muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo vì người nữ nói pháp đến năm, sáu lời. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vì người nữ nói pháp, quá năm, sáu lời, phạm Ba-dật-đề".***

Khi đó, các Tỳ-kheo vào một gia đình khác được người phụ nữ mời nói pháp, Tỳ-kheo nói năm, sáu lời rồi đứng im lặng. Các phụ nữ thưa: Chúng con chưa hiểu xin thầy nói lại. Các Tỳ-kheo nói: Này Ưu-bà-di, Đức Phật không cho phép chúng tôi vì người nữ nói pháp quá năm, sáu lời. Các phụ nữ thưa: Có thể vì các Tỳ-kheo khác nói, nhân đó chúng con được hiểu. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhân nói pháp cho Tỳ-kheo để người khác nghe. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép nhân nói pháp cho Tỳ-kheo để người nữ được nghe. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo vào nhà một vị Đại thần, không có Tỳ-kheo bạn, các phụ nữ mời nói pháp, Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi vì người nữ nói pháp quá năm, sáu lời. Các phụ nữ liền kêu tiểu nhi đến trước mặt rồi thưa: Bạch Đại đức, có thể vì thiếu nhi này nói pháp, nhân đó, chúng con

được hiểu. Tỳ-kheo bảo: Đức Phật chưa cho phép Tỳ-kheo nhân có thiếu nhi nói pháp để cho phụ nữ nghe. Tỳ-kheo bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép vì người nữ thuyết pháp với điều kiện có người nam hiểu biết. Dù vậy, các Tỳ-kheo vẫn thắc mắc: Tuy Đức Phật cho phép vì người nữ thuyết pháp với nhân duyên là có người nam hiểu biết, song dù có người nam hiểu biết đi nữa, thì sự hiểu biết này ra sao vẫn không rõ ràng. Do đó, các Tỳ-kheo lại không nói pháp và đem vấn đề bạch phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép trước người nam biết phân biệt được lời nói thiện, ác, vì người nữ nói pháp. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vì người nữ nói pháp quá năm, sáu lời, trừ có người nam biết phân biệt được lời nói thiện ác, phạm Ba-dật-đề".*** Khi đó, có người Ưu-bà-tắc cưới một người vợ thuộc gia đình không cùng tín ngưỡng, ông ta thưa với các Tỳ-kheo: Xin Đại đức nói pháp để vợ con có được lòng tin kính ngôi Tam bảo. Xin thọ ba quy y, năm giới và tám phần giới, mười điều thiện, mười điều bất thiện. Các Tỳ-kheo tất nhiên không nói pháp, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép người nữ thọ ba quy y, năm giới, tám phần giới, nói mười điều thiện, mười điều bất thiện. Tỳ-kheo-

ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm Đột-kiết-la.

Năm lời: Sắc vô thường, thọ, tưởng, hành, thức vô thường. Sáu lời: Nhãn vô ngã, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm vô ngã. Nếu Tỳ-kheo vì người nữ nói năm, sáu lời rồi, lại bảo: Này Ưu-bà-di! Chánh pháp được nêu giảng từng ấy thôi. Tỳ-kheo đứng dạy đi, song vì có nhân duyên nào đó nên quay trở lại ngồi xuống thuyết pháp, không phạm. Nếu nói năm, sáu lời rồi, lại có người nữ khác đến, vì người nữ đến sau nói, cứ như thế tương tiếp nhau cho đến bao nhiêu người nữ đi nữa vì họ nói pháp cũng không phạm. Nếu tự mình tụng kinh, người nữ đến nghe, người nữ hỏi nghĩa, nếu cần để cho họ được hiểu, nói quá năm, sáu lời đều không phạm.

Xong giới thứ tư

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo có uy lực, các Tỳ-kheo thiện khác không có uy lực. Lục quần Tỳ-kheo thường ngăn năm loại Yết-ma: Yết-ma quở trách, Yết-ma đuổi đi, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma y hạ. Tỳ-kheo bị năm Yết-ma này, Tăng muốn giải cũng bị Lục quần ngăn không cho. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo không có uy lực, các Tỳ-kheo thiện có uy lực. chúng Tăng có việc cần Yết-ma, nhằm lúc Lục

quần Tỳ-kheo đang may y, các Tỳ-kheo nói: Nay nên kêu Lục quần Tỳ-kheo đến cùng Tăng làm Tăng sự, nếu họ cần may y thì chúc thọ, gởi dục như thế là chúng được như pháp hành sự. Có Tỳ-kheo liền tập hợp Tăng, sai người nói với Lục quần Tỳ-kheo: Nay Tăng tập hợp, các thầy nên đến. Lục quần Tỳ-kheo nói: Chúng tôi có việc, nay sai người chúc thọ. Lục quần liền sai một người đến đại chúng chúc thọ, gởi dục. Khi ấy, Tăng cần thực hiện năm thứ Yết-ma, liền tác bạch năm thứ Yết-ma. Tăng cần giải năm thứ Yết-ma liền tác bạch giải năm thứ Yết-ma. Yết-ma xong, vị Tỳ-kheo chúc thọ gởi dục trở về lại chỗ Lục quần Tỳ-kheo, Lục quần Tỳ-kheo hỏi: Tăng làm việc gì? Vị ấy nói: Điều chúng ta muốn Yết-ma, Tăng đều không làm, điều mà chúng ta không muốn, Tăng lại làm. Lục quần Tỳ-kheo lại đến chỗ các Tỳ-kheo bị Yết-ma, nói: Các thầy đừng lo buồn, chúng tôi sẽ trợ lực cho các thầy. Vừa rồi vì chúng tôi không biết các thầy bị Yết-ma nên mới chúc thọ, gởi dục, nếu biết chúng tôi sẽ bỏ việc mà đến thì làm gì đủ duyên để cho Yết-ma này được thành tựu. Lục quần lại đến chỗ Tỳ-kheo được giải Yết-ma, nói: Tôi không cho thầy giải Yết-ma, không nhận sự sám hối của thầy. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, quở trách Lục quần Tỳ-kheo: Tại sao Tăng đã như pháp đoán sự rồi, thầy còn phát khởi lại?! Các Tỳ-kheo cùng đưa đến chỗ Đức Phật để trình sự việc.

Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Lục quần Tỳ-kheo thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, Tăng đã xử đoán sự rồi, còn phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, các Tỳ-kheo không biết Tăng đã xử đoán sự rồi, nên phát khởi, sau mới biết, sinh tâm xấu hổ, hoặc có người xuất tội hối quá. Các Tỳ-kheo trưởng lão đem việc ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Trường hợp không biết Tăng xử đoán sự rồi, còn phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề là điều không có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết Tăng xử đoán sự rồi, còn phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề"***.

Đã có trường hợp xử đoán sự không như pháp, điều này các Tỳ-kheo lại có ý nghĩ: Nếu Đức Phật cho chúng ta đối với trường hợp, xử đoán sự không như pháp được phép phát khởi lại là điều hay. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép trường hợp Tăng xử đoán sự không như pháp, được phát khởi lại. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết Tăng xử đoán sự như pháp rồi, còn phát khởi lại, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu Tăng xử

đoán sự như pháp mà phát khởi, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng không bạch nhị Yết-ma xử đoán sự mà lại phát khởi, phạm Đột-kiết-la. Nếu phát khởi việc riêng, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ, cùng năm trăm Tỳ-kheo Tăng đến ấp A-đồ-tỳ. Khi ấy, Cư sĩ kia có ý nghĩ: Đức Phật lâu mới đến đây, chưa được gặp, Ngài lại đi. Chúng ta nên đến gần gũi các Tỳ-kheo để học tụng kinh kệ, thưa hỏi điều chưa hiểu, ngõ hầu sau khi Đức Thế Tôn đi, ta có chỗ nương dựa. Cư sĩ liền đến chỗ các Tỳ-kheo thưa: Đại đức dạy chúng con đọc tụng kinh kệ. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi dạy người Cư sĩ tụng kinh. Do đó quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép dạy bạch y tụng kinh. Nhân khi các Tỳ-kheo từ nhiều nước xuất gia nên âm giọng đọc tụng kinh kệ khác nhau không đồng bộ, các Cư sĩ chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo ngày đêm gần gũi với nhau mà không biết được giọng nói nào của người nam, người nữ, của huỳnh môn, hai căn và nhiều ít ngữ pháp. Các Tỳ-kheo nghe, đều xấu hổ, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy

không? Các Tỳ-kheo công nhận là có. Đức Phật liền chuyển lời quở trách các Cư sĩ: Các ngươi là người ngu si, tại sao chê trách âm giọng của Tỳ-kheo các nước khác nhau tụng kinh không ăn nhịp. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dạy người chưa thọ giới Cụ túc tụng kinh, phạm Ba-dật-đề"***. Sau đó, lại có các Cư sĩ đến xin học tụng kinh, các Tỳ-kheo nói: Các người chê âm thanh của chúng tôi, không chịu đến học, nay ông cầu xin, chỉ uổng công thôi. Cư sĩ thưa: Thưa Đại đức! Con không hủy báng Phật pháp, không cầu mong phước điền nào khác. Đâu có thể vì cái lỗi của người kia mà không dạy con! Lại nữa, có các Sa-di cũng muốn học kinh, các Tỳ-kheo nói: Chờ thọ giới Cụ túc rồi mới dạy cho. Các Sa-di thưa: Chúng con xuất gia cần phải học đọc tụng kinh kệ. Tại sao phải đợi thọ giới Cụ túc rồi mới dạy đọc tụng? Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép dạy người chưa thọ giới Cụ túc tụng kinh, nhưng không được đồng tụng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dạy người chưa thọ giới Cụ túc tụng kinh, đồng tụng, phạm Ba-dật-đề".***

Đồng tụng, tụng một lượt, hoặc người tụng trước chưa dứt người kia đã tụng, hoặc người kia chưa dứt, người này đã tụng. Mỗi câu đều phạm

Ba-dật-đề. Trước hết nên chỉ dẫn: Đợi tôi nói rồi, sau đó mới tụng. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu

Đức Phật ở tại ấp A-đồ-tỳ. Do Phật sắp đi nên các Cư sĩ nọ đến chỗ trú ngụ của Tỳ-kheo và nơi đây các Cư sĩ cùng các Tỳ-kheo ngồi thiền, hoặc cùng đi kinh hành, đầu đêm cuối đêm đều không nằm ngủ. Vào dịp này, các Tỳ-kheo cứ năm ngày thuyết pháp suốt đêm nên quá mỏi mệt phải đi nằm. Có một Tỳ-kheo không chuyên cần giữ niệm nên ngủ quá mê, đạp tuột chiếc y rời khỏi thân để lộ rõ hình đang khởi. Cư sĩ thấy vậy lấy y phủ lại, cho đến lần thứ ba, bèn nổi giận chê trách: Những người này thường nói tâm dục là điều đáng chê trách, nay phát khởi lộ hình như thế này, phải chăng họ không vui sống với đạo, sao không hoàn tục? Tỳ-kheo kia nghe lòng cảm thấy xấu hổ. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe cũng cảm thấy hổ thẹn, do đó bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách Tỳ-kheo kia. Ta thường khen ngợi người ngủ không có tâm tán loạn nên không có năm điều ác, nay ông tại sao

ngủ mà không thâu giữ niệm. Nếu Tỳ-kheo ở chỗ kinh hành, ngồi thiền, đứng, ngồi, nằm phi oai nghi, người thấy không vui, không sinh lòng tin, người có lòng tin thì thoái lui, như vậy chẳng phải là người làm ánh sáng cho đời. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta vì các Tỳ-kheo nên kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng người chưa thọ đại giới ngủ đêm, phạm Ba-dật-đề".*** Sau đó, các Cư sĩ lại muốn đến chỗ các Tỳ-kheo tọa thiền, hành đạo, các Tỳ-kheo đuổi ra không cho vào. Các Cư sĩ thưa: Chúng con không muốn thấy Đại đức xua đuổi như thế, chúng con không tìm cầu phước điền nào khác, chúng con chỉ nương nhờ Đại đức, không lẽ một người có lỗi mà đuổi hết bao nhiêu người! Trong số các Cư sĩ, có người khỏe mạnh đột nhập vào phòng, các Tỳ-kheo không ngăn chận được, bèn ra ngoài phòng ngủ, bị mòng muỗi, gió mưa, bụi bặm khốn đốn.

Bấy giờ, Đức Phật từ ấp A-đồ-tỳ đến nước Câu-xá-di, ngụ ở vườn Cù-sư-la. Riêng mình La-hầu-la đến căn phòng nơi Bà Kỳ La, dọn dẹp lau quét rưới nước một phòng, trải tọa cụ, lấy nước xong, đóng cửa rồi đến chỗ Phật. Sau đó, phòng của La-hầu-la được vị Tỳ-kheo phân phối ngọa cụ giao lại cho vị khác. Vị Tỳ-kheo này nhận phòng vào ở. La-hầu-la đầu đêm nghe pháp xong, trở về phòng để dọn dẹp. Nghe tiếng động Tỳ-kheo ấy hỏi: Ai đó? Tôi là La-hầu-la. Vị Tỳ-kheo ấy hỏi tiếp: Ông đến đây

có việc gì? La-hầu-la đáp: Đây là phòng của tôi. Đáp: Tỳ-kheo phân phối ngọa cụ đã giao cho tôi rồi. La-hầu-la nói: Trước đây tôi đã dọn quét, trải ngọa cụ rồi, tạm thời đến chỗ Phật để nghe pháp, tại sao có ý không muốn trả phòng lại cho tôi?! Vị Tỳ-kheo ấy nói: Tuy ông có dọn quét sửa soạn, nhưng tôi là Thượng tọa nên được ở phòng này. La-hầu-la hỏi: Tôi có thể cùng ở được không? Vị ấy trả lời: Không được. La-hầu-la xin ngồi, đứng trong phòng hay ở tạm ngoài hành lang đều không chấp nhận. Với thế cùng này, La-hầu-la nảy ra ý nghĩ: Ta đến phòng nào khác thì rồi cũng như vậy, chỉ còn có cách là đến ngủ nơi nhà vệ sinh là yên thân hơn cả. La-hầu-la đành đến ngủ nơi nhà vệ sinh. Khi ấy, trong nhà vệ sinh có một con rắn đen. Do thiên nhãn của Đức Phật, Ngài thấy được và nghĩ: Nếu ta không đến thì chỉ trong chốc lát là La-hầu-la bị rắn cắn chết. Đức Phật liền đến nơi nhà vệ sinh khảy móng tay, tằng hắng. La-hầu-la cũng trả lời bằng khảy móng tay, tằng hắng. Đức Phật hỏi: Ai đó? Con là La-hầu-la. Ngài lại hỏi: Tại sao con ở nơi đây? La-hầu-la trả lời bằng cách kể rõ lại câu chuyện. Biết rõ việc như vậy, Đức Thế Tôn dẫn La-hầu-la về nơi phòng mình. Sáng ngày sau, tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông không dung chứa La-hầu-la phải không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi sự nghiêm khắc quở trách: Ông là người ngu si. Làm

sao con cáo rừng lại xua đuổi sư tử! Lúc này, các Tỳ-kheo nhân việc ấy bạch lên Phật vấn đề các Cư sĩ vào phòng, Tỳ-kheo ra ngủ ngoài trời. Đức Phật bằng mọi cách khen hạnh ít ham muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo cùng người chưa thọ đại giới ngủ hai đêm. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng người chưa thọ đại giới ngủ quá hai đêm, phạm Ba-dật-đề".***

Cùng ngủ: Cùng ngủ một phòng. Phòng, trên có lợp, bốn phía có vách, hoặc trên có lợp không có một vách hay hai vách đều phạm Ba-dật-đề. Không có ba vách thì không phạm. Nếu có bốn vách, trên lợp một nửa, hoặc chưa được một nửa, hoặc hơn một nửa đều phạm Ba-dật-đề. Nếu chỉ mới lợp chút ít thì không phạm. Đối với những chỗ này, nếu quá hai đêm, đến phần sau của đêm, hông dính xuống giường, cho đến trở mình, đều phạm Ba-dật-đề.

Không phạm: Có lợp, đều có sự ngăn cách, hoặc bệnh không thể dời đi được, hoặc có các nạn, hoặc thường ngồi không nằm, hoặc người kia nằm Tỳ-kheo ngồi, hay người kia ngồi Tỳ-kheo nằm. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

Xong giới thứ bảy

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Khi ấy, nhằm lúc mất mùa khất thực khó được. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, mỗi vị tùy theo sự quen biết, đến đó an cư. Có một số Tỳ-kheo đến an cư ở bên sông Bà Cầu Mạt, bằng mọi nhân duyên, như trong giới tự xưng mình được pháp hơn người đã nói, cho đến câu: Phật hỏi: Các ông khen ngợi như vậy là thật hay là hư? Các Tỳ-kheo ấy trả lời: Thật cũng có, hư cũng có. Đức Phật dạy: Hư dối thì phạm Ba-la-di. Bằng mọi cách quở trách các Tỳ-kheo thật sự làm việc ấy nói: Tại sao các ông hướng đến người chưa thọ giới Cụ túc nói mình đắc pháp vượt hơn người? Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào hướng đến người chưa thọ giới Cụ túc, tự nói đắc pháp hơn người, như nói tôi biết như vầy, thấy như vầy, phạm Ba-dật-đề".***

Pháp hơn người: Như trên đã nói, nếu hướng đến người chưa thọ giới Cụ túc, tự nói đắc pháp hơn người, mỗi lời nói phạm Ba-dật-đề. Nếu người thọ đại giới không hỏi mà nói, mỗi lời phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Không phạm: Nói trước khi Nê Hoàn nhập diệt, người thọ giới Cụ túc hỏi, nên nói.

Xong giới thứ tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc vì cố ý xuất bất tịnh, hoặc cùng người nữ thân xác xúc chạm, hoặc hướng đến người nữ nói lời thô tục, hoặc hướng đến người nữ tự khen mình để được cúng dường bằng thân. Có vị đến Tăng xin Biệt trú, Tăng cho Biệt trú, hoặc hành Ma-na-đỏa, hoặc hành Bổn nhật, hoặc có người xuất tội. Lục quần Tỳ-kheo ở trong chúng châm biếm các vị này khiến các Tỳ-kheo càng thêm xấu hổ. Một Tỳ-kheo phạm tội cố ý xuất bất tịnh, Tăng cho Biệt trú. Lúc ấy, người đàn-việt của Tỳ-kheo kia thỉnh Tăng dùng cơm, trải riêng cho Tỳ-kheo ấy một tọa cụ rất tốt. Lục quần Tỳ-kheo đến sớm hơn nơi nhà mời cơm, ngồi trên chỗ tọa cụ tốt nọ, Cư sĩ nói: Đừng ngồi chỗ ấy. Đó là chỗ tôi dành riêng cho Tỳ-kheo Lục quần Tỳ-kheo nói: Tỳ-kheo kia không nên ngồi chỗ này. Cư sĩ nói: Nên cùng không nên tôi tự biết điều đó. Lục quần Tỳ-kheo nói: Vị kia trước đây thì nên ngồi chỗ này, nhưng nay thì nên ngồi chỗ thấp nhất. Cư sĩ lại hỏi: Vì lý gì như vậy? Lục quần nói: Tỳ-kheo kia có tội. Cư sĩ lại hỏi: Phạm tội gì? Lục quần đáp: Tội cố ý xuất bất tịnh. Cư sĩ bèn chê trách nói: Các Sa-môn này thường nói: Trừ tư tưởng về dục, chấm dứt lửa dục, đoạn cảm giác đối với dục mà nay như thế này là làm ô uế đạo, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-

kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách Lục quần Tỳ-kheo: Tại sao các thầy hướng đến người chưa thọ cụ giới nói tội thô ác của người khác? Quý Tỳ-kheo bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Có thật như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo nên kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào hướng đến người chưa thọ cụ giới nói tội thô ác của người khác, phạm Ba-dật-đề".*** Có các Tỳ-kheo không biết là tội thô ác, hướng đến người chưa thọ cụ giới nói, sau mới biết sinh lòng nghi: Phải chăng ta đã phạm Ba-dật-đề?! Do đó, bạch Phật, Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo không biết người khác phạm tội thô, hướng đến người chưa thọ cụ giới nói, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết người khác phạm tội thô ác, hướng đến người chưa thọ cụ giới nói, phạm Ba-dật-đề"***.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra lệnh cho Tăng yết-ma sai Tôn giả Xá-lợi-phất đến trong chúng của Điều-đạt công bố: Nếu người nào thọ năm pháp của Điều-đạt thì người ấy không thấy Phật, Pháp, Tăng. Các Tỳ-kheo lại suy nghĩ về điều dạy này: Nếu hướng đến người chưa thọ cụ giới nói tội thô

ác của người khác cần phải tác Yết-ma, bất tất phải như vậy sao? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tăng không tác Yết-ma thì không được hướng đến người chưa thọ cụ giới nói tội thô ác của người khác. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác, hướng đến người chưa thọ cụ giới nói, trừ Tăng yết-ma, phạm Ba-dật-đề".***

Tội thô ác: Là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa. Người được Tăng Yết-ma phải tùy theo sự chỉ giáo của Tăng, nếu Tăng bảo đến nói với A mà nói với B, bảo nói tội này lại nói tội khác đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo nói tội thô của Tỳ-kheo-ni, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni nói tội thô của Tỳ-kheo, của Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nói tội thô ác của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu người chưa thọ cụ giới đã nghe Tỳ-kheo kia phạm tội thô, hỏi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo hỏi lại: Người nghe như thế nào? Người kia nói: Tôi nghe như vậy, như vậy. Sau đó, Tỳ-kheo nói: Tôi cũng nghe như

vậy, như vậy thì không phạm.

Xong giới thứ chín

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế

Tôn bằng nhiều cách khen ngợi Tỳ-ni, khen ngợi người tụng Tỳ-ni, khen ngợi người thọ trì Tỳ-ni, khen ngợi Ưu-ba-ly: Tỳ-kheo trì luật có năm công đức:

Tự mình kiên cố hộ trì giới phẩm.

Có khả năng đoạn nghi cho người có hổ thẹn.

Tự mình trụ trong chánh pháp.

Khi cần nói giữa Tăng, không có sự sợ sệt.

Hàng phục oán địch.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khơi dậy ý nghĩ: Đức Phật vì chúng ta dạy như vậy, tại sao chúng ta lại không siêng năng đọc tụng, học hỏi Tỳ-ni? Các Tỳ-kheo liền hết sức mình tụng tập suốt ngày đêm không biếng nhác. Lục quần Tỳ-kheo sinh lòng đố kỵ tự nghĩ: Nay các Tỳ-kheo siêng năng đọc tụng, học hỏi Tỳ-ni, chắc chắn sẽ thông tỏ các tội tướng, thấy lỗi của chúng ta, cuối cùng làm tổn hại ta. Nay ta nên cùng nhau chê bai Tỳ-ni, chê bai người học Tỳ-ni, khiến cho họ phế bỏ không đọc tụng học tập nữa. Lục quần Tỳ-kheo bèn đến các Tỳ-kheo hỏi: Thầy đọc tụng thứ gì đó? Các thầy trả lời: Đọc tụng Tỳ-ni. Lục quần nói: Phiền gì phải học tập đọc tụng các giới linh tinh đó? Sao không đọc tụng năm ấm, sáu nhập v.v… các nghĩa của kinh? Đọc tụng Tỳ-ni bất quá là bốn việc, mười ba sự, hai pháp bất định, đâu phiền chi phải biết nhiều, biết nhiều thấy nhiều càng tăng thêm điều nghi cho người. Các Tỳ-

kheo nói: Biết nhiều, nghi nhiều, chúng tôi cũng thấy như vậy. Do đó, các Tỳ-kheo không tụng tập nữa. Lục quần Tỳ-kheo nói với nhau: Các Tỳ-kheo kia không tụng tập Tỳ-ni nữa, chúng ta thỏa mãn, để được an lạc. Các Tỳ-kheo nghe, hỏi: Các thầy nói gì đó? Lục quần nói lại sự thật. Khi biết được như thế các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Thưa có thật, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo nên kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nói như vầy: Phiền gì nói những giới linh tinh đó, khi nói các giới ấy, khiến cho người lo buồn, ai chê bai giới như vậy, phạm Ba-dật-đề".***

Giới: Tức là Ba-la-đề-mộc-xoa, giới kinh được đọc nửa tháng mỗi

lần khi Bố-tát. Nếu Tỳ-kheo khởi tâm với ý nghĩ: Muốn khiến cho người xa lìa Tỳ-ni, không tụng không đọc, chê bai giới, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo khởi tâm với ý nghĩ: Ta sẽ chê bai khiến cho Ba-la-đề-mộc-xoa không được tồn tại tức chê bai giới, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dạy người xa lìa các kinh do Phật nói, chê bai như vậy, phạm Ba-dật-đề. Chê bai bằng mọi cách muốn khiến cho chánh pháp không tồn tại, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-

kheo chê bai giới Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề, chê bai giới Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni chê bai giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề, chê bai giới Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni chê bai giới năm chúng, phạm Đột-kiết-la. Năm chúng chê bai giới Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, phạm Đột-kiết-la. Nếu sợ người mới thọ giới sinh tâm nghi, phế bỏ, thối tâm, nên dạy: Chưa có thể tụng giới thì không phạm.

Xong giới thứ mười

Đức Phật từ nước Câu-tát-la cùng năm trăm Tỳ-kheo hướng đến ấp A-đồ-tỳ. Khi nghe Phật sắp đến, các Tỳ-kheo nơi đây có những suy nghĩ: Nơi ấp này các Cư sĩ không có lòng tin kính Phật pháp, lại không có đại giảng đường, Phật cùng đại chúng đến sẽ ở đâu! Các vị liền tập hợp để lấy quyết định chung: Phải cùng chung sức chặt đốn cây cỏ để xây cất. Đây là động cơ để các Cư sĩ chỉ trích: Chúng ta là Cư sĩ chặt đốn cây cỏ, người xuất gia do duyên cớ gì cũng làm như vậy! Những người này thường nói tâm từ, nhẫn nhục, hộ niệm chúng sinh, mà nay chặt đốn cây cỏ, việc làm tổn thương vô đạo, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Sau khi đến ấp, Đức Phật vào giảng đường mới cất rồi an

tọa nơi tòa. Ngài hỏi các Tỳ-kheo: Nhà này ai cất? Các Tỳ-kheo thưa: Chúng con cất. Đức Phật lại hỏi: Ai chặt đốn cây gỗ? Lại thưa: Chúng con tự đốn. Đức Phật bằng sự nghiêm khắc quở trách: Các ông là người ngu si, không nên làm việc này, sinh mạng trong cây cỏ nên tưởng là sinh mạng của con người. Các ông làm việc này chẳng khác gì đem cái ác gieo vào lòng người. Chê trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào sát hại cỏ cây sống, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bảo người giữ vườn hoặc Sa-di chặt đốn cây cỏ. Các Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi: Đức Phật há không cấm việc sát hại sự sống của cây cỏ hay sao? Các Tỳ-kheo trả lời: Chúng tôi khiến người

làm thì không trái lời Phật cấm. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nói: Tự mình giết, dạy người giết đâu có khác gì! Trưởng lão bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Thưa có thật, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình sát hại sự sống của cỏ cây hoặc bảo người đốn chặt, phạm Ba-dật-đề".***

Vào dịp nọ, các Tỳ-kheo định làm phòng xá mới, có các Cư sĩ xem xét chỗ ở, nói với các Tỳ-

kheo: Lành thay, Đại đức, vật liệu làm phòng xá này con xin cúng hết, nên hoàn thành sớm để chúng con được cái phước cúng vật dụng. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi tự chặt cây cỏ hoặc sai người chặt thì làm sao hoàn thành được? Do vậy, các Tỳ-kheo không có phòng xá để ở và cũng do vậy mà ngoài sân cỏ mọc lút người, lại thiếu tăm xỉa răng cũng không biết làm sao. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Có bốn loại mầm sống: Mầm sống do gốc, mầm sống do nhánh, mầm sống do lóng, mầm sống do hạt. Phàm các loại cây cỏ đều do bốn loại mầm sống này mà sinh trưởng. Nếu Tỳ-kheo cần dùng loại cỏ cây nào thì nói với tịnh nhân: Người biết việc này cho: Nếu tịnh nhân không hiểu, nên nói lại: Người xem việc này cho! Nếu cũng không hiểu thì nói lại: Tôi cần việc này! Nếu không hiểu nữa thì nói: Cho tôi việc này! Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình chặt phá thôn xóm của quỷ thần, hoặc khiến người, nói: Chặt cái này, phạm Ba-dật-đề".***

Cỏ sống, tưởng là cỏ sống, nghi là cỏ sống mà chặt đều phạm Ba-dật-đề. Cỏ khô, tưởng là cỏ sống, nghi là cỏ khô mà chặt phạm Đột-kiết-la. Cỏ khô, tưởng là cỏ khô mà chặt thì không phạm. Nếu dùng dao búa chặt, mỗi nhát chặt phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di,

Sa-di-ni vô cớ mà giết cỏ cây sống, phạm Đột-kiết-la. Nếu cỏ cây đã bị cháy không còn sự sống thì chặt đốn, không phạm.

Xong giới thứ mười một

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo luôn luôn phạm tội, như lên giường xuống giường đều không đúng pháp, lúc nào cũng ăn, ăn biệt chúng, vào xóm làng phi thời không thưa với Tỳ-kheo thiện. Các Tỳ-kheo thấy vậy nói: Các thầy chớ nên liên tiếp phạm các tội như vậy. Các thầy nên tự thấy tội và hướng đến chúng Tăng sám hối, đừng nên phụ lòng của tín thí để rồi nhiều kiếp phải thọ khổ. Lục quần Tỳ-kheo nói: Tôi phạm tội gì? Các Tỳ-kheo nói: Thầy phạm tội như vậy, như vậy. Lục quần Tỳ-kheo không trả lời là phạm hay không phạm, lại nói sang việc khác. Các Tỳ-kheo nói: Tại sao thầy không trả lời là phạm hay không phạm, là điều chúng tôi hỏi, thầy lại nói việc khác, là điều chúng tôi không hỏi?! Lục quần Tỳ-kheo nói: Tôi biết các thầy không hỏi việc đó mà tôi tự nói. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách rồi bạch lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Lục quần Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách

quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không tùy thuận trả lời mà nói sang việc khác, phạm Ba-dật-đề"***. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo cũng phạm tội như trước, các Tỳ-kheo cũng bảo sám hối. Lục quần Tỳ-kheo lại nín thinh không trả lời. Các Tỳ-kheo hỏi: Đức Phật chế giới không cho phép không tùy thuận trả lời, tại sao thầy cố tình nín thinh? Lục quần Tỳ-kheo nói: Đức Phật cấm không tùy thuận trả lời, nay tôi không nói thì có tội gì? Các Tỳ-kheo nói: Nói quanh với không nói đâu có khác gì? Bằng mọi cách quở trách, rồi các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Thưa có thật, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Nói quanh với không nói đâu có khác gì? Quở trách xong, Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cố ý không trả lời theo câu hỏi, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu không trả lời theo câu hỏi, mỗi câu hỏi đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na. Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu trả lời nhầm câu hỏi, hay có sự giận nhau trước, không nói chuyện với nhau nên không trả lời thì không phạm.

Xong giới thứ mười hai

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ-địa nói: Tỳ-kheo Đà-bà tùy theo sở thích, giận, si, sợ để làm việc. Các Tỳ-kheo nghe, quở trách: Tại sao thầy vu cáo người được Tăng sai là làm việc tùy theo sở thích, giận, si, sợ? Các Tỳ-kheo bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo Từ-địa: Thật sự ông có như vậy không? Từ-địa thưa: Bạch Thế Tôn, thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào trước mặt nhiều người vu cáo người được Tăng sai, phạm Ba-dật-đề"***. Đã cấm như vậy nên Từ-địa lại không vu cáo trước mặt, nhưng ở chỗ một mình vu cáo nói: Tỳ-kheo Đà-bà làm việc tùy theo sở thích, giận, si, sợ. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe liền quở trách: Đức Phật cấm vu cáo trước mặt, tại sao thầy còn cố ý vu cáo người được Tăng sai? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Từ-địa: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Vu cáo trước mặt với vu cáo sau lưng có gì khác đâu! Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vu cáo người được Tăng sai, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu người được Tăng sai bằng bạch yết-ma, bạch nhị Yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma mà vu cáo, nói

người này làm việc theo sự ưa muốn, giận, si, sợ, mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng sai mà không Yết-ma và đối với người khác mà vu khống như vậy, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu sự thật có làm tùy theo sở thích, giận, si, sợ, nên nói: Tôi sẽ nói cho người kia nghe, không phạm.

Xong giới thứ mười ba

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Có một trứ xứ ở chỗ ẩm thấp, một Tỳ-kheo nhận được phòng ẩm thấp, đem ngọa cụ ra trải chỗ đất trống để phơi. Đến giờ, đắp y mang bát vào thành khất thực. Sau khi đi, trời mưa lớn, nước ngập, ngọa cụ phơi bị trôi mất. Khất thực xong trở về, không thấy, liền vội vã đi tìm, hoặc bắt gặp chiếc giường lớn, hoặc được cái ghế nhỏ, các vật dụng linh tinh, cái mền, các Tỳ-kheo thấy hỏi: Thầy được ngọa cụ và các vật ấy ở đâu? Tỳ-kheo kia kể lại câu chuyện như trên. Các Tỳ-kheo trưởng lão quở trách: Thầy làm điều phi pháp, Tăng có được ngọa cụ là điều khó, đã đem trải phơi, tại sao không lấy vô, đến giờ đi không dọn dẹp để đến nỗi trôi mất như thế?! Nếu mất rồi thì phòng đó trống không. Quý vị quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-

kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không?! Thưa có thật, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, khi đi không dọn dẹp, phạm Ba-dật-đề"***.

Lúc ấy, Lục quần Tỳ-kheo sai người giữ vườn, Sa-di, trải ngọa cụ của Tăng nơi đất trống khi đi không dọn dẹp, bị chim cắn, bị mưa ướt, lấm bùn đất hư hoại, các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy, hỏi: Thầy không nghe Phật cấm, nơi đất trống không được trải ngọa cụ của Tăng, khi đi không dọn dẹp hay sao? Lục quần Tỳ-kheo nói: Tôi sai người trải nên không trái lời Phật dạy. Các Tỳ-kheo nói: Tự mình trải với sai người trải đâu có khác gì nhau? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Bằng mọi hình thức Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, nơi đất trống tự mình trải ngọa cụ của Tăng, hoặc sai người trải, khi đi không dọn dẹp, không bảo người dọn dẹp, phạm Ba-dật-đề".*** Có các Tỳ-kheo, nơi đất trống trải ngọa cụ của Tăng, Lục quần Tỳ-kheo đến sau, hoặc nằm hoặc ngồi trên ngọa cụ đó, khi đi không dọn, Lục quần Tỳ-kheo tưởng là Tỳ-kheo đến trước

dọn. Nhưng không ai dọn, các Tỳ-kheo không biết thế nào, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo trước nên dặn Tỳ-kheo sau, Tỳ-kheo sau nên dọn. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nơi chỗ đất trống, tự mình trải ngọa cụ của Tăng, hoặc sai người trải, hoặc người khác trải mình có ngồi hay nằm, khi đi không tự mình dọn, không bảo người dọn, không dặn người dọn, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo thấy ngọa cụ của Tăng lấm bùn nhơ nhớp bất tịnh hoặc bị tro, đất hoặc bị phân bò dính ở trên nên đem phơi. Họ ở trong cương giới không dám đi xa. Việc này được bạch lên Phật, Đức Phật dạy: Nếu thu dọn kịp khỏi bị mưa thì cho phép đi xa.

Lại có các Tỳ-kheo vì phơi ngọa cụ của Tăng nên không dám ra ngoài cương giới nên bạch Phật, Đức Phật dạy: Nếu xét thấy đi về mà không bị mưa thì cho phép ra ngoài giới.

Lại có các Tỳ-kheo phơi ngọa cụ của Tăng tại một bên tọa thiền hoặc nơi ngủ say. Các Tỳ-kheo đem bạch Phật, Đức Phật dạy: Không cho phép phơi ngọa cụ bên chỗ ngồi thiền, ngủ say, vi phạm thì phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo phơi ngọa cụ của Tăng không thu cất, phơi mãi ngoài trời nên bị hư hoại,

các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Nếu không đem vô đúng lúc, phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo thấy ngọa cụ của Tăng trải nơi đất trống, do không phải tự mình trải, không sai người trải, mình không nằm ngồi, nên không dọn dẹp, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nếu thấy ngọa cụ của Tăng trải nơi đất trống mà không dọn dẹp, phạm Ba-dật-đề.

Có các Cư sĩ đến nơi Tăng phường mượn ngọa cụ của Tăng trải chỗ đất trống để nằm ngồi, các Tỳ-kheo không cho, bèn giận trách. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên cho mượn. Đã cho mượn rồi sớm đòi lại, bảo họ phải trả gấp, bạch y lại nổi giận. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên bảo họ trả gấp, nên chờ họ đi rồi mới dọn cất. Nếu không dọn cất, phạm Ba-dật-đề.

Lại có Cư sĩ thỉnh Tăng, mượn ngọa cụ của Tăng đem về nhà trải, các Tỳ-kheo ngồi rồi đi không dọn dẹp. Phật dạy: Nên dọn dẹp, nếu không dọn dẹp phạm Ba-dật-đề. Nếu các Tỳ-kheo đến nơi Tăng phường của Tỳ-kheo-ni trải ngọa cụ của Tỳ-kheo-ni nơi khoảng đất trống, nói chẳng phải là ngọa cụ của Tăng, không dọn dẹp cũng phạm Ba-dật-đề.

Lại có các Tỳ-kheo tự gánh giường chiếu đi, các cư sĩ chê trách nói: Các Sa-môn này như đám gánh hát, như đoàn ảo thuật lưu động. Các Tỳ-kheo

đem vấn đề bạch phật, Đức Phật dạy: Không cho phép tự gánh đi, vi phạm là phạm Đột-kiết-la. Trường hợp khi đại hội, trải ngọa cụ của Tăng nơi đất trống, các Tỳ-kheo một lần ngồi, khi đứng dậy liền dọn dẹp, do đó mau bị hư hoại, đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Nếu không bị mưa thì cho phép xong đại hội mới dọn dẹp một lần. Đức Phật cho phép dặn Tỳ-kheo nào đến ngồi, nằm sau phải dọn ngọa cụ. Nhận được phép này, họ lại dặn Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, A-xà-lê và các Đại đức cũng như các Tỳ-kheo bệnh. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên dặn Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, A-xà-lê và các Đại đức cũng như các Tỳ-kheo bệnh, vi phạm là phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo dặn (giao) một Tỳ-kheo thu dọn. Chỉ có một mình Tỳ-kheo dọn dẹp nhiều ngọa cụ nên quá mệt nhọc, bạch Phật. Phật dạy: Tùy theo ngọa cụ nhiều hay ít, nếu ít thì giao ít Tỳ-kheo, nhiều thì giao nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào gọi là nhận lời dặn, không nhận lời dặn, bạch Phật. Phật dạy: Sai người nào đó biết nhận thì gọi là nhận lời dặn. Nếu không tự mình dọn, không bảo người dọn, một chân bước ra ngoài giới phạm Đột-kiết-la, hai chân bước ra ngoài giới phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười bốn

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Có một trú xứ ẩm thấp, khi ấy, nhóm Tỳ-kheo mười bảy người an cư trong một phòng, khi đi không dọn dẹp ngọa cụ của Tăng, nên bị hư mục tất cả. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo đến, nói với Tỳ-kheo cựu trú: Cho tôi phòng, mở cửa phòng và chỉ chỗ để ngọa cụ. Tỳ-kheo cựu trú mở cửa phòng trước đây nhóm Tỳ-kheo mười bảy người an cư để giao cho Lục quần Tỳ-kheo. Lục quần vào phòng lấy ngọa cụ, thì ngọa cụ đã mục thành đất hết cả, hỏi Tỳ-kheo cựu trú: Trước đây ai ở phòng này? Tỳ-kheo cựu trú bảo: Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người. Lục quần Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách nhóm Tỳ-kheo kia, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi nhóm Tỳ-kheo mười bảy người: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ở trong phòng Tăng, tự mình trải ngọa cụ của Tăng, hoặc khiến người trải, mình có ngồi hay nằm, khi đi không tự dọn, không bảo người dọn dẹp, không dặn người dọn, phạm Ba-dật-đề"***. Ngoài ra, như trong giới trải ngọa cụ nơi đất trống đã nói.

Xong giới thứ mười lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy người mới đến ở trong một phòng xá, Lục quần Tỳ-kheo đến sau hỏi Tỳ-kheo cựu trú: Theo thứ tự thì chúng tôi ở phòng nào? Tỳ-kheo cựu trú hỏi lại: Thầy thích ở phòng nào? Đáp: Tôi muốn ở phòng của nhóm Tỳ-kheo mười bảy người mới vào ở đó. Tỳ-kheo cựu trú bèn phân phối theo ý muốn của Lục quần. Lục quần Tỳ-kheo đến phòng ấy nói: Các thầy đi ra! Chúng tôi sẽ ở nơi phòng này. Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người nói: Phòng này khá lớn, có thể cùng ở với nhau. Ngay khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo, có tật giật mình, suy nghĩ: Các Tỳ-kheo này có tâm hổ thẹn, siêng học giới pháp, đầu đêm sau đêm không ngủ, không nằm, chắc họ thấy lỗi của ta, không nên để họ cùng ở với ta. Lục quần liền nói: Chúng tôi không thích ở chung, các thầy nên chuyển sang phòng khác. Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người thưa: Nếu không thích ở chung thì Thượng tọa ở nhà trước, chúng con ở phòng sau. Lục quần Tỳ-kheo nói: Cũng không được. Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người xin ở ngoài chái, ngoài sân, nơi đất trống, Lục quần cũng không cho. Bên kia đã không cho thì bên này cũng không đi. Lục quần cưỡng bức kéo ra. Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người kêu cứu, các Tỳ-kheo ùa ra hỏi: Tại sao các "Cậu" la to thế? Dạ thưa: Lục quần Tỳ-kheo cưỡng bức kéo chúng con ra khỏi phòng.

Các Tỳ-kheo quở trách Lục quần Tỳ-kheo: Tại sao các thầy lại cưỡng bức kéo người ra?! Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cưỡng bức kéo các Tỳ-kheo khác từ trong Tăng phòng ra, phạm Ba-dật-đề"***. Bị cấm không được tự hành động như thế, Lục quần Tỳ-kheo lại sai người giữ vườn hay Sa-di kéo đi. Các Tỳ-kheo thấy vậy hỏi: Phải chăng Đức Phật không cấm kéo Tỳ-kheo ra khỏi phòng? Lục quần trả lời: Chúng tôi không tự mình kéo. Các Tỳ-kheo nói: Tự mình kéo và sai người khác kéo đâu có khác gì? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cưỡng bức kéo người trong Tăng phòng ra, hoặc tự kéo hay sai người kéo, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp có Tỳ-kheo bệnh ở trong phòng, muốn ra ngoài sân nhưng không thể rời khỏi chỗ nằm, nói với các Tỳ-kheo: Lành thay! Xin trưởng lão kéo tôi ra khỏi phòng! Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép tôi kéo Tỳ-kheo ra khỏi

phòng. Lại có Tỳ-kheo tắm trong phòng, bị té xỉu xuống đất, các Tỳ-kheo không dám kéo ra, đến nỗi phải chết. Hai trường hợp được quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Người bệnh cần kéo ra khỏi phòng. Việc kéo này mà phạm Ba-dật-đề là việc không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vì giận không vui, tự mình kéo Tỳ-kheo ra khỏi Tăng phòng, hoặc sai người kéo, nói như vầy: Đi đi! Đi khuất ngay, đừng ở trong đây, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu ở nhà sau kéo đến nhà trước, hoặc ở nhà trước kéo ra ngoài cửa, hoặc ở ngoài cửa kéo ra sân, hoặc ở trong sân kéo ra ngoài sân, đều phạm Ba-dật-đề. Nếu vất y bát ra, phạm Đột-kiết-la. Nếu đối với người không vừa lòng đến ở chung phòng, tìm cách để họ đi ra, họ đi hay không đi, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo kéo Tỳ-kheo-ni ra, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni kéo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ra, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni xô đuổi Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni kéo năm chúng ra, phạm Đột-kiết-la. Nếu người không biết hổ thẹn, hoặc muốn hàng phục đệ tử mà kéo ra, đều không phạm.

Xong giới thứ mười sáu

Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, cùng đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo phân phối ngọa cụ, hoặc trong phòng, hoặc dưới tàng cây, các Tỳ-kheo đều nhận được chỗ trú. Lục quần Tỳ-kheo đến giờ đắp y mang bát vào thôn khất thực, sau khi ăn xong, đến các trục đường ngả tư cùng các Cư sĩ, ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn luận nói chuyện Vua, việc đấu chiến, việc lợi hại, không việc nào của thế tục mà không bàn. Các hạng người trên đều chê trách nói: Chúng ta là người thế tục vì vấn đề gia nghiệp trong cuộc đời nên phải bàn nói các việc ấy, Sa-môn Thích tử cũng lại bàn luận việc của đời, vậy cùng ta có khác gì? Mãi đến chiều Lục quần mới về đến trú xứ. Lục quần lại tiếp tục nói chuyện với người giữ vườn cùng các Sa-di, cho đến trời tối mịt mới tìm đến một phòng nọ. Lục quần hỏi Tỳ-kheo đã ở sẵn trong phòng: Các ông bao nhiêu tuổi? Tỳ-kheo kia trả lời: Tôi từng ấy tuổi. Lục quần Tỳ-kheo nói: Ông nhỏ tuổi, đi ra! Thượng tọa nên ở chỗ này. Các Tỳ-kheo nói: Vì ý gì Trưởng lão đến đây tối như thế? Lục quần nói: Tôi đi sau Phật đến đây. Các Tỳ-kheo nói: Tôi cũng đi theo sau Phật đến đây. Nếu tôi tới xin phòng khác thì làm phiền các Tỳ-kheo kia cũng như bây giờ Trưởng lão đang xúc não đối với tôi. Lục quần Tỳ-kheo lại trải ngọa cụ chính giữa các Tỳ-kheo kia mà nằm. Đầu đêm, cuối đêm cao tiếng tụng kinh, vấn nạn với nhau,

nửa đêm ngủ ngáy làm trở ngại các Tỳ-kheo tọa thiền, hành đạo. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe bằng mọi cách quở trách Lục quần Tỳ-kheo: Các thầy gây não loạn các Tỳ-kheo chẳng phải làm thương tổn cho Phật pháp sao?! Quở trách như vậy rồi, quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, nếu các Tỳ-kheo trước đã trải ngọa cụ rồi, mình đến sau lại trải nữa, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo trước trải ngọa cụ rồi, tạm thời ra ngoài, Lục quần Tỳ-kheo đến sau, khiến bạch y trải ngọa cụ. Các Tỳ-kheo thấy vậy hỏi: Thầy không nghe Phật cấm: Người khác trải ngọa cụ rồi, mình không được trải nữa hay sao? Lục quần nói: Tôi khiến bạch y trải nên không trái lời cấm. Các Tỳ-kheo nói: Tự mình trải, khiến người trải có gì khác đâu? Quý vị lại bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nếu các Tỳ-kheo trước trải ngọa cụ rồi, mình đến sau, hoặc tự trải hoặc khiến người khác trải, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo trước trải ngọa cụ rồi, tạm thời ra ngoài, Tỳ-kheo đến sau không biết lại trải ngọa cụ, Tỳ-kheo trải ngọa cụ trước trở về, Tỳ-kheo trải ngọa cụ sau lòng sinh nghi: Phải chăng đã phạm Ba-dật-đề?! Việc này được bạch lên Phật, vì thế, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không biết Tỳ-kheo trước đã trải ngọa cụ, mình đến sau lại trải, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, biết người trước đã trải ngọa cụ, mình đến sau, hoặc tự trải hay sai người trải, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có đại hội, nhiều Tỳ-kheo tập hợp, phòng xá tuy nhiều nhưng không đủ dùng, Tỳ-kheo đến sau không có chỗ ở, Tỳ-kheo đến trước trải ngọa cụ rồi, kêu vào cùng ở. Tỳ-kheo kia sợ phạm tội Ba-dật-đề nên không dám vào. Nhân chuyện này được bạch lên Phật, do vậy, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không gây xúc não cho nhau mà phạm tội Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết người khác trước đã trải ngọa cụ, đến sau cưỡng bức tự mình trải hay khiến người trải, với ý nghĩ: Nếu người kia không vui, tự tránh đi chỗ khác, phạm Ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, tại một trú xứ nọ, có một lầu gác hai tầng, một Tỳ-kheo ở trên đó. Một cái giường chân nhọn được trải phu cụ. Tỳ-kheo này luôn luôn chánh niệm khi nằm lên hay ngồi xuống, nên giường không gây hại cho ai. Dịp nọ, có một Tỳ-kheo khác đến là bậc Thượng tọa nên vị kia nhường chỗ. Tỳ-kheo này thân thể to lớn, thiếu sự cẩn thận, ngồi mạnh xuống giường, chân giường sút ra, rớt xuống trúng đầu vị Tỳ-kheo ở tầng dưới. Đầu bị thương, vị ấy kêu la, vị Tỳ-kheo ở trên gác liền xuống xin lỗi. Vị Tỳ-kheo ở tầng dưới quở trách nói: Vị Tỳ-kheo ở trước kia, tôi không hề nghe tiếng khua động khi ngồi nằm, tại sao thầy mới đến mà gây cớ sự thế này?! Thầy há không nghe Đức Thế Tôn khen ngợi sự buộc giữ niệm hay sao? Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe liền đến hỏi, vị kia kể rõ câu chuyện. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự các ông có như vậy không? Thưa thật có, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, trên nhà gác của Tăng, giường dây, giường cây có chân nhọn, ngồi nằm mạnh, phạm Ba-dật-đề".***

Nhà gác nên để giường có chân nhọn tầng dưới, giường chân không nhọn để tầng trên. Trường hợp không có giường chân không nhọn thì nên dùng vật gì chận lại, không có vật gì chận thì nên cột ngang qua, nếu không có chỗ để cột ngang thì nên để phủ trên mặt đất. Nếu không làm như vậy mà ngồi, nằm, cho đến ngồi nằm nơi giường nhọn một chân đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu dùng ván lót trên gác hay có sàng gỗ bảo đảm không bị rớt xuống thì không phạm.

Xong giới thứ mười tám

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà thường tới lui các gia đình… cho đến câu: Xiển-đà thấy họ ân cần khó từ chối, như trên trong giới "Có thí chủ vì mình làm phòng xá" đã nói. Cứ như vậy, Xiển-đà tìm được chỗ đất tốt để cất thất, đắp nền cao, dùng đất đắp lên một cách gấp gáp, bốn bên xây vách rất nặng, bên trên lợp nhiều lớp, tất cả bị sụp đổ một lần, làm hư hoại ruộng lúa của người Bà-la-môn. Người Bà-la-môn nổi giận nói: Đám Sa-môn này muốn sống trọn đời trọn kiếp, muốn truyền tử lưu tôn hay sao? Lợp một, hai lớp đủ để sống một đời rồi, chuyện gì phải lợp quá nặng để đến nỗi sụp đổ thế này?! Họ lại

nói: Đám này sử dụng của cải không hao tổn đến của cha me nên họ tha hồ làm ác theo ý muốn, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Xiển-đà: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, thật có vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào làm phòng xá lớn, từ đất bằng xây lên, đến chỗ đặt cửa sổ, phải cho bền chắc, lợp hai, ba lớp, nếu quá phạm Ba-dật-đề". Nếu đến lớp thứ tư hoặc bằng tranh, hoặc bằng ngói hay bằng cây, mỗi lớp tranh, hoặc ngói hay cây đều phạm Ba-dật-đề. Khi tạo phương tiện nung ngói, chặt cây đều phạm Đột-kiết-la. Lợp xong phạm Ba-dật-đề. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ mười chín

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Lúc ấy, Xiển-đà làm phòng xá lớn, dùng nước có trùng tưới trên bùn trên cỏ, cũng sai người tưới. Ưu-đà-di sử dụng nước có trùng để ăn uống, tắm rửa. Các Cư sĩ thấy Xiển-đà dùng nước có trùng tưới trên bùn trên cỏ nên đến Ưu-đà-di xin nước uống. Tỳ-kheo đem nước có trùng cho. Cư sĩ nói: Nước này có trùng.

Trả lời: Chỉ uống nước, chớ đâu có uống trùng. Các Cư sĩ nói: Đại đức! Đã uống nước làm sao không uống trùng? Tỳ-kheo không thèm trả lời. Các sư sĩ giận trách chê nói: Các Sa-môn này thường nói từ bi hộ niệm chúng sinh, mà nay dùng nước có trùng tưới trên bùn, ăn uống, tắm rửa, không có tâm từ bi, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi đem việc ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Xiển-đà, Ưu-đà-di: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết nước có trùng, dùng tưới trên bùn hoặc ăn uống… phạm Ba-dật-đề".***

Nước có trùng: Là nước dùng đãy lọc, thấy có trùng, hay dùng nhục nhãn thấy được, nếu dùng tưới trên bùn hay ăn uống, mỗi con trùng là một Ba-dật-đề. Có trùng, tưởng có trùng, có trùng nghi, đều phạm Ba-dật-đề. Không trùng, tưởng có trùng, không trùng nghi, đều phạm Đột-kiết-la. Dùng nước có trùng, có nội dụng và ngoại dụng. Nội dụng là dùng ăn uống, ngoại dụng là dùng tưới trên bùn (trộn hồ) tắm rửa v.v… Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Ba chúng dưới phạm Đột-kiết-la. Nếu xem kỹ mà không thấy, hay dùng đãy lọc mà không có thì không phạm.

Xong giới thứ hai mươi

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo không giáo thọ Tỳ-kheo-ni, không vì họ nói pháp, do đó họ không có chứng đắc, lại mắng họ: Do các người nên khiến chánh pháp của Phật giảm bớt năm trăm năm, khiến mọi người không kính Sa-môn, khinh rẻ Tỳ-kheo, không cúng dường. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật hỏi Cù-đàm-di: Có Tỳ-kheo Thượng tọa giáo giới, thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni để họ có chứng đắc không? Cù-đàm-di thưa: Bạch Thế Tôn, không. Bạch Đức Thế Tôn! Do các Tỳ-kheo không giáo giới, không nói pháp cho Tỳ-kheo-ni nên Tỳ-kheo-ni không chứng đắc điều gì. Các Tỳ-kheo lại mắng: Do các người nên chánh pháp của Đức Phật giảm bớt năm trăm năm, mọi người không cung kính cúng dường Sa-môn. Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo-ni nói các pháp, chỉ vẽ sự lợi ích, chư ni hoan hỷ rồi, khiến họ trở về trú xứ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các Thượng tọa không giáo giới, không thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, mà lại mắng họ phải không? Các Thượng tọa thưa: Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các

Tỳ-kheo: Không nên mắng như vậy. Nếu vi phạm thì phạm Đột-kiết-la. Từ nay các Tỳ-kheo nên giáo giới các Tỳ-kheo-ni, nên vì họ thuyết pháp. Vâng lời dạy, các Tỳ-kheo bèn giáo giới, thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, chư ni được chứng đắc. Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo lại cũng đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni nói: Các cô nên tập hợp! Tôi sẽ giáo giới, nói pháp cho. Các Tỳ-kheo-ni liền tập hợp lại một chỗ. Lục quần Tỳ-kheo được dịp nói những lời thô ác dâm dục. Trong số Tỳ-kheo-ni những vị đắc các thiền, Tam-muội giải thoát, chánh thọ đều không chấp nhận, còn Lục quần Tỳ-kheo-ni thì khen ngợi, nói: Các Tỳ-kheo này khéo giáo giới, không ai hơn được. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề lại cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Thế Tôn. Đức Phật hỏi Cù-đàm-di: Các Tỳ-kheo có giáo giới, nói pháp cho Tỳ-kheo-ni hay không? Cù-đàm-di thưa: Có các Tỳ-kheo giáo giới, thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni, được nhiều lợi ích. Lại có Lục quần Tỳ-kheo đến, bảo Tỳ-kheo-ni tập hợp để giáo giới, nhưng nói những điều thô ác, dâm dục. Lục quần Tỳ-kheo-ni khen cho là hay không ai bằng. Đức Phật vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp rồi khiến họ về lại trú xứ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tăng không sai giáo giới Tỳ-kheo-ni mà giáo

giới, phạm Ba-dật-đề.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo lại ra giới trường, tự ý sai lẫn nhau giáo giới Tỳ-kheo-ni, đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói: Nay Tăng tôi sai đến giáo giới ni. Các Tỳ-kheo-ni cũng tập hợp một chỗ như trước. Lục quần Tỳ-kheo cũng nói những lời thô ác, dâm tục… cho đến câu: Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề đến chỗ Đức Phật… khiến về lại trú xứ, như trên đã đề cập. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có ra ngoài giới trường, tự động sai nhau đến giáo giới Tỳ-kheo-ni hay không? Lục quần Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo thành tựu mười pháp, Tăng mới sai giáo giới Tỳ-kheo-ni. Những gì là mười pháp?

Thành tựu giới, thành tựu oai nghi, thường sợ lỗi nhỏ.

Đa văn, khéo hay liễu đạt, biết rõ lời Phật nói, sơ, trung hậu đều thiện, thiện nghĩa, thiện vị và đầy đủ tướng thanh bạch phạm hạnh.

Khéo hay tụng và hiểu rõ hai bộ giới luật.

Có khả năng nói năng thuyết giảng, trình bày lý nghĩa phân minh.

Tộc tánh xuất gia, các căn thù đặc.

Ở trong Phật pháp chưa từng uế trược.

Cử chỉ nhã nhặn, thân không tà vạy, mặc pháp

phục thanh khiết tề chỉnh.

Chúng Tỳ-kheo-ni kính trọng.

Có khả năng nói pháp tùy thuận dạy bảo cho lợi ích an vui.

Đủ hay hơn hai mươi tuổi hạ.

Có năm pháp không nên sai, nếu đã sai nên hủy bỏ:

Những kinh hay giới đã tụng đều bị quên.

Các căn không đầy đủ.

Đa dục.

Hiện tướng ác.

Dạy Tỳ-kheo-ni gần gũi người ác.

Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, Tăng không sai mà giáo giới Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".***

Không sai: Tức là người không được Tăng bạch nhị Yết-ma sai mà giáo giới, nói tám kính pháp. Nếu không được sai mà giáo giới Tỳ-kheo-ni thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề. Giáo giới Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi mốt

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 7

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo, theo thứ tự, giáo giới Tỳ-kheo-ni, nói với Tỳ-kheo-ni: Sáng mai tới phiên Tỳ-kheo Ban-đà giáo giới, các cô sẽ đến đó thọ lãnh giáo pháp. Nói như vậy rồi, quý vị trở về trú xứ nói với Ban-đà: Sáng sớm thầy nên giáo giới Tỳ-kheo-ni. Trưởng lão Ban-đà, sáng sớm hôm sau đến giờ ăn, mặc y bưng bát vào thành khất thực. Sau khi ăn, trở về quét dọn trong ngoài, múc nước sạch, để sẵn khăn lau tay lau chân, dọn chỗ ngồi nơi đất trống, tự lấy giường dây ngồi thiền một bên. Khi các Tỳ-kheo-ni đến chỗ Ban-đà, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi tới chỗ ngồi để ngồi. Tiếp đó, Ban-đà hỏi các Tỳ-kheo-ni: Các cô đã từng nghe Tám kính pháp chưa? Các cô thưa: Đã nghe. Ban-đà nói: Các cô nên nghe lại:

Chúng Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng nên đến

chúng Tỳ-kheo thỉnh vị giáo giới.

Chúng Tỳ-kheo-ni khi an cư cần phải nương nơi chúng Tỳ-kheo Tăng.

Tỳ-kheo-ni khi Tự tứ nên bạch nhị Yết-ma, sai ba Tỳ-kheo-ni đến chúng Tỳ-kheo thỉnh tội thấy, nghe, nghi.

Thức-xoa-ma-na, hai năm học sáu pháp rồi, nên đối trước hai bộ chúng cầu thọ giới Cụ túc.

Tỳ-kheo-ni không được mắng Tỳ-kheo, không được nói với bạch y về tội phạm giới, phạm oai nghi, tà kiến, tà mạng của Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quở trách Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo-ni phạm tội thô nên đến hai bộ Tăng cầu nửa tháng hành Ma-na-đỏa, hành Ma-na-đỏa rồi, hành A-phù-ha-na, nên đến trước hai mươi vị Tỳ-kheo và hai mươi vị Tỳ-kheo-ni xuất tội.

Tỳ-kheo-ni tuy thọ giới Cụ túc trước một trăm năm, nên lễ bái Tỳ-kheo mới thọ đại giới. Nói tám kính pháp rồi, Ban-đà liền nói kệ:

Muốn tâm được tốt đừng phóng dật
Siêng học pháp thiện của Thánh nhân
Nhất tâm ấy là người trí huệ
Họa ưu sầu đâu nữa phải lo.

Nói kệ xong, Ban-đà nhắm mắt ngồi thẳng. Khi ấy các Tỳ-kheo-ni trộm lời với nhau: Tỳ-kheo này chỉ biết có một bài kệ, làm sao có thể giáo giới

chúng ta! Ban-đà nghe khởi ý niệm: Các Tỳ-kheo-ni ấy khinh dể ta. Ban-đà liền bay vụt lên hư không, hiện một thân thành vô số thân, rồi trở lại thành một thân, đi xuyên qua vách đá, đi trên nước như đi trên đất, vào trong đất như vào trong nước, hoặc hiện nửa thân, hoặc hiện toàn thân, hoặc thân trên tuôn ra khói, thân dưới tuôn ra lửa, hoặc thân trên tuôn ra lửa, thân dưới tuôn ra khói, hoặc thân trên tuôn ra nước, thân dưới tuôn ra lửa, hoặc thân trên tuôn ra lửa, thân dưới tuôn ra nước, hoặc ngồi nằm trên hư không như chim dang hai cánh, hoặc dùng tay sờ mặt trời, mặt trăng, hoặc thân đứng thẳng đến trời Phạm Tự tại. Hiện thần biến như vậy rồi, Ban-đà trở lại chỗ cũ, nói kệ như trước. Các Tỳ-kheo-ni thấy các thứ thần biến này tâm rất hoan hỷ, bạch: Đại đức! Xin lại dùng thần túc để giáo hóa.

Liền khi ấy, Ban-đà hiện ra nơi phương Đông chìm mất vào phương Tây, hiện ra nơi phương Tây chìm mất vào phương Đông. Các phương khác cũng vậy. Hiện tất cả các thần biến như vậy rồi trở về chỗ cũ, lại nói bài kệ trên, cho đến mặt trời lặn, Ban-đà mới cho ra về. Bấy giờ, đã xẩm tối rồi, Tỳ-kheo-ni đến cửa thành, cửa thành đã đóng, gõ cửa xin vào, người giữ cửa hỏi: Các ngươi là ai? Đáp lời: Chúng tôi là Tỳ-kheo-ni. Người giữ cửa hỏi: Tại sao đi tối thế? Các Tỳ-kheo-ni nói: Tôn giả Ban-đà giáo giới chúng tôi, cho nên về trễ. Người giữ cửa nói: Có thể trở về lại chỗ cũ, chứ dù Vua

đến, tôi cũng không dám mở. Các Tỳ-kheo-ni không vào được, hoặc ở bên cửa, hoặc ở bên hào, hoặc nương bên gốc cây, suốt đêm bị mòng muỗi gió bụi gây não.

Sáng ngày cửa thành mở, các ni vào trước hơn mọi người. Các Cư sĩ hỏi nhau: Các Tỳ-kheo-ni này, từ đâu đến mà cửa thành vừa mở đã vào trước hết? Có người nói: Chính là họ đi tìm nam tử trở về. Những người không tin ưa Phật pháp bằng mọi cách chê bai nói: Chúng ta là bạch y, không tu phạm hạnh… chứ các Tỳ-kheo-ni này đầu không tóc, mặc đồ hoại sắc mà cũng như vậy chăng! Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe liền quở trách Ban-đà: Tại sao giáo giới Tỳ-kheo-ni đến tối? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ban-đà: Thật sự ông có như vậy không? Ban-đà công nhận là có. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni cho đến chiều tối, phạm Ba-dật-đề".***

Tăng sai: Tức bạch nhị Yết-ma sai. Nếu Tỳ-kheo đã được Tăng sai thì nên nói với các Tỳ-kheo-ni: Này các cô! Nếu lúc không phải nạn thì nên giáo giới, còn khi có nạn thì không giáo giới. Nếu nhận tới trú xứ của Tỳ-kheo-ni giáo giới thì nên nói: Các cô trải tòa, tôi sẽ đến. Nếu không đến được, cần giáo giới tại trú xứ của mình thì lau quét

sạch sẽ như trước. Nên mời theo một Tỳ-kheo khỏe làm bạn, bằng không có thì mới đi một mình. Nói tám kính pháp rồi, nếu còn sớm thì nói thêm các pháp khác cũng tốt. Nên trù tính xong sớm kịp trong ngày về đến trú xứ của mình. Nếu nói pháp rồi nên đi trước thì đi. Nếu chỗ có sự khủng bố thì Tỳ-kheo nên đưa Tỳ-kheo-ni về tới nơi. Nếu Tỳ-kheo giáo giới cho Tỳ-kheo-ni đến chiều tối, mỗi lời giáo giới đều phạm Ba-dật-đề. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy các Tỳ-kheo, theo thứ tự giáo giới Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni đều đạt được các thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo, Tăng không sai cũng đến giáo giới, chỉ nói những lời thô ác, bất thiện, các Tỳ-kheo-ni trưởng lão im lặng không phục, còn Lục quần Tỳ-kheo-ni thì khen ngợi, nói: Lành thay! Không ai hơn. Với sự việc như vậy, Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Phật, báo lại việc trên. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-

kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào vào trong trú xứ của Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".

Nhân khi các Tỳ-kheo có nhân duyên hoặc việc của pháp, việc của Tăng, hay việc riêng cần vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni nhưng vì e ngại không dám vào, không biết nên thế nào, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không vì nhân duyên giáo giới thì không cho phép vào. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào Tăng không sai, do nhân duyên giáo giới, vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo tuy Tăng sai mà vẫn e ngại không dám vào, do đó, các Tỳ-kheo-ni không được giáo giới, nên không chứng đắc được gì, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo được Tăng sai, cho phép vào. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào Tăng không sai, vì giáo giới, cố vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-lâm bệnh sai người tin cậy đến bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, mời Tôn giả đến để thuyết pháp lần cuối cùng cho cô nghe. Tôn giả nói: Đức Phật không cho phép Tăng không sai vì vấn đề giáo giới mà cố vào trong trú xứ của Tỳ-kheo-ni. Do đó, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho

phép Tăng không sai nhưng do Tỳ-kheo-ni bệnh được đến thuyết pháp. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào Tăng không sai, vì giáo giới, cố vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".***

Nhân duyên: Là Tỳ-kheo-ni bệnh, gọi là nhân duyên. Nếu Tăng không sai vì giáo giới, cố vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni, tùy theo việc vào nhiều hay ít, mỗi bước đều phạm Ba-dật-đề. Nếu một chân vào trong cửa, phạm Đột-kiết-la, Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi ba

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Thượng tọa, theo thứ tự giáo giới Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni hoặc biệt thỉnh cúng dường, hoặc cúng dường đãy đựng bát, dây lưng, dầu đèn, y thực, thuốc thang. Lục quần Tỳ-kheo thấy vậy nói với các Tỳ-kheo: Có thể sai chúng tôi làm người giáo thọ. Các Tỳ-kheo nói: Theo lời Phật dạy, sai người thành tựu mười pháp, các thầy không có, thì làm sao sai? Lục quần Tỳ-kheo bèn nói: Các Tỳ-kheo vì lợi dưỡng nơi sự cúng dường nên giáo giới Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần

Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi hình thức quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nói các Tỳ-kheo vì lợi dưỡng nên giáo giới Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Nếu nói vì lợi của sự cúng dường nên giáo giới Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la"***. Nếu nói Tỳ-kheo hành mười hai hạnh đầu đà, tọa thiền, tụng kinh, làm các công đức, đều là vì lợi của sự cúng dường, mỗi lời nói đều phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni ngồi nơi chỗ vắng, sinh tâm nhiễm, không vui sống phạm hạnh, có người hoàn tục, có người làm ngoại đạo. Các Cư sĩ thấy, dị nghị chê trách nói: Những Sa-môn này cùng Tỳ-kheo-ni một mình ngồi chỗ vắng, giống như bạch y đối với dâm nữ, ăn của tín thí mà làm việc như thế, không có hạnh của Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch với Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn,

có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni ngồi chỗ vắng, phạm Ba-dật-đề".***

Cùng với Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni ngồi chỗ vắng cũng như vậy. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu số đông Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni cùng ngồi, hoặc có nạn sự khởi, cần phải cùng ngồi nơi chỗ vắng đều không phạm.

Xong giới thứ hai mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo A-lan-nhã, trú ngụ nơi A-lan-nhã, ban đầu không thân quen với bất kỳ người nào. Tỳ-kheo kia, vào một buổi sáng, mặc y bưng bát vào thôn khất thực, trên đường đi gặp hai Tỳ-kheo-ni. Cô ni này nói với cô ni kia: Nay tôi muốn cùng Tỳ-kheo kia làm quen, cô đồng ý không? Tốt lắm! Cô ni kia trả lời. Khi Tỳ-kheo kia đến, cô ni tác lễ. Tỳ-kheo im lặng không nói năng gì cả. Hai cô ni cùng nhau bàn nói: Tỳ-kheo này không muốn chúng ta làm quen giữa đường, chúng ta nên đến trú xứ của Tỳ-kheo để bái chào. Sáng sớm hôm sau, hai Tỳ-kheo-ni đến chỗ Tỳ-kheo lễ bái thăm hỏi. Lạy một lạy, lạy hai lạy, Tỳ-kheo không nói gì, đến lạy thứ ba,

Tỳ-kheo mới nói: "Lão thọ" (từ dùng để đáp lễ có nghĩa cầu chúc điều tốt lành cho nhau). Hai Tỳ-kheo-ni kính lễ xong ra về. Sau đó, Tỳ-kheo kia vào thôn khất thực, hai Tỳ-kheo-ni gặp nơi đường hẻm, liền lễ bái hỏi chào, cùng nhau nói chuyện. Hai Tỳ-kheo-ni bèn dùng một đoạn vải và chỉ may nhuộm rồi, cúng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo thọ nhận. Hai cô ni lại thưa: Đại đức có mỏi mệt, mời đến trú xứ của chúng con tạm nghỉ một chút rồi đi khất thực. Tỳ-kheo bèn đến đó nghỉ. Nghỉ xong, gần đến giờ khất thực, Tỳ-kheo-ni lại thưa: Nơi đây có rau tương, nếu được thức ăn rồi mời thầy về lại đây dùng. Tỳ-kheo lại nhận lời, được thức ăn rồi đem về đó, nhiều lần như vậy. Có khi Tỳ-kheo khất thực về trước, đợi Tỳ-kheo-ni, có khi Tỳ-kheo-ni khất thực về trước, đợi Tỳ-kheo. Từ đó, thường khen ngợi lẫn nhau khi đến gia đình nào đó. Một hôm, Tỳ-kheo nhận được một tấm y tốt, bèn khởi tâm không đúng đắn, nghĩ như sau: Nay ta đem y này biếu cho Tỳ-kheo-ni kia, chắc chắn cô ta không nhận, như thế ta sẽ nhận được cái ân huệ cho nhiều hơn nữa. Với ý nghĩ như vậy, việc trước hết là đến trước các Tỳ-kheo khen ngợi Tỳ-kheo-ni kia: Tỳ-kheo-ni là con nhà giòng dõi xuất gia, lòng tin kiên định, chánh trực, ít ham muốn, biết vừa đủ. Các Tỳ-kheo nói: Người xuất gia như vậy là đáng khen. Sau đó, đem y cho Tỳ-kheo-ni kia, cô ta nhận y ngay. Mưu đồ bị vỡ, ôm lòng não hận, lại đến các

Tỳ-kheo nói: Tỳ-kheo-ni tín tâm mỏng manh, nhiều ham muốn, không biết nhàm chán. Các Tỳ-kheo nói: Thầy vừa rồi nói Tỳ-kheo-ni ít ham muốn, biết vừa đủ, sao bây giờ lại nói như vậy? Tỳ-kheo tỏ bày những lắc léo của lòng mình. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách: Tại sao tâm không xả vật, đã hứa cho người mà còn tính đến việc người ta không nhận, lấy cảm tình người ta bằng sự hư dối, vọng ngữ này! Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Đương sự thú nhận là có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Há ông không nghe Ta khen ngợi với tâm xả vật cho người mới được công đức lớn hay sao? Tại sao nay ông với tâm không xả vật mà dối đem cho người?! Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cho y cho Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, các Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni bà con, y phục ngọa cụ đều thô tệ, đau ốm thuốc men cũng không thể có được. Các Tỳ-kheo có suy nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép ta cho y vật cho Tỳ-kheo-ni bà con thì đâu đến nỗi như thế. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo cho y vật cho Tỳ-kheo-ni bà con. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cho y cho Tỳ-kheo-ni***

không phải thân quyến, phạm Ba-dật-đề”.

Bấy giờ, tại thành Xá-vệ, hai bộ Tăng nhận được y đã may thành, cùng phân chia cho nhau. Có trường hợp Tỳ-kheo nhận được cỡ y của Tỳ-kheo-ni, có trường hợp Tỳ-kheo-ni nhận được cỡ y của Tỳ-kheo, muốn trao đổi cho nhau mà không dám, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni đổi y. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào cho y cho Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con, trừ trao đổi, phạm Ba-dật-đề”***. Nếu cho y cho Tỳ-kheo-ni bà con mà họ là người phá giới, phá kiến, phạm Đột-kiết-la. Nếu cho y cho Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni không phải bà con, phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu vì lo liệu công việc, hoặc vì khéo nói kinh pháp, hoặc vì tụng nhiều kinh giới nên cho y thì không phạm.

Xong giới thứ hai mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo-ni ít người quen biết, nhận được vải y chưa may thành, mà tự mình không biết may, nói với các Tỳ-kheo-ni: Tôi không biết may y, nhờ các cô may giùm. Các Tỳ-kheo-ni nói: Này cô! Chúng tôi nhiều việc không thể may được, cô có thể đến nơi

chúng Tỳ-kheo thưa, có thầy nào rủ lòng thương chắc sẽ may cho cô. Cô liền đến trong chúng Tỳ-kheo thưa: Con là kẻ ít người quen biết, nhận được vải y nhưng chưa may thành, con không tự may được, mong các thầy may giùm cho. Các Tỳ-kheo cũng đều từ chối, vì bận việc. Cô đến Trưởng lão Ưu-đà-di thưa như trên. Ưu-đà-di nói: Tôi có thể may được, nhưng đừng lúc nào cũng đến thúc hối, tùy tôi may khi nào xong thì thôi, đồng ý như vậy tôi sẽ may cho. Cô thưa: Tùy Trưởng lão, khi nào may xong cũng được. Ưu-đà-di nhận lấy vải y cắt may. Trải qua thời gian lâu không thấy giao y, Tỳ-kheo-ni đến hỏi: Thưa Đại đức y may xong chưa? Ưu-đà-di nói: Trước đây tôi đã giao hẹn như vậy, tại sao nay đến hối thúc? Cô ni thưa: Con đến hỏi để biết chứ không dám hối thúc. Cô liền rút lui. Sau đó, Ưu-đà-di dùng các loại chỉ đủ màu sắc, thêu thành hình nam nữ giao hội trên phần vải giữa tấm Thêu xong, kêu cô ni đến giao. Cô ni đến nhận, Ưu-đà-di dặn: Chưa có thể trương ra xem và cũng đừng cho ai coi: Khi nào Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề đến chỗ Đức Phật, nơi đầu đường, khi đó mới mặc. Tỳ-kheo-ni nhận được y đem về, không trương ra xem cũng không đưa ai xem. Khi Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề đến chỗ Đức Phật, tại đầu đường, cô ni đó mặc y vào, người đi đường thấy, không ai không vỗ tay cười lớn, cùng nhau nói: Tỳ-kheo-ni này thật là người khéo tay mới có thể thêu thành hình

dâm dục trên y như vậy được. Tỳ-kheo-ni xấu hổ hết sức, trở về lại trú xứ. Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề cuốn cái y đó mang đến chỗ Đức Phật trương ra, thưa: Cúi xin Đức Thế Tôn chứng tri cho việc làm này. Đức Phật vì Cù-đàm-di nói các pháp rồi bảo bà trở về trú xứ. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ưu-đà-di: Thật sự ông có như vậy không? Ưu-đà-di thú nhận là có. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách: Ông là người ngu si, tại sao thêu hình người nhớp nhúa này lên trên y?! Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào may y cho Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp các Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni bà con, y phục bị hư rách, xin được một khổ vải mà không biết may, các Tỳ-kheo lại có suy nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép ta may y cho Tỳ-kheo-ni bà con thì không trở ngại cho điều này. Quý vị bạch Phật, nhân việc ấy, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo vì Tỳ-kheo-ni bà con may y. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào may y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo vì Tỳ-kheo-ni không phải bà con nhận vải, phạm Đột-kiết-la, cắt, may, nhuộm phạm Ba-dật-đề. Khi may, mỗi mũi kim đều phạm Ba-dật-đề. Ngoài ra như trong giới cho y đã nói.

Xong giới thứ hai mươi bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở nước Ma-kiệt Đề cùng các Tỳ-kheo-ni du hành trong nhân gian, hoặc một Tỳ-kheo cùng một Tỳ-kheo-ni đi, cho đến số đông, hoặc lội qua nước sâu, hoặc leo lên gành cao, thấy hình nhau, sinh tâm nhiễm đắm, không vui sống phạm hạnh, đưa đến tình trạng hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y thấy, dè bỉu nói: Đám Sa-môn này, như người đời dẫn vợ hay dâm nữ đi chơi… chê trách đủ cách như trong giới ngồi một mình nơi chỗ vắng đã nói. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni đi một đường, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp các Tỳ-kheo cùng số đông bạn đồng đi một đường, thấy các Tỳ-kheo-ni cũng đi trên đường đó, bèn khởi ý nghĩ: Chúng ta có phạm Ba-dật-đề không! Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu trước không cùng hẹn mà phạm Ba-dật-đề là

điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni hẹn trước cùng đi một đường, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp các Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni trước đã hẹn đi một đường, sau không dám đi, hoặc hai bên tránh nhau, do trước có hẹn nên nghi, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu trước cùng Tỳ-kheo-ni hẹn đồng đi một đường, hoặc không đi, hoặc hai bên tránh nhau mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni, có hẹn trước cùng đi một đường, từ xóm làng này đến xóm làng kia, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo-ni, nơi đoạn đường nguy hiểm, thấy một Tỳ-kheo, liền kêu: Đại đức đến mau, để cùng đi với nhau. Tỳ-kheo kia đến nói: Này cô! Đức Phật cấm không cho phép cùng Tỳ-kheo-ni đi một đường. Tỳ-kheo-ni thưa: Đoạn đường này nguy hiểm, mà con là nữ yếu ớt, xin được nương nơi Đại đức mới có thể đi qua được. Tỳ-kheo vẫn nói như trước, rồi bỏ đi. Tỳ-kheo-ni đi sau bị giặc cướp đoạt y phục, lõa hình, kêu la lớn: Giặc lột đồ con! Giặc lột đồ con! Tỳ-kheo kia từ xa nghe. Khi về đến trú xứ nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo, nếu gặp chỗ

nguy hiểm, nghi ngờ có sự khủng bố, được cùng Tỳ-kheo-ni đồng đi một đường. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni, trước hẹn cùng đi một đường, từ xóm làng này đến xóm làng kia, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".***

Nhân duyên: Hoặc có nhiều bạn, chỗ có sự nghi ngờ, gọi là nhân duyên. Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni trước hẹn đi một đường, chỗ không có xóm làng, thì nửa do-tuần phạm Ba-dật-đề. Nếu cùng Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni trước hẹn cùng đi một đường cũng như vậy. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ hai mươi tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nước Ma-kiệt Đề, cùng các Tỳ-kheo-ni đồng đi trên một thuyền, hoặc một Tỳ-kheo cùng một Tỳ-kheo-ni cùng đi một thuyền, cho đến số đông. Khi lên xuống thuyền cùng nhau thấy hình thể. Bạch y chê trách nói: (như trước). Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe… cho đến câu: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo… đều như trong giới "Cùng đi một đường" đã nói: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni hẹn trước đồng đi một thuyền, phạm Ba-dật-đề".***

Có một Tỳ-kheo-ni đứng bên bờ sông A-di-la

đợi đò để qua sông. Sau đó, có một Tỳ-kheo đến, Tỳ-kheo-ni thưa: Thưa Đại đức, nơi đây có nạn nguy hiểm có thể cho con cùng qua một chuyến đò. Tỳ-kheo trả lời: Đức Phật cấm không cho chúng tôi cùng Tỳ-kheo-ni đi trên cùng một đò. Người lái đò lại nói: Cả hai vị cùng lên đò, mỗi vị ngồi một đầu. Tỳ-kheo không đồng ý. Tỳ-kheo-ni thưa: Nếu không được thì mời Đại đức qua trước. Tỳ-kheo liền qua chuyến đò trước. Chuyến đò chưa đến bên kia, Tỳ-kheo-ni đã bị giặc cướp trấn lột. Người lái đò thấy vậy rất bất bình chê trách: Các người đồng xuất gia mà không thể bảo hộ nhau, huống chi là đối với người ngoài, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Tỳ-kheo kia trở về trong Tăng phường, kể lại câu chuyện cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo đem vấn đề đến bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có xảy ra như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Ông là người ngu si, tại sao bỏ Tỳ-kheo-ni lại để giặc cướp đoạt như thế! Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng Tỳ-kheo-ni trước có hẹn đồng đi một thuyền, hoặc thuận dòng nước, hoặc nghịch dòng nước, trừ đò ngang, phạm Ba-dật-đề".*** Ngoài ra, như trong giới "Đồng đi một đường" đã nói.

Xong giới thứ hai mươi chín

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Nan-đà, Bạt-nan-đà ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà được. Các Tỳ-kheo thấy, bằng mọi cách quở trách. Lúc đó, hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên du hành trong nhân gian, tới thành Vương-xá. Có một Cư sĩ nghe hai vị đến, ra nghinh đón, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lùi qua một bên. Hai vị vì người ấy giảng nói pháp chỉ bày điều lợi ích, khiến họ vui mừng. Cư sĩ liền mời sáng hôm sau thọ trai, được hai vị im lặng nhận lời. Cư sĩ liền về nhà sửa soạn các món ăn thức uống, trải tọa cụ tốt. Hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến giờ, mặc y bưng bát tới nhà đó. Tôn giả Xá-lợi-phất đi trước, muốn vào nhưng nghe tiếng nói của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà đã có mặt trong nhà này rồi, nên dừng lại không vào. Tỳ-kheo-ni kia thấy gia chủ sửa soạn thức ăn, trải tọa cụ tốt, hỏi: Nay gia chủ có rước Vua hay làm đám cưới? Gia chủ trả lời: Không rước Vua cũng chẳng làm đám cưới, mà là muốn cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên. Tỳ-kheo-ni nói: Tại sao không thỉnh bậc Đại long mà lại cúng dường Tỳ-kheo tiểu đức này? Cư sĩ hỏi: Vị nào là Đại long? Đáp lời: Tỳ-kheo Lục quần. Cô ni lại nói: Muốn thỉnh hàng Tỳ-kheo tộc tánh xuất gia, tu đầu đà, bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần, Tu-đà-

hoàn cho đến A-la-hán, muốn cầu được người rể tốt, con tốt, sinh thiên, giải thoát, hiện đời này giàu sang thì nên cúng dường cho Lục quần Tỳ-kheo. Cô ni khen ngợi như vậy, rồi im lặng. Sau đó, hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mới vào. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà đến trước hai vị hỏi chào rồi nói: Lành thay Tôn giả! Mời Tôn giả an tọa nơi đây. Cô ni lại nói với Cư sĩ: Lành thay Cư sĩ! Nay người được phước lợi lớn, mới thỉnh được Tỳ-kheo hàng Đại long như thế này. Cư sĩ liền chê trách nói: Vừa rồi cô nói "Tiểu đức", bây giờ lại nói "Đại long"? Ăn nói ngược ngạo như vậy, tại sao không xấu hổ? Từ nay đến sau cô đừng tới nhà này, tôi không cúng dường cho cô nữa đâu. Thế là người Cư sĩ tự tay sớt thức ăn cúng dường. Ăn xong dâng nước, rồi lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước hai Tôn giả. Hai Tôn giả vì gia chủ giảng nói pháp diệu, xong liền rời tòa ngồi ra về, đến chỗ Đức Phật. Đức Phật từ xa thấy bèn nói: Lành thay Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên! Quý vị ăn cơm khách từ đâu về đó? Bạch Đức Thế Tôn! Vừa rồi chúng con đến một nhà Cư sĩ, có một Tỳ-kheo-ni gọi chúng con là "Tiểu đức" rồi gọi là "Đại long". Đức Phật hỏi: Tại sao gọi như thế? Hai Tôn giả kể rõ đầu đuôi câu chuyện. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà được hay không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi

cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni khen ngợi mà được, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo-ni khen ngợi nơi chỗ vắng, sau khi Tỳ-kheo ăn xong mới biết, bèn sinh hổ thẹn: Phải chăng ta đã phạm Ba-dật-đề?! Do đó, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không biết do Tỳ-kheo-ni khen ngợi nên được thức

ăn mà ăn, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết do Tỳ-kheo-ni khen ngợi được thức ăn mà ăn, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có một gia đình thỉnh năm trăm Tỳ-kheo thọ trai. Tỳ-kheo-ni do gia đình này trước đây đã cúng dường, có nói: Nên cúng dường cho các Tỳ-kheo đừng để mất cơ hội tốt. Các Tỳ-kheo nghe bèn sinh xấu hổ, không dám ăn, trở về bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo-ni trước không khen ngợi, đến khi ăn mới nói: Nên cúng dường thức ăn tốt cho các Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ăn thức ăn này mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo-ni do nhân duyên khen ngợi, nên được thức ăn mà ăn, trừ người đàn-việt trước có ý phát tâm rồi, phạm Ba-dật-đề".***

Khen ngợi: Khen ngợi được pháp hơn người. Nếu Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni khen ngợi Tỳ-kheo nhân đó nên được thức ăn mà ăn, phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, có một Đại thần thường cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Có một người nghèo thấy vậy nghĩ: Nay vị Đại thần này được phước lợi lớn mới có thể cúng dường Phật và Tăng như thế. Nếu ta có của cũng sẽ làm như vậy. Người ấy lại nghĩ: Nay ta không có tài vật thì nên sử dụng công việc đi làm thuê chính đáng để cúng dường. Người ấy liền đi làm thuê cho một người chủ nọ. Hằng ngày ăn một phần để lại một phần. Người chủ hỏi: Tại sao ngươi để lại một phần không ăn? Tôi để lại một phần sau sẽ nhận luôn. Vậy là thời gian trôi qua trên người làm thuê và người ấy biết số tiền dành dụm đủ, bèn nói với người chủ: Hãy lấy hết số tiền dồn lại từ lâu, vì tôi làm các thức ăn cho đầy đủ. Người chủ hỏi: Nay ông nghèo khổ, tại sao dùng hết số tiền đó làm các thức ăn uống để làm gì? Ông ta trả lời: Trước đây tôi thấy vị Đại thần của thành Vương-xá này thường thỉnh Phật và Tăng để cúng dường các thức ăn, nên tôi phát nguyện cũng sẽ làm như

vậy. Do đó, tôi mới đi làm thuê cho ông để thực hiện ý muốn này. Nay tính đã đủ để thiết lập một lễ cúng dường, bây giờ phải nhanh chóng chuẩn bị thức ăn. Người chủ nghe như vậy, một sự xúc động hiếm thấy trong lòng ông, ông nghĩ: Người nghèo khổ đem thân làm thuê, làm mướn như thế này, được một ít tài vật còn dùng để cúng dường, huống chi là ta giàu có, nếu lòng ta muốn tức khắc có đủ mọi thức ăn uống, thế mà không thể làm được! Người chủ liền xoay sang trả tiền gấp bội cho người làm thuê để ông tha hồ sắm các thức ăn cam mỹ. Được người chủ tác động như thế, ông ta mang ngay tài vật ấy đến chỗ Đức Phật, rồi sắm sửa đầy đủ các thức ăn ngon bổ nhất. Nhờ tấm lòng thành này, nên cả quỷ thần cũng đến giúp đỡ. Chỉ trong chốc lát tự nhiên đầy đủ thức ăn. Hôm đó, gặp ngày tiết hội, nhiều người cúng dường, họ tranh nhau đến thỉnh chư Tăng về nhà thọ trai. Các Tỳ-kheo bàn nói với nhau: Hôm nay người nhà nghèo này tận lực để cúng dường, đối với các gia đình khác chúng ta nên dùng một ít thôi. Tuy dặn nhau là ăn rất ít, nhưng do nhiều nhà mời nên khá no. Khi người nhà nghèo sửa soạn xong, mời thọ trai, các Tỳ-kheo đều tập trung an tọa nơi tòa, chỉ trừ có Đức Phật là ở tại phòng. Người nhà nghèo phấn khởi tự tay sớt các thức ăn, các Tỳ-kheo thọ thực rất ít, người nhà nghèo lại có ý nghĩ: Các Tỳ-kheo vì thương ta nghèo khổ sở không dám ăn no, hay

là thức ăn không ngon nên các vị nuốt không xuống?! Người nhà nghèo liền đặt vấn đề thắc mắc hỏi: Trong số Tỳ-kheo có vị lòng nghĩ sao nói vậy: Sợ ông thức ăn ít nên đã ăn trước nơi các nhà khác. Người nghèo buồn, thưa: Tại sao đã nhận lời mời của con mà lại đến ăn trước nơi các nhà khác?! Con quyết dốc hết mọi khả năng của con để cúng dường cho bằng được, nay các Đại đức không thể dùng hết thì tùy ý các thầy cứ mang hết, đừng để dư. Các Tỳ-kheo nghe, bèn cố ăn, nhưng vẫn không hết phân nửa. chúng Tăng dùng rồi, người nghèo hối tiếc nghĩ: Ta cố ép chư Tăng dùng như vậy không biết có mắc tội hay không? Người nghèo đến bạch Phật. Đức Phật dạy: Lành thay, bần sĩ! Ngươi thấy người làm phước mà đem thân đi làm thuê để được làm phước như người, tuy ngươi đang thọ thân người nhưng nhân duyên để sinh lên cõi trời đã đầy đủ. Từ khi ngươi phát tâm muốn cúng dường Phật và Tăng đến nay, tất cả việc làm của ngươi đều có vô lượng công đức. Dù cho chúng Tăng không thọ thực món cúng dường của ngươi một hạt cơm đi nữa, thì công đức của ngươi cũng đầy đủ. Nay ngươi sẽ được quả báo hiện đời này. Người nghèo nghe Phật dạy xong vui mừng hớn hở. Đức Phật lại vì người nghèo giảng nói các pháp vi diệu. Người nghèo liền ở nơi chỗ ngồi xa trần lìa cấu, đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp rồi, liền thọ ba pháp quy y, phụng trì năm giới, từ chỗ ngồi đứng

dậy đầu mặt kính lễ sát chân, nhiễu quanh Phật rồi cáo lui.

Bấy giờ, có năm trăm người lái buôn, từ nước Ưu-thiền-na đến, với tuyến đường xa xôi nên đã hết lương thực ba ngày. Họ sai người cỡi ngựa đi trước để tìm thức ăn đã nấu sẵn. Người ấy rao nói: Chúng tôi gồm năm trăm người lái buôn, tứ nước Ưu-thiền-na đến, hết lương thực ba ngày, nên sai tôi đến trước tìm thức ăn đã nấu sẵn, nếu ai có thì giá nào chúng tôi cũng xin mua. Người trong thành nói: Nơi đây không có ai, chỉ có một người nghèo đang cúng dường tại Tăng phường, có dư thức ăn rất nhiều, ông có thể đến đấy xem chắc có thể có. Sứ giả kia bèn thúc ngựa đến đó, trình bày tình cảnh như vậy. Người nghèo trả lời: Nay tôi thiết lễ cúng dường không vì tài lợi, cần thì đến đây gấp đi, đừng nghĩ tới chuyện giá cả. Sứ giả nghe như vậy, cho là ngoài ý mong muốn của mình, liền trở về báo lại. Trong chốc lát, đoàn khách buôn đến nơi, họ cảm động nói: Cho chúng tôi ăn mau, chúng tôi sẽ hậu tạ. Người nghèo vẫn trả lời như trước. Đoàn buôn ăn vội vàng. Đã được no đủ rồi, họ theo dò hỏi người khác để biết sự nghiệp của người cho mình ăn, mới biết người này nghèo mà thiết lễ cúng dường Phật và Tăng. Đoàn khách buôn nghe rồi càng cho là điều hiếm có. Họ góp nhau một trăm ngàn lượng vàng để trả ơn cho người kia. Đoàn lái buôn lại hỏi thăm: Tại thành

này có người tên là hiện nay ở đâu? Đáp: Ông ấy qua đời rồi. Đoàn buôn lại hỏi: Ông ấy còn con cháu gì không? Được trả lời: Người vừa rồi cho các ông ăn đó là con của ông ấy. Cả đoàn lái buôn nghe như thế liền thốt lên: Đúng rồi, người nghèo ơi! Cụ thân sinh của ông chính là thầy của chúng tôi. Họ liền lấy ra một trăm ngàn lượng vàng nữa để tặng gọi là báo đáp ân tình trước kia.

Đại thần nơi thành Vương-xá và người chủ thuê mướn trước kia biết rõ việc này rất đỗi vui mừng, lại mỗi người biếu tặng một ngàn lượng vàng để kết tình bạn tốt. Cũng trong ngày ấy, Vua Bình-sa tấn phong cho người nghèo chức "Đại thần". Chỉ trong một ngày mà người nghèo kia trở thành kẻ giàu có và quyền quý. Người trong nước ban cho tước hiệu là "Trưởng giả bất ngờ". Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có nhận lời mời của người mà lại ăn trước nơi nhà khác không? Các Tỳ-kheo thú nhận là có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Các ông là người ngu si, tại sao đã nhận lời thỉnh của người mà lại đi ăn trước nơi nhà khác?! Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn nhiều lần, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-ta cùng tám mươi Tỳ-kheo, đều mắc trọng bệnh không thể ăn một lần đủ

no. Nhân việc này bạch Phật, Đức Phật hợp Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn nhiều lần. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn nhiều lần, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".***

Nhân duyên là khi bệnh. Như vậy gọi là nhân duyên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na được khỏi phạm năm việc. Các Tỳ-kheo lại nảy ra ý nghĩ: Khi thời của y không phạm tội ăn nhiều lần, thời của y xong rồi có phạm hay chăng? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Thời của y không phạm, ngoài thời của y thì phạm. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn nhiều bữa, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề"***. Nhân duyên là khi bệnh, khi thời của y, như vậy gọi là nhân duyên.

Có các bạch y biết các Tỳ-kheo không được phép ăn nhiều lần, bèn nghĩ ra một cách: Ta nên tạo phương tiện vì các Tỳ-kheo may y, Tỳ-kheo đến nhận, nhân đó ta cúng dường. Họ thực hiện ngay việc may y rồi thỉnh các Tỳ-kheo đến. Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi không được phép ăn, chỉ nhận y thôi. Các Cư sĩ thưa: Bạch Đại đức! Nhận thức ăn của chúng con rồi mới cúng y. Các Tỳ-kheo lại suy nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép ta ăn nhiều bữa, trong trường hợp có người cúng y thì

có thể khỏi bị thiếu y. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo vì thí y nên được ăn nhiều lần. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào được ăn nhiều lần, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".*** Nhân duyên là khi bệnh, khi thời y, khi thí y. Như vậy gọi là nhân duyên.

Vào một ngày nọ, Tôn giả A-nan đến nhà Trưởng giả, ông Trưởng giả bày biện các thức ăn, Tôn giả A-nan quên trước đã nhận lời mời bèn thọ thức ăn này, khi sắp ăn mới nhớ lại, liền nói với người chủ: Xin lỗi dọn cất đi, trước đây tôi đã nhận lời mời của người khác rồi, nên không thể ăn được. Ông Trưởng giả buồn nói: Tại sao đã thọ thức ăn của tôi lại bỗng dưng hối hận, không ăn. Như thế là Tôn giả A-nan vội vàng về bạch Phật, Đức Phật dạy: Nếu có nhân duyên như vậy nên khởi tâm niệm nhường lại chỗ mời trước cho vị khác như sau: Phần thỉnh của tôi, xin nhường lại cho Tỳ-kheo tên là nghĩ như vậy, rồi có thể ăn. Nếu không nghĩ như vậy mà ăn, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, lại có trường hợp người thỉnh trước lại dọn thức ăn sau, có trường hợp người dọn thức ăn trước rồi thỉnh sau, các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào, bạch Phật, Đức Phật dạy: Khi thỉnh nên nói: Chỗ nào dọn trước thì tôi sẽ ăn chỗ đó. Ăn nhiều lần: Trước nhận người thỉnh sau lại ăn chỗ khác, như vậy gọi là ăn nhiều lần. Tỳ-kheo-ni cũng

vậy, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu được Tăng sai, hoặc ăn phòng riêng, hoặc bạch y đến thọ tám giới, thiết trai cúng dường, hay thường thực thì không phạm.

Xong giới thứ ba mươi mốt

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Điều-đạt tìm người làm vây cánh nên giáo hóa các Cư sĩ. Theo lệnh của Điều-đạt, mỗi một nhà thỉnh bốn Tăng hoặc năm, hoặc mười vị. Các Tỳ-kheo Trưởng lão quở trách các Tỳ-kheo thọ thỉnh: Tại sao vì vấn đề vây cánh của Điều-đạt mà nhận sự thỉnh ăn riêng chúng? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có nhận sự thỉnh ăn riêng chúng của Điều-đạt không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận sự thỉnh ăn riêng chúng, phạm Ba-dật-đề".***

Có một Tỳ-kheo dắt Tỳ-kheo bệnh đi khất thực, nên bệnh tình trầm trọng thêm. Các Cư sĩ thấy, nói: Đừng dắt Tỳ-kheo bệnh đi khất thực, cứ đến nhà con lấy thức ăn. Tỳ-kheo nói: Đức Thế Tôn kiết giới không cho phép chúng tôi nhận mời ăn riêng

chúng, nếu cúng dường cho chúng Tăng, trong đó có phần chúng tôi thì được. Các Cư sĩ nói: Gia đình chúng con nghèo không thể cúng nhiều được, chỉ có thể đủ sức cúng cho người bệnh mà thôi, nếu cần thì Đại đức đến nhận. Các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo bệnh nhận sự mời ăn riêng chúng. Thời của y, khi thí y như trong giới ăn nhiều lần đã nói. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận sự thỉnh ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, Ba-dật-đề"***. Nhân duyên là khi bệnh, khi thời của y, khi thí y. Như vậy gọi là nhân duyên.

Có các Tỳ-kheo may y, phải đi khất thực nên y lâu xong, phế bỏ việc hành đạo, lại có ý nghĩ: Nếu khi may y mà Đức Phật cho phép ta nhận sự mời ăn riêng chúng thì y may xong, không phế bỏ việc hành đạo. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo, khi may y được nhận sự thỉnh ăn riêng chúng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận sự mời ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".*** Nhân duyên là khi bệnh, thời gian của y, khi thí y, khi may y. Như vậy gọi là nhân duyên.

Có các Tỳ-kheo cùng với bạn đồng đi đến một xóm làng, nói với

các người bạn: Chúng tôi vào thôn khất thực, có thể chờ cho một chút. Các người bạn nói: Khỏi phải khất thực, chúng tôi cung cấp thức ăn cho. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi nhận sự mời ăn riêng chúng. Nói xong, vào thôn khất thực. Các người bạn bỏ đi. Tỳ-kheo khất thực rồi, đi không kịp bạn, bị giặc cướp trấn lột. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta, khi đi đường, được nhận sự mời ăn riêng chúng thì đâu bị tai nạn này!

Có các Tỳ-kheo quá giang thuyền của người ta, đến giờ khất thực chủ thuyền bỏ đi, gặp các khổ nạn như trên. Hai việc ấy được bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo, khi đi đường, khi đi thuyền, nhận sự mời ăn riêng chúng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, nhận sự mời ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, Ba-dật-đề"***. Nhân duyên là khi bệnh, khi thời của y, khi thí y, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền. Như vậy gọi là nhân duyên.

Lệ thường pháp các Đức Phật, hai lần đại hội trong năm vào tháng cuối mùa Xuân và tháng cuối mùa hạ, Tỳ-kheo từ bốn phương tụ họp về để thăm hỏi nhau. Với số chúng đông như vậy, theo thứ tự thỉnh rất ít và khất thực khó được, các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta khi đại hội được nhận sự thỉnh ăn riêng chúng thì

không đến nỗi bị khổ như thế. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo, khi đại hội được nhận sự mời ăn riêng chúng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, nhận sự mời ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề"***. Nhân duyên là khi bệnh, khi thời của y, khi thí y, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội. Như vậy gọi là nhân duyên.

Bấy giờ, em Vua Bình-sa tên là Ca-lưu, phụng thờ một đạo, đạo này hằng năm mời rộng chín mươi sáu hạng Sa-môn tổ chức một đại hội, nghe Sa-môn Thích tử không nhận sự mời ăn riêng chúng và theo khả năng thì không thể thỉnh cả chúng Tăng. Do thiếu Sa-môn của đạo Phật nên ông ta ưu sầu không vui, lại có ý nghĩ: Ta nên làm thế nào để thỉnh được Sa-môn Thích tử, chỉ có cách là nhờ nhà Vua mới có thể được kết quả, bèn đến trình bày với Vua. Nhận lời, nhà Vua liền đến chỗ Đức Phật, nêu bày đầy đủ sở nguyện của em mình. Sau khi nhà Vua ra về, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo khi Sa-môn hội được nhận sự mời ăn riêng chúng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận sự mời ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".*** Nhân duyên là khi bệnh, khi thời của y, khi thí y, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa-môn

hội. Như vậy gọi là nhân duyên. Thỉnh ăn riêng chúng: Là ở trong chúng mà thỉnh riêng bốn vị trở lên. Như vậy gọi là thỉnh ăn riêng chúng. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu mới bắt đầu nhận sự mời ăn riêng chúng, khi đến lại chia ra, nói thọ thỉnh khác, không thành chúng thì không phạm.

Xong giới thứ ba mươi hai

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc này, các nơi bị đói kém, khất thực khó được, tất cả các Tỳ-kheo tập trung về thành Vương-xá. Người ở bốn phương xa xôi nói: Trước đây, chúng ta mai chiều đều thấy các Tỳ-kheo, tại sao nay tuyệt nhiên không thấy nữa? Có người bảo: Lúc này khất thực khó được, tất cả đều đến thành Vương-xá nên vắng bóng Tỳ-kheo. Các Cư sĩ nói: Chúng ta có thể kiến lập một cái nhà nhỏ, mỗi ngày lo cho một Tỳ-kheo ngủ một đêm, ăn một bữa. Nếu không vị nào đến dùng cơm thì nên gom góp lại, đợi các Tỳ-kheo đến sau. Họ liền thực hiện. Khi ấy, có một gia đình thường làm thức ăn ngon, Lục quần Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, thường đến nhà đó. Các Tỳ-kheo khác đều không được đến, nói với các Cư sĩ: Các vị vì Tăng nên thiết lập "nhất túc thực", tại sao tôi không được dự một lần nào? Cư sĩ thưa: Bổn

nguyện của tôi là vì Tăng nên thiết lập chỗ này, nhưng Lục quần Tỳ-kheo ở mãi không đi, khiến tôi không được đón tiếp vị Tăng nào khác. Đây là lỗi tại Lục quần Tỳ-kheo, chứ chẳng phải do tôi. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách Lục quần Tỳ-kheo, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, chỗ cúng một bữa ăn, ăn quá một bữa, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bị trúng gió, đến nơi cúng một bữa ăn, ăn một bữa rồi bèn muốn đi chỗ khác. Các Tỳ-kheo thưa: Trưởng lão bệnh hoạn không nên đi chỗ khác chúng tôi sẽ nhường phần ăn để cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Đức Thế Tôn không cho phép chỗ ngủ một đêm, ăn quá một bữa. Có các Cư sĩ nghe Tôn giả Xá Lợi Phật bị bệnh cũng cùng nhau thỉnh ở lại. Tôn giả cũng trả lời như trước, rồi ôm bệnh ra đi. Các Tỳ-kheo lại có những suy nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo bệnh, đối với chỗ cúng một bữa ăn được ăn quá một bữa thì không có sự khổ tâm này. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo bệnh, đối với chỗ cúng một bữa, được

ăn quá một bữa. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, không bệnh mà đối với chỗ cúng một bữa ăn, ăn quá một bữa, phạm Ba-dật-đề"***. Chỗ cúng một bữa ăn, số đông Tỳ-kheo vào buổi chiều đồng thời đến, nếu đàn-việt có cúng nước phi thời, hay dầu xoa chân, cho phép theo thứ tự nhận, sáng ngày, theo thứ tự ăn. Nếu không, thì chỉ nghỉ một đêm, ăn một bữa rồi nên đi. Nếu đàn-việt mời ở lại thì được phép ở. Nếu đi rồi có duyên sự cần trở lại, nên nói với chủ nhân, chủ nhân cho phép ở thì ở, không cho phép thì nên đi. Nếu Tỳ-kheo đến sau nên nhận thức ăn đủ ăn một bữa, có dư nên cho Tỳ-kheo do chủ nhân lưu lại. Nếu Tỳ-kheo đến, có nhiều chỗ cúng một bữa ăn, các Tỳ-kheo nên chia ra các nơi. Nếu nhà bà con mà nhận quá một bữa ăn phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu có các nạn không đi được thì không phạm.

Xong giới thứ ba mươi ba

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, có một người nữ sắp về lại nhà chồng, chuẩn bị các thứ bánh để dùng làm lương thực đi đường. Có một Tỳ-kheo theo thứ tự khất thực đến nhà ấy, người nữ hỏi: Thầy cần gì? Tỳ-kheo nói: Tôi cần thức ăn. Có thể ăn Khư xà ni được không? Đáp lời: Được.

Cô gái bèn lấy bình bát đặt đầy bánh để dâng. Tỳ-kheo này nhận được bánh rồi lại nói các Tỳ-kheo khác: Nhà đó có nhiều thức ăn ngon, thầy nên tới đó xin. Các Tỳ-kheo nghe theo đều đến xin. Tất cả các bánh chín rồi đều đem cho hết. Khi ấy, phía nhà chồng cho người tới giục. Cô gái trả lời: Lương thực làm chưa xong. Cô ta lại làm các thức ăn khác, như vậy cho đến Ba lần, Tỳ-kheo cũng đến xin đều đem cho hết. Nhà chồng Ba lần hối thúc, người nữ đều trả lời như lần đầu. Ông chồng đùng đùng nổi giận, nghĩ là người nữ đã đổi ý, bèn sai người nói: Ta đã cưới người vợ khác rồi, không cần đến người nữ nhắm mắt lại như cô nữa. Như thế là cả gia đình người nữ nổi giận nói: Do Sa-môn Thích tử nên con ta bị ở góa. Họ nhục mạ đủ thứ, không chừa một lời thô bỉ nào. Người xung quanh hỏi: Người khác bạc bẽo đối với con bà, can dự gì đến Sa-môn mà bà nhục mạ họ? Gia đình kể rõ lại vấn đề. Người không tin Phật pháp đều khoái chí: Do kính Sa-môn nên mới như thế, nếu gần gũi lại còn gặp những điều tệ hại hơn nữa.

Bấy giờ, lại có người chủ khách buôn nói với các lái buôn: Sửa soạn lương thực, hôm đó là ngày tốt, ta sẽ khởi hành. Mọi người đều chuẩn bị lương thực đi đường. Có một Tỳ-kheo, theo thứ tự khất thực đến nhà một người lái buôn. Người lái buôn hỏi: Thầy cần gì? Tỳ-kheo nói: Tôi cần thức ăn. Lại hỏi: Bánh bún dùng được không? Tỳ-kheo nói:

Được. Người lái buôn liền lấy bình bát đặt một bát đầy để cho. Tỳ-kheo nhận được rồi, nói với các Tỳ-kheo khác: Tại nhà đó có nhiều thức ăn ngon, các thầy có thể đến đó xin. Các Tỳ-kheo tới đó xin đều được. Do vậy, lương đi đường của người lái buôn hết sạch. Người chủ khách buôn nói: Ngày tốt đã đến, chúng ta nên khởi hành. Người lái buôn này nói: Lương thực chưa xong. Người chủ khách buôn nói: Trước đây tôi đã bố cáo chuẩn bị lương thực, tại sao nay lại nói chưa xong? Người lái buôn nói: Vì Sa-môn đến xin nên tôi cho hết. Người chủ khách buôn bảo: Nay là ngày tốt, không thể không khởi hành, tôi đi trước, người có thể đi sau. Người chủ khách buôn bèn khởi hành. Sau chuyến buôn trở về được an ổn, thu nhiều lợi nhuận. Người lái buôn kia đi sau, gặp đám cướp quét sạch của cải, kêu la khóc nói: Do Sa-môn Thích tử nên tôi mới bị khốn đốn thế này! Đám giặc hỏi: Tôi cướp của ngươi, tại sao lại oán người ta? Người lái buôn kể rõ đầu đuôi câu chuyện. Lũ giặc nghe rồi lại nói: Ngươi gần gũi Sa-môn nên bị đánh, bị giết, bị cướp đồ là phải. Nếu còn có sự gần gũi nữa cũng sẽ bị như vậy. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo kia: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới.

Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến nhà bạch y, họ cho lấy thức ăn theo ý muốn, hoặc bánh, hoặc bún, nếu cần thì nhận hai, ba bát, nhận quá, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo bệnh, vào thôn khất thực, một Cư sĩ cho nhiều thức ăn, bảo lấy theo ý muốn, lấy quá hai, ba bát nhưng không dám thọ nữa, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh nhận quá hai, ba bát. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến nhà bạch y, cho nhiều thức ăn, họ yêu cầu tùy ý lấy, hoặc bánh hoặc bún, cần thì nên lấy hai, ba bát. Nếu không bệnh nhận quá, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo đến nhà mời thọ trai, ăn rồi lại xin thêm mang đi. Các Tỳ-kheo mang vấn đề này bạch Phật. Phật dạy: Đến nhà người mời ăn, không được xin thêm mang đi. Nếu không ăn thì được lấy mang về.

Có các Tỳ-kheo nhận hai, ba bát mang đi rồi, không cho Tỳ-kheo khác cùng ăn. Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nên cho các Tỳ-kheo để cùng ăn. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến nhà bạch y, cúng nhiều thức ăn, yêu cầu tùy ý nhận, hoặc bánh hoặc bún, không ăn tại nhà đó, cần thì nên nhận hai, ba bát, ra ngoài nên cho các Tỳ-kheo cùng ăn. Nếu không***

bệnh, nhận quá mức đó, và không cho các Tỳ-kheo khác ăn, phạm Ba-dật-đề".

Tùy ý cho thức ăn: Tức là đến xin cho liền. Nếu Tỳ-kheo nhận bát thứ nhất, về chùa nên nói với các Tỳ-kheo: Tôi đã nhận nơi nhà đó một bát, còn hai bát, thầy cần thì đến lấy. Nếu nhận bát thứ hai, nên nói: Tôi đã nhận nhà đó hai bát, còn một bát, cần thì thầy đến nhận. Nếu nhận bát thứ ba, nên nói: Tôi đã nhận nhà đó ba bát rồi, đừng đến nhận nữa. Nếu không nói phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa ni di, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các nơi bị đói kém, khất thực khó được, các Tỳ-kheo đều trở về thành Vương-xá. Các Cư sĩ nơi thành Vương-xá hỏi: Tăng có bao nhiêu vị thọ trai và có bao nhiêu người hứa cúng? Các Tỳ-kheo trả lời: Tăng có vị, có đã hứa. Khi ấy, các Cư sĩ họp lại và có chung một giải pháp: Chúng ta sẽ vì các Tỳ-kheo, tùy theo khả năng từng nhà mà làm thức ăn, hoặc một người lo thức ăn từ một cho đến mười Tỳ-kheo. Hoặc hai người cho đến mười người cùng nhau lo thức ăn cho một Tỳ-kheo đến mười Tỳ-kheo. Sắp xếp việc ăn đâu đó ổn rồi, các Cư sĩ chủ

trương lại có ý nghĩ: Chúng ta tuy tùy theo khả năng làm thức ăn để ăn từ một người cho đến mười người, sợ e không chu đáo, nay cần phải kiểm tra lại các vật phẩm để làm thức ăn đồng đều. Nếu có trường hợp nào không đầy đủ ta sẽ bổ túc. Họ thực hiện ngay việc kiểm tra lấy từng vật phẩm, trong số đó có người nghèo, tuy lòng họ không tiếc của nhưng họ không có gạo tốt. Đậu, mạch… thuộc các gia đình nghèo, do kiểm tra đã sung vào một loại. Các Cư sĩ chủ trương liền sai làm các loại thức ăn gấp nên các thức ăn uống đều thô cứng, xấu xí. Các Tỳ-kheo già bệnh không thể ăn được, đem cho người ăn xin hay người ngoại đạo, rồi đến nhà quen biết xin thức ăn khác. Các Cư sĩ biết, dị nghị nói: Chúng tôi giảm bớt phần ăn của vợ con để gieo giống phước điền, tại sao Tỳ-kheo lại coi rẻ thức ăn của chúng tôi?! Sử dụng của đi xin đem cho người ăn xin và ngoại đạo, rồi đi tìm thức ăn ngon khác là sao?! Hạng người này chủ đích là tìm giải thoát, để khỏi già, bệnh, chết, tại sao nay lại tìm thức ăn ngon, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Khi ấy, người thí chủ của Bạt-nan-đà đến giám sát bữa ăn. Bạt-nan-đà đã ăn với chúng rồi, lại đến nhà người thí chủ đòi thức ăn ngon. Người thí chủ hỏi: Vừa rồi Đại đức không ăn với chúng sao? Bạt-nan-đà trả lời: Có ăn với chúng, nhưng sợ đàn-việt mất phước đức cúng riêng, cho nên đến đây. Người

kia dè bỉu nói: Hiện nay ở đời đói khổ, mọi người kiệt quệ mà phải chung nhau làm thức ăn, tại sao lại coi nhẹ để đi tìm thức ăn ngon?! Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự các ông có như vậy không? Có như vậy, bạch Thế Tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn rồi, lại ăn trở lại, phạm Ba-dật-đề".***

Lúc ấy, Tất-lăng-già-bà-ta cùng tám mươi Tỳ-kheo bị bệnh, các Tỳ-kheo vì họ mà xin thức ăn, họ ăn không hết, bỏ trước phòng, các Cư sĩ thấy hỏi: Những thức ăn nào đây? Được trả lời: Thức ăn dư của các Tỳ-kheo bệnh. Các Cư sĩ nói: Sao không lấy ít? Đáp: Vì các Tỳ-kheo bệnh có người ăn nhiều, có người ăn ít, nên chúng tôi không thể lấy ít được. Cư sĩ lại nói: Hiện nay bị đói kém, đem bố thí một hạt cơm, phước cũng đủ sinh thiên, tại sao lại vất bỏ, không ơn huệ để bố thí. Có người lại nói: Các Sa-môn này, thức ăn dư thà họ vất bỏ chứ không cho ai đâu. Chúng ta đã cúng cho Tăng, một hạt cơm rơi xuống đất cũng coi đó là một tội lớn, tại sao Tỳ-kheo lại không tiếc? Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch với Phật. Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan: Có người nào có thể ăn thức ăn ấy hay không? Tôn giả

thưa: Tỳ-kheo nuôi bệnh đi xin thức ăn ấy, vậy mà chính họ vẫn ăn chưa đủ. Họ muốn ăn thức ăn dư ấy, nhưng không dám ăn. Đức Phật nhân việc này, tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo ăn thức ăn dư của Tỳ-kheo bệnh.

Bấy giờ, trong thành Vương-xá chúng Tăng ăn rồi, có Tỳ-kheo từ bên ngoài nhận được thức ăn đem về, các Tỳ-kheo không biết nên giải quyết thế nào, bạch Phật, Đức Phật dạy: Có thể dùng thức ăn này cho Tỳ-kheo bệnh. Quý vị đem cho, các Tỳ-kheo bệnh nói: Thức ăn này làm cho tăng thêm bệnh, chúng tôi không dùng. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho các Tỳ-kheo đến bên Tỳ-kheo bệnh làm pháp tàn thực để ăn. Lúc ấy, trong thành Vương-xá, chúng Tăng ăn rồi đứng dậy, lại có Tỳ-kheo từ bên ngoài nhận được thức ăn đem về, khiến Tỳ-kheo hết bệnh ăn. Tỳ-kheo này không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên đến bên Tỳ-kheo ăn chưa xong, làm pháp tàn thực để ăn. Nếu không có vị nào ăn chưa xong, thì đến vị chưa ăn để làm. Nếu trong chúng không có Tỳ-kheo nào chưa ăn thì nên tìm đến nơi gần nhất, nếu nơi gần nhất lại cũng không có, thì nên cho một Sa-di đủ điều kiện thọ giới Cụ túc, thọ giới, rồi đến bên vị tân Tỳ-kheo đó làm pháp tàn thực để ăn. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn rồi, không làm pháp tàn thực mà ăn, phạm Ba-***

dật-đề”.

Có Tỳ-kheo buổi sáng mời các Tỳ-kheo dùng tiểu thực bằng thức ăn Khư-đà-ni, thức ăn Xa đà ni, các Tỳ-kheo gọi đó là túc thực, không dám ăn nữa, bạch Phật. Phật dạy: Đây không gọi là túc thực. Có năm thức ăn gọi là túc thực: Cơm, cơm khô, bánh, bún, cá và thịt. Đối với năm thức ăn này, mỗi thức ăn có năm trường hợp gọi là túc thực:

Có thức ăn.

Có trao cho.

Có nhận ăn.

Không nhận thêm.

Thân lìa khỏi chỗ cũ.

Nếu lìa khỏi chỗ cũ rồi lại nhận được thức ăn cơm, bún, không làm pháp tàn thực mà ăn thì mỗi miếng ăn phạm Ba-dật-đề. Các Tỳ-kheo không biết cách làm pháp tàn thực, bạch Phật, Đức Phật dạy: Để thức ăn vào bình bát rồi bưng nơi tay, trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, bạch: Trưởng lão nhất tâm niệm: Tôi tên là ăn đã đủ, xin vì tôi làm pháp tàn thực. Tỳ-kheo kia bưng bát, hỏi: Thức ăn này cho tôi phải không? -Vâng! Vị kia ăn một ít còn bao nhiêu trả lại, hoặc hoàn toàn không ăn chỉ bưng rồi đưa lại, nói: Đây là thức ăn dư của tôi, thầy dùng đi! Như vậy gọi là làm pháp tàn thực. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa ni di, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo cùng kết bạn thân với nhau, một người thông minh, một người ám độn thường phạm tội ác, người thông minh luôn luôn nêu tội kia và khuyên bạn phải sám hối. Lòng người ám độn sinh ra giận hờn, dấy lên ý nghĩ: Nay ta cũng sẽ tìm tội lỗi của bạn ta. Nhưng không tìm được bèn chờ người bạn ăn xong, không làm pháp tàn thực, bảo bạn ăn. Tỳ-kheo kia do tình bạn bè nên không nghi, bèn ăn, ăn xong ông bạn ám độn nói: Thầy ăn thêm mà không làm pháp tàn thực, phạm tội cần phải sám hối, đừng để vi phạm phạm hạnh, nhiều đời chịu khổ. Tỳ-kheo kia than phiền: Tôi muốn đem lại điều lợi cho thầy nên cùng nhau chỉ vẽ, tại sao thầy giận tôi đưa tôi đến chỗ phạm tội?! Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng nhiều cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Tỳ-kheo kia nhận là có. Bằng nhiều cách Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không làm pháp tàn thực, nài nỉ cho Tỳ-kheo ăn rồi ăn nữa, muốn khiến cho người kia phạm tội, phạm Ba-dật-đề".***

Có Tỳ-kheo ăn đủ rồi, các Tỳ-kheo không biết lại bảo khiến cho ăn, Tỳ-kheo kia nói: Tôi ăn xong rồi. Các Tỳ-kheo bèn sinh nghi: Ta cố bảo ăn, có phạm Ba-dật-đề không? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không biết người kia ăn xong rồi, bảo họ ăn mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo kia ăn xong rồi, không làm pháp tàn thực, chỉ nài nỉ khiến ăn, muốn cho người kia phạm tội, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu nài nỉ Tỳ-kheo ăn, mỗi miếng phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa ni di, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn chưa chế Tỳ-kheo được nhận thức ăn để ăn. Đối với các gia đình quen biết, các Tỳ-kheo không được mời mà ăn, các bạch y chê trách, nói: Chúng tôi không thích thấy người ác này, mặc áo hoại sắc cắt rọc, không được nhận thức ăn mà ăn. Ăn thức ăn không được người mời (trao) tức là lấy của không cho. Lúc này, Tôn giả Đại Ca-diếp mặc y phấn tảo nhặt những thức ăn đã bỏ đi khắp nơi hang cùng, ngõ hẻm mà ăn. Các Cư sĩ thấy vậy rất

bất bình, chê trách: Sa-môn này giống như chó, được đồ ăn thì ăn không kể sạch dơ, làm sao để cho họ vào nhà chúng ta. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe hai việc như vậy rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, trước hết hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông không thọ thực mà ăn hay không? Các Tỳ-kheo nhận là có. Đức Phật bằng nhiều cách quở trách rồi nói với Ca-diếp: Tuy là ông thiểu dục song làm cho người ta coi thường, vậy không nên ăn thức ăn vất bỏ, nếu ăn thì phạm Đột-kiết-la. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không nhận thức ăn mà để thức ăn vào miệng, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, các Tỳ-kheo được người làm thức ăn mời nếm, không dám nếm, nên khi bị mặn, khi bị lạt, họ buồn không chịu phục vụ nữa. Do vậy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép vì người nấu thức ăn, nếm thức ăn nhưng không được nuốt vào. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không nhận thức ăn mà để thức ăn vào miệng, trừ nếm thức ăn, phạm Ba-dật-đề".***

Lúc ấy, các Tỳ-kheo không nhận nhành dương (tăm xỉa răng) và nước, không dám xỉa răng và súc miệng, thúi miệng, mờ mắt. Khi nói chuyện với ai, họ nghe hơi thối này, hỏi: Tại sao miệng Đại đức thối? Các Tỳ-kheo rất xấu hổ, bèn xin nhận nhành

dương và nước, các người nói: Thầy tự đi tìm lấy, chứ có ai lại trao cho thầy nhành dương và nước. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép nhận nhành dương và nước. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không nhận thức ăn mà để thức ăn vào miệng, trừ nếm thức ăn, nhành dương và nước, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị trúng gió, Tôn giả Mục-kiền-liên đến hỏi: Khi thầy còn ở nhà đã từng có chứng bệnh này chưa? Xá-lợi-phất đáp: Có bị rồi. Hỏi: Trị bằng thứ gì lành? Đáp: Bằng ngó sen. Thế là Mục-kiền-liên đến ao A-nậu-đạt lấy ngó sen đem về. Xá-lợi-phất hỏi: Lấy từ đâu? Mục-kiền-liên trả lời: Nơi ao A-nậu-đạt. Xá-lợi-phất lại hỏi Mục-kiền-liên: Từ ai cho vậy? Nhận từ rồng. Xá-lợi-phất không dám ăn, bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép nhận thức ăn từ rồng.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp đến khất thực nơi nhà người nghèo, Thích-đề-hoàn-nhân khởi ý niệm: Nay Đại đức Ca-diếp khất thực nơi nhà nghèo, ta nên tạo phương tiện để cho Tôn giả nhận thức ăn nơi ta. Theo thứ tự khất thực của Ca-diếp, Thích-đề-hoàn-nhân hóa làm một người thợ dệt ngồi trên khung cửi, lại hóa một người con gái đưa thoi. Theo thứ tự, Ca-diếp đến chỗ thợ dệt, người con gái lấy bình bát đặt đầy thức ăn bách vị đem

dâng. Sau khi nhận lại bình bát, Ca-diếp liền có ý nghĩ: "Người ấy bần cùng làm sao có được thức ăn này", liền nhập định để xem xét biết là trời Đế Thích, bèn nói: Này Kiều Thi Ca! Sau này đừng làm như vậy. Do thế, Ca-diếp không dám ăn, bạch Phật. Phật dạy: Nay cho phép các Tỳ-kheo nhận thức ăn từ hàng trời.

Lúc này, Đức Thế Tôn du hóa trên tuyến đường xa xăm, vào buổi chiều, đến thôn của quỷ Khoáng dã. Gặp được Phật, quỷ thần rất hoan hỷ bèn thỉnh Phật và Tăng thọ trai vào ngày mai. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng. Suốt đêm, quỷ sửa soạn các thức ăn uống đầy đủ. Sáng sớm, trải tòa phu cụ thỉnh Phật và Tăng. Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo phải cùng nhận lời mời của quỷ. Phật và Tăng đến đông đủ rồi ngồi vào tòa. Quỷ thần tự tay san sớt thức ăn. Các Tỳ-kheo không dám thọ, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nay cho phép các Tỳ-kheo nhận thức ăn từ loài quỷ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa nơi rừng cây Ta-la, có một con khỉ từ trên cây nhảy xuống, định lấy bình bát Phật đem đi, các Tỳ-kheo nắm lấy bát không cho. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Cứ để khỉ lấy bát đem đi. Khỉ lấy ngay bát rồi đến trên một cây lớn lấy đầy bát mật ong đem dâng Phật. Đức Phật thấy có ong con nên không nhận. Khỉ nhìn kỹ thấy ong con liền bắt bỏ rồi dâng Phật. Đức Phật vì khỉ nhận bát mật. Thế là khỉ vui mừng nhảy múa,

hớn hở rồi cáo từ. Đức Phật đem bình bát mật ong này cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không dám ăn, bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép nhận thức ăn từ loài khỉ trao.

Khi đó, có người buôn ngựa thỉnh Phật và Tăng đến thọ trai. Sửa soạn vừa xong, có người đến báo: Chuồng ngựa bị cháy. Do vậy người buôn ngựa không tự trao thức ăn được, nói với các Tỳ-kheo: Xin quý vị tự lấy thức ăn cho! Nói xong liền bỏ chạy… Các Tỳ-kheo nghi ngại, không dám lấy thức ăn, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không có tịnh nhân, cho phép các Tỳ-kheo, dựa theo lời người thí chủ, tự lấy thức ăn để ăn.

Lại có các bạch y, từ xa ném thức ăn cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật dạy: Không được nhận thức ăn từ xa ném đến. Có các Tỳ-kheo già bệnh, mắt lại mờ, khi nhận được thức ăn xúc chạm tay tịnh nhân, phải rửa tay nhiều lần nên rất phiền phức, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng lá cây trải trên mặt đất, lấy tay đè xung quanh, khiến họ để thức ăn vào đó, việc này cũng gọi là thọ thực. Các Tỳ-kheo bèn trải rộng lá cây ra, đem điều này bạch Phật. Phật dạy: Không nên trải rộng, chỉ trải ngang bằng tầm tay với tới. Có các bạch y khinh ghét Tỳ-kheo không chịu đích thân trao thức ăn, bỏ trên đất trước mặt Tỳ-kheo và nói:

Tự lấy thức ăn đi! Các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nếu thí chủ

khinh ghét không chịu trao thức ăn, cũng cho phép dựa theo lời nói của họ mà lấy thức ăn.

Có bốn cách thọ: thần trao thân nhận, vật trao vật nhận, tay trao tay nhận, bảo lấy mà nhận. Có nước muối, Tỳ-kheo không thọ, không dám uống, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không bỏ muối vào mà tự nó mặn thì cho phép không thọ được uống. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi bảy

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 8

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn chưa vì Tỳ-kheo chế giới cấm ăn phi thời. Các Tỳ-kheo đi khất thực vào ban đêm, hoặc bị rơi ngã vào hào rãnh, hoặc đụng phải nữ nhân, hoặc gặp kẻ cướp đoạt, hoặc bị các loại thú, trùng làm hại, các Tỳ-kheo ăn bất kể ngày đêm, chểnh mảng việc tu phạm hạnh. Khi ấy, Ca-lưu-đà-di có khuôn mặt đen, mắt đỏ, lại mặc y tạp sắc khất thực trong đêm tối. Một người phụ nữ mang thai thấy bóng Ca-lưu trong tia chớp sáng, hoảng hồn, la lớn: Tỳ-xá-già! Tỳ-xá-già! (ma! ma!) Ca-lưu-đà-di: Tôi là Sa-môn khất thực, chứ không phải là Tỳ-xá-già đâu. Người phụ nữ trong cơn sợ, tức giận mắng không tiếc lời: Tại sao ông không lấy dao mổ bụng đi mà lại khất thực trong đêm tối? Các Sa-môn, Bà-la-môn khác chỉ ăn một lần là đủ, tại sao ông ăn

không kể ngày đêm? Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ca-lưu-đà-di: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn phi thời, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bị nôn thốc thuốc trong bụng ra ngoài, chưa đến bữa ăn mà bụng lại trống không nên ngất xỉu. Các Tỳ-kheo không biết làm thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Dùng tô thoa nơi thân, nếu không giảm thì dùng bột gạo thoa nơi thân, vẫn không lành thì lấy tô hòa với bột gạo thoa nơi thân, vẫn không có hiệu quả thì Đức Phật bảo, lấy nước nóng xoa rửa, nếu cũng không lành thì cho uống nước nóng, vẫn không lành, Đức Phật bảo lấy cái chậu đựng đầy nước

thịt mỡ, rồi đặt ngồi trong đó. Dùng các phương thức trên để làm sao kéo dài cho đến sáng. Dứt khoát không được ăn phi thời. Phi thời: Từ giữa trưa cho đến khi tướng mặt trời chưa xuất hiện gọi là phi thời. Nếu Tỳ-kheo phi thời, tưởng là phi thời, nghi là phi thời, phi thời tưởng là thời đều phạm Ba-dật-đề. Thời, tưởng là phi thời, nghi là thời, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi tám

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Đức Thế Tôn chưa chế giới cấm Tỳ-kheo ăn thức ăn cách đêm. Có một thần miếu nọ là nơi du ngoạn. Mọi người đua nhau mang theo thức ăn ngon đến đây để chiêm bái, thưởng ngoạn, hoặc ở lại thâu đêm với nhiều thức ăn ngon bổ, ê hề. Các Tỳ-kheo nơi đây được cúng dường nhiều thức ăn, ăn không hết, cất chứa trong phòng, không chỗ nào không có. Sâu, chuột tìm đến, đục khoét, phá hoại làm hỏng cả vách tường. Các Cư sĩ thấy hỏi: Ai cất chứa thức ăn đây? Có người nói: Sa-môn Thích tử. Cư sĩ chê trách: Đám trọc đầu này chỉ biết ham hố nhận cho nhiều rồi không hề nghĩ tới việc phí phạm, tổn hao, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp của Sa-môn.

Lại có một Tỳ-kheo A-lan-nhã ở chỗ vắng vẻ, khởi ý niệm: "Ngày nào cũng đi khất thực, phế bỏ việc hành đạo", bèn xin các thức ăn để dành hoặc phơi khô đem cất. Khi ấy, các Tỳ-kheo du hành thấy vậy bảo: Đức Thế Tôn lẽ nào không nói: Áo mặc là để che hình hài, thức ăn là để nuôi sống, tại sao thầy dồn chứa nhiều thức ăn, hong phơi bừa bãi như thế? Tỳ-kheo kia trả lời: Chỗ này cách xa làng xóm, ngày nào cũng đi khất thực phế bỏ việc hành đạo, nên tôi xin để dành cho khỏi phiền bận. Các Tỳ-kheo bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật

tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ăn thức ăn cách đêm, phạm Ba-dật-đề".*** Thức ăn cách đêm: Thức ăn thọ rồi để lại đến ngày mai, gọi là thức ăn cách đêm. Nếu Tỳ-kheo ăn thức này, mỗi miếng ăn phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ ba mươi chín

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, trong nước bị mất mùa, khất thực khó được, hai mươi tám vị tướng quân quỷ thần đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn: Hiện nay, đời bị đói khát, nguyện xin Đức Phật du hành trong nhân gian, chúng con sẽ giáo hóa mọi người, khiến họ phát tâm thiện. Đức Thế Tôn chấp thuận bằng cách im lặng. Kế đến, Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương chủ thế giới Ta Bà cũng đến đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng lui qua một bên, và cũng bạch Phật như vậy.

Đức Phật cũng im lặng chấp thuận. Lúc này, Đức Thế Tôn từ thành Vương-xá cùng một ngàn

hai trăm năm mươi Đại Tỳ-kheo Tăng, lại có năm trăm Tỳ-kheo-ni, năm trăm Ưu-bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di, cùng du hành đến nước Ma-kiệt. Lại có một ngàn nam nữ ngoại đạo, năm trăm người xin ăn, cùng tháp tùng theo sau Đức Phật để ăn thức ăn dôi ra. Đức Thế Tôn đến chỗ nào cũng đều được sự cúng dường nồng nhiệt. Người bốn phương xa gần mang thức ăn đến cúng dường không xiết kể. Phẩm vật cúng dường không cách nào dùng hết. Các Tỳ-kheo đem thức ăn dôi ra cho nam nữ ngoại đạo và người ăn xin. Các Cư sĩ thấy thế bất mãn nói: Sa-môn Thích tử ai cho chi nhận hết nấy, ăn không hết đem cho đám tà kiến, không như người vắt sữa còn biết lưu lại sữa cho bê con. Hoặc có người lại nói: Sa-môn Thích tử hãy còn cúng dường ngoại đạo, tại sao việc này chúng ta lại không phụng sự được. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi đến ấp An-na-tần-đầu, nơi có đại Bà-la-môn tên là Sa-môn, dùng năm trăm cỗ xe chở đầy thức ăn đi theo Phật. Với thời gian hơn năm tháng để chờ đến phiên mình được cúng dường, cuối cùng vẫn chưa được. Người nhà đến báo tin: Nông vụ muốn quá thời hạn, cần về để lo việc nông trang. Đã đến lúc Bà-la-môn kia phải đến chỗ Tôn giả A-nan. Người Bà-la-môn thưa với Tôn giả A-nan: Năm trăm chiếc xe của tôi chở đầy thức ăn, muốn cúng dường Phật và Tăng, theo Phật đến nay đã hơn năm tháng mà chưa cúng dường được, nay người nhà đến báo

tin, phải về, không thể tiếp tục chở theo được nữa. Tôi muốn đem thức ăn này trải dài trên đường rồi mời Phật và Tăng đi ngang qua, cho lòng tôi được mãn nguyện. Tôn giả A-nan nói: Chờ tôi bạch Phật đã. Tôn giả A-nan bạch Phật. Phật dạy: Ông có thể hội ý với người Bà-la-môn ấy, xem xét thức ăn mà các nhà cúng dường, thứ nào thiếu thì làm. Tôn giả A-nan vâng lời và đã trao đổi với người Bà-la-môn như vậy. Người Bà-la-môn thấy không có cháo và bánh ram có dầu và mật. Ông ta cho nấu bảy thứ cháo và làm hai thứ bánh. Sáng sớm, ông ta đến bạch Phật: Bánh và cháo đã làm xong. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Ông nên tiếp tay dọn ra. Tôn giả A-nan vâng lời Phật, dọn bày ra bánh và cháo. Khi ấy, có ngoại đạo, người mẹ bồng một đứa con gái nhỏ, Tôn giả A-nan thấy có đứa nhỏ nên cho bà ta hai cái bánh. Các ngoại đạo nói: Tỳ-kheo này đã tâm nhiễm đối với bà ta nên thiên vị cho hai cái bánh. Có người lại nói: Chính là ông ta cho đứa nhỏ một cái chứ không phải thiên vị. Họ cãi nhau gây sự náo động. Tôn giả A-nan thấy vậy, tự thấy lòng mình không yên, bèn đến chỗ Phật, đem vấn đề ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi A-nan: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đem thức ăn cho nam nữ ngoại***

đạo, phạm Ba-dật-đề”.

Lại có các Tỳ-kheo đem thức ăn cho ngoại đạo lõa thể. Ngoại đạo kia gói một gói bánh đem vào thành Vương-xá. Các người hỏi: Từ đâu đến? Từ đám Cư sĩ trọc đầu đến. Lại hỏi: Vật gì trong gói đó? Đáp: Bánh ram có mật. Hỏi tiếp: Ai cho? Đáp: Các Cư sĩ thì lấy Sa-môn làm ruộng phước, Sa-môn Thích tử lại lấy tôi làm ruộng phước, nên gói bánh này nhận được từ họ đấy. Mọi người bèn chê trách nói: Sa-môn Thích tử không biết tiết chế, tính lường, ham hố thọ nhận mấy cũng không chán. Chúng tôi cắt giảm phần ăn của vợ con để cúng dường, lại đem cho đám người tà kiến ác này. Nếu cần cúng dường thì chúng tôi cúng dường, phiền chi phải nhờ Sa-môn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Có y phục hay lõa hình khác nhau chỗ nào? Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào cho thức ăn cho nam nữ ngoại đạo lõa thể, phạm Ba-dật-đề”***.

Có các ngoại đạo khi Tỳ-kheo ăn, đến xin. Các Tỳ-kheo không dám cho, họ nổi giận mắng: Sa-môn Thích tử dạy người bố thí mà chính mình lại bỏn xẻn thì làm gì có đạo. Nghe như thế, đến các

bạch y có lòng tín kính cũng chê trách nói: Tại sao Sa-môn thường đến người xin, mà lại không cho người khác.

Lại có ngoại đạo do quen thân đến Tỳ-kheo xin, Tỳ-kheo cũng không dám cho, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo cho ngoại đạo ăn, nhưng đừng tự tay mình đưa. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự tay cho nam nữ ngoại đạo lõa thể ăn, phạm Ba-dật-đề"***.

Nếu ngoại đạo đến xin nên dùng một vắt cơm riêng của mình để một chỗ nào đó, khiến họ tự lấy, không nên đem thức ăn của Tăng cho. Nếu có người đến xin, trẻ nít đến xin, chó đến xin, chim đến xin, nên lượng thức ăn của mình nhiều hay ít, giảm bớt một phần để cho, chứ không lấy ngoài phần mình để cho. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu cha mẹ mình là ngoại đạo, tự tay mình trao thì không phạm.

Xong giới thứ bốn mươi

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy có các bạch y đến nơi Tăng phường hỏi các Tỳ-kheo: Tăng có bao nhiêu vị? Các Tỳ-kheo trả lời: Tăng có vị. Các bạch y thưa: Sáng mai, chúng con xin thỉnh chúng Tăng hạ cố đến nhà chúng con thọ bữa

trai đạm bạc. Lục quần Tỳ-kheo nói: Nếu quý Phật tử cho tôi sữa, lạc, tô, dầu, cá, thịt thì tôi sẽ nhận lời mời. Bạch y thưa: Chúng con sẽ vay mượn để ra chợ mua sắm. Không chần chừ, họ cáo lui ngay. Hoặc vay mượn không kết quả hoặc có ra chợ mua thì cũng không được. Sáng hôm sau, sửa soạn thức ăn xong, họ đến mời phó trai. chúng Tăng mặc y, bưng bát đến nơi nhà thì chủ. Các vị an tọa nơi tòa. Đang dùng nước rửa tồi mới ăn, Lục quần Tỳ-kheo hỏi: Tại sao không có sữa, lạc, tô, dầu, cá, thịt? bạch y thưa: Chúng con nhờ cậy không được, mà mua ở chợ cũng không có. Lục quần Tỳ-kheo liền úp bát, bỏ về. Các cư sĩ dè bỉu chê trách: Làm như thể họ là quốc vương hay Đại thần. Phàm người xuất gia cầu giải thoát xin ăn đủ sống, tại sao nay ngược lại, đắm trước vào mỹ vị, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến nhà bạch y, đòi hỏi sữa, lạc, tô, dầu, cá, thịt, phạm Ba-dật-đề".***

Sau đó, các Tỳ-kheo được thức ăn ngon không dám ăn, hoặc ăn rồi xuất tội sám hối. Việc này

được bạch Phật. Do thế, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không đòi hỏi thức ăn ngon mà tự nhiên nhận được để ăn, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến nhà các bạch y đòi hỏi thức ăn ngon như sữa, lạc, tô, dầu, thịt, cá, nếu nhận được và ăn phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp các Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo ăn thức ăn ngon, các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi đòi hỏi các thức ăn này, làm sao có được?! Các Tỳ-kheo bệnh lại gợi lên những suy nghĩ: Nếu Đức Phật cho chúng ta xin hỏi các thức ăn này thì bệnh mới có thể lành. Đem suy nghĩ ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo bệnh được hỏi xin thức ăn ngon. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu trong các gia đình có các thức ăn ngon như sữa, lạc, tô, dầu, các, thịt, Tỳ-kheo nào không bệnh vì mình đòi để được ăn, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu vì Tỳ-kheo bệnh mà hỏi xin, hoặc từ nhà bà con mà đòi, hoặc hỏi xin nơi nhà quen biết, đều không phạm. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bốn mươi mốt

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc này, Bạt-nan-

đà thường thọ nhận sự cúng dường của một Bà-la-môn. Thời gian sau, Bạt-nan-đà mặc y bưng bát đến nhà đó, ông Bà-la-môn không có ở nhà, bèn cùng với người vợ ngồi một chỗ nói chuyện. Trên đường đi, người Bà-la-môn tâm dục phát khởi, liền trở về, thấy Bạt-nan-đà cùng vợ mình ngồi nói chuyện, đã có suy nghĩ: Hiện nay, Tỳ-kheo này nói pháp, chẳng phải lúc hành dục. Ông ta lại ra ngoài nhưng tâm dục càng tăng, trong khoảnh khắc lại trở vào. Bạt-nan-đà vẫn chưa đi. Ông ta lại nghĩ như trước, ức chế tâm dục, rồi đi ra. Trong khoảnh khắc lại trở vào, ông ta nói với vợ: Cho Tỳ-kheo ăn mau để ông ta đi, kẻo phế bỏ việc hành đạo. Người vợ biết ý chồng, không muốn để cho chồng theo tâm dục, trái với lẽ đạo, nên trả lời: Để Tỳ-kheo ăn từ từ, chứ có việc gì đâu gấp? Người chồng nói ba lần như vậy, Bạt-nan-đà vẫn không chịu đi. Ông Bà-la-môn bèn nói: Chúng tôi là bạch y, bận rộn nhiều việc, nào có đủ thời gian nhàn rỗi để gần gũi nhà cửa, vợ con. Tại sao thầy ngồi hoài không đi? Ai biết các thầy tu phạm hạnh? Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, trong nhà ăn,***

cùng ngồi với người nữ, phạm Ba-dật-đề”.

Ăn: Nam nữ dùng tình ái giao cảm nhau.

Ngồi: Biết trở ngại việc làm của họ mà vẫn ngồi. Tỳ-kheo-ni cũng

như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu nhiều người cùng ngồi, hoặc có vật ngăn che, hoặc ngày vợ chồng họ thọ tám giới thì không phạm.

Xong giới thứ bốn mươi hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Bạt-nan-đà thường nhận sự cúng dường của một người Bà-la-môn. Sau đó, Bạt-nan-đà đến nhà, ông Bà-la-môn đi khỏi, cùng với bà vợ ngồi chỗ vắng. Ông Bà-la-môn trở về, nói với bà vợ: Bà cùng với Tỳ-kheo ngồi chỗ vắng, thành thật mà nói, tôi không nghi ngờ gì, nhưng người ta thấy, chắc chắn họ sẽ nói bà làm điều ác, thương tổn đến Sa-môn và nhục cho gia môn mình. Ông Bà-la-môn lại nói với Bạt-nan-đà: Thành thật tôi không nghi Đại đức, Đại đức nên cẩn thận về tiếng xấu này. Người vợ tự ỷ mình có nhan sắc thu hút, nhiều con, giàu có và khéo léo nên quở trách ông chồng: Tôi cùng với Tỳ-kheo ngồi, cốt yếu là không di hại đến ông, chuyện gì ông phải nói những lời tội lỗi như thế? Ông Bà-la-môn nổi giận, trách Bạt-nan-đà: Chúng

tôi là bạch y còn không cùng với vợ của người khác ngồi chỗ vắng, huống chi là các thầy Sa-môn lại làm việc như vậy, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi các quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "***Tỳ-kheo nào cùng với người nữ một mình ngồi chỗ vắng, phạm Ba-dật-đề"***. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bốn mươi ba

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Bạt-nan-đà thường nhận sự cúng dường của một Bà-la-môn, sau đó đến nhà. Ông Bà-la-môn không có ở nhà, Bạt-nan-đà cùng với người vợ Bà-la-môn ngồi chỗ trống… cho đến câu: Đức Phật bằng mọi cách quở trách… như trong giới ngồi chỗ vắng đã nói… bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng với người nữ một mình ngồi chỗ trống, phạm Ba-dật-đề".*** Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bốn mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, biên cương có giặc, Vua Ba-tư-nặc nghiêm lệnh bốn binh chủng để đến đánh dẹp. Lục quần Tỳ-kheo cùng nhau bàn tán: Ta nghe nhà Vua Quán đảnh, mỗi khi chinh phạt, quân nghi hết sức trang nghiêm, oai vệ. Chúng ta chưa từng thấy, có thể cùng nhau đến xem sao. Lục quần bèn đến bên đường, quân tiên phong thấy Tỳ-kheo, giận nói: Hôm nay, tại sao chúng ta gặp người không tốt thế này! Chúng ta ở tại gia nhàm chán không muốn thấy hạng người này, hôm nay hành quân lại không tránh khỏi. Nếu nhà Vua không tin kính thì ta chặt đầu hết đám này. Khi ấy, nhà Vua từ xa trông thấy Lục quần Tỳ-kheo cũng không hài lòng, liền bảo người hỏi: Tại sao các Đại đức có mặt nơi đây? Lục quần trả lời: Chúng tôi nghe nhà Vua Quán đảnh khi xuất trận thì đoàn quân hết sức oai nghiêm hùng hậu. Chúng tôi chưa từng thấy nên cùng đến xem. Nhà Vua nghĩ ngợi: Ai có thể đem việc này bạch với Phật! Nhà Vua lại nghĩ: Bạch không bạch, Đức Phật cũng tự biết. Nhà Vua liền lấy đường phèn và gừng khô gởi cho Lục quần Tỳ-kheo và nói: Đại đức vì tôi mang vật này về dâng Đức Phật, với tất cả lòng chí kính vô lượng của tôi. Lục quần chờ tàn cuộc hành quân mới trở về, đem phẩm vật nhà Vua gởi, dâng lên Đức Phật, thưa: Đây là phẩm vật với tất cả lòng chí kính của Vua,

dâng cúng dường Phật. Đức Phật hỏi Lục quần: Trong trường hợp nào các ông gặp nhà Vua? Lục quần trình bày đầy đủ sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng mọi cách quở trách Lục quần Tỳ-kheo và nói: Các ông ngu si, làm điều phi pháp. Khi quân xuất trận mà gặp Sa-môn là điềm không tốt. Điều này các binh chủng giận dữ, chê trách. Nhà Vua cũng bực mình các ông, cho nên mới gởi vật này đến Ta. Quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào xem quân ra trận, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu khởi tâm muốn xem, chuẩn bị, đã bắt đầu bước, thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, đều phạm Đột-kiết-la. Hoặc nghe, hoặc thấy riêng từng binh chủng trang phục, tiến về phía trước hay lui phía sau, đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu trên đường đi, hoặc chỗ kinh hành gặp mà không đứng lại xem thì không phạm.

Xong giới thứ bốn mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, kẻ dị đạo luận bàn: Nay Vua Ba-tư-nặc và các vị Đại thần có lòng tin chánh pháp đều không có

ở nhà, không ai có thể ngăn chặn được việc làm

của chúng ta, chúng ta sẽ cùng nhau hợp lực đào ống cống cho nước chảy thông qua Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo nghe tin, nói với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di: Quý vị có thể đến tâu với nhà Vua, chứ khả năng chúng tôi không thể ngăn cấm được. Ngay thời điểm ấy, nhà Vua và Đại thần Ất Sư Đạt Đa, Phú-lan-na, Tu-đạt-đa v.v… lâu ngày không thấy dung mạo các Tỳ-kheo, sai người đến thỉnh. Các Tỳ-kheo bàn nói: Nếu Đức Phật cho phép chúng ta đến nơi quân trận, chắc chắn không có trường hợp kẻ dị đạo đào ống cống cho nước chảy qua Kỳ-hoàn. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nay cho phép các Tỳ-kheo đến trong quân trận. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, bèn nhận lời mời thỉnh của nhà Vua. Khi đến nơi đem vấn đề tâu với Vua. Vua liền ra lệnh kẻ nào đào ống cống cho nước chảy qua Kỳ-hoàn sẽ bị giết cả họ. Truyền lệnh xong, nhà Vua thiết lễ cúng dường các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đã nhận được thức ăn ngon bổ rồi lại không chịu ra về. Các quân nhân chê trách, nói: Nơi đây không phải là trú xứ A-lan-nhã, chúng tôi là bạch y không thể trách khỏi quân trận, còn Sa-môn lý do gì lại ở nơi đây?! Hoặc có người lại nói: Các Tỳ-kheo này không tin ưa Phật pháp, chỗ nào có được thức ăn ngon bổ bèn ở, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông

có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào có nhân duyên tới trong quân trạm cho đến hai, ba đêm, nếu quá, phạm Ba-dật-đề".*** Tuy có nhân duyên mà dùng thư tín giải quyết được thì nên dùng thư tín, trường hợp cần phải đích thân đi mới đi. Sự việc xong nên trở về liền, không được ở lại đêm. Nếu việc chưa xong nên ở lại một đêm, một đêm không xong nên ở lại đêm thứ hai, nếu lại không xong nên ở lại đêm thứ ba, việc xong hay không xong, ở quá đêm thứ ba, phạm Ba-dật-đề. Việc xong liền phải trở về không nên ở lại đêm, ở thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bốn mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo tới trong quân trận ở lại ba đêm, xem binh lính cầm binh trượng dàn trận cho đến chiến đấu, chiến sĩ thấy Tỳ-kheo nổi giận nói: Hạng người xui xẻo này lại đến

đây. Nếu nhà Vua không tin ưa Phật pháp, ta sẽ chặt đầu đám này trước khi giết giặc. Nhân đó binh

sĩ loạn chiến, bắn nhằm các Tỳ-kheo, bị thương nhiều. Các Tỳ-kheo cùng dìu nhau về lại chỗ ở. Người đi đường thấy vậy cũng đều giận nói: Như các Sa-môn này bị bắn giết là phải, không có cớ gì đi xem trận làm chi, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, có sự thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào có nhân duyên vào trong quân trận hai, ba đêm, để xem quân trận chiến đấu, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu xem chim, thú đấu đá, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bốn mươi bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, có Tỳ-kheo tên là A-lê-tra phát sinh tà kiến ác, nói: Tôi hiểu rõ lời Phật dạy: Phật nói pháp chướng đạo, thật sự không chướng đạo. Các Tỳ-kheo hỏi: Thật sự ông có nói: Ông hiểu rõ lời Phật dạy: Phật nói pháp chướng đạo, thật sự không chướng đạo hay không?

A-lê-tra nói: Đúng như thế. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Tại sao ông hiểu như vậy? A-lê-tra nói: Trường hợp này có hai Trưởng giả Chất Đa, Tu-đạt-đa và các Ưu-bà-tắc đều sống với năm dục, bị dục chi phối, bị dục thiêu đốt, nay đều đắc đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A na hàm. Lại có các ngoại đạo không bỏ định kiến của mình, xuất gia trong chánh pháp cũng được bốn quả Sa-môn. Do vậy, cho nên tác động tôi hiểu như vậy. Các Tỳ-kheo muốn cho đương sự bỏ tà kiến ác này nên can gián, bảo: Thầy chớ nói như vậy, chớ hủy báng Đức Thế Tôn, chớ vu không Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn không nói như thế. Thầy nên bỏ tà kiến ác đó đi. Đức Thế Tôn bằng mọi phương tiện quở trách dục, nói dục như đống xương đỏ, cho đến như chất độc. Nếu thọ hưởng năm dục, bị dục thiêu đốt, bị mê loạn vì cảm giác dục và các ngoại đạo không bỏ kiến giải cũ của mình mà đạt được bốn quả Sa-môn đều là những việc không thể có. Các Tỳ-kheo can gián như vậy, song đương sự lại tăng thêm tà kiến, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, bạch: Bạch Đại đức, A-lê-tra khởi tà kiến như vậy: (trình bày đầy đủ như trên) cúi xin Tôn giả rủ lòng thương khuyến dụ can gián cho bỏ việc ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất chấp thuận bằng cách im lặng. Tôn giả đến ngay chỗ A-lê-tra ở, hỏi chào thăm viếng rồi ngồi qua một bên, hỏi: Thật sự ông có như vậy không? A-lê-tra trả lời: Đúng như vậy

(nói đầy đủ như trước). Tôn giả Xá-lợi-phất can gián: Thầy chớ nên nói như vậy. Những điều thầy nói là phi pháp, phi luật. Bằng mọi cách Tôn giả quở trách, Tỳ-kheo kia vẫn kiên trì không bỏ. Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Đức Phật, trình bày đầy đủ rồi thưa: Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót khuyến dụ Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ tà kiến ác. Đức Phật liền bảo một Tỳ-kheo: Ông kêu A-lê-tra đến đây. Vị kia vâng lời đến bảo A-lê-tra: Đức Đại sư gọi thầy. A-lê-tra liền đến, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi A-lê-tra: Thật sự ông có như vậy không? A-lê-tra thưa: Bạch Thế Tôn, thật sự con có như vậy. Đức Phật lại hỏi: Tại sao ông hiểu Ta nói như thế? A-lê-tra trả lời như trước. Đức Phật nói: Ông là người ngu si. Ông chớ nên hủy báng Như Lai, chớ nên vu khống Như Lai. Tại sao vậy? Ta nói pháp chướng đạo. Nếu thọ hưởng năm dục, bị lửa dục thiêu đốt, bị cảm giác dục làm mê loạn, và ngoại đạo không xả kiến giải cũ mà chứng đạt bốn quả Sa-môn là điều không thể có. Đức Thế Tôn khuyên dạy như vậy mà A-lê-tra vẫn không bỏ. Đức Phật lại nói: Ta thấy ông khởi tà kiến ác, đó là hủy báng Ta, là vu khống Ta, ông trở về lại trú xứ, Ta tự hỏi lại các Tỳ-kheo khác. A-lê-tra đi rồi, Đức Phật muốn biết rõ tà kiến ác của Tỳ-kheo kia, nên hỏi các Tỳ-kheo: Các ông hiểu lời nói của Ta có như A-lê-tra hay không? Các Tỳ-kheo thưa:

Chúng con không hiểu như vậy. Đức Thế Tôn hỏi: Các ông hiểu thế nào? Các Tỳ-kheo thưa: Phật nói pháp chướng đạo, thật sự là chướng đạo (nói đầy đủ như trước). Đức Phật dạy: Lành thay! Các ông đã khéo hiểu ý của Ta nói. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên sai một Tỳ-kheo thân thiện với A-lê-tra, nơi chỗ vắng dùng lời mềm mỏng can gián: Thầy chớ nên nói như vậy, chớ nên hủy báng Phật. Đức Phật dạy pháp chướng đạo, thật sự là chướng đạo. Thầy nên bỏ tà kiến ác như vậy. Bỏ thì tốt, không bỏ thì số đông Tỳ-kheo đến can gián như trên. Bỏ thì tốt, không bỏ thì Tăng nên đến, cũng can gián như trên, bỏ thì tốt. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy can gián ba phen như vậy. A-lê-tra vẫn kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, chuyển lời quở trách A-lê-tra rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nói như vậy: Như chỗ tôi hiểu, những gì Đức Phật dạy là pháp chướng đạo thì thật sự không chướng đạo. Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo này: Thầy chớ nói như vậy, chớ hủy báng Phật. Đức Phật nói pháp chướng đạo, thật sự là chướng đạo. Thầy nên bỏ tà kiến ác đó. Khi can gián như vậy đương sự kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thức hai, lần thứ ba can gián mà bỏ việc này thì tốt. Không bỏ, phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-

kheo kia không bỏ tà kiến ác, các Tỳ-kheo hoặc thấy hoặc nghe, sai một Tỳ-kheo can gián nơi chỗ vắng, nếu đương sự bỏ thì trao cho một Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì số đông Tỳ-kheo đến can gián, chịu bỏ, thì trao cho hai Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì Tăng đến can gián, chịu bỏ, thì trao cho ba Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ nên Bạch-tứ-yết-ma để can gián. Một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là sinh tà kiến ác nói như vầy: Như chỗ tôi hiểu, những gì Đức Phật nói là pháp chướng đạo, sự thật không chướng đạo. Tăng đã can gián: Chớ nói như vậy, chớ hủy báng Phật, chớ vu khống Phật. Đức Phật nói pháp chướng đạo, thật sự là chướng đạo. Tăng can gián như vậy đương sự kiên trì không bỏ. Nay Tăng Yết-ma can gián. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Tác bạch rồi nên nói: Tăng đã bạch rồi, thầy nên bỏ tà kiến ác đó đi. Nếu đương sự chịu bỏ thì trao cho bốn Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ thì nên xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là nói như vầy: Theo chỗ tôi hiểu, những gì Đức Phật nói là chướng đạo, sự thật không chướng đạo. Tăng đã can gián: Chớ nói vậy, chớ hủy báng Phật, chớ vu khống Phật. Phật nói pháp chướng đạo, sự thật là chướng đạo. Tăng can gián như thế, đương sự kiên trì không bỏ. Nay Tăng Yết-ma can gián. Các Trưởng lão nào chấp nhận thì im lặng, vị nào

không đồng ý xin nói. Xướng rồi nên nói: Tăng đã Yết-ma lần thứ nhất rồi, thầy nên bỏ tà kiến ác ấy đi. Nếu đương sự chịu bỏ thì trao cho năm Đột-kiết-la hối quá. Nếu không chịu bỏ thì nên xướng lần thức hai như trên. Xướng xong lại nói: Tăng đã Yết-ma lần thứ hai rồi, thầy nên bỏ tà kiến ác ấy đi. Nếu bỏ thì trao cho sáu Đột-kiết-la hối quá. Nếu không bỏ nên xướng lần thứ ba. Xướng lần thứ ba chưa xong mà bỏ cũng trao cho sáu Đột-kiết-la hối quá. Yết-ma lần thứ ba rồi, bỏ hay không bỏ cũng phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bốn mươi tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo biết A-lê-tra không bỏ tà kiến ác cùng ngồi, cùng lời trao đổi, cùng ngủ, cùng làm việc. Các Tỳ-kheo quở trách, nói: A-lê-tra không bỏ tà kiến ác, Tăng đã Yết-ma rồi, tại sao các thầy cùng ngồi, cùng chuyện vãn, cùng ngủ, cùng làm việc? Các Tỳ-kheo nghe không hài lòng. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo kia không như pháp sám hối, không bỏ tà kiến ác, cùng ngồi, cùng nói, cùng ngủ, cùng làm việc, phạm Ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo nói chuyện lâu hay mau, mỗi lời nói phạm một Ba-dật-đề, cùng ngồi, mỗi lần ngồi phạm một Ba-dật-đề, cùng ngủ, mỗi lần ngủ phạm một Ba-dật-đề, cùng làm việc, mỗi việc làm phạm Ba-dật-đề. Tuy xả tà kiến ác, Tăng chưa giải Yết-ma, cũng phạm Ba-dật-đề. Nếu khởi tà kiến ác, Tăng chưa Yết-ma, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu không biết, cho đến Yết-ma không như pháp thì không phạm.

Xong giới thứ bốn mươi chín

Đức Phật ở thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà có hai Sa-di sinh tà kiến ác, nói như vầy: Như chỗ tôi hiểu Đức Phật dạy: Thọ hưởng năm dục không có gì chướng đạo… cho đến câu: Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật, như trong giới A-lê-tra sinh tà kiến ác đã nói: Đức Phật liền ra lệnh một Tỳ-kheo: Ông kêu hai Sa-di kia đến đây. Vâng lời Phật Tỳ-kheo đến nói: Đại sư kêu hai ông. Hai Sa-di vội theo lời dạy đến đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật hỏi hai Sa-di: Thật sự các ông có

như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật hỏi hai Sa-di: Các ông hiểu lời nói pháp của Ta như thế nào? Hai Sa-di trả lời như A-lê-tra đã nói. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nên gọi hai Sa-di này đến giữa Tăng dạy bảo họ xả bỏ, nếu bỏ thì tốt, không bỏ, Tăng nên Bạch-tứ-yết-mA-diệt tẫn. Một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe, Sa-di tên là không xả bỏ tà kiến. Nay Tăng trao cho pháp diệt tẫn. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Lại xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe, Sa-di tên là… không bỏ tà kiến ác. Nay Tăng trao cho pháp diệt tẫn. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xướng như vậy. Tăng trao cho Sa-di tên… pháp diệt tẫn rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Hai Sa-di kia đã bị Tăng diệt tẫn rồi, bèn du hành trong nhân gian. Trái lại, Bạt-nan-đà nuôi hai Sa-di kia lại cùng nói chuyện, cùng ngủ. Các Tỳ-kheo nói: Tăng đã Yết-mA-diệt tẫn hai Sa-di này rồi, thầy chớ nên nuôi, chớ nên cùng nói chuyện, cùng ngủ. Bạt-nan-đà nói: Sa-di này là anh của tôi, nếu tôi không chăm sóc thì ai chăm sóc? Ai có thể bảo hộ sự cô đơn, khổ sở, để họ được an lạc?! Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không?

Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu Sa-di nói như vầy: Như chỗ tôi hiểu, những gì Phật nói, thọ hưởng năm dục, không trở ngại gì đối với đạo. Các Tỳ-kheo nói với Sa-di này: Người đừng nói như vậy, đừng hủy báng Phật, đừng vu khống Phật. Đức Phật dạy: Thọ hưởng năm dục thật sự có trở ngại đối với đạo. Này Sa-di! Ngươi nên xả bỏ tà kiến ác này. Khi dạy bảo như vậy, Sa-di kiên trì không bỏ, nên dạy bảo lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba dạy bảo, Sa-di bỏ thì tốt, nếu không bỏ, các Tỳ-kheo nên nói với Sa-di ấy: Ngươi đi đi! Từ nay ngươi đừng nói Phật là thầy của tôi, đừng đi theo sau Tỳ-kheo, như các Sa-di khác. Các Sa-di khác được cùng phòng Tỳ-kheo ngủ hai đêm, ngươi cũng không được phép điều đó. Ngươi là người ngu si nên đi khỏi chỗ này, đừng ở nơi đây nữa. Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di bị diệt tẫn như vậy mà nuôi dưỡng, cùng ở, cùng nói chuyện với họ, phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-ni-di, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm mươi

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Trưởng lão Ca-lưu-đà-di không thích thấy Tỳ-kheo xấu, cũng không thích thấy các loài chim quạ. Lúc này, có bầy quạ tập trung đậu trên nóc nhà, lại có các bạch y cầm cung đến tìm bắn. Ca-lưu-đà-di nói: Các loài chim quạ này đầy đủ mười pháp của Tỳ-kheo tệ ác:

Bỏn xẻn.

Tham lam.

Mặt đáng ghét.

Chịu nhục.

Xấu xí.

Không từ bi.

Mong cầu.

Không nhàm đủ.

Chứa để.

Ưa quên.

Loài chim này có đủ mười pháp như vậy, các người muốn giết nó không? Người không tin tội phước nói: Muốn giết. Ca-lưu-đà-di liền lấy cây cung và hỏi mọi người: Muốn bắn chỗ nào? Có người nói: Bắn con mắt bên trái. Ca-lưu-đà-di bắn ngay nơi con mắt bên trái, chim chết. Lại có người nói: Bắn con mắt bên phải. Ca-lưu-đà-di liền bắn ngay nơi con mắt bên phải, chim chết. Chỉ trong chốc lát mà cả chục con chim bị chết. Các người không tin Phật pháp chê trách, nói: Đám Sa-môn này thường nói từ bi, hộ niệm chúng sinh, mà nay

giết hại một cách vô đạo, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Ca-lưu-đà-di: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đoạn mạng súc sinh, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp các Tỳ-kheo trên đường đi, hoặc kéo vật dụng, hoặc hong bát, ngộ sát các loài trùng, sinh lòng ân hận, có người hỏi quá xuất tội, đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Ngộ sát chúng sinh mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cố tâm đoạt mạng chúng sinh, phạm Ba-dật-đề"***. Súc sinh: Trừ loài rồng, ngoài ra đều thuộc súc sinh. Cố tâm đoạt mạng: Cố tâm muốn giết, trước khi giết hại. Nếu đoạt mạng súc sinh, tùy theo nhiều ít, đều phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm mươi mốt

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm Tỳ-kheo mười bảy người đến trú xứ của Lục quần Tỳ-kheo. Lục quần Tỳ-kheo lại nảy ra ý nghĩ: Số Tỳ-kheo này có tâm hổ thẹn, tri túc, thiểu dục, nay đến đây chắc thấy lỗi lầm của ta. Chúng ta nên tạo ra phương cách khiến họ sinh nghi hối. Đã sinh nghi hối rồi chắc họ sẽ trở về chỗ của thầy họ. Ý nghĩ đi liền với hành động, Lục quần liền nói: Quý vị đã khéo thọ giới Cụ túc rồi chứ? Thọ giới có giới trường hay không? Yết-ma có như pháp hay không? Không phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la hay không? Có khéo phòng hộ thân khẩu hay không? Hòa thượng, A-xà-lê của quý vị trước kia có khéo thọ giới Cụ túc, cho đến khéo hộ thân khẩu không? Nhóm Tỳ-kheo mười bảy người thưa: Chúng con không tự biết, cũng không biết Hòa thượng, A-xà-lê thế nào! Nay chúng con xin thưa hỏi Đại đức, xin Đại đức chỉ vẽ cho chúng con: Khi chúng con thọ giới Cụ túc, và Hòa thượng, A-xà-lê của chúng con, tất cả có như pháp không? Lục quần Tỳ-kheo nói: Nếu tôi có nói thật thì các ông cũng không tin. Các ông nên hỏi người nào các ông từng tin cậy. Khi ấy, Thập thất quần bèn đến chỗ thầy mình để hỏi sự việc trên. Thầy của họ trả lời: Mọi việc của các con đều như pháp và xưa kia ta thọ giới cũng như pháp. Nhưng ai là người gây sự nghi hối ấy. Thập thất quần thưa: Chính Lục quần Tỳ-kheo là

người gây nghi hối này. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào khiến các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp có Tỳ-kheo phạm tội, lòng sinh nghi ngờ, hỏi các Tỳ-kheo: Tôi phạm các việc như vậy, như vậy, thuộc về những tội nào? Các Tỳ-kheo được hỏi, lại nghĩ ngay đến lời Phật dạy: Đức Phật đã kiết giới, không cho phép khiến các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ. Do thế, các Tỳ-kheo phải trả lời: Không biết, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Không muốn khiến sinh nghi ngờ, mà nói rõ chỗ tội của họ phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cố ý khiến Tỳ-kheo khác sinh nghi ngờ khởi ý niệm: khiến Tỳ-kheo kia sinh khổ não, dù chỉ trong chốc lát, phạm Ba-dật-đề".*** Nghi ngờ: Nghi về chỗ sinh, nghi về thọ giới, nghi về phạm giới, nghi về y phục. Nếu làm cho Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nghi ngờ, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni khiến cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sinh nghi ngờ, phạm Ba-dật-đề. Làm cho Thức-

xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nghi ngờ, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni tạo ra nghi ngờ cho năm chúng, đều phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm mươi hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Lục quần Tỳ-kheo có thế lực ngăn Yết-ma và giải Yết-ma của Tăng, Tăng không nghe theo thì họ đứng dậy bỏ đi, đến chỗ Tỳ-kheo bị đuổi, nói: Thầy đừng ưu sầu, tôi đã yểm trợ thầy, ngăn Yết-ma của Tăng. Tăng không theo ý tôi, tôi liền đứng dậy bỏ đi, như vậy Yết ma ấy không thành. Lục quần Tỳ-kheo đến chỗ Tỳ-kheo được giải Yết-ma, nói: Thầy đừng tưởng là Tăng đã giải Yết-ma cho thầy. Khi Tăng giải Yết-ma, tôi đã ngăn, Tăng không theo ý tôi, tôi liền bỏ đi. Như vậy là Yết-ma giải không thành, nay thầy có thể tự cầu Tăng để giải. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào khi Tăng xử đoán sự, đứng dậy bỏ đi, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, các Tỳ-kheo có việc cần đi mà không

dám đi, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo, có việc cần, trao dục, rồi đứng dậy đi. Trao dục: Nói với một người: Trưởng lão nhất tâm niệm, nay Tăng xử đoán sự, tôi Tỳ-kheo tên là như pháp Tăng sự, xin trao dục. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào khi Tăng đoán sự, không trao dục, đứng dậy bỏ đi, phạm Ba-dật-đề"***. Tăng đoán sự: bạch yết-ma, bạch nhị, Bạch-tứ-yết-ma. Nếu Yết-ma trong thất, tùy theo ra khỏi thất bao nhiêu lần thì mỗi lần phạm một Ba-dật-đề. Nếu Yết-ma nơi chỗ đất trống, mỗi lần đi cách Tăng một tầm thì phạm một Ba-dật-đề. Nếu người có thần thông thì đi cách đất bốn ngón tay, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tăng không Yết-ma đoán sự mà bỏ đi ra thì phạm Đột-kiết-la. Nếu nơi phòng riêng đoán sự, đến rồi bỏ ra đi, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Nếu Tăng không Yết-ma đoán sự và đoán sự nơi phòng riêng, Sa-di được ở trong đó, nếu đứng dậy đi phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng như vậy. Nếu Tăng không như pháp Yết-ma, không gởi dục, đứng dậy bỏ đi, không phạm.

Xong giới thứ năm mươi ba

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thập thất

quần Tỳ-kheo (nhóm Tỳ-kheo mười bảy người) đến trú xứ của Lục quần Tỳ-kheo, cùng nhau thọc lét. Có một Tỳ-kheo bị nhiều Tỳ-kheo thọc lét, không ngăn được cơn cười, nên bị hết hơi, chết. Thập thất quần Tỳ-kheo thương khóc. Các Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi: Tại sao khóc kể như thế? Thập thất quần Tỳ-kheo thưa: Có một Tỳ-kheo bị cười giỡn quá trớn nên chết, cho nên chúng con thương khóc. Các Trưởng lão lại hỏi: Vì sao đưa đến sự việc như thế? Thập thất quần Tỳ-kheo thưa: Chúng con cùng nhau thọc lét, vị ấy không chặn được cơn cười nên ngút hơi chết. Các Tỳ-kheo quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Thập thất quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào thọc lét Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo thọc lét Sa-di, cho đến súc sinh, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Thập thất quần Tỳ-kheo đến sông A-di-la lấy nước, nhân đó

xuống tắm, bơi lội, lặn hụp vui đùa, tát nước lên nhau. Vua Ba-tư-nặc cùng phu nhân Mạt-lợi, lên trên lầu cao, từ xa nhìn thấy. Vua nói với phu nhân: Ruộng phước của "mình" kia kìa. Phu nhân tâu với Vua: Đức Phật chưa chế giới, tuổi nhỏ xuất gia, chưa hiểu giáo pháp, "mình" đừng thấy vậy, sinh lòng không tin kính đối với các Tỳ-kheo khác, để rồi thọ khổ lâu đời. Thập thất quần Tỳ-kheo vui chơi đủ kiểu rồi đứng trên mặt nước mặc y. Phu nhân thấy, tâu với Vua: "Mình" thử xem kìa, ruộng phước của em thờ là đó. Mặc y xong, Thập thất quần Tỳ-kheo lấy bình nước ném lên hư không rồi bay theo để lấy. Từ trên lầu nhìn qua giống như nhạn chúa. Phu nhân lại tâu với Vua: Kìa "mình" lại xem ruộng phước của em thờ là đó. Nhà Vua rất hoan hỷ, lòng kính tin càng tăng. Ngay sau đó, phu nhân bảo Bà-la-môn Na-lân Già: Ngươi đến chỗ Đức Phật để kính trình việc này. Na-lân Già vâng lệnh đến trình sự việc. Đức Phật vì ông nói pháp, chỉ bày chỗ lợi ích, vui mừng, rồi Phật bảo đi về. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Thập thất quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Kính bạch Thế Tôn có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đùa giỡn trong nước, phạm Ba-dật-đề"***. Đùa giỡn trong nước cho đến dùng đồ đựng nước để tạt với nhau,

đều phạm Ba-dật-đề. Nếu vắt tuyết, cho đến thổi sương trên đầu ngọn cỏ để chơi, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu không nhằm mục đích để đùa giỡn thì không phạm.

Xong giới thứ năm mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn chưa cấm Tỳ-kheo cùng người nữ đồng nhà ngủ, nên hoặc có một Tỳ-kheo và một người nữ, hoặc nhiều Tỳ-kheo và số ít người nữ, hoặc số ít Tỳ-kheo và nhiều người nữ đồng nhà ngủ, do vậy sinh tâm nhiễm đắm, có người hoàn tục, có người làm ngoại đạo. Các Cư sĩ thấy chê trách, nói: Các Sa-môn này cùng người nữ đồng nhà ngủ, so với bạch y đâu khác gì, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Khi ấy, có người đàn bà tuổi trẻ, chồng chết, nảy ra ý nghĩ: Nay ta nên bằng cách nào để tìm người vừa ý. Người đàn bà ấy lại nghĩ: Ta không thể đến gõ cửa từng nhà, chi bằng làm một khách xá để cho người tại gia hay xuất gia đến tạm nghỉ theo ý muốn của họ, từ đó mình sẽ chọn một người. Bà ta liền thực hiện đúng ý đồ. Bà bố cáo khách đi đường: Ai cần nghỉ đêm thì đến nghỉ. Khi ấy, A-na-luật đến thôn kia thì trời đã xẩm tối, tìm nơi

nghỉ lại đêm, có người giới thiệu tới nơi nhà bà ta. A-na-luật liền đến xin tạm trú qua đêm. Trước khi chưa xuất gia, A-na-luật vốn đã có dung mạo đẹp đẽ, sau khi đắc đạo sắc tướng còn đẹp hơn gấp bội. Người đàn bà goá chồng kia trông thấy A-na-luật liền sinh tà ý: Nay ta có cơ hội được một người chồng đẹp trai. Bà ta liền chỉ chỗ cho A-na-luật vào nghỉ. A-na-luật vào nhà ngồi kiết già. Ngồi chưa được bao lâu thì có đoàn khách buôn đến xin tá túc. Bà quả phụ nói: Tuy tôi là chủ khách xá này nhưng tôi đã cho vị Tỳ-kheo nghỉ lại đêm, quý vị nên hỏi ông ta. Đoàn khách buôn, theo lời người chủ khách xá đến hỏi A-na-luật. A-na-luật nói với người đàn bà: Nếu do tôi thì họ được phép đến ở. Đoàn buôn liền vào khách xá để nghỉ. Người đàn bà kia lại nảy ra ý nghĩ: Nên mời Tỳ-kheo vào nhà trong, vì sẽ có người đến bất ngờ nữa. Bà ta liền vào trong nhà trải giường tốt, đốt đèn rồi mời A-na-luật. A-na-luật vào nhà trong rồi ngồi kiết già, buộc ý niệm trước mắt. Sau khi mọi người đã ngủ, người đàn bà đến nói với A-na-luật: Đại đức có biết chủ ý của tôi khi làm khách xá này không? A-na-luật nói: Chủ ý của bà muốn cầu phước đức nên làm phước xá này. Người đàn bà kia nói: Bổn ý không phải vậy mà là chọn người làm chồng. A-na-luật nói: Thưa bà, chúng tôi không thể làm điều ác ấy, Đức Thế Tôn chế pháp cũng cấm làm điều đó. Người nữ góa chồng nói: Tôi con nhà quý tộc, ở độ tuổi

dồi dào sức lực, lễ nghi hoàn bị, của cải nhiều, muốn vì Đại đức cung cấp mọi thứ cần dùng, nguyện Đại đức thuận ý cho. A-na-luật vẫn trả lời như trước. Bà goá chồng lại có ý nghĩ táo bạo: Kẻ nam tử bị mê hoặc vì sắc, ta cần lộ hình đến đứng trước mặt. Thế là bà thoát y đến đứng trước A-na-luật, vừa cười, vừa nói khêu gợi. A-na-luật nhắm mắt ngồi thẳng, quán tưởng đống xương đỏ. Bà ta lại nghĩ: Ta vận dụng khả năng đến thế mà vẫn không thuyết phục được đối phương, bèn leo lên giường cùng ngồi. Ngay tức thời, A-na-luật vụt lên hư không. Bà ta rất đỗi thẹn thùng, tâm sinh xấu hổ, vội vàng mặc lại y, chấp tay hối quá, thưa: Bạch Đại đức, con thật là ngu si, nay con không còn nghĩ đến những ý nghĩ xấu ác đó nữa, nguyện Đại đức giũ lòng thương tha thứ cho con sám hối. A-na-luật nói: Tôi nhận sự sám hối của bà và nhân đó A-na-luật giảng nói các pháp vi diệu. Đoạn đầu, chặng giữa hay đoạn sau của bài pháp đều thiện, ý nghĩa thiện và hương vị thiện, đầy đủ tướng thanh bạch phạm hạnh. Bà goá phụ nghe pháp rồi liền xa trần, lìa cầu, đạt mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, A-na-luật lại đi đến chỗ Đức Phật thuật lại sự việc, luôn cả việc của các Tỳ-kheo trước, trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi các quở trách rồi bảo các

Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng người nữ đồng nhà ngủ, phạm Ba-dật-đề".*** Người nữ kể cả mới sinh, và người nữ hai căn đồng nhà ngủ, Ba-dật-đề. Nhà: Như trong giới cùng người chưa thọ Cụ túc đã nói. Nếu cùng phi nhân nữ, súc sinh nữ, huỳnh môn đồng nhà ngủ, đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu nhà có lợp, có ngăn cách, hoặc đại hội nói pháp, hoặc mẹ hay chị em thân thuộc có bệnh mà có người nam tử hiểu biết làm bạn, không nằm đều không phạm.

Xong giới thứ năm mươi sáu

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Lúc ấy, Đức Thế Tôn chưa cấm Tỳ-kheo uống rượu. Có các Tỳ-kheo ở trong hàng quán hay trong nhà bạch y, uống nhiều rượu say túy lúy. Có khi rớt xuống hào và va đầu vào vách, có khi làm cho y bát bể, rách, thương tổn đến thân thể. Các bạch y thấy chê trách nói: Chúng ta là bạch y còn không uống rượu, huống chi là Sa-môn Thích tử bỏ đời cầu đạo mà lại uống rượu quá hơn người đời, không xứng mặc y hoại sắc cắt rọc, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ nước Câu-xá-di

đến ấp Bạt-đà-việt. Khi ấy, nơi trú xứ của Phạm chí bện tóc có một con độc long, thường phun mưa đá làm hại ruộng vườn. Các cư dân ở đấy thường tâm niệm: Trong số Sa-môn, Bà-la-môn ai là người có oai đức có thể hàng phục được con rồng này! Nghe Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử tới ấp không ai là không vui mừng, họ kéo đến nghinh đón, đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nơi ấp này thường có một con độc long ác, phá hoại ruộng vườn, chúng con hằng tâm niệm: Mong sao có được một bậc đại oai đức để hàng phục nó. Lúc này, Sa-kiệt-đà đang đứng phía sau quạt hầu Phật, Đức Phật liền quay lại hỏi: Ông có nghe các Cư sĩ này trình bày sự việc không? Bạch Thế Tôn, có nghe. Lần thứ hai, lần thứ ba Phật hỏi và Sa-kiệt-đà trả lời cũng như vậy. Sa-kiệt-đà liền có ý nghĩ: Đức Thế Tôn Ba lần hỏi là ý muốn ta hàng phục con độc long này. Ngay lúc ấy, Sa-kiệt-đà đến trước Phật kính lễ sát chân Ngài rồi nhiễu quanh và lui ra. Đi về chỗ ở của rồng, với ý niệm: Nay ta nên hàng phục con rồng này, làm thế nào đừng để nó hư hoại thân thể, bằng cách thu thân nó nhỏ lại như cái que cây. Sa-kiệt-đà liền vào trong nhà Phạm chí, ngồi lui qua một bên. Thân con rồng bèn tuôn ra khói, thân của Sa-kiệt-đà cũng tuôn ra khói. Cả thân con rồng thành lửa. Lửa nơi rồng biến thành năm sắc, lửa của Sa-kiệt-đà cũng biến thành năm sắc. Thế là Sa-kiệt-đà thu hóa

thân rồng nhỏ lại như cây que, bỏ vào trong bình bát đem đến chỗ Phật. Sa-kiệt-đà thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Độc long ác này đã được hàng phục, nay nên để nó vào chỗ nào? Đức Phật dạy: Nên để nó nơi trung gian thế giới. Sa-kiệt-đà vâng lời Phật dạy, trong chớp nhoáng như kẻ lực sĩ co duỗi cánh tay, đem nó để nơi trung gian thế giới, rồi trở về. Vào lúc này, Đức Thế Tôn có ý muốn rời ấp Bạt-đà-việt trở về Câu-xá-di. Khi nghe Sa-kiệt-đà hàng phục con độc long, các Cư sĩ ấp Bạt-đà-việt rất vui mừng, hỏi các Tỳ-kheo: Sa-kiệt-đà là vị nào? Khi ấy, Sa-kiệt-đà đang đứng phía sau Phật. Các Tỳ-kheo nói: Người đứng hầu phía sau Phật đấy. Các Cư sĩ liền đến trước mặt Sa-kiệt-đà, kính lễ sát chân và thưa: Xin Tôn giả nhận lời thỉnh mời của chúng con. Sa-kiệt-đà im lặng nhận lời. Các Cư sĩ thưa: Đại đức cần những thức ăn gì? Sa-kiệt-đà nói: Khi tôi còn là bạch y, tánh ưa rượu thịt. Cư sĩ hoan hỷ, vội vàng sắm sửa đầy đủ. Sa-kiệt-đà đến nhà Cư sĩ ấy được mời ăn. Sau khi ăn thịt uống rượu hết sức no đủ, trở về lại Câu-xá-di. Vừa lúc đến ngoài Tăng phòng vì quá say, nên té xuống đất, ói mửa, y bát vung vãi lung tung. Qua thiên nhãn, Đức Thế Tôn đã từ xa nhìn thấy, Ngài bảo Tôn giả A-nan: Ông cùng Ta ra ngoài Tăng phường mà xem. Vâng lời dạy. Tôn giả đi theo Phật ra ngoài Tăng phường chứng kiến sự thật về cảnh say sưa. Đức Phật cùng Tôn giả khiêng Sa-kiệt-đà đặt cạnh

giếng nước. Đức Phật tự xách nước dội, còn A-nan thì lau rửa sạch sẽ, rồi mặc y vào, để nằm trên giường dây, đầu hướng về Đức Phật. Trong giây lát, Sa-kiệt-đà lại xoay chuyển mình, co chân đạp Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Sa-kiệt-đà trước đây có kính trọng Đức Phật không? Các Tỳ-kheo thưa: Có kính trọng. Ngài lại hỏi: Hiện nay còn kính hay không? Bất kính! Các Tỳ-kheo thưa. Đức Phật lại hỏi: Có nên uống rượu để rồi mất bản tính tốt hay không? Đáp: Không nên, bạch Thế Tôn. Đức Phật lại hỏi: Trước đây Sa-kiệt-đà có thể hàng phục độc long, nay có thể hàng phục được con ễnh ương hay không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Các Tỳ-kheo lại đem việc xảy ra trước kia bạch đầy đủ với Đức Phật. Do nhân duyên này, Đức Phật bằng mọi cách quở trách các Tỳ-kheo rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào uống rượu phạm Ba-dật-đề".***

Đức Phật chế giới cấm rồi, nên Sa-kiệt-đà không dám uống rượu. Song thói quen trước kia, nên cơn ghiền nổi lên là đứt hơi muốn chết, ăn uống lại không tiêu. Vì không biết phải giải quyết thế nào, do thế bạch Phật. Đức Phật bảo: Cho ngửi đồ đựng rượu. Ngửi đồ đựng rượu không qua cơn thì: Cho một ít rượu vào trong bánh, trong cháo hay trong canh cho ăn, nếu vẫn không khỏi được thì

Đức Phật bảo: Cho phép dùng rượu để chữa bệnh ăn không tiêu. Sa-kiệt-đà nhờ vậy mà lành cơn nghiện. Kết quả này được bạch Phật, Đức Phật dạy: Lành rồi nên từ từ phải bỏ rượu, kể cả việc ngửi đồ đựng rượu. Muốn không lại thành người xấu thì không được ngửi rượu nữa. Có thứ rượu có sắc rượu, vị rượu, hương rượu. Có thứ rượu có hương rượu, không có vị rượu. Có thứ rượu có sắc rượu, không có hương rượu. Có thứ rượu không có sắc rượu, hương vị rượu, uống say, đều phạm Ba-dật-đề. Có loại chẳng phải rượu, sắc rượu, vị rượu, hương rượu, uống khiến cho người say, phạm Đột-kiết-la. Có loại chẳng phải rượu, sắc rượu, hương rượu, vị rượu không khiến cho người say, cần uống thì cho uống nơi chỗ vắng. Nếu Tỳ-kheo uống rượu, mỗi lần nuốt phạm một Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa ni di, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm mươi bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo không kính Hòa thượng, A-xà-lê, không kính giới, có các Tỳ-kheo cũng bắt chước như vậy. Các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo và các Tỳ-kheo: Các ông thật sự có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi

cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào khinh thầy, phạm Ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo nào khinh ba thầy và giới đều phạm Ba-dật-đề. Nếu khinh Tỳ-kheo khác phạm Đột-kiết-la. Cho đến thầy sai quét đất mà không quét, bảo quét xuôi gió mà quét ngược gió đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa ni di, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ năm mươi tám

Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, cùng Đại Tỳ-kheo Tăng năm trăm vị hội đủ, hướng tới ấp A-đồ-tỳ. Khi ấy, các Tỳ-kheo nơi ấp này, nghe Đức Phật sẽ đến, mà không có nhà giảng đường, bèn cùng nhau phát cỏ đào đất để làm… cho đến câu: Đức Phật bằng mọi cách quở trách, như trong giới cất giảng đường đã nói. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "***Tỳ-kheo nào tự mình đào đất lấy đất, phạm Ba-dật-đề".***

Khi đã cấm thì Lục quần Tỳ-kheo sai người giữ vườn, hay sai Sa-di đào đất lấy đất, các Tỳ-kheo thấy, nói: Đức Phật cấm không được đào đất, tại sao nay các thầy lại làm nghiệp ác này? Lục quần trả lời: Tôi sai người đào. Các Tỳ-kheo nói: Sai

người đào với tự mình đào có khác gì đâu. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình đào đất hoặc sai người đào, phạm Ba-dật-đề".***

Có một bạch y cúng vật liệu để làm nhà cho Tăng. Sau thời gian khá lâu đến thăm, thấy chưa cất, hỏi Tỳ-kheo phụ trách việc xây cất: Tại sao không làm cho mau rồi để tôi hoàn thành phước đức? Vị ấy trả lời: Đức Phật không cho phép chúng tôi tự đào đất hay sai người đào đất thì làm sao làm thành. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu cần đất thì nên nói với tịnh nhân: "Biết việc này, xem việc này". Tôi cần như vậy cho tôi như vậy. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào tự tay đào đất hoặc sai người đào, nói đào như vậy, phạm Ba-dật-đề". Tỳ-kheo-ni cũng vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa ni di, không có việc gì mà đào đất, phạm Đột-kiết-la. Nếu lấy đất khô thì không phạm.

Xong giới thứ năm mươi chín

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Lục quần

Tỳ-kheo cùng các Tỳ-kheo tranh cãi. Tranh chấp rồi lại ra ngoài cửa lén nghe. Nghe rồi, nói với các Tỳ-kheo: Tại sao thầy nói như vậy? Vị kia hỏi: Thầy nghe nói như vậy? Đáp: Tôi đứng ngoài cửa nghe. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe biết việc ấy, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nơi chỗ vắng, lén nghe Tỳ khác nói, phạm Ba-dật-đề".

Lúc này, có các Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo tranh luận để tỏ rõ phải quấy, có Tỳ-kheo ở cách vách nghe được, sinh nghi: Ta há không phạm Ba-dật-đề? Do đó, xuất tội hối quá, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo lén nghe tranh luận, lý sự để biết phải quấy mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào cùng tranh chấp rồi lén nghe, với ý niệm: Những gì các Tỳ-kheo nói, ta sẽ ghi nhớ, phạm Ba-dật-đề". Lén nghe Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nói, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni nghe Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nói, phạm Ba-dật-đề, nghe Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nói, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni nghe

lén năm chúng nói, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu mươi

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có một nhóm trẻ con mười bảy đứa, cha mẹ rất mực thương yêu. Mẹ chúng thường hay nghĩ ngợi: Con ta không quen chịu khó nhọc, thể tánh yếu đuối, nên cho nó học nghề nào thật tốt khéo để nó được sung sướng trọn đời. Cha chúng nói: Nên cho nó học kế toán, hội họa. Mẹ chúng nói: Cho học hội họa sợ hư

mắt, cho học kế toán sợ đau ngón tay, rồi đi đến đau tim. Cha mẹ chúng cùng bàn tính: Nên cho nó xuất gia trong dòng họ Thích, đời này khỏi phải làm gì, đời sau được vui sướng. Đám đồng tử mười bảy đứa đều muốn xuất gia, cùng nhau nói: Chúng ta cần chờ Ưu-ba-ly về để nói lời từ biệt. Khi Ưu-ba-ly về đến chỗ các đồng tử, các đồng tử nói: Bạn có biết chăng? Chúng tôi muốn xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, chờ bạn về để nói lời từ biệt. Ưu-ba-ly nghe, cũng muốn cùng đi xuất gia, liền trở về xin cha mẹ. Cha mẹ liền cho phép, với ý nghĩ: Nên cho nó làm đệ tử ai đây? Hai ông bà lại nghĩ: Tất-lăng-già-bà-ta đem nó từ tay của đám giặc trở về, nay nên cho nó làm đệ tử. Cha mẹ chúng dẫn đến Tất-lăng-già-bà-ta thưa: Bạch Đại

đức! Đại đức đối với đứa nhỏ này là kẻ đại ân, nay tôi xin dâng nó cho Đại đức, xin nhận nó làm đệ tử.

Tất-lăng-già-bà-ta liền độ chúng, cho thọ giới Cụ túc. Thọ giới rồi, ban đêm, chúng không thể một mình đi đến nhà vệ sinh và nơi chỗ rửa tay, phải có người dẫn. Có khi trời tối, thấy thầy mà không biết, gọi là quỷ, thất thanh kêu lớn: Tỳ-xá-già! Tỳ-xá-già! (quỷ! Quỷ!). Thầy nói đừng sợ, thầy đây chứ không phải quỷ đâu. Hoặc ban đêm đòi ăn, thầy nói: Tăng có thức ăn, sáng sớm sẽ cho con ăn. Đồng tử hỏi: Nếu Tăng không có thức ăn thì lấy ở đâu? Thầy nói: Nếu Tăng không có thức ăn thì sẽ đi xin. Đồng tử nghe như vậy bèn lớn tiếng khóc, nói: Tỳ-kheo đi xin về thì chúng con đã chết rồi. Ban đêm Đức Phật nghe tiếng khóc, hỏi Tôn giả A-nan: Tiếng trẻ nhỏ ở đâu khóc đó? Tôn giả trình bày đầy đủ vấn đề. Nhân việc này, sáng sớm Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tất-lăng-già-bà-ta: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách: Ông không nên cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Chưa đủ hai mươi tuổi phần nhiều không thể kham nhẫn, có thể đưa đến việc phá giới. Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cho người chưa đủ hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc, phạm Ba-***

dật-đề”.

Lúc ấy, đồng tử Ca-diếp không đủ hai mươi tuổi thọ Giới Cụ túc, sau mới biết, sinh nghi, không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Đồng tử Ca-diếp có chứng đắc gì không? Các Tỳ-kheo thưa: Đắc Tu-đà-hoàn. Đức Phật dạy: Người này mới là người thọ giới Cụ túc bậc nhất, nhưng không gọi là Bạch-tứ-yết-ma thọ giới như pháp. Nay cho phép tính tuổi trong thai để đủ hai mươi tuổi. Nếu vẫn chưa đủ thì cho phép tính tháng nhuần để cho đủ. Nếu không đủ lại cho phép dùng đến năm của Sa-môn

để cho đủ. Từ nay giới này được nói như sau: “Tỳ-kheo nào biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà trao cho giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề”, Người ấy không đắc giới, các Tỳ-kheo cũng bị quở trách, như vậy là đúng pháp. Chưa đủ hai mươi, tưởng là chưa đủ hai mươi, nghi là chưa đủ hai mươi, phạm Ba-dật-đề. Đủ hai mươi, tưởng là chưa đủ, đủ hai mươi mà nghi, phạm Đột-kiết-la. Nếu biết không đủ hai mươi, khởi ý niệm muốn cho thọ giới Cụ túc, cho đến tạo phương tiện, cho đến Bạch-tứ-yết-ma chưa xong, đều phạm Đột-kiết-la. Yết-ma lần thứ tư xong, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, Sư Tăng khác phạm Đột-kiết-la

Xong giới thứ sáu mươi mốt.

Đức Phật ở nước Câu-tát-la, cùng năm trăm vị Đại Tỳ-kheo đi đến thành Ca-duy-la-vệ. Các người giòng họ Thích nghe Phật từ nước Câu-tát-la đến, cùng nhau lập ra định chế: Nếu ai không nghinh đón Phật sẽ bị phạt năm trăm kim tiền. Do đó, lớn bé đều ra nghinh đón Đức Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật vì họ giảng nói pháp chỉ bày sự lợi ích, khiến họ hoan hỷ, cùng nhau thỉnh Phật và Tăng an cư bốn tháng mùa hạ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Mỗi người đều tùy theo khả năng cúng dường, hoặc một gia đình cúng một ngày cho đến mười ngày, hoặc hai gia đình cúng một ngày, cho đến mười gia đình… hoặc chỉ cúng món ăn trước hay món ăn sau, hoặc chỉ làm đát bát na, hoặc chỉ cúng cháo, hoặc chỉ cúng nước tắm, hoặc chỉ cúng nước uống buổi chiều, hoặc cúng dầu thoa chân, thoa tay, dầu thắp đèn.

Lúc này, Thích-ma-nam không có ở nhà, chưa cúng dường được thứ gì, hỏi người xung quanh: Vị nào nhận vật cúng dường của tôi? Được trả lời chưa có ai nhận. Lại hỏi: Thứ nào chưa ai cúng dường Đức Phật và Tăng? Thưa thuốc trị bệnh chưa được ai cúng. Thích-ma-nam xin cúng thuốc chữa bệnh cho Phật và Tăng trong bốn tháng mùa hạ, bằng cách hoặc tự đưa đến, hoặc sai người đưa

đến. Nhà Vua lại đến chỗ Lục quần Tỳ-kheo nói: Đại đức cần thuốc gì tùy ý đến lấy. Lục quần Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Nay Vua cúng thuốc trị bệnh cho Phật và Tăng trong bốn tháng, hoặc sai người đem đến hay tự đem đến, lại bảo ta tự đến nhận, như thế là tâm nhà Vua có sự khinh thường chúng ta. Chúng ta chờ khi thân tộc nhóm họp, đến xin thứ thuốc khan hiếm, chắc nhà Vua không có, phải bị hổ thẹn. Lục quần lại nghĩ: Nhà Vua này phước đức, cũng có thể là không thiếu thứ thuốc nào. Trước hết ta nên tìm hiểu trong thiên hạ thứ nào không có rồi sẽ đến xin. Sau khi lục lọi, tìm hiểu nên biết được một thứ duy nhất không có. Ngày đợi chờ năm thân thuộc của Vua nhóm họp đã tới, Lục quần Tỳ-kheo liền đến xin thuốc. Nhà Vua sai người đi tìm khắp nước không có. Vua nói với Lục quần Tỳ-kheo: Tìm kiếm khắp nơi mà không có. Lục quần Tỳ-kheo nói với Vua: Nhà Vua tự thỉnh Phật và Tăng cúng thuốc chữa bệnh cho bốn tháng, mà nay không cho chúng tôi một thứ nào! Nhà Vua thưa: Thưa Đại đức! Không phải là không muốn cúng, cũng không phải là không có thuốc, chỉ vì thứ thuốc này tuyệt nhiên tìm không có, hơn nữa bốn tháng đã qua, đâu có gì làm phiền khổ cho nhau. Lục quần Tỳ-kheo lại làm nhục nhà Vua trước công chúng: Trước đây nói với chúng tôi cứ đến lấy thuốc theo nhu cầu, mà nay không nhận được một thứ nào! Các Tỳ-kheo nghe, hỏi Lục

quần Tỳ-kheo: Các thầy nói thế nào? Lục quần Tỳ-kheo đem sự thật theo ý mình trả lời. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào nhận sự cúng dường tùy ý trong bốn tháng, nếu nhận quá thời hạn ấy, phạm Ba-dật-đề".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, vào mùa Thu thường mắc phải bệnh, Thích-ma-nam đến tận phòng thăm hỏi: Đại đức mắc phải bệnh gì? Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi mắc phải bệnh mùa Thu. Ma-ha-nam liền thưa với Tỳ-kheo: Quý thầy có thể đến tôi lấy thuốc. Các Tỳ-kheo nói: Trước đây Vua cúng bốn tháng, nay đã mãn, Đức Phật không cho phép chúng tôi nhận thuốc quá thời gian bốn tháng. Nhà Vua lại xin cúng thêm một tháng. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận thêm một tháng. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo nhận sự mời thỉnh thêm một tháng. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào nhận sự mời thỉnh tùy ý bốn tháng, nếu nhận quá, trừ thỉnh lại, phạm Ba-dật-đề".

Lại có các Cư sĩ đến thăm nơi các phòng Tăng,

thấy các Tỳ-kheo mắc bệnh mùa Thu, hỏi: Các thầy cần thuốc gì con sẽ đem đến? Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chưa cho chúng tôi nhận thuốc do thí chủ đem đến. Cư sĩ không biết làm sao, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo nhận sự mời thỉnh do thí chủ đem đến. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào nhận sự mời thỉnh tùy ý bốn tháng, nếu nhận quá, trừ thỉnh lại tự đem đến, phạm Ba-dật-đề".

Khi ấy, Thích-ma-nam lại có suy nghĩ: Lục quần Tỳ-kheo vì thuốc mà đã nhục mạ ta trước mọi người. Nay ta cần tập trung nhiều thứ thuốc. Thế là thuốc để dồn về. Đã có nhiều thuốc rồi, nhà Vua lại suy nghĩ: Theo ta thì số thuốc này dùng trọn đời cũng không hết, nay ta nên thỉnh các Tỳ-kheo để cúng thuốc trọn đời. Thực hiện ngay ý nghĩ, nhà Vua đến các Tỳ-kheo thỉnh cúng thuốc lâu dài. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận sự thỉnh cúng lâu dài như thế.

Trước sự khó xử ấy Ma-ha-nam đến bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo nhận sự mời thỉnh lâu dài. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào nhận sự mời thỉnh tùy ý bốn tháng, nếu nhận quá, trừ thỉnh lại, tự đem đến, thỉnh lâu dài, phạm Ba-dật-đề". Nếu người cúng thuốc cho Tăng thì Tỳ-kheo giúp việc cho chúng

nên hỏi: Thuốc này để trong xóm làng hay để nơi Tăng phường? Nếu nói để trong xóm làng thì cần nên bảo: Tôi cần thứ thuốc đó hãy vì tôi mà soạn cho đừng để thiếu thốn. Nếu nói để nơi Tăng phường thì nên để ở phòng trung ương cho dễ lấy. Tăng nên tác pháp bạch nhị Yết-ma, sai một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay dùng phòng… để thuốc cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay dùng phòng… để thuốc cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã đồng ý dùng phòng… để đựng thuốc cho Tăng rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Các Tỳ-kheo không biết ai là người nên giữ thuốc cho Tăng, bạch Phật. Đức Phật dạy: Tăng nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo giữ thuốc. Một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… vì Tăng làm người giữ thuốc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là tác bạch. Đại đức Tăng xin lắng nghe, nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… vì Tăng làm người giữ thuốc. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã sai Tỳ-kheo tên là… làm người giữ thuốc rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Vì các Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo vô trí, không kham việc giữ thuốc, nên bạch Phật.

Đức Phật dạy: Không nên sai Tỳ-kheo vô trí giữ thuốc. Người được sai giữ thuốc phải thành tựu năm pháp: Không làm theo ái, sân, si, sợ, phải biết rõ thuốc hay chẳng phải thuốc. Tỳ-kheo giữ thuốc cho Tỳ-kheo Tăng nên dùng vật dụng mới để đựng Ha-lê-lặc, A ma lặc, Tỳ hê lặc, Tất bạt la, gừng khô, đường mía, đường phèn. Nếu đồ đựng không rỉ chảy nên đựng tô, dầu mật, nên dùng da bịt miệng, đề tên thuốc vào. Nếu Tỳ-kheo nào bệnh cần thứ gì nên hoan hỷ đưa. Nếu người bệnh biết nên dùng thuốc gì thì tự lấy dùng. Nếu không biết thì nên hỏi thầy thuốc. Nếu không có thầy thuốc thì nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê: Con bệnh như vậy, như vậy, nên uống thuốc gì? Nếu Hòa thượng, A-xà-lê không biết thì nên uống thử Ba lần, không bớt thì lấy thứ khác uống. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu mươi hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc này, Lục quần Tỳ-kheo thường phạm giới, các Tỳ-kheo can ngăn: Các thầy thường phạm giới, nên tự mình thấy tội, như pháp sám hối, đừng nên vì việc làm ấy phụ lòng tin của tín thí, phải thọ khổ lâu dài. Lục quần Tỳ-kheo nói: Chúng tôi không học giới này, trước hết chúng tôi cần hỏi vị trì pháp, trì luật mà trí tuệ hơn thầy. Các Tỳ-kheo nghe, bằng mọi cách quở

trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Các ông là người ngu si, không nên tạo ra các nghiệp ác như vậy. Các Tỳ-kheo muốn không cùng các ông Bố-tát, Tự tứ, làm các Yết-ma, do thương nghĩ các ông nên như pháp can gián. Tại sao các ông nói: Chúng tôi không học giới này, trước hết chúng tôi cần hỏi vị trì pháp, trì luật có trí tuệ hơn thầy đã. Quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào thường hay phạm tội, các Tỳ-kheo như pháp can ngăn, mà lại nói: Tôi không học giới này, cần hỏi Tỳ-kheo trì pháp, trì luật khác đã, phạm Ba-dật-đề". Tỳ-kheo muốn tìm hiểu thì nên hỏi vị trì pháp, trì luật là điều nên làm. Trì pháp: Là người trì tụng những pháp do Phật nói. Người trì luật có năm hạng: Một là tụng bốn việc cho đến hai Bất định. Hai là tụng bốn việc cho đến ba mươi việc. Ba-là tụng hết hai trăm năm mươi giới. Bốn là tụng hết hai bộ luật. Năm là tụng hết tất cả luật. Nếu Tỳ-kheo không tụng giới, chẳng phải mùa an cư thì nên nương vào bốn hạng trì luật trước, trong mùa an cư nên nương vào vị tụng hết tất cả luật. Nếu không nương vào thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu mươi ba

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 9

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 91 PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo thường phạm giới. Các Tỳ-kheo can gián, như giới trước đã nói, cho đến câu: Đừng để phải chịu khổ lâu dài. Lục quần Tỳ-kheo hỏi: Đức Phật chế giới này ở đâu? Các Tỳ-kheo nói: Thầy không biết hay sao? Vâng, không biết. Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi sẽ nói cho thầy biết, Đức Phật nói giới này ở đâu. Trong khi thuyết giới bèn nói: Đức Phật chế giới này ở đây. Lục quần Tỳ-kheo nói: Nay tôi mới biết, pháp này, mỗi nửa tháng Bố-tát, nói ra từ giới kinh. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay

giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào khi thuyết giới, nói như vầy: Nay tôi mới biết pháp này, mỗi nửa tháng Bố-tát, nói ra từ trong giới kinh. Các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này hai, Ba lần khi nói giới đã ngồi nghe. Tỳ-kheo này không thể vì nói không biết mà khởi tội. Tùy theo chỗ phạm tội như pháp trị, rồi nên quở trách điều không biết kia là không tốt. Khi thuyết giới không nhất tâm để nghe, không để ý, phạm Ba-dật-đề". Nếu Tỳ-kheo cho người thọ giới Cụ túc để thành Tỳ-kheo thì nên dạy cho họ học đầy đủ luật. Nếu hai, Ba lần họ đã ngồi nghe giới, biết hay không biết, mà nói như thế, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

Xong giới thứ sáu mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo thường vào trong cung của Vua Ba-tư-nặc, thấy các mỹ nữ sinh tâm nhiễm đắm, không thích tu phạm hạnh, có vị ra đời làm ngoại đạo. Các Đại thần thấy, nói: Tại sao nhà Vua không để các cung nữ lui sâu vào chỗ kín đáo, mà cứ cho lui tới khiến ai cũng thấy được.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan thường nhận được sự cúng dường của Vua, sáng sớm, đắp y bưng bát vào trong hậu cung. Khi ấy, Vua cùng phu nhân Mạt-lợi còn đang ngủ chưa dậy. Phu nhân Mạt-lợi thấy Tôn giả vào, liền vội vã mặc y bước xuống

giường. Y của Phu nhân đang mặc rất mịn và trơn, vô ý tuột rơi xuống đất, phu nhân xấu hổ liền ngồi sụp xuống. Nhà Vua bực tức nói: Việc triều đình nhọc nhằn bận rộn thường phải thức khuya mới ngủ không thể dậy sớm. Tại sao Tỳ-kheo sáng sớm lại đi thẳng vào thế này? Tôn giả xấu hổ liền trở về nơi chỗ Phật, trình bày đầy đủ việc các Tỳ-kheo và việc của chính mình vào cung Vua. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật lại tự nói lên sự việc của Tôn giả A-nan. Bằng mọi cách quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Vào trong hậu cung của nhà Vua có mười điều lỗi lầm:

Một là khi Vua say, gần gũi với cung nữ khác, lúc hết say hay quên, do quên nếu bỗng nhiên cung nữ kia có thai, Tỳ-kheo bị nghi.

Hai là cung nữ thấy Tỳ-kheo hoặc có ý vui đùa, Tỳ-kheo bị nghi là có tình tứ.

Ba là nhà Vua có mưu mật nào bị tiết lộ, Tỳ-kheo bị nghi là đưa tin.

Bốn là trong cung có mất vật quý báu nào, Tỳ-kheo bị nghi là người lấy.

Năm là nếu vị quan nào bị mất chức, người ngoài nghi là do Tỳ-kheo.

Sáu là nếu có người bị tội, người ta nghi là do Tỳ-kheo sàm tấu. Bảy là nếu có người nào chưa

đáng thăng quan mà được thăng, người ta nghi là do thế lực của Tỳ-kheo.

Tám là nhà Vua ưa đi du ngoạn gây nhiều phiền tốn, Tỳ-kheo cũng bị nghi là xui khiến.

Chín là trong cung nhiều các mỹ sắc, phục sức ngoạn mục, Tỳ-kheo thấy sinh tâm nhiễm đắm, phạm giới, hoàn tục.

Mười là nếu vương tử có sự phản nghịch, Tỳ-kheo bị nghi là người hướng dẫn.

Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vào trong cung Vua, quá ngạch cửa, phạm Ba-dật-đề".***

Lúc ấy, các Tỳ-kheo sau khi Phật đã chế giới cấm không dám bước qua cửa thành để khất thực, không biết làm thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép vào trong cửa thành, nhưng không được quá trong cửa của hậu cung. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vào trong cung Vua, quá ngạch cửa của hậu cung, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc hằng năm cùng các cung nữ ra khỏi giới hạn của nước, nên các nơi đều có làm hành cung dành cho Vua nghỉ khi Vua đi ngắm cảnh. Có các Tỳ-kheo vào buổi chiều đi đến thôn xóm, tìm nơi nghỉ lại đêm, các Cư sĩ nói: Nay

Vua không có nơi hành cung này, các thầy có thể vào đó nghỉ. Vua tin kính Phật pháp, nếu có biết cũng hoan hỷ thôi. Các Tỳ-kheo không dám vào nên không có chỗ nghỉ. Việc này được bạch Phật. Nhân đó, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo vào nghỉ trong hành cung bỏ trống. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, Vua chưa ra khỏi chốn đồ báu, đồ báu chưa được thu cất, mà vào quá hạn cửa hậu cung, phạm Ba-dật-đề".*** Đồ báu: Vật quý trọng và các nữ sắc đều gọi là báu. Chưa ra: Nghĩa là người nữ còn ở trong cung. Chưa cất: Nghĩa là người nữ ở trong cung chưa tàng ẩn. Khi ấy, nếu vào quá hạn cửa hậu cung, cả hai chân, phạm Ba-dật-đề. Tùy theo sự vào trong xa hay gần mỗi bước phạm một Ba-dật-đề. Nếu bước qua một chân phạm Đột-kiết-la. Vào các nhà Đại thần, trưởng giả, vào quá bên trong cửa, phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu Vua mời nên vào thì không phạm.

Xong giới thứ sáu mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, hai nước Câu-tát-la và Ma-kiệt xâm chiếm lẫn nhau. Đường sá đi lại giữa hai nước bị cắt đứt. Tỳ-kheo nơi thành Vương-xá an cư xong, nghĩ đến Phật nên có ý nghĩ:

Nay ta cần phải cùng với đám giặc làm bạn để đi, mới có thể đến viếng thăm Đức Thế Tôn được. Dù lính canh phòng biên giới, nói ta cùng đi với giặc mà bắt, thì Vua Ba-tư-nặc tin ưa Phật pháp cũng không kết tội ta. Thế là các Tỳ-kheo cùng với giặc đi đến biên giới, quả nhiên là bị bắt giải đến đồn lính biên phòng. Lính thú báo: Đây là giặc. Tướng biên phòng hỏi: Còn những người mặc áo cà sa này là gì? Thưa, cũng là giặc. Các Tỳ-kheo bèn tự nói: Chúng tôi không phải là giặc, mà là Sa-môn Thích tử, an cư nơi thành Vương-xá xong, cần đến viếng thăm Đức Thế Tôn, đi đường nguy hiểm nên cùng làm bạn với những người này để đi. Tướng biên phòng nói: Các ông không phải là Sa-môn Thích tử. Các ông đội lốt đến đây để làm mật vụ. Tướng biên phòng ra lệnh áp giải về triều đình. Các Tỳ-kheo cũng tự khai như trước. Vua liền phóng thích. Các quan tả hữu, có người không tin đó là Sa-môn nói: Đây là giặc, giả mặc áo Tỳ-kheo, vì Vua tin ưa Phật pháp nên phóng thích. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Các ông thật sự có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nào hẹn cùng giặc làm bạn đồng đi, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo cùng một đường đi chung với giặc mà không biết, nhưng khi đã biết được thì lấy làm ray rứt và ngỡ mình đã phạm Ba-dật-đề, nên lui tránh bên đường, hoặc đi sau. Giặc hỏi: Tại sao các ông làm như thế? Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật cấm không cho chúng tôi cùng làm bạn đi với các ông. Đám giặc nghe nói, nổi giận, đánh các Tỳ-kheo rồi lột hết y áo. Khi trở lại trú xứ, các Tỳ-kheo đem sự việc bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Không biết là giặc, cùng đi với họ, mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, biết giặc mà làm bạn đồng đi, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo, trên đường đi, tình cờ gặp giặc, bèn sinh hổ thẹn, cho rằng mình phạm Ba-dật-đề, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không hẹn, tình cờ gặp giặc trên đường đi mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào hẹn cùng giặc đi một đường, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo hẹn cùng giặc đồng đi trên đoạn đường gần, rồi lại không đi, hoặc đi đường khác, nhưng vẫn sinh nghi: Chúng ta há không phạm Ba-dật-đề! Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tuy cùng giặc hẹn đồng đi một đoạn đường gần,

rồi không đi, hoặc đi đường khác, mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng giặc hẹn đi một đường từ xóm làng này đến xóm làng kia, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu cùng các Tỳ-kheo ác hẹn cùng đi, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu có các nạn khởi, hẹn cùng đi thì không phạm.

Xong giới thứ sáu mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo cùng người nữ đồng đi một đường, hoặc một Tỳ-kheo cùng một người nữ, cho đến số đông, hoặc hai Tỳ-kheo, cho đến số đông, cùng một người nữ, cho đến số đông cùng lội qua sông, thấy hình lẫn nhau nên sinh tâm nhiễm, có vị hoàn tục, làm ngoại đạo. Các Cư sĩ thấy vậy chê trách nói: Sa-môn Thích tử cùng người nữ đi một đường, đâu có khác gì cùng đi với vợ, ai biết những người này tu phạm hạnh, thật là không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Lúc ấy, có một Cư sĩ thường đánh vợ, một hôm, đánh vợ rồi bỏ đi. Người vợ suy nghĩ: Chồng ta thường đánh ta, có thể sẽ âm thầm giết ta, nay ta nên trốn đi. Thế là bà ta bỏ nhà rời xóm làng ra đi. Gặp một Tỳ-kheo, bà rất mừng đến hỏi: Đại đức đi

đâu? Tỳ-kheo nói: Tôi đi đến chỗ đó. Lặng lẽ người nữ bèn đi theo sau Tỳ-kheo. Chồng bà ta, sau khi ra đi lại hồi tâm: Vừa rồi ta đánh vợ, có thể nó tự tử. Ông ta liền vội trở về nhà tìm vợ, không thấy lại hỏi người hàng xóm. Họ đều nói không thấy. Ông ta bèn đi ra ngoài xóm làng, gặp một người nữ ngoại đạo, hỏi: Có thấy người đàn bà hình dáng như vậy không? Kẻ ngoại đạo nói: Thấy Sa-môn Thích tử dẫn đi. Ông ta liền vội vã đuổi theo, khi đuổi theo kịp, ông ta hỏi Tỳ-kheo: Lý do nào ông dẫn vợ tôi tẩu thoát? Tỳ-kheo nói: Tôi không làm nghiệp ác, vợ ông cùng đi với tôi một đường mà thôi. Khi ấy bà vợ nói với ông chồng: Chớ có tâm ác đối với Tỳ-kheo này, tôi cùng đi, coi như người thân thuộc chứ không có gì khác. Ông chồng nghe vợ nói liền nghĩ: Nói như vậy là lừa dối cho nhau, chứ chắc chắn có sự ác. Ông ta liền đánh Tỳ-kheo gần chết mới thôi. Tỳ-kheo khởi ý niệm: Nay ta bị kiệt sức không thể tiếp tục đi được, cần nhập Tam-muội Hỏa quang, vận dụng hơi thở để lấy lại sức khỏe, rồi sẽ tiếp tục đi. Nghĩ xong liền thu xếp y bát, nhập Tam-muội Hỏa quang, nơi thân tuôn ra khói. Người đàn bà kia thấy vậy nói với chồng: Ông không tin lời tôi nói, ông xem nơi thân của Tỳ-kheo tuôn ra khói đó không? Trong chốc lát cả thân của vị Tỳ-kheo kia đều mất cả. Người vợ lại nói: Ông không tin lời tôi! Ông xem thân của Tỳ-kheo thế nào đó? Vị Tỳ-kheo kia

liền dùng sức của Tam-muội, đến nơi chỗ Đức Phật, đem tất cả sự việc đã xảy ra bạch với Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng người nữ đi một đường, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo cùng đi, trên đường thấy các người nữ cùng đi nơi tuyến đường ấy, tâm sinh nghi hối: Chúng ta có phạm Ba-dật-đề không? Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nào không hẹn mà cùng người nữ đồng đi một đường, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng người nữ, hẹn đồng đi một đường, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo cùng người nữ hẹn đồng đi một đường, rồi sau không dám đi, hoặc đi đường khác, cũng sinh nghi hối, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nào, tuy trước đã cùng người nữ hẹn đồng đi một đường, rồi không đi, hoặc đi đường khác, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cùng người nữ hẹn đồng đi một đường, từ xóm làng này đến***

xóm làng khác, phạm Ba-dật-đề”. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu mươi bảy

Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, cùng chúng Đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị, du hành trong nhân gian. Các Tỳ-kheo, hoặc có vị ở trong nhà, hoặc có vị ở bên gốc cây, hoặc có vị ở nơi đất trống. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo cùng Thập thất quần Tỳ-kheo tập trung một đống lớn củi tươi và cỏ nơi đất trống rồi đốt và ngồi xung quanh sưởi ấm. Có một con rắn từ trong bộng cây chạy ra, các Tỳ-kheo thấy, lấy vật ném nó. Con rắn quay đầu trở vô, bị nóng lại chạy ra, các Tỳ-kheo lại ném nữa, nó lại chạy vô. Trong chốc lát nó lại phóng thẳng đến chỗ Tỳ-kheo ném nó cắn vị này chết ngay. Các Tỳ-kheo vây quanh khóc kể. Các Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi: Chuyện gì các thầy khóc kể như thế? Thưa: Có một Tỳ-kheo bị rắn cắn chết! Quý vị trình bày đầy đủ sự việc trên. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách: Tại sao các thầy thấy rắn chạy ra Ba lần mà không tránh, để đến nỗi bị nó cắn chết? Quở trách xong bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập

hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo:

Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhen đốt lửa, phạm Ba-dật-đề".***

Sau đó, Lục quần Tỳ-kheo sai người giữ vườn, Sa-di đốt lửa. Các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy quở trách: Các thầy há không nghe Đức Phật cấm đốt lửa? Chúng tôi bảo người giữ vườn, Sa-di đốt thì đâu có phạm. Các Tỳ-kheo nói: Tự mình đốt, sai người đốt đâu có khác gì?! Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đốt lửa, hay sai người đốt lửa, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo bệnh, hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: Nên uống thứ thuốc… và tắm bằng nước nóng. Tỳ-kheo bệnh nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi đốt lửa và sai người đốt, vậy thầy nên cho dùng thứ thuốc khác. Thầy thuốc nói: Đại đức, bệnh này thì phải uống thứ thuốc ấy và tắm nước nóng. Các Tỳ-kheo lại đặt ra vấn đề: Nếu Đức Phật cho phép chúng ta đốt lửa hay sai người đốt lửa thì bệnh này được lành. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo bệnh được đốt lửa

hoặc sai người đốt. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo không bệnh, tự mình đốt lửa hoặc sai người đốt, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo cần nấu canh nấu cháo, không dám nhen lửa, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo nấu canh, nấu cháo, chứ không được vì sưởi ấm mà nhóm lửa. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không bệnh, vì sưởi ấm mà nhen lửa, phạm Ba-dật-đề".***

Các Tỳ-kheo muốn nhen lửa để xông bát và ngăn thú dữ, hoặc đốt đèn lửa, không biết làm thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo có nhân duyên như vậy được đốt lửa hay bảo người đốt lửa. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không bệnh, vì sưởi ấm mà tự mình nhóm lửa hoặc sai người nhen, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu vì sưởi ấm mà nhen lửa, ngọn lửa lên cao cho đến bốn ngón tay, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu mươi tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến các nhà quen biết, thấy đồ trang sức quý báu, cầm xem rồi để lại chỗ cũ. Đồ quý này sau đó bị ai lấy mất, người chủ tìm không thấy. Có người

nói: Tôi thấy Tỳ-kheo cầm. Người chủ đến hỏi Tỳ-kheo: Tôi bị mất đồ trang sức như vậy, như vậy, thầy có thấy không? Tỳ-kheo nói: Vừa rồi tôi có cầm xem, rồi để lại chỗ cũ. Người chủ nói: Thầy nhận đã cầm lấy rồi lại bảo không thấy nữa. Vậy thầy nên trả lại tôi. Tỳ-kheo nói: Thật sự tôi không lấy. Người chủ không tin, bèn gán cho Tỳ-kheo tiếng xấu.

Lại có một ngoại đạo mang một túi đầy năm trăm kim tiền, tới bên bờ sông uống nước, khi đi bỏ quên lại. Có một Tỳ-kheo đi sau đến bắt gặp, rồi tự hỏi: Vật này là của ai? Nhìn xung quanh, thấy phía trước xa có một người đi, bèn nghĩ: Chắc của người ấy bỏ quên, ta nên mang đến để đưa cho họ. Vội vã Tỳ-kheo mang đi theo. Người kia đi chưa được bao lâu, nhớ túi tiền vàng, liền vội quay trở lại. Tỳ-kheo thấy hỏi: Vì sao ông trở lại? Người kia giận, nói: Thứ người xui xẻo này, hỏi tôi làm gì? Tỳ-kheo nói: Dù tôi là vật xui xẻo, ông cũng nên cho tôi biết lý do ông trở lại. Người kia nói: Tôi quên túi kim tiền nơi bờ sông, nên trở lại tìm. Tỳ-kheo liền đưa cái túi ra hỏi: Đây có phải là túi của ông không? Người kia nhận ra túi của mình rồi, lại nổi giận, nói: Thứ người xui xẻo, tại sao lại cầm cái túi của tôi? Ông đợi một chút để tôi kiểm tra lại các vật trong túi đã! Tỳ-kheo nói: Tôi hoàn toàn không biết thứ gì đựng trong túi này, cũng không xem đến. Nếu tôi muốn lấy thì đâu có đưa ông

xem? Vì sợ ông mất của nên mới đem đến trả cho ông. Người kia nói lại: Trong cái túi của tôi có một ngàn kim tiền, nay thiếu năm trăm, ông trả cho tôi. Tỳ-kheo trả lời trước sau như một. Người kia cưỡng bức đòi Tỳ-kheo, rồi đưa đến quan đoán sự. Một khi quan đoán sự là người không tin ưa Phật pháp nên xử đoán một cách phi lý, liền hạ lệnh bắt Tỳ-kheo trói cánh gà, đánh trống, áp giải đến ngả tư đường để hành quyết (giết). Lúc này, Vua Ba-tư-nặc từ trên lầu cao nhìn thấy, hỏi các quan tả hữu: Người đó là ai? Các quan tâu: Sa-môn Thích tử. Nhà Vua liền ra lệnh: Đem về chỗ đoán sự, ta sẽ đích thân đến đó. Nhà Vua vội vàng đến và hỏi người kia: Tại sao người hành hạ Tỳ-kheo này? Quan đoán sự tâu rõ sự việc cho nhà Vua nghe. Nhà Vua hỏi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo cũng trình bày như trước. Nhà Vua hỏi người chủ của cái túi đựng kim tiền: Cái túi này là của ngươi phải không? Người ấy trả lời: Phải. Nhà Vua liền lấy năm trăm kim tiền bỏ vào trong túi. Cái túi không chứa hết. Nhà Vua lại hỏi: Ngươi nói trong cái túi đó có một ngàn kim tiền, tại sao bây giờ nó không đựng hết? Người kia liền tự thú

tội nói: Thật sự chỉ có năm trăm, tôi giận nên vu khống cho Tỳ-kheo. Nhà Vua liền hỏi vị quan đoán sự: Nếu có người khinh Vua ngay trước mặt thì tội ấy thế nào? Quan đoán sự tâu: Người ấy đáng chết và tịch thu tài sản. Nhà Vua liền cho áp

dụng đúng pháp: Tịch thu tài sản, trói cánh gà người kia, đánh trống áp giải đến ngả tư đường để chặt đầu. Có người nói: Ông vu khống Sa-môn Thích tử, nên thọ tội như vậy, nếu lại vu khống hủy báng, tội sau sẽ nặng hơn nhiều. Hoặc lại có người nói: Sa-môn Thích tử, có lần đã từng lấy vật báu của tôi, vậy nay sự thật này phải sợ ư! Khi ấy, Tỳ-kheo tâu với Vua: Nên cho người này được sống, để Phật pháp khỏi bị mang tiếng xấu. Nhà Vua liền phóng thích. Nhà Vua liền quở trách quan đoán sự: Nếu sau này còn đoán sự một cách phi lý như vậy, sẽ bị trị phạt. Những người không tin Phật pháp bằng mọi cách chê trách: Chúng ta là người thế tục còn biết xấu hổ, khi cầm đến vật báu huống là Sa-môn Thích tử, sao lại làm như vậy, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi đem việc cả trước lẫn sau bạch đầy đủ lên Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Sự thật các ông có như vậy không? Quý Tỳ-kheo thưa: Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào hoặc nắm cầm các thứ báu, hoặc các vật báu, phạm Ba-dật-đề".***

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư-mẫu mặc áo quý báu nhất, thân tướng của bà trông thật lộng lẫy trang nghiêm.

Bà cùng các người thân du ngoạn nơi vườn rừng gần Kỳ-hoàn. Xem xét kỹ mọi người không hề chán ngán trong sự vui chơi thỏa thích, bà đâm ra nghĩ ngợi: Nay ta không nên đồng phóng dật với họ. Nhân việc này ta nên đến viếng thăm Đức Thế Tôn. Bà liền cùng các tỳ nữ đến Kỳ-hoàn. Khi đến cửa Kỳ-hoàn, bà lại nghĩ: Ta không nên mặc đồ sang trọng này đến yết kiến Đức Thế Tôn. Bà cởi áo quý báu để nơi hào của thành. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đang đi kinh hành, từ xa thấy được việc này. Tỳ-xá-khư-mẫu đến trước Phật đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật vì bà giảng nói pháp, chỉ bày những lợi ích, khiến bà vui mừng. Không bao lâu bà lui về và mãi suy nghĩ những điều vừa được nghe, nên quên chiếc áo quý. Trên đường về, sau khi cửa thành đóng, mới nhớ lại chiếc áo, bà nghĩ: Nếu ta nói với ai là ta bị mất chiếc áo quý báu này, như thế có thể tổn thương đến Phật pháp, nên im lặng đến sáng hôm sau.

Lúc Tôn giả Xá-lợi-phất đem vấn đề bạch Phật. Đức Phật bảo Tôn giả: Sáng sớm ngày mai đích thân ông đem đến trả cho bà ta. Tôn

giả làm đúng theo lời Phật dạy. Tỳ-xá-khư-mẫu tán thán hết lời: Lành thay! Tôi có vị Đại sư cùng bậc đồng phạm hạnh như vậy. Nếu ngoại đạo khác lượm được của báu này thì đâu có chuyện trả lại cho tôi. Đêm vừa rồi tôi đã xả vật này, nay nên thực hiện. Bà liền đem dâng cúng cho Tăng bốn

phương. Bà yêu cầu Tôn giả Xá-lợi-phất dùng của này cất nhà cho chiêu đề Tăng. Tôn giả không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên nhạn.

Lại có các Cư sĩ, cứ mỗi năm ngày đến Tăng phòng thăm viếng một lần. Có người cởi nhẫn, có người cởi bông tai, trước khi vào Tăng phường. Khi về bỏ quên, các Tỳ-kheo thấy không dám lấy, có người khác thấy, lấy đem đi mất. Các Cư sĩ, khi trở lại Tăng phường tìm, hỏi các Tỳ-kheo: Tôi mất vật báu như vậy, như vậy, thầy có thấy không? Tỳ-kheo nói: Tôi thấy mà không dám lấy. Các Cư sĩ nói: Đại đức thấy, tại sao không lấy? Đại đức nên trả lại cho tôi, người xuất gia đâu cần việc ấy. Các Tỳ-kheo nói: Thật sự tôi không lấy. Cư sĩ không tin, bèn gán tiếng ác cho Tỳ-kheo.

Lại có các Tỳ-kheo cùng người làm bạn đi đường, nghỉ lại đêm một nơi nọ, có người bạn bỏ quên lại vật ra đi. Tỳ-kheo thấy không dám lấy, người khác lấy đi. Các người bạn hỏi Tỳ-kheo: Tôi mất vật như vậy, như vậy, Đại đức có thấy không? Tỳ-kheo nói: Tôi thấy mà không dám lấy. Các người bạn nói: Đại đức thấy, tại sao không lấy? Đại đức trả lại cho tôi đi! Người xuất gia đâu cần việc ấy. Các Tỳ-kheo nói: Thật sự tôi không lấy. Người kia không tin, báng bổ Tỳ-kheo khắp nơi. Từ đó các Tỳ-kheo lại có những suy nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta tự mình cầm lấy hoặc sai người cầm lấy vật báu nơi Tăng phường hay chỗ

nghỉ lại đêm thì Cư sĩ đã không mất đồ mà chúng ta khỏi bị tiếng xấu. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo tự mình cầm hay sai người cầm lấy vật báu, nơi Tăng phường hoặc chỗ nghỉ lại đêm. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào, đối với của báu hoặc các vật báu, tự mình lấy hay dạy người lấy, trừ nơi Tăng phường hay chỗ nghỉ lại đêm, phạm Ba-dật-đề. Nếu trong Tăng phường và chỗ nghỉ đêm cầm lấy của báu hoặc các vật báu khác, sau có người chủ đến đòi thì trả lại họ. Vấn đề như vậy, phải giải quyết như vậy. Của báu: Chân châu, Ma-ni, Lưu ly, Ngọc kha, Kim ngân. Các vật báu: Là chỉ cho các vật quý khác. Tăng phường: Là chỗ Tăng ở, đất thuộc về Tăng. Chỗ nghỉ lại đêm: Tức ngoài Tăng phường, nơi nhà người khác và nơi cùng làm bạn với người đi dạo chơi. Tỳ-kheo thấy vật báu nơi Tăng phường,

nên khiến tịnh nhân lấy, nếu không có tịnh nhân thì tự mình lấy cất. Có người đến đòi, nên họp Tăng hỏi rõ về tướng trạng của vật bị mất, sau đấy mới trả. Nếu lấy cất rồi, muốn đi đâu, phải dặn người ở nhà. Nếu Tỳ-kheo đến nhà người, thấy có vật, nên khiến tịnh nhân cất, không có tịnh nhân thì tự mình lấy cất, có người, nên kêu người chủ ra giao cho họ, rồi sau mới đi. Tỳ-kheo cùng người làm bạn đi đường, thấy vật nên bảo tịnh nhân lấy,

không có tịnh nhân nên tự mình lấy để trả lại cho họ. Khi trả, nên tập trung người hỏi: Ông mất vật phải không? Nếu người ấy có mất thì nên hỏi vật gì. Người ấy nói đúng mới trả. Nếu cùng bạn đi khác đường, không gặp nhau, đến xóm làng, thì nên gửi cho người Ưu-bà-tắc tin cậy để trả lại họ. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ sáu mươi chín

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc này, các Tỳ-kheo một ngày tắm Ba lần, dùng nhiều bột tháo đậu, các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Các Tỳ-kheo này tắm mãi tắm hoài, dùng tháo đậu như Vua, như Đại thần. Mục đích họ xuất gia là muốn cầu giải thoát, không nhớ nghĩ tụng kinh, lại chú trọng phơi bày các điều xấu, ngày đêm chỉ lo thân thể, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Bấy giờ, có một tướng sư nói với Vua Bình-sa: Thiên văn cho biết, sắp có một ngôi sao bất thường xuất hiện, nhà Vua nên tắm nơi suối nước đó để tránh tai ương. Nếu không tắm có thể đưa đến mất nước, hoặc mệnh hệ của Vua sẽ lắm ưu phiền. Nhà Vua liền ra lệnh các quan tả hữu xem xét định liệu con suối ấy. Các quan vâng lệnh đến nơi thì thấy các Tỳ-kheo tắm đầy cả suối. Các quan quay trở về tâu với Vua,

Vua nói: Chờ Tỳ-kheo tắm xong. Suốt cả ngày đêm hôm ấy, Ba lần đến xem, đều thấy các Tỳ-kheo thay nhau tắm luôn không ngớt. Bà-la-môn tướng sư lại tâu với Vua: Hung tinh kia sắp xuất hiện, sau khi hung tinh này xuất hiện mới tắm thì không có ích gì. Nhà Vua nghe câu nói này liền bảo chuẩn bị xa giá để Vua đến suối tắm. Nhà Vua tắm dưới dòng nước. Các quan thấy vậy dị nghị: Sa-môn Thích tử không biết thời nghi, không siêng năng, không quán niệm thể ô trược của thân, chỉ lo tắm rửa, trang điểm thân thể, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở

trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào trong vòng nửa tháng tắm, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo, phải tắm rửa mới lành. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi lúc nào cũng tắm được, thầy nên hướng dẫn phương pháp khác. Thầy thuốc nói: Chỉ có cách tắm rửa mới hết, chứ không có cách nào khác. Các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép khi có bệnh thường được tắm thì bệnh

của chúng ta mau lành.

Lại có các Tỳ-kheo làm nhiều việc, bị đất bùn nhớp áo, nhớp thân, do vậy càng thêm phiền toái, lại nảy ra ý nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép khi làm việc được tắm giặt thì áo khỏi nhớp, thân khỏi nhớp được sạch sẽ, bớt mệt.

Lại có các Tỳ-kheo đi đường mệt nhọc, muốn tắm giặt mà không dám, lại suy nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép khi đi đường được tắm giặt thì sự mệt nhọc sẽ bớt đi. Lại có các Tỳ-kheo bị mưa gió bị bùn bụi làm nhớp áo, lại có ý nghĩ: Nếu khi trời mưa gió, Đức Phật cho phép tắm giặt thì có thể không bị bụi bùn làm nhớp. Mùa Xuân còn một tháng rưỡi và một tháng đầu mùa Hạ, các Tỳ-kheo bị nóng bức, mồ hôi nhuễ nhại, lại nảy ra ý nghĩ: Vào lúc nóng nực, nếu Đức Phật cho phép tắm thì có thể không bị hoạn khổ ấy. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo khi bệnh, khi làm việc, khi đi đường, khi mưa gió, khi nóng bức được tắm rửa không phạm. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào trong vòng nửa tháng mà tắm, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề"***. Nhân duyên là khi bệnh, khi làm việc, khi đi đường, khi mưa gió, khi nóng bức, đó là nhân duyên. Khi bệnh: Là khi có chứng bệnh cần tắm rửa. Khi làm việc: Là khi lo liệu công việc, cho đến quét phòng. Khi đi đường: Là khi đi một do-tuần,

hai do-tuần, cho đến chỉ nửa do-tuần. Khi mưa gió: Là khi trời gió mưa bị đất bùn nhơ nhớp. Khi nóng bức: Là lúc nóng bức đổ mồ hôi. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu khi tắm rửa cho thầy, hoặc cho người bệnh, thân hình mình bị ướt, bị nhớp thì tắm rửa không phạm.

Xong giới thứ bảy mươi

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thập thất quần Tỳ-kheo vừa cất xong phòng mới, Lục quần Tỳ-kheo muốn đến ở trong đó, đuổi

Thập thất quần Tỳ-kheo ra. Thập thất quần Tỳ-kheo không chịu ra nên bị đánh. Bị đuổi bị đánh, Thập thất quần Tỳ-kheo kêu khóc inh ỏi. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, hỏi: Tại sao kêu la lớn tiếng như vậy? Lục quần Tỳ-kheo đánh đám con. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, có. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đánh Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề".***

Có Tỳ-kheo ăn bị nghẹn, nhờ Tỳ-kheo khách

đấm lưng, các Tỳ-kheo không dám đấm, nên nghẹt thở chết, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo không vì lòng giận mà đánh Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào giận đánh Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu đánh Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, người khác hay súc sinh, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni đánh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề; đánh Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, người khác cùng súc sinh, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni đánh năm chúng, người khác, hay súc sinh, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bảy mươi mốt

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo lại đến phòng Thập thất quần Tỳ-kheo tìm chỗ ở. Thập thất quần không chịu ra, Lục quần đưa tay lên như muốn đánh, Thập thất quần cũng lại la lớn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, ra hỏi: Tại sao các ông la lớn như thế? Lục quần Tỳ-kheo muốn đánh con. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch

Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dọa đánh Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo khi nói pháp dùng tay nhấn mạnh lời nói hoặc chỉ rõ vấn đề nào đó, nên lòng lại sinh nghi hối: Phải chăng ta đã phạm Ba-dật-đề. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo không do lòng giận, dọa tay đối

với Tỳ-kheo khác, mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vì giận, dùng tay dọa đánh Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu dọa tay đánh, phạm Ba-dật-đề. Nếu dọa tay mà không đánh, phạm Đột-kiết-la. Ngoài ra như trong giới đánh Tỳ-kheo đã nói.

Xong giới thứ bảy mươi hai

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Thập thất quần Tỳ-kheo hài lòng với phòng vừa nhận được. Lục quần Tỳ-kheo ỷ mình là bậc Thượng tọa nên tùy tiện vào ở. Thập thất quần phải tránh qua những phòng hai bên. Lục quần Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận: Thập thất quần Tỳ-kheo biết hổ

thẹn cẩn thận sợ tội lỗi, họ ở bên ta, chắc thấy được tội lỗi của ta. Chúng ta nên tạo phương tiện để họ tách xa ta. Lục quần bèn đến nói: Phòng này trước đây bỏ không, có nhiều sự đáng sợ sệt, các ông không nên ở đấy. Thập thất quần nói: Chúng con đóng kỹ cửa thì đâu có sợ gì. Lục quần Tỳ-kheo, trong đêm tối làm nhiều hình tướng để khủng bố Thập thất quần. Sáng hôm sau, hỏi Thập thất quần: Đêm vừa rồi các ông ngủ ngon giấc không? Thập thất quần nói: Chúng con nghe tiếng đáng sợ sệt, đóng kỹ cửa tư duy nên đâu có sợ gì. Lục quần Tỳ-kheo lại cùng nhau bàn luận: Chúng ta không thể khủng bố chúng nó bằng kiểu đó, chúng ta sẽ chờ chúng nó ra ngoài, rồi lén vào phòng giấu mình bên dưới giường của chúng. Lục quần thực hiện ngay kế hoạch, lẫn trong đêm đen, kéo áo, kéo chân, khiêng giường của Thập thất quần để chỗ khác. Thập thất quần Tỳ-kheo hoảng hồn, lớn tiến kêu la. Các Tỳ-kheo Trưởng lão đến hỏi: Chuyện gì mà la lớn tiếng thế? Thập thất quần thưa: Nơi đây không có giặc cướp mà không biết ai kéo áo, kéo chân, khiêng giường chúng con để chỗ khác, các Tỳ-kheo Trưởng lão liền bưng đèn đến soi rọi, thấy Lục quần Tỳ-kheo đang ngồi xổm dưới giường, hỏi: Các thầy ngồi đâu làm gì? Lục quần nói: Chúng tôi ngồi đây để khủng bố. Các Tỳ-kheo trưởng lão bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng,

hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào khủng bố Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo cựu trú: Trong phòng này có điều gì đáng sợ sệt không? Vị kia hoặc không dám nói, hoặc nói rồi sinh nghi,

sợ phạm tội Ba-dật-đề, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo Các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nào không cố ý khủng bố Tỳ-kheo khác mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào cố tâm khủng bố Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề".*** Ngoài ra như trong giới đánh Tỳ-kheo khác đã nói.

Xong giới thứ bảy mươi ba

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Đạt-ma khởi ý nghĩ: Trước đây Bạt-nan-đà đoạt y của ta, do đó Đức Phật quở trách ta, rồi vì các Tỳ-kheo kiết giới. Nay ta nên đến trước Tăng nói thấy ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nghĩ rồi, liền đến trước Tỳ-kheo Thượng tọa báo: Bạt-nan-đà cùng người nữ, hai thân đụng chạm nhau, nói lời thô ác, khen ngợi sự cung phụng xác thân. Các Tỳ-kheo

hỏi: Tại sao thầy biết? Đạt-ma nói: Tôi cùng đi, thấy thầy ấy làm việc như vậy. Các Tỳ-kheo Trưởng lão quở trách nói: Tại sao thầy, lúc không giận nhau thì che giấu, lúc giận nhau lại báo, nêu ra? Quý vị quở trách rồi, đem bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Đạt-ma: Thật sự các ông có như vậy không? Đạt-ma thưa: Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào che giấu tội thô ác của Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo không biết vị khác phạm tội thô ác, sau mới biết, bèn sinh nghi hỏi: Ta há không phạm Ba-dật-đề? Vị ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác, mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác mà che giấu, qua một đêm, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu từ lúc vừa sáng cho đến lúc mặt trời chưa xuất hiện, mỗi giờ phạm Đột-kiết-la, mặt trời xuất hiện, phạm Ba-dật-đề. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu muốn nói mà không có người để nói, hoặc sợ nạn khởi lên nên che giấu thì không phạm.

Xong giới thứ bảy mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Bạt-nan-đà khởi ý nghĩ: Tỳ-kheo Đạt-ma hứa với ta cùng đi, đã lấy y của ta nhưng rồi không chịu đi, ta phải lấy lại y kia, bị Đức Thế Tôn quở trách, rồi vì các Tỳ-kheo

kiết giới. Sau đó, Đạt-ma lại tố cáo tội lỗi của ta, nay Ta nên dùng Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ để hủy báng ông ta. Nghĩ như vậy rồi, Bạt-nan-đà đến nói với các Tỳ-kheo Trưởng lão: Thật sự tôi có xúc chạm thân người nữ, có nói lời thô ác, có tự khen mình để đòi hỏi sự cúng dường xác thân, Tỳ-kheo Đạt-ma cũng như vậy. Các Tỳ-kheo hỏi: Tại sao thầy biết? Bạt-nan-đà nói: Tôi cùng đi cho nên thấy rõ. Các Tỳ-kheo quở trách, nói: Tại sao thầy dùng Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo khác? Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, dùng Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề"***. Hủy báng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni hủy báng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Hủy báng Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-

la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni hủy báng năm chúng, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bảy mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà khởi ý nghĩ: Tỳ-kheo Đạt-ma hứa với ta cùng đi… cho đến câu: Lại tố cáo tội của ta (như trên). Ta dùng Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ để hủy báng, cũng không gây tổn hại, nay Ta lại dùng cách khác để trị mới được. Bạt-nan-đà bèn đến chỗ Đạt-ma nói: Ông là đệ tử của tôi. Tôi là thầy của ông. Trước đây ông và tôi gây xích mích lẫn nhau, nay chúng ta nên huề, đừng hiềm khích nhau nữa, sống lại nếp sống như trước kia, cùng nhau đến các già đình, nhận nhiều thức ăn ngon bổ. Đạt-ma liền hòa giải, theo thầy cùng đi. Bạt-nan-đà liền dẫn đến nơi không có thức ăn, nếu có ai đến mời thì nháy mắt ra hiệu bảo họ đi đi. Bạt-nan-đà tính toán thế nào, Đạt-ma về lại chùa là trễ giờ ăn. Vì thế, Đạt-ma nhận lệnh của thầy như sau: Nay chỗ này không có thức ăn, ông nên về chùa. Đạt-ma vừa đi, Bạt-nan-đà đến gia đình đã mời, ăn nhiều thức ăn ngon bổ. Đạt-ma về đến chùa thì đã quá ngọ. Bạt-nan-đà ăn xong, về chùa hỏi Đạt-ma: Ông về có kịp giờ ăn không? Đạt-ma đáp: Không. Bạt-nan-đà an ủi nói: Nay ông mất một bữa ăn, ngày mai ta sẽ cho ông

một bữa ăn ngon bổ gấp bội. Sáng mai, Bạt-nan-đà lại cũng đến như trước, cho đến Ba lần như vậy, rồi nói với Đạt-ma: Thời gian gần đây, tôi dẫn ông đến những chỗ đó, đều là những nơi thường nhận được thức ăn ngon bổ, nhưng không nhận được, sợ e ông bị "Kẻ bề trên" quở trách, hay thiên thần giận, hoặc là do tội nghiệp của ông nên mới đưa đến tình trạng như thế, ông đừng oán tôi. Ông có thể mau trở về chùa để kịp giờ ăn. Đạt-ma vội trở về chùa, vẫn không kịp giờ ăn. Bị đói mấy ngày liền nên Đạt-ma lả người không thể đứng dậy được, vì quá suy yếu. Bạt-nan-đà ăn xong quay về rồi lại đến hỏi: Ông có về kịp ăn không? Đạt-ma nói: Không kịp. Bạt-nan-đà bèn nói: Ông đã dối gạt thầy, nên phải bị trị phạt như vậy. Sau này nếu ông còn có thói đó sẽ bị trị nặng hơn. Khi ấy, Đạt-ma mới biết là mình bị thầy dối, tức giận la lớn: Tại sao Tỳ-kheo lại làm việc lừa dối khiến cho tôi ba ngày nhịn đói gần chết? Các Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi: Tại sao thầy la om sòm thế? Đạt-ma nói: Bạt-nan-đà ba ngày gây não hại tôi, khiến tôi bị đói. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật con có như vậy. Bằng mọi cách, Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào***

nói với Tỳ-kheo khác: Cùng tôi đến các gia đình kia, tôi sẽ cho thầy nhiều thức ăn ngon bổ, nhưng rồi không cho mà bảo trở về, phạm Ba-dật-đề”.

Có các Tỳ-kheo dẫn các Tỳ-kheo đến nhiều gia đình mà không nhận được thức ăn nào, sinh tâm xấu hổ, lại có suy nghĩ: Phải chăng là đã phạm Ba-dật-đề? Do đó, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo không vì gây não hại người khác, không nhận được thức ăn, phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo khác: Cùng tôi đến các gia đình kia, tôi sẽ cho thầy thức ăn ngon bổ, vì cố ý gây xúc não, nên không cho, lại khiến đi về, phạm Ba-dật-đề”.***

Có các Tỳ-kheo dẫn Tỳ-kheo nuôi bệnh đến các gia đình, vì Tỳ-kheo bệnh để xin thức ăn, sợ người bệnh quá giờ ăn, khiến nên về mau, người kia đi rồi, bèn sinh ân hận: Ta cố ý bảo về, phải chăng là đã phạm Ba-dật-đề? Do đó, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nào không vì để được ăn một mình nên khiến Tỳ-kheo khác về, mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo kia: Cùng tôi đi đến các gia đình kia, tôi sẽ cho thầy nhiều thức ăn ngon bổ. Khi đến rồi, không cho, lại nói như vầy: Ông đi đi, ông cùng***

tôi hoặc ngồi hoặc nói không vui, tôi ngồi một mình, nói một mình vui hơn, vì muốn gây não hại người kia, phạm Ba-dật-đề". Nếu Tỳ-kheo gây xúc não Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, cho đến súc sinh theo kiểu này, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni gây xúc não Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni theo kiểu này, phạm Ba-dật-đề; gây não Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, cho đến súc sinh theo kiểu này, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni gây xúc não năm chúng theo kiểu này, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bảy mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo cùng bạn đi đến nước Câu-tát-la, trên đường gặp giặc đoạt hết y bát. Sau đó, đi đến một trạm canh, người lính canh hỏi: Các Đại đức gặp giặc ở chỗ nào? Các Tỳ-kheo trả lời: Gặp giặc ở chỗ đó. Những người lính canh cùng nhau bàn luận: Nếu nhà Vua nghe các Tỳ-kheo bị đoạt y bát trong phạm vi trách nhiệm của ta, chắc chắn ta sẽ bị tội. Lính gác liền nói với Tỳ-kheo: Đại đức nán ở lại đây, chúng tôi sẽ truy tầm đám giặc lấy lại y bát. Lính liền truy tầm và bắt được, thu lại toàn bộ những gì chúng đã đoạt, để chung lại một đống. Những người lính bàn nói: Nên trả lại cho ai trước?

Có ý kiến: Nên trả lại cho các Tỳ-kheo trước. Nhà Vua tin ưa Phật pháp nghe được chắc chắn hài lòng. Với ý kiến đó họ liền nói với Tỳ-kheo: Các thầy đến lấy y bát của mình đi! Các Tỳ-kheo phân vân trước đống y, có vị nói là y của tôi, có vị nói là không phải y của tôi, cho nên không dám lấy. Những người lính hỏi: Tại sao không lấy? Các Tỳ-kheo nói: Tôi không nhớ rõ y của tôi nên không dám lấy. Các người lính nói: Cố nhớ lại mà nhận lấy mau. Ngay khi ấy, các ngoại đạo bèn lấy y tốt của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lấy sau nên phải lấy y xấu của ngoại đạo còn bỏ lại. Các người lính biết Sa-môn Thích tử đều mặc y tốt, mà nay lại nhận được y xấu của ngoại đạo, nên nói: Các thầy Sa-môn có gì đặc biệt đâu? Hình tướng cái y của mình còn không biết thì làm sao biết tâm của mình? Nếu các thầy biết hình tướng y của mình thì ngoại đạo đâu có lý do gì lấy được y tốt của các thầy. Các thầy Tỳ-kheo khi về đến chỗ Phật đem vấn đề này bạch lên Ngài. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo, hỏi: Thật sự các ông không biết hình tướng chiếc y của mình phải không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật là như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách xong, bảo các Tỳ-kheo. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-***

kheo nào nhận được y mới, nên dùng ba loại màu sắc để làm dấu, hoặc màu xanh, màu đen

hay màu mộc lan. Nếu không dùng ba màu đó để làm dấu, phạm Ba-dật-đề”. Nếu không làm dấu mà đắp mặc thì mỗi lần mặc phạm một Ba-dật-đề. Nếu không mặc, mỗi đêm phạm một Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu y mới nhận được đã làm dấu rồi, thì không làm, không phạm.

Xong giới thứ bảy mươi bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Thập thất quần Tỳ-kheo bỏ y bát lung tung, không thu dọn, Lục quần Tỳ-kheo lấy giấu. Khi Thập thất quần Tỳ-kheo biết mất, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Y bát của con hình tướng như vậy, như vậy, con để chỗ này, con để chỗ kia, ai lấy đem đi đâu? Lục quần Tỳ-kheo nói: Chỗ này kẻ tới người lui, biết ai lấy mà hỏi? Thập thất quần lại hỏi: Người vừa rồi đến đây, họ đi hướng nào? Đáp: Họ đi bốn phương biết đâu mà nói… Nghe thế, Thập thất quần Tỳ-kheo tỏa ra bốn hướng đuổi kịp người mới đến rồi về, liền hỏi: Tôi mất y bát, tọa cụ, ống đựng kim, các người nên trả lại cho tôi. Những người ấy nói: Thưa Đại đức! Tôi đến vì chánh pháp chứ đâu đến để ăn trộm! Thập thất quần Tỳ-kheo bị câu nói hóc búa ấy, xấu hổ liền trở về. Lục quần Tỳ-kheo hỏi: Các ông có tìm gặp được họ không? Đáp: Có gặp. Lại hỏi: Có

nhận lại được y bát không? Đáp: Không nhận được. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo đem y bát ra và nói: Y bát đây có phải của các ông không? Thưa phải. Các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách Lục quần, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình giấu vật của Tỳ-kheo khác, hoặc y, hoặc bát, tọa cụ, ống đựng kim, tất cả dụng cụ trong đời sống, hoặc sai người khác giấu, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp có Tỳ-kheo không thu cất y bát, đồ vật của mình, các Tỳ-kheo khác thấy mà không dám thu cất, bỏ đi nên bị mất, do đó bị nghi, mang tiếng xấu, bèn khởi ý nghĩ: Phải chi Đức Phật cho phép chúng ta vì người kia thu cất đồ vật thì vị kia không bị mất y bát, mà ta không bị mang tiếng xấu. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu không cố ý giấu, vì các

người khác cất giùm mà phạm Ba-dật-đề là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: Tỳ-kheo nào vì có ý đùa giỡn, giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo khác, nói chung là tất cả dụng cụ sinh sống của Tỳ-kheo khác, hoặc

sai người giấu, phạm Ba-dật-đề. Nếu giấu vật dụng của Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, cho đến của súc sinh đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni giấu vật của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề, giấu vật của người khác, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, giấu vật của năm chúng, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bảy mươi tám

Đức Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Lục quần Tỳ-kheo có thế lực, các Tỳ-kheo thiện không có thế lực. Lục quần Tỳ-kheo ngăn các Tỳ-kheo thiện Yết-ma… cho đến câu: "Đức Phật bằng mọi cách quở trách" như trong giới "Như pháp đoán sự" trước kia đã nói. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào khi Tăng đoán sự như pháp gởi dục rồi, sau lại chê trách, phạm Ba-dật-đề".*** Sau lại chê trách, tức là nói: Tôi vốn không gởi dục như vậy. Trường hợp Tăng không làm Yết-ma đoán sự, mà sau lại chê trách thì phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ bảy mươi chín

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo cần thứ y nào thì chúng Tăng đã cung cấp, sau đó lại được nhận thêm đã đủ ba y, cùng nhau bàn nói: Y này nên cúng cho ai? Có vị nói: Trước hết nên cúng cho Đức Thế Tôn. Có vị lại nói: Nên cúng cho Tôn giả Đại Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp thường được Đức Thế Tôn khen ngợi, lại nữa là bậc Thượng tọa của chúng ta. Lục quần Tỳ-kheo lại nói: Trước hết nên cúng cho Cù Già Lê. Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo: Tôn giả Ca-diếp có mong cầu được nhiều y hay không? Đáp: Tôn giả Ca-diếp không cầu, có cho mới nhận. Nhân đó Đức Phật nói kệ:

Y này, y không dục Không cho người có dục
Người không điều phục ý

Không nên mặc cà sa. Người đã lìa tham dục
Thường nhất tâm nơi giới Người điều tâm như vậy
Mới nên mặc y này.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, nên đem y này cúng cho Tôn giả Ca-diếp. Quý vị liền vâng lời. Lục quần Tỳ-kheo lại nói: Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng cho người mình quen biết. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Đức Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Họ nhận là có thật như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới

này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nói: Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng cho người quen thân của mình, phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tám mươi

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc này, Tỳ-kheo Đạt-ma khởi ý niệm: Bạt-nan-đà trước đây đoạt y của ta, Đức Phật quở trách ta, rồi vì các Tỳ-kheo kiết giới. Ta nói ông ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa, ông ấy lại dùng Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ hủy báng ta và dứt phần ăn của ta cho đến ba ngày. Ta nên bằng cách nào để trả mối hận ấy. Đạt-ma nghĩ: Ông ấy vừa đối với ta tác tịnh thí y, ta không hoàn lại cái y ấy là đủ để trả mối nhục kia. Nghĩ như vậy, nên không hoàn chiếc y lại. Bạt-nan-đà, sau đó đến đòi lại y. Đạt-ma nói: Trước đây thầy bố thí rồi, sao nay đòi lại?! Bạt-nan-đà nói: Ta tác tịnh thí, chứ ta đâu bố thí! Dù vậy Đạt-ma vẫn không hoàn lại. Bạt-nan-đà bèn cưỡng bức đoạt lại. Đạt-ma bèn la lớn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, đều đến hỏi: Chuyện gì la to thế? Đạt-ma trả lời: Bạt-nan-đà đoạt lấy y của tôi. Các Tỳ-kheo trưởng lão quở trách Bạt-nan-đà: Tại sao tịnh thí cho người không đáng tin cậy, để rồi phải đoạt lại? Các

Trưởng lão quở trách Đạt-ma: Người ta tịnh thí y, tại sao ông không hoàn lại? Các Trưởng lão bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Ông là người ngu si, thật sự ông có tịnh thí y cho người không đáng tin cậy hay không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật lại hỏi Đạt-ma: Ông là người ngu si, thật sự người ta tịnh thí y cho ông rồi, ông không hoàn trả lại phải không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như

vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Không nên tịnh thí cho năm hạng người sau đây:

Một là hạng người không quen biết.

Hai là hạng người kém hiểu biết.

Ba-là hạng người không gần gũi.

Bốn là hạng người không phải thân hữu hay đồng sư.

Năm là loại người hay thay đổi.

Không phải năm hạng người này thì nên tịnh thí. Lại có hai pháp không nên tịnh thí:

Một là không thể khen ngợi người.

Hai là không thể làm cho người có tiếng tốt. Lại có hai pháp không nên tịnh thí:

Một là hạng người không thể vì người, nhận lấy trọng vật tịnh thí rồi giữ lấy như của mình.

Hai là hạng người có trọng vật không thể tịnh

thí để cho ai sử dụng và không hề ân hận.

Lại có hai pháp không nên tịnh thí:

Một là hạng người không biết họ còn sống hay không.

Hai là hạng người không biết họ còn tu hay không.

Từ ấy, các Tỳ-kheo lại có suy nghĩ: Đức Phật cho chúng ta tịnh thí, vậy nên tịnh thí cho cha mẹ, anh em, chị em. Việc này lại bạch Phật, Đức Phật dạy: Không nên tịnh thí cho bạch y, nên tịnh thí cho năm chúng. Có các Tỳ-kheo ở riêng một mình trong phòng, có y dư không biết tịnh thí bằng cách nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên hướng đến người ở cách xa mà tịnh thí. Nếu đối với ba y, cần đổi y nào thì nên để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, tay cầm y, tâm nghĩ, miệng nói: Y này là của tôi, gồm có bao nhiêu điều, nay tôi xin xả. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Sau đó, mới nhận y dư, cũng như pháp trước, tâm nghĩ, miệng nói: Tôi có y này, gồm bao nhiêu điều, nay tôi xin thọ. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Chiếc y được xả, cũng nên tịnh thí, theo như pháp trước: Tâm nghĩ miệng nói: Đây là chiếc y dư của tôi, xin tịnh thí cho thầy… Rồi từ nơi thầy kia mà lấy dùng. Nếu không cần thay đổi người nhận, thì chiếc y dư kia nên tịnh ví như vậy. Pháp tịnh thí riêng, đến ngày thứ mười một, cần phải như pháp trước, tâm

nghĩ, miệng nói: Đây là chiếc y dư của tôi, lấy lại từ nơi thầy… Sau đó, lại như pháp trước thọ trì tịnh thí. Nếu đối với người tịnh thí, nên như pháp trước làm pháp lần lượt tịnh thí: Tay cầm y, miệng nói: Đây là chiếc y dư của tôi, xin đối với Trưởng lão làm pháp tịnh thí. Vị Trưởng

lão nên hỏi: Y này của trưởng lão, tác tịnh thí đối với tôi, tôi nên đem cho vị nào? Vị tác tịnh thí trả lời: Trong năm chúng, tùy ý cho ai cũng được. Tỳ-kheo Trưởng lão thọ tịnh thí nên nói liền: Nay tôi cho thầy… Nếu Trưởng lão cần cứ đến vị ấy lấy dùng, và nên bảo vệ nó cho tốt. Sau đó vị Tỳ-kheo thọ pháp tác tịnh thí kia đem việc này nói với vị Tỳ-kheo được xưng tên để cho trước kia. Tỳ-kheo được xưng tên kia sợ phạm tội trưởng y nên không dám thọ, không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Không nên nói với Tỳ-kheo được xưng tên. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tịnh thí y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-a, Sa-di, Sa-di-ni rồi đoạt lấy lại, phạm Ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Nếu cho y vị kia, sau đó xin lại, vị kia cho, mình nhận thì không phạm.

Xong giới thứ tám mươi mốt

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Bạt-nan-đà thường thọ sự cúng dường của một gia đình, sau đó, gia đình kia thỉnh Tăng. Ngày nọ, Bạt-nan-đà, sáng sớm mặc y mang bát vào thành, rảo khắp các gia đình để chuyện vãn… Đến giờ, chúng Tăng được cung thỉnh, các Tỳ-kheo mặc y bưng bát đến nơi nhà kia, và cả chúng phải ngồi chờ lâu. Các vị nói với người chủ: Giờ ngọ đã gần qua, tại sao không mời Tăng thọ thực. Người chủ nói: Tôi vì Bạt-nan-đà nên thỉnh Tăng, vậy phải chờ vị ấy đến đã. Khi Bạt-nan-đà đến thì đã gần quá ngọ. Các Tỳ-kheo có vị ăn được, có vị ăn được ít, có vị không ăn. Do đó người chủ chê trách Bạt-nan-đà: Sa-môn Thích tử có chuyện gì gấp đâu, tại sao đã nhận lời mời của tôi, lại đi đến các nhà khác, gần quá ngọ mới tới, khiến các Tỳ-kheo không ăn kịp những thức ăn do tôi cúng dường. Các thức ăn chúng tôi làm nhiều nay thành ra vô dụng. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách Bạt-nan-đà: Thầy không đem lại sự lợi ích cho Phật pháp nên mới gây khổ não cho chúng Tăng như vậy. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận lời mời của người, trước bữa ăn đến nhà khác, phạm***

Ba-dật-đề”.

Sau đó, người thí chủ của Bạt-nan-đà tự gánh thức ăn nấu rồi đến Tăng phường để cúng dường Tăng và Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà ăn

xong trước, lại đến nhà khác. Do Bạt-nan-đà không có mặt nên gia chủ không dọn thức ăn, mặc dù chúng Tăng ngồi đã lâu. Các Tỳ-kheo nói: Giờ ngọ gần qua sao không dọn mời Tăng? Gia chủ nói: Tôi vốn vì Bạt-nan-đà, chờ thầy ấy đến sẽ dọn. Bạt-nan-đà cuối cùng không trở lại nên thức ăn ấy không được dọn. Gia chủ đã nhiều lời trách cứ Bạt-nan-đà, các Tỳ-kheo cũng chê trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật con có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào nhận lời mời của người, trước bữa ăn, sau bữa ăn, đến nhà khác, phạm Ba-dật-đề”.***

Các Tỳ-kheo, có việc của Tăng, việc của tháp, việc riêng cần đến nhà khác mà không dám đi, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo báo với các Tỳ-kheo khác trước khi đi. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào nhận lời mời, trước bữa ăn, sau bữa ăn, đến nhà khác, không báo với Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề”.***

Hoặc có các Tỳ-kheo hiềm nghi không nói chuyện với nhau, hoặc ngồi thiền hay ngủ mê, không biết báo cáo với ai khi ra ngoài cửa ngõ, thấy các Tỳ-kheo bèn chạy đuổi theo, từ xa kêu lớn để báo. Các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Các Tỳ-kheo chạy như nai, như thỏ, kêu la như chim cú trọc đầu, thật không có hạnh của Sa-môn, phá pháp của Sa-môn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Không nên từ xa mà báo. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận lời mời của người, trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đến nhà khác, không đứng gần để báo với các Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề".***

Các Tỳ-kheo lại có suy nghĩ: Thời gian của y có nên bạch hay không? Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Trừ thời gian của y. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào nhận lời mời của người, trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đến nhà khác, không đứng gần để báo với các Tỳ-kheo khác, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".*** Nhân duyên là: Thời gian của y gọi là nhân duyên. Nếu báo đến nhà A mà đến nhà B, thì không gọi là báo. Nếu không báo mà đến các gia đình, một chân vào trong

cửa, phạm Đột-kiết-la, hai chân vào trong cửa, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng

như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Nếu báo đến một nhà, nhân đó đến một nhà khác thì không phạm. Nếu không có Tỳ-kheo để có thể báo cũng không phạm.

Xong giới thứ tám mươi hai

Đức Phật du hóa tại nước Câu-tát-la cùng đầy đủ chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người. Các Tỳ-kheo, có người nhận được phòng để ngủ, có vị ngủ ở gốc cây, có vị nằm nơi đất trống. Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo vừa sáng sớm đã mặc y bưng bát, nơi đường hẻm, cùng các bạch y nói chuyện về thế sự, cho đến xẩm tối. Người đi đường thấy, dị nghị nói: Chỗ này không phải là chỗ của người xuất gia nói chuyện, tại sao không ở nơi A-lan-nhã giữ gìn các căn, hoặc có người nói: Những vị này không ưa Phật pháp, không kính giới luật, được nơi nói chuyện vui đùa là quên cả thời gian. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-

kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào vào xóm làng phi thời phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo, có duyên sự, cần vào xóm làng lúc phi thời, mà không dám vào, bạch Phật: Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép có duyên sự được vào xóm làng lúc phi thời. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, phi thời vào xóm làng, không đến gần để báo với Tỳ-kheo thiện, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề".*** Nhân duyên là khi có nạn. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu trên đường đi, trải qua xóm làng, hoặc chiều tối cần phải nghỉ đêm, hay là có tám nạn khởi, đều không phạm.

Xong giới thứ tám mươi ba

Đức Phật ở thành Vương-xá. Bấy giờ, cách thành không xa có một cái miễu thờ thần cây, nhiều người phụng thờ khi tiết hội, đến bảy ngày mới xong, các loại hoa dùng để dâng tiến lễ, họ vất lại đó. Sau đấy các Tỳ-kheo lấy đem về độn vào giường dây, giường cây và làm gối làm nệm. Các bạch y thấy, chê trách nói: Những vật này hôi hám, thường sinh các loài trùng, tại sao các Tỳ-kheo lại ngồi nằm trên đó,

thật không có hạnh của Sa-môn, phá pháp Sa-

môn! Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách xong, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dùng các loại hoa độn vào dụng cụ ngồi nằm, phạm Ba-dật-đề".***

Các loại hoa là chỉ cho hoa Liễu, hoa Bạch dương, hoa Bồ lê, Hỏa-diệm bà. Khi khởi tâm và chuẩn bị độn đều phạm Đột-kiết-la, làm thành phạm Ba-dật-đề. Nếu không phá bỏ đi và nếu ngồi thì mỗi một khi ngồi phạm Ba-dật-đề. Nếu nằm mỗi một khi nằm phạm Ba-dật-đề. Người khác cho mà nhận phạm Ba-dật-đề. Chủ yếu là trước hết phải xả bỏ, rồi mới sám hối. Không làm như thế mắc tội càng nặng. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tám mươi bốn

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo sử dụng loại giường cao chân, các Tỳ-kheo già bệnh, khi leo lên leo xuống, té xuống đất bị thương, hoặc bị lộ hình, các Cư sĩ thấy, chê trách

nói: Các Tỳ-kheo này như nhà Vua, như các nhà quý phái, hào tộc, không biết tiết kiệm. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc cúng chiếc giường nằm của mình cho Tỳ-kheo Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà nhận được chiếc giường rồi đem trưng bày trong phòng của mình. Thường pháp của Đức Thế Tôn là cứ mỗi năm ngày đến xem xét phòng của các Tỳ-kheo một lần. Bạt-nan-đà khoe với Phật: Chiếc giường của con đặt nơi đây. Đức Phật liền quở trách: Ông là kẻ ngu si, tại sao an tâm ở trong nhà hầm nguy hiểm của sinh tử, không có ý mong cầu ra khỏi?! Ông không nên sử dụng chiếc giường cao sang, trang sức bằng gấm vóc thế này. Nếu trái phạm thì phạm tội Đột-kiết-la. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào tự mình làm tọa cụ, giường dây, giường cây, chân giường chỉ nên cao bằng tám ngón tay của đức Thiện Thệ, trừ khúc vào lỗ mộng, nếu quá, phạm Ba-dật-đề".***

Nếu giường ấy, tự mình làm hay sai người khác làm, cao hơn mức quy định cũng đều phải cắt bỏ, rồi mới sám hối tội phạm. Nếu nhận được giường của người ta cho, cao quá mức, thì khi nhận phải nhớ nghĩ ngay là giường này không như pháp, ta sẽ cắt bỏ. Nếu không khởi ý

niệm như vậy mà nhận, phạm Ba-dật-đề. Nên cắt bỏ, rồi sau mới sám hối. Tỳ-kheo-ni cũng như

vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Xong giới thứ tám mươi lăm

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo dùng xương, răng, sừng làm ống đựng kim. Các vị đi tìm kiếm khắp nơi, kể cả đi bới lượm nơi đống rác. Các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Các Sa-môn này giống như chó, như chim, như thợ tiện sừng, nhơ nhớp đáng gớm. Các Tỳ-kheo đến nơi lò sát sinh, chờ khi họ giết bò trâu để xin. Các tên đồ tể hiềm khích nói xỉa: Xem ra các Sa-môn này chỉ muốn giết nhiều, thấy giết nhiều thì thích. Đám này ngày đêm thường rao giảng nói từ bi hộ niệm đối với chúng sinh, mà nay không hề có tâm trắc ẩn, nhân từ. Bấy giờ, có một người thợ tiện xương, tin ưa Phật pháp, thường cung cấp các dụng cụ ấy cho các Tỳ-kheo, hoặc tự lấy xương sừng của mình cất giữ để làm hoặc tìm kiếm xương sừng để làm. Sự việc ấy, đưa đến tình trạng người thợ không có thì giờ rảnh để làm cho người khác. Người trong nhà nói với nhau: Nếu cứ mãi làm không công cho các Sa-môn thế này thì chúng ta mỗi người tự lo lấy sự sống. Người láng giềng bàn luận: Ông tin kính Sa-môn nên mới khốn cùng như thế. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch

Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào dùng xương, răng, sừng làm ống đựng kim, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm và tạo phương tiện muốn làm, phạm Đột-kiết-la, làm thành rồi phạm Ba-dật-đề. Tất cả đều nên phá hủy trước rồi sau mới sám hối tội đọa. Làm ống để nhỏ thuốc lỗ mũi thì không phạm. Ngoài ra như trong giới làm giường nằm đã nói.

Xong giới thứ tám mươi sáu

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo không trải tọa cụ mà ngồi trên giường của Tăng nên nệm bị nhớp. Lại có một Tỳ-kheo bị són mà tưởng là chỉ có gió ra. Khi biết được đem giặt, phơi trước phòng. Đức Thế Tôn thấy, hỏi Tôn giả A-nan: Cái nệm ấy của ai? Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ vấn đề. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Không nên không trải tọa cụ mà

ngồi trên giường nệm của Tăng, trái phạm thì phạm Đột-kiết-la. Nay cho phép các Tỳ-kheo, để bảo vệ thân, bảo vệ y, bảo vệ giường nệm của Tăng, được dùng tọa cụ. Các Tỳ-kheo lại có suy nghĩ: Đức Phật đã cho phép chúng ta dùng tọa cụ. Do thế quý vị lại làm rộng lớn, nên thòng xuống đất bị nhớp, các Cư sĩ hỏi các Tỳ-kheo: Đây là y gì mà lòng thòng quét đất? Đáp: Đây là tọa cụ của chúng tôi. Họ dè bỉu nói: Thưa Đại đức! Sao không làm cân xứng với thân? Tuy không phải xuất tiền của mình nhưng phải biết tiết kiệm chứ. Thích tử thường nói: Ít muốn, biết vừa đủ, mà nay lại như thế này, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp của Sa-môn, Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào làm Ni-sư-đàn, nên làm cho đúng lượng, dài hai gang tay của Đức Thiện Thệ, rộng một gang rưỡi. Nếu làm quá lượng, phạm Ba-dật-đề". Trưởng lão Ưu-đà-di thân hình lớn, tọa cụ nhỏ, ngồi còn dư ra hai đầu gối. Khi Đức Phật đến xét các phòng, Ưu-đà-di nắm kéo tọa cụ như kéo da trâu. Đức Phật hỏi: Tại sao làm vậy? Ưu-đà-di thưa: Bạch Đức Thế Tôn, thân hình con lớn mà cái tọa cụ nhỏ, nên

con kéo ra cho rộng. Đức Phật quở trách nói: Ông là người ngu si, khi nào cũng đóng kịch. Nay Ta cho phép thêm hai đầu một gang tay nữa. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm Ni-sư-đàn phải làm đúng lượng, dài hai gang tay, rộng một gang tay rưỡi của Đức Thiện Thệ, rồi thêm vuông vức một gang. Nếu làm quá lượng định, phạm Ba-dật-đề"***. Thêm vuông vức một gang tay: Rọc lấy ba phần nối đầu chiều dài, còn một phần điểm bốn góc, không điểm thì thôi. Trừ Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni. Ngoài ra như trong giới làm giường đã nói.

Xong giới thứ tám mươi bảy

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Tỳ-kheo Tỳ-la-đồ thân hình bị sinh ghẻ, máu mủ chảy nhớp nhúa, mặc y phục, khi cởi ra, bị dính vào

ghẻ đau. Đức Phật đi tuần hành các phòng thấy, hỏi Tỳ-kheo kia: Bệnh của ông có thuyên giảm không? Có đau nhức lắm không? Tỳ-kheo bệnh thưa: Bệnh của con không thuyên giảm, đau nhức quá sức! Mặc y phục, khi thay, ghẻ dính vào, lột cả da, đau nhức không thể tưởng tượng. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-

kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo, vì hộ thân, hộ y, hộ nệm ngồi của Tăng, được dùng y che ghẻ, dùng vải mỏng mịn để làm. Các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Đức Phật cho phép chúng ta làm y che ghẻ, bèn làm dài, trùm cả trên đầu cho đến chân, kéo lê dưới đất nhớp y. Các Cư sĩ thấy, bèn chê trách (như trong giới ni-sư-đàn đã nói). Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm y che ghẻ, nên làm đúng lượng, dài bốn gang tay, rộng hai gang tay của Tu-già-đà (Thiện Thệ). Nếu làm quá lượng định, phạm Ba-dật-đề"***. Y che ghẻ, mặc khi có ghẻ, ghẻ lành nên tịnh thí. Ngoài ra như trong giới tọa cụ đã nói.

Xong giới thứ tám mươi tám

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Đức Phật cho phép Tỳ-xá-khư-mẫu dâng cúng áo tắm mưa cho Tăng. Các Tỳ-kheo làm vừa rộng vừa dài, các Cư sĩ chê bai… cho đến các Tỳ-kheo bạch Phật, như giới trước đã nói. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào làm áo tắm mưa, nên làm cho đúng lượng, dài năm gang tay, rộng hai gang rưỡi tay của Tu-già-đà, nếu làm quá lượng định phạm Ba-dật-đề"***. Ngoài ra như trong giới làm y che ghẻ đã nói.

Xong giới thứ tám mươi chín

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-kheo may y của mình bằng hay dài hơn y của Tu-già-đà. Cư sĩ chê trách nói… cho đến câu: Các Tỳ-kheo bạch Phật, đều như giới trước đã nói. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào may y của mình bằng hay dài hơn của Tu-già-đà, phạm Ba-dật-đề"***. Lượng của y mình bằng y của Tu-già-đà tức là chiều

dài bằng chín gang tay, chiều rộng bằng sáu gang tay của Tu-già-đà. Như vậy gọi là lượng y của mình bằng y của Tu-già-đà. Nan-đà thấp hơn Đức Phật bốn ngón tay, không biết nên may theo y lượng nào, bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép Nan-đà may y ngắn hơn y Phật hai ngón tay. Lại có các Tỳ-kheo thấp hơn, không biết may theo lượng nào, bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép tùy theo thân hình người cao hay thấp để may y. Ngoài

ra, như trong giới y tắm mưa đã nói.

Xong giới thứ chín mươi

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Nan-đà, Bạt-nan-đà cùng nhau bàn nói: Đức Thế Tôn đã dạy xoay vật của Tăng về cho mình, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay chúng ta nên xoay về cho nhau. Hai vị đều nói với đàn-việt, để rồi cùng nhau thủ lợi. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Nan-đà, Bạt-nan-đà: Thật sự hai ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào biết vật đàn-việt muốn cúng cho Tăng mà xoay về cho người khác, phạm Ba-dật-đề". Ngoài ra, như trong giới xoay vật của Tăng về cho mình đã nói.

Xong giới thứ chín mươi mốt

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 10

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 6: NÓI VỀ BỐN PHÁP HỐI QUÁ

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-bà-di tên Hòa-già-la-mẫu, tin ưa Phật pháp, thường cúng dường Sa-môn, được người ca tụng. Về sau, với lòng tin ấy bà xuất gia, sống thiểu dục, tri túc song vẫn tạo nhiều sự cúng dường. Trên đường khất thực về, gặp một Tỳ-kheo bà hỏi: Thầy đi đâu đây? Tỳ-kheo đáp: Đi khất thực. Bà lại thưa: Có thể nhận thức ăn này của con không? Tỳ-kheo nói: Có thể. Bà liền dâng cúng, rồi lại vào một gia đình khất thực. Có hai Tỳ-kheo trao đổi với nhau: Tỳ-kheo-ni Hòa-già-la-mẫu có khả năng nhận được thức ăn, nên đến đó lấy. Các Tỳ-kheo nghe thế, đến đó đều nhận được. Tỳ-kheo-ni này nhận được thức ăn gì lại đều trao cúng cả, với ý nghĩ: Ta nhận được phần sau cùng sẽ đem về ăn, lần cuối nhận được thức ăn mang về lại gặp một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng thưa hỏi như trước, rồi cũng lại trao cúng. Tỳ-

kheo-ni bát rỗng không ra về. Các Tỳ-kheo, sau khi ăn xong, tập hợp lại bàn thảo với nhau: Tỳ-kheo-ni kia may mắn có thể nhận được nhiều thức ăn, chúng ta phiền gì phải đi nhiều chỗ cầu xin, hằng ngày chúng ta chỉ cần kéo nhau đi theo cô ta là được. Thế là sáng ngày hôm sau, các Tỳ-kheo kia vào tìm cô ni để đi theo. Tỳ-kheo-ni kia nhận được thức ăn đều trao cúng hết, đành bưng bát không trở về. Đến cả ba ngày đều như vậy. Sáng hôm ấy, khi đi khất thực, vì muốn tránh chiếc xe ngựa chở Trưởng giả, Tỳ-kheo-ni kia lảo đảo té nhào xuống đất. Trước đó, Vua Ba-tư-nặc có ra lệnh: Trong nước, ai khinh mạn Sa-môn Thích tử sẽ bị trị tội nặng. Do đó, Trưởng giả kia hoảng hồn, liền xuống xe đỡ Tỳ-kheo-ni lên và xin lỗi: Tôi không đụng cô sao cô lại té như vậy?! Cô ni nói: Thật sự ông không đụng, nhưng vì tôi đói nên té. Vị Trưởng giả hỏi: Cô khất thực không được sao? Cô ni đáp: Thức ăn tôi

khất thực được đều đem cúng hết cho Tỳ-kheo, nên đưa đến tình trạng xấu này. Ông Trưởng giả nói: Xin sư cô nhận thức ăn của tôi đây. Cô ni im lặng thuận nhận, rồi cũng đem dâng cúng cho các Tỳ-kheo.

Khi ông Trưởng giả xuống xe, dân chúng tụ hội lại rất đông, đều chê trách nói: Tuy Tỳ-kheo-ni này dâng cúng không biết nhàm chán, nhưng người thọ nhận phải biết suy nghĩ chứ. Các người ấy thường

nói thiểu dục, tri túc mà nay tham lam nhận lấy thức ăn của người đồng đạo cúng dường, khiến họ phải bị khốn khổ thế này! Lời oán trách ấy đến tai các Tỳ-kheo Trưởng lão, bằng mọi cách vạch rõ sai lầm rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni này. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến chỗ Tỳ-kheo-ni nhận thức ăn thì Tỳ-kheo ấy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời ăn năn: Tôi bị rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lên lời ăn năn, như vậy gọi là pháp Hối quá".***

Các Tỳ-kheo có Tỳ-kheo-ni thân quyến có khả năng nhận được thức ăn, thấy các Tỳ-kheo khất thực khó khăn, nói: Đừng nên tự mình nhận lấy sự khốn khổ, hãy đến chỗ con nhận lấy thức ăn. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi nhận lấy thức ăn nơi Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni nói: Quý thầy nên bạch Phật: Chỉ người thân thuộc biết thì nên cúng, biết rõ nên nhận. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo nhận thức ăn nơi các Tỳ-kheo-ni thân thuộc. Từ nay pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni này nên nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào đến nơi Tỳ-kheo-ni chẳng***

phải thân quyến nhận thức ăn, Tỳ-kheo ấy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời ăn năn: Tôi bị rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lên lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá”.

Lại có các Tỳ-kheo dìu Tỳ-kheo bệnh đi khất thực, nên bệnh nguy kịch thêm. Các Tỳ-kheo-ni nói: Đừng nên tự chuốc lấy sự khốn khổ, cứ đến chỗ con nhận thức ăn. Tỳ-kheo bệnh nói: Đức Phật không cho phép tôi nhận thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo bệnh được nhận thức ăn nơi Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Từ nay pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni được nói như sau: ***“Tỳ-kheo nào không bệnh, nhận thức ăn nơi Tỳ-kheo-ni không phải bà con, Tỳ-kheo***

ấy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời ăn năn: Tôi bị rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lên lời hối quá. Như vậy gọi là pháp Hối quá”.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni hoặc ở nơi Tăng phường, hoặc ở tại trú xứ của mình, hoặc tại gia đình vì các Tỳ-kheo dọn bữa ăn trước, bữa ăn sau bằng bát đát na (bún) và cháo, lại chuẩn bị cả nước tắm, các thứ dầu, tô. Các Tỳ-kheo không biết làm thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho

phép nhận thức ăn do Tỳ-kheo-ni cúng, nhưng không được nhận nơi ngả tư, đường hẻm. Từ nay pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào không bệnh, tại nơi đường hẻm, đối với Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, tự tay nhận lấy thức ăn, Tỳ-kheo này nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lời ăn năn: Tôi bị rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lên lời hối quá. Như vậy gọi là pháp Hối quá".***

Nếu Tỳ-kheo ở ngoài xóm làng, Tỳ-kheo-ni ở trong tu lạc nhận thức ăn, Tỳ-kheo ở trong xóm làng, Tỳ-kheo-ni ở ngoài xóm làng nhận thức ăn. Tỳ-kheo ở trên không, Tỳ-kheo-ni ở dưới đất nhận thức ăn, Tỳ-kheo ở dưới đất, Tỳ-kheo-ni ở trên không nhận thức ăn đều phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong pháp thứ nhất

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, có Cư sĩ thỉnh hai bộ Tăng thọ trai Lục quần Tỳ-kheo cùng Lục quần Tỳ-kheo-ni ngồi đối diện, thay nhau bảo người dọn ăn đem thêm thức ăn cho nhau, nên các Tỳ-kheo thiện không nhận được thức ăn, nói với người chủ: Nay người thỉnh Tăng sao không đem thêm thức ăn. Gia chủ nói: Tại các Tỳ-kheo này làm tôi rối ý, không biết vị nào nên thêm,

vị nào nên không thêm. Người chủ bèn chê trách Lục quần Tỳ-kheo: Mấy ông bà này cùng khuyến khích nhau ăn giống như người đời dẫn vợ đi ăn cỗ nhà người, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, nhà bạch y mời thọ trai, trong khi ấy có Tỳ-kheo-ni nói như vầy: Đem cơm cho Tỳ-kheo này, đem canh cho Tỳ-kheo kia. Các Tỳ-kheo***

nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: Sư cô không nên làm như vậy, chờ các Tỳ-kheo dùng xong đã. Nếu trong số Tỳ-kheo đó, không có một Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo-ni ấy: Sư cô không nên làm như vậy, chờ các Tỳ-kheo dùng xong đã, thì các Tỳ-kheo nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lời ăn năn: Tôi bị rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức hối quá. Như vậy gọi là pháp Hối quá".

Bấy giờ, có năm trăm Tỳ-kheo thọ trai tại nhà vị Trưởng giả. Gia đình ấy thường cúng dường cho cô Tỳ-kheo-ni nên cô ni ấy đến. Các Tỳ-kheo đồng loạt nói: Sư cô lui lại một chút! Sư cô lui lại một chút! Tỳ-kheo-ni kia rất xấu hổ, bỏ về. Người chủ

thấy vậy hỏi các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo-ni này có xúc phạm đến quý vị không? Tại sao quý thầy đồng loạt đuổi cô ta? Có người lại nói: Các Sa-môn này sợ Tỳ-kheo-ni đoạt phần ăn của mình nên mới đuổi như vậy. Đồng xuất gia với nhau, mà đố kỵ nhau làm điều không tốt như vậy huống chi là đối với người khác. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu khi Tỳ-kheo thọ trai, Tỳ-kheo-ni không làm theo sự giận, si, sợ mà bảo thêm thức ăn, cho đến đứng im lặng mà phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni là điều không thể có. Từ nay pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào, nhà bạch y mời thọ trai, có Tỳ-kheo-ni bảo người phục vụ: Thêm cơm cho Tỳ-kheo này, thêm canh cho Tỳ-kheo kia. Các Tỳ-kheo nên nói với các Tỳ-kheo-ni ấy: Sư cô chờ một chút, đợi các Tỳ-kheo dùng xong đã. Nếu trong chúng cho đến không có một người nói như thế, thì Tỳ-kheo như vậy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời ăn năn: Tôi bị rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lên lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá".*** Nếu có Tỳ-kheo-ni bảo thêm thức ăn cho Tỳ-kheo thì vị Tỳ-kheo Thượng tọa thứ nhất nên nói. Nếu lời nói của vị Thượng tọa thứ nhất không tác dụng thì vị Thượng tọa thứ hai nên nói, như vậy lần lượt cho đến vị mới thọ giới. Nếu Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni bảo thêm thức ăn

cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo không nói: "lùi xuống một chút" thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo bảo thêm thức ăn cho Tỳ-kheo không công bằng, mà ăn thì phạm Đột-kiết-la. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong pháp thứ hai

Đức Phật ở tại nước Câu-xá-di. Bấy giờ, Trưởng giả Cù-sư-la tin ưa Phật pháp, thấy pháp đắc quả, thường cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Sau một thời gian, gia đình Cù-sư-la bị kiệt quệ, bà con quen biết đều mang thức ăn đến cho. Các Tỳ-kheo vẫn đến nhà ông ta lấy thức ăn đầy bát mang đi. Người trong gia đình Cù-sư-la không chịu nổi sự đói khổ. Kẻ láng giềng thấy vậy đều chê trách: Người bố thí tuy không nhàm chán, nhưng kẻ thọ nhận phải biết tri túc chứ! Tại sao xâm phạm làm tổn hại đến gia đình người ta? Tài sản của họ khánh tận, chúng ta mang thức ăn đến cho họ, cớ sao vẫn còn tới cắt xén phần ăn của người ta! Không có tâm từ bi, miễn thỏa mãn việc ăn uống của mình, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Sự thật các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn, sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở

trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo vì Trưởng giả Cù-sư-la tác pháp học gia, bằng bạch nhị Yết-ma, không cho phép một Tỳ-kheo nào vào nhà ấy. Nên sai một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe, Trưởng giả Cù-sư-la này, các Tỳ-kheo tới lui nhà ông ta lấy các thức ăn đầy bát đem về, không lưu lại cho chủ, đến nỗi khiến gia đình ấy tài vật khánh tận. Nay tác pháp Yết-ma học gia, không cho phép bất cứ Tỳ-kheo nào vào nhà ấy. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Trưởng giả Cù-sư-la này, các Tỳ-kheo tới lui nhà ông ta, lấy các thức ăn đầy bát đem về, không lưu lại cho chủ, đến nỗi khiến gia đình ấy tài vật khánh tận. Nay tác pháp Yết-ma học gia, không cho phép bất cứ Tỳ-kheo nào vào nhà ông ấy. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý tác pháp Yết-ma Học gia cho Trưởng giả Cù-sư-la rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo lại tác pháp Yết-ma học gia các nhà khác, rồi bạch Phật. Đức Phật dạy: Không cho phép tác pháp Yết-ma học gia các nhà khác một cách bừa bãi. Nếu vợ là Thánh nhân, chồng là phàm phu, hay vợ là phàm phu, chồng là Thánh nhân đều không nên tác pháp Yết-ma học gia. Trường hợp cả vợ lẫn chồng đều là bậc Thánh

không còn tâm bỏn xẻn, mà tài vật khánh tận mới được tác pháp Yết-ma học gia. Sau đó, tất cả các Tỳ-kheo đều không dám đến nhà Cù-sư-la, nên gia đình ấy không thấy mặt thầy nào. lúc này, Cù-sư-la đến trong Tăng phường thưa với các Tỳ-kheo: Con quy ngưỡng Tam Tôn chứ không mong cầu phước điền nào khác, xin Đại đức hoan hỷ tới lui nhà con. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật cho phép đến. Các

Tỳ-kheo đến mà không dám nhận thức ăn. Ông Trưởng giả thưa: Con quy ngưỡng Tam bảo, chứ không mong cầu phước điền nào khác, xin quý thầy nhận thức ăn nơi con. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép nhận một phần ba của bình bát. Đức Phật cho phép nhạn một phần ba của bình bát, các Tỳ-kheo lại kéo hết đến nhận, tài sản của gia đình lại kiệt quệ hơn trước. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni ấy. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Có các Học gia, Tăng tác pháp Yết-ma Học gia. Nếu Tỳ-kheo nào nhận thức ăn nơi các Học gia đó nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lời hối quá: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay***

hướng đến các Đại đức nói lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá”.

Trước khi tài vật của gia đình Cù-sư-la chưa khánh kiệt, Cù-sư-la có lập riêng một chỗ tịnh dưỡng, mời các Tỳ-kheo bệnh trong Tăng để cúng dường, lại có một chỗ để cúng dường thuốc cũng như vậy. Các Tỳ-kheo bệnh, sau đó xấu hổ không dám thọ nhận. Ông Trưởng giả thưa: Chủ ý của con là vì quý Tỳ-kheo bệnh ở trong Tăng nên làm ra chỗ tịnh dưỡng này, cũng như lập chỗ để cúng dường thuốc, nếu quý thầy không nhận thì con cũng không đem về. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Những phẩm vật này được thí chủ thiết lập khi gia đình chưa khánh tận, nay cho phép các Tỳ-kheo tùy ý thọ. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Có các học gia, Tăng đã tác pháp Yết-ma học gia, Tỳ-kheo nào không bệnh, trước không nhận được lời thỉnh, đối với học gia này nhận thức ăn, thì Tỳ-kheo ấy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời hối quá: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá”.***

Lại có một Tỳ-kheo không bệnh nhận thức ăn từ Yết-ma học gia, nhận rồi sinh tâm nghi: Liệu ta có khỏi phạm tội Ba-la-đề-đề-xá-ni không? Vị ấy đem về cho lại các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo khác ăn rồi hỏi: Tại sao thầy không ăn? Tôi không

bệnh mà nhận thức ăn từ Yết-ma học gia, sợ phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni! Tỳ-kheo kia nói: Như điều thầy nghi, nay e tôi bị phạm. Vị ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu nhận thức ăn từ Yết-ma học gia, không ăn, cho người khác ăn, đều không phạm. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Có các học gia, Tăng tác Yết-ma học gia, Tỳ-kheo nào không bệnh, trước không nhận lời mời, đối với các học gia ấy, tự tay nhận thức ăn, Tỳ-kheo đó nên hướng đến các Đại đức, nói lên lời hối quá: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá"***. Nếu học gia tài sản của họ bị khánh tận, Tăng có ruộng vườn nên cho họ quản lý, để có thặng dư họ nhờ. Nếu không có ruộng vườn, khi Tăng có món cúng dường nào khác, khiến Học gia kia làm sứ giả để họ nhờ phẩm vật thừa. Nếu phương tiện này vẫn không có thì khi đi khất thực về, nên đến nhà họ ăn, để thức ăn dôi cho họ. Nếu không thể thực hiện được thì nên đem họ về Tăng phường cung cấp phòng nhà, tọa cụ, theo thứ tự cho họ thức ăn, nước uống phi thời cũng nên cho họ. Nếu có nhận được vải cũng nên chia phần cho họ. Các phụ nữ của nhà Học gia, các Tỳ-kheo-ni cũng nên lo liệu như vậy. Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Xong pháp thứ ba

Đức Phật ở tại thành Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại. Bấy giờ, có các bạch y mang thức ăn đến cúng cho các Tỳ-kheo sống nơi A-lan-nhã, bị giặc cướp lấy, các bạch y trách cứ: Tại sao các thầy không báo cho chúng tôi biết. Nếu biết chúng tôi sẽ mang gậy gộc theo để tự vệ, hay là chúng tôi không mang đến. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni này. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo nào ở chốn A-lan-nhã, nghi có sự khủng bố, không tìm hiểu trước, nhận thức ăn trong Tăng phường, Tỳ-kheo ấy nên hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời hối quá: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá".***

Bấy giờ, có năm trăm người tôi tớ của dòng họ Thích làm phản, ẩn náu nơi rừng vắng. Các phụ nữ dòng họ Thích muốn đến thăm viếng và cúng dường chúng Tăng. Các tôi tớ kia nghe, cùng nhau bàn luận: Chúng ta sẽ chận giữa đường để đoạt lấy phẩm vật này. Các Tỳ-kheo nghe, bèn đến báo với các phụ nữ của dòng họ Thích: Trong khu rừng này có đám giặc muốn cướp đoạt, các người đừng đến!

Do đó các phụ nữ hủy bỏ chuyển đi. Đám tôi tớ nghĩ: Các phụ nữ dòng họ Thích sở dĩ không đến là do các Tỳ-kheo bắn tin cho họ biết trước, bèn hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nói dối, nên trả lời đúng sự thật. Đám tôi tớ kia đánh các Tỳ-kheo gần chết rồi bỏ đó và cướp đoạt hết y bát. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật, Đức Phật dạy: Không nên nói có giặc mà chỉ nói đừng đến.

Có trường hợp các Tỳ-kheo không biết có người bên ngoài sắp đến. Điều này được bạch lên Phật. Phật dạy: Nên thường để ý nhìn thật xa bên ngoài, nếu thấy có người đến thì mau chóng báo. Có thức ăn thì nhận rồi bảo họ về liền. Từ nay pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni này được nói như sau: "Tỳ-kheo nào ở nơi chốn A-lan-nhã, nghi có sự khủng bố, không để ý quan sát trước, tự tay nhận thức ăn trong Tăng phường, không ra ngoài để thọ, Tỳ-kheo ấy phải hướng đến các Tỳ-kheo nói lên lời hối quá: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức nói lời ăn năn. Như vậy gọi là pháp Hối quá". Có người bất ngờ đem thức ăn đến trong Tăng phường rồi, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, đem việc này bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép một người vì họ nhận liền, rồi truất lấy phần của mình, còn bao nhiêu chuyển cho chúng. Lấy phần của mình rồi, giao một người trong chúng chuyển thức ăn, và nhanh chóng khiến thí chủ đi về. Trường hợp không đi được, nên giấu

họ, cơm nước cho họ đừng cho giặc thấy. Nếu không giấu được nên cho họ mặc áo ca sa, rồi khiến họ đi. Trường hợp không thực hiện được điều trên thì quyền biến cạo đầu, cho họ mặc áo ca sa để đi. Sa-di phạm Đột-kiết-la. Nếu quân đội đi ngang qua, cho họ thức ăn, hay giặc tự mang thức ăn đến cho họ thì không phạm.

Xong pháp thứ tư

Đoạn 7: NÓI VỀ 100 PHÁP CHÚNG HỌC

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mặc y hạ, hoặc cao quá, hoặc thấp quá, hoặc so le, hoặc như lá cây Đa-la, hoặc như lỗ mũi con voi, hoặc như viên nại (túm lại cho tròn vén trước bụng), hay xếp nhỏ, Cư sĩ thấy vậy dè bỉu nói: Các Sa-môn này mặc y hạ hoặc giống như phụ nữ, hoặc giống như kỹ nữ, lại lấy đó làm điều tốt, không có tác phong. Mặc y còn không biết huống nữa là đối với chân lý. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp cần phải học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Mặc y hạ không cao,***

không thấp, không so le, không như lá cây Đa-la, không như mũi con voi, không được túm lại cho tròn, không xếp nhỏ, cần phải học”.

Mặc cao: Nửa ống chân trở lên. Mặc thấp: Từ nửa ống chân trở xuống. Mặc so le: Là bốn góc không bằng nhau. Mặc như lá cây Đa-la: Là mặc trước cao sau thấp. Như mũi con voi: Là thòng một góc phía trước. Như viên nạn: Túm phía trước cho tròn, để vén trước bụng. Xếp nhỏ: Quấn chỗ eo lưng thành từng lằn nhỏ. Nếu không biết, không hỏi mà mặc, phạm Đột-kiết-la. Nếu hiểu rõ mà mặc thiếu cẩn thận cũng phạm Đột-kiết-la. Hiểu rõ mà khinh giới, khinh người nên mặc như thế, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu khi có bệnh, hoặc bị trời mưa bùn nhớp thì không phạm.

Đức Phật ở tại thành Vương xá. Lúc ấy, các Tỳ-kheo không khéo che thân vào trong nhà bạch y, hoặc mặc như vậy ngồi trong nhà bạch y; hoặc lật ngược y lên vai bên trái vào trong nhà bạch y, hoặc mặc như vậy ngồi trong nhà bạch y; hoặc lật ngược y lên vai bên phải vào trong nhà bạch y, hoặc mặc như vậy ngồi trong nhà bạch y… hoặc lật ngược y lên cả hai vai vào nhà bạch y, hoặc mặc như vậy ngồi trong nhà bạch y; hoặc lắc lư thân, lắc lư đầu, hoặc lắc tay, hoặc nắm tay nhau, hoặc trùm kín cả người, hoặc chống nạnh, hoặc chống cằm, hoặc

đánh đằng xa, vào trong nhà bạch y, hoặc với dáng điệu đó, ngồi trong nhà bạch y; hoặc ngó lên, hoặc ngó hai bên vào trong nhà bạch y, hoặc ngồi trong nhà bạch y với oai nghi này; hoặc đi nhón chân vào nhà bạch y, hoặc với oai nghi này ngồi trong nhà bạch y; hoặc đi giãn chân vào trong nhà bạch y, hoặc với oai nghi này ngồi trong nhà bạch y; hoặc trùm đầu đi vào nhà bạch y, hoặc với oai nghi này ngồi trong nhà bạch y; hoặc đùa giỡn vào nhà bạch y, hoặc với oai nghi này ngồi trong nhà bạch y, hoặc nói lớn tiếng vào nhà bạch y, hoặc với oai nghi này ngồi trong nhà bạch y; hoặc không chững chàng vào nhà bạch y, hoặc với oai nghi này ngồi trong nhà bạch y. Các Cư sĩ thấy và chê trách như trước. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp cần nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Khéo che thân vào nhà bạch y là điều cần nên học, cho nên đến câu: Chững chàng ngồi trong nhà bạch y, cần phải học".***

Đức Phật du hóa tại nước Bà-già, cùng đầy đủ năm trăm vị Đại Tỳ-kheo Tăng, đi đến núi Thủ-ma-la, trú tại rừng Khủng-bố. Bấy giờ, có thái tử Bồ-đề Vương, vừa mới xây cất xong một giảng

đường tại núi ấy, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó. Thái tử nghe Đức Phật đến núi này trú tại rừng Khủng Bố, bảo Ma-nạp-tát-xà-tử Ngươi nhân danh ta đến thăm hỏi Đức Thế Tôn xem Ngài có được sức khỏe, ít buồn phiền, đi đứng có được nhẹ nhàng không và thưa: Ta đã lập được một giảng đường mới tại núi này, chưa có Sa-môn, Bà-la-môn nào vào ngồi trong đó, cúi xin Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng, trước hết ghi nhận giảng đường này và tại đây ta xin được cúng dường một bữa cơm đạm bạc, khiến ta được an ổn lâu dài. Đức Phật dạy thế nào, ta sẽ phụng hành. Ngươi đến bạch Phật như vậy rồi trở về gấp báo với ta. Ma-nạp vâng lời, sau khi đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, trình bày đầy đủ ý kiến của thái tử. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng. Tát-Xà-Tử biết đã được Đức Phật nhận lời, bèn trở về bạch với thái tử. Suốt đêm ấy, thái tử chuẩn bị nhiều thức ăn ngon bổ, sáng ngày tự tay đưa đến giảng đường. Bên trong và bên ngoài giảng đường đều trải bằng vải nhiều màu sắc. Đến giờ, Thái tử tới thỉnh Phật quang lâm đến giảng đường. Đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh đến đứng trên các từng cấp của đường đi. Thái tử để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay bạch Phật: Kính thỉnh Đức Thế Tôn bước lên giảng đường sơ sài này để con được thọ nhận sự an lạc lâu dài. Đức

Phật vẫn không bước lên, cho đến lần thỉnh cuối cùng là lần thứ ba, khi ấy, Đức Phật quay lại ngó Tôn giả A-nan. Tôn giả hiểu được ý của Phật, nói với Thái tử, nên cuốn thảm

vải nhiều màu này, Đức Phật không bước lên trên thảm, vì lòng thương đối với đời sau. Thái tử liền ra lệnh cuốn thảm, rồi như lần trước, thỉnh Phật. Lúc này, Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng đều bước lên, đến tòa an tọa. Thái tử tự tay dâng thức ăn. Các Tỳ-kheo dùng một ngón tay, hoặc hai ngón tay nắm bình bát đưa xuống nhận thức ăn, bát bị rơi, đồ ăn đổ xuống nhớp cả nền nhà bằng thủy tinh. Các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Các Tỳ-kheo ấy giống như những người đóng trò, đùa giỡn. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, hết lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Khi nhận thức ăn phải chú tâm, cần phải học".*** Chú tâm tức là tay bên trái nhất tâm bưng bình bát, tay bên phải đỡ nơi miệng bát.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nhận thức ăn đầy bát làm đổ chảy hao tốn cơm canh, các bạch y chê trách: Các Tỳ-kheo này ham nhận thức ăn, không biết nhàm chán, như

người đói khát. Lại có các Tỳ-kheo đến nhà bạch y, nhận được cơm liền ăn hết, không đợi canh, nhận được canh liền ăn hết không đợi cơm. Các bạch y chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này ham ăn quá đỗi. Lại có các Tỳ-kheo moi khắp trong bát để lấy thức ăn. Lại có Tỳ-kheo khoét chính giữa bát để lấy thức ăn. Lại có Tỳ-kheo cong ngón tay vét thức ăn trong bát để ăn. Lại có Tỳ-kheo ngửi thức ăn trong bát khi ăn. Các cư sĩ thấy đều chê trách. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo chế pháp nên học này. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được nhận thức ăn quá đầy, ăn canh và cơm đều nhau. Không moi khắp trong bát để lấy thức ăn. Không được khoét giữa bát để ăn. Không được cong ngón tay vét thức ăn trong bát. Khi ăn không được ngửi thức ăn, cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo xoay lại ngó hai bên ngóng trông thức ăn. Các bạch y chê trách: Các Tỳ-kheo này như chó, như chim, tự mình ăn lại dòm ngó nơi người, phép ăn còn không biết, huống là các nghĩa lý sâu xa. Các Trưởng lão nghe, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có

như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Khi ăn không nên nhìn ngó hai bên.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo không dám nhìn ngó, lại nhắm mắt mà ăn, nên không thấy khi được người thêm cơm canh. Lục quần Tỳ-kheo lấy thức ăn ấy ăn. Khi mở mắt ra, hỏi: Ai lấy thức ăn của tôi? Lục quần Tỳ-kheo trả lời: Các thầy không có con mắt để ngó hay sao mà phải hỏi người ngồi gần? Tỳ-kheo khác quở trách rồi, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp cần phải học ấy. Từ nay giới này được nói như sau: "***Khi ăn nên nhìn kỹ vào bình bát, cần phải học***". Nhìn kỹ vào bình bát là tập trung nhìn vào bát, nhìn khi người ta thêm thức ăn.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ăn còn thừa thức ăn, các Cư sĩ chê trách nói: Các Tỳ-kheo này ăn như con nít.

Lại có năm trăm Tỳ-kheo thọ trai tại một nhà Cư sĩ, trong số các người bạch y, có người nói, Tỳ-kheo ăn hết, không bao giờ để thừa, có người lại

nói, có bỏ thừa. Hai người cãi nhau. Các Tỳ-kheo hôm nay tình cờ lại ăn không để thừa, sau đó, khi thấy ăn nơi chỗ khác lại có để thừa. Các Cư sĩ dị nghị như trên. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Các ông sự thật có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp cần phải học này. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được bỏ thừa thức ăn, cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, các Tỳ-kheo dùng tay đang bốc thức ăn, cầm đồ đựng cơm sạch, dầu mỡ dính nhơ nhớp, Tỳ-kheo khác thấy gớm, các Cư sĩ chê trách, nói: Tại sao lấy tay đang bốc thức ăn cầm đồ đựng cơm sạch. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Khi ăn không nên dùng tay bên mặt cầm đồ đựng cơm sạch. Sau đó các bạch y đem cơm đến, Tỳ-kheo dùng tay bên trái nhận, bạch y không trao cho lại còn nói: Các Tỳ-kheo không nên thế. Việc này được bạch Phật. Do thế, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nên rửa tay sạch

cầm đồ đựng cơm. Nay Ta vì các Tỳ-

kheo kiết pháp cần phải học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không nên dùng tay bốc thức ăn mà cầm đồ đựng cơm sạch, cần phải học"***. Tay bốc thức ăn: Tay đang bốc thức ăn bị dính dầu mỡ nhớp.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ăn bằng cách húp. Lại có các Tỳ-kheo nhai thức ăn có tiếng. Các Cư sĩ thấy chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này ăn như chó uống nước. Lại có các Bà-la-môn mời các Tỳ-kheo dùng cháo, các Tỳ-kheo húp cháo có tiếng. Có một Tỳ-kheo nói: Nay các Tỳ-kheo ăn cháo như run vì lạnh. Nói như vậy rồi sinh lòng ăn năn hối hận: Nay Ta phạm tội hủy báng Tăng, không biết làm sao, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tỳ-kheo kia: Ông nói như vậy có ý nghĩa thế nào? Vị ấy thưa: Cũng có ý giận mà cũng có ý nói cho vui. Đức Phật dạy: Với tâm giận thì nên tự quở trách, chứ không phạm, với ý nói cho vui thì quở trách, phạm Đột-kiết-la. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không nên húp thức ăn khi ăn, không nên nhai thức ăn có tiếng, cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng lưỡi liếm thức ăn. Các Cư sĩ thấy chê trách nói: Các Tỳ-kheo này ăn như trâu. Các

Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được dùng lưỡi liếm thức ăn, cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc này, các Tỳ-kheo bốc cơm quá đầy tay nên thức ăn đổ xuống đất. Lại có các Tỳ-kheo hả miệng quá lớn để ăn. Lại có các Tỳ-kheo cơm chưa đến là hả miệng để chờ, ruồi bay vào miệng nên phải ói ra. Lại có các Tỳ-kheo cúi mặt xuống ăn. Các Cư sĩ thấy đều chê trách. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được bốc thức ăn quá đầy tay, cần phải học. Không được hả miệng quá lớn để ăn, cần phải học. Cơm chưa đến không được hả miệng lớn để chờ, cần phải học".*** Các Tỳ-kheo cơm đến rồi mà miệng chưa dám hả nên cơm dính nhớp hai bên miệng, chảy xuống đất.

Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: "Không được quá xa, không được quá gần, phải hả miệng cho đúng lúc".

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo vừa ngạm thức ăn vừa nói chuyện, hoặc cơm bị rớt xuống đất, hoặc cơm bị rớt trên y, hoặc rớt lại trong bát. Các Cư sĩ thấy đều dị nghị chê trách. Tỳ-kheo trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách, rồi nói: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được ngậm thức ăn mà nói chuyện, cần phải học".*** Sau đó, các Tỳ-kheo, khi bạch y đem thêm thức ăn đến, hỏi: Thầy cần nữa không? Các Tỳ-kheo không dám mở miệng để trả lời, bèn bị bạch y chê trách: Các Tỳ-kheo kiêu mạn, không cùng người nói chuyện. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Khi bạch y đem thêm thức ăn đến, cho phép nói: Cần hay không cần.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ngậm thức ăn nhiều đến nỗi hai má búng ra. Các Cư sĩ thấy nên chê trách, nói các Tỳ-kheo này ăn như khỉ. Lại có các Tỳ-kheo cắn phân nửa cục cơm, còn để rớt lại trong bát. Các Cư sĩ thấy dị nghị, nói: Các Tỳ-kheo này ăn uống bất tịnh.

Lại có các Tỳ-kheo duỗi cánh tay lấy thức ăn. Các Cư sĩ dè bỉu, nói: Các Tỳ-kheo này dùng vòi lấy thức ăn như voi. Lại có các Tỳ-kheo chống tay mà ăn. Các Cư sĩ chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này giống như voi rảy cái vòi. Lại có các Tỳ-kheo ói ra rồi liếm ăn lại. Các Cư sĩ thấy, chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này liếm ăn như chó. Lại có các Tỳ-kheo nuốt trộng luôn cả miếng ăn, lại có các Tỳ-kheo vò lọn miếng cơm từ xa quẳng vào miệng. Các Cư sĩ thấy, đều chê trách. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, buông lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được búng má ăn, không được cắn phân nửa ăn, không được duỗi tay ăn, không được chống cánh tay ăn, không được ăn nuốt trộng, không được liếm thức ăn để ăn, không được vò cục cơm từ xa ném vào miệng, là những điều cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc này, các Tỳ-kheo đổ nước rửa bát trong nhà bạch y. Các Cư sĩ thấy, chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này không biết nước dơ nên đổ chỗ nào, huống chi là biết việc gì xa xôi.

Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bèn quở trách,

rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Không nên đổ nước rửa bát vào trong nền nhà bạch y.

Có các bạch y mới cất nhà trong xong, tin rằng được nước rửa bát của các Tỳ-kheo rưới vào nền nhà sẽ gặp may mắn. Các Tỳ-kheo không dám rưới. Các Cư sĩ nói: Các Tỳ-kheo này không gắng nhận sự cung kính của người. Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép các Tỳ-kheo dùng nước rửa bát, không có thức ăn, rưới trên nền nhà. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được dùng nước rửa bát có thức ăn rưới trên nền nhà bạch y, cần nên học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo dùng cơm phủ canh lại, các bạch y tưởng là chưa có canh nên đem canh đến, sau khi biết có rồi nên chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này như con nít, dùng cơm phủ canh lại. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bèn quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Không nên dùng cơm phủ canh.

Có các Tỳ-kheo bệnh, không dám dùng cơm phủ canh, nên trùng sa vào canh không thể bỏ được, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép dùng cơm phủ canh, nhưng không nên hy vọng được thêm canh. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới cần phải học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được dùng cơm phủ canh với hy vọng được thêm canh, cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo đến nhà bạch y thọ trai, chê thức ăn. Lại có các Tỳ-kheo tự đòi thêm thức ăn cho mình. Các Cư sĩ chê trách. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, buông lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Không nên chê thức ăn, đòi thêm thức ăn cho mình. Các Tỳ-kheo bèn không dám vì Tỳ-kheo bệnh đòi thêm thức ăn, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép vì các Tỳ-kheo khác đòi thêm thức ăn, chứ không nên vì mình. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau:

"Không nên chê thức ăn, cần nên học. Không nên vì mình đòi thêm thức ăn, cần nên học".

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo nhìn trong bát của vị ngồi gần xem thức ăn nhiều hay ít. Các Cư sĩ thấy, dè bỉu nói: Các Tỳ-kheo này như con nít, xem trong bát của người khác rồi bảo: Thầy được nhiều, tôi được ít, Thầy được ít, tôi được nhiều. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bèn quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Không nên xem trong bát người ngồi gần coi thức ăn nhiều hay ít.

Bấy giờ, có năm trăm vị Tỳ-kheo thọ trai trong một gia đình, ăn rồi, cùng nhau lắm lời bàn tán: Bữa ăn này rất hy hữu! Tỳ-kheo hạ tọa nói: Thượng tọa được thức ăn ngon, chúng tôi không được. Các Tỳ-kheo lại có ý nghĩ: Nếu Phật cho phép chúng ta xem trong bát của người khác thì biết được vị nào nhận được thức ăn, vị nào không nhận được. Vị nào không nhận được thì bảo họ đem đến. Với ý nghĩ đó các vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép xem trong bát của vị ngồi gần, nhưng không được sinh tâm ganh tỵ. Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới cần nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không nên với tâm ganh tỵ xem trong bát vị ngồi gần, cần nên học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đứng đại tiểu tiện. Các Cư sĩ thấy, dè bỉu nói: Các Tỳ-kheo này giống như lừa như ngựa. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, buông lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được đứng đại tiểu tiện, cần nên học".*** Khi ấy, các Tỳ-kheo bệnh không thể ngồi xổm được, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép khi các Tỳ-kheo bệnh được đứng để đại tiểu tiện. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần nên học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo đại tiểu tiện trong nước, các Cư sĩ chê trách. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, bèn quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không nên đại tiểu tiện trong nước, cần phải học".***

Có các Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo: Thầy cần đại tiểu tiện trong nước để tôi tìm hiểu bệnh trạng mới có thể chữa trị được. Các Tỳ-kheo không dám, bèn nói với thầy thuốc: Thầy nên cho phương thuốc khác. Thầy thuốc nói: Chỉ có cách đó mới có thể tìm hiểu bệnh trạng được. Các Tỳ-kheo bèn nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép chúng ta đại tiểu tiện trong nước thì chúng ta sẽ được lành bệnh. Nghĩ xong bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo bệnh được đại tiểu tiện trong nước. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được đại tiểu tiện trong nước sạch, trừ bệnh, cần phải học".*** Nếu đại tiểu tiện trên cây, nhân đó trôi vào trong nước thì không phạm.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đại tiểu tiện trên rau cỏ. Các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Các Tỳ-kheo này giống như trâu như dê. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, buông lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được đại tiểu tiện trên rau cỏ, trừ bệnh, cần phải học".*** Nếu đại tiểu tiện ở trên cây, từ đó trôi lên trên rau cỏ thì không phạm.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc đó, các Tỳ-kheo vì người mang guốc dép nói pháp. Các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Giáo pháp tôn quý vi diệu đệ nhất mà các Tỳ-kheo vì người mang guốc dép nói, khinh mạn giáo pháp. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, buông lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không vì người mang guốc, dép nói pháp, cần phải học".***

Có các người bệnh, cởi guốc dép ra không được mà muốn nghe pháp, các Tỳ-kheo không dám nói, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo vì người bệnh nên cho họ mang guốc dép mà nói pháp. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Người mang guốc không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh, cần phải học. Người mang dép không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh, cần phải học".*** Pháp: Những gì do Đức Phật nói, Thanh văn nói, Tiên nhân nói, chư Thiên nói và tất cả những gì nói như pháp. Nếu có nhiều người mang guốc dép, không thể bảo họ cởi ra được, thì nhân nơi người nào không mang mà nói thì không phạm.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, các

Tỳ-kheo vì người để trống ngực, cho đến người cầm gậy nói pháp. Các Cư sĩ thấy, chê trách như trên. Các Tỳ-kheo trưởng lão nghe, buông lời quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Người để trống ngực không nên vì họ nói pháp, cần nên học".***

Có các người bệnh muốn nghe pháp, các Tỳ-kheo không dám nói, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép vì người bệnh để trống ngực nói pháp. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Người để trống ngực không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh, cần nên học".*** Người ngồi, Tỳ-kheo đứng; người ngồi chỗ cao, Tỳ-kheo ngồi chỗ thấp; người nằm, Tỳ-kheo ngồi; người đứng trước, Tỳ-kheo đứng sau; người ở giữa đường, Tỳ-kheo ở bên đường; vì người che đầu, vì người lật ngược y, vì người lật ngược y cả hai bên, vì người cầm dù, vì người cỡi ngựa, vì người cầm gậy nói pháp đều như trên đã nói.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc này, các Tỳ-kheo vì người cầm đao, người cầm cung tên nói sự khổ nơi địa ngục. Người kia nghe rồi nổi giận

dữ đòi chém, bắn Tỳ-kheo chết. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Người cầm đao không nên vì họ nói pháp, cần phải học. Không nên nói pháp cho người cầm cung tên, cần phải học".***

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo vì Thập thất quần Tỳ-kheo nhận phần ăn nơi nhà được thỉnh. Lục quần Tỳ-kheo cố ý xúc não Thập thất quần Tỳ-kheo nên không đem về sớm, để đợi gần quá ngọ mới đem về. Thập thất quần Tỳ-kheo trèo lên cây cao để trông chừng. Các Tỳ-kheo Trưởng lão thấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp cần phải học. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Cây cao quá đầu người, không được trèo lên, cần phải học".*** Khi ấy, có Tỳ-kheo trên đường đến nước Câu-tát-la, gặp phải thú dữ, không dám trèo lên cây, bị thú làm hại. Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Đức Phật dạy: Từ nay giới này được nói như sau: ***"Không được leo lên cây cao quá đầu người, trừ có nhân duyên lớn, cần phải học".*** Nhân duyên lớn: Là gặp thú dữ hay các nạn, gọi là nhân duyên lớn. Tỳ-kheo-ni, trừ đại tiểu tiện trên rau cỏ sống, ngoài ra đều như Tỳ-kheo. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Xong 100 pháp Chúng học

Đoạn 8: NÓI VỀ 7 PHÁP DIỆT TRÁNH

Vấn đề nên áp dụng Tỳ-ni hiện tiền thì phải áp dụng Tỳ-ni hiện tiền: Xảy ra tại đâu? Tại thành Chiêm-bà. Nhân ai phát khởi? Lục quần Tỳ-kheo.

Vấn đề nên áp dụng Tỳ-ni Ức-niệm thì phải áp dụng Tỳ-ni Ức-niệm: Xảy ra tại đâu? Tại thành Vương-xá. Nhân ai phát khởi? Đà-bà Lực Sĩ Tử.

Vấn đề nên áp dụng Tỳ-ni Bất-si thì phải áp dụng Tỳ-ni Bất-si: Xảy ra tại đâu? Tại thành Vương-xá. Nhân ai phát khởi? Tỳ-kheo Già Già.

Vấn đề nên áp dụng Pháp tự ngôn thì phải áp dụng Pháp tự ngôn: Xảy ra tại đâu? Tại thành Xá-vệ. Nhân ai phát khởi? Tỳ-kheo Dị.

Vấn đề nên áp dụng đa nhân ngữ thì phải áp dụng đa nhân ngữ: Xảy ra tại đâu? Tại thành Xá-vệ. Nhân ai phát khởi? Số đông Tỳ-kheo.

Vấn đề nên áp dụng như thảo bố địa thì phải áp dụng như thảo bố địa: Xảy ra tại đâu? Tại thành Xá-vệ. Nhân ai phát khởi? Số đông Tỳ-kheo.

Vấn đề nên áp dụng pháp bổn ngôn trị thì phải áp dụng pháp bổn ngôn trị: Xảy ra tại đâu? Tại thành Xá-vệ. Nhân ai phát khởi? Ưu-đà-di.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 11

Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 1: NÓI VỀ TÁM PHÁP BA LA DI

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-ba-ly thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Nếu Tỳ-kheo nào cùng các Tỳ-kheo đồng học giới pháp, giới sút kém, không xả mà hành pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sinh. Tỳ-kheo như vậy phạm Ba-la-di, không được sống chung. Giới này nên thọ trì thế nào? Nên thọ trì trong một bộ Tăng hay hai bộ Tăng? Đức Phật dạy: Hai bộ Tăng đều nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng các Tỳ-kheo đồng học giới pháp, giới sút kém, không xả, tùy ý hành dâm, cho đến cùng với loài súc sinh. Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung".***

Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào nơi thôn xóm hoặc nơi đất trống, lấy vật không cho

với tâm trộm cắp… cho đến không sống chung. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Hai bộ Tăng đều nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, nơi thôn xóm hoặc nơi đất trống lấy vật không cho với tâm trộm cắp, bị Vua hoặc Đại thần, hoặc bắt hoặc trói, hoặc giết hoặc tẫn xuất nói: Cô là kẻ giặc, cô là người ngu si. Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung".***

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào đối với người hoặc tương tợ người, hoặc tự sát cho đến không sống chung. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Hai bộ Tăng đều nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đối với người hoặc tương tợ người, hoặc tự mình giết, hoặc đưa dao hay thuốc độc giết, dạy người giết, hoặc dạy người tự giết, đề cao cái chết, khen ngợi cái chết: Người ơi! Sống xấu xa như thế nên chết thì hơn! Nói như vậy với tâm sát như vậy, người kia do thế mà chết. Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung".***

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào không biết, không thấy pháp hơn người, cho đến không sống chung. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Hai bộ Tăng đều nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào***

không biết, không thấy pháp hơn người, đầy đủ tài lợi của Thánh, tự xưng là mình biết như vậy, thấy như vậy. Thời gian sau, Tỳ-kheo-ni ấy, hoặc được hỏi hoặc không được hỏi, muốn khỏi tội, cần sự thanh tịnh, lại nói: Tôi không biết mà nói biết, không thấy mà nói thấy, hư cuống vọng ngữ, trừ tăng thượng mạn. Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung".

Lúc này, người rể của bà Tỳ-xá-khư tên là Lộc-tử. Lộc-tử kính mến bà Tỳ-xá-khư như kính mến mẹ đẻ của mình. Người bấy giờ gọi bà là Lộc-tử-mẫu Tỳ-xá-khư. Lộc-tử có người cháu tên là Thi-lợi-bạt. Thi-lợi-bạt phải lòng Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà. Sau đó, Thi-lợi-bạt thỉnh Tỳ-kheo-ni Tăng thọ trai, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cáo bệnh không đến dự, ở nhà coi chùa, cùng với một Sa-di-ni nhỏ. Đến giờ thọ trai, Tỳ-kheo-ni Tăng đều đến nhà Thi-lợi-bạt. Thi-lợi-bạt tự tay sớt thức ăn, rồi hỏi: Tại sao Thâu-la-nan-đà không đến? Tỳ-kheo-ni hiện diện trả lời: Cô ấy bị bệnh, Tăng sai ở nhà giữ phòng, cho nên không đến. Thi-lợi-bạt sớt cơm cho quý ni Thượng tọa xong, bèn vội đến chùa, hỏi: Cô bị bệnh thế nào? Thâu-la-nan-đà trả lời: Xương cốt đều bị đau nhức! Thi-lợi-bạt liền đấm bóp. Tỳ-kheo-ni nói: Cho phép ông đấm bóp toàn thân thể, nhưng không được hành dục. Đấm bóp xong, Thi-lợi-bạt hỏi: Cô cần thứ gì? Cô ni trả lời: Tôi cần táo khô. Ông ta liền mua táo đem đến. Cô ni cầm

trái táo, hỏi: Ông thấy trái táo khô này không? Đáp: Tôi có thấy. Tỳ-kheo-ni nói: Người nào tâm bị ràng buộc nơi sự không thể hành dục được thì tinh thần bị teo lại như trái táo này. Do đó, ngay lúc ấy, Thi-lợi-bạt liền cùng Tỳ-kheo-ni này bằng mọi cách hai thân xúc chạm nhau, rồi ra về. Các Tỳ-kheo-ni thọ trai xong trở về, khi vào cửa, từ xa thấy Thi-lợi-bạt đi ra, đều sinh nghi là ông ta đã cùng với Thâu-la-nan-đà làm hạnh bất tịnh. Các Tỳ-kheo-ni hỏi Thâu-la-nan-đà: Cô đã phá phạm hạnh phải không? Thâu-la-nan-đà trả lời: Tôi không phá phạm hạnh, chỉ cùng với nam tử hai thân xúc chạm nhau thôi. Sa-di-ni nhỏ cũng nói như vậy. Các Tỳ-kheo-ni buông lời quở trách: Đức Phật bằng nhiều phương tiện chê trách việc làm cùng thân người nam xúc chạm nhau, và bằng nhiều phương tiện khen ngợi việc làm không xúc chạm thân người nam, tại sao nay cô lại làm việc xấu ác ấy? Quở trách rồi chư ni đến chỗ Đức Phật, trình bày sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Thâu-la-nan-đà: Thật sự cô có như vậy không? Đáp: Kính bạch Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách như trên, rồi bảo các Tỳ-kheo: Do mười điều lợi nên nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào do dục thạnh biến tâm, nhận lấy mọi sự xúc chạm của nam tử, từ mái tóc trở xuống, đầu gối trở lên, khuỷu tay trở ra sau.***

Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung”.

Tỳ-kheo-ni: Là hạng Tỳ-kheo được Bạch-tứ-yết-ma để thọ giới Cụ túc. Từ câu: “Do dục thạnh biến tâm” trở xuống, giải thích như trong giới “Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ”, đã nói.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni nhận sự nắm tay, nắm y của nam tử, hẹn với nhau, một mình cùng đi, cùng đứng, cùng nói, cùng ngồi một chỗ, hai thân gần kề với nhau, do tâm nhiễm dục này nên không thích sống với đạo, hoặc có người hoàn tục, hay làm ngoại đạo. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà mặc áo mới nhuộm, thoa chà thân thể, kẻ mí mắt, đến chỗ đông người, các nam tử nắm tay, nắm y, nói: Tay cô mềm mại đẹp quá, áo cô trơn láng tốt quá! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, quở trách đủ cách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có làm tám pháp trên phải không? Đáp: Kính bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo-ni nào vì dục mạnh biến cả tâm ý, nhận lấy sự nắm tay, nắm y của nam tử, hẹn nhau, một mình cùng đi, cùng đứng, cùng nói, cùng ngồi một chỗ, thân cùng thân nam tử gần kề nhau, đầy đủ tám pháp thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống***

chung”.

Nắm tay: Nắm từ khuỷu tay trở ra.

Nắm y: Nắm y đang mặc.

Hẹn nhau: Hẹn đến chỗ nào đó để làm phép hành dục hoặc để xoa chà nơi thân.

Cùng đi: Một mình cùng nam tử đi một đường.

Cùng đứng: Một mình cùng nam tử đứng một chỗ.

Cùng nói: Cùng nam tử nói chuyện.

Cùng ngồi: Cùng nam tử ngồi một giường một ghế.

Hai thân gần kề: Ngồi một chỗ, khi nghiêng mình thì đụng thân nam tử.

Nếu phạm việc nắm tay, cho đến hai thân gần kề nhau mỗi hành động đều mắc Thâu-lan-giá. Nếu phạm bảy việc, tuy đã tùy theo đó sám hối, sau phạm một việc nữa là đủ tám, cũng thành tội Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà luôn luôn phạm tội, lên giường xuống giường đều không như pháp, thường ăn biệt chúng, vào xóm làng lúc phi thời, không bạch với Tỳ-kheo thiện, Tỳ-kheo Tăng trao cho pháp Yết-ma không thấy tội. Tỳ-kheo-ni Ưu-ta là chị của Xiển-đà, tới lui nói chuyện và cung cấp y thực. Các Tỳ-kheo-ni thấy nói: Này cô! Tỳ-kheo này đã được Tỳ-kheo Tăng hòa hợp trao cho pháp Yết-ma không thấy tội. Các Tỳ-kheo đã

không cùng ở chung, không cùng làm việc, không cùng nói chuyện, tại sao nay cô lại tới lui nói chuyện, cung cấp y thực? Tỳ-kheo-ni Ưu-ta nói: Xiển-đà là em của tôi, tôi không chăm sóc thì ai chăm sóc! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, buông lời quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Ưu-ta: Thật sự cô có như vậy không? Đáp: Kính bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nên khiến một Tỳ-kheo-ni thân thiện với Ưu-ta đến nơi chỗ vắng khuyên can: Cô không nên không tùy thuận nơi Tăng Yết-ma Tỳ-kheo không thấy tội. Nếu cô ta nghe theo thì tốt, bằng không thì nên bảo nhiều Tỳ-kheo-ni đến can. Nếu cô ta nghe theo thì tốt, bằng không thì Tỳ-kheo-ni Tăng nên đến can. Các Tỳ-kheo vâng lời dạy của Đức Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo-ni, khiến một Tỳ-kheo-ni đến khuyên can… cho đến câu: Tỳ-kheo-ni Tăng đến can. Cô ta đều không thuận nghe. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bằng mọi cách nhắn lời quở trách Ưu-ta rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng như pháp trao cho Tỳ-kheo pháp Yết-ma không thấy tội, các Tỳ-kheo không sống chung, không cùng làm việc, không cùng nói chuyện, mà tùy thuận nơi Tỳ-kheo ấy.***

Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni đó: Này cô, Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo Tăng đã trao pháp Yết-ma không thấy tội, các Tỳ-kheo không sống chung, không cùng làm việc, không cùng nói chuyện, cô đừng tùy thuận. Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung”. Ngoài ra như trong giới “Điều-đạt phá Tăng” đã nói. Trường hợp không phạm cũng như trong giới đó.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tu-hưu-ma và Tỳ-kheo-ni Bà-phả thường đi đứng với nhau. Sau đó, Tỳ-kheo-ni Bà-phả qua đời, Tỳ-kheo-ni Tu-hưu-ma buồn khóc. Các Tỳ-kheo-ni nói: Cô đừng khóc như vậy, tất cả pháp hữu vi đều phải tiêu hoại, như Đức Phật đã nói, ân ái biệt ly, chứ đâu còn mãi. Các pháp hữu vi mà không hư hoại, không tan rã là điều không thể có. Tỳ-kheo-ni Tu-hưu-ma nói: Tôi không vì cô ta mà khóc, mà khóc vì lúc sinh tiền cô ta không tu phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni hỏi: Tại sao cô biết? Tu-hưu-ma đáp: Vì cô ta cùng đi với tôi, chính tôi thấy cô ta làm việc dâm dục với nam tử. Các Tỳ-kheo-ni quở trách: Tại sao lúc cô ta còn sống cô lại che giấu tội của cô ta, bấy giờ cô ta chết rồi, cô lại phát lồ? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Tu-hưu-ma: Thật sự

cô có thấy như vậy không? Đáp: Bạch Thế Tôn! Sự thật con thấy như vậy. Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào thấy Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di mà che giấu, Tỳ-kheo-ni kia, sau đó còn sống hay đã chết, hoặc đi xa hay bị tẫn xuất, hoặc thôi tu hay biến hình, khi ấy mới nói: Trước đây chính tôi thấy cô ni kia phạm tội Ba-la-di. Tỳ-kheo-ni nào như vậy, phạm tội Ba-la-di, không được sống chung".***

Che giấu: Từ sáng sớm cho đến phần đầu của đêm đầu, mỗi giờ đều phạm Đột-kiết-la, từ phần đầu của đêm đầu cho đến tướng mặt trời chưa xuất hiện, mỗi giờ đều phạm một Thâu-lan-giá, đến tướng mặt trời xuất hiện, phạm Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu muốn nói mà không có Tỳ-kheo-ni nên chưa nói, hoặc khi nhập định đại xả hay khi tám nạn khởi đều không phạm. Tám nạn:

Bệnh.	Lửa.
Vua.	Y bát.
Giặc.	Mạnh sống.
Nước.	Phạm hạnh.

Đoạn 2: NÓI VỀ 17 PHÁP TĂNG TÀN

Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-ba-ly thưa hỏi Đức

Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Nếu Tỳ-kheo làm pháp mai mối, cho đến chỉ một lần giao hội, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Nên thọ trì cả hai bộ Tăng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào làm pháp mai mối, hoặc vì việc tư thông, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, cho đến chỉ một lần giao hội. Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào tự mình không như pháp, do giận dữ nên dùng pháp Ba-la-di không căn cứ hủy báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, cho đến câu: phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nay con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Nên thọ trì cả hai bộ Tăng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự mình không như pháp, do giận dữ nên dùng pháp Ba-la-di không căn cứ, hủy báng Tỳ-kheo-ni không phạm Ba-la-di, muốn phá hoại phạm hạnh của vị ấy. Tỳ-kheo-ni kia, một thời gian sau hoặc có người hỏi, hay không bị hỏi, tự nói: Việc ấy không căn cứ, vì tôi giận dữ nên hủy báng, Tỳ-kheo-ni kia vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên hối quá".***

Trưởng lão Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo

nào tự mình không như pháp, do giận dữ nên lấy một chi tiết của phần việc khác, hoặc một chi tiết tương tợ, cho đến câu: phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nay con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Cả hai bộ Tăng nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự mình không như pháp, do giận dữ nên lấy một chi tiết của phần việc khác, hoặc một chi tiết tương tợ pháp Ba-la-di, hủy báng Tỳ-kheo-ni không phạm Ba-la-di, muốn phá phạm hạnh của vị ấy. Tỳ-kheo-ni kia, sau đó, hoặc có người hỏi hay không bị hỏi, tự nói: Tôi vì giận dữ nên lấy một chi tiết của phần việc khác, hoặc một chi tiết tương tợ để hủy báng. Tỳ-kheo-ni kia vừa làm phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Bấy giờ, các người trong dòng họ Thích lập quy ước: Chúng ta không cùng với hạng thứ dân làm hôn nhân. Nếu người nào vi phạm sẽ bị trọng tội. Lúc này, trong dòng họ Thích có người đàn bà tên là Hắc-ly-xa chồng chết, ông em chồng muốn lấy làm vợ, bà ta không chịu. Ông ta Ba lần ngỏ xin đều không được bà thuận hứa, nên nghĩ: Chắc cô này có ngoại tình, ta sẽ giết bỏ. Ông ta giả bộ vì anh mình tổ chức cuộc lễ và nói với bà chị dâu: Tôi vì anh tôi tổ chức cuộc lễ, chị vì chồng nên đến để hành hương. Bà ta bèn đến. Ông em chồng phục rượu cho bà say rồi làm hạnh bất tịnh, lại dùng tay đánh và cào cho bà ta bị thương tích. Sau đó, ông

ta báo với nhà quan: "Hắc-ly-xa là vợ của tôi, nay nó tư thông với người ngoài". Nhà quan liền truy tầm bắt bà ta. Sau khi tỉnh rượu, bà ta thấy thân thể chỗ nào cũng bị thương tích, bèn nghĩ: Ông này sẽ giết mình. Bà ta liền trốn thoát chạy về thành Xá-vệ, đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni, xin xuất gia học đạo. Nhà quan truy tầm không được, nhưng biết phạm nhân đã chạy tới thành Xá-vệ, bèn gởi công hàm đến Vua Ba-tư-nặc với nội dung: Trong nước tôi có người đàn bà phạm tội đáng chết, trốn thoát vào nước nhà Vua, xin nhà Vua giao hoàn lại cho. Nếu quý quốc có kẻ phạm tội chạy qua nước tôi, tôi cũng sẽ cho dẫn độ. Nhận công hàm, Vua Ba-tư-nặc liền hỏi các quan tả hữu: Có người đàn bà như vậy vào nước ta không? Các quan tâu là có, nhưng các Tỳ-kheo-ni đã độ và cho học đạo. Nhà Vua trước đây có ra lệnh: Trong nước ta, ai xâm phạm vào Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sẽ bị trọng tội. Nay người đàn bà ấy đã xuất gia nên không dám hủy nhục. Nhà Vua bèn phúc đáp: "Sự thật có người đàn bà như vậy chạy vào nước tôi, nhưng nay đã xuất gia, không nên truy tội. Nếu có trường hợp khác, tôi sẽ giao hoàn". Các Thích chủng bèn trách cứ, nói: Phàm có tội như thế mà không bắt được để trị, nước sẽ loạn thôi! Các Tỳ-kheo-ni tại sao không biết người nào có thể độ, người nào không thể độ, mà lại độ như vậy! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng

lão nghe, bèn quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách, Đức Phật quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào biết người nữ có tội mà độ cho làm Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni ấy lần đầu làm liền phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Lại có các người nữ làm giặc, làm kẻ trộm, người nữ đáng phải chết, các Cư sĩ nói: Nếu có thể xuất gia thì tôi có thể cho sống. Họ bèn cầu xin xuất gia, bạch các Tỳ-kheo-ni, xin độ cho họ để được thoát chết. Các Tỳ-kheo-ni nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi độ hạng người như vậy. Họ bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu người chủ cho phép thì chư Tỳ-kheo-ni được quyền độ họ. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào biết người nữ có tội, người chủ không cho phép mà độ, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Lại có người nữ phạm tội, không được xuất gia trong giáo pháp của Phật, bèn vào trong ngoại đạo, sau đó, các Cư sĩ thấy, nói: Đây là người nữ phạm tội đối với chúng ta, nên đoạt y phục ngoại đạo của họ. Hoặc có người nói: "Xuất gia trong ngoại đạo

đã là hình phạt nặng, có thể bỏ qua", bèn phóng thích. Sau đó, các người nữ này đến nơi các Tỳ-kheo-ni, thưa: Thưa các cô! Chúng con không phải là không tôn kính Đức Phật mà xuất gia nơi ngoại đạo, nhưng vì các cô không chịu độ, nên đành phải vào tu với ngoại đạo thôi. Nay người đáng sợ của chúng con đã cho phép chúng con xuất gia, xin các cô rủ lòng thương độ chúng con. Các Tỳ-kheo-ni không biết nên như thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu người nữ có tội, trước đã xuất gia, nay cho phép được độ. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào biết người nữ có tội, người chủ không cho phép mà độ, trừ trước đã xuất gia, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Có tội: Hoặc phạm gian dâm, dối trá hoặc ăn trộm cắp gọi là có tội.

Chủ: Sống chết do người ấy, gọi là chủ. Nếu Tỳ-kheo-ni phát khởi ý muốn độ người nữ như vậy, từ khi chuẩn bị cho đến tập hợp Tăng, Ba lần Yết-ma chưa xong đều phạm Đột-kiết-la. Ba lần Yết-ma xong rồi, Hòa thượng phạm Tăng-già-bà-thi-sa, các Tăng, Ni khác đều phạm Thâu-lan-giá.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-ta thường phạm tội, lên giường, xuống giường đều không như pháp, ăn liên tục, ăn riêng chúng, vào nhà người phi thời. Tỳ-kheo-ni Tăng trao cho pháp "Không thấy tội

tẫn xuất". Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, biết Ưu-ta tâm chưa điều phục, không kính thuận Tăng, không theo lệnh của chúng, cô ta tự tiện cùng với người thân cận ra ngoài giới, giải tội tẫn xuất Ưu-ta. Tỳ-kheo-ni Ưu-ta đã được giải tội tẫn xuất rồi càng thêm kiêu mạn không kính chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy vậy bèn quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Thâu-la-nan-đà: Thật sự cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng đã như pháp tẫn xuất Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni ấy tâm chưa được điều phục, không tùy thuận chúng Tăng, mà tự mình cùng***

với quyến thuộc ra ngoài giới giải tội cho cô ấy. Tỳ-kheo-ni như vậy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".

Muốn giải tội, tạo phương tiện, cho đến ba phen Yết-ma chưa xong, đều phạm Đột-kiết-la. Ba phen Yết-ma xong, vị làm Yết-ma phạm Tăng-già-bà-thi-sa, các Ni, Tăng kia đều phạm Thâu-lan-giá.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni một mình đi trên đường, các bạch y thấy chọc ghẹo nói lời thô tục về dâm dục, hoặc nắm hoặc rờ, hoặc muốn làm việc bất tịnh. Lại có số đông Tỳ-kheo-ni làm bạn với khách buôn cùng đi. Thâu-la-nan-đà thấy một

nam tử, tâm sinh nhiễm đắm, bước chậm lại để đi sau. Các Tỳ-kheo-ni nói: Tại sao cô không đi mau cho kịp bạn? Đây là chỗ đáng sợ, đừng để kẻ ác tước đoạt. Thâu-la-nan-đà nói: Các cô có thấy người đi sau kia không? Các Tỳ-kheo-ni nói: Có thấy. Thâu-la-nan-đà nói: Tôi thấy người ấy, lòng rất say đắm. Các Tỳ-kheo-ni quở trách, nói: Tại sao trên đường đi cô lại luyến ái với nam tử?

Lại có số đông Tỳ-kheo-ni lội qua sông để lấy phân bò, khi lội qua rồi, nước lớn không thể lội trở lại bị giặc cướp đoạt. Lại có các Tỳ-kheo-ni ngủ một mình, bị mất y bát, phá phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đi một mình, ngủ một mình, lội nước một mình, một mình đi sau có tâm nhiễm đối với nam tử, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Khi ấy, có các Tỳ-kheo-ni đi trên lộ trình, có sự nghi ngờ bị khủng bố, bèn chạy vào trong xóm làng, đến nhà quen thân. Lại có các Tỳ-kheo-ni trên lộ trình có sự nhọc mệt, lại có vị già bệnh nên đi không kịp. Hoặc có chỗ chỉ có một ít nước, hoặc

có cầu đò mà không dám một mình đi qua, hoặc có chỗ nghỉ đêm nhưng sợ các nam tử mà không dám một mình ngủ các chỗ khác. Các Tỳ-kheo-ni không biết nên giải quyết như thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu có nhân duyên thì cho phép tùy ý đi một mình. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đi một mình, ngủ một mình, lội nước một mình, một mình đi sau có tâm nhiễm với nam tử, trừ nhân duyên, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Nhân duyên là: Khi sợ sệt phải chạy, già bệnh nhọc mệt đi

không kịp bạn, chỗ nước cạn có cầu đò, chỗ sợ có nam tử, như vậy gọi là có nhân duyên. Nếu đi một mình, chỗ không có xóm làng thì nửa do-tuần, chỗ có xóm làng thì từ xóm làng này đến xóm làng kia đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu đi đằng sau, từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni nhưng không nghe tiếng, hoặc nghe tiếng mà không thấy hình đều phạm Đột-kiết-la. Nếu không thấy, không nghe thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu lội nước một mình, bề rộng của nước bằng mười khuỷu tay, bề sâu của nước đến nửa đùi vế thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nếu cạn hơn thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ngủ đêm, đưa tay ra phải đụng nhau, nếu tay không đụng nhau thì đầu đêm và nửa đêm phạm Thâu-lan-giá, tướng mặt trời xuất hiện phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, có một Trưởng giả đem một căn nhà cúng cho Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo Tăng lại đổi cho Tỳ-kheo-ni để lấy ngôi vườn An-đà-lâm. Sau đó, phu nhân Mạt-lợi lại đem ngôi vườn của nhà Vua cúng cho Tỳ-kheo-ni Tăng. Tỳ-kheo-ni Tăng giở cái nhà cũ trở thành đất trống. Khi ấy, con ông Trưởng giả cúng nhà trước kia, lại có ý nghĩ: Ngày trước cha ta cúng cho Tăng, Tăng đem đổi cho Ni, nhưng các Tỳ-kheo-ni lại không ở nơi đó, giở nhà đi, bỏ đất trống, ta nên lấy lại để canh tác. Thế là ông ta lấy đất lại. Các Tỳ-kheo-ni nói: Ông đừng có lấy đất của Tăng. Người ấy trả lời: Tuy xưa cha tôi cúng cho Tăng, Tăng lại không sử dụng, nên nay thuộc về của tôi. Các Tỳ-kheo-ni nói: Chúng tôi không bỏ miếng đất đó, ông lấy, tôi kiện, ông bị tịch thu đừng trách. Ông ta vẫn không trả lời. Chư ni đến quan kiện, ông ta lại bị tịch thu tài sản. Các cư sĩ thấy thế, chê trách nói: Các Tỳ-kheo-ni này tại sao đến quan kiện, làm cho người ta bị tịch biên tài sản! Các người này nhận của người ta cúng dường mà còn làm như thế, huống gì là đối với người khác, không có hạnh của Sa-môn, phá pháp của Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Thế Tôn, sự thật chúng con có như vậy. Đức

Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đến quan kiện người khác, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Nếu Tỳ-kheo-ni nào bị người khinh miệt thì nên nói với cha mẹ họ, nếu không nói với cha mẹ thì nói với bà con, không có bà con thì nói với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni có uy lực mà không bảo hộ thì phạm Đột-kiết-la. Khi nói, nên nói: Người kia khinh tôi, vì tôi can gián giùm. Nếu đến cửa quan để kiện thì mỗi lần đi về là phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, có một người khách buôn, vợ chết, ông ta lại có ý nghĩ: Nên đến đâu để tìm người vợ thích hợp khác. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Chiên-trà-tu-ma-na có người đệ tử tên là Tu-ma, nhan sắc tuyệt vời, người khách buôn nhìn thấy Tu-ma, liềm đem lòng say đắm và nghĩ đến cách chiếm đoạt: Ta dùng thức ăn để dụ, chắc chắn có kết quả. Người khách buôn nhã nhặn nói: Nếu cô cần tô, dầu, mật, thạch mật, Bô-xà-ni, Khư-xà-ni, cứ đến nhà tôi lấy. Tỳ-kheo-ni Tu-ma bèn đến lấy. Sau khi được thân cận, ông ta hỏi Tỳ-kheo-ni: Cô có biết tôi cho cô thức ăn với ý nghĩ thế nào không? Cô ni trả lời: Ông vì cầu phúc nên cho tôi ăn. Người khách buôn

nói: Tôi không phải vì việc ấy, mà là vì vợ tôi chết, tôi thấy cô tu hành thanh tịnh nên đem lòng tham ái. Cô có thể thỏa mãn ý muốn của tôi không? Cô ni dứt khoát trả lời: Không thể được. Ông ta lại nói: Cô làm vợ tôi, tôi sẽ cho cô những đồ quý báu, y phục xinh đẹp, ăn uống theo thời không bao giờ thiếu thốn. Cô ni vẫn trả lời như lần đầu. Những người khách buôn khác yểm trợ ông ta, nói: Nếu cô không muốn làm vợ người ta sao cô lại nhận thức ăn của họ. Nếu quả thật cô nói: "Không thể được", thì đoạt hết y bát cô bây giờ. Có người lại nói: Phải giải tán mau, đừng để người ta nghe. Nếu nhà Vua biết được, chắc chúng ta phải bị trọng tội. Các cư sĩ nghe, chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại nhận thức ăn của người nam có tâm nhiễm, hạng người này không có hạnh Sa-môn, phá pháp của Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Tỳ-kheo-ni Tu-ma: Sự thật cô có như vậy không? Đáp: Bạch Thế Tôn, sự thật con có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nhận thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".***

Có các nam tử mời Tỳ-kheo-ni bữa ăn trước,

bữa ăn sau, vào thời gian ấy, sinh tâm nhiễm đắm, các Tỳ-kheo-ni biết, không dám ăn, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm nhiễm đắm, nhận thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm mà phạm Tăng-già-bà-thi-sa là điều không thể có. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm đắm,***

nhận thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải sám hối".

Lại có một Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm đắm nhận thức ăn từ một nam tử có tâm nhiễm đắm, nhận rồi sinh nghi: "Ta phải chăng đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa", liền đem thức ăn ấy cho Tỳ-kheo-ni khác. Tỳ-kheo-ni khác hỏi: Thức ăn ngon thế này tại sao cô không dám ăn? Cô ni kia trả lời bằng cách trình bày rõ ràng tâm tư của mình. Tỳ-kheo-ni khác nói: Chỗ cô sợ thì tôi cũng sợ như vậy, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm đắm, tự tay nhận lấy thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm, rồi không ăn, đem cho người khác ăn đều không phạm. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm đắm, tự tay nhận thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm

Đột-kiết-la.

Bấy giờ, người khách buôn lại có ý nghĩ: Trước đây ta dùng thức ăn để dụ Tỳ-kheo-ni kia, với thời gian ngắn ngủi vội vàng nên không kết quả, nay ta dùng thức ăn dụ dỗ với thời gian lâu dài có thể cô ta xiêu lòng. Ông ta bèn đến với cô ni, ôn tồn nói: Trước đây tôi nói vui đùa, đưa đến sự phật ý của cô, xin cô nhận sự sám hối của tôi. Từ nay cứ như trước đây, cô đến nhận thức ăn nơi tôi. Tỳ-kheo-ni kia nói: Thôi, thôi! Ông ơi! Trước đây ông đã gây não hại nên tôi bị Đức Phật quở trách một cách đau khổ và Ngài vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới, ngày nay cớ gì lại gặp nhau để ông làm nhục tôi nữa.

Hòa thượng của Tỳ-kheo-ni ấy lại nói: Tại sao trước đây cô nhận được nhiều thức ăn ngon bổ, nay lại không nhận được? Tỳ-kheo-ni Tu-ma thưa: Trước đây, ông ấy gây xúc não con, nhân đó Phật chế giới cấm, nên nay không dám nhận trở lại. Hòa thượng bổn sư cô ta lại nói: Miễn là cô đừng sinh tâm nhiễm thì nhận thức ăn đâu có can gì? Nếu ông ta sinh tâm nhiễm đâu có can gì đến cô? Tỳ-kheo-ni Tu-ma chê trách Hòa thượng, nói: Đức Phật bằng mọi cách quở trách việc gần gũi nam tử, khen ngợi sự xa lìa, tại sao thầy lại bảo con nhận thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm?! Các Tỳ-kheo-ni nghe, quở trách vị thầy kia: Tại sao lại bảo đệ tử nhận thức ăn của nam tử có tâm nhiễm đắm! Nghiêm khắc quở trách rồi quý vị bạch Phật. Nhân

việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Chiên-trà Tu-ma-na: Thật sự cô có như vậy không? Đáp: Bạch Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào bảo Tỳ-kheo-ni khác: Miễn là cô đừng sinh tâm nhiễm đắm thì nhận thức ăn của nam tử sinh tâm nhiễm đắm đâu có can gì? Tỳ-kheo-ni như vậy vừa làm liền phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".*** Tỳ-kheo-ni bảo như thế, thì mỗi lời nói phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo-ni nào làm việc phá hòa hợp Tăng, siêng năng, tạo phương tiện… cho đến câu: phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Cả hai bộ Tăng đều nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào làm việc phá hòa hợp Tăng, nỗ lực tạo phương tiện, các Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: Cô chớ nên làm việc phá hòa hợp Tăng, tích cực tạo phương tiện. Cô nên cùng Tăng hòa hợp, cùng Tăng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp, một lòng cùng học như nước hòa hợp với sữa, cùng nhau nêu giảng lời dạy về hạnh an lạc của thầy. Can gián như vậy mà cô ta kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần***

thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".

Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào trợ giúp vào việc phá hòa hợp Tăng, cho đến câu: phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Cả hai bộ Tăng nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào trợ giúp việc phá hòa hợp Tăng, hoặc một hoặc hai cho đến số đông, nói với các Tỳ-kheo-ni: Những gì Tỳ-kheo-ni này nói, là cô biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ không phải phi pháp, nói đúng luật chứ không phải phi luật, nơi tâm chúng tôi đều chấp nhận. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni kia: Cô chớ nên nói như vầy: Những gì Tỳ-kheo-ni này nói, là cô biết mới nói chứ không phải không biết mà nói, nói đúng pháp chứ không phải phi pháp, nói đúng luật chứ không phải phi luật, nơi tâm chúng tôi đều chấp nhận. Tại sao? Vì Tỳ-kheo-ni ấy chẳng phải biết mà nói, chẳng phải nói đúng pháp, chẳng phải nói đúng luật. Cô không nên vui thích giúp đỡ việc phá hòa hợp Tăng. Cô nên vui thích việc hòa hợp Tăng, Tăng hòa hợp nên hoan hỷ, không tranh cãi, một lòng cùng học, như nước hòa hợp với sữa, cùng nêu truyền lời***

dạy của Bổn sư, trong hạnh an lạc. Khi can gián như vậy mà cô ta kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni ấy, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".

Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào có tánh xấu khó dạy, cùng các Tỳ-kheo đồng học giới kinh, thường phạm tội, cho đến câu: phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Nên thọ trì cả hai bộ Tăng. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào có tánh xấu khó dạy, cùng các Tỳ-kheo-ni đồng học giới, thường phạm tội. Các Tỳ-kheo-ni như pháp như luật can gián sự phạm tội của vị kia. Vị kia nói: Này các cô! Các cô đừng nói với tôi điều gì hoặc tốt hay xấu, tôi cũng không nói với các cô điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Tỳ-kheo-ni lại nói: Cô đừng hành xử như vậy, tự cho mình không thể nói chuyện với ai. Cô nên vì các Tỳ-kheo-ni nói lời như pháp, các Tỳ-kheo-ni cũng vì cô nói lời như pháp như vậy, cùng nhau trao đổi dạy bảo nhau, xuất tội cho nhau, mới thành Thánh chúng của Như Lai. Can gián như vậy mà cô ta kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián, cô ta bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni ấy, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-***

bà-thi-sa, cần phải hối quá”.

Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật: Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào nương ở nơi xóm làng, làm hạnh ác, hoen ố nhà người, cho đến câu: phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Cả hai bộ Tăng nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: “Tỳ-kheo-ni nào nương ở nơi xóm làng, làm hạnh ác, hoen ố nhà người. Làm hạnh ác ai nấy đều thấy, nghe, biết, hoen ố nhà người mọi người đều thấy, nghe, biết. Các Tỳ-kheo-ni nói với các Tỳ-kheo-ni ấy: Cô làm hạnh ác, hoen ố nhà người, làm hạnh ác ai nấy đều thấy, nghe, biết, hoen ố nhà người mọi người đều nghe, thấy, biết. Cô nên đi khỏi chỗ này, không nên ở nơi đây nữa. Tỳ-kheo-ni kia nói: Các cô tùy tiện làm việc theo thương, ghét, si, sợ. Tại sao vậy? Vì có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy, mà người bị đuổi, người không bị đuổi. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni ấy: Cô đừng nói: Các cô tùy tiện làm việc theo thương, ghét, si, sợ, các Tỳ-kheo-ni đồng tội mà người bị đuổi người không bị đuổi. Cô làm hạnh ác, hoen ố nhà người, làm hạnh ác ai nấy đều thấy, nghe, biết, hoen ố nhà người mọi người đều thấy, nghe, biết, cô nên bỏ câu nói: Các cô tùy tiện làm việc theo thương, ghét, si, sợ. Cô nên đi khỏi chỗ này, không nên ở đây nữa. Khi can gián như vậy mà cô ta kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ

hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni ấy sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tu-hưu-ma và Tỳ-kheo-ni Bà-phả cùng làm hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, lại cùng nhau che giấu tội lỗi, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni nói: Các cô làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang. Các cô không nên cùng ở với nhau, không làm việc xấu, xúc não chúng Tăng, thì ở trong pháp Phật mới được tăng thêm sự an lạc. Hai Tỳ-kheo-ni ấy nói: Chúng tôi không làm hạnh ác, không có tiếng xấu đồn khắp, cũng không xúc não chúng Tăng, trong đây có hai Tỳ-kheo-ni khác cùng nhau làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni nói: Cô đừng nói như vậy. Tại sao? Trong đây không có hai Tỳ-kheo-ni nào khác làm điều ác, xúc não chúng Tăng mà chỉ có hai cô. Hai cô nên xa nhau, bỏ làm điều ác, bỏ xúc não chúng Tăng, thì ở trong Phật pháp mới tăng thêm sự an lạc. Khi can gián như vậy, họ kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi hai Tỳ-kheo-ni kia: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch thế Tôn, sự thật chúng con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nên khiến một Tỳ-kheo-ni nào thân quen với hai Tỳ-kheo-ni kia, đến chỗ vắng khuyên can, nếu họ chấp nhận thì tốt, bằng không thì nên dùng số

đông Tỳ-kheo-ni đến khuyên can. Họ chấp nhận thì tốt, bằng không thì nên với danh nghĩa Tỳ-kheo-ni Tăng đến can gián. Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, liền sai các Tỳ-kheo-ni đến can Ba lần đều không được chấp nhận. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghiêm khắc quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bằng mọi cách nhắn trách hai Tỳ-kheo-ni kia rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng làm hạnh ác, tiếng xấu lan khắp, lại che giấu tội lỗi cho nhau, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni nói: Hai cô là Tỳ-kheo-ni làm hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, lại che giấu tội lỗi cho nhau, xúc não chúng Tăng. Hai cô nên xa lìa nhau, đừng làm các hạnh ác, đừng xúc não chúng Tăng, thì ở trong Phật pháp mới tăng thêm hạnh an lạc. Hai Tỳ-kheo-ni kia nói: Chúng tôi không làm hạnh ác, không có tiếng xấu đồn khắp, không che giấu tội cho nhau, không xúc não chúng Tăng, nơi đây có hai Tỳ-kheo-ni khác cùng nhau làm hạnh ác, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni lại nói: Hai cô đừng nói như vậy. Tại sao? Trong đây không có hai Tỳ-kheo-ni nào khác mà chỉ có hai cô. Hai cô nên xa lìa nhau, đừng làm hạnh ác, đừng xúc não chúng Tăng, thì ở trong Phật pháp tăng thêm hạnh an lạc. Khi can gián như vậy mà hai cô kiên trì không bỏ, thì***

nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián, bỏ thì tốt, không bỏ thì hai Tỳ-kheo-ni kia, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tư-hưu-ma và Tỳ-kheo-ni Bà-phả cùng nhau làm hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, cho đến câu: Ở trong Phật pháp được tăng thêm sự an lạc trụ (cũng như giới trước đã nói). Hai Tỳ-kheo-ni nói: Chúng tôi không làm hạnh ác, không xúc não chúng Tăng. Tăng thấy chúng tôi yếu thế, khinh dể chúng tôi nên nói như vậy. Các Tỳ-kheo-ni lại nói: Các cô đừng nói như thế. Tại sao? Không phải Tăng thấy các cô yếu thế mà khinh dể các cô, tự các cô làm hạnh ác, xúc não chúng Tăng, các cô cần xa lìa nhau, bỏ làm hạnh ác, đừng xúc não chúng Tăng, thì ở trong Phật pháp mới được an lạc trụ. Khi can gián như vậy mà hai cô kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trong giới trước đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Hai Tỳ-kheo-ni nào cùng nhau làm hạnh ác, tiếng xấu đồn vang, lại che giấu tội lỗi cho nhau, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni nói. Hai cô là Tỳ-kheo-ni, đừng nên cùng nhau làm hạnh ác, tiếng xấu vang dội, lại che giấu tội cho nhau, xúc não chúng Tăng. Hai cô nên xa nhau, bỏ các hạnh ác, đừng xúc não chúng Tăng, thì ở trong Phật pháp mới sinh***

trưởng được an lạc trụ. Hai Tỳ-kheo-ni ấy nói: Chúng tôi không làm hạnh ác, không bị tiếng xấu đồn khắp, không che tội cho nhau, không xúc não chúng Tăng, tự Tăng thấy chúng tôi yếu thế khinh dể chúng tôi nên nói như vậy. Các Tỳ-kheo-ni lại nói: Đừng nói như thế. Tại sao vậy? Không phải Tăng thấy các cô yếu thế khinh dể các cô đâu. Các cô phải xa lìa nhau, bỏ làm hạnh ác, đừng xúc não chúng Tăng, thì ở trong Phật pháp mới được tăng thêm sự an lạc trụ. Khi can gián như vậy mà họ kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ, hai Tỳ-kheo-ni ấy sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá”. Ngoài ra như giới trước đã nói. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, mẹ của Xiển-đà tên là Tu-ma-na, là người có tánh ác. Người thời ấy gọi bà là Chiên-đồ Tu-ma-na, ưa cùng với người khác tranh chấp. Tăng xử đoán việc ấy, lại nói: Tăng làm việc theo sự yêu, ghét, si, sợ. Các Tỳ-kheo-ni nói: Cô đừng ưa thích tranh chấp với người khác và cô đừng nói: Tăng làm việc theo sự yêu, ghét, si, sợ. Tại sao vậy? Vì Tăng không làm việc theo sự ưa ghét, si, sợ. Cô nên bỏ câu nói ấy, thì ở trong Phật pháp mới đứng vững, sự an lạc sẽ tăng lên. Khi

can gián như vậy mà họ kiên trì không bỏ, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng

như giới trước đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ưa tranh chấp cùng người khác, Tăng xử đoán việc ấy, lại nói: Tăng làm việc theo sự ưa ghét, si, sợ. Các Tỳ-kheo-ni nói: Cô đừng ưa thích tranh chấp cùng với người khác. Cô đừng nói: Tăng làm việc theo sự ưa ghét, si, sợ. Tại sao vậy? Vì Tăng không làm việc theo sự ưa ghét, si, sợ. Cô bỏ lời nói ấy thì ở trong Phật pháp mới đứng vững càng có thêm sự an lạc. Khi can gián như vậy mà họ kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni ấy, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá".*** Ngoài ra, như giới trước đã nói.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ Tu-ma-na ưa thích tranh chấp cùng người khác. Tăng xử đoán việc ấy, cô ta bèn giận dữ nói: Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả giới theo ngoại đạo. Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có học giới, cũng có hổ thẹn, tôi sẽ đến với họ tịnh tu phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni nói: Cô đừng nên ưa thích tranh chấp với người khác, cô đừng nên nói: Tôi xả Phật, cho đến câu: Tôi sẽ đến với họ tu phạm hạnh. Tại sao vậy? Vì Sa-môn, Bà-la-môn khác không có học giới, không có hổ thẹn, cô làm sao đến với họ mà tu phạm hạnh được?! Cô nên xả bỏ ác kiến ấy, trong Phật pháp mới được tăng nhiều an lạc trụ. Khi can gián như

vậy mà họ kiên trì không bỏ, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trong giới trước đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ưa thích tranh chấp với kẻ khác, Tăng xử đoán việc ấy, bèn nói: Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả giới làm ngoại đạo. Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có học giới, cũng có hổ thẹn, tôi sẽ đến với họ tịnh tu phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni nói: Cô đừng nên ưa thích tranh chấp với người khác. Cô đừng nên nói: Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng. Tại sao vậy? Vì Sa-môn, Bà-la-môn khác không có học giới, không có hổ thẹn, làm sao cô đến với họ mà tu phạm hạnh được?! Cô nên bỏ ác kiến ấy thì trong Phật pháp mới có thêm sự an lạc rộng lớn. Khi can gián như vậy mà họ kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba, can gián bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni ấy, sau Ba lần can gián rồi thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cần phải hối quá"***. Ngoài ra như trong giới trước đã nói.

Các pháp Tăng Tàn đã nói xong.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 12

Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 3: NÓI VỀ BA MƯƠI PHÁP XẢ ĐỌA

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo nào ba y đã may xong, y Ca-hi-na đã xả, y dư được chứa đến mười ngày, nếu chứa quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, cho đến câu: Tỳ-kheo nào tự tay cầm vàng bạc và tiền, hoặc khiến người cầm, hoặc khởi tâm thọ nhận, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Chúng con nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Cả hai bộ Tăng nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào, ba y đã may xong, y Ca-hi-na đã xả, y dư được chứa cho đến mười ngày, nếu chứa quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào, y đã may xong, y Ca-hi-na đã xả, trong năm y nếu lìa mỗi một y nào, ngủ quá một đêm, trừ Tăng Yết-ma, phạm Ni-tát-kỳ-ba-

dật-đề".

"Tỳ-kheo nào, y đã may xong, y Ca-hi-na đã xả, được y phi thời, nếu cần thì nhận, phải mau chóng làm thành để thọ trì. Nếu đủ thì tốt, không đủ, mong có chỗ để cho đủ, chờ một tháng, nếu chờ quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào, đến chỗ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, trừ có nhân duyên, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Nhân duyên là: Y bị đoạt, bị mất, bị cháy, bị trôi, bị hư hoại, như vậy gọi là nhân duyên.

"Tỳ-kheo-ni nào, y bị đoạt, bị mất, bị cháy, bị trôi, bị hư hoại, đến nơi Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải bà con xin y. Nếu Cư sĩ, vợ Cư sĩ muốn cúng nhiều y, Tỳ-kheo-ni ấy nên nhận hai y, nếu nhận quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Trường hợp Cư sĩ, vợ Cư sĩ không phải bà con cùng nhau bàn luận: Nên dùng số tiền may y như thế, may y cho Tỳ-kheo-ni có tên… Tỳ-kheo-ni ấy trước không được mời tùy ý nhận, bèn đến chỗ cư sĩ, vợ Cư sĩ hỏi: Người vì tôi dùng số tiền may y như thế phải không? Người kia công nhận là có. Tỳ-kheo-ni nói: Lành thay! Cư sĩ, vợ Cư sĩ có thể may y như vậy, như vậy cho tôi. Vì muốn đẹp, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Trường hợp Cư sĩ, vợ Cư sĩ không phải bà con cùng nhau nghị bàn: Mỗi người chúng ta nên dùng

số tiền như thế để may y cho Tỳ-kheo-ni có tên… Tỳ-kheo-ni ấy trước không nhận lời mời theo ý muốn, mà đến hỏi Cư sĩ, vợ Cư sĩ: Quý vị vì tôi dùng số tiền như thế để may y cho tôi phải không? Vâng, đúng như vậy. Tỳ-kheo-ni bèn nói: Lành thay! Cư sĩ, vợ Cư sĩ có thể hợp lại may một y cho tôi. Vì muốn đẹp nên phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Trường hợp Vua, Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni nên sai sứ giả đem tiền may y đến. Sứ giả đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói: Thưa sư cô! Vua, Đại thần… sai tôi mang số tiền may y này đến, sư cô nhận cho. Tỳ-kheo-ni ấy nói: Tôi không được phép nhận tiền để may y. Nếu được tịnh y thì tôi sẽ nhận thọ trì. Sứ giả nói: Sư cô có người chấp sự nào không? Tỳ-kheo-ni liền chỉ chỗ người chấp sự. Sứ giả đến chỗ người chấp sự nói: Vua, Đại thần sai tôi đem số tiền may y này đến cho Tỳ-kheo-ni tên… Người vì sư cô nhận số tiền này để may y cho sư cô! Sứ giả giao tiền rồi, trở lại chỗ Tỳ-kheo-ni nói: Thưa sư cô! Người chấp sự sư cô chỉ, tôi đã giao tiền rồi. Khi nào cần y, sư cô có thể đến lấy. Khi cần y, Tỳ-kheo-ni ấy hai lần, Ba lần đến chỗ người chấp sự nói: Tôi cần y! Tôi cần y! Nếu nhận được y thì tốt, bằng không thì đến lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu đứng im lặng trước người chấp sự. Nhận được y thì tốt, nếu đến quá sáu lần để mong cầu được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Trường hợp cuối cùng không nhận được y thì nên

tự mình đến chỗ người cúng y, hoặc sai người đến nói: Người vì Tỳ-kheo-ni… sai người đem tiền cúng y đến, cuối cùng Tỳ-kheo-ni… không nhận được y, người nên đến lấy lại chứ đừng để mất. Sự việc như vậy nên giải quyết như vậy".

"Tỳ-kheo-ni nào tự mình đi xin tơ tằm, thuê thợ dệt, dệt y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Trường hợp Cư sĩ, vợ Cư sĩ thuê thợ dệt dệt y, Tỳ-kheo-ni ấy trước không nhận được lời, mới tùy ý mà đến thợ dệt nói: Người biết chăng? Y này họ vì tôi may, người nên vì tôi dệt cho tốt, vừa rộng vừa dài, bền chắc tôi sẽ trả ơn riêng cho ông. Sau đó trả ơn bằng một bữa ăn hay trị giá bằng một bữa ăn. Khi nhận được y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào cho y cho Tỳ-kheo-ni, sau vì giận không vui, tự mình đoạt lại, hay sai người đoạt lại, nói: Trả y lại cho tôi, tôi không cho cô, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào biết đàn-việt muốn cúng vật cho Tăng, mà xoay về cho mình, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni bệnh nào được uống bốn thứ thuốc hàm tiêu như tô, dầu, mật, thạch mật, một lần thọ được để đến bảy ngày, nếu để quá phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào hoặc tiền hay hậu an cư, còn mười ngày nữa mới đến lễ Tự tứ, nhận được y cấp

thí, nếu cần thì nhận, cho đến thời của y, nếu để quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào bình bát bị nứt chưa đủ năm đường, lại xin bát mới, vì muốn đẹp, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào mua bán bằng mọi cách để cầu lợi, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào dùng vàng, bạc và tiền để trao đổi, mua bán các loại, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

"Tỳ-kheo-ni nào tự tay cầm vàng bạc và tiền, hoặc sai người cầm, hay có tâm thọ nhận, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề".

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà đến xin bát nơi người bán quán. Người bán quán mua bát cho. Khi nhận được bát, cô ta lại nói: Tôi không cần bát, có thể cho tôi tô. Người bán quán lại cho tô, rồi đem cái bát vừa mua bán lại. Người bán quán kế bên thấy vậy nói: Bán các thứ hiện có nơi quán không đủ sống hay sao nay lại vì người bán thêm bát? Người bán quán nói: Cô ni Thâu-la-nan-đà đến tôi xin bát, tôi mua bát cho. Cô ta lại nói không dùng, xin tôi tô, tôi cho tô, nên bán lại cái bát này. Mọi người nghe đều nói: Phàm phép người đi xin thì lấy cái mình xin, tại sao "Được voi lại đòi tiên" là thế nào?! Đám người này thường nói ít ham muốn, biết vừa đủ, nay lại không hề biết nhàm chán, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-

môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi Thâu-la-nan-đà: Thật sự cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào vật gì đã xin trước được rồi, lại không dùng, đòi xin thứ khác, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Tùy theo vật xin lại nhiều hay ít, mỗi thứ đều phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni dùng y phi thời làm y để thọ trì, nên các Tỳ-kheo-ni khách không thể nhận được y. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bèn quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dùng y phi thời làm thời y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Y này nên xả cho Tăng, không được xả cho một, hai hoặc ba Tỳ-kheo-ni. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo-ni cấp hạ tọa, ít người quen biết, nhận được vải chưa may thành y, lại

không biết may, mang đến chỗ các Tỳ-kheo-ni nói: Con là hạnh tối hạ tọa, không quen biết ai, cầu mong các cô may giùm y cho con. Các Tỳ-kheo-ni nói: Chúng tôi công việc đa đoan, không thể may cho cô được. Cô có thể đến nơi Thâu-la-nan-đà hỏi xem sao! Cô ấy có nhiều y may đã thành, có thể trao đổi mua bán, hoặc là cô ta may giùm. Tỳ-kheo-ni ấy liền đem vải đến thưa hỏi Thâu-la-nan-đà. Thâu-la-nan-đà lấy y đã may sẵn đổi lấy vải. Tỳ-kheo-ni hạ tọa nhận được y rồi đem về trú xứ. Các Tỳ-kheo-ni hỏi: Cô được y chưa? Cô ta đáp lời: Được rồi. Lại hỏi: Cô nhận được y từ vị nào? Thưa: Thâu-la-nan-đà. Các Tỳ-kheo-ni nói: Đem y đến để cùng xem với! Chiếc y được mang ra và các cô xem xét. Các Tỳ-kheo-ni nói: Chiếc y này tốt hơn chỗ vải của cô gấp bội. Chưa cô nào được điều may mắn như thế. Nay bỗng dưng cô được việc ấy là điều rất hy hữu. Khi đó, Thâu-la-nan-đà ở cách vách nghe được, bèn nói với Tỳ-kheo-ni hạ tọa: Cô trả chiếc y của tôi lại, tôi không đổi cho cô. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn quở trách cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào, đổi y cho Tỳ-kheo-ni khác, sau hối tiếc đòi trở lại, nhận được y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu cả hai bên đều hối tiếc, nhận được y, không đúng như lời cam kết, thì lấy lại, không phạm.

Khi đó, mẹ của Tỳ-xá-khư phát tâm cúng cho Tỳ-kheo-ni Tăng đồ mặc khi có nguyệt thủy, sai người đến đo kích cỡ để may. Chư ni đều để đo, chỉ có Thâu-la-nan-đà không cho đo lại nói với người thừa lệnh: Tôi đã lìa dục, không còn nguyệt thủy, không cần đồ mặc ấy. Tỳ-xá-khư-mẫu may y xong, sai người đến thưa với các Tỳ-kheo-ni: Y may đã xong, mời các cô đến nhận. Các Tỳ-kheo-ni đều đến để nhận. Khi ấy, nhằm lúc Thâu-la-nan-đà đang có nguyệt thủy, bèn nhận y trước. Theo thứ tự các Tỳ-kheo-ni nhận y, y bị thiếu không đủ, vị ni hạ tọa không nhận được y. Tỳ-xá-khư-mẫu hỏi: Chư ni nhận đủ hết y chứ? Có vị đáp: Vị ni hạ tọa không nhận được. Hỏi: Tại sao vậy? Các cô nói: Vì Thâu-la-nan-đà trước đây nói không cần, nên không cho đo cỡ, nay lại lấy trước, nên thiếu y?! Tỳ-xá-khư-mẫu nói: Tại sao trước nói không cần, nay lâm sự lại lấy trước, làm cho người khác phải thiếu! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào, các Tỳ-kheo-ni nói: Cô lấy đồ mặc khi có nguyệt thủy, tự mình nói: "Không dùng" đến khi đó lại lấy trước, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Y này nên xả cho Tăng, không được xả cho một, hai, ba vị Tỳ-kheo-ni. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Trường hợp tuy trước nói không dùng, nhưng sau do y có dư mà

nhận thì không phạm.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thường ra vào trong vương cung của Vua Ba-tư-nặc. Nhà Vua nói: Thưa cô, cô có cần gì cứ đến chỗ tôi lấy. Cô ni nói: Tôi cần cái y nhiều lớp (áo ấm). Nhà Vua nói: Cô đến hậu cung lấy. Cô ni lại nói: Tôi muốn chiếc y Khâm-bà-la Vua đang mặc. Nhà Vua liền cúng. Các quan dị nghị, nói: Tỳ-kheo-ni này xuất gia trong pháp vô vi, mặc áo hoại sắc cắt rọc, nay tại sao lại đòi xin áo Vua đang mặc. Tuy nhà Vua không tiếc, nhưng người thọ nhận phải tự lượng sức của mình chứ. Các người này thường nói ít ham muốn, biết vừa đủ mà nay không nhàm chán, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Hắc-ly-xa được các Ly-xa ở Tỳ-xá-ly cung kính cúng dường, vì mọi người khi bị kiện thưa, nhờ cô ta giúp đỡ, họ đều hoan hỷ nói: Chúng ta nhờ cô ni được khỏi tội, nay hỏi cô cần thứ gì chúng ta cùng nhau phụng sự. Cô ni nói: Tôi cần y dày (áo ấm). Họ hỏi: Cô cần y dày trị giá bao nhiêu? Tôi cần y dày trị giá một ngàn tiền. Họ bèn dè bỉu: Chúng ta dùng phí tổn cho việc kiện thưa ấy, dù có gấp năm, sáu lần hơn cũng không bằng với ngân khoản này. Các người này thường nói ít muốn, biết đủ mà nay không nhàm chán! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe bèn nghiêm khắc quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. (cũng như trên). Từ nay giới này được nói như

sau: "Tỳ-kheo-ni nào xin y dày (áo ấm) thì nên nhận lấy loại kém giá trị nhất, ngang với bốn đại tiền mà thôi, nếu nhận cái quý giá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Y dày là y mặc trong khi lạnh. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà lại đến Vua Ba-tư-nặc xin chiếc "Y mỏng" (áo mặc mùa nóng) nhà Vua đang mặc và Tỳ-kheo-ni Hắc-ly-xa đến các người Ly-xa đòi "Y mỏng" trị giá năm trăm tiền. Các quan và mọi người dị nghị… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào xin "Y mỏng" chỉ nên nhận thứ kém giá trị, ngang với hai tiền rưỡi mà thôi, nếu nhận y quý giá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Y mỏng là loại y mặc lúc nóng. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma đến thành Xá-vệ, Bố-tát nơi đất trống, bị gió mưa đất bụi mòng muỗi gây phiền toái. Tỳ-kheo-ni cựu trú nói với một Cư sĩ: Nay Tỳ-kheo-ni Tăng Bố-tát giữa trời, gặp phải những phiền toái như vậy, như vậy, như lời Phật dạy: Nếu cúng dường phòng nhà cho Tăng là điều tốt nhất. Lành thay Cư sĩ! Có thể vì Tăng làm nhà Bố-tát. Người Cư sĩ nói: Tôi bận nhiều việc không thể tự mình làm được. Tôi có thể cung cấp vật liệu, nhờ cô coi ngó làm giùm, khi nào xong nói với tôi, tôi sẽ đến dâng cúng cho Tăng. Các Tỳ-kheo-ni sau

khi nhận được phương tiện lại cùng nhau bàn: Y phục chúng ta bị rách nát, số phương tiện này có thể chia cho nhau để may y phục, chúng ta chịu khó Bố-tát ngoài trời. Bàn như vậy xong, họ chia nhau may y, rồi nói với Cư sĩ: Người nên hoan hỷ, y phục của các Tỳ-kheo-ni bị rách nát, nên phương tiện đó chư ni chia nhau để may y rồi. Cư sĩ nghe rồi, trách cứ nói: Tôi không hoan hỷ được. Tại sao vậy? Trước đây nói: Cúng dường nhà Bố-tát là điều tốt nhất, tại sao nay lại đem may y phục?! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe nghiêm khắc quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trên). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào, vì Tăng làm việc gì đó đến chỗ cư sĩ xin phương tiện, rồi lại đem làm việc khác, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Nếu khởi tâm muốn phân chia cho đến tạo phương tiện để chia, phạm Đột-kiết-la. Vật ấy nên xả cho Tăng, không được xả cho một, hai, ba Tỳ-kheo-ni. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Trường hợp tuy vì việc gì đó xin của đàn-việt, sau đó họ đồng ý làm việc khác thì không phạm.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Sai-ma Bố-tát giữa trời… cho đến câu: Bị mồng muỗi gây phiền toái (như trước đã nói). Các Tỳ-kheo-ni cần làm nhà Bố-tát đi khắp nơi xin phương tiện… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni

nào vì Tăng làm việc gì đó, đến các nhà Cư sĩ xin phương

tiện rồi đem làm việc khác, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Ngoài ra, như giới trước đã nói.

Lúc này, Tỳ-kheo-ni Sai-ma không có chỗ để nghỉ ngơi, đến một Cư sĩ nói: Tôi không có chỗ để nghỉ ngơi, làm cho tôi một Tinh xá. Cư sĩ nói: Không rảnh để làm, chỉ xin cúng vật liệu. Khi nhận được phương tiện rồi, Sai-ma lại nghĩ: Y phục ta bị rách nát nên dùng phương tiện để may y, còn nơi nghỉ thì không thiếu gì. Sau khi may y xong, Sai-ma nói với Cư sĩ… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào tự mình đến một Cư sĩ xin phương tiện để làm việc gì đó, rồi đem dùng làm việc khác, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Ngoài ra như trước đã nói.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Sai-ma không có nơi để nghỉ ngơi, đến nhiều nhà Cư sĩ xin phương tiện… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào, cần làm việc gì cho mình, đến nhiều nhà Cư sĩ xin phương tiện, rồi đem làm việc khác, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Ngoài ra như trước đã nói.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni dồn chứa nhiều vật dụng. Trước chùa, sau chùa, trong chùa chỗ nào

cũng có. Chùa bị cháy, chư ni di chuyển đồ vật ra nhiều vô số, các Cư sĩ chữa cháy thấy hỏi: Đồ của ai nhiều thế? Được trả lời: Vật dụng này là của các Tỳ-kheo-ni. Họ dị nghị nói: Hạng người này chẳng làm được việc lớn, xuất gia trong pháp vô vi, mặc áo hoại sắc cắt rọc may thành, mà dồn chứa vật dụng nhiều như quốc vương, Đại thần. Họ thường nói ít muốn, biết vừa đủ mà nay lại dồn chứa không nhàm chán, không có hạnh của Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách… cho đến câu: Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dồn chứa nhiều vật dụng, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Vật dụng tức đồ dùng cho cuộc sống. Luật chỉ cho phép chứa tô, dầu, mật, hương dược, mỗi thứ có một cái bình để đựng. Cho phép chứa chõ, vạc, thìa, Bình-sành, mỗi thứ một cái để đựng thức ăn, chứa quá mức định, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni dồn chứa nhiều bình bát… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dồn chứa nhiều bình bát, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề". Cho phép chứa bảy loại bát thô:

Đựng cơm.
Đựng thuốc.
Đựng hương.
Đựng thức ăn dư.

Đựng rác.

Đựng nước. Đựng nước tiểu.

Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Các pháp Xả đọa đã nói xong.

Đoạn 4: NÓI VỀ HAI TRĂM LẺ BẢY PHÁP ĐỌA

Đức Phật ở thành Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Tỳ-kheo nào cố ý nói dối phạm Ba-dật-đề… cho đến giới: Tỳ-kheo nào biết đàn-việt muốn cúng vật cho Tăng mà xoay về cho người khác, phạm Ba-dật-đề". Chúng cho nên thọ trì thế nào? Đức Phật dạy: Cả hai bộ Tăng nên thọ trì. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cố ý nói dối, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào chê trách Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nói hai lưỡi gây đấu loạn cho Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào vì người nam nói pháp quá năm, sáu lời, trừ khi có người hiểu biết phân biệt lời nói tốt xấu, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng như pháp phán đoán sự việc rồi, phát khởi trở lại, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào dạy người nữ chưa thọ giới Cụ túc học kinh và tụng, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào cùng người nữ chưa thọ giới Cụ túc đồng ngủ một nhà quá hai

đêm, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào hướng đến người nữ chưa thọ giới Cụ túc nói mình được pháp hơn người, như nói tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy, dù là sự thật, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết tội thô ác của Tỳ-kheo-ni đến nói với người nữ chưa thọ đại giới, trừ Tăng Yết-ma, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nói như vầy: Phiền gì phải tụng những giới vụn vặt, khi tụng giới này khiến cho người phiền não, chê bai giới như vậy, phạm Ba-dật-đề".

Đã nói xong mười pháp.

"Tỳ-kheo-ni nào tự mình chặt phá thôn xóm của quỷ thần, hoặc sai người chặt hay nói: Chặt cây này, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào cố ý không trả lời câu hỏi, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nơi đất trống tự mình trải tọa cụ của Tăng, hoặc sai người trải, hoặc người khác trải mà mình nằm ngồi, khi đi không dọn, không bảo người dọn, không

dặn ai dọn, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào, trong phòng của Tăng, hoặc sai người trải, tự mình trải tọa cụ của Tăng, hoặc người khác trải mà mình nằm ngồi, khi đi không dọn, không bảo người dọn, không dặn ai dọn, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào vì giận, không vui, ở trong phòng của Tăng tự mình kéo Tỳ-kheo-ni ra, hoặc sai người kéo, nói như vầy: Cô đi khỏi chỗ này, cho khuất mắt, đừng ở nơi

đây nữa, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết người khác đã trải tọa cụ trước, mình đến sau cưỡng bức tự trải, hay bảo người trải, với ý niệm: Nếu họ không vui sẽ tự bỏ đi chỗ khác, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào trên nhà gác của Tăng, ngồi mạnh trên giường dây, giường cây có chân nhọn, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết nước có trùng mà nhồi đất, tưới cây, hay dùng trong việc ăn uống, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào ăn mãi ăn hoài, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề". Nhân duyên: Khi bệnh, khi dâng y gọi là nhân duyên.

Đã nói xong hai mươi pháp.

"Tỳ-kheo-ni nào nhận ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề". Nhân duyên là khi bệnh, khi thời của y, khi dâng y, khi may y, khi đi đường, khi đi trên thuyền, khi đại hội, như vậy gọi là nhân duyên. "Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, nơi chỗ cúng một bữa ăn, mà nhận quá một bữa, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào đến nhà bạch y, họ cho nhiều thức ăn như bánh như bún, nếu không vào tại nhà đó ăn, nhận hai, ba bát đem về, nên chia cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn. Nếu không có bệnh mà nhận quá và không chia cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào ăn rồi, không làm pháp tàn thực mà ăn, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni ăn xong rồi, không làm pháp tàn thực, cố sức nài nỉ bảo ăn, muốn cho

cô kia phạm, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào không thọ thức ăn mà để vào miệng, trừ nếm, cành dương và nước uống, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào trong nhà ăn, cùng nam tử ngồi chỗ vắng, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào xem coi quân trận khởi hành, phạm Ba-dật-đề".

Đã nói xong ba mươi pháp.

"Tỳ-kheo-ni nào có nhân duyên đến trong quân đội, cho tới hai, ba đêm, nếu ở quá, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào có nhân duyên tới trong quân đội hai, ba đêm mà xem quân đội hợp đồng chiến đấu, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nói như vậy: Như chỗ tôi hiểu, những gì Phật dạy là pháp chướng đạo thì không có gì là chướng đạo cả. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni ấy: Cô chớ nên nói như vậy, chớ hủy báng Đức Thế Tôn, chớ vu khống Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói pháp chướng đạo, thật sự là chướng đạo. Cô nên bỏ tà kiến ác đó đi. Khi can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián, bỏ thì tốt, không bỏ, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni như vậy không như pháp sám hối, không bỏ tà kiến ác mà cùng chuyện vãn, cùng ngồi, cùng ngủ, cùng làm việc, phạm Ba-dật-đề. Sa-di-ni nào nói như vậy: Như chỗ tôi hiểu biết những lời đức dạy là thọ năm dục, không có gì trở ngại đối với đạo. Các Tỳ-kheo-ni

nói với Sa-di-ni ấy: Cô chớ nên nói như vậy, chớ hủy báng Phật, chớ vu khống Phật. Đức Phật nói, năm dục là pháp chướng đạo thì sự thật là chướng đạo. Này Sa-di-ni! Cô nên bỏ tà kiến ác đó đi. Khi khuyên can như vậy mà cô ấy kiên trì không bỏ, nên khuyên can lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba, không bỏ, các Tỳ-kheo-ni nên nói với Sa-di-ni ấy: Cô nên đi khỏi chỗ này, từ nay đừng nói: "Đức Phật là thầy của tôi nữa", cô đừng nên đi sau các Tỳ-kheo-ni như các Sa-di-ni khác, được phép cùng phòng ngủ với các Tỳ-kheo-ni hai đêm, cô cũng không được việc ấy. Cô là kẻ ngu si nên mau đi khỏi chỗ này, chớ ở nơi đây nữa, Tỳ-kheo-ni nào biết Sa-di-ni đã bị tẫn xuất như pháp như vậy mà đem về nuôi, cùng ở cùng nói chuyện, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào cố ý làm cho Tỳ-kheo-ni khác sinh nghi hối với ý niệm: Khiến Tỳ-kheo-ni kia nghi hối, cho đến, dù chỉ gây xúc não một thời gian ngắn, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào, khi Tăng xử đoán sự, không gởi dục mà đứng dậy bỏ đi, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào thọc lét Tỳ-kheo-ni khác, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào giỡn trong nước, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào cùng với đồng nam tử cùng ngủ một nhà, phạm Ba-dật-đề".

Đã nói xong bốn mươi pháp.

"Tỳ-kheo-ni nào uống rượu, phạm Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni nào khinh thường thầy, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào tự mình đào đất, hoặc sai người đào nói: Đào chỗ này, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào cùng cãi lộn rồi lặng lẽ lén nghe với ý niệm: Các Tỳ-kheo-ni có nói việc gì, ta sẽ ghi nhớ, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nhận bốn tháng mời như ý muốn, nhận quá, trừ mời lại, tự đưa thức ăn đến, mời thời gian lâu, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào thường thường phạm tội, các Tỳ-kheo-ni như pháp can gián, lại nói: Tôi không học giới này, sẽ hỏi Tỳ-kheo-ni khác, trì pháp, trì luật, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào khi thuyết giới, nói như vầy: Nay tôi mới biết pháp này, rút ra từ Giới kinh, mỗi nửa tháng thuyết một lần. Các Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni này có đến hai, Ba lần ngồi Bố-tát. Tỳ-kheo-ni ấy không phải do không biết mà thoát khỏi tội. Tùy theo chỗ phạm tội như pháp xử trị, lại cộng thêm cái tội không để ý nghe nói: Điều cô làm bất lợi cho cô, khi thuyết giới, không một lòng lắng nghe, không Ưu-tâm để nghe, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào hẹn cùng đi với đám giặc từ xóm làng này đến xóm làng kia, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào hẹn với nam tử cùng đi một đường, từ xóm làng này đến xóm làng kia, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà vì sưởi ấm, tự mình cố ý nhóm lửa hoặc sai người nhóm, phạm Ba-dật-đề".

Đã nói xong năm mươi pháp.

"Tỳ-kheo-ni nào tự mình cầm hay sai người cầm vật báu hay các vật quý, trừ nơi Tăng phường hay trong chỗ nghỉ lại đêm, phạm Ba-dật-đề". Trong Tăng phường hay chỗ nghỉ đêm lấy vật báu hay các vật quý giá, sau có người chủ đến đòi thì trả lại. Việc như vậy nên giải quyết như vậy. "Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng tắm một lần, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề". Nhân duyên là khi bệnh, khi làm việc, khi đi đường, khi mưa gió, khi nóng bức, như vậy gọi là nhân duyên. "Tỳ-kheo-ni nào giận dữ cố ý đánh Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào giận dữ đưa tay toan đánh Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào cố ý khủng bố Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào dùng Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ vu báng Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nói Tỳ-kheo-ni kia cùng đến các nhà sẽ cho các thức ăn ngon, khi đến rồi không cho, lại nói: Cô đi chỗ khác, cùng cô ngồi nói chuyện không vui, ngồi một mình nói chuyện một vui hơn, cố ý gây phiền não cho cô kia, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nhận được y mới, nên dùng ba loại màu hoặc xanh hoặc đen hoặc lam để làm dấu, không dùng phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào vì đùa giỡn giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo-ni khác, cho đến tất cả những tư cụ dùng trong sinh hoạt hàng ngày, hoặc sai người giấu, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni

nào khi Tăng đoán sự đúng pháp, trao dục rồi, sau lại trách cứ, phạm Ba-dật-đề".

Đã nói xong sáu mươi pháp.

"Tỳ-kheo-ni nào nói như vầy: Các Tỳ-kheo-ni tùy theo sự quen biết của mình mà xoay vật của Tăng về cho người ấy, phạm Ba-dật-

đề. Tỳ-kheo-ni nào tịnh thí y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, rồi cưỡng đoạt lấy lại, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào nhận lời mời của người khác, trước bữa ăn sau bữa ăn đi đến các nhà khác, không tiếp cận để báo cho Tỳ-kheo-ni khác, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là thời gian của y, gọi là nhân duyên. Tỳ-kheo-ni nào dùng bông đâu-la để dồi tọa cụ, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào tự mình làm vật dụng nằm ngồi, giường dây, giường cây thì chân của nó nên cao tám ngón tay của Đức Tu-già-đà, trừ phần vào lỗ mộng, nếu cao quá, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào dùng xương, răng sừng làm ống đựng kim, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào may y nên may đúng lượng y của Đức Tu-già-đà, nếu quá, phạm Ba-dật-đề. Lượng y của Tu-già-đà là dài chín gang tay, rộng sáu gang tay. Như vậy gọi là lượng y của đức Tu-già-đà. Tỳ-kheo-ni nào biết đàn-việt muốn cúng vật cho Tăng mà xoay về cho người khác, phạm Ba-dật-đề".

Đã nói xong sáu mươi tám pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ăn tỏi sống, tỏi chín trước giờ ngọ, sau giờ ngọ, hoặc ăn riêng tỏi, hoặc ăn với thức ăn, mùi tỏi làm hôi hám phòng xá. Các Cư sĩ đến thăm nghe mùi tỏi chê trách nói: Giống hệt nhà bếp của bạch y. Lại có Tỳ-kheo-ni đến nhà ông Trưởng giả, ông Trưởng giả nghe mùi hôi của tỏi, nói: Các cô đi ra khỏi chỗ này vì miệng các cô hôi tỏi quá. Các Tỳ-kheo-ni xấu hổ. Lại có một người buôn tỏi, cúng tỏi cho các Tỳ-kheo-ni, do việc làm này, đưa đến sự sa sút liên tục về khẩu phần ăn uống, người ăn kẻ ở trong gia đình nói: Nếu không thể cung cấp sự sống cho chúng tôi thì để chúng tôi đi tìm sự sống nơi chỗ khác, ông bà tự dài lưng ra mà làm đầy tớ cho đám Tỳ-kheo-ni kia. Người hàng xóm nghe thế đều chê trách nói: Nhà ông bà đã không đủ ăn, tại sao phải nuôi các Tỳ-kheo-ni?! Để trả lời, nhà buôn kia trình bày sự thật. Có người không tin ưa Phật pháp nói: Do ông gần gũi Tỳ-kheo-ni nên đưa đến tình trạng khổ như thế, nếu còn tiếp tục gần gũi sẽ còn khổ hơn nữa. Những người này xuất gia chủ yếu là cầu giải thoát, mà nay tham đắm của ngon vật lạ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: Tỳ-

kheo-ni nào ăn tỏi phạm Ba-dật-đề. Nếu ăn tỏi sống thì một lần nuốt phạm một Ba-dật-đề. Ăn tỏi chín phạm Đột-kiết-la. Nếu khi bệnh ăn, hay cường lực bắt ăn thì không phạm.

Lúc này, có các Tỳ-kheo-ni dùng tay vỗ nữ căn, để phát sinh tâm

dục, khiến đã có người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Thâu-la-nan-đà cũng dùng tay vỗ nữ căn, nữ căn sưng lớn không thể đi được. Đệ tử đến những gia đình thường cúng dường nói: Thầy bệnh cần thức ăn. Những gia đình ấy liền cung cấp cho. Giới phụ nữ trong gia đình ấy tìm đến thăm hỏi: Sư cô bệnh gì? Thâu-la-nan-đà trả lời: Tôi bệnh. Lại hỏi: Chứng bệnh ấy như thế nào? Chúng ta đồng là nữ giới tại sao không tỏ bày? Thâu-la-nan-đà bèn nói sự thật. Thế là các Cư sĩ nữ đâm ra dị nghị mỉa mai: Những người này thường chê trách về dục, về tưởng đến dục, bị dục thiêu đốt, cảm giác về dục, mà nay lại làm việc như vậy, sao không thôi tu để thọ hưởng năm dục lạc! Họ không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dùng tay vỗ nữ căn, phạm Ba-dật-đề". Dùng tay vỗ thì mỗi lần vỗ phạm một Ba-dật-đề, xuất bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Đã nói xong bảy mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni dùng hồ giao (keo) làm nam căn để vào nữ căn nhằm sinh tâm dục, nên có vị hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Lại có Tỳ-kheo-ni cột "Hồ giao căn" vào gót chân rồi đặt vào nữ căn. Lúc ấy, một Thức-xoa-ma-na khử dầu bị phát hỏa cháy phòng, Tỳ-kheo-ni kia hoảng hồn quên mở cái "Bửu bối" đó, mang nó chạy ra ngoài. Mọi người đến chữa lửa, thấy hỏi: Sư cô mang cái gì ở gót chân vậy? Sư cô nói sự thật, liền bị người chê trách nói… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào làm nam căn để vào nữ căn, phạm Ba-dật-đề". Xuất bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni hoặc dùng một ngón tay hoặc cả năm ngón tay để rửa bên trong nữ căn, nên bị tổn thương, ra máu, đưa đến bệnh hoạn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dùng nước rửa nữ căn, phạm Ba-dật-đề". Đã bị chế cấm như thế, nên khi trời nóng, nữ căn bất tịnh hôi hám sinh trùng. Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Phật, bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Người

nữ chúng con hình thể hôi hám, phải nhờ nước để rửa, xin Ngài chấp thuận cho. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni dùng nước tác tịnh, Đức Phật cho phép rồi, chư ni lại dùng phương pháp như trước, các Tỳ-kheo-ni thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Bảo các Tỳ-kheo… (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dùng nước rửa nữ căn, chỉ nên dùng hai ngón tay, đưa vào ngang bằng một đốt để rửa, nếu quá mức, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu trong căn có ghẻ, hoặc có trùng, hoặc cỏ hay cát bụi vào thì dùng quá một lóng tay không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni cạo lông trên hai chỗ: Dưới nách và chỗ kín để sinh tâm ái dục, nên có người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Lúc ấy, Thâu-la-nan-đà cũng tự mình cạo lông chỗ kín. Nhà người thí chủ có người con gái sắp lấy chồng, muốn gặp Thâu-lan-nan-đà, sai người đến mời. Tỳ-kheo-ni liền tới. Khi ấy, gia đình kia đang vì người con gái sửa soạn nước tắm. Người con gái nói: Mời Tỳ-kheo-ni tắm trước. Họ liền mời Tỳ-kheo-ni tắm. Cô ni nói: Tôi không cần tắm. Các người nữ bèn cưỡng bức cởi y bắt cô ni tắm. Nhân đó họ biết cô ni cạo lông chỗ kín, bèn hỏi: Vì lý do gì sư cô cạo như vậy? Cô ni hỏi lại: Vậy vì lý do gì các em lại cạo? Các người nữ nói: Chúng em vì nam tử nên cạo. Cô ni nói: Tôi cũng vậy. Các người

nữ bèn chê trách nói: Các cô thường chê trách dục, mà nay làm việc như vậy, không tu phạm hạnh, tại sao không hoàn tục để tha hồ thọ hưởng năm dục?! Thế là các cô không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trên). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cạo lông nách và chỗ kín, phạm Ba-dật-đề". Nếu cạo thì mỗi lưỡi dao cạo là phạm một Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu vì có ghẻ mà phải cạo, hay bị cường lực bắt cạo thì đều không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo một mình đứng chỗ vắng cùng nói chuyện, nên sinh tâm nhiễm đắm, có vị hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y thấy nghi ngờ: Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni này một mình chỗ vắng cùng đứng cùng nói chuyện, chắc chắn là nói việc dâm dục, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cùng Tỳ-kheo một mình ở chỗ vắng cùng đứng, cùng nói chuyện, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu đông Tỳ-kheo-ni với một Tỳ-kheo, hoặc khi có tám nạn thì không phạm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni cùng bạch y và ngoại

đạo một mình cùng đứng chỗ vắng cùng nói chuyện, đưa đến việc thân thể xúc chạm, nói lời thô ác về dâm dục, hoặc cưỡng bức làm việc dâm dục. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cùng bạch y và ngoại đạo một mình cùng đứng chỗ vắng nói chuyện, phạm Ba-dật-đề". (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo một mình cùng đứng nơi chỗ trống cùng nói chuyện, sinh tâm nhiễm đắm, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cùng Tỳ-kheo một mình đứng nơi chỗ trống cùng nói chuyện, phạm Ba-dật-đề". (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cùng bạch y và ngoại đạo một mình cùng đứng chỗ trống cùng nói chuyện, đưa đến vấn đề thân thể xúc chạm, cho tới câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trên). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cùng bạch y và ngoại đạo một mình đứng chỗ trống cùng nói chuyện, phạm Ba-dật-đề". (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo một mình cùng đứng nơi ngả tư, đường hẻm, nói vừa đủ nghe, bảo Tỳ-kheo-ni bạn đi tránh xa. Các Cư

sĩ chê trách. Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cùng Tỳ-kheo một mình cùng đứng nơi ngả tư, đường hẻm, nói vừa đủ nghe, bảo Tỳ-kheo-ni bạn đi tránh xa, phạm Ba-dật-đề". (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni cùng bạch y và ngoại đạo một mình cùng đứng nơi ngả tư, đường hẻm, nói vừa đủ nghe, khiến Tỳ-kheo-ni bạn đi tránh xa. Cư sĩ thấy chê trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cùng bạch y, ngoại đạo một mình cùng đứng nơi ngả tư, đường hẻm, nói vừa đủ nghe, khiến Tỳ-kheo-ni bạn đi tránh xa, phạm Ba-dật-đề". (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni lõa hình tắm rửa, các bạch y thấy, vây quanh trêu chọc cười giỡn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào lõa hình tắm rửa, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu ngăn không cho người đến, hoặc tắm chỗ vắng, hoặc có cây hoặc có vật gì để ngăn che đều không phạm.

Đã nói xong tám mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni đi không mang áo tắm theo, không biết mặc cái gì để tắm. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào đi không mang theo áo tắm, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu áo tắm đang nhuộm, giặt, đập hoặc bị cháy, hay nước trôi, hoặc hư hoại thì không phạm.

Khi ấy, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na, một lần nhận được cả năm chiếc y mới, bạch với thầy Hòa thượng: Thỉnh thầy mặc trước để con được phước. Thầy Hòa thượng mặc rồi không trả lại. Cô đệ tử phải mặc y thô tệ mà đi. Các Tỳ-kheo-ni thấy hỏi: Cô nhận được năm chiếc y mới, tại sao không mặc? Cô ni nói: Trước khi sử dụng, tôi cúng dường để Hòa thượng tôi dùng trước. Hòa thượng tôi không trả lại. Các Tỳ-kheo-ni chê trách Chiên-đồ-tu-ma-na: Tại sao đệ tử nhận được y mới, cúng dường cho mình mặc trước, rồi không trả lại? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão đem việc này bạch Phật, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào nhận được y mới, Hòa thượng được cúng dường để mặc trước y mới này xong, thầy Hòa thượng mặc rồi không trả lại cho đệ tử, phạm Ba-dật-đề". Nếu Tỳ-kheo-ni nhận được y

mới cúng dường cho Tỳ-kheo-ni nào đó. Tỳ-kheo-ni ấy nên mặc một ngày, nếu người cúng dường yên cầu mặc thêm thì nên mặc, mặc lâu mau theo ý người chủ, nếu mặc quá hạn, phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni ngăn cản Tăng chia y, Tỳ-kheo-ni khác đợi chia nên trở ngại việc tọa thiền, hành đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại ngăn Tăng chia y, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào ngăn Tăng chia y, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bệnh không đến được hay không nghe thì không phạm.

Lúc này, có một Tỳ-kheo-ni bậc hạ tọa, nhận được vải chưa may thành y, tự mình không biết may mà cũng không quen biết với ai, mang vải đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà nhờ may. Thâu-la-nan-đà viện lẽ bận việc không may được. Cô ta mang đến các Tỳ-kheo-ni khác, các Tỳ-kheo-ni khác may giùm thành y. Thâu-la-nan-đà hỏi: Ai may y cho cô, đem tôi xem coi có đúng pháp không! Cô ni đem y cho Thâu-la-nan-đà xem. Thâu-la-nan-đà nói: Y này may không đúng pháp, phải tháo hết ra, tôi sẽ may lại giùm cho cô. Cô ni liền tháo ra mang đến. Thâu-la-nan-đà lại không may. Cô ni kia không có y nên phải mặc y thô tệ

đi. Chiếc y bị tháo kia đem phơi trên mái nhà. Bấy giờ, nhà (Chùa) bị phát hỏa, gió thổi, những mảnh vải bị cháy, bay đến rớt trên nhà bạch y nên các nhà này bị cháy lây. Các bạch y thấy lửa từ trú xứ của các Tỳ-kheo-ni bay đến cháy nhà mình, bèn nổi giận nói: Chúng ta cúng dường cho các Tỳ-kheo-ni này nay trở lại thành oan gia. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào tự tháo y của Tỳ-kheo-ni khác hoặc sai người tháo, không may lại thành y, phạm Ba-dật-đề".

Lại có một Tỳ-kheo-ni tháo y của Tỳ-kheo-ni khác, một ngày không may lại thành y, phải đến bốn, năm ngày mới xong, nên đem việc ấy bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo-ni tháo y ra bốn, năm ngày phải may cho thành. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào tháo y của Tỳ-kheo-ni khác, hoặc sai người tháo, quá bốn, năm ngày, không may thành, phạm Ba-dật-đề".

Lại có Tỳ-kheo-ni tháo y của Tỳ-kheo-ni khác, rồi bị bệnh không thể may thành, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni tháo y của người khác rồi, vì bệnh được phép may không

thành. Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào tháo y của Tỳ-kheo-ni khác rồi, không bệnh, quá bốn, năm ngày mà may không thành, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni không mặc năm y mà mặc y thô tệ đến các tư gia. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào không mặc năm y mà đi ra đường, phạm Ba-dật-đề". Không mặc năm y: Từ một nhà đến một nhà, cho đến ra khỏi cửa của trú xứ, phạm Ba dạt đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu khi giặt, nhuộm, đập hay vá thì không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni lấy y của Tỳ-kheo-ni cho bạch y và ngoại đạo nữ. Họ mặc đi đường, bạch y khác thấy hướng đến làm lễ, họ nói:

Tôi là bạch y, tôi là ngoại đạo. Các bạch y bèn chê trách, nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni lấy y của Tỳ-kheo-ni cho bạch y và ngoại đạo nữ. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào dùng y của Tỳ-kheo-ni cho bạch y và ngoại đạo nữ, phạm Ba-dật-đề". Y của Tỳ-kheo-ni: Là có điều có viền có điểm tịnh. Thức-xoa-ma-na,

Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Người kia có y Tỳ-kheo-ni dùng để trao đổi hay trừ trả nợ thì không phạm.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Sai-ma muốn đi đến thành Xá-vệ, Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na nghe tin ấy, bèn đến người thí chủ của Sai-ma nói: Tỳ-kheo-ni Sai-ma sắp đến đây, có thứ gì ít nhiều cúng dường không? Người thí chủ nói: Tôi cũng nghe tin ấy, đang chuẩn bị thức ăn mỹ vị và y để dâng cúng. Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ nói: Sao không dùng y để cúng cho Tăng, trong Tăng có vị chính hướng và chánh hạnh, khó ai bì kịp, sao không cúng, lại cúng cho một Tỳ-kheo-ni? Người thí chủ nghe như vậy nên chuyển cúng cho Tăng. Tỳ-kheo-ni Sai-ma đến, nhiều thức ăn mỹ vị được dâng cúng, tự tay người thí chủ hiến dâng. Ăn xong người thí chủ nói khẽ: Giờ này, chính là lúc dâng y, mà Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-Na-làm trở ngại việc ấy. Các Tỳ-kheo-ni hỏi: Các vị nói gì? Các thí chủ trình bày sự việc. Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách: Tại sao ngăn chặn vật cúng cho cá nhân để chuyển cho Tăng. Các vị Trưởng lão lập lại sự quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào, gây trở ngại vật thí cho cá nhân chuyển về cho Tăng, phạm Ba-dật-đề". Vật thí cho cá nhân: Cúng riêng cho người nào trong Tăng, gọi là thí cho cá nhân. Thức-xoa-ma-na, Sa-

di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma đến thành Xá-vệ, Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na nói: Tôi sẽ giới thiệu thí chủ để họ chăm sóc cô. Sai-ma nói: Khỏi phiền cô làm điều đó. Chiên-đồ-tu-ma-Na-lại nói: Cô nhận sự giới thiệu của tôi, cô được lợi lại được phước độ người. Nghe thế, Sai-ma im lặng chấp thuận. Chiên-đồ-tu-ma-na bèn giới thiệu với các thí chủ. Tỳ-kheo-ni Sai-ma, do đó có nhiều quyến thuộc, hành Tam-muội tâm từ, không ai là không cung kính. Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na không được ai cúng dường, bèn sinh tâm ganh ghét, nói: Tôi giới thiệu thí chủ khiến cho cô nhận được nhiều sự cúng dường, mà cô lại nói xấu đối với tôi, khiến tôi không nhận được thức ăn. Các Tỳ-kheo-ni bằng mọi cách quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni vừa bảo hộ lại vừa tiếc lẫn về gia chủ. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào bảo hộ mà tiếc lẫn về thí chủ, phạm Ba-dật-đề". Bảo hộ mà tiếc lẫn về thí chủ: Nghĩa là muốn cho thí chủ chỉ cúng cho mình không cúng cho người khác. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 13

Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 4: NÓI VỀ HAI TRĂM LẺ BẢY PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo)

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni không an cư, du hành trong nhân gian, hoặc gặp đám giặc tháng tám, hoặc gặp các nạn nước, lửa. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách: Tại sao gọi là Tỳ-kheo-ni mà không an cư kiết hạ, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không hạ an cư, phạm Ba-dật-đề".*** An cư: Có tiền an cư, hậu an cư. Nếu không có duyên sự gì mà đợi đến hậu an cư, phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu có tám nạn khởi thì không phạm.

Đã nói xong chín mươi pháp.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni an cư chỗ không có chúng Tỳ-kheo, có các điều nghi ngờ: Nên độ

không nên độ, nên cho thọ giới không nên cho thọ giới, may y như pháp không như pháp, đối với giới luật có những điều nghi ngờ như vậy, không biết hỏi ai, lại bị ác nhân ngoại đạo khinh miệt lấn áp. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách: Trước đây, Ta há không nói tám kính pháp, Tỳ-kheo-ni phải nương theo chúng Tỳ-kheo để an cư hay sao! Sau khi quở trách, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không nương theo chúng Tỳ-kheo an cư, phạm Ba-dật-đề"***. Tuy nương tựa theo chúng Tỳ-kheo mà không người giáo thọ thì phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu khi an cư, chúng Tỳ-kheo dời đi, hoặc qua đời, hay thôi tu, hoặc bị cường lực cưỡng chế, hoặc bệnh đều không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni an cư song vẫn du hành nên gặp các nạn lửa, giặc… Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Cũng như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đang ở trong an cư mà du hành, phạm Ba-dật-đề".*** Du hành: Từ xóm làng này đến

xóm làng khác, nếu không có xóm làng thì đi nửa do-tuần, phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Tám nạn khởi thì không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni an cư rồi, không đến trong Tỳ-kheo Tăng thỉnh tội thấy, nghe, nghi, không có người giáo giới, nên không thể học được giới luật, ngu tối không hiểu biết được gì. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách, nói: Trước đây, Ta há không nói tám kính pháp, Tỳ-kheo-ni an cư rồi nên đến trong chúng Tỳ-kheo thỉnh tội thấy, nghe, nghi hay sao? Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào an cư xong không đến trong Tỳ-kheo Tăng thỉnh tội thấy, nghe, nghi, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu Tăng không hòa hợp, không tập hợp được hoặc khi có tám nạn, không phạm.

Lúc ấy, các Trưởng giả mời Tỳ-kheo-ni Sai-ma đến an cư nơi thành Xá-vệ, với lời mời: Nếu nhận lời mời thì chúng con sẽ tùy thời cung cấp. Sai-ma nhận lời mời rồi đến ở luôn không đi nơi khác. Các Trưởng giả trách cứ: Chúng tôi cần làm bao nhiêu

việc, các Tỳ-kheo-ni không biết trù lượng lại cũng không biết cách ra đi. Những người này thường nói ít ham muốn, biết vừa đủ, mà nay không nhàm chán. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào theo lời mời đến an cư rồi ở lại một đêm không đi, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bị bệnh hoặc bị khủng bố, hay chưa mãn thời hạn mời, hoặc chẳng phải chỗ nhận sự mời an cư, không đi, không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni ở trong nước, du hành những nơi có sự khủng bố, không có kẻ cứu hộ, bị ác nhân cướp đoạt. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ở trong nước, chỗ có sự khủng bố, không có người để nương nhờ, mà đi một mình, phạm Ba-dật-đề"***. Tuy có số đông Tỳ-kheo-ni cùng đi mà không có bạch y làm bạn có sức mạnh thì gọi là đi một mình. Từ một xóm làng đến một xóm làng, nếu không có xóm làng thì đi nửa do-tuần là phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu có cấp nạn phải thoát chạy thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni ra khỏi quốc nội, đi nơi có sự khủng bố, cũng không có người cứu hộ,

bị kẻ ác cướp đoạt, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ra ngoài nước, nơi có sự khủng bố, không có người để nương tựa, đi một mình, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như trên đã nói). Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni an cư tại Tinh xá do Tỳ-xá-khư-mẫu làm,

an cư xong, không gửi gắm cho ai, bỏ chùa không ra đi. Sau đó chùa bị cháy, có người thấy, đến báo với Tỳ-xá-khư-mẫu: Tinh xá bà cất cho Tỳ-kheo-ni bị cháy. Tỳ-xá-khư-mẫu cho người ở đến cứu chữa, nên chưa cháy hết. Sau đó, các Tỳ-kheo-ni trở về lại, Tỳ-xá-khư-mẫu hỏi: Các cô ni có bị cháy thứ gì không? Các ni đáp: Chúng tôi bị cháy những thứ như vậy, như vậy. Những vật dư dùng bị cháy rất nhiều. Tỳ-xá-khư-mẫu chê trách, nói: Tại sao an cư tại Tinh xá của tôi, lại không gửi gắm ai, bỏ đi, đến nỗi bị cháy, cháy nhiều vật dư dùng nhiều thế! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào an cư rồi, không gửi gắm Tinh xá cho ai mà bỏ đi, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu không gửi gắm mà bước một chân ra ngoài cửa ngõ, phạm Đột-kiết-la, bước hai chân ra ngoài cửa ngõ, phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến ở, hoặc không có

người có thể gửi gắm thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni an cư tại Tinh xá của Tỳ-xá-khư-mẫu rồi, không trao trả Tinh xá mà bỏ đi. Sau đó, Tinh xá bị cháy, có người thấy nói với Tỳ-xá-khư-mẫu: Tinh xá của bà cất cho Tỳ-kheo-ni bị phát hỏa. Tỳ-xá-khư-mẫu nói: Để mặc cho nó cháy hết. Trước đây các Tỳ-kheo-ni đã không gửi gắm cho ai bỏ đi, bị cháy rồi, khi trở về nói đồ dư dùng bị cháy quá nhiều, gây tiếng xấu ác cho tôi. Tỳ-kheo-ni kia sau đó trở lại, Tỳ-xá-khư-mẫu hỏi: Khi các cô đi có để vật gì trong Tinh xá không? Các ni đáp: Không. Thí chủ chê trách tại sao khi đi không trả Tinh xá lại cho tôi để bị cháy hết như vậy! Nếu có nói với tôi thì tôi bảo vệ không đến nỗi cháy như thế. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào an cư xong, không trả Tinh xá lại cho thí chủ, bỏ đi, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như trên đã nói).

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni dạo xem cung điện của nhà Vua và xem phòng triển lãm, rồi lại du ngoạn các nơi vui đùa, đến cả vườn hoa, bên ao nước. Những nơi đây khá đông người tụ tập để xem cảnh. Tỳ-kheo-ni nói với các nam tử: Các ông có thể tránh ra một tý, đừng đến gần chúng tôi. Các nam tử nói: Hạng người xui xẻo trọc đầu này, đã mặc áo cắt rọc, không nên đến nơi đây, mà đã đến đây tức là

cầu nam tử tại sao lại bảo chúng ta tránh xa? Các nam tử bèn nắm tay kéo lôi, nói lời thô ác, dâm dục. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đi dạo xem các thứ, phạm Ba-dật-đề"***. Khởi tâm muốn đi và tạo phương tiện, phạm Đột-kiết-la. Nếu khởi sự đi thì mỗi bước phạm một Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu không vì sự mua vui mà đến xem thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng Bố-tát, không đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu thỉnh thầy giáo giới, do không có người dạy giới nên ngu ám không biết gì, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Các cô thật sự có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo-ni: Trước đây, Ta há không nói tám kính pháp, dạy các cô mỗi nửa tháng phải cầu thỉnh thầy giáo thọ hay sao? Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nửa tháng không đến trong Tăng cầu thỉnh thầy giáo giới, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni không cầu thỉnh giáo

giới, hối quá Đột-kiết-la. Nếu thỉnh mà không được hay bệnh thì không phạm.

Đã nói xong một trăm pháp.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma qua đời, các Tỳ-kheo-ni xây tháp thờ cốt trong Tăng phường của Tỳ-kheo. Mỗi ngày Ba lần, quyết thuộc của Sai-ma đến đi quanh khóc kể: "Người cho tôi pháp, người cho tôi y thực,

sàng tọa, tọa cụ, y dược, sao mà mới đây vĩnh biệt chúng tôi!!!". Các Tỳ-kheo bực bội do việc ồn ào này làm trở ngại vấn đề tọa thiền, hành đạo. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly lại đến Tăng phường, hỏi nơi Tỳ-kheo cựu trú: Tiếng gì ồn vậy? Người được hỏi trình bày sự việc. Tôn giả Ưu-ba-ly liền sai người đập phá tháp. Các Tỳ-kheo-ni nghe, cùng nhau luận bàn: Mỗi người chúng ta cầm gậy đến đánh Tỳ-kheo kia. Nếu cô nào không đến sẽ bị khai trừ. Nghị bàn rồi, họ liền mang gậy đến Tăng phường, thấy Tỳ-kheo bèn bao quanh muốn đánh, nhưng biết không phải đối tượng nên thôi. Họ tiến đến nơi đường hẻm, gặp Tôn giả Ưu-ba-ly, kẻ trước người sau, chặn đường đưa gậy lên muốn đánh. Tôn giả Ưu-ba-ly liền dùng thần lực bay đến chỗ Đức Phật, bạch lên Phật đầy đủ sự việc. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế

Tôn! Sự thật có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách Tỳ-kheo-ni: Việc làm của các cô là phi pháp. Tại sao Tỳ-kheo-ni lại đánh Tỳ-kheo? Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni vào trong trú xứ của Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo-ni trên đường đi thấy Tăng phường bỏ trống, muốn vào lễ bái mà không dám, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni vào trong Tăng phường bỏ trống. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vào trong trú xứ có Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo-ni có nhân duyên vào trong Tăng phường mà không dám, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo-ni có nhân duyên cần vào Tăng phường thì bạch với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo cho phép, sau mới vào. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vào trú xứ có Tỳ-kheo mà không bạch với Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề".***

Có các Tỳ-kheo-ni có nhân duyên muốn vào Tăng phường mà các Tỳ-kheo hoặc đang tọa thiền hoặc ngủ không bạch được, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni vào Tăng phường thấy Tỳ-kheo liền bạch. Từ nay giới này

được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vào trong trú xứ có Tỳ-kheo, thấy Tỳ-kheo mà không bạch, phạm Ba-dật-đề".***

Có Tỳ-kheo-ni khi có cấp nạn muốn chạy vào Tăng phường tránh nạn mà không dám, hoặc bị giặc cướp đoạt, hoặc bị thú dữ làm hại, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni, nếu khi gặp nạn nguy cấp được tùy tiện vào Tăng phường. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vào trú xứ có Tỳ-kheo, thấy Tỳ-kheo mà không bạch, trừ khi gặp nạn nguy cấp, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu không thấy Tỳ-kheo, không thưa được mà vào, khi thấy Tỳ-kheo liền đến thưa. Tỳ-kheo kia nên tính toán, nếu khi có thể cho vào thì cho, nếu thấy không nên cho vào thì đừng cho. Thấy mà không bạch và không cho phép mà vào, phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai tuổi (Tuổi đạo) mà nuôi đệ tử, không thể giáo giới, không thể quản lý, đệ tử ngu ám không biết gì, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào chưa đủ mười hai tuổi (Hạ) mà nuôi đệ tử, phạm Ba-dật-đề"***. Không đủ mười hai tuổi: Là thọ giới chưa

đủ mười hai năm. Nuôi đệ tử là vì người làm Hòa thượng. Nếu khởi tâm muốn nuôi chúng, cho đến Bạch-tứ-yết-ma chưa xong, phạm Đột-kiết-la, Bạch-tứ-yết-ma xong, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, các Ni Tăng khác phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni tuy đủ mười hai tuổi mà câm ngọng, điếc đui có nhiều chứng bệnh, không có sự hiểu biết mà nuôi đệ tử, không thể giáo giới, không thể quản lý. Đệ tử ngu ám, vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Sự thật các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự chúng con có như vậy. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách rồi, nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni câm, ngọng, điếc, đui, đủ các thứ bệnh mà nuôi đệ tử, không đủ khả năng giáo giới, không thể quản lý, khiến đệ tử ngu si, không biết gì, không thể học giới. Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma cho nuôi chúng. Tỳ-kheo-ni đó nên đến trong Tỳ-kheo-ni Tăng, cởi bỏ giày dép, mặc y chừa vai bên phải, quỳ gối, chấp tay, bạch:

A-di Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo-ni tên là… đã đủ mười hai tuổi, muốn nuôi chúng, đến xin Tăng pháp Yết-ma nuôi chúng. Lành thay Ni Tăng cho tôi pháp Yết-ma nuôi chúng. Xin như

vậy Ba lần. Các Tỳ-kheo-ni nên tìm hiểu, quan Sát-tỳ-kheo-ni này có thể nuôi chúng được hay không. Nếu không thể thì không nên cho pháp Yết-ma nuôi chúng. Nếu có thể thì nên cho. Ni Tăng nên sai một Tỳ-kheo-ni bậc Thượng tọa hay là ngang bằng bậc Thượng tọa biết pháp, biết luật, xướng như sau:

A-di Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên… đủ mười hai tuổi muốn nuôi cô… làm đệ tử, nên đến xin Tăng pháp Yết-ma nuôi chúng. Nay Tăng cho pháp Yết-ma nuôi chúng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên… đã đủ mười hai tuổi, muốn nuôi cô… làm đệ tử, nên đến Tăng xin pháp Yết-ma nuôi chúng. Nay Tăng cho pháp Yết-ma nuôi chúng, A-di nào chấp nhận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên… pháp Yết-ma nuôi chúng rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đủ mười hai tuổi, Tăng không cho pháp Yết-ma nuôi chúng, mà nuôi, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như trên đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã có

chồng chưa đủ mười hai tuổi (tuổi đời) thọ giới Cụ túc, ngu ám không biết gì, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cho người nữ đã có chồng, chưa đủ mười hai tuổi thọ Giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề"***. Chưa đủ mười hai tuổi: Là tuy đã có chồng mà chưa đủ mười hai tuổi. Có chồng: Là đã trải qua đối với nam tử. (Ngoài ra như giới nuôi chúng đã nói).

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã có chồng tuy đủ mười hai tuổi, nhưng câm ngọng, có nhiều chứng bệnh, thọ giới Cụ túc, ngu si vô trí, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo-ni Bạch-tứ-yết-ma, cho người nữ có chồng, đã đủ mười hai tuổi, thọ giới Cụ túc. Người nữ muốn thọ giới Cụ túc kia nên đến trong Tỳ-kheo-ni Tăng, bạch: A-di Tăng lắng nghe! Tôi tên là… đã có chồng, đủ mười hai tuổi, cầu Hòa thượng hiệu… thọ giới Cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới Cụ túc. Lành thay Tăng, cho con thọ giới Cụ túc. Cúi mong Tăng rủ lòng thương đối với con. Cầu xin như vậy Ba lần rồi. Các Tỳ-kheo-ni nên tìm hiểu nên cho hay không nên cho thọ. Nếu nên cho thì Ni Tăng nên cử một Tỳ-kheo tác Yết-ma, y như giới trước đã nói. Đức Phật bảo

các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cho người nữ đã có chồng, đủ mười hai tuổi, thọ giới Cụ túc mà không được Tăng tác pháp Yết-ma cho phép, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như trong giới nuôi chúng đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ mười tám tuổi thọ học giới, ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cho đồng nữ, chưa đủ mười tám tuổi thọ học giới, phạm Ba-dật-đề"***. Đồng nữ: Chưa từng trải qua với nam tử. Phát khởi ý muốn, tạo phương tiện, cho đến bạch nhị Yết-ma chưa đầy đủ, phạm Đột-kiết-la, bạch nhị Yết-ma rồi, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề. Các ni sư khác đều phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cho người đồng nữ, tuy đủ mười tám tuổi mà điếc ngọng, có nhiều chứng bệnh, thọ học giới, cho đến câu: Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo-ni bạch nhị Yết-ma cho người đồng nữ đủ mười tám tuổi thọ hai năm học giới. Người muốn thọ học giới nên đến trong Tỳ-kheo-ni Tăng, bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên là… Hòa thượng của con hiệu là… Nay đến Tăng xin hai năm học giới. Lành thay, A-di Tăng cho con thọ

hai năm học giới, rủ lòng thương đối với con. Xin như vậy Ba lần. Các Tỳ-kheo-ni khéo tìm hiểu, nên cho thọ hay không nên cho thọ. Nếu cho, nên sai một Tỳ-kheo-ni, y theo như giới trước Yết-ma. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, tuy đồng nữ đủ mười tám tuổi, Tăng không Yết-ma mà cho thọ học giới, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Lúc ấy, vợ người thí chủ của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà muốn cầu xuất gia. Thâu-la-nan-đà nói: Trước hết bà cho tôi y, tôi mới độ bà. Vợ thí chủ chê trách nói: Tôi là người thí chủ, tại sao đòi tôi cho y trước rồi sau mới độ! Không muốn độ thoát sinh, lão, bệnh, tử nơi tôi mà ngược lại đòi độ cái lợi về y áo nơi tôi! Những cô này không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nói với phụ nữ bạch y: "Cho tôi y trước, tôi mới độ bà", phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo nào nói với Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu người kia mắc nợ, đòi trả nợ rồi sau mới độ thì không phạm.

Khi đó, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà nói với các Tỳ-kheo-ni: Cho tôi pháp Yết-ma nuôi chúng. Các

Tỳ-kheo-ni nói: Như lời Phật dạy, người đủ điều kiện mới cho pháp Yết-ma nuôi chúng. Thâu-la-nan-đà bèn nói: Các Tỳ-kheo-ni làm việc theo thương, ghét, si, sợ. Sợ ai thì cho, ai không sợ thì không cho. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, các Tỳ-kheo-ni nói: Như lời Phật dạy, điều kiện để cho người pháp Yết-ma nuôi chúng thì cô không có, bèn chê trách các Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề".***

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni, khi giáo giới không đến nghe, khi Yết-ma cũng không đến nghe, nên ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào khi giáo giới và Yết-ma mà không đến nghe, phạm Ba-dật-đề"***. Giáo giới: Là nói tám kính pháp… Yết-ma: Tức bạch yết-ma, bạch nhị Yết-ma, Bạch-tứ-yết-ma.

Đã nói xong một trăm mười pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni có học giới ni đủ hai năm mà không cho thọ giới Cụ túc. Sau đó, học giới ni kia mắc phải trọng bệnh, câm ngọng điếc

đui và nhiều bệnh khác, bị trở ngại nơi vấn đề thọ giới pháp. Đệ tử Tỳ-kheo-ni Sai-ma học giới đủ hai năm cũng không cho thọ giới Cụ túc. Sai-ma lại nói: Cô nên học thêm giới này. Sau đó, cô đệ tử mắc bệnh bạch lại, không biết giải quyết thế nào. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, Thức-xoa-ma-na, đủ hai năm học giới không có gì trở ngại, mà không cho thọ giới Cụ túc, lại nói: Cô học thêm giới này đã, phạm Ba-dật-đề".***

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni độ dâm nữ, không thọ giáo giới, ví như con trâu bị đau nơi vai không thể kéo xe được, khi mắc vào xe chỉ muốn ra khỏi gọng xe. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ dâm nữ, phạm Ba-dật-đề"***. Khởi tâm cho đến Bạch-tứ-yết-ma chưa xong, phạm Đột-kiết-la, Bạch-tứ-yết-ma rồi, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, các ni sư khác phạm Đột-kiết-la. Người nữ kia nhàm chán thân xấu ác của người nữ mà độ thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni cho cô ni chưa đủ hai năm học giới thọ giới Cụ túc. Cô ni ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bèn nghiêm khắc quở trách, cho đến câu: Nay

Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cho cô ni chưa đủ hai năm học giới, thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như trong giới nuôi đệ tử đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cho cô ni tuy đủ hai năm học giới, mà bị câm ngọng, điếc đui và các chứng bệnh khác, thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trong giới đối với người nữ có chồng đủ mười hai tuổi đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, cô ni học giới đủ hai năm, Tăng không tác Yết-ma, cho thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như trong giới nuôi đệ tử đã nói).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni cho học giới ni chưa đủ hai năm, không học giới mà thọ giới Cụ túc, ngu ám, vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cho học giới ni đủ hai năm, không học giới mà cho thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như trong giới nuôi đệ tử đã nói).

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cho người nữ có thai thọ giới Cụ túc, khi vào thôn khất thực, các bạch y thấy chế giễu nói: Tỳ-kheo-ni này nặng mang nặng gánh nên cho thức ăn mau. Có người nói: Nên xem

cái bụng của cô ta. Có người nói: Những cô này không tu phạm hạnh. Có người nói: Việc này xảy ra khi chưa xuất gia tu phạm hạnh. Họ chê trách các Tỳ-kheo-ni: Sao không đợi sinh rồi, sẽ độ họ xuất gia, đây là hủy nhục phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni không biết nên độ, không nên độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, cho người nữ có thai thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề"***. Khởi tâm cho đến Bạch-tứ-yết-ma xong (Đều như trước đã nói). Nếu muốn cho thọ giới Cụ túc thì trước nên khám vú sữa, không có tướng có hài nhi thì không phạm. Nếu thọ giới rồi mới biết có thai cũng không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cho người đàn bà mới sinh thọ giới Cụ túc, một tay bưng bát, một tay bồng con đi khất thực. Các bạch y thấy chế giễu: Mau mau cho hai người ăn. Các bạch y dị nghị, chê trách. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cho đàn bà mới sinh thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như trong giới nuôi đệ tử đã nói).

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni hằng năm đều độ đệ tử thọ giới Cụ túc. Đệ tử nhiều không thể giáo giới

chu đáo, nhiều người ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, năm nào cũng cho đệ tử thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề"***. Tỳ-kheo-ni cách một năm mới được cho đệ tử thọ giới Cụ túc. (Ngoài ra như trong giới nuôi đệ tử đã nói).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni trao giới Cụ túc cho đệ tử trong Tỳ-kheo-ni Tăng, để cách đêm rồi mới đến trong Tỳ-kheo Tăng thọ giới. Người thọ giới ở trong một đêm mắc phải sự trở ngại về cách đêm thọ giới, nên Tỳ-kheo Tăng không cho thọ giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào để cách đêm, cho đệ tử thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề"***. Từ khi khởi tâm cho đến khi tướng mặt trời chưa xuất hiện, phạm Đột-kiết-la, tướng mặt trời xuất hiện, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, các Ni sư khác phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng không hòa hợp, không tập hợp được, và tám nạn khởi thì không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni mới thọ giới Cụ túc, không phục vụ Hòa thượng, không có người giáo giới, ngu không biết gì, không thể học giới, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách,

cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào mới thọ giới Cụ túc, không phục vụ Hòa thượng sáu năm, hoặc sai người phục vụ, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu Hòa thượng không cần người phục vụ thì không phạm.

Đã nói xong một trăm hai mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cho đệ tử thọ giới Cụ túc rồi, không quản lý, không giáo giới, không dạy tụng tập, ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nuôi đệ tử trong sáu năm, không tự quản lý, không dạy người quản lý, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu đệ tử không chọn thọ giáo thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cho đệ tử thọ giới Cụ túc rồi, không đưa họ đến chỗ cách xa bổn xứ, nam tử quen biết trước đây trông thấy sinh tâm nhiễm ô, trêu chọc, nói lời thô ác, dâm dục. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách, cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-***

kheo-ni nào nuôi đệ tử, tự mình không đem, hay không khiến người khác đem đi cách bổn xứ năm, sáu do-tuần, phạm Ba-dật-đề". Bổn xứ: Là chỗ sinh hay chỗ lấy chồng. Nếu đệ tử không làm theo thì không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni, người đồng học bệnh mà không chăm sóc, hoặc không sai người chăm sóc đúng lúc, đưa đến người bệnh qua đời. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, người đồng học bệnh, không tự mình chăm sóc, không sai người chăm sóc, phạm Ba-dật-đề".*** Đồng học: Đồng Hòa thượng, A-xà-lê và thường cùng làm bạn. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu không cùng ở một chỗ thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni độ đệ tử đang bị lệ thuộc nhà người, các bạch y dị nghị nói: Các Tỳ-kheo-ni này không biết ai có thể độ, ai không thể độ. Các Cư sĩ có người nói: Nên đoạt lấy y bát, dẫn đến nhà quan. Có người nói: Vua Ba-tư-nặc có ra lệnh: Ai khinh suất Tỳ-kheo-ni sẽ bị trọng tội, nên mau mau thả họ đi, đừng để có ai biết. Mọi người đều nói: Các cô này không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới

này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ phụ nữ đang thuộc về của người, phạm Ba-dật-đề".*** Thuộc về của người: Là thuộc về quan hay thuộc về người khác. Khi khởi tâm cho đến Bạch-tứ-yết-ma rồi (Cũng như giới trước). Nếu người chủ cho phép thì không phạm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni độ người nữ có bệnh trầm kha, không thể gắng sức học giới, ngu ám vô tri. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ người nữ có bệnh trầm kha, phạm Ba-dật-đề"***. Bệnh trầm kha: Là mùa nóng, mùa lạnh đều có bệnh. Từ khi khởi tâm độ cho đến Bạch-tứ-yết-ma xong… (Cũng như giới trước đã nói). Nếu sau khi thọ giới rồi, mắc bệnh ấy thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni độ người đàn bà bị ràng buộc do chồng,

bạch y chê trách, hoặc muốn đoạt y, hoặc muốn phóng thích… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Đều như trong giới độ phụ nữ thuộc quyền của người khác đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ phụ nữ thuộc quyền chồng của họ, phạm Ba-dật-đề"***. Khi khởi tâm độ cho đến Bạch-tứ-yết-ma xong (Như giới trước đã nói).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni độ người nữ có mắc nợ… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (đều như trong giới độ phụ nữ thuộc quyền của người đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ người nữ có mắc nợ, phạm Ba-dật-đề"***. Khi khởi tâm độ, cho đến Bạch-tứ-yết-ma xong (Cũng như giới trước). Nếu người ấy nói: Sau khi xuất gia rồi sẽ trả, thì độ họ không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cùng nam tử đứng nơi chỗ tối tăm chuyện vãn với nhau, trái tim đắm say, nhiễm dục lớn nhanh, không còn vui thú với đời tu phạm hạnh, đưa đến tình trạng có người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng nam tử đứng, nói chuyện chỗ tối tăm, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu nói chuyện chỗ tối tăm thì mỗi lời nói phạm một Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu nghi là chỗ có sự sợ sệt, hoặc đèn tắt bất ngờ thì không phạm.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni tùy theo gia đình quen biết, khi đến, vội ngồi nơi giường của họ. Các bạch y dị nghị nói: Ta không ưa thấy những hạng người xui xẻo này, hạng người không biết chỗ nên ngồi, chỗ không nên ngồi, không có tác phong. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở

trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không nói với người chủ mà vội ngồi trên giường của họ, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu người chủ bảo ngồi thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni tự tay cho bạch y và ngoại đạo nam tử thức ăn. Họ nghĩ: Chắc Tỳ-kheo-ni này có tâm nhiễm đắm nên cho ta thức ăn, bèn trêu chọc nói lời thô ác, dâm dục. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự tay cho ngoại đạo nam tử thức ăn, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu không tự tay cho và tự tay cho bà con, đều không phạm.

Đã nói xong một trăm ba mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni đến các bạch y nói tội lỗi của các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Các Tỳ-kheo nghe nổi giận không giáo giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật các con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Trước đây Ta không vì các cô nói tám kính pháp hay sao? Bằng

mọi cách quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đến nhà bạch y nói lỗi của các Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bạch y trước đã có nghe mà hỏi, thì nên hỏi lại: Ngươi nghe thế nào? Nếu nói: Tôi nghe như vậy, như vậy. Các Tỳ-kheo-ni nghe cũng như vậy, sau đó đem sự thật mà trả lời thì không phạm.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na cùng người tranh chấp rồi tự đấm ngực, tự đánh trong người, la lớn, khóc than. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng người tranh chấp rồi, tự đánh thân mình, kêu khóc, phạm Ba-dật-đề"***. Tự mình đấm ngực, tự mình đánh thân mình, mỗi cú đánh, đấm đều phạm một Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni từ xa cùng nhau chỉ về Chiên-đồ-tu-ma-na nói đến việc cô ta tranh chấp. Chiên-đồ-tu-ma-na ngỡ rằng mình bị mắng chửi, bèn la to: Các Tỳ-kheo-ni mắng tôi. Các Tỳ-kheo-ni liền đến hỏi: Chúng tôi mắng cô như thế nào? Cô ta mù mờ không trả lời được. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni không lắng nghe rõ lời

của người khác lại vọng nói là mắng mình… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không nghe rõ lời nói của người mà nổi giận, nói sai sự thật đối với người khác, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cùng nhau tranh cãi, mỗi người đều thốt lên lời thề: Nếu tôi như vậy sẽ bị đọa vào địa ngục, thọ tội như Điều-đạt, Cù Già Lê, tôi cũng thề như vậy. Còn nếu tôi không như vậy thì cô sẽ thọ tội như vậy. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự mình thề thốt, sự thật nhằm nguyền rủa người kia, phạm Ba-dật-đề"***. Người lập lời thề, lời nguyền này, mỗi lời phạm một Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni đổ nước tiểu, phân dơ ra ngoài tường rào làm bôi nhớp người và phi nhân. Lúc này, có Đại thần Bà-la-môn vừa bị cách chức, lại ra sức chay tịnh, thanh khiết thân tâm. Sáng sớm hôm đó, ông ta tắm rửa sạch sẽ, thoa hương, mặc y phục cũng được thoa hương thơm ngát, theo ý định đến Thiên miếu, để cầu được phục chức quan. Ông ta trùm đầu đi vì sợ phải thấy hạng người xui xẻo

là đám cạo tóc, mặc y cắt rọc. Khi đến bên ngoài tường chùa, lại gặp ngay lúc các cô ni đổ phân và nước tiểu. Ông ta lãnh đủ các thứ này lên đầu và chảy ướt cả mình. Đầy sầu hận, ông ta nói: Ta sợ gặp hạng người không may mắn, nay lại bị đổ phân và nước tiểu đầy cả người, chắc chắn là số mạng của ta gặp phải chuyện không may. Dù vậy, ta cũng cần phải đến Vua Ba-tư-nặc thưa kiện để trị đám nữ trọc đầu này. Nuốt giận, ông ta đành phải quay trở về, gặp một thầy tướng Bà-la-môn. Tướng sư Bà-la-môn hỏi: Tại sao phải nông nỗi này? Vị quan vừa bị cách chức kia trả lời đúng sự thật đã xảy ra. Ông thầy tướng nói: Đây là điềm rất may mắn, hôm nay ông sẽ được một ngàn quan và lại được phục chức cũ. Nào có được nguôi giận, quan Bà-la-môn bị cách chức kia mang cả thân hình bị nhớp nhúa ấy đến thẳng chỗ nhà Vua. Vua hỏi: Vì lý do nào như vậy? Vị quan trình bày lại sự việc, nhà Vua vỗ tay cười lớn và liền ra lệnh ban cho một ngàn quan tiền và cho phục chức cũ. Các quan tả hữu của nhà Vua dị nghị nói: "Quăng phân làm nhớp người ta chứ đâu phải có ý cầu đạo giúp người". Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào quăng phân nước tiểu ra ngoài rào tường, hay khiến người quăng, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-

di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni quăng rác bụi và thức ăn còn dư ra ngoài rào tường, làm nhơ nhớp chung cho người và phi nhân. Các bạch y thấy chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni cách vạch tường mà quăng rác bụi làm nhơ nhớp. Những người này không biết pháp lịch sự. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau:

"Tỳ-kheo-ni nào quăng rác bụi và thức ăn dư ra ngoài tường vách hoặc sai người quăng, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi đó, trước Tinh xá trong vườn của nhà Vua, đất rất bằng phẳng, có loại cỏ rất mềm mại, mọi người thường đến vui chơi nơi đó, làm loạn động sự tọa thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni bực dọc chán nản, bèn rủ nhau đại tiểu tiện trong ấy, làm cho nhơ nhớp, để mọi người khỏi tới. Sau đó mọi người đến vui chơi như thường lệ, bị dính nhớp cả tay cả chân, y phục và đồ đạc. Họ nổi giận nói: Ai lại đại tiểu tiện nơi đây thế này?! Có người nói là Tỳ-kheo-ni. Mọi người đều chê bai, nói: Những người này xuất gia tu hành đạo thanh tịnh, tại sao lại làm nhơ nhớp chỗ sạch sẽ, không để cho mọi người đến vui chơi như thế?! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở

trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đại tiểu tiện nơi cỏ sống, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bị bệnh nguy cấp thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni lại quăng rác, bụi, thức ăn dư nơi vùng đất trước Tinh xá trong vườn của nhà Vua, để đuổi khéo mọi người. Các bạch y chê trách. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào quăng rác, bụi, thức ăn dư trên cỏ sống, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu quăng trong hầm, không phải chỗ sạch sẽ thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ngủ đêm nơi nhà "Có thức ăn", nghe tiếng khi vợ chồng họ giao hợp, sinh tâm ái dục nên không thích sống với đạo, có người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ngủ đêm nơi nhà có "Thức ăn", phạm Ba-dật-đề"***. Có thức ăn: Nơi nam nữ có tình tứ giao hội. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu có bệnh cần ở lại hay các nạn khởi thì

không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo hỏi các Tỳ-kheo-ni: Nhà bà… ở đâu? Con đường này đi về đâu? Các Tỳ-kheo-ni khinh mạn không trả lời. Các Tỳ-kheo giận trách cứ không giáo giới, nên ngu ám, vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, Tỳ-kheo hỏi mà không trả lời, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo dùng lời thô ác hỏi Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni tuy trả lời mà ôm lòng xấu hổ, nên bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni nếu Tỳ-kheo như pháp hỏi thì nên trả lời. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, nếu Tỳ-kheo như pháp hỏi mà không trả lời, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu trước đó có sự xích mích với nhau, không cùng nói chuyện, không trả lời thì không phạm.

Đã nói xong một trăm bốn mươi pháp.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cỡi xe đến nhà bạch y. Các bạch y chê trách nói: Các Tỳ-kheo-ni này như phu nhân của nhà Vua, như phụ nữ của nhà hào quý cỡi xe đi, không có nghi pháp. Các Tỳ-kheo-

ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào cỡi xe đi, phạm Ba-dật-đề". Cỡi xe: Cỡi các loại xe voi, ngựa, cho đến mang guốc đều gọi là đi xe. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu già bệnh hay bị cường lực ép buộc, hay trên đường đi chân bị đau, đều không phạm.

Đã nói xong một trăm bốn mươi mốt pháp.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 14

Phần 2: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 4: NÓI VỀ HAI-TRĂM-LẺ-BẢY PHÁP ĐỌA (Tiếp Theo)

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni mang dép da, cầm dù đến các nhà bạch

Các bạch y dè bỉu nói: Các Tỳ-kheo-ni này đi lại như dâm nữ. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào mang dép da, cầm dù đi, phạm Ba-dật-đề"***. Dù: Kể cả dù bằng cỏ. Dép da: Cho đến chỉ một lớp. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la (Không phạm như trên).

Khi ấy, có hai vợ chồng xuất gia cùng một lúc. Vị Tỳ-kheo chồng kia khất thực rồi đem đến trú xứ vị Tỳ-kheo-ni vợ để ăn. Vị Tỳ-kheo-ni vợ đem bình nước đến trước, rót nước mời và đứng bên quạt hầu, vấn an sức khỏe. Vị Tỳ-kheo chồng kia

cúi đầu ăn, không ngó, không nói chuyện. Vị Tỳ-kheo này khi còn là bạch y có tư thông với một người nữ. Người nữ ấy cũng đã xuất gia tại trú xứ này. Cô ta xuất hiện đến gặp Tỳ-kheo (Người tình cũ). Tỳ-kheo kia bèn cười. Tỳ-kheo-ni vợ tâm ghen liền phát khởi, lấy bình đựng nước đánh Tỳ-kheo chồng bể đầu. Các Tỳ-kheo-ni quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại đem bình nước và quạt đứng trước Tỳ-kheo mời nước và quạt hầu rồi đánh Tỳ-kheo bể đầu?! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đem bình nước và quạt đứng trước Tỳ-kheo, hoặc mời nước hoặc quạt hầu Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu cần mời nước thì mời xong liền đi về chứ không đứng đối diện. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni tụng kinh về phương pháp trị bệnh, các bạch y chê trách nói: Những người này chỉ học y thuật, không có ý cầu đạo, sao không dùng thì giờ ấy đọc kinh Phật? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đọc kinh vì phương pháp trị bệnh, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu vì mình bệnh, hay vì lòng

từ bi, hoặc bị cường lực bắt đọc thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni dạy người khác đọc tụng kinh về phương pháp trị bệnh, các bạch y chê trách. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào dạy người khác đọc tụng kinh về phương pháp trị bệnh, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như giới trên đã nói).

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni hòa hợp nấu, giã các loại thuốc để trị bệnh cho người, suốt đêm không nghỉ. Các bạch y thấy vậy chê trách nói: Những người này như thầy thuốc hay học trò của thầy thuốc, tại sao không cầu đạo để chữa bệnh sinh, tử, mà lại kinh doanh những việc của thế tục làm gì? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vì người trị bệnh, để làm kế sinh nhai, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu vì lòng thương hay bị cường lực bắt buộc, không vì lợi dưỡng thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni dạy người trị bệnh. Các bạch y đến yêu cầu nói pháp thì lại nói: Bệnh nóng trị như thế này, bệnh lạnh trị như thế này, bệnh phong trị như thế này, phương pháp trị các bệnh như thế này. Các bạch y nói: Tôi vì pháp đến

đây chứ không vì chữa bệnh. bạch y chê trách nói: Những người này chỉ học y thuật, không biết chi đạo pháp, nếu không như vậy tại sao không dùng pháp dạy chúng tôi?! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vì kế sinh nhai dạy người trị bệnh, phạm Ba-dật-đề"*** (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni vì các gia đình quen biết làm các công việc. Các Cư sĩ trách cứ nói: Những người này bỏ việc của mình đi làm việc nhà của người, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vì sự ăn uống mà làm việc cho nhà bạch y, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu vì lòng thương hay bị cường lực áp bức thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cùng với phụ nữ bạch y và ngoại đạo đồng đắp chung một tấm y, thân hình xúc chạm nhau, sinh tâm ái dục, không thích sống phạm hạnh, đến nỗi hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Sau đó, các phụ nữ tùy theo chỗ quen biết của mình nói: Tỳ-kheo-ni… có thân hình đẹp như vậy, như vậy. Thời gian tiếp, các bạch y thấy Tỳ-kheo-

ni nọ bèn chỉ chỏ trêu lộng nói: Người có thân hình đẹp kia kìa! Tỳ-kheo-ni này như vậy, Tỳ-kheo-ni kia như vậy. Các Tỳ-kheo-ni do đó hổ thẹn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng phụ nữ bạch y và ngoại đạo đồng đắp chung một chiếc y, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu nằm đồng một giường, chung một mền thì phải mặc nội y khiến cho cách nhau. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni đồng nằm đắp chung một chiếc y… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, cùng nằm đắp chung một chiếc y, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni cùng với phụ nữ bạch y và ngoại đạo cùng che phủ với nhau để ngủ, cùng thấy hình thể nhau, sinh tâm ái dục… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng phụ nữ bạch y và ngoại đạo che phủ lại với nhau để ngủ, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như giới trên đã nói). Nếu trước đã có che riêng rồi sau che phủ thêm thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni cùng che phủ lại với nhau để ngủ nên cùng thấy hình thể nhau… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, cùng che phủ lại với nhau để ngủ, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như giới trên đã nói).

Đã nói xong một trăm năm mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni dùng hương thoa vào thân, cũng khiến người thoa vào thân, nên sinh tâm ái dục, không thích tu phạm hạnh,

đến nỗi hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y nghe mùi hương thơm đó dè bỉu nói: Những người này dùng hương thoa vào thân, giống như dâm nữ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào dùng hương thoa vào thân, phạm Ba-dật-đề"***. Hương: Hương bằng gốc cây, hương bằng nhánh cây, hương bằng lá cây, hương bằng hoa, hương bằng loài trùng, hương bằng nhựa cây. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu vì trị bệnh hay bị cường lực bắt buộc thoa thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân khiến cho da được sáng mịn. Các bạch y chê trách nói: Những người này dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân khiến cho da được sáng mịn như dâm nữ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào dùng cây khô ngâm nước mài xát vài thân, phạm Ba-dật-đề".***

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-ca-tỳ-la thân thể bị khô, da bị nứt, hỏi thầy thuốc, họ nói: Dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân. Cô ni nói, Phật không cho phép tôi dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân, thầy hướng dẫn cho cách trị liệu khác. Thầy thuốc nói: Không có cách nào khác. Cô ni cảm thấy buồn nghĩ ngợi: Nếu Đức Thế Tôn cho phép khi có bệnh được dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân thì mình khỏi phải bệnh khổ này. Cô ni bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta cho phép Tỳ-kheo-ni khi bệnh được dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà dùng cây khô ngâm nước mài xát vào thân, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cất giữ tràng hoa hoặc đeo tràng hoa, sinh nhiễm đắm, không thích tu phạm hạnh, đưa đến việc hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cất giữ tràng hoa hoặc đeo tràng hoa, phạm Ba-dật-đề"***. Cho đến dùng cỏ lá xâu lại đội trên đầu làm đẹp cũng đều gọi là đeo tràng hoa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bị cường lực bắt buộc thì không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni đeo anh lạc quý báu, sinh tâm ái nhiễm, không thích tu phạm hạnh, đến nỗi hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đeo anh lạc quý báu, phạm Ba-dật-đề".*** Cho đến dùng cây làm anh lạc cũng như vậy. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. (Không phạm cũng như giới trước).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni mặc áo bó sát vào thân, khiến cho thân hình như gói lại, sinh tâm ái dục… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào mặc áo bó sát thân, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-

la. (Không phạm như giới trước).

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni cất chứa các thứ trang điểm thân hình nên sinh tâm ái dục… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cất chứa các thứ trang điểm thân hình, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cất chứa đầu tóc… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cất chứa đầu tóc, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni để tóc dài, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni chứa đầu tóc và để tóc dài không cạo, phạm Đột-kiết-la. Nửa tháng cạo một lần, quá thời gian ấy gọi là tóc dài. Nếu không có người cạo hay bị cường lực bắt buộc không cho cạo thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni trang sức bằng các đồ của người nữ bạch y trang sức, sinh tâm ái nhiễm. Lúc ấy, người thí chủ của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà mới cưới vợ. Người vợ đưa đồ trang sức của mình cho cô ni trang sức chơi. Cô ni trang sức rồi trùm đầu nằm trên giường ngủ. Người thí chủ đi bên ngoài muốn đến gần với vợ, vừa mới giở đầu ra mới biết, bèn trách: Nếu tôi không giở đầu ra thì tôi đã hành dục, như vậy đâu không mắc phải tội lớn?! Tại sao Tỳ-kheo-ni lại làm như vậy? Thật là

không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đeo trang sức bằng những đồ trang sức thân hình, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm như giới trước.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni vì người làm đồ trang sức thân hình.

Các bạch y dè bỉu nói: Những người này như dâm nữ làm đồ trang sức thân hình. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vì người làm đồ trang sức thân hình, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni kéo tơ, các bạch y chê bai nói: Những người này y thực đã nhờ người khác, sao không nghĩ đến việc hành đạo để trả ơn tín thí, lại kéo tơ làm gì?! Thật là không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào kéo tơ, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu làm sợi dây

ngồi thiền hay cái đãy đựng y thì không phạm.

Đã nói xong một trăm sáu mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni tùy theo các nhà bạch y quen biết trải tọa cụ nằm. Các bạch y chê trách: Tại sao bỏ nhà mình đến nhà người ta nằm? Chúng tôi không muốn thấy hạng người xui xẻo này. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không hỏi bạch y mà tự tiện trải tọa cụ trong nhà người ta nằm, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu nằm nơi nhà bà con thì không phạm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni ở trong nhà bạch y tự tiện trải ngọa cụ của người chủ hoặc sai người trải để nằm ngồi, khi đi không dọn dẹp, không bảo người dọn dẹp. Các bạch y chê trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni trải ngọa cụ, tọa cụ của người ta, khi ra đi không dọn dẹp, chúng ta luôn luôn làm tôi tớ cho những người này. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đến nhà bạch y tự tiện trải tọa cụ, ngọa cụ của người, hoặc sai người trải, khi ra đi không dọn dẹp, không bảo người dọn dẹp, phạm Ba-dật-đề"***.

Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu có nhờ người dọn thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni tự nấu sinh vật làm thức ăn. Các bạch y chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni được tự nấu sinh vật! Mà đã đích thân nấu để làm ra thức ăn thì cớ sao còn phải đến người để xin? Thật là không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự nấu sinh vật làm thức ăn, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu vì bệnh thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni Sai-ma đến thành Xá-vệ, Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na cho mượn Tinh xá để ở. Sai-ma đắc Tam-muội tâm từ, có đại oai đức, thành tựu quyến thuộc, đệ tử của Chiên Đồ đều cùng nhau tôn trọng, đều muốn đi theo Sai-ma. Chiên Đồ biết điều đó bèn giận mắng: Tôi cho cô mượn Tinh xá để ở, tại sao lại dụ dẫn đệ tử của tôi? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách: Tại sao cho người ta mượn Tinh xá rồi sau lại giận hờn hủy báng… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào trước cho người ở, rồi sau lại nổi giận hủy báng, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu sự thật đúng như vậy mà sân hận thì

không phạm.

Lúc này, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-già-tỳ-la trong bắp vế có mụt nhọt, không bạch với Tăng mà vội khiến nam y sĩ mổ ra nặn mủ rồi đặt thuốc vào. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, quở trách: Cô đã lìa dục cho nên làm như vậy không sao, chứ nếu người chưa lìa dục không tránh khỏi phạm đại sự… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không bạch Tăng mà vội nhờ nam tử trị bệnh, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu muốn nhờ nam tử trị bệnh thì phải đánh kiền chùy tập Tăng đến chỗ người bệnh. Sau đó dùng y trùm hết thân thể, chỉ chừa chỗ cần trị. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu nhờ người nữ trị thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni ban đêm mở cửa ra ngoài không dặn người nào đóng. Đêm đó có kẻ trộm đến cướp đoạt y bát các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ban đêm mở cửa ra ngoài không dặn Tỳ-kheo-ni khác đóng lại, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nơi không có sự sợ sệt thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni đến nhà bạch y phi thời. Có một gia đình rất giàu, đám trộm cướp thường rình mò mà chưa có cơ hội. Chúng hỏi thăm, ai thường tới lui nhà này. Có người cho biết, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cùng nhà này thân thiện thường tới lui. Đám cướp bèn tới nói với Thâu-la-nan-đà: Thưa sư cô, gia đình… Mời sư cô… Theo lời mời, chiều đó Thâu-la-nan-đà đến, người chủ mở cửa, lũ cướp đột nhập, đoạt hết tài sản. Người chủ nổi giận chê trách nói: Nếu Tỳ-kheo-ni này không đến phi thời, ta không mở cửa, thì đâu có bị nạn này! Cúng dường mong cầu được phước trái lại gặp họa, giống như nuôi oan gia đâu có khác gì? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vào nhà bạch y phi thời, phạm Ba-dật-đề".***

Lại có các Tỳ-kheo-ni được bạch y mời, không dám đến, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni, nếu bạch y mời thì được đến. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào, bạch y không mời, phi thời đến nhà họ, phạm Ba-dật-đề"***. Phi thời: Từ giữa ngày cho đến tướng mặt trời chưa xuất hiện. Nếu bạch y mời nên xét kỹ vấn đề, người đưa tin kia có đáng tin cậy không? Lại nên xét hỏi để biết việc hư thật. Nếu còn có sự nghi

thì khi đến cửa phải hỏi trước, gia đình đó có mời hay không, vậy sau mới vào. Lại còn phải tính toán, có phải lúc đáng sợ hay không? Nếu đến nhà bạch y phi thời thì bước ra cửa một chân phạm Đột-kiết-la, bước ra cửa hai chân phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, có các Cư sĩ mời Tỳ-kheo-ni Tăng thọ trai. Trước bữa ăn Tỳ-kheo-ni mặc y bưng bát đến nhà kia. Chư ni đến chỗ người làm thức ăn, đòi thức uống, đòi xôi, đòi cơm. Người làm thức ăn nghĩ: Nay sửa soạn thức ăn đây là vì những người này, cho trước cho sau cũng vậy thôi. Nghĩ như vậy nên họ cho hết cả thức ăn. Đến giờ, người chủ đánh kiền chùy hợp Tăng, ra lệnh người làm thức ăn dọn ra. Người làm thức ăn trình bày đầy đủ sự việc, Cư sĩ bèn chê trách nói: Các Tỳ-kheo-ni này giống như con nít, không thể chờ một chút, ham ăn như thế, làm gì có đạo?! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nhận lời mời, người chủ chưa xướng "tùy ý thực" mà ăn, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu chưa xướng "tùy ý thực" mà ăn, mỗi miếng ăn là phạm một Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Đã nói xong một trăm bảy mươi pháp.

Bấy giờ, bị các Tỳ-kheo-ni như pháp tác Yết-ma khu xuất (đuổi đi) rồi, Tỳ-kheo-ni bị khu xuất không chịu đi. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách nói: Người bị Yết-ma khu xuất với

người không bị Yết-ma khu xuất có cái gì khác đâu!... cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào bị Yết-ma khu xuất mà không đi, phạm Ba-dật-đề".*** Yết-ma khu xuất: Là Bạch-tứ-yết-ma. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bị bệnh hoặc tám nạn khởi hay Yết-ma phi pháp, đều không phạm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni tập Tăng như pháp, có các Tỳ-kheo-ni không đến liền, các Tỳ-kheo-ni phải đợi, nên trở ngại việc hành đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào Tăng như pháp tập hợp mà không đến liền, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bệnh, hoặc không nghe hay tám nạn khởi thì không phạm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni đến xem ca vũ kỹ nhạc, sinh tâm nhiễm đắm, không vui sống với đạo, có vị hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y thấy chê bai nói: Những người này xem múa hát kỹ nhạc như dâm nữ, không có hạnh Sa-môn, phá

pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào xem ca múa kỹ nhạc, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. (Không phạm như trong giới xem cung Vua và xem triển lãm đã nói).

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni đến chỗ biên địa, bị người biên địa bắt làm nô tỳ, hoặc đoạt lấy y bát, hoặc phá phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đến chỗ biên địa, phạm Ba-dật-đề".*** Biên địa: Là chỗ không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu đi bằng cách bay thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni độ người hai căn, các bạch y chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại độ người hai căn, độ người không đáng độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ người hai căn, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu nghi thì nên khám trước. Khi khởi tâm muốn độ cho đến Yết-ma Ba lần chưa xong phạm Đột-kiết-la, Yết-ma xong, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề,

các Ni Tăng khác phạm Đột-kiết-la.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni độ người nữ hai đường hiệp một, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ người nữ hai đường hiệp một, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu độ rồi mới có bệnh này thì không phạm. (Ngoài ra như giới trên đã nói).

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni độ người nữ thường có nguyệt thủy, đi khất thực máu chảy nhớp chân. Các bạch y thấy gớm, dè bỉu nói: Các Tỳ-kheo-ni độ người nữ không đáng độ, hạng người như vậy làm nhớp cả chiếu giường người ta, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào độ người nữ có mãi nguyệt thủy, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như trên đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni không kính lễ, không nghinh đón, không tiễn đưa, cũng không mời Tỳ-kheo ngồi. Các Tỳ-kheo giận không giáo giới. Các Tỳ-kheo-ni ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, nghiêm khắc quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Sự thật các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn!

Chúng con sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Trước đây Ta há không nói tám kính pháp, phải nên kính lễ Tỳ-kheo hay chăng?! Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào thấy Tỳ-kheo, không đứng dậy, không kính lễ, không mời ngồi, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu bệnh hay trước có sự hiềm khích không cùng nói năng với nhau thì không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni khởi ý nghĩ: Đức Phật không cho phép chúng ta cạo lông chỗ kín, nay nên dùng lửa đốt, liền ngay các ni mượn lửa đốt lông chỗ kín. Khi ấy có người Bà-la-môn mất dê đi tìm, đến nơi đường hẻm gần chỗ Tỳ-kheo-ni ở, nghe mùi lông khét, nghĩ là Tỳ-kheo-ni ăn trộm dê đem thui, bèn đến kiện nơi nhà Vua. Nhà Vua liền kêu Tỳ-kheo-ni đến hỏi: Các cô ni có giết con dê của Bà-la-môn không? Các cô ni trả lời: Không giết. Nhà Vua nói: Không giết sao có mùi khét của lông? Các cô ni dùng sự thật để trả lời. Nhà Vua cả cười rồi bảo các cô ni về. Các quan nghe, chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni không nghĩ đến chuyện hành đạo, lại đốt lông chỗ kín?! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đốt lông chỗ kín, phạm Ba-dật-đề".*** (Ngoài ra như trong giới cạo lông chỗ kín đã nói).

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni không mặc Tăng-kỳ-chi mà đến nhà bạch y, gió thổi y trên bị bay, thân hình bị lộ. Các bạch y thấy bèn cùng nhau trêu đùa nói lời thô tục, do đó chư ni xấu hổ. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không mặc Tăng-kỳ-chi mà vào nhà bạch y, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu đang giặt, nhuộm, đập, vá hay không có thì không phạm.

Đã nói xong một trăm tám mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni cùng bạch y ngồi đối nhau, thân kề nhau nói pháp, giống như nói việc riêng tư, trong số đó, có người sinh tâm nhiễm đắm, đưa đến tình trạng hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y chê trách. Quý vị Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào cùng bạch y ngồi đối nhau nói pháp, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni tự mình ca múa. Các Cư sĩ chê bai nói: Tỳ-kheo-ni này tự mình ca múa như dâm nữ. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe,

bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự mình ca múa, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni ngăn thọ y Ca-hi-na. Các Tỳ-kheo-ni đợi lâu không đến, trở ngại việc hành đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ngăn thọ y Ca-hi-na, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu vì bệnh hay không nghe thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ngăn xả y Ca-hi-na… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ngăn xả y Ca-hi-na, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Lúc này, Tỳ-kheo-ni Sai-ma thông minh, giỏi biện luận, vấn nạn các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không thể trả lời được, rất xấu hổ, cho nên thấy các Tỳ-kheo-ni liền tránh đi đường khác, đưa đến tình trạng không ai giáo giới Tỳ-kheo-ni, trở thành ngu ám, vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào vấn nạn Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề".***

Trường hợp các Tỳ-kheo-ni có chỗ nghi, không dám hỏi, do đó lại ngu ám, vô tri, không thể học giới, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni trước phải bạch Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cho phép hỏi mới hỏi. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không bạch Tỳ-kheo mà vội hỏi nghĩa kinh, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà thường tới lui nơi chỗ ở của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà. Một hôm, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát đến, do đứng ngồi sơ ý nên cùng thấy "Hình" nhau. Bạt-nan-đà bèn xuất bất tịnh. Thâu-la-nan-đà lấy nội y đem giặt, tự đem bất tịnh bỏ vào trong "Hình" của mình, nên dẫn đến có thai. Các Tỳ-kheo-ni thấy vậy hỏi: Sư cô không tu phạm hạnh hay sao? Thâu-la-nan-đà trả lời: Không phải tôi không tu phạm hạnh, mà do tôi tự lấy bất tịnh của nam tử để vào trong "Hình" của tôi, nên đưa đến tình trạng có thai như vậy. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào lấy bất tịnh của nam tử tự để vào nữ căn của mình, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni làm theo pháp thờ lửa của ngoại đạo, đốt lửa và tụng chú ngữ của họ. Các

Cư sĩ trách cứ nói: Những người này không còn nhận thấy cái trong sạch của chính mình thì làm gì có đạo được? Thật là không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào làm pháp thờ lửa của ngoại đạo, đốt lửa, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu làm với tà kiến thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu làm các pháp phụng thờ của các ngoại đạo đều phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni tắm chỗ có người, mọi người thấy dòm ngó đùa bỡn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão thấy, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tắm chỗ có người, phạm***

Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni tụng chú thuật của ngoại đạo, các bạch y chê bai: Những người này tụng chú thuật của ngoại đạo, không có tâm cầu đạo… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (Như trong giới phương pháp tụng kinh trị bệnh đã nói). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tụng chú thuật của ngoại đạo, hoặc dạy người tụng, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-

xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, các chúng Tỳ-kheo-ni tự mình trao giới Cụ túc. Đương sự ngu ám, vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào chỉ một chúng trao giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề".*** Từ khi khởi tâm cho đến khi Bạch-tứ-yết-ma chưa xong, phạm Đột-kiết-la, Bạch-tứ-yết-ma xong, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, các sư Tăng khác phạm Đột-kiết-la.

Đã nói xong một trăm chín mươi pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni tự tác pháp Yết-ma nuôi chúng, tự tác pháp Yết-ma hai năm học giới, tự trao hai năm học giới, mà không thể giáo giới đệ tử, đệ tử ngu ám vô tri, không thể học giới. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự tác pháp Yết-ma nuôi chúng, phạm Ba-dật-đề".*** Tỳ-kheo-ni nào tự tác pháp Yết-ma hai năm học giới, phạm Ba-dật-đề. Tỳ-kheo-ni nào tự trao hai năm học giới, phạm Ba-dật-đề. (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni tác pháp Yết-ma hai

năm học giới rồi, để cách đêm mới cho thọ giới Cụ túc, giữa thời gian đó có nạn xảy ra không được thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tác pháp Yết-ma hai năm học giới rồi, để cách đêm mới cho thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề".*** Khi khởi tâm cho đến tướng ánh sáng chưa xuất hiện, phạm Đột-kiết-la, tướng ánh sáng xuất hiện rồi, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, sư chúng khác phạm Đột-kiết-la. Nếu bệnh hoặc nạn khởi hay Tăng không tập hợp thì không phạm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni tác pháp Yết-ma hai năm học giới rồi, để cách đêm mới trao học giới cho đương sự, trong thời gian đó nạn khởi nên không thọ được. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nào tác pháp Yết-ma hai năm học giới rồi, để cách đêm mới trao học giới cho đương sự, phạm Ba-dật-đề".*** Khi khởi tâm cho đến khi tướng ánh sáng chưa xuất hiện phạm Đột-kiết-la, tướng ánh sáng xuất hiện rồi, Hòa thượng phạm Ba-dật-đề, sư chúng khác phạm Đột-kiết-la. (Trường hợp không phạm như giới trên).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni tự dệt lấy y của mình,

các bạch y dị nghị nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni không nghĩ đến chuyện hành đạo mà lại tự dệt y cho mình như những người thợ dệt khác. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự dệt y cho mình, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu dệt bằng khung cửi thì một lần đưa cái thoi qua là phạm Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu dệt dây lưng hay dây ngồi thiền thì không phạm.

Lúc này, người hầu cận của Vua Ba-tư-nặc và các Tỳ-kheo-ni đi du ngoạn nơi có sự khủng bố, bị đám giặc cướp đoạt, có vị bị phá phạm hạnh, hoặc bị bắt dẫn đi. Các Tỳ-kheo-ni khác báo với nhà Vua. Nhà Vua nói: Nay tôi không được quyền lực thì đâu giúp được gì cho Tỳ-kheo-ni! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách: Tại sao lại đi du ngoạn nơi có các sự khủng bố… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào đi du hành trong nước, nơi có sự khủng bố, phạm Ba-dật-đề".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu trước đi nơi đường lộ, sau đó có sự nạn khởi thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni tự tạo tượng cho mình, cũng sai người khác tạo. Khi ấy, Thâu-la-nan-đà sai người tạo tượng, khi thấy tượng mình, Thâu-la-

nan-đà tự tâm sinh nhiễm đắm, lại có ý nghĩ: Nhan sắc của ta như vậy, tại sao hủy hoại để tu phạm hạnh! Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão biết, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự tạo tượng cho mình, hoặc sai người làm, phạm Ba-dật-đề"***. Tạo tượng cho mình: Hoặc vẽ, hoặc dùng cây, hoặc dùng chất dẻo để làm. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu người khác tự ý làm cho mình thì không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trang điểm cho người nữ, bèn sinh tâm không vui với đạo, đến nỗi hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y chê trách nói: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại trang điểm cho người nữ, như thể trang điểm một kiểu mẫu, để tự trang điểm cho chính mình, nào có khác xa gì mấy? Không nghĩ đến việc hành đạo, chỉ làm việc trang sức bất chánh, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào trang điểm cho người nữ, phạm Ba-dật-đề".*** Trang điểm: Chải đầu cho đến gắn một đóa hoa, đeo chiếc xuyến, mỗi việc làm phạm một Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni tắm rửa trong nước,

lội ngược dòng nước tạo ra cảm xúc dục, sinh tâm ái dục, đến nỗi hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào lội ngược dòng nước, phạm Ba-dật-đề"***. Nếu lội ngược dòng nước mỗi bước lội phạm một Ba-dật-đề. Mất bất tịnh thì phạm Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu không có tâm dục thì không phạm.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni nằm giữa ngay chỗ nhà bị dột, giọt nước nhỏ xuống, vào trong "Hình", sinh tâm ái dục, đưa đến tình trạng hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào nằm giữa ngay chỗ nhà bị dột, nước nhỏ xuống chỗ kín, phạm Ba-dật-đề"***. (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni để eo được thon, nhỏ, đẹp, dùng dây buộc ngang eo lưng khiến sinh tâm ái dục, các bạch y chê trách nói: Các người này chăm sóc cho eo lưng nhỏ, yểu điệu như dâm nữ, không có tâm đạo chỉ làm việc tà. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-***

kheo-ni nào làm cho eo lưng nhỏ, yểu điệu, phạm Ba-dật-đề”. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Đã nói xong hai trăm pháp.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni bằng nhiều cách sửa soạn thân hình khiến cho đẹp, sinh tâm ái dục… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo-ni nào bằng nhiều cách sửa thân cho đẹp, phạm Ba-dật-đề”***. (Ngoài ra như giới trước đã nói).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ăn mặc theo cách của kỹ nữ, sinh tâm không vui sống với đạo, đến nỗi hoàn tục… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo-ni nào mặc y như pháp của kỹ nữ, phạm Ba-dật-đề”***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi đó, các Tỳ-kheo-ni mặc y như pháp của bạch y phụ nữ, sinh tâm không vui sống với đạo… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***“Tỳ-kheo-ni nào mặc y theo pháp của bạch y phụ nữ, phạm Ba-dật-đề”***. (Ngoài ra như trên đã nói).

Lúc ấy các Tỳ-kheo-ni với tâm dục, tự trau chuốc thể hình của mình, sinh tâm ái dục… cho

đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào dùng tâm dục tự trau chuốc thân thể của mình, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni soi gương, sinh tâm không vui sống với đạo… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào soi gương, phạm Ba-dật-đề".*** Nếu soi gương trong nước phạm Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Nếu mặt có mụt nhọt soi để thấy không phạm.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni tự mình bói toán bằng nhiều cách, cũng đến người khác bói toán. Các bạch y chê trách nói: Đám này không bỏ tà kiến, làm sao đắc đạo? Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào tự mình bói toán, hoặc đến người bói toán, phạm Ba-dật-đề"***. Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni cùng nhau bàn luận việc riêng tư, như nói chúng ta xuất gia sẽ đạt được cứu cánh để làm gì? Không đạt được cứu cánh thì sao? Nên bỏ đạo hay không nên bỏ đạo? Nếu bỏ đạo được một người chồng tốt chăng? Sinh được nhiều ít con, phước lộc, tướng mạo thế nào? Do

luận bàn những chuyện thế tục như vậy, nên không vui sống với đạo, đến nỗi hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni luận bàn việc thế tục, quên việc đạo… cho đến câu: Nay Ta vì các Tỳ-kheo-

ni kiết giới (như trước). Từ nay giới này được nói như sau: "Tỳ-kheo-ni nào luận bàn theo thế tục, phạm Ba-dật-đề". Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Đã nói xong hai trăm lẽ bảy pháp.

Đoạn 5: NÓI VỀ TÁM PHÁP HỐI QUÁ

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ưa ăn tô, thường đến nhà người xin, các bạch y chê trách nói: Tô là chất làm cho người láng da mát thịt, thức ăn của người đời, tại sao Tỳ-kheo-ni không cầu pháp vị, mà lại ham hố thức ăn ngon, mong cầu nhan sắc cho đẹp, so với dâm nữ đâu có khác gì? Thật là không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nghe, nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, hỏi các Tỳ-kheo-ni: Thật sự các cô có như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy. Đức Phật bằng nhiều cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta vì các Tỳ-

kheo-ni kiết giới Ba-la-đề-đề-xá-ni. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào ăn tô, nên đến bên các Tỳ-kheo-ni ăn năn: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách nay hướng đến các sư cô để ăn năn. Như vậy gọi là pháp hối quá".*** Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni ăn trong Tăng, được người mời ăn, hay khất thực nhận được tô không dám ăn, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo-ni không xin mà nhận được tô thì nên ăn. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào xin tô để ăn, Tỳ-kheo-ni ấy nên đến bên các Tỳ-kheo-ni ăn năn: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các sư cô để ăn năn. Như vậy gọi là pháp hối quá".***

Có các Tỳ-kheo-ni bệnh cần tô mà không dám xin, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo-ni bệnh được xin tô để ăn. Từ nay giới này được nói như sau: ***"Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà vì mình xin tô để ăn, Tỳ-kheo-ni ấy nên đến bên các Tỳ-kheo-ni ăn năn: Tôi rơi vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các sư cô để ăn năn. Như vậy gọi là pháp hối quá".*** Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni xin dầu, xin mật, xin đường phèn, xin sữa, xin lạc (váng sữa), xin cá thịt đều như trên đã nói.

Đoạn 6: NÓI VỀ MỘT TRĂM PHÁP CHÚNG HỌC

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Đức Phật:

Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học, như không mặc y hạ cao, cần phải học… cho đến câu: Cây cao quá đầu người không được leo lên, trừ có nhân duyên lớn, cần phải học. Chúng con nên thọ trì thế nào?

Đức Phật dạy:

Nên thọ trì hai bộ Tăng.

Từ nay giới này được nói như sau: "Không mặc y hạ cao, cần phải học. Không mặc y hạ thấp. Không mặc y hạ so le. Không mặc y hạ như lá cây Đa-la. Không mặc y hạ như vòi con voi. Không mặc y hạ như quả nại tròn. Không mặc y hạ xếp thành lằn nhỏ".

"Không mặc y cao. Không mặc y thấp. Không mặc y so le". "Khéo che thân khi vào nhà bạch y. Khéo che thân khi vào trong

nhà bạch y. Không lật ngược y lên vai bên phải khi vào nhà bạch y. Không lật ngược y lên vai bên phải khi ngồi trong nhà bạch y. Không lật ngược y lên vai bên trái khi vào nhà bạch y. Không lật ngược y lên vai bên trái khi ngồi trong nhà bạch y. Không lật ngược y lên cả hai vai khi vào nhà bạch

y. Không lật ngược y lên cả hai vai khi ngồi trong nhà bạch y. Không lắc thân khi vào nhà bạch y. Không lắc thân khi ngồi trong nhà bạch y. Không lắc đầu khi vào nhà bạch y. Không lắc đầu khi ngồi trong nhà bạch y. Không nắm tay nhau khi vào nhà bạch y. Không nắm tay nhau khi ngồi trong nhà bạch y. Không ẩn người khi vào nhà bạch y. Không ẩn người khi ngồi trong nhà bạch y. Không được chống nạnh khi vào nhà bạch y. Không được chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y. Không được chống má khi vào nhà bạch y. Không được chống má khi ngồi trong nhà bạch y. Không được đưa tay khi vào nhà bạch y. Không được đưa tay khi ngồi trong nhà bạch y. Không được nhìn lên cao khi vào nhà bạch y. Không được nhìn lên cao khi ngồi trong nhà bạch y. Không được ngó hai bên khi vào nhà bạch y. Không được ngó hai bên khi ngồi trong nhà bạch y. Không được đi xoạc chân khi vào nhà bạch y. Không được ngồi xoạc chân trong nhà bạch y. Không được đi ngóng mặt khi vào nhà bạch y. Không được ngồi ngóng mặt trong nhà bạch y. Không được trùm đầu khi vào nhà bạch y. Không được trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y. Không được giỡn cười khi vào nhà bạch y. Không được giỡn cười khi ngồi trong nhà bạch y. Không được cao tiếng khi vào nhà bạch y. Không được cao tiếng khi ngồi trong nhà bạch y. Đường hoàng khi vào nhà bạch y. Đường hoàng khi ngồi trong nhà

bạch y".

"Để ý khi có thức ăn. Không nhận thức ăn đầy tràn bát. Canh cơm cùng ăn. Không nên moi khắp trong bát để lấy thức ăn. Không nên khoét giữa bát để ăn. Không cong ngón tay để vét bát ăn. Không ngửi thức ăn khi ăn. Nhìn kỹ bát khi ăn. Không vất bỏ thức ăn. Không dùng tay đang bốc thức ăn cầm đồ sạch. Không húp thức ăn. Không nhai thức ăn có tiếng. Không liếm thức ăn. Không bốc thức ăn đầy tay để ăn. Không hả miệng lớn để ăn. Cơm chưa đến không nên mở miệng lớn để chờ. Không nhéo mũi khi ăn. Không ngậm thức ăn mà nói. Không búng má để ăn. Không nhai phân nửa rồi nuốt. Không duỗi cánh tay lấy thức ăn. Không chống tay để ăn. Không le lưỡi ra để ăn. Không nuốt trọng thức ăn. Không vò cơm từ xa ném vào miệng. Không dùng nước trong bát có thức ăn rưới trong nhà bạch y. Không dùng cơm phủ canh mong được thêm canh. Không chê khen thức ăn. Không vì mình đòi thêm thức ăn. Không nhìn vào bát người ngồi gần với tâm nghi kỵ".

"Không dùng đại tiểu tiện, trừ bệnh. Không đại tiểu tiện trong nước sạch, trừ bệnh. Không đại tiểu tiện trong rau cỏ tươi, trừ bệnh. Người mang guốc không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh. Người mang dép không nên nói pháp, trừ bệnh. Người để trống ngực không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh. Người ngồi, Tỳ-kheo-ni đứng không nên vì họ nói pháp,

trừ bệnh. Người ngồi chỗ cao, Tỳ-kheo-ni ngồi chỗ thấp không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh. Người nằm, Tỳ-kheo-ni ngồi không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh. Người ở trước, Tỳ-kheo-ni ở sau không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh. Người ở giữa đường, Tỳ-kheo-ni ở bên đường không nên vì họ nói pháp, trừ bệnh. Không vì người trùm đầu nói pháp, trừ bệnh. Không nên vì người lật ngược y nói pháp, trừ bệnh. Không vì người lật ngược y lên hai vai nói pháp, trừ bệnh. Không vì người cầm dù che thân nói pháp, trừ bệnh. Không vì người cưỡi ngựa nói pháp, trừ bệnh. Không vì người cầm gậy nói pháp, trừ bệnh. Không vì người cầm dao mà nói pháp. Không vì người cầm cung tên mà nói pháp. Cây cao quá đầu người không được leo lên, trừ có trường hợp đặc biệt, cần nên học. Trường hợp đặc biệt: Bị thú dữ hay các nạn, gọi là trường hợp đặc biệt".

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 15

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP THỌ GIỚI

Đức Phật ở tại thành Vương-xá, bảo các Tỳ-kheo: Thuở đời quá khứ, có nhà Vua tên là Uất Ma. Vợ lẻ có bốn người con, người thứ nhất tên Chiếu Mục, người thứ hai tên là Thông Mục, người thứ ba tên Điều Phục Tượng, người thứ tên Ni Lâu đều thông minh hiểu rộng, có oai đức. Đệ nhất phu nhân có một người con tên là Trường-sinh, ngu đần xấu xí, mọi người đều khinh miệt. Phu nhân nghĩ: Con ta tuy là lớn nhưng tài đức không bằng ai, còn bốn đứa kia lại có oai đức, ngôi vị của nước chắc về tay chúng. Ta nên lập mưu kế thế nào để củng cố cơ nghiệp cho con ta. Bà ta lại nghĩ: Hiện nay nhà Vua coi trọng và tin yêu mình hơn các phu nhân khác. Trước hết ta nên dùng tình cảm, sau sẽ dùng lý để giải quyết. Như mưu kế đã nghĩ, bà ta

bèn trang điểm hết sức đẹp đẽ để khi Vua đến là chiếm được sự yêu thương và Vua muốn gần gũi với bà ta ngay. Khi ấy, bà ta khóc sướt mướt, nhà Vua hỏi lý do, bà ta trả lời: Em có lời nguyện nhỏ, e không toại, đành phải chết cho xong đời. Nhà Vua nói: Em có lời nguyện thế nào, nếu hợp lý thì anh đâu trái được. Bà ta bèn tâu với nhà Vua: Bốn đứa con của Vua đều có oai đức, còn đứa con của em tuy lớn, nhưng tài đức không bằng ai, vấn đề kế thừa đại nghiệp e chúng nó sẽ đoạt đi thôi. Nếu nhà Vua tẫn xuất bốn đứa kia thì em mới yên tâm. Nhà Vua nói: Bốn đứa đó đều có hiếu để, đối với nước không có lỗi gì, nay ta làm thế nào tẫn xuất được. Bà ta lại nói: Thật ra việc nhà cả việc nước lòng em quá đỗi lo toan đền đáp, vì bốn đứa con của Vua đều có oai đức, dân chúng đều quý mến, một ngày nào đó chúng nó tranh giành nhau ngôi vị ắt hẳn sẽ sát hại nhau và lộc nước lớn lao kia sẽ bị tiêu diệt, mai sau làm gì có Vua?! Nhà Vua nói:

Thôi! Thôi đừng nói thêm nữa. Nhà Vua liền kêu bốn người con, ra lệnh phải đi khỏi nước. Bốn người con vâng lệnh, liền chuẩn bị hành trang. Khi ấy, bà mẹ của bốn người con và các chị em ruột đều xin được cùng đi. Không những thế, các lực sĩ, bách quan, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, tất cả dân chúng hầu hết đều vui lòng xin được đi theo. Nhà Vua chấp thuận cho theo tất cả. Là thế đấy, bốn người con bái từ ra đi. Qua được bên kia sông

Kỳ-la, họ đến phía bắc Tuyết sơn, nơi đó đất bằng phẳng rộng rãi, bốn bề ngút ngàn sự trong lành, tĩnh mịch, lại nhiều trái ngọt, cây lành, kỳ hoa dị thảo, và muông thú đủ loại. Nhận ra đất lành, bốn người con cho dừng lại rồi gọi Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ đến để cùng nhau bàn bạc: "Các nơi đã đi qua, không nơi nào hơn chỗ này, có thể định cư được rồi". Tất cả đều đồng ý, nơi đây là quê hương mới. Họ xây dựng thành ấp và chỉ trong thời gian vài năm số người quy tụ đông đúc, dần dần phồn thịnh trở thành đại quốc. Cách sau vài năm, Vua cha nhớ đến con, hỏi quần thần: Bốn đứa con của ta nay ở đâu? Quần thần tâu: Ở tại phía bắc Tuyết sơn, gần rừng Xá-di, xây dựng thành quách doanh ấp, muôn dân phát đạt, đất đai màu mỡ, áo cơm sung túc không hề thiếu thốn. Nhà Vua nghe rồi Ba lần khen ngợi con ta có đủ khả năng! Nhà Vua Ba lần lập lại lời khen như thế. Từ đó, mang danh hiệu là chủng tộc Thích Ca.

Ni-lâu có con tên là Tượng-đầu-la. Tượng-đầu-la có con tên là Cù-đầu-la. Cù-đầu-la có con tên là Ni-hưu-la. Ni-hưu-la có bốn người con: Một tên là Tịnh Phạn, hai tên là Bạch Phạn, ba tên là Hộc Phạn, bốn tên là Cam Lồ Phạn. Vua Tịnh Phạn có hai người con: Một tên là Bồ-tát, hai tên là Nan-đà. Bạch Phạn có hai người con: Một tên là A-nan, hai tên là Điều-đạt. Hộc Phạn có hai người con: Một tên là Ma-ha-nam, hai tên là A-na-luật. Cam Lồ

Phạn có hai người con: Một tên là Bà-bà, hai tên là Bạt-đề. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Khi còn nhỏ Bồ-tát đã có chí xuất gia. Vua cha sợ con học đạo, thường dùng năm dục để cho con vui chơi. Đến mười bốn tuổi, Bồ-tát oai nghiêm lên xa giá du ngoạn cửa thành phía Đông, thấy một người già đầu bạc lưng khòm, chống gậy, bước đi yết ớt, Bồ-tát hỏi người đánh xe: Đó là người gì? Tên đánh xe thưa: Đó là người già. Bồ-tát lại hỏi: Già là thế nào? Thưa Bồ-tát, già là tuổi đã lớn, căn cốt chín muồi, hình dạng biến đổi, sắc tướng suy tàn, đứng ngồi khổ sở, mạng sống không còn bao lâu, cho nên gọi là già. Bồ-tát hỏi: Ta có tránh khỏi tình trạng đó không? Thưa Ngài làm sao tránh khỏi. Bồ-tát bảo quay xe về lại cung, tự nghĩ: Chưa lìa khỏi sự già nên sầu ưu không vui. Vua cha hỏi tên hầu đánh xe: Thái tử đi chơi có vui hay không? Tên đánh xe tâu: Không vui. Tại sao vậy? Vì gặp một người già nên Thái tử không vui. Nhà Vua sợ, theo lời ông thầy tướng, e Thái tử không lâu nữa sẽ xuất gia, lại tăng thêm năm dục để mua vui cho Thái tử. Sau thời gian lâu, Thái tử lại ra lệnh người đánh xe nghiêm xa giá du quán cửa thành phía Nam. Gặp một người bệnh hình thể yếu ốm, dựa cửa thở hỗn hển. Thái tử hỏi người đánh xe: Đó là người gì? Thưa Bồ-tát: Đó là người bệnh. Bồ-tát lại hỏi: Thế nào là người bệnh? Thưa Ngài bốn đại tăng thêm sự tổn giảm, ăn uống không được, sức lực yếu dần,

mạng sống ở trong khoảnh khắc, nên gọi là bệnh. Bồ-tát hỏi: Ta có tránh khỏi tình trạng đó không? Thưa Ngài, làm sao tránh khỏi. Thái tử bảo quay xe về cung, tự nghĩ: Chưa lìa khỏi sự già bệnh, lại tăng thêm sầu ưu. Nhà Vua hỏi tên đánh xe: Thái tử đi chơi có vui không? Tên đánh xe tâu: Lại càng không vui! Vua lại hỏi: Vì sao? Bẩm Đại vương vì gặp một người bệnh cho nên không vui. Nhà Vua sợ Thái tử xuất gia, nên tăng thêm năm dục ngày đêm để cho Thái tử vui. Sau thời gian lâu, Bồ-tát lại bảo người đánh xe nghiêm xa giá, du quán cửa thành phía Tây. Gặp một người chết, tử thi khiêng đi trước, gia đình cả nam lẫn nữ đi sau khóc kể. Thái tử hỏi người hầu xe: Đó là người gì? Thưa Thái tử, đó là người chết. Lại hỏi: Thế nào gọi là người chết? Thưa Ngài, hơi thở chấm dứt, tinh thần không biết gì nữa, vất bỏ nơi đồng trống, vĩnh viễn xa lìa bà con, nên gọi là chết. Bồ-tát hỏi: Ta có tránh khỏi trạng huống đó không? Người hầu xe thưa: Làm sao tránh khỏi. Bồ-tát tự nghĩ: Chưa tránh khỏi già bệnh chết, nên càng tăng thêm sầu ưu, liền quay xe trở về. Trên đường thấy người cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, bưng bát, nhìn đất mà đi, Thái tử hỏi người đánh xe: Đó là người gì mà y phục khác với người đời? Thưa Thái tử, đó là người xuất gia. Lại hỏi: Thế nào gọi là người xuất gia? Thưa Ngài, người khéo tự điều phục, đủ các oai nghi, thường hành nhẫn nhục, thương xót

chúng sinh, nên gọi là xuất gia. Bồ-tát nghe rồi, ba lần thốt lên: Lành thay! Đây là sự sống an lạc duy nhất! Thái tử liền xuống xe đến gần cung kính hỏi: Tại sao hình thức y phục của Ngài không giống người đời? (Cách trả lời cũng giống như trên). Bồ-tát lại ba lần khen: Lành thay! Nếp sống này là an vui nhất. Bồ-tát lên xe về cung. Từ xa có một người nữ trông thấy Bồ-tát, trái tim cô ta bị rung động vì ái dục, liền nói kệ:

Mẹ vui vì có con
Cha con vui cũng thế
Người nữ được chồng này
Vui hơn vào Nê hoàn.

Bồ-tát nghe nói tiếng Nê hoàn, hoan hỷ vô cùng, tự nghĩ: Ta làm thế nào để sẽ chứng được Nê hoàn vô thượng này? Trở về cung, Bồ-tát miên man suy nghĩ đến các pháp sinh, lão, bệnh, tử chưa được xa lìa này… Nhà Vua hỏi người đánh xe: Nay Thái tử đi chơi có vui hay không? Người hầu xe thưa: Khi đi thì không vui, nhưng lúc về thì rất vui. Vua lại hỏi: Tại sao vậy? Thưa Ngài khi đi gặp một người chết nên không vui, lúc về thấy một Tỳ-kheo cho nên rất vui. Nhà Vua lại nghĩ: Tướng sư nói Thái tử sẽ xuất gia chắc là đúng. Nhà Vua tăng thêm năm dục cả ngày lẫn đêm để Thái tử vui chơi. Bồ-tát thưởng thức trò vui của các kỹ nữ, tạm thời ngủ được. Sau đó, đám kỹ nữ đều vùi mình trong giấc ngủ. Bồ-tát tỉnh dậy thấy các kỹ nữ cùng gối

nhau mà ngủ, hoặc lộ hình thể chẳng khác nào con người bằng cây gỗ, nước mũi, nước mắt, nước dãi từ trong miệng chảy ra, đàn cầm, đàn sắt, đàn tiêu… ngổn ngang dưới đất, lại thấy cung điện cũng như gò hoang. Chứng kiến cảnh tượng này, Bồ-tát phải Ba lần thốt lên lời than: Họa thay! Họa thay! Bồ-tát liền chạy đến cung điện của phụ vương ở, biến trạng của cung điện cũng lại như vậy. Bồ-tát lại cũng than: Họa thay! Họa thay! Chán ngán quá rồi! Phải xa lìa gấp! Lúc ấy, Bồ-tát ra lệnh cho tên hầu Xiển-đà: Ngươi hãy thắng con ngựa, đừng cho ai hay! Xiển-đà thưa: Ban đêm không phải là lúc đi, không nên du quán. Hơn nữa, đâu có oán địch bức bách nơi hoàng cung, không biết vì lý do gì mà ban đêm bảo thắng ngựa? Thái tử trả lời: Có đại oán địch, ngươi không biết đâu. Cái oán địch là già, bệnh, chết, oán địch đó mới là lớn. Ngươi phải thắng ngựa gấp, không nên trì hoãn. Con bạch mã được thắng xong, Xiển-đà đem ra trước sân rồi thưa: Ngựa đã thắng xong, đem đến đây rồi. Bồ-tát liền đến nơi con ngựa, muốn cỡi lên, con ngựa liền hý lên một tiếng với giọng buồn thảm. Thiên thần sợ có sự trở ngại, liền dùng cách làm loãng âm thanh của ngựa, khiến cho người không nghe. Bồ-tát cỡi ngựa hướng về phía Đông các, cửa Đông các liền mở, lại hướng về cửa thành, cửa thành cũng tự mở. Ra khỏi cửa thành rồi, Bồ-tát hướng về rừng A-nậu-da, cách thành không xa.

Bồ-tát xuống ngựa, cởi áo quý báu, trao cho Xiển-đà và nói: Ngươi đem con ngựa và chiếc áo này về hoàng cung, tâu lên: Hôm nay ta bái tạ cha mẹ để đi học đạo, không lâu lắm đâu, ta sẽ trở về, xin song thân đừng quá buồn rầu. Xiển-đà khóc lóc, quỳ gối thưa: Tướng sư trước kia có nói, Thái tử sẽ làn Chuyển luân Thánh vương có bảy thứ báu, một ngàn người con, làm Vua bốn cõi thiên hạ, dùng chánh pháp trị đời, không dùng binh trượng, tự nhiên thái bình, tại sao nay lại từ bỏ ngôi Vua, cởi áo quý báu, nhận sự khổ nơi rừng núi hoang vu?! Bồ-tát hỏi lại: Tướng sư lúc bấy giờ còn nói gì nữa không? Xiển-đà thưa, tướng sư còn nói: Nếu không vui sống với thiên hạ, xuất gia học đạo sẽ thành Chánh đẳng giác vô thượng. Bồ-tát nói: Ngươi nghe rõ như vậy tại sao nay lại buồn? Ngươi phải mau trở về tâu với song thân ta: Dù cho xương cốt mục nát mà ta không chấm dứt được nguồn gốc của sinh, lão, bệnh, tử thì ta không trở về. Lúc ấy Xiển-đà buồn khóc, đến trước kính lễ, đi nhiễu ba vòng, rồi dắt ngựa, đem y báu về cung.

Bồ-tát tiến về phía trước, thấy một người thợ săn mặc chiếc áo cà sa, liền đến chỗ ông ta, dùng chiếc áo giá đáng trăm ngàn lần đổi lấy chiếc áo kia rồi mặc đi. Bồ-tát hướng đến cây Tu-ma-na, bên gốc cây có người thợ cạo tóc, nhờ cạo đầu. Họ liền cạo tóc cho Bồ-tát. Trời Thích-đề-hoàn-nhân, trong chớp nhoáng, như co duỗi cánh tay, đến

trước Bồ-tát, lấy y, hứng tóc đem về Thiên cung. Cạo tóc rồi, Bồ-tát nghĩ: Nay ta đã làm người xuất gia tự nhiên đủ giới. Từ đó, Ngài tuần tự du hành đến thành Vương-xá. Vua Bình-sa lúc thiếu thời có năm lời nguyện:

Phụ vương băng hà ta sẽ nối ngôi.

Khi làm Vua gặp Phật ra đời.

Chính mình được thấy Phật, gần gũi cúng dường.

Phát tâm hoan hỷ đặng nghe chánh pháp.

Nghe pháp rồi liền được tin hiểu.

Bồ-tát vào thành khất thực, oai nghi rạng rỡ, nhìn đất mà đi. Khi ấy, chưa có bình bát, Ngài trì lá sen thay bát đi khắp mọi nẻo đường, bát lá sen còn cộng. Lúc đó, nhà Vua cùng quần thần ở trên vọng lầu, từ xa thấy Bồ-tát lấy làm kỳ lạ, quay lại nói với quần thần: Chưa từng nghe thấy ai như người này, chắc là thần thánh. Quần thần đều tâu: Trước đây có nghe, phía bắc Tuyết sơn, Vua thành Ca-duy-la-vệ tên là Tịnh Phạn, sinh người con tên là Bồ-tát. Thầy tướng xem tướng nói: Nếu ở nhà thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, làm chủ bốn cõi thiên hạ, bảy thứ báu tự đến, tức là luân báu, tượng báu, mã báu, châu báu, nữ báu, thần báu và chủ binh báu. Vua có một ngàn người con dũng kiện, sức mạnh phi thường, dùng pháp chế ngự đời, binh trượng không dùng đến mà tự nhiên thái bình.

Nếu không vui sống với thế gian, xuất gia học đạo, chứng thành Phật đạo, độ sinh tử cho người. Nghe Thái tử đã xuất gia chắc là người này. Vua nghe nói như thế, bèn rất vui mừng, nói: Năm lời nguyền của ta trước đây, một lời đã thực hiện, còn bốn lời nữa, chắc nay sẽ toại nguyện. Nhà Vua liền sắc hai người tới xem Bồ-tát trú nghỉ tại đâu để nhà Vua đến. Nhận lệnh, hai người theo sát đến tận nơi, thấy Bồ-tát khất thực xong trở về núi Ba-la-nại, ngồi kiết già hướng về nước Ba-tuần. Một người luôn theo để quan sát, một người về tâu với Vua. Nhà Vua liền trang nghiêm xa giá thẳng đến nơi. Bồ-tát hốt nhiên đình chỉ kiết già xuống núi, nhà Vua đang leo lên núi, đến chỗ Bồ-tát. Bồ-tát nói: Lại đây, lành thay Đại vương! Vua sẽ nhận được điều an lành. Nhà Vua liền cúi đầu kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, bạch Bồ-tát: Ngài sinh từ nước nào, xuất gia từ họ nào? Bồ-tát trả lời: Sinh từ phía bắc Tuyết sơn, nước Xá-di, thành Ca-duy-la-vệ, cha tên là Tịnh Phạn, họ là Cù-đàm. Nhà Vua muốn thử Bồ-tát cho nên nói: Tộc tánh của Tỳ-kheo tôn quý, ngôi Vua lớn ở đời, Thánh đức tự nhiên, bao trùm bốn biển, bốn biển không một ai không trông chờ. Nếu Ngài nhiếp chánh thì tôi cũng hướng về phương Bắc mà phụng thờ. Bồ-tát trả lời: Địa vị nào bằng địa vị Chuyển luân Thánh vương mà tôi đã bỏ huống là bốn biển. Sở dĩ tôi xuất gia cầu đạo là muốn vượt khỏi tất cả cái khổ

lớn của sinh tử. Sao không thỉnh tôi thành đạo rồi độ Đại vương trước mà lại bo bo cho việc đó là trọng yếu?! Nhà Vua nói: Hay thay! Lời nói đó rất là vừa ý! Xin Ngài thành đạo rồi độ tôi và người trong nước này trước. Bồ-tát chấp thuận. Nhà Vua rất hoan hỷ kính lễ sát chân rồi cáo lui. Sau khi nhà Vua đi, Bồ-tát bèn hướng về cây Bồ-đề. Cách cây Bồ-đề không xa có một người cắt cỏ, tên là Kiết-an, Ngài tới xin một ít cỏ, đem đến trải bên một gốc cây rồi ngồi kiết già, thẳng người, chánh ý, chánh niệm trước mắt, liền trừ được năm cái, lìa dục, lìa pháp ác bất thiện… Cuối cùng đắc đệ tứ thiền và an trú trong đó, thông hạnh ba mươi bảy đạo phẩm. Do tâm tịnh này mà ba minh rạng chiếu, tức là Túc mạng minh, Tha tâm minh và Lậu tận minh, như trong kinh Thụy Ứng Bổn Khởi đã nói. Khi ấy, Ngài đứng dậy đến nơi làng Uất-tỳ-la, ngồi dưới rừng cây, khởi đầu cho việc đắc thành Phật đạo. Đầu đêm, Ngài quán mười hai nhân duyên nghịch và thuận. Do duyên cái này nên cái này hiện hữu, duyên diệt thì cái này diệt theo. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt,

xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi, khổ não đều diệt. Thấy rõ nghĩa duyên khởi này rồi, Ngài bèn nói kệ:

Các pháp đều duyên sinh
Phạm chí bắt đầu thiền
Đã rõ pháp duyên sinh
Các nghi, có thể trừ.
Các pháp đều duyên sinh
Phạm chí bắt đầu thiền
Đã rõ pháp duyên sinh
Các khổ, có thể trừ.
Các pháp đều duyên sinh
Phạm chí bắt đầu thiền
Ma tối tăm phá được
Như mặt trời trên không.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn mắc bệnh cảm gió, thần núi Ma-tu-la liền lấy trái Ha-lê-lặc dâng Phật, thưa: Cúi xin Phật dùng trái cây này để trừ bệnh cảm gió. Đức Phật thọ nhận và dùng, bệnh cảm gió liền hết, ngồi kiết già bảy ngày thọ sự an vui giải thoát. Sau bảy ngày, từ Tam-muội đứng dậy du hành trong nhân gian. Khi ấy có năm trăm khách buôn chở hàng trên năm trăm cỗ xe, trong đó có hai đại nhân, một tên là Ly Vị, người thứ hai tên là Ba-lợi. Xưa kia hai người có một thiện trí thức qua đời, xin làm thiện thần, thường đi theo họ, nghĩ: Nay Đức Phật mới thành đạo cao cả, chưa có người dâng cúng

thức ăn, ta nên khiến hai ông bạn cúng dường Đức Phật để được an lành nhiều kiếp. Vị thiện thần liền dùng thần lực làm cho đoàn xe đều bị trở ngại, mọi người sợ sệt, khấn vái bốn phương. Vị thiện thần từ không trung nói: Các người đừng sợ! Các người đừng sợ. Nay Đức Phật Thế Tôn vừa mới thành đạo cả, ngồi yên lặng bảy ngày, từ thiền định đứng dậy du hành và hiện ngồi nơi gốc cây kia, chưa có người dâng cúng, hai ông bạn nên đem lương khô, mật, dâng cúng để được an lạc nhiều đời. Mọi người đều hoan hỷ, trộn mật với lương khô đem đến để cúng. Từ xa, thấy Đức Thế Tôn ngồi dưới tàng cây, dung mãi đĩnh đạc, các căn tịch định, có ba mươi hai tướng của đại nhân, ánh sánh tỏa vòng quanh một tầm, giống như núi vàng. Họ đến trước mặt, kính lễ sát chân Phật rồi dâng cúng lương khô trộn với mật. Đức Thế Tôn khởi ý nghĩ: Các Đức Phật quá khứ đều dùng bình bát để thọ, các Đức Phật đương lai cũng lại như vậy. Nay Ta cũng nên dùng bát để thọ nhận thức ăn cúng dường. Tứ Thiên vương biết ý Phật, mỗi người tự lấy một cái bát bằng đá sạch có mùi thơm tự nhiên đem đến dâng Đức Thế Tôn, bạch: Cúi xin Ngài nhận lấy đồ đựng này của chúng con để thọ vật dâng cúng của người lái buôn. Đức Phật lại suy nghĩ: Nếu lấy một cái bát của một Thiên vương thì mấy vị kia không bằng lòng. Ngài bèn lấy cả bốn cái để vào trong bàn tay bên trái, dùng tay bên phải ép lại thành một

cái, nhận lấy vật dâng cúng. Thọ rồi Ngài nói: Các người nên quy y Phật, quy y Pháp. Họ liền thọ hai tự quy. Trong loài người, hai nhà buôn là người thọ hai tự quy đầu tiên. Ngài nói pháp tùy hỷ, chú nguyện bằng kệ:

Hai chân, ngươi an ổn
Bốn chân cũng an ổn
Đi cũng được an ổn
Về cũng được an ổn.
Như người cày cầu mong
Gieo giống với hy vọng
Ngươi đi biển hy vọng
Thu hoạch như người cày.

Đức Thế Tôn nói kệ này rồi lại vì khách buôn nói các pháp diệu, chỉ vẽ lợi ích để họ vui mừng. Sau đó, Ngài đến ngồi dưới một tàng cây thọ thực thức ăn đã thọ nhận. Dùng lương khô trộn mật xong, Ngài lại ngồi kiết già nhập định bảy ngày thọ sự vui trong giải thoát. Sau bảy ngày, đến chỗ trú ngụ của rồng Văn Lân, ngồi dưới tàng cây. Con rồng ra khỏi nước dùng thức ăn không phải của loài người dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật nhận và thọ thực rồi lại ngồi nhập định bảy ngày, thọ sự vui giải thoát. Khi ấy bầu trời dày đặc mây đen, mưa suốt bảy ngày, khiến người hoảng sợ. Con rồng khởi ý niệm: Nay, trời mưa đáng sợ, ta nên biến hóa làm thành thân lớn vây quanh Đức Phật bảy vòng, lấy đầu che trên Đức Phật để khỏi mưa gió

mòng muỗi quấy rầy Ngài. Nghĩ xong, rồng liền thực hiện. Bảy ngày qua rồi, Đức Thế Tôn từ Tam-muội đứng dậy. Rồng thấy tạnh mưa, vòm trời trong sáng, xả bỏ thân hình lớn kia, biến làm thiếu niên, cúi đầu bạch Phật: Con hóa thân lớn, vây quanh bảy vòng, đầu che trên Đức Phật, muốn cho gió mưa mòng muỗi đừng xúc não đến Như Lai. Vì lý do đó Đức Phật nói kệ:

Xa lìa, vui chốn tĩnh
Nghe pháp, thấy pháp, vui
Không não hại đời, vui
Thương chúng sinh nên, vui.
Lìa dục thế gian, vui
Vượt hết ân ái, vui
Người dẹp được ngã mạn
Đó là vui tối thượng.

Đức Phật nói kệ rồi, đứng dậy đến Uất-tỳ-la, thôn Tư-na, vào thôn khất thực, sau đó đến nhà của Bà-la-môn Tư-na, đứng im lặng bên ngoài cửa, người nữ ấy tên là Tu-xà-đà, thấy oai tướng thần diệu của Đức Phật, liền đến trước mặt, lấy bình bát của Đức Phật đựng đầy thức ăn ngon bổ, dâng cúng Đức Thế Tôn. Đức Phật thọ thực rồi nói: Người có thể quy y Phật, quy y Pháp. Tu-xà-đà liền thọ hai quy y. Trong số người nữ, Tu-xà-đà là người đầu tiên thọ hai tự quy, làm người Ưu-bà-di. Đức Phật thọ thực rồi, trở lại dưới tàng cây Bồ-đề, ngồi kiết già, nhập định bảy ngày, thọ cái vui giải thoát. Sau

bảy ngày, từ Tam-muội đứng dậy, mặc y bưng bát trở lại nhà ấy. Tư-na dâng thức ăn rồi thọ hai quy y (như trên đã nói). Sau đó, Đức Phật lại đến nhà ấy, người đàn bà thấy Đức Phật, dâng thức ăn, rồi thọ hai quy y như trước. Sau đó, Đức Phật đến lần nữa, bốn chị em của nhà kia thấy Phật, dâng thức ăn, thọ hai quy y (cũng như trước). Đức Phật thọ thực xong, lại trở về dưới tàng cây Bồ-đề, ngồi nhập định bảy ngày. Khi xuất định, Ngài hướng đến A-dự-ba-la, cây Ni-câu-loại, giữa đường thấy một người nữ đang khuấy lạc để làm tô, bèn đến khất thực, người nữ kia lấy bát đựng đầy lạc cúng Phật, rồi thọ hai quy y như trước. Đức Phật thọ thực rồi đến gốc cây phía trước ngồi nhập định Tam-muội bảy ngày. Qua bảy ngày rồi, xuất định, khởi ý niệm: Pháp Ta chứng được rất là vi diệu, khó rõ, khó thấy, tịch mịch vô vi, người trí mới biết chỗ vi diệu ấy, chẳng phải kẻ ngu hiểu được. Chúng sinh lại ưa ở trong nhà tối tăm ba cõi, kết dệt thành nghiệp chướng làm sao có thể ngộ đạo mười hai nhân duyên sâu xa vi diệu khó thấy này. Hơn nữa, phải dứt tất cả hành, cắt dứt ngay sự lưu chuyển của nó, tận diệt ân ái thì rõ cội nguồn Nê hoàn vô dư. Quả thật là điều rất khó. Nếu Ta đem nói ra thì tự chuốc lấy cái vất vả, cái nhọc nhằn, cuối cùng tự lấy cái khổ vô ích! Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lý do vì sao không thể giảng nói bằng kệ:

Đạo Ta thành rất khó
Nếu nói cho nhà tối
Nghịch dòng xoáy sinh tử
Pháp mầu rất khó hiểu.
Bị nhiễm dục phủ che
Ngu ám không thấy được
Người tham sân ngu si
Không thể hiểu pháp này.

Do vậy, Đức Thế Tôn im lặng không nói pháp. Lúc ấy, trời Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên, từ xa biết được ý của Đức Phật, khởi niệm: Nay Đức Phật chánh giác xuất hiện ở đời, mà không vì chúng sinh nói pháp tự thân đã chứng ngộ thì thế gian mãi ở trong tăm tối, sau khi chết phải đọa vào ba đường dữ. Nghĩ như vậy rồi, như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong chớp nhoáng biến dạng nơi cõi Phạm thiên, xuất hiện trước Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật: Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót chúng sinh, vì họ giảng nói pháp. Vẫn có chúng sinh đủ khả năng lãnh thọ lời Phật dạy. Nếu họ không được nghe pháp sẽ bị thối đọa. Ba lần thưa thỉnh như vậy, trời Phạm thiên lại dùng nghĩa này nói kệ thỉnh Phật:

Trước đây Ma-kiệt này
Thường nói pháp tạp uế
Nguyện mở cửa cam lồ
Diễn nói nghĩa thuần tịnh.

Chính tôi ở Phạm cung
Đều thấy Phật xưa nói
Cúi xin Đấng mắt Tuệ
Cũng mở Pháp đường dạy.
Cúng sinh đầy ưu não
Không lìa sinh lão tử
Vì nhiều người ưa thiện
Xin nói pháp chiến thắng.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, rồi dùng Phật nhãn xem khắp thế gian, thấy chúng sinh căn có lợi, độn, có người sợ đời sau đọa trong ba đường dữ, có người có khả năng thọ pháp như biển cả, có người như gốc hoa sen ở trong bùn, nhưng hoa ra khỏi nước hay chưa ra khỏi nước đều không bị nhiễm bùn. Đức Phật nói kệ:

Trước ngại việc vô ích
Không nói nghĩa thâm diệu.
Lối cam lồ sẽ mở
Tất cả đều nên nghe.

Bấy giờ, trời Phạm thiên nghe bài kệ rồi vui mừng vô hạn, đến trước Phật kính lễ sát chân, đi quanh bên phải ba vòng, bỗng nhiên biến mất trở về Thiên cung. Đức Phật khởi ý niệm: Lối cam lồ sẽ mở, ai là người được nghe trước? Uất-đầu-lam-phất thông minh dễ lãnh hội. Người này nên được nghe trước. Đã xác định được đối tượng nên Đức Phật lên đường. Ngay lúc ấy, trên không trung chư Thiên thưa: Uất-đầu-lam-phất qua đời trước đây

bảy ngày. Đức Phật nói: Khổ thay cho ông ta đã mất hẳn cơ hội. Tại sao không được nghe tiếng pháp cam lồ?! Đức Phật lại nghĩ: Lối cam lồ sẽ mở, tiếp theo ai là người được nghe? A-lan-ca-lan thông minh dễ lãnh hội, đây là người kế tiếp nên được nghe. Đức Phật vừa muốn đi, chư Thiên lại nói: A-lan-ca-lan vừa mới qua đời đêm rồi. Đức Phật nói: Khổ thật! Trong pháp cam lồ mà không được nghe, sinh tử luân hồi do đâu được chấm dứt?! Đức Phật lại suy nghĩ: Lối cam lồ sẽ mở, ai là người tiếp theo sẽ được nghe trước? Xưa kia phụ vương sai năm người theo hầu Ta khổ cực, công đức ấy Ta nên đền trả. Năm người đó hiện nay đang ở nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc Uyển Tiên nhân. Đức Phật nghĩ như vậy rồi liền đi. Trên lộ trình, Ngài gặp Phạm chí tên là Ưu-bà-kỳ-bà. Từ xa trông thấy Đức Thế Tôn dung mạo đĩnh đạc, các căn tịch định, ánh sánh tỏa ra một tầm, giống như núi vàng, Phạm chí bèn hỏi: Ngài thờ thầy nào? Ngài hành theo pháp nào mà được tôn quý như thế? Khi ấy Đức Thế Tôn dùng kệ trả lời:

Nhất thiết trí là hơn hết
Không lụy, không bị nhiễm
Không thầy, Ta tự tu
Tự nhiên thông Thánh đạo.
Chỉ một và duy nhất
Khiến đời được an ổn
Sẽ ở Ba-la-nại

Đánh trống pháp cam lồ.

Phạm chí lại hỏi: Ngài tự nói là tối thắng, xin được nghe nghĩa ấy.

Đức Phật lại dùng kệ trả lời:

Đã trừ hết ràng buộc
Diệt lậu hoặc ba cõi
Phá tan các pháp ác
Thế nên Ta tối thắng.

Phạm chí không chấp nhận, giũ áo bỏ đi. Vị thiên thần bạn đời trước của Phạm chí từ trên không liền nói kệ:

Phật vừa mới ra đời
Bậc tôn kính thế gian
Tại sao bạn được gặp
Lại bỏ mà ra đi?!

Vị Phạm chí tuy nghe bài kệ vẫn bỏ đi không ngó lại. Lúc ấy, Đức Thế Tôn hướng đến Ba-la-nại, nơi chỗ ở của năm người. Năm người từ xa thấy Đức Phật đến, cùng dặn nhau: Sa-môn Cù-đàm trước kia ăn một ngày một hạt mè, một hạt thóc còn không đắc đạo, nên nhiều ham muốn cách đạo càng xa, chúng ta chỉ đặt một chiếc ghế nhỏ và đừng nên đứng dậy nghinh đón, lễ bái hỏi chào. Nhưng khi Đức Thế Tôn tới, năm người đã tự động đứng dậy kính lễ, rước y bát trải chỗ ngồi tốt, lấy nước rửa chân, song vẫn còn coi thường Như Lai nên chỉ gọi tánh danh… của Ngài để mời ngồi. Đức

Phật bảo năm người: Các ngươi là kẻ ngu si, dặn nhau thế nào mà tự hủy bỏ. Các ngươi chớ nên đối với Phật mà khinh, gọi bằng tánh danh, để rồi phải thọ khổ báo nhiều kiếp. Ta nay đã thành Chánh giác vô thượng, nên phải cùng nhau nhất tâm lãnh thọ lời dạy. Nếu các ngươi tùy thuận không chống trái thì không bao lâu sẽ được xuất gia trong tộc tánh, tịnh tu phạm hạnh, hiện chứng đạo quả, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, hiểu rõ năm ấm, an hưởng Nê hoàn. Năm người lại nói: Trước đây ông tu khổ hạnh, làm những việc làm khó như vậy mà còn không đắc pháp vượt hơn người, đầy đủ lợi ích của bậc Thánh, huống chi nay bỏ khổ hạnh sống phóng túng nhiều ham muốn, thì pháp vượt hơn người làm sao có được? Đức Phật lại bảo: Các ngươi đừng khinh Đức Như Lai bậc Chánh giác vô thượng. Phật không mất đạo cũng không đa dục. Năm người nghe rồi mới bỏ ý nghĩ cũ. Đức Phật lại bảo: Đời có hai cực đoan không nên thân cận, một là tham đắm ái dục, nói dục là không có tội lỗi, hai là tà kiến khổ hạnh, không hề có dấu vết của đạo. Xả bỏ hai cực đoan đó thì được Trung đạo, phát sinh mắt trí sáng suốt giác ngộ hướng đến Niết-bàn. Thế nào gọi là Trung đạo? Trung đạo là tám con đường chính: Chánh kiến, Chánh tư, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh phương tiện, Chánh niệm và Chánh định. Như vậy gọi là Trung đạo.

Lại có bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế và Khổ diệt đạo Thánh đế. Khổ Thánh đế là thế nào? Nghĩa là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ưu bi não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ái biệt ly khổ, mong cầu mà bị mất khổ. Nói một cách gọn: Năm ấm xí thạnh là khổ. Như vậy là khổ Thánh đế. Khổ tập Thánh đế là thế nào? Nghĩa là hữu ái và phiền não câu sinh, ưa thích đắm vướng khắp nơi. Như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế. Khổ diệt Thánh đế là thế nào? Nghĩa là trạng thái vắng lặng sau khi đoạn hết ái. Như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế. Khổ diệt đạo Thánh đế là thế nào? Nghĩa là tám con đường chánh. Như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là pháp trước đây Ta chưa từng nghe. Nhãn sinh, trí sinh, minh sinh, giác sinh, thông sinh, tuệ sinh, pháp như vậy nên biết. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sinh cho đến tuệ sinh, pháp như vậy Ta đã biết. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sinh cho đến tuệ sinh là Khổ Thánh đế. Khổ Thánh đế như vậy nên biết, Khổ Thánh đế như vậy Ta đã biết. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sinh cho đến tuệ sinh là Khổ tập Thánh đế. Khổ tập Thánh đế như vậy nên đoạn, Khổ tập Thánh đế như vậy

Ta đã đoạn. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sinh cho đến tuệ sinh là Khổ diệt Thánh đế. Khổ diệt Thánh đế như vậy nên chứng, Khổ diệt Thánh đế như vậy ta đã chứng. Trước đây Ta chưa từng

nghe nhãn sinh cho đến tuệ sinh là Khổ diệt đạo Thánh đế. Khổ diệt đạo Thánh đế như vậy nên tu, Khổ diệt đạo Thánh đế như vậy Ta đã tu. Trước đây Ta chưa từng nghe nhãn sinh cho đến tuệ sinh, Ta đã biết như thật, đó là Ba lần chuyển thành mười hai hành pháp luân đặng thành Chánh giác vô thượng. Khi Phật giảng nói pháp này, quả đất rung chuyển sáu cách. Kiều-trần-như xa trần lìa cấu, ở trong các pháp đạt được mắt pháp trong sạch. Đức Phật hỏi ông Kiều-trần-như: Ông hiểu chưa? Ông hiểu chưa? Ông Kiều-trần-như trả lời: Bạch Đức Thế Tôn! Tôi đã hiểu. Vị địa thần nghe rồi báo lên thần Hư không, thần Hư không báo lên Tứ Thiên vương, Tứ Thiên vương báo lên Đao-lợi thiên, như vậy lần lượt báo đến trời Phạm thiên: Nay Đức Phật ở nơi Ba-la-nại chuyển bánh xe pháp vô thượng, trước đây chưa từng được chuyển. Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm, tất cả thế gian chưa hề ai chuyển. Chư Thiên hoan hỷ mưa xuống bằng các loại hoa, đều có ánh sáng như các ngôi sao rơi xuống đất. Trong hư không nhạc trời trỗi lên.

Lúc ấy, Kiều-trần-như từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, bạch:

Bạch Đức Thế Tôn! Xin cho con xuất gia thọ giới Cụ túc. Đức Phật nói:

Lành thay Tỳ-kheo, lại đây thọ giới Cụ túc, ở trong pháp luật khéo nói của Ta có thể dứt hết tất

cả khổ, tịnh tu phạm hạnh.

Kiều-trần-như râu tóc tự rơi xuống, cà sa mặc vào thân, bình bát bưng nơi tay. Như vậy là Kiều-trần-như đã được xuất gia thọ giới Cụ túc. Từ đây về sau gọi là A-nhã-kiều-trần-như.

Đức Phật lại vì bốn người kia nói pháp giáo giới. Bạt-đề, Bà-phả hai người đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả. Thấy pháp đắc quả rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, bạch:

Bạch Đức Thế Tôn! Nguyện cho con được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Đức Phật nói:

Lành thay Tỳ-kheo! Cho đến câu: Bình bát bưng nơi tay (như trên đã nói).

Đức Phật lại vì hai người nữa nói pháp giáo hóa, Át-bệ, Ma-ha-nạp đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả. Thấy pháp đắc quả rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ sát chân Phật, bạch:

Bạch Đức Thế Tôn! Cho chúng con được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Phật nói:

Lành thay Tỳ-kheo! Cho đến câu: Bình bát bưng nơi tay (như trên đã nói).

Đức Phật bảo năm Tỳ-kheo:

Các ông một lòng cầu chánh đoạn phiền não, trước đây Ta cũng một lòng cầu chánh đoạn phiền

não nên được thành Chánh giác vô thượng. Các ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay là vô thường?

Thưa Ngài:

Sắc là vô thường. Lại hỏi:

Nếu là vô thường thì khổ hay vui? Thưa:

Là khổ. Lại hỏi:

Nếu là khổ thì ngã hay phi ngã? Thưa:

Là phi ngã.

Thọ, tưởng, hành, thức cũng hỏi như vậy, đáp cũng như trên. Do đó, này các Tỳ-kheo! Sắc dù trong, dù ngoài, dù quá khứ, vị lai, hiện tại đều nên thấy đúng như thật là phi ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Là Thánh đệ tử nên quán như vậy, nhàm chán, xa lìa không nhiễm đắm thì được giải thoát, được trí giải thoát, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm. Khi giảng nói pháp như vậy, năm Tỳ-kheo đều dứt hết lậu hoặc, đắc A-la-hán. Bấy giờ trong thế gian có sáu vị A-la-hán.

Lại có con ông Trưởng giả tên là Da-xá, bản tánh hiền thiện, nhàm chán muốn xa lìa thế gian, ưa thích nghe pháp. Đức Thế Tôn khởi ý niệm: Da-xá, con ông Trưởng giả kia sẽ dùng lòng tin xuất gia. Đức Thế Tôn bèn đến bên dòng sông Bà-la, trải cỏ nghỉ lại đêm. Khi ấy, con ông Trưởng giả thọ hưởng năm dục rồi, tạm thời ngủ, tất cả kỹ nữ cũng đều nằm ngủ. Trong giây lát con ông Trưởng giả thức dậy thấy quang cảnh nơi nhà mình như bãi

tha ma, xem các kỹ nữ như người gỗ. Họ gối lên nhau mà ngủ, nước mũi, nước dãi từ trong miệng chảy ra. Đàn cầm, đàn sắt, ống tiếu, ống sáo, đồ đạc ngổn ngang, rất là đáng sợ, sinh lòng nhàm chán muốn xa lìa, bèn chạy đến chỗ cha ở, cũng thấy như vậy, càng sinh nhàm chán muốn xa lìa, liền hướng đến cửa hông, cửa tự nhiên mở, hướng đến cửa cái và cửa của đại thành cũng đều tự nhiên mở. Ông đi quanh đến bên dòng sông Bà La, cao giọng kêu lớn: Tôi đang sầu khổ, không có chỗ nương nhờ!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng vẫy gọi: Này đồng tử, đến đây! Đây là chỗ yên lặng không có sầu khổ! Da-xá nghe tiếng nói của Phật, tất cả sầu khổ bỗng nhiên tiêu mất, bèn cởi đôi giày lưu ly đang mang để nơi bờ sông, lội qua, đến chỗ Đức Phật. Từ xa, thấy Đức Thế Tôn sắc diện đặc biệt, như núi vàng ròng, Da-xá sinh tâm hoan hỷ, đến nơi, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Da-xá giảng nói các pháp vi diệu, chỉ vẽ sự lợi ích khiến cho vui mừng. Kế đó, Phật nói Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo. Da-xá liền từ chỗ ngồi xa trần lìa cấu, đạt mắt pháp trong sạch.

Sau đấy, đám kỹ nữ thức dậy, cùng nhau tìm kiếm Da-xá, không biết ở đâu, đến báo với cha mẹ của Da-xá. Cha mẹ ông bủa ra tìm kiếm khắp nơi, và rao truyền cho mọi người: Ai biết con tôi ở đâu, tôi sẽ dùng chiếc áo quý giá đang mặc trong mình

biếu cho. Trong đêm, cha của Da xá đến nơi cửa thành đợi cửa thành mở mới ra được, thấy dấu giầy bèn truy tầm theo. Khi tới bên bờ sông thấy đôi giầy lưu ly để nơi bờ, vừa mừng, vừa lo, liền bỏ đôi giầy, lội qua sông. Đức Phật từ xa trông thấy, sợ trở ngại tâm thiện của người con, nên phương tiện hóa vật cách che khiến con thấy cha mà cha không thấy con. Người cha hỏi Đức Phật: Sa-môn có thấy con của tôi hay không? Đức Phật nói: Nên ngồi nghỉ đã, nếu có nơi đây thì lo gì không thấy. Nghe câu nói ấy, người cha nghĩ: Chắc Sa-môn không nói dối. Người cha liền đến kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì người cha giảng nói các phép mầu chỉ vẻ sự lợi ích, khiến vui mừng. Các pháp Đức Phật đã giảng nói đó là luận về bố thì, luận về trì giới, luận về sinh thiên, và nói năm dục là tội lỗi, xuất xinh các lậu hoặc, tại gia là nhiễm ô, xuất gia là không vướng mắc. Đức Phật nói các pháp trợ đạo Bồ-đề rồi, giảng nói các pháp mà chư Phật thường nói là khổ, tập, tận, đạo. Ông ta liền từ chỗ ngồi xa trần lìa cấu, đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả. Thấy pháp đắc quả rồi, thọ ba tự quy, kế tiếp thọ năm giới. Trong chúng Ưu-bà-tắc, cha con ông Da-xá là người đầu tiên thọ ba quy, năm giới.

Da-xá nghe Đức Phật vì cha mình giảng nói pháp bốn chân đế, lậu hoặc hết, tâm ý thông giải. Sau đó, Đức Phật khiến cho cha con hai bên thấy

nhau. Người cha nói với con: Con nên về lại nhà, mẹ của con mất con, ưu sầu muốn chết!

Đức Phật nói với người cha:

Nếu người nào đã giải thoát khỏi lậu hoặc thì có thể trở về để thọ

dục hay không?

Người cha trả lời:

Không thể. Đức Phật dạy:

Khi tôi vì ông giảng nói pháp, Da-xá quán các pháp lậu hoặc hết, tâm được giải thoát.

Người cha bạch Phật:

Đức Phật vì tôi nói pháp, khiến cho Da-xá thu được thiện lợi. Khi ấy, Da-xá từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Cho con xuất gia thọ giới Cụ túc. Đức Phật dạy:

Lành thay, đến đây Tỳ-kheo! Cho đến câu: Bình bát bưng nơi tay (như trên).

Bấy giờ trong thế gian có bảy vị A-la-hán.

Khi ấy, cha ông Da-xá từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, bạch Phật:

Cúi xin Đức Thế Tôn cùng Da-xá nhận bữa cúng dường vào ngày mai tại nhà con.

Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Ông ta đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu ba vòng rồi cáo lui. Sau khi trở lại nhà, ông cho sửa soạn đầy đủ thức ăn thức uống mỹ vị. Đến giờ, Đức Phật cùng ông Da-xá

đắp y bưng bát đến nhà, an tọa nơi tòa. Vợ chồng Trưởng giả tự tay sớt thức ăn, ăn rồi Phật dùng nước uống và nước rửa rất chu đáo. Bà lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Phật.

Đức Phật nói:

-Này cô! Cô nên quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng.

Vợ chồng ông Trưởng giả liền thọ ba quy y và kế đó thọ năm giới. Như vậy, vợ ông Trưởng giả, mẹ của Da-xá là người đàn bà đầu tiên thọ ba quy y và năm giới.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì mẹ ông Da-xá và cả nhà lớn nhỏ, giảng nói các pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích, khiến họ vui mừng. Tất cả đều xa trần lìa cấu, đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả. Thấy pháp đắc quả rồi, đều thọ ba quy y và năm giới.

Da-xá có bốn người bạn, một tên là Mãn-túc, hai tên là Thiện-bác, ba tên là Ly-cấu, bốn tên là Ngưu-chủ, nghe Da-xá xuất gia tu phạm hạnh chỗ của Sa-môn Cù-đàm, đều cùng bàn nói: Đạo này chắc là hơn hết nên khiến cho kẻ hào tộc không đoái hoài đến địa vị vinh hoa

của đời. Chúng ta có thể cùng đến chỗ Đại Sa-môn để tu phạm hạnh. Bốn người bèn đến chỗ Da-xá, với tâm hồn mộ đạo, hỏi:

Nơi bạn tu phạm hạnh, có khả năng đầy đủ cho

sự tối thắng hay không?

Da-xá đáp:

Đạo này là vô lượng tối thắng.

Da-xá bèn dẫn bốn người đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật vì họ giảng nói các pháp nhiệm mầu, chỉ vẽ sự lợi ích, khiến được vui vẻ.

Cả bốn người từ nơi chỗ ngồi, đều xa trần lìa cấu, đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả rồi, đảnh lễ sát chân Phật, bạch:

Cúi xin Đức Thế Tôn cho chúng con xuất gia thọ Giới Cụ túc. Đức Phật nói:

Lành thay, đến đây các Tỳ-kheo! Cho đến câu: Bình bát bưng nơi tay (như trên).

Thọ giới chưa bao lâu, siêng tu không biếng nhác, họ đắc quả A-la-hán. Lúc ấy trong thế gian có mười một vị A-la-hán.

Ông Da-xá trước kia giao du lại có năm mươi người quen, nghe ông ta xuất gia tu phạm hạnh với Sa-môn Cù-đàm, cùng nhau bàn tính rồi đi xuất gia… cho đến câu đắc quả A-la-hán (như trên). Bấy giờ trên thế gian có sáu mươi mốt vị A-la-hán.

Ông thầy tướng A-di biết Bồ-tát thành Phật, sẽ chuyển bánh xe pháp trong vườn Lộc Uyển nơi ở của Tiên nhân, nước Ba-la-nại. Ông ta lại nghĩ: Sau khi ta qua đời, trong các đệ tử của ta, Ma-nạp Na-la sẽ kế thừa ta, các vật phẩm cúng dường ta sẽ

thuộc về hắn. Chắc hắn tham đắm không lưu ý mà nhớ đến việc Đức Phật ra đời. Nay ta nên đến bên vườn Lộc Uyển cất nhà ở, giáo dục hắn mỗi ngày Ba lần nhớ đến việc Đức Phật sẽ ra đời và dặn: Nếu khi Phật xuất thế con nên đến tu phạm hạnh nơi Ngài. Nghĩ xong liền thực hiện và giáo dục đệ tử như ý niệm. Không bao lâu A-di qua đời, quả thực Na-la nhận được vật cúng dường, tâm tham đắm sâu đậm, không hề nghĩ đến việc Đức Phật sẽ ra đời.

Khi ấy, Long vương Y-la-bát có những suy nghĩ: Xưa kia Đức Phật Ca-diếp có huyền ký với Ta: "Đời đương lai sau trăm ngàn vạn ức năm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở đời, Ngài sẽ huyền ký cho ngươi về thời gian thoát khỏi thân rồng". Nay chính là lúc ta nên đến để gặp Đức Phật. Rồng kia vì cần gặp Phật nên trong sáu ngày chay, thường ở trong sông Hằng dùng bát bằng vàng đựng đầy thóc bằng bạc, dùng bát bằng bạc đựng đầy thóc bằng vàng, lại trang sức lộng lẫy cho hai người

con gái mà nói kệ:

Vua nào trên các Vua?
Bậc nào nhiễm cùng không?
Làm sao được vô cấu?
Người nào gọi là ngu?
Người nào bị dòng cuốn?
Được gì gọi là trí?

Làm sao dòng không cuốn?
Để gọi là giải thoát?

Long vương nói bài kệ này rồi nghĩ: Nếu ai có thể giải được bài kệ này thì tức là Phật, nếu ai nghe từ Đức Phật thì họ sẽ chỉ cho ta ở chỗ Phật ở. Nay ta không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm tất cả trong thế gian giải được bài kệ này. Nghĩ như vậy rồi liền rao truyền: Nếu ai có thể giải được bài kệ ấy tôi sẽ biếu cho bát bằng vàng, bạc đựng lúa bằng bạc, vàng và hai người con gái này. Lúc ấy, có quá nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ tranh nhau muốn vì Long vương giải bài kệ này. Long vương nói kệ không ai giải được. Bấy giờ Ma-nạp Na-la là người được nước Ma-kiệt tôn kính. Mọi người nói: Ma-nạp này có tri kiến lớn, chắc có thể giải được, bèn cùng đến yêu cầu. Ma-nạp suy nghĩ: Ta được cả nước tôn kính, nếu nói không giải được thì bị mọi người bỏ rơi. Tuy ta chưa giải được nhưng tạo phương tiện để bảo tồn danh dự, nên trả lời: Mọi người cùng tôi đến chỗ Long vương, tôi sẽ giải cho. Thế là mọi người cung kính vây quanh Ma-nạp cùng đến chỗ Long vương nói: Long vương nói kệ, tôi sẽ giải đáp cho. Long vương liền nói kệ. Ma-nạp nói: Bài kệ này rất dễ hiểu, sau bảy ngày tôi sẽ giải đáp. Ma-nạp bèn đọc thuộc bài kệ, rồi trước hết đem đến hỏi Sa-môn, Bà-la-môn, Lục sư Bất-la Ca-diếp v.v… Tất cả đều không ai giải được, họ đều cáu gắt mắng

là dối trá, quỷ quyệt, hoặc nói là vô nghĩa, muốn dùng thủ đoạn dấu bớt chữ để không giải được. Ma-nạp lại nghĩ: Xưa kia thầy ta bảo ta: Phật sẽ xuất thế nên đến đó để tu phạm hạnh. Nay Sa-môn Cù-đàm ở nơi vườn Nai chắc có thể giải được, ta nên đến hỏi. Nhưng, Ma-nạp lại nghĩ: Lục sư là hạng thâm niên, bác học còn chưa giải được huống là Sa-môn Cù-đàm tuổi nhỏ, mới xuất hiện làm sao giải được. Tuy vậy, Ma-nạp lại có suy luận: Thông minh hay ngu tối là điều tự nhiên, không thể dựa vào tuổi tác, Cù-đàm tuy nhỏ nhưng không thể khinh được. Nghĩ rồi, bèn đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên, nói bài kệ của Long vương để hỏi Đức Phật. Đức Phật liền dùng kệ trả lời:

Vua thứ sáu trên hết
Người bị nhiễm cùng không
Không nhiễm là không cấu
Người nhiễm gọi là ngu.
Người ngu bị dòng cuốn
Người dứt được là trí
Bỏ dòng không trở lại
Như thế là giải thoát.

Ma-nạp nghe nói bài kệ rồi khẳng định đây là trí thâm diệu của Phật, liền tụng tập thọ trì. Ngày thứ bảy đến chỗ Long vương, khi ấy tám mươi bốn ngàn người tụ tập hai bên bờ sông Hằng để nghe Ma-nạp giảng nói nghĩa bài kệ. Ma-nạp nói với

Long vương: Ngươi nói bài kệ của ngươi trước. Long vương đọc bài kệ. Ma-nạp liền nói bài kệ đã được nghe nơi Đức Phật để giảng giải. Long vương nghe bài kệ hoan hỷ vô cùng, nghĩ: Phật đã ra đời, nay ta nhờ vấn đề này mà được thấy Phật. Vì sao? Ta không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma, Phạm, tất cả trong thế gian ai có thể giải được nghĩa ấy. Nghĩ như vậy rồi, hỏi Ma-nạp: Ông nên nói thật với tôi. Bài kệ ông vừa nói là ông nghe từ ai? Vì hiện nay tôi chưa thấy Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả thế gian người nào có thể nói bài kệ này, chỉ trừ Đức Phật. Ông nghe từ Đức Phật phải không? Ma-nạp nói: Tôi xin nói thật với ông, Đức Phật đã xuất thế, tôi nghe từ Ngài. Long vương vui mừng hỏi: Nay Đức Phật ở đâu, tôi muốn yết kiến Ngài. Ma-nạp quỳ gối đưa tay mặt chỉ về hướng Đức Phật ở, nói: Hiện nay Đức Phật đang ở đó. Long vương càng thêm vui mừng, Ba lần xưng tán: Nam mô Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Long vương nói với Ma-nạp: Ông có thể đưa tôi đến chỗ Phật để thăm hỏi Đức Thế Tôn được không? Được, Ma-nạp trả lời. Long vương liền hiện lại thân hình, thân thể dài lớn, con mắt như cái bình bát to, hơi thở như sấm, miệng tuôn ra hỏa quang, ngược dòng nước mà đi. Tám mươi bốn ngàn người cùng đều tùy tùng. Khi đến nơi bãi nhỏ, Long vương lại hóa làm Chuyển luân Thánh vương, lên bờ đến chỗ Đức Phật. Từ xa thấy Đức Phật dung mạo đặc thù

giống như núi vàng, Long vương hoan hỷ càng tăng thêm lòng kính trong vô lượng. Đức Phật thấy Long vương liền gọi tên:

Lành thay! Long vương Y-la-bát đến đây!

Long vương nghe rồi lại thêm vui mừng kính trọng, nghĩ: Đức Thế Tôn biết tên ta! Thiện Thệ biết tên ta! Long vương đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng lui qua một bên, nói bài kệ đó để thưa hỏi Đức Phật. Đức

Phật nói lại bài kệ đã nói với Ma-nạp. Long vương nghe rồi, trước hết rất hoan hỷ, sau lại buồn khóc.

Đức Phật hỏi Long vương:

Tại sao chỉ trong chốc lát vui đó rồi lại buồn đó? Long vương thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ đời quá khứ, con tịnh tu phạm hạnh chỗ Đức Phật Ca-diếp. Thời gian sau, con cầm một cành hoa màu tím đến chỗ Phật Ca-diếp, hỏi: Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo làm chết loại cây cỏ này thì mắc những tội gì? Phật Ca-diếp nói: Do nhân duyên ấy có thể bị đọa vào địa ngục rất khổ. Con nghe câu nói ấy không tin, không kính. Con lại đâm vào lá cây Y La với ý nghĩ: Thử xem có quả báo thế nào. Cuối cùng, con không bỏ ác kiến ấy, cũng không sám hối và sau khi chết sinh vào trong loài rồng sống lâu. Do nghiệp ấy, nên con mang tên là rồng Y-la-bát. Sau

khi thọ thân rồng rồi, con trở lại hỏi Đức Phật Ca-diếp: Khi nào con sẽ thoát khỏi thân rồng này? Đức Phật Ca-diếp nói: Đời đương lai, sau trăm ngàn vạn ức năm, có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở đời, Ngài sẽ cho ngươi biết khi nào thoát khỏi thân rồng. Nay con đã thấy được Đức Thế Tôn sinh tâm hy hữu, mới biết lời nói của chư Phật không dư hối, nên con hân hoan. Con lại nghĩ xưa kia do trái lời Phật dạy nay lại không thể thọ minh giới của Phật, cho nên con buồn khóc.

Rồng lại bạch Phật:

Nguyện xin Thế Tôn cho con biết khi nào tôi thoát khỏi thân rồng này?

Đức Phật dạy:

Đời vị lai sau trăm ngàn ức vạn năm có Đức Phật Di Lặc xuất hiện ở đời, khi ấy ngươi được thoát khỏi thân rồng, xuất gia thọ giới, rộng tu phạm hạnh, dứt hết khổ.

Đức Phật cho rồng thọ ba quy y, làm Ưu-bà-tắc. Phật lại vì tám mươi bốn ngàn người giảng nói các pháp vi diệu, chỉ vẽ sự lợi ích, khiến cho họ vui mừng, như nói về pháp bố thí… cho đến xuất ly là niềm vui. Họ hoan hỷ rồi, Phật lại vì họ giảng nói các pháp chư Phật thường nói là khổ, tập, tận, đạo. Tám vạn bốn mươi ngàn người đều từ chỗ ngồi xa trần lìa cấu, đạt mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả, thấy pháp đắc quả rồi thọ ba quy y, tiếp theo

thọ năm giới.

Khi ấy, Long vương nói với Ma-nạp:

Nay ông đâu cần gì đến Long nữ nữa? Long nữ nhiều sân hận, hoặc dùng lửa độc, làm hại cho nhau, tuy ông cần vàng bạc vật báu, tôi sẽ biếu hết cho ông.

Ma-nạp nói:

Thôi đi, Long vương! Tôi không cần Long nữ, cũng không cần vàng bạc. Tôi nghe Đức Phật nói bài kệ sau cùng nên lìa ham muốn của cõi dục rồi.

Đức Phật thuyết pháp rồi, nói với Long vương:

Ông có thể trở về chỗ ở.

Long vương vâng lời đảnh lễ và cáo lui.

Sau khi Long vương đi, Ma-nạp đến trước Đức Phật, đảnh lễ sát chân, rồi bạch:

Bạch Đức Thế Tôn! Nguyện cho con xuất gia thọ giới Cụ túc. Đức Phật dạy:

Lành thay đến đây Tỳ-kheo! Cho tới câu: Bình bát bưng nơi tay (như trước).

Xuất gia chưa bao lâu, Ma-nạp siêng năng tu hành không biếng nhác, đạt quả A-la-hán. Bấy giờ trong thế gian có sáu mươi hai vị A-la-hán.

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ vườn Nai tuần tự du hóa đến rừng Ta La, ngồi dưới tàng cây. Cách rừng không xa, có một khu vườn để dạo chơi. Lúc này, có ba mươi người đồng bạn đưa vợ đến nơi vườn để vui chơi, trong số đó có một người chưa vợ, thuê

một dâm nữ, cho mượn y phục tốt mặc, cùng nhau dạo chơi nơi vườn này, cuộc tình vừa đến đỉnh cao, người dâm nữ được mặc đồ tốt đẹp kia thình lình chạy trốn thoát thân. Đám thanh niên cùng nhau truy tầm, đến rừng Ta La, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn dung mạo đĩnh đạc giống như núi vàng, lòng họ bị chế ngự cho là hiếm thấy, họ cùng đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên và hỏi Phật:

Đại Sa-môn có thấy một người nữ đến đây không? Đức Phật hỏi lại:

Tự tìm mình và tìm một người khác, điều nào nên làm? Đám thanh niên thưa:

Tự tìm lấy mình hơn là tìm người nữ. Đức Phật dạy:

Các người ngồi lại đây ta giảng nói pháp cho nghe.

Họ vâng lời kính lễ rồi ngồi. Đức Phật vì họ giảng nói các pháp vi diệu, chỉ vẽ sự lợi ích để họ vui mừng… cho đến câu: Khổ, tập, tận, đạo. Ba mươi người đều xa trần lìa cấu, đạt mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả. Thấy pháp đắc quả rồi, bạch Phật:

Xin cho chúng con xuất gia thọ giới Cụ túc. Đức Phật dạy:

Lành thay, đến đây các Tỳ-kheo!... cho đến câu: Đắc quả A-la-hán, cũng như trên.

Khi ấy, trong thế gian có chín mươi hai vị A-la-hán.

Bấy giờ, lại có sáu mươi người làm việc hôn nhân đi qua rừng Ta La, từ xa thấy Đức Thế Tôn dung mạo đĩnh đạc giống như núi vàng, bèn đến trước Đức Phật đảnh lễ sát chân. Đức Phật vì họ giảng nói pháp… cho đến câu: Đắc quả A-la-hán, đều như trước.

Lúc này, thế gian có một trăm năm mươi hai vị A-la-hán.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 16

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP THỌ GIỚI (Tiếp Theo)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Các ông mỗi mỗi người đều ở nơi phần bộ du hành trong thế gian, có nhiều người hiền thiện có thể thọ sự giáo giới. Nay ta riêng một mình sẽ đến cõi Ưu-vi, chỗ của Uất-tỳ-la Ca-diếp để khai hóa.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy chia nhau đi. Đức Thế Tôn bèn đến chỗ Ca-diếp. Ca-diếp thờ một con độc long để riêng trong một ngôi nhà vắng, không ai dám vào, chỉ trừ Ca-diếp. Đức Phật cố ý đến vào buổi chiều để xin ở lại đêm nơi ngôi nhà có con rồng.

Ca-diếp nói:

Đó là điều không thể chấp nhận, vì trong nhà có con độc long sợ nó làm hại.

Đức Phật nói:

Không can chi, con rồng không hại tôi đâu. Ca-diếp nói:

Nếu không sợ thì tùy ý cứ vào nghỉ.

Đức Phật liền đem cỏ vào nhà trải ra để ngồi, với ý nghĩ: Ta sẽ làm cho thân con rồng nhỏ lại như que đũa để trong bình bát, điều phục nó. Đức Phật mới ngồi trong giây lát, con rồng nổi giận cả thân đều tuôn khói ra, Phật cũng cho khói tuôn ra. Cả thân rồng thành một đống lửa cháy, cả thân Phật cũng tuôn ra lửa. Cả hai ngọn lửa hừng hực cháy, làm cho cả nhà của rồng tung tóe ra ánh sáng chói lọi.

Khi ấy, Ca-diếp và các đệ tử đến đi quanh nhà con rồng, buồn than nói:

Đáng tiếc là Đại Sa-môn không chịu nghe lời ta, để rồi bây giờ bị rồng hại!

Sáng ngày, Đức Phật dùng bình bát đựng rồng đem ra và nói với Ca-diếp:

Độc long ở trong bát này, mọi người đều sợ, nay đã bị hàng phục.

Ca-diếp tâm niệm: Đại Sa-môn này tuy có thần lực nhưng không bằng chân đạo của ta.

Đức Phật liền dùng thần lực, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, chỉ trong chớp nhoáng đem con rồng đến để ngoài thế giới rồi trở về chỗ Ca-diếp.

Ca-diếp hỏi Phật:

Để con rồng chỗ nào? Phật đáp:

Để nơi ngoài thế giới.

Ca-diếp lại nghĩ: Đại Sa-môn này rất có thần lực, chỉ trong chốc lát đã đem con rồng đến để nơi ngoài thế giới. Tuy vậy không bằng ta đã đạt được đạo A-la-hán.

Ca-diếp bạch Phật:

Mời Đại Sa-môn ở lại đây tôi sẽ cúng dường.

Đức Phật nói:

Nếu hằng ngày ông có thể đến mời thì tôi có thể nhận lời.

Ca-diếp nói:

Tốt lắm!

Cách chỗ Ca-diếp không xa có một khu rừng rậm, Đức Phật tạm ở nơi đó. Ban đêm, Tứ Thiên vương giáng hạ đến hầu Phật và đến nghe pháp. Ánh sáng của Tứ Thiên vương như bốn đống lửa, Ca-diếp ban đêm thức dậy thấy bên Đức Phật như có bốn đống lửa lớn, không biết cái gì, sáng ngày đến thỉnh Phật:

Thức ăn đã xong, xin mời Ngài đến thọ. Ca-diếp lại hỏi:

Đêm vừa rồi nơi đây có bốn ánh sáng lớn, giống như lửa mà không phải. Vậy đó là cái gì?

Đức Phật nói:

Đêm vừa rồi Tứ Thiên vương xuống cúng dường và nghe pháp, đó là ánh sáng của họ.

Ca-diếp lại nghĩ: Đại Sa-môn này có đại oai thần nên mới khiến Tứ Thiên vương tự đến cúng dường, tuy nhiên vẫn không bằng ta đã đạt được đạo A-la-hán.

Đức Phật nói với Ca-diếp:

Ông về trước, ta sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, Đức Phật như kẻ lực sĩ co duỗi cánh tay, chỉ trong chớp nhoáng tới cây Diêm-phù để lấy trái đem đến. Ca-diếp chưa về tới nơi, Phật đã đến ngồi rồi. Ca-diếp về sau, thấy Phật hỏi:

Tôi không đi đường khác trở về, cũng không ghé nơi nào, không thấy Đại Sa-môn, vậy Đại Sa-môn đi đường nào đến đây?

Đức Phật nói:

Sau khi ông vừa ra về, tôi đến nơi cây Diêm-phù hái trái đem tới đây. Trái này thơm ngon có thể ăn được, nay tôi biếu ông ăn thử.

Ca-diếp lại nghĩ: Đại Sa-môn có Đại thần lực nhưng không bằng ta, đã đạt được đạo A-la-hán.

Đức Phật thọ trai xong, trở về lại khu rừng. Ban đêm, Thích-đề-hoàn-nhân đích thân xuống hầu hạ và muốn nghe pháp. Ánh sáng của trời Đế Thích chiếu khắp khu rừng hơn gấp bội của Tứ Thiên vương. Ca-diếp ban đêm thấy cũng không biết là ánh sáng gì, sáng ngày tới thỉnh Phật đến thọ trai và hỏi ý nghĩa của ánh sáng.

Đức Phật nói:

Đêm vừa qua Thích-đề-hoàn-nhân cúng dường và nghe pháp, đó là ánh sáng của họ.

Ca-diếp lại nghĩ: Đại Sa-môn này là hạng thần lực khuôn mẫu của thần lực nên mới khiến trời Đế Thích tự đến cúng dường, song không bằng ta, đã đạt được đạo A-la-hán.

Đức Phật bảo ông Ca-diếp:

Ông về trước, tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, Phật đến bên cạnh Diêm-phù-đề nơi rừng Ha-lê-lặc hái trái đem tới. Ca-diếp chưa về đến nơi mà Đức Phật đã ngồi nơi tòa. Ca-diếp về tới sau, cũng hỏi như trên.

Đức Phật nói:

Sau khi ông vừa đi, tôi đến bên cạnh Diêm-phù-đề, nơi rừng Ha-lê-lặc hái trái đem tới đây. Trái này thơm ngon, có thể ăn được, nay tôi biếu ông ăn thử.

Ca-diếp lại nghĩ như trước.

Đức Phật thọ trai xong lại về khu rừng. Trong đêm, Phạm Thiên vương, chủ thế giới Ta Bà xuống hầu hạ và muốn nghe pháp. Ánh sáng của trời Phạm thiên gấp bội so với ánh sáng của Đế Thích. Ca-diếp ban đêm thấy cũng không biết là ánh sáng gì, sáng ngày đến thỉnh Phật thọ trai rồi cũng hỏi ý nghĩa của ánh sáng.

Đức Phật nói:

Đêm vừa rồi Phạm Thiên vương đến cúng

dường và nghe pháp, đó là ánh sáng của họ.

Ca-diếp lại nghĩ: Đây là Đại Sa-môn thuộc hạng thần lực khuôn mẫu của thần lực nên mới khiến trời Phạm thiên đến cúng dường, song không bằng ta, đã đạt được đạo A-la-hán.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

Ông về trước, tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, Đức Phật đến bên cạnh Diêm-phù-đề nơi rừng A-ma-lặc hái trái đem đến… như trước đã nói.

Đức Phật thọ trai xong trở lại khu rừng. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cần nước để rửa, sông Ni-liên-thiền chảy quanh lại, đi qua bên Đức Phật, khiến Phật sử dụng được. Sáng ngày, Ca-diếp lại đến thỉnh Phật thọ trai thấy khúc sông chảy quanh liền hỏi:

Ai đào khúc sông này? Đức Phật nói:

Vừa rồi Ta cần nước, nước tự chảy quanh đến.

Ca-diếp lại nghĩ: Đây là Đại Sa-môn thuộc hạng thần lực khuôn mẫu của thần lực nên mới khởi ý niệm cần nước, nước liền chảy đến, song không bằng ta, đã đạt được đạo A-la-hán.

Đức Phật nói với Ca-diếp:

Ông về trước, tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, Đức Phật đến nơi Câu-da-ni lấy sữa bò nơi đó… (ngoài ra như trước đã nói).

Đức Phật thọ trai xong trở về lại khu rừng. Bấy

giờ, có tớ gái của Bà-la-môn Tư-na chết, bỏ chiếc áo nơi gò mả, Đức Phật lấy đem về, với ý nghĩ nên giặt như thế nào? Khi vừa nghĩ như vậy Thích-đề-hoàn-nhân liền đến dùng tay chỉ xuống đất nước liền tuôn ra thành cái ao, rồi bạch Phật:

Ngài có thể giặt nơi đây.

Sơn thần A-tỳ Thích-ca đưa đến một cái bồn bằng đá lớn, cũng bạch Phật:

Ngài có thể dùng cái bồn này để giặt.

Phật lại nghĩ: Ta đứng nơi cái gì để giặt y này?

Cách ao không xa có cây Kha-hầu, vị thần cây bẻ cong một nhánh cây xuống để Phật vịn nơi đó. Đức Phật giặc y rồi, phơi nơi hư không. Ca-diếp sáng ngày đến thỉnh Phật thọ trai, thấy vấn đề giặt y đều thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật kể lại rõ ràng câu chuyện. Ca-diếp cũng với tâm niệm như trước. Đức Phật nói với Ca-diếp:

Ông về trước, tôi sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa đi, Đức Phật đến nơi châu Uất-đơn-việt lấy loại lúa tám cánh… (ngoài ra như trên đã nói).

Đức Phật thọ trai xong, trở về lại khu rừng. Sáng hôm ấy, nhân lúc có tiết hội, Ca-diếp nghĩ: Nay ta không thỉnh Phật thọ trai, vì mọi người thấy Ngài chắc họ sẽ bỏ ta mà tranh nhau phụng sự Ngài, do vậy không thỉnh. Đức Phật biết việc ấy nên đến châu Uất-đơn-việt lấy thức ăn để ăn. Ngày

ấy qua rồi. Ca-diếp lại đến thỉnh Phật thọ trai và hỏi:

Hôm vừa qua tôi không đến thỉnh, Ngài ăn thứ gì? Đức Phật nói:

Ngày tiết hội vừa qua ông nghĩ: Nếu Phật đến mọi người thấy, chắc sẽ bỏ ta, tranh nhau phụng sự Ngài. Cho nên ta đến châu Uất-đơn-việt lấy thức ăn mà ăn.

Ca-diếp lại nghĩ: Đây là đại Sa-môn thần lực thuộc hạng thần lực khuôn mẫu, nên mới biết ý niệm của người khác, song không bằng ta, đã đạt được đạo A-la-hán. Hôm ấy, Đức Phật cùng Ca-diếp đến nhà thọ trai, rồi trở lại khu rừng.

Bấy giờ, năm trăm đệ tử của Ca-diếp cùng nhau bửa củi, nhưng cái búa giở không lên. Đệ tử thưa với thầy việc này. Thầy nói: Sợ Đại Sa-môn làm như vậy, các ông nên đến hỏi Ngài. Họ liền đến hỏi Phật.

Đức Phật hỏi:

Các ông muốn giở lên hay không? Họ thưa:

Muốn.

Đức Phật nói:

Các ông cứ đi đi, cái búa tự giở lên.

Khi giở lên rồi, để xuống lại không được. Họ lại thưa với thầy, thầy họ bảo thưa hỏi Phật.

Đức Phật hỏi:

Muốn để xuống hay không? Họ nói:

Muốn.

Đức Phật bảo:

Có thể cứ đi, búa sẽ tự để xuống.

Khi để xuống rồi, búa tự dính luôn nơi củi không thể bửa được. Đệ tử lại thưa thầy, thầy họ bảo hỏi Phật.

Đức Phật hỏi:

Muốn bửa được phải không? Họ thưa:

Vâng!

Đức Phật nói:

Cứ đi đi, cái búa tự sử dụng được.

Cái búa liền đắc dụng. Họ muốn nhen lửa, lửa không chịu cháy, họ lại thưa với thầy, thầy họ bảo hỏi Phật.

Đức Phật nói:

Có thể cứ đi, lửa nó sẽ tự cháy. Lửa liền tự cháy.

Khi đã cháy rồi lại không tắt được, họ lại hỏi thầy, thầy họ bảo hỏi Phật.

Đức Phật hỏi:

Muốn cho lửa tắt phải không? Họ thưa:

Vâng.

Đức Phật nói:

Cứ đi, lửa tự sẽ tắt. Lửa liền tự tắt.

Họ muốn dội nước để tắt than, nước lại ở trong bình không chịu chảy ra, họ thưa thầy, thầy họ bảo

hỏi Phật.

Đức Phật hỏi:

Muốn cho nước chảy ra phải không? Họ thưa:

Vâng.

Đức Phật nói:

Cứ đi, nước sẽ tự chảy ra. Nước liền tự chảy ra.

Khi đã chảy ra rồi lại không dừng lại, họ thưa thầy, thầy họ bảo hỏi Phật.

Đức Phật hỏi:

Muốn cho nước ngừng chảy phải không? Họ thưa:

Vâng.

Đức Phật nói:

Cứ đi, nước sẽ tự ngưng. Nước liền tự ngưng chảy.

Bấy giờ, mây u ám mưa lớn bảy ngày, nhà Ca-diếp thành một biển nước mênh mông, Đức Phật ở trong rừng, Ca-diếp sợ Phật bị cuốn trôi, đi thuyền đến xem, thấy Đức Thế Tôn đi kinh hành trên dòng sông Ni-liên-thiền. Ca-diếp lại nghĩ: Đây là Đại Sa-môn có thần lực thuộc loại thần lần khuôn mẫu, nên nước lớn như vậy mà không bị cuốn trôi, mới đi kinh hành trên nước, song không bằng ta, đã đạt được đạo A-la-hán.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bay trên hư không bảo Ca-diếp:

Ông không phải là A-la-hán, tại sao hư dối tự

xưng là đắc đạo? Ca-diếp bạch:

Bạch Thế Tôn! Thật vậy! Bạch Thế Tôn! Thật vậy! Ca-diếp lại bạch Phật:

Xin được xuất gia chỗ Đại Sa-môn, thọ giới Cụ túc. Đức Phật nói:

Ông đã báo cho đệ tử chưa? Ca-diếp thưa:

Chưa.

Đức Phật nói:

Nên báo cho họ trước.

Ca-diếp vâng lời, liền trở về nói với hàng đệ tử:

Các ông biết chăng, ta muốn tịnh tu phạm hạnh chỗ của Đại Sa-môn, các ông người nào theo ta thì tốt, bằng không vui theo tùy ý.

Năm trăm người đệ tử đồng thanh nói:

Khi chúng con thấy Phật hàng phục rồng, đã sinh lòng, chỉ đợi ý kiến của thầy mà thôi. Chúng con xin được tùy tùng.

Thế là thầy trò cùng nhau đến chỗ Phật, bạch Phật:

Thầy trò chúng con đều muốn xuất gia thọ giới Cụ túc.

Đức Phật dạy:

Lành thay, các Tỳ-kheo đến đây, thọ giới Cụ túc, trong pháp luật khéo nói của Ta, có thể chấm dứt tất cả khổ, tịnh tu phạm hạnh.

Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử râu tóc tự

rụng, áo cà sa mặc vào thân, bình bát bưng nơi tay. Khi đã thọ giới rồi, những dụng cụ, y phục thờ lửa trước kia đều đem bỏ nơi dòng sông Ni-liên-thiền. Như vậy Ca-diếp và năm trăm đệ tử thọ giới Cụ túc xong.

Ca-diếp có hai người em, người lớn tên là Na-đề Ca-diếp, người nhỏ tên là Già-da Ca-diếp. Người em lớn có ba trăm đệ tử, người em nhỏ có hai trăm đệ tử. Ở cách anh một do-tuần về phía hạ lưu sông Ni-liên, hai người em thấy dụng cụ thờ lửa của anh mình trôi theo dòng sông, hoảng kinh, sợ anh mình bị người ác hại bỏ trôi theo dòng nước. Hai người em liền dẫn năm trăm đệ tử ngược dòng nước lên đến chỗ anh, thấy thầy trò của anh mình đều làm Sa-môn, lấy làm lạ, hỏi:

Tại sao thế này? Người anh trả lời:

Pháp của đạo này nói lên được yếu tố thù thắng tối thượng, không ai hơn được.

Hai người em cùng năm trăm đệ tử nghị bàn: Trí tuệ đệ nhất như anh mình mà nay vui sống với đạo này thì chắc đạo ấy là tối thắng. Do đó, họ cùng với đệ tử đồng như người anh xuất gia. Họ liền đến chỗ Đức Phật đảnh lễ sát chân, rồi bạch:

Xin cho chúng con xuất gia, thọ giới Cụ túc. Đức Phật nói:

Lành thay, các Tỳ-kheo đến đây!... cho đến câu: Bình bát bưng nơi tay như trước đã nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn có suy nghĩ: Phải giáo giới cho một ngàn Tỳ-kheo Tăng Phạm chí mới xuất gia. Nơi nào có đủ ẩm thực, ngọa cụ cho Tỳ-kheo để giáo giới?

Nơi núi Già-da có đủ ẩm thực, ngọa cụ. Nghĩ như vậy rồi, Đức Phật dẫn một ngàn Tỳ-kheo đến đó, dùng ba việc để mà giáo hóa:

Một là, thần túc. Hai là, thuyết pháp. Ba-là, giáo sắc.

Thần túc giáo giới là thế nào? Như trong mục thần thông đã nói.

Thuyết pháp giáo giới là thế nào? Như nói Tỳ-kheo nên suy nghĩ thế này, không nên suy nghĩ thế này, nên nhớ nghĩ thế này, không nên suy nghĩ thế này, nên tu thế này, nên đoạn thế này, nên y theo như vậy mà tu hành.

Giáo sắc giáo giới là thế nào? Như nói Tỳ-kheo đốt cháy tất cả. Thế nào là đốt cháy tất cả? Đốt cháy nhãn, đốt cháy sắc. Nhãn thức, nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng đốt cháy. Đốt cháy cái gì? Đốt cháy lửa dục, đốt cháy sân dục, si dục… cho đến ý pháp cũng như thế. Đệ tử của bậc Thánh nghe pháp như vậy, sinh tâm nhàm chán xuất ly, không có nhiễm vướng, bèn được giải thoát, trí giải thoát sinh, việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh. Khi giảng nói pháp như vậy một ngàn Tỳ-kheo dứt hết lậu hoặc, tâm

được giải thoát. Bấy giờ, Đức Thế Tôn khởi ý niệm: Trước đây ta cùng Vua Bình-

sa có lời kết là khi đắc đạo thì độ ông ta, nay nên đến đó. Đức Phật bèn cùng một ngàn Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh, tuần tự du hành đến thành Vương-xá. Vua Bình-sa nghe Phật thành đạo, độ ba anh em ông Ưu-vi-ca-diếp và một ngàn đệ tử, nay đến ấp này, liền ra lệnh trong nước có bốn mươi hai ngàn thôn, mỗi thôn chọn hai vị hào kiệt để đến cung nghinh Đức Phật. Tám vạn bốn ngàn người cỡi voi ngựa, xe trước

sau nối đuôi nhau. Lúc này, vào tháng cuối mùa Xuân khí hậu rất nóng, mọi người đều nghĩ: Làm sao có được chút bóng mát. Khi ấy, trời Thích-đề-hoàn-nhân biết được ý niệm đó liền hóa làm lọng báu bằng mây, gió mát phảng phất, tự hóa làm Phạm thiên mặc áo sắc vàng cầm cây trượng bằng bảy báu, cái phất trần khảm bằng bảy báu, cách đất một khuỷu tay đi trước hướng dẫn. Lúc đó, người nước Ma-kiệt muốn lấn Phật đi trước, bị trời Đế Thích đuổi chạy. Họ chê trách, nói kệ:

Hình như tượng Phạm thiên
Cầm trượng đi cách đất
Miệng nói lời nhu hòa
Vì ai làm phục vụ?

Thích-đề-hoàn-nhân dùng kệ trả lời:

Giải thoát tất cả trói
Điều ngự sĩ tối thượng

Ứng Cúng bậc Thiện Thệ
Ta phục vụ vì Ngài.

Bấy giờ, Vua Bình-sa khởi ý niệm: Nơi Đức Phật nghỉ ngơi, ta sẽ đem chỗ này cúng Phật, để lập Tinh xá. Đức Phật biết ý đó, chiều tối đến nghỉ ngơi vườn trúc Ca-lan-đà. Khi ấy, quần chúng đều sinh nghi niệm: Không biết Đức Phật cùng Ưu-vi-ca-diếp ai là đệ tử? Đức Phật biết ý niệm của quần chúng bèn hướng đến Ưu-vi-ca-diếp nói kệ:

Ưu Vi ông thấy gì
Mà bỏ pháp thờ lửa?
Nay chính ta hỏi ông
Ông cần như thật đáp.

Ưu-vi-ca-diếp dùng kệ trả lời:

Thường tham những mỹ vị
Tâm chạy theo thanh sắc
Tôi thấy cấu uế này,
Nên bỏ nghiệp thờ lửa.

Lúc này, đại chúng tuy nghe Đức Phật cùng Ca-diếp đều nói một bài kệ, chưa rõ được ý chỉ nên còn hồ nghi. Đức Phật biết tâm của đại chúng, lại dùng kệ hỏi:

Ngũ vị ngọt miệng người
Sắc thanh vui lòng người
Ông thấy cấu uế này
Do đâu mà được không?

Ưu-vi-ca-diếp dùng kệ trả lời:

Tôi thấy đạo tịch diệt
Tất cả không đắm chấp
Không khác, không thể khác
Do vậy bỏ thờ lửa.

Bấy giờ, đại chúng tuy hai lần nghe kệ, vẫn còn hoài nghi do dự.

Phật biết tâm họ, bèn bảo Ca-diếp:

Ông lấy quạt, quạt tôi.

Ca-diếp liền vâng lời, lấy quạt quạt Phật. Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

Hiện thần thông biến hóa của ông xem nào!

Ca-diếp liền thị hiện các loại thần biến, phân thân thành trăm ức, lại hiệp thành một, vách đá đều đi xuyên qua được, vào trong đất như vào trong nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi nằm trong không trung, như chim bay lượn, cả thân bừng cháy chói sáng, tuôn khói vụt lên mây, lấy tay rờ mặt trời, mặt trăng, đứng thẳng đến trời Phạm Tự Tại vô ngại. Hoặc trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân bừng cháy, thân dưới tuôn ra nước, sau đó giáng hạ cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng, quỳ gối, chấp tay, bạch Phật:

Thế Tôn là thầy của con, con là đệ tử của Thế Tôn. Thưa như vậy Ba lần rồi, nói với đại chúng:

Những sự hiểu biết cho đến các thần biến của tôi đều do ân của Đại sư.

Khi ấy, đại chúng mới biết Ca-diếp là đệ tử của Phật, nên đối với Đức Phật hết sức hoan hỷ, lòng cung kính vô lượng. Thường pháp của chư Phật là nhân tâm chưa rung chuyển thì không vì họ giảng nói pháp. Đức Phật biết đại chúng đã vui vẻ cung kính, nên giảng nói các pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích, khiến họ vui mừng và giảng nói thường pháp của chư Phật là khổ, tập, tận, đạo. Vua Bình-sa và tám vạn bốn ngàn người liền từ chỗ ngồi xa trần lìa cấu, đạt được mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả, rồi thọ ba quy y, năm giới. Lúc này, Vua Bình-sa cúi đầu thỉnh Phật và Tăng sáng ngày thọ trai. Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Nhà Vua vui vẻ trở về cung, ra lệnh chuẩn bị các thức ăn ngon bổ. Sáng ngày trải tọa cụ nơi vườn trúc, đích thân đến thỉnh Phật thọ trai. Đức Phật cùng đại chúng theo thứ tự mà ngồi. Nhà Vua tự tay sớt thức ăn vui vẻ không mỏi mệt. Phật và Tăng ăn rồi, dâng nước rửa xong, nhà Vua đứng qua một bên, bạch Phật:

Con xin cúng dường vườn trúc này lên Đấng Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

Nên cúng cho Tăng phước đức nhiều hơn. Nhà Vua lại bạch Phật:

Cúi xin Ngài thọ nhận. Đức Phật dạy:

Nên cúng cho Tăng, trong đó có tôi.

Nhà Vua vâng theo lời dạy dâng cúng cho Tăng

bốn phương. Sau đó, Vua lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật. Đức Phật giảng nói pháp tùy hỷ, chú nguyện bằng bài kệ, như vì Tỳ-lan-nhã giảng nói. Nói kệ rồi giảng nói các pháp vi diệu rồi bảo Vua về lại chỗ ở. Nhà Vua từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng rồi cáo lui.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở Tinh xá Trúc Viên thuộc thành La-duyệt-kỳ, nơi đó có một ấp tên là Na-la-đà, có Phạm chí tên là Sa-nhiên, đệ tử thọ học hai trăm năm mươi người. Trong môn đồ có hai vị cao túc, một tên là Ưu-ba-đề-xá, người thứ hai tên là Câu-luật-đà. Bấy giờ, Át-tỳ mặc y bưng bát vào thành khất thực, sắc diện hòa dịu, các căn tịch định, y phục tề chỉnh, nhìn đất mà đi. Khi ấy, Ưu-ba-đề-xá dạo chơi, từ xa thấy Át-tỳ oai nghi rõ nét, khen chưa từng có, đợi đến bèn hỏi:

Thầy theo bậc pháp nào mà y phục khác thường? Có thể cho tôi biết quý danh của bậc Tôn sư?

Át-tỳ nhìn thẳng trả lời:

Sa-môn Cù-đàm là Đại sư của tôi. Chúng tôi tôn thờ Ngài, theo học với Ngài.

Ưu-ba-đề-xá nói:

Đại sư của quý vị giảng nói những pháp gì? Át-tỳ nói:

Tôi còn non trẻ, mới học đạo chưa bao lâu, đâu

có thể nói được nghĩa lý rộng lớn của thầy tôi. Nay tôi chỉ có thể vì ông nói các nghĩa yếu lược. Thầy tôi dạy: Các pháp từ duyên sinh, cũng từ duyên diệt. Tất cả các pháp là không, không có chủ thể.

Ưu-ba-đề-xá nghe rồi, tâm ngộ ý giải, được mắt pháp trong sạch, bèn trở về chỗ ở, rồi vì Câu-luật-đà nói lại các pháp đã nghe. Câu-luật-đà nghe xong cũng xa trần lìa cấu, đạt được mắt pháp trong sạch, liền hỏi:

Đức Như Lai du hóa, hiện nay ở đâu?

Hiện ở vườn trúc Ca-lan-đà. Câu-luật-đà nói:

Đức Như Lai là thầy của chúng ta, chúng ta nên cùng đến để kính lễ thăm hỏi.

Ưu-ba-đề-xá nói:

Còn hai trăm năm mươi đệ tử? Khi thầy gần qua đời có di chúc, chúng ta cần thành tựu cho nhau, có thể nào không thông báo cho họ mà xé lẻ ra đi?

Hai người liền đến chỗ đệ tử nói:

Chúng tôi muốn theo Sa-môn Cù-đàm để tịnh tu phạm hạnh, các ông mỗi người tùy ý thích lựa chọn.

Khi ấy, hai trăm năm mươi người đệ tử đều muốn đi theo. Hai người bèn dẫn đệ tử cùng đến vườn trúc.

Đức Thế Tôn từ xa trông thấy, bảo các Tỳ-kheo:

Hai người sắp đến kia, một tên là Ưu-ba-đề-xá, người thứ hai tên là Câu-luật-đà. Hai người này sẽ là bậc tối thượng thủ trong hàng đệ tử của ta, trí huệ vô lượng, thần túc bậc nhất. Trong chốc lát hai người đến, Đức Phật vì họ tuần tự giảng nói pháp, luận về việc bố thí, trì giới và sinh thiên, chê trách dục bất tịnh, khen ngợi hạnh xuất ly. Từ nơi chỗ ngồi, họ liền dứt hết các lậu hoặc, tâm ý hiểu rõ đều đến trước Đức Phật xin được xuất gia tịnh tu phạm hạnh.

Đức Phật dạy:

Lành thay các Tỳ-kheo đến đây, ở trong pháp của Ta tịnh tu phạm hạnh, đặng dứt hết nguồn gốc khổ, liền được gọi là xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa nơi thành La-duyệt-kỳ, anh em Uất-tỳ-la Ca-diếp và một ngàn người đệ tử, Xá-lợi-phất. Mục-kiền-liên và hai trăm năm mươi đệ tử đều xuất gia học đạo. Các hào quý tộc tánh, Trưởng giả, Cư sĩ nơi thành La-duyệt-kỳ cũng đều xuất gia. Đại chúng vây quanh tụ hội nơi nước này, Đức Phật vì họ giảng nói pháp.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Đức Thế Tôn chưa dạy các Tỳ-kheo cần có Hòa thượng, A-xà-lê. Do không có Hòa thượng, A-xà-lê nên oai nghi bị thất thoát, mặc y thượng, hạ đều không như pháp, không biết việc tịnh hay bất tịnh, không buộc niệm trước mặt, không khéo hộ trì các căn. Vào

xóm làng khất thực thọ thực bất tịnh, tự tay nhận lấy thức ăn không nhận từ người dâng. Khi người trao thức ăn, chính nơi tay người kia moi bới lên mà lấy, xòe tay cầm nơi miệng bát, không đưa cao bát lên mà thọ. Khi lớn tiếng nói ồn, người không tin ưa Phật pháp chê trách, nói: Các Sa-môn này quá hơn ngoại đạo, không có oai nghi… cho đến câu: Cao tiếng nói ồn, không có pháp của Sa-môn, phá hạnh Sa-môn. Chỗ nào họ không đi qua đều được thiện lợi. Lại có một Tỳ-kheo bệnh không ai chăm sóc, do đó phải qua đời. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, liền nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các thầy có như vậy không?

Bạch Thế Tôn có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Tại sao các ông lại tâm tán loạn của mình, đi, đứng, nằm, ngồi đều không như pháp.

Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Nếu mặc y thượng, y hạ không như pháp… cho đến câu: Khi ăn cao tiếng nói ồn đều phạm Đột-kiết-la. Từ nay do mười điều lợi, cho phép các Tỳ-kheo phải có Hòa thượng. Hòa thượng tự nhiên sinh tâm ái niệm đối với đệ tử như đối với con. Đệ tử tự nhiên sinh tâm kính trọng đối với Hòa thượng như cha mẹ, siêng giáo giới cho nhau, tương kính,

chia bùi xẻ ngọt cho nhau, thì có thể mở rộng Phật pháp, khiến được lâu dài.

Pháp thỉnh Hòa thượng: Người thỉnh để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, hai tay ôm chân Hòa thượng, thưa: Con tên là… nay cầu thầy làm Hòa thượng. Thầy vì con làm Hòa thượng. Con tha thiết mong thầy làm Hòa thượng cho con nương dựa. Nhờ thầy làm Hòa thượng nên con được thọ giới cụ túc. Cần cầu như vậy Ba lần. Hòa thượng nên trả lời: Được tốt! Tôi sẽ giáo giới ông. Ông chớ buông lung!

Đệ tử nên phụng thờ Hòa thượng: Nếu không thưa với Hòa thượng mà vào xóm làng, phạm Đột-kiết-la. Nếu cùng đi với Tỳ-kheo khác, cũng phải bạch với Hòa thượng, nếu không bạch hay không cho mà đi đều phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo khác kêu cùng đi cũng như vậy. Nếu muốn đến chỗ Tỳ-kheo khác lấy y bát, giày dép của mình cũng phải thưa. Nếu không thưa, hay không cho phép mà lấy đều phạm Đột-kiết-la. Nếu muốn cho Tỳ-kheo khác y bát cũng như thế. Nếu Tỳ-kheo khác muốn vì mình gánh y bát và vì mình lấy y bát, cũng phải bạch. Nếu không bạch hay bạch mà không cho phép vẫn lấy đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo khác nhờ gánh y bát hay khiến lấy cũng như vậy. Phàm làm việc gì cho đến cạo tóc, hoặc vì người cạo đều phải thưa, chỉ trừ đại tiểu tiện và lấy tăm xỉa răng. Nếu Hòa thượng phạm tội thô ác đệ tử nên cố gắng tạo

phương tiện, khiến sớm trừ diệt, nếu không tạo phương tiện thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng trao cho Hòa thượng pháp Biệt trú hoặc hành Ma-na-đỏa, hay hành Bản nhật, hành A-phù-ha-na, đệ tử phải cố gắng tạo phương tiện cầu Tăng mau cho phép Biệt trú… cho đến hành A-phù-ha-na, nếu không cố gắng làm thì phạm Đột-kiết-la. Nếu ngày Hòa thượng được xuất tội, đệ tử nên lau quét rưới nước trải chỗ ngồi, chuẩn bị thẻ Xá La, tập Tăng cầu Tỳ-kheo Yết-ma, nếu không làm như vậy, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng trao Hòa thượng pháp Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý, đệ tử nên cố gắng cầu Tăng khiến Tăng đừng làm, nếu không cầu Tăng, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tăng chắc chắn phải làm các Yết-ma đó, đệ tử mong cầu đừng trái pháp, nếu không mong cầu, phạm Đột-kiết-la. Nếu Hòa thượng bệnh, đệ tử phải túc trực giúp đỡ. Nếu Hòa thượng có vật gì nên thưa để lấy đổi, tùy theo bệnh lo thức ăn, tùy theo bệnh lo thuốc thang. Nếu Hòa thượng không có gì mà mình có thì nên trao đổi. Nếu mình cũng không có vật gì thì nên tìm xin. Lại nên mai chiều vì bệnh tật của Hòa thượng nói pháp. Hòa thượng chưa lành bệnh không nên du hành. Nếu không vậy, phạm Đột-kiết-la. Đệ tử phạm tội thô ác… cho đến câu: Bệnh chưa lành, Hòa thượng chăm sóc cũng như vậy.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo nói một lời: "Người

quy y Phật", trao cho giới. Lại có Tỳ-kheo nói hai lời: "Người quy y Phật, quy y Pháp" trao cho giới. Lại có Tỳ-kheo nói ba lời: "Người quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng" trao cho giới. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên bảo nói một lời, hai lời, ba lời rồi trao cho giới. Lại có Tỳ-kheo nói: "Lành thay, đến đây Tỳ-kheo" trao cho giới. Các Tỳ-kheo Trưởng lão chê trách: Tại sao thầy lại bắt chước Phật nói: "Lành thay, lại đây Tỳ-kheo", rồi trao cho giới? Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Không nên nói: "Lành thay, đến đây Tỳ-kheo!" mà trao cho giới.

Lúc này, các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Đức Phật cho Tỳ-kheo trao giới, chúng ta cũng được phép. Nếu được thì nên trao bằng cách nào? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nay cho phép các thầy trao giới cho Tỳ-kheo bằng pháp Bạch-tứ-yết-ma để trao. Người muốn thọ giới, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ Tăng, đầu gối bên phải chấm đất, bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên… theo Hòa thượng hiệu… thọ giới Cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc. Cúi xin Tăng tế độ con, rủ lòng thương, thương con. Thưa xin như vậy Ba lần. Trong chúng nên sai Tỳ-kheo biết pháp, bậc Thượng tọa hay ngang bằng với Thượng tọa bạch giữa Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là… muốn thọ giới cụ túc, Đại đức… làm Hòa

thượng. Nay Tăng cho… thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là… muốn thọ giới cụ túc, Đại đức… làm Hòa thượng. Nay Tăng cho… thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… các Trưởng lão vị nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã chấp thuận cho… thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… rồi.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo gồm bốn người cho đến chín người cho một người, cho đến nhiều người thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo Trưởng lão quở trách, rồi bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép chúng mười người trao giới cụ túc. Các Tỳ-kheo dùng phi nhân, bạch y, người bị diệt tẫn, người bị cử tội, người tự ngôn, người bất đồng chánh kiến, người cuồng, người tâm tán loạn, người tâm bệnh hoại, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni vào trong số chúng mười người, trao giới cụ túc. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng mười vị Tỳ-kheo như pháp để trao giới cụ túc. Các Tỳ-kheo trao giới cụ túc cho người ngủ, người say, người cuồng, người tâm tán loạn, người tâm bệnh hoại, người dị kiến. Quý vị

bạch Phật. Phật dạy: Không nên trao giới cụ túc cho người ngủ… cho đến người dị kiến. Nên dùng mười Tỳ-kheo như pháp, trao giới cụ túc cho người như pháp. Các Tỳ-kheo dùng người ngủ, người say, người cuồng, người tâm tán loạn, người tâm bệnh hoại làm Hòa thượng. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên dùng những người này làm Hòa thượng. Các Tỳ-kheo lại dùng hai người cho đến mười người làm Hòa thượng. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng một người làm Hòa thượng, không nên dùng hai cho đến mười người. Có các người muốn thọ giới cụ túc mà không thể có đủ mười Tỳ-kheo như pháp, nên khởi ý niệm: Nếu Đức Phật cho phép ta khi Bố-tát, khi Tự tứ, khi Tăng tụ tập trao giới cho người thì đâu có khổ thế này. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho phép khi Bố-tát, khi Tự tứ, khi Tăng tụ tập cho người thọ giới cụ túc.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo cùng với Hòa thượng, A-xà-lê không hòa hợp bèn gây trở ngại cho người thọ giới. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Người thọ giới nếu không có nạn sự thì không nên gây trở ngại, nếu gây trở ngại thì phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo do việc nhỏ nhặt mà cưỡng bức gây trở ngại cho người thọ giới, hoặc nói hình như bị mù lòa, hoặc nói chân bị khiễng, hoặc thấy thấp nhỏ bèn nói chưa đủ hai mươi tuổi, hoặc nói

cha mẹ hình như chưa cho xuất gia. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên dựa vào

việc nhỏ nhặt làm trở ngại cho người thọ giới, nếu làm trở ngại, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo vẫn gây trở ngại. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê hợp lý thì nên cho thọ giới.

Lại có các Tỳ-kheo ở trong một cương giới mà trao giới biệt chúng. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Nên ra ngoài giới bạch nhị Yết-ma kiết tiểu giới để trao giới. Trước hết sai một Tỳ-kheo xướng tướng bốn phương của giới, một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Như tướng bốn phương của giới, do Tỳ-kheo… đã xướng, nay Tăng kiết làm giới đàn, cùng sống chung, cùng Bố-tát, cùng nhận của thí. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Như tướng bốn phương của giới mà Tỳ-kheo… đã xướng, nay Tăng kiết làm giới đàn, cùng sống chung, cùng Bố-tát, cùng nhận của thí. Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã kiết theo tướng giới của Tỳ-kheo… xướng làm giới đàn, cùng sống chung, cùng Bố-tát, cùng nhận của thí rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Các Tỳ-kheo kiết giới đàn rồi không xả mà đi. Quý vị bạch Phật,

Đức Phật dạy: Nên bạch nhị Yết-ma xả giới rồi sẽ đi. Một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chỗ kiết giới này, nay Tăng xả giới ấy. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch

Đại đức Tăng xin lắng nghe! chỗ kiết giới này nay Tăng xả giới ấy. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã xả giới này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới đến chỗ thọ giới, thưa với Thượng tọa: Xin thầy vì người này tác Yết-ma. Thượng tọa nói: Tôi không tụng Yết-ma. Cho đến hạ tọa cũng nói như vậy, nên người ấy không được thọ giới. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Vị nào cũng phải tụng Yết-ma. Nếu mười tuổi về sau mà không tụng được thì phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo dẫn hai người muốn thọ giới đến chỗ thọ giới, hai người muốn thọ giới tranh nhau thọ trước, nên không thọ được. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Người nào đến chỗ thọ giới trước thì nên cho thọ trước. Nếu hai người cùng đến một lần thì người nào lớn tuổi nên cho thọ trước. Nếu đồng một tuổi thì Hòa thượng của vị nào lớn hơn thì cho

thọ trước. Nếu Hòa thượng cùng đồng nhau thì Yết-ma một lần, nhưng người nào được xướng tên trước thì thọ trước. Ba người cũng như vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Những việc khác cũng được Yết-ma ba người hay không? Đức Phật dạy:

Được.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

Được cho bốn người tác Yết-ma hay không? Đức Phật dạy:

Tất cả không được tác Yết-ma bốn người.

Các Tỳ-kheo dẫn người muốn thọ giới đến chỗ thọ giới để thọ, gặp giặc cướp đoạt, hành hung gần chết, phải trở lại. Các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta ở trong Tăng phường lập giới tràng để thọ thì khỏi bị nạn này. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Nay cho phép ở trong Tăng phường bạch nhị Yết-ma kiết làm giới tràng để thọ. Trước hết nên bạch nhị Yết-ma để xả giới của Tăng phường. Một Tỳ-kheo biết pháp xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Một trú xứ này, Tăng sống chung, chung Bố-tát, chung nhận vật bố thí, trước kiết giới này nay xả. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Một trú xứ này, Tăng sống chung, chung Bố-tát, chung nhận vật bố thí, trước kiết giới này nay xả. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã giải giới trước đây kiết rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng.

Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Giải giới của Tăng phường rồi, vậy sau mới kiết giới tràng. Một Tỳ-kheo xướng tướng bốn phương của giới tràng. Một Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma như trên đã nói. Kiết giới trường rồi lại kiết giới Tăng phường. Một Tỳ-kheo xướng tướng bốn phương của giới, lại xướng trừ nội địa. Một Tỳ-kheo tác bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… này xướng tướng bốn phương của giới, trừ nội địa. Nay Tăng kiết làm đại giới sống chung, chung Bố-tát, chung nhận vật bố thí. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… này xướng tướng bốn phương của giới, trừ nội địa. Nay Tăng kiết làm đại giới sống chung, chung Bố-tát, chung nhận vật bố thí. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói:

Tăng đã theo tướng giới bốn phương, trừ nội địa do Tỳ-kheo… xướng làm đại giới của Tăng sống chung, chung Bố-tát, chung nhận vật bố thí rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy. Bấy giờ, có một Ma-nạp ngoại đạo muốn xuất gia thọ giới Cụ túc trong chánh pháp,

đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Cho con xuất gia thọ cụ túc. Xá-lợi-phất không cho thọ. Như vậy, Ma-nạp tuần tự đi đến khắp chỗ năm trăm Tỳ-kheo, đều không vị nào cho thọ nên khóc lóc trở về. Đức Phật dùng thiên nhãn xem thấy hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Ma-nạp này, tại sao khóc lóc ra về?

Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ sự việc. Đức Phật lại hỏi:

Người này đã từng có một lần nói một lời nói lành đối với các Tỳ-kheo hay không?

Xá-lợi-phất thưa: Có. Đức Phật lại hỏi:

Lời nói lành ấy là thế nào? Xá-lợi-phất thưa:

Trước đây con đi khất thực người này khen con: "Sa-môn Thích tử này thiện hảo, có đức nên cho thức ăn".

Đức Phật dạy:

Ân ấy nên trả. Ông có thể độ họ.

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Phật cho thọ giới cụ túc.

Lại có một Ma-nạp ngoại đạo bạc phước khất thực không được, khởi ý niệm: Sa-môn Thích tử khất thực dễ được, đau ốm thuốc men có người giúp đỡ. Nay ta nên đến đó xuất gia thọ giới Cụ túc. Nghĩ rồi, Ma-nạp bèn đến Tăng phường bạch các Tỳ-kheo: Cho con xuất gia thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo liền cho thọ giới cụ túc. Do bạc phước nên

theo thứ tự mời đi thọ thực bị Tăng gác lại. Các Tỳ-kheo nói: Thầy có thể mặc y bưng bát đi khất thực. Ma-nạp nói: Thưa Đại đức, tôi sợ đi khất thực lắm nên mới đi xuất gia trong giáo pháp của Phật, nay tại sao lại bảo tôi đi khất thực? Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Không nên độ hạng người này, nếu độ phạm Đột-kiết-la. Khi độ nên phải hỏi trước: Ngươi vì cái gì mà đi xuất gia? Nếu nói vì ẩm thực, thì không nên độ. Nếu nói vì cầu pháp thiện, nhàm chán sinh, lão, bệnh, tử ưu bi khổ não thì nên độ. Trước khi trao giới cụ túc nên nói việc phải nương tựa, đó là mặc y phấn tảo, đi khất thực, nương ngồi dưới tàng cây, thọ dùng tàn khí dược. Ngươi có thể trọn đời nương theo bốn việc này hay không? Nếu nói có thể thì nên cho thọ. Nếu nói không thể, thì không nên cho thọ.

Có đại Trưởng giả Bà-la-môn nhàm chán thế gian phiền bận, đã có những suy nghĩ: Sa-môn Thích tử phụng hành chấp pháp, rộng tu phạm hạnh, xuất gia nơi đó được dứt hết nguồn gốc khổ. Nghĩ như vậy rồi đến trong Tăng phường cầu xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo nói: Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói bốn điều nương dựa, nếu ông có thể trọn đời nương theo mới cho xuất gia, thọ giới cụ túc. Bà-la-môn nói: Bốn điều nương dựa là những gì? Các Tỳ-kheo liền nói rõ. Bà-la-môn nói: Bốn điều này đối với thế gian là tệ mạt, tôi không thể nương được. Nếu Đại đức cho

tôi thọ giới Cụ túc trước, vậy sau mới nói là việc đã rồi, tôi có thể làm theo. Thế là người Bà-la-môn trở về. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép chúng ta trao giới cụ túc rồi, vậy sau mới nói bốn điều nương dựa, thì người này đã không thối tâm. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ giới Cụ túc rồi, vậy sau mới nói bốn điều nương dựa.

Lúc này, có các Tỳ-kheo truyền giới cụ túc rồi, đi về trước, người mới thọ giới đi sau, gặp người dâm nữ, tình nhân cũ. Dâm nữ nói: Anh không thể sinh sống được nên vào đạo phải không? Người mới thọ giới nói: Tôi nhàm chán sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não, muốn dứt hết gốc khổ nên vào đạo phụng hành chánh pháp, rộng tu phạm hạnh. Dâm nữ nói: Như lời anh nói thì vấn đề giao hội không còn có nữa, nay có thể cùng em hành dục một lần cuối! Người mới thọ giới thuận tình, hành dục, chiều tối mới về. Các Tỳ-kheo hỏi: Tại sao thầy ở lại sau? Tỳ-kheo mới trả lời đúng sự thật. Các Tỳ-kheo bèn đuổi đi và nói: Thầy đi đi! Thầy đi ngay đi! Trong pháp của Tỳ-kheo, nếu làm việc này chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích chủng tử. Tỳ-kheo mới nghe vậy buồn rầu, ngất xỉu, nói: Nếu khi thọ giới nói với tôi, thì dù có mất mạng tôi đâu phạm điều này. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Thọ giới cụ túc rồi phải nói mười hai pháp: bốn pháp đọa, bốn pháp dụ, bốn pháp y.

Khi ấy, Đức Phật chưa cho phép các Tỳ-kheo có A-xà-lê. Lúc Hòa thượng của Tỳ-kheo qua đời, do không có Hòa thượng, A-xà-lê nên họ mặc y trên dưới không như pháp, cho đến ăn nói ồn ào như trước. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật, Đức Phật dạy: Từ nay vì mười điều lợi, cho phép các Tỳ-kheo có A-xà-lê. A-xà-lê tự nhiên sinh tâm xem đệ tử như con, đệ tử tự nhiên xem A-xà-lê như cha. Mọi việc thờ kính như trong pháp thờ Hòa thượng đã nói. Đức Phật cho phép có A-xà-lê, quý thầy không biết có mấy hạng A-xà-lê, bạch Phật. Phật dạy: Có năm hạng A-xà-lê: A-xà-lê xuất gia, A-xà-lê giáo thọ, A-xà-lê Yết-ma, A-xà-lê thọ kinh, và A-xà-lê y chỉ. Các Tỳ-kheo không biết thế nào là năm hạng A-xà-lê ấy, bạch Phật. Phật dạy: Mới bắt đầu độ cho thọ giới Sa-di gọi là A-xà-lê xuất gia. Khi thọ giới Cụ túc, người dạy oai nghi gọi là A-xà-lê giáo thọ. Khi thọ giới cụ túc, người tác pháp Yết-ma gọi là A-xà-lê Yết-ma. Người dạy kinh cho đến chỉ một ngày gọi là A-xà-lê thọ kinh. Người mình y chỉ dù chỉ một đêm, gọi là A-xà-lê y chỉ. Đức Phật đã cho phép có A-xà-lê y chỉ, bèn y chỉ Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, người tâm cuồng, tâm bệnh hoại, người bị cử tội, người bị tẫn xuất, người ở khác chỗ, người biệt trú, người hành Ma-na-đỏa, người hành bổn nhật, người nên xuất tội, người tự ngôn, người đa nhân ngữ, người làm các Yết-ma. Quý vị bạch Phật. Phật

dạy: Không nên y chỉ những người như trên, chỉ có phép y chỉ Tỳ-kheo như pháp.

Trong vấn đề này, có trường hợp thành tựu việc xin y chỉ, có trường hợp không thành tựu việc xin y chỉ, có trường hợp thành tựu cho y chỉ, có trường hợp không thành tựu cho y chỉ, có trường hợp thành tựu thọ y chỉ, có trường hợp không thành tựu thọ y chỉ.

Trường hợp không thành tựu xin y chỉ: Nếu Tỳ-kheo xin y chỉ với Tỳ-kheo-ni, hay Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, cho đến xin y chỉ với các vị Yết-ma. Như vậy gọi là không thành tựu vấn đề xin y chỉ. Nếu xin y chỉ với Tỳ-kheo như pháp mà không nói: Con tên… nay cầu Đại đức làm y chỉ. Đại đức vì con làm y chỉ. Con y chỉ nơi Đại đức để ở. Đại đức sẽ giáo giới con. Con sẽ vâng lời dạy bảo của Đại đức. Không nói như vậy cũng không thành tựu vấn đề xin y chỉ. Thành tựu vấn đề xin y chỉ: Đến trước Tỳ-kheo như pháp thưa xin như trên thì gọi là thành tựu vấn đề xin y chỉ.

Không thành tựu vấn đề cho y chỉ: Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, cho đến các vị Yết-ma cho Tỳ-kheo y chỉ. Như vậy gọi là không thành tựu cho y chỉ. Nếu đối trước Tỳ-kheo như pháp, cầu xin như pháp rồi, mà vị được cầu xin không nói: Ngươi chớ buông lung, như vậy cũng không thành tựu cho y chỉ. Đó gọi là không thành tựu cho y chỉ. Thành tựu vấn đề cho y chỉ: Đối với

Tỳ-kheo như pháp, cầu xin như pháp rồi, vị được cầu xin nói: Ngươi chớ phóng dật. Như vậy gọi là thành tựu vấn đề cho y chỉ.

Không thành tựu vấn đề thọ y chỉ: Tỳ-kheo tới nơi Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, cho đến các vị tác Yết-ma thọ y chỉ, đều không gọi là thọ y chỉ. Nếu đối với Tỳ-kheo như pháp không thưa lời như vầy: Con tên là… nay cầu Đại đức y chỉ… cho đến câu: Con sẽ vâng lời Đại đức dạy bảo, cũng không thành thọ y chỉ. Như vậy gọi là không thành tựu thọ y chỉ. Thành tựu thọ y chỉ: Đối với Tỳ-kheo như pháp thưa như vầy: Con tên là… nay cầu Đại đức y chỉ… cho đến câu: Con sẽ vâng lời dạy bảo của Đại đức. Như vậy gọi là thành tựu thọ y chỉ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo cách vách thọ y chỉ, hoặc không cung kính, trùm đầu, trùm vai, mang giày dép, ngồi, nằm thọ y chỉ. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật. Phật dạy: Nên để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, chấp tay, quay mặt lại thưa: Con tên là… nay cầu Đại đức làm y chỉ… cho đến câu: Con sẽ vâng lời Đại đức dạy bảo.

Lúc này, Lục quần Tỳ-kheo không kính Hòa thượng, A-xà-lê, không kính giới, các Tỳ-kheo khác cũng có vị bắt chước theo. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật, Đức Phật hỏi Lục quần Tỳ-kheo và các Tỳ-kheo:

Thật sự các ông có như vậy không?

Sự thật chúng con có như vậy, bạch Thế tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Các ông ngu si, tại sao không kính thầy, không kính giới? Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay các Tỳ-kheo nếu không kính Hòa thượng, A-xà-lê, không kính giới thì phạm Đột-kiết-la.

Các Tỳ-kheo vẫn còn có người không kính, quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Nên tác pháp không cùng nói năng. Các Tỳ-kheo lại tác pháp không cùng nói năng suốt đời, cũng không gặp nhau, hoặc đuổi ra khỏi chỗ ở. Cũng cùng với Tỳ-kheo ngu si, Tỳ-kheo vô tội, tác pháp không cùng nói năng. Lại không nói tội của người kia mà tác pháp không cùng nói năng. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Không nên vì không kính Hòa thượng, A-xà-lê mà tác pháp không cùng nói năng suốt đời. Người si, người vô tội không nên tác pháp không cùng nói năng, cũng không nên không nói tội của người kia mà tác pháp không cùng nói năng.

Không cùng nói năng có năm trường hợp:

Một là nói: Ông đừng nói gì với tôi.

Hai là nói: Ông làm gì đừng thưa với tôi.

Ba-là nói: Ông đừng vào phòng tôi.

Bốn là nói: Ông đừng cầm y bát và giúp tôi làm mọi việc.

Năm là nói: Ông đừng thấy mặt tôi.

Các Tỳ-kheo lại do việc nhỏ mà tác pháp không cùng nói năng. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên vì một việc nhỏ mà tác pháp không cùng nói năng. Nếu đệ tử tạo năm việc thì thầy nên tác pháp không cùng nói năng: Đối với thầy không hổ, không thẹn, không cung kính, không mến, không cúng dường. Đó là năm việc. Không có năm việc này thì không nên tác pháp không cùng nói năng.

Có các Tỳ-kheo đã tác pháp không cùng nói năng với đệ tử rồi lại cùng nói, cùng ở nên đệ tử càng thêm kiêu mạn. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên đã tác pháp không cùng nói năng rồi lại cùng nói, cùng ở. Ta không vì khiến cho người kia mất sự y chỉ mà tác pháp không cùng nói năng, chỉ vì nhằm điều phục để chấm dứt, hướng đến Niết-bàn nên tác pháp không cùng nói năng. Nếu trở lại cùng nói thì phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo vì đệ tử tác pháp không cùng nói năng, các Tỳ-kheo khác vội vàng cùng nói năng, do đó đệ tử càng kiêu mạn đối với thầy. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên cùng nói năng với đệ tử của người khác mà họ đã tác pháp không cùng nói năng. Đức Phật không cho phép người khác cùng nói năng, do vậy đương sự hoàn tục hoặc làm ngoại đạo. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nếu muốn dạy người kia ăn năn đối với thầy thì cho phép được cùng nói năng.

Khi ấy, có thầy tác pháp không cùng nói năng đối với các đệ tử, đệ tử không chịu ăn năn. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên không ăn năn, nên sám hối như vầy: Để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, lấy hai tay ôm chân thầy. Với tất cả sự khép nép, bạch: Con còn nhỏ dại ngu si, sau không dám tái phạm.

Bấy giờ, có thầy không nhận lấy sự sám hối của đệ tử. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Nếu đệ tử hồi tâm biết xấu hổ, cung kính, quý mến, cúng dường thì không nên không nhận sự sám hối, người chịu sám hối thì tội tiêu trừ.

Lúc này, có các thầy không biết đệ tử phạm giới hay không phạm giới, ăn năn hay không ăn năn, thấy đệ tử phạm giới không dạy bảo la rầy. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Thầy nên biết đệ tử phạm giới hay không phạm giới, ăn năn hay không ăn năn, thấy đệ tử phạm giới nên dạy bảo la rầy, nếu không biết hay không la rầy dạy bảo, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo thường trú không kính lễ Tỳ-kheo vãng lai, Tỳ-kheo vãng lai cũng không kính lễ Tỳ-kheo thường trú. Tỳ-kheo thường trú cũng không kính lễ nhau. Có một Tỳ-kheo đến một trú xứ không kính lễ các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo hỏi: Thầy ở đâu đến? Tỳ-kheo ấy đáp: Tôi ở… đến. Các Tỳ-kheo nói: Xem thế thì biết các Tỳ-kheo nơi trú xứ của thầy đều kiêu mạn như thầy. Chúng tôi không thể ở chung. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Tất

cả phải kính lễ nhau, nếu không kính lễ phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo hoặc cách vách mà kính lễ, hoặc từ xa mà kính lễ, hoặc nằm rồi miệng nói: Hòa nam (kính lễ), hoặc đưa thẳng tay lên, hoặc cúi đầu một chút. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Phật dạy: Không nên kính lễ như vậy, nên một lần cung kính, cởi bỏ giày dép, để trống vai bên phải, hai đầu gối sát đất, tiếp giáp với chân mà kính lễ. Có các Tỳ-kheo đảnh lễ khắp tất cả các Tỳ-kheo nên bị lạc bạn, bạch Phật. Phật dạy: Chỉ nên kính lễ bậc thầy và lễ chung hết các vị khác rồi đi.

Khi ấy, Tỳ-kheo Ưu-ba-tư-na hai tuổi hạ, dẫn đệ tử một tuổi hạ đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Sau đó, người đệ tử lễ Phật, cái đãy đựng bát rơi trên đầu gối Đức Phật. Đức Phật hỏi Ưu-ba-tư-na:

Thầy này là đệ tử ai?

Bạch Thế Tôn! Đệ tử của con.

Thầy bao nhiêu tuổi hạ?

Con hai tuổi hạ, bạch Thế tôn. Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Thầy làm điều phi pháp. Tại sao chính mình chưa rời khỏi bầu sữa mà lại làm bầu sữa cho người!

Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Không nên mới một tuổi hạ cho đến chín tuổi hạ mà trao giới cụ túc cho người. Mười tuổi hạ như pháp, vậy sau mới được trao giới. Nếu chưa đủ mười tuổi hạ và không như pháp mà trao giới cụ túc cho người thì phạm Đột-kiết-la. Chín tuổi hạ còn phải nương dựa người khác.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 17

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP THỌ GIỚI (Tiếp Theo)

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, có một ngoại đạo lõa hình rất thông minh, người trong nước Ma-kiệt gọi là kẻ biết nhiều thấy rộng, ông ta đến trong Tăng phường hỏi: Sa-môn Thích tử có ai dám cùng ta luận nghị? Thời điểm ấy các Tỳ-kheo đang an trú trong thiền định, không ai chịu luận nghị, cũng không ai chịu nói chuyện. Tôn giả Xá-lợi-phất khởi ý niệm: Người này nói như vậy, nếu không có vị nào luận nghị, chắc sẽ hủy nhục Phật pháp. Nay ta có thể cùng người này luận nghị. Hơn nữa, Ni-kiền này được người trong nước Ma-kiệt tôn kính, nếu ta dùng một cú nghĩa để hỏi, không thể thông suốt, chắc mất tiếng đồn có thể trở về với đại pháp. Nay ta nên dùng thời gian bảy ngày để

luận nghị. Nghĩ như vậy rồi, tuyên bố: Tôi sẽ cùng ông luận nghị trong bảy ngày.

Bấy giờ, thành Vương-xá, Trưởng giả, Cư sĩ, Sa-môn, Bà-la-môn đều cùng nghĩ: Sa-môn Thích tử Xá-lợi-phất là đệ nhị sư hẹn cùng Ni-kiền đệ nhất sư bảy ngày luận nghị, chúng ta sẽ cùng nhau đến nghe. Thời hạn từ ngày thứ nhất đến ngày thứ sáu luận nói bao nhiêu việc đều khiến cho Ni-kiền thắt lưỡi lại, đến ngày thứ bảy, Xá-lợi-phất nói: Dục từ tư tưởng sinh. Ni-kiền-tử nói: Dục từ đối cảnh sinh. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

Thế gian dục là gốc
Đều từ tư tưởng sinh
Trụ thế gian do dục
Nên có tâm nhiễm đắm.

Ni-kiền liền dùng kệ nạn vấn lại:

Nếu dục do tưởng sinh
Do đó sinh nhiễm đắm
Tỳ-kheo giác quán ác
Bèn mất ngay phạm hạnh?

Xá-lợi-phất lại dùng kệ trả lời:

Nếu tưởng không sinh dục
Mà từ đối tượng sinh
Thầy ông thấy các sắc
Tại sao không thọ dục?

Ni-kiền nghe kệ này rồi không thể trả lời thêm được gì bèn sinh tâm thiện, muốn xuất gia học đạo

trong giáo pháp của Đức Phật. Ngay lúc ấy, Bạt-nan-đà là người có tướng mạo cao đẹp nhất trong chúng, còn Xá-lợi-phất lại hình dung thấp nhỏ, Ni-kiền khởi ý nghĩ: Tỳ-kheo thấp nhỏ này mà tài trí còn như vậy, huống chi là người với tướng mạo đường đường kia. Ni-kiền liền đến chỗ Bạt-nan-đà thưa: Cho con xuất gia thọ giới cụ túc. Bạt-nan-đà liền độ. Xá-lợi-phất luận nghị xong, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi ngồi lui ra một bên. Đức Phật hỏi:

Thầy cùng Ni-kiền luận nghị bảy ngày như thế nào? Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ.

Đức Phật khen:

Lành thay! Lành thay Xá-lợi-phất! Thầy có nhiều sự thương xót, có nhiều sự lợi ích.

Tỳ-kheo-Ni-kiền kia hỏi Bạt-nan-đà về kinh luật, đều không thể trả lời được, bèn khinh khi Phật pháp, cho là các Tỳ-kheo đều không biết gì, trở về lại ngoại đạo. Các Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi, quở trách: Tại sao Tỳ-kheo mười tuổi hạ mà không biết pháp, không thể vì đệ tử giải quyết sự nghi hoặc khiến họ trở về lại với ngoại đạo? Quý vị bạch Phật. Đức Phật hỏi Bạt-nan-đà:

Sự thật thầy có như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Sự thật con có như vậy.

Đức Phật quở trách như trên rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Nếu chính mình không biết pháp mà cho người xuất gia thọ giới Cụ túc, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo nào thành tựu mười pháp được trao giới cụ túc cho người: Thành tựu giới, thành tựu oai nghi, cẩn thận sợ tội nhỏ. Đa văn, có khả năng thọ trì pháp Phật nói. Tụng rành hai bộ luật, phân biệt nghĩa lý. Đủ khả năng dạy đệ tử tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học. Có khả năng trừ nghi cho đệ tử, cũng khiến cho người trừ nghi của họ. Có khả năng trị bệnh cho đệ tử, cũng có khả năng khiến cho người trị bệnh của họ, đệ tử sinh tà kiến ác có thể dạy cho họ bỏ, cũng có thể khiến cho người dạy bỏ. Nếu quốc độ nào, đệ tử hiểu biết còn sai lầm thì có khả năng xoay ý hướng cho họ, cũng có khả năng khiến cho người xoay chuyển việc đó. Đủ mười tuổi hay hơn mười tuổi. Lại thành tựu mười pháp nên trao giới cụ túc cho người: Biết tội nặng, biết tội nhẹ. Biết tội thô, biết phi tội thô. Biết tội hữu dư, biết tội vô dư. Biết tội có Yết-ma, biết tội không Yết-ma. Biết nhân duyên của tội. Đủ mười tuổi hay hơn mười tuổi. Lại phải thành tựu năm pháp nên trao giới cụ túc cho người: Có khả năng dạy đệ tử tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, xét kỹ việc làm của mình, buộc niệm trước mắt. Lại thành tựu năm pháp: (ba pháp trước như trên) Thông minh, Biện tài. Lại thành tựu năm pháp: Giới thành tựu, Định thành tựu, Tuệ thành tựu, Giải thoát thành tựu, Giải thoát tri kiến thành

tựu. Lại thành tựu năm pháp: Chính mình trụ nơi giới, dạy người trụ nơi giới. Tự mình trụ nơi định, dạy người trụ nơi định. Tự mình trụ nơi tuệ, dạy người trụ nơi tuệ. Tự mình trụ nơi giải thoát, dạy người trụ nơi giải thoát. Tự mình trụ nơi giải thoát tri kiến, dạy người trụ nơi giải thoát tri kiến. Lại thành tựu năm pháp: Thành tựu giới chúng vô học, định chúng vô học, tuệ chúng vô học, giải thoát chúng vô học, giải thoát tri kiến chúng vô học. Lại thành tựu năm pháp: Có khả năng dạy đệ tử tăng thượng giới, tăng thượng phạm hạnh. Biết phạm, biết không phạm. Biết sám hối, chưa sám hối. Đủ mười tuổi hoặc hơn mười tuổi. Nên trao giới cụ túc cho người. Độ Sa-di hay vì người làm y chỉ cũng như vậy.

Có một ngoại đạo muốn xuất gia, đến trong Tăng phường thưa với các Tỳ-kheo: Bạch Đại đức cho tôi xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Trước hết nên bạch nhị Yết-ma cho họ biệt trú bốn tháng để thử thách họ. Nếu hợp ý với các Tỳ-kheo, vậy sau mới cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi tác pháp Yết-ma nên bảo ngoại đạo cởi bỏ giày dép, để trống vai bên phải, kính lễ sát chân tất cả Tăng, quỳ gối chấp tay, thưa:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên là… trước đây là ngoại đạo, nay cầu xin xuất gia trong pháp luật này, đến xin Tăng bốn tháng Biệt trú, xin Tăng

rủ lòng thương cho con làm pháp Biệt trú. Nếu hợp ý với các Tỳ-kheo thì sau đó cho con xuất gia thọ giới cụ túc. Xin như vậy Ba lần. Tăng nên sai một Tỳ-kheo như pháp bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là… trước đây là ngoại đạo, nay muốn xuất gia thọ giới Cụ túc trong pháp luật này, nay đến xin Tăng pháp bốn tháng Biệt trú. Nay Tăng cho pháp bốn tháng Biệt trú. Nếu sau đó hợp ý với Tăng sẽ cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là… trước đây là ngoại đạo, nay muốn xuất gia thọ giới Cụ túc trong pháp luật này, đến Tăng xin bốn tháng Biệt trú. Nay Tăng cho bốn tháng Biệt trú. Nếu sau đó hợp ý với Tăng sẽ cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Trưởng lão nào chấp thuận xin im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã cho ngoại đạo tên là… pháp bốn tháng Biệt trú rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Không hợp ý với Tăng: Nghĩa là sáng sớm vào xóm làng chiều tối mới về, hoặc thường tới lui nhà đàn bà, dâm nữ, đồng nữ lớn tuổi, thường cùng với chúng nói năng, tìm cầu sắc dục bằng mọi phương tiện, hoặc nghe chê bai ngoại đạo trước đây đã theo thì ôm lòng giận dữ, nghe khen ngợi Tam bảo

không vui, không thích, không ưa thích oai nghi Tỳ-kheo, không ưa tụng tập kinh Phật, không ưa thọ giáo giới. Như vậy gọi là không hợp ý với Tăng. Nếu ngược lại là hợp ý thì nên cho xuất gia thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ người mắc nợ cho thọ giới cụ túc. Thọ giới cụ túc rồi vào trong thành khất thực, chủ nợ thấy, nói: Người trả nợ cho tôi, ai cho người xuất gia? Có người nói: Nên đoạt lấy y bát, bắt đem đến cửa quan. Có người nói: Họ đã vào trong thành vô úy, nên thả đi cho rồi. Tại sao vậy? Vua Bình-sa có ra lệnh: Trong nước, nếu ai hủy nhục Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sẽ bị trọng tội. Người chủ nợ bèn chê trách nói: Các Sa-môn này, không biết người nào nên độ, người nào không nên độ, tại sao lại độ kẻ mắc nợ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Tỳ-kheo Trưởng lão nghe bèn nghiêm khắc quở trách rồi bạch Phật. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các thầy có như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Sự thật chúng con có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Không nên độ người mắc nợ, cho thọ giới cụ túc. Khi độ và trao giới cụ túc, trước hết nên hỏi: Ngươi có mắc nợ ai không? Nếu nói không mắc nợ thì nên độ, nên cho thọ giới. Nếu nói có mắc nợ thì

không độ, không nên cho thọ giới, nếu độ, cho thọ giới đều phạm Đột-kiết-la. Nếu không hỏi cũng như thế. Độ đầy tớ cũng như vậy.

Khi ấy, có một thiếu nhi cha mẹ bảo đến thầy học chữ và các kỹ thuật. Ông thầy dạy học sai làm các việc và thường đánh đòn. Thiếu nhi bỏ thầy về lại nhà. Cha mẹ liền bảo trở lại nhà thầy. Thiếu nhi nghĩ: Ông thầy hành hạ ta, cha mẹ lại không bênh ta. Nay ta nên bằng cách nào để cho thoát khỏi nạn này? Chỉ có một cách xuất gia thọ giới cụ túc. Nghĩ xong, liền đến Tăng phường thưa với Tỳ-kheo: Cho con xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo bèn độ. Ông thầy giáo mất học trò, đến hỏi cha mẹ nó, cha mẹ nó nói: Tôi bảo nó trở lại nơi thầy, tại sao không có! Thế là cha mẹ nó và ông thầy đi tìm khắp nơi, đến Tăng phường hỏi các Tỳ-kheo… Các Tỳ-kheo đều nói không thấy, trong đó chỉ vị ấy đứng im lặng. Thầy giáo và cha mẹ nó tìm không được nên ra về. Sau đấy, thiếu nhi này vào thành khất thực, thầy giáo thấy chê trách nói: Sa-môn Thích tử thường nói không nói dối, tại sao độ người của tôi lại nói không thấy? Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên độ người của kẻ khác, cũng như trên đã nói. Từ nay nếu độ người nên dẫn đến từng phòng để lễ Tăng, tự xưng danh tự khiến cho Tăng đều biết.

Lúc này, nơi thành Xá-vệ có nhóm đồng tử

mười bảy người, chưa đủ hai mươi tuổi, Tất-lăng-già-bà-ta cho thọ giới cụ túc, không thể kham nhẫn được sự đói rét nên kêu khóc đòi ăn (như trong giới kinh đã nói). Khi cho thọ giới cụ túc nên hỏi đã đủ hai mươi tuổi chưa?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ đám giặc ở chỗ A-luyện-nhã cho thọ giới cụ túc, sau đó vào thành Vương-xá khất thực, các Cư sĩ nói: Người này trước đây giết tôi như vậy, như vậy, họ đã cướp lấy của cải của tôi. Có người nói nên bắt đem đến nộp cho quan… cho đến câu: Phật bảo Tỳ-kheo không nên độ (như trên đã nói). Lại có các đám giặc nhàm chán việc ác, cầu xuất gia thọ giới cụ túc. Các Tỳ-kheo không biết nên giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép đem đến chỗ không ai biết họ, cho xuất gia thọ giới Cụ túc.

Khi đó, có một người gây tai họa cho thôn ấp, nhà chức trách tâu với Vua: Xin Vua ra lệnh cho nó đừng làm ác. Vua bảo: Các ngươi dẫn nó đến đây ta sẽ cho người giết nó. Thủ phạm nghe được liền trốn thoát. Truy tìm không ra, nhà chức trách lại tâu với Vua. Vua liền ra lệnh: Nếu bắt được cho phép giết liền. Thủ phạm nghe, khởi ý niệm: Nay ta trốn chỗ nào cho được an toàn tánh mạng? Chỉ nơi đạo Sa-môn Thích tử mới cứu được ta. Thủ phạm bèn đến trong Tăng phường cầu xuất gia. Các Tỳ-kheo liền độ. Sau đó vào thành Vương-xá khất thực, mọi người thấy, muốn bắt giết. Có người

nói: Xuất gia rồi coi như đã chết, khỏi phải giết làm chi. Có người nói: Người này đã vào trong thành vô úy… cho đến

câu: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Không nên độ (như trước đã nói).

Lúc ấy, Bạt-nan-đà có hai Sa-di, một tên là Kiển-trà, một tên là Ma-kiệt-đà, hành dâm lẫn nhau. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Đức Phật hỏi Bạt-nan-đà:

Sự thật ông có nuôi hai Sa-di không?

Bạch Thế Tôn! Có.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Không nên nuôi hai Sa-di, nếu nuôi thì phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, có một gia đình bị phi nhân làm hại chỉ còn hai cha con. Ông cha khởi ý: Nhà ta bị tai ương, tang khó chưa mãn lại bị đói khổ cùng cực, nên đến nơi nào để tránh khỏi họa này! Ông ta lại nghĩ: Sa-môn Thích tử được nhiều sự cúng dường, đau ốm có thuốc thang. Nay ta có thể dẫn hài nhi vào đó xin xuất gia thọ giới Cụ túc. Nghĩ rồi liền đến Tăng phường thưa các Tỳ-kheo: Cho con xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo bèn cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi vào thành khất thực, Tỳ-kheo kia, một tay bồng con một tay bưng bình bát, các bạch y thấy chê bai nói: Sa-môn Thích tử này

không tu phạm hạnh. Hoặc có người nói, khi chưa xuất gia, hài nhi này đã có rồi. Nhưng các Tỳ-kheo sao không đợi hài nhi lớn rồi mới độ họ, để người này phải bồng con khất thực. Ai mà không lầm tưởng người này phá phạm hạnh?! Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên độ người có tiểu nhi.

Khi đó, người nước Ma-kiệt mắc phải bảy thứ trọng bệnh: Cả người mọc mụt ghê tởm, ung nhọt, hủi trắng, nửa người khô da quái gỡ, loang lỗ từng chấm đỏ, mỡ chảy ra. Chữa trị các chứng này chỉ có Kỳ-vức, ngoài ra không ai chữa được. Vua Bình-sa có ra lệnh cho Kỳ-vức: Ngươi nên trị bệnh cho nội cung của ta và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, không được trị cho người khác. Do đó, các bệnh nhân đều tìm cách xuất gia thọ giới Cụ túc, các Tỳ-kheo đều cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Vì phải tìm dược thảo và bào chế thuốc nên bận rộn nhiều việc, nên Tỳ-kheo bê trễ việc hành đạo. Các bạch y thấy chê trách, nói: Các Sa-môn như thầy thuốc, như đệ tử của thầy thuốc thường bào chế thang dược độ người trọng bệnh, không cân nhắc người đáng độ hay không đáng độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn.

Trường hợp có một Trưởng giả, bỗng nhiên mắc phải bảy thứ trọng bệnh, đến nói với Kỳ-vức: Chữa giùm bệnh cho tôi: Kỳ-vức trả lời: Ông không nghe nhà Vua ra lệnh hay chăng? Ông

Trưởng giả nói: Ông bí mật vì tôi chữa bệnh, tôi sẽ tạ ông trăm ngàn kim tiền. Kỳ-vức trả lời như ban đầu. Ông Trưởng giả lại hứa tặng thêm hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm ngàn kim tiền, cho đến giao hết gia tài sự nghiệp và cả vợ con đều làm nô tỳ. Kỳ-vức vẫn trả lời như lúc đầu. Ông Trưởng giả khởi ý niệm: Đến thế này vẫn không kết quả, chỉ còn có cách xuất gia thọ giới Cụ túc. Ông bèn đến Tăng phường bạch với các Tỳ-kheo xin xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo liền cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Kỳ-vức chữa suốt bảy ngày là lành hết các trọng bệnh nên không còn thì giờ để trị bệnh cho người trong cung Vua. Bệnh nhân trong cung có người phải chết. Ông Trưởng giả kia lành bệnh rồi liền hoàn tục. Kỳ-vức thấy, hỏi: Ông đã xuất gia tại sao lại bỏ đạo. Ông Trưởng giả nói: Sự thật tôi không có ý xuất gia, do ông không chịu chữa bệnh cho tôi, nên tôi quyền biến xuất gia, nay bệnh lành rồi thì hoàn tục. Khi ấy, Kỳ-vức đến chỗ Đức Phật, trình bày đầy đủ sự việc và thưa: Nếu nhà Vua biết việc này thì tội tôi không phải nhỏ, nguyện xin Đức Phật dạy các Tỳ-kheo không nên độ người có trọng bệnh. Đức Phật vì Kỳ-vức nói các pháp diệu rồi khiến ông về lại chỗ ở. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các thầy có độ người trọng bệnh hay không?

Bạch Đức Thế Tôn! Có.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Không nên độ người có trọng bệnh (như trên).

Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ người thuộc về của nhà quan. Khi vào thành Vương-xá khất thực, các Cư sĩ thấy, biết, chê trách, nói: Tại sao Sa-môn Thích tử độ người thuộc của nhà quan, các người này không biết ai là người nên độ, ai không nên độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Hơn nữa, Vua A-xà-thế có một kiện tướng, sức mạnh bằng một ngàn người, người đời bấy giờ gọi là lực sĩ thiên nhân. Ông nhàm chán đời khổ, nên có suy nghĩ: Các Sa-môn Thích tử đều phụng hành chánh pháp, ta nên đến đó xuất gia để dứt trừ gốc khổ. Ông đến trong Tăng phường cầu độ, các Tỳ-kheo liền độ. Sau đó, nhà Vua muốn xuất quân, không thấy có người này, liền hỏi phần hành thuộc ông ta quyền. Họ tâu với Vua: Không biết lực sĩ thiên nhân ở đâu. Nhà Vua liền ra lệnh: Nếu quân đội tập hợp quân sĩ nào không đến, sẽ dùng quân pháp trị tội. Ngày quân đội tập hợp, nhà Vua lại hỏi: Kiện tướng đến chưa? Tâu chưa đến. Nhà Vua nói: Bộ binh mà không có người này cũng như tượng quân không có đệ nhất tượng. Khi quân giáp đã giải tán, mới nghe Sa-môn Thích tử độ cho xuất gia, nhà Vua nổi giận: Như thế này thì không lâu lắm Sa-môn Thích tử sẽ độ hết binh chủng của ta. Nhà Vua liền nghiêm cấm: Nếu độ quan nhân sẽ chẻ gân cốt

vị Hòa thượng, cắt lưỡi A-xà-lê, còn các Tăng khác sẽ trị thật nặng, lấy cát lột

da đánh tám roi, đuổi ra khỏi nước. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

Sự thật các thầy có như vậy không?

Bạch Đức Thế Tôn! Có thật như thế.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Không nên độ người thuộc của nhà quan (cũng như trước).

Khi ấy, các Tỳ-kheo ở mãi nơi thành Vương-xá, các Cư sĩ dè bỉu, nói: Ngoại đạo còn có biết tùy thời đi ở. Sa-môn Thích tử cột chặt niềm vui một chỗ, bốn mùa không thay đổi cùng người đời đâu có khác? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Ông phổ biến đến các Tỳ-kheo: Nay Như Lai sẽ du hành về phương Nam, vị nào muốn tháp tùng thì tùy ý.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật đi phổ biến chỉ thị này. Trong số các Tỳ-kheo từ một tuổi hạ cho đến chín tuổi hạ, thông minh biết hổ thẹn, muốn học giới, khởi ý niệm: Nếu Hòa thượng A-xà-lê của ta đi thì đi theo các thầy còn không đi thì cũng được. Tại sao vậy? Nếu ở đây ta thỉnh y chỉ, đến đó lại cùng thỉnh y chỉ thì lắm chuyện, lắm việc, phế bỏ việc hành đạo. Lúc Đức Phật khởi hành, các vị tùy

tùng rất ít. Đức Phật cùng số ít Tỳ-kheo du hành về phương Nam. Chậm rãi thời gian đi qua, Đức Phật lại trở về thành Vương-xá. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tôn giả A-nan: Tại sao các Tỳ-kheo cùng ta du hành về phương nam quá ít? Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ vấn đề. Đức Phật bằng mọi cách khen ngợi người thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới rồi, bảo các Tỳ-kheo: Người nào thành tựu năm pháp được lìa y chỉ: Giới thành tựu, định thành tựu, tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. (đều như trong giới "Được trao giới cho người" đã nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại nước Thích Ca, các Tỳ-kheo độ người chưa được cha mẹ họ cho phép. Các Cư sĩ dị nghị, nói (như trên). Sau đó, Đức Thế Tôn sáng sớm đắp y bưng bát đến cung Vua Tịnh Phạn. Khi ấy, mẹ của La-hầu-la dẫn La-hầu-la lên trên lầu cao, từ xa thấy Phật đi đến, nói:

Con thấy Sa-môn kia không La-hầu-la thưa:

Con có thấy. Gia Du lại nói:

Đó là cha của con, con có thể đến đòi của cải.

Đức Phật vào trong cung, ngồi nơi chỗ đất trống trước sân. La-

hầu-la chạy xuống lầu tới chỗ Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi đứng trong bóng của Đức Phật, thưa:

Bóng mát này thích quá. Nguyện Phật cho của cải của cha con. Đức Phật nói:

Con nghĩ kỹ, có muốn được hay không? La-hầu-la thưa:

Con muốn được.

Đức Phật bèn dẫn về chỗ ở, bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

Ông có thể độ đứa nhỏ này. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

Trước đây Đức Thế Tôn cấm không được nuôi hai Sa-di, con đã có Châu-na rồi, không thể độ nữa.

Đức Phật dạy:

Nay cho phép những người như ông, có khả năng giáo giới được nuôi hai Sa-di.

Thể thức độ như sau: Trước hết trao cho ba pháp quy y của Ưu-bà-tắc, dạy họ nói: Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Nói như vậy Ba lần. Lại dạy nói: Con tên là… quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tỳ-kheo Tăng rồi. Cũng nói ba lần: Con là Ưu-bà-tắc của Phật Bà-già-bà. Lại nên dạy nói: Con tên là… trọn đời không sát sinh, trọn đời không trộm cắp, trọn đời không tà dâm, trọn đời không nói dối, trọn đời không uống rượu. Lại nên dạy nói: Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Nói như vậy Ba lần. Nay con ở trong chánh pháp của Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh

Giác, xuất gia làm Sa-di, Hòa thượng pháp hiệu… Kế tiếp dạy nói: Trọn đời không sát sinh là giới của Sa-di. Trọn đời không ăn trộm là giới của Sa-di. Trọn đời không dâm dục là giới của Sa-di. Trọn đời không nói dối là giới của Sa-di. Trọn đời không uống rượu là giới của Sa-di. Trọn đời không ca múa xướng hát, không xem nghe là giới của Sa-di. Trọn đời không đeo tràng hoa, thoa đồ thơm vào mình là giới của Sa-di. Trọn đời không ngồi nằm trên giường cao rộng là giới của Sa-di. Trọn đời không nhận và chứa cất vàng bạc, tiền của là giới của Sa-di. Trọn đời không ăn quá giờ ngọ là giới của Sa-di. Đây là mười giới của Sa-di. Khi ấy, Vua Tịnh Phạn nghe Phật đã độ La-hầu-la, nên rất áo não, đến chỗ Phật bạch: Xưa kia Phật xuất gia còn có Nan-đà không làm cho tôi áo não như vậy. Nan-đà đã lại xuất gia, còn chút hy vọng ký thác nơi đứa cháu này, nay lại xuất gia! Vấn đề thừa kế việc nước, việc nhà thế là đoạn tuyệt! Kẻ chưa dứt được vọng tình làm sao nhẫn chịu?! Nhà Vua lại nhân trường hợp của mình, bạch Phật: Sự luyến ái đối với con cháu còn hơn cốt tủy, tại sao các Tỳ-kheo lại lén dụ dẫn con người ta độ cho làm đạo, cúi xin Phật từ nay ra lệnh các Tỳ-kheo: Cha mẹ không cho phép thì không được độ. Đức Phật vì nhà Vua nói các pháp mầu, chỉ vẽ sự lợi ích khiến được hoan hỷ rồi, nhà Vua cáo từ trở về cung. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-

kheo:

Cha mẹ của họ không cho phép, thật sự các ông có độ họ cho thọ giới cụ túc hay không?

Đáp: Bạch Thế Tôn! Có.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay cha mẹ không cho không được độ (cũng như trước).

Lúc đó, tại thành Vương-xá có một Trưởng giả đại phú tin ưa Phật pháp, thường đãi cơm cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Sau đó bị phi nhân làm hại, chỉ còn hai đứa nhỏ, nghèo khổ bần cùng, thường lượm thức ăn dư để sống. Hai đứa nhỏ trước kia thường thấy các Tỳ-kheo, cho nên từ xa thấy các Tỳ-kheo bèn chạy đến, cầm y bát, ngồi trên bắp vế của Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sợ nhớp y bát nên tránh xa nó. Các Cư sĩ thấy, chê trách, nói: Nhà này, trước đây giàu có, tất cả Sa-môn không ngày nào là không đến, nay thấy kẻ mồ côi, bần cùng lại tránh đi xa, không biết ơn nuôi dưỡng, chỉ có thức ăn mới gần, không phạm hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các ông có như vậy không?

Bạch Đức Thế Tôn! Có.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi hỏi Tôn

giả A-nan:

Hai đứa nhỏ kia bao nhiêu tuổi? Có thể đuổi quạ nơi nhà ăn được hay chưa?

Tôn giả A-nan thưa:

Có thể đuổi được. Đứa lớn tám tuổi, đứa nhỏ bảy tuổi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Nay ta cho phép độ hai đứa nhỏ… cho đến câu: Có thể đuổi quạ. Các Tỳ-kheo độ hai đứa nhỏ rồi, sai nó đuổi quạ nơi nhà ăn mà không cho thức ăn chánh. Các Cư sĩ thấy, nói: Các Sa-môn này thường khen ngợi sự bố thí, ăn bình đẳng, nay độ hai đứa nhỏ này chỉ sai đuổi quạ mà không cho thức ăn chánh. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe bạch Phật. Đức Phật dạy: Như phần ăn của Thượng tọa nhận được, phần của

Sa-di cũng như vậy, đứa nhỏ đuổi quạ cũng cho bình đẳng như trên.

Bấy giờ, có một thanh niên hại mẹ, suy nghĩ về tội nặng, thường có sự hối hận sợ sệt, không biết làm thế nào để tiêu diệt tội này, nghĩ: Sa-môn Thích tử đều phụng hành chánh pháp, tịnh tu phạm hạnh, nếu ta vào đó xuất gia tội sẽ nhẹ bớt. Nghĩ xong, người thanh niên bèn đến Tăng phường thưa các Tỳ-kheo: Cho tôi xuất gia thọ giới Cụ túc. Các Tỳ-kheo hỏi thanh niên: Ngươi là ngoại đạo, không kính tin Phật pháp, tại sao nay lại muốn xuất gia ở nơi đây? Thanh niên đem sự thật để trả lời. Các Tỳ-

kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Người hại cha mẹ đối với giáo pháp của Ta không sinh lại, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã thọ giới Cụ túc thì nên diệt tẫn (đuổi đi).

Lúc ấy, có giặc ở A-luyện-nhã giết một Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, từ đó về sau, ông ta, tâm thường bị đốt cháy, não loạn, giống như tro nóng bị nướng cháy thân hình, ngày đêm thống khổ, không một chút bình yên, bèn nghĩ: Sa-môn Thích tử đều phụng hành chánh pháp, tịnh tu phạm hạnh, nếu ta xuất gia nơi đó có thể tránh khỏi nỗi nhiệt não này. Nghĩ rồi liền đến Tăng phường cầu xin xuất gia. Các Tỳ-kheo nói: Ông là giặc ở A-luyện-nhã thường ưa giết người cướp đoạt của cải của người, không có tâm thương xót, nay tại sao lại muốn xuất gia trong pháp luật của Phật? Đương sự bày tỏ sự thật để trả lời. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo bị giết kia là vị A-la-hán, nên kẻ sát này đối với giáo pháp của Ta không sinh lại, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã thọ giới Cụ túc thì nên diệt tẫn.

Khi đó, Điều-đạt với tâm ác làm thân Phật chảy máu, các Tỳ-kheo không biết phải nên đãi ngộ thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Với tâm ác làm thân Phật chảy máu, đối với giáo pháp của Ta không sinh lại, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc,

nếu đã thọ giới Cụ túc thì nên diệt tẫn. Điều-đạt phá Tăng cũng như vậy, không nên cho xuất gia.

Bấy giờ, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la, cùng với Đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị đầy đủ, tuần tự du hành đến bên sông Hắc-ám, dừng chân dưới rừng Ta la. Có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay, bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Rừng Ta la này là nơi phá phạm hạnh số đông Tỳ-kheo-ni.

Đức Phật hỏi:

Tại sao ngươi biết?

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con ở đây.

Đức Phật lại hỏi:

Ngươi có phá phạm hạnh của Tỳ-kheo-ni không?

Tỳ-kheo ấy thưa: Có.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Người phạm dâm Tỳ-kheo-ni đối với giáo pháp của Ta không sinh lại, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã thọ giới Cụ túc thì nên diệt tẫn.

Lúc này, có một A-tu-la tử nhàm chán sinh lão bệnh tử, khởi ý niệm: Sa-môn Thích tử đều phụng hành chánh pháp, tịnh tu phạm hạnh, ta nên đến đó xuất gia, sẽ dứt hết các gốc khổ. Nghĩ rồi, hóa thành hình người đến Tăng phường cầu xin xuất gia, các Tỳ-kheo liền cho thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo

mới này ăn phần ăn của một người cho đến bảy người mà vẫn không no, ăn cả thức ăn dư của Tăng mà vẫn không đủ. Khi ấy, thành Vương-xá có hai Cư sĩ, cùng một ngày, mỗi nơi mời năm trăm vị Tăng thọ trai. Các Tỳ-kheo đồng đến một nhà, chỉ riêng một Tỳ-kheo hóa thân này đến một nhà, trong chốc lát ăn hết năm trăm phần ăn, các Cư sĩ chê trách, nói: Tại sao các Tỳ-kheo lại độ phi nhân. Tỳ-kheo kia biết người ta biết rõ mình rồi, vội vã trở về vị trí cũ. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Đức Phật dạy: Ở trong giáo pháp của Ta phi nhân không sinh lại, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã thọ giới Cụ túc thì nên diệt tẫn. Khi thọ giới cụ túc nên hỏi: Ngươi có phải là phi nhân không?

Bấy giờ, Thiện Tử tại Long vương nhàm chán sinh, lão, bệnh, tử, khởi ý nghĩ muốn xuất gia, hóa thành thanh niên… cho đến câu: Các Tỳ-kheo độ cho thọ giới cụ túc, cũng như trên. Theo phép của loài rồng có hai thời gian không thể biến hình, một là khi hành dục, hai là khi ngủ. Sau đó, Tỳ-kheo mới này ngủ, thân đầy cả một phòng, hơi thở nghe như tiếng sấm, trở ngại các Tỳ-kheo tọa thiền, quý vị đến xem. Tỳ-kheo kia nghe tiếng người đến bèn thức dậy, trở lại làm thân hình của Tỳ-kheo, ngồi kiết già. Các Tỳ-kheo kêu: Mở cửa! Tỳ-kheo kia mở cửa. Các Tỳ-kheo hỏi: Thầy là ai? Tôi là Sa-môn Thích tử. Các Tỳ-kheo nói: Thầy đừng nói

dối. Tỳ-kheo kia bèn trả lời đúng sự thật. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Súc sinh ở trong giáo pháp của Ta không sinh lại, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu thọ giới Cụ túc rồi thì nên diệt tẫn. Từ nay khi thọ giới không biết thì nên để bảy ngày xem thử.

Lúc đó, các Tỳ-kheo độ người huỳnh môn cho thọ giới cụ túc. Người ấy kêu các Sa-di và người giữ vườn cùng làm hạnh bất tịnh, đi ra ngoài thấy người khác cũng làm như vậy. Các bạch y thấy chê bai, nói: Sa-môn Thích tử độ các Huỳnh môn, chắc sẽ cùng làm hạnh bất tịnh, đám người này không biết người nào nên độ, người nào không nên độ… cho đến câu: Nếu đã thọ giới Cụ túc thì nên diệt tẫn, cũng như trên. Khi thọ giới cụ túc nên hỏi trước: Ngươi có phải là trượng phu hay chăng? Hai căn cũng như vậy.

Khi ấy, có một gia đình bị phi nhân làm hại, chỉ còn sống sót ông chủ nhà, ông ta nghĩ: Nay ta cùng cực đói khổ, nên tìm phương cách nào để cứu toàn tánh mạng! Ông ta nghĩ: Sa-môn Thích tử được nhiều y thực, đau ốm có thuốc thang. Ta nay nên tự cạo đầu, mặc áo cà sa ở nhà rồi hằng ngày đến nơi Tăng phường theo thứ tự nhận thức ăn. Nghĩ như vậy rồi liền cạo đầu làm Tỳ-kheo, đến trú xứ của Tỳ-kheo tìm thức ăn. Các Tỳ-kheo kính lễ vị ấy đều nhận, vị ấy cũng kính lễ Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hỏi: Tại sao thầy kính lễ người khác, lại nhận

người khác kính lễ? Thầy bao nhiêu tuổi? Thọ giới khi nào? Hòa thượng, A-xà-lê của thầy là ai? Tỳ-kheo ấy đáp: Tôi tự cạo đầu mặc pháp phục, không có Hòa thượng, không có năm tháng thọ giới. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nếu tự cạo đầu, tự xưng Tỳ-kheo, ở trong giáo pháp của Ta không sinh, không nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu đã thọ giới Cụ túc thì phải diệt tẫn.

Bấy giờ, đệ tử của Bạt-nan-đà là Tỳ-kheo-Ni-kiền, trước kia bỏ đạo sau lại đến xin xuất gia. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Người ngoại đạo đã từng bỏ chánh pháp, ở trong pháp của ta không sinh, không nên cho thọ giới cụ túc, nếu đã thọ giới Cụ túc thì phải diệt tẫn.

Lúc này, Bạt-kỳ Tử Tôn Đà La Nan-đà không xả giới, hành dâm dục. Về sau vị này tự nói ra chỗ sai phạm ấy. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, đem vấn đề bạch Phật. Đức Phật dạy: Nếu tự nói phạm biên tội, ở trong chánh pháp Ta không thể sinh trưởng, không nên cho thọ giới Cụ túc. Nếu đã thọ giới Cụ túc rồi thì phải diệt tẫn. Khi thọ giới phải hỏi: Ông trước đây xuất gia có tịnh tu phạm hạnh không?

Khi đó, các Tỳ-kheo không thọ y chỉ mà trụ, không có người giáo giới nên ngu ám, không biết gì, không thể học giới. Các Tỳ-kheo Trưởng lão

bạch Phật. Đức Phật dạy: Phải thọ y chỉ, nếu một đêm không thọ y chỉ, không được phép ở, kể cả uống nước trong Tăng phường, nếu uống thì phạm Đột-kiết-la. Đức Phật không cho phép không thọ y chỉ nên không dám ở trong Tăng phường. Khi ấy, có một Tỳ-kheo tránh nơi nghỉ ngơi, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi đứng qua một bên, Đức Phật hỏi: Thầy từ đâu đến? Tỳ-kheo thưa: Con từ… đến. Đức Phật hỏi: Trú xứ đó, đệ nhất Thượng tọa, đệ nhị, đệ tam Thượng tọa là ai? Bạch Đức Thế Tôn! Con không biết. Đức Phật lại hỏi: Trú xứ gần đó, ai là Thượng tọa? Lại đáp: Con cũng không biết. Đức Phật lại hỏi: Tại sao thầy không biết? Lại đáp: Con tránh trú xứ, không vào trong chúng kia, cho nên không biết. Đức Phật hỏi: Tại sao thầy tránh trú xứ? Đáp: Vì Đức Phật không cho phép không thọ y chỉ, cho đến không cho phép uống nước trong Tăng phường, cho nên con tránh. Đức Phật bằng mọi cách quở trách Tỳ-kheo kia: Thầy làm điều phi pháp, không nên vì vấn đề thọ y chỉ mà tránh trú xứ. Quở trách rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu vì vấn đề thọ y chỉ mà tránh trú xứ, phạm Đột-kiết-la.

Lại có Tỳ-kheo trên đường đi thấy Tăng phường bèn vào thọ y chỉ, gặp lúc các Tỳ-kheo ngồi thiền hoặc lúc bực bội không thọ y chỉ được, do đó không đi kịp đoàn, hoặc thọ y chỉ rồi liền đi, các Tỳ-kheo khác hỏi: Tại sao thầy thọ y chỉ rồi

liền đi. Đáp: Đức Thế Tôn không cho phép vấn đề thọ y chỉ mà tránh trú xứ đi, nay tôi thấy chỗ nghỉ ngơi của Tăng không dám không đến thọ y chỉ, lại cần đi cho kịp đoàn, do vậy nên đi liền. Có vị vì đi không kịp bạn nên giữa đường gặp giặc. Các Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật. Đức Phật dạy: Nay cho phép được một đêm thọ y chỉ. Tuy được phép một đêm song vẫn còn gặp nạn, quý vị lại bạch Phật. Đức Phật dạy: Nay cho phép không thọ y chỉ cho đến đêm thứ 6. Lại có các Tỳ-kheo qua sáu đêm rồi mà không thọ y chỉ, bạch Phật. Đức Phật dạy: Không cho phép quá sáu đêm, nếu quá, phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vội vã làm y chỉ cho người cũng vội vã y chỉ với người, bạch Phật. Đức Phật dạy: Tất cả không nên như vậy, nên y chỉ với Trưởng lão, các Tỳ-kheo thiện như pháp, có khả năng chuyển về giáo giới. Nếu người thọ y chỉ muốn dời chỗ khác, trước hết nên thưa Hòa thượng, A-xà-lê biết nơi đó có người có thể y chỉ, vậy sau mới đi.

Có các đệ tử khi gần đi mới cáo từ Hòa thượng, A-xà-lê, Đức Phật dạy: Không cho phép khi gần đi mới cáo từ, cần phải thưa trước với thầy hai, ba ngày. Vị thầy nên tìm hiểu chỗ đến có thể có người y chỉ mới cho đệ tử đi. Khi tới nơi, trước hết phải lễ tháp, kế đến lễ Hòa thượng, rồi xin phòng xá, vậy sau mới cầu y chỉ. Tỳ-kheo cho pháp y chỉ nên

hỏi: Hòa thượng, A-xà-lê của thầy là ai? Trước đây thầy ở đâu và tụng kinh gì? Nếu trả lời như pháp thì nên tác pháp cho y chỉ. Nếu trả lời không như pháp thì nên nói: Thầy không biết tôi, tôi không biết thầy, thầy nên đến vị nào biết thầy để cầu y chỉ. Nếu trường hợp nghi thì nói: Thầy chờ thời gian. Người thọ y chỉ nên chờ, cho đến thời gian sáu đêm để xem xét, hợp ý thì nên cho y chỉ, nếu không hợp ý thì nói như trên.

Lại có Tỳ-kheo bệnh cầu y chỉ, Tỳ-kheo kia khởi ý niệm: Đức Phật dạy Tỳ-kheo nên xem đệ tử như vậy, như vậy, nay người này bệnh ta không thể chăm sóc được, bèn không cho Tỳ-kheo bệnh y chỉ. Quý vị không biết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nay cho phép khi bệnh không thọ y chỉ, lành bệnh rồi sau đấy mới thọ.

Lại có Tỳ-kheo đang nuôi bệnh cầu y chỉ, Tỳ-kheo kia nói: Đức Phật dạy Tỳ-kheo nên chăm sóc Hòa thượng, A-xà-lê như vậy, như vậy, nay thầy đang nuôi bệnh không thể cho thầy y chỉ. Tỳ-kheo nuôi bệnh không được y chỉ, xấu hổ bèn bỏ bệnh nhân đi cầu y chỉ, người bệnh không có ai chăm sóc, bệnh tình nguy kịch thêm, hoặc đưa đến mạng chung. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Nay cho phép Tỳ-kheo đang nuôi bệnh không thọ y chỉ, đợi bệnh nhân lành, sau đấy mới thọ.

Lại có Tỳ-kheo đối với chỗ xứng ý, hành đạo đắc đạo quả cầu y chỉ, các Tỳ-kheo không cho bèn

mất đạo quả, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nếu là chỗ xứng ý hành đạo đắc đạo quả mà không có người cho tác y chỉ thì cho phép ở trong chúng kia đối với bậc Thượng tọa hay là ngang bằng với bậc Thượng tọa, tâm sinh y chỉ, kính như pháp kính thầy để ở. Khi ấy, các Tỳ-kheo, A-xà-lê hoặc qua đời, hoặc thôi tu, hoặc đi xa, hoặc làm ngoại đạo, hoặc ra ngoài giới, không biết mất y chỉ hay không, bạch Phật. Đức Phật dạy: Mất y chỉ có tám trường hợp" Hoặc y chỉ sư đi xa, hoặc thôi tu, hoặc chết, hoặc làm ngoại đạo, hoặc gặp lại Hòa thượng trước (của mình), hoặc y chỉ sư nói: Ông trở lại thầy… thọ y chỉ, hoặc y chỉ sư ra ngoài giới cách đêm, hoặc đủ năm tuổi, thông minh, biện tài, đến khi tướng mặt trời xuất hiện. Đó là tám trường hợp đều mất y chỉ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo phân phẩm vật an cư cho Sa-di bằng với mình, Sa-di bèn không kính Tăng, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên dùng phần của một Tỳ-kheo, cho ba Sa-di, Sa-di vẫn không cung kính, lại bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên phạt Sa-di. Các Tỳ-kheo không hỏi thầy của Sa-di mà phạt họ, nên họ không vui, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên nói với thầy của họ. Thầy của họ làm phi pháp để yểm trợ họ. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Thầy không nên làm phi pháp để yểm trợ trò.

Lại có một Sa-di, Tăng phạt đoạn phần ăn. Người thí chủ nọ, sau đó thỉnh Tăng thọ trai. Các Tỳ-kheo đến theo thứ tự ngồi xong, người thí chủ

không dọn thức ăn, các Tỳ-kheo nói: Giờ thọ trai đã đến, sao không dọn thức ăn? Người thí chủ đáp: Đợi Tăng tập. Các Tỳ-kheo nói: Tăng đã tập rồi. Thí chủ nói: Vị Sa-di tôi cúng dường chưa đến. Các Tỳ-kheo nói: Vị ấy không được đến. Thí chủ hỏi: Tại sao? Tăng đáp: Bị phạt không cho ăn. Người thí chủ nói: Có bao nhiêu cách để phạt, tại sao nhẫn tâm đoạn khẩu phần! Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên đoạn khẩu phần, nên phạt bằng cách bắt quét đất, dọn dẹp cỏ rác, sửa chỗ đi kinh hành, làm các cấp nơi đường đi. Áp dụng những cách như vậy để phạt.

Lúc này, có một Tỳ-kheo nam căn biến mất, nữ căn hiện ra. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên dùng vấn đề thọ giới, vấn đề thỉnh sư, vấn đề tuổi tác của đương sự chuyển qua trú xứ của Tỳ-kheo-ni, y theo pháp Tỳ-kheo-ni mà sống. Nếu trước kia phạm cộng giới của Tỳ-kheo-ni nên hối quá trong Tỳ-kheo-ni. Nếu trước kia phạm giới bất cộng thì khỏi phải hối quá. Tỳ-kheo-ni căn biến cũng như vậy. Có một Thức-xoa-ma-na căn biến, không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng vấn đề xuất gia của đương sự, nếu tuổi đủ hai mươi thì trong chúng Tỳ-kheo đủ mười vị cho thọ giới cụ túc, nếu tuổi chưa đủ hai mươi tức là Sa-di, Sa-di-ni cũng như vậy. Có một Sa-di căn biến, không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên dùng vấn đề

xuất gia của đương sự, nếu tuổi đủ thì cho hai năm học giới, liền đối trước chúng Tỳ-kheo-ni thọ hai năm học giới, nếu tuổi chưa đủ thì không cho hai năm học giới, chỉ làm Sa-di-ni.

Khi đó, có một Tỳ-kheo bị lửa dục thiêu đốt không thể kham nhẫn tự chặt đứt "hình nam căn" của mình. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật quở trách: Ngươi là người ngu si, cái không nên chặt lại chặt, cái nên chặt lại không chặt. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu chặt cái đầu âm cho đến phân nửa thì phạm Đột-kiết-la. Nếu chặt hết thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu khử đi một tinh hoàn, thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu khử cả hai tinh hoàn thì nên diệt tẫn. Nếu bị thú dữ cắn hoặc bị oan gia làm hại và tự thối nát hư hoại, không phục hồi khả năng người nam nữa đều nên diệt tẫn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ người tay chân bị chặt, cho thọ giới cụ túc, các Cư sĩ thấy, chê trách, nói: Sa-môn Thích tử không biết người nào nên độ, người nào không nên độ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Trưởng lão nghe, bạch Phật. Đức Phật dạy: Không độ những người như vậy, nếu độ cho họ giới cụ túc, sư tăng phạm Đột-kiết-la. Từ nay người bị chặt tay, chặt chân, tay chân bị chặt, sứt tai, sứt mũi, tai mũi bị sứt, chặt ngón tay, chặt nam căn, mất đầu âm, mắt lộ, bị trị phạt bằng roi làm cho hư hoại tướng tốt, phạm tội nhà quan. (Tội bị xâm đốt để lại vết tích trên

người), tay chân co quắp, khập khểnh, mất âm thanh, trong thân, ngoài thân bị bướu, thân bên trong cong, thân bên ngoài cong, cả trong lẫn ngoài thân bị cong, mắt lé, một tay dài, một tay ngắn, tay bên tả nhắc lên, câm, điếc, đui, bệnh càn tiêu, bệnh hủi, cuồng, quá già, không có oai nghi, xấu xí, hủy nhục chúng Tăng. Những hạng người như vậy đều không nên độ. Nếu độ cho thọ giới cụ túc… (như trên đã đề cập). Các Tỳ-kheo độ người nói cà lăm, Đức Phật dạy: Không nên độ người nói cà lăm, cho thọ giới cụ túc.

Lại có các Tỳ-kheo trước không cho thọ giới Sa-di lại cho thọ giới cụ túc. Lại có các Tỳ-kheo không thỉnh Hòa thượng lại cho thọ giới cụ túc. Lại có các Tỳ-kheo đương sự không xin thọ giới cụ túc lại cho thọ giới cụ túc. Lại có các Tỳ-kheo cho người lõa hình thọ giới cụ túc. Lại có các Tỳ-kheo cho người không đủ y, bát thọ giới cụ túc. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên cho thọ như vậy.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo mượn y bát của người khác thọ giới Cụ túc, thọ giới Cụ túc rồi các Tỳ-kheo nói: Thầy mặc y bưng bát cùng đi khất thực. Tỳ-kheo kia nói: Tôi không có y, bát. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật há không cấm người không có y, bát không được thọ giới cụ túc đó sao? Tỳ-kheo kia nói: Đức Phật có cấm, nhưng tôi mượn y, bát của người để thọ. Các Tỳ-kheo không biết giải quyết

thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép dẫn người muốn thọ giới, đến bên ngoài giới đàn, để đứng ở chỗ mắt thấy, tai không nghe, thỉnh chúng mười vị lên giới đàn. Hòa thượng nên nói sư Yết-ma: Trưởng lão, nay làm Yết-ma. Lại nên nói với sư giáo thọ: Trưởng lão, nay thọ Yết-ma. Sư Yết-ma nên bạch Tăng như vầy:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người tên là… cầu Đại đức hiệu… thọ giới Cụ túc, Đại đức hiệu… làm giáo sư. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là tác bạch.

Sư giáo thọ nên từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Hòa thượng thưa hỏi: Đại đức đã độ người này hay chưa? Nếu nói chưa độ thì nên nói phải độ họ trước. Nếu nói đã độ, nên hỏi: Đã vì họ làm Hòa thượng chưa? Nếu nói chưa làm, nên nói phải vì họ làm Hòa thượng, nên hỏi người đệ tử: Y bát đủ chưa? Nếu nói chưa đủ, nên nói trước hết phải đủ y bát. Nếu nói đã đủ, nên hỏi tự mình có hay mượn của người? Nếu nói mượn của người, nên nói, cần khiến người chủ xả nó. Nếu nói tự mình có, nên đến an ủi, nói với người muốn thọ giới: Ngươi chớ nên sợ sệt, trong giây lát nữa ta sẽ đưa ngươi đến chỗ cao cả thù thắng. Trước hết nên tìm hiểu nhau, không nên khi thọ giới Cụ túc mà mờ mịt. Khi sư giáo thọ dạy đắp y, nên kín đáo tìm xem có như pháp không, có trọng bệnh không? Lại nên hỏi: Ba

y của ngươi, cái nào là Tăng-già-lê, cái nào là Ưu-đa-la-tăng, cái nào là An-đà-hội? Nếu đương sự không biết, nên nói: Cái này là Tăng-già-lê, cái này là Ưu-đa-la-tăng, cái này là An-đà-hội. Nên cho thọ ba y và bát. Lại nên nói: Ngươi tên… lắng nghe! Nay là lúc cần nói sự thật! Nay ta hỏi ngươi, nếu thật nói là thật, không thật nói là không thật: Ngươi có các chứng bệnh hủi trắng, hủi ung thư, càn tiêu, điên cuồng, trĩ, lậu nhiệt, phù thũng hay không? Nếu nói không, lại hỏi: Ngươi có mắc nợ ai không? Ngươi chẳng phải quan nhân chứ? Chẳng phải tôi tớ chứ? Là trượng phu phải không? Là người phải không? Đủ hai mươi tuổi không? Có đủ y bát không? Thọ Hòa thượng chưa? Tên ngươi là gì? Hòa thượng tên gì? Ngươi đã từng xuất gia chưa? Nếu nói đã từng xuất gia, nên hỏi: Trước kia ngươi xuất gia có trì giới đầy đủ không? Cha mẹ có cho phép không? Ngươi muốn thọ giới cụ túc không? Trong chúng cũng sẽ hỏi ngươi như vậy, ngươi cũng trả lời đúng sự thật như vậy.

Nếu những câu hỏi đều được trả lời như pháp, sư giáo thọ trở lại lên giới đàn nói với vị Yết-ma: Tôi đã giáo thọ… như pháp rồi. Sư Yết-ma lại nên bạch Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người tên… cầu Đại đức hiệu… thọ giới cụ túc, Đại đức… như pháp giáo thọ rồi, nên khiến cho họ vào. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây

là lời tác bạch.

Sư giáo thọ nên dẫn họ vào, theo thứ tự đảnh lễ Tăng. Đảnh lễ Tăng rồi, đến trước sư Yết-ma, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay, dạy họ xin thọ giới cụ túc. Lời dạy: Con tên là… cầu Đại đức… làm Hòa thượng thọ giới cụ túc, nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc, nguyện Tăng cứu vớt con, rủ lòng thương đối với con. Xin như vậy Ba lần. Vị sư giáo thọ dạy rồi trở về lại chỗ ngồi cũ. Sư Yết-ma nên bạch Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là… cầu Đại đức… thọ giới cụ túc, đến Tăng xin thọ giới cụ túc. Nay tôi sẽ hỏi nan sự của đương sự, để rồi các Yết-ma thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Kế đó nên nói với người thọ giới: Bây giờ là lúc cần nói thật. Nay tôi hỏi ông, thật nói là thật, không thật nói là không thật. Ông có các chứng bệnh như hủi bạch, hủi… cho đến câu: Ông muốn thọ giới cụ túc hay không? (Cũng như trước đã nói). Các câu trả lời như pháp rồi, sư Yết-ma nói:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên… cầu Đại đức… thọ giới cụ túc. Người này tên… tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, ba y và bát đủ, đã thọ Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, nay đến trước Tăng xin thọ giới cụ túc. Nay Tăng cho tên…

thọ giới cụ túc, Hòa thượng pháp hiệu… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên… cầu Đại đức… thọ giới cụ túc. Người này tên… tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, ba y và bát đủ, đã thọ Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, nay đến trước Tăng xin thọ giới cụ túc. Nay Tăng cho tên… thọ giới cụ túc, Hòa thượng pháp hiệu… các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, nếu không đồng ý thì nói. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã cho… thọ giới cụ túc, Hòa thượng pháp hiệu… rồi. Tăng đồng ý nên im lặng, việc như vậy, thọ trì như vậy.

Nên nói với người thọ giới: Này ông… lắng nghe! Đức Thế Tôn Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp đọa, nếu Tỳ-kheo phạm một pháp nào thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử: Ông hoàn toàn không được, cho đến dùng tâm dục nhiễm xem ngó nữ nhân. Tỳ-kheo nào hành pháp dâm, cho đến súc sinh, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử. Trọn đời ông không nên phạm. Nếu có thể giữ được thì nên nói: Giữ được.

Ông hoàn toàn không được, cho đến lá cây ngọn cỏ, không cho mà lấy. Tỳ-kheo nào hoặc

trong xóm làng hoặc nơi đất trống, vật thuộc người khác bảo vệ, trộm lấy năm tiền, hay vật đáng giá năm tiền, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử. Trọn đời ông không nên phạm. Nếu có thể giữ được thì nên nói: Giữ được.

Ông hoàn toàn không được, cho đến giết loài kiến. Tỳ-kheo nào hoặc người hoặc loài người, tự tay giết hoặc dạy người giết, hoặc tìm dao đưa cho họ, hoặc dạy cho họ chết, hoặc khen sự chết, nói: Này trượng phu với nếp sống đó, chết hơn là sống, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử. Trọn đời ông không nên phạm. Nếu có thể giữ được thì nên nói: Giữ được.

Ông hoàn toàn không được, cho đến nói dối để vui chơi. Tỳ-kheo nào thật sự không có pháp hơn người, tự xưng là được pháp hơn người, đạt các thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ và các đạo quả, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử. Trọn đời ông không nên phạm. Nếu có thể giữ được thì nên nói: Giữ được. Chư Phật Thế Tôn vì thị hiện sự việc nên khéo nói thí dụ. Cũng như người chết thì trọn không thể dùng thân này sinh trở lại. Như cây kim thiếu lỗ xâu chỉ thì hoàn toàn không được dùng làm cây kim. Như cây Đa la đã bị chặt từ lõi thì không thể mọc trở lại. Như hòn đá bị vỡ thì không thể hợp lại được. Nếu Tỳ-kheo phạm một pháp đọa nào, lại đạt được pháp Tỳ-kheo, là điều không thể xảy ra.

Lại nói: Này… lắng nghe! Đức Thế Tôn Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói pháp tứ y: Đã là người xuất gia thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo suốt đời phải nương tựa vào y phấn tảo để sống. Nếu ông có thể giữ được thì nên nói: Giữ được. Về sau, nếu được y Kíp bối, y Khâm-bà-la, y Câu-xá-da, y Tha da đều được cất dùng.

Đã là người xuất gia thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo trọn đời nương nơi sự khất thực để sống. Nếu ông có thể giữ được thì nên nói: Giữ được. Về sau, Tăng nhận được bữa ăn trước, bữa ăn sau, thức ăn được mời, đều được sử dụng.

Đã là người xuất gia thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo trọn đời nương nơi gốc cây để sống. Nếu ông có thể giữ được thì nên nói: Giữ được. Về sau, nếu nhận được nhà lớn, nhà nhỏ, nhà gác thì được sử dụng.

Đã là người xuất gia thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo trọn đời nương nơi thuốc dư bỏ để sống. Nếu ông có thể giữ được thì nên nói: Giữ được. Về sau, nếu nhận được tô, dầu, mật, thạch mật thì được sử dụng.

Tiếp theo lại nói: Này ông… lắng nghe! Ông đã được Bạch-tứ-yết-ma như pháp thọ giới cụ túc rồi. Điều này đã được chư Thiên, long, quỷ, thần từng phát lời nguyện: “Đến khi nào ta được thân người thì xuất gia thọ giới cụ túc trong chánh pháp

luật". Ông, hiện tại đã đạt được lời nguyện của chư Thiên… như thế, ông là người nhận được quả vị cao quý. Vương vị này chính là ông đã thọ pháp Tỳ-kheo. Đương nhiên phải cùng nhau nói lên lời cung kính, sẵn sàng tiếp nhận sự giáo giới về các giới còn lại. Hòa thượng, A-xà-lê đang rộng lòng vì ông sớm giảng giải để cho ông học đầy đủ các giới Tỳ-kheo ông đã thọ. Học để được giới, định, tuệ, để diệt ba lửa: tham, sân, si, xa lìa ba cõi, không còn các uế trược, thành tựu quả A-la-hán.

Bấy giờ, người thọ giới cụ túc không biết năm tháng, không biết thời gian thọ giới, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên dạy khiến cho họ biết, nói như sau: Ông nay thọ giới năm nào, tháng nào, ngày nào, giờ nào, trọn đời ông phải nhớ rõ việc ấy.

Lại có các Tỳ-kheo phạm tội thô Biệt trú, nhàm chán Biệt trú, bèn xả giới thôi tu. Lại có vị hành Ma-na-đỏa, Bản nhật trị, và A-phù-ha-na, bị Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý. Các Tỳ-kheo như vậy đều nhàm chán bỏ đạo, thời gian sau lại muốn xuất gia thọ giới cụ túc trong chánh pháp luật, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên hỏi họ trước: Ông có thể trở lại hành các việc trước kia, có thể tùy thuận Tăng, cầu Tăng trừ diệt việc trước kia hay không? Nếu nói không thể thì không nên cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu nói có thể thì nên cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi đã

thọ giới rồi, nếu trước kia đang biệt trú thì khiến trở lại biệt trú… cho đến trước kia đang tác pháp Yết-ma hạ ý thì trở lại trao cho tác pháp Yết-ma hạ ý.

Lại có các Tỳ-kheo, Hòa thượng, A-xà-lê thôi tu, sau lại đến đệ tử cầu xuất gia thọ giới cụ túc, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép họ xuất gia thọ giới cụ túc, đệ tử trước kia nên cho y bát, giúp đỡ khiến cho thành tựu được việc xuất gia thọ giới Cụ túc. Vị kia lại cầu người đệ tử mình trước kia làm thầy, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép người đệ tử trước kia được làm thầy. Lại không biết ai cung kính ai, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Người thọ giới sau, lại nên như pháp cung kính thầy.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

Các Tỳ-kheo trước đã thọ giới bằng một lời nói, thọ giới bằng hai lời, bằng ba lời nói, cho đến cả thọ giới bằng nói câu "Thiện lai Tỳ-kheo", thọ giới khi ngủ, khi say, tâm cuồng, tâm tán loạn, tâm bệnh hoại mà thọ giới, Hòa thượng khi ngủ, cho đến tâm bệnh hoại, hai vị cho đến mười vị đều làm Hòa thượng thọ giới, những trường hợp như vậy được gọi là thọ giới cụ túc hay không?

Đức Phật dạy:

Trước khi chưa chế giới thì được gọi là thọ giới

cụ túc. Sau khi chế giới rồi thì những trường hợp ấy không được gọi là thọ giới cụ túc.

Lúc này, các Tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Ma-ha Câu-ly-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-na-luật, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, La-hầu-la, A-nan, Nan-đà, những vị Đại A-la-hán này đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đồng thanh như Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật, Đức Phật trả lời cũng như trên.

Khi đó, các Tỳ-kheo ngồi không có trên dưới, không cung kính nhau, các Cư sĩ thấy, chê trách, nói: các Sa-môn này ngồi không biết thượng, trung, hạ, không có lớn nhỏ, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các ông có như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Có như vậy.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, hỏi các Tỳ-kheo:

Ai nên nhận chỗ ngồi thứ nhất, nhận của thí thứ nhất và nhận cung kính lễ bái thứ nhất?

Các Tỳ-kheo, hoặc có người nói:

Sát lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ xuất gia nên thọ. Hoặc có người nói: Người tụng Tỳ-ni,

Pháp sư, A-luyện-nhã, hành mười hai hạnh Đầu-đà, cho đến đắc quả A-la-hán nên thọ.

Đức Phật dạy:

Không nên như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Nếu không nên như vậy thì ai là người nên thọ? Đức Phật dạy:

Đời quá khứ xa xưa, bên bờ biển có cây Ni-câu-luật, bóng cây che phủ cả năm trăm cỗ xe. Khi ấy, có ba con thú ở bên gốc cây này, một là chim trĩ, hai là con khỉ lớn, Ba-là con voi, tuy là thân hữu mà không có sự suy kính nhau. Sau thời gian chúng bàn luận: Chúng ta đã là thân hữu, tại sao không suy kính nhau? Nên dựa theo năm, người nào lớn hơn là tôn, người nào nhỏ hơn là ty. Luận bàn rồi, hỏi voi: Bạn nhớ việc lâu xa như thế nào? Voi nói: Tôi nhớ cây này khi nó ngang bụng tôi. Lại hỏi khỉ lớn, khỉ lớn nói: Tôi nhớ khi tôi đứng thẳng cắn tới đọt cây này. Lại hỏi chim trĩ, chim trĩ nói: Tôi nhớ xưa kia ở nơi chỗ đó, tôi ăn hạt cây này, đến đây nhả ra, hạt đó bèn mọc lên cây ấy. Thế là suy tôn con chim trĩ là lớn, con khỉ lớn bậc trung, con voi nhỏ nhất. Khi cần đi, khỉ lớn cõng chim trĩ, voi cõng khỉ lớn. Chim trĩ dạy hai con kia làm mười nghiệp thiện, chúng đều vâng làm. Người đời nghe đều ghi nhận sự giáo hóa đó, bèn gọi hành thiện là phạm hạnh trĩ. Người phụng hành pháp đó khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Này các Tỳ-

kheo! Súc sinh còn biết có tôn ty huống chi là trong chánh pháp của Ta lại không có tương kính hay sao?! Từ nay các ông, người nào thọ giới cụ túc trước nên thọ chỗ ngồi thứ nhất, vật cúng thứ nhất, cung kính lễ bái thứ nhất, nên phụng hành như vậy.

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 18

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP BỐ TÁT

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn, các ngày mồng tám, mười bốn, rằm trong tháng, cùng nhau tập hợp một chỗ hòa hợp Bố-tát thuyết pháp, nhiều người tới lui cúng dường. Vua Bình-sa thấy vậy khởi ý nghĩ: Đệ tử trong chánh pháp cũng làm như vậy, âu cũng là điều tốt đẹp? Ta sẽ hướng dẫn các quan, quyến thuộc đến đó nghe pháp, cung kính cúng dường, khiến cho mọi người được an ổn lâu dài.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cũng khởi ý niệm như vầy: Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, mà các Tỳ-kheo có người không nghe, không thể tụng học, không thể nhớ thọ trì. Nay Ta nên cho phép các Tỳ-kheo Bố-tát, thuyết giới. Vua Bình-sa nghĩ rồi, đến chỗ Phật, đầu mặt lễ nơi chân rồi ngồi lui qua một bên,

đem ý nghĩ đó bạch Phật. Đức Phật vì Vua nói các pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích, khiến được hoan hỷ rồi, nhà Vua liền về lại cung. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng đem lời bạch của Vua Bình-sa và ý niệm của mình, nói với các Tỳ-kheo: Nay do mười điều lợi cho phép các Tỳ-kheo Bố-tát thuyết giới.

Đức Phật đã cho phép Bố-tát thuyết giới, các Tỳ-kheo lại Bố-tát hằng ngày. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên như vậy. Các Tỳ-kheo lại hai ngày, ba ngày đến năm ngày một lần Bố-tát. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Cũng không nên như vậy, cho phép mồng tám, mười bốn nói pháp, ngày rằm Bố-tát. Các Tỳ-kheo không biết nói pháp gì, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên khen ngợi Tam bảo, nói niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn, lực, giác đạo, vì các thí chủ khen ngợi chư Thiên. Các Tỳ-kheo bèn hợp thanh khen ngợi Tam bảo. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên như vậy, nên mời một vị. Các Tỳ-kheo thỉnh người phá giới, phá kiến, Tỳ-kheo nhân đây mà được thế lực. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên như vậy, nên thỉnh người học giới. Các Tỳ-kheo lại thỉnh Tỳ-kheo mù lòa có các bệnh, hủy nhục chúng Tăng. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên như vậy, nên thỉnh vị có các căn đầy đủ, thành tựu ký luận, thọ trì A-hàm. Khi ấy, trong chúng có nhiều hạng người này, các Tỳ-kheo không biết

thỉnh ai, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên thỉnh theo thứ tự. Tỳ-kheo được thỉnh thuyết pháp mỏi mệt, bạch Phật. Đức Phật dạy: Nên thỉnh người thay phiên. Các Tỳ-kheo nói pháp bằng giọng ca vịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên như vậy. Khi nói pháp chúng hội đông, nghe không được hết, bạch Phật. Phật dạy: Nên trải nơi tòa cao, ngồi trên đó để nói, nhưng vẫn không nghe hết, bạch Phật. Phật dạy: Nên đứng để nghe. Đứng lâu chân bị thũng, bạch Phật. Phật dạy: Nên vừa đi vừa nghe.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo Bố-tát nơi đất trống, bị mòng muỗi, gió mưa, bụi đất làm khốn khổ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm nhà Bố-tát. Nơi nhà Bố-tát kia không có thứ gì trải trên đất, nhớp chân các Tỳ-kheo, thường rửa nên sinh bệnh, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng bùn trét trên đất làm cho đất được sạch, cũng cho phép trải mười loại y, kể cả Bà bà… các loại cỏ mềm mại. Đức Phật cho phép dùng y để trải, lại đem trải nơi đất, các Cư sĩ thấy chê trách, nói: Các Sa-môn này như Đại thần của nhà Vua. Quý vị bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên đi kinh hành trên gấm. Lúc đó, các Tỳ-kheo dùng hoa rải trên tòa của Tỳ-kheo Thượng tọa, các Cư sĩ thấy, chê trách, nói: Như Đại thần của Vua. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên vậy. Lại có các bạch y, vì cúng dường pháp nên muốn dùng hoa rải trên tòa của Tỳ-kheo Thượng tọa, các Tỳ-kheo không cho, họ nổi giận trách nói: Các Tỳ-

kheo không thọ nhận sự cúng dường. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Bạch y muốn rải hoa thì tùy ý họ. Nếu hoa rớt trên đầu Tỳ-kheo và trên y thì nên phủi xuống, nếu rớt trên tòa thì không can gì. Khi ấy, các bạch y nghe pháp hoan hỷ muốn cúng dường, các Tỳ-kheo sợ rơi vào tình trạng xem như làm thuê, nên không dám nhận, bạch Phật. Phật dạy: Vì pháp cúng dường thì cho phép nhận.

Bấy giờ, Tỳ-kheo nói pháp một thời gian ngắn rồi nghỉ, chư Thiên, quỷ thần tưởng hết bèn đi. Trong chốc lát, Tỳ-kheo tiếp tục nói pháp, các vị kia quay trở lại nghe, chẳng phải một mà nhiều lần như vậy. Họ nổi giận nói: Các Tỳ-kheo này không quy định thời gian để nói pháp, giống như con nít giỡn chơi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên quy định thời gian để thuyết pháp, nói pháp rồi nên chú nguyện.

Khi ấy, Tôn giả Kiếp-tân-na ở nơi núi Ất-sư-la, khởi ý nghĩ: Nay ta cần đến chỗ Tăng tập hợp để Bố-tát hay chăng? Rồi lại nghĩ: Ta thường thanh tịnh phiền gì phải đến. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của Kiếp-tân-na, bỗng nhiên vắng mặt nơi thành Vương-xá, và hiện ra trước mắt Kiếp-tân-na, an tọa nơi tòa, nói: Thầy chớ nên nghĩ "Ta thường thanh tịnh phiền gì phải đến Bố-tát". Nếu thầy không đến, không cung kính Bố-tát thì ai cung kính?! Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi bèn cùng Kiếp-tân-na vắng mặt tại đó, rồi hiện về thành

Vương-xá. Nhân việc này Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, nói lên điều Kiếp-tân-na nghĩ và lời dạy của mình, rồi bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo hòa hợp Bố-tát, nếu ai không đến, phạm Đột-kiết-la. Một Tỳ-kheo biết pháp hoặc Thượng tọa hoặc ngang bằng Thượng tọa nói:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay là ngày thứ mười lăm Bố-tát thuyết giới, Tăng nhất tâm tác pháp Bố-tát thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Các Đại đức! Nay Bố-tát nói về Ba-la-đề-mộc-xoa, tất cả cùng nghe khéo suy niệm. Nếu có tội nên phát lồ, không có tội thì im lặng. Do sự im lặng nên biết tôi và các Đại đức thanh tịnh. Như bậc Thánh im lặng, tôi và Đại đức cũng như vậy, Tỳ-kheo nào, trong chúng xướng lên như thế cho đến Ba lần, nhớ có tội mà không phát lồ, mắc tội cố ý vọng ngữ. Tội cố ý vọng ngữ, Đức Phật nói là pháp ngăn đạo. Người phát lồ được an lạc.

Trong đây, Ba-la-đề-mộc-xoa nghĩa là giới này phòng hộ các căn, tăng trưởng pháp thiện, đối với các pháp thiện nó là cửa ngõ ban đầu, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Lại nữa, thường phân biệt danh cú của giới pháp này, nên gọi chung là Ba-la-đề-mộc-xoa.

Các Tỳ-kheo không biết nên có mấy cách Bố-tát, bạch Phật. Phật dạy: Có năm cách Bố-tát:

Một là tâm niệm miệng nói.

Hai là hướng người khác nói tịnh.

Ba là rộng hay lược thuyết giới.

Bốn là Bố-tát Tự tứ.

Năm là Bố-tát hòa hợp.

Các Tỳ-kheo không biết nên có mấy cách thuyết giới, bạch Phật.

Phật dạy: Có năm cách thuyết giới:

Một là nói bài tựa của giới rồi, nói các điều khác chư Tăng thường nghe.

Hai là nói bài tựa của giới và bốn pháp đọa rồi, nói các điều khác chư Tăng thường nghe.

Ba là nói bài tựa của giới… cho đến mười ba việc rồi, nói các điều khác chư Tăng thường nghe.

Bốn là nói bài tựa của giới… cho đến hai pháp bất định, rồi nói các điều còn lại chư Tăng thường nghe.

Năm là nói đầy đủ.

Các Tỳ-kheo không biết có mấy hạng trì luật, bạch Phật. Phật dạy: Có năm hạng trì luật, như trước đã nói. Tỳ-kheo trì luật có năm thứ công đức, cũng như trước đã nói. Tỳ-kheo trì luật có được bảy khả năng:

Đa văn các pháp.

Có thể suy tính là pháp hay phi pháp.

Khéo tính toán Tỳ-ni.

Khéo tiếp thu lời dạy của thầy.

Đến chỗ khác nói năng không sợ.

Chính mình trụ nơi Tỳ-ni.

Biết giới cộng bất cộng. Lại có bảy nghị lực:

Chính mình trụ nơi giới, thành tựu oai nghi, cẩn thận sợ tội nhỏ.

Đa văn có khả năng thọ trì pháp Phật giảng nói.

Tụng hai bộ giới.

Biết phạm.

Biết không phạm.

Biết sám hối.

Biết không sám hối.

Lại có bảy sự thích nghi:

Như trên.

Như trên.

Như trên.

Không tùy theo ái.

Không tùy theo sân.

Không tùy theo si.

Không tùy theo sợ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo ở trong cương giới, tác pháp Bố-tát biệt

chúng không như pháp. Lại có Bố-tát hòa hợp mà không như pháp. Lại có Bố-tát như pháp mà biệt chúng. Lại có Bố-tát như pháp mà hòa

hợp, bạch Phật. Phật dạy: Ba cách Bố-tát trước

có lỗi, Yết-ma không thành, phạm Đột-kiết-la. Cách Bố-tát sau không có lỗi, Yết-ma thành tựu, không phạm.

Bấy giờ, Vua Bình-sa quy định năm năm có một tháng nhuần, Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn đều y theo mà tính công việc, riêng các Tỳ-kheo không chịu áp dụng, các quan và dân đều dị nghị nói: Sa-môn Thích tử ở trong lãnh thổ của Vua mà không áp dụng tháng nhuần của Vua. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên tùy theo vương pháp. Các Tỳ-kheo không biết tùy theo vương pháp bằng cách nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Bố-tát thiếu một đêm. Các Tỳ-kheo liền thường Bố-tát thiếu một đêm, bạch Phật. Phật dạy: Không nên thường Bố-tát thiếu một đêm, nên Ba lần đủ, một lần thiếu, như vậy năm năm tính dồn lại đủ một tháng, thuận theo tháng nhuần của Vua.

Lúc đó, các Tỳ-kheo vào ngày thuyết giới đến các chỗ Bố-tát, hoặc gặp lửa nơi đồng trống, hoặc gặp nước lớn, hoặc gặp giặc tháng tám, hoặc bị nạn về phạm hạnh, nạn về y bát, nạn về mạng sống, bạch Phật. Phật dạy: Không nên vào ngày thuyết giới vì thuyết giới mà đến chỗ khác, nếu đi thì phạm Đột-kiết-la, cho phép tại trú xứ, nơi chỗ đất bằng, hoặc chỗ có cỏ mềm mại, hoặc có cây lớn, hoặc có tảng đá lớn, nên bạch nhị Yết-ma kết làm chỗ Bố-tát. Một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay kiết nơi đây

làm chỗ Bố-tát. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay kiết nơi đây làm chỗ Bố-tát. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã kiết làm chỗ Bố-tát rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng.

Việc như vậy thọ trì như vậy.

Các Tỳ-kheo Bố-tát nơi chỗ đất trống, bị gió mưa, mòng muỗi gây khốn khổ, bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép lấy phòng chính giữa, nơi dễ lui tới, bạch nhị Yết-ma kiết làm nhà Bố-tát, như trên đã nói. Các Tỳ-kheo lại muốn Yết-ma nơi phòng có đông chúng làm chỗ Bố-tát, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép kiết. Các Tỳ-kheo lại tranh ngồi trước, bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép Yết-ma phòng đông chúng làm chỗ Bố-tát. Có các Cư sĩ đến, vào Tăng phường, nói với các Tỳ-kheo: Nếu Bố-tát trong phòng do chúng tôi làm, chúng tôi sẽ cúng bữa ăn trước, bữa ăn sau, Đát-bát-na, dầu thoa chân, thoa thân, dầu thắp đèn. Các Tỳ-kheo nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn lại cho phép Yết-ma làm chỗ Bố-tát nơi phòng đông chúng, thì không làm cho chúng ta mất phẩm vật cúng dường này. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho phép trở lại Yết-ma nơi phòng đông chúng làm chỗ Bố-tát, theo thứ tự mà Bố-tát. Phòng nhỏ không dung hết, bạch

Phật. Phật dạy: Cho phép ngồi dưới mái tranh trước và sau, cũng như trong sân. Các Tỳ-kheo nghe tiếng không rõ, sợ không thành Bố-tát, bạch Phật. Phật dạy: Nếu vì Bố-tát mà ở nơi đó, được gọi là Bố-tát.

Các Tỳ-kheo khi Bố-tát không xác định thời gian nên phế bỏ việc tọa thiền hành đạo. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Nên xướng: "Đến giờ…", hoặc đánh kiền chùy, hoặc đánh trống, hoặc thổi ốc. Các Tỳ-kheo làm trống bằng vàng, bằng bạc. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng đồng thiếc, sành hay cây, lấy da bịt nơi đầu. Không biết giao ai đánh, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên sai Sa-di, hay người giữ vườn đánh. Họ đánh nhiều, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên đánh ba hồi. Đánh rồi treo giữa sân, người ngoài đến đánh mãi, các Tỳ-kheo tưởng hành Tăng sự, đều tập hợp, phế bỏ việc hành đạo, hoặc trời mưa ướt, đánh không kêu, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên treo trong nhà, chỗ vắng. Có Sa-di khách đến, phân công đánh, không biết rõ giờ giấc, đánh lung tung, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Người cựu trú nên đánh. Cho phép sắm trống Tăng, trống riêng, trống Tăng bốn phương, một cái dự bị. Các Tỳ-kheo lại làm cái ốc bằng vàng, bằng bạc, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên thổi bằng ốc biển, hoặc dùng sừng để làm. Sa-di hay người giữ vườn thổi… cho phép được có sẵn một cái ốc dự phòng, cũng như trên đã

nói. Các Tỳ-kheo không biết dùng gỗ gì làm kiền chùy, bạch Phật. Phật dạy: Trừ cây sơn, cây độc, ngoài ra loại cây nào có tiếng kêu đều cho phép làm. Nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo cũng đánh được (ngoài ra như trên). Các Tỳ-kheo không biết nên giao ai xướng Ba lần: Đến giờ… bèn bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Sa-di hay người giữ vườn xướng. Tăng trong trú xứ nhiều, nghe không khắp, bạch Phật. Phật dạy: Nên ở chỗ cao mà xướng. Các Tỳ-kheo không biết tập hợp hay chưa, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo ngồi gần nên nói cho biết. Sau có Tỳ-kheo khách đến không biết, bạch Phật. Phật dạy: Nên đếm số. Các Tỳ-kheo đếm rồi lại quên, bạch Phật. Phật dạy: Nên hành trù để lấy số mục. Một người hành trù, rồi tự mình thu lấy, lộn xộn, bạch Phật. Phật dạy: Nên sai một người thu riêng. Các Tỳ-kheo làm thẻ bằng vàng, bằng bạc, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng đồng, thiếc, răng, sừng, xương, tre, cây, để làm, trừ cây sơn, cây độc. Các Tỳ-kheo làm có loại ngắn, loại dài, bạch Phật. Phật dạy: Ngắn không nên ngắn hơn năm ngón tay, dài không được dài quá một khuỷu tay. Các Tỳ-kheo làm hoặc lớn hoặc nhỏ, bạch Phật. Phật dạy: Lớn không nên lớn hơn ngón tay út, nhỏ không nên nhỏ hơn chiếc đũa, nên sơn rồi đựng trong ống, treo trên nhà Bố-tát. Các Tỳ-kheo không biết ai nên hành trù, bạch Phật. Phật dạy: Nên sai Tỳ-kheo hạ tọa hành trù. Tỳ-kheo hạ tọa không biết hành trù

bạch Phật. Phật dạy: Nên chọn người biết. Có Tỳ-kheo ném thẻ trù cho Tăng, bạch Phật. Phật dạy: Nên trao tận tay. Thâu rồi không đếm, đếm rồi không xướng, bạch Phật. Phật dạy: Thâu rồi phải đếm, đếm rồi phải xướng. Xướng: Thành phần Tỳ-kheo xuất gia có bao nhiêu vị, Sa-di có bao nhiêu vị, tổng cộng là bao nhiêu vị. Khi ấy, có bạch y nghe Bố-tát, sau các Tỳ-kheo phạm tội, bạch y nêu tội lên, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên cho bạch y nghe, Sa-di cũng như vậy. Các Tỳ-kheo, tuy khiến Sa-di đến chỗ không thấy mà vẫn còn nghe được, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên để ở chỗ không thấy, không nghe. Lại có các Sa-di biết sẽ Bố-tát, vào nằm dưới giường, vẫn nghe được giới, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên coi dưới giường, lấy lửa soi cho khắp. Lửa soi khói đen cả nhà, hoặc bị cháy đồ chảy dưới đất, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên làm cái lồng đèn, cái chân đèn, Tăng và cá nhân đều có thể cất để dùng. Các Tỳ-kheo dùng vàng, bạc để làm, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng đồng, thiếc, sành và gỗ để làm.

Có các bạch y cất nhà mới xong, thỉnh các Tỳ-kheo đến Bố-tát thuyết pháp trước để cúng dường khi về nhà mới, các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ. Lại có bạch y gia đình bị phi nhân gây não, thỉnh các Tỳ-kheo trong chúng đến Bố-tát thuyết pháp để được an lạc, cúng dường, các Tỳ-kheo không biết làm thế nào,

bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ. Có Cư sĩ dâng nước mía, các Tỳ-kheo không dám thọ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ. Có các Cư sĩ hỏi các Tỳ-kheo: Hôm nay là ngày bao nhiêu? Các Tỳ-kheo nói không biết, họ bèn dị nghi nói: Sa-môn Thích tử ngày tháng còn không biết, huống hồ là thâm lý. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nếu muốn đến nhà bạch y nên hỏi trước thầy: Nay là ngày bao nhiêu? Nếu thầy không biết thì nên hỏi người khác.

Bấy giờ, các Cư sĩ, ngày Bố-tát, đem thức ăn đúng thời, đồ uống đúng thời, thuốc bảy ngày, thuốc trọn đời đến Tăng phường cúng dường, muốn nghe pháp thọ tám phần giới, các Tỳ-kheo không để ý đến họ, họ nổi giận mang về. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Thượng tọa nên khiến hạ tọa quét đất, lấy nước, khiến tịnh nhân đem đồ để đựng các trai vật. Các Tỳ-kheo ăn hết không cho khách, khách dị nghị chê trách nói: Sa-môn Thích tử thường khen ngợi bố thí, chỉ có nhận sự bố thí của người mà không chịu bố thí cho ai. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên cho khách ăn. Khi cho ăn, các Tỳ-kheo lại để trong tay họ, chứ không có đồ đựng, họ chê trách nói: Các Tỳ-kheo coi họ như con nít. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng đồ để đựng thức ăn, khi cho họ ăn xong, Thượng tọa hay vị ngang bằng với Thượng tọa vì họ nói pháp và chú nguyện. Sau người khách đi, có bốn vị hay trên bốn vị nên Bố-tát đầy đủ. Nếu hai vị hay ba vị thì nên

hướng với nhau nói lên sự thanh tịnh, Trưởng lão ghi nhận cho… nói như vậy Ba lần. Nếu chỉ có một vị thì nên đợi, có vị nào đến thì cùng Bố-tát. Nếu không có ai đến thì để trống vai bên phải, quỳ gối chấp tay, tâm niệm miệng nói: Nay ngày mười bốn, mười lăm chúng Tăng Bố-tát, tôi tâm thọ Bố-tát. Nói như vậy Ba lần. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Đây là pháp Bố-tát, từ nay nên trọn đời phụng hành như vậy, không làm, phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Cư sĩ vào trong Tăng phường hỏi các Tỳ-kheo: Tăng có bao nhiêu vị? Đáp: Tăng có… vị. Cư sĩ thưa: Chúng tôi mời Tăng ngày mai thọ trai. Các Tỳ-kheo ở trú xứ gần đó nghe, sáng ngày mai kéo hết đến, nên thức ăn không đủ. Các Tỳ-kheo nói: Các người thỉnh Tăng tại sao không cho tôi ăn? Đáp: Ngày hôm qua, tôi hỏi Tăng, tùy theo số đó mà sửa soạn, trước không mời mà đến đòi hỏi, không thỉnh mà ăn, quá hơn ngoại đạo, những vị này không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Phật dạy: Không thỉnh không nên đến, nếu đến, phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo, có duyên sự cần gặp, gặp ngày gia chủ mời ăn, xấu hổ không dám đến, bạch Phật. Phật dạy: Không vì ăn thì được phép đến.

Lúc này, có Cư sĩ mời Tăng thọ trai, có Tỳ-kheo khách đến, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên nói với người

chủ: Có Tỳ-kheo khách đến, được phép mời vào không? Nếu được phép mời vào càng hay, bằng không nên nói: Cho chúng tôi phần ăn, chúng tôi tự chia nhau bình đẳng để ăn. Nếu được thì hay, bằng không được mỗi người tự lấy bát nhận phần ăn của mình rồi ra ngoài chia nhau cùng ăn. Nếu được thì hay bằng không được thì trong Tăng phường có thức ăn gì nên đem ra cúng dường khách Tăng đó.

Năm đó mất mùa khất thực khó được, Tỳ-kheo khắp nơi đều tập trung về thành Vương-xá, Tăng phòng đều bỏ trống, không có người coi ngó, phòng xá, ngọa cụ hoặc bị lửa cháy, hoặc bị thấm nước, hoặc bị trùng cắn, bạch Phật. Phật dạy: Các trú xứ xung quanh gần thành Vương-xá, đều nên bạch nhị Yết-ma như trên để xả giới, sau đó, bạch nhị Yết-ma, như trên, thông kết làm thành một đại giới, khiến cho các Tỳ-kheo không bỏ chỗ ở cũ mà được nhận phần cúng dường… Thời gian sau, các nơi trở lại sung túc an lạc, tín đồ muốn gặp các Tỳ-kheo, sai người tin cậy bạch: Xin quý vị du hành nhân gian để chúng con cung cấp y thực. Khi ấy, Vua Bình-sa cũng muốn các Tỳ-kheo du hành giáo hóa nên nói: Xin quý vị du hành, nếu có thiếu thốn, tôi sẽ ra lệnh cho các sở tại cung cấp những gì quý vị cần dùng. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Trước hết, bạch nhị Yết-ma, như trên, để xả giới nơi thành Vương-xá, vậy sau mỗi nơi tùy ý kiết,

xướng giới tướng, kiết tiểu giới.

Có các Tỳ-kheo A-lan-nhã không biết cương giới của mình ngang bằng bao nhiêu, bạch Phật. Phật dạy: Tự nhiên giới cách thân diện hai câu-lô-xá, kiết cương giới tùy xa gần. Khi ấy, các Tỳ-kheo kiết không có biên giới, bạch Phật. Phật dạy: Nếu kiết không biên giới, không thành kiết giới, người phạm mắc tội Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo lại kiết cương giới mười hai do-tuần, mười do-tuần, khi thuyết giới phải đi bốn, năm ngày mới đến, hoặc gặp phải lửa nơi đồng hoang, hoặc bị nước lớn, hoặc gặp giặc cướp đoạt, có nạn phạm hạnh, nạn y bát, cho đến nạn mạng, bạch Phật. Phật dạy: Nếu kiết cương giới mười hai do-tuần, mười do-tuần, không thành kiết giới, phạm Đột-kiết-la. Nay Ta cho phép, xa nhất là ba do-tuần. Lúc này, các Tỳ-kheo không xướng bốn phương của giới tướng mà kiết giới, bạch Phật. Phật dạy: Không xướng giới tướng không thành kiết giới, phạm Đột-kiết-la. Khi ấy, các Tỳ-kheo dùng chúng sinh và khói lửa làm giới tướng, hoặc luôn cả giới, hoặc hai giới nhập vào nhau, bạch Phật. Phật dạy: Đều không thành kiết giới, phạm Đột-kiết-la.

Có hai trú xứ, các Tỳ-kheo muốn kiết giới và Bố-tát cùng nhận của cúng, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép mỗi bên bạch nhị Yết-ma giải giới cũ, vậy sau tập hợp lại bạch nhị Yết-ma kết cùng một giới.

Lại có các Tỳ-kheo muốn kiết giới sống chung, chung Bố-tát, cùng nhận của cúng, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép giải giới cũ rồi sau tập hợp lại kiết giới.

Lại có các Tỳ-kheo muốn kiết giới sống chung, cùng nhận của cúng mà Bố-tát riêng, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, phạm Thâu-lan-giá.

Lại có một trú xứ, các Tỳ-kheo muốn kiết giới sống riêng, Bố-tát riêng, nhận vật cúng riêng, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép giải giới cũ rồi mỗi bên kiết trở lại.

Lại có các Tỳ-kheo muốn kiết giới sống riêng, Bố-tát riêng, nhận vật cúng chung, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép kiết.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Tất cả sông, tất cả hồ ao, tất cả biển đều không được kiết làm giới. Nếu đi đường thủy, trong chúng người nào có sức khỏe nhất tạt nước ra đến đâu thì lấy đó làm giới tự nhiên.

Đức Phật ở tại vườn trúc, Tôn giả A-nhã-kiều-trần-như ở núi Lăng-cầu-la, ngày Bố-tát hóa làm cái cầu vồng màu xanh, ngồi kiết già trong đó, đến chỗ Đức Phật, có rất đông người đứng coi, nên từ đó về sau A-nhã-kiều-trần-như đi bộ đến, do y phấn tảo nặng, nên khá nhọc mệt trên đường đi. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Nếu Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo ở trong xóm làng hay biên giới

của xóm làng kiết làm giới không mất y, khiến các vị Trưởng lão khỏi phải bị nhọc mệt như vậy. Quý vị bạch Phật, Đức Phật dạy: Bằng mọi cách khen ngợi giới, khen người trì giới rồi, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép các Tỳ-kheo trong xóm làng hay là biên giới của xóm làng bạch nhị Yết-ma kiết làm giới không mất y. Sai một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay kiết giới trong xóm làng hay biên giới của xóm làng này sống chung, chung Bố-tát, chung nhận phẩm vật cúng dường, nay kiết giới làm không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay kiết giới trong xóm làng hay biên giới của xóm làng này sống chung, chung Bố-tát, chung nhận phẩm vật cúng dường, nay kiết làm giới không mất y. Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã kiết làm giới không mất y rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo kiết giới không mất y trước, sau mới kiết đại giới, bạch Phật. Phật dạy: Nếu kiết đại giới trước, sau y nơi đó mới kiết giới không mất y. Các Tỳ-kheo lại dùng tất cả thời kiết giới không mất y, để y thô tệ rồi đi, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, nên bạch nhị Yết-ma giải, một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Kiết giới trong xóm làng hay biên giới của xóm làng này, trước kiết làm giới không mất y, nay Tăng giải kiết việc này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Kiết giới nơi chỗ này… cho đến câu: Nay Tăng giải kiết giới việc này, các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã giải giới không mất y trước đây rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Lúc này, các Tỳ-kheo trước giải đại giới, sau giải y giới, bạch Phật. Phật dạy: Nên trước giải y giới, sau giải đại giới. Khi ấy, Tỳ-kheo vì phòng hộ thân nên mất y giới và vì bảo vệ y giới cho nên thân mất đi sự phòng hộ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép kiết y giới trở lại.

Bấy giờ, có một trú xứ, ngày Bố-tát, đệ tử xin cáo từ Hòa thượng muốn đi đến chỗ khác, Hòa thượng không biết nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Hòa thượng nên trù liệu, nếu trên đường đi có sự nghi ngờ, sợ sệt mà Hòa thượng cho phép đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu không cho mà đệ tử cưỡng đi, mắc tội khinh thầy, phạm Ba-dật-đề. Nếu trên đường đi không có sự nghi ngờ sợ sệt, mà nơi đến, khất thực khó được, hoặc bạn đồng đi không

hiểu biết, không tụng giới, không biết Bố-tát, không biết Yết-ma Bố-tát, hoặc nơi đó không có người trì pháp, trì luật, hiểu rõ luật nghi, hoặc nơi đó ưa thích tranh chấp, hoặc nơi đó có người phá Tăng, hoặc nơi đó mắc bệnh không có thức ăn tùy theo bệnh, thuốc thang, ngọa cụ, người nuôi bệnh, hoặc nơi đó y thực khó được, mà cho đi, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu không có các việc như trên thì cho đi, không phạm.

Có một trú xứ, ngày thứ mười lăm các Tỳ-kheo tập hợp để Bố-tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, mời đệ nhất Thượng tọa thuyết giới, Thượng tọa nói: Quên không tụng được. Đệ nhị Thượng tọa cho đến hạ tọa đều nói không tụng, nên không Bố-tát được. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo chúng khác tụng giới, hoặc tóm lược hoặc tụng đủ, trong ngày trở về, nếu không được thì không nên ở trú xứ như vậy. Nếu ở, phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo phạm tội không hối quá mà Bố-tát. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, nếu phạm, mắc Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo hướng đến người phạm tội để hối quá. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy.

Có một trú xứ, ngày Bố-tát, tất cả Tăng đều phạm tội, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế

nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép bạch nhị Yết-ma, sai một Tỳ-kheo đến chúng khác hối quá thanh tịnh rồi trở về, các Tỳ-kheo khác đến bên Tỳ-kheo ấy hối quá, nếu được thì tốt, bằng không nên tập trung hết nơi nhà Bố-tát, một Tỳ-kheo bạch nhị Yết-ma:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đều phạm tội này không

thể hối quá được, nay cùng nhau gác lại đó, sau sẽ hối quá. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, nay Tăng đều có tội này… cho đến câu: sau sẽ hối quá. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói:

Tăng đã đồng ý gác tội này lại rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Đã đúng pháp thì phải Bố-tát, không nên không Bố-tát. Có một Tỳ-kheo bệnh, phạm tội, nói với một Tỳ-kheo: Đại đức! Tôi phạm tội. Vị kia trả lời: Tôi cũng phạm tội. Không hối quá được mà mạng chung. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Nếu Đức Thế Tôn cho phép hướng đến Tỳ-kheo có tội để hối quá thì Tỳ-kheo này khỏi phải gặp trường hợp không hối quá mà mạng chung. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho phép hướng đến Tỳ-kheo có tôi hối quá, chỉ không được hướng đến người đồng tội hối quá.

Có một trú xứ đều đồng phạm một tội, không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cũng nên như trên gác tội lại.

Có một Tỳ-kheo bệnh phạm tội, nói với một Tỳ-kheo: Đại đức! Tôi phạm tội này. Vị kia nói: Tôi cũng phạm tội này. Do vậy không được hối quá mà qua đời. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Nếu Đức Thế Tôn cho phép hướng đến Tỳ-kheo đồng phạm một tội mà hối quá thì Tỳ-kheo này khỏi gặp phải trường hợp không được hối quá mà mạng chung. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nay cho phép hướng đến người đồng tội hay không đồng tội để hối quá.

Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp Bố-tát nói giới, một Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo nói giới: Xin ngưng lại! Tôi nhớ có tội, tôi muốn hối quá. Các Tỳ-kheo chê trách nói: Tại sao khi nói giới lại làm trở ngại?! Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Khi nói giới, nếu nhớ có tội, cho phép hướng đến Tỳ-kheo ngồi gần nói, hoặc miệng nói tâm nghĩ: Tôi có tội như vậy, nói giới rồi sẽ hối quá, không nên gây trở ngại. nghi có tội cũng như vậy.

Có một trú xứ, các Tỳ-kheo không biết Bố-tát, không biết Yết-ma Bố-tát. Có Tỳ-kheo biết pháp trì luật hiểu rõ luật nghi đến, các Tỳ-kheo không để ý tiếp đón, không cung cấp ngọa cụ, Tỳ-kheo kia bèn đi. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Phải tiếp đón tốt, cung cấp ngọa cụ, nếu không vậy, phạm Đột-kiết-la.

Có một trú xứ, Tăng đều phạm tội, không biết tội phạm thuộc về thiên nào, có một Tỳ-kheo biết pháp trì luật hiểu rõ luật nghi đến,

trong các Tỳ-kheo có một vị tới hỏi: Phạm như vậy, như vậy là thuộc về chương nào của tội? Tỳ-kheo kia nói: Là thuộc về thiên tội… ấy. Vị đó nói: Tất cả Tăng trong trú xứ này đều phạm tội như vậy. Tỳ-kheo đó liền đến bên Tỳ-kheo kia hối quá. Hối quá rồi trở về nói với các Tỳ-kheo: Chúng ta trước đây phạm tội như vậy, thuộc về thiên tội…, nên cùng sám hối, đừng để ô nhiễm việc tu phạm hạnh phải thọ khổ nhiều đời. Các Tỳ-kheo khác nổi giận nói: Tại sao thầy hướng đến tôi nói như vậy? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Các Tỳ-kheo nên đến nơi vị Tỳ-kheo biết pháp kia để hối quá, chẳng phải không nên nói, chỉ không nên vội nói với người, nếu vội nói thì phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến trú xứ của Lục quần Tỳ-kheo, thấy họ phạm giới nói: Các thầy chớ nên làm điều ấy. Lục quần Tỳ-kheo bèn xúc não, hỏi: Những gì nên làm, những gì không nên làm? Họ gây xúc não suốt đêm. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật, bằng mọi cách Đức Phật quở trách Lục quần Tỳ-kheo: Các ông là người ngu si, Tỳ-kheo Thượng tọa thương xót dạy các ông, tại sao lại gây xúc não suốt đêm. Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Chẳng phải không nên dạy, chỉ không nên vội dạy người, nếu phạm tội, tự biết có

lỗi, sau đó mới dạy.

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên du hành trong nhân gian là bậc thầy đáng kính của bốn chúng, quốc vương, Đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn, đến trú xứ của một Tỳ-kheo nọ. Các đàn-việt vì hai vị cúng dường chúng Tăng, bố thí y vật giá trị. Kể cả người giữ vườn cũng được phần Khâm-bà-la trị giá mười hai ngàn kim tiền. Ba lần được xướng lên: Ai cần đến lấy. Cuối cùng không ai nhận, nên hoàn lại cho thí chủ. Khi ấy, số Tỳ-kheo tụ hội tuần tự du hành trở về chỗ Phật. Thường pháp của chư Phật là an ủi các Tỳ-kheo rồi hỏi: Hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên du hành có được thuận lợi không? Bạch Thế Tôn! Rất là thuận lợi. Đức Thế Tôn lại thấy một điều hy hữu là chúng Tăng đều được một Khâm-bà-la trị giá mười hai ngàn kim tiền, Ba lần xướng cho các Tỳ-kheo mà không vị nào lấy, nên hoàn lại cho thí chủ. Lúc đó, có hai Tỳ-kheo Ma-ha-lô ở cách Phật không xa nghe rồi, một người nói như vầy: Các Thượng tọa kia là người ngu si, chính mình mất lợi dưỡng mà khiến cho thí chủ không được đại phước, nếu tôi có mặt tại đó sẽ nhận. Một người lại nói: Tôi là Thượng tọa thì tôi sẽ nhận, đưa đến sự tranh cãi, Đức Phật thấy vậy liền nói kệ:

Hai ngươi, Ma-ha-lô
Không ở trong chúng kia
Do đó, không tranh tụng

Y quý trả lại chủ.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly cùng các vị trì luật du hành đến trú xứ của Tỳ-kheo, vì họ nên tác pháp Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý, thì đều tác pháp. Vì họ nên tác pháp biệt trú, Ma-na-đỏa, Bản nhật, A-phù-ha-na, thì đều tác pháp. Nếu cương giới cần giải thì giải, nên kiết thì kiết. Vì họ phải tác Yết-ma giáo giới Tỳ-kheo-ni thì tác Yết-ma giáo giới với người không gắng nhận giáo giới. Vì họ phải giải Yết-ma giáo giới thì vì họ giải Yết-ma giáo giới. Các Tỳ-kheo khác nghe, nghĩ: Các Tỳ-kheo trì luật này đến chắc chắn khiến chúng ta có nhiều nghi hối, nên bèn dọn ngọa cụ, đóng cửa bỏ trú xứ đi.

Lại có các Tỳ-kheo-ni thấy Tôn giả Ưu-ba-ly, nổi giận mắng nói: Tỳ-kheo này thường thưa hỏi Đức Thế Tôn: Giới này nên thọ trì cả hai bộ Tăng hay chỉ thọ trì một bộ Tăng? Đức Phật bèn khiến hai bộ Tăng thọ trì, do đó khiến ta có nhiều khốn khổ. Những Tỳ-kheo do Tôn giả Ưu-ba-ly hướng dẫn, về đến chỗ Phật. Thường pháp của chư Phật là thăm hỏi rồi, lại hỏi:

Nơi Ưu-ba-ly du hành sự cúng dường có dồi dào hay không?

Bạch Thế Tôn! Không đầy đủ. Phật lại hỏi:

Tại sao?

Thưa Thế Tôn! Vì các Tỳ-kheo bỏ trú xứ đi và Tỳ-kheo-ni giận mắng.

Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo kia:

Sự thật các ông có như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Thật sự có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Các ông ngu si, không cung kính Tỳ-kheo trì luật thì cung kính ai?

Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Nay ta vì các Tỳ-kheo kiết pháp nên học ban đầu: Tỳ-kheo nào

nghe Tỳ-kheo trì luật đến, không nên đi tránh, nên lau quét rưới nước, sửa soạn phòng xá, ngọa cụ. Nghe vị ấy gần đến nên ra ngoài nửa do-tuần nghinh đón, nếu nghi có nạn sự thì cũng phải ra khỏi cửa. Nếu Tỳ-kheo trì luật có y vật thì nên thay thế xách vào, sửa soạn nước rửa, khăn lau tay chân, chuẩn bị đồ để tắm, thức uống quá giữa ngày, thỉnh thuyết pháp. Nếu thật sự cần giải thích, thì Tỳ-kheo trì luật nên như pháp để trả lời, nếu hỏi với tâm xúc não thì không nên đáp. Sáng sớm làm bữa ăn trước, Đát bát ma, kế đó làm bữa ăn sau. Nên hướng dẫn thí chủ thỉnh ở lại an cư. Lại nên tìm đàn-việt dâng y. Nên làm các việc cúng dường như vậy, bằng không thì phạm Đột-kiết-la.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Lúc ấy, Đức

Thế Tôn, ngày Bố-tát cùng các Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh ngồi nơi đất trống. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông im lặng, nay sẽ Bố-tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật: Tỳ-kheo Già già gần như mắc bệnh cuồng, có khi tới có khi không tới, cũng lại không nhớ tới cùng không tới, do vậy bê trễ việc hành Tăng sự, nay lại không tới. Đức Phật dạy: Sai một Tỳ-kheo kêu đến. Một vị vâng lời Phật dạy đến kêu, tìm khắp không thấy, trở về, bạch Phật. Phật dạy: Nay cho phép các Tỳ-kheo, từ xa cùng tác pháp bạch nhị Yết-ma cuồng si. Một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… mắc bệnh cuồng si, hoặc tới hoặc không tới, cũng lại không nhớ tới hay không tới, do vậy bỏ phế hành Tăng sự. Nay Tăng từ xa, trao cho Tỳ-kheo… pháp Yết-ma cuồng si. Hoặc có mặt hoặc không có mặt khi hành Tăng sự. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo… này mắc bệnh cuồng si… cho đến câu: Hoặc không có mặt khi hành Tăng sự. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… pháp Yết-ma cuồng si rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Sau đó, vị kia được lành bệnh, cầu xin giải Yết-ma, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho phép bạch nhị Yết-ma để giải. Tỳ-kheo bệnh lành nên đến giữa Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối chấp tay, bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con là Tỳ-kheo… trước đây mắc bệnh cuồng si, hoặc đến hoặc không đến, cũng lại không nhớ đến cùng không đến. Tăng đã trao cho con pháp Yết-ma cuồng si. Nay con đã lành bệnh, đến Tăng xin giải Yết-ma cuồng si. Xin như vậy Ba lần. Tăng sai một Tỳ-kheo bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo… này trước đây cuồng si, hoặc đến hoặc không đến, cũng lại không nhớ đến hay không đến, Tăng trao cho pháp Yết-ma cuồng si. Nay bệnh đã lành, đến Tăng xin giải Yết-ma cuồng si. Nay Tăng cho giải Yết-ma cuồng si. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo… này trước đây mắc bệnh cuồng si… cho đến câu: Nay Tăng cho giải pháp Yết-ma cuồng si. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã cho Tỳ-kheo… giải pháp Yết-ma cuồng si rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào ngày Bố-tát, cùng

các Tỳ-kheo, kẻ trước người sau vây quanh, ngồi nơi đất trống. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy im lặng, nay Bố-tát thuyết giới. Có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật: Tỳ-kheo… mắc bệnh, không đến được. Đức Phật dạy: Nên khiến một Tỳ-kheo dẫn tới. Các Tỳ-kheo không biết bằng cách nào dẫn tới. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Một người làm cây trụ cho họ vịn, một người đỡ họ, nếu không thể được thì lấy y khiêng họ đến. Vâng lời Phật dạy, quý thầy khiêng tới. Do khua động nên nhọc mệt, bệnh trạng thêm khốn khổ, có trường hợp tử vong. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên lấy dục thanh tịnh đem đến. Trong đó, có trường hợp được gọi là trao dục thanh tịnh, có trường hợp không được, có trường hợp được gọi là thọ dục thanh tịnh, có trường hợp không được, có trường hợp gọi là trì dục thanh tịnh đến, có trường hợp không được. Không được gọi là gởi dục thanh tịnh: Nếu gởi dục thanh tịnh cho Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, hoặc gởi dục thanh tịnh cho người tâm cuồng, tâm loạn, tâm bệnh hoại, người bị tẫn xuất, người bị cử tội, người tự nói tội, người ở khác cương giới. Nếu không như pháp nói ba lần: Nay tôi gởi dục thanh tịnh cho thầy, thầy nhận dục thanh tịnh của tôi… cho đến câu: Trong Tăng sự như pháp, vì tôi xưng danh nói và nắm giữ thẻ, đều không gọi là gởi dục thanh tịnh. Nếu ngược lại như trên, gọi là gởi dục thanh tịnh. Không gọi là thọ

dục thanh tịnh: Tự mình không như pháp, không biết danh tánh người kia, ngoài ra như trên, đều không gọi là thọ dục thanh tịnh. Ngược lại, đây gọi là thọ dục thanh tịnh. Được gọi là trì dục thanh tịnh đến: Nếu Tỳ-kheo trì dục thanh tịnh đến trong chỗ Bố-tát rồi ngủ, hoặc tâm cuồng, tâm tán loạn, tâm bệnh hoại, hoặc người bị Tăng trao tác pháp Yết-ma không thấy tội, Yết-ma không bỏ ác kiến, Yết-ma không hối quá, hoặc biến thành hai căn, huỳnh môn, không căn, hoặc quên nói, như vậy cũng được gọi là trì dục thanh tịnh đến. Nếu ngủ hoặc quên không nói đều phạm Đột-kiết-la. Nếu giữa đường ngủ… cho đến quên nói đều không được gọi là trì dục thanh tịnh đến. Lại có các Tỳ-kheo bệnh không thể nói dục thanh tịnh, do đó bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng thân gởi dục thanh tịnh. Các Tỳ-kheo không

biết dùng thân để gởi dục thanh tịnh như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Hoặc đưa tay lên, hoặc chỉ tay, hoặc lay động thân, lay động đầu, cho đến nháy mắt được gọi là dùng thân gởi dục thanh tịnh.

Lại có các Tỳ-kheo bệnh không thể dùng thân gởi dục thanh tịnh, bạch Phật. Phật dạy: Nên cả chúng đến chỗ người bệnh, rồi mời Tỳ-kheo nói giới ngồi chính giữa để nói, khiến các Tỳ-kheo bệnh hướng đến vị nói giới. Lại có các Tỳ-kheo bệnh không thể hướng đến vị nói giới, xoay lưng hay ngồi nằm, bạch Phật. Phật dạy: Nên ra ngoài

giới Bố-tát, không nên ở trong giới mà biệt chúng tác pháp Bố-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào ngày thuyết giới, cùng các Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh, ngồi nơi đất trống. Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy im lặng, nay sẽ Bố-tát, thuyết giới. Có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật: Tỳ-kheo… bị nhà quan bắt, không đến được. Đức Phật dạy: Nên sai một Tỳ-kheo nói lý do để xin về Bố-tát, nếu được thì tốt, bằng không thì nói bạch y lui ra một chút để lấy dục thanh tịnh, nếu được thì tốt, bằng không thì nên nói: Tất cả Tăng nên đến nơi chỗ Tỳ-kheo đó Bố-tát, nếu được thì tốt, bằng không thì nên ra ngoài giới Bố-tát, chứ không nên ở trong giới mà Bố-tát biệt chúng.

Có một trú xứ ở A-lan-nhã, các Tỳ-kheo vào ngày mười lăm tập hợp Bố-tát thuyết giới, khi ấy có giặc đến, các Tỳ-kheo thấy bèn thôi không tụng giới, các tên giặc hỏi: Tại sao ngồi nín thinh? Các Tỳ-kheo nói: Điều chúng tôi nói không nên cho bạch y nghe. Đám giặc lại hỏi: Những điều nói đó không phải là Phật nói hay sao? Các Tỳ-kheo nói: Chính là điều Phật nói. Đám giặc hỏi: Là điều Phật nói thì ai lại không được nghe? Nay các ông tập hợp chắc muốn luận bàn những việc không lợi cho chúng tôi. Đám giặc nói xong liền đánh các Tỳ-kheo và cướp đoạt y bát. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Từ nay, các Tỳ-kheo, nếu thấy giặc đến nên

tụng qua các kinh khác, đừng để đứt đoạn.

Lúc ấy, có một nhà Vua tên là Ưu-đà-diên rành về khoa tướng số. Một phu nhân tên là Nguyệt Quang, dung nhan xinh đẹp, âm thanh và điệu múa hơn người. Một hôm, phu nhân ở nơi lầu cao múa cho nhà Vua xem. Vua thấy tướng tử xuất hiện, không thể sống hơn một năm. Nhà Vua không vui khi thấy rõ tâm niệm và nhan sắc ấy. Phu nhân thấy vậy liền tâu: Em múa không được hay lắm phải không? Tại sao nhà Vua không vui? Nhà Vua nói: Không nên hỏi ta điều đó. Phu nhân khổ tâm hỏi đến Ba lần. Nhà Vua không từ chối được nên phải nói rõ sự việc. Phu nhân tâu với Vua: Nếu thật vậy thì xin cho em xuất gia. Nhà Vua nói: Ta và em thương yêu kính trọng nhau, dù chết cũng không lìa nhau, hãy trọn vui với cái ít ỏi còn lại, sao phải sống chia lìa? Phu nhân lại tâu với Vua: Chỉ nhiễm một chút vinh hoa của đời mà mê muội đạo nghiệp. Đây là việc bức xúc, trì huỡn chỉ đem lại sự khổ cho nhau, xin Vua rủ lòng thương cho em xuất gia. Nhà Vua nói: Phu nhân còn nhỏ tu đạo với sự quyết tâm sáng suốt chắc được sinh thiên, nếu trở lại làm người chúng ta gặp lại, việc này tùy theo ý của em. Phu nhân thưa: Nguyện này được thành, thề không trái lời hứa. Nhà Vua bèn cho xuất gia. Thế là phu nhân tạ từ ra đi. Hành đạo không lâu chứng được quả A-na-hàm, mạng sống cũng liền chấm dứt, sinh lên cõi Phạm thiên, lại khởi lên ý niệm: Ta

được xuất gia là ân của nhà Vua, trọng ân ấy nên trả, lời hứa mới không trái. Liền hiện xuống tại vương cung, đứng trong hư không, nói với nhà Vua: Phu nhân Nguyệt Quang tức là thân của tôi đây, trước kia có hứa với nhà Vua cho nên đến đây để tỏ lòng thành tín. Nhà Vua nói: Tôi không biết được loài trời, có thể hiện lại thân cũ. Phu nhân liền biến thành thân hình ngày xưa, đứng trước nhà Vua. Nhìn thấy thân hình ấy, lòng lại nặng tình, nhà Vua liền đến sát gần muốn ôm lấy. Phu nhân liền bay lên hư không nói với nhà Vua: Tại sao Vua còn quen theo nếp sống ái dục? Dục là vô thường, khổ, không, bất tịnh, suy tư được nghĩa này có thể giải thoát không vậy, chắc chắn đọa trong ba đường, tự mình cải thiện là điều khó. Nhà Vua nghe câu nói này, tâm liền được điều phục, bèn đem ngôi Vua giao cho thái tử, xuất gia học đạo. Nhà Vua ngồi tu trong một khu núi rừng không xa vương thành. Thái tử thấy cha xuất gia mà không rời ở xa hẳn, lòng nơm nớp sợ cha hối tiếc trở lại đoạt ngôi, nên thái tử nguyện xin phụ vương đi đến nước khác. Khi ấy, nhà Vua nay là Tỳ-kheo suy nghĩ: Ta phụng hành lời Phật dạy mà chưa thấy được Đức Phật, nay nên đến đó để kính lễ Đức Thế Tôn. Nghĩ rồi bèn đi. Khi ấy, thái tử cùng các Bà-la-môn ở trên lầu cao thấy Vua cha rời rừng ra đi, các Bà-la-môn nói với tân vương: Tỳ-kheo Vua nay đã đi rồi, Thái tử rất hài lòng. Nhưng chợt nhớ

ra để quên cái tọa cụ, Tỳ-kheo Vua liền trở lại lấy. Các Bà-la-môn lại nói với tân vương: Tỳ-kheo Vua đã trở lại, phải chăng việc ấy làm cho thái tử hoảng sợ, nên thái tử ra lệnh cho các quan: Ngươi đến giết liền. Tất cả Sa-môn Thích tử cũng đều giết hết. Tân vương lại ra lệnh: Nếu người đó sợ chết, tạo nhiều phương tiện, xin muốn gặp ta, cũng đừng tha chết.

Kẻ thi hành lệnh vội vã đến nơi nói: Tân vương ra lệnh tôi giết Tỳ-kheo. Tỳ-kheo hỏi: Tại sao giết tôi? Phần hành đáp: Do Tỳ-kheo ra khỏi rừng rồi trở lại, tân vương hoảng sợ bị cướp ngôi Vua nên ra lệnh giết. Tỳ-kheo Vua nói: Tôi không tham vương vị, vừa rồi vì quên tọa cụ nên tạm trở lại lấy, như vậy chuyện gì phải giết tôi?! Sứ giả nói: Nhà Vua lại ra lệnh dứt khoát, nếu người đó sợ chết, bằng nhiều cách nài nỉ van xin thì cũng đừng vì thế mà không giết, để rồi trở lại gặp ta. Nay tôi làm sao mà dám làm ngược lại? Tỳ-kheo Vua lại nói: Tôi xuất gia, sở cầu chưa đạt được, ngươi hoãn lại cho tôi một chút, đợi bóng cây kia ngã đến đây. Sứ giả thuận cho. Tỳ-kheo Vua liền tinh tấn tư duy, liền đắc Tu-đà-hoàn. Bóng cây vừa ngã đến. Sứ giả nói: Bóng cây đã ngã đến đó rồi. Tỳ-kheo Vua lại nói: Sở cầu trong việc xuất gia của tôi chưa đạt hết, có thể hoãn cho tôi một con bóng. Sứ giả thuận cho. Hoãn bốn lần như vậy, Tỳ-kheo chứng được bốn quả Sa-môn, bèn nói với sứ giả: Ngươi có thể thi hành mạng lệnh, rồi trở về báo với Vua của ngươi:

Ta không tham vương vị, đã ra đi nhưng vì quên tọa cụ nên tạm trở lại lấy mà thôi. Vua của ngươi vì việc này mà giết ta, tức giết cha, giết A-la-hán. Ta nghĩ: Người ấy sẽ thọ đại khổ lâu dài. Nói rồi trút hơi thở cuối cùng! Sứ giả giết rồi, trở về chỗ Vua. Nhà Vua từ xa trông thấy vậy liền sinh tâm hối hận. Sứ giả đến trước Vua, Vua hỏi: Ngươi đã giết chưa? Tâu Vua giết rồi. Vua lại hỏi: Phụ vương khi lâm chung có nói lời gì không? Sứ giả thở ra nghẹn ngào tâu lại đầy đủ sự việc như trên. Nghe những lời nhắn gửi của cha, huyết từ trong miệng nhà Vua phụt ra, đang sống mà thân đọa vào địa ngục. Trong thời gian này, Vua Bình-sa cùng các lân quốc nhanh chóng được nghe báo lệnh giết hết Sa-môn Thích tử của Vua ấy vào trong biên giới của mình, nên hạ lệnh cho các trượng sĩ bảo vệ Tỳ-kheo. Thi hành sắc lệnh, trượng sĩ cẩn mật không rời Tỳ-kheo. Bấy giờ, một trú xứ nơi thành Vương-xá có năm trăm Tỳ-kheo, ngày thứ mười lăm tập hợp, bảo trượng sĩ lui ra một chút, chúng tôi sắp Bố-tát. Trượng sĩ trả lời: Chúng tôi vâng lệnh của Đại vương không được tạm rời quý vị, đâu dám trái lệnh của Đại vương! Các Tỳ-kheo không biết cách giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu họ không chịu đi thì chỉ nói tựa của giới, rồi nói tiếp các điều khác Tăng thường nghe, nên Bố-tát như vậy, chứ không nên không Bố-tát.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vào ngày Bố-tát, tập hợp

muốn thuyết giới, Lục quần Tỳ-kheo tranh tụng không thôi, không Bố-tát được. Vua Bình-sa đến, họ bèn tạm đình chỉ, sau đó tranh chấp trở lại, không thuyết giới được. Quý vị không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu trường hợp như Vua Bình-sa, Tỳ-kheo có sự kiêng nể, khi tạm thời đình chỉ việc tranh chấp, bèn nói bài tựa của giới rồi nói các việc khác như Tăng thường nghe. Nên Bố-tát như vậy, chứ không nên không Bố-tát. lúc Tăng Bố-tát, muốn tác Yết-ma, Lục quần Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh của vị khác, rồi không đến trong Tăng, bèn ra ngoài giới khiến cho Tăng Yết-ma không thành. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Tăng được thành Yết-ma, người thọ dục thanh tịnh ấy phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo thường thuyết giới tóm lược, các Tỳ-kheo niên thiếu nói: Đại đức nên thuyết giới đầy đủ vì chúng con chưa từng nghe. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên thường thuyết giới tóm lược. Có mười nhân duyên cho phép thuyết giới tóm lược:

Có quý nhân.
Có thú dữ.
Có trùng độc.
Đất có cỏ sống.
Đất có gai gốc.
Có hang của rắn độc.
Bệnh.
Tối tăm.
Đất có bùn lầy.
Ngồi quá chật.

Như vậy gọi là nhân duyên. Nếu còn thuyết giới được trong năm cách thì hay, bằng không thì nên nói: Nay là ngày thứ mười bốn, mười lăm Bố-tát, mỗi chúng ta đều cùng chánh thân, khẩu, ý, chớ phóng dật. Đây cũng được gọi là Bố-tát. Nên Bố-tát như vậy chứ không nên không Bố-tát.

Có một trú xứ, khi thuyết giới lại có Tỳ-kheo đến, hoặc nhiều, hoặc bằng, hoặc ít hơn. Lại có một trú xứ, thuyết giới rồi, tất cả chưa đứng dậy, lại có Tỳ-kheo đến hoặc nhiều, hoặc bằng, hoặc ít hơn. Lại có một trú xứ, thuyết giới rồi, các Tỳ-kheo, các vị đã đứng dậy đi, có vị chưa đứng dậy đi, lại có Tỳ-kheo đến hoặc nhiều, hoặc bằng, hoặc ít hơn. Lại có một trú xứ, thuyết giới rồi, các Tỳ-kheo, các vị đã đứng dậy đi, lại có Tỳ-kheo đến hoặc nhiều, hoặc bằng, hoặc ít hơn. Các Tỳ-kheo không biết cách giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu khi thuyết giới, lại có Tỳ-kheo đến hoặc nhiều, hay bằng nên vì họ Bố-tát thuyết giới lại, nếu ít hơn thì nên cho phép số giới còn lại. Nếu thuyết giới rồi, tất cả Tỳ-kheo chưa đứng dậy, lại có Tỳ-kheo đến, hoặc nhiều hoặc bằng nên vì họ Bố-tát thuyết giới lại, nếu ít hơn, họ nên đứng giữa Tăng, quỳ gối nói: Thanh tịnh. Nếu thuyết giới rồi, các Tỳ-kheo có vị đứng dậy đi, có vị chưa đứng dậy đi, lại có Tỳ-kheo đến, hoặc nhiều, hay bằng, nên vì họ Bố-tát thuyết giới lại. Nếu ít hơn thì nên dốc cầu Tỳ-kheo trước hòa hợp Bố-tát thuyết giới lại, nếu được thì hay

bằng không nên ra ngoài giới Bố-tát, không nên trong giới Bố-tát riêng. Nếu thuyết giới rồi, tất cả Tỳ-kheo đã đứng dậy đi, lại có Tỳ-kheo đến cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo cựu trú tập hợp, nếu Tỳ-kheo cựu trú đến, nếu Tỳ-kheo khách đến, nếu Tỳ-kheo cựu và khách đến, nếu Tỳ-kheo khách tập hợp, nếu Tỳ-kheo khách đến, nếu Tỳ-kheo cựu trú đến, nếu Tỳ-kheo cựu và khách đến, nếu Tỳ-kheo cựu trú đến, nếu Tỳ-kheo khách đến, hoặc nhiều, hoặc bằng, hay ít hơn… cho đến tất cả Tỳ-kheo đã đứng dậy đi, đều như trên đã nói.

Có một trú xứ khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới, thấy có giường dây, y bát khác mà không thấy Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nghĩ trong trú xứ này có Tỳ-kheo hay không Tỳ-kheo, bèn cùng nhau thuyết giới. Có một trú xứ, khi Bố-tát các Tỳ-kheo tập hợp, muốn thuyết giới, thấy giường dây, y bát khác mà không thấy Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Trong đây không có Tỳ-kheo, bèn thuyết giới. Có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới, thấy giường dây, y bát khác mà không thấy có Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Trong đây có Tỳ-kheo hay không có Tỳ-kheo, cần thuyết giới bèn thuyết giới. Có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới, thấy giường dây, y bát khác mà không thấy Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Trong đây có Tỳ-kheo mà đi đâu mất rồi, thuyết

giới với tâm phá hòa hợp Tăng. Có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới, thấy giường dây, y bát khác mà không thấy Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Trong đây có Tỳ-kheo, mà không tìm không kiếm, bèn thuyết giới. Có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới, thấy giường dây, y bát khác mà không thấy Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Trong đây có Tỳ-kheo, tìm kiếm mà không thấy, bèn thuyết giới. Có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp muốn thuyết giới, thấy giường dây, y bát khác mà không thấy Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Trong đây có Tỳ-kheo, tìm kiếm thấy, cùng thuyết giới. Các Tỳ-kheo không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Trường hợp một, hai, ba và năm thuyết giới đều có lỗi, Yết-ma không thành, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp bốn cũng có lỗi, Yết-ma không thành, phạm Thâu-lan-giá. Trường hợp sáu không lỗi, Yết-ma không thành, không phạm. Trường hợp bảy không lỗi, Yết-ma thành, không phạm.

Nếu Tỳ-kheo cựu trú tập hợp, không thấy Tỳ-kheo cựu trú, không thấy Tỳ-kheo khách, không thấy Tỳ-kheo cựu và khách. Nếu Tỳ-kheo khách tập hợp, không thấy Tỳ-kheo khách, không thấy Tỳ-kheo cựu trú, không thấy Tỳ-kheo khách và cựu. Nếu Tỳ-kheo cựu và khách tập hợp, không thấy Tỳ-kheo cựu và khách, không thấy Tỳ-kheo

cựu trú, không thấy Tỳ-kheo khách, có lỗi, không lỗi đều như trên.

Có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp, nghe Tỳ-kheo tằng hắng ho, nhảy mũi hoặc tiếng giũ y, không khởi ý niệm: Trong đây có Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo, bèn thuyết giới… Cho đến có một trú xứ, khi Bố-tát, các Tỳ-kheo tập hợp, nghe Tỳ-kheo tằng hắng, ho, nhảy mũi hoặc tiếng giũ y, khởi ý niệm như vầy: Trong đây có Tỳ-kheo rồi tìm được cùng thuyết giới. Các Tỳ-kheo không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Có lỗi không lỗi đều như trên. Có một Tỳ-kheo, thọ dục thanh tịnh của một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo Bố-tát. Có hai Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh của hai Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo Bố-tát. Có ba Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh của ba Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo Bố-tát. Có số đông Tỳ-kheo thọ dục thanh tịnh của số đông Tỳ-kheo, số đông Tỳ-kheo Bố-tát. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Đều không nên như vậy, nay cho phép nhiều Tỳ-kheo tập hợp, ít Tỳ-kheo trì dục thanh tịnh đến.

Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở khác chỗ, khởi tưởng đồng trú, thấy rồi không nhớ, không hỏi, bèn thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ khác, khởi tưởng đồng trú, thấy rồi nhớ mà không hỏi bèn thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ

khác, khởi tưởng đồng trú, thấy rồi nhớ hỏi cùng thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ khác, đối với giới nghi, đối với Tỳ-kheo không nghi, không nhớ không hỏi bèn thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ khác, đối với giới nghi, đối với Tỳ-kheo không nghi, nhớ hỏi cùng thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ khác, đối với Tỳ-kheo nghi, đối với giới không nghi, không nhớ, không hỏi bèn thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ khác, đối với Tỳ-kheo nghi, đối với giới không nghi, nhớ không hỏi bèn thuyết giới. Có một trú xứ, các Tỳ-kheo tập hợp muốn Bố-tát thuyết giới, thấy Tỳ-kheo ở chỗ khác, đối với Tỳ-kheo nghi, đối với giới không nghi, nhớ hỏi cùng thuyết giới. Các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Sáu trường hợp trước có lỗi, Yết-ma không thành, phạm Đột-kiết-la. Ba trường hợp sau không lỗi, Yết-ma thành, không phạm. Đồng trú cũng như vậy.

Các Tỳ-kheo khách nói ngày mười bốn, Tỳ-kheo cựu trú nói ngày mười lăm, các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo khách nên theo Tỳ-kheo cựu trú. Không có Tỳ-kheo cựu trú mà Tỳ-kheo khách tự cộng tác, khác

với trên, không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Kẻ đến sau nên theo người đến trước. Có Tỳ-kheo khách đến cùng lúc, bạch Phật. Phật dạy: Nên hỏi Tỳ-kheo ở trú xứ gần, nếu trú xứ gần không có Tỳ-kheo thì nên hỏi ngày mà quan quy định để áp dụng theo.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, từ trú xứ có Tỳ-kheo đến trú xứ có Tỳ-kheo Bố-tát, đến trú xứ không có Tỳ-kheo Bố-tát, đến trú xứ có Tỳ-kheo mà hiện không có Tỳ-kheo Bố-tát, đến trú xứ của Tỳ-kheo tranh chấp Bố-tát, đến trú xứ của Tỳ-kheo phá Tăng Bố-tát. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Ngày Bố-tát đến bốn chỗ trước, phạm Đột-kiết-la, đến một chỗ sau phạm Thâu-lan-giá.

Có một trú xứ, ngày Bố-tát, Bạt-nan-đà là Thượng tọa, chúng Tăng mời thuyết giới, Bạt-nan-đà trả lời: Tụng bị quên. Các Tỳ-kheo nói: Nếu quên, sao lại ngồi nơi chỗ Thượng tọa? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Thượng tọa nên thuyết giới, nếu không thuyết, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo không biết ngang mức tuổi nào là Thượng tọa, bạch Phật. Phật dạy: Không có người nào trên nữa gọi là Thượng tọa.

Các Tỳ-kheo khi thuyết giới, nửa chừng bị quên, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Người ngồi gần nên nhắc, nếu còn quên nhắc lần nữa, quên lần thứ ba, nên sai người khác tụng tiếp theo, chứ không nên tụng lại.

Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo, đêm Bố-tát tranh chấp, trở ngại việc Tăng tụng giới, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nếu tổng số người được thuyết giới đứng dậy ít, thì nên trở lại tập hợp thuyết giới. Nếu người đứng dậy nhiều hơn hay phân nửa, nên để sáng ngày Bố-tát. Nếu nói luật, nói pháp, luận nghị, nhận được nhiều phẩm vật cúng dường, không đủ thì giờ thuyết giới, đều cho phép để sáng ngày thuyết giới. Các Tỳ-kheo trước không mời người tụng giới, do đó trở ngại việc thuyết giới, bạch Phật. Phật dạy: Nên mời vị thuyết giới trước. Khi ấy, các Tỳ-kheo thuyết giới trước, sau mới tác các pháp Yết-ma, Lục quần Tỳ-kheo thuyết giới rồi liền đi, không cùng Tăng hòa hợp làm các pháp Yết-ma, làm cho các pháp Yết-ma không như pháp. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên làm các Yết-ma trước, vậy sau mới thuyết giới, để giữ chân Tăng lại, khiến họ không đi được.

Khi ấy, các Tỳ-kheo cùng tụng giới, quý vị bạch Phật. Phật dạy:

Không nên cùng tụng giới, nên mời một vị tụng. Có Tỳ-kheo thuyết giới với giọng ngâm nga, bạch Phật. Phật dạy: Nên tụng ngay thẳng.

Lúc đó, một trú xứ Bố-tát, Bạt-nan-đà là Thượng tọa, xướng: Nay là ngày thứ mười lăm, Tăng Bố-tát thuyết giới, các Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh, nay Tăng làm gì? Vì hỏi các Tỳ-kheo làm việc gì? Nên các Tỳ-kheo trả lời:

Tỳ-kheo… nên trao cho pháp Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý. Tỳ-kheo nên trao cho Biệt trú, Ma-na-đỏa, Bản nhật, A-phù-ha-na. Bạt-nan-đà nói: Tôi không biết Yết-ma. Các Tỳ-kheo hỏi: Nếu không biết tại sao hỏi Tăng và các Tỳ-kheo làm việc gì? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Thượng tọa nên thuyết giới, vị trì luật nên Yết-ma.

Khi ấy, các Tỳ-kheo hoặc lật ngược y, hoặc chống nạnh, hoặc mang giày dép, hoặc trùm đầu, hoặc nằm hoặc dựa, làm các oai nghi không cung kính như vậy khi nghe thuyết giới. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên gia tâm cung kính, không nên lật ngược y… cho đến nằm, dựa mà nghe thuyết giới. Nếu vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Ngày Bố-tát có một Tỳ-kheo ngủ, nên thuyết giới rồi thức dậy hớt hãi nói: Tăng tập cùng nhau thuyết giới. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Từ nay không được ngủ ngày.

Lại có các Tỳ-kheo chấp sự bị Yết-ma, không ngủ được nên mệt mỏi thân bất an, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép ngủ nơi kín vắng, nên nói với Tỳ-kheo quen biết: Tôi ngủ chỗ đó, nếu có Tăng sự kêu tôi.

Lại có một Tỳ-kheo khi thuyết giới ngủ, thức dậy, nói với các Tỳ-kheo: Sao không thuyết giới? Các Tỳ-kheo hỏi: Thầy nhớ chuyện gì? Tôi ngủ. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên ngủ khi

thuyết giới, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có một trú xứ Bố-tát, các Tỳ-kheo thuyết giới chỗ kín vắng, Tỳ-kheo khách đến không biết chỗ nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không có nạn sự không nên thuyết giới chỗ kín vắng. Có Tỳ-kheo không biết ngày thuyết giới đến, bảo Tỳ-kheo hạ tọa dọn quét trải tòa, chuẩn bị thẻ hành trù, và đèn lửa. Các Tỳ-kheo nhân việc nhỏ bèn nhờ người khác. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép nhân việc nhỏ mà nhờ các Tỳ-kheo khác. Muốn trang nghiêm nhà Bố-tát nên treo cờ phướn, lọng báu, rải hoa, cúng dường Tăng ngọ trai, cũng nhân việc này dâng y vật, lại muốn dùng kệ tán thán Phật, Pháp, Tăng. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Những việc ấy đều cho phép. Nếu có các việc phước cũng nên kịp thời thực hành.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 19

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 3: NÓI VỀ PHÁP AN CƯ

Đức Phật ở thành Vương-xá. Khi ấy, các Tỳ-kheo, Xuân, Hạ, Đông tất cả thời du hành, đạp chết trùng cỏ, mang y vật nặng mệt nhọc trên lộ trình, các cư sĩ thấy chê trách nói: Các Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn còn biết mùa Hạ trong ba mùa thì An cư. Các loài chim lại làm tổ, làm hang để ở yên trong mùa này. Ngược lại, các Tỳ-kheo không biết ba mùa, mùa nào nên đi mùa nào không nên đi. Các Tỳ-kheo thường nói thiểu dục, từ bi, hộ niệm chúng sinh, mà nay giậm đạp, không có tâm nhân từ, trắc ẩn, là không hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bèn nghiêm khắc quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Sự thật các ông có như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Có.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

Không nên tất cả thời đều du hành, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Từ nay cho phép mùa Hạ phải An cư. Kiết pháp An cư: Để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối, chấp tay, hướng đến một Tỳ-kheo thưa: Trưởng lão nhất tâm niệm: Tôi Tỳ-kheo… an cư mùa Hạ nơi trú xứ này, ba tháng trước, nương nơi xóm làng… phòng xá… nếu phòng xá có hư hoại nên tu bổ. Nói như vậy Ba lần. Vị kia nói tôi ghi nhận.

Các Tỳ-kheo ngày nào cũng kiết An cư, hoặc hai ngày cho đến năm ngày, một lần kiết, bạch Phật. Phật dạy: Không nên kiết như vậy, nên ngày Bố-tát cuối mùa Xuân, chia phòng xá ngọa cụ, rồi ngày mồng một mùa Hạ kiết An cư.

Có Tỳ-kheo muốn nương nơi dưới con voi, hoặc nương nơi xe cộ

kiết An cư. Lại có Tỳ-kheo muốn nương nơi nhà bị phú bát An cư. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Đều không nên kiết như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Cho phép kiết nơi chỗ đủ ngồi kiết già và y bát không bị mưa ướt mà An cư.

Có các Tỳ-kheo An cư nơi chỗ không có sự cứu hộ, bị giặc cướp đoạt. Lại có các Tỳ-kheo An cư nơi gò mả, bị phi nhân gây não. Lại có các Tỳ-kheo

An cư trên cây, bị rắn độc làm khốn khổ. Lại có các Tỳ-kheo An cư trong nhà lợp bằng da, bên trong lỗ mũi bị sinh thịt. Lại có các Tỳ-kheo An cư nơi chỗ đất trống da bị lột, bạch Phật. Phật dạy: Những chỗ trên đều không kiết kiết.

Bấy giờ, các bạch y thỉnh Tỳ-kheo An cư ở chỗ không có sự cứu hộ, bạch: Đại đức có thể An cư nơi chỗ đó, tôi có thể từ xa làm việc cứu hộ. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho thọ. Lại có Tỳ-kheo nơi gò mả, lo ngại nơi nhân gian không có phòng xá ngọa cụ, muốn ở lại gò mả An cư, bạch Phật. Phật dạy: Nếu có thể hệ niệm tại tiền, không có sự sợ sệt thì cho phép. Lại có các Tỳ-kheo, muốn bố trí một chỗ trên lùm cây trong không trung để An cư, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép, nhưng trước hết nên dùng đá ném trên cây, hoặc lấy cây sào đập, lắng nghe có âm thanh nào phát ra hay để có vật gì chạy ra. Nếu không có tiếng gì khác, không có vật gì chạy ra, sau đó mới vào. Lấy bùn kết dính các chỗ hiểm yếu để có sự bằng phẳng, chung quanh làm vách đất, đặt cửa để đóng mở.

Lúc ấy, Long vương A-nậu-đạt thỉnh các Tỳ-kheo An cư nơi hang ở trong cung, dùng năm trăm kim ngân và các châu báu làm thành, các Tỳ-kheo không dám đến, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép đến. Các Tỳ-kheo muốn làm cấp để đi, lót đá để ngồi, và đá để rửa chân, đều dùng bằng vàng, bạc, xấu hổ không dám, bạch Phật. Phật dạy: Vàng bạc

nơi đó cũng như đất đá ở đây, tùy ý sử dụng.

Lại có các Tỳ-kheo An cư nơi có các nạn về giặc, quan lại, người thân bèn bạch Phật. Phật dạy: Nên tránh đi chỗ khác An cư. Có hai thứ An cư: tiền An cư và hậu An cư. Nếu không có việc gì thì nên tiền An cư, có việc gì thì cho phép hậu An cư. Tỳ-kheo hậu An cư đến chỗ khác, Tỳ-kheo kia không cung cấp phòng xá ngọa cụ, bạch Phật. Phật dạy: Nên cung cấp. Đã cấp rồi không ở, lại đoạt phòng của người khác, bạch Phật. Phật dạy: Nhận được phòng nào ở phòng nấy. Tỳ-kheo khi muốn An cư, nên trù liệu trước, chỗ này có nạn, không nạn, không nạn nên ở, có nạn nên đi.

Bấy giờ, tại thành Xá-vệ, có Trưởng giả tên là Ưu-đà-diên tin ưa Phật pháp, thường cung cấp cho các Tỳ-kheo. Khi An cư, vì Tăng làm phòng xá, thiết trai nhập xá, muốn nhân việc ấy đem phòng dâng cúng, mời các Tỳ-kheo ở các trú xứ chung quanh, các Tỳ-kheo e ngại không dám thọ. Trưởng giả dị nghị chê trách nói: Tôi hao tốn tài vật để làm thức ăn, mà các Tỳ-kheo không chịu thọ thỉnh. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ. Nếu làm nhà cho Tỳ-kheo-ni và phòng cho ngoại đạo, cho đến làm thềm cấp đường đi, thiết trai mời cúng dường, đều cho phép thọ. Nếu có người thỉnh hay không được thỉnh, phải ra ngoài cương giới, tất cả trường hợp đều cho phép bảy ngày phải trở lại.

Có một Tỳ-kheo tự mình không biết luật, nhưng không nương nơi người trì luật, trong khi An cư sinh nghi, khởi ý niệm: Đức Thế Tôn không cho phép ta khi An cư du hành, không có chỗ để hỏi, không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép An cư chỗ có Tỳ-kheo trì luật. Nếu chỗ Tỳ-kheo trì luật phòng xá chật hẹp, cho phép ở chỗ gần Tỳ-kheo trì luật, mỗi bảy ngày tới một lần, trong khi đó, tâm niệm, từ xa nương vị trì luật mà An cư. Có một Tỳ-kheo, chia phòng xá ngọa cụ rồi, không khởi ý niệm: Nay tôi An cư, miệng cũng không nói, sau sinh nghi hối: Ta không kiết An cư, có thành An cư không? Bạch Phật. Phật dạy: Vì An cư, thọ phòng xá, trải ngọa cụ, tuy không phát tâm, miệng nói để kiết, cũng được gọi là An cư.

Lúc này, nơi thành Xá-vệ, người ta muốn đào con kênh thông nước nơi Kỳ-hoàn, Vua Ba-tư-nặc nghe ra lệnh: Ai đào kênh thông nước nơi Kỳ-hoàn phải bị đại tội. Sau đó, nơi biên giới có việc, Vua tự xuất chinh. Các ngoại đạo muốn cùng tập trung lực lượng đào kênh thông nước. Các Tỳ-kheo đem việc ấy nói với các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tắc nói: Việc này không phải thuộc quyền ngăn cấm của chúng tôi, cần phải đến tâu với Vua. Các Tỳ-kheo nói: Đức Thế Tôn không cho phép trong khi An cư đi quá bảy ngày. Nhà Vua hiện ở cách xa đây làm sao đến kịp. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ

nay có việc Phật, Pháp, Tăng hay các việc tư, cần đi ngoài bảy ngày, cho phép bạch nhị Yết-ma thọ mười lăm ngày hoặc một tháng để ra ngoài giới. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên… vì công việc… muốn đi ra ngoài cương giới, ngoài bảy ngày thọ ba mươi đêm, sẽ trở lại đây An cư. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên… vì công việc…muốn đi ra ngoài cương giới, ngoài bảy ngày lại thọ ba mươi đêm, rồi trở lại đây An cư. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói.

Tăng đã thuận cho Tỳ-kheo… lại thọ ba mươi đêm ra ngoài cương giới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có một Tỳ-kheo An cư, thức ăn cũng không đủ, khởi ý niệm: Ta ở đây, trong khi An cư, thức ăn cũng không đủ, song Đức Thế Tôn không cho phép phá An cư, ta nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Vì nhân duyên ấy, cho phép phá An cư, không có tội.

Lại có một Tỳ-kheo An cư, có một Tỳ-kheo-ni quyến rũ cùng tác hạnh bất tịnh. Tỳ-kheo ấy nghĩ: Lòng người dễ thay đổi, sau có thể ta đổi ý, nhưng Đức Thế Tôn không cho phép phá An cư, ta nên

như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Vì lý do ấy cho phép phá An cư, không có tội. Thức-xoa-ma-na, cho đến huỳnh môn cũng được như vậy. Nếu quốc vương muốn phá hoại phạm hạnh, cho đến cha mẹ thân thích cũng được như vậy.

Có một Tỳ-kheo An cư, bắt gặp một kho tàng quý giá, khởi ý nghĩ: Của kho tàng này đủ nuôi sống một đời ta, nếu ở lâu, ý niệm này có thể bị lung lạc, nhưng Đức Thế Tôn không cho phép phá An cư, ta nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Vì nhân duyên này cho phép pháp An cư, không tội. Nếu chứng kiến sự vui sướng, khổ đau của quốc vương, của người tôn quý, kể cả của cha mẹ, vì sợ mất đạo ý, đều cũng giải quyết như vậy. Có một Tỳ-kheo An cư, nghe có Tỳ-kheo muốn phá Tăng, khởi ý niệm: Nếu có phá Tăng sự, Tăng không được hòa hợp, không được an lạc, do Đức Thế Tôn không cho phép phá An cư, ta nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép vì nhân duyên ấy phá An cư, không có tội.

Lại có một Tỳ-kheo An cư, nghe trú xứ khác có Tỳ-kheo muốn phá Tăng, mà là chỗ thân hậu, khởi ý nghĩ: Nếu ta đến can gián chắc nghe lời ta, song Đức Thế Tôn không cho phép ta phá An cư, ta nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép, vì nhân duyên ấy phá An cư, không có tội. Nếu có thể sai người can gián vì việc này mà đi, nơi đó Tăng đã phá hết, tự mình hòa hợp, hoặc khiến người hòa

hợp, vì việc này mà đi, cũng như vậy. Tỳ-kheo-ni có thể hòa hợp Tăng, cũng như vậy.

Bấy giờ, có đoàn khách buôn dừng nghỉ, các Tỳ-kheo muốn nương theo họ An cư, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nương đoàn khách buôn An cư. Trong khi An cư, bỗng nhiên họ lại đi, các Tỳ-kheo không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép đi theo họ. Các khách buôn chia làm hai đoàn, các Tỳ-kheo không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Đoàn nào có lòng tin ưa, phong phú, vui vẻ, thì đi theo. Tỳ-kheo có trì luật, nơi đó có nhiều vị trì luật, cho phép theo bộ này mà đi. Nếu nương nơi người chăn trâu, chăn dê, người làm bè, người đi thuyền An cư, đều cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo trong khi An cư, phòng xá, ngọa cụ bị cháy không có chỗ ở, không biết nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu bị lửa cháy, nước trôi, nạn Vua, nạn giặc, nạn phi nhân, nạn sư tử, hổ lang, các trùng độc cho đến loài kiến, nước, gió đều cho phép phá An cư, không có tội.

Khi ấy, Bạt-nan-đà thọ An cư Bố-tát rồi, đi giữa đường thấy hai trú xứ, nhiều y thực được dâng cúng, Bạt-nan-đà bèn vào hai nơi đó, mỗi chỗ đều nhận phân nửa phẩm vật. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn! Có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Ông là người ngu si, tại sao đã thọ thỉnh của người

khác, vì lợi dưỡng đến An cư hai trú xứ? Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay, Tỳ-kheo nào nhận sự mời của người khác nơi tiền An cư, Bố-tát rồi đến giữa đường, thấy hai trú xứ, nhiều y thực được dâng cúng bèn ở lại, thì không thành tiền hay hậu An cư, mắc tội trái với lời nói, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo nào nhận sự mời của người khác thuộc tiền An cư, Bố-tát rồi mà đi chưa tới nơi, đến ngày mười bảy, tướng ánh sáng xuất hiện, Tỳ-kheo ấy không thành tiền An cư mà thành hậu An cư, không phá An cư, mắc tội trái với lời nói. Nếu nhận sự mời của người khác thuộc tiền An cư, Bố-tát rồi, đến kiết An cư, không thọ bảy ngày ra ngoài giới, trong vòng bảy ngày, trở lại hay không trở lại, Tỳ-kheo ấy không thành tiền An cư, nếu có hậu An cư, thì không phá An cư, không mắc tội trái với lời nói. Nếu nhận lời mời của người khác thuộc tiền An cư, Bố-tát rồi, đến kiết An cư, thọ bảy ngày ra ngoài giới, không trở lại, không thành tiền An cư, nếu có hậu An cư, thì không phá An cư, nhưng mắc tội trái với lời nói. Nếu trong vòng bảy ngày mà trở lại, không phá An cư, không phạm tội trái với lời nói. Nếu nhận lời mời của người khác thuộc tiền An cư, Bố-tát rồi, đến kiết An cư, trước Tự tứ bảy ngày, không có tác pháp bảy ngày mà ra ngoài giới, cũng không thành tiền An cư, mà thành hậu An cư, không phá An cư, mắc tội trái với lời nói. Nếu có tác pháp bảy ngày mà ra ngoài giới, không phá pháp An cư, không

phạm tội trái với lời nói. Tỳ-kheo nào, nhận lời của người khác thuộc tiền An cư, đến nơi kia Bố-tát, cũng như vậy.

Tỳ-kheo nào, nhận lời của người khác, hậu An cư, Bố-tát rồi, đến giữa đường, thấy hai trú xứ có nhiều y thực dâng cúng, bèn ở lại không đi, phá pháp An cư, trái với lời nói, phạm tội Đột-kiết-la. Nếu nhận lời của người khác, hậu An cư, Bố-tát rồi đi không đến, đến ngày mười bảy, tướng ánh sáng xuất hiện, Tỳ-kheo ấy phá An cư, trái với lời nói, phạm hai tội. Nếu nhận lời mời của người khác, hậu An cư, Bố-tát rồi đến kiết An cư, không thọ bảy ngày ra ngoài giới, trong bảy ngày trở lại hay không trở lại, và thọ bảy ngày, trong bảy ngày không trở lại, đều phá An cư, trái với lời nói, mắc hai tội. Nếu trong bảy ngày trở lại, không phá An cư, không phạm tội trái với lời nói. Nếu nhận lời mời của người khác, hậu An cư, Bố-tát rồi đến kiết An cư, trước Tự tứ bảy ngày, không có pháp mà ra ngoài giới bảy ngày, phá An cư, trái với lời nói, mắc hai tội. Nếu có bảy ngày ra ngoài giới, không phá An cư, không phạm tội trái với lời nói. Nếu nhận lời mời của người khác, hậu An cư, đến chỗ kia Bố-tát, cũng như vậy.

Có một Tỳ-kheo tìm chỗ An cư, thấy có cái hang không, khởi ý niệm: Ta sẽ An cư nơi đây. Lại có số đông Tỳ-kheo thấy, cũng lại có ý niệm như vậy mà không biết nhau. Trước khi An cư đến ngày

Bố-tát, hai bên cùng tập hợp nơi đó, đều nói: Trước đây tôi đã tìm ra cái hang này. Không biết ai được ở, bạch Phật. Phật dạy: Nếu ai đến trước nên làm dấu, hoặc đề tên mình nơi vách, hoặc nói với người ở chung quanh hang, sau lấy đó làm chứng, thì người này được ở.

Lại có Tỳ-kheo trước chiếm trú xứ, sau rồi không đến, Tỳ-kheo khác không dám ở, bèn bỏ trống trú xứ đó, bạch Phật. Phật dạy: Nên xóa cái dấu, hoặc nói để cho mọi người đều biết, khiến Tỳ-kheo khác được ở.

Đoạn 4: NÓI VỀ PHÁP TỰ TỨ

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo ở một chỗ An cư, cùng nhau bàn nói: Chúng ta nếu cùng nhau nói năng, hoặc đưa đến sự nhiều chuyện, nên cùng nhau lập quy chế, chớ có những lời lẽ gì với nhau. Nếu ai khất thực về trước thì lau quét, rưới nước chỗ dọn ăn, lấy nước đầy bình, đem khăn lau tay, lau chân ra, trải các tọa cụ, để đồ đựng thức ăn dư, lường thức ăn, có dư thì sớt bớt để vào đó, người nào ăn thiếu lấy đó mà ăn, ăn rồi theo thứ tự dọn dẹp, nếu một mình không thể làm được thì ra dấu nhờ bạn cùng làm. An cư như vậy được sống an lạc, không có cái họa phải quấy,

thêm bớt. Luận bàn như vậy rồi liền thực hiện. An cư xong, thường pháp của chư Phật, một năm có hai lần hội họp, khi đến chỗ Phật, các Tỳ-kheo đầu mặt lễ nơi chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật an ủi hỏi:

Các thầy an cư hòa hợp, khất thực không thiếu, trên đường đi không nhọc mệt chứ?

Bạch Thế Tôn! Chúng con An cư hòa hợp, khất thực không thiếu, trên đường đi không nhọc mệt.

Đức Phật lại hỏi:

Các thầy An cư bằng cách nào được hòa hợp? Các Tỳ-kheo liền trả lời đầy đủ như trên.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Các thầy ngu si, như oan gia ở với nhau, làm sao mà được hòa hợp an lạc. Ta đã dùng vô số phương tiện dạy các thầy sống chung, cần phải nhắc nhở nhau, xây dựng, giác ngộ cho nhau, để làm tròn đạo nghiệp. Tại sao nay các thầy lại thực hành pháp cấm?! Từ nay nếu lại lập cái pháp không cùng nói năng với nhau thì phạm tội Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo thường thường phạm tội. Các Tỳ-kheo dùng lời Phật dạy, cùng nhau khuyên răn nói: Các thầy thường thường phạm tội, nên tự thấy lỗi mà tu cải hối, chớ để ô nhiễm phạm hạnh, tự để lại cái khổ lớn cho mình, phụ lòng tin của tín thí, rốt cuộc không được gì! Lục quần Tỳ-kheo không tự cải hối, trở lại vu

khống nói với các Tỳ-kheo Trưởng lão phạm các tội. Các Trưởng lão nghe rồi, xấu hổ, đến chỗ Phật, bạch Phật. Nhân việc này Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo:

Thật sự các ông có như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Có.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Nếu có Tỳ-kheo phạm tội, trước nên hỏi: tôi muốn khuyên thầy, thầy có cho phép tôi hay không? Vị ấy nói cho phép, thì khuyên, không cho phép thì thôi. Nếu không cho phép thì phạm Đột-kiết-la.

Lục quần Tỳ-kheo, thời gian sau phạm tội, bèn hỏi ngược lại Tỳ-kheo Trưởng lão: Tôi muốn khuyên thầy, thầy có cho phép tôi hay không? Vị kia khởi ý niệm: Phật chế không được cho phép, bèn nói: Tùy ý thầy cứ nói! Lục quần Tỳ-kheo lại nói: Nếu tùy ý tôi nói thì nghe tôi nói: Tội gì, nói khi nào, nói chỗ nào? Vị kia nghe nói những lời này bèn đi theo sau, không dám rời xa. Quý vị bạch Phật, Phật lại hỏi Lục quần Tỳ-kheo:

Sự thật các ông có như vậy không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

Nếu thành tựu năm pháp, không nên hỏi, xin

phép nói tội. Không xấu hổ, ngu si, ít nghe, tự mình không biết pháp, cẩu thả, trình bày việc ác của người. Nếu có xấu hổ, nghe nhiều, trí tuệ, tự mình biết pháp, thực sự muốn khiến cho người xa lìa tội ác, mới nên hỏi, cho phép nói tội. Lại có năm pháp không nên hỏi, cho phép nói tội: làm theo ái, sân, sợ, si, không biết đúng lúc hay không đúng lúc. Ngược lại trên thì nên hỏi, cho phép nói tội: Nếu thành tựu năm pháp ác mà hỏi, không nên kính cẩn cho phép nói tội, nếu thành tựu năm pháp thiện mà hỏi nên kính cẩn cho phép nói tội.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghị bàn như sau: Như Đức Thế Tôn dạy: Nên cho phép hỏi, không nên cho phép hỏi, nên kính cẩn cho phép, không nên kính cẩn cho phép, chỉ có La hán vậy sau mới nên hỏi, chúng ta làm sao được phép điều này. Quý vị bạch Phật. Nhân việc này Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các thầy có nghị bàn như vậy không?

Bạch Thế Tôn! Có.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay do mười điều lợi, vì các Tỳ-kheo làm pháp Tự tứ. Nên yêu cầu Tăng Tự tứ nói tội: Xin các Đại đức, nếu thấy tội của tôi, hoặc nghe tội của tôi, hoặc nghị tội của tôi, rủ lòng thương tùy ý nói, tôi sẽ thấy tội, sám hối. Nói như vậy Ba lần.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Đức Thế

Tôn dạy chúng ta Tự tứ nên cùng nhau phụng hành, bèn ngày nào cũng Tự tứ, hoặc hai ngày, ba ngày cho đến năm ngày một lần Tự tứ. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, nên ngày cuối cùng của ba tháng hạ Tự tứ. Các

Tỳ-kheo bèn đối trước Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni Tự tứ, hoặc đối trước bạch y, ngoại đạo, tâm cuồng, tâm loạn, tâm bệnh hoại, người bị cử, diệt tẫn, dị kiến để Tự tứ. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên Tự tứ như vậy, nên Tự tứ trong chúng Tỳ-kheo như pháp. Có các Tỳ-kheo ngồi trên giường Tự tứ. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy. Các Tỳ-kheo Tự tứ ở dưới đất nhớp y phục, bạch Phật. Phật dạy: Nên sửa soạn nơi đất cho sạch sẽ, trải cỏ lên trên, Tự tứ. Lục quần Tỳ-kheo nói: Đến phiên tôi, tôi sẽ xuống đất. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy. Trước hết một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay đến giờ Tự tứ của chư Tăng, Tăng nên hòa hợp để Tự tứ. Đây là lời tác bạch. Sau đó, tất cả đều xuống đất quỳ gối Tự tứ. Các Tỳ-kheo Tự tứ chưa xong, Thượng tọa già bệnh, không thể quỳ lâu, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Tự tứ rồi trở lại chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo Tự tứ xong bèn đi ra, bạch Phật. Phật dạy: Không nên ra trước, phải đợi xong rồi ra một lượt. Các Tỳ-kheo nhất thời hướng đến Thượng tọa Tự tứ, không biết ai đã Tự tứ ai chưa Tự tứ, bạch Phật.

Phật dạy: Không nên nhất thời Tự tứ. Các Tỳ-kheo lại mỗi vị đến Thượng tọa Tự tứ. Có các bạch y muốn cúng dường nghe pháp, lâu không thể đợi, bèn chê trách nói: Chúng tôi bận nhiều việc, phải phế bỏ đến đây, mà các Tỳ-kheo không có thì giờ thọ thí, vì tôi nói pháp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên mỗi vị, mỗi vị Tự tứ. Cho phép tám vị Thượng tọa Tự tứ riêng, ngoài ra đồng tuổi với đồng tuổi một thời Tự tứ. Các Tỳ-kheo không biết Tự tứ rồi đến chỗ nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên bạch nhị Yết-ma sai người Tự tứ, hoặc hai hay nhiều vị. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo… và Tỳ-kheo… này có thể vì Tăng làm người Tự tứ. Nay Tăng sai Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… làm người Tự tứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… có thể vì Tăng làm người Tự tứ. Nay Tăng sai Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… làm người Tự tứ. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… làm người Tự tứ rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Các Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo vô trí làm người Tự tứ, bạch Phật. Phật dạy: Người bị chi phối do năm

pháp sau không nên sai: làm theo ý muốn, thương, giận, si, sợ, không biết thời, phi thời, ngược lại với trên

thì nên sai. Tỳ-kheo sai nên đứng dậy nói với các Tỳ-kheo: Những vị đồng tuổi ngồi lại một chỗ. Người Tự tứ không biết mình nên Tự tứ vào lúc nào, bạch Phật. Phật dạy: Theo thứ tự, đến mình thì nên Tự tứ. Các Tỳ-kheo Tự tứ theo thể thức như vậy vẫn còn lâu, các bạch y chê trách nói như trên. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Người được sai nên xướng: Mỗi vị hướng vào nhau Tự tứ. Các Tỳ-kheo Tự tứ rồi lại bố tát, bạch Phật. Phật dạy: Yết-ma Tự tứ cũng gọi là bố tát.

Lúc này, Đức Thế Tôn vào ngày Tự tứ, cùng các Tỳ-kheo, kẻ trước người sau xoay quanh, ngồi nơi đất trống. Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay đã đến giờ Tăng hòa hợp Tự tứ, nên cùng nhau Tự tứ. Có một Tỳ-kheo đứng dậy bạch Phật: Có Tỳ-kheo bệnh không đến được. Đức Phật dạy: Nên sai một Tỳ-kheo dìu tới… cho đến câu: Ra ngoài giới Tự tứ, như trong mục thuyết giới đã nói. Lục quần Tỳ-kheo có tội mà Tự tứ, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, mắc tội Đột-kiết-la. Họ vẫn cố có tội mà Tự tứ, bạch Phật. Phật dạy: Nên ngưng Tự tứ. Các Tỳ-kheo khi chưa Yết-ma bèn ngưng, chỗ Tự tứ khác lại có Tự tứ rồi, mới ngưng, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, Yết-ma rồi khi chưa Tự tứ nên ngưng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có bốn pháp không như pháp ngưng Tự tứ, bốn pháp như pháp ngưng Tự tứ. Những gì là bốn pháp không như pháp ngưng Tự tứ? Nghĩa là ngưng vì vô căn phá giới, vô căn phá kiến, vô căn phá oai nghi, vô căn phá chánh mạng. Nếu ngược lại với trên là bốn pháp như pháp ngưng Tự tứ.

Lại có bảy pháp không như pháp ngưng Tự tứ, bảy pháp như pháp ngưng Tự tứ. Những gì là bảy pháp không như pháp ngưng Tự tứ? Nghĩa là ngưng vì vô căn Ba-la-di, vô căn Tăng-già-bà-thi-sa, vô căn Thâu-lan-giá, vô căn Ba-dật-đề, vô căn Ba-la-đề-đề-xá-ni, vô căn Đột-kiết-la, vô căn thuyết ác. Ngược lại với trên là bảy pháp như pháp ngưng Tự tứ.

Lại có tám pháp không như pháp ngưng Tự tứ, tám pháp như pháp ngưng Tự tứ. Những gì là tám pháp không như pháp ngưng Tự tứ? Nghĩa là ngưng vô căn phá giới vô tác, vô căn phá kiến vô tác, vô căn phá oai nghi vô tác, vô căn phá chánh mạng vô tác. Ngược lại với trên là tám pháp như pháp ngưng Tự tứ.

Lại có chín pháp không như pháp ngưng Tự tứ, chín pháp như pháp ngưng Tự tứ. Thế nào là chín pháp không như pháp ngưng Tự tứ? Nghĩa là vô căn phá giới tác bất tác, vô căn phá kiến, vô căn phá oai nghi cũng như vậy. Ngược lại với trên là chín pháp như pháp ngưng Tự tứ.

Lại có mười pháp như pháp ngưng Tự tứ, mười pháp không như pháp ngưng Tự tứ. Những gì là mười pháp như pháp ngưng Tự tứ? Có một Tỳ-kheo dùng tướng này, dùng sự này thọ Yết-ma như pháp trị tội. Tỳ-kheo nào thấy vị kia dùng tướng này, dùng việc này, thọ Yết-ma như pháp trị tội, Tỳ-kheo như vậy sau đó đối trước Tăng khác nói vị kia đã thọ Yết-ma như pháp trị tội, ngưng Tự tứ vị ấy. Như vậy gọi là như pháp ngưng Tự tứ. Nếu khi ngưng vị kia Tự tứ, có nạn sự xảy ra Tăng đều phân tán đi, sau thấy vậy, lại như trước kia ngưng Tự tứ. Như thế là như pháp ngưng Tự tứ. Nếu xả giới, hoặc phạm Ba-la-di, hoặc phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc phạm Thâu-lan-giá, hoặc phạm Ba-dật-đề, hoặc phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni, hay phạm Đột-kiết-la, hay phạm thuyết ác. Tỳ-kheo nào dùng tướng này, dùng việc này, đối giữa Tăng nói vị kia phạm, ngưng Tự tứ vị kia. Như vậy gọi là như pháp ngưng Tự tứ. Ngược lại với trên thì gọi là không như pháp ngưng Tự tứ.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo dùng bao nhiêu pháp ngưng Tự tứ người khác?

Đức Phật dạy:

Dùng năm pháp ngưng Tự tứ người khác: Dùng thật không dùng hư. Dùng thời không dùng phi thời. Dùng có lợi ích không dùng không lợi ích.

Dùng tâm từ không dùng ý ác. Dùng lời nhu hòa không dùng lời thô bạo.

Lại hỏi Đức Thế Tôn:

Muốn ngưng Tự tứ của người khác, nên dùng bao nhiêu pháp để tự trù lượng?

Đức Phật dạy:

Nên dùng năm pháp để tự trù lượng: Nên trù lượng: Mình ngưng Tự tứ kia là thật hay là hư. Nếu hư thì không nên ngưng, nếu thật thì nên xét định lại là đúng thời hay phi thời, nếu phi thời thì không nên ngưng, nếu đúng thời thì nên xét định lại là có lợi ích hay không lợi ích, nếu không lợi ích thì không nên ngưng, nếu có lợi ích thì nên xét định lại là nhân việc này khởi lên tranh cãi phá hòa hợp Tăng hay không phá, nếu phá thì không nên ngưng, nếu không phá thì nên xét định lại. Lại nên trù lượng: Ta ngưng Tự tứ kia thì Tỳ-kheo như pháp trì pháp, trì luật, hiểu rõ luật nghi, thông minh biện tài, học giới có trợ giúp ta hay không. Nếu các vị kia chắc chắn trợ giúp cũng nên xét lại. Xét rồi dùng đúng lúc ngưng Tự tứ.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Đức Thế Tôn:

Muốn ngưng Tự tứ người khác nên chính mình tự quán bao nhiêu pháp?

Đức Phật dạy:

Nên tự quán năm pháp: Tự quán thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh,

tụng nhiều Tu-đa-la, khéo giải A-tỳ-đàm hay không? Nếu thân, khẩu, ý hành không thanh tịnh, các Tỳ-kheo sẽ nói: Thân khẩu ý của thầy hành không thanh tịnh làm sao ngưng người khác? Nếu không tụng nhiều Tu-đa-la, các Tỳ-kheo sẽ nói: Thầy nghe từ ai? Trong kinh nào nói như vậy? Chưa có thể làm thầy cho mình làm sao làm thầy cho người khác? Nếu không khéo giải A-tỳ-đàm, các Tỳ-kheo sẽ nói: Lời thầy nói có nghĩa gì? Tự thầy không biết nghĩa làm sao ngưng người khác?!

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

-Có bao nhiêu pháp ngưng người khác Tự tứ, sau không hối hận?

Đức Phật dạy:

Có năm pháp ngưng người khác Tự tứ, sau không hối hận: vì từ bi, vì lợi ích, muốn cứu vớt, khiến ra khỏi giới ác, trụ trong giới hoàn toàn.

Đức Phật lại bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

Có năm pháp ngưng người khác Tự tứ, sau sinh hối hận. Các Tỳ-kheo nói:

Thầy nói tội của người khác không thật, thầy nên thôi. Thầy nói không đúng lúc, thầy nên thôi. Thầy nói không có lợi ích, thầy nên thôi. Thầy dùng ý ác nói tội của người khác, chẳng phải là tâm từ, thầy nên thôi. Lời thầy nói thô bạo chẳng phải nhu hòa, thầy nên thôi. Nếu ngược lại với trên, sau không sinh tâm hối hận.

Tỳ-kheo hai bên ngưng Tự tứ, có năm việc không nên lo. Các Tỳ-kheo nói: Vị kia không như thật ngưng thầy Tự tứ, thầy không nên lo. Vị kia ngưng thầy Tự tứ không đúng lúc, thầy không nên lo. Vị kia ngưng thầy Tự tứ không lợi ích, thầy không nên lo. Vị kia với ý ác ngưng thầy Tự tứ, thầy không nên lo. Vị kia không dùng lời nhu hòa ngưng thầy Tự tứ, thầy không nên lo.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Tỳ-kheo vào trong Tăng nên dùng bao nhiêu pháp? Đức Phật dạy:

Nên dùng năm pháp:

Khiêm tốn.

Tâm từ.

Cung kính.

Biết ngồi theo thứ tự.

Không luận nói việc khác.

Lại có năm pháp:

Không nên lật ngược y.

Không nên lật ngược y lên hai vai.

Không chống nạnh.

Không nên trùm đầu.

Nên cung kính Tăng. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

Tỳ-kheo có bao nhiêu pháp được cùng Tăng hòa hợp Yết-ma. Đức Phật dạy:

Có năm pháp được cùng Tăng hòa hợp Yết-ma. Nên đồng kiến, nên tùy Tăng, nên tin có việc, nên tự mình đến, hay nói gởi dục. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Nếu có Tăng sự không nên không đến, nếu không đến thì khác với Tăng. Có năm thứ kiến đối với Tăng sự là không như pháp: Nên tâm niệm mà tác pháp miệng nói, nên tác pháp miệng nói mà tâm niệm, phi pháp trợ Tăng, trợ người phi pháp, phạm nói không phạm. Ngược lại với trên là như pháp.

Có một Tỳ-kheo, ngày Tự tứ, phạm tội Đột-kiết-la hướng đến Tỳ-kheo khác nói: Một bên nói là Đột-kiết-la, một bên nói là thuyết ác. Trong hai đều có người trì luật, thông minh trí tuệ, có tâm hổ thẹn, ưa học giới pháp, cùng nhau tranh luận không quyết định được, do đó ngưng Tự tứ. Các Tỳ-kheo không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên sai một Tỳ-kheo dẫn đến chỗ mắt thấy tai không nghe, dạy tác pháp hối quá thuyết ác, rồi trở lại bạch Tăng: Tỳ-kheo kia đã tác pháp rồi, Tăng nên Tự tứ. Các Tỳ-kheo không được hỏi tác pháp gì. Người nào hỏi, phạm Đột-kiết-la.

Lại có một Tỳ-kheo, ngày Tự tứ, phạm Đột-kiết-la, hướng đến các Tỳ-kheo nói: Một bên là Ba-la-đề-đề-xá-ni, một bên là Đột-kiết-la… cho đến một bên nói là Ba-la-di, một bên nói là Đột-kiết-la. Trong hai bên đều có người trì luật, thông minh, trí tuệ, có tâm hổ thẹn, ưa học giới pháp, cùng nhau tranh cãi không quyết đoán được, do vậy ngưng Tự

tứ. Các Tỳ-kheo không biết nên giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên sai một Tỳ-kheo dẫn đến chỗ mắt thấy tai không nghe, dạy tác pháp hối quá Đột-kiết-la, rồi trở lại bạch Tăng: Tỳ-kheo kia đã tác pháp rồi, Tăng nên Tự tứ. Các Tỳ-kheo không được hỏi tác pháp gì.

Người nào hỏi, phạm Đột-kiết-la. Phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni… cho đến Thâu-lan-giá, cũng như vậy. Nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc phạm Ba-la-di, nên bạch yết-ma đình chỉ việc này: Đại đức Tăng xin lắng nghe, nay đình chỉ việc này, sau khi Tự tứ rồi sẽ như pháp quyết đoán. Đây là lời tác bạch. Tác bạch này rồi nên Tự tứ, không nên không Tự tứ.

Có một Tỳ-kheo, ngày Tự tứ, nói với các Tỳ-kheo: Có vật không người, nhân đó cùng luận về cái "Không". Một bên nói có vật không người, một bên nói có người không vật, cùng nhau tranh luận phân vân. Các Tỳ-kheo không biết nên giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên tác bạch đình việc này, rồi Tự tứ. Không nên không Tự tứ. Nếu tác bạch đình rồi, có người nào phát khởi việc luận bàn này lại, phạm Ba-dật-đề.

Có Tỳ-kheo bệnh ngưng Tỳ-kheo bệnh Tự tứ. Tỳ-kheo bệnh ngưng Tỳ-kheo không bệnh Tự tứ. Tỳ-kheo không bệnh ngưng Tỳ-kheo bệnh Tự tứ, không thuận tùng nhau. Các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy.

Người vi phạm đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo bệnh ngưng Tỳ-kheo bệnh Tự tứ, các Tỳ-kheo nên nói: Hiện nay thầy bệnh làm sao ngưng người khác? Nếu Tỳ-kheo bệnh ngưng Tỳ-kheo không bệnh Tự tứ, cũng nên nói như vậy. Nếu Tỳ-kheo không bệnh ngưng Tỳ-kheo bệnh Tự tứ, các Tỳ-kheo nên nói: Thầy nên thôi! Tỳ-kheo này bệnh, có thể đợi lành rồi sẽ ngưng.

Có các Tỳ-kheo sai sứ ngưng người khác Tự tứ, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên sai sứ ngưng người khác Tự tứ, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, Bạt-nan-đà vẫn sai sứ ngưng người khác Tự tứ, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Người thọ sai mắc Đột-kiết-la, Bạt-nan-đà phạm Ba-dật-đề.

Hoặc Tỳ-kheo ngu si ngưng Tỳ-kheo ngu si Tự tứ, hoặc Tỳ-kheo ngu si ngưng Tỳ-kheo trí tuệ Tự tứ, hoặc Tỳ-kheo trí tuệ ngưng Tỳ-kheo ngu si Tự tứ, không thuận tùng nhau, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy, ai phạm, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo nào ngưng Tỳ-kheo khác Tự tứ, chúng Tăng biết rõ người kia thân, khẩu, ý nghiệp không thanh tịnh, ít nghe, ngu si thì không nên nghe theo vị ấy, nên cứ Tự tứ. Nếu Tăng biết người kia thân, khẩu, ý nghiệp có thanh tịnh, không thanh tịnh và

ít nghe, ngu si, cũng như vậy. Nếu Tăng biết người kia thân, khẩu, ý thanh tịnh, đa văn, trí tuệ thì nghe lời vị ấy, nhưng phải hỏi: Thầy thấy vị kia có tội như thế nào, phá giới,

phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng? Nếu nói phá giới, thì hỏi: Thầy biết tướng phá giới chăng? Nếu nói: Không biết. Các Tỳ-kheo nên chê trách, khiến cho xấu hổ nói: Thầy không biết tướng phá giới mà ở giữa Tăng nói vị kia phá giới. Nếu Tăng không làm việc quở trách này thì đều phạm Đột-kiết-la. Nếu nói: Biết. Các Tỳ-kheo hỏi: Phá những giới gì? Nếu nói: phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu nói phá kiến, nên hỏi: Thầy biết tướng phá kiến hay chăng? Nếu nói không biết, các Tỳ-kheo nên quở trách như trên, nếu không quở trách thì phạm Đột-kiết-la. Nếu nói biết thì phải hỏi: Những gì là phá kiến? Đáp: Không đời này, không đời sau, không có quả báo do tội phước, không cha, không mẹ, không A-la-hán. Nếu nói phá oai nghi, nên hỏi: Thầy biết tướng phá oai nghi hay không? Nếu nói không biết, các Tỳ-kheo nên quở trách như trên, nếu không quở trách đều phạm Đột-kiết-la. Nếu nói biết, nên hỏi: Phá những oai nghi nào? Đáp: Phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, thuyết ác. Nếu nói phá chánh mạng, các Tỳ-kheo phải hỏi: Thầy biết tướng phá chánh mạng hay không? Nếu nói không biết, các Tỳ-kheo nên quở trách như trên, nếu không quở trách đều

phạm Đột-kiết-la. Nếu nói biết, nên hỏi: Phá những chánh mạng nào? Nếu nói: Tâm dối trá, do cầu lợi dưỡng. Tăng lại nên hỏi lại: Thầy do thấy, do nghe, do nghi? Nếu nói do thấy, nên hỏi: Thấy thế nào? Thấy khi nào? Thấy chỗ nào? Thấy ở chỗ nào? Người kia ở chỗ nào? Nếu hỏi như vậy mà không trả lời được thì nên như pháp trị rồi Tự tứ, không nên không Tự tứ. Nghe, nghi cũng như vậy.

Có một trú xứ chúng Tăng An cư nơi đó, ba tháng đều được chứng đạo, khởi ý niệm: Nếu đủ ba tháng mà Tự tứ sẽ di chuyển đi, mất sự vui này. Các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nay cho phép các Tỳ-kheo, ba tháng, ngày Tự tứ, đều tập hợp lại một chỗ, sai một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe, chúng ta An cư nơi đây được một lòng thích hợp an vui, nếu Tự tứ phải đi, thì mất sự vui này, nay cùng nhau đình chỉ việc ấy đến tháng tám, đủ bốn tháng sẽ Tự tứ. Đây là lời tác bạch. Đã bạch như vậy rồi, nếu có Tỳ-kheo muốn đi xa, cho phép Tự tứ để đi. Nếu có người muốn ngưng sự Tự tứ kia, Tăng nên như pháp kiểm xét khiến được Tự tứ để đi. Nếu Tỳ-kheo đi, muốn ngưng sự Tự tứ của Tỳ-kheo sau, các Tỳ-kheo nên nói: Chúng tôi chưa Tự tứ, làm sao thầy ngưng được. Nếu vị kia đi rồi, đến khi ngày Tự tứ sau, trở lại ngưng các Tỳ-kheo Tự tứ, các Tỳ-kheo nên như pháp kiểm xét rồi nên Tự tứ.

Có các Tỳ-kheo An cư một chỗ, nghe các Tỳ-kheo ở trú xứ nào

đó, ưa tranh chấp sẽ đến, nên luận bàn như vầy: Họ đến chắc họ ngăn sự Tự tứ của chúng ta. Các Tỳ-kheo không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Còn hai, ba ngày nữa Tự tứ, nên Tự tứ để đi. Nếu nghe ngày hôm nay họ đến, nên Tự tứ liền để đi. Nếu nghe họ đã vào trong giới, nên mau mau ra ngoài giới Tự tứ rồi trở về. Nếu không được, nên ra đón rước, lễ bái, hỏi chào, rước y bát, sửa soạn dụng cụ tắm rửa, mời vào phòng tắm để tắm, đưa dầu, mật thoa thân cho họ, rồi ra ngoài giới Tự tứ. Nếu cũng không được, nên sửa soạn thức ăn, tùy theo trong hay ngoài giới, nếu dọn ăn trong giới, khi họ ăn nên ra ngoài giới Tự tứ, nếu dọn ăn ngoài giới, khi ăn nên ở trong giới Tự tứ. nếu cũng không được, nên cùng tập hợp Tự tứ, sai một Tỳ-kheo cựu trú bạch với các Tỳ-kheo cựu trú: Đại đức Tăng xin lắng nghe, nay cùng Bố-tát thuyết giới, sau đây ngày thứ mười lăm không trăng thuộc tháng thứ tư (30/7) sẽ Tự tứ. Đây là lời tác bạch. Tỳ-kheo khách nếu nói: Tại sao vào ngày thứ mười lăm không trăng tháng thứ tư Tự tứ? Tỳ-kheo cựu trú nên đáp: Thầy không cùng An cư, không nên hỏi tôi. Nếu Tỳ-kheo khách, ngày thứ mười lăm không trăng lại đến, Tỳ-kheo cựu trú nên bạch như trước. Sau ngày mười lăm có trăng sẽ Tự tứ… cho đến câu… không nên hỏi tôi, cũng như trước. Tỳ-kheo khách ngày

thứ mười lăm có trăng lại đến, lại nên làm thức ăn như trước. Nếu được thì tốt, bằng không, nên cưỡng bức cùng hòa hợp Tự tứ, không được không Tự tứ.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 20

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 5: NÓI VỀ PHÁP Y

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, nhũ mẫu của Kỳ-vức tắm cho Kỳ-vức, xem kỹ thấy tướng của Kỳ-vức, nhũ mẫu lộ ngay sắc giận của mình. Kỳ-vức biết ngay vấn đề hỏi mẹ: Tại sao mẹ nhìn con với dáng vẻ giận như vậy? Nhũ mẫu nói: Mẹ giận vì thân con có tướng thù đặc mà tâm ý của con chưa gần được Phật, Pháp, Tăng. Kỳ-vức nghe rồi, khen: Lành thay! Lành thay! Mẹ đã dạy con điều đó. Kỳ-vức liền mặc áo mới, đi đến chỗ Đức Phật. Từ xa thấy Đức Thế Tôn dung mạo đĩnh đạc, có ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, vầng ánh sáng tỏa ra một tầm giống như núi vàng, liền sinh lòng tín kính. Kỳ-vức đến trước Phật, kính lễ sát chân Ngài, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Kỳ-vức nói các phép nhiệm mầu, chỉ vẽ sự lợi ít để

được hoan hỷ, như luận về việc bố thí, trì giới và sinh thiên, tại gia là nhiễm lụy, xuất gia không đắm vướng, những pháp trợ đạo như vậy làm sáng tỏ vấn đề. Đức Phật lại nói tiếp những pháp chư Phật thường nói là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Kỳ-vức liền từ chỗ ngồi xa trần, lìa cấu, đặng mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả rồi quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ năm giới. Kỳ-vức khéo phân biệt được ngọn, ngành, tướng của âm thanh, Đức Phật dẫn Kỳ-vức đến nơi gò xương cốt, Ngài chỉ đầu lâu của năm người. Kỳ-vức gõ từng cái, bạch Phật: Đầu lâu thứ nhất này, sinh vào địa ngục. Đầu lâu thứ hai sinh nơi súc sinh. Cái thứ ba sinh nơi ngạ quỷ. Cái thứ tư sinh vào cõi người. Cái thứ năm sinh vào cõi trời. Đức Phật dạy: Lành thay! Ông nói đúng cả! Đức Phật lại chỉ một cái đầu lâu, Kỳ-vức gõ Ba lần, không biết sinh ở đâu, bạch Phật: Con không biết người này sinh vào cõi nào. Đức Phật dạy: Ông không biết là phải. Tại sao vậy? Đây là đầu lâu của vị A-la-hán, không còn có chỗ sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, thân bị bệnh nhẹ, bảo Tôn giả A-nan:

Bệnh của Ta nên uống thuốc thổ hạ. Tôn giả A-nan bạch Phật:

Nên nói với Kỳ-vức.

Được.

A-nan đến thông báo, Kỳ-vức nói:

Tôi không thể dùng thuốc thường để chữa bệnh của Ngài. Tôi sẽ bào chế thứ thuốc của Chuyển luân Thánh vương dùng để dâng lên Đức Thế Tôn.

Kỳ-vức dùng dược huân, ba loại hoa Ưu-bát-la, đem đến chỗ Đức Phật bạch:

Xin Ngài ngửi hoa này. Ngửi một hoa sẽ có mười lần hạ (phong), ba hoa sẽ có ba mươi lần, bệnh sẽ khỏi hoàn toàn.

Đức Thế Tôn liền ngửi hai hoa, được hạ (phong) hai mươi lần, một hoa còn lại được chín lần.

Không bao lâu sau, Kỳ-vức lại đến chỗ Phật, bạch:

Ngửi hoa có hạ được không? Hạ nhiều hay ít? Đức Phật dạy:

Ngửi thuốc tuy hạ được, nhưng còn thiếu một cái. Kỳ-vức bạch Phật:

Nên uống nước nóng, bèn hạ thêm được một cái, bệnh được lành hẳn.

Kỳ-vức lại thưa:

Cần phải bổ dưỡng, con sẽ tùy thời cúng dường những thứ cần dùng.

Đức Phật thọ nhận bằng cách im lặng.

Kỳ-vức nấu canh bằng gạo chiên-đà dâng cúng Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng rồi, Kỳ-vức lại bạch:

Con trị bệnh cho quốc vương, quan, dân, nhận

được hằng trăm ngàn lượng vàng, bảy thứ báu nhiều vô số, hoặc nhận được thôn xóm, hoặc nhận được một ấp, cúi xin Đức Thế Tôn nhận cho con một lời nguyện nhỏ.

Đức Phật dạy:

Các Đức Phật Như Lai đã vượt qua các nguyện. Kỳ-vức lại bạch Phật:

Xin Phật cho con được nguyện một lời. Đức Phật dạy:

Nếu hợp lý thì không trái với ý của ngươi.

Khi ấy, Kỳ-vức liền dùng một chiếc y quý, trị giá bằng nửa nước, dâng lên Đức Phật, bạch:

Đây là chiếc y, trong các chiếc y, nó là tối thắng, xin Ngài rủ lòng thương thọ nhận cho.

Kỳ-vức lại xin Phật cho phép các Tỳ-kheo được nhận y của gia chủ. Đức Phật thọ nhận và cho phép các Tỳ-kheo được nhận y của gia chủ. Đức Phật vì Kỳ-vức nói các pháp diệu rồi khiến về chỗ cũ.

Nhân việc này, Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

Kỳ-vức trị bệnh của Ta lành, lại đem một thượng y dâng cho Ta, xin cho các Tỳ-kheo được phép thọ sự dâng cúng y của gia chủ. Ta thọ nhận và cũng cho phép các Tỳ-kheo thọ sự dâng cúng y của gia chủ. Từ nay các Tỳ-kheo muốn mặc y của gia chủ, cho phép thọ, song kẻ thiểu dục, tri túc

mặc y phấn tảo là điều Ta khen ngợi.

Bấy giờ, nơi thành Vương-xá, các Cư sĩ nghe Phật cho phép các Tỳ-kheo thọ sự dâng cúng y của gia chủ, cùng nhau đem ba ngàn trương Kíp bối thuần màu xanh, vàng, đỏ, đến dâng cúng cho các Tỳ-kheo. Do có các màu sắc nên các Tỳ-kheo sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ nhưng nên giặt cho phai màu sắc rồi nhuộm lại để mặc.

Có các Tỳ-kheo đến nơi gò mả quán tử thi, từ chân đến đầu, khởi quán bất tịnh, dựng tử thi dậy, quỷ nhập vào trong tử thi, trương mắt, le lưỡi, đạp các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo hoảng sợ, phi nhân được cơ hội, đoạt lấy tinh khí, có vị phải chết.

Lại có một Tỳ-kheo, đến nơi gò mả, quán từ chân đến đầu, thây của người nữ mới chết, sinh tâm dục, hành bất tịnh, do đó, bạch Phật. Phật dạy: Không quán từ chân trước.

Lại có Tỳ-kheo quán một bên người chết, dựng tử thi dậy, quỷ lại nhập vào trong tử thi, trương mắt, le lưỡi, lấy tay đánh, do vậy, bạch Phật. Phật dạy: Đừng nên quán một bên mà nên quán phía trước đầu.

Lại có Tỳ-kheo vì y nên đào thây người mới chết lên, các Cư sĩ thấy chê trách, nói: Sa-môn Thích tử này hôi thối, bất tịnh, tại sao hạng người này lại đến trong nhà ta? Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Phật dạy: Không được đào thây

người chết, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Lại có Tỳ-kheo đem xương người chết để trong Tăng phường, có người đem đầu lâu của người chết để chỗ kinh hành, hoặc dưới giường. Các Cư sĩ thấy chê trách, nói: Các Tỳ-kheo bất tịnh, khả ố, tại sao đem

xương người chết để trong Tăng phường, giống như gò mả, chứa đầu lâu người chết như chứa bình bát?! Các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cũng như không nên lấy tay cầm lấy xương người chết, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có Tỳ-kheo đau mắt, thầy thuốc bảo: Lấy xương trán của người mài để nhỏ vào mắt. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật không cho phép chúng tôi cầm xương người chết, nên cho phương thuốc khác. Thầy thuốc nói: Không có phương thuốc nào khác có thể trị được. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Nếu Đức Thế Tôn cho phép khi có bệnh được nắm xương người chết thì bệnh này có thể lành được, do đó, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép ở chỗ vắng lấy xương, lớn như hai ngón tay mài để nhỏ mắt.

Có các Tỳ-kheo ăn mè, mật, cá, thịt, đến nơi gò mả tìm y phấn tảo, quỷ thần không vui. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên ăn các vật này mà đến nơi gò mả.

Có các Tỳ-kheo ở trong Tăng và nhà bạch y, ăn

mè, mật, cá, thịt, trên lộ trình phải xuyên qua gò mả, sợ đi tránh đường khác, do đó, bị lạc đoàn, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không sợ thì cho phép đi qua một bên. Có các Tỳ-kheo thường đến nơi gò mả, khi xin được cá, thịt ăn, không dám trở lại nơi ấy, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không sợ thì cho phép trở lại.

Có các Tỳ-kheo, ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm trong tháng, tới lui nơi gò mả tìm y phấn tảo, các quỷ thần vào những ngày ấy cũng tập hợp, nói với các Tỳ-kheo: Nay là ngày chúng tôi tập hợp, lý do gì các thầy lại đến? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Những ngày ấy không nên đến nơi gò mả. Tỳ-kheo thường ở nơi gò mả và trên lộ trình, ngày ấy đều không dám tới nơi gò mả, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không sợ thì được phép.

Có các Tỳ-kheo đại tiểu tiện nơi gò mả, các quỷ thần chê trách nói: Tại sao lại đại tiểu tiện nơi trú xứ của chúng tôi? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Có gò mả rộng xa, các Tỳ-kheo đi ngang qua không dám hành sự, do đó bị bệnh, bạch Phật. Phật dạy: Nên khảy móng tay trước vậy sau mới đại tiểu tiện. Nếu quỷ thần muốn nghe kinh điển nên tụng kinh nói pháp, đó là điều nên làm.

Khi ấy, Vua Ca-di đem y báu Khâm-bà-la tặng cho Kỳ-vức. Kỳ-vức liền đem đến Tăng phường cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo không biết nên thế

nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên thọ dụng để trang nghiêm bảo tháp.

Có các Tỳ-kheo nhận được thảm, lụa tạp sắc lông dài hay ngắn và

không có lông, không dám thọ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ, nếu tạp sắc thì cho phép giặt cho hoại sắc rồi mặc. Nếu không thể khiến cho sắc thuần kia hoại đi thì cho phép mặc trong Tăng phường.

Có các Tỳ-kheo nhận được dạ đã thành và chưa thành, không dám thọ để may, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ nhận để may.

Có các Tỳ-kheo muốn lượm y phấn tảo nơi ngả tư đường hẻm, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép lượm.

Khi ấy, có bạch y nơi đường hẻm cởi y để đại tiểu tiện, các Tỳ-kheo tưởng là y phấn tảo, lấy. Người kia nói: Đại đức, đừng lấy y của tôi. Tỳ-kheo nói: Tôi tưởng là y phấn tảo cho nên lấy. Bạch y lại nói: Thầy không ngó kỹ để lấy, lấy như vậy thành lấy trộm. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên xem xét kỹ có bụi bặm, có nám nắng, có vẻ lâu cũ, nhận xét kỹ rồi hỏi người, vậy sau mới lấy. Các Tỳ-kheo lượm y phấn tảo, chưa giặt mà đem vào trong phòng, hôi thối, bất tịnh, bạch Phật. Phật dạy: Không nên chưa giặt mà đem vào trong phòng. Có các Tỳ-kheo lượm y phấn tảo không giặt

liền, để sinh trùng, bạch Phật. Phật dạy: Nên giặt sạch liền.

Có các Tỳ-kheo nơi ao sạch và trong dòng nước sạch mà giặt y phấn tảo, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Có các Tỳ-kheo lấy chậu sạch giặt y phấn tảo, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm vậy.

Đức Phật từ thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị du hành trong nhân gian. Các Tỳ-kheo vác y phấn tảo, trông thấy việc này, Đức Phật khởi ý niệm: Ta nên vì các Tỳ-kheo quy định thời hạn y của gia chủ dâng cúng.

Bấy giờ, Vua Bình-sa nghe Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian khởi ý niệm: Nay ta có thể dùng bốn loại binh, nhằm thị vệ Đức Thế Tôn du hành trong lĩnh vực của nước ta. Nghĩ rồi liền ra lệnh trang nghiêm bốn loại binh theo hầu sau Đức Phật. Tuần tự qua các nơi, Đức Phật đi đến sông Hằng, muốn tới nước Bạt-kỳ phải lội qua sông. Tôn giả Mục-liên nghĩ: Nếu dùng thuyền để qua sợ nhà Vua chờ lâu, phế bỏ công việc, nay ta nên dùng thần lực khiến cho nước cạn. Nghĩ rồi liền khiến cho nước cạn, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đồng loạt lội qua. Đức Phật đến bờ bên kia, nói kệ:

Tinh tấn là thuyền bè Vượt qua sông rộng sâu

Ai người thấy việc này Không phát tâm tín kính?

Khi ấy, Vua Bình-sa khởi ý niệm: Đức Phật đã ra khỏi biên cương của nước ta, ta nên lui về. Vua liền chấp tay từ xa kính lễ rồi trở lui. Đến nơi thôn Quật Trà, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Có bốn pháp, Ta và các ông, khi chưa đạt được thì ở trong sinh tử luân hồi không bờ bến. Bốn pháp đó là gì? Đó là: Thánh giới, Thánh định, Thánh huệ và Thánh giải thoát. Nay đã đạt rồi, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong. Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói kệ:

Giới định tuệ giải thoát
Nay Ta giác ngộ rồi
Đoạn hết các nguồn khổ
Nên vì các ông nói.

Lúc này, Đức Phật hướng dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hành nơi nước Bạt-kỳ, muốn đến thành Tỳ-xá-ly. Nơi đó có dâm nữ tên là A-phạm-hòa-lợi, nghe Đức Phật Thế Tôn có đại danh đức, hiệu Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, những lời Ngài dạy đầu, đuôi, chặng giữa đều thiện, đầy đủ tướng phạm hạnh thanh tịnh, đang du hành nơi các nước, sắp đến thành này, vui mừng nói: Lành thay, ta nguyện muốn yết kiến. Bà liền cho trang hoàn xe bốn ngựa, với năm trăm kỹ nữ tùy tùng, ra nghinh đón Đức Thế Tôn. Đức Phật từ xa trông thấy, bảo các Tỳ-kheo: Các thầy, mỗi người đều nên hệ niệm tại tiền, tự phòng hộ tâm mình, đó là

lời dạy của chư Phật. Thế nào gọi là hệ niệm? Nghĩa là thực hành bốn niệm xứ, quán nội thân, tuần tự quán nơi thân để trừ vô minh, khổ của thế gian. Quán ngoại thân, nội, ngoại thân và thọ, tâm pháp cũng như vậy. Tại tiền là thế nào? Nghĩa là đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, tới, lui, dòm ngó trước sau, co giãn, cúi ngửa, mặc y, bưng bát, ăn uống, đại tiểu tiện, nói, nín, thường trụ tâm nơi đó. Ấy là lời dạy của Ta. A-phạm-hòa-lợi từ xa trông thấy Đức Thế Tôn dung mạo thù thắng, các căn tịch định, có ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tỏa sáng quanh một tầm, giống như núi vàng, điều hoan hỷ, niềm tín kính càng tăng lên, bà đến trước Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật vì bà nói các pháp nhiệm mầu, chỉ vẽ sự lợi ích, bà vui mừng rồi bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Phật và chư Tăng nghỉ đêm nơi vườn của con và ngày mai con xin mời thọ trai. Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. A-phạm-hòa-lợi biết Đức Phật nhận lời mời rồi bèn kính lễ, nhiễu quanh và cáo lui.

Khi ấy, năm trăm Ly xa nghe Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng du hành trong nước hướng đến thành này, cùng nhau lập quy ước nghinh đón Đức Phật, nếu ai không đi đón sẽ vị phạt năm trăm kim tiền. Tuân hành quy ước mọi người đều đi, hoặc cỡi ngựa xanh, xe xanh thì y phục của tất cả quyến thuộc cũng đều xanh. Vàng, đen, đỏ, trắng đều

cũng như vậy. A-phạm-hòa-lợi giữa đường gặp họ, không chịu tránh đường. Các Ly xa nói: Lý do gì không tránh đường khiến cho xe ngựa đụng nhau? A-phạm-hòa-lợi nói: Tôi thỉnh Phật và Tăng nghỉ lại nơi vườn của tôi và sáng mai cúng dường nên không có đủ thì giờ để tránh. Các Ly xa nói: Chúng tôi cũng muốn thỉnh Phật, bà để chúng tôi thỉnh trước. Bà ta đáp: Đức Phật đã nhận lời thỉnh của tôi rồi, tôi không thể nhường được. Các Ly xa nói: Tôi biếu bà năm trăm ngàn lượng vàng, bà để tôi thỉnh trước. Bà ta vẫn trả lời như trên. Các Ly xa lại nói: Biếu cho bà tài vật phân nửa nước có được không? Bà ta nói: Giá như cả nước cũng không thể được. Nếu các ông có thể bảo đảm ba việc này cho tôi khỏi mất thì tôi mới chấp thuận. Các Ly xa hỏi: Ba việc ấy là gì? Một là bảo đảm thân mạng tôi không bị chết yểu. Hai là bảo đảm của cải tôi không bị tổn thất. Ba-là bảo đảm Phật thường ở đây chứ không đi chỗ khác. Các Ly xa nói: Tài sản tổn thất chúng tôi có thể cho được, nếu Đức Phật đi chỗ khác chúng tôi có thể mời ở lại, nhưng sự nguy khốn của mạng sống nơi bà ai dám bảo đảm? Ly xa nói xong, nổi giận bỏ đi. Đức Phật từ xa thấy các Ly xa đến, bảo các Tỳ-kheo muốn biết chư Thiên ở cõi Đao-lợi xuất nhập như thế nào thì hình ảnh các Ly xa đây không khác. Các Ly xa thấy Phật dung mạo thù thắng… giống như núi vàng, liền xuống xe đi bộ, tiến đến trước Phật, đầu mặt kính

lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Lúc đó trong chúng kia có một thanh niên tên Tân-kỳ-da, từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, quỳ gối, chấp tay, bạch Phật: Con muốn dùng kệ khen ngợi Thế Tôn. Đức Phật dạy: Tùy ý ông. Người thanh niên liền nói:

Bình-sa được thiện lợi
Ương già mang giáp báu
Phật xưa sinh nơi đây
Tiếng vang như sấm sét.
Cũng như hoa mới nở
Ngạt ngào, ngát mùi thơm
Xem Phật thân sáng tỏa
Như mặt trời rực rỡ.
Như trăng tròn vằng vặc
Trên vòm trời không mây
Thế Tôn thân sáng chói
Lồng lộng không gì hơn.
Phật huệ soi cùng khắp
Tiêu diệt lòng tối tăm
Cho thế gian con mắt
Quyết đoán các nghi hoặc.

Các Ly xa nghe kệ đều hoan hỷ, liền tặng cho năm trăm chiếc áo, người thanh niên nói: Tôi không cần áo, nguyện được thỉnh Phật trước. Đức Phật dạy Ly xa: Có thể cho phép thỉnh trước. Ma-nạp liền thỉnh Phật và Tăng. Y vẫn được tặng. Ma-nạp nhận được y liền dâng cúng Phật. Đức Phật thọ

nhận, bảo các Ly xa: Ở đời có năm điều quý báu rất khó được gặp.

Chư Phật Thế Tôn.

Những lời do Đức Phật dạy.

Hiểu rõ lời Phật dạy.

Làm theo điều đã nghe.

Người không quên ân nhỏ.

Các Ly xa nghe pháp hoan hỷ, cùng nhau nghị bàn: Đức Phật không ở đây lâu, mỗi người cúng riêng rẻ không thể nào giáp khắp được. Nay ta nên tập trung tất cả phẩm vật rồi tùy theo đó mà cúng dường hằng ngày. Chẳng phải chủng tộc ta thì không cho phép dựa vào.

A-phạm-hòa-lợi suốt đêm làm các thức ăn ngon bổ rồi, sáng ngày đem đến nơi vườn, trải tọa cụ xong, thỉnh Phật và Tăng thọ trai. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy hệ niệm, cùng thọ bữa trai này. Tất cả đều an tọa nơi tòa. Nại nữ tự tay pha chế thức ăn một cách hoan hỷ, không lẫn lộn. Thọ trai xong, dùng nước rồi, Nại nữ đứng lui qua một bên, bạch Phật: Các vườn nơi Tỳ-xá-ly, vườn này là đệ nhất, con sửa soạn nơi vườn này là muốn làm việc phước, nay xin dâng cúng Đức Thế Tôn, xin Ngài nhận lấy. Đức Phật dạy: Nên cúng cho Tăng để được quả báo lớn. Nại nữ lại một lần nữa xin cúng cho Phật. Đức Phật dạy: Nên cúng cho Tăng, trong Tăng có Ta. Nại nữ vâng lời Phật dạy, liền

dâng cúng cho Tăng, rồi lấy cái ghế nhỏ, ngồi trước Đức Phật, Đức Phật vì Nại nữ nói kệ tùy hỷ, như kệ Đức Phật đã nói cho Tỳ-lan-nhã… Đức Phật lại nói các pháp vi diệu, chỉ bày sự lợi ích, bà hoan hỷ, liền từ nơi chỗ ngồi được mắt pháp trong sạch. Kế đó, thọ ba quy và năm giới, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ Đức Phật và cáo lui. Sau đó, các Ly xa cúng dường theo kế hoạch đã nghĩ bàn.

Đức Phật từ Tỳ-xá-ly tuần tự du hành đến pháp Bát-già-la. Khi ấy vào mùa Đông, Phật mặc một chiếc áo, ngủ nơi đất trống. Phần đầu của đêm vừa qua, cảm thấy lạnh, lại mặc thêm một chiếc áo. Quá giữa đêm, cảm thấy lạnh, lại mặc thêm một chiếc áo nữa. Không thấy khốn khổ do lạnh, Phật khởi ý nghĩ: Vị lai các Tỳ-kheo nếu không phải hứng chịu sự lạnh lẽo thì nên chứa đủ ba y để chế ngự. Nay Ta có thể vì các Tỳ-kheo quy định chứa ba y. Do việc này, sáng ngày Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Trước đây, khi du hành nơi thành Vương-xá, thấy các Tỳ-kheo phải mang nặng vì y, bấy giờ muốn quy định mức lượng y của gia chủ cúng thí. Đêm vừa qua, thời tiết rất lạnh, trước hết Ta mặc một y, giữa đêm cảm thấy lạnh, lại mặc thêm một y, cuối đêm còn cảm thấy lạnh, lại mặc thêm một y nữa. Ta thấy an ổn vì có đủ sự ấm áp, liền khởi ý nghĩ: Vị lai các Tỳ-kheo, muốn khỏi chịu rét vì lạnh nên mặc ba y, để chế ngự nó. Ta nay có thể vì các Tỳ-kheo quy định cho chứa

cất ba y. Nay do mười điều lợi nên vì các Tỳ-kheo quy định chứa ba y, không cho phép chứa dư. Nếu y bị hư hoại cho phép tu bổ, dùng kim chỉ vá lại, bị lủng lỗ cũng cho phép vá lại cho thẳng.

Khi ấy, các Tỳ-kheo chứa y Câu-tu-la, các Cư sĩ thấy, dị nghị nói: Tỳ-kheo mặc Câu-tu-la, đâu có khác gì chúng ta mặc y trùm đầu? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép mặc y Câu-tu-la, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có một Tỳ-kheo, y An-đà-hội bị hư hoại, quyền biến hiệp lại may thành Câu-tu-la để mặc, sau đó sinh nghi hối, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tạm thời may để mặc.

Có các Tỳ-kheo cất chứa y trùm đầu và có tụ y Câu nhiếp mặc lên trên. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép chứa y trùm đầu và y có tay, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Nếu nhận được cho phép thọ nhận rồi phá ra làm y khác.

Có một ngoại đạo dùng chỉ tạp sắc may vá trên y, làm điều bức, sau đó, xuất gia trong Phật pháp cũng mặc y ấy, các Cư sĩ thấy chê trách nói: Sa-môn Thích tử mặc y ngoại đạo, không thể phân biệt được, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép mặc y ngoại đạo, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Nếu không biết đó là y ngoại đạo, nhưng chẳng phải được Phật cho phép, đều nên phá ra. Nếu biết là y của ngoại đạo thì nên quăng xuống lót đất,

khiến cho người đạp lên trên cho mau hư hoại.

Có các Tỳ-kheo ngồi thiền bên gốc cây, bị chim làm ồn và làm nhớp thân thể, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép đuổi chim đi hay làm nhà ngồi thiền.

Có các Tỳ-kheo muốn đến nơi gò mả để lấy y của người chết, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép lấy. Quý vị bèn lấy, sau đó Tỳ-kheo khác cũng đến lấy y, thấy Tỳ-kheo đến lấy trước nói: chia cho tôi với. Tỳ-kheo kia không chia, bạch Phật. Phật dạy: Nên cùng chia. Có các Tỳ-kheo có mặt trước nơi gò mả, nhận được y, chia cho Tỳ-kheo đến sau, khi chia lại có Tỳ-kheo đến đòi chia cho mình, các Tỳ-kheo không chia, bạch Phật. Phật dạy: Nên cùng chia. Chia phần rồi, mỗi người đều muốn ra về, lại có Tỳ-kheo đến đòi chia, các Tỳ-kheo không chia, bạch Phật. Phật dạy: Cũng nên chia cho nhau. Chia rồi, mỗi người đều sắp ra khỏi gò mả, lại có Tỳ-kheo đến đòi chia phần, các Tỳ-kheo không chia, bạch Phật. Phật dạy: Nên chia cho nhau. Chia rồi mỗi vị đều ra khỏi gò mả, lại có Tỳ-kheo đến đòi chia phần, các Tỳ-kheo không chia, bạch Phật. Phật dạy: Không nên chia.

Có một Tỳ-kheo mặc y, bưng bát vào thôn khất thực, khởi ý niệm: Giờ này vào thôn khất thực, còn sớm, bèn vào gò mả, nhận được nhiều y, nhận được rồi lại khởi ý nghĩ: Nếu đem vào thôn thì nặng và xấu hổ, muốn đem về, nhưng khi ấy lại sợ quá giờ, bèn đem thu giấu, rồi đi khất thực. Lại có một Tỳ-

kheo, sau khi ăn xong về trước, đến nơi gò mả để tìm y, thấy y của Tỳ-kheo trước thu giấu, bèn lấy đem đi. Tỳ-kheo trước, ăn xong đến lấy y, chỗ y không còn nữa. Quay về Tăng phường thấy một Tỳ-kheo đang giặt y đó, nói: Thầy đừng giặt y của tôi. Tỳ-kheo kia nói: Không phải của thầy. Tỳ-kheo trước trình bày đầy đủ sự việc. Tỳ-kheo kia nói: Vật nơi gò mả không có chủ lấy gì làm chứng? Bạch Phật. Phật dạy: Nên thuộc về Tỳ-kheo trước, từ nay nếu nhận được y nơi gò mả nên làm dấu.

Có Tỳ-kheo lấy xương của người chết làm dấu, các Tỳ-kheo đến sau tưởng là chim tha rơi lên trên y, nên lấy y đi. Bạch Phật. Phật dạy: Không nên lấy xương người chết làm dấu.

Lại có Tỳ-kheo dùng nước màu đỏ làm dấu, các Tỳ-kheo tưởng là máu nhớp, bèn lấy y đi, bạch Phật. Phật dạy: Không nên dùng nước màu đỏ làm dấu, nên dùng màu xanh, màu đen, màu lam, hoặc lấy miếng y cà sa dán lên trên.

Có các Tỳ-kheo cùng nhau phân công, phân nửa vào thôn khất thực, phân nửa đến gò mả tìm y, khi trở về cùng chia nhau. Giao ước như vậy rồi đi. Người đến bãi tha ma tìm được nhiều y, hối hận nghĩ: Ta được y thuộc về của ta, quý vị kia nhận được nhiều thức ăn thuộc về quý vị, không thể chia cho nhau. Tỳ-kheo khất thực, khi trở về, đem thức ăn chia, Tỳ-kheo tìm được y không nhận, nói như trên. Tỳ-kheo khất thực nói: Trước cùng nhau giao

ước rõ ràng, tại sao lại thay đổi? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên cùng chia cho nhau. Tỳ-kheo lấy y, khi được y rồi giao ước, nếu có thể mang y này về chỗ ở, sẽ chia ra hai phần. Khi mang về đến nơi, lại đổi ý kiến không cho, bạch Phật. Phật dạy: Nên chia cho nhau. Giặt y cũng vậy.

Có một Tỳ-kheo đến nơi gò mả, thấy một người mới chết, muốn lấy chiếc y của họ, dựng đứng xác chết lên, quỷ nhập vào người chết, nói thành tiếng: Đại đức đừng lấy y của tôi. Tỳ-kheo nói: Ngươi đã chết chẳng phải là y của ngươi. Nói xong, cưỡng đoạt y. Người chết kêu lớn, theo đến Tăng phường. Các quỷ thần thiện không cho vào, bèn đứng ngoài cửa. Thấy Tỳ-kheo ra vào, nói: Có một Tỳ-kheo đoạt y của tôi đi vào đây, nhờ nói vị ấy hoàn lại cho tôi. Các Tỳ-kheo vào hỏi: Có một người đứng ngoài cửa nói: Có Tỳ-kheo đoạt y của họ đi vào đây, ai là người đoạt y ấy? Tỳ-kheo lấy y nói: Y này là của người đã chết, chứ không phải của người sống. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Nếu thân người mới chết chưa hư hoại, dựng đứng thây chết dậy, quỷ vẫn có thể nhập vào, không nên lấy y ấy, cần phải trả lại. Nếu lấy y của người mới chết, thân chưa hư hoại, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo kia liền đem y trả lại. Thây chết nhận được y liền ngã xuống đất. Tỳ-kheo kia bạch Phật. Phật dạy: Có thể mang đến nơi gò mả. Tỳ-kheo liền đem y đi, thây chết kia đứng dậy đi theo sau. Khi

đến gò mả, đem y trải xuống đất thây chết lại ngã xuống.

Có một Tỳ-kheo đến nơi gò mả thấy một người mặc chiếc y Khâm-bà-la mới, nằm trong bóng cây, tưởng là người chết, khởi ý niệm: Đức Phật không cho phép ta lấy y người chết, thân chưa hư hoại, bèn muốn đánh bể đầu người kia. Người kia hoảng hồn đứng dậy nói: Đại đức, nào có phạm điều gì mà đánh bể đầu tôi? Tỳ-kheo nói: Tôi tưởng ông là người chết. Người kia nói: Thầy há không thấy tôi còn thở sao? Tại sao vì chiếc y mà muốn đoạt mạng sống của tôi! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên tự mình đánh hoặc sai người đánh xác người chết để khiến cho y hư hoại. Nếu vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được y Kíp bối, không cắt phần tua vải ở đầu mà mặc, các Cư sĩ dị nghị, nói: Sa-môn Thích tử cũng mặc loại y này, cùng chúng ta đâu có khác gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên mặc, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, Đức Thế Tôn cùng đầy đủ một ngàn hai trăm năm mươi Đại Tỳ-kheo du hành nhân gian về nơi phương Nam. Từ trên núi nhìn xuống thấy các thửa ruộng nước, xung quanh đắp bờ rất khéo, Đức Phật nghĩ: Các Tỳ-kheo của ta nên may y như vậy. Ngài liền hỏi Tôn giả A-nan:

Ông có thấy các thửa ruộng này không?

Bạch Thế Tôn! Có thấy. Phật bảo Tôn giả A-nan:

Các Tỳ-kheo nên mặc y như vậy, ông có thể thực hiện được không?

Bạch Thế Tôn! Con có thể làm theo.

Vâng lời dạy, A-nan tự may, cũng dạy cho các Tỳ-kheo may, hoặc một đoạn dài, một đoạn ngắn, hoặc hai đoạn dài, một đoạn ngắn, hoặc ba đoạn dài một đoạn ngắn, lá điều bên trái thì gấp xếp về phía bên trái, lá điều bên phải thì gấp xếp về phía bên phải, lá điều chính giữa thì phủ đều qua hai bên. May xong, mặc thật thích nghi. Đức Phật thấy rồi bảo các Tỳ-kheo:

Tôn giả A-nan có đại trí tuệ, nghe Ta lược nói mà may đúng như pháp. Đây gọi là y cắt rọc, không giống bất cứ y nào, so cùng y các ngoại đạo thì khác hẳn. Oan gia, đạo tặc lại không lấy để làm gì. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo cắt rọc may thành ba y, nếu bị rách nên vá lại.

Đức Phật ở thành Tỳ-xá-ly, có một trú xứ, đất thấp rất ẩm ướt, nhiều loại mòng muỗi, các Tỳ-kheo không thể ở được. Các vị về các thành: Xá-vệ, Chiêm-bà, Ca-duy-la-vệ, Vương-xá để An cư. Trú xứ ấy bị bỏ trống. Các Cư sĩ nói: Đại đức có thể ở đây An cư, chúng con sẽ cung cấp thức ăn uống. Các Tỳ-kheo nói: Nơi đây có nhiều mòng

muỗi không thể ở được. Các Cư sĩ lại thưa: Miễn Đại đức ở lại chúng con sẽ đưa màn đến. Các Tỳ-kheo không biết có được phép nhận hay không, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận. Các Tỳ-kheo không biết may lớn nhỏ thế nào. Bạch Phật. Phật dạy: Nên tùy theo giường lớn nhỏ mà may.

Các Tỳ-kheo thường mặc một y vào trong xóm làng rồi về lại Tăng phường, không thay đổi y, y bị mồ hôi làm nhớp nhúa bất tịnh. Các Cư sĩ thấy chê bai nói: Sa-môn Thích tử bất tịnh, gớm ghiếc, thường mặc một y ra vào trong xóm làng. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Ở nơi Tăng phường nên mặc y lót, không nên mặc y bẩn nhớp vào trong làng xóm. Các Tỳ-kheo không có phòng xá để ở, muốn làm phòng mới, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép ở trong Tăng phường, vì Tăng mà làm. Các Tỳ-kheo khác không yểm trợ, bạch Phật. Phật dạy: Nên yểm trợ. Các Tỳ-kheo bèn yểm trợ lâu dài, trở ngại việc tọa thiền hành đạo, bạch Phật. Phật dạy: Không nên yểm trợ lâu dài, nếu đương sự không đủ sức thì mới yểm trợ. Các Tỳ-kheo khi làm việc y bị nhơ nhớp hư hoại, thường phải giặt và vá nên trở ngại việc ngồi thiền, hành đạo, bạch Phật. Phật dạy: Tăng nên may loại y để mặc khi làm việc. Các Tỳ-kheo xấu hổ không dám mặc y lót mình, bạch Phật. Phật dạy: Vì Tăng, khi làm việc, cho phép tùy ý mặc. Các Tỳ-kheo mặc y của Tăng hơi nhớp một chút, bèn đem giặt, do đó mau rách, bạch Phật.

Phật dạy: Không nên giặt thường xuyên, làm xong việc sau đó mới giặt.

Các Tỳ-kheo muốn làm chỗ kinh hành mới, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm. Các Tỳ-kheo lại làm không thẳng, bạch Phật. Phật dạy: Nên làm thẳng. Các Tỳ-kheo muốn làm đường kinh hành cao, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm cao. Hai bên đường đi kinh hành lại bị hư, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng đất thổ trắng, cũng cho phép dùng vải, hay cỏ Bà bà đắp lên trên.

Khi đại hội, người nhiều phòng ít, các Tỳ-kheo không có chỗ ở, bạch Phật. Phật dạy: Trong phòng có nhiều chỗ để ngồi, cho phép trải vải ngồi để trống chính giữa. Các Tỳ-kheo ở cùng một phòng lại cùng nhau làm ồn. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng vải ngăn lại, cũng cho phép làm cái lỗ hổng. Các Tỳ-kheo ngồi dựa nơi vách, các Cư sĩ thấy chê trách nói: Sa-môn Thích tử này già rồi mới xuất gia nên không có oai nghi, tại sao lại dựa nơi vách mà ngồi? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên ngồi dựa nơi vách. Có các Tỳ-kheo già bệnh không thể tự mình nắm lấy cỏ kết chỗ ngồi để dựa, làm nhơ nhớp trong phòng, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên buộc cỏ để dựa, cho phép làm các dây ngồi thiền, kín đáo nơi ghế. Các Tỳ-kheo làm dây ngồi thiền rộng, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm quá tám ngón tay. Các Tỳ-kheo lại làm dây ngồi thiền hẹp, bạch Phật. Phật

dạy: Không nên hẹp hơn năm ngón tay. Các Tỳ-kheo lại làm dây ngồi thiền bằng tạp sắc, bạch Phật. Phật dạy: Nên làm một màu, nếu các loại tạp sắc thì nên giặt nhuộm cho hoại sắc, vậy sau mới cho phép dùng.

Lúc ấy, Trưởng lão Kha-hưu nhận được một chiếc y, muốn làm An-đà-hội thì dài quá, muốn làm Tăng-già-lê, Ưu-đa-la-tăng thì lại thiếu, nên thường phải kéo cho nó rộng ra. Đức Phật đi đến các phòng, thấy hỏi: Thầy làm gì vậy? Đương sự trình bày đầy đủ sự việc. Phật dạy: Nếu không đủ thì nên làm ba dài, một ngắn, nếu lại không đủ thì nên làm hai dài, một ngắn, nếu cũng không đủ thì làm một dài, một ngắn. Nếu lại cũng không đủ nữa thì cho phép may ép làm thành lá. Trưởng lão Kha-hưu lại nhận được một tấm vải, thiếu không đủ cắt rọc may ba y, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép cắt rọc may Tăng-già-lê, Ưu-đa-la-tăng và Man-an-đà-hội.

Khi có đại chúng hội hợp, các bạch y đem y cúng dường, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận. Các bạch y muốn chú nguyện, bạch Phật. Phật dạy: Nên vì họ chú nguyện. Các Tỳ-kheo không biết chú nguyện, bạch Phật. Phật dạy: Nên khiến vị Duy na chú nguyện. Quý vị không biết đem để chỗ nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên như trước, bạch nhị Yết-ma, để ngay chính giữa phòng. Quý vị không biết giao ai giữ lấy, bạch Phật. Phật dạy: Nên như

trước, bạch nhị Yết-ma, sai một Tỳ-kheo giữ lấy. Các Tỳ-kheo bèn Yết-ma, sai Tỳ-kheo vô trí, không phân biệt được y tốt xấu, bạch Phật. Phật dạy: Người có năm pháp sau đây không nên sai giữ lấy y: ái, sân, sợ, si, không biết y tốt xấu. Các Tỳ-kheo chia y nơi chỗ ồn ào, y bị mất, Tỳ-kheo giữ y bị mang tiếng xấu, bạch Phật. Phật dạy: Nên chia nơi chỗ vắng.

Lúc chia y có Tỳ-kheo khách đến, Tỳ-kheo cựu trú hỏi: Hôm đó, thầy ở đâu? Tôi ở chỗ ấy, các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi nhận được y ngày ấy, Tỳ-kheo này ở trong giới, vấn đề chia y này không thành, bạch Phật. Phật dạy: Ngày nhận được y, có Tỳ-kheo, tưởng có Tỳ-kheo, chia y không thành, phạm Đột-kiết-la. Có Tỳ-kheo, nghi cũng như vậy. Không Tỳ-kheo, tưởng có Tỳ-kheo, thành chia y, mắc tội Đột-kiết-la. Không Tỳ-kheo, nghi cũng như vậy. Không Tỳ-kheo, tưởng không Tỳ-kheo, thành chia y, không phạm.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo không có đồ lót thân, nằm trên ngọa cụ của Tăng ô uế bất tịnh. Lại có một Tỳ-kheo không có đồ lót thân, nằm trên ngọa cụ của Tăng, chân đạp ngọa cụ bị hỏng, bạch Phật. Phật dạy: Vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ của Tăng cho phép sắm Đơn phu, trải trên ngọa cụ của Tăng.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo, do Phật không cho phép dùng đồ lót thân, nằm trên ngọa cụ của Tăng dùng vật rộng vài tấc làm phu cụ trải trên ngọa cụ

của Tăng, bạch Phật. Phật dạy: Bề dài, bề rộng nên như ngọa cụ. Các Tỳ-kheo không hệ niệm, ngủ bị xuất bất tịnh, nhớp Đơn phu, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng tọa cụ trải trên Đơn phu. Có các Tỳ-kheo bị mọt cắn, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm riêng một cái rộng dài hơn cái Đơn phu, trải xuống dưới, thòng xuống xung quanh giường mỗi bên một thước.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu loại y nên thọ trì? Đức Phật dạy: Có ba loại y nên thọ trì: (y Phấn tảo, y Tăng-già-lê, y An-đà-hội). Ngoài ra y lót thân, y đắp, y tắm mưa, y che ghẻ, y ngăn mòng muỗi, y trải chỗ đi kinh hành, y ngăn mọt, y đơn phu, y tọa cụ, y bảo vệ đầu gối, y bảo vệ gót chân, y bảo vệ đầu, các loại khăn lau thân, lau tay, lau mặt, đãy đựng kim chỉ, đựng bát, đựng giày dép, lọc nước, nếu tương tự như y đều nên thọ trì.

Có một Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài thường khen ngợi kẻ thiểu dục, tri túc, con rất vui mừng, con nguyện xin được sống lõa hình. Đức Phật dạy: Ngươi là người ngu si, muốn làm theo nghi pháp của ngoại đạo, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá.

Có các Tỳ-kheo bạch Phật: Hoặc có người muốn làm y bằng tóc, y bằng da nai, y bằng da dê, y bằng lông chim, y bằng lông ngựa, y bằng đuôi trâu, y bằng cỏ, bằng vỏ cây, bằng lá. Đức Phật

dạy: Ngươi là kẻ ngu si, muốn làm các pháp nghi của ngoại đạo. Tất cả pháp nghi của ngoại đạo đều không làm, nếu làm thì phạm Thâu-lan-giá.

Có một Tỳ-kheo bạch Phật, chúng con xin được phép bên trong mặc y Quán đầu, phủ lên trên bằng y Bạt na. Đức Phật dạy: Ngươi là kẻ ngu si, muốn làm theo pháp nghi của bạch y, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo muốn làm y Quán đầu bên trong, y Kíp bối bên ngoài, hoặc muốn may y Tô ma, y Ban kíp bối, hoặc muốn mang nhẫn nơi ngón tay, kẽ lông mày, mang giày dép tạp sắc, bạch Phật. Phật dạy: Ngươi là kẻ ngu si, đó là nghi pháp của bạch y, tất cả nghi pháp của bạch y đều không nên làm, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có một Tỳ-kheo bạch Phật, cho phép chúng con mặc y thuần màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Đức Phật dạy: Y màu thuần đen là y của đàn bà mặc khi sinh đẻ, vi phạm, phạm Ba-dật-đề, còn bốn sắc kia thì phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy các Tỳ-kheo đầu bị lạnh, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng y trùm lên, cũng cho phép làm cái mão đội cho ấm. Có các Tỳ-kheo không mặc Tăng-kỳ-chi, vào trong xóm làng, hông và ngực bị bày ra, các người thấy bỡn cợt, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vào xóm làng phải mặc Tăng-kỳ-chi, vi phạm, phạm

Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo mặc Tăng-kỳ-chi, bị gió thổi, bay xuống đất, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng dây cột lại.

Có các Tỳ-kheo đứng trên chỗ cao cột dây, các người nữ ở chỗ thấp thấy hình thể cười cợt, các Tỳ-kheo xấu hổ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép khi làm việc, lấy y từ phía sau choàng đến cột về phía trước. Lúc đó, Bạt-nan-đà biết trú xứ chưa chia phẩm vật cúng An cư, liền đến nói: Tại sao không chia gấp đi, nếu không chia, hoặc bị trùng cắn, hoặc bị nạn nước lửa v.v… nếu chia có thể được tự dụng, hoặc cho đệ tử hay làm các việc phước. Các Tỳ-kheo liền chia. Bạt-nan-đà nói: Các thầy không rành cái nào quý cái nào kém. Các Tỳ-kheo nói: Nếu thầy khá rành, hãy vì chúng tôi chia giùm và thầy tự lấy phần mình. Được cơ hội, Bạt-nan-đà liền chia, rồi lấy phần của mình mang đi ngay. Lại đến trú xứ khác cũng làm như vậy chứ không phải một chỗ: Được một gánh nặng, Bạt-nan-đà về lại trú xứ. Các Tỳ-kheo trông thấy khen: Thầy là người đại phước đức nên mới được số y như vậy. Bạt-nan-đà nói: Đâu phải do có phước mà được, do đến các trú xứ An cư dùng xảo ngôn mà được. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách chê trách: Tại sao An cư một chỗ mà lại nhận phẩm vật nhiều chỗ? Quý vị bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như

vậy không? Bạch Thế Tôn! Sự thật con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Ta thường nói thiểu dục, tri túc, tại sao ông lại thọ nhận nhiều mà không nhàm chán? Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Không nên An cư một chỗ mà nhận phẩm vật An cư nhiều chỗ, nếu vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo chỉ mặc y thượng và hạ vào trong xóm làng, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo mặc y lộn ngược vào xóm làng, các Tỳ-kheo thấy nói: Mặc y lộn ngược cùng với mặc y không cắt rọc có gì khác đâu, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo khi chưa vào thôn và khi ra khỏi thôn, bị cỏ cây móc y rách, bụi đất vào trong các phần lá, muốn lộn ngược y lại mà không dám, bạch Phật. Phật dạy: Vì bảo vệ y, nên khi chưa vào thôn và lúc ra khỏi thôn, cho phép lộn y lại.

Có các Tỳ-kheo nhuộm, làm điều lên Man y, lại có may cái lá dính vào y, hoặc may áp lá y hoặc làm áp lá y phân nửa hướng lên trên, phân nửa hướng xuống dưới, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo mặc y tạp sắc, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-

la.

Có các Tỳ-kheo, khi mưa, mặc y lộn ngược, nước vào trong lá y, hư mục, bạch Phật. Phật dạy: Khi mưa không nên mặc y lộn ngược, nếu lúc không mưa thì tùy ý mặc.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo có y, bát các vật, muốn dùng để cúng cho Tăng, bạch Phật. Phật dạy: Có chín cách nhận được của thí đều cho phép cúng cho Tăng:

Giới vức được thí.

Cần thiết được thí.

Hạn được thí.

Tăng được thí.

Tăng hiện tiền được thí.

Tăng An cư được thí.

Hai bộ Tăng được thí.

Giáo được thí.

Người được thí.

Giới vức được thí: Thí chủ nói: Cúng cho Tăng trong cương giới này. Như vậy gọi là giới vức được thí.

Cần thiết được thí: Khi Tăng An cư ở các cương giới cùng quy định, một trú xứ nhận được của thí đều chia cho nhau. Như vậy gọi là cần thiết được thí.

Hạn được thí: Thí chủ nói: Dâng cúng cho vị Tăng như vậy, như vậy. Như thế gọi là hạn được

thí.

Tăng được thí: Thí chủ cúng cho Tăng, Tăng nên biết vật thí như thế tùy nghi phân chia. Như vậy gọi là Tăng được thí.

Tăng hiện tiền được thí: Thí chủ đối diện cúng cho Tăng. Như vậy gọi là Tăng hiện tiền được thí.

Tăng An cư được thí: Thí chủ nói: Cúng cho Tăng An cư nơi đây.

Như vậy gọi là Tăng An cư được thí.

Hai bộ Tăng được thí: Thí chủ cúng cho hai bộ Tăng, nếu Tỳ-kheo nhiều, Tỳ-kheo-ni ít, hay Tỳ-kheo-ni nhiều, Tỳ-kheo ít đều nên chia đôi. Nếu có Tỳ-kheo mà không có Tỳ-kheo-ni thì Tỳ-kheo nên chia hết. Nếu có Tỳ-kheo-ni mà không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni nên chia hết. Như vậy gọi là hai bộ Tăng được thí.

Giáo được thí: Thí chủ yếu cầu Tăng, sử dụng như vậy, như vậy, thì cũng chia. Như thế gọi là giáo được thí.

Người được thí: Thí chủ nói: Con cúng cho thầy… như vậy gọi là người được thí.

Lại có năm cách được thí: Cúng cho Phật và Tăng, cúng cho Phật và Tỳ-kheo-ni, cúng cho Phật và hai bộ Tăng, vì người cúng cho Tăng với thời gian dài.

Có một Sa-di qua đời, các Tỳ-kheo không biết xử sự thế nào các vật cúng của ông ta, bạch Phật.

Phật dạy: Nếu khi còn sống đã cho ai thì nên cho họ, nếu khi còn sống không cho ai thì nên chia cho Tăng hiện tiền.

Có một Tỳ-kheo ít người quen qua đời, có y thượng, hạ và phi y,

các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu khi sinh tiền không hứa cho ai thì Tăng hiện tiền nên chia. Nếu lúc sinh tiền đã hứa cho vị nào mà chưa đưa, Tăng nên bạch nhị Yết-ma đưa cho họ. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên… qua đời ở nơi đây, lúc sinh tiền có sở hữu hoặc y hoặc phi y, Tăng hiện tiền nên chia, trước đã cho Tỳ-kheo… nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên… qua đời ở nơi đây, lúc sinh tiền có sở hữu hoặc y hoặc phi y, Tăng hiện tiền nên chia, nay cho Tỳ-kheo… các Trưởng lão nào đồng y thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo… y rồi. Tăng đồng ý nên im lặng.

Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có một Tỳ-kheo có nhiều người quen, được quốc vương, Đại thần nhiều người cúng dường, qua đời, rất nhiều của cải, các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu lúc sinh tiền đã

hứa cho ai thì nên bạch nhị Yết-ma để cho. Nếu lúc sinh tiền không hứa cho ai, thì có thứ nên chia, có thứ không nên chia. Như y Bà-na, y Tô-ma, y Kíp bối, lông câu nhiếp dài năm ngón tay, hoặc Tăng-già-lê, Ưu-đa-la-tăng, An-đà-hội, hoặc y hạ, hoặc Xá-lặc, hoặc Đơn-phu, hoặc y lót thân, hoặc mền, hoặc tọa cụ, hoặc đãy đựng kim chỉ, đãy lọc nước, đãy đựng bát, đãy đựng giày dép, hoặc bát lớn, bát nhỏ, móc cửa, những vật như vậy thì có thể chia, Tăng hiện tại đều nên chia. Nếu là gấm, lụa là, lông bàng dạ, lông câu nhiếp quá năm ngón tay, hoặc áo tắm mưa, áo che ghẻ, mùng màn, kinh hành phu, hoặc đơn phu ngăn mọt, tọa cụ, giường nằm, giường ngồi, trừ loại bát bằng sành lớn hay nhỏ, đồ tưới nước, ngoài ra tất cả các đồ bằng sinh, trừ bát bằng sắt lớn hay nhỏ, móc cửa, kim, vật cắt móng tay, ngoài ra tất cả đồ bằng sắt, trừ các loại làm bằng đồng, như Đa-la thạnh nhãn vật làm thuốc, ngoài ra tất cả loại làm bằng đồng như tán cái, tích trượng, tất cả những vật như vậy đều không nên chia, mà thuộc đồ dùng của Tăng.

Có các Tỳ-kheo nhận được phẩm vật cúng An cư mà chưa chia, hoặc có người qua đời, có người hoàn tục, có người làm ngoại đạo, có người đi xa, có người làm Sa-di, có người thọ đại giới lại, có người biến thành hai căn, có người căn bị tiêu diệt, các Tỳ-kheo không biết nên giải quyết như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: An cư nhận được phẩm vật

cúng mà chưa chia, nếu qua đời, lúc sinh tiền vị ấy đã hứa cho ai, thì nên bạch nhị Yết-ma để cho. Nếu sinh tiền vị ấy không hứa cho ai, Tăng hiện tiền nên chia. Người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo, đi xa, biến thành hai căn, căn tiêu diệt cũng như vậy. Làm Sa-di thì nên chia theo phần Sa-di, thọ đại giới lại thì nên chia theo phần của đại Tỳ-kheo.

Có các Tỳ-kheo khi An cư chưa nhận được phẩm vật cúng An cư, hoặc qua đời, cho đến căn biến, sau đó nhận được vật cúng, cũng như vậy. Tỳ-kheo-ni cũng như thế.

Bấy giờ, Điều-đạt nhận được phẩm vật cúng An cư chưa chia, Tăng bị phá, các Tỳ-kheo không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu Tăng chưa phá mà nhận được vật phẩm thì nên chia đều, nếu Tăng phá rồi, sau đó mới nhận được vật thì nên tùy theo chỗ dâng cúng mà chia.

Có Tỳ-kheo không đồng cương giới Tăng bị phá, sau đó, muốn làm các Yết-ma, cho người thọ giới Cụ túc, không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu Tăng đã bị phá, tuy đồng cương giới, cho phép tác Yết-ma, hành Tăng sự, không phạm biệt chúng.

Có một trú xứ, chỉ một Tỳ-kheo ở, chẳng phải thời gian An cư nhận được y dâng cúng cho Tăng, vị ấy khởi ý niệm: Phật dạy: Bốn người trở lên gọi là Tăng, nay ta chỉ có một người không biết nên

thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên thọ trì, hoặc tịnh thí, hay cho người, nếu không vậy, Tỳ-kheo khác đến nên cùng chia.

Nếu có trú xứ của Tỳ-kheo, chẳng phải thời gian An cư nhận được vật cúng cho Tăng, nếu không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên chia.

Nếu trú xứ của Tỳ-kheo-ni, chẳng phải thời gian An cư nhận được vật cúng cho Tỳ-kheo-ni Tăng, nếu không có Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo nên chia.

Nếu có trú xứ của Tỳ-kheo, chẳng phải thời gian An cư, Tỳ-kheo qua đời, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên chia. Nếu trú xứ của Tỳ-kheo-ni, chẳng phải thời gian An cư, Tỳ-kheo-ni qua đời, không có Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo nên chia. Thời gian An cư nhận được vật cúng, đều cũng như vậy.

Có một đệ tử của ngoại đạo, xuất gia trong pháp luật của Phật, các thân tộc người ấy đều nói: Tại sao bỏ đạo A-la-hán của ta, lại xuất gia trong Sa-môn Thích tử, nên bắt trở lại. Họ lại nói: Nếu đương sự nghe, hoặc có thể trốn thoát, Sa-môn Thích tử không phá An cư. Khi ấy đến bắt, chắc được không có nghi ngờ gì. Tỳ-kheo kia nghe không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép phá An cư đi. Tỳ-kheo kia bèn từ một trú xứ đến một trú xứ, không biết nên nhận phần phẩm vật An cư nơi trú xứ nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu ở trú xứ nào nhiều ngày hơn thì nhận phẩm vật An cư

nơi trú xứ đó.

Có hai Tỳ-kheo cùng đi trên một lộ trình, một Tỳ-kheo bệnh, một Tỳ-kheo nuôi bệnh. Tỳ-kheo kia qua đời, Tỳ-kheo nuôi bệnh đem y bát đến chỗ Đức Thế Tôn, bạch Phật việc ấy. Nhân việc này Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nuôi bệnh rất khó khổ nay cho phép đem ba y và bát bạch nhị Yết-ma cho người nuôi bệnh. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo… qua đời, ba y và bát Tăng hiện tiền nên chia, nay đem cho người nuôi bệnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo tên… qua đời, ba y và bát Tăng hiện tiền nên chia, nay đem cho người nuôi bệnh. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã cho Tỳ-kheo… y bát rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng.

Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có một Tỳ-kheo nhác nhớm không tiếp tay công việc của chúng, cũng không hầu hạ Hòa thượng, A-xà-lê, khi mắc bệnh, không có ai chăm sóc, phân nước tiểu nhớp cả thân, bất tịnh hôi hám. Đức Phật đi xem xét các phòng thấy, tự tay Ngài tắm rửa, giặt giũ y của bệnh nhân, trừ khử bất tịnh, đỡ nằm trên giường và ngồi một bên an ủi: Thầy

đừng lo sợ, thầy sẽ được lành, không sao đâu. Tỳ-kheo kia nghe rồi hoan hỷ. Đức Phật lại nói các pháp diệu, Tỳ-kheo bệnh xa trần lìa cấu, ở trong các pháp đặng mắt pháp trong sạch. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tôn giả A-nan: Tỳ-kheo… bệnh, tại sao không có người chăm nom? A-nan trình bày đúng sự thật. Đức Phật bảo A-nan: Các ông làm điều phi pháp, Tỳ-kheo không có cha mẹ, chính mình không tự chăm sóc thì ai chăm sóc. Này các ông! Nay cho phép các Tỳ-kheo phải cử người nuôi bệnh. Các Tỳ-kheo không biết cử ai nuôi bệnh, bạch Phật. Phật dạy: Đệ tử phải chăm sóc Hòa thượng, Hòa thượng phải chăm sóc đệ tử. A-xà-lê đồng Hòa thượng, A-xà-lê cũng như vậy. Có Tỳ-kheo khách đến bệnh, không có Hòa thượng, A-xà-lê, cũng không có đồng sư, không có ai chăm sóc, các Tỳ-kheo không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Trước hết nên khuyên một người nuôi bệnh, nếu không có người này, nên mỗi ngày theo thứ tự sai một người, nếu người nào không nhận chịu thì như pháp trị. Khi ấy, các Tỳ-kheo tranh nhau chăm sóc, gây não loạn cho người bệnh, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy, nên hai, ba người đến lo liệu các việc mà người bệnh cần.

Khi ấy, người nuôi bệnh tìm xin thuốc khó khăn, mà người bệnh không chịu uống, trở ngại cho việc hành đạo, bạch Phật. Phật dạy: Người

bệnh có năm việc khó nuôi: Không thể tự tiết lượng thức ăn. Không chịu uống thứ thuốc mà theo chứng bệnh cần. Không chịu nói bệnh tình cho người nuôi bệnh. Không theo lời khuyên của người nuôi bệnh. Không thể luôn quán vô thường. Có năm việc không thể làm người nuôi bệnh: Người không biết thứ thuốc nào người bệnh cần uống. Không thể cho ăn thức ăn theo chứng bệnh. Không thể vì người bệnh nói pháp, chỉ vẽ sự lợi ích để họ vui mừng. Gớm ghét những phân tiểu, đàm dãi của người bệnh. Vì lợi nên chăm sóc chứ không vì lòng từ.

Có các người nuôi bệnh, hoặc vì người bệnh, hoặc vì chuyện riêng tư, bỏ đi, sau đấy người bệnh qua đời, người khác nhận được y bát của người đó, bạch Phật. Phật dạy: Không nên cho người như vậy mà nên cho người nuôi bệnh có thủy chung.

Có một Tỳ-kheo bệnh, người nuôi bệnh nhiều, các Tỳ-kheo không biết bao nhiêu người nên được y, bạch Phật. Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo qua đời, y nên cho hai người: Tỳ-kheo và Sa-di, tuy cha mẹ, anh em cũng không được cho. Nếu Tỳ-kheo-ni qua đời nên cho y ba người: Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni.

Có các Tỳ-kheo chia phần nuôi bệnh cho Sa-di bằng một phần ba, bạch Phật. Phật dạy: Nên chia đồng nhau.

Có Tỳ-kheo qua đời, trước đem y tịnh thí cho

các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không chịu trả lại, bạch Phật. Phật dạy: Nếu vị kia vốn không phải là thân lý, không có thiện ý cho, đều nên trả lại.

Bấy giờ, các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên Tự tứ xong, du hành các nơi. Đồng An cư và trú xứ gần, số đông có các Tỳ-kheo tùy tùng theo, các bạch y thấy, mọi người đều nghĩ: Nên vì Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên cúng y An cư cho Tăng. Nghĩ xong, họ liền dâng cúng. Nhận được một số lượng lớn, các Tỳ-kheo nơi chỗ nhận được vật cúng, nói với hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên: Cùng chia số y này. Chúng tôi không đồng An cư, chỉ có thể nhận thức ăn, chứ không chia phần y này, bạch Phật. Phật dạy: Nên cùng chia hết.

Lúc này, Ất-sư-đạt-đa, Bạt-đà-la Tự tứ xong, cũng cùng số đông Tỳ-kheo du hành các nơi. Các bạch y thấy nói: Nếu Tỳ-kheo An cư nơi trú xứ ta, ta dâng y này, cũng với số lượng nhiều. Các Tỳ-kheo khách kia đòi chia phần, được trả lời: Đây là của cúng cho Tỳ-kheo An cư trong cương giới của chúng tôi, không được phép chia cho các thầy. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không nên cùng chia.

Bấy giờ, có khách buôn mang Khâm-bà-la từ nước Ba-lợi đến Câu-xá-la, nghe Đức Phật ra đời, có đại oai thần, các đệ tử cũng như vậy, bèn dùng một số lớn y Khâm-bà-la cúng cho Tăng. Các Tỳ-kheo nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi thọ y Khâm-bà-la, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ.

Khách buôn lại cúng riêng cho Thượng tọa, cũng không dám thọ, nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận riêng y Khâm-bà-la, bạch Phật. Phật dạy: Cũng cho phép nhận riêng.

Khi ấy, Tỳ-xá-khư-mẫu nói: Nếu ở nơi phòng do tôi làm, thì nên sử dụng ba y của tôi và y mặc lót, y đắp, y tắm mưa, y che ghẻ, y đơn phu, y ngăn mọt, mùng màn, không được sử dụng y của người khác. Các Tỳ-kheo tưởng đây là thuộc Tăng bốn phương không dám mặc y lót, bạch Phật. Phật dạy: Nếu thí chủ hiện tại cho phép thì mặc y lót thân.

Có các Tỳ-kheo-ni đem y bát và các vật khác cúng cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không dám thọ. Các Tỳ-kheo-ni nói: Chúng con lại phải cầu phước điền nơi nào?! Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tùy ý nhận. Lúc này, các Tỳ-kheo nhận được y Kíp bối kinh Khâm-bà-la vĩ không dám nhận, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận.

Bấy giờ, nơi thành Xá-vệ, người sữa chữa Khâm-bà-la thấy các Tỳ-kheo mặc y Khâm-bà-la, nói: Đại đức mặc loại y đó nên giặt đạp, khiến cho lông nó hiện ra mới thật là tốt đẹp, các Tỳ-kheo không dám, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép giặt đạp, nếu không biết thì cho phép nhờ người làm. Có các Tỳ-kheo giặt đạp Khâm-bà-la nơi chỗ đất trống, các bạch y thấy dè bỉu nói: Tỳ-kheo này giống như thợ đạp Khâm-bà-la. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nên đạp nơi chỗ vắng. Quý vị muốn cắt

phần đầu Khâm-bà-la, không biết dùng cái gì để cắt, bạch Phật. Phật dạy: Nên sắm dao để xén.

Các Tỳ-kheo mặc y Ban sắc diên chức, các bạch y thấy, chê trách nói: Sa-môn Thích tử cùng với người đời đâu có khác. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên mặc y Ban sắc diên chức, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có một người nữ sinh hài nhi, bị chết yểu, sau đó sinh một đứa trai, đem đến chỗ các Tỳ-kheo, xin y cà sa cho nó đeo, các Tỳ-kheo không dám cho, bạch Phật. Phật dạy: Nên cho.

Có một Tỳ-kheo ít người quen không có y, các người nữ xin y, không lấy gì cho. Họ nói: Tôi xuất của và cho tôi nhuộm y. Các Tỳ-kheo không dám cho nhuộm, bạch Phật. Phật dạy: Nên cho họ nhuộm. Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-ta, cha mẹ nghèo khổ, muốn đem y cúng dường mà không dám, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu có người trong một trăm năm, vai bên phải cõng cha, vai bên trái cõng mẹ, cha mẹ đại tiểu tiện luôn trên đó, và dùng y thực rất quý hiếm ở trên đời cúng dường, cũng chưa thể tạ ơn trong muôn một. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo suốt đời hết lòng cúng dường cha mẹ, nếu không cúng dường, mắc tội rất nặng.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 21

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 5: NÓI VỀ PHÁP Y (Tiếp Theo)

Bấy giờ, nước Xá-di còn tuân theo cựu điển, không cho những người khác họ được cưới nhau. Vua Ba-tư-nặc ham mê người nữ của họ ấy, ỷ mình quân sự mạnh, sai sứ khuyến cáo: Nếu không cho ta cưới, sẽ tiêu diệt nước của ngươi. Các người dòng họ Thích cùng nhau nghị bàn: Nên tương kế tựu kế thế nào để tránh khỏi điều bạo ngược mà lại không trái với cựu điển của nước ta. Mọi người đều nhất trí, chọn một đứa tớ gái đẹp, có dáng dấp thùy mị, trang điểm với đồ trang sức đẹp nhất đời, gọi là dòng họ Thích, để đáp ứng cho nhà Vua. Nghị bàn xong, liền thông báo cho Vua Ba-tư-nặc sắm đủ lễ cưới rước về. Sau sinh được một con trai, diện mạo tuấn tú. Nhà Vua ra lệnh cho các thầy tướng dựa theo tướng mà đặt tên. Các thầy tướng nói:

Nhà Vua vốn dùng oai mà cưới mẹ đứa nhỏ này, y theo nghĩa đó nên đặt tên đứa nhỏ là Lưu Ly. Đến năm tám tuổi, nhà Vua muốn mời thầy dạy Lưu Ly học, Vua nghĩ: Trong các nghề, nghề bắn cung là hơn hết. Trong cõi Diêm-phù-đề chỉ có dòng họ Thích. Khi Phật còn là Bồ-tát bắn xa một do-tuần với một Câu-lô-xá. Thích-ma-nam bắn xa một do-tuần, tay bắn thấp nhất bắn xa không dưới một Câu-lô-xá. Ta nên cho nó về bên ngoại để học. Vua liền ra lệnh cho Đại thần, tử đệ thị tùng thái tử đến Thích-ma-nam để thọ giáo nghề bắn.

Lúc này, các người dòng họ Thích mới xây một tòa nhà lớn, cùng nhau giao ước, trước hết phải cúng dường Phật và các đệ tử của Ngài, vậy sau chúng ta mới ở. Thái tử Lưu Ly cùng với quyến thuộc vội vào trong tòa nhà ấy vui chơi. Các người dòng họ Thích thấy, nổi giận mắng: "Con của đứa tớ hạ tiện, ta không coi ngươi là nơi phước điền tốt, tại sao Đức Thế Tôn chưa vào ngồi mà ngươi dám vào trước". Thái tử Lưu Ly liền phẫn hận, ra lệnh cho một người tùy tùng: Ngươi nhớ kỹ điều này, khi ta làm Vua, tâu lại với ta. Thái tử nói rồi bỏ ra đi. Sau đó các người dòng họ Thích đào bỏ tòa nhà lớn đó, làm lại chỗ đất mới. Công việc hoàn tất mới thỉnh Phật và Tăng vào trong, cúng dường và diễn nói pháp diệu. Thái tử Lưu Ly học xong nghề bắn, trở về thành Xá-vệ.

Tuổi còn thiếu niên, Lưu Ly đã nối ngôi Vua

và những người cùng học ngày trước đều giao cho chức quan trọng. Vị Đại thần trước kia nhận lệnh phải ghi nhớ, tâu với Vua: Nhà Vua có nhớ khi ấy các người dòng họ Thích mắng hay không? Nhà Vua nói: Ta nhớ. Đại thần lại tâu: Nay không trả thù còn đợi lúc nào nữa? Nghe lời ấy, nhà Vua liền ra lệnh: Chỉnh đốn bốn binh chủng để đến chinh phạt dòng họ Thích.

Khi hay tin, Đức Thế Tôn vội đến bên lộ ngồi cạnh cây Xá-di, một loại cây không có bóng mát. Nhà Vua từ xa thấy Đức Phật, xuống xe đi bộ đến, đầu mặt kính lễ sát chân Phật và bạch: Kính bạch Đức Thế Tôn! Cây tốt rất nhiều, vì lý do gì Ngài lại ngồi nơi cây không có bóng mát? Đức Thế Tôn trả lời: Thân tộc là bóng mát vui thích nhất. Nhà Vua biết ý Phật: Ngài đã rủ lòng thương đến các người dòng họ Thích, liền lui binh trở về. Lần thứ hai, vị Đại thần kia cũng lại tâu với Vua như trước, nhà Vua lại ra lệnh nghiêm giá binh chủng để đến chinh phạt các người dòng họ Thích.

Đức Phật biết rõ các người dòng họ Thích không thể tránh khỏi túc nghiệp phải đối đầu này, nên Ngài không xuất hiện. Các người dòng họ Thích nghe Vua Lưu Ly đến chinh phạt đất nước mình, cũng chỉnh đốn bốn binh chủng ra chống trả. Cách một do-tuần, dùng tên bắn vào quân địch: Tên xuyên qua sát lỗ tai, tên làm đứt tóc, tên gọt sạch tóc râu, khiến cho râu, lông mày không còn

sót một sợi nào và các chiến cụ của đối phương nhất loạt bị phá hoại nhưng không thương tổn đến da thịt. Vua Lưu Ly hỏi các quan tả hữu: Các người dòng họ Thích ở cách đây xa gần? Các quan tâu: Cách đây một do-tuần. Nhà Vua rất sợ hãi nói: Trận chiến chưa xáp chiến mà đã như thế này, huống là khi chạm trán nhau, quân ta thua là điều chắc chắn, nên rút quân về là điều hay nhất.

Khi ấy, một Đại thần tâu: Dòng họ Thích đều giữ năm giới, thà chết chứ không hại ai, Vua nên tiến quân, đừng lo chuyện bại trận. Nhà Vua nghe theo, ra lệnh tiến quân. Dòng họ Thích rút vào trong thành đóng cửa tự thủ. Vua Lưu Ly sai sứ rao: Mở cửa thành liền, sẽ có sự tha thứ, nếu để ta phá thành thì không một người nào thoát chết. Lúc này, Tôn giả Mục-liên nghe Vua Lưu Ly muốn công phá thành Xá-di, bạch Phật: Xin Phật cho phép con hóa làm một cái lồng bằng sắt để trùm lấy cả đại thành. Đức Phật bảo Mục-liên: Tuy ông có thần lực, làm sao có thể cải được nhân duyên định báo này. Do ý nghĩa ấy, Đức Phật nói kệ:

Luận nghiệp có trắng đen
Không có chuyện hư thối
Tuy lâu cũng sẽ đến
Trở lại mình phải chịu.
Vào trong không, biển cả
Hay vào trong núi đá
Không thể đến chỗ nào

Mà tránh khỏi quả kia.
Báo ứng sẽ đưa đến
Không gần xa, thâm u
Tự nhiên hướng đến nó
Không nhất định nơi nào.

Bấy giờ, các Thích chủng thấy quân của đối phương đông đúc, có người nói, mở cửa thành để được toàn thân, có người nói, dù chết cũng cố thủ, phân vân không nhất trí, nên phải bỏ phiếu, phía ít phục tùng phía đông. Khi ấy, ma Ba-tuần yểm trợ cho phe mở cửa thành, nên bảy lần bỏ phiếu, phe mở cửa thành đều nhiều phiếu hơn, nên cửa thành được mở. Vua Lưu Ly chiếm được thành rồi, ra lệnh cho ba quân: Tất cả dòng họ Thích đều giết hết, nếu chẳng phải người dòng họ Thích thì cẩn thận đừng làm hại. Ba ức người dòng họ Thích nghe, đều cầm cỏ lau chạy ra, nói: Tôi là người cắt cỏ cho dòng họ Thích, quân giữ cửa thành tin theo lời, để cho chạy. Thích-ma-nam tức tốc đến chỗ Vua Lưu Ly. Vì là ông ngoại nên được Vua Lưu Ly thưa hỏi: Ông ngoại cầu điều gì? Thích-ma-nam nói: Xin đừng giết các người thân tộc của tôi nữa. Nhà Vua nói: Điều đó không thể được, có thể nguyện cầu điều khác. Thích-ma-nam lại nói: Xin cho tôi từ khi lặn xuống nước cho đến lúc nổi lên, trong thời gian ấy, cho phép các người dòng họ Thích được phép chạy ra, đừng giết họ. Vua Lưu Ly nghĩ: Thời gian một hơi thở ở dưới đáy nước

ngắn ngủi, chuyện gì không chấp thuận. Vua bèn đồng ý. Thích-ma-nam bèn xổ đầu tóc lặn xuống, lấy tóc cột vào gốc cây dưới nước, nên không trồi lên. Thấy đã khá lâu, Vua lấy làm lạ, sai người lặn xuống nước xem, thì ra Thích-ma-nam đã chết vì lấy tóc cột vào gốc cây. Sứ giả tâu với Vua, Vua liền khen: Mới hay vì thân quyến, không tiếc thân mạng! Vua liền ra lệnh cho ba quân: Nếu người nào còn giết dòng họ Thích sẽ bị quân pháp nghiêm trị.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe Vua Lưu Ly tàn sát người nước Xá-di, bạch Phật, Phật bảo các Tỳ-kheo: Vua Lưu Ly ngu si, bảy ngày sau sẽ thọ tội, hại ông thầy đã dạy mình, cả quyến thuộc của nhà Vua kẻ lớn người nhỏ cũng đều chung một số phận. Vua Lưu Ly nghe Phật nói như thế, tâm niệm: Lời nói của Phật không bao giờ sai. Vua thầm nghĩ: Trong các nỗi khổ khác hãy còn có thể tránh, chỉ sợ bị lửa đốt, liền cùng quyến thuộc dùng thuyền vào trong sông A-di. Thời hạn bảy ngày đến, nước sông bỗng nhiên lớn kinh khủng, thế là thuyền bị chìm, nhất loạt chết hết. Các người dòng họ Thích còn sống sót, bị lột hết y phục, đến chỗ các Tỳ-kheo nói: Tôi là dòng họ Thích, thân tộc với Đức Thế Tôn, cho tôi xin một ít y. Các Tỳ-kheo không dám cho với ý nghĩ: Đức Phật chưa cho phép chúng ta cho y cho dòng họ Thích. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Được phép cho. Lại có Ưu-bà-tắc

năm giới cũng bị cảnh như trên, đến chỗ các Tỳ-kheo mượn y, các Tỳ-kheo không dám cho mượn, nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi cho Ưu-bà-tắc mượn y. Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Được phép cho mượn, nếu trả lại thì lấy, không trả thì cho luôn.

Lúc này, Bạt-nan-đà vì vật cúng An cư nên kiết An cư hai chỗ, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Mỗi chỗ nên lấy phân nửa phần.

Khi ấy, các Tỳ-kheo trên đường đi không dám vén y lên, bị vướng đất nhớp, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, nên làm đãy để đựng. Các Tỳ-kheo làm đãy quá dài, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, dài nhất là phía trước tới rún, phía sau tới eo lưng. Các Tỳ-kheo dùng vật quý giá làm đãy đựng y, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như thế, nên dùng vật thô để may. Có các Tỳ-kheo trên đường đi, nhờ người gánh y hoặc gánh y cho người, hoặc tự mất y, hoặc mất y người, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như thế, nếu nhờ người gánh y, trước phải mở ra đếm cho họ thấy, nếu gánh y cho người cũng phải xem trước. Các Tỳ-kheo đựng y đây đãy rồi may miệng lại, khi muốn lấy bị khó khăn, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, nên làm dây buột lại, nếu không lấy dùng thường, thì cho phép may. Các Tỳ-kheo để y Khâm-bà-la và Kíp bối chung lại một chỗ nên sinh trùng cắn hư nát, bạch

Phật. Phật dạy: Nên để Kíp bối cách Khâm-bà-la rồi dùng hương Khuất-thi-la, hương Na-tỳ-la, hương Thanh mộc bỏ vào, những loại hương này làm cho các loại trùng tránh xa. Sau đó, các Tỳ-kheo lấy y nhầm, bạch Phật. Phật dạy: Nên đề tên hay làm dấu. Nếu Tỳ-kheo gởi y, trải qua mười hai năm mà không trở lại lấy, nên tập hợp Tăng bình giá, để cho Tăng bốn phương dùng. Nếu sau đó Tỳ-kheo kia trở lại, dùng vật của Tăng bốn phương trả lại, vị ấy không nhận càng hay. Lúc đó, Tôn giả A-nan nhận được y mà không dùng, vì Tôn giả Xá-lợi-phất nên thọ, sai một Tỳ-kheo mang đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Tỳ-kheo kia sinh ý nghĩ: Trưởng lão Xá-lợi-phất là người may mắn nhận được nhiều sự cúng dường, mà ta thì không có y, nay ta nên sinh ý tưởng vị ấy đồng ý để lấy. Lấy rồi bèn mặc, sau đó vị ấy sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Vị kia tuy là thọ mà chưa xả, nên đối với Tỳ-kheo được cho, khởi ý tưởng đồng ý để lấy thọ trì thì chẳng phải là lấy thọ trì đúng. Nếu đối với Tỳ-kheo sẽ được cho, tác ý tưởng đồng ý để lấy thọ trì thì mới là lấy thọ trì đúng. Tôn giả A-nan lại nhận được sợi dây lưng mà không dùng, vì A-na-luật nên thọ, cũng sai một Tỳ-kheo đem đến nói: Đây là sợi dây đã thuộc về A-na-luật. Tỳ-kheo kia cũng khởi ý niệm như trước để lấy, rồi sau sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Vị kia đã nói là thuộc về A-na-luật, như vậy là đã xả rồi. Nếu đối với Tỳ-kheo

được cho, tác tưởng đồng ý để lấy thọ trì, thì gọi là lấy đúng để thọ trì, nếu đối với Tỳ-kheo sai đi, tác tưởng đồng ý để lấy thọ trì, thì chẳng phải là lấy đúng để thọ trì.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo không mặc y lót thân, bị nhơ nhớp bất tịnh, chuột cắn hư hoại, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo may y lót thân, lớn nhỏ như Tăng-kỳ-chi, hoặc như Nê hoàn tăng, bạch Phật. Phật dạy: Không nên may như vậy, nên may ba loại: loại thượng từ trùm đầu cho đến mắt cá, duỗi ra phủ cả tay bên tả, úp lại khiến cho bằng nhau. Loại trung, từ phủ đầu cho đến nửa ống chân, phủ cánh tay bên tả, úp lại bằng với cổ tay. Loại hạ, từ phủ đầu cho đến đầu gối, duỗi ra phủ cánh tay bên tả, úp lại bằng với nửa khuỷu tay. Các Tỳ-kheo không dùng y lót thân, phủ chung cả cánh tay bên phải, thông cả y nên nhơ nhớp bất tịnh, bị chuột nhấm, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy.

Có các Tỳ-kheo khi thọ kinh, khi thăm hỏi Hòa thượng, A-xà-lê, mặc y bị lệch qua một bên, thòng xuống đất, hoặc ban đêm đứng dậy đi không thể vén lên, vứt bỏ dưới đất nhơ nhớp, bạch Phật. Phật dạy: Khi thọ kinh, thăm hỏi mặc lệch bên trái, phải cách đất, ban đêm khi thức dậy nên vén lên thông rẽ ra, đừng để bị đất nhớp. Các Tỳ-kheo mặc y bị

rách không vá, bạch Phật. Phật dạy: Nên vá lại. Không biết ai vá. Phật dạy: Bốn tháng mùa Đông, ba tháng mùa hạ, người sử dụng nên vá.

Có các Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã, khi đi không dọn ngọa cụ của Tăng, để bị hư mục, bạch Phật. Phật dạy: Nên gởi nơi xóm làng, nếu không có chỗ gởi, nên trả lại người chủ của phòng, nếu có nghi sợ dân chúng trong xóm làng thì nên di chuyển đi hết, hay nên dời đến chỗ an ổn. Các Tỳ-kheo không lui về để tìm xem ngọa cụ có còn sót lại hay rơi rớt, bạch Phật. Phật dạy: Nên lui về trông chừng. Đã đưa đến chỗ an ổn rồi, các Tỳ-kheo mới tới không cho phòng ở, cũng không cho phòng để cất đặt các y vật, bạch Phật. Phật dạy: Phải cho phòng đầy đủ. Nếu chỗ ở trước không lập trở lại nên sử dụng chỗ hiện ở. Nếu sau đó lập trở lại, nên đem những cái khác hoàn lại. Nếu đã hết không có thứ gì, Tỳ-kheo ở chỗ kia nên ít nhiều chia cho. Có các Tỳ-kheo lấy ngọa cụ phòng này đến phòng kia dùng, các vị chủ phòng chê trách nói: Tại sao lấy vật phòng của tôi, đem đến phòng khác dùng, nơi đây không cho lấy, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy. Có các Tỳ-kheo khách muốn thăm viếng thầy và thọ kinh, mang ngọa cụ nơi phòng ở đến nơi phòng kia, Tỳ-kheo chủ phòng không cho phép, bạch Phật. Phật dạy: Nên nói trước với Tỳ-kheo của bản phòng, nếu cho phép thì tốt, bằng không cho phép cũng cứ mang đi. Nếu từ đó đi xa, nên đem trả lại cho phòng

cũ.

Có các Tỳ-kheo mặc y của Tăng vào trong nhà sưởi ấm và chỗ làm thức ăn, vào ăn trong Tăng và xung quanh nơi tiện lợi, khói xông nhơ nhớp, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy.

Có các Tỳ-kheo bệnh cần mặc đến các nơi, mà không dám, bạch Phật. Phật dạy: Có bệnh thì cho phép mặc đến các chỗ khác, nhưng phải hết sức bảo hộ nó, tuyệt đối, không được mặc đi đại tiểu tiện lợi.

Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo mặc y thượng, hạ và cầm một tấm vải rộng bằng năm ngón tay, tương đương với ba y mà vào trong xóm làng, các Tỳ-kheo thấy, vặn hỏi: Đức Thế Tôn há không chế cấm, không mặc ba y không được vào xóm làng hay chăng? Lục quần Tỳ-kheo liền chỉ vào vải mà nói: Đây là đủ ba y của tôi. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe bèn quở trách, rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Lục quần Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn! Có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Từ nay cho phép làm ba y: thượng, trung, hạ, như lượng y lót thân.

Có một trú xứ, Tăng nhận được y có thể chia, một Tỳ-kheo mang đến trên giới tràng, riêng một mình lấy thọ trì, quý vị bạch Phật. Phật dạy: Không

nên vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, Tăng hiện có mặt nên chia.

Có một Tỳ-kheo Thượng tọa, cùng các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, trong đó có khách, có cựu, nhận được y nên chia, vì ít không đủ để chia, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo cựu trú nên nói với Tỳ-kheo khách: Trưởng lão, y này ít không thể chia. Nếu Tỳ-kheo khách nói: Cùng nhau thọ trì, đưa cho các vị thì nên giữ lấy. Nếu nói: Cho đến một sợi chỉ cũng không tương nhượng, thì nên cùng chia. Tỳ-kheo khách nói với Tỳ-kheo cựu trú cũng vậy.

Có Tỳ-kheo lấy y phủ trên mồ, người chủ mồ thấy mất y, nhờ người tìm hỏi: Ai lấy y trên mồ của tôi. Có người nói: Các Tỳ-kheo lấy. Họ bèn nổi giận chê trách: Các Tỳ-kheo ăn trộm y của Tiên nhân tôi. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Phật dạy: Không nên vậy. Nếu xóm làng dời đi mà sau đó còn y, cho phép khởi ý tưởng là y phấn tảo để lấy.

Có các Tỳ-kheo lấy phướn lọng trong miếu thần cũng vậy.

Có các Tỳ-kheo đến chỗ chiến đấu, lấy y của người chết, quân nhân dị nghị nói: Các Tỳ-kheo này muốn khiến cho chúng tôi giết nhiều người. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy.

Có các Tỳ-kheo ít người quen biết, muốn tới chỗ chiến đấu để lấy y người chết mà không dám đến, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép sau khi quân nhân đi rồi đến lấy.

Có các bạch y, sau khi quân nhân đi, thu lượm xương cốt để mai táng, thấy các thây chết đều bị lột trần, không thể nhận diện, bèn trách cứ nói: Tại sao Tỳ-kheo lại lột y của bà con tôi, nếu còn y phục thì có thể nhớ lại được. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Cho phép lấy khi không có người thấy. Đến chỗ giết người lấy y cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo lấy y người chết, không làm cho hoại sắc mà làm y Tỳ-kheo để mặc, các bạch y thấy, nói: Đây là y của bà con tôi, bèn đến kêu khóc, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên làm cho hoại sắc liền, mới làm y Tỳ-kheo để mặc. Nếu những đồ bằng sắt nên mau làm thành bát lớn, bát nhỏ hay cái móc cửa hoặc các đồ dùng.

Có một gia đình rất giàu có, giặc cướp đến lấy, không thể mang đi hết, chúng đem giấu trong đống rác, ngày sau trở lại lấy, vì ban ngày không dám đến, từ xa rình đợi thăm chừng. Có một Tỳ-kheo lượm y phấn tảo, đến chỗ đống rác giấu đồ đó thấy cái chéo y bày ra bèn kéo lấy y. Đám giặc từ xa nói: Đại đức đừng lấy vật của chúng tôi. Lính đi tuần tra kẻ cướp nghe, biết đó là đám giặc cướp, liền bắt trói áp giải đến cửa quan, quan ra lệnh giết hết. Khi đám giặc bị trói, đau khổ nói: Nếu Tỳ-

kheo không lấy y của tôi, lính tuần tra làm sao biết tôi, như vậy là Tỳ-kheo giết tôi chứ chẳng phải ai khác. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nếu khi kéo lên thấy nặng thì không nên lấy.

Có các Tỳ-kheo nơi ngả tư đường hẻm, ngó đất mà đi, các bạch y thấy, hoặc có người nói tìm tiền, hoặc có người nói tìm y phấn tảo. Có một đệ tử ngoại đạo, dùng y gói tiền, để giữa đường, Tỳ-kheo thấy lượm đi. Người ấy bèn nói với mọi người: Các Tỳ-kheo quả thật là tìm tiền. Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Không nên lấy vật gì có gói lại nơi ngả tư đường hẻm.

Có một Tỳ-kheo vì cần y nên đến nơi gò mả, thấy một người nữ mới chết, trước đầu có một cái hộp, Tỳ-kheo tưởng là cái hộp không, bèn lấy đem về nơi trú xứ, mở ra xem, thấy có các đồ nữ trang, không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Khi lấy nên mở ra coi trước, nếu không coi trước mà lấy, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo cùng với một ngoại đạo đi trên một lộ trình. Ngoại đạo bị giặc giết, Tỳ-kheo lấy y của họ mà không làm hoại sắc, đem làm y Tỳ-kheo, ngoại đạo khác thấy nói: Đây là y của dòng họ ta, chắc các Tỳ-kheo giết rồi lấy. Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Không nên lấy, nếu đã lấy, liền nên làm cho hoại sắc, rồi mới làm y của Tỳ-kheo.

Có các Tỳ-kheo thiểu dục, tri túc không nhận y của gia chủ dâng cúng, các Cư sĩ luận bàn: Chúng ta bằng phương tiện nào, khiến Tỳ-kheo kia nhận y của chúng ta dâng cúng. Chúng ta nên xé rách hay đốt cháy sơ sơ, để khắp nơi ngả tư đường hẻm, chờ khi vị ấy vào xóm làng nói: Thầy xem xung quanh nếu có thấy thứ chi thì lấy. Họ liền làm theo sự luận bàn. Tỳ-kheo kia thấy khởi ý nghĩ: Chúng ta không nhận y do gia chủ dâng cúng, chắc là các Cư sĩ vì chúng ta mà làm thế này, đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Nên khởi tưởng phấn tảo mà lấy.

Có một Tỳ-kheo qua đời, các Tỳ-kheo để nằm ngửa giữa sân, không lấy y phủ lại, lộ hình nam căn trướng lên, các Cư sĩ thấy chê bai nói: Sa-môn Thích tử không tu phạm hạnh nên nam căn mới lớn như thế. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Không nên để nằm ngửa lộ hình, phải lấy y che lại, nếu vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có một Tỳ-kheo mập phì qua đời, các Tỳ-kheo đem để trên cỏ tươi sống, mỡ chảy ra chết các cỏ tươi sống, các ngoại đạo thấy, chê bai nói: Sa-môn Thích tử tự nói từ niệm, nay tại sao làm tổn hại đến cỏ tươi sống. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên để trên vật còn sống, nên chôn hay đốt, hoặc để trên đá.

Có một Tỳ-kheo bị chết trôi, y bát treo trên nhánh cây trong nội giới, các Tỳ-kheo thấy, tưởng y bát trong nội giới của Tăng, thì thuộc về Tăng,

không dám lấy, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép xem như y phấn tảo để lấy. Các Tỳ-kheo không biết có bao nhiêu y phấn tảo, bạch Phật. Phật dạy: Có mười loại y phấn tảo: khi Vua thọ vị, bỏ y cũ, y nơi gò mả, y phủ nấm mồ, y nơi đường hẻm, người nữ mới lấy chồng bỏ y cũ, khi người nữ lấy chồng, y nói lên sự tiết tháo, y của sản phụ, y trâu nhơi, y chuột gặm, y lửa cháy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo mặc y, màu sắc sáng rực, bạch y chê trách, bạch Phật. Phật dạy: Không nên mặc y màu sắc sáng rực, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có Tỳ-kheo chứa y tắm mưa, không đủ năm khuỷu tay, bạch Phật. Phật dạy: Y tắm mưa, không được giảm năm khuỷu tay, vi phạm, phạm Ba-dật-đề.

Lúc đó, các Cư sĩ, trong thời gian An cư, vì nữ nhi cạo đầu, nên đem y cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo thọ rồi, muốn xoay về thành phẩm vật cúng An cư, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, đây gọi là dâng cúng tùy theo sự việc, Tăng hiện tại nên chia, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo, trước đã thọ ba y, không xả, lại thọ y khác. Do trước kia cái y đã thọ tịnh thí và thí cho người, sau nhớ lại bạch Phật. Phật dạy: Được gọi là thọ lại, cũng gọi là tịnh thí, thí cho người, chỉ không xả mới phạm Đột-kiết-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo có y Ni-tát-kỳ chưa xả, chưa hối quá, mà bị lửa cháy, nước cuốn trôi, giặc cướp, hư hoại, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Đây tức là xả, chỉ nên tác pháp hối quá Ba-dật-đề.

Lúc này, các Tỳ-kheo chứa y không tịnh thí, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có một trú xứ, chúng Tăng nhận được gấm, cúng cho các Tỳ-kheo, không biết thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên thọ rồi dùng để trang nghiêm tháp, hoặc làm đồ dùng cho tháp, hoặc làm đồ dùng cho Tăng.

Có một trú xứ, Tăng muốn chia y, có Tỳ-kheo thiểu dục không nhận phần mà chỉ cần cái dây lưng, dây ngồi thiền, cái mão, đãy lọc nước, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên cho. Cho rồi lại đòi phần, bạch Phật. Phật dạy: Khi chia vật nên hỏi trước: Thầy có nhận phần hay không? Nếu nói: nhận, thì nên chia đều. Nếu nói: cần dây lưng… nên cho một phần ba, nếu lại đòi nữa thì không nên cho.

Có một Tỳ-kheo có cái câu nhiếp, Tăng bốn phương có Tăng-già-lê muốn trao đổi, các Tỳ-kheo không dám cho đổi, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép đổi, nếu cái câu nhiếp giá trị cao hơn thì Tăng nên bồi cho Tỳ-kheo, nếu Tăng-già-lê cao giá hơn, Tỳ-

kheo nên bồi cho Tăng, nếu nghèo không có vật gì để hồi cho Tăng hay là thiểu dục, tri túc cũng được phép cho. Các loại y khác cũng như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Ly-bà-đa bị lạnh chân, đến người Bà-la-môn xin y Khâm-bà-la để trùm chân, xin rồi sinh nghi: Đức Thế Tôn chế giới không cho phép chúng ta xin y nơi người không phải là bà con, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Do nhân duyên như vậy cho phép được xin các loại y cần thọ trì, như y che gót, y che bắp, bả vai, y che đầu, khăn lau tay, lau mặt, lau thân hình… Khi ấy, các Tỳ-kheo đối với Tăng, Tăng bốn phương và tháp, với người không đồng ý đều khởi tưởng đồng ý để lấy y, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, đối với Hòa thượng, A-xà-lê, đồng Hòa thượng, A-xà-lê hoặc đệ tử và các người đồng ý mới được khởi tưởng đồng ý để lấy.

Có các Tỳ-kheo chưa qua đời, đối với vấn đề phân chia y vật nói: Sau khi tôi chết, dùng y vật này cho… dùng y vật này vào việc như vậy, như vậy, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như thế, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, cho không thành cho, sử dụng không thành sử dụng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan thường tới lui gia đình Lực sĩ Lô-di, sau đó đến không có Lô-di ở nhà, khởi tưởng đồng ý lấy Kíp bối quý giá, vẫn sinh nghi hối, khởi ý niệm: Phật chưa cho phép chúng ta đối với bạch y khởi tưởng đồng ý để lấy y, bạch

Phật. Phật dạy: Cũng cho phép đối với bạch y khởi tưởng đồng ý để lấy. Khi ấy, các Tỳ-kheo lìa y tắm mưa, không biết lúc tắm nên mặc y nào, bạch Phật. Phật dạy: Có năm nhân duyên được lìa y tắm mưa: không mưa, không nghi là có mưa, không lội qua sông, ăn khi bệnh, may chưa xong. Có năm nhân duyên được gởi Tăng-già-lê: Khi mưa, khi nghi là có mưa, lội qua sông, ăn khi bệnh, may chưa xong.

Có một trú xứ, Tăng muốn chia y, có Tỳ-kheo khách đến, các Tỳ-kheo vì nhận được ít y nên muốn chia, bạch Phật. Phật dạy: Cho đến chỉ nhận được trị giá bằng một sợi dây lưng cũng nên chia, nếu ít không đủ chia, nên bạch nhị Yết-ma, cho một Tỳ-kheo không có y. Một Tỳ-kheo xướng: Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tăng này nhận được y, hoặc phi y, nay đều đem cho Tỳ-kheo… nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tăng này nhận được y, hoặc phi y… cho đến câu: Nếu vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo… y rồi. Tăng đồng ý nên im lặng.

Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Đoạn 6: NÓI VỀ PHÁP GIÀY DÉP DA

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma ha Ca-chiên-diên ở nơi nước A-thấp-ba-a vân đầu, trụ trong núi ba-lâu-đa. Nơi nước đó có ông Trưởng giả tên là Sa-môn Ức-nhĩ, tin ưa Phật pháp, thường cúng dường cho các Tỳ-kheo, thấy pháp đắc quả, thọ ba quy, năm giới, thường vào Tăng phường để nghe pháp. Lúc này, Sa-môn Ức-nhĩ ở chỗ vắng tự nghĩ: Như Đức Phật dạy: Tại gia nhiễm vướng, không thể rộng tu phạm hạnh, xuất gia không vướng mắc cũng như hư không! Nay ta sao không ở trong pháp vô vi, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo. Nghĩ rồi, sáng sớm đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên, đầu mặt kính lễ sát chân, trình bày đầy đủ ý nghĩ, muốn cầu xuất gia, thọ giới Cụ túc. Tôn giả Ca-chiên-diên nói: Tại gia nhiễm vướng, đúng như lời ông vừa nói, chỉ có xuất gia mới đủ điều kiện tịnh tu phạm hạnh, một mình ngồi bên gốc cây, ngày ăn một bữa. Nhưng, ông vốn giàu sang thì đây là một điều rất khó. Ức-nhĩ nghe rồi, bèn trở về nhà mình. Ba lần như vậy, thấy rõ ý muốn của đương sự, bèn cho xuất gia. Tại nước ấy, không đủ chúng mười người, nên phải làm Sa-di đến sáu năm. Tôn giả Ca-chiên-diên bèn dùng thần lực tập hợp chúng mười người ở nước khác, để trao giới cụ túc. Ức-nhĩ thọ giới rồi bèn nghĩ: Ta nghe Đức Như Lai là bậc Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác mà chưa được phụng kiến, nay ta nên đến để thăm

hỏi Đức Thế Tôn. Nghĩ rồi, đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên, đầu mặt kính lễ sát chân, xin phép tới hầu Phật. Tôn giả Ca-chiên-diên nói: Tốt lắm! Tôi tùy theo sự hoan hỷ của ông, ông nên đi liền. Ông có thể nhân danh tôi thăm hỏi Đức Thế Tôn và thưa xin Đức Phật năm điều:

Nước A-thấp-ba-a-vân-đầu không có đủ chúng mười vị, nên Ức-nhĩ phải làm Sa-di đến sáu năm, không được thọ giới cụ túc, Tôn giả Ca-chiên-diên dùng sức thần thông tập trung Tăng các nước khác, vậy sau mới được thọ. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép nước này, không đủ chúng mười vị, được thọ giới cụ túc.

Nước này có nhiều sỏi đá chông gai, xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo nước này được mang giày guốc hai lớp gót.

Nước này đều dùng da lót trên đất làm tọa, ngọa cụ, xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo nước này dùng da lót trên đất.

Người nước này ngày nào cũng tắm rửa, xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo ở nước này hằng ngày tắm rửa.

Có Tỳ-kheo gởi y cho Tỳ-kheo ở phương khác, y chưa đến, có Tỳ-kheo nói cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sinh nghi sợ phạm chứa y dư, xin Thế Tôn vì Tỳ-kheo này trừ nghi.

Ức-nhĩ vâng lời thầy dạy ra đi. Khi đến chỗ

Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, tuyên lời thăm hỏi của Hòa thượng bổn sư lên Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Trải ngọa cụ cho Tỳ-kheo khách nghỉ. Tôn giả A-nan nghĩ: Đức Phật muốn cho Tỳ-kheo này cùng nghỉ, nên khiến ta trải ngọa cụ, do đó liền trải ngay nơi phòng của Phật. Đức Phật và Ức-nhĩ cùng nghỉ một phòng. Đầu đêm, giữa đêm im lặng không nói chuyện, cho đến cuối đêm, Đức Phật khởi ý nghĩ: Đây là con nhà tộc tánh, oai nghi điều phục, nên khiến nói pháp, Đức Phật bèn bảo: Thầy có thể nói pháp! Ức-nhĩ vâng lời, liền nói mười sáu nghĩa phẩm kinh, nói rồi đứng im lặng. Đức Phật dạy: Lành thay! Người trong nước thầy đều nói được như vậy chăng? Ức-nhĩ thưa: Có người hơn con! Đức Phật lại hỏi: Tại sao thầy ở lâu nơi nước đó mà không đến gặp Ta? Ức-nhĩ thưa: Con biết điều lỗi đó, vì có nhân duyên nên không đến sớm được. Nhân đó Đức Thế Tôn nói kệ:

Thấy lỗi lầm của đời
Tự thân nương pháp hành
Kẻ hiền không ưa ác
Vì ác không thích thiện.

Khi ấy, Ức-nhĩ khởi ý nghĩ: Hòa thượng bảo ta xin Phật năm việc, nay chính là lúc, bèn bạch Phật. Sáng ngày, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng bảo Ức-nhĩ: Ông có thể nói lại năm điều mà Tôn giả Ca-chiên-diên xin. Ức-nhĩ liền nói lại. Đức Phật

bằng mọi cách khen ngợi người thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép nơi nước A-thấp-ba-a-vân-đầu và tất cả biên địa, chỗ thiếu Tỳ-kheo, năm người trì luật, trao giới cụ túc, cũng cho phép những nơi có sỏi đá chông gai được mang guốc dép, hai lớp gót, cũng cho phép chỗ có các loại da, làm ngọa cụ bằng da, cũng cho phép chỗ cần tắm rửa, nếu Tỳ-kheo gởi y cho Tỳ-kheo chỗ khác, tuy Tỳ-kheo trước có nghe biết, y chưa vào tay, không phạm tội chứa y dư.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo làm các loại guốc dép bằng nhiều kiểu, cách, lắm màu sắc, việc này được bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép làm guốc dép khác hình, khác màu sắc, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có Tỳ-kheo làm guốc dép bằng da ngựa, da voi, da người, bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép. Nếu dùng da người thì phạm Thâu-lan-giá, nếu da ngựa, da voi phạm Đột-kiết-la.

Lúc này, Bạt-nan-đà thường tới lui một gia đình chăn bò, mặc y bưng bát đến nhà ấy. Nhà này có một con bò nghé sắc lông lang lỗ, Bạt-nan-đà nhìn kỹ, sinh lòng ham thích, ước gì được da con nghé này làm phu cụ. Người chủ hỏi: Tại sao sư đăm đăm nhìn con nghé như thế? Bạt-nan-đà nói: Con nghé này có sắc lông lang lỗ khả ái có thể làm phu cụ. Người chủ liền thưa: Đại đức thường lo

liệu công việc cho nhà con, con đâu có tiếc gì con nghé mà không dâng cúng. Người chủ liền giết con nghé trước mặt mẹ nó để lấy da cúng. Bạt-nan-đà nhận được tấm da rồi đem về Tăng phường. Con bò mẹ theo sau rống kêu buồn não, các Tỳ-kheo buồn hỏi: Con bò này tại sao rống kêu buồn não đi theo thầy? Bạt-nan-đà nói: Không biết. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Con bò này theo thầy chớ không theo người khác, tại sao thầy không biết?! Khi ấy, Bạt-nan-đà mới đem sự thật nói ra. Các Tỳ-kheo liền quở trách rồi bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Bạt-nan-đà: Thật sự ông có như vậy không? Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép chứa tất cả các loại da. Sau đó, các Tỳ-kheo cần một miếng da nhỏ mà không dám dùng, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng một miếng da nhỏ.

Có các Tỳ-kheo từ ngoài trở về đạp trên ngọa cụ của Tăng, bùn nhơ bất tịnh, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép mang guốc ra vào.

Có các Tỳ-kheo già bệnh, ở nơi chỗ có sự sợ sệt, cùng bạn đồng đi, đi chậm không kịp, các bạn nói: Đại đức đi mau, đừng để bị cướp đoạt. Vị ấy nói: Chúng tôi già bệnh không thể đi kịp. Các bạn nói: Đây có voi, ngựa, lừa, lạc đà, xe bò thầy có thể cưỡi để đi. Các Tỳ-kheo không dám, bạch Phật. Phật dạy: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo già bệnh

được cưỡi ngựa, chỉ không được cưỡi súc sinh cái. Có các bạch y dùng kiệu bằng da cúng cho chư Tăng, các Tỳ-kheo không dám thọ, bạch Phật. Phật dạy: Cũng cho phép thọ, nhưng thay da bằng thứ vải khác.

Có các bạch y dùng cái kiệu bằng da cúng riêng cho Thượng tọa, Thượng tọa không dám thọ, bạch Phật. Phật dạy: Cũng cho phép nhận riêng nhưng cũng thay da như trên. Các Tỳ-kheo Thượng tọa già bệnh, muốn đi kiệu vào xóm làng mà không dám, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép. Quý vị không biết khiến ai khiêng, bạch Phật. Phật dạy: Nhờ tịnh nhân khiêng.

Có các Tỳ-kheo ở chỗ có sự sợ sệt, muốn qua sông mà không có đò, có người chăn bò, lùa bò qua sông nói có thể nắm đuôi bò để qua sông, các Tỳ-kheo không dám, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nắm.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo nắm đuôi của con bò cái để qua sông, lấy tay thọc vào mụt ghẻ của nó, bạch Phật. Phật dạy: Không được phép nắm đuôi súc sinh cái để qua sông. Có các Tỳ-kheo muốn qua sông, cũng không có súc sinh để có thể nắm, không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép buộc cỏ cây làm bè để qua. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo sắm phao nổi, hoặc làm bằng da dê hay da bò. Tăng và Tăng bốn phương đều nên sắm.

Đức Phật ở thành Vương-xá. Bấy giờ, là Vua Bình-sa, hai nước Ma-kiệt và Ương Già có bốn mươi hai ngàn thôn làng. Các hào kiệt nơi đó, không người nào không tin Phật, Pháp, Tăng, chỉ trừ trong thành Chiêm-bà, có con ông Trưởng giả tên là Thủ-lâu-na, ông ta rất giàu, có Hai-mươi-ức tiền, người đương thời gọi ông là Thủ-lâu-na Hai-mươi-ức. Ông ta hưởng sự vui sướng ngay lúc chào đời, tay chân mềm mại, dưới chân mọc lông. Vua Bình-sa khởi ý nghĩ: Trong cương giới của ta chỉ có Hai-mươi-ức chưa tin Phật pháp. Ta nên làm thế nào khiến cho ông ta tin. Nếu ta đến nhà ông ấy, ông sẽ hoảng sợ, nếu kêu ông ta tới, chắc sẽ có sự nghi sợ. Ta nên thông tri cho sau mươi gia đình hào kiệt trong thành Chiêm-bà đến dự lễ hôn nhân của Vương tử. Nhân cuộc gặp gỡ này ta sẽ hướng dẫn ông đến với đạo pháp. Nhà Vua nghĩ xong liền cho thông tri. Khi ấy, thân tộc đều tâu với Vua: Hai-mươi-ức chưa từng bước xuống đất, dưới chân lông mọc như tóc trên đầu không thể tuân lệnh đến được, xin nhà Vua đặc biệt miễn trừ cho một người này. Nhà Vua nói: Có thể cỡi voi, ngựa, xe, kiệu. Thân tộc tâu: Thân thể ông ta rất mềm cũng không thể đi bằng các phương tiện đó được. Nay Vương tử làm lễ thành hôn cần sự hiện diện, cho phép thân tộc của ông tận dụng mọi phương tiện đưa ông ấy đến. Thân tộc cùng nhau nghị bàn: Chỉ còn có cách là đào con kênh thông thuyền đưa ông ta đi ngày

vài dặm mới khỏi nhọc mệt, để cung kính phụng mệnh nhà Vua. Họ bèn dùng kế hoạch này đưa Hai-mươi-ức đến thành Vương-xá. Thân tộc tâu: Hai-mươi-ức vừa đến nơi, nguyện xin được như nếp sống ở nhà. Nhà Vua nói: Nếp sống ở nhà như thế nào? Tâu đức Vua: Dùng vải trải trên đất rồi đi lên đó. Nhà Vua nói: Được. Nhà Vua liền ra lệnh. Lại trải vải mịn trên tòa, khiến ông ta ngồi trên đó. Nhà Vua hỏi: Dưới chân ông thật có mọc lông hay không? Tâu Đại vương, thật có. Vua nói: Ta muốn xem. Hai-mươi-ức tâu: Xin sai người tin cậy để xem. Nhà Vua nói: Ta muốn thấy tận mắt. Hai-mươi-ức tâu: Xin phép Vua cho được duỗi chân ra. Nhà Vua nói: Được. Hai-mươi-ức liền duỗi chân ra, chỉ cho nhà Vua. Đúng như lời đồn, ánh sáng của lông tỏa ra, làm cho mắt nhà Vua không thể nhìn kỹ được. Vua sinh lòng hy hữu, nghĩ: Nước ta đại phước đức mới sinh được con người phước đức này. Vua nhìn hai bên, trước Vua có ba đại Cư sĩ, bây giờ có cả Hai-mươi-ức là bốn. Nhà Vua hỏi: Mỗi người có bao nhiêu của được gọi là Cư sĩ? Người thứ nhất nói: Số tiền của tôi có là mười ba ức. Người thứ hai nói: Tôi có mười bốn ức. Người thứ ba nói: Tôi có mười bốn ức và lại một ngọc Ma-ni vô giá. Hai-mươi-ức nói: Tôi có Hai-mươi-ức, lại có năm trăm ngọc Ma-ni, một ma-ni bảo sàng. Nhà Vua hỏi Hai-mươi-ức: Do đâu ông có của ấy? Hai-mươi-ức tâu: Của ấy không phải cha

mẹ để lại, cũng không phải do kinh doanh mà có, tôi ngủ trên lầu cao, khi thức dậy bèn thấy của ấy trước mặt tôi. Nhà Vua nghe câu nói này rất đỗi ngạc nhiên, khó hiểu, nghĩ: Phước đức của người này chỉ có Đức Phật mới biết, ngoài ra không ai hiểu nổi. Nhà Vua liền nghiêm giá đến chỗ Phật, rồi đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hai-mươi-ức có năm trăm ngọc Ma-ni, một Ma-ni bảo sàng, từ đâu mà có? Đức Phật dạy: Người này trước kia ở nơi cung trời Đâu suất, có năm trăm thiên nữ, cùng nhau rất ái kính. Sau đó, người ấy sinh tới đây, thiên nữ đều nghĩ: Thiên tử của chúng ta nay sinh nơi nào? Họ dùng thiên nhãn xem, thấy sinh nơi đây, mỗi người mang một ngọc ma-ni và cái bảo sàng trước kia nằm biến hóa khiến cho tương xứng với thân hiện nay, đem để trước mặt rồi đi. Vua nghe Phật dạy rồi kính lễ cáo lui. Trở về thành Chiêm-bà, tập hợp sáu mươi hào kiệt tuyên bố: Nay ta phong cho Hai-mươi-ức là bậc Cư sĩ tối đại ở trong thành kia, các ngươi phải tôn kính. Nhà Vua lại nói với Hai-mươi-ức và sáu mươi người: Ta là Vua của các người, dùng pháp trị hóa, đã cùng các người làm việc lợi ích cho hiện thế, nay có Đức Phật Thế tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật, chúng ta đều có thể đến đó để cầu điều lợi cho hậu thế. Mọi người đều vâng lệnh đến đó. Khi ấy, Trưởng lão Ta-kiệt-đà ở trong núi, kinh hành trên bàn thạch, các Cư sĩ đến chỗ ấy thưa: Đại đức vì

chúng con, bạch Phật: Hai-mươi-ức và sáu mươi Cư sĩ ở thành Chiêm-bà muốn đến thăm hỏi Đức Thế Tôn. Ta-kiệt-đà ở trên bàn thạch, trước mặt các Cư sĩ mất tăm dạng rồi xuất hiện trước Đức Phật, trình bày đầy đủ vấn đề lên Đức Phật. Phật dạy: Thầy có thể về trước trên bàn thạch, trải tòa ngồi, Ta sẽ đến sau. Vâng lời dạy, trước Đức Phật, Ta-kiệt-đà chìm khuất dạng rồi xuất hiện nơi bàn thạch, trước mặt chúng Cư sĩ, vì Đức Phật trải tòa ngồi. Đức Phật với oai nghi thường có đi bộ đến sau. Các Cư sĩ nghĩ: Tỳ-kheo này có Đại thần lực, vắng mặt và xuất hiện nơi bàn thạch cũng như vào trong nước. Khi Đức Thế Tôn ung dung xuất hiện họ vô cùng cung kính. Đức Thế Tôn đến rồi, an tọa nơi tòa. Thường pháp của chư Phật, trước hết khiến cho người khởi tâm hoan hỷ rồi sau mới nói pháp, Đức Phật nói với Ta-kiệt-đà: Ông đứng dậy quạt Phật. Vâng lời dạy, Ta-kiệt-đà đứng dậy quạt trong giây lát, hiện các thứ thần biến như Ưu-vi-ca-diếp, rồi trở lại trước Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân, bạch Phật: Đức Phật là Đại sư của con, con là đệ tử của Phật. Thưa như vậy Ba lần, rồi ngồi lại chỗ cũ. Khi ấy các Cư sĩ khởi ý nghĩ: Đệ tử mà thần lực như thế huống gì là bậc Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Họ bèn hướng về chăm chú chiêm ngưỡng Phật. Đức Phật vì họ nói các pháp diệu chỉ bày sự lợi ích để họ hoan hỷ… cho đến câu: Khổ, tập, tận, đạo. Họ đều từ nơi chỗ ngồi được mắt

pháp trong sạch, thọ ba quy y, năm giới. Hai-mươi-ức từ chỗ ngồi đứng dậy, đi chân không đến chỗ Đức Phật, cúi đầu tác lễ, Đức Phật bèn mỉm cười. Ta-kiệt-đà khởi ý niệm: Do nhân duyên gì mà Đức Phật cười. Nghĩ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, quỳ gối bạch Phật: Do nhân duyên gì mà nay Đức Phật mỉm cười? Đức Phật nói với Ta-kiệt-đà: Hai-mươi-ức này, chín mươi mốt kiếp vừa qua, nay mới bước chân xuống đất. Ta-kiệt-đà liền hỏi: Hai-mươi-ức, do nhân duyên gì mà chín mươi mốt kiếp chân không bước xuống đất? Đức Phật dạy: Thuở đời quá khứ, khi ấy có Đức Phật Thế tôn xuất hiện nơi đời, tên là Tỳ-bà-thi, phụ vương cai trị nơi thành dài mười hai do-tuần, rộng bảy do-tuần, dân chúng đông đúc an ổn phong phú, vui vẻ. Đức Phật Tỳ-bà-thi cùng Đại Tỳ-kheo Tăng 68.000 người đầy đủ, đều là bậc A-la-hán, trụ ở nơi đó. Nhà Vua ấy hằng ngày thỉnh Phật và Tăng thọ trai trong cung. Lúc này, trong đại chúng có một người tên là Tu-tỳ-xa cùng mọi người đến chỗ nhà Vua, tâu: Nay Vua làm các công đức, nguyện xin cho phép chúng tôi cùng được dự vào. Nhà Vua nói: Nay Phật và chúng Tăng gồm có 68.000 người, sợ các người không chuẩn bị được, có khi lại làm phiền cho Tăng. Họ lại tâu với Vua: Chúng tôi tự kham nổi, xin nhà Vua cho phép. Nhà Vua nói: Tốt lắm! Nhà Vua còn sợ họ không chuẩn bị kịp nên ra lệnh cứ làm thức ăn như

thường lệ, nếu họ không chu toàn sẽ dùng vào thức ăn đó. Do chỗ họ thiết cúng hơn thức ăn của nhà Vua nhiều ngày như vậy, cho nên thức ăn do nhà Vua cho làm cuối cùng không thiết trai được. Tu-tỳ-xa tuần tự thiết cúng, sai người đào đường, dùng đất mềm mại trải lên trên, lấy bùn thơm trét, hai bên dựng tám mươi cây trụ quý báu, dùng châu Ma-ni tạp sắc gắn trên đầu trụ, treo phướn đủ màu, trương màn tạp sắc, phủ khắp trên lộ trình, trên đường đi để các loại nước uống, trong nhà trang bị 68.000 chỗ ngồi, mỗi Tỳ-kheo ngồi một chỗ, dùng năm trăm cái chảo nấu canh để cúng dường. Dâng cúng cho mỗi Tỳ-kheo hai trương vải kíp bối, một đôi giày da. Lại vì Tăng bốn phương làm một cái phòng, dưới đất trải ngọa cụ đều bằng thứ diệu hảo. Tu-tỳ-xa thời ấy, nay là Hai-mươi-ức. Từ đó về sau thọ phước ngang bằng với loài người trên cõi trời không có sai khác. Nếu nay không thấy Ta, thì Hai-mươi-ức chân vẫn chưa đạp đất.

Bấy giờ, Hai-mươi-ức quỳ gối bạch Phật: Cho phép con xuất gia thọ giới Cụ túc. Đức Phật hỏi: Cha mẹ người đã cho phép chưa? Bạch, chưa. Cha mẹ không cho phép không được xuất gia. Hai-mươi-ức thưa: Con sẽ trở về nhà xin phép cha mẹ. Phật dạy: Tốt lắm, nay chính là đúng lúc. Khi ấy, Hai-mươi-ức kính lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải, rồi trở về thành Chiêm-bà, thưa với cha mẹ: Nay con muốn xuất gia học đạo. Bà mẹ nói:

Thôi! Thôi! Chuyện gì phải xuất gia! Cha mẹ chỉ có một mình con, dù chết, cha mẹ còn không muốn cách xa nhau, làm sao còn sống mà xa lìa? Nay nhà ta của cải, châu báu, tôi tớ, ruộng nhà nhiều vô số, con tùy ý làm việc phước, thọ vui năm dục, Hai-mươi-ức thành khẩn cầu xin Ba lần, mới được cha mẹ đồng ý, liền đến trước mẹ, kính lễ sát chân, đi quanh bên phải ba vòng, rồi trở lại chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, quỳ gối bạch: Mẹ của con đã cho phép, xin Phật cho con được xuất gia thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo đến đây! Xuất gia thọ giới Cụ túc, rộng tu phạm hạnh, Ta sẽ nói pháp để dứt hết gốc khổ. Khi Phật nói lời như vậy, Hai-mươi-ức râu tóc tự rụng, Tăng-già-lê mặc vào người, bình bát bưng nơi tay. Xuất gia không bao lâu, ở nơi rừng Thi-đà tinh tấn kinh hành, chân bị thương tổn, máu chảy, chim chóc đi theo để ăn, Hai-mươi-ức khởi ý niệm: Trong hàng đệ tử của Phật, về tinh tấn không ai hơn ta, mà nay chưa hết được các gốc khổ, gia đình của ta may mắn có nhiều của cải, ta có thể hoàn tục, vui thích làm các công đức. Đức Phật biết ý niệm đó, từ núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy chim chóc đang mổ máu ăn, hỏi Tôn giả A-nan: Vì sao có máu nơi đây, chim chóc tranh nhau ăn thế này? Tôn giả A-nan thưa: Hai-mươi-ức kinh hành nơi đây, chân bị thương máu chảy nên chim tranh nhau ăn. Đức Thế Tôn liền đến chỗ đó, hỏi Hai-mươi-ức: Thật sự ông có

nghĩ như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn, sự thật con có nghĩ như vậy. Đức Phật lại hỏi: Nay Ta hỏi ông, tùy ý ông trả lời: Khi ông còn ở tại gia, khéo sử dụng cây đờn cầm phải không? Đáp: Bạch Thế tôn, phải. Hỏi: Khi dây của đờn quá thẳng tiếng đờn có hay không?

Đáp: Bạch Thế tôn, không. Hỏi: Khi dây đờn không thẳng tiếng có tốt không? Đáp: Không tốt. Hỏi: Vậy dây đờn phải như thế nào tiếng đờn mới tốt? Đáp: Bạch Thế Tôn! Không căng quá, không dùn quá tiếng đàn mới tốt. Đức Phật dạy: Ở trong giáo pháp của Ta cũng như vậy, gấp quá hoãn quá đâu đắc đạo được, tinh tấn với mức trung bình, không bao lâu sẽ hết gốc khổ. Hai-mươi-ức nghe Phật nói rồi, liền nơi chỗ kinh hành dứt hết các lậu hoặc. Do dưới bàn chân của Hai-mươi-ức bị thương tích, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Hai-mươi-ức mang dép da dày một lớp. Hai-mươi-ức bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con bỏ Hai-mươi-ức tiền, năm trăm bảo châu ma-ni, một cái giường ma-ni bảo, hai mươi phu nhân, vô lượng thể nữ, bấy giờ mang dép da một lớp, người ta sẽ chê bai con: bỏ của cải như vậy, mà còn ham thọ nhận mang dép da một lớp. Nếu Đức Thế Tôn cho phép tất cả Tỳ-kheo đều mang thì con sẽ mang. Đức Phật bèn khen ngợi người thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo mang dép da một

lớp.

Có các Tỳ-kheo mang dép da hai lớp, bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép, ai vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Lúc ấy, Lục quần Tỳ-kheo mang dép da đi kinh hành trước hay sau Hòa thượng, A-xà-lê, có các Tỳ-kheo khác cũng bắt chước làm như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên mang dép da trước Hòa thượng, A-xà-lê, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Nếu có nhân duyên thì ở trước Hòa thượng, A-xà-lê mang dép da, không phạm. Nếu đất có chông gai, hoặc đất có cỏ nhọn, hoặc đất có đá sỏi, hoặc khi bệnh hay lúc trời tối thì mang cũng không phạm. Khi đó, các Tỳ-kheo mang guốc bằng vàng, bạc, ngà voi, đá, các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Các Tỳ-kheo này như Đại thần của nhà Vua, thường nói ít ham muốn, biết vừa đủ, mà nay phung phí vô độ, thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách, rồi bạch Phật. Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép mang guốc dép như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Có một trú xứ ẩm thấp, mang dép da bị ẩm ướt sinh trùng hư mục, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Cho phép các Tỳ-kheo mang dép bằng cỏ Bà-bà, cỏ Thi-la, cỏ Văn-nhu, cỏ Lưu-thi… Các Tỳ-kheo mang lội qua nước sau

đó chân bị thấm nước, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng da sống lót dưới đáy. Có các Tỳ-kheo mang guốc gỗ, giày gỗ đi trong Tăng phường có tiếng khua làm ồn các Tỳ-kheo tọa thiền. Lại có một Tỳ-kheo mang guốc gỗ đi tiểu ban đêm đạp rắn chết, bạch Phật, Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép mang guốc gỗ, giày gỗ, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, cho phép ba chỗ được mang guốc vì không phải thường đi lại: chỗ đại tiện, chỗ tiểu tiện, chỗ rửa chân.

Có các Tỳ-kheo mang dép da độn Đâu-la, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo bị lở ngón chân do mũi nhọn của dép da, bạch Phật, Phật cho phép dùng vật mềm độn nơi mũi nhọn. Có các Tỳ-kheo gót chân bị nứt ra, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng mỡ gấu thoa, lấy da gấu bao lại.

Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-ta thường chánh niệm vào việc đi, không hay biết đến ngón chân bị thương, Đức Phật thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo mang Phú-la. Các Tỳ-kheo làm Phú la sâu quá, các Cư sĩ chê trách nói: Tỳ-kheo này mang giày Phú-la như giày ủng của chúng ta, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm giày ủng sâu quá, cho phép làm đến trên mắt cá. Có các Tỳ-kheo làm như giày ủng, các Cư sĩ chê trách như

trên, bạch Phật. Phật dạy: Nên hở phía trước. Có các Tỳ-kheo mang giày có vẽ hình, bạch Phật. Phật dạy: Không nên mang như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, nếu nhận được, cho phép làm cho hoại sắc để mang.

Bấy giờ, Tôn giả Ly-bà-đa ở nước Đà-bà du hành trong nhân gian, gặp lúc tuyết lạnh thành băng, chân bị thương tích. Khi đến Kỳ-hoàn, đầu mặt kính lễ sát chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật hỏi: Tại sao chân như vậy? Ly-bà-đa trình bày sự việc rõ ràng. Đức Phật hỏi: Người nơi nước đó họ có mang thứ gì không? Ly-bà-đa thưa: Người nơi đó mang Phú-la, mang dép da. Đức Phật bằng mọi cách khen ngợi hạnh ít muốn, biết đủ, khen giới, khen người trì giới rồi, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép nơi quốc độ có tuyết lạnh được mang Phú-la, mang dép da, hoặc giả nơi nước họ có mang thứ gì cũng cho phép mang.

Có các Tỳ-kheo đi trong tuyết lạnh chân bị hư hoại vì tuyết đóng, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng muối sữa, mỡ gấu thoa, dùng da gấu làm ủng. Có các Tỳ-kheo đi trên lộ trình không biết dùng cái gì để đựng lương thực, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng da cừu, da bò, da nai và Kíp bối để làm cái đãy. Có các Tỳ-kheo dùng da đựng thức ăn bị dơ nhớp, bạch Phật. Phật dạy: Nên rửa cho sạch. Các Tỳ-kheo bèn giặt cái đãy da, hong phơi bị hư hoại, trùng sinh, bạch Phật. Phật dạy: Không nên

giặt cái đãy da, nên lật ngược nó và lau, nếu sạch thì tốt, bằng không thì không nên dùng. Có các Tỳ-kheo trú xứ ở A-lan-nhã chứa phu cụ bằng da, các thú dữ nghe mùi, đến sát hại các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Ở chỗ A-lan-nhã không nên dùng phu cụ bằng da, nên đem cho các trú xứ ở xóm làng, dùng lót nơi cấp đi. Có các Tỳ-kheo đi sau Phật, chân bị gai chích không thể đi được, các Cư sĩ thấy nói: Thưa Đại đức! Đức Phật đi đã xa rồi, sao không đi nhanh cho kịp? Đáp: Tôi bị đạp gai không thể đi được. Các Cư sĩ thấy nói: Có thể mang giày được không? Tỳ-kheo không dám mang, đi đến trước bạch Phật. Phật dạy: Cho phép mang.

Có Tỳ-kheo ở nơi gò mả được dép da, không dám lấy, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép lấy. Có Tỳ-kheo được loại dép da đủ loại, đủ màu sắc, không dám lấy, bạch Phật. Phật dạy: Trừ da người, da ngựa, da voi, ngoài ra cho phép lấy, làm cho nó hư hoại màu sắc cũ, nếu màu sắc cũ không thể làm hư hoại thì nên mang trong Tăng phường, đừng nên mang ra ngoài. Có các Tỳ-kheo nhận được dép da mới không dám thọ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ, bảo tịnh nhân mang đi bảy bước rồi mang. Có các Tỳ-kheo đối với dép da, giày Phú la bị rách không biết bảo ai vá, bạch Phật. Phật dạy: Nên nhờ người vá, nếu không nhờ được thì Tỳ-kheo có thể tự vá, cũng cho phép sắm cái dùi lớn,

dùi nhỏ, dao lớn, dao nhỏ dây cước để vá da. Có các Tỳ-kheo vì Tỳ-kheo phá kiến vá dép da và các vật khác cho họ, bạch Phật. Phật dạy: Không nên vì hạng người như vậy mà làm, nên vì người biết xấu hổ muốn học giới mà làm. Các Tỳ-kheo không biết dùng cái gì để đựng dụng cụ bằng da, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng cái đãy bằng da để đựng.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 22

Phần 3: NÓI VỀ CÁC PHÁP: THỌ GIỚI, BỐ TÁT, AN CƯ, TỰ TỨ, Y, GIÀY DÉP DA, THỨC UỐNG V.V…

Đoạn 7: NÓI VỀ THỨC UỐNG

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mắc phải chứng bệnh mùa Thu. Đức Phật đến các phòng thấy, khởi ý nghĩ: Người đời dùng tô, dầu, mật, thạch mật để làm thuốc, nay Ta nên cho phép các Tỳ-kheo uống. Do đó, Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng và bảo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo bệnh uống bốn thứ thuốc: Tô, dầu, mật, thạch mật. Các Tỳ-kheo uống tô, mùi khó chịu, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nấu chín, hoặc tự mình nấu, hay nhờ người nấu. Nếu không có tịnh địa thì cho phép nấu nơi phi tịnh địa. Các Tỳ-kheo uống tô bị nôn muốn mửa, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng trái Ha-lê-lặc, A-ma-lặc, hoặc mật hoặc tỏi, hoặc lương khô, các vật thích nghi để thoa vào miệng cho mất mùi.

Có một Tỳ-kheo mắc bệnh nhiệt cần uống tô, các Tỳ-kheo đi xin tô không được mà lại được sữa, bạch Phật. Phật dạy: Nên nhờ tịnh nhân nấu thành tô, nấu chín khiến cho không có mùi thức ăn để thọ thức uống bảy ngày.

Có một Tỳ-kheo mắc bệnh phong cần uống dầu, các Tỳ-kheo đi xin không được mà lại được mè, bạch Phật. Phật dạy: Nên nhờ tịnh nhân nấu thành dầu, làm cho không còn mùi thức ăn để thọ thức uống bảy ngày.

Có một Tỳ-kheo mắc bệnh nhiệt cần uống thạch mật, các Tỳ-kheo đi xin không được mà lại được mía, bạch Phật. Phật dạy: Nên nhờ tịnh nhân làm thành thạch mật, làm cho mất mùi của thức ăn để thọ thức uống bảy ngày. Các Tỳ-kheo không biết nấu bao lâu thì được, bạch Phật. Phật dạy: Lấy cái muỗng múc đổ xuống, nước chảy liên tục không đứt đoạn là được.

Có các Tỳ-kheo mắc bệnh phong cần uống mỡ bò, mỡ lừa, mỡ lạc đà, mỡ cá, các Tỳ-kheo đi xin không được mà được thịt mỡ của bốn loại mỡ đó, bạch Phật. Phật dạy: Nên nhờ tịnh nhân rán để lấy mỡ rồi cô cho kẹo lại. Nếu nấu đúng thời, cô đúng thời, lọc đúng thời và phi thời thọ, không được để cách đêm uống. Nếu nấu đúng thời, cô đúng thời, lọc đúng thời và thời thọ thì được uống bảy ngày.

Có các Tỳ-kheo mắc bệnh mùa Thu nên uống

rễ thuốc, bạch Phật. Phật dạy: Tất cả rễ thuốc được phép uống, trái của thuốc cũng như vậy.

Có các Tỳ-kheo mắc bệnh mùa Thu nên uống thảo dược, bạch Phật. Phật dạy: Tất cả các thảo dược cho phép được uống.

Có các Tỳ-kheo mắc bệnh phong cần làm thoát mồ hôi, bạch Phật.

Phật dạy: Cho phép làm thoát mồ hôi.

Có các Tỳ-kheo mắc bệnh phong nên uống các loại muối trắng đỏ, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép uống.

Có các Tỳ-kheo bị bệnh phong cần hòa hợp nước tiểu với dầu, tro, rượu đắng, dùng thoa nơi thân thể, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép hòa hợp để thoa.

Có các Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở mụt nhọt, muốn chữa, bạch Phật.

Phật dạy: Nên chữa.

Có Tỳ-kheo bị bệnh ung thư cần dùng dao mổ để thoa thuốc, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép.

Có các Tỳ-kheo chân bị đau cần mang giày ủng bằng da gấu, thoa mỡ gấu, lại cần dùng bột gạo, da rắn, mỡ gấu, tô để trong trái khổ qua ngâm nước, bạch Phật. Phật dạy: Đều cho phép. Có Tỳ-kheo mụt nhọt mọc chỗ kín, thầy thuốc dùng dao mổ, Đức Phật đi qua gần phía trước, người thầy thuốc bạch Phật: Cái dao đã đến đại tiện môn, xin Đức

Thế Tôn nhìn kỹ. Phật nói: Đó là chỗ khó bảo vệ, nếu khiến cho phàm phu bỏ mạng thì mất lợi lớn. Từ nay không cho phép dùng dao mổ chỗ kín, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo mắc bệnh thời hành nhiệt. Phật dạy: Nên uống thổ hạ dược, hạng chế thức ăn, tùy theo bệnh mà ăn.

Có Tỳ-kheo nhặm mắt. Phật dạy: Cho phép làm thuốc nhỏ mắt.

Khi ấy, Ly-bà-đa ăn thạch mật phi thời, A-na-luật nói: Đừng nên ăn phi thời, tôi thấy khi làm thạch mật có tán nhỏ gạo bỏ vào. Ly-bà-đa liền sinh nghi, bạch Phật, nhân việc này Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi A-na-luật: Ông thấy làm thạch mật thì tán bột bỏ vào, tại sao người

kia làm như vậy? A-na-luật thưa: Phương pháp làm phải như vậy. Đức Phật bằng mọi cách khen ngợi người ít ham muốn, biết vừa đủ, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay, nếu bào chế thuốc phải như vậy thì cho phép uống phi thời.

Lúc ấy, Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Thời dược hòa với phi thời dược, nên dùng bao lâu?

Đức Phật dạy: Nên theo thời dược mà dùng không nên theo phi thời dược. Thuốc bảy ngày với thuốc trọn đời cũng như vậy.

Ưu-ba-ly lại hỏi: Phi thời dược hợp với thất

nhựt dược, nên dùng bao lâu?

Đáp: Nên dùng theo phi thời dược, không nên để cách đêm mà dùng. Thuốc trọn đời cũng như vậy.

Lại hỏi: Thuốc bảy ngày hiệp với thuốc trọn đời nên dùng bao lâu?

Phật dạy: Nên dùng theo thuốc bảy ngày không nên dùng theo thuốc trọn đời.

Đoạn 8: NÓI VỀ THỨC ĂN

Đức Phật ở nước Ba-la-nại. Bấy giờ, năm Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nên ăn thức ăn nào? Đức Phật dạy: Cho phép các ông ăn bằng thức ăn khất thực. Lại bạch Phật: Nên dùng cái gì để đựng? Phật dạy: Cho phép dùng bình bát.

Khi ấy, các Tỳ-kheo xin được cơm lúa tám thơm, không dám ăn, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tùy ý thọ thực. Vào lúc này, các Tỳ-kheo hoặc xin được các loại cơm, hoặc xin được các loại bánh, hoặc xin được các loại lương khô, hoặc xin được các loại đậu mạch chín, hoặc xin được các loại lúa mạch rau, và gạo nếp, hoặc xin được các loại canh, hoặc xin được các loại rượu đắng và nước trái cây, hoặc xin được các loại muối, hoặc

xin được các loại thịt, hoặc xin được các loại cá, hoặc xin được các loại sữa lạc, hoặc xin được các loại rau, hoặc xin được các loại rễ cây, ngó sen…, hoặc xin được các loại nhánh mía ngọt… hoặc xin được các loại dừa trái… đều không dám thọ, bạch Phật. Phật dạy: Đều cho phép tùy ý thọ thực.

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Khi đó, gặp lúc mất mùa đói khát, khất thực khó được, các Tỳ-kheo đem thức ăn để chỗ khác bị mất, khởi ý niệm: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta cùng ngủ một chỗ với thức ăn thì đâu đến nỗi khổ thế này, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép cùng ngủ một chỗ với thức ăn. Các Tỳ-kheo làm thức ăn ở chỗ khác bị mất, khởi ý niệm: Nếu được Đức Thế Tôn cho phép chúng ta làm thức ăn tại trú xứ thì đâu đến nỗi có cái khổ thế này, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm thức ăn tại trú xứ. Các Tỳ-kheo nhờ người làm thức ăn phải trả tiền, phải cho thức ăn mà họ còn ăn cắp, khởi ý niệm: Nếu được Đức Phật cho phép chúng ta tự làm thức ăn thì có thể khỏi phí tổn này, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tự làm thức ăn. Các Tỳ-kheo đã tự làm thức ăn, cần người để trao, họ lại đòi trả tiền, khởi ý niệm: Nếu được Đức Phật cho phép chúng ta tự đem thức ăn đến không phải nhờ người trao thì có thể khỏi cái phí tổn này, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tự đem thức ăn đến không cần khiến người trao. Các Tỳ-kheo đặng trái cây, không có người trao, bạch Phật. Phật dạy: Cho

phép tưởng như cây mà lấy ăn. Các Tỳ-kheo nhận được trái trong ao, không có người trao, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép đến nơi ao nước mà thọ. Các Tỳ-kheo muốn ăn trái, không có tịnh nhân để khiến tác tịnh, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép trước hết loại bỏ các hạt rồi sau ăn.

Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly. Lúc này, Đức Thế Tôn bị bệnh gió, Tôn giả A-nan tự nấu thuốc, cháo dâng lên Đức Phật. Đức Phật hỏi: Ai nấu thuốc đây? Đáp: Bạch Thế Tôn, con nấu. Đức Phật bảo A-nan: Trước đây ta cho phép Tỳ-kheo cùng ngủ với thức ăn trong trú xứ, làm thức ăn, tự làm thức ăn, tự đem đến người thọ, nay các ông còn áp dụng các pháp như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Còn dùng. Đức Phật dạy: Việc làm của các ông là phi pháp. Trước đây vì thiếu thức ăn ta cho phép, tại sao nay vẫn còn dùng pháp ấy? Từ nay nếu ai vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ, hỏi Tôn giả A-nan: Trước đây Ta cho phép các Tỳ-kheo tưởng như cây để lấy trái cây, đến ao nước lấy trái của ao, không có tịnh nhân làm tịnh quả, bỏ hạt rồi ăn, nay các ông còn áp dụng pháp đó hay không? Đáp: Bạch Thế tôn, còn dùng. Đức Phật dạy: Các ông làm điều phi pháp, trước đây vì lúc thiếu thức ăn Ta cho phép, tại sao nay vẫn còn dùng pháp này?! Từ nay, ai phạm thì phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có người Ưu-bà-di

tự là Tu-tỳ, kính tin Phật pháp, thấy pháp đắc quả, quy y Tam bảo, thường thỉnh tất cả Tăng, cung cấp thuốc thang. Sau thời gian, người ấy đến Tăng phường thấy một Tỳ-kheo uống thuốc thổ hạ, hỏi: Nay Đại đức cần gì? Vị ấy nói: Tôi uống thuốc thổ hạ bị kiệt sức, nghĩ muốn ăn thịt. Người Ưu-bà-di nói: Thưa Đại đức, sáng mai sẽ đưa đến, xin Đại đức nhận cho con. Người ấy về nhà, sáng ngày mai người cầm tiền đi mua thịt. Ngày ấy, Vua Ba-tư-nặc ra lệnh: Nếu ai giết thú vật sẽ bị trọng tội. Chẳng tìm đâu ra thịt để mua, người ấy trở về báo lại. Bà lại sai người cầm tiền đi tìm khắp nơi để mua, bà nói: "Đừng kể chi giá cả, đắt mấy cũng mua". Cũng vẫn mua không được. Ưu-bà-di khởi ý niệm: Hôm qua ta đã hứa, nếu không có, vị Đại đức có thể bị bỏ mạng! Bà liền cầm dao vào trong nhà tự xẻo thịt nơi bắp vế, đưa cho đứa ở nấu đem đến cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhận được, bèn ăn bệnh được lành. Khi người chồng về, không thấy vợ liền hỏi: Tu-tỳ đâu? Người trong nhà nói: Bệnh, ở trong nhà. Người chồng liền vào hỏi: Mình bệnh gì? Người vợ trình bày sự việc. Người chồng nói: Sợ bệnh tình này mình không qua khỏi, không lâu nữa sẽ chết, nên thỉnh Phật và Tăng mai thọ trai. Người vợ nói: Tốt lắm! Vợ bảo chồng tới thỉnh Phật và Tăng. Đến chỗ Phật, ông ta đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật: Nguyện Phật và Tăng hạ cố, trưa mai con xin được cúng dường, Đức Phật nhận lời

bằng sự im lặng, ông ta về, suốt đêm lo chuẩn bị nhiều thức ăn ngon bổ, sáng ngày trải tòa, bảo người đến bạch Phật: Thỉnh Phật và Tăng phó trai. Phật cùng chúng Tăng kẻ trước, người sau vây quanh đến gia chủ, tựu tòa an tọa. Ông chồng tự mình dâng nước rửa, Đức Phật không thọ, nói: Bảo Ưu-bà-di Tu-tỳ ra đây. Ông chồng liền sai người vào nói: Đức Thế Tôn gọi bà. Bà trả lời: Có thể nhân danh ta thăm hỏi Đức Thế Tôn, vì bệnh ta không thể ra hầu Ngài được. Được người đại diện thưa như thế, nhưng Đức Phật vẫn cho gọi lại đến lần thứ ba, người nhà phải khiêng bà đến chỗ Đức Phật. Khi thấy Đức Thế Tôn thì chỗ thương tích của bà bỗng nhiên tiêu mất, da thịt kéo liền như trước. Bà sinh tâm hy hữu: Ta có được bậc Đại sư và các đồng phạm hạnh như vậy! Bà sung sướng vô cùng, tự tay dâng thức ăn. Phật và Tăng thọ trai xong, bà dâng nước, rồi lấy chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật. Đức Phật vì bà giảng nói kệ tùy hỷ, như đã nói cho Tỳ-lan-nhã. Đức Phật lại nói các pháp diệu, chỉ bày sự lợi ích vui vẻ, rồi trở về chỗ ở. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi vị Tỳ-kheo kia: Vừa rồi ông ăn thứ gì? Vị ấy thưa: Con ăn thịt. Đức Phật lại hỏi: Thịt có ngon không? Thưa: Ngon. Đức Phật dạy: Ông là người ngu si, tại sao không hỏi mà ăn thịt người! Từ nay ăn thịt mà không hỏi, phạm Đột-kiết-la. Nếu ăn thịt người, phạm Thâu-lan-giá.

Có các Tỳ-kheo ăn thịt voi. Khi voi của Ba-tư-nặc chết liền đưa đến các quỷ thần, nhưng do các Tỳ-kheo ăn thịt voi nên khi giết các con voi, Tỳ-kheo khiến các tịnh nhân lấy thịt đem về. Các Cư sĩ thấy, chê trách nói: Sa-môn Thích tử này không thịt gì mà họ không ăn, còn hơn là diều hâu, tại sao ăn nuốt đồ bất tịnh này, hôi thối mà lại đến nhà ta? Thật không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Thật sự các ông có như vậy không? Đáp: Bạch Thế Tôn: Sự thật có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay ăn thịt voi phạm Đột-kiết-la, ăn thịt ngựa cũng như vậy. Các Tỳ-kheo ăn thịt sư tử, thịt cọp, thịt beo, thịt gấu, các loài thú nghe hơi bèn đến giết Tỳ-kheo. Các Cư sĩ thấy, hỏi tại sao như vậy? Có người nói: Do ăn thịt đồng loại của chúng nó. Cư sĩ chê trách… cho đến câu… bảo các Tỳ-kheo. Từ nay ăn thịt bốn loài này, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo ăn thịt chó, các con chó nghe mùi, chạy theo sau sủa. Các Cư sĩ thấy vậy hỏi: Tại sao chó lại chỉ chạy theo Tỳ-kheo sủa? Có người nói: Do ăn thịt chó. Họ bèn quở trách… cho đến câu, bảo các Tỳ-kheo (cũng như trên). Từ nay ăn thịt chó phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo ăn thịt rắn, các Cư sĩ chê trách. Long vương Thiện Tự Tại hóa làm thân người đến chỗ Đức Phật, cúi đầu bạch: Các Long

vương của con có Đại thần lực, hiện nhiều hình sắc du hành trong nhân gian, nay các Tỳ-kheo ăn thịt rắn, hoặc có thể là rồng làm tổn thương Tỳ-kheo, cúi xin Đức Phật cấm đừng cho các Tỳ-kheo ăn thịt rắn. Đức Phật vì Long vương nói các pháp diệu chỉ vẽ sự lợi ích vui vẻ rồi bảo về chỗ ở. Nhân việc này, Phật tập hợp các Tỳ-kheo, đem lời của Long vương Thiện Tự Tại, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay ăn thịt rắn, phạm Đột-kiết-la.

Đức Phật ở tại Vương-xá. Lúc ấy, có Trưởng giả thỉnh Phật và Tăng. Các Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người thỉnh Tăng thì nên thỉnh ai? Đức Phật dạy: Nếu người nào là bậc chánh thú, chánh hướng đều được thỉnh. Các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Như những vị trong bốn phương này và trên cõi trời không chỗ nào là không có, chúng ta bị phạm tội ăn biệt chúng ư? Do đó, không dám phó trai, bạch Phật. Phật dạy: Nếu ở trong một cương giới mà thỉnh riêng bốn vị trở lên gọi là ăn biệt chúng, nếu theo thứ tự thỉnh thì không phạm. Có các Tỳ-kheo khởi ý niệm: Các Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng ở trong cương giới thì có phạm tội ăn biệt chúng không? Quý vị bạch Phật. Phật dạy: Nếu thỉnh Tăng thì hai chúng thọ thực, tức Tỳ-kheo và Sa-di, nếu thỉnh hai bộ Tăng thì năm chúng thọ thực, tức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, và Sa-di-ni. Có các Tỳ-

kheo phàm phu tọa thiền sinh ý nghĩ: Như Đức Thế Tôn dạy: Nếu thỉnh Tăng thì người chánh thú, chánh hướng đều được thỉnh, nay ta phàm phu chưa phải là chánh thú, chánh hướng, không có thức ăn, không cho lấy thức ăn sao? Bạch Phật, Phật hỏi các Tỳ-kheo kia: Các ông không vì giải thoát mà xuất gia hay sao? Các Tỳ-kheo phàm phu thưa: Chúng con vì giải thoát. Đức Phật dạy: Nếu khi thỉnh Tăng Thánh nhân, người tọa thiền đều nên thọ thực.

Có các Tỳ-kheo phàm phu tụng kinh sinh ý niệm: Chúng ta không phải là người tọa thiền, cũng như trên, sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Người tụng kinh cũng được thọ trai. Có các Tỳ-kheo giúp việc cho chúng khởi ý niệm: Chúng ta chẳng phải người ngồi thiền, tụng kinh, cũng như trên sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Người giúp việc cho chúng Tăng cũng được thọ trai. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nếu khi thỉnh Tăng, trừ người giới ác, ngoài ra tất cả Tăng đều được thọ trai.

Đức Phật du hóa nơi ấp A-na-tân-đầu. Tại ấp ấy, có một vị Đại thần, tên là Hảo-thiểu, thỉnh Phật và Tăng thọ trai, chuẩn bị các thức ăn ngon bổ, sáng ngày đến giờ thọ trai, trải tòa ngồi bạch: Thức ăn đã sửa soạn xong, xin quý Thánh tri thời. Lúc này, các Tỳ-kheo lại thọ thức ăn của người khác trước và ăn đã no. Đức Phật cùng đại Tăng, kẻ trước người sau, đến nơi gia chủ, an tọa nơi tòa.

Đại thần Hảo-thiểu tự tay sớt thức ăn, song các Tỳ-kheo đều không thể ăn. Đại thần thưa: Tại sao quý thầy không dùng một cách thoải mái mà chứng ít như vậy, hay là thức ăn không hợp khẩu vị? Các Tỳ-kheo trả lời: Chẳng phải thức ăn không hợp khẩu vị, mà cũng không phải ăn ít. Sáng nay đã ăn no rồi, nên không thể ăn được. Vị Đại thần ấy liền tức giận nói: Tại sao đã nhận lời mời nơi tôi lại đến chỗ khác ăn cho no. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nếu đã nhận sự mời thỉnh của người nào thì buổi sáng chỉ cho phép dùng cháo lỏng (cháo lỏng là cháo lấy cộng cỏ vẽ ngang không còn nguyên nét). Nếu nhận được cháo đặc và thức ăn thì nên nói với người chủ: Tôi đã thọ thỉnh rồi, nên mời vị khác.

Bấy giờ, Đức Phật cùng Đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị đầy đủ du hành từ Vương-xá đến Tỳ-xá-ly, khoảng giữa hai nước có thành Vương-xá. Trưởng giả tên là Tượng-hành, hướng dẫn năm trăm cỗ xe từ Tỳ-xá-ly đi đến, từ xa thấy Đức Thế Tôn, dung mạo đặc biệt, giống như núi vàng, phát tâm hoan hỷ, tiến đến trước Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con có một ít đường cục muốn dâng cúng Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng. Trưởng giả liền dâng cúng, các Tỳ-kheo không dám thọ, bạch Phật, Phật khen ngợi sự thiểu dục, tri túc, bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay cho phép các Tỳ-kheo dùng để ăn khi đói, khi khát, hòa với nước mà uống. Trưởng giả kia dùng một bình thạch mật đem dâng cúng khắp cả Phật và đại chúng, nhưng vẫn không hết, bạch Phật: Con dùng một bình thạch mật dâng cúng khắp trong đại chúng, mà vẫn còn dư, nên cho ai? Đức Phật dạy: Ông có thể đem bỏ chỗ đất không có cỏ tươi, hoặc trong nước không có trùng. Ông Trưởng giả liền vâng lời dạy đem đổ trong nước không có trùng, nước liền sôi lên tạo thành tiếng động, như sắt nóng bỏ vào nước. Trưởng giả hoảng hồn, trở lại bạch Phật. Đức Phật vì ông nói các pháp diệu, chỉ vẽ những điều lợi ích, hoan hỷ như: Việc bố thí, việc trì giới, việc sinh thiên và nói dục là tai họa, tại gia là bận buộc, xuất gia là không đắm nhiễm, kế đến nói thường pháp của chư Phật là khổ, tập, tận, đạo. Từ nơi chỗ ngồi, ông Trưởng giả liền xa trần, lìa cấu, đối với các pháp đạt mắt pháp trong sạch. Đức Phật lại tiếp tục hành trình, gặp một người thợ nổi tiếng, có một người con gái rành nghề nấu canh, mời Phật và Tăng thuần dùng thứ canh này sau khi ăn. Các Tỳ-kheo không dám nhận, nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi dùng thứ canh này, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng làm thức ăn sau theo ý muốn.

Đức Phật tuần tự du hóa đến Tỳ-xá-ly, trú tại giảng đường Trùng các bên bờ sông Di hầu. Có một tướng quân tên là Sư Tử, đệ tử của Ni-kiền,

nghe Đức Thế Tôn du hóa đến nơi thành này, có danh xưng lớn khen ngợi Ngài, là hiệu Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Ông ta hoan hỷ nói: Lành thay và nguyện được yết kiến cùng thỉnh mời một vị Phật như vậy. Tướng quân liền sửa soạn xa giá để xuất hành. Từ xa, thấy được Đức Thế Tôn, nhan mạo đặc biệt, giống như núi vàng, liền đến trước mặt, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì ông nói các phép mầu… cho đến nói khổ, tập, tận, đạo. Từ chỗ ngồi, ông được mắt pháp trong sạch, liền đứng dậy, chấp tay, quỳ gối bạch: Nguyện Phật và Tăng sáng mai hạ cố đến nhà con thọ bữa cơm đạm bạc. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng. Tướng quân biết Đức Phật nhận lời rồi, bèn trở về nhà, sai người ra chợ mua, với lời dặn: Tất cả số thịt đã làm rồi, đắt mấy cũng mua hết. Vâng , bao nhiêu thịt ở chợ đều mua sạch. Suốt đêm làm các thức ăn ngon bổ, sáng sớm, trải tòa, tướng quân đích thân đến bạch Phật: Thức ăn đã sửa soạn xong, xin Ngài tri thời. Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng, kẻ trước người sau vây quanh đến gia chủ, an tọa nơi tòa. Tướng quân tự tay sớt thức ăn một cách hoan hỷ, chăm chú. Khi ấy, các Ni-kiền nghe tướng quân Sư Tử thỉnh Phật và Tăng, cúng dường rất thịnh soạn, sinh lòng ganh ghét, liền đến nơi ngả tư đường hẻm đem hết sức mình công bố: Tướng quân Sư Tử phản thầy không còn tình nghĩa gì cả, nay trở lại phụng sự Sa-môn

Cù-đàm, tự tay giết trâu, dê để cúng dường. Các Tỳ-kheo nghe, không dám ăn. Tướng quân Sư Tử quỳ gối bạch Phật: Các Ni-kiền này lúc nào cũng hủy báng Phật. Nay con cho đến trọn đời không bao giờ cố ý sát hại, cúi xin Tỳ-kheo chớ sinh hiềm nghi, cứ thọ thực đầy đủ. Đức Phật liền bảo các Tỳ-kheo: Tùy ý ăn cho no đủ. Thọ trai và uống nước xong, tướng quân lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi phía trước, Đức Phật vì ông nói kệ tùy hỷ như trước, rồi từ tòa ra về. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Có ba loại thịt không ăn được: hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi. Thấy là tự mình thấy, họ vì mình mà giết. Nghe là nghe từ người đáng tin cậy nói, họ vì mình mà giết. Nghi là nghi họ vì mình mà giết. Nếu không thấy, không nghe, không nghi tức là tịnh nhục cho phép tùy ý thọ thực. Nếu vì Tỳ-kheo giết, Tỳ-kheo, Sa-di không nên ăn, nhưng cho phép Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ăn. Nếu vì Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di giết cũng như vậy.

Khi ấy, dân chúng các nước Ma-kiệt, Ương-già, Ca-di, Câu Tát La, Bạt-kỳ, Mãn-la, Tô-ma nghe Đức Phật ra đời, có đại oai đức, đệ tử cũng vậy, đều tụ hợp tại thành Tỳ-xá-ly. Trong thành nhà nhà, người người đều dùng xe ngựa bảy báu để nghinh đón khách, đầy nghẹt cả thành phố. Ngoài ra còn có một vạn hai ngàn chiếc xe, trong thành

không thể chứa hết, phải để ngoài thành. Mọi người tranh nhau mang thức ăn thời thực, phi thời thực, thất nhật thực, chung thân thực đến dâng cúng Phật và Tăng, tập trung chất thành đống lớn ngoài sân, dọc ngang bừa bãi, đất bụi nhơ nhớp, chim chóc tập trung lại để ăn. Đức Thế Tôn tuần tra các phòng thấy, xoay lại hỏi Tôn giả A-nan: Tại sao có những thức ăn bỏ trong sân? Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ sự việc: Vì không có chỗ để nên mới đưa đến tình trạng như vậy. Đức Phật khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép dùng một nơi trong phòng, bạch nhị Yết-ma làm tịnh xứ để để thức ăn. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay dùng cái phòng… làm chỗ tịnh để thức ăn cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay dùng cái phòng… làm chỗ tịnh để để thức ăn cho Tăng. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã chấp thuận dùng căn phòng… làm chỗ tịnh để để thức ăn cho Tăng rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Sau khi Tăng dùng hết, các Tỳ-kheo sử dụng phòng ấy nấu canh, nấu cháo, sắc thuốc, trước bữa

ăn, sau bữa ăn, đầu đêm, giữa đêm, sau đêm, có cả tiếng chó sủa, nam nữ, dao, ghế. Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan: Tại sao trong phòng lại có các tiếng như thế? Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ. Bằng mọi cách Đức Phật quở trách: Tại sao trong phòng Tăng, chỗ tịnh để thức ăn lại sắc thuốc, từ nay vị nào phạm thì phạm Đột-kiết-la.

Đức Phật nơi thành Vương-xá. Các Tỳ-kheo mắc chứng bệnh mùa Thu, cần hòa hợp thuốc thang tùy theo chứng bệnh nên thời hay phi thời đều vào trong xóm làng, gặp phải nước, lửa, giặc cướp, xảy ra nạn y bát, nạn phạm hạnh, nạn thân mạng. Có một người thợ dệt, giữa lộ trình cất nhà để dệt, thấy các Tỳ-kheo vào xóm làng đúng thời và phi thời, bèn nói: Nếu có cần làm thì có thể làm nơi đây, muốn có chỗ lưu lại thì có thể lưu lại nơi đây. Các Tỳ-kheo không dám, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm tịnh thất nơi nhà bạch y. Các vị làm ồn ào, gây phiền cho người chủ, trở ngại việc dệt của người thợ kia. Người thợ dệt nghĩ: Ta vốn vì vấn đề dệt nên làm cái nhà này, nay đã không dệt được, lại thành chỗ cúng cho Tăng làm tịnh thất, nên liền cúng cho Tăng. Các Tỳ-kheo coi đó là nhà của Tăng, không dám làm thức ăn hay đun thuốc, hòa thuốc ở đấy, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm thức ăn ở trong tịnh thất của Tăng. Có các Tỳ-kheo mới làm trú xứ, chưa có tịnh thất của Tăng, không biết nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy:

Nếu làm trú xứ mới, trước hết nên chỉ chỗ nào đó, làm tịnh địa, thì có thể để thức ăn nơi ấy. Nếu chưa Yết-ma, Tỳ-kheo không được vào trong đó, cho đến khi tướng mặt trời xuất hiện.

Có một trú xứ các Tỳ-kheo bỏ đi lâu rồi, Tỳ-kheo đến sau, không biết nơi nào là tịnh thất, bạch Phật. Phật dạy: Nếu bỏ không mười hai năm, cho phép các Tỳ-kheo tùy ý làm tịnh thất lại.

Có một trú xứ không có tịnh thất của Tăng, lại chưa đủ mười hai năm, Tỳ-kheo đến sau không biết làm tịnh địa chỗ nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu chỗ nào không ai đi đến và chỗ không cần dùng việc gì thì nên tạm dùng làm tịnh xứ. Có các Tỳ-kheo làm thức ăn trong tịnh thất bị người lấy trộm, bạch Phật. Phật dạy: Nên tác Yết-ma lấy phòng giữa làm tịnh xứ.

Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma bên trong tường ngăn một phòng làm tịnh địa, bạch Phật, Phật cho phép. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma một phòng ngang bằng với cái thất, lưu lại một chỗ làm tịnh địa, bạch Phật, Phật cho phép. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma trong sân làm tịnh địa, bạch Phật, Phật cho phép. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma một góc phòng hoặc nửa phòng làm tịnh địa, bạch Phật, Phật cho phép. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma nơi cái giá, cái ghế làm tịnh xứ để thức ăn, bạch Phật, Phật không cho phép. Chủ yếu là phải nương nơi đấy, vi phạm, phạm Đột-

kiết-la. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma tầng trên của thất làm tịnh xứ, bạch Phật, Phật không cho phép, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma từ tầng gác của thất trở xuống kiết làm tịnh xứ, bạch Phật, Phật cho phép. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma trên chiếc xe làm tịnh xứ, bạch Phật, Phật không cho phép, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo muốn tác Yết-ma trong Tăng phường làm chung tịnh địa, bạch Phật, Phật cho phép. Nên bạch nhị Yết-ma, một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Một trú xứ này, cùng ở, cùng Bố-tát, cùng nhận phẩm vật cúng dường. Nay Tăng kiết làm tịnh địa, trừ chỗ (nào đó) nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Một trú xứ này… cho đến, trừ chỗ (nào đó). Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã kiết làm tịnh địa rồi, Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, nơi thành Bạt-đề có Trưởng giả tên là Văn Trà, có phước đức lớn, tất cả vợ con, con dâu và đầy tớ đều có phước đức. Khi Trưởng giả vào nơi kho (bồ), trong không trung mưa lúa rơi xuống, Trưởng giả ra mới hết rơi. Người vợ lấy bồn cơm để phân bố trong ngoài, lấy bao nhiêu đầy bấy nhiêu không có

cùng tận. Người con cầm đãy vàng trút ra thì tiền vàng chảy ra không ngớt. Vợ của con lấy một hộc gạo để bên nội, bên ngoại ăn một tháng mà cũng không hết. Người trai cày khi cày đất thì liền thành bảy khoảnh. Đứa tớ gái xay bảy lượng hương xoa để thoa bên nội, bên ngoại của gia đình cũng không giảm hết. Người bốn phương nghe, không ai là không tò mò tới xem. Vua Bình-sa nghe cũng muốn đến xem. Không thông báo, đột xuất cùng quyến thuộc đến nhà Trưởng giả ấy! Ông Trưởng giả nghe Vua tới, vội nghinh đón, thấy Vua liền vấn an: Lành thay Đại vương! May mắn thay được Đại vương hạ cố! Nhà Vua hỏi: Ngươi có nghe tin trước ta đến không? Đáp: Tâu Đại vương, không nghe. Nhà Vua nói: Binh mã của ta đông như thế này nhà ngươi khó có thể phục vụ hết được. Ông Trưởng giả tâu: Con có thể phục vụ được, chính con sẽ phục vụ nhà Vua và các Đại thần, con của con sẽ phục vụ thái tử, vợ của con phục vụ hậu cung, nô tỳ của con phục vụ cho tất cả binh sĩ, lúa và cỏ cũng đủ để cho voi, ngựa ăn, xin Đại vương cứ giáng lâm. Nhà Vua vào nhà ngồi rồi, nói: Ta nghe ông Trưởng giả cùng tất cả vợ con và vợ của con cũng như tôi tớ đều có phước đức, nay ta muốn thấy những đều đó. Ông Trưởng giả tâu: Con không dám che giấu. Trưởng giả ra lệnh, trừ trong kho gạo, rưới nước quét xung quanh rồi trải tòa mời Vua vào nhà ngự tọa. Sau đó Trưởng giả vào

kho, tự nhiên năm loại thóc từ không trung rơi xuống. Nhà Vua lấy làm lạ khen. Nhà Vua lại muốn thấy sức mạnh phước đức của vợ ông Trưởng giả. Ông Trưởng giả liền lấy một cái đồ đựng cơm để trước người vợ, người vợ liền lấy để phân bố tất cả binh lính, đều được no đủ, cũng không giảm hết. Nhà Vua lại muốn thấy sức mạnh về phước đức của con ông Trưởng giả. Ông Trưởng giả liền bảo con cầm cái đãy bằng vàng trút vàng ra để dâng cho Vua và đại chúng, mọi người đều tùy ý lấy cũng vẫn không hết. Nhà Vua lại muốn thấy phước đức của người dâu. Ông Trưởng giả liền ra lệnh lấy một hộc gạo để cung cấp cho nhà Vua và đại chúng một tháng mà không hết. Nhà Vua lại muốn thấy phước đức của đứa ở. Ông Trưởng giả ra lệnh, cày liền thành bảy khoảnh. Nhà Vua lại muốn thấy phước đức của đứa tớ gái. Ông Trưởng giả liền ra lệnh xay nửa lượng hương xoa để thoa cho số người trong nửa do-tuần, cũng vẫn không hết. Nhà Vua cùng đại chúng thấy phước đức như vậy đều khen ngợi hết lời, rồi trở về cung.

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng Đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị đầy đủ, du hành nơi nhân gian, đến thành Bạt-đề. Trưởng giả Văn Trà nghe Đức Phật Thế Tôn nay đến nơi đây, ở nơi cội cây Võng lâm, muốn đến cung nghinh lễ bái, thăm hỏi. Các ngoại đạo nghe liền đến nói: Ông không nên tới cung nghinh Sa-môn Cù-đàm, Sa-

môn Cù-đàm nên đến yết kiến ông. Tại sao vậy? Ông phước đức hơn người, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Quốc vương, Trưởng giả có ai lại không đến cửa ngõ nhà ông. Trưởng giả nghe như vậy rồi, bèn thay đổi ý kiến, sau đó lại nghĩ: Sa-môn Cù-đàm đến đây đã lâu, không yết kiến ta, đạo của Ngài chắc hơn ta, đâu có lý do gì mà ta ngồi yên, không đến kính lễ người? Trưởng giả liền sửa soạn xe cộ để đến. Từ xa trông thấy dung mạo của Đức Thế Tôn thù đặc, giống như núi vàng, liền đến trước Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Phật vì ông nói các pháp nhiệm mầu… cho đến khổ, tập, tận, đạo. Từ chỗ ngồi, ông liền đắc mắt pháp trong sạch, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật: Con xin thỉnh Phật và Tăng thọ trai vào ngày mai. Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Trưởng giả về nhà sửa soạn nhiều thức ăn ngon bổ, sáng ngày, khi làm thức ăn xong, đích thân đến bạch Phật: Cúi xin Ngài tri thời. Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng kẻ trước người sau vây quanh đến nhà thí chủ, an tọa nơi tòa. Ông Trưởng giả tự tay sớt thức ăn, ăn xong dâng nước, rồi cùng với kẻ lớn người nhỏ trong gia đình đến ngồi trước Phật, Phật vì họ nói các pháp diệu… cho đến câu khổ, tập, tận, đạo. Họ đều đạt mắt pháp trong sạch, thọ ba quy y, năm giới.

Ông Trưởng giả bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Vợ và con của con, con dâu, cũng như tôi tớ, đều

có phước đức, vậy phước đức này đến là do sức phước của ai? Xin Đức Phật dạy cho.

Đức Phật dạy: Các ngươi cùng có phước đức này. Ông Trưởng giả lại hỏi: Tại sao lại cùng có?

Đức Phật dạy: Xưa kia tại thành Vương-xá có một người thợ dệt, có vợ, vợ có một người con trai, đứa con trai lại cũng có vợ, gia đình có một đứa ở và một đứa tớ gái. Trong một bữa cơm cùng ăn, có một vị Phật-bích-chi đến khất thực. Người thợ dệt nói: Các ngươi cứ ăn, lấy phần ăn của ta cúng cho sư. Người vợ nói: Lấy phần của tôi để cho. Người con cho đến đứa tớ gái cũng đều nói như vậy. Đức Phật Bích Chi nói: Quý vị đều nhịn phần của mình để cho tôi, tâm thiện đầy đủ, vậy mỗi người có thể sớt một ít cho tôi, khiến quý vị không thiếu mà tôi cũng được no. Mỗi người đều lấy một muỗng thức ăn của mình để vào bát của Phật-bích-chi, đầy bát, Phật-bích-chi nhận được thức ăn, ăn rồi, ở trong hư không hiện các thứ thần biến, sau đó Đức Phật ra đi. Gia đình ấy sau khi mạng chung sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, đời sống hết, sinh nơi trời Đao Lợi lần lượt sinh đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, bảy phen như vậy, dư phước mới sinh lại cõi này, quyến thuộc của người thợ dệt bấy giờ, nay là các ngươi.

Lúc ấy, ông Trưởng giả, trước mặt Đức Phật, thỉnh Tăng: Nay con xin được thỉnh tất cả Tăng để cúng theo nhu cầu vô hạn, nếu cần dùng thứ gì, tùy

thời, nhiều hay ít cứ đến nơi nhà con nhận. Các Tỳ-kheo không dám thọ, nghĩ là Đức Phật chưa cho phép chúng ta nhận vật cúng dường không có mức lượng, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tùy ý nhận.

Có các Tỳ-kheo muốn đi xa đến xin lương thực đi đường, Trưởng

giả liền sai người đem biếu vàng, bạc, tiền, phẩm vật tiễn đưa. Chuyến đi đã hoàn tất mà lương thực còn dư nhiều, sai người đem trả lại, nói: Lương thực đi đường nay còn dư nhiều xin hoàn trả lại. Ông Trưởng giả nói: Con đã cúng dường, không nên trả lại, thầy cứ đem về Tăng phường để cúng cho Tăng. Sứ giả đem cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tịnh nhân của Tăng vì Tăng nhận, đổi lấy vật Tăng cần dùng, các Tỳ-kheo không nên biết đến việc này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ Võng lâm du hành trong nhân gian, Trưởng giả Văn-trà chở đầy thức ăn theo sau, dự tính đến chỗ hoang vắng, chỗ không người, sẽ dâng cúng một ngàn hai trăm năm mươi thớt voi, một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái, một ngàn hai trăm năm mươi con bò đực, người áp tải năm trăm cỗ xe, với các thức ăn ngon bổ. Khi đến nơi hoang vắng, thuần khiết, dừng lại để nghỉ, suốt đêm sửa soạn thức ăn, sáng sớm, dưới mỗi bóng mát của một thớt voi, trải tòa cho một Tỳ-kheo ngồi. Bóng mát của con voi chúa lớn nhất,

trải tòa thỉnh Đức Thế Tôn ngồi. Đến giờ mời Phật và Tăng thọ trai, các Tỳ-kheo không dám ngồi, nghĩ: Đức Phật chưa cho phép chúng ta ngồi dưới bóng mát của chúng sinh, bạch Phật, Phật cho phép ngồi. Đại chúng ổn định chỗ ngồi xong, trước hết ông Trưởng giả cho người vắt sữa một con bò, cúng cho một Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không dám thọ, nghĩ: Đức Phật chưa cho phép chúng ta uống sữa còn nóng của bò, bạch Phật, Phật cho phép uống. Uống rồi, ông Trưởng giả tự tay dâng thức ăn, ăn rồi dâng nước rửa, dâng nước rửa xong, ngồi trước Đức Phật, Phật vì Trưởng giả nói kệ tùy hỷ, như đã nói cho Tỳ-lan-nhã, lại vì ông nói các pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích, vui vẻ. Sau đó, Trưởng giả trở về lại nhà.

Đức Phật cùng đại chúng từ tòa đứng dậy, tuần tự về phía Bắc, hướng đến trú xứ của ngoại đạo bện tóc Kế-na, Kế-na nghe Đức Phật từ dòng họ Thích xuất gia thành bậc Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, chiều này sẽ đến, tác ý niệm như vầy: Đời quá khứ các vị Tiên tu phạm hạnh, sau giữa ngày không ăn, mà uống các thứ nước phi thời, như nước trái Am-bà, nước trái Diêm-bà, nước trái Châu-đà, nước trái Ba-lâu, nước trái Bồ-đào, nước trái Câu-la, nước Cam-giá, nước mật, Sa-môn Cù-đàm cũng nên dùng thứ này, ta phải chuẩn bị thết đãi. Sửa soạn xong, cùng năm trăm đệ tử ra nghinh đón Đức Thế Tôn. Từ xa trông thấy dung mạo của Đức Thế

Tôn thù đặc giống như núi vàng, càng sinh hoan hỷ đến trước Đức Phật đứng yên, kính cẩn chào: Lành thay, Đức Cù-đàm đến đây! Mời Ngài hạ cố vào nhà tôi ngồi. Đức Phật cùng các Tỳ-kheo vào nhà theo thứ tự an tọa. Phạm chí đem nước phi thời dâng cúng, các Tỳ-kheo không dám thọ, nghĩ: Đức Phật chưa cho phép chúng ta uống nước phi thời, bạch Phật, Phật cho phép uống. Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: Do nhân duyên gì mà được uống? Phật dạy: Khát nên được uống. Phạm chí lại khởi ý nghĩ: Nay ta nên vì các Sa-môn Cù-đàm chuẩn bị thức ăn của người Tiên để cúng dường vào ngày mai, như cơm gạo không có nhựa, gạo tẻ, gạo có chất đắng, gạo Tú, gạo Câu lưu. Sáng ngày sửa soạn xong, thỉnh Phật và đại chúng đến phó trai, tất cả an tọa nơi tòa, Phạm chí tự tay sớt thức ăn. Các Tỳ-kheo không dám thọ thực, nghĩ: Đức Phật chưa cho phép ăn thức ăn của tiên nhân. Bạch Phật, Phật cho phép dùng. Ăn xong rửa tay rồi, Phạm chí lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật. Đức Phật nói kệ tùy hỷ, như đã nói ở Tỳ-lan-nhã. Phật lại vì Phạm chí nói các pháp nhiệm mầu, chỉ vẽ sự lợi ích, vui vẻ rồi, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về thôn xóm A-mâu. Khi ấy, nơi xóm này có cha con người thợ hớt tóc xuất gia, nghe Đức Thế Tôn sắp đến, liền bàn tính: Nơi đây các Cư sĩ không kính Tam bảo, nếu Đức Phật tới đây, chắc không ai cúng cháo, cha con mình nên cùng nhau đi hớt tóc để lấy

tiền làm việc đó. Bàn tính xong liền thực hiện và có đủ tài vật để bày biện cúng cháo. Sáng sớm thỉnh Phật và Tăng… sau khi Tăng ăn rồi, Đức Phật hỏi hai Tỳ-kheo: Tại sao hai vị có phương tiện để cúng cháo này? Hai Tỳ-kheo (cha con người thợ hớt tóc) đem sự thật bạch Phật. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Hai ông làm việc phi pháp, tại sao làm việc cúp tóc thuê cho bạch y. Từ nay, nếu thợ hớt tóc xuất gia, không cho phép chứa cất dụng cụ hớt tóc, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Trên lộ trình đến ấp Ba tuần, các lực sĩ nơi ấp này nghe Đức Phật sắp tới, liền cùng nhau nghị bàn: Nếu ai không ra nghinh đón Đức Phật sẽ bị phạt năm trăm kim tiền, nên tất cả lớn nhỏ đều ra nghinh đón Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì họ nói các pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích, họ vui mừng rồi, liền thỉnh Phật và Tăng hạ An cư bốn tháng. Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Các lực sĩ biết Đức Phật nhận lời rồi, hoặc một người sắm sửa thức ăn một ngày, hay hai ngày, cho đến mười ngày, hoặc hai người cùng sắm sửa thức ăn một ngày, cho đến mười người cùng sắm sửa thức ăn một ngày, hoặc chỉ cúng dường bữa ăn trước, hoặc chỉ nấu cháo, hoặc chỉ làm Đát bát na. Lúc này, có một người tự là Lô-di, là bạn thân của Tôn giả A-nan, khi còn bạch y, hỏi các Tỳ-kheo: Tôn giả A-nan nay làm gì ở đâu? Được trả lời: Tôn giả A-nan kính Phật,

Pháp, Tăng, nay đứng phía sau Đức Phật. Lô-di liền đến chỗ Tôn giả A-nan, kính lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên. Tôn giả A-nan nói: Thấy bạn nghinh đón Đức Phật tôi rất vui mừng! Lô-di trả lời: Tôi đến không phải vì kính Đức Phật, chỉ vì sự quy định của thân tộc, nếu không đón Đức Phật sẽ bị phạt năm trăm kim tiền, cho nên tôi đến. Tôn giả A-nan nghe rồi, xem đó là điều đáng buồn: Tại sao bạn thân của ta mà không kính Đức Phật, Pháp và chúng Tăng! Tôn giả liền đến bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Con mong muốn bạn con kính tin Phật pháp. Đức Phật nói với Tôn giả: Bạn ông tin Phật, không phải là điều khó ông chớ buồn lo. Đức Phật liền dùng lòng từ rải khắp nơi thân của Lô-di rồi vào phòng đóng cửa an tọa. Sau đó, Lô-di suy nghĩ: Đức Thế Tôn như trâu mẹ quyến luyến trâu con. Lô-di thấy số đông Tỳ-kheo đi kinh hành nơi đất trống, hỏi: Đức Phật ở đâu? Các Tỳ-kheo chỉ nơi phòng và nói: Ngài ở nơi phòng lớn, cửa đóng ấy, ông có thể đi nhẹ nhẹ đến đó tằng hắng hay gõ cửa, Đức Thế Tôn giũ lòng thương đối với ông sẽ mở. Lô-di làm theo lời hướng dẫn, cửa phòng được mở. Sau khi vào phòng, Lô-di tay ôm chân Đức Phật, tự xưng tên họ, cúi đầu kính lễ. Đức Phật vì Lô-di nói các pháp nhiệm mầu, chỉ vẽ điều lợi ích để được vui mừng, như nói việc bố thí, cho đến nói khổ, tập, tận, đạo. Lô-di liền xa trần lìa cấu, đạt mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả rồi thọ ba quy

y, năm giới, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con xin được thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng luôn luôn nhận thức ăn từ nơi con, đừng nhận nơi khác. Đức Phật dạy: Các học nhân đều có lời nguyện này, ta đã nhận các người này mời bốn tháng hạ, không thể thất hứa. Lô-di khởi ý niệm: Có thức ăn nào chưa có người cúng, ta sẽ cúng để khỏi mất phước điền này? Khư-đà-ni (món ăn phụ) là món duy nhất chưa thấy ai cúng dường. Món ăn này liền được sắm sửa và Lô-di vội đem đến cúng dường. Các Tỳ-kheo không dám nhận và nghĩ: Đức Phật chưa cho phép chúng ta ăn Khư-đà-ni, (món ăn phụ), bạch Phật. Phật dạy: Cho phép được dùng.

Bấy giờ, mẹ của Tỳ-xá-khư dâng cúng trai phạn cho Tăng có hạn lượng, lại định rõ thời gian và địa điểm đến nhận. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho nhận. Có các Cư sĩ thỉnh các Tỳ-kheo cúng dường theo ý của mình. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên nhận theo ý của người cúng. Người cúng không nên dùng vàng, bạc, vật báu, nữ sắc cúng cho Tăng. Nếu Tỳ-kheo nào thọ vật cúng dường như vậy phạm Đột-kiết-la. Vị nào thọ, như pháp trị. Có các bạch y theo thứ tự thỉnh Tăng, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên theo thứ tự sai thọ. Các Tỳ-kheo không biết sai ai, bạch Phật. Phật dạy: Nên bạch nhị Yết-ma, sai một Tỳ-kheo làm người sai thọ thỉnh. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-

kheo… làm người sai thọ thỉnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo… làm người sai thọ thỉnh, các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo… làm người sai thọ thỉnh rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Các Tỳ-kheo lại sai Tỳ-kheo vô trí không biết thứ tự, bạch Phật. Phật dạy: Không nên sai Tỳ-kheo vô trí. Người có năm pháp không nên sai: làm theo ý muốn, làm theo sự giận hờn, làm theo sự si mê, làm theo sự sợ sệt, không biết sai hay chưa sai. Có các bạch y hay thường làm thức ăn tặng cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào, bạch Phật, Phật cho phép thọ. Có các bạch y vì Tăng làm các phòng xá nhà sưởi ấm (nhà ấm), phòng tắm rồi, làm thức ăn dâng cúng nơi phòng mới đó, khiến các Tỳ-kheo đến nhận, các vị không biết ai nên đến nhận, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo nào ở nơi phòng đó thì nên đến nhận.

Đức Phật ở Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, đói kém, khất thực khó được, các Tỳ-kheo Phạm chí khởi ý nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta trồng cây ăn trái thì có thể tránh khỏi nạn

đói, bạch Phật, Phật cho phép trồng. Khi cây có trái, vì các Tỳ-kheo tự tay trồng nên nghi không dám ăn, bạch Phật, Phật cho phép: Tùy ý ăn. Có các Tỳ-kheo trèo lên cây lấy tay bóp thử xem trái đã chín chưa, bạch Phật. Phật dạy: Không nên leo lên cây đụng chạm đến trái. Có các Tỳ-kheo thấy trái rụng nơi phi tịnh địa, bảo người lượm dồn lại một đống để cách đêm, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không biết nơi đất đó là tịnh hay phi tịnh thì cho phép ăn. Nếu biết chỗ đất đó chẳng phải tịnh thì không nên ăn.

Khi ấy, Lục quần Tỳ-kheo lấy trái tốt ăn trước, các Tỳ-kheo thiện khác không được ăn, bạch Phật. Phật dạy: Nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo làm người chia trái. Nếu trái nhiều thì tùy ý ăn. Lục quần Tỳ-kheo lấy trái của Tăng đem tặng bạch y, bạch y lại đến các Tỳ-kheo khác xin, bạch Phật. Phật dạy: Không nên lấy trái của Tăng tặng cho bạch y, nếu vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các bạch y đến trong Tăng phường thấy trái cây, xin các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không dám cho, họ trách cứ, bạch Phật. Phật dạy: Nên cho.

Đức Phật ở Tỳ-xá-ly. Khi ấy, gặp lúc đói kém, khất thực khó được, nên Tỳ-kheo phạm chí khởi ý niệm: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta trồng rau thì có thể đủ ăn, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép trồng (như trường hợp trồng cây ăn trái đã nói). bạch y trồng rau trên đất của Tăng, nếu Tăng cần

thì được xin Ba lần. Các Tỳ-kheo bảo tịnh nhân rửa rau chỗ chẳng phải tịnh, rửa chưa xong, tướng ánh sáng xuất hiện, sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Không phạm. Không có tịnh nhân, các Tỳ-kheo không biết bảo ai dâng thức ăn cho Tăng, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo nên thọ rồi tự tiện dùng. Có các đồ bằng gỗ hành thực bị nhơ nhớp không sạch, vì chất béo, dùng gạch đá chùi rửa, đồ hành thực bị bể, bạch Phật. Phật dạy: Không nên dùng gạch, đá chùi rửa, nên dùng tro và nước nóng để chùi rửa. Có bình đựng tô, dầu, mật cần đậy lại mà không có Tịnh nhân, bạch Phật. Phật dạy: Nên dùng vật mới để đậy, đừng cho đụng tay vào. Có bình bị nghiêng đổ bất ngờ, không có Tịnh nhân để đỡ lên, bạch Phật. Phật dạy: Nên tự mình dựng lên nhưng đừng để cho vật kia rời đất. Có một Tỳ-kheo hiềm giận vị khác, đem bình đựng tô của vị ấy để chỗ phi tịnh địa, cách đêm, muốn cho vị kia không ăn trở lại được, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo đem để đó thì tô ấy bị bất tịnh, Tỳ-kheo chủ của bình tô được ăn, vị đem đến chỗ bất tịnh, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo dùng thuyền xe chở thức ăn, không có tịnh nhân lái, bạch Phật. Phật dạy: Nếu không có tịnh nhân thì cho phép Tỳ-kheo được lái.

Bấy giờ, chúng Tăng muốn dùng xe chở gạo, có một Bà-la-môn dùng một nắm gạo bất tịnh của Tăng ném vào trong xe, bạch Phật. Phật dạy: Nếu có thể để riêng càng hay, bằng không thì để ra một

nắm. Có con cáo đồng lấy trộm bình tô của Tỳ-kheo, đem để chỗ bất tịnh, cách đêm, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép ăn, không phạm. Có thân cây ăn trái mọc nơi bất tịnh địa, nhánh phủ qua nơi tịnh địa, Tỳ-kheo cũng ở nơi bất tịnh địa, đem thức ăn treo trên nhánh cây, cách đêm, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nhánh cây của thân cây từ bất tịnh địa, không được ăn. Có thân cây ăn trái mọc nơi đất tịnh, nhánh cây phủ qua đất bất tịnh, Tỳ-kheo cũng ở nơi đất tịnh, đem thức ăn treo trên nhánh cây, cách đêm, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép ăn, không phạm. Có cây ăn trái mọc chỗ tịnh, bất tịnh, nhánh cây phủ qua chỗ tịnh, bất tịnh, Tỳ-kheo cũng tùy theo ở chỗ tịnh, bất tịnh, trái cây rụng nơi tịnh, bất tịnh, cách đêm, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Không do Tỳ-kheo làm ra đều được ăn, không phạm. Có Tỳ-kheo lấy đất nơi tịnh địa, cất thất nơi bất tịnh địa, Tỳ-kheo đem thức ăn để trong đó, gọi là tịnh, bạch Phật. Phật dạy: Căn cứ nơi đất là tịnh, nếu bất tịnh thì không được ăn. Có Tỳ-kheo lấy đất nơi bất tịnh, cất thất nơi tịnh địa, không dám đem thức ăn để trong đó, bạch Phật. Phật dạy: Để thức ăn, không phạm. Có con hươu, con nai… chết trôi, không có tịnh nhân lấy, Tỳ-kheo tự lội xuống nước vớt lấy, không biết nên thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Đến nơi bờ, khiến tịnh nhân cắt bỏ chỗ mà tay Tỳ-kheo

cầm, ngoài chỗ đó ra ăn không phạm. Có trú xứ, Tỳ-kheo có nhiều xoài, ăn còn dư cho Tịnh nhân, sáng hôm sau Tịnh nhân đem nấu canh, dâng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không dám ăn, bạch Phật. Phật dạy: Không có ý ăn trở lại, đều cho phép ăn, không phạm. Có các Tỳ-kheo, khi ăn không chia cho người không nhận được thức ăn, có bạch y chê trách nói: Sa-môn Thích tử giống như mèo, chồn ăn không chia cho nhau, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Nên chia cho nhau, cho đến không chia cho một người, phạm Đột-kiết-la. Có một Bà-la-môn đem lương khô gởi cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đem để ở chỗ bất tịnh, cách đêm, sáng ngày đến lấy phân chia cúng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghĩ, mình đã đem về để chỗ phi tịnh địa nên không nhận để ăn, bạch Phật. Phật dạy: Vốn là lương khô của bạch y, cho phép nhận để ăn, không phạm. Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Tuy là điều chính ta chế cấm, mà nơi khác không cho đó là thanh tịnh, đều không nên dùng, tuy chẳng phải là điều chính ta chế cấm, mà nơi khác thấy cần nên làm, đều không được không làm.

Đoạn 9: NÓI VỀ PHÁP Y CA HI NA

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-

kheo, trong ba y, nếu cần cái nào thì đến trong Tăng lấy. Bấy giờ, y của Tôn giả A-na-luật bị hư rách, các Tỳ-kheo nói: Đại đức có thể đến trong Tăng để lấy vải may. Tôn giả trả lời: Đức Thế Tôn không cho phép chứa y (vải) dư, tôi không thể may một ngày xong, sợ phạm tội chứa y (vải) dư. Lại có Tỳ-kheo có nhiều người quen biết ở ấp Ba-lợi, đến thành Xá-vệ hậu an cư, nhưng chỉ còn một đêm không thể đi kịp, nên phải an cư nơi Ta-kiệt-đà. An cư xong, ngày mười sáu, mang chiếc y nặng vì bị mưa ướt đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Thường pháp của Đức Thế Tôn là an ủi hỏi Tỳ-kheo khách: Các thầy An cư có hòa hợp không? Khất thực có dễ không? Trên đường đi có nhọc mệt không? Các vị thưa: An cư hòa hợp, khất thực không thiếu, trên đường đi gặp mưa, y bị ướt, mang đi vất vả. Các Tỳ-kheo cũng đem vấn đề của Tôn giả A-na-luật bạch với Phật luôn. Do hai việc trên, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bằng mọi cách khen ngợi hạnh thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na, thọ y Ca-hi-na được khỏi phạm năm việc: ăn riêng chúng, ăn nhiều lần, vào xóm làng khỏi báo với các Tỳ-kheo khác, chứa y dư, lìa y ngủ. Nếu đàn-việt đem y vật Ca-hi-na đến cúng cho Tăng, trong các Tỳ-kheo, người nào thiếu y nên bạch nhị Yết-ma, cho họ. Một Tỳ-kheo tuyên

cáo:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng được nhận y vậy Ca-hi-na này, nay đem cho Tỳ-kheo… nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng được nhận y vậy Ca-hi-na này, nay đem cho Tỳ-kheo… các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo… y vật Ca-hi-na này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo kia nhận được y rồi, nội nhật phải giặt nhuộm và may cho xong. Một mình có thể làm xong thì tốt, nếu không thể xong, Tăng nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo, hoặc hai hay ba, cho đến số đông Tỳ-kheo tiếp tay vào. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay sai Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… v.v… giúp Tỳ-kheo… may y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay sai Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… v.v… giúp Tỳ-kheo… may y. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo… Tỳ-kheo… v.v… giúp

Tỳ-kheo… may y rồi.

Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Nếu y đã may xong, Tỳ-kheo được Tăng dự định cho, nên đem y đến giữa Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bạch: Tăng nhận được y vật Ca-hi-na này, đã giặt nhuộm, đập, may như pháp xong, xin Tăng thọ làm y Ca-hi-na. Bạch như vậy rồi, lại đứng dậy đem đến khắp trong chúng Tăng để trình bày, các Tỳ-kheo nên trả lời: Thưa Trưởng lão! Chúng tôi tùy hỷ trao y cho thầy. Vậy sau, Tăng bạch nhị Yết-ma để thọ. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng nhận được y vật Ca-hi-na này, giặt nhuộm, đập, may như pháp rồi, nay thọ làm y Ca-hi-na. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng nhận được y vật Ca-hi-na này, giặt nhuộm, đập, may như pháp xong, nay thọ làm y Ca-hi-na. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì xin nói.

Tăng đã đồng ý thọ làm y Ca-hi-na rồi, Tăng đồng ý nên im lặng.

Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo được Tăng trao y vật ấy lại phải đi khắp, nói: y này Tăng đã thọ làm y Ca-hi-na. Các

Tỳ-kheo đều nên nói: Y này Tăng đã thọ làm y Ca-hi-na, đó là thiện thọ, công đức trong vấn đề này cuối cùng thuộc về tôi. Có trường hợp thành thọ y Ca-hi-na, có trường hợp không thành thọ y Ca-hi-na. Trường hợp không thành thọ y Ca-hi-Na-là: giặt, đập, nhuộm, may không như pháp, hoặc nhỏ hoặc lớn hoặc y bằng gấm, the, hoặc thọ khi chưa Tự tứ xong, hoặc tham lợi dưỡng, hoặc muốn cố ý xả năm việc, đều không thành thọ. Ngược lại những điều trên là thành thọ. Có tám trường hợp mất y Ca-hi-na.

Mãn hạn.

Y bị mất.

Nghe y bị mất.

Đi xa.

Sự hy vọng bị mất.

Y ra ngoài giới.

Người ra ngoài giới.

Bạch nhị Yết-ma xả.

Có hai nhân duyên không được thọ y Ca-hi-na:

May y chưa xong.

Bỏ trú xứ đi.

Thọ y Ca-hi-na có ba mươi ngày, xả y Ca-hi-na cũng có ba mươi ngày. Nếu tiền an cư thì mười sáu tháng bảy thọ, đến mười lăm tháng mười một xả. Nếu mười bảy tháng bảy cho đến mười lăm tháng tám thọ thì cho đến mười sáu tháng mười một, tới

mười bốn tháng mười hai xả. Nếu hậu an cư thì mười sáu tháng tám thọ, đến mười lăm tháng mười hai xả. Nếu thời gian của y xong, nên bạch nhị Yết-ma để xả. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng xả y Ca-hi-na. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng xả y Ca-hi-na, các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý xả Ca-hi-na rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 23

Phần 4: NÓI VỀ PHÁP DIỆT TRÁNH VÀ YẾT MA

Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP DIỆT TRÁNH

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo cùng nhau tranh chấp lại cùng nhau tranh tụng. Tỳ-kheo với Tỳ-kheo tranh nhau, Tỳ-kheo với Tỳ-kheo-ni tranh nhau, Tỳ-kheo-ni với Tỳ-kheo-ni tranh nhau, Tỳ-kheo-ni với Tỳ-kheo tranh nhau. Khi ấy, Xiển-đà bỏ Tỳ-kheo yểm trợ Tỳ-kheo-ni, việc chưa xảy ra tranh tụng lại khơi rộng làm cho sinh chuyện, việc đã xảy ra tranh tụng lại khơi rộng thêm ra, chưa chấm dứt thì không thể chấm dứt, đã chấm dứt thì làm cho phát khởi lại. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc ấy, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo:

Thật sự các thầy có như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa:

Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Việc làm của các thầy là phi pháp, không phải đạo tùy thuận. Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay Tỳ-kheo với Tỳ-kheo tranh nhau… cho đến câu: bỏ Tỳ-kheo yểm trợ Tỳ-kheo-ni đều phạm Đột-kiết-la.

Có bốn thứ tranh chấp:

Do lời nói.

Do giáo giới.

Do phạm tội.

Do sự việc.

Do các sự việc này nên Phật vì các Tỳ-kheo kiết bảy pháp Diệt tránh.

Nếu có các sự tranh chấp khởi lên được dùng để diệt trừ:

Nên trao cho pháp Tỳ-ni Hiện tiền thì trao pháp Tỳ-ni Hiện tiền.

Nên trao cho pháp Tỳ-ni Ức niệm thì trao cho pháp Tỳ-ni Ức niệm.

Nên trao cho pháp Tỳ-ni Bất si thì trao cho pháp Tỳ-ni Bất si.

Nên trao cho pháp Tự ngôn thì trao cho pháp Tự ngôn.

Nên trao cho pháp Đa nhân ngữ thì trao cho pháp Đa nhân ngữ.

Nên trao cho pháp Thảo phú địa thì trao cho pháp Thảo phú địa.

Nên trao cho pháp Bổn ngôn trị thì trao cho pháp Bổn ngôn trị. Thế nào gọi là do lời nói? Nếu Tỳ-kheo cùng nhau tranh cãi, có

người nói là pháp, có người nói là phi pháp, là luật phi pháp, là phạm phi pháp, là trọng phi trọng, là hữu dư phi hữu dư, là tội thô phi tội thô, là cần dùng Yết-ma xuất tội, không cần dùng Yết-ma xuất tội, là Phật thuyết giảng, phi Phật thuyết giảng, là do Phật chế, phi do Phật chế, do đó đưa đến giận dữ mắng nhiếc nhau. Như vậy gọi là sự tranh chấp do lời nói.

Thế nào gọi là do giáo giới? Tỳ-kheo giáo giới Tỳ-kheo nói: Thầy nhớ có phạm Ba-la-di không? Nhớ có phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, ác thuyết không? Tỳ-kheo kia không vui không chấp nhận, do đó đưa đến sự tranh cãi. Như vậy gọi là tranh chấp do giáo giới.

Thế nào gọi là do phạm tội? Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, cho đến ác thuyết, hơn nữa do sự tranh chấp cùng nhau trách mắng khiến thân, khẩu, ý tuôn ra điều xấu ác, như vậy gọi là sự tranh chấp do phạm tội. Thế nào gọi là do sự việc? Tất cả các việc làm của Tăng đều

Yết-ma và các việc cần làm, đưa đến sự tranh cãi. Như vậy gọi là tranh chấp do sự việc.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Đức Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Tranh cãi do lời nói thì dùng bao nhiêu việc để chấm dứt?

Đức Phật dạy:

Dùng Tỳ-ni Hiện tiền, đa nhân ngữ để chấm dứt. Lại hỏi:

Làm thế nào được chấm dứt? Đức Phật dạy:

Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo tranh cãi: Là pháp phi pháp, cho đến do Phật chế, phi do Phật chế. Tăng như pháp, như Tỳ-ni, như lời

Phật dạy để chấm dứt. Nếu vị kia nói: Là pháp, là lời Phật dạy, chấp nhận đây là điều phải nhẫn nhịn thì gọi là Tỳ-ni Hiện tiền chấm dứt. Thế nào gọi là Hiện tiền? Hiện tiền có ba thứ: Tăng hiện tiền, Nhân hiện tiền và Tỳ-ni hiện tiền. Thế nào gọi là Tăng hiện tiền? Tăng tập trung hòa hợp, như thế gọi là Tăng hiện tiền. Thế nào gọi là Nhân hiện tiền? Người cùng tranh cãi nhau có mặt, như vậy gọi là Nhân hiện tiền. Thế nào gọi là Tỳ-ni Hiện tiền? Nên dùng pháp nào, dùng luật nào, dùng lời dạy nào của Phật để chấm dứt được thì dùng để chấm dứt, như vậy gọi là Tỳ-ni Hiện tiền. Nếu đã chấm dứt như vậy rồi, vị nào khơi trở lại thì phạm tội Ba-dật-đề.

Lại nữa, nếu chấm dứt tranh chấp do lời nói như vậy, song sự chấm dứt này không làm cho Tỳ-kheo vui lòng nghe theo thì Tỳ-kheo ở trú xứ khác hoặc một, hoặc hai, hoặc ba Tỳ-kheo cho đến một

chúng thông minh, trí tuệ, hiểu rõ Ba-la-đề-mộc-xoa, phải suy nghĩ có trách nhiệm đến để chấm dứt việc này. Đây là việc làm tốt đẹp phải đến để chấm dứt. Trước hết xin đến với trong chúng ấy, vị Tỳ-kheo biết pháp, phải ngỏ lời đề cập đến ngọn ngành của vấn đề, sau đó mới yêu cầu hợp Tăng. Tăng hợp rồi nên nói: Thầy nên tránh xa, chúng tôi cùng nhau bàn luận việc của thầy, Tỳ-kheo ấy đi tránh rồi, Tăng nên cùng nhau nghị bàn. Nếu Tỳ-kheo kia thật lòng bày tỏ lời yêu cầu chúng ta như pháp, như luật mà chấm dứt việc này, chúng ta nên cùng nhau như pháp, như luật mà chấm dứt. Nếu Tỳ-kheo kia không nói như sự thật, chúng ta không được như pháp, như luật chấm dứt việc đó. Tỳ-kheo tranh cãi nhau kia cũng nên nghị bàn: Nếu Tăng như pháp, như luật đúng mức với sự việc, ngày nay, ngày mai hay ngày mốt chấm dứt sự việc của chúng ta, chúng ta nên đối với Tăng trình bày đầy đủ gốc, ngọn của sự việc để nhờ Tăng chấm dứt. Đương sự đã đến trong Tăng trình bày đầy đủ sự việc. Có hai cách để Tăng đưa ra: Hoặc nói nên như thế này, hoặc nói không nên như thế này, không thể quyết định, Tăng nên nói: Tùy thầy chọn trong hai cách nói, mỗi bên mời bốn vị làm đoán sự. Tăng nói Tỳ-kheo cãi nhau mỗi bên mời bốn vị rồi, Tăng phải bạch nhị Yết-ma để sai. Trước hết nên Yết-ma hai lần ba vị, sau Yết-ma hai vị. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo… và Tỳ-kheo… làm người đoán sự, như pháp, như luật để chấm dứt vấn đề cãi nhau kia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo… và Tỳ-kheo… làm người đoán sự, như pháp, như luật để chấm dứt việc tranh cãi kia. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo… và Tỳ-kheo… v.v… làm người đoán sự. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Như vậy gọi là dùng Tỳ-ni Hiện tiền để chấm dứt việc tranh cãi do lời nói.

Khi ấy, các Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo vô trí làm người đoán sự, bạch Phật. Phật dạy: Thành tựu năm pháp nên sai: Điềm tĩnh ghi nhận lời lẽ người khác, không giận, khéo ghi nhớ lời nói của người khác, khéo tìm hiểu ý của lời nói, hỏi thì nói, không hỏi không nói, khi nói không cười. Ngược lại năm pháp này không nên sai. Lại có năm pháp nên sai: Không làm theo ý muốn, sự giận hờn, sự si mê, sự sợ sệt, không nói lén. Ngược lại năm pháp đây không nên sai. Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba tuy thông minh trí tuệ, ngồi ở chỗ ngồi cao song muốn gây loạn cho đoán

sự, Tăng nên mời ra ngoài. Lại có Tỳ-kheo tuy đọc tụng nhiều mà không hiểu rõ ý nghĩa, muốn gây rối cho đoán sự, người đoán sự nên nói: Nghĩa của kinh không phải như vậy. Áp dụng như vậy để chấm dứt sự tranh cãi, gọi là dùng Tỳ-ni Hiện tiền để chấm dứt. Nếu khi dùng cách thức như vậy để chấm dứt sự tranh cãi, có Tỳ-kheo nói: Nên dùng đa nhân ngữ để chấm dứt việc này, Tăng nên nói: Thầy nói hay đấy, nhưng thầy có hiểu rõ đa nhân ngữ hay không? Nếu nói, không hiểu rõ. Tăng nên từng vị một quở trách: Thầy không hiểu rõ đa nhân ngữ, tại sao nói, nên dùng đa nhân ngữ để chấm dứt việc này? Nếu Tăng không quở trách thì đều phạm tội Đột-kiết-la. Nếu nói, hiểu rõ. Tăng nên hỏi: Dùng như thế nào gọi là đa nhân ngữ? Vị ấy đáp: Dùng Yết-ma đa nhân ngữ để chấm dứt. Lại hỏi: Do đâu biết là nhiều? Đáp: Nên hành trù. Tăng lại hỏi: Thầy nói hay đấy, nhưng thầy hiểu rõ bao nhiêu pháp hành trù đúng pháp, bao nhiêu pháp hành trù không đúng pháp không? Nếu nói không biết, Tăng cũng nên quở trách như trên. Nếu nói biết thì Tăng nên bảo nói mười cách hành trù không như pháp và mười cách như pháp. Thế nào là mười cách không như pháp? Nếu do việc nhỏ mà rút thẻ để hành trù. Do không biết rõ vấn đề mà rút thẻ để hành trù. Do không tìm hiểu rõ căn bản của vấn đề mà rút thẻ hành trù. Phi pháp mà rút thẻ hành trù. Muốn số bất như pháp nhiều mà rút thẻ

hành trù. Biết số bất như pháp nhiều mà rút thẻ hành trù. Rút thẻ hành trù để phá Tăng. Biết hành trù thì Tăng sẽ bị phá mà rút thẻ. Không tùy theo thiện tri thức hành trù mà

rút thẻ. Tăng không hòa hợp hành trù mà rút thẻ. Ngược lại mười điều trên là như pháp. Nếu thành tựu mười bốn pháp thì Tăng nên sai làm người hành trù: Biết mười điều như pháp lại không làm theo ý muốn, sự giận hờn, sự si mê, sự sợ sệt. Như vậy là mười bốn pháp. Tăng nên làm hai loại thẻ, một thứ như pháp, một thứ không như pháp. Xướng: Nếu nói như pháp thì rút thẻ như pháp, nếu nói không như pháp thì rút thẻ không như pháp. Xướng xong bắt đầu thi hành. Chính mình thâu thẻ rồi đến chỗ vắng để kiểm. Nếu thẻ không như pháp nhiều nên khiến đứng dậy: cách xa trước chỗ người ngồi, nói riêng: Đây là lời Phật dạy pháp ngữ, luật ngữ. Đại đức nên bỏ phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy. Nói như vậy rồi, hành trù lại. Nếu người không như pháp còn nhiều, nên xướng: Nay Tăng chưa giải quyết được việc này, quý vị có thể tùy ý giải tán, sau sẽ giải quyết, chứ không nên dùng phi pháp giải quyết. Nếu người như pháp nhiều nên bạch nhị Yết-ma để chấm dứt sự việc. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng dùng đa nhân ngữ chấm dứt sự tranh chấp này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây

là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng nay dùng đa nhân ngữ để chấm dứt sự tranh chấp này. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng dùng đa nhân ngữ chấm dứt sự tranh chấp này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Như vậy gọi là dùng đa nhân ngữ để chấm dứt việc tranh cãi do lời nói.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại thưa hỏi Đức Phật:

Sự tranh cãi do giáo giới dùng bao nhiêu việc để chấm dứt? Đức Phật dạy:

Dùng Tỳ-ni Hiện tiền, Tỳ-ni Ức niệm, Tỳ-ni Bất si, Bốn ngôn trị để chấm dứt.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

Làm thế nào để chấm dứt? Phật dạy:

Nếu Tỳ-kheo hỏi một Tỳ-kheo: Thầy nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di và biên tội Ba-la-di hay không? Tỳ-kheo ấy trả lời: Không nhớ. Hỏi đến lần thứ ba vẫn đáp như lần đầu. Tỳ-kheo như vậy Tăng nên Bạch-tứ-yết-ma trao cho pháp Tỳ-ni Ức niệm, không nên trị tội Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo bị hỏi nên đến giữa Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bạch:

Tôi Tỳ-kheo tên là… bị Tỳ-kheo tên là… Ba lần đến tôi hỏi: Thầy có nhớ phạm trọng tội Ba-la-

di hay là biên tội Ba-la-di hay không? Tôi cũng trả lời là không nhớ, nên đến Tăng xin pháp Tỳ-ni Ức niệm, nguyện Tăng cho tôi pháp Tỳ-ni Ức niệm để cho vị kia khỏi phải hỏi tôi mãi. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xin như vậy. Tăng nên cân nhắc Tỳ-kheo này, trước đây không khuyết giới, oai nghi như pháp hay không? Thân, khẩu, ý thanh tịnh hay chăng? Ưa học giới hay không? Đến một Tỳ-kheo hỏi, đến hai, ba vị và Tăng hỏi xem nói có chỗ mâu thuẫn không? Tăng cân nhắc như vậy, nếu biết Tỳ-kheo này trước khuyết giới, đủ các điều bất thiện, thì không nên trao. Nếu biết không phạm Ba-la-di và biên tội Ba-la-di, nên Bạch-tứ-yết-ma trao cho pháp Tỳ-ni Ức niệm. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… đến trước Tăng trình bày: Tỳ-kheo kia tên là… Ba lần đến chỗ tôi hỏi: Thầy nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di hay biên tội Ba-la-di không? Tôi cũng Ba lần trả lời là không nhớ, nay đến Tăng xin pháp Tỳ-ni Ức niệm, nguyện Tăng cho tôi pháp Tỳ-ni Ức niệm, khiến Tỳ-kheo kia khỏi phải đến hỏi tôi mãi. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo… pháp Tỳ-ni Ức niệm, để Tỳ-kheo kia khỏi phải đến hỏi tôi mãi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… đến trước Tăng trình bày: Tỳ-kheo kia tên là… Ba lần đến chỗ tôi hỏi: Thầy nhớ có phạm

trọng tội Ba-la-di hay biên tội Ba-la-di không? Tôi cũng Ba lần trả lời là không nhớ, nay đến Tăng xin pháp Tỳ-ni Ức niệm, nguyện Tăng cho tôi pháp Tỳ-ni Ức niệm, để Tỳ-kheo kia khỏi phải đến tôi hỏi mãi. Nay Tăng cho Tỳ-kheo… pháp Tỳ-ni Ức niệm, khiến Tỳ-kheo kia khỏi đến hỏi tội này mãi. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng cho Tỳ-kheo… pháp Tỳ-ni Ức niệm rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Như vậy gọi là dùng Tỳ-ni Hiện tiền, Tỳ-ni Ức niệm chấm dứt sự tranh cãi do giáo giới.

Nếu Tỳ-kheo đến chỗ một Tỳ-kheo hỏi: Thầy nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di hay biên tội Ba-la-di không? Tỳ-kheo kia trả lời không nhớ. Trước đây tôi bị tâm cuồng, tâm tán loạn, tâm bệnh hoại nên làm nhiều pháp phi Sa-môn. Vị kia Ba lần hỏi, tôi cũng trả lời như lần đầu. Tỳ-kheo như vậy Tăng nên trao cho pháp Tỳ-ni Bất si, không nên trị tội

Tỳ-kheo đó. Tỳ-kheo đó nên đến giữa Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo kia tên là… Ba lần đến chỗ tôi hỏi: Thầy nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di hay biên tội

Ba-la-di không? Tôi cũng Ba lần trả lời là không nhớ. Trước đây tôi bị tâm cuồng, tâm tán loạn, tâm bệnh hoại nên làm nhiều pháp phi Sa-môn. Nay đến Tăng xin pháp Tỳ-ni Bất si, nguyện Tăng cho tôi pháp Tỳ-ni Bất si, để Tỳ-kheo kia khỏi đến hỏi tôi mãi. Xin như vậy Ba lần. Tăng nên cân nhắc Tỳ-kheo này, trước đây không khuyết giới, oai nghi như pháp không? Thân, khẩu, ý, nghiệp thanh tịnh không? Ưa học giới không? Đến một Tỳ-kheo hỏi, cho đến hai, ba vị và Tăng hỏi xem nói có chỗ khác nhau không? Nếu Tăng biết Tỳ-kheo đó, trước kia có các việc ác thì không nên cho. Nếu không như vậy thì Bạch-tứ-yết-ma trao cho pháp Tỳ-ni Bất si. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… đến Tăng trình bày: Tỳ-kheo kia tên là… Ba lần đến chỗ tôi hỏi: Thầy nhớ phạm trọng tội Ba-la-di hay biên tội Ba-la-di không? Tôi cũng Ba lần trả lời: Không nhớ. Trước đây tôi bị tâm cuồng, tâm tán loạn, tâm bệnh hoại nên làm nhiều pháp phi Sa-môn. Nay đến Tăng xin Tỳ-ni Bất si, nguyện Tăng cho tôi pháp Tỳ-ni Bất si, để Tỳ-kheo kia khỏi đến hỏi tôi mãi. Nay Tăng cho pháp Tỳ-ni Bất si, để Tỳ-kheo kia không đến hỏi tội này nữa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… đến Tăng trình bày: Tỳ-kheo kia tên là… Ba

lần đến chỗ tôi… cho đến câu: Nay Tăng cho pháp Tỳ-ni Bất si để Tỳ-kheo kia khỏi đến hỏi tội này nữa. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là… pháp Tỳ-ni Bất si rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Như vậy gọi là dùng Tỳ-ni Hiện tiền, Tỳ-ni Bất si chấm dứt sự tranh cãi do giáo giới.

Nếu Tỳ-kheo đến chỗ một Tỳ-kheo hỏi: Thầy nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di hoặc biên tội Ba-la-di không? Vị kia trả lời: Không nhớ. Ba lần hỏi, mới trả lời: Tôi nhớ có phạm tội nhẹ. Lại hỏi trở lại: Thầy phạm tội nhẹ còn không nói với ai, huống hồ là phạm trọng tội, thầy nên khéo suy nghĩ điều đó! Đương sự trả lời: Tôi hoàn toàn không nhớ. Hỏi lần nữa mới trả lời: Tôi nhớ có phạm Ba-la-di hoặc biên tội Ba-la-di. Trả

lời như vậy rồi, lại tìm cách nói: Tôi không nhớ phạm trọng tội, nói cho vui vậy thôi. Tỳ-kheo như vậy, Tăng nên trao cho Bổn ngôn trị. Bổn ngôn trị có hai thứ: Một là có thể sám hối. Hai là không thể sám hối. Tỳ-kheo kia đã nói phạm trọng tội, nên trao cho pháp trọn đời không thể sám hối, Bạch-tứ-yết-ma. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo đây tên

là… Tỳ-kheo kia tên là… đến Tỳ-kheo đó hỏi: Thầy nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di hoặc biên tội Ba-la-di không? Trả lời: Không nhớ. Hỏi lần thứ hai cũng nói không nhớ, sau Ba lần hỏi mới nói: Không nhớ phạm trọng tội, nhớ có phạm tội nhẹ. Lại hỏi: Tội nhẹ thầy còn không phát lồ huống hồ là tội nặng. Nay, thầy chắc chắn nhớ phạm tội nặng hay không? Vẫn trả lời: Không nhớ. Hỏi lại, cũng nói không nhớ… Hỏi đến lần thứ sáu, vậy sau mới nói: Tôi nhớ phạm trọng tội Ba-la-di hoặc biên tội Ba-la-di. Trả lời như vậy rồi lại tìm cách nói lại: Tôi không nhớ có phạm trọng tội, nhưng nói cho vui vậy thôi. Nay Tăng trao pháp Yết-ma Bổn ngôn trị, suốt đời không thể sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp Thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… Tỳ-kheo kia tên là… đến chỗ đó hỏi: Thầy nhớ có phạm trọng tội… cho đến câu: Nay Tăng trao pháp Yết-ma Bổn ngôn trị, suốt đời không thể sám hối. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã thuận cho Tỳ-kheo tên là… pháp Yết-ma Bổn ngôn trị, suốt đời không thể sám hối rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Như vậy gọi là dùng Tỳ-ni Hiện tiền Bổn ngôn

trị chấm dứt việc tranh cãi do giáo giới.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Đức Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Tranh cãi do phạm tội dùng bao nhiêu việc để chấm dứt?

Đức Phật dạy:

Dùng Tỳ-ni Hiện tiền, Thảo phủ địa, Tự ngôn để chấm dứt. Lại hỏi:

Bằng cách nào được chấm dứt? Phật dạy:

Như một Tỳ-kheo đến chỗ một Tỳ-kheo, để trống vai bên phải, quỳ gối, chấp tay: Đại đức! Tôi tên là… phạm tội như vậy, nay đến Đại đức sám hối. Tỳ-kheo kia nên hỏi: Thầy tự thấy tội hay không? Vị ấy

nói: Tôi tự thấy tội. Lại nên hỏi: Thầy muốn sám hối phải không? Đáp: Vâng, tôi muốn sám hối! Tỳ-kheo kia nói: Sau này thầy đừng nên tái phạm.

Như vậy gọi là dùng Tỳ-ni Hiện tiền Tự ngôn để chấm dứt sự tranh cãi do phạm tội.

Nếu một Tỳ-kheo đến chỗ hai Tỳ-kheo, ba Tỳ-kheo, chúng đông Tỳ-kheo, hoặc hai Tỳ-kheo cho đến chúng đông Tỳ-kheo đến chỗ một Tỳ-kheo cho đến chúng đông Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu có Tỳ-kheo tranh cãi, cùng mắng nhiếc nhau, làm nghiệp ác cho thân, khẩu, ý. Sau lại nghĩ: Chúng ta tranh cãi cùng nhau mắng nhiếc làm nghiệp ác cho thân, khẩu, ý, nay có thể đến giữa Tăng trừ tội tác

pháp Thảo phú địa sám hối hay không? Các Tỳ-kheo này, cho phép giữa Tăng trừ tội. Tăng nên trao cho pháp bạch nhị Yết-ma sám hối như Thảo phú địa. Tỳ-kheo tranh cãi kia nên tập trung hết đến giữa Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Chúng tôi cùng nhau tranh cãi, cùng nhau mạ lị, gây nghiệp ác cho thân, khẩu, ý, sau rồi khởi ý niệm như vầy: Chúng ta cùng nhau tranh cãi, cùng nhau mạ lị, gây nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý. Nay có thể đối trước Tăng trừ tội bằng pháp ăn năn lấy cỏ che đất hay chăng? Nay đến trước Tăng xin pháp ăn năn như cỏ che đất. Thưa Ba lần như vậy rồi, duỗi hai tay xuống gối mọp sát đất, hướng đến thầy Yết-ma một lòng thích thọ Yết-ma. Thầy Yết-ma xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này cùng nhau tranh cãi, cùng nhau mạ lị, gây nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý, sau đó khởi ý niệm như vầy: Chúng ta cùng nhau tranh cãi, cùng nhau mạ lị, gây nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý. Nay có thể đối trước Tăng trừ tội bằng pháp ăn năn lấy cỏ che đất hay chăng? Nay đến trước Tăng xin pháp ăn năn như cỏ che đất. Bấy giờ, Tăng trao cho pháp ăn năn như lấy cỏ che đất. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp Thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Các Tỳ-kheo này cùng nhau tranh cãi, cùng nhau mạ lị… cho đến

câu: Nay Tăng trao cho pháp ăn năn như cỏ che đất. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã cho các Tỳ-kheo này pháp ăn năn như lấy cỏ che đất.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Đây gọi là Tỳ-ni Hiện tiền như cỏ che đất, chấm dứt sự tranh cãi do phạm tội.

Thế nào gọi là như cỏ che đất? Các Tỳ-kheo kia không nói lại căn nguyên của sự tranh cãi, Tăng cũng không hỏi lại nguồn gốc của vấn đề.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Tranh cãi do sự việc, dùng bao nhiêu việc để chấm dứt?

Đức Phật dạy:

Tùy theo sự tranh cãi, dùng bảy việc để chấm dứt. Nếu một Tỳ-kheo đến chỗ một Tỳ-kheo đem phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy, để chấm dứt sự tranh cãi, mà nói: Là pháp, là luật, là lời Phật dạy. Nếu áp dụng như vậy để chấm dứt sự tranh cãi này, gọi là chấm dứt phi pháp. Nếu một Tỳ-kheo đến hai Tỳ-kheo, cho đến chỗ Tăng, hoặc hai Tỳ-kheo cho đến chỗ Tăng, đến chỗ một Tỳ-kheo cho đến chỗ Tăng cũng như vậy. Nếu một Tỳ-kheo đến chỗ một (hai) Tỳ-kheo đem như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt sự tranh cãi, nói: Là pháp, là

luật, là lời Phật dạy. Áp dụng như vậy để chấm dứt sự tranh cãi, gọi là chấm dứt như pháp. Nếu một Tỳ-kheo đến hai, ba Tỳ-kheo, cho đến chỗ Tăng, hoặc hai Tỳ-kheo cho đến chỗ Tăng, đến một Tỳ-kheo cho đến chỗ Tăng cũng như vậy.

Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP YẾT MA

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, không biết nên thế nào, hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng không biết, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa không che giấu như vậy, nay cho phép Tăng trao cho Tỳ-kheo kia pháp Bạch-tứ-yết-ma, sáu đêm hành Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo phạm tội phải để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng rồi quỳ gối bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, nay đến Tăng xin sáu đêm thi hành Ma-na-đỏa, nguyện Tăng cho tôi sáu đêm thi hành Ma-na-đỏa. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên

là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, nay đến Tăng xin sáu

đêm thi hành Ma-na-đỏa. Nay Tăng cho Tỳ-kheo sáu đêm hành Ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… cố ý xuất bất tịnh… cho đến câu: Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo sáu đêm hành Ma-na-đỏa. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xướng như vậy.

Tăng cho Tỳ-kheo này tên là… sáu đêm hành Ma-na-đỏa. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo kia nên hằng ngày đến giữa Tăng để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, đến Tăng xin sáu đêm hành Ma-na-đỏa, Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay tôi hành Ma-na-đỏa đã được (bao nhiêu ngày) còn (bao nhiêu ngày) xin Đại đức ghi nhận chứng tri cho. Hành sáu đêm Ma-na-đỏa rồi, nên đến Tăng xin pháp A-phù-ha-na, bạch như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên

là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, đến Tăng xin sáu đêm hành Ma-na-đỏa, Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã sáu đêm hành Ma-na-đỏa rồi, nay đến Tăng xin pháp A-phù-ha-na, nguyện Tăng cho tôi pháp A-phù-ha-na. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, đến Tăng xin sáu đêm hành Ma-na-đỏa, Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia hành Ma-na-đỏa rồi, nay đến Tăng xin pháp A-phù-ha-na. Nay Tăng cho Tỳ-kheo… A-phù-ha-na. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… cố ý xuất bất tịnh… cho đến câu: Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo pháp A-phù-ha-na. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xướng như vậy.

Tăng cho Tỳ-kheo… pháp A-phù-ha-na rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có một Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm, không biết nên thế nào, hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng không

biết, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tăng Bạch-tứ-yết-ma, trao

cho Tỳ-kheo này một đêm hành pháp Biệt trú. Tỳ-kheo phạm tội nên đến giữa Tăng bạch như vầy:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm. Nay đến Tăng xin Biệt trú một đêm. Xin Tăng cho pháp Biệt trú một đêm. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo xướng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm. Nay đến Tăng xin Biệt trú một đêm. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo pháp Biệt trú một đêm. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… cố ý xuất bất tịnh… cho đến câu: Nay Tăng cho Tỳ-kheo… pháp một đêm Biệt trú. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng xướng như vậy.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… một đêm Biệt trú rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo kia hành một đêm Biệt trú rồi, nên đến

Tăng xin hành Ma-na-đỏa… cho đến câu: A-phù-ha-na. Tăng cũng như trên mà trao cho.

Có một Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, đến Tăng xin hành Ma-na-đỏa, trong sáu đêm lại phạm cũng không che giấu, không biết nên thế nào hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng không biết, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho phép Tỳ-kheo kia lại đến Tăng xin hành Ma-na-đỏa. Tăng cũng nên Bạch-tứ-yết-ma lại cho Tỳ-kheo kia hành Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo kia hành sáu đêm Ma-na-đỏa rồi, nên lại đến Tăng xin hành Bổn Ma-na-đỏa. Tăng cũng nên Bạch-tứ-yết-ma cho thi hành. Tỳ-kheo kia lại đến Tăng xin: Tôi Tỳ-kheo kia tên là… trước đây cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, đến Tăng xin hành Ma-na-đỏa, Tăng cho tôi hành Ma-na-đỏa. Trong sáu đêm đó, tôi lại phạm, không che giấu, nay đến Tăng xin hành Ma-na-đỏa, nguyện cho hành Ma-na-đỏa lại. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo như lời xin kia, Bạch-tứ-yết-ma cho thi hành. Vị kia hành sáu đêm rồi lại đến Tăng xin hành Bổn sáu đêm Ma-na-đỏa, thưa: Tôi Tỳ-kheo tên là… trước cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, đến Tăng xin hành Ma-na-đỏa. Trong sáu đêm đó tôi lại phạm, không che giấu, lại đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa rồi, nay đến

Tăng xin hành Bổn sáu đêm Ma-na-đỏa, nguyện Tăng cho tôi hành sáu đêm Bổn Ma-na-đỏa. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo theo như lời xin của vị ấy Bạch-tứ-yết-ma trao cho. Tỳ-kheo kia hành Bổn sáu đêm Ma-na-đỏa rồi, nên như trên mà xin pháp A-phù-ha-na. Tăng cũng như trên mà trao cho.

Có một Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm, Tăng trao cho một đêm Biệt trú. Trong thời gian đó lại phạm cũng che giấu một đêm, không biết nên như thế nào, hỏi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng không biết, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nay cho Tỳ-kheo kia lại đến giữa Tăng xin một đêm Biệt trú. Tăng cũng nên Bạch-tứ-yết-ma cho một đêm Biệt trú. Vị kia hành một đêm Biệt trú rồi, lại phải đến Tăng xin Bổn một đêm Biệt trú, Tăng cũng nên Bạch-tứ-yết-ma cho thi hành. Tỳ-kheo kia đến Tăng xin một đêm Biệt trú, nói: Tôi Tỳ-kheo tên là… trước đây cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm đến Tăng xin một đêm Biệt trú, Tăng cho tôi một đêm Biệt trú, trong khi đó tôi lại phạm cũng che giấu một đêm, nay lại đến Tăng xin một đêm Biệt trú. Nguyện Tăng lại cho tôi một đêm Biệt trú. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo y theo lời xin Bạch-tứ-yết-ma cho. Vị kia hành một đêm Biệt trú rồi, lại đến Tăng xin Bổn một đêm Biệt trú,

nói: Tôi Tỳ-kheo tên là… trước đây cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm, đến Tăng xin một đêm Biệt trú, trong thời gian đó tôi lại phạm, lại che giấu một đêm, cũng đến xin Tăng một đêm Biệt trú, Tăng cho tôi một đêm Biệt trú, tôi đã hành một đêm Biệt trú rồi, nay đến Tăng xin Bổn một đêm Biệt trú, nguyện Tăng cho tôi Bổn một đêm Biệt trú. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo y theo lời xin Bạch-tứ-yết-ma cho thi hành. Tỳ-kheo kia hành Bổn một đêm Biệt trú rồi, nên như trên xin hành sáu đêm Ma-na-đỏa. Hành Ma-na-đỏa rồi, lại như trên xin A-phù-ha-na. Tăng đều nên như trên cho Bạch-tứ-yết-ma để thi hành.

Có một Tỳ-kheo cố ý xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một đêm, như trên, Tăng cho một đêm Biệt trú, trong thời gian ấy lại phạm cũng che giấu một đêm, Tăng lại như trên cho một đêm Biệt trú, hành xong, Tăng cũng lại như trên cho Bổn nhất dạ Biệt trú, hành xong, Tăng lại như trên cho sáu đêm Ma-na-đỏa, trong ấy lại phạm, không che giấu Tăng cũng lại như trên cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Vị kia hành sáu đêm rồi, Tăng lại như trên cho hành Bổn Ma-na-đỏa. Thi hành xong, tiếp theo như trên cho A-phù-ha-na. Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến số nhiều, che giấu hai đêm cho đến nhiều đêm, nếu Tăng cho Biệt trú, chỉ kể thời gian cho che giấu lâu nhất, tùy theo số ngày đó mà cho Biệt trú. Nếu sau khi Tăng

cho Biệt trú lại tái phạm, mà che giấu, Tăng nên tùy theo số ngày lại cho Biệt trú. Nếu không che giấu Tăng nên như trên mà cho sáu đêm Ma-na-đỏa, lại Biệt trú rồi, Ma-na-đỏa rồi, Tăng lại như trên cho Bổn Biệt trú, Bổn Biệt trú rồi, cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu khi đó lại phạm, Tăng lại trao cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Thi hành xong, Tăng lại nên như trước trao cho Bổn Ma-na-đỏa, tiếp theo như trên trao cho A-phù-ha-na.

Có một Tỳ-kheo phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, đồng che giấu một đêm mà đến Tăng nói phạm một và che giấu một đêm. Tăng trao cho một đêm Biệt trú, Biệt trú một đêm rồi, tâm sinh hối hận: Ta thật sự phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, tại sao chỉ nói phạm một và che giấu một đêm, đến Tăng bạch: Tôi thật sự phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, đồng che giấu một đêm. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Lại cho phép một đêm Biệt trú. Tỳ-kheo kia nên trình bày đầy đủ Ba lần để xin. Một Tỳ-kheo y theo lời xin kia Bạch-tứ-yết-ma trao cho thi hành.

Có một Tỳ-kheo phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu hai đêm, đến Tăng nói che giấu một đêm. Tăng trao cho Biệt trú một đêm, Biệt trú một đêm xong, tâm sinh hối hận: Thật sự ta che giấu hai đêm, tại sao nói một đêm, lại đến Tăng trình bày sự thật ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Cho phép Tăng lại cho một đêm Biệt trú. Tỳ-kheo kia nên nói rõ ràng đầy đủ như trên để xin. Tăng

cũng y theo lời xin, Bạch-tứ-yết-ma cho thi hành.

Có một Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu rồi thôi tu. Về sau lại xuất gia thọ giới Cụ túc, ngay ngày hôm ấy, nói tội phạm trước đây, các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Nên căn cứ vào số ngày che giấu của Tỳ-kheo ấy, khi chưa thôi tu mà trao cho Biệt trú.

Có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, chưa hành Ma-na-đỏa rồi thôi tu. Sau đó trở lại thọ giới Cụ túc rồi che giấu. Vấn đề được bạch Phật. Phật dạy: Nên y theo (sự vi phạm của) Tỳ-kheo kia và sau khi thọ giới lại, theo số ngày (chưa thi hành) đó mà cho Biệt trú. Nếu Tỳ-kheo phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu một, không che giấu một, rồi thôi tu. Sau đó trở lại thọ giới Cụ túc, tội trước kia không che giấu lần phạm này lại che giấu, tội trước kia lại che giấu lần phạm này lại không che giấu. Nên lần theo số ngày che giấu trước đó của Tỳ-kheo ấy cho đến khi thôi tu và số ngày che giấu về sau, kể từ khi thọ giới lại mà trao số ngày Biệt trú. Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa che giấu rồi thôi tu, sau trở lại thọ giới Cụ túc rồi lại che giấu, nên tùy theo số ngày trước và sau mà Tỳ-kheo kia đã che giấu trao cho Biệt trú. Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không che giấu, rồi thôi tu, sau lại thọ giới Cụ túc rồi cũng không che giấu, nên cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, làm Sa-di, tâm cuồng,

tâm tán loạn, tâm bệnh hoại, Tăng trao cho tác Yết-ma không thấy tội, Yết-ma không ăn năn, Yết-ma không bỏ tà kiến ác, đều như mục thôi tu đã nói. Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, biết số lượng nhiều ít, hoặc cùng một tội, hoặc khác tội, che giấu rồi thôi tu, sau thọ giới rồi không che giấu, hoặc trước không che giấu rồi thôi tu, sau thọ giới rồi che giấu, hoặc trước che giấu phân nửa, phân nửa không che giấu, sau thọ giới rồi, điều trước che giấu hay lại không che giấu, điều trước không che giấu hay lại che giấu, hoặc trước, sau đều che giấu, hành pháp Biệt trú đều như trước đã nói. Nếu trước sau đều không che giấu, trao cho sáu đêm Ma-na-đỏa cũng như vậy. Nếu làm Sa-di… cho đến Yết-ma không xả tà kiến ác cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo trong khi Biệt trú thôi tu, sau trở lại thọ giới cụ túc, nên tính số ngày Biệt trú trước, chỉ ở thêm cho đủ. Khiến hành cho đủ, Bổn Biệt trú cũng như vậy. Nếu làm Sa-di… cho đến Yết-ma không xả tà kiến ác cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo trong khi hành Ma-na-đỏa thôi tu, sau khi thọ giới cụ túc, tính đủ ngày cũng như vậy, hành Bổn Ma-na-đỏa cũng như vậy. Nếu làm Sa-di… cho đến Yết-ma không xả tà kiến ác cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo hành Biệt trú rồi, hành Bổn Biệt trú rồi, chưa trao cho Ma-na-đỏa, thôi tu, sau lại thọ giới cụ túc, nên khiến mà hành Ma-na-đỏa. Nếu hành Ma-na-đỏa rồi và hành Bổn Ma-na-đỏa rồi, chưa trao cho pháp A-phù-ha-na,

sau trở lại thọ giới cụ túc, nên trao cho pháp A-phù-ha-na. Nếu làm Sa-di… cho đến Yết-ma không xả tà kiến ác cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, biết số mục phạm, biết ngày che giấu, như pháp đến Tăng xin Biệt trú, như pháp đến Tăng xin Ma-na-đỏa, như pháp đến Tăng xin Bổn nhật, như pháp đến Tăng xin pháp A-phù-ha-na, Tăng đều như pháp cho, người như vậy gọi là thanh tịnh. Nếu Tăng không như pháp cho một việc nào, người như vậy gọi là không thanh tịnh. Có hai Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, một Tỳ-kheo biết phạm, một Tỳ-kheo không biết phạm, đều che giấu, bạch Phật. Phật dạy: Người biết phạm nên cho Biệt trú, người không biết phạm nên cho Ma-na-đỏa. Nhớ, không nhớ cũng như vậy. Có hai Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu, một Tỳ-kheo cho là một tội, một Tỳ-kheo không xác định tội hoặc nói là Ba-la-di, hoặc nói là Thâu-lan-giá… cho đến Ác thuyết, bạch Phật. Phật dạy: Người xác định tội nên cho Biệt trú, người không xác định tội nào nên cho Ma-na-đỏa. Có các Tỳ-kheo, hoặc khi hành Biệt trú, hoặc khi hành Ma-na-đỏa, hoặc khi hành pháp A-phù-ha-na, mạng chung, các Tỳ-kheo bạch Phật: Các vị kia mạng chung cụ giới, hay là mạng chung phá giới? Đức Phật dạy: Đều là cụ giới. Có Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa không biết số lượng của tội, cũng không nhớ che giấu lâu hay mau, bạch Phật. Phật

dạy: Kể từ khi nhớ phạm về sau trao cho Biệt trú. Nghi cũng như vậy. Có Tỳ-kheo đối với mọi người đều che giấu, có Tỳ-kheo đối với người kia che giấu, đối với người này không che giấu. Có Tỳ-kheo đối với chỗ này che giấu, ở chỗ kia lại không che giấu, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Tất cả che giấu gọi là che giấu. Nếu đối với Hòa thượng, A-xà-lê bậc đáng kính sợ nghe, che giấu không gọi là che giấu, đối với người khác nghe che giấu gọi là che giấu. Nếu đối với quốc độ này do nhiều người biết kính trọng, không muốn cho họ biết, che giấu không gọi là che giấu, đối với chỗ kia che giấu gọi là che giấu.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 24

Phần 4: NÓI VỀ PHÁP DIỆT TRÁNH VÀ YẾT MA

Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP YẾT MA (Tiếp Theo)

Đức Phật ở thành Câu-xá-di. Bấy giờ có một Tỳ-kheo phạm giới mà không biết phạm, nói với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo có vị nói phạm, có vị nói không phạm. Người nói không phạm thì nói: Thầy không phạm giới. Vị kia nghe rồi bèn sinh ý tưởng không phạm giới. Người nói có phạm thì nói: Thầy phạm giới, nên tự thấy tội, sám hối, đừng để ô nhiễm phạm hạnh, phụ lòng người tín thí, thọ khổ nhiều đời. Tỳ-kheo kia nói: Tôi không phạm tội, tại sao lại phải tự thấy tội sám hối?! Các Tỳ-kheo cho là có phạm bèn trao cho vị kia pháp Yết-ma không thấy tội. Vị kia bị cử tội rồi, bèn vào trong thành Câu-xá-di tìm bạn bè để yểm trợ, nói: Tôi không phạm tội, các Tỳ-kheo kia cưỡng bức nói:

Tôi có tội, trao cho tôi pháp Yết-ma không thấy tội. Yết-ma như vậy không thành. Các Đại đức nên như pháp, như luật, cứu trợ cho tôi. Đương sự lại đến ngoài thành chỗ các Tỳ-kheo ở cũng yêu cầu cứu trợ như trên. Các Tỳ-kheo nghe đều cùng nhau cứu trợ. Lúc này, Đức Thế Tôn biết Tăng đã bị phá, từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ chúng Tỳ-kheo yểm trợ cho Tỳ-kheo bị cử, nói: Các Tỳ-kheo đừng nên nói như vầy: Tỳ-kheo kia không phạm tội. Nếu Tỳ-kheo kia thật không phạm tội mà bị cử, các thầy cũng nên nói: Nên tự thấy tội sám hối. Vị kia bèn khởi ý nghĩ như vầy: Nếu ta nói không thấy tội, Tăng sẽ trao cho ta Yết-ma không thấy tội, không cùng ta ở, không cùng ta Bố-tát, Tự tứ làm các Tăng sự. Các thầy lại nói như thế để đưa đến sự tranh cãi, khiến cho Tăng không hòa hợp, chia rẽ, sinh các trần cấu. Bằng mọi cách tránh điều này, nên khiến cho đương sự tự thấy tội sám hối. Đức Thế Tôn nói như vậy rồi. Lại đến nơi chúng Tỳ-kheo cử tội kia, nói: Các thầy đừng cưỡng bức cử tội người khác. Nếu thật người kia phạm tội, Tăng nên nói: Thầy tự thấy tội. Nếu vị kia nói: Tôi không có tội làm sao thấy? Tăng nên cân nhắc: Nếu chúng ta trao cho pháp Yết-ma không thấy tội, không cùng ở, không cùng Bố-tát, Tự tứ làm các Tăng sự, do đó đưa đến sự tranh cãi, mạ lị lẫn nhau, khiến cho Tăng không hòa hợp, chia rẽ, sinh các trần cấu. Các thầy nên sợ điều này, đừng nên cử tội xả trí.

Các Tỳ-kheo tuy nghe Phật nói mà vẫn tranh cãi không thôi, trong bữa ăn cao giọng mắng nhau, đả kích nhau. Đức Phật lại nói: Không nên mắng nhau, không nên trên bữa ăn cao giọng, vi phạm, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu ai đánh nhau, phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo tuy nghe lời Phật nói, vẫn tranh cãi nhau không thôi, trong cùng một cương giới làm Tăng sự riêng. Đức Phật lại bảo: Nếu Tăng đã bị phá, trong một cương giới tác Yết-ma riêng, như pháp như luật cũng gọi là Yết-ma thành tựu. Tại sao vậy? Hai bộ, kiến giải khác nhau không đồng ở với nhau. Không đồng ở có hai loại: Có trường hợp tự mình tạo ra việc không đồng trụ, có trường hợp Tăng tác pháp Yết-ma không đồng trụ. Các Tỳ-kheo tuy nghe lời của Phật nói vẫn tiếp tục tranh cãi.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

Các thầy chớ nên cùng nhau tranh chấp, cùng nhau phỉ báng, cùng nhau mạ lị, nên cùng nhau hòa đồng, tập hợp một chỗ, như nước hòa với sữa, cùng nêu truyền lời dạy của thầy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài sống an ổn, tuy Phật là Pháp chủ, như chúng con cũng tự biết.

Đức Phật Ba lần ngăn, các Tỳ-kheo cũng vẫn trả lời như vậy. Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

Từ đời quá khứ, nước Câu-tát-la có nhà Vua tên

là Trường-thọ, cai trị một nước nhỏ, binh chủng ít ỏi yếu kém. Lân quốc là Ca-di, Vua tên Phạm-đạt, thống trị một nước rộng lớn, binh chủng cường thịnh, lần lần xâm lăng cướp đoạt nước Câu-tát-la. Vua Phạm-đạt tiếp thu được vị Đại thần của Vua Trường-thọ, đãi ngộ rất hậu, được Vua tin dùng vào việc quốc sự. Khi ấy, Vua Trường-thọ mình trần, thân trụi cùng phu nhân làm người Bà-la-môn chạy thoát về nước Ba-la-nại, trú ngụ trong nhà người thợ lò gốm. Phu nhân bất thần nảy ra ý nghĩ: Ước nguyện sao lúc mặt trời vừa ló dạng, có nước mài dao chiến đấu của bốn binh chủng nơi ngả tư đường để lấy uống. Nghĩ rồi tâu với Vua: Nếu ý muốn ấy không thực hiện được thì em sẽ chết ở nơi này. Nhà Vua nói: Điều ấy không thể được. Chứng bệnh thiếu thực tế của em ắt phải chết, không còn nghi ngờ gì. Nhà Vua lại nói: Nếu Phạm-đạt nghe, biết mình ở đây, ắt bắt trói, đánh trống rao, hành hình, phanh thây ta làm năm phần. Thôi em hãy ráng chờ xem, ta sẽ bí mật đến gặp vị Đại thần nước kia, vấn ý điều này. Liền ngay sau lời nói, nhà Vua tìm cách đến gặp vị cựu thần để vấn kế. Vị cựu thần nói: Hạ thần cần gặp phu nhân, trước khi có ý kiến. Vị Đại thần liền đến chỗ phu nhân. Từ xa trông thấy phu nhân, bèn để trống vai bên phải, đầu mặt tác lễ, Ba lần xưng tụng: Nay phu nhân đang mang thai người con đại phước đức, quốc gia Câu-tát-la có người thừa kế. Vị Đại thần

tâu với Vua: Sáng mai, nguyện vọng của phu nhân sẽ có kết quả. Vị Đại thần nói xong, liền trở về chỗ Phạm-đạt, tâu: Đại vương biết chăng? Có một vị tinh tú như vậy xuất hiện, cần phải tập hợp bốn binh chủng vào sáng sớm ngày mai, tại bốn ngả tư đường hai bên diễn tập xáp chiến, rồi tất cả đều mài dao lấy nước này để trừ tai ương kia. Nếu không như vậy ắt phải chịu nguy khốn lớn. Vua Phạm-đạt liền nói: Cần thực hiện ngay. Thế là vị Đại thần liền ra lệnh bốn binh chủng nghiêm túc chuẩn bị ứng chiến. Sáng sớm ngày mai, nơi ngả tư đường, hai bên xáp chiến rồi, tất cả đều mài dao. Được lệnh mật, phu nhân đứng vào một địa điểm và nhận được nước mài dao của vị Đại thần. Được nước, phu nhân uống ngay và bào thai được nuôi dưỡng. Mãn nguyệt khai hoa, người con ra đời, với dung mạo thù diệu, tự là Trường-sinh. Khi lên mười tuổi, người cha nói với con: Phạm-đạt xâm đoạt nước ta, cha cùng mẹ của con trốn thoát đến đây. Con đã lớn nhanh lên trong những tháng ngày dài lao khổ của cha mẹ. Phạm-đạt có thể biết được chỗ ở của cha con mình, sẽ giết hết cả hai, con có thể đi xa, đừng quyến luyến cha mẹ. Trường-sinh buồn khóc, kính lễ sát chân cha mẹ, nhiễu ba vòng rồi đi. Trường-sinh học tập kỹ nghệ, toán số, văn tự, bắn cung, cỡi ngựa, điều phục voi ngựa, âm nhạc, không một môn học nào không hơn người. Trường-sinh dốc lòng phụng thờ thầy dạy voi để

biết hết nghệ thuật điều khiển voi. Người thợ hớt tóc xưa kia của Vua Trường-thọ, sau này lại làm người hớt tóc cho Phạm-đạt. Nhận được lệnh hớt tóc, ông ta tìm đến chỗ Vua. Do vì biết rõ chỗ ở của Vua Trường-thọ, ông ta không dám che giấu, khi Phạm-đạt xét hỏi đã khai báo rõ nơi ẩn trốn của Vua Trường-thọ. Phạm-đạt nghe rồi liền ra lệnh bắt trói cả vợ lẫn chồng, đánh trống rao khắp hang cùng ngõ hẻm rồi đem tại ngả tư để phân thây làm năm phần. Bị bắt và thụ án theo lệnh Vua, Trường-sinh nghe tin này, vội vã đến hiện trường, đứng bên lề đường thấy vậy, nát ruột nát gan, căm hờn suy nghĩ: Nỗi oán hận của cha mẹ không cho phép ta đội trời chung, nay ta làm sao mà nhẫn chịu cho được! Với lòng thành của kẻ thất phu còn đủ để có được sự cảm hóa. Trường-sinh muốn thí mạng để trả mối nhục thù này. Cha mẹ từ xa thấy con, biết được lòng con khởi niệm báo thù, bèn như người cuồng cao cất tiếng nói một mình: Con đừng thấy lâu dài, cũng không thấy ngắn ngủi, dùng oán trả oán, oán không do đâu mà dứt, dùng đức trả oán, oán kia mới hết. Thuận theo lòng cha mẹ mới gọi là con có hiếu, làm theo ý chí riêng của mình, không phải là cái đạo của cha. Khi ấy, người đi xem đều nói: Vua Trường-thọ vì sợ sệt nên nói cuồng, chỉ có Trường-sinh nghe mới hiểu được thâm ý của cha nên đè nén được lòng mình để tạm yên, tuy lòng dạ nát tan nhưng không để lộ rõ bên

ngoài. Đã chế ngự được lòng và lấy lại được sự bình tĩnh, Trường-sinh trở về lại chỗ thầy dạy voi, tuy nhiên anh ta vẫn không quên được hận, tìm cách báo thù. Sau đó, nơi chuồng voi, nửa đêm, tiếng đờn cầm lại vang lên, âm thanh này lan tỏa trong thanh tịnh đã lọt vào tai Phạm-đạt. Nhà Vua liền hỏi: Nơi chuồng voi, ai có khả năng chơi đàn cầm, âm thanh lại tuyệt như thế? Cận thần thưa: Tượng sư tên là… có người học trò, chính người này có khả năng đó. Được lệnh Vua gọi, Trường-sinh vội đến dạo khúc đờn cầm cho Vua nghe. Nghe xong, Vua có suy nghĩ: Từ khi ta làm Vua chưa từng nghe được âm thanh tuyệt vời này. Phạm-đạt liền tín nhiệm cho phép Trường-sinh được ở lại bên mình. Sau một thời gian, nhà Vua liền ra lệnh nghiêm giá bốn binh chủng, dẫn các cung nhân, quần thần, thái tử du ngoạn để săn bắn. Trong khi binh chủng tứ tán rượt theo các con nai, thì Trường-sinh lại bảo vệ nhà Vua, tiền quân cách xa xe Vua đến ba do-tuần, không còn ai biết đến Vua. Bấy giờ, nhà Vua mệt mỏi, nói với Trường-sinh: Ta muốn nằm nghỉ một chút, ngươi có thể bảo vệ cho ta không? Trường-sinh tâu: Nhà Vua cứ yên nghỉ, con có thể bảo vệ được. Vua liền nằm bên gốc cây, gối nơi đầu gối của Trường-sinh mà ngủ. Cây kiếm hộ thân của Vua, tự nhiên tuột ra trước mặt Trường-sinh. Trường-sinh bèn khởi ý nghĩ: Nhà Vua này đối với ta có mối thù lớn như

vậy, hôm nay gặp cơ hội này, đâu có thể bỏ qua. Liền đứng dậy cầm lấy thanh gươm, định chặt cổ Vua. Thoạt nhiên, ý niệm này xảy đến: Trọng ân của cha mẹ lớn hơn trời đất, trước khi rút hơi thở cuối cùng, người có dạy ta: Con đừng thấy lâu dài cũng đừng thấy ngắn ngủi. Lấy oán báo oán, oán không do đâu chấm dứt… Tại sao ta lại trái lời dạy ấy! Nghĩ xong liền để cây kiếm lại và bảo vệ cho Vua ngủ. Khi đó, nhà Vua thức dậy với vẻ hoảng hốt. Trường-sinh hỏi: Vì lý do gì nhà Vua có vẻ kinh hãi vậy? Nhà Vua trả lời: Ta nằm mộng thấy con của Vua Trường-thọ cầm kiếm muốn đoạt mạng ta. Trường-sinh tâu: Đây là nơi đồng không mông quạnh, duyên cớ nào bỗng nhiên có con của Vua Trường-thọ, ắt là sơn thần khủng bố Vua hay chăng! Vua cứ yên nghỉ chớ nên lo ngại. Sự việc như vậy xảy ra Ba lần. Đến giấc ngủ sau cùng của Vua, Trường-sinh lại khởi ý niệm: Cha mẹ ta trước khi từ trần, dạy ta một cách thống thiết: Dùng đức báo oán, oán kia mới hết, tại sao nãy giờ Ba lần ta muốn trái phạm?! Từ nay ta đã khắc phục, với ý niệm: Thờ Vua như thờ người thân, dứt khoát không sinh khởi một mảy may ý niệm sát hại. Trường-sinh nghĩ như vậy rồi, nhà Vua thức dậy với vẻ mặt rất hoan hỷ. Trường-sinh hỏi vì lý do nào mà nhà Vua rất hoan hỷ? Vua nói: Ta nằm mộng thấy con của Vua Trường-thọ muốn thờ ta như người thân, không ôm lòng oán hại, cho nên ta

vui. Lúc ấy, Trường-sinh liền tâu với Vua: Con của Vua Trường-thọ chính là con đây. Vua hại cha mẹ của con, con nuôi chí giết Vua, Ba lần nhớ lại lời di chúc của cha con nên Vua mới khỏi chết. Tuy vậy, tâm ấy khó bảo đảm, sau này có thể phát sinh, xin nhà Vua giúp cho con đường lối giải quyết, đừng để lại mối lo âu về sau. Nhà Vua nói: Ta đã làm việc vô đạo, còn cha con của ông thì lại nặng lòng nhân từ, nay cớ sao ta phải sống với lo âu vây bủa?! Ông đã cho ta mạng sống này lại thề không phụ nhau. Vua Phạm-đạt liền ra lệnh quân quay trở về rồi tập hợp quần thần, cùng thảo luận vấn đề Vua đặt ra: Nếu bắt được con của Vua Trường-thọ thì sẽ xử trị thế nào? Có người nói phải chặt tay chặt chân, có người nói phải xẻo mũi xẻo tai, có người nói phải dùng búa bửa nó ra, có người nói phải lấy cây xâu nó để nướng. Nhà Vua liền chỉ tay nói: Người này chính là con của Vua Trường-thọ. Chính người này đã cho ta mạng sống, nay ta sẽ dùng mạng sống để đền trả lại. Tất cả không được ai có ý ác đối với người này. Giải quyết xong, về lại cung, nhà Vua đem người con gái gả cho Trường-sinh. Tay bên trái bưng mâm vàng, tay bên phải nhà Vua bưng bình vàng đựng nước rót lên tay của Trường-sinh lúc Trường-sinh được đưa trở về bổn quốc để phục nhậm Vua nước Câu-tát-la. Các nước lân cận cùng có mối giao hảo hòa hợp nhiều lời như vậy. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Người đời, Vua một nước còn tạo điều kiện hòa giải được mối thù lớn này, đều do vận dụng không một niệm ác để biến thành thân hậu. Các thầy xuất gia cầu đạo vô vi, tại sao việc nhỏ cùng nhau tranh chấp để mất cái lợi lớn! Nên bỏ tâm ấy cùng nhau hòa đồng, như sữa hòa với nước, cùng truyền bá lời dạy của bậc thầy, để cùng nhau sống trong sự an lạc.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài sống an ẩn. Đức Phật tuy là ngôi vị Pháp vương nhưng chúng con tự biết. Do vậy cố ý không xả.

Đức Phật bèn bay lên hư không, nói kệ:

Tuôn các ác lên nhau
Chẳng còn đâu thắng pháp
Tăng phá chia thành hai
Hại này do lời ác.
Mạng người, cốt nhục lìa
Cướp trâu, ngựa, tài sản
Oán phá nước, diệt giòng
Hòa hợp vẫn còn được.
Ví hai cây cọ nhau
Phát hỏa tự đốt cháy
Đâu không phải lẽ thường
Ngu oán hận cũng vậy.
Các thầy nhục mạ nhau
Sao cứ chấp không bỏ
Họa oán nào dứt được

Ngày đêm càng chôn sâu.
Thêm nhiều tiếng ác mắng
Nếu được, đừng báo thù
Nhẫn này, không gây oán
Oán có tự nhiên trừ.
Nếu lấy oán trừ oán
Oán trọn đời không tiêu
Oán trừ từ xả bỏ
Đấy sức mạnh vô song.

Đức Thế Tôn nói kệ này rồi, liền dùng thần lực bay đến làng Ba-la, trụ dưới tàng cây Bạt-đà-bà-la, không có thị giả. Khi ấy, tại đó có một con voi lớn, bị các con voi con gây não. Lúc muốn uống nước, các con voi con đi trước làm cho nước bị đục. Lúc muốn ăn cỏ, các con voi con đi trước ăn rồi đạp lên trên làm cho dơ nhớp. Con voi kia nghĩ: Nay ta bị đám voi nhỏ gây khốn khó, thà là tránh đi, nghĩ rồi liền đi. Voi lớn hằng ngày đã được nước trong cỏ tốt rồi tuần tự đi đến rừng Bạt-đà-bà-la, thấy Đức Phật voi rất hoan hỷ. Voi vì Phật lấy nước và dọn cỏ hai bên chỗ Phật ở. Đức Phật cũng như con voi này, xa lìa được đồng loại quấy phá nên an lạc trong sự yên tịnh, Phật nói kệ:

Hai rồng lòng đều bị
Kẻ hậu côn gây não
Bỏ lại đi một mình
Nay vui nơi rừng vắng.

Đức Phật nói kệ rồi, Ngài từ rừng Bạt-đà-bà-la

qua thành Xá-vệ, trú trong Tinh xá Kỳ-hoàn. Khi ấy, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, ngoại đạo Bà-la-môn, cúng dường cung kính tôn trọng tán thán, nên nhận được nhiều thức ăn, thức uống, y phục. Đức Thế Tôn không hề đắm vướng giống như hoa sen. Trong lúc này, nơi thành Câu-xá-di các Ưu-bà-tắc đều có chung một ý nghĩ: "Chúng ta nay mất đại lợi, do các Tỳ-kheo ưa tranh chấp nên Đức Thế Tôn không ở đây, cần phải tạo phương tiện khiến họ lìa xa nơi này". Bèn dặn nhau, không tiếp xúc và cúng dường vật thực cho các Tỳ-kheo ấy. Các Tỳ-kheo ấy cũng nghĩ: "Do tội lỗi của chúng ta gây nên, khiến Đức Thế Tôn bỏ nơi này mà đi, nay ta nên cùng nhau đến chỗ Đức Phật tha thiết sám hối".

Các Tỳ-kheo ấy bèn mặc y bưng bát đến chỗ Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe các Tỳ-kheo tranh chấp kia đến, bèn cùng năm trăm Tỳ-kheo tới chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật:

Các Tỳ-kheo tranh chấp nơi Câu-xá-di sắp đến đây, chúng con sẽ nên đối xử với họ như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

Thầy nên cho phép hai bên tự nói lên ý nghĩ của mình, nếu như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì khéo đối xử họ bình thường như người bạn.

Tôn giả lại hỏi:

Bạch Thế tôn! Có bao nhiêu việc để biết các vị kia nói như pháp, như luật, như lời Phật dạy? Có bao nhiêu việc để biết các vị lại nói phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy?

Đức Phật dạy:

Nếu tạo nên mười bốn pháp: Pháp nói là phi pháp… cho đến câu: Là lời Phật chế nói chẳng phải là lời Phật chế, như vậy gọi là phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy. Nếu ngược lại những điều trên tức là pháp, là luật, là lời Phật dạy.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề nghe các Tỳ-kheo tranh chấp kia đến, liền cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Các Tỳ-kheo tranh chấp nơi Câu-xá-di sắp tới đây, chúng con sẽ nên đối xử với họ như thế nào?

Đức Phật dạy:

Quý vị nên để họ nói lên ý kiến của hai bên. Nếu như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì khéo đối xử với họ, nên đến Tỳ-kheo như pháp, như luật, như lời Phật dạy siêng cầu năm việc. Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến Tỳ-kheo như pháp cầu người giáo thọ. Tỳ-kheo-ni cần phải nương nơi chỗ có Tỳ-kheo như pháp mà an cư mùa hạ, an cư rồi phải đến Tỳ-kheo như pháp cầu thỉnh tội kiến, văn,

nghi. Thức-xoa-ma-na học giới hai năm rồi nên đối trước hai Tăng thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo-ni phạm tội thô ác phải đối giữa hai bộ Tăng hành pháp Ma-na-đỏa nửa tháng, hành pháp Ma-na-đỏa rồi nên đối trước hai bộ Tăng, mỗi bên hai mươi vị cầu pháp xuất toại. Nếu Tỳ-kheo-ni Tăng lại có những việc gì khác nên dốc cầu Tỳ-kheo như pháp chỉ giáo.

Bấy giờ, Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe các Tỳ-kheo tranh chấp kia sắp đến, liền cùng năm trăm Ưu-bà-tắc tới chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, bạch:

Bạch Đức Thế Tôn! Các Tỳ-kheo tranh chấp ở Câu-xá-di sắp tới đây, chúng con nên cung kính đối xử như thế nào?

Đức Phật dạy:

Ông nên để họ nói lên ý kiến của mỗi bên, nếu như pháp, như luật, như lời Phật dạy thì tiếp nhận sự răn dạy của họ, cho đến việc cung kính cúng dường cần phải bình đẳng. Tại sao vậy? Ví như thật là thỏi vàng dù có chặt làm hai đoạn thì đoạn nào cũng vẫn là vàng.

Mẹ của Tỳ-xá-khư cùng năm trăm Ưu-bà-di đến chỗ Đức Phật, bạch như trên, Đức Phật cũng trả lời như trên.

Khi ấy, Tôn giả A-nan thấy các Tỳ-kheo kia vào thành Xá-vệ, bèn đến bạch Phật:

Tỳ-kheo tranh chấp ấy đã vào đây, con phải trải ngọa cụ như thế nào?

Đức Phật dạy:

Nên trao cho họ phòng bên cạnh, nếu không đủ chỗ thì trao cho họ phòng giữa, không được để cho Thượng tọa ấy không có chỗ nương trú.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, liền sắp xếp chỗ ở.

Lúc này, Tỳ-kheo bị cử tội kia, nơi chỗ vắng khởi ý niệm: Ta là người có tội, đâu phải là người không có tội, đã trở thành kẻ bị cử tội hay không trở thành kẻ bị cử tội, Yết-ma như pháp hay là không như pháp, ta nay có thể cẩn trọng y theo kinh, luật mà tư duy? Tư duy rồi biết mình có tội, biết thành như pháp Yết-ma bị cử tội, bèn đến chỗ các Tỳ-kheo bè bạn nói: Tôi đã tự thấy tội, các Đại đức vì tôi yêu cầu hòa

hợp giải Yết-ma trước đây. Các Tỳ-kheo bèn dẫn đến chỗ Tỳ-kheo đã trao cho pháp Yết-ma không thấy tội, thưa: Tỳ-kheo này đã tự thấy tội, nguyện vì đương sự giải Yết-ma trước đây. Thế là, hai bộ Tăng đưa Tỳ-kheo bị cử tội đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo này phạm tội chứ không phải không phạm tội, thành kẻ bị cử tội chứ không phải không

thành kẻ bị cử tội, Yết-ma thành tựu, chứ không phải không thành tựu. Nay Tăng nên trao cho pháp giải Yết-ma trước đây. Lại nên bạch nhị Yết-ma để tác pháp hòa hợp. Tỳ-kheo kia nên đến trước Tăng, kính lễ sát chân thưa: Tôi Tỳ-kheo tên là… Tăng đã vì tôi tác pháp Yết-ma không thấy tội, nay tôi đã thuận theo Tăng sám hối, cúi xin Tăng giải Yết-ma không thấy tội. Nguyện Tăng rủ lòng thương vì tôi giải. Thưa xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo xướng đọc:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Các Tỳ-kheo này trước đây cùng nhau tranh chấp, cùng nhau mạ lị, có người nói phạm, có người nói không phạm, có người nói thành bị cử, có người nói không thành bị cử, có người nói Yết-ma thành tựu, có người nói Yết-ma không thành tựu. Các Tỳ-kheo này, nay tự thấy có phạm tội, chứ chẳng phải không phạm tội, thành bị cử chứ không phải không thành bị cử, Yết-ma thành tựu chẳng phải không thành tựu. Nay Tăng vì họ giải Yết-ma không thấy tội, trở lại tác pháp hòa hợp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Những Tỳ-kheo này trước đây cùng nhau tranh chấp… cho đến câu: Trở lại tác pháp hòa hợp. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã vì các Tỳ-kheo… giải Yết-ma, trở lại tác pháp hòa hợp rồi. Tăng đồng ý nên im lặng.

Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Đức Phật dạy:

Đã Yết-ma xong thì phải cùng nhau hòa hợp để Bố-tát. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Tỳ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp được cử sự?

Đức Phật dạy:

Như trong pháp Tự tứ đã nói.

Đức Phật ở tại nước Chiêm-bà, trụ bên sông Hằng, cách thành

Vương-xá không xa. Một trú xứ có một Tỳ-kheo họ là Ca-diếp, làm tri sự, với lời nguyện: Nguyện Tỳ-kheo bốn phương, số đông tập hợp về đây, khiến cho các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nhân cơ hội này làm được nhiều công đức. Trú xứ kia rộng rãi, do lời nguyện ấy sau được kết quả. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo có quen biết đến trú xứ kia, Tỳ-kheo Ca-diếp ra nghinh đón, lễ bái chào hỏi, rước y bát, lấy nước rửa chân, dâng các thức uống sau giờ ngọ, sáng ngày cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau, cũng dâng cúng y phục, nhiều ngày như vậy. Tỳ-kheo khách cùng nhau bàn nghị: Tỳ-kheo này có hổ thẹn, tu phạm hạnh, muốn chúng ta ở lại đây lâu, chúng ta có thể an cư nơi đây. Nghị bàn như vậy rồi, cùng nhau ở lại. Tỳ-kheo Ca-diếp sau đó nghĩ: Tỳ-kheo khách này đã hết mệt mỏi, đã quen biết xóm làng, ta không thể hằng ngày khuyến hóa

bữa ăn trước, bữa ăn sau. Nghĩ như vậy rồi bèn chấm dứt sự cúng dường. Tỳ-kheo khách nổi giận cùng nhau nghị bàn: Tỳ-kheo ấy muốn cho chúng ta sớm đi khỏi chỗ này, chắc chắn là Tỳ-kheo ác, không có hổ thẹn, không tu phạm hạnh, chúng ta nên cùng nhau tác Yết-ma không thấy tội. Nghị bàn rồi, bèn cùng nhau cử tội. Tỳ-kheo Ca-diếp khởi ý niệm: Mình có tội hay là không có tội, thành kẻ bị cử hay không thành kẻ bị cử, Yết-ma thành tựu hay không thành tựu? Đức Thế Tôn hiện nay ở bên sông Hằng, ta nên đến thưa hỏi Ngài, nếu Ngài dạy bảo thế nào ta sẽ phụng hành. Nghĩ rồi liền mặc y, bưng bát đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên.

Đức Phật an ủi hỏi:

Thầy từ đâu đến, khất thực có thiếu thốn không, trên đường đi có nhọc mệt không?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

Khất thực không thiếu thốn, trên đường đi không nhọc mệt, nhưng cách thành Vương-xá không xa có một trú xứ, con làm tri sự, con từ đó đến đây… tức trình bày các nhân duyên trên một cách đầy đủ với Đức Phật.

Đức Phật dạy:

Thầy không có phạm tội, không có tội gì cả, thầy cứ trở về an tâm lưu trú nơi đó.

Tôn giả Ca-diếp thọ giáo, kính lễ sát chân, đi

nhiễu bên phải rồi cáo lui.

Các Tỳ-kheo khách không thấy Ca-diếp trở về cùng nhau nghị bàn: Chúng ta bất thiện, tại sao lại cử tội vị Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội, nên cùng nhau đến chỗ Phật sám hối để trừ tội. An cư Tự tứ xong, họ đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên.

Đức Phật an ủi, hỏi:

Khất thực có bị thiếu thốn không? Trên đường đi có nhọc mệt lắm không? An cư nơi trú xứ nào?

Các Tỳ-kheo khách thưa:

Khất thực không bị thiếu thốn, trên đường đi không nhọc mệt, nhưng cách thành Vương-xá không xa, có một trú xứ chúng con an cư nơi đó.

Đức Phật hỏi:

Các thầy ở nơi trú xứ đó, trao cho Tỳ-kheo kia Yết-ma không thấy tội phải không?

Bạch Thế Tôn! Có. Đức Phật hỏi:

Vì sao cử tội như vậy?

Bạch Thế Tôn, không có việc gì cả. Đức Phật bằng mọi cách quở trách:

Các thầy làm điều phi pháp, không nên tạo nghiệp ác như vậy, tại sao lại trao Yết-ma không thấy tội cho Tỳ-kheo thanh tịnh, không có tội!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con ngu si đã làm việc như vậy, chúng con đều sinh tâm hối hận, nay

đến xin sám hối, cúi xin Ngài thương xót nhận sự sám hối của chúng con.

Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu do không có việc gì mà tác pháp Yết-ma thì Yết-ma đều không thành tựu.

Có các Tỳ-kheo tác pháp Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý, nhưng vắng mặt đương sự, lại vắng mặt khi làm tác pháp Biệt trú, Bổn nhật trị, Ma-na-đỏa, A-phù-ha-na, lại vắng mặt mà kiết giới, giải giới, lại vắng mặt mà giải người được Tăng sai, lại vắng mặt mà sai người chưa được Tăng sai, lại vắng mặt mà sai người chưa được Tăng sai. Các Tỳ-kheo bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Nếu vắng mặt đương sự mà làm pháp Yết-ma quở trách… cho đến câu: Vắng mặt mà tác Yết-ma sai người chưa được Tăng sai. Những Yết-ma này đều không như pháp, Yết-ma không thành.

Lúc này, Lục quần Tỳ-kheo ở ngoài giới mà làm Yết-ma quở trách không như pháp… cho đến Yết-ma hạ ý, thực hiện rồi lại vào trong giới nói với các Tỳ-kheo: Chúng tôi ở ngoài cương giới cùng trao cho Tỳ-kheo… v.v… và v.v… Yết-ma quở trách… cho đến Yết-ma hạ ý, các Đại đức nên cho phép khiến thành Yết-ma như pháp. Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật, nhân việc này, Đức

Phật tập hợp các Tỳ-kheo bảo: Nếu Tỳ-kheo ở ngoài cương giới làm năm loại Yết-ma không như pháp… cho đến Yết-ma sai người chưa được Tăng sai, tuy trở lại nói với các Tỳ-kheo ở trong giới, khiến cho phép thành Yết-ma, tất cả đều không thành. Khi ấy, các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cùng một Tỳ-kheo cho đến cùng số đông Tỳ-kheo cùng Yết-ma, hai Tỳ-kheo cho đến số đông Tỳ-kheo cũng như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Những Yết-ma như vậy đều không thành, lại mắc tội Đột-kiết-la. Đức Phật lại dạy: Nếu tác Yết-ma, đối diện Yết-ma mà không tác bạch, không thành Yết-ma. Nếu tác Yết-ma mà điều nên nói trước lại nói sau, điều nên nói sau lại nói trước, cũng đều không thành. Nếu khi Yết-ma có người đủ quyền quở trách, không đồng ý cũng không thành, lại phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó, các Tỳ-kheo dùng pháp khác luật khác tác Yết-ma, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Yết-ma không thành. Các Tỳ-kheo lại tác Yết-ma phi pháp biệt chúng, Yết-ma phi pháp hòa hợp, Yết-ma như pháp biệt chúng, Yết-ma như pháp hòa hợp, các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo, bảo: Ta không cho phép ba Yết-ma trước, chỉ cho phép Yết-ma như pháp hòa hợp. Có năm loại Yết-ma: Yết-ma phi pháp, Yết-ma biệt chúng, Yết-ma tợ pháp biệt chúng, Yết-ma tợ pháp hòa hợp, Yết-ma như pháp.

Thế nào gọi là Yết-ma phi pháp? Người nên đến không đến, nên gửi dục mà không gửi dục, có người được quyền quở trách, không đồng ý, mà cưỡng làm Yết-ma, nên bạch nhị Yết-ma, song chỉ bạch mà không Yết-ma, chỉ Yết-ma mà không bạch, hoặc lập lại lời bạch mà không Yết-ma, lập lại Yết-ma mà không bạch, nên Bạch-tứ-yết-ma, song chỉ bạch chứ không Ba lần Yết-ma, chỉ Ba lần Yết-ma mà không bạch, như vậy gọi là Yết-ma phi pháp.

Thế nào gọi là Yết-ma biệt chúng? Người nên đến không đến, người nên gửi dục không gửi dục, khi Yết-ma người được quyền quở trách không đồng mà cưỡng làm Yết-ma, như vậy gọi là Yết-ma biệt chúng.

Thế nào gọi là Yết-ma tợ pháp biệt chúng? Người nên đến không đến, người nên gửi dục không gửi dục, nếu Yết-ma bạch nhị, bạch tứ, Yết-ma trước bạch sau. Khi Yết-ma người có quyền quở trách không đồng ý mà cưỡng làm Yết-ma, như vậy gọi là Yết-ma tợ pháp biệt chúng.

Thế nào gọi là Yết-ma tợ pháp hòa hợp? Người nên đến có đến, người nên gửi dục có gửi dục thọ, nếu bạch nhị, Bạch-tứ-yết-ma, Yết-ma trước bạch sau. Khi Yết-ma người có quyền quở trách không quở trách, như vậy gọi là Yết-ma tợ pháp hòa hợp.

Thế nào gọi là Yết-ma như pháp? Người nên

đến có đến, người nên gửi dục có gửi dục thọ. Khi Yết-ma người được quyền quở trách không quở trách, bạch nhị, Bạch-tứ-yết-ma đều bạch trước sau mới Yết-ma, như vậy gọi là Yết-ma như pháp.

Nếu khi vì Tỳ-kheo tác Yết-ma quở trách phi pháp, trong Tăng có bảy người cùng tranh cãi: Một người nói đây là Yết-ma phi pháp, một người nói đây là Yết-ma biệt chúng, một người nói đây là Yết-ma tợ pháp biệt chúng, một người nói đây là Yết-ma tợ pháp hòa hợp, một người nói đây là Yết-ma như pháp hòa hợp, một người nói thành tác Yết-ma, một người nói không thành tác Yết-ma. Trong bảy người này, có hai người nói như pháp, gọi là Yết-ma phi pháp không thành tác Yết-ma. Nếu vì Tỳ-kheo làm Yết-ma quở trách biệt chúng, Yết-ma quở trách tợ pháp biệt chúng, Yết-ma quở trách tợ pháp hòa hợp, cũng như vậy. Nếu khi vì Tỳ-kheo tác Yết-ma quở trách như pháp, có bảy người nói: Hai người nói như pháp, gọi là Yết-ma như pháp hòa hợp, thành tác Yết-ma. Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý cũng như vậy. Có Tỳ-kheo tranh chấp, các Tỳ-kheo nghị bàn: Tỳ-kheo này ưa tranh chấp, luôn luôn sinh sự, chúng ta có thể hòa hợp tác pháp Yết-ma quở trách như pháp, liền cùng nhau hòa hợp, muốn cùng nhau tác Yết-ma quở trách như pháp, mà ngược lại tác Yết-ma quở trách không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại tác

Yết-ma quở trách tợ pháp hòa hợp cũng như vậy. Tỳ-kheo kia lại thay đổi chỗ ở, các Tỳ-kheo ở chỗ khác nghị bàn: Tỳ-kheo này ưa tranh chấp, các Tỳ-kheo kia vì tác pháp Yết-ma quở trách tợ pháp hòa hợp, Yết-ma không thành. Chúng ta có thể cùng tác pháp Yết-ma quở trách như pháp hòa hợp. Muốn cùng nhau làm Yết-ma quở trách như pháp hòa hợp, mà ngược lại làm không như pháp. Yết-ma khu xuất… cho đến làm ngược lại Yết-ma khu xuất như pháp, Yết-ma đều không thành… cho đến làm ngược lại, Yết-ma hạ ý cũng như vậy. Có Tỳ-kheo làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người, các Tỳ-kheo nghị bàn: Tỳ-kheo này làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người, chúng ta có thể hòa hợp cùng làm Yết-ma khu xuất như pháp, muốn cùng nhau làm Yết-ma khu xuất như pháp, mà làm ngược lại Yết-ma khu xuất không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến làm ngược lại Yết-ma khu xuất tợ pháp hòa hợp cũng như vậy. Tỳ-kheo kia bèn di chuyển ở chỗ khác, các Tỳ-kheo ở chỗ khác cũng nghị bàn: Tỳ-kheo này làm hạnh ác nhơ nhớp nhà người, bị các Tỳ-kheo làm pháp Yết-ma tợ pháp hòa hợp, Yết-ma không thành, chúng ta có thể trao cho pháp Yết-ma khu xuất như pháp, bèn cùng nhau muốn làm Yết-ma khu xuất như pháp, mà ngược lại làm Yết-ma y chỉ không như pháp, Yết-ma không thành…. cho đến ngược lại, làm Yết-ma y chỉ như pháp đều không thành Yết-ma… cho đến làm Yết-

ma quở trách cũng như vậy. Có Tỳ-kheo ngu si, vô trí luôn luôn phạm tội, các Tỳ-kheo nghị bàn: Tỳ-kheo này ngu si, vô trí luôn luôn phạm tội, chúng ta có thể hòa hợp trao cho pháp Yết-ma, bèn cùng nhau muốn làm Yết-ma y chỉ như pháp, mà ngược lại làm Yết-ma y chỉ không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại làm Yết-ma y chỉ tợ pháp hòa hợp, cũng như vậy. Tỳ-kheo kia-di chuyển đến ở chỗ khác, các Tỳ-kheo ở chỗ khác nghị bàn: Tỳ-kheo này ngu si, vô trí luôn luôn phạm tội, các Tỳ-kheo kia làm pháp Yết-ma y chỉ tợ pháp hòa hợp, Yết-ma không thành. Chúng ta có thể làm pháp Yết-ma y chỉ như pháp, bèn trao cho pháp Yết-ma y chỉ như pháp, song ngược lại làm pháp Yết-ma cử tội không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại, làm Yết-ma cử tội như pháp, Yết-ma cũng đều không thành… cho đến, ngược lại, làm Yết-ma khu xuất cũng như vậy. Có Tỳ-kheo phạm tội song không thấy tội, không sám hối, không xả tà kiến ác, các Tỳ-kheo nghị bàn: Tỳ-kheo này phạm tội mà không thấy tội, không sám hối, không bỏ tà kiến ác, chúng ta có thể hòa hợp trao cho pháp Yết-ma cử tội như pháp, bèn muốn cùng nhau làm pháp Yết-ma cử tội như pháp, song ngược lại làm pháp Yết-ma cử tội không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại làm Yết-ma cử tội tợ pháp hòa hợp, cũng như vậy. Tỳ-kheo kia-di chuyển chỗ ở khác, Tỳ-

kheo ở chỗ khác nghị bàn: Tỳ-kheo này phạm tội, không thấy tội, không sám hối, không xả tà kiến ác, các Tỳ-kheo kia làm pháp Yết-ma cử tội, tợ pháp hòa hợp, Yết-ma không thành. Chúng ta có thể làm pháp Yết-ma cử tội như pháp, bèn muốn cùng nhau làm pháp Yết-ma cử tội như pháp, song ngược lại làm pháp Yết-ma hạ ý không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại làm Yết-ma hạ ý như pháp, Yết-ma cũng đều không thành… cho đến ngược lại làm Yết-ma y chỉ cũng như vậy.

Có Tỳ-kheo nói lời thô ác, mắng các bạch y, các Tỳ-kheo nghị bàn: Tỳ-kheo này nói lời thô ác, mắng các bạch y, chúng ta có thể hòa hợp trao cho pháp Yết-ma hạ ý như pháp bèn muốn cùng làm pháp Yết-ma hạ ý như pháp, mà ngược lại làm pháp Yết-ma hạ ý không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại làm pháp Yết-ma hạ ý tợ pháp hòa hợp, cũng như vậy. Tỳ-kheo kia-di chuyển chỗ ở khác, các Tỳ-kheo ở chỗ khác nghị bàn: Tỳ-kheo này nói lời thô ác, mắng các bạch y, Tỳ-kheo kia làm pháp Yết-ma hạ ý tợ pháp hòa hợp, Yết-ma không thành. Chúng ta có thể vì đương sự làm pháp Yết-ma hạ ý như pháp, bèn muốn cùng nhau làm pháp Yết-ma hạ ý như pháp, song ngược lại làm pháp Yết-ma quở trách không như pháp, Yết-ma không thành… cho đến ngược lại làm pháp Yết-ma quở trách như pháp, Yết-ma

cũng đều bất thành… cho đến ngược lại làm pháp Yết-ma cử tội cũng như vậy.

Có năm hạng Tăng: Tăng bốn Tỳ-kheo, Tăng năm Tỳ-kheo, Tăng mười Tỳ-kheo, Tăng hai mươi Tỳ-kheo, và Tăng vô lượng Tỳ-kheo. Tăng bốn Tỳ-kheo: Trừ Yết-ma thọ giới, Yết-ma xuất tội, ngoài ra các Yết-ma khác đều được làm. Tăng năm Tỳ-kheo: Nơi trung quốc (nơi có nhiều Tăng) trừ Yết-ma thọ giới và xuất tội, chốn biên quốc (nơi có ít Tăng) trừ Yết-ma xuất tội, ngoài ra các Yết-ma khác đều được thực hiện. Tăng mười vị: Trừ Yết-ma xuất tội, ngoài ra các Yết-ma khác đều được làm. Tăng hai mươi vị: Tất cả Yết-ma đều được làm. Nếu Yết-ma mà Tăng là bốn Tỳ-kheo, người thứ tư không đúng pháp không đúng Tỳ-ni (không đủ pháp Tỳ-kheo) Yết-ma không thành, Tăng có lỗi.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu khi Tăng Yết-ma, có người quở trách (ngăn), ai là người thành quở trách, ai là người không thành quở trách?

Đức Phật dạy:

Người bị Yết-ma quở trách, vì vậy mà không thành quở trách, Tỳ-kheo cách vách quở trách không thành quở trách. Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni quở trách, đều không thành quở trách. Tỳ-kheo đồng cương giới quở trách… cho

đến khiến vị ngồi nghe là thành quở trách. Có ba hạng người không nên cho giải pháp Yết-ma, nếu cho giải thì không thành giải. Ba hạng ấy là: Tỳ-kheo phạm tội mà không thấy tội, Tỳ-kheo nên sám hối mà không chịu sám hối, Tỳ-kheo nên bỏ tà kiến ác mà không chịu bỏ tà kiến ác. Ba hạng là như vậy, nếu chưa tác pháp Yết-ma trao cho thì nên tác pháp Yết-ma trao cho, nếu đã tác pháp Yết-ma trao cho thì đó là thiện tác Yết-ma. Nếu ngược lại trên, chưa trao cho Yết-ma giải thì nên trao cho Yết-ma giải, nếu đã trao cho Yết-ma giải thì gọi là thiện giải.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo, một tên là Bàn Nha, một tên là Lô hê ưa cùng nhau tranh cãi, cũng tranh chấp làm não loạn người khác, chưa sinh tranh chấp bèn sinh, đã sinh tranh chấp thì khuấy rộng ra, các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi hai Tỳ-kheo kia: Sự thật có phải như vậy không? Đáp: Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự có. Đức Phật bằng mọi cách quở trách: Các ngươi là người ngu si, làm việc phi pháp, không nên làm nghiệp ác như vậy. Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay nếu có Tỳ-kheo nào như vậy, Tăng nên trao cho pháp Yết-ma quở trách. Nếu họ không bỏ thì nên tùy theo sự việc Bạch-tứ-yết-ma Tăng thêm tội kia. Có ba pháp nên trao cho pháp Yết-ma quở trách: Đã tự mình tranh chấp, lại tranh chấp với

người khác, trước sau chẳng phải một. Lại có ba pháp: Thân cận bạn ác, cùng người ác làm bạn, chính mình ưa làm điều ác, cũng nên trao cho pháp Yết-ma quở trách. Lại có ba pháp: Phá Tăng thượng giới, phá Tăng thượng kiến, thân cận tùy thuận bạch y, cũng nên trao cho pháp Yết-ma quở trách. Có ba loại Yết-ma quở trách không thành: Người bị quở trách nên có mặt mà lại quở trách vắng mặt. Cần hỏi Tăng, nên trao cho pháp Yết-ma quở trách không, nhưng không hỏi. Nên khiến người bị quở trách tự nói tội lỗi của mình mà không khiến họ tự nói. Lại có ba thứ Yết-ma không thành: Nên tác Yết-ma hiện tiền mà không hiện tiền, phi pháp biệt chúng, nên khiến họ tự nói tội lỗi của mình mà không khiến. Tỳ-kheo thọ Yết-ma quở trách nên nghiêm chỉnh thuận Tăng, nghĩa là tuân hành: Không nên độ người, không nên trao giới cụ túc cho người, không nên cho người y chỉ, không nên nuôi Sa-di, không nên làm người hành trù, nếu Tăng sai cũng không nên nhận, không nên giáo giới Tỳ-kheo-ni, nếu Tăng sai cũng không nên nhận, Tăng sai bất cứ điều gì không nên nhận, nếu khi hành Tăng sự không được có ý kiến, không được mắng các Tỳ-kheo khác, không được dựa thế nhà Vua, không được ỷ thế của mình, không được ỷ thế của thân tộc, chỉ nên nương vào uy lực của Phật, Pháp, Tăng, nên ăn năn tự trách, không chống trái ý của Tăng, cần cầu giải Yết-ma. Sau đó, hai

Tỳ-kheo kia thuận tùng đối với Tăng, cải hối tự trách, cần cầu giải Yết-ma quở trách. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy: Tăng nên Bạch-tứ-yết-ma giải. Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng, kính lễ sát chân Tăng, cầu xin giải Yết-ma quở trách Ba lần. Tăng nên sai một Tỳ-kheo xướng đọc:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… ưa cùng nhau tranh chấp lại tranh chấp làm não loạn người này, người nọ, nên chưa sinh tranh chấp lại sinh, đã sinh thì lan rộng, trước đây Tăng đã trao Yết-ma quở trách mà không từ bỏ, nên gia tăng thêm tội kia. Nay đương sự đã thuận tùng Tăng, ăn năn tự trách, siêng cầu giải Yết-ma. Nay Tăng tác pháp giải Yết-ma, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp Thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… ưa cùng nhau tranh chấp… cho đến câu: Nay Tăng giải Yết-ma. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… pháp giải Yết-ma quở trách rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Bấy giờ, ở cách thành Xá-vệ không xa có khu rừng Am-ma-lặc. Bên cạnh khu rừng ấy có ông Trưởng giả tên là Chất-đa-la, có lòng tin kính Phật

pháp, thường cung cấp cho các Tỳ-kheo. Nơi rừng Am-ma-lặc có một Tỳ-kheo tên là Thiện Pháp, bậc cựu trú nơi đây, làm tri sự. Trưởng giả Chất-đa-la khi muốn thỉnh Tăng cúng y thực hay bố thí vật gì cho ai đều tin cho Tỳ-kheo Thiện Pháp biết trước. Bấy giờ, hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng năm trăm Tỳ-kheo du hành nơi khu rừng ấy. Trưởng giả nghe, liền đích thân ra nghinh đón, khi đến nơi đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Sau khi nghe pháp diệu, điều lợi ích được chỉ bày rồi, Trưởng giả hoan hỷ bạch: Mời quý vị sáng mai thọ trai nơi nhà tôi, quý vị nhận lời bằng sự im lặng. Biết được sự nhận lời rồi, Trưởng giả trở về nhà, đến nơi chỗ Tỳ-kheo Thiện Pháp nói: Tôi mời hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên… sáng mai thọ trai, Đại đức đến dùng cơm với các vị ấy. Tỳ-kheo Thiện Pháp khởi ý nghĩ: Trưởng giả ác này tâm hồn đã bị bại hoại, từ lâu nay, khi cần thỉnh Tăng đều cho ta biết trước, tại sao nay thỉnh hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng năm trăm Tỳ-kheo mà không cho ta biết. Nghĩ rồi lại nói: Sáng mai tôi sẽ đến. Ông Trưởng giả trở về nhà, suốt đêm lo sửa soạn các thức ăn ngon bổ, những thức ăn quý giá nhất trong thế gian không thiếu thứ gì. Sáng ngày mai trải tòa ngồi, Tỳ-kheo Thiện Pháp đến, thấy sửa soạn như vậy, không thiếu một thứ mỹ thuật nào. Do gia đình ông Trưởng giả có ép dầu nên Thiện Pháp nói: Các thứ

ăn đầy đủ cả, chỉ thiếu món bánh dầu "Hồ ma". Ông Trưởng giả nghe rồi, bèn nổi giận nói: Đại đức uyên thâm giáo lý mà tuôn ra những lời ác như vậy! Ông Trưởng giả liền nói ví dụ: Xưa kia có người khách buôn từ phương Bắc đem một con gà mái đến nước Ba-tuần, nước Ba-tuần không có gà trống, cho con quạ rập với nó, đẻ ra trứng, ấp nở ra thành con quạ con, khi lớn lên nó phát ra tiếng gà không được, nó kêu tiếng con quạ cũng không xong. Nay Đại đức cũng như vậy, uyên thâm giáo lý mà tuôn ra lời nói ác. Tỳ-kheo Thiện Pháp nghe rồi nổi giận nói: Trưởng giả nhục mạ tôi một cách quá đáng, làm sao tôi ở đây được, tôi sẽ đi phương xa. Ông Trưởng giả lại nói: Đại đức đừng nổi giận, nên lưu lại đây, tôi sẽ như thường cung cấp y thực. Nói như vậy Ba lần, Tỳ-kheo Thiện Pháp vẫn không chịu ở lại. Ông Trưởng giả nói: Đại đức muốn đi đến đâu? Tỳ-kheo đáp: Tôi muốn đến chỗ Đức Phật. Ông Trưởng giả nói: Nếu đến chỗ Đức Phật, tôi xin kính lời vấn an Đức Thế Tôn và xin Đại đức trình bày đúng sự thật, chớ nên thêm bớt. Tỳ-kheo Thiện Pháp nói: Được rồi! Bây giờ ông Trưởng giả trải tọa cụ xong, đến bạch: Trai soạn xong, giờ thọ trai đã đến, xin kính mời. Hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, đại chúng vây quanh, đến nhà ông Trưởng giả. Ông Trưởng giả tự tay dâng thức ăn, ăn xong dâng nước rửa, rồi lấy chiếc ghế nhỏ, ngồi phía trước, hai Tôn giả vì gia

chủ nói các pháp mầu, chỉ vẽ sự lợi ích, để được vui vẻ rồi từ tòa ra về. Sau khi ăn xong, Tỳ-kheo Thiện Pháp trở về rừng, mặc y bưng bát đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem chuyện của Trưởng giả Chất-đa-la trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Phật liền quở trách: Thầy là người ngu si, tại sao lại dùng lời hạ tiện gán cho ông Trưởng giả kia? Nhân việc này, Đức Phật liền tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay nên trao cho những Tỳ-kheo như thế pháp hạ ý, bằng Bạch-tứ-yết-ma, xin lỗi bạch y kia. Một Tỳ-kheo đọc lớn:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo đây tên… dùng lời hạ tiện gán cho bạch y tên là… nay Tăng trao cho pháp Yết-ma hạ ý, xin lỗi bạch y kia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo đây tên… dùng lời hạ tiện gán cho bạch y tên là… nay Tăng trao cho pháp Yết-ma hạ ý, xin lỗi bạch y kia. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… pháp hạ ý Yết-ma rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Lại nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo bạn

của một Tỳ-kheo kia cùng đi xin lỗi bạch y kia. Một Tỳ-kheo đọc lớn:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo… bạn của Tỳ-kheo… đến dùng lời xin lỗi bạch y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo… bạn của Tỳ-kheo… đến dùng lời xin lỗi bạch y. Các Trưởng lão chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo… bạn của Tỳ-kheo… đến dùng lời xin lỗi bạch y. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo nên dẫn Tỳ-kheo được Tăng sai đến, nắm tay bạch y nói lời xin lỗi: Trước đây tôi đã dùng lời hạ tiện gán cho ông, nay tôi ăn năn, xin ông nhận sự ăn năn của tôi. Nếu bạch y chấp nhuận thì tốt, bằng không, Tỳ-kheo được Tăng sai đến nên dẫn Tỳ-kheo kia tới chỗ mắt thấy tai không nghe, bảo làm pháp Đột-kiết-la hối quá. Nên nói: Tôi, Tỳ-kheo tên là… đã dùng lời thô ác gán cho bạch y tên… phạm tội Đột-kiết-la, nay hướng đến Trưởng lão ăn năn. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Tất nhiên sau đó, Tỳ-kheo được Tăng sai, một mình trở lại chỗ bạch y nói: Tăng đã trị Tỳ-kheo kia, vừa rồi tôi cũng nghiêm trị, ông cần nhận sự ăn năn của vị ấy. Tiếp theo cũng vậy, Tỳ-

kheo kia lại nên đến nói lời nhận lỗi như trên. Nên thuận tùng Tăng, như trong pháp Yết-ma quở trách đã nói. Vị kia thuận tùng Tăng rồi, ăn năn, tự trách, yêu cầu giải Yết-ma. Tăng nên trao cho pháp giải Yết-ma. Pháp giải Yết-ma cũng như trước đã nói.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 25

Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V…

Đoạn 1: NÓI VỀ PHÁP PHÁ TĂNG

Bấy giờ, lần thứ ba Điều-đạt suy nghĩ: Nay ta phá Tăng của Sa-môn Cù-đàm, thì tên của ta được vang lừng, mọi người sẽ nói: Sa-môn Cù-đàm có Đại thần lực mà Điều-đạt có thể phá được Tăng của ông ta. Nghĩ như vậy rồi, Điều-đạt bèn nói với quyến thuộc: Ất-tỳ-phân-na, Bà-tẩu-ban-na, Lô-hê-già, Lô-đế-xá-cù-gia, Ly-khiên-trà-đà-bà, Tam-văn-đạt-đa… Trong số người đó, Tam-văn-đạt-đa- là bậc đại thông minh, nói với Điều-đạt: Sa-môn Cù-đàm có đại oai đức, Tăng của ông ta làm sao có thể bị phá được? Điều-đạt nói: Ta sẽ thuyết minh năm pháp giữa Tăng, cần nên suốt đời thọ trì:

Không ăn muối.

Không ăn tô và sữa.

Không ăn cá thịt, nếu ăn thì pháp thiện không

sinh.

Khất thực, nếu nhận sự mời ăn của người thì pháp thiện không sinh.

Tám tháng của mùa Xuân và mùa hạ nên ngồi nơi đất trống, bốn tháng mùa Đông thì ở trong am tranh, nếu nhận phòng xá của người thì pháp thiện không sinh.

Dân chúng trong hai nước Ma-kiệt và Ương-già đều tin ưa khổ hạnh. Chúng ta thực hành năm pháp này, số người theo ta chắc chắn sẽ nhiều, đủ để phá Tăng. Tam-văn-đạt-đa nghe rồi cùng tán đồng với Điều-đạt: Có thể chia rẽ được khối chúng Tăng của Đức Phật, tiếng tăm sẽ được vang dội. Tam-văn-đạt-đa cũng theo luôn. Khi ấy, Điều-đạt có người đệ tử Ưu-bà-tắc, tên là Hòa-tu-đạt, thường cúng dường Điều-đạt, Điều-đạt nhiều lần thuyết phục nên ông ta cũng tán đồng. Hôm ấy vào ngày mười lăm Bố-tát, giữa chúng Tăng, Điều-đạt nêu ra năm việc trên, chính mình hành trù, xướng: Vị nào đồng ý năm điều ấy thì rút thẻ này. Lúc này, năm trăm Tỳ-kheo đều rút thẻ, chỉ trừ Tôn giả A-nan và một Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn không rút trù. Hôm đó, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên, các đại La hán đều không có mặt trong kỳ Bố-tát ấy. Điều-đạt hành trù xong, liền cùng năm trăm Tỳ-kheo hòa hợp Bố-tát. Tôn giả A-nan và một Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn không rút thẻ, liền bỏ đi ra, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, đem vấn đề ấy bạch

Phật. Đức Phật nhân việc đó nói kệ:

Người thiện, dễ hội nhau
Người ác, thiện khó hội
Người ác, dễ hội nhau
Người thiện, ác khó hội.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nghe sự việc ấy, bèn đến chỗ Đức Phật. Từ xa, Đức Phật thấy, Ngài bỗng vui khen ngợi:

-Thiện lai! Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên! Hai thầy có thể đến trong chúng của Điều-đạt dẫn năm trăm Tỳ-kheo trở về.

Hai vị thọ giáo, kính lễ sát chân Phật rồi đi.

Khi ấy, Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn đi theo Tôn giả A-nan, thấy Xá-lợi-phất, Mục-liên ra đi, bèn bùi ngùi khóc lớn.

Đức Phật hỏi Tỳ-kheo ấy:

Tại sao khóc như vậy? Tỳ-kheo thưa:

Xá-lợi-phất, Mục-liên là đệ tử bậc nhất của Đức Phật, nay cũng đến với chúng Điều-đạt, con sợ hai Tôn giả học theo pháp của Điều-đạt, chính vì thế mà con khóc.

Đức Phật nói với Tỳ-kheo ấy:

Thôi đi, ông đừng khóc nữa! Xá-lợi-phất, Mục-liên, không bao lâu họ sẽ dẫn năm trăm Tỳ-kheo trở về.

Khi Xá-lợi-phất, Mục-liên đi thẳng vào chỗ chúng của Điều-đạt, thì Tam-văn-đạt-đa từ xa

trông thấy liền chạy vào nói với Điều-đạt: Xá-lợi-phất, Mục-liên là hàng đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù-đàm, nay đến đây, nhằm phá ý định của các Tỳ-kheo, không nên nói chuyện, cũng đừng nên mời ngồi. Điều-đạt chủ quan với năm pháp làm đường hướng, không chấp nhuận lời của Tam Văn cũng không bận tâm đến vấn đề. Khi Xá-lợi-phất và Mục-liên đến nơi, Điều-đạt bèn nói: Thiện lai Xá-lợi-phất, Mục-liên có thể đến ngồi nơi chỗ này, rồi nói tiếp: Là người có trí, điều gì trước chưa nghe, nay nghe để nhận lấy mà hành trì. Hai vị, trước là hàng đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù-đàm, nay lại đến đây làm đệ tử bậc nhất của tôi, âu cũng là điều tốt! Xá-lợi-phất và Mục-liên im lặng không trả lời, Điều-đạt tưởng đó là chấp thuận lời nói của mình. Điều-đạt liền phỏng theo nếp sống của Phật bảo Xá-lợi-phất và Mục-liên: Quý thầy có thể vì chúng hội nói pháp, tôi bị đau lưng, nằm nghỉ một chút. Điều-đạt xếp Tăng-già-lê thành bốn lớp để gối, nằm nghiêng phía bên phải, hai chân chồng lên nhau, nhưng không hệ niệm tiền nên chỉ trong giây lát ngủ muồi, lăn qua phía bên trái, xoải người lên đất, ngáy khò khò… Khi ấy, Tôn giả Mục-liên hiện các thần lực theo chuyên môn của mình còn Tôn giả Xá-lợi-phất nói các pháp mầu, đoạn trước, đoạn sau cùng, chặng giữa đều thiện, nghĩa thiện, vị thiện, với tướng phạm. Năm trăm Tỳ-kheo nghe rồi, liền nơi tòa ngồi xa trần, lìa cấu, đối với các

pháp, đặng mắt trong sạch, thấy pháp đắc quả rồi, bèn nói với nhau: Chúng ta có thể đứng dậy trở về chỗ Đức Phật. Hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng năm trăm Tỳ-kheo trở về chỗ Đức Phật.

Lúc đó, Tam-văn-đạt-đa dùng ngón chân đụng nhẹ vào Điều-đạt và mắng: Tôi tớ dòng họ Thích hãy thức dậy! Xá-lợi-phất và Mục-liên dùng những phương tiện dẫn các Tỳ-kheo đi rồi! Điều-đạt thức dậy kinh hãi mắng: Đích thị là Tỳ-kheo ác dục, mới đó có thiện ý, tại sao bỗng lại sinh tâm ác dùng phương tiện dẫn hết Tỳ-kheo của ta đi! Vì quá giận dữ và sợ sệt nên máu nóng từ lỗ mũi trào ra, ngay nơi thân còn sống mà đọa vào địa ngục.

Xá-lợi-phất và Mục-liên về đến chỗ Đức Phật rồi, đầu mặt đảnh lễ sát chân, ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

Con muốn khiến năm trăm Tỳ-kheo này thọ lại giới Cụ túc. Đức Phật dạy:

Khỏi phải thọ lại. Tại sao? Năm trăm Tỳ-kheo này ngu si nên dùng pháp tưởng rút thăm, nay chỉ cho phép Tăng khiến họ tác pháp hối quá Thâu-lan-giá.

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

Kỳ lạ thay! Bạch Đức Thế Tôn! Điều-đạt bắt chước Phật đọa vào xứ khổ như thế.

Đức Phật dạy:

Không phải chỉ bây giờ, Điều-đạt bắt chước Ta mà đọa vào địa ngục, xưa kia cũng đã từng bắt chước Ta, phải đọa vào xứ khổ.

Tôn giả Mục-liên lại thưa hỏi Phật:

Chuyện ấy như thế nào? Đức Phật dạy:

Thuở đời quá khứ, nơi chỗ rộng vắng có một ao nước, một con voi lớn vào trong ao lấy ngó sen rửa sạch rồi ăn, sức khỏe được dồi dào. Lại có một con voi cũng bắt chước vào ao lấy ngó sen, không rửa mà ăn, đưa đến trọng bệnh rồi chết. Nhân sự việc này Đức Phật liền nói kệ:

Đừng bắt chước voi chúa
Bắt chước không thể được
Bắt chước sai voi chúa
Nên ăn bùn rồi chết.

Đức Phật bảo Mục-liên:

Con voi lớn chính là thân Ta, còn con kia là Điều-đạt. Xưa bắt chước Ta nên mới bỏ mạng, nay bắt chước Ta nên phải nhận lấy cái khổ như vậy.

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

Kỳ lạ thay! Bạch Đức Thế Tôn: Điều-đạt theo Phật nghe pháp, tụng tám mươi bốn ngàn pháp tạng, đặng năm thần thông, tại sao lại phản, kiêu mạn đối với Đức Thế Tôn?

Đức Phật dạy:

Không những đời này mà xưa kia Điều-đạt cũng từng theo Ta nghe pháp nhưng khinh mạn đối

với Ta.

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

Chuyện ấy như thế nào? Đức Phật nói:

Thuở đời quá khứ, có một Tượng sư (người nài dạy voi) rất cao tay nghề điều phục voi, được nhà Vua đối xử rất trọng hậu. Khi ấy, có một người đến chỗ vị Tượng sư, thưa: Dạy cho con nghề điều phục voi, con xin làm đệ tử. Tượng sư liền dạy, không giấu một thuật nào. Người kia biết được rồi, bèn sinh tâm đố kỵ, đến chỗ nhà Vua tâu: Sự hiểu biết của người kia đâu hơn gì tôi, tại sao cung cấp như thế mà không nghĩ gì đến tôi? Nhà Vua kêu vị Tượng sư hỏi: Ông cùng đệ tử ông, ai hơn ai? Tượng sư đáp: Xin nhà Vua cho phép lui về, sau bảy ngày sẽ thực hiện pháp điều tượng. Nhà Vua chấp thuận. Tượng sư trong bảy ngày lại điều khiển các con voi: Bảo tới thì đi thụt lùi, bảo lùi thì đi tới, bảo ngồi thì bắt nó lại đứng, bảo đứng thì bắt nó lại ngồi, điều khiển các con voi với những động tác ngược lại như vậy. Đúng bảy ngày, đối trước nhà Vua, Tượng sư cùng đệ tử biểu diễn các thuật điều khiển voi. Ban đầu cả hai người chưa ai có cái gì khác lạ, nhà Vua hỏi người đệ tử: Nhà ngươi có

thuật nào khác lạ hay không? Người đệ tử đáp: Tâu bệ hạ, không. Nhà Vua lại hỏi người thầy của ông ta: Ngươi có phương pháp nào khác lạ nữa hay không? Tượng sư đáp: Tâu bệ hạ, có. Nhà Vua bảo

biểu diễn. Tượng sư điều voi làm ngược lại những điều sai bảo, voi răm rắp làm theo. Khi ấy, nhà Vua mới biết người đệ tử của Tượng sư trước đây đã nói hư dối. Nhà Vua nổi giận, nói: Tại sao ngươi dám khi dối đối với ta? Vị Tượng sư tâu với Vua: Người này là học trò của tôi, trước đây tôi dạy cho nó hết lòng, nó chưa biết hết, thoáng chốc lại đã khinh dối, nay xin được nói ví dụ, nguyện nhà Vua cho phép dẫn chuyện: Xưa kia có một người, tháng cuối mùa Xuân mang đôi giày một lớp, đất nóng nên giày bị co lại, giày siết chặt nên chân bị thương… Bổn ý là muốn bảo hộ đôi chân thì phản lại làm cho đôi chân bị tổn thương. Tôi cũng như vậy, trước kia dạy đệ tử, hy vọng là có ích, nhưng lại bị hại. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như người mang giày da
Dụng ý bảo vệ chân
Khi nắng nóng bất ngờ
Giày rút chân bị thương.
Thế gian kẻ ngu ác
Không nghĩ mình mang ơn
Ơn thầy dạy kỹ thuật
Lại phản, vu khống thầy.

Đức Phật dạy:

Tượng sư chính là tiền thân của Ta, người đệ tử là Điều-đạt, đời nào cùng theo Ta thọ học mà trở lại khinh mạn đối với Ta.

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

Bạch Thế tôn, thật hy hữu! Tôn giả Xá-lợi-phất một lần thuyết pháp mà phá cả chúng của Điều-đạt.

Đức Phật dạy:

Không những đời này, mà xưa kia Xá-lợi-phất cũng đã từng nói pháp để phá chúng của Điều-đạt.

Mục-liên thưa hỏi:

Chuyện ấy như thế nào? Đức Phật nói:

Thuở đời quá khứ, có một Xạ sư tên là Câu-hòa-ly. Có người theo học pháp bắn, sáu năm dạy nên cầm cây cung như thế này, vót cái tên như thế này, mà chưa dạy cách bắn. Sau đó, người đệ tử nghĩ: Trong sáu năm ta học cầm cây cung, vót cái tên mà chưa bắn lần nào,

nay ta thử bắn xem sao. Người đệ tử nhắm bắn vào một cây đại thọ tên xuyên thủng qua khỏi cây rồi rơi vào lòng đất. Người thầy nghe được hỏi: Ông đã bắn một mũi tên phải không? Đệ tử đáp: Vâng, con đã bắn. Người thầy lại hỏi: Ông bắn vào chỗ nào? Người học trò chỉ vào cây đại thọ mà mình đã bắn. Người thầy nói: Ông đã thành xạ thủ, tôi là hạng nhất ông là hạng hai. Người thầy lại nói: Nơi địa điểm đó có năm trăm tên giặc cướp chặn đường, không ai dám đi qua nơi ấy. Ông có thể đến tảo thanh đám cướp nơi trục lộ đó, sẽ có công rất lớn. Ông thầy liền giao cho một chiếc xe ngựa, một mỹ nữ, cùng với cái bát bằng vàng và năm trăm mũi tên. Bấy giờ, người đệ tử cưỡi xe, chở người

nữ, cầm cung như ý, mang năm trăm mũi tên vâng lệnh ra đi. Chính lúc ấy, đám giặc đường đang cùng phân chia các vật, sai người canh phòng nơi hiểm yếu. Người canh phòng từ xa thấy, vội vã chạy đến tâu với tướng soái của giặc. Tướng soái của giặc nói với đồng bọn: Chúng ta làm giặc, chưa từng thấy có một người, một mình dẫn một người đàn bà đi trên trục lộ này. Người này chắc là kẻ dũng kiện không sợ bất cứ ai, nên để họ đi qua, đừng gây nên phiền toái. Xạ thủ kia bèn dừng chân một nơi, khiến người đàn bà bưng bát bằng vàng đến chỗ đám giặc, xưng tên mình để khất thực. Người đàn bà ấy làm cho đám giặc rất thích, chúng lại ham cái bát bằng vàng, liền cùng nhau nghị bàn: Nữ sắc như thế đó, bát bằng vàng như thế đó, tại sao chúng ta lại cho phép họ đi. Tướng soái của giặc lại nói: Người kia chắc tự lượng sức của mình không sợ nên mới làm việc như vậy, cần phải nhẫn nại, chận sự nóng giận, đừng nên chiêu lấy tai họa. Đồng bọn nghe rồi bèn cho đầy bát với thức ăn ngon. Người đàn bà mang thức ăn trở lại, xạ thủ kia lại bảo đến nói: Các ông chia vật, cho tôi một phần với. Đám giặc cả giận: Con mẹ này là người gì lại dựa vào người chồng kia dám khinh cả bọn mình. Chúng ta phải giết ngay, đừng ôm lấy cái nhục này. Tướng soái của giặc vẫn nói như trước. Đám giặc chia cho một phần rồi quay trở lại. Xạ thủ kia lại bảo đến nói với đám giặc: Có thể cùng tôi chiến đấu chứ

không thể để yên như thế này được. Lũ giặc lại nói: Người này thừa thắng xông lên, khinh miệt ta quá đáng, không thể nhẫn chịu được. Tướng soái của giặc khuyên dụ nhưng không được. Cơn giận của đám giặc nổi lên quên lường được sự nguy hại cùng nhau dùng sức tiến đánh hai con người kia. Người xạ thủ liền bắn một phát, giết ngay một người, bốn trăm chín mươi chín phát, giết chết bốn trăm chín mươi chín tên, còn một phát để hầu tên tướng soái, song tên giặc lẫn tránh theo người phụ nữ nên không bắn được. Tay xạ thủ bèn khiến người đàn bà lõa hình đứng trước tên

giặc, tên tướng soái tâm loạn, nhân đó bị một phát, chết luôn. Cám cảnh này, người đàn bà kia liền nói kệ:

Tuy có cung tên bén
Chưa từng bắn một phát
Tử thương đã đầy dẫy
Tại sao không hối hận?

Người xạ thủ cũng dùng kệ trả lời:

Ta có cung kỳ diệu
Tâm hợp nên tay cung
Giết một sinh vui liền
Tại sao phải ăn năn.
Ta vốn đi đường này
Vì người trừ oán hại
Không hề tiếc thân mạng
Để thành người dũng kiện.

Đức Phật dạy:

Người thợ bắn kia là tiền thân của Ta, người đệ tử của người thợ bắn là Xá-lợi-phất, năm trăm tên giặc là năm trăm Tỳ-kheo hiện nay, tướng soái của giặc chính là Điều-đạt. Xưa kia Xá-lợi-phất dùng những mũi tên phá lũ giặc, nay một thời thuyết pháp phá chúng của Điều-đạt.

Tôn giả Mục-liên lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn, lạ lùng thay! Điều-đạt mắng: Tỳ-kheo ác dục, liền khi ấy thân còn sống mà đọa vào địa ngục.

Đức Phật dạy:

Không những bây giờ mà xưa kia Điều-đạt cũng đã từng dùng ác khẩu, hiện còn sống mà thọ đại khổ.

Mục-liên lại hỏi:

Chuyện ấy như thế nào? Đức Phật dạy:

Thuở đời quá khứ, bên bờ ao của nước A-lan-nhã, có hai con nhạn cùng một con rùa kết làm bạn thân, sau một thời gian, nước trong ao bị khô cạn, hai con nhạn bàn bạc với nhau: Nay ao nước này bị khô cạn, bạn thân của ta chắc bị đại khổ. Nghĩ rồi nói với rùa: Nước trong ao bị cạn, bạn không có cách nào sống được, bạn có thể ngậm giữa cái cây, chúng tôi mỗi đứa ngậm một đầu, đem bạn đến chỗ nhiều nước, nhưng với điều là khi ngậm cái cây, bạn thận trọng đừng nên nói. Đồng ý,

chúng liền thực hiện, nhưng khi bay ngang qua một xóm nọ, đám trẻ

nít thấy vậy đều la ầm lên: Nhạn ngậm rùa bay đi! Nhạn ngậm rùa bay đi!! Con rùa liền nổi giận buông miệng nói: Việc này dính dự gì đến chúng bây? Miệng rùa tuột ra khỏi cây, rùa rớt xuống đất chết ngay. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhân việc này nói kệ:

Đời sống kẻ sĩ
Búa ở trong miệng
Sở dĩ chém mình
Do nơi lời ác.
Nên chê lại khen
Nên khen lại chê
Tự nhận lấy họa
Trọn không có vui.
Nếu giành nhau tài lợi
Ác ấy chưa phải lớn
Tâm ác hướng về Phật
Ác đây mới là to.
A-phù có trăm ngàn
Ni-la, ba mươi sáu
Ác ý với người hiền
Phải đọa địa ngục ngay.

Đức Phật dạy:

Con rùa kia chính là Điều-đạt, xưa kia do nói lời giận mà chết đau khổ, nay lại giận mắng, đọa vào đại địa ngục.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Ta thấy nơi Điều-đạt có một pháp thiện bằng sợi lông thì hoàn toàn không ghi nhận sự đọa vào đại địa ngục thọ một kiếp khổ của Điều-đạt. Ví như một người bị chìm dưới hầm phân, nếu có người muốn cứu họ, mà không thấy nơi thân họ có một chỗ nào sạch, bằng một sợi lông để có thể cầm được. Ta quán sát nơi Điều-đạt cũng lại như vậy.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

Ta không thấy pháp nào phá hoại tâm đạo vô thượng của con người bằng tiếng khen và lợi dưỡng. Điều-đạt sở dĩ phá Tăng là do lợi dưỡng. Điều-đạt gây tạo tám phi pháp cho nên phá Tăng: lợi, không lợi, khen, không khen, kính, không kính, ưa ác và nhận thức làm theo điều ác.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Phật:

Thế nào được gọi là phá Tăng? Đức Phật dạy:

Có bốn việc gọi là phá Tăng: Nói năm pháp, tự hành trù, rút thăm, trong nội giới làm Tăng sự riêng.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

Thế nào gọi là Tăng không hòa hợp mà chẳng phải phá? Đức Phật dạy:

Nếu Vua trợ lực phá Tăng, khiến cho Tăng không hòa hợp, thì chẳng phải phá. Nếu Đại thần, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, một Tỳ-kheo cho đến bảy Tỳ-

kheo trợ lực phá Tăng cũng như vậy. Nếu không hỏi Thượng tọa mà hành Tăng sự, tức là không hòa hợp mà cũng chẳng phải phá Tăng, nếu không cùng đồng thọ thực, trong khi ăn, khác chỗ ngồi, tranh cãi mạ lị cũng như vậy. Chủ yếu phải là ở trong một giới, tám Tỳ-kheo, chia làm hai bộ, làm Tăng sự riêng thì mới gọi là Tăng bị phá.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

Trong số đó, ai là người phá Tăng? Đức Phật dạy:

Người nào chủ động. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

Ai là người phải đọa vào đại địa ngục một kiếp mà không thể cứu?

Đức Phật dạy:

Người nào đóng vai chủ động. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

Hễ người phá Tăng đều bị đọa vào đại địa ngục thọ khổ một

kiếp phải không?

Đức Phật dạy:

Không nhất thiết đều bị đọa vào đại địa ngục một kiếp để thọ khổ. Có tám người phá Tăng thọ một kiếp khổ nơi đại địa ngục: Hoặc pháp, pháp tưởng mà nói là phi pháp; hoặc phi pháp, phi pháp tưởng mà nói là pháp; hoặc pháp, phi pháp tưởng mà nói là pháp; hoặc phi pháp, pháp tưởng mà nói là phi pháp; hoặc pháp, phi pháp, pháp tưởng mà

nói là pháp; hoặc pháp, phi pháp nghi mà nói là pháp; hoặc pháp phi pháp nghi mà nói là phi pháp. Có sáu người phá Tăng không bị đọa vào đại địa ngục một kiếp để thọ khổ: Hoặc pháp, pháp tưởng mà nói là pháp; hoặc phi pháp, phi pháp tưởng mà nói là phi pháp; hoặc pháp, phi pháp tưởng mà nói là phi pháp; hoặc phi pháp, pháp tưởng mà nói là pháp; hoặc pháp, phi pháp, phi pháp tưởng mà nói là phi pháp; hoặc pháp, phi pháp, pháp tưởng mà nói là pháp.

Đoạn 2: NÓI VỀ PHÁP NGOẠ CỤ

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Tỳ-kheo Át-bệ hầu Phật, sau đó đắp y bưng bát vào thành khất thực, oai nghi rõ nét, ngó xuống đất mà đi. Có một Trưởng giả thấy, khởi ý nghĩ: Ta chưa từng gặp một người nào như thế này, bèn đến hỏi:

Thầy là ai? Thầy là đệ tử ai? Xuất gia với ai? Phụng hành đạo pháp của vị nào?

Khi ấy, Đức Phật mới thành đạo, người đời đều gọi Ngài là Đại Sa-môn. Vị Tỳ-kheo trả lời:

Tôi tên Át-bệ, Đại Sa-môn là thầy của tôi, tôi xuất gia với Ngài, phụng hành đạo pháp của Ngài.

Ông Trưởng giả nghe rồi, khen:

Chưa từng có người nào như vầy, tự có oai nghi như vầy, mà theo Đại Sa-môn xuất gia, phụng hành đạo pháp của Người.

Ông Trưởng giả lại hỏi:

Hiện nay thầy ở đâu? Tỳ-kheo đáp:

Tôi ở nơi A-lan-nhã, bên cây Sơn Nham, chỗ đất trống gò mả là chỗ của tôi.

Ông Trưởng giả nghe rồi lại càng thêm hoan hỷ, khen:

Oai nghi rõ nét hòa nhã, vị này chắc chắn là hơn hết, mà lại ở chỗ vắng vẻ như vậy!

Ông Trưởng giả lại hỏi:

Lấy thứ gì trải ngồi?

Tôi dùng cỏ Thi, cỏ Câu-thi, cỏ Bà-bà, cỏ Văn-nhu, cho đến lá cây… kể cả cát đất, tôi đều có thể trải ngồi.

Ông Trưởng giả nghe rồi lại thêm vui mừng cung kính, khen:

Lại có thể sống với nếp sống thiểu dục như vậy! Ông Trưởng giả lại hỏi:

Nếu tôi vì Đại đức làm cái phòng thì có thể thọ dụng hay không?

Vị Tỳ-kheo trả lời:

Đức Thế Tôn chưa cho phép chúng tôi thọ dụng phòng xá. Ông Trưởng giả thưa:

Đại đức có thể đem vấn đề này bạch Phật, tôi cũng sẽ đích thân đến bạch.

Át-bệ im lặng nhận lời đề nghị. Sau khi thọ trai xong, trở lại chỗ

Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, khen người thiểu dục, tri túc, khen giới, khen người trì giới rồi bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay cho các Tỳ-kheo nhận các phòng xá của người cúng.

Ông Trưởng giả kia, sau đó đến chỗ Đức Phật, từ xa thấy dung mạo của Đức Thế Tôn thù thắng đặc biệt, giống như núi vàng, trong lòng đầy ắp sự vui mừng, cung kính, đến trước Đức Phật kính lễ sát chân, rồi lui qua một bên. Đức Phật vì ông nói các pháp diệu… cho đến khổ, tập, tận, đạo. Ngay từ chỗ ngồi, ông đặng mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả, thọ Tam quy và Ngũ giới, rồi bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Con muốn cất phòng xá cúng dường cho các Tỳ-kheo, xin Ngài chấp thuận.

Đức Phật đồng ý bằng sự im lặng.

Ông Trưởng giả biết Đức Phật chấp thuận rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước kính lễ sát chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng rồi cáo lui.

Liền trong ngày ấy, ông cho cất sáu mươi phòng xá, lại cúng dường ẩm thực cho Phật và Tăng. Toàn gia quyến của ông đều cùng nhau lo liệu cúng dường những mỹ vị quý giá nhất trong đời không thiếu một thứ gì. Người bửa củi, người lấy nước, người làm thức ăn, người quét dọn,

người rưới nước hoa trên đất, kẻ trải chỗ ngồi, người rải hoa, kẻ trải tòa cao.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có Trưởng giả tên là Tu-đạt-đa, xuất ba mươi vạn kim tiền cho người nơi thành Vương-xá vay, hằng năm đến thu về. Ông Trưởng giả thành Vương-xá thường ra một do-tuần nghinh đón, đãi đại tiệc. Đến lần này không có Trưởng giả ra tiếp, Tu-đạt-đa lại có suy nghĩ: Ông ta, hoặc bị nạn của nhà Vua hay nạn nước, lửa, giặc cướp, nhân, phi nhân nên không ra nghinh đón? Khi đến nơi, Tu-đạt-đa tới nhà ông Trưởng giả trước, thấy bày biện trân trọng các thức ăn mỹ vị, hỏi:

Ông làm đám cưới, mở hội hay rước nhà Vua? Ông Trưởng giả trả lời:

Chẳng phải làm đám cưới, mở hội, cũng chẳng phải rước nhà Vua.

Lại hỏi:

Không vậy, tại sao sửa soạn thức ăn uống mỹ diệu thế này? Ông Trưởng giả nói:

Đức Phật ra đời có đại oai đức, các đệ tử của Ngài cũng đều như vậy. Nay tôi thỉnh quý Ngài để cúng dường, cho nên không ra để cùng nghinh đón ông được.

Tu-đạt-đa nói:

Tôi cũng thường nghe nói Phật ra đời, hiệu là Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Người mà nay ông thỉnh là Phật sao? Hay không phải là Phật?

Trưởng giả đáp:

Chính là Phật. Lại hỏi:

Hiện nay Ngài ở đâu?

Ông Trưởng giả kia liền để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, tay bên phải chỉ về chỗ Đức Phật ở, nói:

Phật ở nơi đó.

Tu-đạt-đa nghe rồi, vui mừng phấn khởi, để trống vai bên phải vọng hướng về chỗ Đức Phật ở kính lễ Ba lần. Đêm đến, ông ta niệm danh hiệu: Nam mô Phật. Dù nhọc mệt ông vẫn ngủ được. Người thiện tri thức đời trước của ông ta là vị thần ủng hộ. Vị thần nghĩ: Ta sẽ khiến ông Trưởng giả này không phải đợi qua một đêm, mới được thấy Đức Phật. Vị thần liền khiến cho trong đêm sáng rực lên, Tu-đạt-đa tưởng là trời đã sáng, liền thức dậy đến cửa thành, cửa thành tự mở, ra khỏi cửa tự đóng, bỗng nhiên trời tối lại. Tu-đạt-đa hoảng sợ nghĩ và nói: Vừa rồi ta đâu phải là cuồng! Vị thần biết ý niệm đó, liền nói kệ:

Nay là lúc đến Phật
Mỗi một bước chân đi
Lợi hơn thí ngàn vàng

Voi ngựa không sánh kịp.

Vị thần lại nói: Đừng hốt hoảng. Đừng sợ hãi, cứ tiến bước, tiến bước trong giây lát sẽ thấy Phật. Tu-đạt-đa nghe rồi sự sợ hãi biến mất, hăng hái bước tới, từ xa thấy Đức Thế Tôn dung mạo thù đặc, giống như núi vàng.

Đức Thế Tôn thấy ông Trưởng giả, khen:

Lành thay! Đến đây Tu-đạt-đa!

Tu-đạt-đa nghe, rất vui mừng: Đức Phật lại biết luôn cả tên do cha mẹ ta đặt! Tu-đạt-đa đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì Trưởng giả nói các pháp diệu… cho đến khổ, tập, tận, đạo. Ngay nơi chỗ ngồi, ông ấy đặng mắt pháp trong sạch. Thấy pháp đắc quả rồi, Tu-đạt-đa liền thọ Tam quy, Ngũ giới và bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Nguyện Phật và Tăng nhận lời mời của con, an cư mùa hạ nơi thành Xá-vệ.

Thỉnh Ba lần như vậy, Đức Phật đều im lặng, đến lần thứ tư Ngài mới bảo:

Nếu chỗ nào không có sự ồn ào, yên tịnh, không có tiếng động, chư Phật mới an cư nơi đó.

Ông Trưởng giả bạch Phật:

Con đã hiểu lời dạy của Đức Thế Tôn, xin Ngài sai một Tỳ-kheo, người có kinh nghiệm cho việc thiết lập này.

Đức Phật hỏi:

Nay ông muốn vị nào?

Bạch Thế tôn! Con muốn nhờ Tôn giả Xá-lợi-phất. Đức Phật liền nói với Tôn giả:

Thầy có thể đến đó làm người trông coi công việc. Tôn giả vâng lời ra đi.

Bấy giờ, vị Trưởng giả thành Vương-xá, vào buổi sáng đích thân đến bạch Phật:

Thức ăn đã sửa soạn xong, xin Thánh tri thời.

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng mặc y bưng bát, kẻ trước người sau vây quanh đến nơi nhà thọ trai, an tọa theo thứ tự.

Ông Trưởng giả tự tay sớt thức ăn, ăn xong dâng nước rửa rồi bạch

Phật:

-Bạch Đức Thế Tôn! Con xin dâng cúng ngôi vườn và phòng xá này cho Tăng bốn phương

Đức Phật nhận lời bằng sự im lặng. Biết Đức Phật nhận lời rồi, Trưởng giả lấy chiếc ghế nhỏ ngồi phía trước, Đức Phật bèn vì ông, tùy hỷ nói kệ chú nguyện:

Vì ngăn gió lạnh nóng
Và ngăn các thú dữ
Che mưa sương và bụi
Cùng trừ nạn mòng muỗi.
Cúng dường người trì giới
Tọa thiền, thuyết, tụng pháp
Ai nghe hiểu nghĩa này
Trừ hết các gốc khổ.

Đức Phật nói kệ rồi, lại nói các pháp diệu, chỉ vẽ điều lợi ích để được hoan hỷ rồi trở về trú xứ.

Ngày về, Trưởng giả Tu-đạt đưa Tôn giả Xá-lợi-phất trở lại thành

Xá-vệ. Qua các xóm làng, nơi nào Trưởng giả cũng đều rao truyền: Đức Phật ra đời, có đại oai đức, các đệ tử của Ngài cũng như vậy, tôi đã thỉnh Ngài an cư nơi thành Xá-vệ, các người ai nấy đều sửa soạn nhà cửa, tu bổ đường sá và các cầu đò, chuẩn bị mọi thứ để đón Đức Thế Tôn. Dân chúng nơi các xóm làng ấy nghe rao truyền như vậy, biết Đức Phật Thế tôn sẽ đi qua nơi mình ở nên rất vui mừng ghi nhận làm theo lời rao kia một cách cung kính. Trưởng giả Tu-đạt, khi đến Xá-vệ nghĩ: Chỗ nào tốt nhất để cất Tinh xá? Chỗ duy nhất nơi thành này là Kỳ lâm của Đồng Tử, nơi có vườn cây ăn trái quý giá, cảnh sắc tốt tươi, nước trong thanh khiết, suối róc rách, ao tắm, hoa thơm thật hoàn chỉnh, ta nên mua nơi đó để xây cất. Nghĩ rồi liền đến chỗ chủ nhân ngôi vườn, ngỏ lời:

Tôi muốn mua sở vườn, ông có thể bán không? Đáp:

Ông hãy dùng kim tiền trải khắp hết mặt đất, không bỏ trống một chỗ nào, được như vậy tôi sẽ cùng ông trao đổi.

Tu-đạt liền dùng kim tiền trải khắp mặt đất. Kỳ-đồng-tử bảo:

Nói đùa như thế thôi, chứ tôi không muốn trao đổi. Tu-đạt nói lại:

Điều kiện này là từ lời của ông nói làm thành một giá trị, đâu được hối tiếc để làm khác đi.

Hai bên giằng co tranh cãi nên phải đưa đến cửa quan. Quan y theo pháp luật xử, Tu-đạt thắng cuộc.

Kỳ-đồng-tử hỏi Tu-đạt:

Vì lý do gì mà ông không tiếc vàng bạc để mua khu vườn này với giá như vậy?

Tu-đạt trả lời:

Đức Phật ra đời, có đại oai đức, các đệ tử của Ngài cũng như vậy. Tôi đã mời Ngài đến an cư nơi đây, do đó, tôi trút hết gia tài cũng không hề tiếc nuối.

Kỳ-đồng-tử lại nói:

Nếu để tôi được đặt tên vườn là Tinh xá Kỳ viên, thì tôi sẽ để cho.

Tu-đạt nói:

Tốt!

Tu-đạt liền ra lệnh đem kim tiền trải lên mặt đất, tính luôn cả

những gốc cây cũng đều trải cho đầy đủ. Sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất lấy dây đo đạc, tính toán làm chỗ đi kinh hành, giảng đường, nhà giữ ấm, nhà ăn, nhà tắm, và các phòng xá, tất cả đều đầy đủ tiện nghi. Khi ấy, các phòng xá dùng bùn trét không được kín, gió bụi, rắn, chuột vào phá ngọa

cụ của Tăng, gây xúc não cho các Tỳ-kheo. Vấn đề này được bạch Phật. Phật dạy: Cho phép dùng bùn bọc trong ngoài và các ngưỡng cửa. Tăng nên sắm búa, rìu, dao, cưa…, ghế thang các dụng cụ để làm nhà, cũng cho phép những chỗ bị nước tạt làm cửa sổ có vòng móc phên che, làm khóa cửa. Không cho phép làm như cán dao đeo nơi lưng, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo chấp tác bị đất bùn làm nhớp thân cần phải tắm, Phật cho phép tắm. Chỗ tắm có bùn… Phật dạy: Cho phép dùng gạch đá hay tấm ván để trên mặt đất. Có các Tỳ-kheo ở nơi gò mả lượm được phu cụ, giường dây không dám lấy. Phật dạy: Cho phép lấy, nếu lớn nên cắt ra.

Bấy giờ, giữa hai thành Vương-xá và Xá-vệ có một trú xứ, các cư sĩ đem cúng cho các Tỳ-kheo mà không có ai ở. Phật dạy: Cho phép các bạch y mời tri sự ở và cung cấp cho họ mọi thứ cần dùng. Khi ấy, các trú xứ không có hàng rào, bò ngựa vào ra làm hư hoại chỗ kinh hành, Đức Phật dạy: Cho phép đào hào và rào chung quanh. Bò ngựa vẫn tìm cách vào được. Phật dạy: Cho phép dùng các loại cây gai kéo chung quanh. Bò ngựa vẫn tuông phá vào được. Phật dạy: Cho phép đắp đất làm tường hoặc xây tường gạch, bên trên có mái che, cho phép làm nhà canh giữ. Hư cũng cho phép làm lại, cho phép làm hai phên cửa. Có các Tỳ-kheo dùng nhánh dương chà răng, rửa tay, rửa mặt, rửa chân

trong phòng, làm cho đất bị ẩm thấp, hư ngọa cụ của Tăng. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Có các Tỳ-kheo già bệnh khi trời lạnh không thể ra ngoài rửa được. Phật dạy: Cho phép dùng các chậu đựng nước rửa và viên gạch dùng kê chậu. Có phòng xá bị đất bủn nổi lên. Phật dạy: Nên dùng đất bùn để trét và dùng một trong mười loại y trải lên trên. Có các Tỳ-kheo hạ tọa rửa chân trước, sau đó Thượng tọa đến rửa chân, vị hạ tọa rửa chưa xong, bị đuổi đi. Phật dạy: Nếu hạ tọa rửa trước nên cho phép rửa cho xong. Có các Tỳ-kheo kinh hành nơi đất trống, khi trời mưa y bị ướt, nên phế bỏ việc kinh hành. Phật dạy: Cho phép làm cái hành lang. Có các Tỳ-kheo đi trong sân, khi trời mưa đất nhão nhớp chân. Phật dạy: Cho phép làm đá gạch lót làm đường đi. Có các Tỳ-kheo ở chỗ không có nước. Phật dạy: Cho phép đào giếng, hoặc nước ao tác tịnh. Các Tỳ-kheo muốn làm nệm trải trên giường. Phật dạy: Cho phép dùng một trong mười thứ y rồi độn lông dê, lông lạc đà, hoa Kiếp bối… cho đến loại cỏ mềm vào bên trong để làm nệm. Các Tỳ-kheo làm nệm quá dày. Phật dạy: Dày nhất là tám ngón tay, cho phép Tăng làm một loại dành cho Tăng bốn phương và làm một loại riêng. Phu cụ của Tăng hư hoại, không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Nên nhờ người giặt vá tu bổ lại.

Lúc này, các Tỳ-kheo phân ngọa cụ cho Tăng

hàng ngày. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép ngày cuối mùa Xuân, ngày đầu mùa hạ khi kiết giới An cư thì phân ngọa cụ. Lục quần Tỳ-kheo chọn lựa phòng tốt, ngọa cụ tốt để lấy phần. Phật dạy: Không nên làm như vậy, nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo làm người phân ngọa cụ. Tỳ-kheo được sai nên ghi rõ để biết ngọa cụ nào thuộc phòng nào, tùy theo thứ cấp Thượng tọa mà chia, nếu có dư mà còn tốt, Thượng tọa cần thì nên đưa, nếu Thượng tọa không cần thì tiếp theo, tùy theo hạ tọa, theo chỗ ngồi mà phân. Nếu có Tỳ-kheo đến sau, tùy theo lớn nhỏ, theo thứ tự phân bố, từ phòng kế lần lượt cho đến phòng chót, nếu hạ tọa không có phòng thì thôi. Các Tỳ-kheo muốn làm giường dây, giường cây mới. Phật dạy: Cho phép làm. Nếu không có thợ khéo thì Tỳ-kheo có thể tự làm cũng được. Cho phép dùng mười loại tơ sợi, làm giường dây cũng được. Có các Tỳ-kheo muốn độn nệm trong giường dây, Phật cho phép độn. Có các Tỳ-kheo đi đứng trên giường dây, dây bị đứt. Phật dạy: Không nên đi đứng trên giường dây. Có các Tỳ-kheo nhỏ người thấp, muốn móc cái y hay lấy cái y trên giá, với không tới. Phật dạy: Cho phép chánh niệm, quỳ gối trên giường dây để lấy. Có các Tỳ-kheo-ni ngồi trên giường dây có độn, nguyệt thủy nhớp, bất tịnh, thối nát, hư hoại. Phật dạy: Tỳ-kheo-ni không nên ngồi trên giường dây có độn. Có Sa-di nhỏ nằm trên giường dây có

độn, đái dầm, bất tịnh, hư mục. Phật dạy: Sa-di nhỏ cũng không được nằm trên giường dây có độn. Có các Tỳ-kheo ở trên giường cao mà nghe kinh, hỏi nghĩa. Phật dạy: Nghe kinh, hỏi nghĩa đều nên ngồi nơi chỗ thấp. Trong sân của trú xứ các Tỳ-kheo cỏ mọc, Phật cho phép khiến tịnh nhân dọn theo luật. Nơi phòng bị bụi bặm làm nhớp giường, ngọa cụ, Phật cho phép tùy ý lau quét. Khi đại hội, các Tỳ-kheo đến đông, phòng xá lớn mà thiếu chỗ ở. Phật dạy: Trong phòng theo thứ tự trải ngọa cụ vừa đủ nằm mà nằm, nếu muốn dùng y ngăn phía trước thì cho phép, vị nào cũng được ngăn. Nếu đủ thì tốt, bằng không đủ thì bên ngoài có chỗ đất trống nào cho phép làm am thất, Tỳ-kheo cựu trú nên đứng ra làm. Cất am thất, đại hội xong, không giở bỏ, bị lửa cháy, cháy luôn cả trú xứ, Đức Phật dạy: Đại hội xong, phải giở bỏ rồi mới đi. Nếu Tỳ-kheo cựu trú tiếc không cho giở, Tỳ-kheo khách phải dặn dò Tỳ-kheo cựu trú rồi mới đi. Lúc trời mưa lớn, các Tỳ-kheo không có chỗ tụ hội. Phật dạy: Cho phép làm nhà lớn. Mùa lạnh, các Tỳ-kheo tụ tập bị rét, Đức Phật dạy: Cho phép làm nhà sưởi ấm.

Bấy giờ, do Tỳ-xá-khư-mẫu muốn xây dựng nên Tôn giả Xá-lợi-phất cho xây cất nhà lớn mới, bà đem lúa gạo đến cúng cho Tăng bốn phương, các Tỳ-kheo không dám thọ. Phật dạy: Nếu vì Tăng bốn phương, khi làm cho phép tùy ý thọ thực. Có các Tỳ-kheo khất thực, trở lại cúng cho Tăng

bốn phương, không biết ai nên thọ. Phật dạy: Vì Tăng bốn phương mà làm thì được thọ thực. Có phòng xá bị hư hoại, các Tỳ-kheo không sửa chữa. Phật dạy: Nên khuyến hóa, bạch nhị Yết-ma giao cho kẻ đạo tục muốn sửa chữa, cho họ sửa chữa. Một Tỳ-kheo nên xướng đọc:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Cái phòng… hư hoại không có người sửa chữa, kẻ đạo tục… muốn sửa chữa, nay Tăng giao cho người ấy sửa chữa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Cái phòng… hư hoại… cho đến câu: Nay Tăng trao cho người ấy sửa chữa. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý giao cho… sửa chữa phòng cũ, số… rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Nếu muốn đề tên người đàn-việt đã sửa chữa vào phòng ấy thì cho phép đề. Ngọa cụ cũng như vậy.

Có một trú xứ nước lớn bị ngập. Các Tỳ-kheo ai nấy lo dọn dẹp ngọa cụ phòng của mình, phòng không có Tỳ-kheo ở, không ai thu dọn, bị nước trôi và hư mục, sau đó những người đàn-việt của những phòng ấy thấy vậy, nổi sân, chê trách các Tỳ-kheo: Tại sao chỉ có ngọa cụ phòng của tôi cúng bị ướt,

hư hoại mà thôi?! Đức Phật dạy: Nếu khi bị thủy hỏa nên la lớn, đánh kiền chùy khiến cho tất cả Tăng đều cùng nhau hỗ trợ dọn dẹp. Nếu vị nào không hỗ trợ dọn dẹp thì phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, La-hầu-la đến thôn Na-la, một người Ưu-bà-tắc thân tín vì La-hầu-la cất một cái phòng, khi cất xong, La-hầu-la có một duyên sự nhỏ nên du hành trong nhân gian.

Lúc đó, Tôn giả A-nan đến nơi thôn kia, vị Ưu-bà-tắc ấy lại đem phòng cúng cho Tôn giả A-nan. Khi La-hầu-la trở về, bảo Tôn giả A-nan đi chỗ khác. A-nan nói: Trước kia tuy người ta cúng cho thầy, nhưng thầy đi, sau đó người ta cúng cho tôi thì phòng này là của tôi. Thế là cả

hai vị đều đến người Ưu-bà-tắc hỏi để họ quyết định là phòng của ai. Người Ưu-bà-tắc trả lời: Tuy trước kia tôi cúng cho Tôn giả La-hầu-la, nhưng La-hầu-la bỏ đi, sau đó tôi mới cúng cho Tôn giả A-nan. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

Ưu-bà-tắc không những đời này mà xưa kia cũng đã từng làm như vậy.

Các Tỳ-kheo thưa hỏi:

Chuyện ấy xảy ra như thế nào? Đức Phật dạy:

Thuở đời quá khứ, có nhà Vua tên là Bà-lâu, trong cương giới nước của Vua có hai vị Tiên, một tên là La-hầu-la ưa tọa thiền, một tên là A-nan đa

văn vô úy. Nhà Vua kia, trước thấy La-hầu-la, rất kính trọng nên cất một cái phòng để cúng. Phòng làm xong thì La-hầu-la xuất hành trong nhân gian. Sau đó, A-nan lại đến, nhà Vua cũng kính trọng nên đem cái phòng đó cúng cho A-nan. Khi La-hầu-la về, bảo A-nan đi và nói: Phòng này là của tôi. A-nan cũng nói phòng này là của mình. Cả hai đều đến nhà Vua hỏi, để quyết định là phòng của ai. Nhà Vua nói: Tuy trước đây tôi cúng cho La-hầu-la, nhưng La-hầu-la bỏ đi, sau đó tôi mới cúng cho A-nan, vậy nay là phòng của A-nan. Bấy giờ, các thiên, long, quỷ, thần đều nói: Nhà Vua này làm phi pháp, tại sao trước đã cúng cho La-hầu-la, sau lại tự ý đoạt lại cúng cho A-nan, chúng ta sẽ phá hoại quyến thuộc của nhà Vua. Họ liền cùng nhau đến cung Vua, dùng đá ném, đánh giết hại quyến thuộc của nhà Vua. Nhân việc này, Đức Phật nói kệ:

Vua cúng không trước sau
Tiên nhân cùng tranh cãi
Làm cho quỷ thần giận
Chuốc hại quyến thuộc mình.
Nếu xử sự theo ái
Không được người trí khen
Do vậy nên xả ái
Hoan hỷ nói đúng nghĩa.

Đức Phật dạy:

Tiên nhân tên La-hầu-la trước kia, nay là La-

hầu-la. Tiên nhân tên A-nan trước kia, nay là A-nan. Quốc vương trước kia, nay là Ưu-bà-tắc.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay không cho phép nhận phòng trước đó thí chủ đã cúng cho người khác, vị nào phạm, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Đức Phật cùng đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị đầy đủ du hành trong nhân gian, ở nước Câu-tát-la hướng đến ấp Ngật-la Ngật-liệt. Tại đó có năm Tỳ-kheo cựu trú, nghe Phật cùng đại chúng sẽ đến, cùng nhau nghị bàn: Trong chúng của Phật có các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên, chắc chắn sẽ gây xúc não cho chúng ta. Chúng ta có thể phân chia phòng xá, ngọa cụ, vườn cây trái trong trú xứ này làm năm phần thành tư hữu của mỗi người. Bàn bạc xong liền phân chia. Đức Phật và chúng Tăng đến nơi, các Tỳ-kheo bảo: Các thầy mở phòng trải ngọa cụ, chúng tôi cần có chỗ ở. Năm Tỳ-kheo nói: Đức Phật là vị pháp chủ, mở cửa phòng hạng nhất mời Ngài ở, ngoài ra chúng tôi đã phân chia hết, là vật riêng không phải thuộc của Tăng, quý vị có thể vào trong xóm làng, tùy theo sự quen biết mà tìm chỗ ở. Khi ấy, hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên không có chỗ ở, đêm ấy phải ngủ nhờ nơi hiên phòng Đức Phật nghỉ. Sáng ngày, Đức Phật nhân việc này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Có năm thứ thuộc Tăng bốn phương không được giữ lấy, không được

bán, không được chia. Năm thứ ấy là gì?

Đất của trú xứ.

Phòng xá.

Vật cần dùng.

Cây ăn trái.

Hoa quả.

Tất cả Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử đều có phần trong đó. Ai giữ lấy, bán hay phân chia đều phạm tội Thâu-lan-giá.

Chỗ năm Tỳ-kheo kia phân chia, sau đó Tăng bốn phương đến tập hợp lại cùng nhau phân chia, tiếp đến Tỳ-kheo khách tới, nói: Mở phòng để tôi vào ở. Các Tỳ-kheo tới trước nói: Chúng tôi là Tăng bốn phương đến thì đây là phần của chúng tôi, đã cùng nhau chia rồi, không thuộc về của thầy, thầy có thể đến trong xóm làng tìm nơi để ở. Tỳ-kheo tới sau, bèn đến trong xóm làng tìm chỗ ở. Các bạch y nói: Thưa Đại đức! Ở nơi đó có Tăng phòng tại sao không ở mà đến đây? Các Tỳ-kheo trở lại chỗ Tăng phòng, lúc ấy trời đã tối nên trên đường đi bị cọp làm hại. Các Tỳ-kheo bạch Phật, nhân việc này, Đức Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Trước nay Ta há đã không nói, Tăng bốn phương có năm thứ không được chiếm giữ, không được bán, không được chia hay sao? Tại sao người bảo vệ trú xứ của Tăng lại không cho

Tỳ-kheo tới sau ở, để đến nỗi bị cọp làm hại?

Bằng mọi cách quở trách rồi, Đức Phật lại nói: Vị nào chiếm đoạt, bán hay chia của Tăng bốn phương đều phạm tội Thâu-lan-giá.

Có các Tỳ-kheo ở bên bờ biển, cây gỗ khó được, không thể cất thất để ở. Nơi đó lại có nhiều loại xương của loài cá lớn, muốn dùng để cất, bạch Phật. Phật dạy: Được phép sử dụng. Các Tỳ-kheo sợ hôi mùi xương cá. Phật dạy: Cho phép dùng bùn có mùi thơm để trát. Có các Tỳ-kheo xây dựng làm trú xứ cho Tăng, làm rồi, Tỳ-kheo khách đến là bậc Thượng tọa, đuổi người ở trong phòng ra. Vị kia giận dữ nói: Tôi xây dựng khổ cực mà không được ở yên, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép người chủ xây dựng tùy ý ở phòng nào mình thích. Các Tỳ-kheo lại ở với thời gian dài, bạch Phật. Phật dạy: Nên tính theo công phu của người kia nhiều hay ít, nhiều nhất là cho phép ở mười hai năm. Nên bạch nhị Yết-ma trao cho. Một Tỳ-kheo đọc lớn:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… làm chủ xây dựng, nay Tăng cho tùy ý ở phòng theo sở thích, thời gian là (bao nhiêu) năm. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… làm chủ xây dựng, nay Tăng cho tùy ý ở phòng theo sở thích, với thời gian là (bao nhiêu)

năm. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… tùy ý ở phòng theo sở thích rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có các Tỳ-kheo làm giường cây, giường dây để trong phòng, hoặc trét đất, hay khi tu bổ nho nhỏ, bèn xin chỗ tùy ý ở. Phật dạy: Không nên xin. Nếu tu bổ phòng công phu ít nhất là một phần ba thì cho phép đến xin Tăng chỗ ở tùy ý.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 26

Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V…

Đoạn 3: NÓI VỀ TẠP PHÁP

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo cùng bạch y ăn thức ăn đặt chung trong cùng một đồ đựng, tay va chạm nhau, nên phải rửa mãi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên cùng bạch y ăn chung trong cùng một đồ đựng.

Có Tỳ-kheo đến nơi nhà bà con, bà con nói: Chúng ta chẳng phải ai xa lạ, cũng chẳng phải là bất tịnh, sao không cùng ăn chung với nhau? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Cho phép chánh niệm, để cùng ăn với nhau, chỉ đừng nên khiến cho tay va chạm nhau.

Có Tỳ-kheo cùng bạch y ăn chung thức ăn trong một đồ đựng nhỏ nên tay va chạm nhau, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép tay bên trái cầm đồ đựng mà ăn.

Các Tỳ-kheo khi ăn kính lễ nhau. Khi Tăng ăn, khi ăn cháo, khi ăn trái cây, khi đi kinh hành, khi không mặc ba y, khi trời tối, khi không cùng nói chuyện, kính lễ, giận nhau nơi chỗ vắng, kính lễ, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Những lúc ấy đều không nên kính lễ, vị nào phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có năm hạng người không nên kính lễ: Người bị Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội và Yết-ma hạ ý. Lại có năm hạng người không nên kính lễ: Người bị cử, bất cộng ngữ, dữ Bổn ngôn trị, Tỳ-kheo-ni, Sa-di. Lại có năm hạng người không nên kính lễ: Người tâm cuồng, tâm tán loạn, tâm bệnh hoại, bạch y và ngoại đạo. Lại có năm hạng người không nên kính lễ: Người Biệt trú, nên hành Ma-na-đỏa, hành Ma-na-đỏa, Bổn nhật, A-phù-ha-na. Có năm hạng người nên kính lễ: Phật, Phật-bích-chi, Thượng tọa như pháp, Hòa thượng, A-xà-lê.

Khi ấy, các Tỳ-kheo để tóc dài, tâm không vui sống với đạo, có người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các bạch y chê trách nói: Chúng ta là kẻ bạch y để tóc dài, Sa-môn Thích tử cũng lại như vậy, có khác gì đâu? Chỉ mặc áo hoại sắc cắt rọc mà thôi sao? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên để tóc dài, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Các Tỳ-kheo cạo tóc nơi chỗ làm thức ăn, cho đến giảng đường, trong nhà sưởi ấm, bạch Phật.

Phật dạy: Không nên làm như vậy. Nếu vị nào già bệnh không thể chịu lạnh thì cho phép cạo tóc trong nhà sưởi ấm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo cạo tóc theo thứ tự, bạch Phật. Phật dạy: Khỏi phải theo thứ tự, nếu có vị gấp thì cho phép cạo trước, không việc gấp thì người nào gọi trước cạo trước.

Có các Tỳ-kheo cạo tóc khắp nơi trong sân rồi không quét dọn, bạch Phật. Phật dạy: Nên cạo một chỗ, cạo rồi phải quét dọn, bỏ trong nước, bỏ trong lửa hay là chôn. Nếu không có thợ cạo thì Tỳ-kheo có thể cạo, cũng cho phép sắm dao cạo. Có các Tỳ-kheo lông mũi dài, bạch Phật. Phật dạy: Sắm nhíp để nhổ. Các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm nhíp. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Cho phép dùng đồng, thiếc, răng, sừng, trúc, cây, trừ cây Sơn để làm. Có các Tỳ-kheo trong lỗ tai có cứt ráy. Phật dạy: Cho phép sắm cái ngoái tai, ngoài ra cũng như trên. Có các Tỳ-kheo ăn cơm dính vào kẽ răng làm miệng bị thối. Phật dạy: Cho phép dùng tăm xỉa răng, ngoài ra cũng như trên.

Bấy giờ, Vua Bình-sa suy nghĩ: Ta nên dùng vật gì để cúng cho Tăng, thấy thứ gì cũng đã có người cúng, chỉ có tăm xỉa răng là chưa có người cúng, bèn làm đầy một xe để cúng cho các Tỳ-kheo nhân một bữa cúng thức ăn, các Tỳ-kheo không dám nhận, bạch Phật, Phật cho phép nhận.

Đức Phật ở tại nước Tô-ma, tự làm bát để làm mẫu cho đời sau, khiến người thợ đồ gốm nung. Người thợ đồ gốm làm số nhiều họp lại nung một lần luôn, khi mở cửa lò thấy đều thành bát bằng vàng, hoảng sợ nói: Đây là thần lực của Đại Sa-môn, nếu nhà Vua nghe, chắc sẽ nói mình nhiều kim bảo, nên đem chôn hết. Đức Phật làm cái khác, khiến nung, đều thành bát bằng bạc, màu xanh đẹp như cây Diêm-phù, trao cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không dám nhận. Phật dạy: Cho phép chứa dùng.

Có Tỳ-kheo bát bị vỡ, không có bát đi du hành. Phật dạy: Nên tìm xin cái bát khác, nếu có thể tự làm được thì cho phép làm. Các Tỳ-kheo nung bát thành màu đỏ, Đức Phật bảo nên xông khói. Có các Tỳ-kheo chứa bát bằng vàng, bạc, bảy báu, răng, đồng, đá, cây, các Cư sĩ chê trách nói: Các Tỳ-kheo này như Vua, như Đại thần, thường nói ít ham muốn, biết vừa đủ mà nay lại chứa các loại bát tốt. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép chứa các loại bát như trên. Nếu chứa bát bằng vàng, bạc… cho đến bát bằng đá đều phạm Đột-kiết-la, nếu chứa bát bằng gỗ phạm Thâu-lan-giá.

Khi ấy, có người Bà-la-môn tên là Ưu-kha-la, có một người con gái, thường dùng cái bát bằng đồng trắng để ăn. Người con gái ấy sau khi xuất

gia cũng dùng cái bát trước kia để khất thực. Các Cư sĩ chê trách, nói: Sa-môn Thích tử cũng dùng cái bát bằng đồng, cùng với ngoại đạo đâu có khác gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép dùng bát bằng đồng của ngoại đạo, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Phật cho phép dùng ba loại bát: bát thiếc, bát sành, bát tô ma.

Lúc này, nơi thành Tỳ-xá-ly các Ly-xa đặng bát bằng chiên-đàn, cùng nhau nghị bàn: Bát này nên cúng cho ai? Có người nói nên cúng cho Đức Thế Tôn, có người nói nên cúng cho Tát-giá Ni-kiền-tử. Số đông muốn cúng cho Thế Tôn, do ít phải theo nhiều, bèn đựng nhiều bát bằng đường phèn trắng viên thành hoàn rất xinh xắn dâng cúng lên Đức Thế Tôn, bạch: Chúng con cùng nhau nhận được chiếc bát này, xin được dâng cúng lên Đức Thế Tôn, cúi xin Ngài thương xót nạp thọ. Đức Phật nhận đường viên hoan hỷ, còn chiếc bát trả lại và nói: Bát này là của ngoại đạo, Phật không nên chứa dùng. Họ cùng nhau nghị bàn: Chúng ta dâng chiếc bát lên Đức Thế Tôn, Ngài không nhận, nay chúng ta có thể dùng để cúng cho Tăng. Bàn xong, họ liền đem chiếc bát đến Tăng phường cúng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không dám nhận, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận rồi chẻ làm hương để xông.

Sau đó, các Ly-xa lại nhận được chiếc bát bằng ngưu đầu chiên-đàn, treo lên đầu cây nêu cao,

xướng: Ai có thần lực lấy được thì cho. Khi ấy, Tân-đầu-lô nói với Mục-liên: Đức Thế Tôn nói thầy là bậc thần thông đệ nhất, sao không lấy chiếc bát này? Mục-liên nói: Thầy cũng có thần túc có thể đến lấy. Tân-đầu-lô liền lấy đem cúng cho Tăng. Các Tỳ-kheo không biết nên như thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận rồi chẻ ra làm hương để xông.

Khi ấy, bốn vị đại Thanh văn: Ca-diếp, Mục-liên, A-na-luật, Tân-đầu-lô cùng nghị bàn: Hiện nay nơi thành Vương-xá có một số người không tin ưa Phật, Pháp, Tăng, chúng ta nên cùng nhau khiến cho họ tin ưa. Nghị bàn xong quan sát khắp gần xa chỉ thấy có Trưởng giả Bạt-đề và người chị của ông ta không tin ưa Phật, Pháp, Tăng. Ba vị Thanh văn nói: Không lẽ giáo hóa Bạt-đề thôi chăng? Tân-đầu-lô nói: Có thể giáo hóa người chị của Bạt-đề nữa. Nhà ông Trưởng giả ấy làm bảy lớp cửa, có ba bộ kỷ, khi muốn ăn bảy cửa đều đóng, một thức ăn đặt trên một bộ kỷ. Lúc ông Trưởng giả ăn, A-na-luật đứng ngay trước mặt xin. Ông Trưởng giả hỏi: Ông từ đâu vào? A-na-luật đáp: Tôi vào từ cửa. Ông Trưởng giả hỏi người giữ cửa: Tại sao ngươi cho người ăn xin vào? Người giữ cửa nói: Cửa đóng như thường lệ, không thấy người nào vào. Ông Trưởng giả bèn lấy một miếng bánh mè để vào trong bát và nói: Đi đi! Ông có vật này để làm thức ăn đấy. A-na-luật nhận được rồi liền đi.

Vào lúc bữa ăn sau, Ca-diếp lại đứng trước xin. Cách hỏi và trả lời cũng như trước. Ông Trưởng giả lại nói người giữ cửa: Tại sao ngươi lại cố ý cho người ăn xin đột nhập vào cửa nhà ta? Người giữ cửa nói: Cửa đóng như thường lệ, không thấy ai vào. Ông Trưởng giả lại lấy một miếng cá bỏ vào trong bát và nói: Đi đi! Ông có vật này để làm thức ăn đấy. Sau khi Ca-diếp đi, vợ ông Trưởng giả hỏi: Ý ông thế nào? Cứ ngỡ Tỳ-kheo này không thể có thức ăn nên đến đây xin phải không? Ông Trưởng giả nói: Chính như vậy. Người vợ nói: Ông có biết vị Tỳ-kheo trước là ai không? Ông Trưởng giả nói: Không biết. Người vợ nói: Ông ấy tên là A-na-luật, con dòng Thích chủng, bỏ cung điện ba mùa, bỏ cái vui năm dục, xuất gia học đạo. Người vợ lại hỏi: Ông có biết Tỳ-kheo đến sau là ai không? Người chồng nói: Không biết. Bà vợ nói: Vị ấy là con của dòng họ lớn Ma-nộp-tất-ba-la-diên, bỏ chín trăm chín mươi ruộng, nhà, trâu, bò, xuất gia học đạo, rủ lòng thương đối với ông cho nên đến xin thức ăn đấy. Ông Trưởng giả nghe vợ nói rồi trong tâm khởi sự kính phục. Ngay khi ấy, Mục-liên bay lên hư không vì ông Trưởng giả nói pháp chỉ vẽ sự lợi ích, để vui mừng… cho đến câu: Liền từ nơi chỗ ngồi xa trần, lìa cấu, đặng mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc quả rồi, thọ Tam quy, Ngũ giới. Từ đó về sau, ông Trưởng giả thường cúng dường cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc,

Ưu-bà-di và các ngoại đạo. Bấy giờ, ba vị Thanh văn nói với Tân-đầu-lô: Chúng tôi đã giáo hóa Bạt-đề tin ưa pháp Phật rồi, nay đến phiên thầy giáo hóa bà chị gái của ông ta. Thế là Tân-đầu-lô vào buổi sáng mặc y, bưng bát vào thành khất thực, theo thứ tự đến nhà bà ta. Lúc ấy, chị ông Trưởng giả tự tay đang làm bánh, bỗng nhiên thấy Tân-đầu-lô bèn cúi đầu nhắm mắt. Tân-đầu-lô cũng nhất tâm nhìn vào cái bình bát. Bà ta bèn nói: Quyết định không cho ông, nhất tâm nhìn vào bát làm gì cho uổng công? Tân-đầu-lô bèn trong thân tuôn ra khói. Bà ta nói: Cả thân có tuôn ra khói, quyết cũng không cho ông. Tân-đầu-lô cả thân tuôn ra lửa. Bà ta lại nói: Cả thân tuôn ra lửa, cũng quyết định không cho ông. Tân-đầu-lô liền bay lên hư không, cũng quyết định không cho ông. Tân-đầu-lô bèn lộn nhào lên không trung, cũng quyết định không cho ông. Tân-đầu-lô khởi ý niệm: Đức Thế Tôn không cho phép chúng ta cưỡng bức để xin cho được, bèn ra đi. Cách thành Vương-xá không xa có một tảng đá lớn, Tân-đầu-lô ngồi trên đó rồi kẹp tảng đá bay vào trong thành Vương-xá. Người trong thành thấy đều hết hồn hết vía, sợ tảng đá rớt xuống, mọi người vội vã chạy trốn. Bay đến nhà chị ông Trưởng giả, Tân-đầu-lô đến đó không đi. Bà ta thấy rồi liền hoảng vía kinh hồn, lông tóc dựng ngược, vòng tay thưa: Xin Tôn giả tha mạng cho con, đem tảng đá để lại chỗ cũ, con sẽ cúng

cho Tôn giả. Tân-đầu-lô bèn đem tảng đá để lại chỗ cũ, rồi trở lại đứng trước nhà. Chị ông Trưởng giả khởi ý niệm: Ta không thể cho cái bánh lớn, nên làm cái bành nhỏ để cho. Bà ta viên tròn cái bánh còn chút xíu, bánh nhỏ liền biến thành cái bánh rất lớn. Ba lần như vậy, nó cũng biến thành cái bánh lớn, bà ta lúng túng nghĩ: Ta muốn làm cái bánh nhỏ, nó lại thành cái bánh lớn, nay ta cứ lấy đại một cái để cho quách. Bà ta liền lấy một cái để cho thì các bánh còn lại đều dính theo luôn, đến nỗi cái thẩu đựng bánh cũng liền dính vào bánh. Bà ta lấy tay cầm cái thẩu, tay của bà cũng bị dính vào thẩu, với vẻ khó chịu bà mới nói với Tân-đầu-lô: Ông cần bánh, tôi cho hết bánh kể cả cái thẩu đựng tôi cũng không tiếc, tại sao ông bắt tôi phải làm gì mà khiến tay tôi dính chặt vào cái thẩu? Tân-đầu-lô nói: Tôi không cần bánh và cái thẩu, cũng không cần bà. Chúng tôi bốn người đã cùng bàn định, giáo hóa bà và giáo hóa em của bà. Ba vị kia đã giáo hóa em của bà, nay tôi giáo hóa bà, nên tôi mới làm như vậy. Chị ông Trưởng giả hỏi: Vậy bây giờ ông muốn tôi làm việc gì? Tân-đầu-lô bảo: Tôi muốn chị em bà, có thể chở số bánh này đi theo tôi, đến cúng dường Phật và Tăng. Bà ta liền chở bánh đi theo Tân-đầu-lô. Tân-đầu-lô liền biến hóa con đường đi ngang qua cửa ngõ người khác, khiến cho mọi người đều thấy. Khi đến chỗ Đức Phật, tự tay bà cúng dường Đức Phật và một ngàn hai trăm năm

mươi vị Tỳ-kheo. Tất cả các vị thọ dùng đầy đủ song cũng không hết bánh. Bánh dôi ra mang đến bạch Phật: Con có một ít bánh cúng dường Phật và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đều no đủ mà cũng không hết, nay nên để nơi nào? Đức Phật bảo: Có thể để nơi chỗ đất không có cỏ sống, hay chỗ nước không có trùng. Người nữ kia bèn đem đổ vào chỗ nước không có trùng, nước sôi thành tiếng như sắt nóng bỏ vào chỗ ít nước. Bà hoảng sợ, lông trong người bà dựng ngược lên. Quay trở lại chỗ Phật, bà ta, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật vì bà ta nói các phép mầu… cho đến câu đặng mắt pháp trong sạch, thọ Tam quy, Ngũ giới, cúng dường cho bốn chúng, cầu đạo như người em không khác. Các Tỳ-kheo Trưởng lão đem vấn đề này bạch Phật, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi Tân-đầu-lô: Thật sự ông có như vậy không? Tân-đầu-lô thưa: Bạch Thế tôn, sự thật con có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép hiện thần túc, nếu hiện thì phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Vua Bình-sa có khu vườn cây quả Am-la, ba mùa đều sum suê tươi tốt, thường lấy hoa quả cúng dường các Tỳ-kheo theo nhu cầu. Các Tỳ-kheo ăn trái đó vào bữa ăn trước và bữa ăn sau, không lúc nào không ăn, hoặc đựng đầy cả bát mang đi, hoặc ăn phân nửa rồi quăng xuống đất.

Thời gian sau, lân quốc sai sứ đến tâu lên Vua Bình-sa: Tôi nghe nhà Vua có cái vườn cây quả Am-la, ba mùa đều sum suê tươi tốt, mong sao được thấy trái Am-la này. Nhà Vua ra lệnh hái. Khi ấy quả đã hết sạch vì các Tỳ-kheo đã hái ăn. Việc này được tâu lên nhà Vua, các quan cận thần của Vua đều chê trách nói: Sa-môn Thích tử đủ rồi vẫn không biết nhàm chán, tuy nhà Vua không tiếc mà người thọ dụng cần phải tế nhị lượng tính, tại sao cả một vườn trái cây cùng nhau ăn hết. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, hỏi các Tỳ-kheo: Sự thật các ông có như vậy không? Bạch Đức Thế Tôn! Thật sự có như vậy. Đức Phật bằng mọi cách quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép ăn trái chưa tác tịnh, nếu ăn phạm Đột-kiết-la.

Có một cư sĩ mời Tăng ăn trái cây, Tỳ-kheo sai người tác tịnh từng trái một nên quá nửa ngày không ăn được. Cư sĩ dị nghị nói: Các Sa-môn này giống như trẻ nít, sai người tác tịnh từng trái một nên không kịp giờ ngọ, nay ta giải quyết thế nào số trái cây này đây! Sự việc được bạch Phật. Phật dạy: Có năm loại chủng tử: căn chủng tử, tiếp chủng tử, tiết chủng tử, quả chủng tử và tử chủng tử. Nếu ăn trái cây nên làm năm chủng tịnh, là pháp của Sa-môn: hỏa tịnh, đao tịnh, điểu tịnh, thương tịnh và chưa thành chủng tịnh. Nếu ăn cái gốc cũng nên

làm năm chủng tịnh, là pháp của Sa-môn: tịnh bằng bóc vỏ, tịnh bằng cắt, tịnh bằng bóp cho bể, tịnh bằng rửa, tịnh bằng hơ lửa. Nếu ăn cành lá cũng làm ba chủng tịnh, là pháp của Sa-môn: tịnh bằng dao, tịnh bằng lửa, tịnh bằng rửa. Khi tác tịnh nên tác tịnh chung. Chung một đống, trong một đồ đựng, nếu tác tịnh một cái tức là tác tịnh hết.

Có một Tỳ-kheo nấu nước trong nhà tắm, củi cháy, rắn từ trong bọng cây chạy ra, cắn nơi chân, chết liền. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo kia không biết tám loại rắn, không hướng lòng từ đến gọi rắn, lại không đọc chú, nên bị rắn làm hại. Tám loại rắn ấy là: rắn Đề-lâu-lại-trá, rắn Đát-xa, rắn Y-la-man, rắn Xá-bà-tử, rắn Cam-ma-la-a-thấp-ba-la-ha, rắn Tỳ-lâu-la-a-xoa, rắn Cù-đàm, rắn Nan-đà Bạt-nan-đà. Chú rắn:

Ta thương các Long vương
Trên trời và thế gian
Do tâm từ ta đây
Diệt được các sân độc.
Ta dùng sức trí tuệ
Dùng để giết độc này
Vị độc không vị độc
Bị diệt vào lòng đất.

Đức Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo kia dùng chú này để tự vệ, không bị rắn độc giết chết. Lại có Tỳ-kheo bị nọc rắn cắn, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Thầy dùng chú này, chú nguyện, khiến vị kia

được an ổn. Tỳ-kheo này vâng lời dạy đến chú nguyện, vị kia được lành bệnh. Lại có các Tỳ-kheo ở chỗ nào cũng bị rắn cắn, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép làm chú thuật, tùy nghi trị liệu.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ăn nhiều thức ăn mỹ vị, do đó tăng thêm các bệnh. Sáng sớm, Kỳ-vức đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ sát chân, bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nay các Tỳ-kheo ăn nhiều thức ăn mỹ vị, do đó tăng thêm các bệnh, xin Ngài cho phép vào trong nhà tắm tẩy trừ các bệnh ấy. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp Tỳ-kheo Tăng, đem lời của Kỳ-vức bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo làm nhà tắm để trị bệnh, nên tắm trong đó.

Lại có các Tỳ-kheo lõa hình tắm, xoa chà cho nhau, lại lõa hình đi ra ngoài nhà tắm, các bạch y chê trách nói: Các Sa-môn này đều như Ni-kiền không có đạo phong. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật tập hợp các Tỳ-kheo Tăng, quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép mặc y tắm, không cho phép lõa hình tắm, lõa hình xoa chà cho nhau, vi phạm, đều phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo khi tắm đi ra ngoài cọ lưng nơi vách hay nơi gốc cây, rồi trở vô dội nước, thân hình bị xây xát, thương tích, Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép làm da Bồ đào, da Ma lâu, Tháo đậu v.v… làm vật tẩy bẩn. Các Tỳ-kheo tùy theo sự quen biết mà cho Tháo đậu, Đức Phật dạy:

Nên cho bình đẳng.

Đức Phật ở thành Xá-vệ. Bấy giờ Bạt-nan-đà mặc cái Câu nhiếp lật ngược nơi chỗ tối, làm thành bốn chân để đi, khủng bố các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Nếu mặc lật ngược cái Câu nhiếp làm bốn chân để đi, đều phạm Đột-kiết-la.

Các Tỳ-kheo ở trong phòng bị nóng muốn mặc lật ngược cái Câu nhiếp. Phật dạy: Trong phòng thì cho phép.

Có các Tỳ-kheo khi ngủ không có gối, Đức Phật cho phép làm gối. Có các Tỳ-kheo sợ rận, Đức Phật cho phép bắt nó bỏ đi. Các Tỳ-kheo bắt bỏ nó trong phòng, nó bò trở lại vào trong y. Phật dạy: Cho phép bắt bỏ nó ngoài phòng. Khi mưa, các Tỳ-kheo bắt bỏ nó trong nước, Đức Phật dạy: Nên bắt bỏ nó trong cái vật xấu, khởi lòng từ. Có các Tỳ-kheo bị nạn bò chét, Đức Phật dạy: Trải vật xuống đất rồi quét đi, nếu nó ở trong chiếu lát thì phơi cho nó đi. Có các Tỳ-kheo bị cái nạn mọt, Đức Phật dạy: Cho phép trừ nó bằng cách bỏ nó chỗ bùn kín đáo. Có các Tỳ-kheo già bệnh bị lạnh, muốn nhóm lửa trong phòng. Phật dạy: Khi lạnh cho phép nhóm. Các Tỳ-kheo nhóm lửa làm cháy hư đồ trải dưới đất và xông khói lên nhà. Phật dạy: Cho phép làm cái lò ở bên ngoài nhà để nhóm lửa, khói bay vào, các Tỳ-kheo không biết lấy vật gì để làm. Phật dạy: Cho phép dùng đồng, thiếc, bùn, đá để làm,

cho phép Tăng, Tăng bốn phương dùng riêng, lại cho phép làm lò nơi mặt đất. Các Tỳ-kheo dùng bình bát để uống nước sau giờ ngọ. Phật dạy: Sau giờ ngọ không nên dùng bình bát để uống, cho phép dùng đồng, thiếc, sành làm vật dụng riêng để uống nước.

Có một Tỳ-kheo ở nước Đức-xoa-thi-la, an cư mùa hạ xong đến Xá-vệ -Kỳ-hoàn, chỗ Đức Phật ở, đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật: Quốc độ này ăn cháo lỏng, quốc độ kia uống nước lương khô, xin cho phép các Tỳ-kheo buổi sáng được uống nước bột lương khô, Đức Phật dạy: Cho phép uống. Các Tỳ-kheo khi uống cần muối, bạch Phật cho phép dùng muối, cho phép Tăng, Tăng bốn phương chứa dùng riêng, cho phép làm đồ rang muối. Các Tỳ-kheo liền làm hình chúng sinh hoặc làm cái bàn tay người cầm đồ rang muối. Phật dạy: Không cho phép làm các hình đó.

Bấy giờ, các bạch y dùng cái mâm đựng thức ăn cúng cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không dám nhận, bèn chê trách nói: Sa-môn Thích tử không nhận vật cúng dường, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận. Có các Tỳ-kheo đựng cháo trong bát, nóng bưng không được. Phật dạy: Cho phép làm đồ đựng cháo riêng. Các Tỳ-kheo bưng thức ăn đưa lên nặng, Đức Phật dạy: Cho phép để trong cái ghế nhỏ. Các Tỳ-kheo bèn làm ghế hình cái chân, Phật không cho phép làm. Các Tỳ-kheo đến nhà bạch y,

họ làm ghế hình cái chân để thức ăn, các Tỳ-kheo không dám ăn. Phật dạy: Nơi nhà bạch y cho phép thọ, chỉ không cho phép mình tự chứa mà thôi. Các Tỳ-kheo cần cái Kiền tứ, Phật cho phép chứa dùng, dùng đồng, thiếc, sành, đá để làm.

Có các bạch y đem cháo cúng cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không biết để chỗ nào chia, Đức Phật cho phép làm cái bồn có quai để đựng. Khi chia cháo nên hỏi: Có cháo riêng cho người bệnh hay không? Nếu không thì nên cho người bệnh trước.

Lúc ấy, Tỳ-xá-khư-mẫu muốn chúng Tăng nấu cháo tại trong trú xứ, Đức Phật cho phép. Các Tỳ-kheo không biết để gạo ở chỗ nào. Phật dạy: Nên để ở trên chiếc chiếu tre dày. Trong gạo có thóc, không biết làm thế nào, Đức Phật dạy: Cho phép sắm cái nồi, cái chày, khiến tịnh nhân giã. Không biết làm bằng cách nào để bỏ thóc. Phật dạy: Cho phép sắm cái nia, cái sàng để sàng. Các Tỳ-kheo cần cái chõ, Phật cho phép chứa dùng, dùng đồng, thiếc, sành, đá để làm. Các Tỳ-kheo cần cái thìa, Phật cũng cho phép dùng, trừ loại cây sơn, các loại cây khác đều cho phép dùng. Có các Tỳ-kheo bệnh cần cháo ngon. Phật dạy: Cho phép tịnh nhân nấu, nếu không có tịnh nhân, cho phép Tỳ-kheo rửa sạch, đổ nước vào dụng cụ nấu, nhờ tịnh nhân vo đậu, gạo bỏ vào trong, sau đó Tỳ-kheo nhen lửa nấu. Cháo chín lại nhờ tịnh nhân nhận đem cho người bệnh. Các Tỳ-kheo nhận được nhiều gạo,

không có chỗ để, Đức Phật cho phép dùng bùn nhuyễn trét một cái phòng cho sạch đất để chứa gạo. Gạo hết, các Tỳ-kheo đến phòng chứa nghe mùi gạo. Phật dạy: Cho phép dùng loại bùn có chất thơm trét trên đất.

Đức Phật ở tại nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian, cùng đầy đủ chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đến xóm làng Đô-di của Bà-la-môn, trải tòa ngồi nghỉ dưới tàng cây Ta-la bên lề đường. Đức Phật mỉm cười. Tôn giả A-nan khởi ý nghĩ: Chư Phật không bỗng dưng không vì nhân duyên nào đó mà cười, nay Phật mỉm cười chắc có nhân duyên. Tôn giả liền để trống vai bên phải, quỳ gối, thưa hỏi Phật.

Đức Phật dạy:

Này A-nan! Thuở đời quá khứ, có Vua tên là Cấm-mị, có một người con gái khi sinh tự nhiên mang một tràng hoa bằng vàng, liền tập hợp các quan nghị bàn việc đặt tên, tất cả đều nói: Nên hỏi thầy tướng Bà-la-môn. Vua liền ra lệnh tập hợp thầy tướng, bảo họ đặt tên. Thầy tướng nói: Người nữ này khi sinh đeo cái tràng hoa tự nhiên màu vàng, nên đặt tên là Ma-lê-ni. Tên ấy được chọn, nhà Vua rất yêu mến, tìm hỏi trong nước, người nữ nào cùng sinh trong một ngày với con mình để dùng làm hầu hạ. Khi ấy, trong nước có năm trăm người nữ cùng sinh ngày đó, được đưa vào danh bộ của nhà Vua, sung vào làm người sai khiến. Khi

Ma-lê-ni tuổi đã khôn lớn, nhà Vua ra lệnh bảo con cúng dường năm trăm Bà-la-môn mà nhà Vua thường cúng dường. Nhà Vua nói: Con nên như cha hằng ngày nấu năm trăm nồi canh, theo sở thích của quý vị ấy mà cúng dường. Người con gái liền như lời dạy, cúng dường các Bà-la-môn. Quý vị dùng xong, Ma-lê-ni liền cùng năm trăm người nữ dùng xe bốn ngựa dạo chơi các khu vườn, từ vườn này sang vườn kia, từ cảnh quan này đến cảnh quan kia, ngày nào cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật Ca-diếp ở trong một ngôi vườn, người đánh xe đến ngôi vườn, chỗ Phật ở, liền quay xe không vào. Ma-lê-ni hỏi: Trong quốc giới của ta, không vườn nào không vào, tại sao ngươi thường tránh vườn này? Người đánh xe trả lời: Trong vườn ấy có một Sa-môn cạo đầu, tên là Ca-diếp, không nên thấy ông ta cho nên không vào. Ma-lê-ni nói: Sa-môn Ca-diếp đâu có dính dự gì đến việc ngươi, ngươi có thể quay xe vào trong vườn này để xem. Người đánh xe liền quay lại, vào đến chỗ xe hết đi được, Ma-lê-ni bèn đi bộ vào trong vườn. Từ xa thấy Phật Ca-diếp dung mạo thù đặc, giống như núi vàng. Thấy rồi, Ma-lê-ni phát tâm hoan hỷ, đến trước Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi đứng lùi qua một bên. Đức Phật vì Ma-lê-ni nói các pháp diệu, chỉ bày sự lợi ích, để được hoan hỷ… cho đến câu: Thấy pháp đắc quả rồi thọ Tam quy, Ngũ giới, từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ

sát chân Phật, đi vòng quanh bên phải rồi cáo lui. Đi không lâu, Ma-lê-ni khởi ý niệm: Ta thường dùng năm trăm nồi canh, hằng ngày cúng dường Bà-la-môn, đây không phải là phước điền, không nên nhận của thí, thà làm thức ăn rất mỹ vị để cúng dường Đức Thế Tôn Ca-diếp. Ma-lê-ni nghĩ rồi liền ra lệnh hằng ngày làm thức ăn đến cúng dường. Lúc này, các Bà-la-môn nghe Ma-lê-ni đã làm đệ tử Phật Ca-diếp, lại dùng thức ăn ngon bổ để cúng dường Phật, nên sinh tâm ganh ghét, cùng nhau nghị bàn: Chúng ta phải tạo phương tiện để cùng giết người nữ này. Thời điểm ấy, Vua Cấm-mị nằm thấy mười một điều mộng: Mộng thấy cây dài bốn ngón tay mà lại có hoa. Mộng thấy cái hoa liền thành trái. Mộng thấy con bò con thì cày, con bò lớn lại đứng xem. Mộng thấy ba cái chõ đều nấu cơm, hai cái hai bên cơm sôi nhảy vào nhau nhưng không rơi vào cái chính giữa. Mộng thấy con lạc đà có hai cái đầu ăn cỏ. Mộng thấy con ngựa mẹ lại bú con ngựa con. Mộng thấy cái bát vàng vận hành giữa hư không. Mộng thấy nước tiểu của con cáo hoang ở trong cái bát bằng vàng. Mộng thấy con khỉ đột ngồi trên cái giường bằng vàng. Mộng thấy con bò bị giết, cái đầu bằng chiên-đàn, giống như cỏ mục. Mộng thấy trong vũng nước, chính giữa thì đục, xung quanh lại trong. Sáng ngày nhà Vua tập hợp quần thần nói rõ các điềm chiêm bao, rồi hỏi ý kiến: Những điềm mộng ấy là thế nào?

Quần thần đều nói: Nên hỏi thầy tướng Bà-la-môn. Nhà Vua liền triệu đến hỏi. Các Bà-la-môn khởi ý nghĩ: Chúng ta định giết người nữ này, đây là cơ hội tốt. Họ bèn tâu với nhà Vua những điều chiêm bao này không tốt, hoặc sẽ bị mất nước hay là mất mạng. Nhà Vua hỏi: Có phương tiện nào tránh khỏi tai ương hay không? Thầy tướng tâu: Có. Nhưng chỉ có điều là chỗ niệm tình thương mến của nhà Vua, chắc không thể thực hiện được. Nhà Vua bảo: Cứ nói. Thầy tướng tâu: Voi… của nhà Vua, ngựa… của nhà Vua, Đại thần… của nhà Vua, đại Bà-la-môn… của nhà Vua, dẫn năm trăm con bò đực, năm trăm con trâu, năm trăm con nghé cái, năm trăm con nghé đực, năm trăm con dê đen, năm trăm con dê khỏe mạnh, vương nữ Ma-lê-ni và năm trăm người phục vụ, sau bảy ngày, nơi giữa ngả tư đường, sẽ giết để tế thiên thần thì tai ương này có thể tiêu diệt, nếu không làm thì họa không cách nào tránh khỏi. Nhà Vua nghe rồi, cả tin, liền ra lệnh chuẩn bị. Nhà Vua cho kêu người con gái của mình nói rõ sự việc, và cho phép trong vòng sáu ngày tùy ý sở nguyện. Ma-lê-ni tâu với Vua cha: Con không sợ chết nhưng xin nguyện: Ngày thứ nhất cùng dân chúng nam nữ lớn nhỏ trong thành đến chỗ Phật Ca-diếp. Nhà Vua thuận cho, tức khắc triệu tập dân chúng trong thành kẻ trước người sau vây quanh đến chỗ Phật Ca-diếp. Đức Phật vì họ nói pháp nhiệm mầu, chỉ vẽ sự lợi ích để họ hoan

hỷ… cho đến câu: Thấy pháp đắc quả, thọ Tam quy, Ngũ giới. Nguyện ngày thứ hai cùng các Đại thần của Vua, đến chỗ Phật Ca-diếp. Nguyện ngày thứ ba cùng các vương tử đến chỗ Phật Ca-diếp. Nguyện ngày thứ tư cùng các vương nữ đến chỗ Phật Ca-diếp. Nguyện ngày thứ năm cùng các phu nhân và thể nữ đến chỗ Phật Ca-diếp. Nguyện ngày thứ sáu cùng Vua cha đến chỗ Phật Ca-diếp. Nhà Vua đều thuận cho. Tất cả đều thấy pháp đắc quả, thọ Tam quy, Ngũ giới, như trước đã nói. Nhà Vua đắc quả rồi, đem mười một điềm mộng thưa hỏi Phật Ca-diếp: Những điềm mộng này có báo ứng thế nào? Đức Phật dạy: Mười một điềm chiêm bao này thuộc về đời sau chứ không phải đời này: Mộng thấy cái cây nhỏ mà sinh hoa là đời sau có Đức Phật ra đời trong loài người chỉ sống một trăm tuổi, gọi là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Khi ấy, người ba mươi tuổi, đầu đã bạc. Mộng thấy cái hoa liền thành trái, là bấy giờ người mới hai mươi mà đã sinh con. Mộng thấy con bò con cày mà con bò lớn lại đứng xem, là lúc ấy người trẻ lại thống lãnh việc nhà, cha mẹ không được tự tại. Mộng thấy ba cái nồi đều nấu cơm, hai cái nồi hai bên sôi nhảy vào nhau, mà không rớt vào nồi chính giữa, là khi ấy người giàu cùng cho nhau mà người nghèo không nhận được. Mộng thấy con lạc đà hai cái đầu ăn cỏ, là khi ấy nhà Vua có quần thần đã hưởng bổng lộc của Vua lại lấy vật

của dân. Mộng thấy con ngựa mẹ lại bú con ngựa con, là khi ấy bà mẹ, con gái đã lấy chồng rồi, lại đến nó cầu thực. Mộng thấy cái bát vàng vận hành giữa hư không, là khi ấy mưa không đúng thời tiết, cũng không mưa khắp. Mộng thấy nước tiểu con cáo hoang ở trong bát vàng, là khi ấy dân chúng chỉ chọn người giàu mà kết hôn chứ không lựa bổn tánh. Mộng thấy con khỉ đột ngồi trên cái giường bằng vàng, là lúc ấy quốc vương dùng phi pháp cai trị, bạo ngược vô đạo. Mộng thấy con bò cái đầu bằng chiên-đàn bị giết đồng giá trị với cỏ mục, là khi ấy Sa-môn dòng họ Thích tham lợi dưỡng nên cùng bạch y nói pháp. Mộng thấy trong vũng nước mà chính giữa đục, chung quanh lại trong, là khi ấy Phật pháp là trung tâm của nước diệt trước, nơi ven biên cương lại thạnh. Đức Phật dạy: Mười một điềm mộng nhà Vua nằm thấy là như vậy, đối với bản thân của Đại vương không có việc bất tường. Nhà Vua liền từ chỗ ngồi ra lệnh quần thần: Những phẩm vật định dùng để tế thần trời nay đều đem bố thí, không có việc gì phải lo sợ. Từ nay ta thà tự mất mạng chứ không cố ý sát sinh, huống là bảo giết người, không cố ý làm tổn thương đến loài trùng kiến, huống là con gái ta và mọi người.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

Đức Phật Ca-diếp sau khi Nê-hoàn, nhà Vua kia vì Ngài xây tháp bằng vàng, bạc, dọc ngang nửa do-tuần, cao một do-tuần, thêm vào những

viên ngói bằng vàng, bằng bạc, xen vào nhau, hiện nay vẫn còn trong lòng đất. Đức Phật liền ra chỗ tháp chỉ rõ cho bốn chúng. Toàn thân xá lợi của Phật Ca-diếp, nghiễm nhiên như cũ. Nhân việc này, Đức Phật lấy một nắm bùn, nói kệ:

Tuy được vàng Diêm-phù
Lợi trăm ngàn kim bảo
Không bằng một nắm bùn
Vì Phật xây bảo tháp.

Mách bảo rồi, trở về chỗ cũ, Đức Phật lấy bốn nắm bùn trát nơi chỗ ngôi tháp ngầm dưới mặt đất, một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo mỗi vị cũng dùng bốn nắm bùn trét lên chỗ đó.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo muốn vì Phật Ca-diếp xây ngôi tháp nơi đất bùn ấy. Đức Phật cho phép xây. Chúng Tỳ-kheo cùng nhau xây. Đây là bảo tháp đầu tiên được xây trên cõi Diêm-phù-đề. Sau đó, các Tỳ-kheo muốn vì A-la-hán, các Thanh văn, Phật-bích-chi xây tháp, Đức Phật dạy: Có bốn hạng người nên xây tháp: Như Lai, Thánh đệ tử của Như Lai, Phật-bích-chi và Chuyển luân Thánh vương. Các Tỳ-kheo muốn làm tháp lộ thiên, tháp như cái nhà, tháp không có vách, muốn bên trong làm hình tượng khám, bên ngoài làm lan thuẫn: Muốn làm một tảng đá lớn đẽo cái tháp lộ thiên, muốn ở trước tháp làm cây trụ bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng cây, trên đầu cây trụ có hình đầu sư tử, các loại hình cầm thú, muốn trồng cây xung quanh

tháp, Đức Phật đều cho phép. Khi ấy, các ngoại đạo cũng tự xây tháp, cúng dường mọi thứ, dân chúng thấy khởi lòng tin ưa. Các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép chúng ta cúng dường tháp bằng mọi thứ, dân chúng cũng sẽ khởi lòng tin vui theo, Đức Phật cho phép. Các Tỳ-kheo tự mình ca múa để cúng dường tháp, các bạch y chê trách, nói: Bạch y ca múa, Sa-môn Thích tử cũng như vậy, cùng chúng ta đâu khác gì?! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo không nên tự mình ca múa để cúng dường tháp, cho phép nhờ người làm việc đó, cho phép Tỳ-kheo tự mình khen ngợi Phật, dùng hương hoa, phướn lọng cúng dường tháp. Các Tỳ-kheo khi khất thực có người cúng hoa không dám nhận, các bạch y chê trách, nói: Sa-môn Thích tử không dám nhận sự cúng dường, lại không muốn cúng dường tháp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ. Các vị không biết để chỗ nào, Đức Phật dạy: Cho phép làm ba loại đãy: đãy đựng hoa, đãy đựng thức ăn, đãy lọc nước. Có các Tỳ-kheo tự mình đi hái hoa, từ xóm làng này đến xóm làng khác, ra ngoài xóm làng bị giặt cướp đoạt, các bạch y chê trách nói: Các Sa-môn này giống như thợ kết tràng hoa hay đệ tử của thợ kết vòng hoa, Đức Phật dạy: Không cho phép ra ngoài xóm làng để hái hoa. Các Tỳ-kheo dùng chỉ xâu hoa cúng dường, bạch y chê trách như trên. Đức Phật dạy: Không nên dùng chỉ xâu, chỉ nên rải ra

để cúng dường. Nếu có hoa héo mà ngoại hình còn xanh tốt, cho phép nhặt ra, lấy tay nắn nhẹ cánh hoa Ba lần, hoa tự hé nở được.

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-kheo để móng tay dài, sinh tâm nhiễm đắm, không muốn tu phạm hạnh, có người hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo, các bạch y chê trách: Các Sa-môn này như người thọ dục lạc, trang sức móng tay không có tâm từ bỏ. Có một Tỳ-kheo móng tay dài vào xóm làng khất thực, một người nữ thấy, bảo cùng nhau hành dục, Tỳ-kheo nói: Tôi là người xuất gia không làm việc ấy. Người nữ nói: Nếu không làm theo ý tôi, tôi sẽ làm cho ông bị tiếng xấu. Cô ta dùng móng tay tự xé áo và làm thương tích trong thân thể, rồi la lớn: Tỳ-kheo cưỡng bức nắm kéo tôi, tôi không chịu, nên gây tổn thương nơi người tôi, xé áo rồi còn gây thương tích thân tôi. Mọi người đến xem, có người tin có người không tin. Người tin thì nói: Tỳ-kheo này có móng tay dài, chắc làm việc ấy. Người không tin thì nói người nữ này là hạng bất lương nên vu báng Tỳ-kheo. Cả hai hạng người đều chê trách: Tại sao Tỳ-kheo lại để móng tay dài?! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép để móng tay dài, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Phật cho phép dùng dao hớt móng tay, một đầu làm cái móc ráy lỗ tai. Có các Tỳ-kheo nhuộm móng tay đỏ, các bạch y chê trách, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không được làm như

vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Lúc đó, các Tỳ-kheo vì làm đẹp cho nên may y. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có một Tỳ-kheo giữ phòng của Tăng, người đưa thức ăn cho Tỳ-kheo đến trễ, Tỳ-kheo leo lên cây để trông bị rớt xuống gãy hông. Phật dạy: Không cho phép leo lên cây, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo có chút duyên cớ cần leo lên cây, Đức Phật cho phép leo, nhưng không được leo cao quá đầu người. Có các Tỳ-kheo muốn trèo lên đầu cây cao lấy nhánh khô làm củi, Phật cho phép leo lên cái thang để lấy, chứ không được leo lên cây. Lại có các Tỳ-kheo gặp nước, lửa, thú dữ, giặc cướp muốn trèo lên cây mà không dám, nên bị nạn khốn đốn. Phật dạy: Gặp các tai nạn như vậy, cho phép tùy ý leo. Có hai Tỳ-kheo cùng đi, không có đãy lọc nước, khát nước uống, thấy trong nước có trùng, một Tỳ-kheo uống, một Tỳ-kheo không uống nên bị chết. Tỳ-kheo uống nước đến chỗ Phật, đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo kia có tâm hổ thẹn, mới có thể giữ giới mà chết, từ nay không cho phép không có đãy lọc nước mà đi, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo đi đường gần, không có đãy lọc nước không dám đi, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép trong vòng nửa do-tuần không có đãy lọc nước được đi.

Lại có hai Tỳ-kheo cùng đi trên một lộ trình, một Tỳ-kheo có đãy lọc nước, một Tỳ-kheo không,

không chịu mượn nhau, nên bị khát nước quá sức, bạch Phật. Phật dạy: Trước đây Ta há đã không chế, không có đãy lọc nước thì không được đi quá nửa do-tuần? Nếu không có đãy lọc nước, có thể dùng cái chéo y để lọc. Khi muốn đi phải nghĩ đến đãy lọc nước, cũng cho phép dùng cái ống tre để lọc nước. Các Tỳ-kheo lại dùng vàng, bạc, vật quý để làm. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép dùng đồng, thiếc, tre, cây, sành, đá để làm cái ống, rồi dùng một trong mười loại y mỏng, mịn do gia chủ cúng để bít cái miệng ống, không cho phép dùng y phấn tảo, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị cảm gió, có một trái Ha-lê-lặc để bên chân giường, Cù-già-ly đến, là bậc Thượng tọa, nên bảo Xá-lợi-phất tránh chỗ, Xá-lợi-phất liền đi, quên trái Ha-lê-lặc. Cù-già-ly thấy nói với các Tỳ-kheo: Đức Thế Tôn khen ngợi Xá-lợi-phất là thiểu dục, tri túc, mà nay cất chứa, còn chúng ta lại không. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe, khởi ý nghĩ: Tại sao nay ta do cái việc nhỏ mà bị chê trách, bèn lấy trái Ha-lê-lặc quăng. Các Tỳ-kheo nói: Đại đức bị cảm gió cần dùng trái Ha-lê-lặc đó là vị thuốc, chớ nên bỏ đi, nên lượm lại để dùng. Xá-lợi-phất nói: Do một vật nhỏ mà khiến cho người đồng phạm hạnh dị nghị đến như thế, ta đã quăng rồi, dứt khoát không lượm lại. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Xá-lợi-phất không những đời này bỏ thứ thuốc đó không chịu lấy lại,

mà thuở quá khứ cũng từng như vậy. Đời quá khứ có một con Hắc xà cắn một con bò nghé, rồi chạy vào trong hang. Có một Chú thuật sư dùng thần chú dê đen làm phép cho con rắn ra khỏi hang, mà nó không ra. Chú thuật sư bèn đốt lửa trước con bò nghé để làm phép, hóa thành ong lửa bay vào trong bọng cây, đốt chích con Hắc xà. Con Hắc xà chịu không nổi phải bò ra bọng cây. Con dê đen dùng cái sừng hất con rắn để trước Chú thuật sư. Chú thuật sư nói: Ngươi liếm lại nọc độc, bằng không ta quăng vào trong lửa. Hắc xà liền nói kệ:

Ta đã nhả độc này
Nhất định không thu lại
Nếu có phải bị chết
Thà chết không chịu lùi.

Thế là Hắc xà không chịu thu lại nọc độc, tự gieo mình vào lửa. Đức Phật dạy: Hắc xà khi đó chính là Xá-lợi-phất, xưa kia chấp nhận cái chết đau khổ, chứ không thu lại nọc độc, huống là nay lại lượm thứ thuốc đã bỏ. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo chứa thuốc để dùng. Lục quần Tỳ-kheo lại tích tụ nhiều thuốc, các bạch y chê trách: Các Sa-môn này muốn làm thầy thuốc, muốn mua bán thuốc, tự nói thiểu dục, tri túc mà không nhàm chán biết đủ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên chứa nhiều thuốc, cho phép chứa các thứ tạp dược, mỗi loại một A-đà-la, nếu bị bệnh lâu dài cho phép tùy nghi chứa trở lại.

Có các Tỳ-kheo không có dao dùng miếng tre lau cắt y, y bị hư, Phật cho phép dùng dao để rọc vật dụng. Các Tỳ-kheo lại sắm cái dao lớn, đám cướp đến lấy được dùng hại Tỳ-kheo. Phật dạy: Không cho phép chứa dao lớn, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Cho phép chứa loại dao dài một ngón tay, một bên làm bén nhọn, dùng cây làm cái cán, trừ cây sơn. Các Tỳ-kheo nhận được kim, không dám thọ, bạch Phật, Phật cho phép thọ cất để dùng. Các Tỳ-kheo lại chứa nhiều. Phật dạy: Không nên chứa nhiều, cho phép chứa ba cây mà thôi, có dư nên tịnh thí.

Khi ấy, trú xứ A-nậu-da ở Tỳ-xá-ly bị thấp, ẩm ướt sinh mòng muỗi rồi hơi nóng xông lên, các Tỳ-kheo bị nóng bức, Phật cho phép dùng cây quạt để quạt. Các Tỳ-kheo dùng đuôi ngựa để phất, trùng bị chết. Phật dạy: Không nên dùng đuôi ngựa để làm cái phất, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo dùng cái bát chứa thức ăn để trên đất bị lật đổ, Phật cho phép dùng cái đế, dùng đồng, thiếc, răng, sừng, gạch, đá, tre, cây (trừ cây sơn), để làm, cho đến bện cỏ để để, cũng cho phép. Có các Tỳ-kheo xông bát bị tróc. Phật dạy: Nên xông lại. Có các Tỳ-kheo cho thức ăn cho người làm, không lường nhiều ít, tuy nhiều họ cũng giận. Phật dạy: Cho phép chứa cái hộc, cái đấu, cái thăng để lường, Tăng hay Tăng bốn phương cho đến cá nhân cũng cho phép chứa, cũng nên có một cái để phòng

ngừa. Các Tỳ-kheo thuê người làm tô, dầu, mật, thạch mật không cân lượng để cho, tuy cho nhiều họ vẫn nổi giận. Phật dạy: Nên chứa cái cân cũng như trên.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo học chữ, các bạch y chê trách: Sa-môn Thích tử sao không siêng năng đọc tụng, lại học chữ làm gì! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên học chữ. Sau đó các Tỳ-kheo sắp xếp công việc không ghi chép nên quên. Phật dạy: Cho phép học chữ, chỉ không cho phép vì ưa đẹp mà phế bỏ đạo nghiệp. Các Tỳ-kheo muốn học chú thuật để trừ các nọc độc của ong, rắn v.v… Phật dạy: Cho phép học. Các Tỳ-kheo sắm ruộng vườn, quán xá, các bạch y chê trách: Chúng ta có vợ con gia đình cho nên sắm ruộng vườn, quán xá, các Tỳ-kheo cũng lại như vậy, cùng chúng ta đâu khác gì?! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép làm việc như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các bạch y đem ruộng, nhà, quán xá cúng cho Tăng, các Tỳ-kheo không dám nhận, cũng lại chê trách nói: Các Tỳ-kheo này không chấp nhận sự cúng dường, bạch Phật, Phật cho phép Tăng thọ nhận, rồi khiến tịnh nhân giữ theo luật. Có các Tỳ-kheo đến hỏi thăm Phú-lan-na Ca-diếp, Mạc-già-ly v.v… là các sư ngoại đạo. Phật dạy: Không nên thăm hỏi, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo học bói toán, các bạch y chê trách: Sa-môn Thích tử không thể tự tịnh tri kiến của

mình, làm sao biết được việc chưa xảy đến. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép học, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo học chú thuật mê hoặc người, bạch Phật, Phật không cho phép, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo học chú thuật làm cho người chết đứng dậy. Phật dạy: Không cho phép, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo hỏi các thầy bói toán muốn biết mình tốt hay xấu. Phật dạy: Không cho phép, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo đọc tụng sách bên ngoài, các bạch y thấy chê trách: Sa-môn Thích tử này không tin ưa phạm hạnh, bỏ giới kinh của Phật, đọc tụng sách ngoài. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật không cho phép. Có các Tỳ-kheo cùng ngoại đạo luận đàm, không biết nên xấu hổ, nghĩ: Nếu Đức Phật cho phép chúng ta đọc sách ngoài thì không đến nỗi bị xấu hổ thế này. Phật dạy: Vì hàng phục ngoại đạo, cho phép đọc sách ngoài, nhưng không được theo sách đó mà sinh tri kiến. Có các Tỳ-kheo chứa nhiều loại âu bằng đồng nho nhỏ, các bạch y chê trách: Sa-môn Thích tử này chứa nhiều loại đồ dùng này, cùng với ta đâu có khác! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên chứa nhiều loại âu bằng đồng nho nhỏ, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có hai anh em người Bà-la-môn tụng sách Xiển-đà -Phệ đà, sau xuất gia trong chánh pháp, nghe các Tỳ-kheo đọc kinh không nghiêm chỉnh,

chê trách nói: Các Đại đức xuất gia đã lâu mà không biết lời nói nam nữ, một lời nói, nhiều lời nói, lời nói hiện tại, quá khứ và vị lai, âm dài ngắn, âm nặng nhẹ mới đọc tụng kinh Phật như vậy. Tỳ-kheo nghe xấu hổ. Hai Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, trình bày rõ ràng. Phật dạy: Cho phép tùy theo âm ngữ của nước mà đọc tụng, nhưng không được sai lệch ý của Phật, không cho phép dùng lời nói của Phật làm lời nói của ngoại đạo, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo không buộc y hạ, vào xóm bị sút rơi xuống lộ hình, các người nữ cười, mắc cỡ. Phật dạy: Không cho phép không buộc y hạ mà vào xóm làng, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, cho phép sắm dây lưng. Các Tỳ-kheo làm dây lưng quá dài, cột đến bốn, năm vòng. Phật dạy: Không cho phép làm dài, dài nhất cột hai, ba vòng, các Tỳ-kheo may dây lưng quá rộng. Phật dạy: Cho phép rộng nhất bằng bốn ngón tay, hẹp nhất không dưới một ngón tay. Các Tỳ-kheo dùng tạp sắc may dài, Đức Phật không cho phép, cho phép dùng một màu mà thôi. Có các Tỳ-kheo mặc y mỏng vào xóm làng, gió thổi, lộ hình, các người nữ cười, mắc cỡ. Phật dạy: Cho phép làm cái nút, cái vòng cột lại, dùng đồng, thiếc, răng, sừng, tre, cây để làm cái nút, trừ loại cây sơn, cho đến làm dây để buộc. Các Tỳ-kheo cứ mặc cái y theo một chiều, phần dưới y dễ bị hư. Phật dạy: Cho phép mặc lộn ngược y lại, bề trên, bề dưới đều tra cái nút, cái vòng và

sợi dây cột. Có các Tỳ-kheo tụng chú thuật không ăn muối. không ngủ trên giường, xưng độc lời: "Nam mô Bà-già-bà", nên sinh nghi hay là ta theo tà kiến của thầy khác? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Thần chú pháp ấy là như vậy, chỉ đừng nên theo tri kiến đó. Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ-địa nói với Lô-di, con của Lực sĩ: Tỳ-kheo Đà-bà cùng vợ ông tư thông. Lô-di nghe rồi liền hỏi Đà-bà: Thật sự thầy có như vậy không? Đà-bà không trả lời. Lô-di bèn nói: Đà-bà phạm dâm xấu hổ nên không còn lời để đối đáp với ta. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Cho phép trao cho Lô-di, con của Lực sĩ pháp phú bát, bằng pháp bạch nhị Yết-ma, tất cả không được đến nhà Lô-di. Sai một Tỳ-kheo đọc lớn như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Lô-di, con của Lực sĩ hư dối, vu khống Đà-bà phạm dâm cùng vợ của mình. Nay Tăng trao cho pháp Yết-ma phú bát, tất cả không được đến nhà Lô-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp Thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Lô-di, con của Lực sĩ hư dối, vu khống Đà-bà phạm dâm cùng vợ của mình. Nay Tăng trao cho pháp Yết-ma phú bát, tất cả không được đến nhà Lô-di. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã trao cho Lô-di, con của Lực sĩ pháp

Yết-ma phú bát rồi.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Nếu Tăng đã trao cho pháp Yết-ma phú bát, tất cả bốn chúng đều không được lai vãng nói chuyện. Có các Tỳ-kheo cùng các Ưu-bà-tắc tranh tụng việc vụn vặt, bèn trao cho pháp Yết-ma phú bát. Đức Phật dạy: Không nên vì những việc vụn vặt mà trao cho bạch y pháp Yết-ma phú bát. Phải tạo nên tám pháp mới nên trao cho: Ưu-bà-tắc đối trước các Tỳ-kheo hủy báng Tam bảo và giới, muốn cho các Tỳ-kheo bất lợi, gây cho các Tỳ-kheo bị tiếng xấu ác, muốn đoạt trú xứ của các Tỳ-kheo, phạm Tỳ-kheo-ni, đó là tám pháp. Tôn giả A-nan khi còn bạch y là bạn thân hậu với Lô-di, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Thầy đến chỗ Lô-di nói: Tăng đã trao cho bạn pháp Yết-ma phú bát. A-nan vâng lời đến nhà Lô-di. Người giữ cửa vào báo: A-nan đứng ngoài cửa. Lô-di bảo: Mời vào. A-nan nói: Hiện nay, tôi không được phép vào cửa nhà bạn. Lô-di nghe, liền ra hỏi: Tại sao bỗng nhiên thầy lại không vào nhà tôi? A-nan đáp: Tăng đã trao cho bạn pháp Yết-ma phú bát, tất cả bốn chúng không được cùng bạn nói chuyện. Lô-di nói: Nếu như lời thầy nói tức là giết tôi rồi. Lô-di liền té xỉu xuống đất. A-nan nói: Ông bạn đứng dậy, đến tạ tội với Đà-bà, Tăng sẽ vì ông bạn giải pháp Yết-ma phú bát. Lô-di liền đứng dậy đến chỗ Đức

Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, bạch Phật: Con thật không thấy Đà-bà cùng vợ con tư thông, mà tin theo lời của Từ-địa. Đức Phật dạy: Ông có thể dùng lời tạ tội với Đà-bà, Tăng sẽ giải pháp Yết-ma phú bát cho ông. Lô-di vâng lời liền đến chỗ Đà-bà, đầu mặt đảnh lễ sát chân, tay ôm chân Đà-bà bạch: Con ngu si nên tin theo lời của người, phỉ báng Đại đức, xin Đại đức nhận sự sám hối của con. Tỳ-kheo Đà-bà nhận sự sám hối ấy. Lô-di tạ tội rồi đến chỗ Đức Phật, bạch: Con đã tạ tội với Tỳ-kheo Đà-bà rồi. Đức Phật bảo Tỳ-kheo: Cho phép Tăng bạch nhị Yết-ma để giải. Lô-di, con của Lực sĩ nên đến giữa Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân tất cả Tăng, quỳ gối, chấp tay, bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên là Lô-di, con của Lực sĩ, vu khống Đà-bà cùng vợ của con tư thông. Tăng đã trao cho con pháp Yết-ma phú bát, không cho phép tất cả bốn chúng tới lui nhà con. Con đã có lời tạ tội với Đà-bà rồi, nay chính thức nhận theo Tăng, đến Tăng xin giải Yết-ma phú bát. Ngưỡng cầu Tăng rủ lòng thương xót con mà giải Yết-ma phú bát. Xin như vậy Ba lần. Tăng sai Tỳ-kheo đọc lớn:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên là Lô-di, con của Lực sĩ, vu khống Đà-bà thông dâm với vợ của mình. Tăng đã trao cho con pháp Yết-ma phú bát, không cho phép tất cả bốn chúng tới lui cùng nói chuyện. Lô-di có lời tạ tội với Đà-bà, nay đến

Tăng xin giải pháp Yết-ma phú bát. Nay Tăng giải: Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Lô-di, con của Lực sĩ vu khống Đà-bà… cho đến câu: Nay Tăng giải. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói: Tăng đã đồng ý giải Yết-ma phú bát cho Lô-di, con của Lực sĩ rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có các Ưu-bà-tắc vì việc nhỏ mà giận hờn Tỳ-kheo bèn không kính tín. Đức Phật dạy: Ưu-bà-tắc không nên vì việc nhỏ mà không kính tín Tỳ-kheo. Nếu Tỳ-kheo gây tạo tám pháp thì sau đó không nên kính tín: Hủy báng Tam bảo và giới, muốn các Ưu-bà-tắc bất lợi, gây tiếng xấu ác cho Ưu-bà-tắc. Muốn đoạt trú xứ của Ưu-bà-tắc dùng phi pháp cho là chân chánh, khi dối Ưu ba tắc. Đó là tám pháp. Nếu Ưu-bà-tắc giận Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nên đến nhà đó, nếu cả xóm làng đều giận Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nên đến xóm làng ấy.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà cầm dù mang dép da, xỏ cái đãy đựng bình bát vào đầu cây gậy, vác trên vai đi. Có một Ưu-bà-tắc cùng một đệ tử của ngoại đạo đi sau, từ xa thấy tưởng là ngoại đạo, nói với người của đệ tử ngoại đạo: Xem thầy của ông đi đằng trước kia có oai nghi hay không? Đệ tử của ngoại đạo nói: Các ngươi có thấy ai không có oai nghi đều gọi đó là ngoại đạo, rõ thật kia mà, người này

là Thích tử. Hai người cùng cãi nhau, rồi đánh cá, họ đuổi theo kịp, hỏi rõ thì ra quả thật là Thích tử. Người Ưu-bà-tắc đã bị mất tiền lại rất xấu hổ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép làm theo nghi pháp đó mà đi ngoài đường, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo trên đường đi, vì bảo tháp, Tỳ-kheo được cúng vải làm dù, không dám thọ, các Cư sĩ chê trách nói: Sa-môn Thích tử này không muốn cúng dường tháp, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép thọ, chỉ không được làm oai nghi của ngoại đạo mà đi. Có các Tỳ-kheo già bệnh cần chống gậy, mang cái đãy đựng bình bát đi khất thực. Phật dạy: Cho phép đến Tăng xin. Tỳ-kheo kia phải đến giữa Tăng thưa:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… vì già bệnh, nay đến Tăng xin phép dùng cây gậy để chống, mang đãy bình bát đi khất thực, cúi xin Tăng cho phép. Thưa xin như vậy Ba lần. Tăng nên cân nhắc nên cho hay không nên cho. Nếu thật không già bệnh thì không nên cho. Nếu thật già bệnh thì nên bạch nhị Yết-ma cho. Một Tỳ-kheo đọc lớn:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo già bệnh này tên là… nay đến Tăng xin phép dùng cây gậy để chống, mang đãy bình bát đi khất thực. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo già bệnh

này tên là… cho đến câu… Nay Tăng cho phép. Các Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã cho phép Tỳ-kheo già bệnh… này dùng gậy để chống, mang đãy đựng bình bát đi khất thực. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Có các Tỳ-kheo muốn sắm cái đãy và cây gậy. Phật dạy: Nên làm. Người được Tăng Yết-ma mới được phép chứa cái đãy đựng và cây gậy. Nếu có Tỳ-kheo-ni thân quen cũng cho phép làm, để vị kia có dùng. Có các Tỳ-kheo đi khất thực gặp trời mưa, y bị phai màu. Phật dạy: Cho phép cầm dù, đến cửa bỏ dù xuống đất, khất thực được rồi trở lại cầm để đi. Có các Tỳ-kheo cầm dù đi khất thực, khi trở về để dù nơi nhà ôn đường, nhà giảng, chỗ ăn và các chỗ khác nên nước từ dù thấm ướt đất, nhão thành bùn. Phật dạy: Cho phép làm cái nhà để dù, đừng làm trở ngại cho nhau. Có các Tỳ-kheo muốn làm cái dù riêng, Phật cho phép làm, vuông tròn tùy ý, dùng cây làm cái đầu, trừ cây sơn, lấy lá hay cỏ che lên trên, cũng cho phép dùng trong mười loại y phủ lên trên. Tăng hay Tăng bốn phương, hoặc cá nhân đều cho phép cất giữ, cũng cho phép chứa thêm một cái để dự bị. Có một Tỳ-kheo bị bệnh con mắt, Đức Phật dạy: Cho phép dùng thuốc nhỏ mắt để nhỏ vào mũi, dùng dầu, tô, thoa trên đảnh, dùng tô mặn thoa dưới chân. Các Tỳ-kheo không biết dùng

vật gì để làm cái ống nhỏ vào lỗ mũi, Đức Phật dạy: Trừ cây sơn, còn các loại ống của cây gỗ, tre khác, đồng, thiếc, răng, sừng đều làm được. Có Tỳ-kheo tên là Cù di sau bữa ăn liền nhai lại, các Tỳ-kheo thấy nghi là phạm thức ăn phi thời, bạch Phật. Phật dạy: Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này năm trăm kiếp về trước thường sinh trong loài bò, dư báo sinh vào loài người, phàm ăn thứ gì không nhai lại thì không tiêu, từ nay các Tỳ-kheo như vậy, nhai phi thời không phạm. Có các Tỳ-kheo, hoặc y chỉ Tăng để ở, hoặc y chỉ Tăng bốn phương để ở, hoặc y chỉ tháp để ở, không có người giáo giới, ngu si không biết, không thể học giới, bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép y chỉ Tăng, Tăng bốn phương và tháp để ở, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Cho phép y chỉ nơi Thượng tọa và Tỳ-kheo như pháp có khả năng giáo giới. Khi ấy, các Tỳ-kheo cùng nhau trùm mền lại ngủ chung, thân xúc chạm nhau, sinh tâm nhiễm đắm, không muốn tu phạm hạnh, Đức Phật dạy: Không cho phép trùm mền cùng nhau ngủ, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Nếu vị nào không có y để trùm thì có cái áo lót khác, được quyền trùm. Nếu trú xứ vừa làm xong, chưa quen biết nhau, cho phép đồng ngồi một giường, nhưng không được ngủ, nếu ngủ cùng một giường phạm Đột-kiết-la. Có một chỗ trống vắng, lửa nơi đồng hoang muốn cháy đến, Tỳ-kheo không biết làm cách nào, bạch Phật. Phật dạy: Thầy đến đó dập tắt

đi. Vâng lời dạy đến dập mà lửa không tắt, trở lại bạch Phật. Phật dạy: Có thể nhân danh Ta đến nói với thần lửa: Đức Thế Tôn muốn khiến người tắt, vâng lời dạy đến nói, thần lửa liền tắt, trở lại bạch Phật. Phật dạy: Thần lửa này không những đời này nghe tên Ta mà liền tắt, thuở đời quá khứ trong biển có một hòn đảo, bảy năm thường bị lửa đốt. Trên hòn đảo có một rừng cỏ, trong đó có một con trĩ sinh một con phượng, cha mẹ thấy lửa muốn cháy lan đến liền bỏ đi, con phượng kia trương cánh và đưa chân ra, dùng bài kệ nói với thần lửa:

Có chân chưa đi được
Có cánh chưa bay được
Cha mẹ thấy bỏ đi
Chỉ xin mạng được sống
Thần lửa dùng liền kệ trả lời:
Trứng sống ngoài ý muốn
Mà nay đến xin ta
Nay ta sẽ cho ngươi
Bốn mặt đều một tầm.

Đức Phật dạy: Con phượng trĩ khi ấy chính là thân Ta, thần lửa lúc đó nay vẫn là thần lửa, xưa đã vì Ta dập tắt lửa, nay lại vì Ta mà làm lửa tắt. Nếu khi nào lửa đồng hoang cháy đến, nên đánh kiền chùy, hoặc xướng lịnh, Tăng đồng tập hợp khiến tịnh nhân cắt cỏ xung quanh, để chận ngọn lửa lại, dùng hai thứ nước, đất cát dập tắt lửa, hoặc lấy vải, y tẩm nước tiêu diệt ngọn lửa. Có các trú xứ, cờ

phướn lọng báu trong tháp thừa thải bỏ trong sân lung tung dập đạp trên đó, các bạch y chê trách nói: Các Sa-môn này không tiếc vật của người ta cúng dường để hư mục, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Trừ tháp Phật và Phật-bích-chi, ngoài ra, các tháp khác, vật dư, cho phép Tăng bốn phương sử dụng, nếu sau, tháp này cần thì lấy lại vật của Tăng bốn phương. Khi ấy các Tỳ-kheo ăn tỏi sống, bữa ăn trước, bữa ăn sau, không lúc nào không ăn, cũng có lúc ăn không, cho nên trong phòng xá bị hôi hám, các bạch y vào trong phòng nghe mùi hôi chê trách nói: Trú xứ các Sa-môn này hôi mùi tỏi giống như nơi nhà bếp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không cho phép, không có nhân duyên mà ăn tỏi. Nếu khi có nhân duyên ăn tỏi thì không được đi hay đứng trên đầu gió nơi có các Tỳ-kheo. Có một Tỳ-kheo vì cái nhân duyên nhỏ mà ăn tỏi, Đức Như Lai nói pháp không dám nghe. Đức Phật hỏi: Tại sao không đến nghe pháp? Bạch Đức Thế Tôn! Ngài không cho người được phép ăn tỏi mà đi hay đứng trên đầu gió nơi có Tỳ-kheo, cho nên con không dám đến. Đức Phật bằng mọi cách quở trách Tỳ-kheo kia: Thầy là người ngu si làm việc phi pháp, ham ăm đồ hôi hám mà mất cái lợi vô lượng của mùi vị pháp. Quở rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay không cho phép vì nhân duyên nhỏ mà ăn tỏi, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo ăn tỏi nên chánh

thuận các Tỳ-kheo. Chánh thuận là bảy ngày không được vào trong ôn đường, giảng đường, nhà ăn, nhà tắm, nhà xí, phòng người khác, đi ngang qua bên tháp hay xóm làng. Sau bảy ngày cần phải đập giũ ngọa cụ thì đập giũ, cần giặt thì giặt, nên hong phơi thì hong phơi, nên xông mùi thơm thì xông, xông phơi quét trong nhà, trét bùn khắp bên trong, tự giặt y phục, tắm gội thân thể, vậy sau mới vào. Bấy giờ, các Tỳ-kheo có cái âu đồng cỡ lớn, các bạch y thấy hỏi: Cái này của ai? Có người nói: Của các Tỳ-kheo. Họ bèn chê trách nói: Sa-môn này như Đại thần của nhà Vua, chứa cất cái âu đồng lớn này để làm gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Từ nay không cho phép chứa cái âu lớn, nếu cất âu loại một thăng trở lên thì phạm Đột-kiết-la. Lúc đó, các Tỳ-kheo tiểu tiện lung tung, hôi thối bất tịnh, các bạch y chê trách, nói: Sa-môn Thích tử này không có oai nghi, tiểu tiện lung tung, hôi thối bất tịnh. Có các Tỳ-kheo tiểu tiện chỗ không nên tiểu tiện, Quỷ thần nắm nam căn kéo đến chỗ vắng, nói: Đại đức nên tiểu tiện chỗ này. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không được tiểu tiện lung tung, nên làm chỗ tiểu tiện nơi vắng vẻ, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo khách không biết chỗ tiểu tiện. Phật dạy: Cho phép hỏi Tỳ-kheo cựu trú. Có các Tỳ-kheo già bệnh không đến chỗ tiểu tiện được. Phật dạy: Cho phép sắm đồ để tiểu tiện. Các Tỳ-kheo để đồ tiểu tiện ở trong

phòng, hôi hám. Phật dạy: Không nên để trong phòng. Các Tỳ-kheo để ngoài phòng, trùng ác vào trong đó. Phật dạy: Nếu cần để trong phòng thì nên đậy cái miệng đựng tiểu lại cho kín. Nếu để ngoài phòng cho đổ nước vào trong. Có các Tỳ-kheo đại tiện lung tung, các bạch y chê trách như trên. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép nơi chỗ vắng đào đất làm cái hố xí, trên có lợp, làm đường lên xuống và lan can, khi đầy phải đổ, nếu sinh trùng thì phải đào hầm đổ xuống, nếu chưa sinh trùng thì đem cặn men rượu đổ xuống hầm xí để khỏi sinh trùng. Có các Tỳ-kheo không xỉa răng, miệng hôi, ăn không tiêu. Có các Tỳ-kheo cùng Thượng tọa nói chuyện, ghê tởm mùi hôi nơi miệng. Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Nên xỉa răng. Xỉa răng có năm công đức: ăn tiêu, trừ lạnh nóng, thèm ăn, khéo phân biệt mùi vị, miệng không hôi, mắt sáng. Có các Tỳ-kheo lấy cây xỉa răng. Phật dạy: Có năm loại cây không nên xỉa: cây Sơn, cây Độc, cây Xá-di, cây Ma đầu, cây Bồ-đề, ngoài ra các cây khác điều xỉa được.

Bấy giờ, Tỳ-kheo muốn trang nghiêm chỗ Tự tứ, Phật cho phép được trang nghiêm. Đến ngày Tự tứ xong, ban đêm nên thuyết pháp, không biết giao ai phụ trách. Phật dạy: Nên giao cho vị có khả năng. Các Tỳ-kheo viện lý do bệnh nên không chịu thuyết pháp. Phật dạy: Không nên vì lý do bệnh sơ sơ mà từ chối không thuyết pháp. Có trú xứ bị các

thú dữ xâm nhập. Phật dạy: Cho phép đánh trống, đánh mõ, la lớn, kể cả đốt lửa. Có trú xứ bị trùng độc xâm nhập. Phật dạy: Nên bắt nó đem bỏ chỗ xa. Các Tỳ-kheo lấy tay bắt nên bị nó cắn. Phật

dạy: Cho phép tìm cách cho nó vào trong cái bình rồi đem đi. Có trú xứ không đóng cửa, bị mất y. Phật dạy: Nên làm cái khóa cho kẻ gian không mở được.

Tôn giả Xá-lợi-phất bị cảm gió, Vua Ba-tư-nặc nói: Nên dùng con ễnh ương khôn xông mũi, không dám dùng, Phật cho phép dùng. Có các Tỳ-kheo muốn nhuộm y. Phật dạy: Cho phép dùng cây, nhánh, bông, lá, vỏ mà nhuộm. Có các Tỳ-kheo muốn nhuộm Khâm-bà-la, Đức Phật dạy: Cho phép dùng cây Thi thi bà, cây Khư tha, cây Bồ đào để nhuộm. Các Tỳ-kheo lại nhuộm màu thuần đen. Đức Phật dạy: Không nên tạo y thuần màu đen. Nan-đà có ba mươi hai tướng, tuy không bằng Phật, các Tỳ-kheo từ xa thấy, tưởng là Đức Thế Tôn, thường đứng dậy chào, Nan-đà hổ thẹn không biết làm thế nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Nan-đà may y khác hình tướng đối với y của Phật. Có các Tỳ-kheo thọ mười hai pháp Đầu-đà nơi A-lan-nhã không xả, lại thọ thịnh trụ tại nhân gian, cho đến phòng xá v.v… bạch Phật. Phật dạy: Tất cả đều phạm Đột-kiết-la, cho phép gần xóm làng cho đến một Câu-lô-xá, nếu không thể nên xả.

Có các Tỳ-kheo thờ cúng quỷ thần. Phật dạy:

Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Không được vì quỷ thần, cho đến ngoại đạo sư, xây tháp, cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo xây tháp cho quỷ thần, quỷ thần nương ở nơi đó, sau phá, quỷ thần giận. Phật dạy: Đã xây thì không nên phá, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo đại tiểu tiện trong tháp quỷ thần hoặc đi quanh phía bên trái, quỷ thần giận. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Nếu trên lộ trình đi bên trái thì cho phép đi theo lộ trình. Có các Tỳ-kheo khắc cây làm hình nam nữ, cầm thú, lại làm các đồ chơi cho trẻ nhỏ của các bạch y. Phật dạy: Không nên cho như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo tự mình ca múa, dạy người ca múa, tự mình đánh nhạc. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 27

Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ v.v…

Đoạn 4: NÓI VỀ PHÁP OAI NGHI

Đức Phật ở tại thành Xá-vệ. Bấy giờ có một Bà-la-môn xuất gia, sạch sẽ quá mức thường lệ, từ nhờm gớm đại tiểu tiện của mình, làm sạch bằng cỏ lợi xí, cắt đứt da thịt làm thương tổn, chảy máu dính nhớp y và ngọa cụ của Tăng, các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách, nói: Thầy tự gớm nhờm phần đại, tiểu tiện của thầy, làm sao thầy có thể săn sóc bệnh của các Tỳ-kheo, bạch Phật. Phật dạy: Không nên dùng cỏ xí. Khi ấy, Tỳ-kheo lõa hình lên nhà xí, các bạch y chê trách, nói: Tỳ-kheo này chính là Ni-kiền-tử. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên lõa hình lên nhà xí. Lõa hình lên nhà xí phạm Đột-kiết-la. Có Tỳ-kheo ở chỗ A-lan-nhã cách xa nhà xí, bị đại tiện cấp bách không thể đến nơi nhà xí, bạch Phật. Phật dạy: Trường hợp

không thể đi kịp, cho phép ngó bốn hướng không có người thì có thể giải quyết. Có Tỳ-kheo trước đã vào nhà xí, sau đó có Tỳ-kheo không hệ niệm lên nhà xí, không khảy móng tay cũng không tằng hắng, mở cửa đột nhập, Tỳ-kheo ở trong xấu hổ, giận trách, Tỳ-kheo đến sau phải xin lỗi.

Lại có Tỳ-kheo lên nhà xí tuy có khảy móng tay, mà Tỳ-kheo ở trong không trả lời, cũng vào, đưa đến tình trạng giận trách, bạch Phật. Phật dạy: Không nên để rối loạn tâm khi lên nhà xí. Rối loạn tâm lên nhà xí phạm Đột-kiết-la. Nay Ta vì các Tỳ-kheo quy định pháp tắc lên nhà xí đầu tiên cần phải học. Đây là vấn đề Tỳ-kheo trọn đời phải học, nếu không học phạm Đột-kiết-la.

Khi Tỳ-kheo lên nhà xí cần xem trước sau và hai bên, đến trước nhà xí thì phải tằng hắng, khảy móng tay khiến người bên trong và phi nhân biết. Người trong nhà xí cũng phải khảy móng tay, tằng hắng. Vào trong nhà xí rồi cần phải xem trước sau và hai bên, ngó khắp trong nhà xí, xem có rắn, bò cạp, trùng độc hay không. Không nên máng y hai bên cánh cửa, phải thu vén y sao cho gọn, định tâm an ổn rồi ngồi. Không được làm vấy nhớp trên nhà xí. Hoặc người đi trước hay tự mình làm nhớp đều phải lau chùi sạch sẽ, cần rửa thì rửa, cần lau thì lau, cần dọn cỏ nhớp thì phải dọn sau đó mới ra đi. Cẩn thận khéo vén y đừng để nhớp. Đến chỗ tiểu tiện và chỗ rửa đại tiểu tiện cũng nên như vậy. Nếu

khi dùng nước, trước hết nên xem có trùng hay không. Không được dùng nhiều nước, cốt yếu là dùng vừa đủ. Súc đồ đựng nước phải cẩn thận nhẹ tay, đừng cho nó va chạm, đưa đến sự hư bể. Dùng nước, nếu hết, phải lấy cho đầy, nếu có việc gấp cần phải đi, cũng phải lấy lại cho đủ một người dùng rồi đậy lại mới đi.

Có các Tỳ-kheo ngồi thiền bên nhà xí, nằm ngủ, nhuộm vá y phục, thọ kinh, kinh hành, trở ngại các Tỳ-kheo lên nhà xí, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Có các Tỳ-kheo, trú xứ quá hẹp, không thể làm nhà xí cách ra xa, bạch Phật. Phật dạy: Nếu trú xứ quá hẹp cho phép dùng vải che, cho khỏi trở ngại nhau. Có các Tỳ-kheo lên nhà xí xỉa răng, các Tỳ-kheo nhờm gớm lại trở ngại các Tỳ-kheo lên nhà xí, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Có Tỳ-kheo xỉa răng bên nhà xí. Phật dạy: Cũng không nên làm như vậy. Có các Tỳ-kheo xỉa răng rồi cắm cây tăm nơi móc của vách nhà xí làm cho y của các Tỳ-kheo bị hư, hoặc bị tổn thương nơi da thịt. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Các Tỳ-kheo xỉa răng rồi bỏ tăm nơi cành cây hay bên gốc cây, thọ thần sân hận. Phật dạy: Không nên như vậy.

Có các Tỳ-kheo đại tiểu tiện rồi không có vật gì rửa chùi, nhớp thân hình và y phục. Phật dạy:

Nên dùng cỏ chùi, Tỳ-kheo lại dùng miếng tre, miếng lau để chùi bị thương tổn nơi đó. Phật dạy: Không nên dùng vật bén làm đồ chùi, nên róc bỏ các cạnh, trừ cây sơn, các cây khác đều được dùng. Các Tỳ-kheo làm đồ chùi quá dài hay quá ngắn, quá thô hay quá tế. Phật dạy: Nên làm cỡ vừa phải. Các Tỳ-kheo dùng cỏ chùi rồi, nhét vào trong lỗ cầu tiêu. Phật dạy: Không nên như vậy. Các Tỳ-kheo quăng cỏ chùi lung tung nơi đất. Phật dạy: Nên làm cái đồ để đựng, nếu đầy, người nào đó thấy đầy nên đem đổ vào hầm, hoặc bảo người đốt.

Các Tỳ-kheo rửa đại tiểu tiện nhớp tay. Phật dạy: Nên dùng tro, đất, phân bò rửa cho sạch. Các Tỳ-kheo rửa đại tiểu tiện rồi, lấy tay chà nơi vách cho sạch, vách bị hư. Phật dạy: Không nên chà như vậy, nên dùng gạch, đá mà chùi rửa.

Các Tỳ-kheo dùng tro, đất, phân bò bỏ nơi đất nhơ nhớp. Phật dạy: Nên dùng đồ đựng.

Có các Tỳ-kheo dùng cây xỉa răng quá dài. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép, dài nhất là một gang tay. Có các Tỳ-kheo làm cây xỉa răng quá ngắn, thấy Phật, vì sự cung kính, bèn nuốt vào trong họng, nhờ oai thần của Phật khiến cho nó không bị nguy hiểm. Phật dạy: Không nên làm như vậy, ngắn nhất cho phép dài năm lóng tay, cũng không nên quá thô, hay quá nhỏ.

Các Tỳ-kheo không đứng một chỗ xỉa răng mà

xỉa bỏ lung tung. Phật dạy: Không nên như vậy. Có các Tỳ-kheo nơi A-lan-nhã đứng một chỗ xỉa răng, đường xa, trở ngại việc khất thực, lại không nhận được phần cúng dường. Phật dạy: Tỳ-kheo nơi A-lan-nhã cho phép nhất tâm, vừa đi vừa xỉa răng. Có các Tỳ-kheo đến nơi giếng xỉa răng. Phật dạy: Không nên như vậy. Có các Tỳ-kheo dùng tăm xỉa răng rồi, không rửa, trùng ăn bị chết. Phật dạy: Không nên như vậy, dùng rồi nên rửa sạch mới bỏ. Có các Tỳ-kheo thiếu cây xỉa răng. Phật dạy: Cho phép cắt bỏ khúc xỉa rồi, khúc chưa dùng cất để dùng.

Có một Tỳ-kheo dùng cái đãy để đựng giày dép, đựng tăm xỉa răng, tăm xỉa răng bị nhớp. Phật dạy: Nên dùng vật khác để đựng. Có các Tỳ-kheo lại xỉa răng nơi nhà sưởi ấm, giảng đường, nhà ăn, chỗ làm thức ăn, trước Thượng tọa, Hòa thượng, A-xà-lê. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Có các Tỳ-kheo bệnh, Thượng tọa, Hòa thượng, A-xà-lê chăm sóc, không dám xỉa răng trước các vị ấy. Phật dạy: Khi bệnh thì cho phép. Các Tỳ-kheo xỉa răng trước bạch y, bạch y chê trách, nói: Sa-môn Thích tử chỉ siêng năng sửa sang hàm răng. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Các Tỳ-kheo lại không dám đối trước tất cả các bạch y xỉa răng. Phật dạy: Không nên làm như vậy, nếu hạng bạch y hào quý thì không nên xỉa răng trước họ. Có các Tỳ-kheo xỉa răng trước ngoại đạo,

cũng bị chê trách như trên. Phật dạy: Cũng không nên làm như vậy. Các Tỳ-kheo lại không dám xỉa răng trước tất cả ngoại đạo, họ lại nói: Sa-môn Thích tử cung kính chúng ta, không dám xỉa răng trước chúng ta. Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy. Nếu hạng người gây tổn hại đối với Phật pháp thì không nên xỉa răng trước họ. Đức Phật dạy: Ta vì các Tỳ-kheo quy định pháp học sơ đẳng về việc lên nhà xí v.v… nên thọ trì suốt đời.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khất thực không hệ niệm tại tiền (không để ý), vào trong nhà người, không nhớ lối ra, nên đi theo một chỗ khác để ra, thấy một người nữ ở trong nhà, nằm ngửa lộ hình. Tỳ-kheo hốt hoảng vội vã chạy nhanh ra khỏi nhà. Người chủ nhà đi về thấy Tỳ-kheo chạy ra một cách hốt hoảng, nên nghĩ: Tỳ-kheo này vào nhà ta, chắc có làm việc gì bất chính, liền vào trong nhà xem thấy người vợ nằm ngửa lộ hình, bèn nghĩ Tỳ-kheo đã tư thông với vợ mình, vội vàng chạy theo Tỳ-kheo kêu: Đứng lại! Ông làm việc như vậy, như vậy trong nhà tôi. Tỳ-kheo nói: Ông đừng nói câu đó, pháp của Tỳ-kheo chúng tôi không làm việc ác như vậy. Người kia không tin, đánh Tỳ-kheo gần chết, đoạt y bát rồi thả đi. Tỳ-kheo kia khi trở về trong Tăng phường kể lại sự việc với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bằng mọi cách quở trách: Tại sao thầy không hệ niệm tại tiền, vào nhà người ta mà không nhớ đường đi ra. Vấn đề được bạch Phật.

Phật dạy: Nay Ta vì các Tỳ-kheo khất thực, quy định pháp đầu tiên cần phải học, nên thọ trì trọn đời, nếu không học phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo khất thực phải nhất tâm dậy sớm, xuống giường mang dép, lấy nội y để mặc, đập giữ sạch bụi bặm, dây thắt lưng cũng vậy, mặc y hạ cho ngay ngắn, từ gót chân trở lên một cách gang tay, bên trái, phía trên ém hai bên, xếp hai bên, ngay phía sau xếp hai lần, rồi buộc dây, chậm rãi lấy dép mang đi đường, không nên mang nhầm lẫn, nhất tâm lấy Tăng-già-lê và bình bát. Khi rửa bát nên ngồi xổm không nên đứng, nếu rửa bát bằng thiếc thì cho phép cách đất một thước, bát tô ma thì cách đất bốn lóng tay, bát sành thì khoảng cách giữa bằng mức hai loại bát kia. Rửa rồi không nên để chỗ dễ lăn ngã, cũng không nên để chỗ bên trên có vật, có thể rớt xuống, không được lau và phơi lúc giữa ngày, có thể dùng để uống nước dưới bóng mát, nước rửa bát nên đổ giữa trưa. Khi ra ngoài nên nhất tâm, cần đóng cửa thì để bình bát đặt giữa hai chân, sau đó mới đóng cửa. Chìa khóa nên cất chỗ nào đừng cho ai thấy. Cách xóm làng không xa, chỗ đất nào bằng phẳng, có cỏ mềm mại, để bình bát xuống, đập giũ y Tăng-già-lê và y Trung hạ, mặc vào ngay thẳng, tay bên trái nắm y, tay bên phải bưng bát, cúi đầu nhìn trước chân mà đi, nên nhớ kỹ các ngõ hẻm, phân biệt cửa nhà người, tướng mạo của nó. Khi đến cửa nên khảy móng tay

hay tằng hắng khiến cho có tiếng, để người hay phi nhân bên trong biết. Vào cửa rồi nên tính toán, nên đứng chỗ nào, nếu có người nói: Đại đức vào, thì thâu giữ tâm vào, nếu có người cho thức ăn, không nên đến nơi thức ăn mà thọ. Nếu người nữ trao thức ăn, không nên cùng nói chuyện, không nên ngó chăm chăm, không nên lưu ý tướng tốt, xấu của họ. Nếu một nhà đủ thì tốt, bằng không thì đến nhà khác. Đủ rồi thì thôi. Nhận đủ thức ăn, ra khỏi xóm làng, cách xa rồi, để bình bát xuống đất, cởi y Tăng-già-lê, đập giũ bụi, nếu có bùn nhớp nên lau cho sạch, xếp lại, vắt lên vai đi. Về đến trú xứ mở cửa ngõ vào, để y bát vào chỗ cũ, đập giũ giày dép lau cho sạch, sau đó thâu giữ tâm, rửa chân, lau cho khô, trở lại mang dép vào phòng, mở cửa vào phòng, máng y bát vào chỗ thường lệ. Nếu muốn dùng dầu thoa chân thì cho phép thoa bàn chân. Quét sạch chỗ ngồi ăn, trải tọa cụ, lấy nước sạch, chuẩn bị khăn lau tay lau chân. Nếu tại trú xứ có canh rau, dấm, tương muối nên dự tính để vào một chỗ, rửa đồ đựng thức ăn dư, nhằm thức ăn mình ăn không hết thì sớt trước để trong đó. Nếu thấy Thượng tọa mang thức ăn về sau, nên đứng dậy đón rước, cầm y bát để vào chỗ cũ của Thượng tọa và thưa: Y bát để chỗ này. Rồi vì người cởi giày dép, nếu có dính đất thì để ngoài cửa. Đến giờ đánh kiền chùy, hoặc xướng lệnh để tập hợp. Tập hợp rồi, trước hết đi xem đồ đựng thức ăn dư, có dư sớt

bớt vào trong đó, nếu thiếu thì đến lấy thêm cho đủ, vậy sau mới sớt tương rau. Khi đang ăn, nếu Tỳ-kheo đến sau, nên đưa nước cho vị ấy. Vị ấy nhận nước thì trao thức ăn đựng trong đồ đó, nếu không nhận nước, tức là vị kia đã ăn rồi. Chúng ăn rồi, nên thu xếp tọa cụ, dọn những thứ nhớp rồi quét đất cho sạch, rửa đồ đựng thức ăn dư, úp lại để chỗ cũ, cất bình nước, đến trong phòng Hòa thượng, A-xà-lê, có việc gì nên thì làm, sau đó mới về lại phòng, hoặc đọc tụng, hoặc tọa thiền, hoặc kinh hành, để cho tâm thanh tịnh, trừ các triền cái. Hòa thượng, A-xà-lê cũng không nên vì việc nhỏ mà bảo đệ tử ở lại. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê sẽ vì bốn chúng nói pháp, đệ tử nên quét dọn chỗ nói pháp, trải tọa cụ, lấy nước vào bình, lấy khăn lau tay, lau chân, nếu có nước uống phi thời nên lọc cho sạch, để một chỗ, nói pháp rồi nên thu dọn tọa cụ và các vật. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cần tắm rửa nên sửa soạn những thứ cần trong phòng tắm, cần nước lạnh thì lấy nước lạnh, cần nước nóng thì lấy nước nóng. Thầy vào nhà tắm rồi nên thưa: Con cần vào hay không? Nếu cần thì vào, vào rồi nên ở sau lưng. Thầy tắm xong, hầu thầy về lại phòng, thầy không thể đi thì nên dìu, hoặc đưa y cho thầy. Thầy cần nước phi thời nên dâng cho thầy. Thầy cần kêu Tỳ-kheo nào thì nên kêu, cần đèn thì đốt đèn. Nếu không có đèn khi trao nước nên thưa cho rõ: Nước con dâng đây đã lọc rồi, thầy dùng. Ban

đêm nên thưa hỏi thầy: Con nên ngủ tại đây không? Thầy nói: Cần, thì nên ở lại, nếu thầy nói không, thì trở về lại phòng, hành đạo như trên. Sáng ngày nên đến thưa hỏi thầy: Ngủ ngon giấc không, nên tìm bữa ăn trước, bữa ăn sau, cháo, Đát-bát-na cho thầy, trong Tăng có, nên nhận phần cho thầy, có chỗ nào mời theo thứ tự, cũng nên nhận phần cho thầy. Nếu muốn vào xóm làng, nên thưa: Thầy cần mặc y dày hay y mỏng? Thầy cần thứ nào, dâng thứ ấy. Nếu thầy bảo: Ông cần đi với tôi, thì đi. Đến nhà người, nếu không được vào thì không nên giận. Nếu vào cửa ngõ rồi mà không được mời ngồi cũng không nên giận, nên đứng sau lưng thầy. Nếu đàn-việt cho thức ăn, nên nhận, không cho cũng không nên giận. Nói pháp nơi nhà bạch y, không nên loạn ngữ. Nếu thầy nói lời vụng về, phải khéo biết kỉnh giác. Thầy về, theo về, hành đạo như trên. Đây là pháp học ban đầu của Tỳ-kheo khất thực nơi A-lan-nhã, nên thọ trì trọn đời.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo ở một trú xứ, hạ an cư, đã kiết giới rồi, không có người lo liệu bữa ăn trước, bữa ăn sau và cháo Đát-bát-na, nên trong thời gian an cư các Tỳ-kheo rất bị thiếu thốn, Tự tứ xong bèn đi. Sau khi đi, Tỳ-kheo cựu trú đến các Cư sĩ, nói: Các người nên sinh tâm vui mừng, có Tỳ-kheo như vậy, như vậy tu hành tốt, an cư nơi đây. Các Cư sĩ nói: Như thế tại sao chúng con không hay biết chi cả? Các vị đó là tri thức của các

thầy, tại sao có quý Tỳ-kheo tu hành tốt như vậy, như vậy đến đây mà các thầy không nói với chúng con! Chúng con thường tìm thỉnh mà không có được, nay các vị đến đây mà chúng con lại không được cúng dường!

Lúc này, Lục quần Tỳ-kheo đến trú xứ của người, nói với Tỳ-kheo cựu trú: Mở cửa phòng trải ngọa cụ cho tôi nghỉ. Một Tỳ-kheo trong số Lục quần Tỳ-kheo vào trước, không hệ niệm tại tiền, con rắn từ trên rớt xuống, cắn chết, các Tỳ-kheo kia khóc áo não. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, vội chạy đến hỏi, Lục quần trình bày sự việc, các Tỳ-kheo Trưởng lão quở trách: Tại sao không hệ niệm tại tiền trong khi vào phòng trống không! Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật đầy đủ. Phật dạy: Nay Ta vì các Tỳ-kheo cựu và khách chế pháp học ban đầu, nên thọ trì trọn đời, nếu không học phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo cựu trú nghe Thượng tọa Tỳ-kheo khách du hành trong nhân gian, sắp đến trú xứ, nên sửa soạn phòng xá, đập giũ giường chiếu, phơi ngọa cụ, quét dọn trong phòng, sửa sang phòng ốc, lấy nước sạch đậy lại để sẵn một nơi, chuẩn bị khăn lau tay, lau chân. Nghe tới nơi phải ra cửa đón, bảo Tỳ-kheo hạ tọa cầm y bát. Khi vào rồi, trải tòa ngồi, cung cấp nước rửa chân, rửa chân cho thầy, đưa khăn lau tay, lau chân và lau giày dép. Nếu vị Thượng tọa khách, đồ hành lý và quyến thuộc đông

thì nên cung cấp hai phòng, nên thưa hỏi: Áo lót theo cỡ nào, tùy theo pháp y bậc thượng, trung, hạ, trao ngọa cụ thích nghi. Nếu Tỳ-kheo khách bệnh, nên giao phòng gần hố xí, nếu cần tắm thì sửa soạn đồ cần dùng trong nhà tắm, cần uống nước phi thời thì cung cấp, đêm đến nên tập hợp nói pháp, sáng ngày sửa soạn bữa ăn trước, bữa ăn sau và cháo Đát-bát-na, mời thầy ở lại an cư, khuyến hóa mọi người cúng dường. Tỳ-kheo khách kia muốn đến Tăng phường, nếu trước đó lật ngược y thì nên lật xuống, nếu trước đó chống nạnh thì không nên chống, nếu trước đội y thì nên lấy xuống máng trên vai, cởi giày dép đập giũ lau cho sạch, dùng cỏ hay lá gói đem vào để có chỗ, ngồi nghỉ một chút, nên hỏi Tỳ-kheo cựu trú: Thượng tọa ở phòng nào? Biết chỗ rồi, nên đến lễ bái thăm hỏi chuyện. Nếu còn sớm nên lễ tháp, lễ tháp rồi theo thứ tự lễ các Thượng tọa. Sau đó mới rửa tay, rửa chân rồi nên hỏi: Trú xứ này, ai là người phân phối ngọa cụ cho Tăng? Biết rồi nên hỏi: Tôi được… hạ, có chia phòng hay không? Nếu nói có, thì hỏi phòng nào? Nhận phòng rồi hỏi: Phòng này có người ở hay không? Nếu nói không, nên trước cửa phòng, trước hết lấy gạch đá quăng vào trong phòng lắng nghe có tiếng động hay không, nếu có, không nên vào, nếu không, mới mở cửa, rồi đứng tránh bên cửa, không có vật gì chạy ra, mới vào, đợi một chút để quen với ánh sáng trong phòng rồi quan sát kỹ khắp

phòng, lấy cây gậy quơ trên giường, dưới giường, coi chừng có trùng độc hay không, rồi từ từ mới mở cửa sổ. Nếu còn sớm thì nên đem ngọa cụ dập giũ rồi phơi. Nếu phòng không có ngọa cụ thì nên đến Tỳ-kheo phân phối ngọa cụ hỏi. Nhận được ngọa cụ rồi hỏi: Phòng này đầu đêm nên đề phòng thứ gì? Nửa đêm và cuối đêm nên đề phòng thứ gì? Nếu nói: Đầu đêm nên đề phòng giặc A-lan-nhã. Nên hỏi: Tôi phải làm sao? Nếu được trả lời: Nên tự vệ như vậy, như vậy thì nên áp dụng. Nửa đêm và cuối đêm cũng như thế. Lại nên hỏi: Phòng này có thức ăn không? Xóm làng này nấu thức ăn sớm hay trễ? Nơi nào Tăng tác Yết-ma học gia? Nơi nào Tăng tác Yết-ma phú bát? Nơi nào có chó dữ? Nơi nào có dâm nữ, đồng nữ lớn tuổi và đàn bà góa chồng? Trong đây Bồ-tát chỗ nào? Nơi đây nếu có Tăng sự đều nên có mặt sớm, không nên bê trễ. Đó là pháp học đầu tiên của Tỳ-kheo cựu trú và Tỳ-kheo khách, trọn đời nên thọ trì.

Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, có số đông Cư sĩ mời Tăng thọ trai, hoặc có các Tỳ-kheo mới mặc y, hoặc có người đã ăn, hoặc có người trở về giải y, hoặc có người mang bát đến, hoặc có người đã trở về rửa bát, hoặc có người ra khỏi Tăng phường, hoặc có người mới vừa về, hoặc có người mới ăn xong, hoặc có người mới bắt đầu ăn, các Cư sĩ chê trách, nói: Ngoại đạo khác còn biết cùng đến ăn đúng giờ, Sa-môn Thích tử không có phép

tắc, chúng ta không biết vị nào đã ăn vị nào chưa ăn. Các Tỳ-kheo Trưởng lão nghe, bằng mọi cách quở trách rồi bạch Phật. Phật dạy: Nay Ta vì các Tỳ-kheo Thượng tọa quy định pháp học đầu tiên về vấn đề thọ trai, trọn đời phải nên thọ trì, nếu không học, phạm Đột-kiết-la.

Nếu có bạch y mời Tăng mà bạch y ấy thường tới lui với các Tỳ-kheo, nên bạch với Thượng tọa, Thượng tọa nên bảo đi mời các Tỳ-kheo: Hôm nay đàn-việt mời thọ trai, tất cả đều tập hợp chỉnh tề oai nghi và khiến chủ nhân thường tới lui với Tỳ-kheo, nói trước thời giờ biết để đến. Sáng sớm, khi chưa sửa soạn thức ăn, Thượng tọa cần thì đến nơi khác, cho phép dẫn Tỳ-kheo đi, chủ yếu là phải về liền không được lưu lại. Khi tập hợp tới nhà thí chủ, đều phải hệ niệm tại tiền, biết chỗ ngồi kế tiếp dành cho người chưa đến. Có cái giường dây chưa có dây, dùng vải trải lên giường, Tỳ-kheo không biết, ngồi lên, bị té, lộ hình xấu hổ. Phật dạy: Khi muốn ngồi, phải lấy tay kiểm soát trước, vậy sau mới ngồi. Có các Tỳ-kheo ngồi trên giường dây, ngồi mạnh nên giường hư. Phật dạy: Trước nên ngồi nhẹ nhẹ, sau mới ngồi. Khi đàn-việt hành thủy nên hỏi: Có đồ hứng nước không? Nếu có không nên để nước rơi xuống đất, nếu không, không nên để nước tụ lại một chỗ thành bùn. Nếu nhận được cộng, nhánh, lá, trái không biết cách ăn, nên chờ người hai bên ăn, vậy sau mới ăn. Có các Tỳ-kheo

sớt cơm chưa xong đã ăn, bạch y chê trách, nói: Các Tỳ-kheo này không đợi tất cả nhận được cơm rồi ăn một lượt, giống như trẻ nít. Phật dạy: Không nên ăn như vậy, cần phải đợi nhận đủ hết, vậy sau mới ăn. Có chỗ, Tăng nhiều Thượng tọa, không biết đã nhận đủ hết chưa. Phật dạy: Nên lớn tiếng xướng "Tăng bạt". Các Tỳ-kheo ăn rồi nín thinh ra về, các bạch y chê trách, nói: Các ngoại đạo kia, ăn của người khác, ăn rồi chú nguyện rồi mới đi, Sa-môn Thích tử ăn rồi nín thinh không một lời cám ơn, thí chủ không biết có hài lòng không. Phật dạy: Thượng tọa nên chú nguyện rồi mới đi. Các Tỳ-kheo đi, không đợi Thượng tọa. Phật dạy: Cho phép tám vị Thượng tọa nên đợi nhau, các vị khác thì tùy ý. Có một trú xứ, Xá-lợi-phất là bậc tối thượng, La-hầu-la là bậc tối hạ, thọ trai nơi nhà thí chủ, người thí chủ dùng canh bằng tô dâng cho Thượng tọa, canh bằng dầu đưa cho thứ tọa, canh bằng vật thừa thãi đưa cho hạ tọa. La-hầu-la sau khi ăn, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, Đức Phật hỏi La-hầu-la: Hôm nay ông ăn thức ăn thế nào? La-hầu-la liền nói kệ:

Người ăn dầu có sức
Người ăn tô có sắc
Ăn canh loãng héo khô
Không sức huống là sắc!

Nói kệ xong, bạch Phật: Hôm nay con ăn thứ

canh loãng nấu với đồ thừa. Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi ăn xong về đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, Đức Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: Hôm nay thầy ăn thức ăn thế nào? Thưa: Thức ăn bằng tô nấu canh. Đức Phật quở: Hôm nay thầy ăn thức ăn bất thiện. Tại sao Tỳ-kheo Thượng tọa ăn thức ăn bằng tô, Trung tọa ăn thức ăn bằng dầu, hạ tọa ăn thức ăn bằng đồ thừa? Xá-lợi-phất nín thinh không trả lời, bèn vào trong chỗ vắng làm cho ói hết thức ăn ra. Đức Phật dạy: Từ nay, khi có người mời cơm, Thượng tọa nên nói với người chủ: Tất cả thức ăn đều bình đẳng. Khi đàn-việt đem thức ăn đến, Thượng tọa nên nói với Tỳ-kheo hạ tọa quét chỗ dọn ăn, trải tòa ngồi lấy nước, đem đồ đựng thức ăn dư ra, nói chung những gì cần dùng cho việc cúng dường đều phải sửa soạn. Đến giờ nên xướng hoặc đánh kiền chùy, khiến tề tựu để thọ trai. Nếu người chủ sửa soạn chậm nên nhắc họ cho mau, đừng để quá ngọ. Đó là một pháp ban đầu nói về vấn đề khi Thượng tọa thọ trai, phải thọ trì suốt đời.

Khi ấy, có Tỳ-kheo ở chỗ A-lan-nhã vì lười biếng không lấy nước uống, không lấy nước rửa tay, chân, không lấy nước bên hố xí. Lúc này, có đám giặc A-lan-nhã đến tìm nước để uống, Tỳ-kheo nói: Không có. Họ tìm nước rửa tay, chân cũng nói: Không có. Họ nói với Tỳ-kheo: Sa-môn Thích tử các ông thường đầy đủ ba loại nước, tại

sao nay không có? Tỳ-kheo trả lời: Tôi không lấy nên không có. Đám giặc nói: Chỉ cho tôi nước uống hôm nay, sau tôi không đến nữa. Tỳ-kheo cũng trả lời như ban đầu. Họ lại hỏi: Tại sao không có nước? Tỳ-kheo đáp: Tôi là người lười biếng nên không lấy nước để chứa sẵn. Đám giặc bèn cướp đoạt y bát và đánh Tỳ-kheo gần chết rồi bỏ đi. Lại có Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã không phân biệt các vì sao về ban đêm. Có đám giặc ngủ nhờ, dặn Tỳ-kheo: Chúng tôi ngủ một chút, trời gần sáng nói cho chúng tôi biết. Đám giặc ngủ một chút rồi, hỏi Tỳ-kheo gần sáng chưa? Tỳ-kheo nói: Còn sớm. Ba lần như vậy, đêm đã về sáng, vẫn nói là còn sớm. Người lùng tìm đám giặc đến bắt chúng dẫn đi. Đám giặc nổi sân nói: Nếu Tỳ-kheo nói với ta là gần sáng thì chúng ta đã không ngủ thêm, nay ta đã bị bắt là do Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch đủ lên Đức Phật. Phật dạy: Nay Ta vì các Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã quy định pháp học ban đầu, nên thọ trì trọn đời, nếu không học, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo ở A-lan-nhã nên khéo biết tướng bốn phương, khéo biết cơ nghi, khéo phân biệt tinh tú về ban đêm, biết thời tiết sớm muộn, biết nhớ ngày trong tháng, nửa tháng, cũng nên nhớ ngày tháng trong năm. Biết tướng bốn phương có những lợi ích gì? Nếu biết phương hướng, khi có giặc đến mới biết đường tránh. Khéo biết cơ nghi có những

lợi ích gì? Khi giặc đến nơi, tư duy: Nên chạy trốn, nên ra rước, nên nói pháp, nên cung cấp, nên cơ nghi để tùy theo đó mà ứng dụng. Khéo phân biệt tinh tú về ban đêm có những lợi ích gì? Biết đầu đêm hình tướng tinh tú thế nào, giữa đêm và cuối đêm hình tướng tinh tú như thế nào, biết được mới biết giờ nào là giờ ngủ, giờ nào là giờ hành đạo, nếu có giặc đến hỏi mới biết sớm muộn để trả lời, nếu giặc bắt dẫn đi rồi thả, xem tinh tú biết đường về. Khéo biết số ngày trong tháng, nửa tháng có những lợi ích gì? Do đấy mới biết ngày Bố-tát, đến trong làng xóm cầu sám hối Bố-tát thanh tịnh. Khéo biết ngày tháng trong năm có những lợi ích gì? Nếu đến mùa Xuân, biết bao nhiêu ngày nữa đến thời gian an cư, trong khi an cư biết còn bao nhiêu ngày nữa đến ngày Tự tứ, nên đến trong xóm làng để cầu sám hối Tự tứ thanh tịnh. Tỳ-kheo ở A-lan-nhã nên ở chỗ đất bằng phẳng, nếu ở bên gốc cây, làm chỗ để rửa chân, để vật dụng rửa chân, để nước rửa chân, ngồi chỗ thường ngồi, nếu có người đến nên hoan hỷ chào hỏi, nếu có đám giặc đòi nước, nên cởi bỏ giày dép, rửa tay cho sạch, bưng nước cho họ, họ hỏi nước lạnh, nước nóng tùy theo đó mà trả lời. Nếu Ưu-bà-tắc hỏi nước, cũng nên như vậy. Nếu ngoại đạo đến hỏi nước, kẻ đó có khả năng làm tổn thương cho Phật pháp cũng áp dụng như trên, không phải hạng trên thì mang guốc dép, hai tay bưng nước đưa cho họ, đừng khiến cho họ

nghĩ: Tỳ-kheo cung kính ta.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khất thực nơi xóm làng về, không đậy nắp bát, bị nước tiểu con diều hâu rớt trong bát, Tỳ-kheo không biết, ăn, bị bệnh càn tiêu.

Lại có một Tỳ-kheo cũng từ trong xóm khất thực về, không đậy nắp bình bát, con chim Câu Lâu Đồ ngậm con rắn bay ngang qua, con rắn rớt vào trong bình bát, Tỳ-kheo tuy bỏ lớp cơm trên, ăn lớp cơm dưới vẫn bị chết, các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Nếu muốn ăn tại trong xóm làng, thì cho phép đứng lại ăn. Nếu muốn mang về thì nên đậy nắp bình bát. Có các Tỳ-kheo già bệnh khất thực bưng bình bát trên tay trở về. Phật dạy: Cho phép làm cái đãy đựng bát rồi mang dưới nách. Có Tỳ-kheo mang bình bát dưới nách mồ hôi chảy ra nhớp. Phật dạy: Cho phép dùng khăn lau tay xách đem về.

Khi ấy, có Tỳ-kheo khất thực trở về nơi A-lan-nhã, giặc theo sau, chúng có ý nghĩ: Nếu Tỳ-kheo này không cho ta dù chỉ một vắt cơm để ăn, ta sẽ giết. Về đến nơi, thấy giặc từ xa đến, Tỳ-kheo liền mời ăn. Giặc ăn xong, nói: Thật hy hữu! Nay ông được công đức lớn tự bố thí mạng mình, để cho tôi mạng sống, rồi tự nói lên ý niệm trước. Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo kia mang thức ăn đến A-lan-nhã, có người tới nên cho họ ăn, không có người tới nên đợi một chút,

đợi lâu chưa có người đến, Tỳ-kheo đói, nên ăn trước một nửa, lại vẫn chưa có người đến nên ăn một nửa còn lại, nhưng để lại một vắt. Có các Tỳ-kheo ở A-lan-nhã ăn hết thức ăn, giặc đến xin thức ăn, Tỳ-kheo không có để cho, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Tỳ-kheo A-lan-nhã được chứa thức ăn. Nếu thức ăn khó kiếm được, Tỳ-kheo ở xóm làng nên cho, nếu không có tịnh nhân, cho phép tự mang về, tùy ý để chỗ đất tịnh hay bất tịnh. Có Tỳ-kheo tự mang thức ăn về nơi A-lan-nhã để nơi đất bất tịnh, giặc không đến xin, không biết làm thế nào. Phật dạy: Nên cho người làm hoặc người giữ vườn hay Sa-di. Nếu có các Tỳ-kheo ở A-lan-nhã cần bình, chậu, đồ đựng, Tỳ-kheo ở xóm làng nên cho, cần ngọa cụ cũng nên cho. Trên đường hành đạo, có cây hay cỏ trở ngại lối đi của Tỳ-kheo hoặc bị cây gai móc hư y. Phật dạy: Vẹt cỏ qua hai bên lề đường, hoặc dùng vật gì ngăn cản nó, cho phép buộc nhánh cây vào thân cây. Khi vẹt cỏ hay buộc nhánh cây mà nhánh lá bị gãy. Phật dạy: Không cố ý thì không phạm. Có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã sáng sớm ra vào bị sương, thấm ướt y, y bị hoại sắc. Phật dạy: Cho phép mặc cao lên trên, cũng cho phép dùng cây gậy đập cho sương rớt hết rồi đi. Gần đến xóm làng phải mặc y đúng pháp trở lại, cây gậy đập cho sương rớt để một chỗ nào đó, khi trở về lấy về. Có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã cần đất để nhồi bùn. Phật dạy: Nếu không có tịnh nhân thì cho

phép lấy đất nơi bờ bị lở, không có bờ bị lở cho phép lấy nước tưới lên đất, trải cỏ lên rồi giậm cho thành bùn để dùng. Có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã khi đi không dọn dẹp giường dây, giường dây, ngọa cụ của Tăng, bị hư hại, bị lửa cháy. Phật dạy: Nên dọn dẹp để một chỗ khóa cửa, giấu chìa khóa, để chỗ không có mưa, ghi nhớ, rồi đi, nếu có Tỳ-kheo khác đến, nên nói chỗ để chìa khóa.

Khi ấy, các Tỳ-kheo may y, không đo cỡ mà cắt, hoặc dài hoặc ngắn hoặc bị lệch không thành y, ráp lại cũng không được. Lại có các Tỳ-kheo thường mặc một y, trong trú xứ hay vào xóm làng cũng chỉ có y ấy. Lại có các Tỳ-kheo dùng ba y gói trái cây hay rau cải, phân bò.

Có các Tỳ-kheo dùng bát đựng thức ăn chứa rác rưới, chứa thức ăn dư, chứa thức uống sau giữa ngày, chứa hương và thuốc, hoặc không rửa cất, hoặc để giữa trời, hoặc để dưới đất, hoặc để chỗ nguy hiểm, các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Nay Ta vì các Tỳ-kheo quy định pháp học ban đầu về y bát, nên thọ trì trọn đời, nếu không học, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo nhận được y mới (vải mới), trước hết nên giặt, đo cỡ, vậy sau mới cắt, cắt rồi nên may, may rồi nên nhuộm, lật ngược để phơi, nhuộm rồi trải xuống đất, nếu muốn treo thì phía trên, phía dưới phải làm khuy, nếu là Tăng-già-lê thì nên như pháp Tăng-già-lê mà chứa cất, không được dùng

gói các vật. Ưu-đa-la-tăng, An-đà-hội các y thọ trì cũng đều như vậy, nên bảo vệ cẩn thận như bảo vệ da bọc thân. Thọ trì bát đúng pháp của bát, không được dùng bừa bãi như trên, phải bảo vệ cẩn thận như bảo vệ con mắt của mình.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 28

Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V…

Đoạn 5: NÓI VỀ PHÁP NGĂN BỐ TÁT

Đức Phật ở nước Chiêm-bà, bên sông Hằng. Hôm ấy nhằm ngày mười lăm Bố-tát, Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh ngồi nơi đất trống, Ngài nhìn khắp trong chúng Tăng rồi im lặng đình chỉ Bố-tát. Đầu đêm đã qua, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật kính lễ sát chân, quỳ gối, chấp tay bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, chúng Tăng ngồi đã lâu, cúi xin Ngài vì các Tỳ-kheo thuyết giới.

Đức Thế Tôn im lặng, A-nan trở về chỗ ngồi.

Giữa đêm lại qua, Tôn giả A-nan lại bạch như vậy, Phật cũng im lặng.

Cuối đêm, Tôn giả A-nan lại bạch:

Tướng ánh sáng đã sắp xuất hiện, chúng Tăng

ngồi đã lâu cúi xin Ngài vì các Tỳ-kheo thuyết giới.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

Chúng không thanh tịnh, Như Lai không thể nói giới.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên khởi ý nghĩ: "Nay trong chúng này ai là người không thanh tịnh, nên Đức Thế Tôn mới nói lời như vậy", bèn quan sát khắp chúng thấy một Tỳ-kheo ngồi gần bên Đức Phật là phi Tỳ-kheo mà tự nói là Tỳ-kheo, phi Sa-môn tự nói là Sa-môn, không tu phạm hạnh tự nói là tu phạm hạnh, thành tựu pháp ác, che giấu lỗi ấy, không bỏ tà kiến. Mục-liên từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Tỳ-kheo kia, nói: "Đức Như Lai đã thấy thầy, thầy phải đi ra khỏi chỗ này liền, đừng ngồi nơi đây nữa", bèn nắm tay kéo bỏ ra ngoài cửa, rồi Mục-liên trở về ngồi lại chỗ cũ.

Đức Phật nói với Mục-liên:

Này Mục-liên! Lạ thật! Quái thật! Chưa từng có người ngu si như thế, không tự biết tội lỗi của mình, để đến nỗi khiến người ta kéo tay mình bỏ ra ngoài.

Ngay khi ấy, Tôn giả A-nan lại từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Trong chúng đã thanh tịnh, xin Ngài vì các Tỳ-kheo nói giới.

Đức Phật bảo:

Từ nay các ông tự cùng nhau thuyết giới. Ta

không thể vì Tỳ-kheo mà giảng nói. Tại sao vậy? Nếu trong chúng không thanh tịnh mà Như Lai nói giới thì người phạm tội kia, đầu họ bị bể làm bảy phần.

Đức Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

Biển cả có tám thứ chưa từng có: A-tu-la thích ở trong đó. Tám thứ ấy là gì? Biển cả sâu từ từ, nước thủy triều không quá hạn, không dung nạp tử thi, trăm sông chảy về, không có tên riêng, vạn dòng nước chảy về mà không tăng giảm, xuất sinh các châu báu như chân châu, ma-ni, san hô, lưu ly, ngọc kha, vàng, bạc, pha lê, chúng sinh có thân hình lớn đều ở trong đó, đồng một vị mặn. Đó là tám thứ. Chánh pháp của Ta đây là như vậy, có tám thứ chưa từng có, các Tỳ-kheo đều cùng vui sống trong ấy. Tám thứ đó là gì? Chế cấm từ từ, giáo giới từ từ, học hỏi từ từ, các đệ tử của Ta đối với những giới đã chế cấm trọn đời không dám vượt qua, có tội bị loại ra ngoài, tất cả chủng tộc xuất gia đều bỏ tộc tánh riêng mà xưng là Sa-môn Thích tử, các thiện nam, thiện nữ xuất gia nhiều vị đắc Niết-bàn Vô dư mà pháp không thêm bớt, có các pháp bảo như là bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh đạo phần, các pháp trợ đạo, có các Đại nhân, A-la-hán hướng A-la-hán, cho đến Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hoàn, ở trong chánh pháp, người nào vào trong đó được hưởng vị giải thoát. Đó là tám thứ.

Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo phạm tội không

sám hối mà Bố-tát, có Tỳ-kheo cũng bắt chước như vậy, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như thế, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo vẫn cố ý phạm tội không sám hối mà Bố-tát. Phật dạy: Nên ngăn việc Bố-tát. Có các Tỳ-kheo hoặc chưa Bố-tát bèn ngăn, hoặc Bố-tát rồi mới ngăn… những cách ngăn Bố-tát như vậy đều như pháp ngăn trong vấn đề Tự tứ đã nói.

Đoạn 6: NÓI VỀ PHÁP BIỆT TRÚ

Bấy giờ, các Tỳ-kheo biệt trú độ Sa-di cho thọ giới Cụ túc, làm y chỉ sư, nuôi Sa-di, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú nhận sự cung kính của Tỳ-kheo thiện khác, sai khiến xách y bát, giày dép. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú thấy Tỳ-kheo như pháp đến tránh đi chỗ khác sợ biết mình là biệt trú. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú mời Tăng thọ trai rồi trở về phòng riêng để ăn. Phật dạy: Không nên như vậy, nên ở dưới Đại Tỳ-kheo dọn thức ăn. Lại có Tỳ-kheo biệt trú đi trước Tỳ-kheo như pháp. Phật dạy: không nên đi như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú muốn đến nhà bạch y, cùng Tỳ-kheo như pháp đi. Phật dạy: Không nên

đi như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú hoặc phạm lại tội cũ, hoặc lại phạm tội ác khác. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú ở trước Tỳ-kheo như pháp mà không mặc y. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú thường mặc ba y làm dính bùn nhơ nhớp. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú cùng Tỳ-kheo như pháp ngồi một giường, hoặc tự mình ngồi cái giường tốt. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú cùng Tỳ-kheo như pháp kinh hành, hoặc chính mình đi kinh hành chỗ tốt hơn. Phật dạy: Không nên đi như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú nhận Tăng sai thuyết giới kinh. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú làm các Yết-ma, như Yết-ma quở trách, Yết-ma khu xuất, Yết-ma y chỉ, Yết-ma cử tội, Yết-ma hạ ý. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú cùng Tỳ-kheo như pháp nói chuyện. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú muốn vì bốn chúng nói pháp. Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Lại có Tỳ-kheo biệt trú không nhớ số ngày trong tháng, nửa tháng, một năm. Phật dạy: Nên biết. Lại có Tỳ-kheo biệt trú ở trước Tỳ-kheo như pháp lật ngược y, chống nạnh, mang giày dép, trùm

đầu thông cả hai vai, hoặc ngồi hoặc nằm. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú không thuận tùng theo pháp Tỳ-kheo biệt trú. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú, Tỳ-kheo khách đến không bạch, không bạch Tỳ-kheo đi. Phật dạy: Nên bạch. Lại có Tỳ-kheo biệt trú ngày nào cũng bạch Tăng. Phật dạy: Nên bạch khi Bố-tát, nếu hành Ma-na-đỏa thì nên bạch hằng ngày. Lại có Tỳ-kheo biệt trú muốn đi xa, bạch Phật. Phật dạy: Nên xả rồi đi. Nên tác pháp như thế này rồi xả. Đến một Tỳ-kheo như pháp thưa:

Đại đức xin lắng nghe! Nay tôi xả pháp biệt trú, sau sẽ phụng hành lại. Thưa như vậy Ba lần. Nếu không xả mà đi, trên đường đi thấy Tỳ-kheo phải tự nói mình là biệt trú. Các Tỳ-kheo biệt trú trên đường đi nói rộng vấn đề biệt trú, các bạch y nghe nói: Tỳ-kheo này có tội gì mà sám hối? Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Trên đường đi không nên nói rộng như vậy, chỉ nên nói: Thưa Đại đức, tôi là Tỳ-kheo… phụng hành pháp biệt trú đã được (bao nhiêu) ngày, còn (bao nhiêu) xin Đại đức nhớ cho. Tỳ-kheo xả biệt trú kia đến chỗ khác, nên cầu Tăng nơi đó để hành biệt trú lại. Tăng nơi đó nên cho phép hành pháp biệt trú lại, nếu không cho thì phạm Đột-kiết-la. Lại có Tỳ-kheo biệt trú thọ pháp biệt trú rồi đến chỗ không có Tỳ-kheo ở, trong thời gian biệt trú lại phạm tội ác. Phật dạy:

Tỳ-kheo biệt trú không được ở riêng một mình, không nên phạm lại tội ác, nếu phạm thì phạm Đột-kiết-la.

Lại có các Tỳ-kheo biệt trú, thọ biệt trú rồi đến chỗ Tỳ-kheo không như pháp ở. Phật dạy: Không nên làm như vậy, nếu nơi đó có một Tỳ-kheo như pháp thì cho phép ở, nếu vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Lại có Tỳ-kheo biệt trú cùng Tỳ-kheo như pháp đồng ở một nhà. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Lại có Tỳ-kheo biệt trú cùng Tỳ-kheo như pháp đồng tắm một nhà tắm. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Cho phép ôm củi vào trong nhà tắm, dọn dẹp trong nhà tắm cho sạch sẽ, đem tro, đất, tháo đậu vào, sửa chỗ ngồi cho các Tỳ-kheo, cởi áo, giày dép rồi lấy dầu thoa chà nơi chân, các vị cần nhờ gì thì làm. Lại có Tỳ-kheo không đồng biệt trú cùng tắm một nhà tắm. Phật dạy: Cho phép, nhưng theo thứ tự cung cấp những thứ cần dùng. Tỳ-kheo biệt trú có ba việc: ở đâu, ở chỗ nào cũng thấp nhất, đi sau các Đại Tỳ-kheo, dùng ngọa cụ tối hạ, ở phòng xá tối hạ. Tỳ-kheo biệt trú có ba việc theo nếp sống cũ: khi Tăng nhận được cúng dường, khi Tăng Tự tứ, khi Tăng hành bát. Tỳ-kheo Biệt trú có tám trường hợp mất pháp biệt trú: Ở nơi địa xứ không bạch, Tỳ-kheo từ ngoài đến không bạch, tự mình đi ra không bạch, vị khách đi không bạch, một mình ở một chỗ, trong khi biệt trú lại phạm tội ác, cùng với Tỳ-kheo như pháp ở chung một nhà,

đi xa mà không xả biệt trú, trên đường đi thấy Tỳ-kheo mà không bạch, (bạch đang biệt trú). Hành Ma-na-đỏa cũng do tám việc này bị mất. Trừ ở riêng một chỗ, nơi không đủ Tăng hai mươi vị mà phụng hành, còn bảy việc kia như trên.

Đoạn 7: NÓI VỀ PHÁP ĐIỀU PHỤC

Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-ba-ly thưa hỏi Đức Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Tu-đề-na Ca-lan-đà-tử có phải phạm Ba-la-di hay không?

Đức Phật dạy: Lần đầu đều không phạm.

Lại hỏi: Tỳ-kheo ở A-lan-nhã ấy có phạm hay không?

Đức Phật dạy: Phạm.

Có một Tỳ-kheo bị bệnh cuồng loạn, hành dục lúc bệnh cuồng loạn, sinh nghi hỏi Phật: Phật dạy: Người cuồng loạn đều không phạm. Tâm tán loạn, tâm bệnh hoại cũng như vậy. Tôn-đà-la-nan-đà-bạt-kỳ-tử không xả giới, hành pháp dục, sau nghi hỏi Phật. Phật dạy: Phạm.

Có một Tỳ-kheo cùng người nữ hai căn hành dục, có một Tỳ-kheo cùng người nữ hai đường hiệp lại hành dục, có một Tỳ-kheo cùng huỳnh môn hành dục, có một Tỳ-kheo cùng nam tử hành dục, có một Tỳ-kheo cùng tiểu nhi hành dục, sau đều sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Đều phạm.

Có một Tỳ-kheo cùng tiểu nữ hành dục, tiểu nữ chết, nghi phạm hai tội Ba-la-di, hỏi Phật. Phật dạy: Dâm phạm Ba-la-di, tiểu nữ chết, phạm Thâu-lan-giá. Có một Tỳ-kheo làm một tượng người nữ bằng cây, hành dục, sau nghi hỏi Phật. Phật dạy: Xuất bất tịnh phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất phạm Thâu-lan-giá, tượng người nữ bằng bùn hay vẽ cũng vậy. Có một Tỳ-kheo cùng với voi hành dục, sau khi nghi hỏi Phật. Phật dạy: Phạm. Tất cả súc sinh cũng như vậy.

Lúc này, tại thành Vương-xá có một Ưu-bà-di tin ngu khởi lên ý kiến: "Dùng dâm dục để bố thí là bậc nhất", bèn mời Tỳ-kheo đến để bố thí. Các Tỳ-kheo nói: Chị em không nên làm như vậy, đó là điều Đức Phật cấm. Người nữ lại nói: Nằm mà làm thì phạm chứ đứng mà làm không gọi là phạm. Tỳ-kheo liền làm theo lời nói, sau đó nghi hỏi Phật. Phật dạy: Phạm. Ngồi làm, sau lưng dâm nữ, người nữ động, Tỳ-kheo không động cũng như vậy.

Lúc ấy, nơi thành Xá-vệ có Ưu-bà-di tin ngu, tên là Thiện Khinh, khởi lên ý kiến: "Dùng pháp dâm dục là cách bố thí bậc nhất", bèn mời các Tỳ-kheo đến bố thí. Các Tỳ-kheo nói: Chị em không nên làm như vậy, đó là điều Phật cấm. Người nữ lại nói: Ba chỗ thì phạm chứ nơi bắp vế, nơi rún, tất cả các chỗ như thế không gọi là phạm. Tỳ-kheo liền làm theo lời nói, sau đó nghi hỏi Phật. Phật dạy: Xuất bất tịnh đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa,

không xuất đều phạm Thâu-lan-giá.

Khi đó, có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã nằm ngủ mê nơi chỗ đất trống, có người nữ thấy, ở bên trên hành dâm. Tỳ-kheo thức dậy thấy đồ bất tịnh nhớp thân, lại thấy người nữ từ chỗ mình đi ra, sinh nghi, thưa hỏi Phật. Phật hỏi: Ông có thọ lạc hay không? Tỳ-kheo thưa: Không thọ lạc. Phật dạy: Không phạm, nhưng ngủ mê nơi đất trống, phạm Đột-kiết-la, mở cửa phòng ngủ cũng như vậy.

Lại có một Tỳ-kheo nằm ngủ mê nơi đất trống, có người nữ thấy, ở bên trên hành dâm, Tỳ-kheo khi thức dậy thọ lạc, sinh nghi hỏi Phật, Phật nói: Phạm.

Nơi Tỳ-xá-ly có một Tỳ-kheo chứng A-la-hán bị bệnh phong, cả cơ thể đều cứng thẳng, người nuôi bệnh để nằm nơi đất trống, vào xóm khất thực. Có người nữ đi đến, ở bên trên hành dâm. Hành dâm rồi nam căn của Tỳ-kheo vẫn cương thẳng như cũ, các người nữ nói: "Đây là hùng sĩ", liền dùng hương thoa, tràng hoa đeo nơi "Đầu" đảnh lễ rồi đi. Người nuôi bệnh trở về thấy đồ bất tịnh nhớp cả thân thể vị ấy, khởi ý nghĩ: "Tỳ-kheo này không tu phạm hạnh, phá giới tịnh, ta sẽ trưởng tịnh cho Tỳ-kheo ấy", nhưng lại nghĩ: "Đức Thế Tôn không cho phép trưởng tịnh cho Tỳ-kheo bệnh", nên đợi vị kia lành đã. Vị Tỳ-kheo bệnh kia lành rồi bèn trưởng tịnh cho vị ấy, nói: Trước đây, khi thầy bệnh, thầy phá giới. Tỳ-kheo kia trả lời: Khi tôi bị

bệnh như vậy, thân thể cường trực, không thể tự hoạt động, chẳng phải là phá giới. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo này đã chứng A-la-hán, bị bệnh phong nên cường trực, không thể tự hoạt động, không thọ lạc nên không phạm. Tỳ-kheo nuôi bệnh để bệnh nhân nằm nơi đất trống mà đi, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo lấy nam căn châm vào miệng của Tỳ-kheo khác, sau đều sinh nghi thưa hỏi Phật. Đức Phật dạy: Nếu người châm mà vì vui chơi thì phạm Thâu-lan-giá, người thọ chẳng phải vì vui chơi thì phạm Ba-la-di, nếu người thọ mà vui chơi thì phạm Thâu-lan-giá, người châm chẳng phải vì vui chơi thì phạm Ba-la-di, nếu cả hai đều vì vui chơi thì phạm Thâu-lan-giá, nếu cả hai đều chẳng phải vì vui chơi thì đều phạm Ba-la-di.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo cùng bạch y tắm chung trong một nhà tắm, bạch y lưu ý hình tướng của quý vị đem nói với các người nữ, hơn nửa thân va chạm nhau sinh tâm nhiễm đắm, đưa đến tình trạng hoàn tục, hoặc làm ngoại đạo. Các Tỳ-kheo đem vấn đề ấy bạch Phật. Phật dạy: Không nên tắm như vậy. Nếu cùng bạch y tắm trong một nhà tắm, phạm Thâu-lan-giá. Có một Tỳ-kheo Ma-ha-la trong mộng cùng với bổn nhị hành dâm, thức dậy chạy ra ngoài phòng cao giọng la lớn: Tôi chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử. Các Tỳ-kheo hỏi: Vì sao? Ma-ha-la trả lời: Tôi cùng với

bổn nhị hành dâm. Các Tỳ-kheo hỏi: Bổn nhị của thầy nay ở đâu? Tỳ-kheo nói: Ở tại ấp…, sinh quán của tôi. Các Tỳ-kheo hỏi: Người ấy đến đây hay là thầy đến đó? Người ấy không đến đây mà tôi cũng không đến đó. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Như vậy làm như thế nào cùng nhau hành dâm? Đáp: Hành dâm trong mộng. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng không hệ niệm tại tiền mà ngủ, phạm Đột-kiết-la.

Có một Tỳ-kheo đứng tiểu tiện, con chó đến ngậm nam căn, sinh nghi, thưa hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng đứng mà tiểu tiện, phạm Đột-kiết-la. Trú xứ của Tỳ-kheo không nên nuôi súc sinh như vậy, nếu nuôi, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo nam căn dài, do tâm dục tự mình châm vào đường đại tiện, sinh nghi, thưa hỏi Phật. Phật dạy: Phạm. Có một Tỳ-kheo thân thể mềm, lấy nam căn tự để vào trong miệng cũng như vậy. Có một Tỳ-kheo tọa thiền, ma nữ đến đứng trước mặt, Tỳ-kheo thấy sinh tâm nhiễm đắm, bỗng đứng dậy nắm người nữ kia, người nữ bèn chạy, Tỳ-kheo cũng chạy theo. Người nữ đến nơi xác của một con ngựa chết, rồi biến mất, Tỳ-kheo bèn hành dâm nơi con ngựa, liền sinh tâm hối hận nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem vấn đề bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Tăng trao cho Tỳ-kheo kia pháp Ba-la-di, bằng Bạch-tứ-yết-ma. Tỳ-kheo kia nên đến giữa Tăng, cởi bỏ giày dép, để trống vai bên phải,

kính lễ sát chân Tăng, quỳ gối, chấp tay, bạch: Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm dâm, liền sinh tâm ăn năn, không che giấu, nay đến trước Tăng xin pháp Yết-ma Ba-la-di, cúi xin Tăng cho tôi pháp Yết-ma Ba-la-di. Xin như vậy Ba lần. Tăng sai một Tỳ-kheo biết pháp đọc:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… phạm dâm, liền sinh tâm ăn năn, không che giấu, đến Tăng xin Yết-ma Ba-la-di. Nay Tăng trao cho pháp Yết-ma Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… phạm dâm… cho đến câu: Nay Tăng trao cho pháp Yết-ma Ba-la-di. Các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… pháp Yết-ma Ba-la-di rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tỳ-kheo kia trọn đời không được thọ thức ăn nơi Đại Tỳ-kheo mà tự mình thọ nơi tịnh nhân. Khi Bố-tát, Tự tứ, làm các pháp Yết-ma, vị ấy đến thì tốt, không đến hai bên (Tăng và đương sự) không phạm.

Có Tỳ-kheo cùng với Thiên nữ, Long nữ, A-tu-la nữ hành dâm, sinh nghi bạch Phật. Phật dạy: Đều phạm.

Có một Tỳ-kheo đến nhà người, nơi làm thức ăn, lấy một bát canh, sinh nghi, hỏi Phật, Phật nói: Thầy lấy với tâm gì? Tỳ-kheo thưa: Con lấy với tâm trộm cắp. Đức Phật dạy: Nếu trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di, nếu dưới năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá, vào trong vườn của người hái cây, rau trái cũng tính như vậy. Có Tỳ-kheo bị cướp, cướp đoạt giành lại được y vật, sinh nghi, thưa hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm.

Lại có Tỳ-kheo bị giặc cướp đoạt, vật đã vào trong tay giặc, hoặc giặc đã mang đi, sau đó chạy theo lấy lại được, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Tâm của thầy đã xả chưa? Tỳ-kheo thưa: Chưa xả. Đức Phật dạy: Chưa xả không phạm, đã xả thì phạm. Có Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã thấy con heo rừng bị bắn chạy đến, cùng nhau bàn nói: Đừng chỉ cho thợ săn. Thợ săn tìm đến hỏi Tỳ-kheo: Thấy con heo rừng bị bắn chạy đến đây không? Tỳ-kheo nói: Chỗ nào có heo? Heo của ai? Không có heo. Sau đó, Tỳ-kheo lại nghĩ: Ta nói không có heo, đâu không mắc tội giấu heo, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm. Nếu có nhân duyên như vậy, những cách nói để đánh lạc hướng của người kia đều không phạm tội. Có Tỳ-kheo ở A-lan-nhã thấy người thợ săn bắt được con nai sống cột lại, rồi bỏ đi, Tỳ-kheo do lòng từ bi nên mở thả, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, song không nên đối với vật của người mà tự tiện thả như vậy, vi

phạm, phạm Đột-kiết-la. Vì lòng từ bi mà thả tất cả súc vật của người cũng đều như vậy. Có Tỳ-kheo thấy Câu-lâu-đồ ngậm miếng thịt dồi lên để chơi, bảo nó nhả ra, sinh nghi, thưa hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, song không nên đối với việc vô ích mà tìm cách làm mất phần của nó, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có một Tỳ-kheo thấy con bò của người đi trên đường, với tâm trộm cắp rượt đuổi, liền sinh hối hận, xả bỏ, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo thấy vật trôi trên nước vớt được, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Nếu trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di. Có Tỳ-kheo đi cách Kỳ-hoàn không xa, thấy một người cày ruộng, nói: Đây là ruộng của Tăng, ông đừng cày. Người cày nghĩ: Các Tỳ-kheo có thế lực, nếu kiện tụng thì ta sẽ bị thua, bèn không cày. Tỳ-kheo liền trở về Kỳ-hoàn, hỏi các Tỳ-kheo: Ruộng ấy của ai? Các Tỳ-kheo nói: Ruộng ấy của Cư sĩ tên là…, bèn sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng trong trường hợp vô ích mà nói khiến cho họ mất, đều phạm Đột-kiết-la. Khi ấy đám mười bảy Đồng tử bị giặc bắt, cha mẹ chúng khóc kể áo não, Tất-lăng-già-bà-ta đi khất thực qua đó, thấy thế hỏi họ: Việc gì vậy? Họ trình bày đầy đủ sự việc. Tất-lăng-già-bà-ta liền nhập định để quan sát thì thấy đám giặc đem để nơi A-di-la-hà-châu, bèn dùng thần túc bắt trở lại, mỗi đứa được đưa về nhà chúng trên tầng lầu.

Tất-lăng-già-bà-ta nói với cha mẹ chúng: Đừng nên khóc nữa, con của các người nay đã trở về giỡn chơi trên từng lầu. Sau đó nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Đột-kiết-la. Có Tỳ-kheo vì lợi dưỡng tự nói mình lớn tuổi đối với người khác, sau nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng cố ý vọng ngữ mắc tội Ba-dật-đề.

Có một trú xứ, Tỳ-kheo cùng bạch y dùng chung một cái giếng, bạch y với tâm trộm cắp lấy nhiều nước hơn, Tỳ-kheo cũng với tâm trộm cắp, khởi ý niệm: Nay ta chuyện gì phải chỉ một mình không lấy nhiều, nhưng chưa lấy, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Nếu lấy nước của người mà lấy dư, trị giá năm tiền thì phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo ở nơi chỗ kia, lấy trộm y của người, trị giá năm tiền, đến chỗ này bán không được năm tiền, nghĩ là không phạm Ba-la-di, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Nơi lấy cắp trị giá năm tiền phạm Ba-la-di. Nếu ở chỗ kia không trị giá năm tiền, đến đây bán trị giá năm tiền thì phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo trộm kinh Phật của người, cho là lời Phật dạy không phạm, sau nghi hỏi Phật. Phật dạy: Tính theo giấy bút và công phu của sách, trị giá năm tiền thì phạm.

Bấy giờ, tại Câu-xá-di có một ông Trưởng giả, thấy pháp đắc quả, thường cung cấp cho các Tỳ-kheo. Ông Trưởng giả và người chị mỗi người có một người con. Hai người thường cùng nhau cúng

dường Tỳ-kheo Trưởng lão A-thù. Ông Trưởng giả khi gần lâm chung, chỉ chỗ chôn cất của báu cho Tỳ-kheo A-thù và nói: Sau khi con qua đời, trong hai đứa nhỏ này, đứa nào tin ưa Phật pháp, đối với các Tỳ-kheo thường không tiếc của thì thầy chỉ chỗ chôn cất của báu này cho nó. Nói rồi liền trút hơi thở cuối cùng. Sau đó, Tỳ-kheo A-thù xét thấy trong hai đứa nhỏ, thằng con của ông Trưởng giả lại quay lưng với chánh pháp, người con của bà chị lại tin ưa Phật pháp, bèn nói với đứa con của bà chị biết chỗ chôn của báu. Con của ông Trưởng giả nghe liền đến chỗ Tôn giả A-nan hỏi: Tài sản của cha để lại nên thuộc về của ai? Tôn giả A-nan nói: Nên thuộc về người con. Con ông Trưởng giả liền nói với Tôn giả A-nan: Của báu của cha tôi cất giấu, Tỳ-kheo A-thù lại giao cho con của cô tôi. A-nan liền đến nói với A-thù: Thầy chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích chủng tử. A-thù trả lời: Tôi là Sa-môn, là Thích chủng tử, chính tôi đủ tư cách y theo các kinh, luật để phán quyết việc này. A-nan nói: Việc này nó như vậy, cần gì đến Kinh, Luật. Khi ấy, các Tỳ-kheo Trưởng lão đều yểm trợ cho chủ trương của A-thù. Hai chúng của A-nan và A-thù chia rẽ nhau, trong thời gian sáu năm không hòa hợp, cùng an cư một trú xứ mà không Bố-tát, Tự tứ. Tiếng đồn khắp hết, đến tận trời Phạm thiên. Bấy giờ, La-hầu-la du hóa nơi thành Ca-duy-la-vệ, các Thích chủng nữ đều cùng nhau ra nghinh đón,

trình bày đầy đủ việc trên và than phiền: Tại sao Đức Thế Tôn Nê hoàn chưa bao lâu, chúng Tăng lại kéo dài không hòa hợp sáu năm?! Chúng con muốn chúng Tăng hòa hợp mà không còn biết làm cách nào! La-hầu-la nói: Tôi sẽ chỉ cho các người khiến cho quý vị đó hòa hợp như sau: Thế nào Tôn giả A-nan cũng đến đây, các người có con nhỏ đều nên bồng ra để đón tiếp Tôn giả. Khi ấy, các người để các hài nhi xuống đất, thế nào các hài nhi cũng sẽ khóc, Tôn giả sẽ hỏi: Tại sao các bà không bồng nó lên? Các bà sẽ trả lời: Nếu Trưởng lão cùng A-thù hòa hợp, sau đó chúng con mới bồng các cháu lên. Các bà dùng phương tiện này có thể khiến cho các vị ấy hòa hợp. Thời gian không lâu sau, A-nan đến, năm trăm Thích nữ bồng các hài nhi ra đón, và để các cháu xuống dưới đất, trước mặt A-nan, các hài nhi liền khóc lớn, quả thật Tôn giả A-nan nói: Tại sao không bồng các cháu lên? Các bà đồng thanh trả lời: Nếu Trưởng lão cùng với A-thù hòa hợp, khi ấy chúng con mới bồng các cháu lên. Tôn giả A-nan cảm thông được nỗi lòng của các bà, lại thương các hài nhi nên nói: Chị em bồng các cháu lên, tôi sẽ cùng với A-thù hòa hợp. Tôn giả A-nan liền trở về họp chúng Tăng. Ưu-ba-ly hỏi A-nan: Tỳ-kheo không cho mà lấy có mấy hạng phi Sa-môn, phi Thích chủng tử? A-nan trả lời: Có ba hạng: Tự mình lấy, dạy người lấy, khiến cho người lấy. Ưu-ba-ly hỏi A-thù: Thầy có tự lấy, có dạy

người lấy, có khiến người lấy hay không? A-thù trả lời: Không. Ưu-ba-ly lại hỏi A-nan: Tỳ-kheo A-thù có lỗi gì? A-nan nói: A-thù không có lỗi, chính tôi là người có lỗi. Thế là A-nan giữa Tăng dõng dạc nói lớn: Chính tôi, A-nan có lỗi, A-thù không có lỗi. A-nan bèn hướng đến A-thù sám hối để hòa hợp.

Có một Tỳ-kheo vốn là một đứa trẻ ăn trộm, nói với các Tỳ-kheo: Có thể cùng tôi đến xóm làng kia lấy vật dụng. Các Tỳ-kheo bèn làm theo lời nói của vị ấy đến trước để lấy. Tỳ-kheo kia sau đó sinh nghi, hỏi Phật: Con dạy người lấy trộm vật như vậy, phạm Ba-la-di hay không? Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo lấy y phủ trên gò mả của người ta, lấy cờ phướn trên gò mả, y trong gò mả, vật trong miễu thần có người giữ gìn, sinh tâm che giấu, hỏi Phật. Phật dạy: Tâm người khác chưa xả mà lấy, trị giá năm tiền đều phạm Ba-la-di, vật ở trong miếu tuy không có chủ, mà là nhà quan bảo hộ, cũng như vậy. Có Tỳ-kheo giận người khác, hoặc đốt nhà của họ, hoặc đốt ruộng lúa của họ, tài sản của họ, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-giá, vì giận mà phá hoại vật của người khác cũng như vậy. Có Tỳ-kheo lượm cái đãy đựng một ngàn lượng vàng trong hang chuột, lấy với tâm tham, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Thuộc về vật của chuột, không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-

giá, nếu với tâm trộm cắp đoạt của cầm thú, cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo nơi bữa ăn, vội ăn phần của người khác, người khác hỏi: Ai ăn phần của tôi? Tỳ-kheo kia nói: Tôi ăn. Người kia nổi sân, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Chẳng phải tâm trộm cắp thì không phạm, nhưng không nên vội nghĩ được sự đồng ý mà ăn phần của người, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có Tỳ-kheo đánh bạc lấy tiền của người, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Đột-kiết-la. Có hai Tỳ-kheo đồng ý mặc y của nhau, sau giận nhau hủy báng cho là ăn trộm, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng không vội đồng ý mặc y của người khác, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà cùng với người khách buôn đồng đi trên một lộ trình, khi đến chỗ thuế quan, người khách buôn đến Bạt-nan-đà mượn cái đãy, âm thầm bỏ viên ngọc đại quý giá vào trong, rồi trả cái đãy lại, Bạt-nan-đà không biết qua khỏi chỗ quan thế rồi, người khách buôn đòi lại viên ngọc trong đãy, Bạt-nan-đà nói: Tôi không lấy ngọc của người. Người khách buôn nói: Thật sự thầy không lấy ngọc của tôi, nhưng vừa rồi tôi mượn cái đãy của thầy, tôi bỏ viên ngọc vào trong đãy, Bạt-nan-đà liền trả lại viên ngọc, rồi sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng muốn qua khỏi chỗ quan thuế, có người mượn vật gì, khi trả lại cần đập giũ và xem kỹ, vi phạm, phạm Đột-kiết-

la.

Lúc đó, có đệ tử của Tỳ-kheo-ni Chiên-đồ-tu-ma-na, đến nơi nhà đàn-việt của thầy, nói dối: Thầy bệnh, cầu ba thứ cháo thuốc, nhận được rồi, ra ngoài ăn. Vợ người chủ nhà sau đó đến thăm, hỏi: Sư cô bệnh lành chưa? Tỳ-kheo-ni nói: Tôi đâu có bệnh, tại sao lại hỏi? Người đàn-việt trình bày sự việc đầy đủ. Sư cô nói với đệ tử: Cô ăn trộm cháo của tôi. Cô đệ tử nói: Thật sự con không ăn trộm, đối với Hòa thượng con có khởi ý nghĩ là đồng ý con mới lấy, rồi sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không khởi tâm ăn trộm thì không phạm, nhưng cố ý vọng ngữ nên mắc tội Ba-dật-đề.

Có Tỳ-kheo thấy ruộng của người chủ không có nước, tháo nước của người khác để tưới, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Nếu trị giá năm tiền thì phạm. Có Tỳ-kheo ở chỗ cao quăng y của người khác cho Tỳ-kheo ở dưới thấp, cả hai đều sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Nếu với tâm ăn trộm mà quăng thì phạm Ba-la-di, không có tâm trộm mà lấy phạm Thâu-lan-giá, nếu không có tâm trộm mà quăng thì phạm Thâu-lan-giá, với tâm trộm mà lấy, phạm Ba-la-di, cả hai đều với tâm trộm thì đều phạm Ba-la-di, cả hai đều không có tâm trộm đều phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo với tâm trộm đổi lấy vật tốt của Tăng, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Vật đổi trị giá năm tiền thì phạm. Khi ấy, có Tỳ-kheo lấy đá quăng con rắn lại nhắm trúng người chết, sinh

nghi hỏi Phật. Phật dạy: Thầy quăng với tâm gì? Tỳ-kheo thưa: Muốn quăng cho con rắn chết. Đức Phật dạy: Người chết, không phạm, quăng con rắn, phạm Đột-kiết-la.

Có Tỳ-kheo giết con khỉ cái giống con người, sinh nghi hỏi Phật. Đức Phật dạy: Đoạt mạng sống của súc sinh, phạm Ba-dật-đề. Có một người đàn bà, chồng đi vắng không có ở nhà, tư thông với người hàng xóm, có thai, đến vị Tỳ-kheo thường cúng dường xin thuốc để phá thai, vị Tỳ-kheo cho thuốc, thai bị hư mà bà mẹ không chết, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Phạm. Nếu muốn phá thai mẹ chết mà thai không chết phạm Thâu-lan-giá, nếu đều chết phạm Ba-la-di, nếu đều không chết phạm Thâu-lan-giá. Đè bụng cho đọa thai cũng như vậy.

Có các Tỳ-kheo không ưa tu phạm hạnh, mà không bỏ đạo, trở thành người hạ tiện, tìm sự chết bằng cách từ trên cao lao mình xuống, trúng nhằm trên mình người dưới, người ở dưới chết mà mình không chết, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Thầy làm như vậy với tâm gì? Đương sự thưa: Muốn tự hủy mình. Phật dạy: Người kia chết không phạm, nhưng tạo phương tiện để tự hủy mình đều phạm Thâu-lan-giá. Có hai Tỳ-kheo trước giận nhau, cùng nhau đi trên một đường, trên đường đi đánh nhau, một người bị chết, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Thầy làm như vậy với tâm niệm gì? Đương sự thưa: Với tâm giận. Phật dạy: Không có tâm sát,

không phạm, nhưng giận Tỳ-kheo khác, mắc tội Ba-dật-đề. Từ nay không cho phép người cùng giận nhau, chưa sám hối tạ tội mà cùng nhau đi một đường, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có Tỳ-kheo đánh quỷ chết, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo muốn giết người này mà nhầm người kia, sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-giá.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vì lợi dưỡng, bằng mọi cách khen ngợi người khác thành tựu giới, thành tựu định, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến, âm thầm tự cho mình là tốt, rồi sinh nghi hỏi Phật. Phật dạy: Nếu tất cả đều như vậy, không phân minh tự thuyết, thì đều phạm Thâu-lan-giá.

Tại Tỳ-xá-ly có một đại thọ, bóng mát che được năm trăm cỗ xe, Tỳ-kheo-ni Hoa-sắc thấy, nói với các Tỳ-kheo-ni: Khi tôi ở trên cõi trời, chiếc hoa "Chúy nhĩ biên" lớn… như cây này. Các Tỳ-kheo-ni gọi đó là điều vô lý, bằng mọi cách quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại tự nói được pháp hơn người, bạch Phật. Phật dạy: Trên cõi trời thật có chiếc hoa như vậy, Tỳ-kheo-ni Hoa-sắc nói thật, không phạm.

Tỳ-kheo-tỳ-la-trà-tư-ha bị bệnh ghẻ gồm năm trăm mụt, lở lói hôi hám không thể nhìn được. Tỳ-kheo-ni Hoa-sắc cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến thăm. Hoa-sắc thấy rồi bèn cười. Các Tỳ-kheo-ni quở trách: Tại sao không có tâm từ bi thấy Tỳ-kheo

như vậy lại cười. Hoa-sắc trả lời: Tỳ-kheo này đời quá khứ là một vị quốc vương, tên là Tỳ Kiệt Bà, lúc ấy tôi là đệ nhất phu nhân. Nhà Vua đã cưỡng bức lấy năm trăm đồng nữ, phá hỏng cuộc đời của họ, do nhân duyên ấy, vô số trăm ngàn vạn năm bị đọa vào địa ngục, bị khổ độc thiêu đốt, và dư báo nhận lấy năm trăm mụt ghẻ ấy. Các Tỳ-kheo-ni nói: Không có lý này, bằng mọi cách quở trách: Tại sao Tỳ-kheo-ni lại xưng đắc pháp hơn người, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo kia thật sự có như vậy, Hoa-sắc nói đúng sự thật, không phạm.

Khi ấy, Trưởng lão Mục-liên nói với các Tỳ-kheo: Tôi thấy ao A-nâu-đạt có bông sen lớn như bánh xe, các Tỳ-kheo không tin, cho là hư dối nói để được pháp hơn người, bạch Phật. Phật dạy: Thật có bông sen này, Mục-liên nói đúng sự thật, không phạm. Có các Tỳ-kheo nói dối được pháp hơn người, nói như thế này: Tôi có nhân duyên nghiệp báo về Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, sau nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo nói dối được pháp hơn người, nói như thế này: Tôi được Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, đã hết các lậu, sau nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Phạm. Có một Bà-la-môn mời Tăng thọ trai, thưa: Đại đức, chư La hán phó trai, thọ trai xong nói: Các La hán quy bản sở. Các Tỳ-kheo sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Người ta tự nói lời khen ngợi ấy nên không phạm. Có các Tỳ-

kheo vì lợi dưỡng ngồi dậy, đi đứng, nói năng an tường, do đó hiện được tướng đạo, muốn cho người biết, sau nghi, hỏi Phật. Phật dạy:

Hiện những tướng khác lạ như vậy đều phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo khi gần mạng chung theo nghiệp phải đọa địa ngục, đều thấy các tướng địa ngục A bàn tại tiền. Lại có Tỳ-kheo theo nghiệp được sinh thiên, đều thấy chư Thiên, cung điện, nghe thấy âm nhạc, thiên tử, thiên nữ tại tiền, nói năng đều dùng tiếng nói của loài người, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Đó là đoan tướng sẽ được sinh, chẳng phải vọng ngữ, không phạm. Có các Tỳ-kheo vốn muốn nói việc khác, sau chẳng phải dụng ý nói pháp hơn người, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Chẳng phải là bổn ý, không phạm, nhưng mắc tội Thâu-lan-giá.

Có các Tỳ-kheo nói với bạch y: Nếu có người ở trong phòng của người đều thành tựu đạo quả như vậy, như vậy, sau tự đến ở, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Sử dụng những phương tiện như vậy đều phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo tự nói được pháp hơn người, muốn khiến cho người nghe mà phi nhân nghe, lại muốn cho phi nhân nghe mà người nghe, lại muốn người cùng phi nhân nghe mà không ai nghe, đều sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Đều phạm Thâu-lan-giá.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên nói với các Tỳ-kheo: Vợ Cư sĩ… sẽ sinh con trai, khi người vợ Cư

sĩ đang sinh ra, thai chuyển thành nữ. Vua Ba-tư-nặc cùng Vua A-xà-thế, hai bên chiến đấu, Mục-liên nói: Vua Ba-tư-nặc sẽ thắng, nhưng ngược lại, không như vậy, sau lại tập hợp binh sĩ để chiến đấu, Mục-liên lại nói: Vua A-xà-thế sẽ thắng, cũng ngược lại, không như vậy, các Tỳ-kheo chê trách nói: Tại sao dối nói được pháp hơn người, bạch Phật. Phật dạy: Như lời Mục-liên nói, chỉ quan sát giai đoạn trước, không quan sát giai đoạn sau, nên như vậy. Có các Tỳ-kheo gãi chỗ kín, xuất bất tịnh, sinh nghi hỏi Phật, Phật nói: Ông làm với tâm niệm thế nào? Tỳ-kheo thưa: Trước sau đều không có ý cho xuất. Phật dạy: Không phạm, nếu có ý muốn cho nó xuất thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, muốn xuất mà không xuất, phạm Thâu-lan-giá. Dùng nước nóng tắm, hay là hơ lửa mà bất tịnh xuất đều như vậy. Có Tỳ-kheo nhớ việc hành dục mà xuất bất tịnh, sinh nghi, hỏi Phật. Phật nói: Ông nhớ với ý gì? Tỳ-kheo thưa: Con nhớ việc hành dục, bất tịnh tự xuất. Phật dạy: Không phạm, nhưng nhớ việc hành dục, phạm Đột-kiết-la. Có Tỳ-kheo cố dùng "Hình" chống đỡ cái y, xuất bất tịnh, nghĩ là không phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hỏi Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo như vậy mà xuất bất tịnh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất thì phạm Thâu-lan-giá. Có Tỳ-kheo ở bên tượng người nữ, xuất bất tịnh, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Nếu xuất bất tịnh thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không xuất thì

phạm Thâu-lan-giá.

Lúc này, có Tỳ-kheo dùng khuỷu tay nâng thân người nữ, lại có Tỳ-kheo dùng cái móc bình bát kéo người nữ, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Đều phạm Thâu-lan-giá. Nếu nắm y của họ, kéo đẩy dây, gậy của họ cũng như vậy. Có Tỳ-kheo, người nữ ở trên giường, trên thuyền, trên xe, trên cây, với tâm dục làm lay động, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo như vậy đều phạm Thâu-lan-giá.

Bấy giờ, có người nữ mặc thanh y, Tỳ-kheo thấy nói chị em hứa cho tuổi thanh xuân, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Phạm Thâu-lan-giá, nếu nhân hình dáng như vậy mà nói ác ngữ đều như vậy. Bấy giờ có vợ chồng cãi nhau không hòa hợp, Tỳ-kheo đi đến muốn tạo hòa hợp, sinh nghi, hỏi Phật. Phật dạy: Nếu nghĩa vợ chồng đã xa lìa mà tạo hòa hợp thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nếu chưa lìa thì không phạm.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 29

Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V…

Đoạn 8: NÓI VỀ PHÁP TỲ KHEO NI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn trở về Xá-di, chưa đến thành Ca-duy-la-vệ, dừng chân bên gốc cây Ni-câu-loại. Vua Tịnh Phạn ra nghinh đón, từ xa thấy dung mạo Đức Thế Tôn đặc thù, giống như núi vàng, đến trước Đức Phật kính lễ sát chân, nói kệ:

Khi sinh thầy tướng đoán
Tôi nghe kính lễ đầu
Lần hai cúi lễ cây
Lần Ba-lại thành đạo.

Nhà Vua nói kệ rồi liền ngồi qua một bên, Đức Phật vì Vua giảng nói các pháp diệu… cho đến câu: Thấy pháp đắc quả, từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên phải, quỳ gối chấp tay, bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Cho tôi được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Đức Phật liền quan sát vấn đề, thấy nhà Vua xuất gia không thuận tiện, liền tâu:

Đừng phóng dật, tuần tự sẽ được pháp diệu này.

Khi ấy, nhà Vua cầu thọ Tam quy, Ngũ giới. Thọ năm giới rồi, Đức Phật lại nói các pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích khiến Vua vui mừng rồi trở về chỗ cũ. Nhà Vua về đến trước sân hoàng cung, Ba lần thứ ban lệnh: Ai muốn xuất gia trong chánh pháp luật của Như Lai thì tùy nguyện. Khi ấy, Cù-đàm-di Ma-ha-ba-xà-ba-đề nghe nhà Vua ra lệnh như vậy, liền cùng năm trăm Thích nữ kẻ trước, người sau vây quanh, mang hai chiếc y mới để chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Tự tay con dệt hai chiếc y này, nay xin dâng

cúng, mong Thế Tôn rủ lòng thương thọ nhận.

Đức Phật dạy:

Nên cúng cho Tăng để được quả báo lớn. Bà lại bạch như trên.

Đức Phật dạy:

Nên cúng cho Tăng, trong Tăng có Như Lai. Bà lại bạch như rên.

Đức Phật dạy:

Như Lai nhận một, còn lại một cúng cho Tăng.

Khi ấy, bà mới vâng theo lời dạy, dâng cúng cho Phật và Tăng.

Cù-đàm-di lại bạch Phật:

Xin cho phép nữ giới xuất gia thọ giới Cụ túc trong chánh pháp của Như Lai.

Đức Phật dạy:

Thôi, thôi đừng nói điều đó. Tại sao? Xưa kia các Đức Phật đều không có người nữ xuất gia. Các người nữ, tự mình nương nơi Phật, ở tại gia, cạo đầu, mặc áo cà sa, siêng năng tinh tấn tu hành, được đắc đạo quả. Các Đức Phật vị lai, cũng như vậy. Nay Ta cho phép người nữ dùng điều này làm phương pháp.

Cù-đàm-di thưa xin như trên đến lần thứ ba, Đức Phật cũng ba lần không chấp thuận. Khi ấy, bà Cù-đàm-di lớn tiếng than khóc, đảnh lễ sát chân và lui ra.

Đức Phật từ Ca-duy-la-vệ cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi đầy đủ, du hành nơi nhân gian. Bà Cù-đàm-di cùng năm trăm Thích nữ tự động cùng nhau cạo đầu, mặc y cà sa, khóc kể, đi theo sau, luôn luôn tá túc những nơi Đức Thế Tôn tá túc. Đức Phật tuần tự du hành đến thành Xá-vệ trụ nơi Kỳ-hoàn. Bà Cù-đàm-di cùng năm trăm Thích nữ đứng khóc bên ngoài cửa ngõ.

Sáng sớm, Tôn giả A-nan thấy vậy liền hỏi:

Tại sao quý vị khóc? Bà Cù-đàm-di thưa:

Bạch Đại đức! Đức Thế Tôn không cho người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc, nên chúng tôi buồn tủi mà khóc, xin Tôn giả vì chúng tôi bạch Đức Thế

Tôn cho chúng tôi được toại nguyện.

Tôn giả A-nan liền trở vào, đầu mặt kính lễ sát chân, bạch Phật đầy đủ. Đức Phật ngăn Tôn giả A-nan như đã ngăn bà Cù-đàm-di trước kia.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

Đức Thế Tôn sinh mới mấy ngày, mẹ Ngài mạng chung, Cù-đàm-di nuôi nấng Thế Tôn cho đến khôn lớn, có cái ân như thế tại sao không báo đền?

Đức Phật nói:

Ta đối với Cù-đàm-di cũng có cái ân lớn, bà nhờ Ta mà biết được Phật, Pháp, Tăng để sinh chánh tín. Người nào nhờ thiện tri thức biết được Phật, Pháp, Tăng sinh lòng tín kính, dù cho người ấy dùng y thực, thuốc thang cúng dường trọn đời thiện tri thức, cũng không thể báo được ân ấy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

Người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc có thể đắc bốn quả Sa-môn hay không?

Đức Phật dạy:

Có thể đắc.

Tôn giả A-nan thưa:

Nếu đắc bốn đạo quả, vì lý do gì Thế Tôn không cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc?

Đức Phật dạy:

Nay Ta cho phép Cù-đàm-di thọ tám pháp không được vượt qua, được vậy thì xuất gia được

thọ giới Cụ túc. Những gì là tám? Tỳ-kheo-ni nửa tháng phải đến chúng Tỳ-kheo cầu người giáo thọ. Tỳ-kheo-ni không nên an cư nơi vùng không có Tỳ-kheo. Tỳ-kheo-ni khi Tự tứ phải đến chúng Tỳ-kheo thỉnh ba việc tội kiến, văn, nghi. Thức-xoa-ma-na học giới hai năm rồi, phải ở trước hai bộ Tăng thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni không được mắng Tỳ-kheo, không được đối với nhà bạch y nói Tỳ-kheo phá giới, phá oai nghi, phá kiến. Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo, mà Tỳ-kheo được chê trách Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni phạm tội thô ác phải đến trước hai bộ Tăng hành Ma-na-đỏa nửa tháng, hành Ma-na-đỏa nửa tháng rồi nên đối trước mỗi bộ Tăng gồm hai mươi vị để cầu xuất tội. Tỳ-kheo-ni tuy thọ giới một trăm năm, vẫn phải lễ bái, đứng dậy nghinh đón Tỳ-kheo mới thọ giới.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy liền ra nói với bà Cù-đàm-di:

Bà nên lắng nghe, tôi nói lại lời Đức Phật dạy. Bà Cù-đàm-di sửa lại y phục, từ xa kính lễ Phật túc, quỳ gối chấp tay một lòng lắng nghe.

Tôn giả A-nan nói đầy đủ như trên, bà Cù-đàm-di nói:

Cũng như thiếu niên nam nữ trong trắng, tự mình vui thích với sự tắm rửa thân thể, mặc áo mới, có người ân huệ đem tràng hoa Chiêm-

bà, tràng hoa Bà-sư, tràng hoa Ưu-bát-la, tràng

hoa A-đề-mục-đa-già, người kia vui mừng hai tay đón nhận rồi đội lên trên đầu, nay tôi đảnh lễ thọ giáo pháp của Đức Thế Tôn, cũng như vậy.

Cù-đàm-di lại bạch với Tôn giả A-nan:

Xin Tôn giả vì tôi bạch với Đức Thế Tôn: Tôi đã đảnh thọ tám pháp, trong tám pháp muốn xin một điều, cho phép Tỳ-kheo-ni tùy theo lớn nhỏ mà kính lễ Tỳ-kheo, chứ tại sao Tỳ-kheo-ni một trăm tuổi lại kính lễ Tỳ-kheo mới thọ giới?

Tôn giả A-nan lại vì bà Cù-đàm-di vào bạch Phật. Đức Phật bảo A-nan:

Nếu Ta cho phép Tỳ-kheo-ni tùy theo lớn nhỏ mà kính lễ Tỳ-kheo là điều không thể có. Người nữ có năm điều trở ngại: Không được làm Thiên Đế Thích, Ma Thiên Vương, Phạm Thiên Vương, Chuyển lu-ân Thánh vương, Pháp Vương Tam Giới. Nếu không cho người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc thì chánh pháp của Phật trụ thế một ngàn năm, nay cho họ xuất gia thì giảm năm trăm năm, cũng như nhà người nào đó, con gái nhiều, con trai ít, nên biết nhà đó sẽ không lâu bị suy tàn.

Đức Phật lại bảo A-nan:

Nếu người nữ không xuất gia thọ giới Cụ túc trong giáo pháp của Ta, thì sau khi Ta Nê hoàn, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di sẽ đem bốn thứ cúng dường đi theo sau Tỳ-kheo và thưa: Đại đức thương xót xin nhận sự cúng dường của con. Nếu họ ra ngoài

cửa ngõ thấy thì kéo tay vào nói: Đại đức đối với con có ân, mời Đại đức vào nhà con ngồi tạm để con được an lành. Nếu họ gặp trên lộ trình, họ đều xổ đầu tóc lau chân Tỳ-kheo, trải tóc ra mời Tỳ-kheo giậm lên trên mà đi, nay cho người nữ xuất gia, điều đó hầu như bị mất hết.

Tôn giả nghe qua rồi, buồn hận rơi nước mắt, bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Trước đây con không nghe, không biết điều đó nên mới dốc cầu cho người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu trước đây con biết thì đâu có ba phen cầu xin.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

Chớ nên khóc kể. Ma che đậy lòng ông nên mới như thế. Nay Ta đã cho người nữ xuất gia thọ giới Cụ túc rồi, cần phải tùy thuận theo sự chế cấm của Ta, không nên trái nghịch, những gì Ta không chế cấm thì không được tùy tiện chế.

Tôn giả A-nan liền trở ra, nói lại những gì đầy đủ Đức Phật đã dạy cho bà Cù-đàm-di nghe. Bà Cù-đàm-di nghe rồi hoan hỷ phụng hành, ngay khi ấy, bà trở thành người xuất gia thọ giới Cụ túc.

Cù-đàm-di lại thưa với Tôn giả A-nan:

Năm trăm Thích nữ này nay phải như thế nào để thọ giới Cụ túc?

Nhờ Tôn giả thưa với Đức Phật giùm. A-nan lại bạch Phật. Phật dạy:

Cho phép Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề làm Hòa thượng, đối trước chúng Tỳ-kheo làm mười vị, Bạch-tứ-yết-ma cho họ thọ giới cụ túc. Cho phép mỗi lần Yết-ma chỉ ba người, không được quá. Thọ rồi, Tỳ-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ sát chân, bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con mặc y thế nào? Phật dạy:

Như pháp của Tỳ-kheo. Lại hỏi:

Ăn như thế nào? Phật dạy:

Cho phép khất thực… Lại hỏi:

Bố-tát thế nào? Phật dạy:

Cho phép Bố-tát riêng. Nửa tháng đến Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ.

Lại hỏi:

Kiết hạ an cư như thế nào? Phật dạy:

Cho phép kiết hạ ba tháng an cư trong nhà (chùa). Lại hỏi:

Tự tứ thế nào? Phật dạy:

Cho phép Tự tứ riêng, đến Tỳ-kheo Tăng thỉnh tội về kiến, văn, nghi.

Lại hỏi:

Thọ y Ca-hi-na như thế nào? Phật dạy:

Cho phép bạch nhị Yết-ma, thọ trong bốn tháng. Lại hỏi:

Chứa dép da thế nào? Phật dạy:

Cho phép làm guốc dép để đi lại.

Lại hỏi:

Diệt tránh bằng cách nào? Phật dạy:

Cho phép bảy cách diệt tránh để chấm dứt bốn sự tranh chấp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni, trước không trao cho đệ tử hai năm học giới, bèn trao đại giới, ngu si không biết gì, không thể học giới, bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Trước nên trao cho hai năm: không được sát sinh, không được lấy của không cho, không được dâm dục, không được nói dối, không được uống rượu, không được ăn phi thời. Khi ấy có một Tỳ-kheo-ni làm mai mối, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không biết giải quyết thế nào, bạch Phật. Nhân việc này, Đức Phật tập hợp hai bộ Tăng, bảo các Tỳ-kheo: Cho phép hai bộ Tăng Bạch-tứ-yết-ma trao cho Tỳ-kheo-ni nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni kia nên đến trong Tăng, để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân hai bộ Tăng, bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… làm mai mối, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nay đến Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, xin Tăng cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. Xin như vậy Ba lần. Một Tỳ-kheo đọc rõ:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni

tên là… làm mai mối, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nay đến Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, xin Tăng cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… làm mai mối, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nay đến Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, xin Tăng cho con nửa tháng Ma-na-đỏa, các Trưởng lão nào chấp thuận thì xin im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Nói như vậy Ba lần.

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa rồi.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Tăng đã trao pháp Ma-na-đỏa rồi, đương sự lo thức dậy sớm lau quét trú xứ của Tỳ-kheo-ni, lấy bùn sửa chữa nền và tường nơi các phòng, chỗ cần có nước thì phải lấy cho đầy, các việc làm đều phải nên làm. Nếu có Tỳ-kheo-ni khách đến, hay Tỳ-kheo-ni đi cũng đều phải bạch. Lại nên cùng một Tỳ-kheo-ni làm bạn đến trú xứ của Tỳ-kheo, có việc gì nên làm phải cần làm như trên. Nếu có Tỳ-kheo khách đến, hay Tỳ-kheo đi cũng đều phải bạch. Ngày ngã về chiều, trở về trú xứ của Tỳ-kheo-ni. Nửa tháng phụng hành như vậy rồi, đối trước hai bộ Tăng, mỗi bên hai mươi vị, cầu xin

Yết-ma xuất tội như pháp của Tỳ-kheo.

Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni không kính lễ Tỳ-kheo, không người giáo giới, ngu si không biết gì, không thể học giới, bạch Phật, Phật quở trách: Trước đây Ta đã nói tám pháp không được vượt quá, Tỳ-kheo-ni một trăm tuổi kính lễ Tỳ-kheo mới thọ giới, tại sao không kính lễ? Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo tùy theo thứ tự kính lễ bậc Thượng tọa. Các Tỳ-kheo-ni kính lễ tất cả các Tỳ-kheo, cũng tùy theo thứ tự kính lễ lẫn nhau. Thức-xoa-ma-na kính lễ tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cũng tuỳ theo thứ tự kính lễ lẫn nhau. Sa-di cũng như vậy. Sa-di-ni kính lễ tất cả các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na và Sa-di, cũng tùy theo thứ tự kính lễ lẫn nhau.

Có Tỳ-kheo-ni ở chỗ cao kính lễ Tỳ-kheo ở chỗ thấp, hoặc ở phía sau Tỳ-kheo, hoặc ở bên Tỳ-kheo mà kính lễ, hoặc lấy tay cầm chân, hoặc đầu gối sát đất kính lễ, bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép Tỳ-kheo-ni cách Tỳ-kheo không gần không xa, chấp tay cúi đầu nói: Cung kính!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni tóc dài, Phật bảo: Nên cầu người nữ cạo cho, nếu không có người nữ, cho phép cầu người nam, nhưng không được xúc chạm, không được khiến họ cầm nắm, có Tỳ-kheo-ni bạn khác, nhờ họ cầm, vậy sau nhờ họ cạo.

Lúc này, các Tỳ-kheo-ni đến Tỳ-kheo-ni thọ kinh, tụng không thể được. Lại có một Tỳ-kheo-ni đến Tỳ-kheo-ni thọ một Ba-la-đề-mộc-xoa, nhiều ngày không thể được, sau đó, đến Tỳ-kheo thọ, liền được, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép Tỳ-kheo-ni đến nơi Tỳ-kheo thọ kinh. Nếu trong kinh có nói lời thô ác, cho phép viết chữ trao, nếu không biết chữ, cho phép dùng sự ngăn cách để trao, nếu không có cái gì để ngăn cách, cho phép xoay lưng lại để trao. Có các Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo đồng Bố-tát, thấy các Tỳ-kheo phạm tội bèn muốn cử tội, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo-ni không được cùng Tỳ-kheo Bố-tát, nên nửa tháng mời một Tỳ-kheo, khiến đến một Tỳ-kheo Tăng xin một vị giáo giới. Các Tỳ-kheo không chịu cung ứng. Phật dạy: Cho phép Tỳ-kheo-ni làm các thứ cúng dường như đãy đựng bát, đãy lọc nước, dây lưng, hương dầu, bữa ăn trước, bữa ăn sau, hoặc chưa Bố-tát mà bạch, hoặc Bố-tát rồi mới bạch. Phật dạy: Không nên như vậy, nên trong khi xướng: Các Tỳ-kheo không đến, muốn thanh thịnh, từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Tăng bạch: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tinh xá… Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ Tăng túc Tỳ-kheo hòa hợp cầu xin vị giáo thọ. Nếu trước đó, Tăng đã sai vị giáo thọ, Thượng tọa nên trả lời: Đến Tỳ-kheo… để thọ. Nếu Tăng không có người để sai, không có khả năng thuyết pháp, nên trả lời: Trong đây không có người để sai

giáo thọ, lại không có người có khả năng nói pháp, quý vị chớ buông lung. Các Tỳ-kheo-ni, sáng sớm đến thưa hỏi: Vấn đề xin Tỳ-kheo giáo thọ, đã bạch Tăng chưa? Tỳ-kheo này nên trao truyền lời như Thượng tọa đã dạy.

Có các Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo thứ tự, Tỳ-kheo-ni muốn đến tập hợp nơi Tỳ-kheo ở A-lan-nhã để Tự tứ, dọc đường gặp giặc, nước, lửa, nạn mạng, nạn phạm hạnh, nạn y bát, lại phải đợi chờ, lưu lại để Tự tứ, bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo-ni không được cùng Tỳ-kheo Tự tứ riêng, đến Tỳ-kheo Tăng thỉnh tội kiến, văn, nghi. Khi ấy, trong làng không có Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo-ni đến nơi A-lan-nhã thỉnh tội kiến, văn, nghi, hoặc đường xa đi không đến, hoặc Tỳ-kheo kia không hòa hợp, không thỉnh được, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép các Tỳ-kheo ở A-lan-nhã vì Tỳ-kheo-ni đến xóm làng Tự tứ, vì họ hòa hợp. Các Tỳ-kheo-ni nên trước tập hợp chúng Tự tứ, vậy sau mới sai Tỳ-kheo-ni đến Tỳ-kheo Tăng thỉnh tội kiến, văn, nghi. Đến nơi để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, từ xa kính lễ sát chân Tăng, sau đấy vào trong Tăng, chấp tay cúi đầu, bạch: Tinh xá… Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ sát chân. Tỳ-kheo Tăng hòa hợp, bạch: Tỳ-kheo-ni Tăng chúng con hòa hợp thỉnh Đại đức Tăng Tự tứ, nói tội kiến, văn, nghi. Thỉnh như vậy Ba lần.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni Ba-

xà-ba-đề: Cô không có Hòa thượng, không thành xuất gia thọ giới Cụ túc. Bà Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề sinh nghi, bạch Phật. Phật dạy: Khi bà thọ tám pháp không được vượt qua, đã là xuất gia thọ giới Cụ túc rồi. Có Tỳ-kheo-ni khuyến dụ đùa bỡn Tỳ-kheo nói: Tôi là tộc tánh lễ nghi hoàn bị, một người nữ đầy đủ công hạnh, ý muốn giúp đỡ thầy. Tỳ-kheo kia bèn sinh tâm nhiễm đắm, không thích nếp sống đạo, đưa đến việc hoàn tục. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Tỳ-kheo-ni không nên khuyến dụ đùa bỡn với Tỳ-kheo, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Có các Tỳ-kheo-ni đến trú xứ của Tỳ-kheo, hoặc để lộ nách ngực, hoặc để lộ bắp chân, ống chân, Tỳ-kheo thấy sinh tâm nhiễm đắm, không vui sống với đạo, hoàn tục, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm như vậy. Từ nay không cho phép Tỳ-kheo-ni vào trú xứ của Tỳ-kheo. Không được phép vào nên không có sự giáo giới, các Tỳ-kheo-ni bị ngu ám, không biết gì, không thể học giới, bạch Phật. Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo-ni sống đúng pháp thì cho vào, Tăng cũng nên kêu đến, kêu mà không đến. Phật dạy: Kêu mà không đến phạm Đột-kiết-la. Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni không cùng Tỳ-kheo nói năng, không có sự giáo giới, ngu si không biết gì, không thể học giới, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la.

Khi Tỳ-kheo-ni Ưu-ta thường phạm giới, Tỳ-

kheo-ni Tăng tác pháp trao cho Yết-ma không thấy tội, lại kêu khóc: Tôi ngu si, Tăng tác pháp trao cho tôi Yết-ma không thấy tội, trong lúc ấy, có thể tôi lại phạm tội thô, nguyện xin Tăng vì tôi giải Yết-ma này. Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật. Phật dạy: Không nên vì thế mà giải Yết-ma, nên bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo-ni bạn với cô ta cùng nói năng, cùng sống để ngăn chận. Một Tỳ-kheo-ni đọc rõ: A-di Tăng lắng nghe! Nay sai Tỳ-kheo-ni tên là… bạn của Tỳ-kheo-ni Ưu-ta, cùng nói năng, cùng sống để ngăn chận. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng lắng nghe! Nay sai Tỳ-kheo-ni tên là… bạn của Tỳ-kheo-ni Ưu-ta, cùng nói năng, cùng sống để ngăn chận. Các A-di nào chấp thuận thì xin im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo-ni tên là… bạn của Tỳ-kheo-ni Ưu-ta rồi.

Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc như thế, thọ trì như thế.

Có Tỳ-kheo-ni nguyệt thủy ra nhớp chân và y, vào xóm làng khất thực, các bạch y thấy chê bai. Phật dạy: Nếu khi Tỳ-kheo-ni nguyệt thủy ra, không cho phép vào xóm làng khất thực, cho phép chuẩn bị lương khô, cũng cho phép đệ tử khất thực thế, nếu không có đệ tử, cho phép mặc y nguyệt thủy khất thực. Có các quý tộc nữ xuất gia không

mặc y phú kiên, các bạch y thấy vai, cánh tay, cùng nhau trêu chọc, các vị ni này lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật. Phật dạy: Cho phép mặc y phú kiên.

Khi ấy đệ tử Tỳ-kheo-ni, học giới hai năm, không thuận ý mà vẫn trao cho giới cụ túc. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Từ nay khiến cho phép hợp ý Hòa thượng, A-xà-lê, mới triệu tập chúng mười vị đến chỗ thọ giới, dẫn người muốn thọ giới đến chỗ mắt thấy, tai không nghe. Hòa thượng nên họ vì cầu thầy Yết-ma và thầy giáo giới. Cầu được rồi, thầy Yết-ma nên Yết-ma, thầy giáo giới bảo họ ra ngoài để chỉ dạy. Vị ấy đọc rõ:

A-di Tăng lắng nghe! Người này tên là… cầu vị sư tên là… thọ giới Cụ túc, vị sư tên là… thầy giáo giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Thầy giáo giới kia nên hành sơ pháp, trước hỏi Hòa thượng: Người muốn thọ giới Cụ túc đã học giới đủ hai năm chưa? Y bát có đủ không? Nếu nói: Không đủ. Nên bảo: Phải đủ. Nếu nói: Đủ. Lại nên hỏi: Của mình hay là mượn? Nếu nói: Mượn.

Người chủ cho mượn phải xả cho. Xong như vậy rồi mới đến chỗ người muốn thọ giới nói: Cô chớ nên sợ sệt, trong giây lát nữa tôi sẽ đưa cô đến chỗ cao thắng. Nếu không biết rõ thì tối thiểu phải trương y ra xem xét, để không trở ngại pháp thọ

giới, nên hỏi: y Tăng-già-lê, Ưu-đa-la-tăng, An-đà-hội, Phú kiên, y tắm rửa cho cô là như thế nào? Nếu đương sự không biết thì nên hỏi cho biết, tiếp theo trao cho pháp y bát, như trong pháp thọ Tỳ-kheo đã nói. Lại nên nói: Này cô lắng nghe! Bây giờ là lúc cần nói thật. Nay tôi hỏi cô, nếu có thì nên nói có, nếu không thì nên nói không. Người nữ có những bệnh hủi, bệnh hủi trắng, bệnh càn tiêu, bệnh lát, bệnh cuồng, bệnh ung thư, lậu, bệnh chảy mỡ, các trọng bệnh như vậy, cô có hay không? Cô có mắc nợ không? Chẳng phải vợ của người khác chứ? Phu chủ cho phép cô tu không? Cô không thuộc hạng quan chức chứ? Cô không phải là tớ gái chứ? Cô là người chứ? Cô là người nữ chứ? Nữ căn của cô đầy đủ chứ? Cô không phải là huỳnh môn chứ? Cô không phải là thạch nữ chứ? Cô không bị hai đường hiệp chứ? Nguyệt thủy cô có ra không? Nó không thường bị ra phải không? Hai năm học giới đã đầy đủ chưa? Đã cầu thỉnh Hòa thượng chưa? Cha mẹ cho phép cô tu không? Cô có muốn thọ giới cụ túc không? Như những gì tôi đã hỏi bây giờ thì sau đây Tăng cũng hỏi cô như vậy. Cô nên trả lời như đã trả lời với tôi. Thầy giáo giới nêu trở lại trong Tăng, đứng thẳng bạch: Tôi đã hỏi rồi. Thầy Yết-ma nên bạch Tăng.

A-di Tăng lắng nghe! Người nữ tên là… cầu ni sư tên là… thọ giới cụ túc, vị giáo giới tên là… đã hỏi rồi, nay cho phép dẫn đến. Nếu thời gian thích

hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch. Thầy giáo giới nên dẫn vào, dạy kính lễ sát chân Tăng. Kính lễ rồi, dẫn đến trước thầy Yết-ma, bảo quỳ gối, chấp tay hướng về thầy Yết-ma, tùng Tăng xin thọ giới cụ túc. Dạy thưa: Con tên là… cầu Hòa thượng tên là… thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… Tăng cứu giúp con, rủ lòng thương đối với con. Thưa xin như vậy Ba lần. Xong phần này, thầy giáo giới quay lại chỗ ngồi. Thầy Yết-ma nên bạch Tăng.

A-di Tăng xin lắng nghe! Người nữ này tên là… cầu ni sư hiệu… thọ giới cụ túc. Đương sự đến Tăng xin thọ giới cụ túc. Hòa thượng hiệu… nay tôi đối giữa Tăng hỏi các nạn sự. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Nên nói: Này cô, nên lắng nghe: bây giờ là lúc cần nói sự thật, nay tôi hỏi cô, có thì nói có, không thì nói không…. Cho đến câu: Cô muốn thọ giới không? Điều như trên đã hỏi. Hỏi như trên rồi, thầy Yết-ma nên đọc:

A-di Tăng lắng nghe! Người nữ này tên là… cầu ni sư hiệu… thọ giới cụ túc. Đương sự đến Tăng xin thọ giới cụ túc, tự nói không có các chướng nạn, học giới hai năm, năm y, bình bát đầy đủ, đã cầu thỉnh Hòa thượng, cha mẹ cho phép, muốn thọ giới cụ túc. Nay Tăng trao người tên là… giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… Nếu thời gian thích

hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng lắng nghe! Người nữ này tên là… cầu ni sư hiệu… thọ giới cụ túc… cho đến câu: Hòa thượng hiệu… các A-di nào đồng ý thì xin im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Tăng đã đồng ý cho người nữ tên là… thọ giới cụ túc… Hòa thượng hiệu… rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Hòa thượng, A-xà-lê kia lại nên triệu tập mười Tỳ-kheo-ni Tăng, dẫn người thọ giới đến trong Tỳ-kheo Tăng, tại nơi cách thầy Tỳ-kheo Yết-ma một chút, hai đầu gối sát đất, xin thọ giới cụ túc. Thầy Yết-ma nên dạy nói: Con tên là… cầu Hòa thượng hiệu… thọ giới cụ túc, đã ở trong một chúng thọ giới cụ túc rồi, thanh tịnh, không có nạn sự, đã học giới đủ hai năm, y bát đầy đủ, đã cầu thỉnh Hòa thượng, cha mẹ cho phép, không phạm tội thô ác, muốn thọ giới cụ túc. Nay theo Tăng thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… Tăng giúp đỡ cho con, rủ lòng thương cho con nhờ. Xin như vậy Ba lần. Xin Ba lần rồi thầy Yết-ma nên bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe! Người nữ này tên là… cầu ni sư hiệu… thọ giới cụ túc, đã ở trong một chúng thọ giới cụ túc rồi, thanh tịnh, không có các nạn sự, đã học giới đủ hai năm, những việc cần làm

đã làm, y bát đầy đủ, đã cầu thỉnh Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, không phạm các tội thô ác, muốn cầu thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… nay Tăng trao người nữ tên là… thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người nữ này tên là… cầu ni sư hiệu… thọ giới cụ túc, cho đến câu: Nay Tăng trao cho người nữ tên là… thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… các Trưởng lão nào chấp thuận thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Tăng đã đồng ý trao cho người nữ tên là… thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu… rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy, thọ trì như vậy.

Lại nên nói: Này người nữ… lắng nghe: Đức Như Lai Ứng Cúng

Đẳng Chánh Giác nói tám pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một pháp nào, thì chẳng phải là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ: tất cả không được dâm… cho đến câu: Dùng tâm nhiễm vướng ngắm xem nam tử. Nếu Tỳ-kheo-ni hành pháp dâm dục, cho đến loài súc sinh, thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có thể giữ được nên nói là có thể.

Tất cả không được trộm cắp, cho đến lá cây ngọn cỏ, nếu Tỳ-kheo-ni hoặc nơi xóm làng hoặc nơi đất trống, vật có người coi giữ, trộm cắp năm tiền trở lên, thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có thể giữ được thì nên có thể.

Tất cả không được sát sinh, cho đến con kiến, nếu Tỳ-kheo-đối với người hay tương tợ người, tự tay mình đoạn mạng, cầm dao trao cho, dạy người giết, dạy cách giết, khen sự chết, thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có thể giữ được, nên nói là có thể.

Tất cả không nói dối, cho đến nói đùa, nếu Tỳ-kheo-ni tự mình không được phép vượt hơn người, hoặc nói các thiền giải thoát, Tam-muội, chánh thọ, hoặc đạo, hoặc quả thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm. Nếu có thể giữ được thì nói có thể.

Tất cả không được thân cận nam tử, nếu Tỳ-kheo-ni dục bùng cháy, tâm xao động, xúc chạm thân nam tử, từ mái tóc trở xuống, đầu gối trở lên, hoặc nam tử làm những hành động như vậy cũng không được chấp thuận, hoặc đè, hoặc bóp, hoặc bồng lên, hoặc để xuống, hoặc nắm, hoặc kéo thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có

thể giữ được thì nói có thể.

Tất cả không được cùng với nam tử đứng, cùng nói chuyện, nếu Tỳ-kheo-ni dục bùng cháy, tâm xao động chấp nhận nam tử hoặc nắm tay, nắm y, hẹn cùng đi, hoặc một mình cùng đi, một mình cùng đứng, một mình cùng nói, một mình cùng ngồi, dùng thân gần nhau, đủ tám việc này, thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có thể giữ được thì nói có thể.

Tất cả không được tùy thuận nói chuyện với Tỳ-kheo phi pháp, nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo Tăng hòa hợp như pháp cử tội Tỳ-kheo, mà tùy thuận Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo-ni nói: Này cô, Tỳ-kheo này bị Tỳ-kheo Tăng hòa hợp như pháp cử tội cô chớ nên tùy thuận. Can gián như vậy mà Tỳ-kheo-ni kia không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián bỏ thì tốt, không bỏ thì không phải Tỳ-kheo-ni, không phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có thể giữ được thì nói có thể.

Tất cả không được che giấu tội thô ác của người khác, nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Ba-la-di, sau khi cô kia thôi tu, hoặc chết, hoặc đi xa, hoặc bị cử, hoặc căn biến, bèn nói với các Tỳ-kheo-ni như vầy: Trước đây tôi biết Tỳ-kheo-ni kia phạm tội Ba-la-di. Biết mà không bạch với Tăng, không hướng đến người khác nói thì chẳng

phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Đây là điều trọn đời không được phạm, nếu có thể giữ được thì nói có thể.

Các Đức Phật Thế Tôn khéo hay nói ví dụ để chỉ rõ sự việc: ví như cây kim bị sứt phần có lỗ xâu chỉ không thể may vá được. Ví như người chết không thể sống lại. Ví như ruột cây Đa-la bị chặt không thể sinh trưởng nữa. Ví như hòn đá bị vỡ không thể hiệp lại được. Nếu Tỳ-kheo-ni đối với tám pháp này mà phạm bất cứ pháp nào, trở lại đặng tánh Tỳ-kheo-ni là điều không thể có.

Lại nên nói: Này cô… lắng nghe: Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói tám pháp không thể vượt qua, suốt đời, cô không nên vượt qua: Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng nên đến chúng Tỳ-kheo cầu người giáo giới, Tỳ-kheo-ni không nên ở chỗ không có Tỳ-kheo mà hạ An cư, Tỳ-kheo-ni khi Tự tứ nên đến trong chúng Tỳ-kheo thỉnh ba việc tội kiến, văn, nghi, Thức-xoa-ma-na hai năm học giới rồi nên đến trước hai bộ Tăng cầu thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo-ni không được mắng Tỳ-kheo, không được đối với bạch y nói Tỳ-kheo phá oai nghi, phá giới, phá kiến, Tỳ-kheo-ni không nên cử tội Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được chê trách Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni phạm tội thô ác nên đối trước hai bộ Tăng hành Ma-na-đỏa nửa tháng, hành Ma-na-đỏa nửa tháng xong, đối trước hai bộ Tăng, mỗi bên hai mươi vị cầu xin xuất tội, Tỳ-kheo-ni tuy thọ giới

trước một trăm năm vẫn nên lễ bái, đứng dậy đón tiếp Tỳ-kheo mới thọ giới.

Lại nên nói: Này cô… lắng nghe: Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp nương theo để sống (tứ y), trọn đời nương theo xuất gia thọ giới cụ túc: nương theo y phấn tảo xuất gia thọ giới cụ túc, nếu có thể giữ được nên nói: có thể. Nếu được y dư, y Kíp-bối, y Khâm-bà-la, y Câu-xá-da, y vải thô, y Sô-di, y Bà-xá-da, y A-ha-na, y Cù-trà-già, y bằng bố nên nhận. Nương theo pháp khất thực xuất gia thọ giới cụ túc, nếu có thể giữ được thì nói giữ được. Nếu được thức ăn dư, thức ăn của Tăng, bữa ăn trước, bữa ăn sau, người mời ăn thì nên thọ. Nương nơi ngọa cụ thô tệ xuất gia thọ giới cụ túc, nếu có thể giữ được thì nói có thể. Nếu nhận được am thất dư, nhà gác, phòng lớn nhỏ, nhà vuông tròn thì nên nhận. Nương nơi thuốc rẻ tiền xuất gia thọ giới cụ túc, nếu có thể giữ được, nên nói có thể. Nếu nhận được tô, dầu, mật, thạch mật dư thì nên thọ.

Lại nên nói: Này cô… lắng nghe: Cô đã được Bạch-tứ-yết-ma thọ giới cụ túc rồi, Yết-ma như pháp, chư Thiên, long, quỷ thần, Càn-thát-bà thường nguyện như vầy: Chúng tôi đến khi nào mới được thân người, được xuất gia thọ giới cụ túc, nay cô đã được, như người được thọ vương vị, cô thọ được pháp Tỳ-kheo cũng như vậy. Cô nên thọ nhận trao đổi, cùng nhau nói năng, giáo giới cho

nhau, nên học ba giới, diệt ba độc, ra khỏi ba cõi, thành tựu quả A-la-hán. Ngoài ra những gì chưa biết, Hòa thượng, A-xà-lê sẽ vì cô nói.

Bấy giờ, có một dâm nữ tên là Bán-ca-thi, xuất gia trong chánh pháp luật, muốn đến trú xứ A-lan-nhã, thọ giới cụ túc. Đám giặc nghe, muốn đón đường rình bắt, người dâm nữ cũng nghe nên không dám đi. Các Tỳ-kheo-ni đem vấn đề ấy bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép Bạch-tứ-yết-ma, từ xa hướng đến thọ giới cụ túc. Hòa thượng, A-xà-lê của vị kia, trước hết triệu tập mười vị Tỳ-kheo-ni Tăng trao cho giới cụ túc, đem người xin thọ giới để một chỗ, mời mười Tỳ-kheo-ni Tăng đến nơi A-lan-nhã. Tất cả kính lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, thầy Yết-ma vì họ xin tùng Tăng, xin giới: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người nữ tên… cầu ni sư… thọ giới Cụ túc, ở trong một chúng thọ giới cụ túc xong, thanh tịnh không có các nạn sự, đã học giới hai năm đầy đủ, trước hết những việc cần làm đã làm xong, y bát đầy đủ, đã cầu thỉnh Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, không phạm tội thô ác, muốn thọ giới cụ túc. Nay đến tùng Tăng xin thọ giới Cụ túc, Hòa thượng hiệu… xin Tăng rủ lòng thương tế độ cho đương sự! Xin như vậy Ba lần. Thầy Yết-ma Tỳ-kheo nên dựa theo lời cầu xin trên Bạch-tứ-yết-ma. Yết-ma rồi Hòa thượng, A-xà-lê đưa mười vị Tỳ-kheo-ni Tăng trở về chỗ thọ giới trước đó, kêu người thọ giới đến bảo kính lễ Tăng túc, quỳ

gối chấp tay trước thầy Yết-ma. Thầy Yết-ma nên vì họ nói việc làm Bạch-tứ-yết-ma của Tăng, khiến cho họ nghe rồi, sau đó theo như trên nói tám pháp đọa, bốn thí dụ, tám pháp không thể vượt qua, bốn phương tiện nương để sống (tứ y)… cho đến câu: Ngoài ra những điều không biết, Hòa thượng, A-xà-lê sẽ vì ngươi nói.

Các Tỳ-kheo-ni mặc y sáng rực để làm đẹp, các bạch y chê trách nói: Tỳ-kheo-ni tợ như dâm nữ, muốn tìm nam tử. Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo-ni kẽ chân mày. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo-ni bị bệnh đau mắt, cần vạch ra, Đức Phật dạy: Người bị đau mắt cho phép vạch. Có các Tỳ-kheo-ni đi trước Tỳ-kheo. Phật dạy: Không nên đi như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo-ni, thấy Tỳ-kheo từ xa đến, bèn đứng lại không dám đi trước nên trở ngại việc khất thực, Đức Phật dạy: Nếu cách xa thì cho phép đi trước. Có các Tỳ-kheo-ni đi trước Tỳ-kheo nhổ nước miếng xuống đất nên hôi hám. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo-ni ngồi chồng lên gót chân, nguyệt thủy chảy ra nhớp chân, người thấy chê bai. Lại có một Tỳ-kheo-ni ngồi chồng lên gót chân, con bọ hung bò vào trong nữ căn làm cho sinh bệnh, bạch Phật. Phật dạy: Tất cả Tỳ-kheo-ni nên ngồi xếp

chân lại, nếu ngồi chồng lên gót chân thì thay đổi duỗi ra một chân, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có Cư sĩ muốn cùng Tỳ-kheo-ni trao đổi chỗ ở, các Tỳ-kheo-ni không dám. Phật dạy: Cho phép trao đổi. Có các Tỳ-kheo-ni như pháp thêu hoa, trương y ra thêu. Phật dạy: Không nên làm như vậy, nếu y bị cuốn lại cho phép may y viền. Có các Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện lung tung nơi trú xứ nên bị hôi thối. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la, nên làm nhà vệ sinh. Các Tỳ-kheo-ni làm cái hố xí quá sâu, trong hố này có cái thai bị sảo. Người dọn hố xí thấy, chê trách: Đám người này thường khen ngợi lìa dục, tưởng lìa dục, nói dục là lửa đốt mà làm việc này, sợ người biết nên trục thai bỏ vào hố xí, sao không thôi tu để thọ hưởng năm dục lạc. Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật. Phật dạy: Không nên làm hố xí quá sâu, sâu nhất là một khuỷu tay, làm cái miệng nhỏ. Có các Tỳ-kheo-ni làm cái bát, cho đến cái đãy đựng cái thai, sáng sớm đem bỏ. Khi ấy, Vua Ba-tư-nặc, nơi biên cương có việc, cần đem quân chinh phạt. Có người tin ưa Phật pháp khởi ý nghĩ: "Nay ta nên trước hết cúng dường trai phạn cho người xuất gia, vậy sau mới đi". Liền sai người tín cẩn đi tìm, gặp Tỳ-kheo-ni kia mời về để cúng thức ăn. Tỳ-kheo-ni kia nói: Ngươi nên đi trước đi, tôi theo sau đến cũng được. Sứ giả tha thiết mời, dẫn cô ni cùng về. Để đặt thức ăn vào bát, ông ta giở bình bát ra, thấy bào

thai bên trong bát. Bằng mọi cách chê trách, nói: Đám người này thường nói từ bi hộ niệm chúng sinh, mà nay chính mình giết thai nhi, không có hạnh Sa-môn, phá pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo-ni bạch với các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Khi Tỳ-kheo-ni đi khất thực, thấy Tỳ-kheo

nên giở bát ra cho Tỳ-kheo xem. Các Tỳ-kheo-ni đều xuất trình bát, phải nghiêng nhìn. Việc này mất thời giờ làm trở ngại việc khất thực. Phật dạy: Chỉ nên giở để chứng tỏ bát không là được. Có một Tỳ-kheo-ni sinh một nam nhi, không biết giải quyết cách nào, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo-ni làm bạn. Một Tỳ-kheo-ni đọc rõ giữa Tăng:

A-di Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là… sinh nam nhi, nay sai Tỳ-kheo-ni tên… làm bạn. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên… sinh nam nhi, nay sai Tỳ-kheo-ni… làm bạn. Các A-di nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói.

Tăng đã sai Tỳ-kheo-ni… làm bạn với Tỳ-kheo-ni… rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc như vậy phải thọ trì như vậy.

Hai Tỳ-kheo-ni dắt hài nhi, sinh nghi. Phật dạy:

Không phạm. Hai Tỳ-kheo-ni cùng ngủ với hài nhi, sinh nghi. Phật dạy: Cũng không phạm. Sửa soạn cho hài nhi rồi hun nó. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép tắm rửa, cho bú. Nếu rời bỏ được sự chăm sóc ẵm bồng thì nên cho Tỳ-kheo, khiến nó xuất gia. Nếu không muốn cho xuất gia thì giao cho bà con nuôi dưỡng cho nó khôn lớn.

Có các Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo Tăng gọi, không theo thứ tự đến. Phật dạy: Không nên làm như vậy, nên theo thứ tự sai đến. Có các Tỳ-kheo-ni vào trong xóm làng, không buộc y hạ, bị sút, lộ hình. Phật dạy: Nên dùng dây lưng buộc lại. Họ làm dây lưng dài quá. Phật dạy: Cho phép quấn một vòng. Làm dây lưng rộng quá. Phật dạy: Rộng lắm là bằng một ngón tay. Làm dây lưng bằng tạp sắc. Phật dạy: Không nên làm như vậy, cho phép làm một màu. Có các Tỳ-kheo-ni mặc y nhẹ vào xóm làng, gió thổi, lộ hình. Phật dạy: Cho phép trên và dưới dùng cái khâu hường buộc dính lại.

Có các người nữ quý tộc xuất gia bưng bát đi khất thực. Phật dạy: Cho phép may cái đãy đựng bình bát đi khất thực. Mang bát dưới nách mồ hôi chảy ra nhớp. Phật dạy: Cho phép làm cái khăn tủ lên bát.

Có các Tỳ-kheo-ni lập kế độc hại muốn giết chúng sinh. Phật dạy: Nếu lập kế hoặc độc hại muốn giết chúng sinh, phạm Thâu-lan-giá. Làm chú thuật khiến cho người chết đứng dậy, muốn

giết chúng sinh cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo-ni chứa đủ các loại y tạp sắc, các bạch y dè bỉu, nói: Các Tỳ-kheo-ni này giống hệt dâm nữ. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Các Tỳ-kheo có thức ăn cách đêm, các Tỳ-kheo-ni không có thức ăn, không dám cho. Phật dạy: Cho phép cho không phạm. Tỳ-kheo-ni có thức ăn cách đêm, cho Tỳ-kheo cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni, không có tịnh nhân trao thức ăn. Phật dạy: Khi không có tịnh nhân, cho phép Tỳ-kheo-ni trao thức ăn cho Tỳ-kheo, không phạm. Tỳ-kheo trao thức ăn cho Tỳ-kheo-ni cũng vậy. Có các Tỳ-kheo-ni nấu rượu, nhiều người chê trách. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo-ni nuôi bò cày ruộng, nuôi người ở, đích thân coi việc cày cấy, các bạch y dị nghị: Các Tỳ-kheo-ni cũng đích thân coi việc cày cấy, cùng ta đâu khác gì. Phật dạy: Không nên tự mình coi, nên sai tịnh nhân, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Có các Tỳ-kheo-ni có được tiền trong sản nghiệp hay lợi tức. Nhiều người chê trách. Phật dạy: Không nên như vậy, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo-ni nuôi dâm nữ rồi cho thuê mướn, nhiều người chê trách. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-kheo-ni ép dầu bán, nhiều người chê trách. Phật dạy: Không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Thâu-lan-giá. Có các Tỳ-

kheo-ni đạp trên chân để chơi, nhiều người chê trách, Phật dạy, không nên làm như vậy, vi phạm, phạm Đột-kiết-la. Treo sợi dây, đeo chơi cũng như vậy. Có các Tỳ-kheo-ni trú xứ bị phát hỏa. Phật dạy: Nên đánh kiền chùy kêu la để tập trung chữa cháy, dùng đất phủ lên, dùng nước tưới vào, dùng quả nhúng nước để dập tắt.

Khi ấy, có số đông Cư sĩ mời Tỳ-kheo-ni Tăng thọ trai, các Tỳ-kheo-ni sáng sớm đắp y bưng bát đến nhà thí chủ, mới hỏi thăm nhau để biết lớn nhỏ, nên trễ giờ ăn, Cư sĩ chê trách: Các Tỳ-kheo-ni này giống như phái nữ của Bà-la-môn, hỏi nhau để biết lớn nhỏ một cách quá tỉ mỉ, nay ta mời ăn mà bị trễ giờ, biết làm sao đây, bạch Phật. Phật dạy: Nếu khi đại chúng nhóm họp, cho phép tám vị Thượng tọa hỏi nhau biết lớn nhỏ, theo thứ tự để ngồi, ngoài ra các vị khác thì tùy tiện cứ ngồi.

-oOo-

LUẬT DI SA TẮC BỘ HÒA HÊ NGŨ PHẦN

QUYỂN 30

Phần 5: NÓI VỀ CÁC PHÁP: PHÁ TĂNG, NGỌA CỤ, TẠP PHÁP, OAI NGHI, NGĂN BỐ TÁT, BIỆT TRÚ V.V…

Đoạn 9: NÓI VỀ PHÁP NGŨ BÁCH KẾT TẬP

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Nê hoàn chưa bao lâu, Tôn giả Đại Ca-diếp ở tại giảng đường Trùng Các, bên bờ sông Di hầu nơi Tỳ-xá-ly, cùng đầy đủ chúng Đại Tỳ-kheo Tăng năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán chỉ trừ Tôn giả A-nan, bảo các Tỳ-kheo: Trước đây, tôi từ nước Ba-tuần đi đến thành Câu-di, giữa hai nước, nghe Phật Thế tôn đã Bát-niết-bàn, lúc ấy lòng tôi mê loạn không thể tự chủ. Nơi các xóm làng, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, người thì quýnh cả hai chân, người thì nhảy khóc té nhào xuống đất, không ai là không bi ai khóc than: Mau quá! Thế gian còn gì nữa! Con mắt của thế gian bị mất rồi! Khi đó, Bạt-nan-đà đã có mặt trước ở đây, nói với mọi người: Lão già (tức

là Phật) kia thường nói: Nên làm thế này, không nên làm thế kia, nên học thế này, không nên học thế kia. Kể từ nay, chúng ta mới thoát khỏi cái khổ đó, được làm theo ý muốn, không bị bắt buộc, tại sao các người lại cùng nhau khóc kể? Tôi nghe câu nói ấy càng thêm ưu não cho sự độc hại này. Đức Phật tuy Nê hoàn, Tỳ-ni hiện còn đó, chúng ta nên cùng nhau cố gắng kiết tập, đừng để cho đám Bạt-nan-đà biệt lập bè nhóm, phá hoại chánh pháp. Các Tỳ-kheo đều cho đó là điều hay, bạch với Tôn giả Ca-diếp: Tôn giả A-nan thường hầu cận Đức Thế Tôn, thông tuệ đa văn, thọ trì đầy đủ pháp tạng, nay nên cho phép ở trong số Tỳ-kheo kiết tập này. Ca-diếp nói: A-nan còn trong quả vị hữu học, hoặc theo ái, sân, si, sợ không nên dung nạp được. Thời điểm ấy, Tôn giả A-nan ở tại Tỳ-xá-ly, thường vì bốn chúng ngày đêm nói pháp, mọi người tới lui gần như Phật còn tại thế. Tỳ-kheo Bạt-kỳ tọa thiền trên gác thượng, bị náo loạn không thể an trú trong các Tam-muội giải thoát, khởi ý niệm: A-nan nay ở nơi học địa, có việc cần làm, không làm, lại nói nhiều, sống trong nếp sống ồn ào. Bạt-kỳ nhập định quán xét thấy có việc cần làm, bèn khởi ý niệm: Nay ta nên nói pháp nhàm chán, khiến cho A-nan nhân đấy mà ngộ. Bạt-kỳ bèn đến chỗ Tôn giả A-nan nói kệ:

Ngồi chỗ vắng bên cây
Tâm hướng nơi Nê hoàn

Nên thiền, đừng buông lung
Nói nhiều để làm gì!?

Các Tỳ-kheo cũng nói với A-nan: Ông nên tu gấp đi, Đại Ca-diếp nay muốn kiết tập pháp Tỳ-ni, không cho ông ở trong số đó. A-nan đã nghe Tỳ-kheo Bạt-kỳ nói kệ, lại nghe Ca-diếp không cho ở trong túc số kiết tập Tỳ-ni, nên đầu, giữa, và sau đêm siêng năng kinh hành, tư duy mong cầu giải thoát, song vẫn chưa đạt được. Đêm gần tàn, qua nhiều cố gắng, thân thể mỏi mệt, muốn nằm nghỉ một chút, đầu vừa chạm gối, hoát nhiên dứt sạch các lậu hoặc. Các Tỳ-kheo biết, liền bạch với Ca-diếp, A-nan đêm vừa rồi đã được giải thoát, nay cho phép ở trong túc số kiết tập Tỳ-ni. Ca-diếp thuận cho. Đối với Ca-diếp có những suy nghĩ bao quát: Nơi nào có đủ đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ để cung cấp cho việc kiết tập Tỳ-ni này? Thành Vương-xá, chỉ có nơi ấy mới đủ cung cấp mọi thứ mà thôi. Ca-diếp liền đọc lớn giữa Tăng: Trong đây, năm trăm A-la-hán, nên đến thành Vương-xá an cư, ngoài ra không một người nào được đi.

Lập quy chế như thế rồi, năm trăm vị A-la-hán đến thành Vương-xá, tháng đầu mùa hạ, sửa chữa phòng xá, ngọa cụ, tháng thứ hai hiện bày diệu dụng về các thiền giải thoát, tháng thứ ba mới tập trung một chỗ. Đi sát với kế hoạch chỉ đạo, Ca-diếp bạch Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay tôi đối với giữa Tăng hỏi Tôn giả Ưu-ba-ly về nghĩa Tỳ-ni. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Tôn giả Ưu-ba-ly cũng bạch Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay tôi sẽ đáp lời Tôn giả Ca-diếp về nghĩa Tỳ-ni. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

Ca-diếp liền hỏi Ưu-ba-ly:

Đức Phật chế giới đầu tiên ở tại chỗ nào? Ưu-ba-ly nói:

Tại Tỳ-xá-ly.

Lại hỏi: Vì ai mà chế?

Đáp: Vì Tu-đề-na, con của Ca-lan-đà.

Lại hỏi: Vì sao mà chế?

Đáp: Cùng người vợ cũ hành dâm.

Lại hỏi: Có chế lần thứ hai hay không?

Đáp: Có.

Vì có Tỳ-kheo cùng với khỉ cái hành dâm. Ca-diếp lại hỏi:

Chế giới thứ hai ở chỗ nào?

Đáp: Tại thành Vương-xá.

Lại hỏi: Vì ai mà chế?

Đáp: Vì Đạt-ni-tra.

Lại hỏi: Vì sao mà chế?

Đáp: Vì ăn trộm gỗ của Vua Bình-sa.

Ca-diếp lại hỏi: Chế giới thứ ba tại chỗ nào?

Đáp: Tại Tỳ-xá-ly.

Lại hỏi: Vì ai mà chế?

Đáp: Vì một số đông Tỳ-kheo.

Lại hỏi: Vì việc gì mà chế?

Đáp: Tự cùng nhau hại mạng.

Ca-diếp lại hỏi: Giới thứ tư chế tại chỗ nào?

Đáp: Tại Tỳ-xá-ly.

Lại hỏi: Vì ai mà chế?

Đáp: Vì các Tỳ-kheo ở sông Bà-cầu-ma.

Lại hỏi: Vì việc gì mà chế?

Đáp: Dối xưng được pháp hơn người.

Ca-diếp lại hỏi về tất cả vấn đề Tỳ-ni như vậy rồi, ở giữa Tăng xướng: Đây là Tỳ-ni của Tỳ-kheo, đây là Tỳ-ni của Tỳ-kheo-ni, hợp lại gọi là Tạng Tỳ-ni.

Ca-diếp lại bạch Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay tôi muốn đối trước Tăng hỏi Tôn giả A-nan về Tu-đa-la. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây là lời tác bạch.

A-nan cũng bạch Tăng:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay tôi sẽ đáp lời Tôn giả Ca-diếp về nghĩa của Tu-đa-la. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Đây

là lời tác bạch.

Ca-diếp liền hỏi A-nan:

Đức Phật nói kinh Tăng nhất ở chỗ nào? Nói kinh Tăng thập ở chỗ nào? Kinh đại nhân duyên, kinh Tăng kỳ đà, kinh quả Sa-môn, kinh Phạm Động, những kinh nào vì Tỳ-kheo nói? Những kinh nào vì Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Thiên tử, Thiên nữ nói?

A-nan đều tùy theo chỗ Phật nói mà trả lời.

Ca-diếp hỏi như vậy đối với tất cả Tu-đa-la rồi, giữa Tăng công bố: Đây là kinh dài, nay tập hợp lại làm một bộ, gọi là Trường A Hàm. Đây là kinh không dài, không ngắn, nay tập hợp lại làm thành một bộ, gọi là Trung A Hàm. Đây là những việc tạp toái vì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên tử, Thiên nữ nói, nay tập hợp lại làm thành một bộ, gọi là Tạp A Hàm. Đây là từ một pháp tăng lên đến mười một pháp, tập hợp lại làm thành một bộ, gọi Tăng Nhất A Hàm. Ngoài ra từ nhiều vấn đề được đề cập đến, nay tập hợp lại làm thành một bộ gọi là Tạp Tạng Tu-đa-la.

Chúng ta đã kiết tập pháp xong, từ nay về sau, những gì Phật không chế cấm, không nên tùy tiện chế, những gì Phật đã chế cấm không được trái phạm. Như lời Đức Phật đã dạy nên kính cẩn tu học.

A-nan lại bạch Ca-diếp: Tôi thân cận, nghe từ

Đức Phật: Sau khi Ta nê hoàn, nếu muốn bỏ bớt những giới nho nhỏ thì cho phép bỏ. Ca-diếp liền hỏi: Ông muốn giới nào là giới nho nhỏ? Đáp: Không biết. Lại hỏi: Tại sao không biết? Đáp: Vì không hỏi Đức Thế Tôn. Lại hỏi: Tại sao không hỏi? Đáp: Khi ấy, Đức Phật mệt nên sợ phiền Ngài. Ca-diếp liền kết tội: Ông không hỏi nghĩa này, phạm tội Đột-kiết-la, nên thấy tội tự sám hối. A-nan thưa: Thưa Đại đức! Chẳng phải tôi không kính giới mà không hỏi nghĩa này, vì sợ não động Đức Thế Tôn nên không dám hỏi. Trong vấn đề này tôi không thấy tướng tội, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi A-nan: ông vá Tăng-già-lê cho Đức Thế Tôn dùng ngón chân đạp lên phạm Đột-kiết-la, nên thấy tội sám hối. A-nan thưa: Không phải tôi không kính Phật mà vì không có ai cầm nên tôi phải dùng chân kẹp lại. Trong vấn đề này tôi không thấy tướng tội, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi A-nan: Ông ba phen cầu thỉnh Đức Thế Tôn cho người nữ xuất gia trong chánh pháp, phạm Đột-kiết-la, nên thấy tội sám hối. A-nan thưa: Chẳng phải tôi không kính pháp, chỉ vì Ma-ha-ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di là người nuôi dưỡng Đức Thế Tôn cho đến lớn xuất gia, đến thành đại đạo, công đức này cần phải báo đáp, nên tôi mới xin thỉnh Ba lần như vậy. Trong vấn đề này

tôi không thấy tướng tội, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi A-nan: Đức Phật khi gần Nê hoàn hiện tướng nói với ông: Người có được bốn thần túc, muốn ở đời một kiếp hay hơn một kiếp đều có thể được. Như Lai thành tựu vô lượng pháp định, Ngài hiện tướng nói với ông như vậy Ba lần, ông không thỉnh Phật trụ thế một kiếp hay hơn một kiếp, phạm Đột-kiết-la, nên thấy tội sám hối. A-nan thưa: Chẳng phải tôi không muốn thỉnh Phật trụ lâu nơi thế gian mà vì ma ác Ba-tuần che lấp lòng tôi, cho nên mới như vậy. Trong vấn đề này tôi cũng không thấy tướng tội, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi A-nan: Trước đây, Đức Phật Ba lần thứ bảo ông đưa nước, ông không dâng nước cho Ngài, phạm Đột-kiết-la, cũng nên thấy tội sám hối. A-nan thưa: Chẳng phải tôi không muốn dâng nước mà khi ấy có năm trăm cỗ xe đi qua bên trên dòng nước, nước bị đục, chưa trong, sợ Ngài uống bị bệnh nên không dâng. Đối với tôi trong vấn đề này cũng không thấy tướng tội, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Ca-diếp lại gạn hỏi: Ông cho phép người nữ kính lễ Xá-lợi trước, phạm Đột-kiết-la, cũng nên thấy tội sám hối. A-nan thưa: Chẳng phải tôi muốn khiến người nữ kính lễ Xá-lợi trước, mà sợ chiều tối họ vào thành không kịp, do vậy nên cho phép

họ kính lễ trước. Trong vấn đề này tôi cũng không thấy tướng tội, nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối. A-nan kính tín Đại Ca-diếp cho nên liền đối trước chúng Tăng tác pháp sám hối sáu tội Đột-kiết-la.

Ca-diếp lại nói với A-nan: Nếu chúng ta cho Chúng Học pháp là giới nho nhỏ, Tỳ-kheo khác lại nói đến Ba-la-đề-đề-xá-ni cũng là giới nho nhỏ. Nếu chúng ta nói cho đến bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni cũng là giới nho nhỏ, Tỳ-kheo khác bèn nói cho đến Ba-dật-đề cũng là giới nho nhỏ. Nếu chúng ta nói cho đến Ba-dật-đề cũng là giới nho nhỏ, Tỳ-kheo khác bèn nói đến Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề cũng là giới nho nhỏ. Như vậy thành bốn ý kiến làm sao quyết định? Ca-diếp lại hỏi: Nếu chúng ta không biết giới tướng nào là nho nhỏ mà tùy tiện loại bỏ, các ngoại đạo sẽ nói: Sa-môn Thích tử, pháp của họ giống như khói. Khi thầy còn tại thế những điều chế cấm đều phụng hành, sau khi thầy Nê hoàn lại không chịu học tập. Ca-diếp lại đối giữa Tăng đọc lớn:

Chúng ta đã kiết tập pháp xong, nếu những điều gì không được Phật chế cấm, không nên tùy tiện chế, những điều đã chế cấm không được trái phạm, như lời Phật dạy nên kính cẩn tu học.

Khi ấy, Trưởng lão Phú-lan-na ở phương Nam, nghe Đức Phật Bát Nê-hoàn tại thành Câu-di, các Tỳ-kheo Trưởng lão cùng nhau tập hợp nơi thành

Vương-xá, luận pháp Tỳ-ni, nên chính mình cùng quyến thuộc, chỉ trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay đã đến trong chúng, hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Tôi nghe Đức Phật nê hoàn, Tỳ-kheo Thượng tọa đều cùng vân tập nơi đây bàn pháp Tỳ-ni, có thật như vậy không? Ca-diếp trả lời: Có thật như vậy, thưa Đại đức! Phú-lan-na nói: Có thể luận bàn lại được không? Ca-diếp liền luận bàn lại, như đã luận bàn. Luận bàn rồi, Phú-lan-na nói với Ca-diếp: Chính tôi nghe từ Đức Phật: Được ngủ với thức ăn, nấu trong phòng, tự nấu, tự mang thức ăn đến người thọ, tự lấy trái cây để ăn, đến nơi ao nước lấy thức ăn, không có tịnh nhân tác tịnh trái cây trừ bỏ hạt để ăn. Ca-diếp trả lời: Thưa Đại đức! Bảy điều đó là khi Đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly, gặp lúc mất mùa đói kém, khất thực khó được nên Phật quyền biến cho phép như vậy. Sau đấy cũng tại nơi đó, lại chế cấm bốn điều, rồi đến thành Xá-vệ chế cấm ba điều. Phú-lan-na nói: Đức Thế Tôn không làm cái việc chế cấm rồi lại cho phép, cho phép rồi lại chế cấm! Ca-diếp nói: Đức Phật là đấng Pháp vương, đối với pháp tự tại, chế cấm rồi lại cho phép, cho phép rồi lại chế cấm, đâu có lỗi gì? Phú-lan-na nói: Những điều khác tôi chấp nhận còn đối với bảy điều này không thể thi hành. Ca-diếp lại ở giữa Tăng đọc lớn:

Những gì Phật đã chế cấm không nên vọng chế, những gì Phật đã chế cấm không nên trái phạm,

như lời Phật dạy nên kính cẩn tu học.

Bấy giờ, nơi Câu-xá-di, Tỳ-kheo Xiển-đà xúc não chúng Tăng không cùng hòa hợp. Có một Tỳ-kheo an cư rồi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-diếp, trình bày đầy đủ vấn đề. Ca-diếp nói với A-nan: Thầy đến Câu-xá-di dùng lời của Phật, dùng lời của Tăng tác pháp Phạm đàn trị phạt Xiển-đà. A-nan làm theo lời sai, cùng năm trăm Tỳ-kheo đến đó, Xiển-đà nghe A-nan cùng năm trăm Tỳ-kheo đến liền ra nghinh đón, hỏi A-nan: Đến đây có việc gì? Đâu không muốn gây sự vô ích cho tôi chăng? A-nan nói: Vì muốn đem sự hữu ích cho thầy. Xiển-đà hỏi: Có ích cho tôi như thế nào? A-nan nói: Nay tôi sẽ dùng lời Phật, dùng lời Tăng tác pháp Phạm đàn trị phạt thầy. Xiển-đà liền hỏi: Thế nào gọi là pháp Phạm đàn? A-nan nói: Pháp Phạm đàn là tất cả các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di không cùng thầy qua lại nói năng. Xiển-đà nghe rồi, liền ngất xỉu té xuống đất, nói với A-nan: Đấy, há không phải là giết tôi! A-nan nói: Chính tôi nghe từ Đức Phật: Thầy sẽ từ nơi tôi mà đắc đạo. Thầy đứng dậy, tôi sẽ vì thầy nói pháp. Xiển-đà lắng lòng đứng dậy, A-nan nói pháp diệu, chỉ vẽ sự lợi ích để được vui mừng. Xiển-đà liền xa trần lìa cấu, đối với các pháp đặng mắt pháp trong sạch.

Khi vân tập để kiết pháp Tỳ-ni, Trưởng lão A-nhã-kiều-trần-như trong ngôi vị đệ nhất Thượng tọa, Phú-lan-Na-là đệ nhị Thượng tọa, Đàm-di là

đệ tam Thượng tọa, Đà-bà Ca-diếp là đệ tứ Thượng tọa, Bạt-đà Ca-diếp đệ ngũ Thượng tọa, Đại Ca-diếp là đệ lục Thượng tọa, Ưu-ba-ly là đệ thất Thượng tọa, A-na-luật là đệ bát Thượng tọa. Do con số tròn năm trăm vị A-la-hán không nhiều, không ít, tham dự kiết tập cho nên gọi là Ngũ bách kiết tập Pháp tạng.

Đoạn 10: NÓI VỀ PHÁP THẤT BÁCH KẾT TẬP

Sau khi Phật Nê hoàn một trăm năm, tại Tỳ-xá-ly các Tỳ-kheo Bạt-kỳ đề khởi lên mười phi pháp:

Muối gừng hợp lại để cách đêm, được phép ăn.

Dùng hai ngón tay xúc thức ăn, được phép ăn.

(Ăn rồi) ngồi trở lại, được phép ăn.

Qua xóm làng khác, được phép ăn.

Tô, dầu, mật, thạch mật hòa với lạc được phép ăn.

Rượu Các lâu già được phép uống.

Làm tọa cụ lớn nhỏ theo ý mình, được phép ngồi.

Quen theo nếp sống trước là tịnh.

Cầu thính là tịnh.

Nhận chứa vàng, bạc, tiền là tịnh.

Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ thường dùng bình bát đựng nước, trong tháng vào những ngày mùng tám, mười bốn, rằm, tập hợp ngồi chỗ đông người, để bình bát trước mặt gọi là điềm lành, mục đích là để cầu người bố thí.

Khi ấy, các bạch y nam nữ, lớn nhỏ đi qua phía trước, bèn chỉ trong bát nước, nói: Trong đấy là điềm lành, có thể đặt vào trong đó: y, bát, giày dép, thuốc thang. Người muốn cho thì họ cho, người không muốn cho bèn chê trách nói: Sa-môn Thích tử không nhận chứa vàng bạc và tiền, dù có người cho cũng không dùng mắt đến để nhìn, tại sao nay lại làm việc này để cầu xin bố thí? Lúc đó, Trưởng lão Da-xá, con của Ca-lan-đà, ở trên giảng đường Trùng các, bên sông Di-hầu, nói với các Tỳ-kheo: Các thầy chớ cầu xin sự bố thí thế này, chính tôi nghe Đức Phật dạy: Nếu có người cầu thí phi pháp, và người thí cho kẻ cầu phi pháp, cả hai đều mắc tội. Nói với các Tỳ-kheo rồi lại nói với các bạch y nam nữ lớn nhỏ: Các người đừng nên bố thí thế này, chính tôi nghe từ Đức Phật dạy: Nếu cầu thí phi pháp, hoặc thí cho người cầu phi pháp, cả hai đều mắc tội.

Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ nhận được vàng, bạc, tiền rồi, nói với Da-xá:

Đại đức có thể nhận lấy phần này. Da-xá nói:

Tôi không nhận phần do sự cầu phi pháp mà

được. Các Tỳ-kheo lại nói:

Nếu không nhận cho mình thì nhận rồi cúng cho Tăng.

Da-xá nói:

Tôi đã không nhận, tại sao lại cúng cho Tăng?!

Thế là các Tỳ-kheo bèn đem việc Da-xá đã nêu dạy trước bạch y như vậy là sự nhục mạ bạch y, nên trao cho Da-xá pháp Yết-ma hạ ý. Tác Yết-ma rồi, Da-xá nói:

Chính tôi nghe Đức Phật dạy: Nếu Tăng trao cho pháp Yết-ma hạ ý thì nên sai một Tỳ-kheo làm bạn để đến xin lỗi bạch y. Các Tỳ-kheo bèn bạch nhị Yết-ma sai một Tỳ-kheo làm bạn để cùng với Da-xá đến nhà bạch y. Da-xá và bạn đến nơi thì nhằm lúc năm trăm Ưu-bà-tắc tập trung lại một chỗ.

Da-xá nói:

Quý vị nên biết: Đúng pháp tôi nói là đúng pháp, phi pháp tôi nói là phi pháp. Tỳ-ni tôi nói là Tỳ-ni, phi Tỳ-ni tôi nói là phi Tỳ-ni. Lời Phật dạy tôi nói là lời Phật dạy, chẳng phải là lời Phật dạy tôi nói chẳng phải là lời Phật dạy. Trước đây những gì tôi nói khiến các Ưu-bà-tắc giận, nay tôi xin lỗi.

Các Ưu-bà-tắc rất ngạc nhiên nói:

Thưa Đại đức! Lúc nào Đại đức vì chúng con nói là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy, làm sao chúng con lại giận mà nay Đại đức đến xin lỗi?!

Da-xá lại nói với mọi người:

Thuở ấy, Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, nơi vườn Kỳ-vức Yêm La, bấy giờ Vua Bình-sa và các Đại thần cùng tập hợp nơi vương môn, luận bàn thế này: Sa-môn Thích tử nên nhận chứa vàng bạc, châu báu và sử dụng để mua bán? Khi ấy, trong số đông đó có một vị Đại thần tên là Châu Kế nói với mọi người: "Đừng nên đề cập đến vấn đề này. Sa-môn Thích tử không nên thọ và chứa vàng bạc, châu báu hay sử dụng để mua bán". Sự việc ấy, Châu Kế bèn vội đến bạch lên Đức Thế Tôn: Ý kiến của con nêu ra như thế có đưa đến sai lầm nào không? Đức Phật dạy: Điều ông nói lên như vậy là đúng với chánh pháp. Tại sao vậy? Như Lai thường nói rõ điều này: Sa-môn Thích tử không nhận chứa vàng bạc, châu báu và sử dụng để mua bán. Vị Đại thần Châu Kế bạch Phật: Cúi xin Đức Thế Tôn nên phổ biến cho mọi người biết, ý kiến của con là không nhầm lẫn. Đức Phật nói: Hay lắm! Đức Phật lại bảo Châu Kế: Ví như mặt trời, mặt trăng bị khói, mây bụi, A-tu-la, bốn thứ đó che khuất nên không trong suốt sáng ngời. Sa-môn, Bà-la-môn cũng bị bốn thứ đó như vậy: Hoặc không đoạn ái dục hành pháp dâm, hoặc đam mê ăn uống không thể đoạn trừ, hoặc chuyên làm tà mạng để nuôi sống, hoặc nhận chứa vàng bạc, châu báu sử dụng để mua bán. Nếu người nào cho năm dục là tịnh thì người ấy cho nhận chứa vàng bạc

châu báu và sử dụng vào mua bán là tịnh. Nếu người nào cho việc thọ nhận cất chứa vàng bạc châu báu và sử dụng mua bán là tịnh thì người ấy cho năm dục là tịnh. Nếu người nào nương theo Ta xuất gia thọ giới cụ túc mà cho việc nhận chứa vàng bạc châu báu và sử dụng vào mua bán là tịnh thì cả quyết rằng, người ấy không tin vào pháp luật của Ta. Tuy Ta thường nói cần xe thì dùng xe, cần người thì dùng người, tùy theo nhu cầu đều cho phép dùng, mà hoàn toàn không được cho nhận và cất chứa vàng bạc, châu báu và sử dụng để mua bán.

Da-xá nói như vậy rồi nói tiếp:

Trước đây tôi nói là pháp, phi pháp, là luật, phi luật, là lời Phật dạy, chẳng phải là lời Phật dạy, là lời Phật nói, chẳng phải là lời Phật nói.

Các Ưu-bà-tắc nói:

Chúng con đối với những lời nói ấy đâu không tin ưa. Hiện nay nơi Tỳ-xá-ly này chỉ có Đại đức là Sa-môn Thích tử, cúi xin Đại đức nhận lời mời của chúng con ở lại đây để trọn đời chúng con được cúng dường tứ sự.

Da-xá xin lỗi các Ưu-bà-tắc rồi cùng với Tỳ-kheo sứ giả của Tăng trở về Tăng phường.

Tỳ-kheo Bạt-kỳ hỏi Tỳ-kheo sứ giả:

Tỳ-kheo Da-xá đã xin lỗi các Ưu-bà-tắc chưa? Đáp:

Đã xin lỗi rồi, nhưng chỉ có điều là các bạch y đều tin theo lời nói của Tỳ-kheo Da-xá, họ cảm động nói: Hiện nay nơi Tỳ-xá-ly này chỉ có Đại đức. Họ mời ở lại để trọn đời cúng dường tứ sự. Đối với chúng ta lại không được lợi ích gì.

Tỳ-kheo Bạt-kỳ lại đem vấn đề trước đây Da-xá, khuyên dạy các Tỳ-kheo là việc làm nhục mạ Tăng, phạm Ba-dật-đề, và nói:

Thầy phải thấy tội để sám hối. Tỳ-kheo Da-xá trả lời:

Tôi không có tội làm sao có thể thấy tội để sám hối.

Tỳ-kheo Bạt-kỳ bèn tập hợp Tăng để trao cho pháp Yết-ma không thấy tội. Thế là, Da-xá liền dùng thần túc bay đến nước Ba-tuần.

Lúc này, ở nơi ấp Ba-lợi có sáu mươi Tỳ-kheo đều ở A-lan-nhã, đời sống với ba y và khất thực, thường với y phấn tảo, ngồi nơi đất trống, đầy đủ ba minh, sáu thông, tất cả là đệ tử của Tôn giả A-nan, đồng loạt bay đến Tỳ-xá-ly. Da-xá thấy các vị, bèn để y bát nơi hư không như để trên đất, hỏi chào các Tỳ-kheo kia, trình bày rõ ràng mười điều phi pháp của Tỳ-kheo Bạt-kỳ và đề nghị: Thưa các Đại đức, chúng ta nên cùng nhau bàn luận pháp Tỳ-ni để chấm dứt việc phi pháp kia, đừng nên để Tỳ-kheo Bạt-kỳ phá hoại chánh pháp. Số Tỳ-kheo kia đồng ý muốn cùng nhau chấm dứt.

Lại có ba mươi Tỳ-kheo Tăng nơi ấp Ba-lợi cũng đồng ý như vậy và các vị cũng là đệ tử của Tôn giả A-nan. Ở tại nước Ma-thâu-la, Da-xá cùng với sáu mươi Tỳ-kheo cũng đã bàn luận đến vấn đề ấy và nói: Được ba mươi Tỳ-kheo này đồng tình với chúng ta chắc được như pháp diệt sự ác kia. Nghị bàn rồi bèn cùng nhau bay đến chỗ các Tỳ-kheo kia trình bày đầy đủ như trên. Các vị ở đây đều thống nhất muốn cùng nhau chấm dứt việc phi pháp đã xảy ra.

Lại có ba mươi Tỳ-kheo ở nơi ấp Ba-lợi, nghe sự việc và cũng đồng tình như trên. Các vị cũng là đệ tử của Tôn giả A-nan. Tại ấp A-lạp-bệ, Da-xá lại cùng với chín mươi người cũng nghị bàn việc ấy rồi đến tận các nơi trình bày rõ sự việc như trên. Nơi nào cũng đồng tình, mong muốn chấm dứt điều phi pháp ấy.

Bấy giờ, Trưởng lão Tam-phù-đà ở trên núi A Hô, Da-xá lại cùng một trăm hai mươi người cũng luận bàn việc trên, rồi đến tận các nơi ở đấy nói rõ việc phi pháp như trên. Nơi nào cũng đồng tình, muốn chấm dứt việc đó.

Khi đó, Trưởng lão Ly-bà-đa ở thành Câu-xá-di được Tam-muội tâm từ, có đại quyến thuộc, Da-xá cùng với một trăm hai mươi mốt vị cùng bàn thảo việc trên, rồi đến tận các nơi ở đây nói rõ việc phi pháp như đã nói. Ở đâu cũng đồng tình, muốn chấm dứt việc ấy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bạt-kỳ nghe Da-xá đến chỗ Ly-bà-đa nơi Câu-xá-di, bèn chở đầy cả thuyền y, bát và vật dụng cần thiết của Sa-môn cũng đến nơi đó, muốn tìm cách mua chuộc cầu yểm trợ. Trong thuyền có Tỳ-kheo trì luật tên là Sa-lan, tự thân thầm nghĩ: Tỳ-kheo Bạt-kỳ là như pháp hay không? Dựa vào các kinh luật để xét thì việc làm đó không như pháp. Lúc này, trong không trung có vị thần ba phen xướng: "Việc làm của Tỳ-kheo Bạt-kỳ là phi pháp, phi pháp như vậy, như vậy, đúng như chỗ thấy của thầy".

Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ đến Câu-xá-di cùng nhau lên bờ, đến chỗ Trưởng lão Ly-bà-đa thưa:

Chúng tôi có chở nhiều những vật cần dùng của Sa-môn đến để dâng cúng cho Trưởng lão, xin Trưởng lão hoan hỷ nạp thọ.

Ly-bà-đa trả lời:

Y bát của tôi đầy đủ, khỏi cần thêm nữa. Bạt-kỳ lại thưa:

Nếu Trưởng lão không nhận nhiều thì xin nhận chút ít. Ly-bà-đa nói:

Y bát của tôi đã đầy đủ, không nên vì thầy thọ để rồi trái với chánh pháp.

Ly-bà-đa có một người đệ tử tên là Đạt-ma, thường ngày hầu hạ bên cạnh. Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ bèn đến chỗ người đệ tử nói:

Tôi có các vật cần dùng của Sa-môn, nếu ông

có thiếu thì cứ lấy dùng.

Người đệ tử của Ly-bà-đa nói:

Tôi đều có đủ, không có thiếu thốn. Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ lại nói:

Khi Phật còn tại thế, người ta đến cúng cho Ngài, Phật không nhận thì cúng cho A-nan, A-nan đều thọ. A-nan đã thọ tức là Phật thọ. Đạt-ma nghe vậy, nên thọ một vật.

Thọ rồi hỏi:

Với ý đồ nào, quý vị lại buộc tôi nhận vật cúng của quý vị? Đám Bạt-kỳ nói:

Chúng tôi muốn ông vì chúng tôi thưa với Hòa thượng dùng uy tín yểm trợ chúng tôi, đừng để Da-xá phá hoại pháp luật của chúng tôi.

Đạt-ma bèn vì họ đến chỗ Hòa thượng thưa:

Hòa thượng có thể yểm trợ cho Tỳ-kheo Bạt-kỳ. Hòa thượng dạy:

Người làm phi pháp ta không thể yểm trợ được. Đạt-ma lại thưa:

Xin cân nhắc kỹ điều đó. Ly-bà-đa nói:

Nay ông khuyên ta yểm trợ người phi pháp, tức chẳng phải là đệ tử của ta, từ nay đừng nên hầu hạ ta nữa, ta cũng không nói gì với ông nữa.

Đạt-ma xấu hổ sợ sệt, đến chỗ các Tỳ-kheo Bạt-kỳ. Họ lại hỏi:

Hòa thượng của ông có yểm trợ ý kiến của chúng tôi không? Đạt-ma đáp:

Không. Nào ngờ, vì các ông mà tôi bị thầy tôi quở trách, không nói đến tôi và đuổi tôi.

Các Tỳ-kheo Bạt-kỳ hỏi:

Nay ông bao nhiêu tuổi? Đáp:

Hai mươi tuổi.

Với tuổi của ông và với đức độ như vậy đâu cần phải sợ không được nói năng và bị đuổi.

Sự việc như vậy, Trưởng lão Ly-bà-đa khởi ý niệm: Nếu ta ở đây chấm dứt việc phi pháp kia, thì người gây nên sự việc ắt sẽ phát khởi lại. Nay ta cùng đến Tỳ-xá-ly để chấm dứt việc đó. Nghĩ rồi bèn ra đi cùng với đại chúng, bao gồm chúng của thành Tỳ-xá-ly.

Nơi thành ấy, trước đó đã có Tỳ-kheo tên là Nhất-thế-khứ, đối với Sa-môn Thích tử nơi Diêm-phù-đề là bậc Thượng tọa tối thắng, chứng A-la-hán, đạt ba minh, sáu thông, cũng là đệ tử lớn nhất của Tôn giả A-nan. Lúc còn ở ngoài Tăng phường, Da-xá nói với Ly-bà-đa: Đại đức có thể đến nơi phòng Thượng tọa trải ngọa cụ nghỉ đêm, nhân đó trình bày đầy đủ sự việc. Sáng sớm tôi cũng sẽ đến thăm hỏi Thượng tọa. Mọi người đã đến Tăng phường, vị Thượng tọa kia sửa soạn nước tắm và nước uống sau giờ ngọ. Ly-bà-đa một mình đến trong phòng Thượng tọa, trải ngọa cụ nghỉ đêm. Ly-bà-đa trong đêm suy nghĩ: Vị Thượng tọa Nhất-thế-khứ này già yếu mà vẫn còn siêng năng ngồi

thiền thâu đêm, nay ta đâu được phép nghỉ ngơi. Thượng tọa Nhất-thế-khứ cũng lại nghĩ như vầy: Tỳ-kheo khách này đi đường mệt nhọc, lại bận cả việc tắm giặt mà còn tọa thiền hành đạo suốt đêm. Giờ đây sao ta lại an tâm nằm nghỉ. Hai vị tự sách tấn nhau mà suốt đêm tọa thiền. Đến cuối đêm, Nhất-thế-khứ hỏi Ly-bà-đa:

Đêm nay phần nhiều thầy an trú nơi định nào? Ly-bà-đa nói:

Bản tánh của tôi nhiều lòng từ, đêm nay phần nhiều an trú nơi định ấy.

Nhất-thế-khứ nói: Đây là định thô.

Lại hỏi: Thầy là A-la-hán phải không?

Đáp: Phải.

Ly-bà-đa, kế đó hỏi Nhất-thế-khứ:

Đêm nay Thượng tọa phần nhiều an trú nơi định nào?

Nhất-thế-khứ nói:

Tánh tôi ưa quán không, đêm nay phần nhiều an trú nơi định đó.

Ly-bà-đa hỏi:

Đây là việc làm của bậc Đại nhân. Tại sao vậy? Tam-muội

không là pháp của Đại nhân.

Lại hỏi: Thượng tọa là A-la-hán phải không?

Đáp: Phải.

Đêm đã qua rồi, Tỳ-kheo Da-xá đến trước phòng búng móng tay, Thượng tọa mở cửa liền vào thăm hỏi. Thăm hỏi rồi, Ly-bà-đa hỏi Nhất-thế-khứ:

Muối với gừng hợp lại để cách đêm có tịnh hay không? Nhất-thế-khứ nói:

Việc này nên hỏi giữa Tăng, nếu hỏi riêng tôi sợ người phi pháp cho tôi là tư vị, không chấp nhận tôi ở trong túc số những người luận pháp Tỳ-ni.

Thế là Ly-bà-đa muốn bàn luận Tỳ-ni mà vì lắm lời ồn ào, nên bạch Tăng:

Hôm nay muốn cùng luận bàn pháp Tỳ-ni, mà vì lắm lời ồn ào không thể quyết đoán được. Chúng hai phía nên mỗi bên thỉnh cầu Tăng bốn vị để bạch nhị Yết-ma, sai người chủ đoán sự. Trước hết Tỳ-kheo Bạt-kỳ thỉnh cầu bốn vị:

Nhất-thế-khứ.

Ly-bà-đa.

Bất-xà-tông.

Tu-ma-na.

Tỳ-kheo ấp Ba-lợi cũng thỉnh cầu bốn vị:

Tam-phù-đà.

Sa-lan.

Trường Phát.

Bà-sa-lam.

Các Thượng tọa được Tăng sai rồi cùng nhau nghị bàn: Địa điểm nào rộng rãi khoáng đạt yên

tịnh có thể cùng nhau luận bàn pháp Tỳ-ni? Xem xét khắp nơi thì chỉ thấy nơi ngôi vườn do người nữ Tỳ-la-da cúng là tốt nhất. Ly-bà-đa liền bảo Đạt-ma đến đó sửa soạn trải tòa, khi Thượng tọa đến thì ông tránh đi. Đạt-ma vâng lệnh đến trải tòa. Các Thượng tọa đến theo thứ tự an tọa. Hội nghị bắt đầu: Ly-bà-đa hỏi Thượng tọa Nhất-thế-khứ:

Muối hòa với gừng để cách đêm có tịnh hay không? Trả lời:

Không tịnh. Lại hỏi:

Điều đó chế cấm ở đâu? Trả lời:

Chế cấm tại thành Vương-xá. Lại hỏi:

Vì ai mà chế cấm? Trả lời:

Nhân vì một Tỳ-kheo A-lan-nhã. Lại hỏi:

Phạm việc gì? Trả lời:

Phạm túc thực Ba-dật-đề. Ly-bà-đa nói:

Đây là Pháp, là Luật, là lời Phật dạy, việc làm của Tỳ-kheo Bạt-kỳ là phi pháp, phi luật, chẳng phải là lời Phật dạy. Ra lệnh rút một thẻ.

Ly-bà-đa lại hỏi:

Hai ngón tay xúc thức ăn để ăn có tịnh hay không? Thượng tọa hỏi:

Hai ngón tay xúc thức ăn để ăn là thế nào? Tịnh không? Ly-bà-đa nói:

Tỳ-kheo ăn xong rồi lại được ăn trở lại thì dùng hai ngón tay xúc thức ăn để ăn.

Trả lời: Không tịnh. Lại hỏi:

Điều này chế cấm ở đâu? Trả lời:

Tại thành Vương-xá. Lại hỏi:

Vì ai mà chế cấm? Trả lời:

Vì Bạt-nan-đà. Lại hỏi:

Phạm việc gì?

Trả lời:

Phạm không làm pháp tàn thực mà ăn, phạm Ba-dật-đề. Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy. Ra lệnh rút thẻ thứ hai.

Ngồi trở lại được phép ăn, qua xóm làng khác được phép ăn, cũng như vậy. Ra lệnh rút thẻ thứ ba và thẻ thứ tư.

Ly-bà-đa lại hỏi:

Tô, dầu, mật, thạch mật hòa với lạc được uống là thế nào? Ly-bà-đa nói:

Uống phi thời. Trả lời không tịnh. Lại hỏi:

Chế cấm điều này ở đâu? Trả lời:

Tại thành Xá-vệ. Lại hỏi:

Vì ai mà chế? Trả lời:

Vì Ca-lưu-đà-di. Lại hỏi:

Phạm việc gì? Trả lời:

Phạm phi thời thực, phạm Ba-dật-đề. Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy. Ra lệnh rút thẻ thứ năm.

Ly-bà-đa lại hỏi:

Rượu xà lâu già tịnh hay không? Thượng tọa hỏi:

Rượu xà lâu già là như thế nào? Ly-bà-đa nói:

Gây men rượu mà chưa chín. Trả lời: Không tịnh. Lại hỏi:

Chế cấm điều này ở đâu? Trả lời:

Tại Câu-xá-di. Lại hỏi:

Vì ai mà chế?

Trả lời:

Vì Sa-kiệt-đà. Lại hỏi:

Phạm việc gì? Trả lời:

Uống rượu, phạm Ba-dật-đề. Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy:

Ra lệnh rút thẻ thứ sáu.

Ly-bà-đa lại hỏi:

Làm tọa cụ lớn, nhỏ theo ý mình tịnh hay không? Trả lời:

Không tịnh. Lại hỏi:

Chế cấm điều này ở đâu? Trả lời:

Tại thành Xá-vệ. Lại hỏi:

Vì ai mà chế? Trả lời:

Vì Ca-lưu-đà-di. Lại hỏi:

Phạm việc gì? Trả lời:

Phạm Ba-dật-đề. Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ bảy.

Ly-bà-đa lại hỏi:

Quen theo nếp sống trước tịnh hay không? Thượng tọa hỏi:

Quen theo nếp sống trước là thế nào? Ly-bà-đa nói:

Quen theo việc làm khi còn là bạch y. Thượng tọa nói:

Hoặc có thói quen có thể chấp nhận, hoặc có thói quen không thể chấp nhận.

Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ tám.

Ly-bà-đa-lại hỏi:

Cầu thính tịnh hay không? Thượng tọa hỏi:

Cầu thính là thế nào? Ly-bà-đa nói:

Tác pháp Yết-ma riêng, sự việc đã rồi sau mới đến cầu người khác cho phép.

Trả lời:

Không tịnh. Lại hỏi:

Điều nay cấm ở đâu? Trả lời:

Tại nước Thiểm Bà. Lại hỏi:

Vì ai mà cấm? Trả lời:

Vì Lục quần Tỳ-kheo. Lại hỏi:

Phạm việc gì? Trả lời:

Tùy theo việc Yết-ma. Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy.

Ra lệnh rút thẻ thứ chín.

Ly-bà-đa lại hỏi:

Nhận chứa vàng, bạc, tiền, tịnh hay không? Trả lời:

Không tịnh. Lại hỏi:

Chế cấm điều này ở chỗ nào? Trả lời:

Tại thành Vương-xá. Lại hỏi:

Nhân ai mà chế? Trả lời:

Vì Nan-đà, Bạt-nan-đà.

Lại hỏi:

Phạm việc gì? Trả lời:

Phạm nhận chứa vàng bạc và tiền, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Ly-bà-đa nói:

Đây là pháp… cho đến câu: Chẳng phải là lời Phật dạy. Ra lệnh rút thẻ thứ mười.

Hỏi xong, cùng nhau trở lại tập hợp Tăng, Ly-bà-đa đối trước đại chúng hỏi lại từng vấn đề một như đã hỏi Nhất-thế-khứ, rút thẻ thứ nhất cho đến thẻ thứ mười. Để đúc kết vấn đề, Ly-bà-đa đọc lớn:

Chúng ta đã luận bàn Tỳ-ni xong, những gì Đức Phật không chế cấm, không được tùy tiện chế,

những gì Đức Phật đã chế cấm không được trái phạm, như lời Đức Phật dạy phải kính cẩn học tập.

Bấy giờ, chúng luận pháp Tỳ-ni này, bao gồm: Đệ nhất Thượng tọa là Nhất-thế-khứ, một trăm ba mươi sáu hạ lạp, đệ nhị Thượng tọa là Ly-bà-đa, một trăm hai mươi hạ lạp, đệ tam Thượng tọa là Tam Phù Đà, đệ tứ Thượng tọa là Da-xá đều một trăm mười hạ lạp. Con số hợp chung tròn bảy trăm vị A-la-hán không nhiều không ít, cho nên gọi là Thất bách kết tập pháp.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

DI SA TẮC NGŨ PHẦN GIỚI BỔN

(BIỆT BẢN)

SỐ 1422

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1422
DI SA TẮC NGŨ PHẦN GIỚI BỔN

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Phật Đà Thập, người nước Kế Tân.

Đại đức Tăng lắng nghe! Đang là mùa Xuân, còn thiếu một đêm thì một tháng trôi qua, còn lại ba tháng có dư một đêm. Sự già chết đến rất gần, pháp Phật sắp hủy diệt. Các Đại đức vì sự đắc đạo nên phải chuyên tâm, tinh tấn. Vì sao phải như vậy? Chư Phật nhờ nhất tâm, tinh tấn, nên chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, huống chi là các pháp thiện khác.

Nay, Tăng đã hòa hợp, người chưa thọ giới Cụ túc đã ra khỏi đây, trước hết xin hỏi Tăng hòa hợp để làm việc gì? (Một người thưa để Bố-tát thuyết giới). Các Đại đức! Các Tỳ-kheo không đến, có thuyết dục và thanh tịnh? (Một người thưa đã thuyết dục xong)

Cung kính chấp đôi tay
Cúng dường Đấng Thích Tôn
Tôi nay sắp nói giới
Tăng một lòng lắng nghe.
Dù là một tội nhỏ
Tâm phải lo sợ lớn

Luôn nhất tâm sám hối
Sau đừng tái phạm nữa.
Tâm ngựa chạy đường ác
Buông lung khó kìm chế
Phật giảng nói giới pháp
Cũng như cương hàm bén.
Từ miệng Phật giáo giới
Người thiện luôn tin nhận
Người này ngựa điều thuận
Phá được quân phiền não.
Nếu không tuân lời dạy
Cũng không yêu thích giới
Người này ngựa không điều
Chìm trong quân phiền não.
Là người giữ gìn giới
Như trâu mao thương đuôi
Buộc tâm không phóng dật
Như khỉ bị xiềng giữ xích.
Ngày đêm thường tinh tấn
Cầu trí tuệ chân thật
Người này trong pháp Phật
Được mạng sống thanh tịnh.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay là ngày mười lăm Bố-tát, Thuyết giới. Tăng một lòng chí thành Bố-tát, Thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận nghe giới thì một lòng cùng nhau chí thành Bố-tát. Đây là lời tác bạch! Các Đại đức! Nay Bố-tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, xin tất cả

cùng lắng nghe, khéo tư duy để nghĩ đến giới. Nếu có tội thì phải phát lồ, ai không tội thì im lặng. Do im lặng nên nhận biết được tôi và các Đại đức thanh tịnh. Như vị Thánh im lặng, tôi và các Đại đức cũng im lặng như vị Thánh. Hỏi các Tỳ-kheo trong chúng Ba lần như vậy, nếu nhớ mình có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý vọng ngữ. Tội cố ý vọng ngữ, như lời Phật dạy là tội ngăn cách đạo pháp. Người giải bày sám hối là người được niềm vui an ổn. Không giải bày sám hối tội chồng chất thêm sâu.

Các Đại đức! Tôi đã nói tựa Giới kinh rồi, nay hỏi các Đại đức trong chúng đây thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Trong chúng này, các Đại đức thanh tịnh, nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

BỐN PHÁP BA LA DI

Các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-di, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo Giới kinh:

1- Nếu Tỳ-kheo cùng với các Tỳ-kheo đồng học giới pháp nhưng giới bị suy yếu không xả, lén lút hành dâm kể cả hành dâm với loài súc sinh, Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được sống chung.

2- Nếu Tỳ-kheo, hoặc trong xóm làng hoặc chỗ hoang vắng, có tâm trộm cắp, vật không cho mà lấy. Nếu Vua hay Đại thần hành xử hoặc bắt, hoặc

trói, hoặc giết, hoặc đày ải, mắng: "Ông là đồ giặc, loại tiểu nhân, loại ngu si", Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được sống chung.

3- Nếu Tỳ-kheo, đối với người hoặc giống như người, hoặc tự mình giết hoặc đưa dao, hay trao thuốc độc để giết, hoặc hướng dẫn người khác giết, hoặc chỉ cách họ tự sát, đề cao cái chết, ca ngợi sự chết: "Này người kia! Khổ sở như vậy sống mà làm gì, thà chết còn hơn sống". Như vậy, tùy theo tâm sát hại mà sinh khởi tâm như thế để rồi tạo ra mọi nhân duyên mà giết, do vậy, người kia phải chết. Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được sống chung.

4- Nếu Tỳ-kheo, không biết, không thấy "pháp vượt hơn người" hoàn toàn đầy đủ lợi ích của bậc Thánh, lại tự xưng: Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy. Thời gian sau, Tỳ-kheo này, hoặc được hỏi hay không được hỏi, vì lý do muốn trừ bỏ tội để cầu thanh tịnh nên tự giải bày: Tôi không biết nói biết, tôi không thấy nói thấy, hoàn toàn dối trá, vọng ngữ, trừ tăng thượng mạn, Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được sống chung.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Tỳ-kheo nào phạm mỗi một giới thì không được sống chung với chư Tăng, giống như trước kia sống đời thế tục, sau khi phạm tội cũng như vậy. Tỳ-kheo này đã phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng. Nay hỏi các Đại đức trong

các giới này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy).

Các Đại đức, trong các giới này đều thanh tịnh, do các vị im lặng nên việc này tôi ghi nhận như vậy.

13 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Bạch các Đại đức! Đây là mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo Giới kinh.

1. Tỳ-kheo nào cố ý xuất bất tịnh, trừ mộng tinh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Tỳ-kheo nào dục tình quá mạnh làm xáo trộn tâm hồn, xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay, vuốt tóc, hoặc nắm bất cứ chỗ nào nơi da thịt họ, xoa rờ, đắm say sự trơn láng mịn màng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Tỳ-kheo nào dục tình quá mạnh làm xáo trộn tâm hồn, nói với người nữ những lời thô bỉ, đem các điều dâm dục ra nói, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

4. Tỳ-kheo nào dục tình quá mạnh làm cho tâm hồn bị xáo trộn, tìm đến người nữ, tự đề cao thân nói: Cô em! Hãy cúng dường cho tôi sự dâm dục, đây là sự cúng dường hạng nhất, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo làm việc mai mối hay làm việc thông đồng giữa trai gái, đem ý muốn người nam

đến nói với người nữ, đem ý muốn người nữ đến nói với người nam dẫn đến chỉ một lần họ giao hội, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo, không có ai giúp đỡ, tự xin vật liệu làm nhà cho mình, nên phải làm đúng lượng quy định: bề dài mười hai gang tay Phật, bề rộng bảy gang tay Phật, phải đến các Tỳ-kheo xin chỗ làm thất. Các Tỳ-kheo nên chỉ nơi cất, chỗ này không có cách trở hay các nạn, phải có lối đi v.v… Nếu không đến các Tỳ-kheo xin chỉ chỗ để xây dựng hoặc làm thất quá lượng định, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo, có thí chủ giúp đỡ làm phòng nhà cho mình, phải đến các Tỳ-kheo xin chỗ để cất. Các Tỳ-kheo nên chỉ chỗ xây dựng, nơi đây không có các nạn, có đường đi lại v.v… Nếu không đến các Tỳ-kheo xin địa điểm xây cất, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo, tự mình sân hận, ác kiến, không đúng như pháp, đem giới Ba-la-di không căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di nhằm phá hoại phạm hạnh của vị kia. Thời gian sau, Tỳ-kheo này, hoặc được hỏi hay không được hỏi, bảo: Sự việc tôi nói đó là không cơ sở, không căn cứ, vì sân hận mà hủy báng thôi, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo, không đúng như pháp, tự thân

vì ác kiến, sân hận nên từ trong phần việc khác nhau lấy ra một phần nhỏ hay khía cạnh tương tự rồi quy hết thành tội Ba-la-di để hủy báng Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di nhằm phá hoại phạm hạnh vị kia. Thời gian sau, Tỳ-kheo này, hoặc được hỏi hay không được hỏi, bảo: Sự việc tôi nói trước đây chỉ là một chi tiết nhỏ chuyện tương tợ, một khía cạnh trong phần việc khác nhau, tôi lấy ra thôi. Vì sân hận tôi nên hủy báng như thế, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Tỳ-kheo nào phá hòa hợp Tăng, thì phương tiện cần đến là các Tỳ-kheo phải đem lời khuyên Tỳ-kheo kia: Thầy đừng làm việc phá hòa hợp Tăng, tìm phương tiện nên cùng Tăng hòa hợp. Tăng hòa hợp thì được sự hoan hỷ không tranh cãi. Một lòng cùng học một thầy, như nước, sữa hòa hợp, cùng nhau truyền bá hạnh an lạc mà đức Đạo sư đã dạy. Can gián như vậy, Tỳ-kheo kia vẫn kiên trì không từ bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián, nếu từ bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì Tỳ-kheo kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Tỳ-kheo nào hỗ trợ để phá hòa hợp Tăng, hoặc hai người, hoặc ba người, hoặc số đông, nói với các Tỳ-kheo: "Điều Tỳ-kheo này nói ra, thì đấy có biết mới nói chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp không nói sai pháp, nói đúng luật không nói sai luật. Tâm chúng tôi vui chấp nhận

bao nhiêu điều đã nói ra". Các Tỳ-kheo khuyên Tỳ-kheo kia: Thầy đừng nên nói: "Vấn đề Tỳ-kheo này nói ra thì thật biết mới nói, chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp không nói sai pháp, nói đúng luật không nói sai luật. Tâm chúng tôi vui, chấp nhận bao nhiêu điều đã nói". Tại sao vậy? Vì chính đây là Tỳ-kheo chẳng biết gì mà nói, không nói đúng pháp, không nói đúng luật. Thầy chớ nên thích thú hỗ trợ phá hòa hợp Tăng. Nên vui mừng hỗ trợ Tăng hòa hợp. Tăng được hòa hợp thì được hoan hỷ không tranh cãi. Một lòng, cùng học một thầy, một giới không hai, như nước, sữa hòa hợp, cùng nhau truyền bá hạnh an lạc mà Đạo sư đã dạy. Can gián như vậy, vị ấy vẫn cố chấp không từ bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián nếu bỏ thì tốt, không bỏ, thì vị ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Tỳ-kheo nào tánh tình hung ác, khó hòa thuận, cùng học kinh luật với các Tỳ-kheo, chuyện gây gổ, phạm tội thường thường xảy ra. Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can sự phạm tội của vị kia. Vị ấy đáp: Đại đức! Thầy đừng nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không đem việc tốt, xấu nói làm gì. Các Tỳ-kheo lại bảo vị kia: Thầy đừng ngã mạn tự phụ, không thể không cùng nhau xây dựng. Thầy nên vì các Tỳ-kheo nói lời như pháp, các Tỳ-kheo cũng sẽ vì thầy nói lời như pháp. Lần lượt trao đổi chỉ vẽ cho nhau như vậy sẽ

làm chuyển đổi, bỏ các tội lỗi, có thế, mới thành chúng Tăng của Như Lai. Can gián như vậy vẫn kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba khuyên can bỏ được thì tốt, còn không bỏ thì vị ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Tỳ-kheo nào sống nương tựa vào xóm làng, hành xử xấu xa làm hoen ố tín đồ. Hành động xấu xa này ai nấy đều thấy, đều nghe, đều biết và việc làm hoen ố tín đồ, mọi người cũng thấy, nghe và biết. Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo kia: "Thầy hành xử xấu xa, làm hoen ố tín đồ. Hành động xấu xa này ai cũng đều thấy, nghe, biết và việc làm hoen ố tín đồ mọi người cũng thấy, nghe, biết. Thầy nên đi ra khỏi xóm làng này, không nên sống nơi đây nữa". Tỳ-kheo kia nói: "Các Đại đức, các vị đã bị lệ thuộc vào cảm tính: Yêu, giận, si, sợ. Tại sao? Vì có Tỳ-kheo cũng đồng tội như vậy song có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Các Tỳ-kheo lại nói: Thầy đừng cho: "Các Đại đức bị lệ thuộc vào cảm tính: yêu, giận, si, sợ, có Tỳ-kheo cùng tội như vậy song có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Thầy làm việc ác, làm hoen ố tín đồ. Hành động xấu xa, ai cũng thấy, nghe, biết và việc làm hoen ố tín đồ, mọi người cũng thấy, nghe, biết. Thầy đừng nói: "Bị lệ thuộc vào cảm tính: yêu, giận, si, sợ". Thầy đi ra khỏi nơi đây, không nên sống trong xóm làng này. Can gián như vậy

vẫn ngoan cố không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, còn không bỏ thì Tỳ-kheo kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch chư Đại đức! Tôi đã nói xong mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới trước vừa phạm là thành tội, bốn giới tiếp theo phải qua Ba lần khuyên bảo can gián mới kết tội. Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một Tăng-già-bà-thi-sa, biết rõ phạm mà cố tình che giấu thì tùy theo thời gian che giấu, Tăng buộc thi hành Ba-lợi-bà-sa (Parivāsa: cô lập sống riêng) bấy nhiêu thời gian. Sau hết thời gian cô lập sống riêng biệt, đương sự tiếp tục thi hành sáu đêm Ma-na-đỏa (Mānatta: lòng thanh thản). Xong sáu đêm thi hành "Lòng vui thanh thản" thì đến Tăng để cầu A-phù-ha-na (Abbhāna: giải tội). Tăng xem xét quá trình đương sự thi hành như pháp xong thì cho giải tội. Việc giải trừ tội Tăng-già-bà-thi-sa được thực hiện giữa hội đồng Tăng đủ số là hai mươi vị. Nếu thiếu một, không hội đủ hai mươi vị thì việc giải tội cho Tỳ-kheo kia không thành. Hội đồng Tăng không hội đủ kia, như pháp bị khiển trách. Đây là pháp ứng xử phải như vậy (Thi pháp ứng nhĩ).

Nay hỏi các Đại đức trong các giới Tăng-già-bà-thi-sa có thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy).

Các Đại đức trong các giới này đều thanh tịnh

vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

Các Đại đức! Đây là hai pháp Bất định, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo cùng với một người nữ, ngồi ở nơi vắng vẻ, che khuất, chỗ có thể hành dâm, Ưu-bà-di có lòng tin thấy vậy, đối với trong ba pháp, nữ tín tâm kia nói Tỳ-kheo phạm mỗi một trong ba, hoặc phạm Ba-la-di, hoặc phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc phạm Ba-dật-đề. Tùy theo chỗ quy kết phạm của người nữ ấy và Tỳ-kheo kia công nhận, Tăng nên xét và căn cứ vào chỗ quy kết một trong ba pháp của người nữ hết lòng với đạo pháp kia mà trị phạt Tỳ-kheo đương sự. Đây là pháp Bất định thứ nhất.
2. Nếu Tỳ-kheo, cùng với một người nữ, ngồi ở chỗ trống, trao đổi ngôn ngữ thô tục, dâm dục, Ưu-bà-di có lòng tin trông thấy, đối với trong hai pháp, nữ tín tâm kia nói Tỳ-kheo phạm một trong hai, hoặc phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc phạm Ba-dật-đề. Tùy theo chỗ quy kết phạm của tín nữ và Tỳ-kheo công nhận đúng, Tăng nên xét và căn cứ vào lời nói phạm một trong hai pháp của người nữ hết lòng với đạo mà trị phạt Tỳ-kheo đương sự. Đây là pháp

Bất định thứ hai.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói xong hai pháp Bất định. Nay hỏi các Đại đức trong hai pháp này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy).

Các Đại đức, trong hai pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ

Bạch các Đại đức! Đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo, ba y đầy đủ, y Ca-hi-na (Kathina: y công đức) đã xả, được phép giữ y dư mười ngày. Nếu giữ quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
2. Nếu Tỳ-kheo, ba y đã có đủ, y Ca-hi-na đã xả, qua một đêm được phép lìa một trong ba y để ngủ, nếu quá một đêm, trừ Tăng Yết-ma cho phép, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
3. Nếu Tỳ-kheo, ba y đã có đủ, y Ca-hi-na đã xả, có vải ngoài thời gian cho phép, nếu cần thì nhận, nhưng nhanh chóng may thành y mà thọ trì. Nếu đủ thì tốt còn không đủ vải thì nán đợi nơi nào có, cho thêm vải đủ để may thành y. Điều này chỉ được phép kéo dài trong một tháng. Quá một tháng vẫn giữ vải phạm Ni-

tát-kỳ-ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo nhận y từ Tỳ-kheo-ni không bà con quyến thuộc, trừ việc đổi chác, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
5. Nếu Tỳ-kheo sai bảo Tỳ-kheo-ni không phải bà con quyến thuộc giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
6. Nếu Tỳ-kheo đến xin y nơi cư sĩ hay vợ cư sĩ chẳng phải bà con thân thuộc, trừ trường hợp có lý do, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Lý do ấy là: y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi, bị hủy hoại, như vậy gọi là trường hợp có lý do.
7. Nếu Tỳ-kheo, y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi, bị hủy hoại, đến xin y nơi cư sĩ hay vợ cư sĩ chẳng phải bà con, thân thuộc. Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ có nhã ý cúng nhiều y thì Tỳ-kheo chỉ nên nhận hai y, nếu nhận quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
8. Nếu có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, họ bàn bạc với nhau: "Nên may y tương xứng với số tiền như vậy để cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy". Tỳ-kheo ấy, trước không được mời nhận cúng theo ý muốn, ấy vậy, vẫn đến nhà cư sĩ và vợ cư sĩ, hỏi: "Ông, bà sử dụng số tiền như vậy để may y như thế cúng cho tôi phải không?". Cư sĩ thưa: "Đúng

thế". Cư sĩ, vợ cư sĩ liền nhận được lời khen của Tỳ-kheo: "Lành thay! Các cư sĩ! Vì tôi muốn y đẹp, hãy may y như vậy cúng cho tôi". Nếu được y, Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

9. Nếu có cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con, họ bàn tính với nhau: "Ta nên góp chung số tiền như vậy may y tương xứng như thế để cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy". Tỳ-kheo ấy, trước không được thỉnh tùy ý, ấy vậy, vẫn đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ, hỏi: "Muốn cúng y cho tôi nên mỗi người đều góp số tiền như vậy may y như thế phải không?". Cư sĩ thưa: "Vâng". Cư sĩ, vợ cư sĩ liền nhận được lời tán thán của Tỳ-kheo: "Lành thay! Các cư sĩ! Muốn cho y thật hoàn hảo, nên hợp chung tiền may một y có giá trị, cúng cho tôi". Nếu được y, Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

10. Vì muốn cúng y cho Tỳ-kheo, nên: Hoặc Vua, hoặc Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ sai người mang tiền sắm y đến trú xứ Tỳ-kheo, ông ta thưa: "Thưa Đại đức! Đây là số tiền sắm y cho Đại đức của Vua…, sai tôi mang đến cúng thầy, xin Đại đức nhận cho". Tỳ-kheo ấy nói: "Tôi không được phép nhận tiền sắm y, nếu là y thanh tịnh thì tôi mới nhận để thọ trì". Người thừa lệnh Đại thần thưa: "Thưa Đại đức, thầy có người giúp việc không?". "Có", Tỳ-kheo

chỉ rõ người giúp việc. Người thừa lệnh liền đến nơi người giúp việc, bảo: "Đại thần, Vua tên… sai tôi mang tiền sắm y đến cúng cho Tỳ-kheo… Ông nhận giúp số tiền này sắm y cho Đại đức rồi ông trao cho thầy tiện lợi hơn". Sau khi trao tiền cho người chấp sự, người thừa lệnh quay trở lại chỗ Tỳ-kheo thưa: "Bạch Đại đức! Tôi đã đến chỗ người giúp việc mà thầy đã chỉ chỗ và trao cho ông ta số tiền của Đại thần tôi trao cúng. Xin báo cho Đại đức biết, lúc nào cần y, thầy có thể đến đó nhận". Khi Tỳ-kheo cần y đến chỗ người chấp sự lần thứ hai rồi lần thứ ba, lần nào cũng bảo: "Tôi cần y, xin cho tôi nhận y". Nếu nhận được thì tốt, không nhận được thì tiếp tục lần thứ tư, lần thứ năm và lần thứ sáu đến trước người chấp sự đứng im lặng. Nếu nhận được thì tốt, không nhận được mà đến quá sáu lần để cầu nhận được, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nếu không nhận được y thì nên báo cho người nhận nhiệm vụ của Đại thần biết, hoặc đích thân hoặc nhờ người tin cậy đến báo: "Số tiền mà ông mang đến giao cho người giúp việc để sắm y cho Tỳ-kheo… rốt cuộc Tỳ-kheo ấy không nhận được y, ông nên đích thân quay lại đó lấy lại tiền đừng để mất". Đây là việc nên làm.

11. 11. Nếu Tỳ-kheo đích thân đi xin tơ sợi rồi

thuê thợ dệt, dệt vải may thành y, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

12. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ, vì Tỳ-kheo, thuê thợ dệt, dệt làm thành y. Tỳ-kheo ấy, trước không được nhận tùy ý, ấy vậy, lại đến chỗ thợ dệt dặn dò: Này ông! Y này họ may để cúng cho tôi, ông vui lòng cũng vì tôi mà dệt cho khéo, thật sắc sảo, khổ cho rộng, đương nhiên tôi hậu tạ riêng. Sau đó, Tỳ-kheo báo ơn thợ dệt trị giá bằng một bữa ăn. Nếu đưa thêm trị giá một bữa ăn để được y thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo khác, sau vì giận, bất hòa, hoặc tự mình đoạt lấy lại hoặc sai người đoạt lại, nói: Trả y lại cho tôi, tôi không cho thầy, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo biết người Đàn-việt muốn đem vật nào đó cúng cho Tăng, lại xoay về làm của riêng mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo có bệnh, được phép uống bốn loại thuốc dễ tiêu hóa. Cứ một lần nhận được tô, dầu, đường và đường phèn thì được để uống đến bảy ngày. Nếu để quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo cư trú ở A-lan-nhã, an cư ba tháng, chưa hết tháng tám. Nếu chỗ có nạn khủng bố thì cho phép gửi mỗi một y ở nhà

bạch y trong cương giới. Nếu có nhân duyên ra ngoài cương giới, rời khỏi y gửi này và thời gian được phép lìa y ấy ngủ là sáu đêm. Nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo, mùa Xuân còn một tháng nên tìm y tắm mưa, còn nửa tháng cho sử dụng. Nếu chưa đến một tháng mà tìm và trước nửa tháng lại sử dụng, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
18. Nếu Tỳ-kheo, tiền an cư, hậu an cư còn mười ngày nữa mới đến ngày Tự tứ, được y cúng gấp, nếu cần thì nhận cất cho đến thời hạn của y, nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
19. Nếu Tỳ-kheo, bát chưa đủ năm chỗ hàn gắn, lại xin bát mới, vì muốn có bát tốt, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Cái bát mới ấy phải xả ở giữa Tăng. Tăng nên lấy bát cũ xấu nhất trong chúng trao cho và nói: Thầy dùng cái bát này cho đến vỡ. Pháp xả bát là như vậy.
20. Nếu Tỳ-kheo, được giữ cất bát dư mười ngày, nếu quá, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
21. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng tơ tằm, (Kiều-xa-da) phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
22. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới toàn bằng lông dê toàn đen, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
23. Nếu Tỳ-kheo muốn làm ngọa cụ mới thì nên sử dụng hai phần lông dê màu đen, lông trắng bằng một phần ba lông đen và lông xấu bằng

một phần tư lông trắng. Nếu quá, mà cứ làm thành, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo, làm ngọa cụ mới thì phải dùng đủ sáu năm. Chưa đủ sáu năm hoặc bỏ hay không bỏ lại làm ngọa cụ mới, trừ Tăng yết-ma cho phép, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo, làm Ni sư đàn mới, toàn bằng lông dê đen thì phải phá màu sắc đẹp này bằng cách lấy một miếng Ni sư đàn cũ vuông bằng một gang tay Đức Phật, may lên Ni sư đàn mới. Nếu không làm hoại sắc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo, có được lông dê muốn mang xách đến nơi nào đó thì tự mình đem đi, nhiều lắm là ba do-tuần. Nếu mang đi quá mức này, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo, sai bảo Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo, cầu lợi nên mua bán đổi chác, mua rẻ bán đắt các thứ, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo, sử dụng vàng, bạc và các loại tiền để mua bán, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo, tự mình cầm vàng, bạc và tiền hoặc khiến người cầm hay khởi tâm thọ nhận, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Các Đại đức, tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay xin hỏi: Các Đại đức trong các giới này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy).

Các Đại đức, trong các giới này đều thanh tịnh, do im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

91 PHÁP BA DẬT ĐỀ

Các Đại đức, tiếp đây là chín mươi mốt pháp Ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo, cố ý nói dối, phạm Ba-dật-đề.
2. Nếu Tỳ-kheo hủy báng Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo nói hai lưỡi gây cãi vã trong chúng Tỳ-kheo, phạm Ba-dật-đề.
3. Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ thì không nói quá năm, sáu lời, trừ khi có người nam biết phân biệt lời thiện, ác, phạm Ba-dật-đề.
4. Nếu Tỳ-kheo, biết Tăng đã như pháp giải quyết dứt điểm vấn đề rồi, mà khơi lại vấn đề, phạm Ba-dật-đề.
5. Nếu Tỳ-kheo, dạy kinh cho người chưa thọ giới Cụ túc và cùng đọc tụng với họ, phạm Ba-dật-đề.
6. Nếu Tỳ-kheo, cùng ngủ với người chưa thọ giới Cụ túc, quá ba đêm, phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo hướng đến người chưa thọ giới Cụ túc, tự nói tôi được pháp hơn người, rằng tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy, sự thật là vậy, phạm Ba-dật-đề.
8. Nếu Tỳ-kheo, biết Tỳ-kheo khác phạm tội nặng lại đem nói với người chưa thọ giới Cụ túc biết, trừ Tăng yết-ma sai, phạm Ba-dật-đề.
9. Nếu Tỳ-kheo chỉ trích: "Các giới vụn vặt lỉnh kỉnh ấy, nào ích gì? Khi tụng các giới ấy chỉ làm cho người ta lo, buồn thôi! Mỉa mai, xem thường giới như thế, phạm Ba-dật-đề.
10. Nếu Tỳ-kheo, tự mình hoặc sai khiến người khác chặt phá cây cối, chỗ ở của quỷ thần… phạm Ba-dật-đề.
11. Nếu Tỳ-kheo, cố ý không trả lời đúng theo câu hỏi, phạm Ba-dật-đề.
12. Nếu Tỳ-kheo, trịch thượng, vu khống người được Tăng sai, phạm Ba-dật-đề.
13. Nếu Tỳ-kheo, nằm hoặc ngồi lên ngọa cụ của Tăng trải nơi đất trống, do mình trải, hoặc sai người khác trải hay ai đó trải, khi đi không đích thân thu dọn, không bảo ai dọn, cũng không dặn dò ai dọn hộ, hoặc trường hợp thấy Tăng ngọa cụ trải nơi đất trống mà không thu dọn, bỏ đi, phạm Ba-dật-đề.
14. Nếu Tỳ-kheo, nằm hay ngồi lên ngọa cụ của Tăng trải trong phòng Tăng, ngọa cụ do mình

trải, hoặc sai người khác trải hay ai đó trải, khi đi, không đích thân dọn dẹp, không bảo ai dọn, cũng không dặn dò nhờ thu dọn, phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo, nóng giận, bực tức, lôi kéo Tỳ-kheo từ trong phòng ra ngoài, hoặc sai khiến người khác kéo, nặng lời: "Đi ra ngay! Đừng ở trong này nữa", phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo, biết ngọa cụ ai đó đã trải sẵn, mình đến sau lại cố chiếm chỗ, đích thân trải hoặc sai người khác trải phu cụ với dụng ý: "Nếu họ không bằng lòng thì tự nhiên họ phải ra đi", phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo, trên gác nhà Tăng có võng hay giường cây có chân nhọn yếu, cố sức nằm ngồi mạnh, phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo, làm phòng xá lớn thì lên tường theo sát mặt móng, chỗ chừa cửa song, cửa cánh cực chắc, kết cấu nhau thật kiên cố vững chải, mái lợp hai, ba lớp là vừa. Nếu lợp quá ba lớp, phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo, biết nước có trùng lấy tưới lên bùn hoặc dùng vào việc ăn uống và các sinh hoạt, phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo, Tăng không sai mà vẫn giáo giới Tỳ-kheo-ni, phạm Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo, Tăng sai giáo giới Tỳ-kheo-ni

mà giáo giới cho đến chiều tối, phạm Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo, Tăng không sai mà vẫn cố ý đi giáo giới để được vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni, trừ nhân duyên ni ốm đau, phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo, nói như vầy: "Các Tỳ-kheo vì lợi dưỡng được cúng dường cho nên giáo giới Tỳ-kheo-ni", phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni, hoặc cùng Thức-xoa-ma-na hay Sa-di-ni, chỉ hai người ngồi chỗ vắng, phạm Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, trừ đổi chác, phạm Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo, may y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con của mình, phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo, hẹn trước với Tỳ-kheo-ni cùng đi chung một đường, từ xóm làng này đến xóm làng kia, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên ấy là: Nhiều bạn bè cùng đi, gặp chỗ nghi sợ bất ổn. Đây gọi là nhân duyên.

28. Nếu Tỳ-kheo, hẹn trước với Tỳ-kheo-ni cùng đi chung chuyến thuyền, hoặc ngược dòng hoặc xuôi dòng, trừ đi đò ngang, phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo, biết rõ thức ăn có được kia là do nguyên nhân Tỳ-kheo-ni khen ngợi thí chủ,

mà vẫn ăn. Trừ trước đó, Đàn-việt phát tâm cúng dường, phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo, ăn nhiều lần, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên ấy là: Khi bệnh, khi thời của y, khi được cúng dường y. Đây gọi là nhân duyên.

31. Nếu Tỳ-kheo, nhận lời mời thí chủ, ăn riêng chúng, phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên. Nhân duyên là: Gặp lúc bệnh, lúc thuộc thời của y, lúc được cúng y, lúc may y, lúc đi dường, lúc ngồi thuyền đi, lúc đại hôi, lúc lễ hội Sa-môn. Gọi đây là nhân duyên.

32. Nếu Tỳ-kheo, nơi nào chỉ cúng một bữa ăn, không bệnh, Tỳ-kheo nhận ăn quá một bữa, phạm Ba-dật-đề.

33. Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y, gặp nhà cúng nhiều thức ăn uống theo khất cầu, nào là bánh, bún, miến… Tỳ-kheo không dùng bữa tại nhà ấy mà cần nhận hai, ba bát. Nhận được, ra về, đem san sẻ thức ăn ấy cho các Tỳ-kheo khác cùng ăn. Nếu không bệnh mà thọ nhận quá mức và không san sẻ cho các Tỳ-kheo khác cùng ăn thì phạm Ba-dật-đề.

34. Nếu Tỳ-kheo, ăn xong rồi, không làm pháp thực ăn dư mà ăn tiếp phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác ăn xong rồi, vì muốn để cho vị này phạm tội, nên nài ép

mời mọc để vị này cùng ăn lại nhưng không làm pháp ăn dư, Tỳ-kheo mời phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo, với tất cả các loại thức ăn không nhận lời mời trao, mà tự cho vào miệng, trừ nếm thức ăn, tăm xỉa răng và nước, phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo, ăn phi thời, phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo, ăn thức ăn để cách đêm, phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo, tự tay đưa thức ăn cho nam hay nữ ngoại đạo lõa hình, phạm Ba-dật-đề.

40. Nếu trong các gia đình có các thức ăn ngon như: sữa, lạc, tô, dầu, cá, thịt, Tỳ-kheo nào không bệnh, đích thân đòi hỏi các thức ăn này, nhận được thức ăn, phạm Ba-dật-đề.

41. Nếu Tỳ-kheo, trong "Nhà ăn" cùng với người nữ ngồi lâu, phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ, chỉ hai người ngồi nơi chỗ vắng, phạm Ba-dật-đề.

43. Nếu Tỳ-kheo, cùng với người nữ, chỉ hai người ngồi nơi chỗ đất trống, phạm Ba-dật-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo, xem các binh chúng xuất quân ra trận, phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo, có lý do đến ở trong quân trận, tối đa được ngủ lại hai, ba đêm, nếu quá, phạm Ba-dật-đề.

46. Nếu Tỳ-kheo, có nhân duyên đến trong quân, ngủ lại hai, ba đêm để xem quân trận chiến đấu, phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Tỳ-kheo, nói như vầy: "Như tôi hiểu những điều Phật dạy giáo: Làm ngăn trở đạo nghiệp thì không có khả năng làm trở ngại đạo nghiệp". Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo ấy: "Thầy đừng nên nói như vậy, đừng hủy báng Phật, chớ vu khống Phật. Phật dạy: Pháp làm ngăn trở đạo nghiệp thì thật sự làm cho đạo nghiệp bị ngăn trở. Thầy hãy loại bỏ kiến chấp ác tà đó". Đem lời can gián như vậy mà vẫn ngoan cố, không bỏ thì tiếp tục can gián lần thứ hai, thứ ba. Bỏ được thì đây là việc tốt, không bỏ thì phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo, biết Tỳ-kheo kia không như pháp sám hối, không bỏ tà kiến ác mà cùng ngồi, cùng chuyện trò, cùng ngủ nghỉ, cùng làm việc, phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu có Sa-di, nói: "Như tôi hiểu những điều Phật nói: Thọ hưởng năm dục lạc không hề làm ngăn trở đạo nghiệp". Các Tỳ-kheo bảo Sa-di ấy: "Ngươi đừng nói thế, đừng phỉ báng Phật, chớ vu khống Phật như vậy! Đức Phật dạy: Năm dục lạc là chướng đạo thì thật sự làm cho đạo nghiệp bị che lấp. Này Sa-di! Hãy bỏ kiến chấp xấu xa ấy đi". Đã dạy bảo như vậy nhưng Sa-di vẫn cứng cỏi ngoan cố không

bỏ thì nên dạy bảo lần thứ hai, thứ ba. Lần thứ hai, thứ ba dạy bảo mà Sa-di từ bỏ được thì đây là việc tốt đẹp. Còn không bỏ thì các Tỳ-kheo hãy bảo: Ngươi bước ra khỏi nơi này! Từ nay ngươi đừng gọi Phật là Thầy, không được phép đi theo sau các Tỳ-kheo như các Sa-di khác. Các Sa-di khác được ngủ cùng phòng với Tỳ-kheo hai đêm, ngươi cũng không được phép điều đó. Ngươi là người ngu nên đi khỏi chỗ này, đừng ở nơi đây nữa. Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di bị đuổi đi đúng pháp mà chứa chấp, cho phép cùng ở cùng nói năng, phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo, cố tâm sát hại mạng sống loài vật, phạm Ba-dật-đề.

51. Nếu Tỳ-kheo, cố tình khiến cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ với dụng ý làm cho Tỳ-kheo kia phiền muộn chỉ trong chốc lát, phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo, trong lúc Tăng đang phân xử việc, không gởi dục đứng dậy bỏ đi, phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo, thọc lét Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo, đùa giỡn trong nước, Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo, cùng ngủ chung nhà có người nữ, phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo, uống các loại rượu phạm Ba-dật-đề.
57. Nếu Tỳ-kheo, khinh chê thầy và giới, phạm Ba-dật-đề.
58. Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hoặc sai khiến người đào, bảo đào như vầy... phạm Ba-dật-đề.
59. Nếu Tỳ-kheo, theo dõi lắng nghe các Tỳ-kheo khác tranh cãi rồi nghĩ: "Những điều các Tỳ-kheo nói ta luôn ghi nhớ", phạm Ba-dật-đề.
60. Nếu Tỳ-kheo, biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà vẫn cho họ thọ giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề. Người ấy không đắc giới, các Tỳ-kheo cũng bị quở trách, như vậy là đúng pháp.
61. Nếu Tỳ-kheo, nhận thỉnh tùy ý thuốc dùng trong bốn tháng, nếu nhận quá thời gian mời, trừ: Thỉnh cầu nhận lại, tự mang thuốc đến mời, thỉnh nhận lâu dài, phạm Ba-dật-đề.
62. Nếu Tỳ-kheo, phạm tội nhiều, các Tỳ-kheo như pháp can gián, lại bảo: Tôi đâu có học giới ấy. Tôi cần phải hỏi lại các Tỳ-kheo trì pháp, trì luật khác, phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo muốn tìm hiểu nên hỏi vị trí pháp, trì luật thì điều đó không phạm.
63. Nếu Tỳ-kheo, khi thuyết giới, nói như vầy: "Nay tôi mới biết pháp này rút ra từ trong Giới kinh nói ra vào mỗi nửa tháng Bố-tát". Các

Tỳ-kheo biết rõ Tỳ-kheo này đã hai, Ba lần ngồi nghe khi nói giới. Tỳ-kheo này không thể viện cớ không biết đến để được chạy tội, tùy theo chỗ phạm tội, như pháp trị. Trị rồi phải quở trách sự không biết của Tỳ-kheo này làm ảnh hưởng không tốt trong khi nói giới, không một lòng nghe giới, không khắc ghi giới vào lòng, phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo, Vua chưa rời của báu và chưa cất báu vật mà vào quá giới hạn cửa hậu cung, phạm Ba-dật-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo, hẹn với giặc đi cùng một đường, từ xóm làng này đến xóm làng khác, phạm Ba-dật-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo cùng hẹn với người nữ đi chung một đường từ xóm làng này đến xóm làng khác, phạm Ba-dật-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo, không bệnh, đích thân đốt lửa hay sai bảo người khác đốt lửa để sưởi ấm, phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo, đối với châu báu hay các vật bằng châu báu, hoặc tự mình lấy hay chỉ bảo người khác lấy, trừ trong Tăng-già-lam và chỗ nghỉ qua đêm, phạm Ba-dật-đề. Nếu ở trong Tăng-già-lam và nơi nghỉ qua đêm có nhặt của báu và các vật bằng châu báu, sau có chủ xin lại thì nên hoàn trả. Đây là làm việc đúng

pháp.

69. Nếu Tỳ-kheo, tắm trong vòng nửa tháng, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là: khi có bệnh, khi làm việc, khi đi đường, khi mưa gió, khi nóng bức. Đây gọi là nhân duyên.

70. Nếu Tỳ-kheo, vì nóng giận đánh Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo, do nóng giận quơ tay dọa đánh Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề.

72. Nếu Tỳ-kheo, cố tình khủng bố Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề.

73. Nếu Tỳ-kheo, biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác mà che giấu qua một đêm, phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo, sử dụng pháp Tăng-già-bà-thi-sa không cơ sở để phỉ báng Tỳ-kheo khác, phạm Ba-dật-đề.

75. Nếu Tỳ-kheo, bảo với Tỳ-kheo kia: "Thầy cùng tôi đến các gia đình, thầy sẽ được cúng các thức ăn uống ngon tuyệt". Khi đến đó, đã không cho mà còn xua đuổi, nói: "Thầy đi đi! Tôi ngồi nói chuyện với thầy chẳng vui chút nào! Tôi ngồi một mình nói một mình còn vui hơn", vì muốn làm cho vị kia buồn phiền, phạm Ba-dật-đề.

76. Nếu Tỳ-kheo, nhận được y mới may thì phải đánh dấu y bằng ba loại màu: hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan. Nếu không dùng ba loại

màu này để làm dấu y, phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo, vì cố ý đùa giỡn, giấu cất các vật dụng Tỳ-kheo khác như y, bát, tọa cụ, ống đựng kim... các dụng cụ sinh hoạt, hoặc sai người giấu cất, phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Tỳ-kheo, khi Tăng xử đoán việc đã như pháp gởi dục rồi sau đó lại chê trách, phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo nói như vầy: "Các Tỳ-kheo đem vật của Tăng cho người quen thân", phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo, đã tịnh thí y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni mà đoạt lấy lại, phạm Ba-dật-đề.

81. Nếu Tỳ-kheo, đã nhận lời mời ăn của thí chủ nào đó, trước bữa ăn, hoặc sau bữa ăn đến nhà thí chủ khác, cũng không đến gần để báo cho các Tỳ-kheo khác, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là: Thời của y. Đây là nhân duyên.

82. Nếu Tỳ-kheo, phi thời đi vào xóm làng mà không đến gần các Tỳ-kheo thanh tịnh để thưa đi, trừ nhân duyên, phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là: Gặp lúc có nạn. Đây là nhân duyên.

83. Nếu Tỳ-kheo dùng các loại bông thiên nhiên để dồi các dụng cụ nằm, ngồi, phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo, tự làm giường dây, giường cây để nằm, ngồi

85. thì chân giường cao tám ngón tay Đức Như lai, trừ khúc vào mộng, nếu quá, phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo sử dụng xương, răng, sừng làm ống đựng kim, phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo, làm Ni sư đàn thì phải đúng kích cỡ: Dài hai gang tay, rộng một gang tay rưỡi Đức Phật rồi thêm vuông vức một gang tay. Nếu làm quá lượng này, phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo, may y che ghẻ thì phải làm đúng quy định: Dài bốn gang tay, rộng hai gang rưỡi tay Đức Phật. Nếu quá lượng định này, phạm Ba-dật-đề.

89. Nếu Tỳ-kheo, làm áo tắm mưa thì phải làm đúng kích cỡ: Dài năm gang tay, rộng hai gang rưỡi tay Tu-già-đà, nếu làm quá lượng định phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo, có may y thì may bằng cỡ y của Đức Phật, nếu quá lượng định, phạm Ba-dật-đề. Kích cỡ y của Phật là: Dài chín gang, rộng sáu gang tay. Đây là kích cỡ y Phật.

91. Nếu Tỳ-kheo, biết thí chủ có ý định đem vật cúng cho Tăng lại xoay xở để đem cúng cho người khác, phạm Ba-dật-đề.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói xong chín mươi

mốt pháp Ba-dật-đề. Nay xin hỏi: Các Đại đức trong các pháp Ba-dật-đề này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Các Đại đức trong các giới Ba-dật-đề đều thanh tịnh, vì im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI

Bạch các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo, không bệnh, trên đường khất thực, tự tay nhận lấy thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến để ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến các Tỳ-kheo khác nói lên lỗi đáng quở trách: "Tôi phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại đức xin sám hối". Đây gọi là pháp Hối quá.
2. Nếu Tỳ-kheo, được gia chủ mời ăn, có mặt Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni chỉ bảo người nhà: "Thêm đầy cơm cho Tỳ-kheo này, thêm canh cho Tỳ-kheo kia". Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này cô! Hãy chờ một lúc, đợi các thầy ăn xong". Nếu trong chúng không ai nói lời ấy thì các Tỳ-kheo này phải hướng đến các Tỳ-kheo khác để hối lỗi. "Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay trước các Đại đức xin bày tỏ tội này". Đây gọi là pháp Hối quá.

3. Nếu có các "Học gia" mà Tăng đã tác pháp Yết-ma làm "Học gia", Tỳ-kheo nào không bệnh, trước không được thỉnh cầu thọ trai, tự tay nhận thức ăn nơi học gia ấy thì Tỳ-kheo ấy phải hướng đến các Tỳ-kheo khác mà hối lỗi: "Tôi phạm vào pháp đáng quở trách, nay đến trước các Đại đức xin bày tỏ lỗi này". Đây gọi là pháp Hối quá.
4. Nếu Tỳ-kheo, trú ngụ nơi A-lan-nhã, vắng vẻ, có nghi ngờ, lo sợ về an ninh nhưng thiếu thăm dò, cảnh báo trước cho tín thí đến cúng dường đề phòng, không ra ngoài trú xứ để thọ nhận mà tự tay nhận thức ăn cúng dường bên trong khuôn viên của Tăng do chủ mang vào. Tỳ-kheo này phải hướng đến các Tỳ-kheo khác nói lỗi: "Tôi phạm vào pháp đáng quở trách, nay đến trước các Đại đức xin bày tỏ hối hận lỗi này". Đây gọi là pháp Hối quá.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, nay xin hỏi: Các Đại đức trong các giới này thanh tịnh không? (Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy)

Các Đại đức trong bốn pháp này đều thanh tịnh, vì im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

PHÁP CHÚNG HỌC

Bạch các Đại đức! Đây là pháp Chúng học, mỗi

nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Không mặc nội y cao, cần phải học.
2. Không mặc nội y thấp, cần phải học.
3. Không mặc nội y so le, cần phải học.
4. Không mặc nội y giống như lá cây Đa-la, cần phải học.
5. Không mặc nội y giống như mũi con voi, cần phải học.
6. Không mặc nội y túm tròn ở trước, cần phải học.
7. Không mặc nội y xếp lằn nhỏ, cần phải học.
8. Không khoác y cao, cần phải học.
9. Không khoác y thấp, cần phải học.
10. Không khoác y so le, cần phải học.
11. Vén khéo y che kín thân khi vào nhà bạch y, cần phải học.
12. Vén khéo y che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
13. Không lật ngược y vắt lên vai phải khi vào nhà bạch y, cần phải học.
14. Không lật ngược y vắt lên vai phải khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
15. Không lật ngược y vắt lên vai trái khi vào nhà bạch y, cần phải học.
16. Không lật ngược y vắt lên vai trái khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.

17. Không rẽ ngược y trái, phải vắt lên hai vai khi vào nhà bạch y, cần phải học.
18. Không rẽ ngược y phải, trái vắt lên hai vai khi vào ngồi nhà bạch y, cần phải học.
19. Không lắc thân khi vào nhà bạch y, cần phải học.
20. Không lắc thân khi ngồi ở nhà bạch y, cần phải học.
21. Không lắc đầu khi vào nhà bạch y, cần phải học.
22. Không lắc đầu khi ngồi ở nhà bạch y, cần phải học.
23. Không nhún vai khi vào nhà bạch y, cần phải học.
24. Không nhún vai khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
25. Không cầm tay nhau khi vào nhà bạch y, cần phải học.
26. Không cầm tay nhau khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
27. Không ẩn người khi vào nhà bạch y, cần phải học.
28. Không ngồi ẩn người trong nhà bạch y, cần phải học.
29. Không chống nạnh khi vào nhà bạch y, cần phải học.
30. Không chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y,

cần phải học.

31. Không chống má khi vào nhà bạch y, cần phải học.
32. Không chống má khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
33. Không đưa tay đánh đàng xa khi vào nhà bạch y, cần phải học.
34. Không đưa tay đánh đàng xa khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
35. Không được ngẩng cao nhìn, khi vào nhà bạch y, cần phải học.
36. Không được ngẩng cao nhìn, khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
37. Không được nhìn ngó lung tung khi vào nhà bạch y, cần phải học.
38. Không được nhìn ngó lung tung khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
39. Không được xoạc chân khi vào nhà bạch y, cần phải học.
40. Không được xoạc chân khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
41. Không nhón chân khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
42. Không ngồi nhón chân trong nhà bạch y, cần phải học.
43. Không trùm đầu khi vào nhà bạch y, cần phải học.

44. Không trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
45. Không đùa giỡn cười cợt khi vào nhà bạch y, cần phải học.
46. Không cười cợt đùa giỡn khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
47. Không nói oang oang khi vào nhà bạch y, cần phải học.
48. Không nói oang oang khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
49. Trang nghiêm vào nhà bạch y, cần phải học.
50. Trang nghiêm khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
51. Tâm niệm tập trung khi nhận thức ăn, cần phải học.
52. Khi nhận thức ăn, bát không quá đầy, cần phải học.
53. Ăn cơm canh đều nhau, cần phải học.
54. Không lựa thức ăn trong bát, cần phải học.
55. Không khoét lõm giữa bát để ăn.
56. Không lận ngón tay vét thức ăn trong bát, cần phải học.
57. Không ngửi thức ăn khi ăn, cần phải học.
58. Xem xét kỹ thức ăn trong bát, khi ăn, cần phải học.
59. Không bỏ mứa cơm và thức ăn, cần phải học.

60. Không dùng tay bốc thức ăn để cầm lấy dụng cụ sạch đựng cơm, cần phải học.
61. Không nên húp thức ăn mà ăn, cần phải học.
62. Không nên nhai thức ăn ra tiếng, cần phải học.
63. Không lấy lưỡi liếm ăn, cần phải học.
64. Không vốc thức ăn đầy tay, cần phải học.
65. Không há miệng quá lớn để ăn, cần phải học.
66. Không hả rộng miệng chờ thức ăn đến, cần phải học.
67. Không hỉnh mũi lên mà ăn, cần phải học.
68. Không ngậm thức ăn nói chuyện, cần phải học.
69. Không để thức ăn chung búng trong má, cần phải học.
70. Không cắn đôi thức ăn, cần phải học.
71. Không duỗi thẳng tay lấy thức ăn, cần phải học.
72. Không rảy cánh tay lúc ăn, cần phải học.
73. Không le lưỡi ăn, cần phải học.
74. Không nuốt trộng đồ ăn, cần phải học.
75. Không vò cơm ném từ xa vào miệng, cần phải học.
76. Không nên dùng nước rửa bát có lẫn thức ăn rưới trong nhà bạch y, cần phải học.
77. Không lấy cơm che lấp canh để mong được thêm canh, cần phải học.

78. Không chê bai thức ăn, cần phải học.
79. Không đòi thức ăn thật nhiều cho mình, cần phải học.
80. Không nên có tâm đố kỵ nhìn xem bát vị ngồi gần, cần phải học.
81. Không đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học.
82. Không đại tiểu tiện vào nước sạch, trừ bệnh, cần phải học.
83. Không được đại tiểu tiện lên cỏ tươi và rau xanh, trừ bệnh, cần phải học.
84. Người mang guốc gỗ, không nên nói pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.
85. Người mang dép không nên nói pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.
86. Với người để hở ngực không nên vì họ thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học.
87. Tỳ-kheo đứng, người ngồi, không nên nói pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.
88. Tỳ-kheo đứng dưới thấp, người đứng ở chỗ cao, không nên nói pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.
89. Tỳ-kheo ngồi, người nằm, không nên nói pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.
90. Người đứng ở phía trước, Tỳ-kheo ở đằng sau, không nên nói pháp cho họ, trừ bệnh, cần phải học.

91. Tỳ-kheo đứng ngoài lề đường không nên nói pháp cho người đứng ở giữa đường, trừ bệnh, cần phải học.

92. Không nên nói pháp cho người trùm đầu lại, trừ bệnh, cần phải học.

93. Không nên nói pháp cho người vắt ngược y lên, trừ bệnh, cần phải học.

94. Không nên nói pháp cho người vắt lộn ngược y về phía phải và trái, trừ bệnh, cần phải học.

95. Không nói pháp cho người cầm dù che thân, trừ bệnh, cần phải học.

96. Không thuyết pháp cho người đang đi xe, trừ bệnh, cần phải học.

97. Không nói pháp cho người cầm gậy, trừ bệnh, cần phải học.

98. Không nói pháp cho người cầm dao, trừ bệnh, cần phải học.

99. Không nói pháp cho người cầm cung tên, trừ bệnh, cần phải học.

100. Không được leo lên cây cao quá đầu người trừ nhân duyên, cần phải học.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói xong pháp Chúng học, nay xin hỏi: Các Đại đức đối với các giới này thanh tịnh không? (Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy).

Các Đại đức đối với các giới này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Bạch các Đại đức! Đây là bảy pháp Diệt tránh, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Vấn đề nên thi hành Tỳ ni hiện tiền thì phải thi hành Tỳ ni hiện tiền.
2. Vấn đề nên thi hành Tỳ ni ức niệm thì phải thi hành Tỳ ni ức niệm.
3. Vấn đề nên thi hành Tỳ ni bất si thì phải thi hành Tỳ ni bất si.
4. Vấn đề nên thi hành Bổn ngôn trị thì phải thi hành Bổn ngôn trị.
5. Vấn đề nên thi hành Tự ngôn trị thì phải thi hành Tự ngôn trị.
6. Vấn đề nên thi hành Đa nhân ngữ thì phải thi hành Đa nhân ngữ.
7. Vấn đề nên thi hành Thảo bố địa thì phải thi hành Thảo bố địa.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói xong bảy pháp Diệt tránh, nay xin hỏi: Các Đại đức đối với bảy pháp Diệt tránh này thanh tịnh không? (Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy).

Các Đại đức đối với các pháp này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói tựa của Giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, đã nói mười ba pháp

Tăng-già-bà-thi-sa, đã nói hai pháp Bất định, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, đã nói chín mươi mốt pháp Ba-dật-đề, đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói pháp Chúng học, đã nói bảy pháp Diệt tránh. Tất cả các pháp này được đưa vào trong Giới kinh Phật, mỗi nửa tháng đều tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, còn các giới pháp khác tùy theo việc đạo mà kết hợp. Đối với những giới pháp, các Đại đức một lòng hòa hợp hoan hỷ không tranh cãi, hạnh an lạc phải như nước hòa với sữa, điều này cần phải học.

Đức Phật Tỳ-bà-thi, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh nên lược nói Giới kinh:

Nhẫn nhục: Đạo bậc nhất
Niết-bàn Phật khen ngợi
Xuất gia làm người buồn
Không gọi là Sa-môn.

Đức Phật Thi Khí, Đấng Như Lai Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh nên lược nói Giới kinh:

Như người đôi mắt sáng
Tránh được đường nguy hiểm
Người thông minh trong đời
Thường xa lìa các ác.

Đức Phật Tỳ Diệp Bà, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng tịch tĩnh nên lược nói Giới kinh:

Không buồn, không nói lỗi

Làm theo giới đã dạy
Uống ăn biết vừa đủ
An vui nơi chỗ vắng
Tâm lắng vui tinh tấn
Là lời chư Phật dạy.

Đức Phật Câu Lưu Tôn, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng thanh tịnh nên lược nói Giới kinh:

Như ong hút mật hoa
Không làm hoại hương, sắc
Lấy vị ngọt rồi đi
Tỳ-kheo vào xóm làng
Không làm hỏng việc người
Không nghĩ làm, không làm
Chỉ tự quán thân mình
Quán sát thiện, không thiện.

Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng thanh tịnh nên lược nói Giới kinh:

Muốn tâm được tốt đừng buông lung
Pháp thiện Thánh nhân phải siêng học
Nếu có trí người lắng nhất tâm
Không còn lo buồn và tai họa.

Đức Phật Ca-diếp, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng thanh tịnh lược nói Giới kinh:

Mọi điều ác chớ làm
Điều thiện luôn hoàn bị

Tự lắng ý chí mình
Là lời chư Phật dạy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì chúng Tăng thanh tịnh nên lược nói Giới kinh:

Lành thay! Hộ trì thân
Hộ trì miệng cũng thiện
Hộ trì ý, lành thay!
Hết thảy hộ trì thiện
Tỳ-kheo hộ trì thảy
Liền được xa các khổ
Tỳ-kheo giữ miệng, ý
Thân không phạm các ác
Là ba nghiệp thanh tịnh
Đắc đạo của bậc Thánh.
Nếu ai đánh mắng, không báo trả
Với người sân hận, tâm không hận
Với người sân, trong lòng bình thản
Thấy người làm ác, mình không làm.
Bảy Phật là Thế Tôn
Thường cứu giúp thế gian
Phật đã nói Giới kinh
Tôi đã nói rõ xong
Chư Phật và đệ tử
Cung kính Giới kinh này
Đã cung kính Giới kinh
Hết thảy cung kính nhau
Hổ thẹn được đầy đủ

Chứng đắc đạo Vô vi.

Bạch các Đại đức! Tôi đã nói xong Ba-la-đề-mộc-xoa, Tăng một lòng Bố-tát được viên mãn.

NGŨ PHẦN GIỚI BỔN (CŨNG GỌI LÀ DI TẮC GIỚI BẢN)

Đại đức Tăng lắng nghe! Đang là mùa Đông, thiếu một đêm thì qua một tháng, trong ba tháng tiếp có dư thêm một đêm, sự già chết đến gần, pháp Phật sắp hủy diệt. Các Đại đức hãy vì sự đắc đạo mà nên một lòng siêng cầu tinh tấn. Tại sao phải thế? Vì chư Phật một lòng siêng cầu tinh tấn nên đã chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, huống gì là các pháp thiện khác. Tăng nay đã hòa hợp, người chưa thọ giới Cụ túc đã ra khỏi đây, trước hết xin hỏi Tăng hòa hợp để làm việc gì? (Một người thưa để Bố-tát, thuyết giới). Các Đại đức! Vì các Tỳ-kheo đời vị lai mà thuyết giới, gởi dục và thanh tịnh.

Cung kính chấp đôi tay
Cúng dường Đấng Thích Tôn
Tôi nay sắp nói giới
Tăng một lòng lắng nghe.
Dù là một tội nhỏ
Tâm phải lo sợ lớn
Luôn một lòng sám hối

Sau đừng tái phạm nữa.
Tâm ngựa chạy đường ác
Buông lung khó kìm chế
Phật giảng nói giới pháp
Cũng như cương hàm bén.
Từ miệng Phật giáo giới
Người thiện luôn tin nhận
Người này "Ngựa" điều thuận
Phá được quân phiền não.
Nếu không tuân lời dạy
Cũng không yêu thích giới
Người này "Ngựa" không thuần
Chìm trong quân phiền não.
Là người hộ trì giới
Như trâu mao thương đuôi
Buộc tâm không buông lung
Như khỉ bị xiềng giữ
Ngày đêm thường tinh tấn
Cầu trí tuệ chân thật
Người này trong pháp Phật
Được mạng sống thanh tịnh.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay là ngày mười lăm Bố-tát thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận nghe giới thì một lòng cùng nhau Bố-tát. Đây là lời tác bạch.

Vị nào có tội thì phải phát lồ, không tội thì im lặng. Do im lặng nên biết các Đại đức thanh tịnh. Trong chúng, nếu Tỳ-kheo biết như vậy qua Ba lần

xướng hỏi, nhớ có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý nói dối. Đức Phật dạy tội cố ý nói dối làm ngăn cách đạo pháp. Trong chúng, nếu Tỳ-kheo như vậy, muốn cầu pháp thanh tịnh, nhớ có tội thì phải phát lồ, phát lồ thì được an ổn. Không phát lồ tội càng thêm sâu nặng.

Các Đại đức! Tôi đã nói tựa Giới kinh xong, nay xin hỏi các Đại đức: Trong chúng này thanh tịnh không? (Ba lần hỏi như vậy). Các Đại đức trong đây thanh tịnh, do im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

BỐN PHÁP BA LA DI

Các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-di, mỗi nửa tháng đều tụng theo Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo, chúng Tăng đã hòa hợp thọ giới Cụ túc, phạm giới không hoàn giới, không ra khỏi tưởng, hành dâm kể cả hành dâm cùng với loài súc sinh, Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.
2. Nếu Tỳ-kheo, vật ở trong làng xóm, hoặc nơi đất trống hoang vắng, không cho mà lấy gọi là ăn trộm vật. Nếu vật đã không cho mà cố lấy, Vua hoặc quan bắt trói hoặc giết, hoặc kết tội trộm cắp, hoặc nói "Ngươi là tiểu nhân, kẻ ngu si, là giặc". Tỳ-kheo có các tướng trạng như vậy thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không

được sống chung.

3. Nếu Tỳ-kheo, đối với người hoặc giống người đích thân giết hoặc bảo người giết, tự mình cầm dao đưa, hoặc bảo người cầm dao đưa cho họ, hoặc khuyên bảo giết, hoặc ca ngợi chết, hoặc nói: "Ôi! Ngươi sống xấu ác như vậy để làm gì, chết đi còn hơn sống". Người này do động cơ như vậy mà chết thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.
4. Nếu Tỳ-kheo, không biết, không thấy mà nói pháp hơn người, tự xưng: Biết như vậy, thấy như vậy. Về sau, các Tỳ-kheo, hoặc hỏi, hoặc không hỏi, vì cầu thanh tịnh nên phát lồ: Không biết nói biết, không thấy nói thấy, trừ tăng thượng mạn. Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một giới trong bốn giới này là phạm Ba-la-di, không được sống chung. Như trước khi chưa thọ giới, sau khi phạm cũng vậy. Tỳ-kheo phạm Ba-la-di không được sống chung. Nay xin hỏi các Đại đức, trong bốn giới Ba-la-di này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần như vậy).

Các Đại đức trong các giới này đều thanh tịnh do im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

13 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Các Đại đức! Đây là mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, mỗi nửa tháng tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cố làm cho ra bất tịnh, trừ trong mộng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.
2. Nếu Tỳ-kheo tâm dục biến loạn cùng xúc chạm với người nữ, hoặc nắm tay, tóc, cánh tay, xúc chạm trên dưới đắm vướng sự trơn láng mịn màng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ những lời bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.
4. Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: Chúng tôi là người trì giới, phạm hạnh, tu các pháp thiện, đem việc dâm dục cúng dường chúng tôi đó là pháp cúng dường trên hết, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.
5. Nếu Tỳ-kheo làm việc mai mối, đem ý người nam đến nói với người nữ, đem ý người nữ đến nói với người nam, hoặc để họ lấy làm vợ, hoặc làm việc tư thông, dẫn đến chỉ một lần giao hội, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.
6. Nếu Tỳ-kheo, không có thí chủ, vì mình tự xin vật liệu làm chỗ ở lớn phải hỏi các Tỳ-kheo chỗ làm không có các nạn, chẳng phải chỗ trở ngại. Nếu không hỏi các Tỳ-kheo mà làm quá mức lượng định, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.
7. Nếu Tỳ-kheo có thí chủ, muốn làm chỗ ở lớn

cho mình, phải hỏi các Tỳ-kheo chỗ làm không có nạn, chỗ không trở ngại. Nếu không hỏi mà làm, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo giận Tỳ-kheo khác, sử dụng pháp Ba-la-di không căn cứ hủy báng nhằm phá hạnh thanh tịnh của Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo này hoặc được hỏi hay không được hỏi, biết đây là việc làm vô cớ, liền nói: "Tôi sân hận nên nói như vậy", phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo giận người khác nên không vui, trong phần việc khác nhau, lấy ra một khía cạnh hoặc khía cạnh tương tợ, chẳng phải việc Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, sử dụng làm pháp Ba-la-di hủy báng nhằm cố phá hạnh thanh tịnh của Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo này biết rõ đây là sự việc trong phần việc khác nhau lấy ra một chi tiết rồi thêu dệt thành chuyện, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo, muốn phá hòa hợp Tăng, tìm mọi phương tiện để phá các việc liên hệ đến Tăng. Các Tỳ-kheo nên can gián: Đại đức phải cùng Tăng hòa hợp, đừng mượn các phương tiện phá mối liên hệ của Tăng. Phải cùng Tăng hòa hợp. Tại sao? Vì Tăng hòa hợp nên hoan hỷ, không tranh cãi, một lòng cùng học một thầy, hạnh an lạc như nước và sữa hòa hợp. Khi can gián như vậy đến lần thứ ba, bỏ việc phá hòa hợp Tăng là tốt, không bỏ, Tỳ-kheo

kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Nếu Tỳ-kheo có cùng một ý kiến nhưng khác biệt về lời nói, hoặc một, hoặc hai lần. Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: "Đừng nên can gián Tỳ-kheo ấy. Tại sao vậy? Vì Tỳ-kheo đó biết mới nói chứ chẳng phải không biết mà nói". Các Tỳ-kheo phải can gián như thế này: Đại đức phải hỗ trợ Tăng hòa hợp, đừng hỗ trợ phá hòa hợp Tăng. Tại sao vậy? Vì Tăng hòa hợp nên hoan hỷ không tranh cãi, một lòng cùng học một thầy, hạnh an lạc như nước và sữa hòa hợp. Khi can gián như vậy đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu Tỳ-kheo ở nơi xóm làng, thành ấp, làm những chuyện xấu ác, hoen ố tín đồ, mọi người đều thấy, nghe và biết rõ. Các Tỳ-kheo phải nói với Tỳ-kheo này: "Đại đức, thầy làm những chuyện xấu xa hoen ố tín đồ, ai cũng đều thấy, nghe, biết việc xấu ác của thầy. Thầy phải đi, không được sống nơi này nữa". Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo khác: Lời nói của các thầy theo cảm tính thương, giận, si, sợ, có Tỳ-kheo tội cũng đồng như vậy, có người bị đuổi, có người lại không bị đuổi. Khi can gián như vậy đến lần thứ ba bỏ thì tốt, không bỏ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo tánh tình xấu xa, khó hòa thuận

với ai, cùng tụng kinh, tụng luật nhưng thường tranh cãi. Các Tỳ-kheo như pháp, như luật như giới kinh khuyên Tỳ-kheo này. Tỳ-kheo này mê mờ không chấp nhận lời khuyên can, nói với các Tỳ-kheo: "Đại đức! Thầy đừng nói với tôi điều tốt, xấu, tôi cũng không nói với các thầy điều tốt, xấu". Các Tỳ-kheo lại khuyên: "Thầy vì các Tỳ-kheo nói, chúng tôi cũng vì các Tỳ-kheo nói như pháp, như luật khiến cho chúng Như Lai được tăng trưởng". Khi can gián như vậy, đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo kia thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Các Đại đức! Tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới đầu phạm thành tội, bốn giới sau can gián Ba lần mới phạm. Tỳ-kheo nào phạm mỗi một giới, tùy theo thời gian che giấu tội mà cho thi hành bấy nhiêu ngày sống riêng. Thi hành (Ma-na-đỏa) xong Biệt trụ tiếp đến là thi hành sáu đêm "Lòng vui thanh thản", sau cùng đến việc Giải tội. Thực hiện đúng như vậy rồi, trong việc Giải tội phải đủ hai mươi vị. Nếu thiếu một vị, không hội đủ hai mươi thì việc xuất tội của Tỳ-kheo này không thành. Nếu tác pháp như vậy thì phải khiển trách đúng pháp. Pháp ứng xử là phải như vậy.

Nay hỏi các Đại đức trong các giới Tăng-già-bà-thi-sa thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần như vậy) Các Đại đức trong các giới này đều thanh tịnh, vì

im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

Các Đại đức! Đây là hai pháp Bất định, mỗi nửa tháng tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo cùng với một người nữ, ở chỗ vắng có che khuất, chỗ có thể hành dâm, Ưu-bà-di có lòng tin thấy được hành động của Tỳ-kheo này rồi trong ba pháp, nói phạm mỗi một pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-la-di, hoặc Ba-dạ-đề. Tùy theo sự thấy của Ưu-bà-di có lòng tin nói phạm mà như pháp thi hành.
2. Nếu Tỳ-kheo cùng với một người nữ, ngồi chỗ không bị che chắn vắng vẻ, chỗ không thể hành dâm. Tùy theo sự thấy của Ưu-bà-di có lòng tin về hành động của Tỳ-kheo này rồi trong hai pháp nói phạm mỗi một pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề. Tùy theo sự thấy của Ưu-bà-di có lòng tin nói phạm mà như pháp thi hành.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong hai pháp Bất định. Nay xin hỏi các Đại đức trong hai pháp này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần). Các Đại đức đối với hai pháp này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ

Các Đại đức! Đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, mỗi nửa tháng đều tụng theo Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo, ba y đã có đầy đủ, y Ca-hi-na đã xả, được giữ y dư đến mười ngày, nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
2. Nếu Tỳ-kheo, ba y đã có được đầy đủ, y Ca-hi-na đã xả, trong ba y nếu rời mỗi một y ở chỗ khác để ngủ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
3. Nếu Tỳ-kheo, ba y đã có được đầy đủ, y Ca-hi-na đã xả, nhận được y phi thời thì được cất giữ đến mười ngày, nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
4. Nếu Tỳ-kheo, nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con, trừ việc đổi chác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
5. Nếu Tỳ-kheo sai bảo Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con giặt y cũ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
6. Nếu Tỳ-kheo, xin y nơi cư sĩ không phải bà con, trừ nhân duyên, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
7. Nếu Tỳ-kheo, y bị đoạt, y bị mất, y bị nước cuốn trôi, đến cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con để xin y, nên nhận y thượng, hạ. Nếu nhận quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
8. Nếu Tỳ-kheo, có cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con, vì muốn sắm y giá trị cho Tỳ-kheo, nên

suy nghĩ: "Đem số tiền vải như vậy mua sắm y như vậy cúng cho Tỳ-kheo tên…", Tỳ-kheo này trước đó không được mời nhận tùy ý, vì muốn y tốt nên đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ nói như vầy: "Hãy vì tôi sắm y giá trị như thế". Nếu nhận được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo, có cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con, vì muốn sắm y tốt cho Tỳ-kheo, nên suy nghĩ: "Lấy số tiền tương xứng vải như vậy mua sắm y như vậy cúng cho Tỳ-kheo tên…", Tỳ-kheo này trước không được nhận mời nhận tùy ý, vì muốn y thật tốt nên đến nhà cư sĩ, vợ cư sĩ bảo: "Hãy vì tôi sắm y giá trị như vậy, các vị chung tiền lại may một y thật tốt cúng cho tôi". Nếu nhận được y này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo, hoặc Vua hay quan, Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, cho người đến chỗ Tỳ-kheo thưa: "Đại đức biết không? Với số tiền vải y đây, được nhà Vua, quan, Bà-la-môn, cư sĩ này cho tôi mang đến cúng thầy, xin Đại đức nhận cho". Tỳ-kheo nói: "Theo pháp Tỳ-kheo, tôi không được phép nhận tiền vải y như vậy". Người sứ ấy hỏi Tỳ-kheo: "Thưa, có tịnh nhân giúp thầy nhận không?". Tỳ-kheo bảo: "Là người này". Người sứ đến chỗ tịnh nhân giúp việc nói: "Với số tiền vải y này cúng cho Tỳ-kheo tên… ông hãy nhận cho". Tỳ-kheo này

sau đó, lúc cần y, đến tịnh nhân, người chấp việc này, nói: "Tôi cần y, tôi cần y", được sáu lần đến đứng im lặng trước người giúp sự để hỏi. Nhận được y thì tốt. Nếu đến quá để xin thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề… bằng không nhận được tiền may y thì phải đến chỗ người đem tiền vải đến giao, hoặc đích thân, hoặc sai người nói cho họ biết. Đây là việc nên làm.

11. Nếu Tỳ-kheo may phu cụ mới bằng tơ tằm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo may phu cụ toàn bằng lông dê đen thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo may phu cụ mới thì lượng lông dê phải hai phần đen, một phần ba trắng, một phần tư lông xấu, nếu không như vậy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo may phu cụ mới phải dùng đủ sáu năm, nếu dưới sáu năm, không xả phu cụ cũ lại làm phu cụ mới, trừ Tăng Yết-ma cho phép, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo may phu cụ mới thì phải lấy một miếng nơi phu cụ cũ vuông vức một gang tay Phật may lên cái mới nhằm làm hoại sắc. Không thực hiện việc này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo trên lộ trình đi nhận được lông dê, mang vác đi quá ba do-tuần thì phạm Ni-

tát-kỳ Ba-dạ-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo sai bảo Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con giặt, nhuộm, đập lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo tự tay nhận lấy vàng bạc hoặc sai người nhận thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo sử dụng các loại bằng vàng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo mua rẻ bán đắt, mua bán các thứ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo được cất giữ bát dư đến mười ngày, nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo, bát của mình cất giữ trước đây mà chưa đủ năm đường hàn gắn, vì muốn bát tốt lại cất giữ bát mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo sai thợ dệt chẳng phải bà con dệt vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo, có cư sĩ hoặc vợ cư sĩ chẳng phải bà con khiến thợ dệt dệt vải may y cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo này trước không được nhận mời tùy ý, vì muốn y tốt, đến nhà người thợ dệt nói: Hãy vì tôi dệt cho khéo khiến được sắc sảo, rộng, dày, đương nhiên phải thêm cho ông ít tiền. Hoặc tự ngỏ lời hoặc sai người ngỏ lời này, sau đó nhận được y này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo, trước đã cho người khác vật dụng, sau vì sân hận, chiếm đoạt lại vật, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
26. Nếu Tỳ-kheo ba tháng hạ đã qua, có nhuần tháng tám chưa mãn, gởi y nhà cư sĩ, được đến sáu đêm thì phải đến chỗ y gởi này, sang sáng sớm ngày thứ bảy mới đến thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
27. Nếu Tỳ-kheo, còn mười ngày nữa mới đến tuổi hạ, có y cúng gấp. Tỳ-kheo này nếu cần y thì được tự tay nhận rồi cất đến thời hạn của y. Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
28. Nếu Tỳ-kheo, còn một tháng mới hết mùa Xuân, nên tìm áo tắm mưa, được phép cất giữ nửa tháng, nếu cất giữ quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
29. Nếu Tỳ-kheo, biết vật cúng cho Tăng lại tự xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
30. Nếu Tỳ-kheo, Phật cho phép Tỳ-kheo bệnh uống bốn loại thuốc dễ tiêu hóa. Tô, dầu, mật, đường phèn được để đến bảy ngày để dùng. Nếu để quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nay xin hỏi các Đại đức trong ba mươi pháp này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần). Các Đại đức, đối với các pháp này đều thanh tịnh

vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

90 PHÁP BA DẬT ĐỀ

Các Đại đức! Đây là chín mươi pháp Ba-dạ-đề, mỗi nửa tháng đều tụng theo Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý nói dối thì phạm Ba-dạ-đề.
2. Nếu Tỳ-kheo mắng, hủy báng người khác thì phạm Ba-dạ-đề.
3. Nếu Tỳ-kheo làm loạn đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.
4. Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã như pháp giải quyết xong sự việc, xong lại khơi lại thì phạm Ba-dạ-đề.
5. Nếu Tỳ-kheo vì người nữ thuyết pháp, nói quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dạ-đề, trừ có người nam hiểu biết.
6. Nếu Tỳ-kheo dùng lối kệ Xiển-đà để dạy cho người chưa thọ Cụ giới thì phạm Ba-dạ-đề.
7. Nếu Tỳ-kheo nội lực thật có pháp hơn người lại đến người chưa thọ Cụ giới để nói thì phạm Ba-dạ-đề.
8. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm tội Tăng tàn, đem nói cho người chưa thọ Cụ giới biết thì phạm Ba-dạ-đề.
9. Nếu Tỳ-kheo trước cùng với Tăng hòa hợp rồi, sau nói như vầy: “Các Tỳ-kheo tùy theo

chỗ bạn bè thân thuộc mà đem vật dụng của Tăng cho họ", thì phạm Ba-dạ-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo khi nói giới, lại nói: "Mỗi nửa tháng đều nói những giới vụn vặt, lỉnh kỉnh này làm gì! Chỉ khiến cho Tỳ-kheo khác ưu sầu không vui! Sinh tâm phản giới thôi". Nói lên lời khinh chê giới này thì phạm Ba-dạ-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo phá hại các loại cây cỏ thì phạm Ba-dạ-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo mắng nhiếc hiềm hận thì phạm Ba-dạ-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo mượn việc khác làm buồn Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo trải ngọa cụ nơi đất trống cho đến sáng, không tự thu dọn cũng không bảo ai dọn thì phạm Ba-dạ-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo trải ngọa cụ trong phòng rồi đi ra ngoài cương giới thì phạm Ba-dạ-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo nóng giận, cáu gắt không vui, trong phòng lôi kéo người ra ngoài thì phạm Ba-dạ-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác trước đó đã trải ngọa cụ ở trong phòng, sau đến chiếm chỗ trải ngọa cụ thì phạm Ba-dạ-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo, trên nhà gác đặt giường chân nhọn lại cố sức nằm, ngồi mạnh thì phạm Ba-dạ-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo, lợp mái nhà, phần thứ nhất phủ che kín mái, phần thứ hai lợp che giấu đầu, phần thứ Ba-là lợp đúng theo thông lệ. Lợp quá thông lệ này thì phạm Ba-dạ-đề.
20. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng, lấy nước ấy tưới lên cỏ đất thì phạm Ba-dạ-đề.
21. Nếu Tỳ-kheo, Tăng không sai giáo giới Tỳ-kheo-ni mà vẫn giáo giới thì phạm Ba-dạ-đề.
22. Nếu Tỳ-kheo, Tăng tuy sai giáo giới Tỳ-kheo-ni mà giáo giới đến chiều tối thì phạm Ba-dạ-đề.
23. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Tỳ-kheo này vì tài vật cho nên giáo giới Tỳ-kheo-ni mà thôi", thì phạm Ba-dạ-đề.
24. Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni đi chung đường, đến một xóm làng, thì phạm Ba-dạ-đề.
25. Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền thì phạm Ba-dạ-đề, trừ nhân duyên.
26. Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni, chỉ hai người ngồi chỗ vắng có che chắn thì phạm Ba-dạ-đề.
27. Nếu Tỳ-kheo cho y Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con thì phạm Ba-dạ-đề.
28. Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con thì phạm Ba-dạ-đề.
29. Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ, chỉ hai người

ngồi nơi chỗ trống thì phạm Ba-dạ-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo biết thức ăn có được là do sự khen ngợi của Tỳ-kheo-ni, mà vẫn ăn thì phạm Ba-dạ-đề.

31. Nếu Tỳ-kheo thường ăn luôn miệng thì phạm Ba-dạ-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo, nơi nào có làm phước đức ăn quá một bữa thì phạm Ba-dạ-đề.

33. Nếu Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, họ lấy bún, bánh, cơm… trao cho tùy ý, được phép nhận lấy một bát, nhận quá thì phạm Ba-dạ-đề.

34. Nếu Tỳ-kheo không thọ pháp ăn dư mà ăn lại thì phạm Ba-dạ-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác ăn xong, không thọ pháp thức ăn dư, vì muốn cố làm phiền vị kia, lại khuyến ép vị ấy ăn cho được thì phạm Ba-dạ-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng thì phạm Ba-dạ-đề, trừ nhân duyên.

37. Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời, thì phạm Ba-dạ-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo trao thức ăn dư cách đêm, họ ăn thì phạm Ba-dạ-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo không được mời nhận ăn mà bỏ đồ ăn vào trong miệng, trừ nước uống và tăm xỉa răng thì phạm Ba-dạ-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo không bệnh, vì mình mà xin sữa, lạc, sinh tô, cá, thịt, nem thì phạm Ba-dạ-đề.

41. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà lấy dùng thì phạm Ba-dạ-đề.
42. Nếu Tỳ-kheo trong "Nhà ăn", hoặc nằm, ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.
43. Nếu Tỳ-kheo, trong "Nhà ăn" cùng với người nữ ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.
44. Nếu Tỳ-kheo, có ngoại đạo lõa hình xin mà tự tay trao thức ăn cho họ thì phạm Ba-dạ-đề.
45. Nếu Tỳ-kheo đi xem quân đội phát binh ra trận thì phạm Ba-dạ-đề.
46. Nếu Tỳ-kheo đến ở trong quân đội quá hai đêm thì phạm Ba-dạ-đề.
47. Nếu Tỳ-kheo đến xem vũ khí trong quân đội… thì phạm Ba-dạ-đề.
48. Nếu Tỳ-kheo giận người ấy nên giơ tay lên dọa họ thì phạm Ba-dạ-đề.
49. Nếu Tỳ-kheo giận người ấy, đưa tay lên đánh thì phạm Ba-dạ-đề.
50. Nếu Tỳ-kheo biết vị ấy phạm Ba-la-di mà che giấu tội qua một đêm thì phạm Ba-dạ-đề.
51. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: Đến chỗ tôi, tôi đưa thầy đến nhà ấy. Thầy được ăn ngon, hoặc vào cửa hoặc chưa vào cửa, quay lại bỏ đi về thì phạm Ba-dạ-đề.
52. Nếu Tỳ-kheo, khi Tăng giải quyết việc, đã gởi dục như pháp, sau lại hối tiếc việc này thì phạm Ba-dạ-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo cùng với người chưa thọ Cụ giới ngủ một chỗ, quá hai đêm thì phạm Ba-dạ-đề.
54. Nếu Tỳ-kheo đốt lửa nơi đất trống thì phạm Ba-dạ-đề, trừ khi có bệnh.
55. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: Tôi biết nghĩa pháp Phật như vầy: "Hành dâm dục không thể ngăn che đạo". Các Tỳ-kheo Bạch-tứ-yết-ma Ba lần can gián, vẫn không xả bỏ thì phạm Ba-dạ-đề.
56. Nếu Tỳ-kheo, trong chúng đúng pháp đã dạy bảo đuổi người ấy đi, mà mình lại bảo bọc nuôi họ, rồi khiến cùng làm việc với nhau thì phạm Ba-dạ-đề.
57. Nếu Tỳ-kheo, Sa-di đã theo pháp dạy bảo đuổi đi, mình lại bảo bọc nuôi rồi khiến cùng làm việc với nhau thì phạm Ba-dạ-đề.
58. Nếu Tỳ-kheo hoặc vật báu hoặc giống vật báu, nếu tự lấy, dạy người lấy thì phạm Ba-dạ-đề.
59. Nếu Tỳ-kheo mặc y mới mà không làm hoại sắc thì phạm Ba-dạ-đề.
60. Nếu Tỳ-kheo, nội trong vòng nửa tháng mà tắm rửa, trừ nhân duyên thì phạm Ba-dạ-đề.
61. Nếu Tỳ-kheo cố ý giết hại súc sinh thì phạm Ba-dạ-đề.
62. Nếu Tỳ-kheo gây phiền muộn cho Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.
63. Nếu Tỳ-kheo lấy ngón tay thọc lét nhau thì

phạm Ba-dạ-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo lấy tay đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dạ-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ ngủ chung phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo gây hoảng hốt sợ hãi cho Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo giấu y, bát của người khác khiến họ lo sợ, hốt hoảng thì phạm Ba-dạ-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo, trước đã cho y năm chúng rồi tự ý lấy lại dùng thì phạm Ba-dạ-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo đem tội Tăng tàn để hủy báng Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ đi chung một đường đến một xóm làng thì phạm Ba-dạ-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo cùng với kẻ ăn trộm đi chung đến một xóm làng thì phạm Ba-dạ-đề.

72. Nếu Tỳ-kheo, người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dạ-đề.

73. Nếu Tỳ-kheo tự đào đất hoặc sai khiến người đào thì phạm Ba-dạ-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo, chỗ có nhiều "phước đức" thỉnh Tăng cúng bốn tháng tất cả các dược phẩm, nếu nhận quá thời gian ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

75. Nếu Tỳ-kheo, đối với bốn pháp Ba-la-di, nói: Tôi không thọ pháp này, phải hỏi vị trì luật, trì luận khác, thì phạm Ba-dạ-đề.

76. Nếu Tỳ-kheo cùng với người khác tranh cãi đã kết thúc mà mình lại đến trộm lắng nghe thì phạm Ba-dạ-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo, Tăng đang giải quyết việc, lặng lẽ đứng dậy bỏ đi, không thưa với Tỳ-kheo thanh tịnh thì phạm Ba-dạ-đề.

78. Nếu Tỳ-kheo không cung kính Thượng tọa thì phạm Ba-dạ-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo uống rượu thì phạm Ba-dạ-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo quá giữa ngày vào xóm làng thì phạm Ba-dạ-đề, trừ nhân duyên.

81. Nếu Tỳ-kheo vì người khác trông coi việc của Tăng, nếu trước ngọ, sau ngọ đến nhà khác thì phạm Ba-dạ-đề.

82. Nếu Tỳ-kheo, chỗ Vua Sát-đế-lợi, đêm chưa sáng, bảo vật chưa cất, nếu bước qua cửa cung Vua hoặc bước qua khỏi cửa hậu cung thì phạm Ba-dạ-đề, trừ nhân duyên.

83. Nếu Tỳ-kheo đối với bốn pháp Ba-la-di, nói: Tôi mới biết pháp này, mỗi nửa tháng đều thuyết, rút ra từ trong Giới kinh. Các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo này có đến hai, Ba lần trong chúng nghe nói giới. Ngồi không tôn trọng, không tập trung lắng tai nghe giới thì phạm Ba-dạ-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo làm ống đựng kim bằng xương, răng, sừng thì phạm Ba-dạ-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo làm giường cây mà cao quá tám ngón tay Phật thì phạm Ba-dạ-đề.
86. Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ bằng cỏ, hoa cây thì phạm Ba-dạ-đề.
87. Nếu Tỳ-kheo sắm áo tắm mưa quá kích cỡ quy định thì phạm Ba-dạ-đề.
88. Nếu Tỳ-kheo may y che thân quá kích cỡ quy định thì phạm Ba-dạ-đề.
89. Nếu Tỳ-kheo may Ni sư đàn thì dài hai gang tay Phật, rộng một gang rưỡi lại thêm mỗi bề một gang tay Phật nữa. Quá lượng này phạm Ba-dạ-đề.
90. Nếu Tỳ-kheo may y bằng kích cỡ y của Phật thì phạm Ba-dạ-đề.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong chín mươi pháp pháp Ba-dạ-đề.

Nay xin hỏi các Đại đức trong các giới Ba-dạ-đề này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần). Các Đại đức trong đây đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

BỐN PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI

Các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, mỗi nửa tháng tụng theo Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo không bệnh vào xóm làng, đến Tỳ-kheo-ni không phải bà con, tự tay nhận

thức ăn của họ thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.

2. Nếu Tỳ-kheo thọ nhận thức ăn, theo sự hướng dẫn của Tỳ-kheo-ni mà ăn thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.
3. Nếu Tỳ-kheo có Học gia nào đó, trước không nhận lời mời của họ, sau lại đến tự tay nhận thức ăn thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.
4. Nếu Tỳ-kheo, Tăng chưa tác pháp Yết-ma, tự tay nhận thức ăn của người này ngoài phòng Tăng thì phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay xin hỏi các Đại đức trong bốn pháp này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần). Các Đại đức đối với bốn pháp này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

PHÁP CHÚNG HỌC

Các Đại đức! Đây là pháp Chúng học, mỗi nửa tháng tụng theo trong Giới kinh:

1. Không mặc nội y cao, cần phải học.
2. Không mặc nội y thấp, cần phải học.
3. Không mặc nội y so le, cần phải học.
4. Không mặc nội y như lá Đa-la, cần phải học.
5. Không mặc nội y giống như mũi voi, cần phải học.
6. Không mặc nội y túm tròn lại, cần phải học.
7. Không mặc nội y xếp nhiều nếp nhỏ, cần phải

học.

8. Không mặc y cao, cần phải học.
9. Không mặc y thấp, cần phải học.
10. Không mặc y so le, cần phải học.
11. Khéo che kín thân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
12. Khéo che kín thân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
13. Không liếc nhìn khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
14. Không liếc nhìn khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
15. Không lôi thôi khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
16. Không lôi thôi khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
17. Không hít mũi khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
18. Không hít mũi khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
19. Không quá tự cao khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
20. Không quá tự cao khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
21. Khẽ tiếng khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
22. Khẽ tiếng khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
23. Không quỳ gối khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
24. Không quỳ gối khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải

học.

25. Không trùm đầu khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
26. Không trùm đầu khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
27. Không bịt khăn đầu khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
28. Không bịt khăn đầu khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
29. Không chống nạnh khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
30. Không chống nạnh khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
31. Không để hở ngực khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
32. Không để hở ngực khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
33. Không để hở nách khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
34. Không để hở nách khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
35. Không vắt ngược y khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
36. Không vắt ngược y khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
37. Không vắt ngược y hai bên khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.

38. Không vắt ngược y hai bên khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải
39. Không bỏ y nhảy khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
40. Không bỏ y nhảy khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
41. Không lắc tay khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
42. Không lắc tay khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
43. Không lắc vai khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
44. Không lắc vai khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
45. Không lắc đầu khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
46. Không lắc đầu khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
47. Không lắc thân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
48. Không lắc thân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
49. Không nắm tay nhau khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
50. Không nắm tay nhau khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
51. Không đi khoèo hai chân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
52. Không đi khoèo hai chân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải

53. Không nhón chân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
54. Không nhón chân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
55. Không chống má khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
56. Không chống má khi ngồi trong nhà cư sĩ, cần phải học.
57. Chú tâm nhận canh, cần phải học.
58. Chú tâm nhận cơm, cần phải học.
59. Cơm, canh ăn đều nhau, cần phải học.
60. Không nhận thức ăn đầy bát, cần phải học.
61. Không lừa thức ăn một bên, cần phải học.
62. Không chọn thức ăn ngon giữa bát, cần phải học.
63. Không vo lớn cơm thức ăn, cần phải học.
64. Vắt cơm vừa miếng ăn, cần phải học.
65. Không há miệng đợi thức ăn, cần phải học.
66. Không ngậm đồ ăn mà nói, cần phải học.
67. Không cắn phân nửa cơm, cần phải học.
68. Không nhai thức ăn thành tiếng, cần phải học.
69. Không nuốt trộng thức ăn, cần phải học.
70. Không ăn tiếp khi thức ăn chưa xuống cổ họng, cần phải học.
71. Không le lưỡi ăn, cần phải học.
72. Không ngửi thức ăn lúc ăn, cần phải học.

73. Không liếm thức ăn nơi tay, cần phải học.
74. Không lấy ngón tay vét bát ăn, cần phải học.
75. Không vứt bỏ cơm, thức ăn, cần phải học.
76. Không rảy tay để ăn, cần phải học.
77. Không lấy tay nhơ nhận bình, tách nước uống, cần phải học.
78. Tỳ-kheo không bệnh không được xin cơm canh cho mình, cần phải học.
79. Không lấy cơm phủ lấp canh mong lại được thêm, cần phải học.
80. Không được có tâm ganh tỵ xem thức ăn trong bát người ngồi cạnh, cần phải học.
81. Chú tâm ăn nhìn vào bát, cần phải học.
82. Ăn theo thứ tự, cần phải học.
83. Nước rửa bát không được đổ trong nhà cư sĩ, trừ đã nói với người chủ, cần phải học.
84. Không thuyết pháp cho người đang đi xe, trừ bệnh, cần phải học.
85. Không thuyết pháp cho người đứng trước, mình đứng sau, trừ bệnh, cần phải học.
86. Không thuyết pháp cho người đứng ở trong đường, mình đứng ở ngoài đường, cần phải học, trừ bệnh.
87. Không thuyết pháp cho người đứng ở trên cao, mình đứng dưới thấp, trừ bệnh, cần phải học.
88. Không thuyết pháp cho người ngồi, Tỳ-kheo

đứng, trừ bệnh, cần phải học.

89. Không thuyết pháp cho người nằm, Tỳ-kheo ngồi, trừ bệnh, cần phải học.

90. Không thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ bệnh, cần phải học.

91. Không thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu, trừ bệnh, cần phải học.

92. Không thuyết pháp cho người đứng chống nạnh, trừ bệnh, cần phải học.

93. Không thuyết pháp cho người để hở ngực, trừ bệnh, cần phải học.

94. Không thuyết pháp cho người để hở nách, trừ bệnh, cần phải học.

95. Không thuyết pháp cho người vắt ngược y, trừ bệnh, cần phải học.

96. Không thuyết pháp cho người vắt ngược y hai bên, trừ bệnh, cần phải học.

97. Không thuyết pháp cho người bỏ y nhún nhảy, trừ bệnh, cần phải học.

98. Không thuyết pháp cho người mang guốc, trừ bệnh, cần phải học.

99. Không thuyết pháp cho người cầm dù, trừ bệnh, cần phải học.

100. Không thuyết pháp cho người cầm gậy, trừ bệnh, cần phải học

101. Không thuyết pháp cho người nắm đao năm thước, trừ bệnh, cần phải học.

102. Không thuyết pháp cho người nắm đao nhỏ, trừ bệnh, cần phải học.

103. Không thuyết pháp cho người nắm cung tên và các loại binh khí, trừ bệnh, cần phải học.

104. Không nên đại tiểu tiện và nhổ nước miếng lên cỏ tươi, trừ bệnh, cần phải học.

105. Không nên đại tiểu tiện và nhổ nước miếng vào nước sạch để dùng, trừ bệnh, cần phải học.

106. Không nên đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học.

107. Không nên leo lên cây cao quá đầu người, trừ bệnh, cần phải học.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong pháp Chúng học. Nay xin hỏi các

Đại đức trong pháp Chúng học này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần). Các Đại đức đối với các giới này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Các Đại đức! Đây là bảy pháp Diệt tránh, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Người nên thi hành Tỳ ni hiện tiền thì phải thi hành Tỳ ni hiện tiền.

2. Người nên thi hành Tỳ ni ức niệm thì phải thi hành Tỳ ni ức niệm.
3. Người nên thi hành Tỳ ni bất si thì phải thi hành Tỳ ni bất si.
4. Người nên thi hành Tự ngôn trì thì phải thi hành Tự ngôn trì.
5. Người nên thi hành Mích tội tướng thì phải thi hành Mích tội tướng.
6. Người nên thi hành nhiều người mích tội tướng thì phải thi hành nhiều người mích tội tướng.
7. Trong Tăng sinh ra tranh cãi, cần trừ diệt như cỏ phủ lấp đất, nên phải học.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong bảy pháp Diệt tránh. Nay xin hỏi các Đại đức trong bảy pháp này thanh tịnh không? (Hỏi Ba lần). Các Đại đức đối với các giới này thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Các Đại đức! Tôi đã nói xong tựa Giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, đã nói mười ba pháp Tăng tàn, đã nói hai pháp Bất định, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, đã nói chín mươi pháp Ba-dạ-đề, đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói pháp Chúng học và bảy pháp Diệt tránh. Các giới điều này là Phật dạy đúc kết thành Giới kinh nên mỗi nửa tháng theo trong Giới kinh nói giới. Nếu còn có điều học khác thì phải một lòng học. Như sữa

nước hòa hợp mới được hạnh an lạc. Cần phải học tập.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Phật Tỳ-bà-thi, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Nhẫn nhục, đạo thứ nhất
Niết-bàn, Phật khen ngợi
Xuất gia làm người buồn
Không gọi là Sa-môn.

Thứ hai, Đức Phật Thi Khí, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Như người đôi mắt sáng
Tránh được đường nguy hiểm
Người thông minh trong đời
Thường xa lìa các ác.

Thứ ba, Đức Phật Tỳ Bát Thi, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Không hủy cũng không phạm
Như giới để thực hành
Uống ăn biết vừa đủ
Thường vui nơi chỗ vắng
Tâm thường vui tinh tấn
Đây lời chư Phật dạy.

Thứ tư, Đức Phật Câu Lâu Tôn, Đấng Như Lai

Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Như ong hút mật hoa
Không làm hoại hương sắc
Lấy vị ngọt rồi đi
Tỳ-kheo vào xóm làng
Không làm hỏng việc người
Không nghĩ làm, không làm
Chỉ tự quán thân mình
Quán xét thiện, không thiện.

Thứ năm, Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Muốn tâm được tốt đừng buông lung
Pháp thiện Thánh nhân phải siêng học
Nếu có trí, người lắng nhất tâm
Không còn lo buồn và tai họa.

Thứ sáu, Đức Phật Ca-diếp, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Mọi điều ác chớ làm
Điều thiện luôn hoàn bị
Tự lặng ý chí mình
Là lời chư Phật dạy.

Thứ bảy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, ban đầu lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Lành thay! Hộ trì thân
Hộ trì miệng cũng thiện
Hộ trì ý lành thay!
Hết thảy hộ trì thiện .
Tỳ-kheo hộ trì thảy
Liền được xa các khổ
Tỳ-kheo giữ miệng, ý
Các ác, thân không phạm
Là ba nghiệp thanh tịnh
Đắc đạo của bậc Thánh.
Nếu ai đánh mắng, không báo trả
Với người sân hận, tâm không hận
Với người sân, trong lòng bình thản
Thấy người làm ác, mình không làm.
Bảy Phật là Thế Tôn
Thường cứu giúp thế gian
Phật đã nói Giới kinh
Tôi đã nói rõ xong
Chư Phật và đệ tử
Cung kính Giới kinh này
Đã cung kính Giới kinh
Hết thảy cung kính nhau
Hổ thẹn được đầy đủ
Chúng đắc đạo vô vi.
Tăng một lòng bố-tát.
Tôi đã nói Giới kinh xong.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

NGŨ PHẦN TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

SỐ 1423

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1423
NGŨ PHẦN TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

Hán dịch: Đời Lương, chùa Kiến Sơ,
Sa-môn Thích Minh Huy kết tập.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Mùa Xuân: thiếu một đêm thì qua một tháng, còn trong ba tháng có dư ra một đêm. Già chết đến gần, pháp Phật sắp diệt. Các đại tỷ Tăng, vì sự đắc đạo mà một lòng siêng năng tinh tấn. Vì sao? Vì chư Phật một lòng chuyên cần tinh tấn nên chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, huống chi các pháp thiện khác.

Cung kính chấp đôi tay
Cúng dường Đấng Thích Tôn
Tôi nay sắp nói giới
Tăng một lòng lắng nghe.
Dù chỉ một tội nhỏ
Tâm phải lo sợ lớn
Có tội một lòng sám
Sau đừng tái phạm nữa.
Tâm "Ngựa chạy đường ác"
Buông lung khó kìm giữ
Phật nói giới tu hành
Cũng như cương hàm bén.
Từ miệng, Phật giáo giới

Người thiện luôn tin nhận
Người này "Ngựa" điều thuận
Quân phiền não phá được.
Nếu không tuân lời dạy
Cũng không yêu thích giới
Người này "Ngựa" không điều
Chìm trong quân phiền não.
Là người giữ gìn giới
Như trâu mao thương đuôi
Buộc tâm không buông lung
Như khỉ kia xiềng giữ.
Ngày đêm thường tinh tấn
Cố cầu chân trí tuệ
Là người trong pháp Phật
Được mạng sống thanh tịnh.

Người chưa thọ giới Cụ túc ra chưa? (Có thì y theo lời mời ra, không thì thưa: Ở đây, không có người chưa thọ giới Cụ túc). Các đại tỷ! Các Tỳ-kheo-ni không đến Bố-tát có thuyết dục và thanh tịnh không? (Có thì y lời mà thưa, không thì thưa: Ở đây không ai thuyết dục). Tăng nay hòa hợp trước làm việc gì? (Thưa: Để Yết-ma thuyết giới)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nay ngày mười lăm Bố-tát thuyết giới, Tăng một lòng thực hiện Bố-tát thuyết giới, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đây là lời tác bạch.

Các Đại tỷ! Nay Bố-tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa, tất cả cùng lắng nghe, khéo suy xét nhớ nghĩ, nếu

có tội thì phải phát lồ, không tội thì im lặng. Do im lặng nên biết được, tôi và các Đại tỷ thanh tịnh. Như vị Thánh im lặng, tôi và các Đại tỷ im lặng cũng như vậy. Ba lần xướng hỏi các Tỳ-kheo-ni trong chúng như vậy. Hãy nhớ: Có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý vọng ngữ. Tội cố ý vọng ngữ, như lời Phật dạy là tội làm ngăn cách đạo pháp. Người phát lồ thì được an lạc, không phát lồ, tội càng chồng chất thêm sâu.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói tựa của Giới kinh, nay hỏi: Các Đại tỷ trong đây thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Các Đại tỷ trong chúng này thanh tịnh, do im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

TÁM PHÁP BA LA DI

Các Đại tỷ! Đây là tám pháp Ba-la-di, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với các Tỳ-kheo-ni đồng học giới pháp, giới sút kém không xả theo ý muốn mà hành dâm kể cả cùng với loài súc sinh thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được sống chung.
2. Nếu Tỳ-kheo-ni, hoặc nơi xóm làng, hoặc nơi đất trống vắng, với tâm trộm cắp không cho mà lấy, hoặc bị Vua hay Đại thần bắt, hoặc trói, hoặc giết, hoặc đuổi, mắng: Cô là giặc, kẻ

tiểu nhân, kẻ ngu si thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được sống chung.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni, đối với người hoặc giống như người, hoặc đích thân giết hoặc đưa dao hay thuốc độc cho người khác giết, hoặc sai bảo người giết, hoặc chỉ cách tự giết, đề cao cái chết, khen ngợi cái chết: "Người ơi! Sống với sự xấu xa làm gì! Chết đi còn hơn sống!". Tùy theo tâm sát mà khởi tâm như vậy và cứ như vậy dưới mọi hình thức khác nhau, người kia do vậy phải chết thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được sống chung.
4. Nếu Tỳ-kheo-ni, không biết, không thấy pháp đầy đủ lợi ích của bậc Thánh vượt trên người mà tự xưng ta biết như vạy, ta thấy như vậy. Thời gian sau, Tỳ-kheo-ni này hoặc được hỏi hoặc không được hỏi, vì muốn loại bỏ tội, cầu sự thanh tịnh nên nói lên: Tôi không biết nói biết, không thấy nói thấy, hư cấu, dối gạt, vọng ngữ, trừ tăng thượng mạn, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung.
5. Nếu Tỳ-kheo-ni, dục quá mạnh, tâm biến loạn, đồng ý cho người nam với nhiều hình thức xúc chạm, từ mái tóc trở xuống, đầu gối trở lên, vòng ra sau khuỷu tay thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được sống chung.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni, dục quá mạnh, tâm biến loạn, đồng ý cho người nam nắm tay, nắm y, một mình cùng hẹn gặp, một mình cùng đi chung, một mình cùng đứng chung, một mình cùng trò chuyện, một mình cùng ngồi một chỗ ngồi, thân áp sát vào người nam, tám pháp không sót pháp nào thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di không được sống chung.
7. Nếu Tỳ-kheo-ni, biết Tăng như pháp tác pháp Yết-ma không nhận tội cho Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo không chung sống, không cùng làm việc, không cùng nói chuyện mà Tỳ-kheo-ni thuận theo Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này cô! Tỳ-kheo này Tăng đã tác pháp Yết-ma không nhận tội, các Tỳ-kheo không chung sống, không cùng làm việc, không cùng nói chuyện, cô đừng tùy thuận". Can gián như vậy mà cương quyết không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di không được sống chung.
8. Nếu Tỳ-kheo-ni, thấy Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di mà che giấu. Tỳ-kheo-ni kia, thời gian sau, còn sống hoặc chết, hoặc đi xa, hoặc bị đuổi, hoặc thôi tu, hoặc thay đổi hình sắc, nói lên lời này: "Chính tôi, trước kia, thấy cô ni kia phạm tội Ba-la-di" thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di

không được sống chung.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói tám pháp Ba-la-di, nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một giới thì không được sống chung, giống như trước kia sống thế tục và sau khi phạm tội cũng như vậy, Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung. Nay hỏi các Đại tỷ: Trong tám pháp Ba-la-di này có thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Các Đại tỷ! Đối với các giới này thanh tịnh vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

17 PHÁP TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Các Đại tỷ! Đây là mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, mỗi nửa tháng tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc mai mối hoặc vì việc thông dâm lén lút, đem ý người nam đến nói với người nữ, đem ý người nữ đến nói với người nam, dẫn đến chỉ một lần giao hội thì Tỳ-kheo-ni này, ngay từ đầu đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.
2. Nếu Tỳ-kheo-ni, tự thân không như pháp, sân giận ác ý đem pháp Ba-la-di không căn cớ hủy báng Tỳ-kheo-ni không phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của vị ấy. Tỳ-kheo-ni ấy, một thời gian sau, hoặc ai có hỏi hoặc không hỏi, tự nói: "Việc ấy không căn cứ, vì tôi trong lúc giận dữ nên báng bổ thì Tỳ-kheo-ni này,

ngay từ đầu hành động đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni, tự thân không như pháp, nóng giận ác ý, đối với trong phần việc khác rút ra một khía cạnh, hoặc khía cạnh tương tợ làm thành tội Ba-la-di để hủy báng Tỳ-kheo-ni không phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh vị kia. Tỳ-kheo-ni này, thời gian sau, hoặc có ai hỏi hoặc không hỏi, tự nói: "Việc này trong phần khác, tôi lấy ra một khía cạnh, hoặc khía cạnh tương tợ, vì tôi trong nóng giận nên báng bổ thôi, thì ngay từ đầu hành động, Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.
4. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ có tội, song chủ cô ta không cho phép tu mà vẫn độ, trừ trước kia có xuất gia, thì ngay từ đầu hành động, Tỳ-kheo-ni này phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.
5. Nếu Tỳ-kheo-ni, biết Tăng như pháp tẫn xuất Tỳ-kheo-ni với cô ni này tâm chưa điều phục, không tùy thuận Tăng mà tự mình cùng với nhóm thân nhau ra ngoài cương giới, giải tôi tẫn xuất cho cô ấy, thì Tỳ-kheo-ni này, ngay từ đầu hành động đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.
6. Nếu Tỳ-kheo-ni, ngủ một mình, lội qua nước

một mình, trên đường đi, đi sau một mình, say đắm người nam, trừ nhân duyên, thì Tỳ-kheo-ni này, ngay từ đầu hành động, đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội. Nhân duyên là khi bị khủng bố phải chạy, khi già yếu, đau bệnh, quá mệt mỏi không theo kịp bạn. Chỗ nước hẹp cạn có cầu đò, chỗ sợ có người nam thì đây gọi là nhân duyên.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni đến quan thưa kiện người khác thì Tỳ-kheo-ni này, ngay từ đầu hành động đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm đắm, tự tay nhận thức ăn của người nam tâm đắm nhiễm và ăn thì Tỳ-kheo-ni này, ngay từ đầu hành động đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni, chỉ bảo Tỳ-kheo-ni nào đó: Miễn cô đừng sinh tâm nhiễm đắm thì nhận thức uống ăn của người nam nhiễm đắm có phiền gì đâu? Tỳ-kheo-ni này, ngay từ đầu hành động đã phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni, vì muốn phá hòa hợp Tăng nên tìm phương tiện. Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni này: Cô đừng vì phá hòa hợp Tăng mà cần đến phương tiện, nên cùng Tăng hòa

hợp. Tăng được hòa hợp, hoan hỷ không tranh cãi, một lòng cùng học một thầy thì như nước với sữa hòa hợp, cùng nhau làm lớn rộng hạnh an lạc mà đức Đạo sư đã dạy. Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Can gián lần thứ hai, lần thứ ba mà bỏ thì ấy là việc tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này, qua Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni, hỗ trợ phá hòa hợp Tăng, hoặc một, hoặc hai hoặc số đông nói với các Tỳ-kheo-ni: "Việc Tỳ-kheo-ni này nói lên, phải biết mới nói chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp không nói phi pháp, nói đúng luật không nói phi luật, các điều ấy làm cho chúng tôi vui chấp nhận". Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni này: "Cô đừng nên nói lời ấy: Tỳ-kheo-ni này biết mới nói chứ chẳng phải không biết mà nói, nói đúng pháp không nói phi pháp, nói đúng luật không nói phi luật, các điều ấy làm cho chúng tôi vui chấp nhận". Tại sao vậy? Vì Tỳ-kheo-ni này chẳng phải biết mà nói, chẳng phải nói đúng pháp, chẳng phải nói đúng luật. Cô đừng vui hỗ trợ phá hòa hợp Tăng, nên vui hỗ trợ hòa hợp Tăng. Tăng được hòa hợp hoan hỷ, không tranh cãi, một lòng học một giới thì như nước với sữa hòa hợp, cùng nhau hoằng truyền lời dạy của Đạo

sư, đạt được hạnh an lạc. Can gián như vậy mà ngoan cố không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba.

Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, không bỏ, thì Tỳ-kheo-ni này, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni tánh hung ác, khó dạy bảo, cùng các Tỳ-kheo-ni đồng học giới kinh, thường phạm tội. Các Tỳ-kheo-ni như pháp, như luật can gián tội cô ni ấy mắc phải. Cô đáp: "Đại tỷ! Cô đừng nói với tôi hoặc tốt, hoặc xấu, tôi cũng không đem điều tốt, xấu để nói với cô". Các Tỳ-kheo-ni lại nói: "Cô đừng tự cao cho mình không thể cùng ai nói chuyện. Cô phải vì các Tỳ-kheo-ni nói điều như pháp, các Tỳ-kheo-ni cũng sẽ vì cô nói điều như pháp. Sự trao đổi chỉ vẽ cho nhau rộng rãi như vậy sẽ làm chuyển đổi, loại ra các tội lỗi, mới thành chúng Tăng của Như Lai". Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, không bỏ, thì Tỳ-kheo-ni này, sau Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni, sống nương tựa xóm làng, hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ, hành vi xấu này mọi người đều thấy, nghe, biết, hoen ố tín đồ ai cũng thấy, nghe, biết. Các Tỳ-kheo-

ni nói với Tỳ-kheo-ni này: "Cô hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ. Hành động xấu xa ai cũng thấy, nghe, biết, làm hoen ố tín đồ ai cũng đều thấy, nghe, biết. Cô hãy ra đi, không nên sống trong xóm làng". Tỳ-kheo-ni kia nói: "Các Đại tỷ giải quyết theo thương, giận, si, sợ. Tại sao vậy? Vì có Tỳ-kheo-ni cũng đồng các tội như thế, nhưng có người bị đuổi đi, có người lại không bị đuổi". Các Tỳ-kheo-ni lại nói: "Cô đừng phát lời như vậy, bảo các Đại tỷ giải quyết tùy thuộc vào thương, giận, si, sợ. Có Tỳ-kheo-ni cũng đồng các tội như thế, có người bị đuổi đi, có người không bị đuổi. Cô hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ. Hành vi xấu xa này ai cũng thấy, nghe, biết. Làm hoen ố tín đồ mọi người cũng nghe, thấy, biết. Cô phải bỏ lời nói: Làm theo thương, giận, si, sợ. Cô hãy ra đi không nên sống trong xóm làng này". Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này, qua Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

14. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng nhau làm hạnh ác tiếng xấu đồn vang, lại che giấu cho nhau, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni bảo: "Hai cô là Tỳ-kheo-ni hành động ác, tiếng xấu vang

khắp, lại cùng nhau che giấu tội, xúc não chúng Tăng. Hai cô nên rời xa nhau, bỏ các thói xấu này, đừng làm việc xúc não Tăng chúng thì ở trong pháp Phật mới tăng ích rộng rãi, đạt được đời sống an lạc". Hai Tỳ-kheo-ni ấy nói: "Chúng tôi không làm việc ác, không bị tiếng xấu đồn vang, không che giấu tội cho nhau, không xúc não Tăng. Ở nơi đây lại có hai Tỳ-kheo-ni khác cùng nhau làm việc ác, xúc não chúng Tăng". Các Tỳ-kheo-ni lại nói: "Hai cô đừng nói lên lời này! Vì sao vậy? Vì trong đây không hề có hai Tỳ-kheo-ni nào khác làm ác, xúc não Tăng mà chỉ có hai cô thôi! Hai cô phải rời xa nhau, bỏ việc làm ác, xúc não chúng Tăng thì ở trong pháp Phật mới tăng ích rộng rãi, đạt được đời sống an lạc". Can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ được thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này, qua Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

15. Nếu hai Tỳ-kheo-ni cùng làm việc ác tiếng xấu đồn vang, lại che giấu tội cho nhau, xúc não chúng Tăng. Các Tỳ-kheo-ni bảo: "Hai cô là Tỳ-kheo-ni cùng làm việc ác, tiếng xấu đồn vang, lại che giấu tội cho nhau, xúc não chúng Tăng. Hai cô nên rời xa nhau, bỏ đi thói làm

ác này và xúc não chúng Tăng thì ở trong pháp Phật mới tăng ích rộng rãi, đạt được đời sống an lạc". Hai Tỳ-kheo-ni nói: "Chúng tôi không làm việc ác, không có tiếng xấu đồn vang, không che giấu tội nhau, không xúc não chúng Tăng. Tăng thấy chúng tôi yếu kém, khinh dể chúng tôi nên nói lời như vậy". Các Tỳ-kheo-ni lại nói: "Hai cô đừng nói lên lời này. Vì sao vậy? Vì Tăng không thấy hai cô kém yếu, khinh dể các cô. Các cô nên rời xa nhau, bỏ đi việc làm ác và xúc não Tăng thì ở trong pháp Phật mới tăng ích rộng rãi, đạt được đời sống an lạc". Can gián như vậy mà kiên trì không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này, qua Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

16. Nếu Tỳ-kheo-ni ưa tranh cãi với người khác, Tăng xử đoán việc ấy, lại nói: "Tăng xử đoán tùy thuộc ưa, ghét, si, sợ". Các Tỳ-kheo-ni nói: "Cô đừng thích tranh cãi cùng người khác, đừng cho Tăng xử đoán theo cảm tính: yêu, ghét, si, sợ. Tại sao vậy? Vì Tăng không lệ thuộc vào yêu, ghét, si, sợ, các cô phải bỏ đi lời nói này thì ở trong pháp Phật mới tăng ích rộng rãi, đạt được đời sống an lạc". Can gián như vậy mà cương quyết không bỏ thì

nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này, qua Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni thích tranh cãi với người khác, Tăng xử đoán việc ấy, lại nói: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, xả giới làm ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng có học giới, cũng có hổ thẹn, tôi sẽ đến đó tu phạm hạnh". Các Tỳ-kheo-ni bảo: "Cô đừng thích tranh cãi với người khác, đừng nói: Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Tại sao vậy? Vì Sa-môn, Bà-la-môn khác không học giới, không có hổ thẹn. Cô làm sao tu phạm hạnh với họ được? Cô loại bỏ ác kiến này thì ở trong pháp Phật mới tăng ích rộng lớn, đạt được đời sống an lạc". Can gián như vậy mà cương quyết không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này, qua Ba lần can gián, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, phải sám hối tội.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới đầu phạm thành tội ngay, tám giới tiếp theo, sau Ba lần can gián mới thành tội. Tỳ-kheo-ni nào phạm mỗi một tội thì phải giữa hai bộ Tăng, nửa tháng sám "Ma-na-đỏa", tiếp theo việc giải tội, sau khi như pháp cầu xin thì việc giải

tội cho đương sự phải giữa hai bộ Tăng, mỗi bộ đủ hai mươi vị. Nếu thiếu một thì việc giải tội không thành, các Tỳ-kheo-ni cũng bị quở trách. Pháp ứng xử phải như vậy. Nay xin hỏi các Đại tỷ trong mười bảy pháp này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Các Đại tỷ đối với mười bảy pháp này thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ

Các Đại tỷ! Đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni, năm y đã có đủ, y Ca-hi-na đã xả, y dư được cất đến mười ngày, nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
2. Nếu Tỳ-kheo-ni, y đã đủ, y Ca-hi-na đã xả, trong năm y rời mỗi một y để ngủ, quá một đêm, trừ Tăng Yết-ma, thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
3. Nếu Tỳ-kheo-ni, y đủ số, y Ca-hi-na đã xả, được vải y phi thời, nếu cần thì nên nhận may để thọ trì. Nếu đủ vải thì tốt còn không đủ thì chờ đợi nơi nào đó có cho thêm khiến đủ vải may thành y. Việc này chỉ kéo dài một tháng, nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.
4. Nếu Tỳ-kheo-ni đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải

bà con để xin y, trừ nhân duyên, thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nhân duyên là: Y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, y cũ hư, ấy là nhân duyên.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni, y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, y hư cũ, đến cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con xin y. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ muốn cho nhiều y, thì Tỳ-kheo-ni này nên nhận hai y, nếu nhận quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

6. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con cùng bàn bạc với nhau: "Nên lấy số tiền y này may y cho Tỳ-kheo-ni ấy". Tỳ-kheo-ni này trước không được mời nhận tùy ý, liền đến hỏi cư sĩ, vợ cư sĩ: "Các vị sử dụng số tiền y như vậy để may y cho tôi phải không?". Họ thưa: "Đúng như vậy". Tỳ-kheo-ni khen: "Lành thay! Nên may y như vậy, như vậy cúng cho tôi, vì muốn cho tốt", thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

7. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con cùng nhau bàn bạc: "Nên sử dụng số tiền y của mỗi chúng ta như thế để may y cúng cho Tỳ-kheo-ni ấy". Tỳ-kheo-ni này trước không được mời nhận tùy ý liền đến cư sĩ, vợ cư sĩ nói: "Riêng mỗi vị sử dụng số tiền y của mình để may y cúng cho tôi phải không?". Họ đáp: "Đúng như vậy!". Tỳ-kheo-ni liền khen: "Lành thay! Các vị có thể góp tiền lại may một y mà thôi

để cúng cho tôi, vì cố cho tốt", thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

8. Nếu Vua hoặc Đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, vì Tỳ-kheo-ni sai người mang số tiền y đến cúng. Người sứ giả đến chỗ Tỳ-kheo-ni thưa: "Đại tỷ! Đại thần, Vua ấy cho tôi mang số tiền y này đến đây cúng, xin nhận cho". Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không được phép nhận tiền y này, nếu được y thanh tịnh thì tôi mới nhận để thọ trì". Người sứ nói: "Này cô! Có người nào giúp việc không?". Tỳ-kheo-ni liền chỉ chỗ người đó. Người sứ liền đến chỗ người chấp sự nói: "Đại thần, nhà Vua tên... sai tôi mang số tiền y đến đây cúng cho Tỳ-kheo-ni tên là…, cô hãy vì Tỳ-kheo-ni nhận tiền may y, lúc ấy cô trao cúng cho Tỳ-kheo-ni thì tiện hơn". Người sứ giả sau khi trao tiền cho người chấp sự liền quay trở lại chỗ Tỳ-kheo-ni bạch: "Đại tỷ! Người chấp sự mà cô chỉ, tôi đã trao tiền y rồi. Đại tỷ cần y thì có thể đến đó lấy". Tỳ-kheo-ni này hai phen, ba phen đến chỗ người chấp sự nói: "Tôi cần y! Tôi cần y!". Nếu nhận được y thì tốt, còn không được thì phen thứ tư, phen thứ năm, phen thứ sáu đến trước người chấp sự đứng im lặng. Nếu nhận được thì tốt, nếu quá sáu phen mà nhận được thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Trường hợp không được y thì nên tìm đến chỗ ở người sứ

giả của Đại thần, hoặc đích thân hoặc sai người thân tín nói: "Ông đã vì Tỳ-kheo-ni tên là… mang số tiền y đến cúng, song Tỳ-kheo-ni này cuối cùng chẳng nhận được, ông đích thân quay trở lại đó đòi lại đừng để bị mất". Việc này là nên làm.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni đích thân đi xin tơ tằm thuê thợ dệt, dệt làm y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

10. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni thuê thợ dệt dệt làm y. Tỳ-kheo-ni này trước không mời nhận tùy ý, liền đến chỗ thợ dệt nói như vầy: Ông biết không? Y này là may cho tôi, ông cố gắng vì tôi mà dệt cho khéo vừa rộng vừa sắc sảo, đương nhiên đặc biệt đền ơn ông tương xứng. Sau đó hoặc trao cho một bữa ăn hoặc trị giá tiền một bữa ăn, nhận được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni cho y Tỳ-kheo-ni khác, sau giận không vui, hoặc tự đoạt lại hoặc sai người đoạt, nói như vầy: Trả lại y cho tôi, tôi không cho cô nữa, thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni, biết vật đó đàn-việt muốn cúng cho Tăng lại xoay về cúng cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni bệnh được phép uống bốn loại thuốc dễ tiêu hóa, một lần nhận được: sữa,

dầu, mật, đường phèn để dùng đến bảy ngày. Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni, tiền hoặc hậu an cư còn mười ngày mới đến Tự tứ, nhận được y cúng gấp, nếu cần nên nhận để đến thời của y, nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni, bát chưa đủ năm đường hàn, lại xin bát mới, vì muốn được tốt thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo-ni, cầu lợi mua rẻ bán đắt, mua bán các thứ thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni, sử dụng vàng, bạc và tiền để mua bán các loại thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni tự cầm lấy vàng, bạc và tiền, hoặc sai người cầm hoặc khởi tâm thọ nhận thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo-ni, vật trước đã xin được, không dùng, lại xin vật khác thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo-ni, y phi thời nhận làm y đúng thời thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo-ni, đổi y cho Tỳ-kheo-ni khác, sau tiếc nên đòi trở lại, đòi được y thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni nói: Cô lấy đồ mặc để che nguyệt thủy, tự mình nói không

sử dụng, đến khi cần lại lấy trước thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo-ni xin y dày mùa lạnh thì nên nhận loại y kém nhất, trị giá bốn đại tiền thôi. Nếu nhận loại y quý giá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo-ni xin y mỏng mùa nóng thì nên nhận loại y kém nhất, trị giá hai đại tiền rưỡi thôi. Nếu nhận y quý giá thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo-ni, vì Tăng làm công việc này đến một cư sĩ xin phương tiện nhưng đem sử dụng vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo-ni, vì Tăng làm công việc này, đến nhiều người cư sĩ xin phương tiện nhưng sử dụng vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo-ni làm công việc cho mình, đến một cư sĩ xin phương tiện rồi tự đổi ý sử dụng phương tiện này vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo-ni làm công việc cho mình, đến nhiều người cư sĩ xin phương tiện, tự đổi ý sử dụng phương tiện này vào việc khác thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo-ni tích lũy cất giấu nhiều vật

dụng thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo-ni gom góp chứa nhiều bình bát thì phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại tỷ trong ba mươi pháp này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy).

Các Đại tỷ trong ba mươi giới này thanh tịnh, vì im lặng. Việc này, tôi ghi nhận như vậy.

210 PHÁP BA DẬT ĐỀ

Các Đại tỷ! Đây là hai trăm mười pháp Ba-dật-đề, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý nói dối thì phạm Ba-dật-đề.
2. Nếu Tỳ-kheo-ni mắng, hủy báng Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.
3. Nếu Tỳ-kheo-ni nói hai lưỡi, tranh cãi với Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.
4. Nếu Tỳ-kheo-ni nói pháp cho người nam quá năm, sáu lời, trừ có người nữ hiểu biết phân biệt lời nói tốt, xấu thì phạm Ba-dật-đề.
5. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tăng như pháp xử đoán việc rồi, khơi trở lại thì phạm Ba-dật-đề.
6. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy kinh cho người nữ chưa thọ giới Cụ túc và cùng tụng thì phạm Ba-dật-

đề.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với người nữ chưa thọ giới Cụ túc mà đồng ngủ một nhà quá ba đêm thì phạm Ba-dật-đề.
8. Nếu Tỳ-kheo-ni đến với người nữ chưa thọ giới Cụ túc tự nói chứng đắc pháp vượt trên người: "Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy", thật có đi nữa thì cũng phạm Ba-dật-đề.
9. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội nặng mà đem nói cho người chưa thọ giới Cụ túc biết, trừ Tăng Yết-ma, thì phạm Ba-dật-đề.
10. Nếu Tỳ-kheo-ni nói như vầy: Có ích gì khi nói các giới vụn vặt này, khi nói giới này chỉ khiến người ta phiền não", chê bai giới như vậy thì phạm Ba-dật-đề.
11. Nếu Tỳ-kheo-ni tự chặt phá thôn xóm của quỷ thần, hoặc sai người chặt phá thì phạm Ba-dật-đề.
12. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý trả lời không theo vấn đề được hỏi thì phạm Ba-dật-đề.
13. Nếu Tỳ-kheo-ni vu khống người được Tăng sai thì phạm Ba-dật-đề.
14. Nếu Tỳ-kheo-ni, nơi đất trống đích thân trải ngọa cụ của Tăng hay sai người trải, hoặc người khác trải, hoặc nằm hay ngồi, khi đi không tự dọn cất, không bảo người cất, không

dặn người thu dọn, thì phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong phòng Tăng, tự mình trải ngọa cụ của Tăng, hoặc sai người trải, hoặc người khác trải, hoặc ngồi, hay nằm, khi đi không tự dọn cất, không bảo ai dọn dẹp, không dặn nhờ dọn cất, thì phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo-ni tức giận không vui ở trong khu vực của Tăng tự mình lôi kéo Tỳ-kheo-ni khác ra khỏi phòng, hoặc sai khiến người lôi kéo, nói như vầy: "Ra ngay! Đi cho khuất mắt! Đừng ở trong đây nữa!" thì phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người khác, trước đã trải ngọa cụ, sau chiếm chỗ tự trải, hoặc sai người trải với ý nghĩ: "Nếu họ người kia không vui thì tự phải ra đi", thì phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni, trên gác nhà Tăng đặt giường dây, giường cây có chân nhọn mà cố sức ngồi nằm lên thì phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo-ni biết nước có trùng, hoặc lấy tưới lên bùn hoặc dùng vào các việc ăn, uống... thì phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo-ni thường ăn nhiều bữa, trừ nhân duyên, thì phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là: khi bệnh, khi may y, khi cúng y, đó là nhân duyên.

21. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận lời mời ăn riêng chúng, trừ nhân duyên, thì phạm Ba-dật-đề. Nhân

duyên là: khi bệnh, khi cúng y, khi may y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội. Đây gọi là nhân duyên.

22. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, nơi cúng một bữa ăn, ăn quá một bữa thì phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà cư sĩ được cúng đồ ăn thức uống một cách tùy hỷ, nào bánh, nào bún... Nếu không ăn tại chỗ nhà ấy, cần thì nhận hai, ba bát rồi ra ngoài, nên san sẻ cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn. Nếu không bệnh mà nhận quá mức này và không san sẻ cho Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn xong rồi, ăn lại mà không làm pháp tàn thực thì phạm Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo-ni, biết Tỳ-kheo-ni đồng phạm hạnh ăn xong rồi lại nài ép, khuyên ăn cho bằng được, nhưng không làm pháp thức ăn dư, khiến cho vị ấy ăn để phạm, thì phạm Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo-ni không được mời mà để thức ăn vào miệng, trừ nếm thức ăn, tăm xỉa răng và nước thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn thức ăn dư để cách đêm thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo-ni trong "Nhà ăn" cùng ngồi với

người nam thì phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo-ni xem binh lính hành quân thì phạm Ba-dật-đề.

31. Nếu Tỳ-kheo-ni có nhân duyên đến trong quân đội, được ở đến hai, ba đêm, nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo-ni có nhân duyên đến ở trong quân đội hai, ba đêm, xem quân trận chiến đấu thì phạm Ba-dật-đề.

33. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lời như vầy: "Như tôi hiểu chỗ Phật dạy thì pháp chướng ngại đạo không hề chướng ngại đạo". Các Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni này: "Cô đừng nói lên lời này, đừng hủy báng Phật, đừng vu khống Phật! Phật dạy pháp làm ngăn che đạo thì thật sự làm ngăn che đạo, cô nên bỏ tà kiến xấu ác này". Khi can gián mà ngoan cố không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ, ấy là tốt, không bỏ, thì phạm Ba-dật-đề.

34. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni này không như pháp sám hối tội, không bỏ tà kiến ác, mà cùng ở chung, cùng nói chuyện, cùng ngủ, cùng làm việc thì phạm Ba-dật-đề.

35. Sa-di-ni nào nói lời như vầy: "Như tôi hiểu lời Phật dạy: "Nếu thọ năm dục thì không hề ngăn che đạo". Các Tỳ-kheo-ni nói với Sa-di-ni

này: "Sa-di-ni chớ nói lời ấy, đừng hủy báng Phật, đừng vu khống Phật. Phật dạy năm dục là ngăn che đạo thì thật sự làm ngăn che đạo. Sa-di-ni! Cô hãy bỏ tà kiến ác này". Can gián như vậy mà ngoan cố không bỏ thì nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba. Lần thứ hai, lần thứ ba can gián mà bỏ, ấy là tốt, nếu không bỏ, các Tỳ-kheo-ni nên nói với Sa-di-ni này: "Cô đi ra khỏi đây, từ nay đừng gọi Phật là thầy tôi, đừng đi theo sau các Tỳ-kheo-ni. Các Sa-di-ni khác được ngủ cùng các Tỳ-kheo-ni hai đêm, cô cũng không được việc này. Này người ngu, đi ra ngay, đi khỏi đây, đừng sống nơi đây nữa". Nếu Tỳ-kheo-ni biết Sa-di-ni đã bị như pháp ruồng đuổi mà giữ lại cùng ở chung, cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý giết súc vật thì phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo-ni cố tình làm cho Tỳ-kheo-ni khác nghi ngờ hối hận với chủ ý khiến Tỳ-kheo-ni này buồn phiền dù chỉ thoáng chốc thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo-ni, khi Tăng xử đoán việc không giữ dục mà đứng dậy ra đi thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo-ni thọc lét Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo-ni đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.
41. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng ngủ một nhà có người nam, thì phạm Ba-dật-đề.
42. Nếu Tỳ-kheo-ni uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.
43. Nếu Tỳ-kheo-ni khinh dể thầy thì phạm Ba-dật-đề.
44. Nếu Tỳ-kheo-ni tự đào đất hoặc sai người đào, bảo đào chỗ này thì phạm Ba-dật-đề.
45. Nếu Tỳ-kheo-ni sau khi cùng cãi vã, im lặng ghim lấy ý nghĩ: "Điều gì các Tỳ-kheo-ni nói, ta sẽ ghi nhớ" thì phạm Ba-dật-đề.
46. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận bốn tháng mời như ý muốn, nhận quá mức này, trừ được mời lại, đích thân mang đến mời, mời lâu dài, thì phạm Ba-dật-đề.
47. Nếu Tỳ-kheo-ni thường phạm tội, các Tỳ-kheo-ni như pháp can gián, lại nói như vầy: "Tôi không học giới này, tôi sẽ hỏi Tỳ-kheo-ni trì luật, trì pháp khác" thì phạm Ba-dật-đề.
48. Nếu Tỳ-kheo-ni, khi nói giới lại nói: "Tôi nay mới biết pháp này", nhưng pháp này mỗi nửa tháng Bố-tát đều nói theo trong giới kinh. Các Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia đã đến hai, Ba lần trong đây ngồi nghe nói giới, Tỳ-kheo-ni kia không thể viện cớ không biết mà chạy tội,

phải tùy theo chỗ phạm tội mà như pháp trị, phải khiển trách tội không biết của cô này, hành động của cô là không tốt, khi thuyết giới không một lòng lắng nghe, không tập trung tâm vào việc này thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo-ni hẹn cùng đi với đám giặc một đường, từ xóm làng này đến xóm làng khác thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo-ni hẹn cùng đi một đường với người nam, từ xóm làng này đến xóm làng khác thì phạm Ba-dật-đề.

51. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, vì muốn sưởi ấm nên đốt lửa hoặc sai người đốt lửa thì phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo-ni đối với các loại vật quý báu tự mình lấy hoặc sai người lấy, trừ ở trong Tăng phường và nơi nghỉ qua đêm, thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu trong Tăng phường và nơi nghỉ lại đêm, nhặt được vật báu các loại, sau có chủ xin thì trả lại. Việc này phải ứng xử đúng như vậy.

53. Nếu Tỳ-kheo-ni nội trong nửa tháng mà tắm, trừ nhân duyên, thì phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là: khi bệnh, khi làm việc, khi đi đường, lúc gió, mưa, khi nóng bức, ấy là nhân duyên.

54. Nếu Tỳ-kheo-ni vì giận cố ý đánh Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo-ni vì giận lấy tay dọa đánh Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.
56. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý gây hoảng hốt sợ hãi cho Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.
57. Nếu Tỳ-kheo-ni sử dụng vô căn cứ tội Tăng-già-bà-thi-sa để vu báng Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.
58. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Đi theo tôi đến các nhà, cô sẽ được cúng các thức ăn uống ngon lành". Khi cùng đến, không được cúng mà còn bị xua đuổi, nói: Cô đi đi! Ngồi với cô, nói chuyện với cô không vui! Tôi ngồi một mình, nói một mình vui hơn", nhằm làm vị ấy buồn, thì phạm Ba-dật-đề.
59. Nếu Tỳ-kheo-ni, y mới thì phải làm dấu bằng ba loại màu: hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan. Nếu không lấy ba loại màu này làm dấu thì phạm Ba-dật-đề.
60. Nếu Tỳ-kheo-ni vì đùa giỡn giấu y bát, hoặc tọa cụ, ống đựng kim hay bất cứ dụng cụ sinh hoạt nào của Tỳ-kheo-ni khác, hoặc sai khiến người giấu, thì phạm Ba-dật-đề.
61. Nếu Tỳ-kheo-ni, khi Tăng xử đoán việc, như pháp giữ dục xong, sau lại trách cứ thì phạm Ba-dật-đề.
62. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lời như vầy: "Các Tỳ-kheo-ni tùy theo chỗ quen biết, xoay vật của

Tăng về cho họ”, thì phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo-ni, y đã tịnh thí cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni rồi chiếm đoạt lấy lại thì phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận lời mời ăn của người khác, trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đến các nhà thí chủ không đến báo cho các Tỳ-kheo-ni khác, trừ nhân duyên, thì phạm Ba-dật-đề. Nhân duyên là: Thời gian của y. Đó là nhân duyên.

65. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bông Đâu-la để dồn tọa cụ, ngọa cụ thì phạm Ba-dật-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo-ni tự mình làm giường dây, giường cây nằm, ngồi thì chân giường cao bằng tám ngón tay Đức Phật trừ khúc vào mộng, nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo-ni làm ống đựng kim bằng xương, răng, sừng thì phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo-ni may y thì kích cỡ y bằng kích cỡ y của Như Lai, nếu quá thì phạm Ba-dật-đề. Kích cỡ y của Đức Phật là: Dài chín gang tay, rộng sáu gang tà. Đây gọi là cỡ y của Đức Phật.

69. Nếu Tỳ-kheo-ni biết đàn-việt muốn cúng vật cho Tăng lại xoay về cho người khác thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi thì phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy tay vỗ nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.
72. Nếu Tỳ-kheo-ni làm nam căn để vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.
73. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy nước rửa nữ căn, nên sử dụng hai ngón tay đưa vào chừng một đốt để rửa, nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.
74. Nếu Tỳ-kheo-ni cạo lông nách và lông chỗ kín thì phạm Ba-dật-đề.
75. Nếu Tỳ-kheo-ni, nơi chỗ thanh vắng, một mình với Tỳ-kheo cùng đứng, cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.
76. Nếu Tỳ-kheo-ni, nơi chỗ thanh vắng, một mình với bạch y và ngoại đạo cùng đứng, cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.
77. Nếu Tỳ-kheo-ni, ở chỗ trống, một mình với Tỳ-kheo cùng đứng cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.
78. Nếu Tỳ-kheo-ni, ở chỗ trống, một mình với bạch y và ngoại đạo cùng đứng cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.
79. Nếu Tỳ-kheo-ni, nơi ngả tư, đường hẻm với Tỳ-kheo cùng đứng nói kề tai đủ nghe, lại bảo bạn Tỳ-kheo-ni phải đi tránh ra xa thì phạm Ba-dật-đề.
80. Nếu Tỳ-kheo-ni đi trong đường hẻm một mình với bạch y và ngoại đạo cùng đứng, cùng kề

tai nói chuyện đủ nghe, lại bảo bạn Tỳ-kheo-ni phải đi tránh xa thì phạm Ba-dật-đề.

81. Nếu Tỳ-kheo-ni lõa hình tắm rửa thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Tỳ-kheo-ni đi không mang theo áo tắm thì phạm Ba-dật-đề.

83. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận được y mới của Tỳ-kheo-ni khác, trước dùng để tượng trưng cúng dường, mà không trả lại, thì phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo-ni ngăn chận Tăng phân chia y thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận y của Tỳ-kheo-ni khác đã được tháo tung ra, không bệnh, mà quá bốn, năm ngày may lại không thành y thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo-ni rời năm y mà đi đường thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy y của mình đem cho bạch y và nữ ngoại đạo thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy bớt vật cúng cho cá nhân đem cúng cho Tăng thì phạm Ba-dật-đề.

89. Nếu Tỳ-kheo-ni cai quản việc nhà người thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo-ni không an cư thì phạm Ba-dật-đề.

91. Nếu Tỳ-kheo-ni không nương vào chúng Tỳ-kheo an cư thì phạm Ba-dật-đề.

92. Nếu Tỳ-kheo-ni đang an cư mà đi đây đó thì phạm Ba-dật-đề.

93. Nếu Tỳ-kheo-ni an cư xong không đến thỉnh Tỳ-kheo Tăng về tội thấy, nghe, nghi của mình thì phạm Ba-dật-đề.

94. Nếu Tỳ-kheo-ni được mời đến an cư xong rồi, không đi ngủ lại một đêm thì phạm Ba-dật-đề.

95. Nếu Tỳ-kheo-ni, ở trong nước nơi bị khủng bố, không có chỗ nương nhờ mà đi một mình thì phạm Ba-dật-đề.

96. Nếu Tỳ-kheo-ni ra ngoài nước, nơi có khủng bố, không có chỗ nương cậy mà đi một mình thì phạm Ba-dật-đề.

97. Nếu Tỳ-kheo-ni an cư xong không gửi gắm Tinh xá cho ai mà bỏ ra đi thì phạm Ba-dật-đề.

98. Nếu Tỳ-kheo-ni an cư xong, bỏ Tinh xá, không hoàn trả lại cho chủ ra đi thì phạm Ba-dật-đề.

99. Nếu Tỳ-kheo-ni dạo chơi xem đủ mọi thứ thì phạm Ba-dật-đề.

100. Nếu Tỳ-kheo-ni nửa tháng không đến trong Tăng cầu xin thầy giáo giới thì phạm Ba-dật-đề.

101. Nếu Tỳ-kheo-ni vào trú xứ có Tỳ-kheo, thấy Tỳ-kheo mà không bạch, trừ khi gặp nạn khẩn cấp, thì phạm Ba-dật-đề.

102. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai hạ lạp mà nuôi người làm thân thuộc thì phạm Ba-dật-đề.

103. Nếu Tỳ-kheo-ni đủ mười hai hạ lạp Tăng không tác pháp Yết-ma cho nuôi chúng mà vẫn nuôi thì phạm Ba-dật-đề.

104. Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã có chồng chưa đủ mười hai tuổi thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

105. Nếu Tỳ-kheo-ni, người nữ đã có chồng đủ mười hai năm, Tăng không tác pháp Yết-ma cho phép mà cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

106. Nếu Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ mười tám tuổi thọ Học giới thì phạm Ba-dật-đề.

107. Nếu Tỳ-kheo-ni, tuy đồng nữ đủ mười tám tuổi, Tăng không tác pháp Yết-ma cho phép mà cho thọ Học giới thì phạm Ba-dật-đề.

108. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với người nữ bạch y xin quy y: "Nếu cho tôi y, tôi sẽ độ cho cô", thì phạm Ba-dật-đề.

109. Nếu Tỳ-kheo-ni, các Tỳ-kheo-ni bảo: Như lời Phật dạy "Phải tác pháp Yết-ma cho nuôi chúng". Điều này cô không thực hiện, bèn chê trách các Tỳ-kheo-ni, thì phạm Ba-dật-đề.

110. Nếu Tỳ-kheo-ni khi Yết-ma và giáo giới không đến nghe thì phạm Ba-dật-đề.

111. Nếu Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na đủ hai năm, không có điều trở ngại, không cho thọ giới Cụ túc, lại nói: "Cô cần học thêm giới này đã", thì phạm Ba-dật-đề.

112. Nếu Tỳ-kheo-ni độ dâm nữ thì phạm Ba-dật-đề.

113. Nếu Tỳ-kheo-ni cho ni chưa đủ hai năm học giới mà cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

114. Nếu Tỳ-kheo-ni, ni đủ hai năm học giới, nhưng Tăng không tác Yết-ma mà cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

115. Nếu Tỳ-kheo-ni, cho ni đủ hai năm học giới mà không học giới, liền cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

116. Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ mang thai thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

117. Nếu Tỳ-kheo-ni cho đàn bà mới sinh thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

118. Nếu Tỳ-kheo-ni cứ hàng năm cho đệ tử thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

119. Nếu Tỳ-kheo-ni (Tăng đã tác pháp rồi) để sang ngày khác mới cho đệ tử thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

120. Nếu Tỳ-kheo-ni mới thọ giới Cụ túc không tiếp tục nương tựa vào Hòa thượng sáu năm, hoặc sai người nương tựa thì phạm Ba-dật-đề.

121. Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi đệ tử ni trong sáu năm mà không đích thân dạy bảo, không nhờ ai dạy bảo thì phạm Ba-dật-đề.

122. Nếu Tỳ-kheo-ni nuôi đệ tử mà không đích thân đưa đệ tử đi, không sai người đưa đệ tử rời xa bổn xứ năm, sáu do-tuần thì phạm Ba-dật-đề.

123. Nếu Tỳ-kheo-ni, người đồng học bệnh, không đích thân chăm sóc, không bảo người chăm sóc, thì phạm Ba-dật-đề.

124. Nếu Tỳ-kheo-ni độ phụ nữ thuộc về người khác thì phạm Ba-dật-đề.

125. Nếu Tỳ-kheo-ni độ người nữ có bệnh trầm kha thì phạm Ba-dật-đề.

126. Nếu Tỳ-kheo-ni độ phụ nữ có chồng thì phạm Ba-dật-đề.

127. Nếu Tỳ-kheo-ni độ người nữ có mắc nợ thì phạm Ba-dật-đề.

128. Nếu Tỳ-kheo-ni, ở chỗ tối, với người nam cùng đứng cùng nói chuyện thì phạm Ba-dật-đề.

129. Nếu Tỳ-kheo-ni không nói với người chủ mà vội ngồi trên giường họ thì phạm Ba-dật-đề.

130. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay trao thức ăn cho bạch y và người nam ngoại đạo thì phạm Ba-dật-đề.

131. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lỗi của Tỳ-kheo cho bạch y nghe thì phạm Ba-dật-đề.

132. Nếu Tỳ-kheo-ni sau khi cùng người khác tranh cãi lại tự đánh mình, kêu khóc thì phạm Ba-dật-đề.

133. Nếu Tỳ-kheo-ni không nghe rõ lời nói của người mà nổi giận, nói sai sự thật với người khác thì phạm Ba-dật-đề.

134. Nếu Tỳ-kheo-ni tự thề thốt, thật ra là để chửi rủa trù yếm người khác thì phạm Ba-dật-đề.

135. Nếu Tỳ-kheo-ni quăng phẩn, nước tiểu ra ngoài tường rào, hoặc sai người quăng thì phạm Ba-dật-đề.

136. Nếu Tỳ-kheo-ni quăng rác rưởi và thức ăn dư ra ngoài tường, rào, hoặc sai người quăng thì phạm Ba-dật-đề.

137. Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện lên cỏ sống thì phạm Ba-dật-đề.

138. Nếu Tỳ-kheo-ni quăng đồ dơ bẩn và thức ăn dư lên trên cỏ sống thì phạm Ba-dật-đề.

139. Nếu Tỳ-kheo-ni, nơi nhà có "thức ăn" mà ngủ thì phạm Ba-dật-đề.

140. Tỳ-kheo-ni nào, nếu Tỳ-kheo như pháp hỏi mà không trả lời thì phạm Ba-dật-đề.

141. Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡi các loại xe đi thì phạm Ba-dật-đề.

142. Nếu Tỳ-kheo-ni mang dép da, cầm dù đi lại thì phạm Ba-dật-đề.

143. Nếu Tỳ-kheo-ni cầm bình nước và quạt đứng trước Tỳ-kheo, hoặc mời nước hoặc hầu quạt thì phạm Ba-dật-đề.

144. Nếu Tỳ-kheo-ni trị bệnh bằng phương cách tụng kinh thì phạm Ba-dật-đề.

145. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy người khác trị bệnh bằng phương cách tụng kinh thì phạm Ba-dật-đề.

146. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy việc trị bệnh cho người làm nghề sinh sống thì phạm Ba-dật-đề.

147. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy người khác trị bệnh, lấy đó làm nghề sinh sống thì phạm Ba-dật-đề.

148. Nếu Tỳ-kheo-ni, vì sự ăn uống mà làm việc nhà cho bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

149. Nếu Tỳ-kheo-ni nằm đắp chung nệm chiếu với phụ nữ bạch y và ngoại đạo, thì phạm Ba-dật-đề.

150. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni nằm đắp chung chiếc mền thì phạm Ba-dật-đề.

151. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với phụ nữ bạch y và ngoại đạo cùng phủ kín chăn lại ngủ thì phạm Ba-dật-đề.

152. Nếu Tỳ-kheo-ni chung với Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni trùm kín chăn lại

ngủ thì phạm Ba-dật-đề.

153. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng hương thơm thoa vào thân thì phạm Ba-dật-đề.

154. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, dùng cây khô ngâm nước xoa chà lên thân thì phạm Ba-dật-đề.

155. Nếu Tỳ-kheo-ni cất giữ tràng hoa hoặc đeo tràng hoa thì phạm Ba-dật-đề.

156. Nếu Tỳ-kheo-ni gắn vật báu quanh eo lưng thì phạm Ba-dật-đề.

157. Nếu Tỳ-kheo-ni mặc bó sát thân thì phạm Ba-dật-đề.

158. Nếu Tỳ-kheo-ni cất giữ các vật dụng trang điểm thân hình thì phạm Ba-dật-đề.

159. Nếu Tỳ-kheo-ni chứa cất đầu tóc giả thì phạm Ba-dật-đề.

160. Nếu Tỳ-kheo-ni để tóc dài thì phạm Ba-dật-đề.

161. Nếu Tỳ-kheo-ni đeo các vật dụng trang sức thân thì phạm Ba-dật-đề.

162. Nếu Tỳ-kheo-ni làm các thứ trang sức thân cho người khác thì phạm Ba-dật-đề.

163. Nếu Tỳ-kheo-ni kéo tơ thì phạm Ba-dật-đề.

164. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỏi bạch y mà tự tiện trải ngọa cụ trong nhà họ nằm nghỉ thì phạm Ba-dật-đề.

165. Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà bạch y trải tọa cụ,

ngọa cụ trong nhà họ hoặc sai người trải, khi đi không tự thu dọn, không dặn người dọn thì phạm Ba-dật-đề.

166. Nếu Tỳ-kheo-ni tự nấu sinh vật làm thức ăn thì phạm Ba-dật-đề.

167. Nếu Tỳ-kheo-ni, trước chấp nhận cho ở, sau giận nên mắng họ, thì phạm Ba-dật-đề.

168. Nếu Tỳ-kheo-ni không bạch Tăng mà vội nhờ người nam trị bệnh thì phạm Ba-dật-đề.

169. Nếu Tỳ-kheo-ni ban đêm hối hả mở toan cửa đi ra lại không dặn Tỳ-kheo-ni khác đóng lại thì phạm Ba-dật-đề.

170. Nếu Tỳ-kheo-ni, bạch y không mời đến mà đến nhà họ phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

171. Nếu Tỳ-kheo-ni nhận lời mời, người chủ chưa xướng mời dùng bữa mà tùy ý ăn thì phạm Ba-dật-đề.

172. Nếu Tỳ-kheo-ni bị Yết-ma đuổi đi mà không đi thì phạm Ba-dật-đề.

173. Nếu Tỳ-kheo-ni, Tăng như pháp triệu tập hội họp mà không đến ngay thì phạm Ba-dật-đề.

174. Nếu Tỳ-kheo-ni xem ca múa kỹ nhạc thì phạm Ba-dật-đề.

175. Nếu Tỳ-kheo-ni đến chỗ biên địa thì phạm Ba-dật-đề.

176. Nếu Tỳ-kheo-ni độ người hai căn thì phạm

Ba-dật-đề.

177. Nếu Tỳ-kheo-ni độ người nữ hai đường hiệp lại một thì phạm Ba-dật-đề.

178. Nếu Tỳ-kheo-ni độ người nữ thường hay có nguyệt thủy thì phạm Ba-dật-đề.

179. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo, không đứng dậy, không kính lễ, không mời ngồi thì phạm Ba-dật-đề.

180. Nếu Tỳ-kheo-ni đốt lông chỗ kín thì phạm Ba-dật-đề.

181. Nếu Tỳ-kheo-ni không mặc Tăng-kỳ-chi mà vào nhà bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

182. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với bạch y ngồi đối diện, thân ngồi sát gần nhau mà thuyết pháp thì phạm Ba-dật-đề.

183. Nếu Tỳ-kheo-ni tự mình ca múa thì phạm Ba-dật-đề.

184. Nếu Tỳ-kheo-ni ngăn chận thọ y Ca-hi-na thì phạm Ba-dật-đề.

185. Nếu Tỳ-kheo-ni ngăn xả y Ca-hi-na thì phạm Ba-dật-đề.

186. Nếu Tỳ-kheo-ni không bạch Tỳ-kheo mà vội hỏi nghĩa kinh thì phạm Ba-dật-đề.

187. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy bất tịnh của người nam tự đặt vào trong nữ căn thì phạm Ba-dật-đề.

188. Nếu Tỳ-kheo-ni làm các việc của ngoại đạo: đốt lửa, thờ lửa thì phạm Ba-dật-đề.

189. Nếu Tỳ-kheo-ni nơi có người mà tắm thì phạm Ba-dật-đề.

190. Nếu Tỳ-kheo-ni tụng chú thuật ngoại đạo hoặc dạy người tụng thì phạm Ba-dật-đề.

191. Nếu Tỳ-kheo-ni chỉ có một chúng mà trao giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

192. Nếu Tỳ-kheo-ni tự mình tác pháp Yết-ma nuôi chúng thì phạm Ba-dật-đề.

193. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tác pháp Yết-ma hai năm học giới thì phạm Ba-dật-đề.

194. Nếu Tỳ-kheo-ni tự thọ hai năm học giới thì phạm Ba-dật-đề.

195. Nếu Tỳ-kheo-ni tác pháp hai năm học giới rồi, Yết-ma đã qua đêm mới trao cho giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

196. Nếu Tỳ-kheo-ni tác pháp Yết-ma hai năm học giới rồi, qua cách đêm mới trao học giới cho thì phạm Ba-dật-đề.

197. Nếu Tỳ-kheo-ni tự dệt vải may y mặc thì phạm Ba-dật-đề.

198. Nếu Tỳ-kheo-ni, trong nước nơi có khủng bố, lại đi qua lại du hành thì phạm Ba-dật-đề.

199. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tạo tượng cho mình hoặc sai người làm thì phạm Ba-dật-đề.

200. Nếu Tỳ-kheo-ni trang điểm cho người nữ thì phạm Ba-dật-đề.

201. Nếu Tỳ-kheo-ni trong dòng nước đi

nghịch dòng thì phạm Ba-dật-đề.

202. Nếu Tỳ-kheo-ni nằm ngửa, để chỗ kín ngay trên nước rơi xuống thì phạm Ba-dật-đề.

203. Nếu Tỳ-kheo-ni làm cho eo lưng nhỏ thon thì phạm Ba-dật-đề.

204. Nếu Tỳ-kheo-ni bằng mọi hình thức sửa thân cho đẹp thì phạm Ba-dật-đề.

205. Nếu Tỳ-kheo-ni mặc y như kỹ nữ thì phạm Ba-dật-đề.

206. Nếu Tỳ-kheo-ni mặc y như phụ nữ bạch y thì phạm Ba-dật-đề.

207. Nếu Tỳ-kheo-ni với tâm dục ngắm nhìn thể hình của mình thì phạm Ba-dật-đề.

208. Nếu Tỳ-kheo-ni soi gương thì phạm Ba-dật-đề.

209. Nếu Tỳ-kheo-ni tự bói toán cho mình hoặc đến người bói toán thì phạm Ba-dật-đề.

210. Nếu Tỳ-kheo-ni bàn luận theo thế tục thì phạm Ba-dật-đề.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói hai trăm mười pháp Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại tỷ trong hai trăm mười giới này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Các Đại tỷ với hai trăm mười giới này thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

TÁM PHÁP BA LA ĐỀ XÁ NI

Các Đại tỷ! Đây là tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin tô để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối tội, đây gọi là pháp Hối quá.
2. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin dầu để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nến đến bên các Tỳ-kheo-ni để hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối tội. Đây gọi là pháp Hối quá.
3. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin mật để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni để hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối tội. Đây gọi là pháp Hối quá.
4. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin đường phèn để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối tội. Đây gọi là pháp Hối quá.
5. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin sữa để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối

tội. Đây gọi là pháp Hối quá.

6. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin lạc để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay đến các Đại tỷ xin sám hối. Đây gọi là pháp Hối quá.
7. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin cá để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni để hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối tội. Đây gọi là pháp Hối quá.
8. Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, tự đi xin thịt để ăn, thì Tỳ-kheo-ni này nên đến bên các Tỳ-kheo-ni để hối tội: Tôi đã phạm vào pháp đáng quở trách, nay hướng đến các Đại tỷ xin hối tội. Đây gọi là pháp Hối quá.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay xin hỏi các Đại tỷ trong tám pháp này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy). Các Đại tỷ trong tám pháp này thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

PHÁP CHÚNG HỌC

Các Đại tỷ! Đây là pháp Chúng học, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Không mặc hạ y cao, cần phải học.
2. Không mặc hạ y thấp, cần phải học.

3. Không mặc hạ y so le, cần phải học.
4. Không mặc hạ y giống như lá Đa-la, cần phải học.
5. Không mặc hạ y như mũi voi, cần phải học.
6. Không mặc hạ y mà quấn tròn, cần phải học.
7. Không mặc hạ y nhiều xếp lằn nhỏ, cần phải học.
8. Không vắt cao y, cần phải học.
9. Không vắt thấp y, cần phải học.
10. Không vắt so le y, cần phải học.
11. Khéo phủ kín thân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
12. Khéo phủ kín thân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
13. Không mặc vắt ngược y lên vai trái khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
14. Không mặc vắt ngược y lên vai trái khi ngồi trong nhà cư sĩ, cần phải học.
15. Không mặc vắt ngược y lên vai phải khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
16. Không mặc vắt ngược y lên vai phải khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
17. Không mặc vắt ngược y sang phải, trái lên hai vai khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
18. Không mặc vắt ngược y sang phải, trái lên hai vai khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.

19. Không lắc thân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
20. Không lắc thân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
21. Không lắc đầu khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
22. Không lắc đầu khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
23. Không lắc vai khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
24. Không lắc vai khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
25. Không được nắm tay khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
26. Không được nắm tay khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
27. Không ẩn người khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
28. Không ẩn người khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
29. Không chống nạnh khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
30. Không chống nạnh khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
31. Không được chống má khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
32. Không được chống má khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
33. Không được lắc tay khi vào nhà cư sĩ, cần phải

học.

34. Không được lắc tay khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
35. Không ngẩng nhìn cao khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
36. Không ngẩng nhìn cao khi ngồi ở nhà cư sĩ, cần phải học.
37. Không xoay nhìn hai bên khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
38. Không xoay nhìn hai bên khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
39. Không đi xoạc chân khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
40. Không ngồi xoạc chân khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
41. Không đi kiễng chân vào nhà cư sĩ, cần phải học.
42. Không ngồi kiễng chân trong nhà cư sĩ, cần phải học.
43. Không trùm đầu khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
44. Không trùm đầu khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
45. Không đùa giỡn khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
46. Không đùa giỡn khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.

47. Không lớn tiếng khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
48. Không lớn tiếng khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
49. Nghiêm trang khi vào nhà cư sĩ, cần phải học.
50. Nghiêm trang khi ngồi nơi nhà cư sĩ, cần phải học.
51. Chú tâm nhận thức ăn, cần phải học.
52. Không nhận thức ăn đầy bát, cần phải học.
53. Canh cơm ăn đều nhau, cần phải học.
54. Không moi khắp trong bát để lấy thức ăn, cần phải học.
55. Không nên khoét giữa bát để ăn, cần phải học.
56. Không cong ngón tay vét bát ăn, cần phải học.
57. Không ngửi thức ăn lúc ăn, cần phải học.
58. Nhìn kỹ vào bát khi ăn, cần phải học.
59. Không vất bỏ cơm, thức ăn, cần phải học.
60. Không dùng tay bốc thức ăn để cầm dụng cụ sạch đựng nước uống, cần phải học.
61. Không ăn húp thức ăn, cần phải học.
62. Không nhai thức ăn ra tiếng, cần phải học.
63. Không liếm lấy thức ăn, cần phải học.
64. Không vốc thức ăn đầy tay để ăn, cần phải học.
65. Không hả miệng lớn để ăn, cần phải học.
66. Không hả miệng lớn để đợi cơm chưa đến, cần

phải học.

67. Không búng má để ăn, cần phải học.
68. Không cắn phân nửa thức ăn để ăn, cần phải học.
69. Không hỉnh mũi lên ăn, cần phải học.
70. Không ngậm thức ăn nói chuyện, cần phải học.
71. Không duỗi cánh tay lấy thức ăn, cần phải học.
72. Không rảy tay để ăn, cần phải học.
73. Không le lưỡi liếm thức ăn, cần phải học.
74. Không nuốt trộng thức ăn, cần phải học.
75. Không vò cơm ném từ xa vào miệng, cần phải học.
76. Không lấy nước rửa thức ăn trong bát rưới lên nhà cư sĩ, cần phải học.
77. Không lấy cơm phủ canh mong được thêm canh, cần phải học.
78. Không hiềm chê thức ăn, cần phải học.
79. Không đòi thêm thức ăn cho mình, cần phải học.
80. Không nên liếc nhìn bát người ngồi cạnh với tâm ganh tỵ, cần phải học.
81. Không đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học.
82. Không đại tiểu tiện vào nước sạch, trừ bệnh, cần phải học.

83. Không đại tiểu tiện lên rau, cỏ sống, trừ bệnh, cần phải học.
84. Không thuyết pháp cho người mang guốc, trừ bệnh, cần phải học.
85. Không thuyết pháp cho người mang giày dép, trừ bệnh, cần phải học.
86. Không nên thuyết pháp cho người để hở ngực, trừ bệnh, cần phải học.
87. Không nên thuyết pháp cho người ngồi, Tỳ-kheo-ni đứng, trừ bệnh, cần phải học.
88. Không nên thuyết pháp cho người đứng nơi cao, Tỳ-kheo-ni đứng chỗ thấp, trừ bệnh, cần phải học.
89. Không nên thuyết pháp cho người nằm, Tỳ-kheo-ni ngồi, trừ bệnh, cần phải học.
90. Không nên thuyết pháp cho người đứng trước, Tỳ-kheo-ni đứng sau, trừ bệnh, cần phải học.
91. Không nên thuyết pháp cho người ở giữa đường, Tỳ-kheo-ni ở bên đường, trừ bệnh, cần phải học.
92. Không thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ bệnh, cần phải học.
93. Không thuyết pháp cho người vắt ngược y, trừ bệnh, cần phải học.
94. Không thuyết pháp cho người vắt y sang hai bên phải, trái, trừ bệnh, cần phải học.
95. Không thuyết pháp cho người cầm dù che

thân, trừ bệnh, cần phải học.

96. Không thuyết pháp cho người cưỡi xe, trừ bệnh, cần phải học.

97. Không thuyết pháp cho người chống gậy, trừ bệnh, cần phải học.

98. Không thuyết pháp cho người cầm dao, trừ bệnh, cần phải học.

99. Không thuyết pháp cho người cầm cung, tên, trừ bệnh, cần phải học.

100. Không leo lên cây cao quá đầu người, trừ nhân duyên lớn, cần phải học. Nhân duyên là: các nạn, thú dữ. Đây gọi là nhân duyên. Các Đại tỷ! Tôi đã nói pháp Chúng học. Nay xin hỏi các Đại tỷ trong các giới này thanh tịnh không? (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy).

Các Đại tỷ trong các giới này thanh tịnh, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói tựa của Giới kinh, đã nói tám pháp Ba-la-di, đã nói mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, đã nói hai trăm mười pháp Ba-dật-đề, đã nói tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói pháp Chúng học. Tất cả các giới này do Phật dạy, ghi vào trong Giới kinh, mỗi nửa tháng theo đây mà nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Ngoài các giới pháp khác, các điều giới trong kinh này, các Đại tỷ một lòng

hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, hạnh an lạc phải như nước với sữa hòa hợp, cần phải học.

Đức Phật Tỳ-bà-thi, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

Nhẫn nhục: đạo thứ nhất
Niết-bàn Phật khen ngợi
Xuất gia làm người buồn
Không gọi là Sa-môn.

Đức Phật Thi Khí, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa

Như người đôi mắt sáng
Tránh được đường hiểm nghèo
Người thông minh trong đời
Thường xa lìa các ác.

Đức Phật Tỳ Khí Bà, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Không phiền, không nói lỗi
Thực hành theo giới luật
Biết uống ăn vừa đủ
Thường vui nơi chỗ vắng
Tâm lắng vui tinh tấn
Đây lời chư Phật dạy.

Đức Phật Câu Lưu Tôn, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói

Ba-la-đề-mộc-xoa:

Như ong hút mật hoa
Không làm hoại hương, sắc
Lấy vị ngọt rồi đi
Tỳ-kheo vào xóm làng
Không làm hỏng việc người
Không nghĩ làm, không làm
Chỉ quán xét tự thân
Xét kỹ thiện, hay ác.

Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Muốn tâm được tốt đừng buông lung
Pháp thiện Thánh nhân phải siêng học
Người có trí nhất tâm tịch tĩnh
Không còn lo buồn và tai họa.

Đức Phật Ca-diếp, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Mọi điều ác chớ làm
Điều thiện luôn hoàn bị
Tự lắng ý chí mình
Là lời chư Phật dạy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đấng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, vì sự tịch tĩnh của Tăng, lược nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Lành thay! Hộ trì thân
Hộ trì miệng cũng thiện

Hộ trì ý lành thay!
Hết thảy hộ trì thiện
Tỳ-kheo hộ trì thảy
Liền được xa các khổ
Tỳ-kheo giữ miệng, ý
Thân không phạm các ác
Là ba nghiệp thanh tịnh
Đắc đạo của bậc Thánh.
Nếu người đánh mắng, không báo trả
Với người sân hận, tâm không hận
Với người sân, trong lòng bình thản
Thấy người làm ác, mình không làm.
Bảy Phật là Thế Tôn
Thường cứu giúp thế gian
Phật đã nói Giới kinh
Tôi đã nói rõ xong
Chư Phật và đệ tử
Cung kính Giới kinh này
Đã cung kính Giới kinh
Hết thảy cung kính nhau
Hổ thẹn được hoàn hảo
Chứng đắc đạo vô vi.

Các Đại tỷ! Tôi đã nói xong Ba-la-đề-mộc-xoa, Tăng một lòng, Bố-tát được viên mãn.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

DI SA TẮC YẾT MA BỔN

SỐ 1424

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1424
BỔN DI SA TẮC YẾT MA

Hán dịch: Đời Đường, chùa Khai Nghiệp, Sa môn Ái Đồng soạn Ngũ Phần Yết Ma.

Phàm các phép tắc yết-ma đều ứng dụng cho cả phàm và Thánh, tác pháp xướng rõ gọi là biện sự. Sự đã nhiều vô số thì pháp đâu có thể hạn cuộc. Khuôn phép rộng lớn làm sao có thể hợp được lời nói. Do đó, tôi đưa ra mười pháp để gồm thâu chung các việc, mỗi sự việc đều dựa vào những pháp này để nêu ra phép tắc đầy đủ:

1. Duyên khởi tác pháp.
2. Kết giải các giới.
3. Thọ xả các giới.
4. Y dược thọ tịnh.
5. Nghi thức Bố-tát.
6. Pháp tắc an cư.
7. Thanh tịnh Tự tứ.
8. Thọ thí chia y.
9. Sám hối các tội.
10. Trụ trì pháp linh tinh.

I- DUYÊN KHỞI TÁC PHÁP

(Cần đủ bảy nguyên nhân mới thành yết-ma, có mà không đủ thì phải khai ngăn).

1. Lượng việc đúng sai: Yết-ma đã nêu rõ sự việc, sự việc nêu ra cần đúng như pháp, trái giáo pháp, phạm giới thì Đức Phật không cho phép. Sự việc tuy nhiều nhưng đại khái chia làm ba loại:

- Tình như là người thọ giới.
- Phi tình như là kiết giới.
- Hai trường hợp cùng chung như là chỉ chỗ.

Hoặc nói ba nghĩa là người, pháp và sự. Người tức là người thọ giới… Pháp tức là pháp Tự tứ… Sự tức là kết giới… Sáu loại này đều gọi là sự. Còn như hoặc đủ hoặc đơn lìa hợp thì không đúng. Cần phải đúng với giáo pháp là không trái giới thì không phạm. Nếu như phạm vào những quy định này thì pháp nhất định không thành. Nếu phép tắc sai thì cũng rơi vào trường hợp ấy.

2. Pháp khởi giả xứ: Luật Tăng Kỳ ghi: Chỗ phi Yết-ma thì không được nhận dục, làm việc Tăng sự. Luật Tứ Phần ghi: Nếu tác pháp Yết-ma trước tiên phải kiết giới. Nhưng giới có hai loại, nếu giới tự nhiên chỉ tác pháp Yết-ma kiết giới một pháp. Còn những pháp khác của Tăng thì tác pháp ở trọng giới. Nếu đối đầu tâm niệm hai pháp thì chung cả hai giới.

3. Tập họp Tăng phân hạn: Pháp khởi ở chỗ

không đúng, căn cứ theo giới tập họp Tăng. Giới có hai loại: Tự nhiên tác pháp hoặc hai riêng biệt nghĩa là đại giới trường. Căn cứ trong Tứ Phần thì có ba tiểu giới. Luật này nói đến giới hoặc có hoặc không có. Một loại tiểu giới không được tập hợp bên ngoài. Đại giới trường thì không có giới hạn tập hợp là bao nhiêu. Nếu giới tự nhiên trong Tứ Phần thì ranh giới là xóm làng, lan nhã, đường đi và nước. Xóm làng có hai loại có thể phân biệt hoặc không phân biệt. Nếu phân biệt, luật Tăng Kỳ tính bảy cây tức là có sáu mươi ba bước. Có thể phân biệt thì trong luật Thập Tụng không có giới hạn tập hợp. Lan nhã cũng có hai là có nạn và không có nạn. Nếu trường hợp không có nạn thì luật này ghi: Tỳ-kheo A-luyện-nhã không biết giới của mình là bao nhiêu. Đức Phật dạy: Giới tự nhiên cách thân mình khoảng hai câu-lô-xá. Các bộ khác đa số nói một câu-lô-xá và lớn nhỏ không định. Vả lại, theo kinh Tạp Bảo Tạng lấy năm lý làm chuẩn. Nếu có nạn, như luận Thiện Kiến là bảy Bàn-đà-la tức là hai mươi tám khuỷu tay. Luận tính chung gồm năm mươi tám bước bốn thước tám tấc. Giới đường đi luật Thập Tụng rộng rãi thì sáu trăm thước. Giới ở nước, luật này nói: Đứng trên thuyền tác pháp dùng sức người lấy cát hoặc nước ném đến chỗ nào thì tính ranh giới ở chỗ đó. Sáu trường hợp này là tự nhiên đều lấy thân làm tâm điểm định ranh giới, Tăng cần phải tập hợp hết trong phần đã

hạn định đó. Tập hợp Tăng thì phương thức các giáo đều giống nhau. Luật này tập hợp Tăng tự chia bốn trường hợp khác nhau:

- Xướng Ba lần, đến giờ sai Sa-di giữ vườn đứng chỗ cao xướng.
- Đánh kiền chùy trừ cây sơn và cây độc, dùng cây gỗ có tiếng làm.
- Đánh trống, trừ bạc, thiếc dùng đồng, sắt và sành làm.
- Thổi ốc nên thổi ốc biển. Còn kiền chùy chỉ một loại. Nếu không có người thì Tỳ-kheo đánh, cũng không vượt quá ba điều chung. Phó pháp tạng là sai người cao lớn đánh. Trong tam thiên oai nghi có nói rõ kích thước và loại chùy.

4. Lựa chọn chúng đúng sai: Bản thể là Tỳ-kheo, như pháp thanh tịnh là người tác pháp, ngoài quy định này là sai. Do đó cần phải lựa chọn. Luật này có mười ba người không tính đủ Tăng số.

- Phi nhân.
- Bạch y.
- Diệt tẫn.
- Bị cử tội.
- Tự nói tội.
- Không cùng thầy.
- Điên cuồng.
- Tâm tán loạn.

- Người có tâm bệnh.
- Tỳ-kheo-ni.
- Thức-xoa-ma-na.
- Sa-di.
- Sa-di-ni.

Nhưng trong luật Tứ Phần có đưa ra bốn trường hợp rõ ràng:

- Là đủ số lượng không nên quở trách, nghĩa là quở trách người Tứ yết-ma là đúng.
- Không đủ số lượng nên quở trách, nghĩa là người muốn thọ đại giới.
- Không đủ số lượng không được quở trách, nghĩa là ni, bốn chúng.

Người có mười ba nạn, Ba lần cử, hai lần diệt tẫn, hoặc biệt trú, hoặc trên giới trường hay giữa đất trống, hoặc không có mặt, hoặc lìa chỗ thấy nghe, hoặc người của người. Mười tám người này là đúng. Người che giấu bốn ngày và che giấu xong, bổn nhật trị và sáu đêm xong. Bảy hạng người kể trên không kể túc số. Luật Thập Tụng lại ghi: Người ngủ, người nói lung tung, người rối rắm, người nhập định, người câm, người ngọng, người điên, người tâm loạn, người tâm bệnh hoạn, người ở trên cây và người bạch y. Mười hai hạng người này không tính đủ số lượng thọ giới không thành. Luận Ma Đức Lặc Già ghi: Người có bệnh nặng, người ở biên địa, người ngu độn. Ba hạng

người này không thể tính đủ túc số. Luật Tăng Kỳ ghi: Hoặc người giữ dục, hoặc ngăn cách, hoặc che một nửa thân tay không đụng nhau, hoặc chúng Tăng đi mà tác pháp yết-ma đứng ngồi và nằm… đều xem là không đủ túc số. Luật này người bệnh đều yết-ma nói giới. Đức Phật dạy: Riêng chúng như trong xả giới, bên trong không cùng nhau giải giới… đều không xem là đủ túc số. Những hạng người ở trên đều không tính đủ số cũng không được quở trách.

Được tính đủ số, quở trách. Tỳ-kheo thiện cùng sống chung một giới, không lìa chỗ thấy nghe cho đến quở trách người đều là đúng. Những người không đủ túc số ở trước, nếu vì tướng đủ thì cũng không yết-ma.

5. Hòa hợp không riêng: Nên đến hay không đến, nên trao hay không trao. Khi yết-ma được quở trách, người không đồng yết-ma cưỡng yết-ma thì gọi là biệt chúng. Trong văn này có ba biệt chúng và biệt danh mục hòa, hòa chỉ là một pháp dặn dò trao, sẽ nêu ra đầy đủ ở phía sau.

6. Hỏi đáp khi tác pháp: Khi tác pháp nên hỏi: Nay Tăng hòa hợp trước tiên làm việc gì? Một người trong chúng không trả lời: Tác pháp yết-ma… Nhưng việc có chung và riêng thì trả lời tất cả hai. Nếu kiết giới thì không cần trả lời.

7. Yết-ma như pháp: Đủ sáu đều kiện ở trên,

hòa hợp tác pháp yết-ma. Pháp yết-ma lại có những lỗi như vậy Nếu không có những lỗi ấy thì mới gọi là việc đã thành tựu. Lược nêu tướng lỗi và việc thành tựu như pháp.

Văn Tăng pháp yết-ma có sáu lỗi: Trong việc bàn luận lỗi hoặc một, bốn, năm. Căn cứ theo tướng tổng luận thì không quá sáu loại. Nếu chuẩn theo văn khác và luật Tứ Phần thì có quở trách không ngăn lỗi tức là làm thành bảy.

1. Yết-ma luật khác, pháp khác: Việc của chỗ Tăng pháp tùy theo một thì không đúng, việc yết-ma đều không thành tựu, không có nghi thức đúng thì không thể thuyết phục được đều gọi là dư (khác). Căn cứ theo tổng thuyết, văn sau đây sẽ nói riêng.

2. Yết-ma phi pháp biệt chúng: Từ câu thêm hoặc bớt, không theo Thánh giáo, ngược lại phi pháp tức là như pháp, nghiên cứu văn sẽ hiểu được. Biệt chúng có ba trường hợp trên đã trình bày. Ba loại tướng hòa hợp ngược lại là đúng.

3. Yết-ma phi pháp hòa hợp: Tuy người hòa hợp nhưng pháp lại rơi vào tình trạng phi pháp.

4. Yết-ma như pháp biệt chúng: Tuy yết-ma đúng nhưng chúng không cho pháp tập hợp.

5. Yết-ma giống pháp biệt chúng: Ngôn, từ, câu lộn xộn, biệt chúng giống như trước.

6. Yết-ma giống pháp hòa hợp: Giống pháp

đồng như trước, hòa hợp thì khác. Chuẩn theo văn lại có vô sự tác phi pháp sự, giới không hiện tiền, bày làm ở ngoài giới, bản thể chưa thành Tăng không nên giải, việc Tăng giới này không đúng theo Thánh giáo, thuộc về phi pháp thứ nhất, không trình bày riêng.

II- PHÁP KẾT GIẢI CÁC GIỚI

Giới có ba loại:

1. Nhiếp Tăng giới là gồm thâu người để cùng pháp khiến cho không làm riêng chúng.

2. Nhiếp y giới là gồm thâu y để cùng người khiến không phạm tội, lìa chúng ngủ.

3. Nhiếp thực giới là gồm thâu thức ăn để ngăn Tăng khiến cho bên trong không có lỗi chia rẽ. Nay theo ba tuần tự này để bàn luận.

1- Pháp Kết Giải Tăng Giới:

Luật ghi: Gặp thời buổi đói kém, Tỳ-kheo ở các nơi khác đều tập trung về thành Vương-xá, Tăng phường đều bỏ không, không có người trông coi. Do đó Đức Phật cho phép giải các giới cũ rồi kết chung một giới. Sau khi thời buổi sung túc trở lại thì giải giới chung kia kết lại giới nhỏ. Lại nhân duyên thứ nhất. Khi vì nội giới không tập hợp biệt chúng, thọ giới bèn khai giới ngoài kết tiểu giới để thọ, gọi là giới đàn. Nếu khi thọ giới xong nên xả trừ bên trong tác pháp thọ giới. Lại vì Tỳ-kheo dẫn

người thọ giới đến chỗ đàn gặp giặc giết chết. Nhân đây, cho phép ở bên trong phường làm Trường-thọ giới. Trước nên xả giới tăng phường, sau đó kết giới giới trường, xướng tướng trừ đất bên trong. Lại kết giới Tăng phường, đây thì trước hết kết giới trường rồi sau mới kết đạo giới. Kết giới bên trong trước là đúng, nhưng đối với giới nhỏ thì rất khó kết. Phi pháp thì đúng với giới trường. Nếu đúng thì tại sao khiến xả, tại sao từ xưa đến nay đều cho: Duyên thứ nhất của Ngũ Phần đặt giới trường ở ngoài giới, căn cứ theo văn thì không đúng. Nay theo thứ tự thì nó có hai vị trí: một là giới trường, hai là đại giới. Nay theo đây nương vào nghi kết giải đầy đủ.

Pháp kết giới trường: Khi muốn kết giới trường, dựa theo trước tập hợp Tăng. Luật Tứ Phần ghi: Không được thuyết dục. Đây tuy không mang ý nghĩa đó nhưng cũng đồng với kia. Tập hợp chúng, hỏi chúng hòa hợp và đầy đủ phương tiện xong. Trước hết xướng bốn phương giới tướng rồi sau đó mới bạch nhị kết.

Pháp xướng bốn phương giới tướng: Trước tiên một Tỳ-kheo nên xướng bốn phương giới tướng (tướng của giới). Nếu không xướng tướng thì kết giới không thành, phạm tội Đột-kiết-la. Không được lấy chúng sinh và lửa khói làm tướng, không được cho tướng hai giới sáp nhập vào nhau đều kết giới không thành, phạm Đột-kiết-la. Luật

Tứ Phần ghi: Nên sai Tỳ-kheo trụ lâu xướng tướng cốt là biết rõ giới tướng. Dù cho không phải trụ lâu nhưng biết hành phương sở thì cũng được sai xướng. Người xướng tướng nên có đầy đủ oai nghi, trải ni sư đàn, cởi giày dép đảnh lễ Tăng rồi chấp tay thưa như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… vì Tăng xướng tướng bốn phương của giới trường, từ nêu… ở góc Đông nam này đến cái nêu… ở góc Tây nam; từ nêu… góc Tây bắc này đến nêu… Đông bắc; từ đây trở lại nêu… ở góc Đông nam. Đây là tướng giới trường kết một vòng (nói ba lần. Nếu có bao hang cửa cong và nhà, đều phải công bố từng việc rõ ràng. Tướng của nêu cần phải hết sức rõ ràng. Nếu xê dịch tới lui trái ngược với văn và xướng sai thì đều kết giới không thành. Đây là đều căn bản cần phải tìm hiểu rõ ràng).

Pháp chính kết giới trường. Đại đức Tăng lắng nghe! Như Tỳ-kheo tên là… đã xướng tướng của giới. Nay Tăng kết nơi này làm giới đàn cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Như Tỳ-kheo tên là… đã xướng tướng của giới. Nay Tăng kết nơi này làm giới đàn cùng sống chung, cùng Bố-tát, cùng được thí. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã kết chỗ… mà Tỳ-kheo tên là… xướng tướng của giới đàn làm giới đàn cùng trú xứ, cùng Bố-tát và cùng được thí rồi, Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp giải giới trường (Các Tỳ-kheo đã kết giới trường, không xả giới lại bỏ đi. Đức Phật dạy, nên bạch nhị Yết-ma xả giới, phương tiện giống như trước).

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ kết giới này, nay Tăng xả. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ kết giới này, nay Tăng xả. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra. Tăng đã xả giới này rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này, nay tôi xin ghi

nhận như vậy (Văn không cũng chung với ba, vì trái với giới).

2- Pháp Kết Đại Giới.

Luật ghi: Sau khi kết giới trường xong, lại kết giới Tăng phường. Một Tỳ-kheo xướng tướng bốn phương của giới, lại xướng trừ đất bên trong ra tức căn cứ theo văn này, nên đặt hai tướng nêu chồng lên. Một là tướng ngoài đại giới, hai tướng trong đại giới. Tướng bên ngoài là trụ xứ vuông hay tròn, cong hay thẳng, lớn hay nhỏ kích cỡ không định. Do đó, trong các luận địa hình của giới có năm hay

mười bảy loại, tùy theo sự việc vốn có trước của nó mà làm nêu, cứ bên ngoài bên trong nêu tùy ý lấy làm tướng của giới. Tướng nêu chuẩn theo trước chỉ trừ trụ xứ rộng hẹp bao nhiêu nhưng phải phân hai giới rõ ràng, không nên nhập chung lại. Người xưa cho: Lấy một khuỷu tay, thân làm trụ nối liền, còn phương tiện xướng tướng chỉ chuẩn theo ở trước.

Pháp xướng tướng (oai nghi giống như trước).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… vì Tăng xướng tướng trong ngoài bốn phương của đại giới. Xướng tướng bên ngoài. Từ nêu… ở góc Đông nam này cho đến giáp một vòng trở lại nêu… ở góc Đông nam. Đây là chu vi một vòng tướng bên ngoài của đại giới (nói ba lần). Tướng bên trong cũng giống như vậy, chỉ xưng nội tướng là khác. Mỗi cái nói ba lần, sau cùng nói chung, đây là tướng bên ngoài, kia là tướng bên trong; đây là tướng trong ngoài giáp ba vòng của đại giới.

Pháp chính kết giới.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… xướng tướng bốn phương của giới và trừ đất bên trong. Nay Tăng kết làm đại giới của Tăng cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…

xướng tướng bốn phương của giới và trừ đất bên trong. Nay Tăng kết làm đại giới của Tăng cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói ra.

Tăng đã kết chỗ mà Tỳ-kheo này tên là… xướng tướng bốn phương của giới và trừ đất bên trong làm đại giới của Tăng cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu nhận giới trường không trừ đất bên trong thì chỉ có câu trừ đất bên trong là khác).

Pháp giải đại giới (Cách thức giống như trước).

Đại đức Tăng lắng nghe! Một trụ xứ này Tăng cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí, trước kết giới này, nay giải. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Một trụ xứ này Tăng cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí, trước kết giới này, nay giải. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã giải giới trước đã kết rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy (Giải giới này văn cũng nói ba lần. Khác ở chỗ theo cho giới trường lớn hay nhỏ).

Pháp kết giải giới y (Sự việc này do Tôn giả

Kiều-trần-như mang y phấn tảo, trên đường đi rất mệt mỏi cho nên khai pháp này. Trường hợp giới lớn hơn Già lam mới cần kết giới này, còn Già lam lớn hoặc bằng thì không cần dùng).

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ kết giới ở trong thôn này (Nghĩa bên trong thành, cái hào hoặc hàng rào). Nếu giới ở trong thôn (Nghĩa là chỗ đi của người bên ngoài hàng rào hay hào… và có người lười biếng nên làm chỗ đại tiểu tiện trên hai chỗ. Luật Tứ Phần và Thập Tụng đều bỏ, nay không bỏ thì…) cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí, nay kết làm giới không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ kết giới này nằm trong giới thôn xóm Tăng cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí, nay kết làm giới không mất y. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì xin nói ra.

Tăng đã kết làm giới không mất y rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng.

Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp giải giới.

Đại đức Tăng lắng nghe! Kết giới này ở trong thôn xóm hoặc giới thôn xóm, trước đã kết làm giới không mất y. Nay Tăng giải giới này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác

bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Kết giới này ở trong thôn xóm hoặc giới thôn xóm, trước đã kết làm giới không mất y. Nay Tăng giải giới này. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói ra. Tăng đã giải giới không mất y rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng.

Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy (Nếu trước kết Tăng trước thì sau khi giải thì giải Tăng sau).

3- Pháp Kết Giới Thức Ăn: (Tịnh có ba loại văn giống nhau để nêu đầy đủ).

Tha xứ tịnh (Có một người thợ dệt cất nhà ở trên đường. Tỳ-kheo muốn ở trong nhà này làm thức ăn để ăn. Đức Phật dạy cho phép ở trong nhà bạch y làm nhà tịnh. Sau đó đem cúng dường cho Tăng cũng cho phép làm nhà tịnh).

Chỗ chia tịnh thực (Đức Phật dạy: Nếu làm trụ xứ mới nên trước chỉ chỗ… làm tịnh địa lại có thể cất thức ăn. Nếu chưa Yết-ma thì không được vào trong đó cho đến khi mặt trời mọc. Có chỗ nói: Chưa Yết-ma có nghĩa là yết-ma đơn giản làm tịnh địa. Nay chính lấy chỗ chia làm yết-ma).

Yết-ma tịnh (Các Tỳ-kheo mang thức ăn đến trong nhà tịnh, bị người ăn trộm. Đức Phật dạy: Nên yết-ma trong phòng làm tịnh xứ. Các Tỳ-kheo muốn yết-ma một phòng bên trong tường, hoặc chỗ

bằng với phòng, hoặc ở trong sân, hoặc ở một góc trong phòng, hoặc nửa phòng làm tịnh xứ. Đức Phật dạy: Cho phép nên kết ở ngoài viện. Tuy không có văn nghĩa nên xướng về tướng).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… vì Tăng xướng chỗ đặt thức ăn. Trong gian nhà bếp ở phía Đông trong Già lam này kết làm tịnh địa (Nói ba lần hoặc trong sân, trong phòng hoặc dưới các cây đều tùy theo đó để xướng).

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay lấy phòng... làm chỗ tịnh cất thức ăn cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay lấy phòng... làm chỗ tịnh cất thức ăn cho Tăng. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra.

Tăng đã dùng phòng… làm chỗ tịnh cất thức ăn. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp giải (Trong luật không có văn giải, chỉ ngược lại với kết là giải).

Đại đức Tăng lắng nghe! Phòng... kia đã làm chỗ tịnh cất thức ăn cho Tăng. Nay giải chỗ này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Phòng... kia trước đã làm chỗ tịnh, cất thức ăn cho Tăng. Các trưởng lão

nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra.

Tăng đã giải phòng… làm chỗ tịnh cất thức ăn cho Tăng rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu có nhiều chỗ nêu tên giải kết cũng được. Nếu chỗ tịnh phân chia vật thì lại lấy chỗ ấy giải).

Pháp kết chung Tăng phường làm tịnh địa (Có Tỳ-kheo muốn yết-ma chung trong Tăng phường làm tịnh địa. Đức Phật cho phép).

Đại đức Tăng lắng nghe! Một trụ xứ cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí này, nay Tăng kết làm tịnh địa trừ chỗ… (Có chỗ nói: Trừ chỗ… nghĩa là trừ tịnh địa, nên biết đây là pháp tịnh địa giản lược. Nay cho: Trừ nghĩa là tục xứ của Tăng làm chỗ kết chung. Sở dĩ nói trừ đây tức là văn kết chứ không phải pháp giản lược). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Một trụ xứ cùng sống chung, cùng Bố-tát và cùng được thí này, nay Tăng kết làm tịnh địa, trừ chỗ… Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra.

Tăng đã kết làm tịnh địa rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp giải:

Đại đức Tăng lắng nghe! Một trụ xứ này trước

đã kết làm tịnh địa. Nay Tăng giải chỗ này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Một trụ xứ này trước đã kết làm tịnh. Nay Tăng giải chỗ này. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra.

Tăng đã giải tịnh địa này rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy (Tịnh địa này được ngăn làm hai, bên trong nấu đêm là thức ăn thuốc, giáo gọi là bất tịnh. Vì đây mà ăn cấu nghiệp rất nặng để giữ thanh tịnh. Các giáo nêu rất rõ. Nhưng ăn đồng mạng sống, Thánh phàm đều phải nương vào đó. Tịnh giáo thì đạo tồn tại, phải nên cân nhắc cẩn thận).

III- XẢ THỌ CÁC GIỚI

Ý nghĩa của thọ:

1. Ngăn ngừa chẳng phải đoạn trừ nghiệp hoặc.

2. Vì sinh phước chứng ngộ pháp thân. Kinh giới ghi: Giới làm cho thân thanh tịnh, định làm tịnh tâm, huệ lắng trong phiền não. Nếu huệ không tỏ thì không trừ được phiền não. Nếu không chánh định thì ánh sáng huệ không phát, nếu không giới cấm thì chánh định không thành. Các bậc Thánh nhân nghiệp hoặc đã hết mà vẫn trì giới cấm vững chắc như kim cang. Ba giáo nếu thời gian thích hợp

đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Công đức đúng ra chẳng phải một, nhưng vì giới cấm không thường phân ra nhiều phẩm, từ trước đến nay, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Ra năm khoa:

1. Tam quy.
2. Năm giới.
3. Tám giới.
4. Mười giới.
5. Giới cụ túc.

Người thọ giới có bảy bậc tức là bảy chúng, sẽ nói đầy đủ ở chương sau).

1. Pháp thọ Tam quy: Phật, Pháp và Tăng là chỗ quy y chân chánh, hay sinh phước trí, hay được che chở. Hết lòng quy y thì ra khỏi bốn cõi ma. Nhiều luật ghi: Vì Tam bảo là chỗ trở về, muốn khiến cứu hộ không được xâm phạm. Kinh Niết-bàn ghi: Quy y thì biết rõ vượt khỏi ách nạn, xa lìa đường tà nên nêu làm đầu. Đức Phật nghĩa là pháp thân thanh tịnh, hai trí hiển chứng chứng thành lập năm phần. Pháp là diệt đế. Tăng là đệ nhất nghĩa đế. Tăng ở trong cảnh này thành tâm quyết định, cung kính, hướng đến Tăng thọ không nghi ngờ. Hai thầy trao hết lòng thọ nhận rõ ràng mới thành.

Con tên là… suốt đời quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tỳ-kheo Tăng (nói ba lần). Con tên là…

suốt đời đã quy y Phật, quy y Pháp và đã quy y Tỳ-kheo Tăng rồi (nói ba lần).

2. Pháp thọ năm giới: Thật hy hữu khó có thể đo lường công đức. Kinh ghi: Đức Phật dạy A-nan: Nếu Đức Như Lai đầy khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới như đem lúa, mì, tre, lau hoặc người tứ sự cúng dường đầy đủ hết hai vạn năm, sau khi các Đức Phật kia-diệt độ, mỗi vị đều xây tháp rồi lại đem các loại hương hoa cúng dường. Phước ấy tuy nhiều nhưng không bằng công đức có người dùng tâm thuần tịnh quy y Phật, Pháp và Tăng thì trăm phần không bằng một, ngàn phần trăm ngàn cho đến toán số thí dụ cũng không thể bằng được. Lại thực hành mười giới thiện trong chừng khoảnh khắc gảy móng tay thì phước đức thù thắng hơn người trước nhiều. Một ngày một đêm thọ trì tám giới, hoặc suốt đời thọ trì năm giới, hoặc giới Sa-di hoặc giới Sa-di-ni, hoặc giới Thức-xoa-ma-na, hoặc giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thì phước thù thắng hơn trước không thể ví dụ. Nhưng trước khi thọ giới cần phải hỏi cặn kẽ. Cho nên kinh Thiện Sinh ghi: Ông không ăn trộm vật của Tăng hiện tiền chứ? Đối với lục thân của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chỗ hành hạnh bất tịnh, cha mẹ, chị em có bệnh thì bỏ đi. Không đánh mất sự phát tâm Bồ-đề của chúng sinh. Hỏi đầy đủ như vậy rồi, nếu trả lời không thì nên thuyết pháp khai mở đạo tâm cho họ, để họ sinh lòng tin ưa. Trong luận Đại Trí Độ là

thời hạn quy định trọn đời nghĩa là năm giai đoạn một phần, phần ít phần nhiều và tất cả đoạn dâm. Trong luận Câu Xá có năm loại hạn định không phát khởi luật nghi. Giáo đã được ứng hợp với căn cơ thì chỉ hành dụng. Kinh A Hàm ghi: Trước khi thọ giới phải sám hối tội rồi sau đó mới cho thọ.

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, suốt đời làm Ưu-bà-tắc. Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (nói ba lần). Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, suốt đời làm Ưu-bà-tắc. Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (Thưa Ba lần rồi đắc giới xong nên nói tướng cho họ).

Suốt đời không được sát sinh là giới của Ưu-bà-tắc. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Có thể thọ trì.

Suốt đời không được trộm cắp là giới của Ưu-bà-tắc. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Có thể thọ trì.

Suốt đời không được tà dâm là giới của Ưu-bà-tắc. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Có thể thọ trì.

Suốt đời không được nói dối là giới của Ưu-bà-tắc. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Có thể thọ trì.

Suốt đời không được uống rượu là giới của Ưu-bà-tắc. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Có thể thọ trì.

Như kinh Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Tướng đã nói và có sáu trọng, hai mươi tám khinh. Như kinh Thiện Sinh… đã nói rõ. Nhưng cần phải phát nguyện dẫn hạnh khiến tăng trưởng thể. Nhưng có kinh lại nói: Chỉ có trì giới không phát nguyện thì được phước ít. (Dẫn cái xưa để chứng minh).

3. Pháp thọ tám giới: Kinh Thiện Sinh, Tăng Nhất A Hàm ghi: Đức Phật bảo các Ưu-bà-tắc, vào ngày mồng tám hay ngày mười lăm nên đến Trưởng lão Tỳ-kheo thọ tám giới. Trong luận thì nói cho phép chung cả năm chúng thọ, nếu khi không có người thì tự thọ cũng được. Trong luận Thành Thật: Năm giới, tám giới đều chung cả thời gian dài, ngắn hoặc một năm, một tháng, nửa ngày, nửa đêm, thọ thêm hay giảm bớt đều đắc giới pháp.

Con tên là… đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi làm Ưu-bà-tắc tịnh hạnh (một ngày, một đêm, tùy theo thời gian dài hay ngắn để thưa), làm Ưu-bà-tắc tịnh hạnh. (nói ba lần)

Con tên là… đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi làm Ưu-bà-tắc tịnh hạnh (nói ba lần). Như chư Phật suốt đời được không sát sinh. Người một ngày một đêm không sát sinh, có thể giữ được không? Đáp: Có thể được. Như vậy không được trộm cắp, không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu, lìa bỏ hoa hương, anh lạc

và dầu thơm xoa thân, từ bỏ giường tòa cao tốt, từ bỏ chơi âm nhạc hay cố ý đến xem nghe, không ăn phi thời (tất cả đều hỏi, đáp như trên). Nhưng có chỗ lấy tám giới trước là giới, còn lìa phi thời thực là trai; hoặc lấy bảy giới trước gộp lại với giới thứ tám thành bảy giới, còn ăn phi thời là giới thứ tám.

4. Pháp thọ mười giới: Từ đây trở ra ba phẩm sau là giới của người xuất gia, nhưng việc lợi ích của xuất gia khó có thể nói được. Kinh Xuất Gia Công Đức ghi: Công đức của người xuất gia cao như núi Tu-di, sâu như biển lớn, rộng như hư không, ánh sáng vô lượng, vô biên gấp ngàn lần mắt người. Luật Tăng Kỳ ghi: Một ngày xuất gia tu phạm hạnh diệt được sự khổ đau nơi đường ác trong hai mươi kiếp. Kinh Đại bi dạy: Nếu dùng bốn tấc cà-sa đeo vào thân thì có năm loại công đức, ở trong kiếp xuất hiền sẽ chứng được thánh quả ba Hiền. Nếu phạm tội làm chướng ngại xuất gia thì rất nặng, trong giáo pháp rất rõ không cần gì phải nêu ra đây.

Trước nói tác pháp nuôi chúng: Theo trong pháp thọ giới. Nếu người trao giới Cụ túc, độ Sa-di làm người, y chỉ đều phải đủ những phẩm chất công đức, nghĩa là thành tựu giới, thành tựu oai nghi, sợ hãi một tội nhỏ, đa văn, có khả năng thọ trì những lời Đức Phật dạy, khéo tụng hai bộ luật, phân biệt nghĩa lý, biết dạy tốt đệ tử tăng giới, tăng tâm và tăng tuệ. Có trừ sự nghi hoặc cho đệ tử. Có

khả năng sai người trừ, biết trị bệnh cho đệ tử, hay sai người trị. Có khả năng dạy đệ tử bỏ tà kiến ác hay có thể sai người khác dạy xả bỏ. Có khả năng đưa đệ tử từ quốc độ khác về hay sai người khác đưa về. Hoặc đủ mười tuổi hạ, trái phạm Đột-kiết-la. Trong Ni giới ghi: Tỳ-kheo-ni tuy đủ mười hai tuổi hạ mà có bệnh không hiểu biết, không thể học giới. Đức Phật dạy: Cho phép Tỳ-kheo-ni bạch Nhị yết-ma rồi sau đó mới nuôi chúng. Tỳ-kheo cũng chuẩn theo nghĩa Ni nên làm như vậy. Lại trong luật Tứ Phần: Khi các Tỳ-kheo tự tiện độ người mà không biết dạy dỗ nên phạm các lỗi lầm. Đức Phật dạy: Cho phép Tăng cho phép người thọ giới Cụ túc nhưng phải bạch Nhị yết-ma rồi mới nuôi. Y chỉ, Sa-di cũng như vậy. Văn ghi: Nên đến trong Tăng cởi giày dép, để lộ vai bên phải, quỳ xuống chấp tay thưa như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… đã đủ mười tuổi hạ muốn nuôi chúng điệu. Nay tôi đến trong Tăng xin yết-ma nuôi chúng. Cúi xin Tăng cho tôi làm yết-ma nuôi chúng (xin Ba lần như vậy). Đức Phật dạy: Các Tỳ-kheo nên trù lượng, tìm hiểu kỹ, Tỳ-kheo này có khả năng nuôi chúng được không? Nếu không được thì không nên cho yết-ma, nếu có khả năng thì nên cho yết-ma.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… đã đủ mười tuổi hạ, muốn nuôi người… làm chúng, đến trong Tăng xin yết-ma nuôi chúng. Nay Tăng

cho phép làm yết-ma nuôi chúng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… đã đủ mười tuổi hạ, muốn nuôi người… làm chúng, đến trong Tăng xin yết-ma nuôi chúng. Nay Tăng cho phép làm yết-ma nuôi chúng. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì xin nói ra.

Tăng đã cho phép Tỳ-kheo tên là… làm yết-ma nuôi chúng rồi.

Tăng đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp độ Sa-di: Trong Luật ghi: Cho phép độ thiếu nhi bảy tuổi, tuổi có thể đuổi quạ được. Luật Tăng Kỳ ghi: Nếu người quá mười bảy tuổi mà vẫn chưa đi được thì không được độ, nếu có khả năng tu tập các nghiệp cũng nên cho xuất gia và nói những việc khổ với họ: ăn một bữa, ở một chỗ, ngủ ít thức nhiều. Nếu người nào có khả năng thì nên độ. Luật này nếu muốn độ người phải đi đến từng phòng Tăng đảnh lễ, tự xưng tên để Tăng biết hết. Theo luật Tứ Phần làm hình pháp hỏi hai lần, đơn bạch yết-ma độ, nghi thức ở trong Sao không cần thuật lại.

Pháp chính thức thọ mười giới:

Con tên là… quy y Phật, quy Pháp và quy y Tỳ-

kheo Tăng. Nay con xuất gia làm Sa-di với Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, Hòa thượng hiệu là… (nói ba lần).

Suốt đời không được sát sinh là giới của Sa-di, ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được trộm cắp, không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu, không được ca múa vui chơi âm nhạc, không được cố ý đến xem nghe, không được đeo hoa xức nước hoa trên thân, không được ngồi giường cao rộng lớn, không được nhận giữ vàng

bạc và tiền, (đều hỏi đáp như trên. Theo kinh thỉnh Tăng phước điền. Sa-di nên biết năm đức mười số).

5. Pháp thọ đại giới: Giới là chiếc thuyền vượt qua biển sinh tử, định huệ làm nền tảng, ba thân bốn trí đều nương vào đó. Cần phải duyên pháp tương ưng xứng giáo cụ túc, chỉ một chút trái phạm phẩm giới thì không sinh. Nhưng duyên buộc rất nhiều đâu có thể nêu ra bề bộn. Nay chỉ nêu đại khái năm điều như pháp:

a. Người có khả năng thọ như pháp. Trường hợp này có năm loại:

- Đúng là người.
- Các căn đầy đủ.
- Thân khí thanh tịnh.

- Đủ tướng xuất gia.
- Đạt được ít pháp.

b. Đối cảnh như pháp. Trường hợp này có bảy loại:

- Là kết giới thành tựu.
- Có thể tác pháp Tăng.
- Đầy đủ Tăng số.
- Kết hợp ở trong nội giới.
- Yết-ma như pháp.
- Tư duyên đầy đủ.
- Trong thời pháp Phật.

c. Phát tâm xin thọ giới.

d. Tâm cảnh tương ứng.

e. Việc thành tựu rốt ráo: Nghĩa là từ khi thỉnh sư cho đến khi thọ giới xong, trước sau không thiếu thành tựu đủ sự, trong lúc chính thức trao giới cần phải đủ chín pháp:

- Pháp thỉnh Hòa thượng: Luật ghi: Các Tỳ-kheo không có Hòa thượng, A-xà-lê nên oai nghi không hợp, không buộc niệm hiện tiền, không khéo hộ các căn khi vào thôn xóm khất thực, lớn tiếng phát ngôn bừa bãi bị chê cười. Lại có Tỳ-kheo bệnh không có người chăm sóc do đó bị chết. Về mười điều lợi ích, từ nay trở đi Đức Phật cho phép Tỳ-kheo có Hòa thượng. Hòa thượng tự nhiên sinh tâm yêu thương đệ tử như con, đệ tử sinh tâm kính trọng Hòa thượng như cha. Khuyên bảo dạy

dỗ kính nhường vui vẻ với nhau làm cho pháp Phật tăng trưởng, trụ thế lâu. Vị Hòa thượng được thỉnh cần phải có đủ phẩm chất là thành tựu oai nghi, sợ tội lỗi, đa văn, tụng hai bộ luật, khéo dạy đệ tử tăng giới, tâm, tuệ, có khả năng dứt sự nghi ngờ cho đệ tử, trị bênh khiến bỏ tà kiến, biết quốc độ, hoặc đủ mười hai tuổi hạ. Luật có nhiều cách không thể nói hết được. Độ Sa-di hoặc cho y chỉ cũng như vậy. Pháp biệt hành kia như trong luật đã nói rõ. Cách thỉnh pháp nên để lộ vai bên phải, cởi giày dép, quỳ xuống chấp tay thưa thỉnh như sau:

Con tên là… nay cầu thầy làm Hòa thượng. Thầy vì con làm Hòa thượng. Con rất vui khi được thầy làm Hòa thượng để con được thọ giới Cụ túc (Nói ba lần). Hòa thượng nên đáp: Có thể được. Hoặc nói: Sẽ làm giáo thọ cho ông. Hoặc nói: Chớ buông lung. (Hai vị A-xà-lê cũng thỉnh như vậy).

- Dẫn người thọ giới: Đức Phật dạy: Nên dẫn người thọ giới đến bên ngoài giới đàn chỗ mắt thấy tai không nghe.

- Pháp sai giáo sư: Hòa thượng nên nói với thầy yết-ma: Nay trưởng lão làm yết-ma. Lại nói với thầy giáo thọ: Nay trưởng lão làm thầy giáo thọ. Sai như vậy xong, thầy yết-ma nói:

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị hiệu là… thọ giới Cụ túc, vị hiệu là… làm thầy giáo thọ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng,

Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

- Giáo thọ kiểm: Thứ nhất hỏi Hòa thượng. Thứ hai hỏi người thọ giới. Trước khi hỏi Hòa thượng nên đứng dậy đến trước Hòa thượng hỏi: Đã độ người này chưa? Nếu nói chưa thì nên nói: Trước độ người này chưa? Nếu nói đã độ thì nên nói: Làm Hòa thượng chưa? Nếu nói chưa thì nên nói: Vì người này làm Hòa thượng. Nếu nói rồi thì nên hỏi: Đệ tử có y bát đầy đủ chưa? Nếu nói chưa có đủ thì nên chuẩn bị y bát đầy đủ cho đệ tử. Nếu nói đủ rồi thì nên hỏi: Là tự có hay mượn của người khác? Nếu nói mượn của người khác thì nên bảo trả lại. Nếu tự có thì đến dạy người thọ giới:

Ngươi chớ sợ hãi, lát nữa ta dẫn ngươi đến chỗ thù thắng. Chiếc nào là Tăng-già-lê, chiếc nào là Ưu-đà-la-tăng, chiếc nào là An-đà-hội? Nếu nói không hiểu thì nên dạy giới cho họ. Nên cho ba y bát. Nếu trước không cùng biết thì không nên lúc mây sương u ám chỉ dạy. Khi mặc nên kín thân-không bệnh nặng chứ? Lại hỏi:

Ngươi hãy lắng nghe! Nay chính là lúc cần nói lời chân thật. Nay ta hỏi ngươi: Nếu thật thì ngươi trả lời thật, không thật thì nói không thật. Luật Tăng Kỳ ghi: Nếu ngươi trả lời không thật là lừa dối trời, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, thế nhân, cũng lừa Như Lai và chúng Tăng, tự phạm tội lớn.

Ngươi không giết cha chứ? Ngươi không giết mẹ chứ? Ngươi không giết A-la-hán chứ? Ngươi không phải với tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi không phá hòa hợp Tăng chứ? Ngươi không xâm phạm Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không phải phi nhân chứ? Ngươi không phải súc sinh chứ? Ngươi không phải huỳnh môn chứ? Ngươi không phải nhị hình chứ? Ngươi không tự cạo đầu tự xưng Tỳ-kheo chứ? Ngươi không bỏ nội ngoại đạo chứ? Ngươi không làm Tăng xuất gia trì giới không đầy đủ chứ?

Nếu trả lời không thì nên nói: Ngươi có những căn bệnh như các, hủi, ung thư, can tiêu, điên cuồng, lậu nhiệt, phù thủng không? Ngươi không phải là người mắc nợ chứ? Ngươi không phải là người của quan chứ? Ngươi không phải là đầy tớ chứ? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đầy đủ không? Hòa thượng đã nhận lời thỉnh chưa? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Cha mẹ của ngươi có cho phép không? Ngươi muốn thọ giới Cụ túc không? (Hỏi và đáp như vậy). Lại nói: Khi vào trong chúng cũng hỏi ngươi như vậy, ngươi cũng nên trả lời thật.

- Pháp gọi vào chúng: Giáo thọ sư nên trở vào trong giới đàn đứng nói với thầy Yết-ma: Tôi đã chỉ dạy người này như pháp rồi. Thầy yết-ma nên tác bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị

Hòa thượng hiệu là… thọ giới Cụ túc. Vị… đã chỉ dạy như pháp rồi, nên sai dẫn vào. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

- Dạy xin giới: Giáo thọ sư nên dẫn đến trong Tăng, theo thứ tự đảnh lễ Tăng, rồi hướng đến thầy yết-ma để lộ vai bên phải, quỳ xuống chấp tay, giáo thọ sư dạy xin giới:

Đại đức Tăng lắng nghe! Con tên là… cầu vị Hòa thượng hiệu là… thọ giới Cụ túc. Nay con đến Tăng xin thọ giới Cụ túc, cúi xin Tăng thương xót tế độ con (Nói ba lần, rồi giáo thọ sư trở về chỗ cũ).

- Pháp giới sư hỏi bạch: Thầy yết-ma nên tác bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị Hòa thượng hiệu là... thọ giới Cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới Cụ túc. Nay tôi hỏi các nạn sự và cho làm yết-ma thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

- Pháp thầy yết-ma hỏi: Nên hỏi: Nay chính lúc nên nói lời chân thật cho đến muốn thọ giới Cụ túc không? Mỗi mỗi pháp giống như thầy giáo thọ đã hỏi.

- Pháp chính thức trao giới: (Trong luật Tát Bà Đa ghi: Phàm người muốn thọ giới, trước hết thuyết pháp mở đường cho họ thành tâm mong cầu,

khiến cho họ ở trên tất cả các tình cảnh khởi tâm từ bi, thề cứu độ tất cả chúng sinh, để họ lìa khỏi năm đường chứng quả ba thừa, chớ cầu tự độ, thọ trì giới cấm. Khi khởi tâm tăng thượng này lại được giới tăng thượng. Hơn nữa giới là chánh nhân của các thiện căn Bồ-đề. Chỉ không chướng nạn trong nhân đạo thì được thọ giới này. Nay ngươi được làm người lại không có chướng nạn có thể thọ giới Cụ túc, thật là hy hữu. Người nên nhất tâm chuyên chú đứng trước chúng Tăng mà cầu giới pháp này, như bệnh nghĩ đến thầy thuốc, như đói muốn ăn, yết-ma thần nghiệm, chúng Tăng có uy lực lớn trong khoảnh khắc có thể đem tất cả công đức khắp pháp giới đặt vào trong thân ông. Ngươi nên hoan hỷ nhất tâm lắng lòng thọ nhận. Khi dạy như vậy rồi nên tác bạch như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị Hòa thượng hiệu là... thọ giới Cụ túc. Người này tự nói thanh tịnh, không có chướng nạn, ba y và bát đầy đủ, đã nhận Hòa thượng, cha mẹ cho phép, đã đến trong Tăng xin thọ giới Cụ túc. Nay Tăng cho người tên là... Hòa thượng hiệu là... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

(Luật Tăng Kỳ ghi: Tác bạch xong, hỏi Tăng có thành tựu không? Cho đến yết-ma lần thứ nhất, thứ hai và thứ ba cũng hỏi như vậy. Đã hỏi thì cần phải trả lời thành hay không thành. Luật Thập tụng

ghi: Khi yết-ma thì nên nhất tâm lắng nghe, chớ suy nghĩ, nhận biết việc khác, kính trọng chánh tư duy, tâm hằng ghi nhớ phân biệt, nếu trái phạm Đột-cát-la).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị Hòa thượng hiệu là... thọ giới Cụ túc. Người này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, ba y và bát đầy đủ, đã nhận Hòa thượng, cha mẹ cho phép, đã đến trong Tăng xin thọ giới Cụ túc. Nay Tăng cho người tên là... thọ giới Cụ túc với Hòa thượng hiệu là... Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra (Nói ba lần).

Tăng đã cho người tên là... thọ giới Cụ túc với Hòa thượng hiệu là... rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Tiếp theo nói tướng Đọa (Khi các Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc xong trở về lại chỗ cũ. Người mới thọ giới phạm trọng tội. Đức Phật dạy: Khi người mới thọ giới xong, nên nói cho họ mười hai pháp: Bốn pháp đọa, Bốn pháp dụ và Bốn pháp y).

Người tên là... hãy lắng nghe. Đức Thế Tôn Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp đọa này. Nếu Tỳ-kheo nào phạm mỗi một pháp thì chẳng phải là con dòng họ Thích. Người trọn đời không được phạm cho đến với tâm nhiễm dục nhìn người nữ.

Nếu Tỳ-kheo hành pháp dâm dục cho đến cùng

với súc sinh thì chẳng phải Sa-môn và chẳng phải con dòng họ Thích. Ngươi trọn đời không nên phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Ngươi nhất quyết không được lấy của vật khi người khác không cho dù chỉ lấy lá cây cộng cỏ. Nếu Tỳ-kheo nào ăn cắp năm tiền hoặc vật có giá trị năm tiền thì chẳng phải Sa-môn và chẳng phải con dòng họ Thích. Ngươi trọn đời không nên phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Người nhất quyết không được sát sinh dù chỉ con kiến nhỏ. Nếu Tỳ-kheo nào hoặc người hoặc đồng loại với người mà tự tay giết hay dạy người giết, hoặc cầm dao trao cho người hoặc dạy cách chết hoặc khen sự chết, quát tháo hung dữ và dùng lời ác nói chết hơn sống thì chẳng phải Sa-môn và chẳng phải con dòng họ Thích. Ngươi trọn đời không nên phạm. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được.

Người nhất quyết không được nói dối dù chỉ đùa giỡn. Nếu Tỳ-kheo nào quả thật không đạt pháp hơn người mà tự nói đạt pháp hơn người, các thiền định giải thoát Tam-muội, chánh thọ và các đạo quả thì chẳng phải Sa-môn và chẳng phải con dòng họ Thích. Ngươi trọn đời không nên phạm. Ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được.

Chư Phật Thế Tôn vì thị hiện việc thiện mà nói thí dụ: Giống như người chết đi thì mãi mãi không có lại được thân này, như lỗ kim bị hư thì vĩnh viễn không dùng được nữa, như ruột cây Đa-la bị chặt thì không sống và tăng trưởng được, như đá bị bể không thể ghép lại được. Nếu Tỳ-kheo nào phạm mỗi một pháp đọa này mà vẫn đắc pháp Tỳ-kheo thì không có chuyện ấy.

Thọ pháp Tứ Y:

Người tên là... hãy lắng nghe! Đức Thế Tôn Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói pháp tứ y (bốn nương dựa).

Tỳ-kheo trọn đời nên nương vào y phấn tảo để sống xuất gia thọ giới cụ túc. Người có thể thọ trì được không? Đáp: Được. Nếu sau này được y kiếp-bối, y khâm-bà-la, y câu-xá-na và y tha-da đều là được y dư.

Tỳ-kheo nào trọn đời nương vào khất thực để sống xuất gia thọ giới cụ túc. Người có thể thọ trì được không? Đáp: Được. Nếu sau này được Tăng thỉnh ăn bữa ăn trước bữa ăn sau đều là được thức ăn dư.

Tỳ-kheo suốt đời nương vào nơi gốc cây để sống xuất gia thọ giới cụ túc. Người có thể thọ trì được không? Đáp: Được. Nếu sau này được phòng lớn nhỏ, phòng trọng đều gọi là được phòng dư.

Tỳ-kheo suốt đời nương vào thuốc tàn khí để sống xuất gia thọ giới cụ túc. Người có thọ trì được không? Đáp: Được. Nếu sau này được tô, dầu, mật và đường phèn đều là được của dư.

Người tên là... hãy lắng nghe. Ta Bạch-tứ-yết-ma được như pháp thọ giới cụ túc rồi. Các trời, rồng và quỷ thần đều nguyện như thế này: Khi nào ta được làm thân người sẽ ở trong chánh pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc. Nay ngươi đã được giống như người được làm Vua, ông thọ pháp Tỳ-kheo cũng như vậy, nên cung kính thọ giới. Còn những giới khác Hòa thượng, A-xà-lê sẽ chỉ dạy rõ cho ngươi. Ngươi sẽ sớm đắc giới cụ túc, học ba giới để dập tắt ba ngọn lửa, lìa khỏi ba cõi. Không còn các cấu uế thành tựu A-la-hán. (Khi người thọ giới không biết tuổi và thời gian thọ giới. Đức Phật dạy: Nên chỉ dạy cho họ biết, người thọ giới vào ngày... tháng... năm... Ngươi suốt đời nên nhớ việc này. Các luật và luận đều ghi: Hòa thượng A-xà-lê ghi nhớ cho thời gian xuân hạ và đông, ngày... tháng... cho đến lượng cảnh. Luật này ghi lại: Bấy giờ, Tỳ-kheo không có bậc trên dưới, không cung kính lẫn nhau, bị người đời chê bai. Đức Phật dạy: Loài súc sinh còn có trên dưới, huống gì trong chánh pháp của Ta lại không cung kính lẫn nhau. Các ông từ nay trở đi, người thọ giới trước nên nhận chỗ ngồi thứ nhất, được cúng dường bố thí cung kính lễ bái thứ nhất, cứ phụng hành như vậy. Luật Tứ Phần

ghi: Sẽ khiến người thọ giới cụ túc đi trước).

Pháp thỉnh y chỉ sư:

(Các Tỳ-kheo Hòa thượng mất, vì không có Hòa thượng A-xà-lê nên mặc y trên dưới không như pháp. Đức Phật dạy: Vì mười điều lợi ích, từ nay cho phép các Tỳ-kheo có A-xà-lê tự nhiên sinh tâm xem đệ tử như con, đệ tử tự nhiên xem A-xà-lê như cha. Trong việc Hòa thượng đã nói cho đến văn A-xà-lê ghi: Để lộ vai bên phải, cởi giày dép, quỳ xuống chấp tay thỉnh như sau:)

Đại đức nhất tâm niệm! Con tên là... nay cầu thầy làm y chỉ. Nay xin thầy vì con làm y chỉ, con nương thầy để sống và dạy giới cho con, con sẽ nhận lời y chỉ của thầy (Trong luật không dạy nói ba lần, chỉ nói một lần là đủ. Vị A-xà-lê nên trả lời): Ngươi chớ buông lung. Năm loại pháp bất cộng ngữ (Bấy giờ, Lục quần Tỳ-kheo không kính giới, đối với thầy không biết hổ thẹn, không kính không yêu và không cúng dường. Đức Phật dạy: Nên làm năm pháp bất cộng ngữ).

1. Không nói chuyện với ta.
2. Vật của người không thưa với ta.
3. Không được vào phòng ta.
4. Không được cầm y bát và giúp làm việc chúng của ta.
5. Không nên đến gặp ta.

Đệ tử sám hối lỗi (Đức Phật dạy: Đệ tử sám hối

lỗi: trạch vai áo bên phải, gối phải quỳ xuống đất, dùng hai tay nâng chân thầy, hạ thấp mình thưa như sau):

Con còn nhỏ ngu si, sau không dám làm nữa (nếu thầy nhận sự sám hối thì tội của đệ tử dứt trừ).

Pháp ni chúng trao giới (Luận Thiện Kiến ghi: Ni là nữ, ma là mẹ, vì trọng ni nên gọi như vậy. Luận Trí Độ ghi: Ni được vô lượng luật nghi, nên được đứng sau Tỳ-kheo. Đức Phật vì nghi thức không tiện nên để đứng sau Sa-di).

Pháp trao giới Sa-di ni:

(Pháp yết-ma nuôi và cạo tóc xuất gia, tất cả đều nói giống như trong Tỳ-kheo, chỉ có Hòa thượng cần phải đủ mười hai tuổi hạ và thêm chữ "Ni" là khác. Ni độ Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Đại Tỳ-kheo-ni đều riêng cần phải yết-ma nuôi chúng vì ni mỗi năm độ đệ tử phạm tội. Hoặc pháp xả nuôi chúng. Pháp xin chúng chuẩn theo đó thì biết, không nêu lại).

Pháp trao giới Thức-xoa-ma-na:

(Luật ghi: Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni không trao trước giới cho đệ tử, hai năm lại cho thọ đại giới nên ngu si không hiểu biết, không thể học giới. Đức Phật dạy: Cho yết-ma hai năm có thể biết có không. Nhưng sáu pháp tâm tịnh, hai năm tâm tịnh. Theo luật Tứ Phần, mười tám đồng nữ, mười tuổi đã lấy chồng. Những người này cho hai năm học

giới đủ mười hai tuổi thọ giới cụ túc. Theo trong luật này, hoặc có thể như vậy, hoặc mười tám đồng nữ chưa lao khổ chí tiết chưa thành, cho phép hai năm đủ mười hai tuổi đến lúc lấy chồng, vì trải qua lao khổ giữ hạnh để trưởng thành liền cho thọ giới cụ túc, không cần học giới chỉ cần tác pháp Bạch-tứ-yết-ma, trù lượng họ có khả năng hay không. Trong giới ni ghi: Tuy đủ mười hai tuổi đã lấy chồng mà có các loại bệnh điếc câm. Các Tỳ-kheo-ni cho thọ giới cụ túc, ngu si không hiểu biết, không có khả năng học giới. Đức Phật dạy: Nay cho phép các Tỳ-kheo-ni Bạch-tứ-yết-ma cho người nữ mười hai tuổi, tuổi đã lấy chồng thọ giới Cụ túc. Người kia muốn thọ giới Cụ túc nên đến trong Tỳ-kheo-ni Tăng thưa. A-di Tăng lắng nghe. Con tên là... đã lấy chồng đủ mười hai tuổi, cầu xin Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc. Cúi xin Tăng thương xót cho con thọ giới cụ túc. Xin như vậy Ba lần. Các Tỳ-kheo-ni nên trù lượng có thể cho thọ hay không cho thọ).

Một Tỳ-kheo-ni yết-ma như trước (Nghĩa là như pháp cho nuôi chúng ở trước, hoặc có thể làm yết-ma theo câu từ như trình bày ở trước, không nói những lời yết-ma khác).

Văn này (Chính là thọ giới cụ túc).

Pháp xin hai năm học giới (Đức Phật dạy: Người muốn thọ giới đến trong Tỳ-kheo-ni tăng

xin Ba lần, oai nghi đầy đủ, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ Tăng, rồi quỳ xuống chấp tay thưa như sau):

A-di Tăng lắng nghe! Con tên là... Hòa thượng hiệu là... Nay đến Tăng xin hai năm học giới. Cúi xin A-di Tăng thương xót cho con hai năm học giới (Thưa Ba lần như vậy rồi, Sa-di-ni nên đến chỗ mắt thấy tai không nghe).

Pháp cho hai năm học giới:

A-di Tăng lắng nghe! Sa-di này tên là... Hòa thượng hiệu là... Nay đến Tăng xin hai năm học giới. Nay Tăng cho Sa-di này tên là… Hòa thượng hiệu là… hai năm học giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng lắng nghe! Sa-di-ni này tên là… Hòa thượng hiệu là… Nay đến Tăng xin hai năm học giới. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã cho Sa-di này tên là… Hòa thượng hiệu là… Nay đến Tăng xin hai năm học giới. tăng đã đồng ý thì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Tiếp theo nói pháp của giới tướng.

(Đức Phật dạy nên cho nói tên sáu pháp).

Người tên là... hãy lắng nghe! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nói sáu pháp không được phạm.

Nhất quyết không được phạm dâm dục cho đến với tâm ô nhiễm nhìn người nam khác. Nếu Thức-xoa-ma-na hành pháp dâm dục cho đến loài súc sinh thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được trộm cắp cho đến lá cây, cộng cỏ. Nếu Thức-xoa-ma-na hoặc ở trong làng xóm hay ở nơi đồng trống vật của người khác giữ mà ăn trộm năm tiền thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na,

chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được sát sinh cho đến con kiến nhỏ. Nếu Thức-xoa-ma-na tự tay giết người, cầm dao trao cho người dạy giết, dạy cách giết và khen ngợi sự chết người giết thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được nói dối cho đến đùa giỡn. Nếu Thức-xoa-ma-na tự mình không đắc pháp hơn người mà tự nói có các thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ hoặc chứng đắc đạo quả thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích

chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

Không được uống rượu. Nếu Thức-xoa-ma-na uống rượu thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na ăn phi thời thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

(Bốn giới trước là căn bản, hai giới sau là tùy hỷ làm, cho nên riêng để người kia hai năm học giới. Nếu phạm bốn giới trước thì sẽ đuổi đi. Nếu phạm hai giới sau, theo luật Tứ Phần thì nên cho thọ giới lại. Nhưng trong giới này giống với bốn giới trước tức là tứ trọng phương tiện, nghĩa là cùng với người nam xúc chạm nhau, ăn trộm dưới năm tiền, giết súc sinh, nói lời dối gạt nhỏ, nếu phạm bốn giới này cũng cho thọ giới lại. Tất cả pháp ni giới cần phải học, trừ tự tay lấy thức ăn và trao thức ăn cho người khác, tùy thuận thực hành mười tám việc. Nếu ngày tháng không đủ hai năm thì không cho thọ giới cụ túc. Trong luật Tứ Phần nói một năm là mười hai tháng).

Pháp Tỳ-kheo-ni thọ giới:

(Theo tông này, ni có sáu pháp thọ giới:

1. Tám kính.
2. Mười một chúng.
3. Hai mươi chúng.
4. Thọ từ xa.
5. Mười hai tuổi lấy chồng.
6. Nghĩa lập biên địa mười người. Lúc đầu Ba-xà chỉ một người. Chuẩn theo năm trăm Thích nữ. Còn bốn trường hợp khác thọ chung với tất cả).

1. Trước hết nói rõ bổn pháp (Cần phải đầy đủ tám duyên)

Pháp thỉnh Hòa thượng (Ý cần thỉnh trong giới Tỳ-kheo đã giải thích, nên để lộ vai bên phải, cởi giày dép, quỳ xuống chấp tay thỉnh như sau):

Con tên là... nay cầu thầy làm Hòa thượng. Thầy vì con làm Hòa thượng. Con rất vui khi được thầy làm Hòa thượng. Thầy làm Hòa thượng con nương ở nên được thọ giới cụ túc (Nói ba lần): Có thể (hay nói): Ta sẽ dạy giới cho ngươi (hoặc nói): Ngươi chớ buông lung.

2. Dẫn người thọ giới đến (Trong Luật ghi: Đệ tử các Tỳ-kheo học hai năm, giới không thành tựu lại thọ giới cụ túc. Đức Phật dạy: Không nên như vậy, phạm Đột-kiết-la. Từ nay cho phép phải hợp ý của Hòa thượng, A-xà-lê, rồi tập họp chúng mười người, dẫn người thọ giới đến chỗ thọ giới đứng

chỗ mắt thấy tai không nghe).

3. Pháp sai giáo thọ sư (Hòa thượng nên nói với thầy yết-ma): Trưởng lão nay nhận yết-ma (Sau khi được sai như vậy, thầy yết-ma nói):

A-di Tăng lắng nghe! Ngươi tên là... cầu Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc, vị hiệu là... làm giáo thọ sư. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

4. Pháp giáo thọ sư kiểm hỏi: (Một hỏi Hòa thượng, hai hỏi người thọ giới, nên đến trước Hòa thượng hỏi):

Đã độ người này chưa (Đáp: Chưa. Nên nói: Trước độ người này chưa. Nếu nói đã độ nên nói):

Vì người này làm Hòa thượng chưa? (Nếu nói chưa thì nói vì người này làm Hòa thượng. Nếu nói đã làm thì nên hỏi):

Người thọ giới này hai năm học giới ngày tháng đã đủ chưa? Y bát có đầy đủ không? (Đáp: Không đầy đủ nói khiến cho đầy đủ thì lại hỏi):

Tự có hay mượn của người khác? (Nếu trả lời mượn thì nên nói với người chủ bỏ, rồi sau đó đến chỗ người thọ giới nói):

Ngươi không nên sợ hãi, lát nữa ta sẽ dẫn ngươi đến chỗ cao thắng (Đáp: Xin vâng. Nếu trước chưa biết rõ về họ thì không nên vội vã dạy bảo. Khi mặc y thì nên lén xem họ có bị bệnh nặng không?)

Đây có phải là Tăng-già-lê, Uất-đà-la-tăng,

An-đà-hội, Phú-kiến-y và y tắm không? (Nếu người kia không biết nên nói cho biết. Tiếp theo nên cho người thọ giới bát. Lại nên nói):

Ngươi tên là... hãy lắng nghe. Nay chính là lúc cần nói lời chân thật. Nay ta hỏi ngươi: Nếu có thì nên trả lời có. Không trả lời không.

Ngươi không giết cha chứ? Ngươi không giết mẹ chứ? Ngươi không giết A-la-hán chứ? Ngươi không có tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi không có phá hòa hợp Tăng chứ? Ngươi không phạm Tỳ-kheo tịnh hạnh chứ? Ngươi không phải là phi nhân chứ? Ngươi không phải là súc sinh chứ? Ngươi không phải là huỳnh môn chứ? Ngươi không phải là nhị hình chứ? Ngươi không phải là kẻ tự cạo đầu xưng mình là Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không bỏ nội ngoại đạo chứ? Ngươi chưa từng xuất gia trì giới không đầy đủ chứ? (Nếu theo câu hỏi trả lời là không thì nên hỏi tiếp).

Người nữ có các căn bệnh như sau: bệnh hủi, bệnh hủi trắng, bệnh ung thư, bệnh căn tiêu, bệnh điên cuồng, bệnh lậu, bệnh mỡ chảy ra. Ngươi có những căn bệnh nan y như vậy không? Ngươi không mắc nợ người ta chứ? Ngươi chẳng phải là vợ của người khác chứ? Chồng ngươi có cho phép không? Ngươi không phải là người của quan chứ? Ngươi không phải là đầy tớ chứ? Ngươi là người phải không? Nữ căn đầy đủ không? Ngươi không phải là huỳnh môn chứ? Ngươi không phải là thạch

nữ chứ? Ngươi không phải hai đường hợp một chứ? Bệnh nguyệt thường xuất ra không? Ngươi hai năm học giới ngày tháng có đầy đủ không? Ngươi đã cầu Hòa thượng chưa? Cha mẹ có cho phép không? Ngươi muốn thọ giới cụ túc không? (Tùy theo từng câu hỏi trả lời đúng như pháp. Lại nên dạy):

Như ta đã dạy ngươi, lát nữa vào trong Tăng cũng hỏi như vậy.

Ngươi cũng nên trả lời đúng như vậy.

5. Pháp gọi vào trong chúng. (Thầy giáo giới kia nên trở vào trong chúng đứng thưa): Tôi đã hỏi xong (Thầy yết-ma nên bạch):

A-di Tăng lắng nghe! Người tên là... cầu Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc, vị hiệu là... hỏi đã xong. Nay cho phép dẫn đến. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch. (Thầy giáo thọ nên dẫn đến dạy đảnh lễ Tăng).

6. Pháp dạy xin giới. (Đảnh lễ dưới chân Tăng rồi, dẫn đến chỗ thầy yết-ma quỳ xuống chấp tay bạch thầy yết-ma theo Tăng xin thọ giới cụ túc. Dạy):

Con tên là... cầu Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là... cúi xin Tăng thương xót tế độ con (xin Ba lần rồi, thầy giáo giới sau đó trở lại ngồi).

7. Giới sư bạch Hòa thượng (Thầy yết-ma nên

bạch như sau):

A-di Tăng lắng nghe! Người tên là... cầu Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc, đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc với Hòa thượng hiệu là... Nay tôi ở trong Tăng nêu các vấn nạn và làm yết-ma thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

8. Pháp thầy yết-ma hỏi. (Nên nói: Người tên là... hãy lắng nghe! Nay chính là lúc cần nói chân thật cho đến muốn thọ giới cụ túc không? (Tất cả như thầy giáo thọ hỏi ở trên, người kia cũng trả lời đầy đủ như vậy).

9. Chính thức trao bổn pháp. (Thầy yết-ma tùy theo căn cơ chỉ dạy để họ phát tâm vô thượng, khiến đầy đủ bổn pháp, rồi tác bạch như sau):

A-di Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc. Người kia đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc, tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đã đủ hai năm học giới, năm y bát đầy đủ, đã cầu Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, rất muốn thọ giới cụ túc. Cúi xin Tăng nay cho người tên là... thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là.... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị Hòa thượng hiệu là... thọ giới cụ túc. Người kia đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc, tự nói thanh tịnh,

không có các nạn sự, đã đủ hai năm học giới, năm y bát đầy đủ, đã cầu Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, rất muốn thọ giới cụ túc. Cúi xin Tăng nay cho người tên là... thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là... Các A-di nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra. (Nói ba lần)

Tăng đã cho người tên là... thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là...

Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

- Pháp bổn pháp ni đến trong đại Tăng thọ giới:

(Luật ghi: Hòa thượng, A-xà-lê nên tập họp mười Tỳ-kheo-ni, Tăng dẫn người thọ giới đến trong Tỳ-kheo Tăng. Đúng lẽ nếu ni Tăng tự kiết đại giới là phạm tội biệt chúng).

Pháp thỉnh thầy yết-ma (Trong luật không có chánh văn, theo Tỳ-kheo thọ giới ở trước cũng khiến thỉnh thêm, nên dạy):

Con tên là... nay thỉnh Đại đức làm yết-ma A-xà-lê, cúi xin Đại đức vì con làm yết-ma A-xà-lê, con nương Đại đức nên được thọ đại giới, từ mẫn cố! (Thỉnh ba lần, vị kia nên trả lời): Có thể.

Pháp xin thọ đại giới:

(Luật ghi: Nên đối trước thầy Tỳ-kheo yết-ma hai gối quỳ xuống đất xin thọ giới cụ túc. Thầy yết-ma ni nên dạy nói):

Con tên là... cầu Hòa thượng hiệu là... thọ giới

cụ túc đã ở trong chúng thọ giới cụ túc rồi, thanh tịnh không có nạn sự, đã đủ hai năm học giới, y bát đầy đủ, đã cầu Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, không phạm tội thô ác, rất muốn thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc với Hòa thượng hiệu là... Cúi xin Tăng từ bi thương xót tế độ con (Nói ba lần)

Pháp thầy yết-ma hỏi:

(Luật ghi: Pháp hỏi lại xin trong, đã hỏi thanh tịnh. Nhưng trong các bộ cùng hành pháp hỏi, nên kiểm vấn. Thầy yết-ma muốn nói cặn kẽ nên tác bạch như sau):

Đại đức Tăng lắng nghe! Ngươi này tên là... cầu vị hiệu là... thọ giới cụ túc. Người kia đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc. Nay tôi sẽ hỏi các nạn sự và làm tác pháp yết-ma thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Pháp chính thức hỏi chướng nạn: (Trước hết nên an ủi, như trên đã nói. Lại hỏi: Nay chính là lúc cần nói lời chân thật cho đến muốn thọ giới cụ túc không? Mỗi mỗi đều giống như trên pháp thầy đã hỏi).

Pháp chính thức thọ giới thể:

(Thuyết pháp khai đạo giới để khiến cho họ chuyên tâm thọ nhận giới pháp, như trước đã nói).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị

hiệu là... thọ giới cụ túc, đã ở trong một chúng thọ giới cụ túc rồi, thanh tịnh không có các nạn sự, đã đủ hai năm học giới, những gì trước nên làm đã làm xong, y bát đầy đủ, đã cầu Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, không phạm tội thô ác, muốn thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc với Hòa thượng hiệu là... Cúi xin Tăng nay cho người tên là... thọ giới cụ túc với Hòa thượng hiệu là... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người tên là… cầu vị hiệu là... thọ giới cụ túc, đã ở trong một chúng thọ giới cụ túc rồi, thanh tịnh không có các nạn sự, đã đủ hai năm học giới, những gì trước nên làm đã làm xong, y bát đầy đủ, đã cầu Hòa thượng, cha mẹ đã cho phép, không phạm tội thô ác, muốn thọ giới cụ túc. Nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là... Cúi xin Tăng nay cho người tên là... thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là... Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã cho người tên là... thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là... rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp nói tướng đọa:

Người tên là... hãy lắng nghe! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói pháp Đọa. Nếu

Tỳ-kheo nào phạm mỗi một pháp này thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ.

Nhất quyết không được phạm dâm dục cho đến với tâm ô nhiễm nhìn người nam khác. Nếu Tỳ-kheo-ni nào hành pháp dâm dục cho đến loài súc sinh thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được trộm cắp cho đến lá cây, cộng cỏ. Nếu Tỳ-kheo-ni nào ở trong làng xóm hay trên đồng trống ăn trộm vật thuộc của người khác bảo hộ năm tiền hoặc hơn năm tiền thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được giết hại cho đến con kiến nhỏ. Nếu Tỳ-kheo-ni nào tự tay giết người, cầm dao trao cho người dạy giết, dạy cách chết và khen ngợi sự chết người giết thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được nói dối cho đến đùa giỡn. Nếu Tỳ-kheo-ni tự mình không đắc pháp hơn người hoặc nói có các thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ, hoặc đạo, hoặc quả thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới

này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được gần gũi với người nam. Nếu Tỳ-kheo-ni nào dục phát khởi mạnh tâm biến loạn xúc chạm trên thân của người nam từ mái tóc xuống đầu gối, từ đầu gối trở lên, hoặc người nam xúc chạm như vậy cũng không được nhận, hoặc đè xuống, hoặc nắm, hoặc đỡ lên, hoặc đặt xuống, hoặc kéo thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được gần gũi với người nam. Nếu Tỳ-kheo-ni nào dục phát khởi mạnh tâm biến loạn nhận sự nắm tay, nắm y, hoặc hẹn cùng đi, hoặc cùng đi với nhau không có ai, hoặc cùng đứng riêng với nhau, hoặc cùng nói chuyện riêng, cùng ngồi chung, hoặc hai thân sát nhau, đầy đủ tám việc thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không được tùy thuận phi pháp theo lời Tỳ-kheo-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo tăng hòa hợp như pháp cử tội Tỳ-kheo mà tùy thuận Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo-ni nên nói: Này chị em! Tỳ-kheo này bị Tăng hòa hợp như pháp cử tội, cô chớ có tùy thuận theo. Khi can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, nên hai Ba lần can gián. Hai

Ba lần can gián bỏ việc này thì tốt, nếu không bỏ thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nhất quyết không nên che giấu tội thô ác của người khác. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội Ba-la-di. Sau một thời gian, người kia bỏ đạo, hoặc chết, hoặc đi xa, hoặc bị cử tội, hay căn biến đi nói với Tỳ-kheo khác như vậy: Trước đây tôi biết Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di mà không bạch Tăng, không nói với người khác thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Chư Phật Thế Tôn khéo nói chỉ dạy việc hiện tiền, giống như cái kim bị hư lỗ thì không thể sử dụng được, giống như người chết rồi không sinh lại được thân này nữa, giống như ruột cây Đa-la bị chặt không thể sinh trưởng được, giống như viên đá bị vỡ không thể gắn lại được. Nếu Tỳ-kheo-ni nào ở trong tám pháp này phạm mỗi một pháp mà trở lại thành Tỳ-kheo-ni thì không thể có chuyện ấy

Tiếp theo nói tám kính pháp.

Người tên là... hãy lắng nghe! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói tám pháp không thể trái. Ngươi suốt đời không nên vi phạm:

Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng nên đến chúng Tỳ-kheo xin người giáo giới. Tỳ-kheo-ni không được ở chỗ không có Tỳ-kheo an cư ba tháng hạ. Khi Tỳ-kheo-ni tự tứ nên đến chỗ Tỳ-kheo Tăng thỉnh ba việc thấy nghe và nghi tội. Thức-xoa-ma-na hai năm học giới xong nên thọ giới cụ túc trong hai bộ đại Tăng. Tỳ-kheo không được mắng nhiếc Tỳ-kheo. Không được ở trong nhà bạch y nói Tỳ-kheo phá giới, phá oai nghi, phá kiến. Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo, trái lại Tỳ-kheo được phép quở trách Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni phạm tội thô ác trong mỗi nửa tháng hành Ma-na-đỏa ở trong hai bộ Tăng. Sau khi mỗi nửa tháng hành Ma-na-đỏa xong nên ở trong hai mươi vị Tăng mà xuất tội. Tỳ-kheo-ni tuy thọ giới trước một trăm tuổi cũng phải đảnh lễ, đứng dậy nghinh đón Tỳ-kheo mới thọ giới.

Tiếp theo nói pháp bốn y.

Người tên là... hãy lắng nghe! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp y này, suốt đời thọ pháp tứ y là người xuất gia thọ giới cụ túc. Nương vào y phấn tảo xuất gia thọ giới cụ túc, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nếu được y dư, y kiếp bối, y khâm-đà-la, câu-xá-da, y cù-đồ-già và y gai nên nhận. Nương pháp khất thực, xuất gia thọ giới cụ túc, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nếu được thức ăn dư, thức ăn của Tăng bữa ăn trước, bữa ăn sau hoặc thức ăn thỉnh nên thọ. Nương vào ngọa cụ thô xấu xuất gia thọ giới cụ túc, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được.

Nếu được nhà dư như am thất, thành thất, nhà lớn, nhà nhỏ, nhà vuông tròn nên nhận. Nương vào thuốc hạ tiện xuất gia thọ giới cụ túc, ngươi có thể thọ trì được không? Đáp: Được. Nếu được thuốc dư như tô, dầu, mật và đường nên nhận.

Ngươi tên là... hãy lắng nghe! Ngươi đã Bạch-tứ-yết-ma, thọ giới cụ túc rồi. Các trời, rồng, thần, Càn-thát-bà thường nguyện: Khi nào chúng ta được làm thân người sẽ xuất gia thọ giới cụ túc. Người này đã được như người được vương vị. Nay người thọ pháp Tỳ-kheo-ni cũng như vậy. Người nên vui vẻ nhẫn nhục, vui vẻ cùng nói chuyện, cùng nhận giáo giới, nên học ba giới để diệt trừ ba độc, vượt qua ba cõi, chứng đắc quả A-la-hán. Còn những gì chưa biết Hòa thượng A-xa-lê sẽ dạy cho ngươi.

IV- PHÁP Y DƯỢC THỌ TỊNH , THỌ TRÌ Y PHÁP:

(Ba y của đạo tiêu biểu cho phàm Thánh đồng phục đã khác ngoại đạo, lại dứt tham sân, đồng tướng giải thoát, cần tăng thêm Thánh pháp, ngược tà và khác tục, cho nên chế có ba. Hơn nữa nhiều

luận ghi: Vì lập nghĩa nên che nóng lạnh, trừ sự không hổ thẹn, vì vào sống ở trong làng xóm, giữ oai nghi thanh tịnh mới chế ba y. Ni chế năm y cũng vậy. Công năng dĩ nhiên là thể nên phải hướng vào pháp này, đầy đủ bốn cái mới có thể thọ trì. Một là lông gấm, hai là sắc, Ba-là lượng, bốn là làm. Thể là mười loại y. Khác ở chỗ là cỏ cây da và tóc. Xả đọa tà mạng là lông gấm, bông và lụa the đều không thành y. Sắc nghĩa là hoại sắc, năm loại văn hoa gấm thêu phi tục cũng không cho phép. Lượng là ba khuỷu tay hoặc năm khuỷu tay. Trong các luận nói y khoảng hai khuỷu tay, bốn khuỷu tay cũng cho phép làm An-đà-hội. Làm nghĩa là điều xếp mức thước cắt may như pháp. Hai điều kế sau giáo đều giống nhau. Tăng-già-lê nhiều luận phân làm chín phẩm. Nếu tự tăng hoặc giảm may thành thọ có lỗi. Kia mặc thọ dụng, luật có nói giới là giữ gìn thanh tịnh kính phụng giống như tháp, tâm ác hủy hoại phạm tội cũng như vậy. Khi đi phải mang theo bên mình như đôi cánh của con chim. Dạy đã cặn kẽ còn nói gì nữa).

Pháp thọ An-đà-hội:

(Trong luật có văn thọ riêng. Nay chuẩn theo văn ấy để đối chiếu).

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... thọ y An-đà-hội năm điều này.

Pháp thọ Uất-đà-la-tăng.

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... thọ y Uất-đà-la-tăng bảy điều này (nói ba lần).

Pháp thọ y Tăng-già-lê.

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... thọ y Tăng-già-lê chín điều này (tùy theo số điều nhiều hay ít mà xướng Ba lần).

Pháp thọ y Tăng-kỳ-chi.

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... làm y Tăng-kỳ-chi này như pháp. Tôi thọ trì (nói ba lần).

Pháp thọ Phú-kiên y.

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... y Phú-kiên này làm như pháp. Tôi thọ trì (nói ba lần).

Pháp xả y (Nên để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ xuống cầm y, phát tâm miệng thưa):

Đại đức nhất tâm niệm! Y Tăng-già-lê chín điều này, nay tôi xả (Nói ba lần. Còn các y khác cũng chuẩn theo đó để biết tâm niệm thọ xả đều giống như vậy, chỉ trừ câu Đại đức nhất tâm. Năm y của ni cũng giống như vậy).

Pháp Ni-sư-đàn.

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... Ni-sư-đàn này làm đúng lượng, nay tôi thọ trì (nói ba lần).

Pháp thọ Bát-đa-la.

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... Bát-đà-la này thọ đúng lượng thường dùng.

Pháp thọ thuốc.

(Khi thân thể có bệnh thì thân thể cần phải chăm sóc uống thuốc còn không bệnh thì chỉ dùng thức ăn. Các bộ luận nêu các loại thuốc phân chung gồm bốn loại không thể dùng chung, cho nên Đức Phật chia ra bốn loại. Một là thuốc nhất thời, hai là thuốc phi thời, Ba-là thuốc bảy ngày, bốn là thuốc trọn đời. Thuốc nhất thời chỉ dùng tay nhận, còn

ba loại thuốc sau có hai cách nhận lời nói và tay. Nhiều luận nói: Tay nhận có năm nghĩa, tay nhận sợ mất nên có thêm pháp nói. Theo Thập Tụng và luận đều có pháp nhận bằng lời nói, còn các luật đều không có văn này).

Thọ thời dược.

(Luật này, thể nơi thời dược phân mười loại. Luật Tứ Phần: Năm chánh và năm phi chánh đều thuộc về phi dược. Biết danh và thể rồi, tâm cảnh tương ứng, oai nghi như pháp, theo giáo thọ nhận. Nhưng trong luật này thọ nhận có bốn:

1. Thân trao thân thọ.
2. Vật trao vật thọ.
3. Tay trao tay thọ.
4. Dạy lấy mà ăn (Nghĩa là thí chủ đưa qua nhanh không kịp nhận thức ăn, gặp giặc ác Tỳ-kheo không thể đến gần để được trao. Vì thức ăn để dưới đất nên nói: Có thể lấy ăn cũng cho phép. Vì người kia nói chính là thọ thực).

Pháp thọ thuốc phi thời.

(Nghĩa là quả Am-bà... và tám loại nước uống, thức ăn không phải tạp thời, như pháp tác tịnh, có các duyên như khát v.v, nhưng sau đó như pháp. Nghĩa gia ghi):

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... nay vì nhân duyên khát, bệnh. Đây là nước uống của quả Am-bà, vì muốn qua cơn khát phi thời. Nay tôi ở bên Đại đức thọ. (Nói ba lần. Các thứ nước uống khác chuẩn theo đây. Nếu không có bệnh khát thì phạm tội).

Pháp thọ thuốc bảy ngày.

(Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị bệnh gió, nóng. Đức Phật cho phép dùng bốn loại: Tô, dầu, mật và đường phèn làm thuốc, thọ dùng trong bảy ngày này vì muốn dùng qua đêm. Nay tôi ở bên Đại đức thọ (nói ba lần).

Pháp thọ thuốc trọn đời.

(Có các Tỳ-kheo mắc bệnh mùa thu. Đức Phật dạy: Nên dùng thuốc quả, rễ và tất cả những thứ khác như mặn đắng cay và nồng, không thể làm thức ăn, nhưng vì có nhân duyên bệnh cho phép dùng suốt đời. Nghĩa gia ghi):

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... nay vì nhân duyên bệnh khí nên gừng tiêu này nhận làm thuốc trọn đời. Nay tôi muốn cùng chứa ngủ qua đêm nên ở bên Đại đức nhận (nói ba lần).

Pháp y dư thuyết tịnh.

(Thể của y dư theo luật có hai. Nếu chứa ba y dư quá mười ngày mới phạm tội xả đọa. Nếu chứa y khác cho đến khăn tay đều phạm Đột-kiết-la. Kim ba chỉ một loại, những cái này ở ngoài đều cần thuyết tịnh. Không như kết tịnh thí có hai:

1. Vật chân thật trao cho người kia.
2. Lần lượt xưng tên tác pháp, nếu cưỡng đoạt phạm tội, chỉ chân thật có thể xưng tên thì không có nghĩa cưỡng đoạt).

Pháp thỉnh người làm chủ thí y:

(Tịnh chủ chân thật, luật chế. Chọn lựa một năm hay như văn lần lượt nói rõ. Nếu chuẩn theo văn khác thì nên cầu người trì giới đa văn đầy đủ. Luật không có pháp thỉnh. Vì nghĩa gia ghi):

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... Nay thỉnh Đại đức làm tịnh thí chủ lần lượt về y, thuốc và bát. Cúi xin Đại đức vì tôi làm tịnh thí chủ lần lượt về y, thuốc và bát (nói ba lần).

Pháp chánh thuyết pháp tịnh.

(Nếu chúng nhiều y vật, nói riêng từng vật hoặc góp chung lại một chỗ rồi nói chung cũng được).

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi có y dư này đến bên Đại đức làm tịnh thí (Người kia nên hỏi).

Trưởng lão y này làm tịnh thí ở bên tôi. Tôi mang cho ai? (Đáp: Vị tên là... Người kia nên nói): Nay tôi cho vị tên là... Nếu trưởng lão cần thì đến

vị kia nhận dùng.

Pháp ở một mình tác tịnh:

(Có Tỳ-kheo ở trong phòng một mình không biết tịnh ví như thế nào. Đức Phật dạy: Cho phép làm tịnh thí chỉ từ xa, tâm phát miệng nói):

Tôi có y dư này tịnh thí cho vị tên là... đến vị kia lấy dùng (Pháp tịnh thí riêng, cho đến mười một ngày lại nên nói như pháp trước, tâm phát miệng nói):

Tôi có y dư này, đến người tên là lấy lại.

Pháp kim túc tịnh thí.

(Tát-bà-đa ghi: Tiền, báu, lúa thóc đều giống với y dư, mười ngày nói tịnh. Tứ Phần ghi: Sẽ mang đến người Ưu-bà-tắc đáng tin cậy hoặc người giữ vườn bảo):

Đây là các vật không phải của tôi, ngươi nên biết.

V- PHÁP TĂNG CÙNG BỐ TÁT

(Ngoại trừ những nhân duyên thỉnh ở bên ngoài mà chế, để gặp gỡ tôn trọng nhau làm cho những người phạm càng tăng thêm sự trì giới.

Luận Ma Đắc Lặc Già ghi: Thế nào gọi là Bố-tát? Bỏ các pháp ác bất thiện, chứng đắc bạch pháp phạm hạnh cứu cánh. Nửa tháng tự xem xét phạm hay không phạm, làm thanh tịnh thân khẩu).

Pháp Tăng chúng thuyết giới.

(Luật ghi: Các Tỳ-kheo muốn trang nghiêm giảng đường Bố-tát nên treo ảnh, rải hoa và thí đồ uống quá trưa và thí y vật. Lại muốn dùng kệ tán thán Phật, Pháp, Tăng. Đức Phật dạy: Đều cho phép. Nếu có việc phước nên làm kịp thời. Thánh giáo cũng vậy, đặc biệt cần phải kính trọng mỗi mỗi tướng, khuyến khích nương theo pháp để tu hành. Đến ngày Bố-tát, quét tưới sân viện, trang hoàng trong đường (nhà Bố-tát), tòa thuyết giới phải trang nghiêm mọi thứ. Xướng thời gian đã đến, bốn loại tập hợp Tăng khiến cho chúng đều biết rõ tự giác tập họp. Nhưng giới là pháp tịnh chẳng phải khai cho kẻ phạm. Nếu có phạm thì nên sám hối để được thanh tịnh, chưa sám hối thì Thánh mở bày cho phát lồ. Nay theo thứ tự nêu đầy đủ nghi thức của nó).

Pháp Tăng phạm sám hối:

(Có một trú xứ, ngày Bố-tát tất cả Tăng đều phạm tội. Đức Phật dạy: Nên bạch nhị yết-ma, một người đến chúng khác sám hối tội, sau đó người khác hướng đến người kia trừ tội. Nếu không được thì tất cả Tăng tập họp kết trong giảng đường Bố-tát bạch nhị yết-ma, trừ bỏ tội ấy):

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng đều phạm tội này không thể sám hối được. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác

bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng đều phạm tội này, không thể sám hối được. Nay cùng dứt bỏ tội ấy rồi sau đó sẽ sám hối. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã dứt bỏ tội này rồi, Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (sau đó nên Bố-tát).

Pháp gần đến giờ Bố-tát, một người phát lồ: (Nên hướng đến vị đối diện, tâm niệm, miệng nói): Tôi có tội này. (Nên nói tên loại, không được nói thẳng tội này). Nói giới xong sẽ sám hối.

Pháp giáo giới ni chúng:

(Ni vốn mang thân hình nghiệp chướng, thường mắc phải những lỗi lầm, cần sự giáo huấn. Đức Đại Thánh từ bi nên chế ra nghi thức này khiến ni đến Tăng thỉnh người giáo giới. Tăng sai người đầy đủ đức chỉ dạy điều chưa nghe, nhưng pháp có rộng, có lược, trong luật giáo đã nói đầy đủ nên hòa hợp phụng hành, không nên lười biếng phế bỏ. Nhưng hiện nay, Tăng ni xem thường giáo luật, hơn nữa các bậc cụ túc rất hiếm có nên nghi thức giáo giới rộng chưa nghe, thực hành bừa bãi, lược bỏ nghi thức phép tắc để hợp với thời đại. Ni sai sứ đến Tăng thỉnh, ghi nhận lời dặn của Tỳ-kheo, lúc... xin. Pháp trong luật ni lại ghi: Ngay khi ấy nên nói: Các Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh

tịnh không? Khi muốn thanh tịnh, người nhận dục nên rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy trước Tăng bạch):

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Tăng ở chùa... hòa hợp đảnh lễ Tỳ-kheo Tăng hòa hợp xin người giáo giới (Nói ba lần. Rồi nên đến chỗ Thượng tọa thưa: Đại đức thương xót, có thể giáo thọ ni được không? Nếu trả lời không thể, lại đến vị mười hai trở lên, mỗi vị cũng đều hỏi như vậy. Nếu không có vị nào nhận lời thì trở lại chỗ Thượng tọa thưa: Đi hỏi khắp chúng Tăng nhưng không có ai nhận lời. Thượng tọa nên làm pháp lược giáo giới: Sáng mai Tỳ-kheo-ni đến nên báo với họ: Tối hôm qua vì ni đã cầu pháp mà không có vị nào nhận lời cả, nên nói với ni chúng là tinh tấn hành đạo, cẩn thận chớ buông lung. Sáng mai tuyên bố lời chỉ dạy của Thượng tọa với người sứ của ni. Sứ của ni trở về trong chùa tập hợp chúng thuyết dục. Sư ni hỏi hòa hợp và tuyên bố lời Thượng tọa dạy. Ni chúng chấp tay kính cẩn ghi nhận. Mỗi người đều nói: Kính vâng thọ trì. Sau đó đảnh lễ Phật rồi giải tán).

Pháp gởi dục thanh tịnh:

(Khi tới ngày thuyết giới, Tỳ-kheo có bệnh không đến. Đức Phật dạy: Cho nằm vào trong y khiêng đến. Nếu sợ bệnh nặng thêm thì nên lấy dục thanh tịnh mang đến. Nếu không thể nói được thì đưa tay, đưa ngón tay, lắc đầu nhướng mắt được gọi là thân cho dục thanh tịnh. Nếu lại không được

thì nên khiêng người bệnh đến chỗ thuyết giới, cho mặt người bệnh hướng đến chỗ người thuyết giới. Nếu lại không thể hướng đến người thuyết giới thì nên xuất giới ra ngoài Bố-tát. Nếu trường hợp cho ni hoặc bốn chúng điên loạn, bị diệt tẫn đều không gọi là gởi dục thanh tịnh. Nếu đến trong Tăng điên loạn nổi lên đều không gọi là gởi dục. Trường hợp ngủ hoặc quên được gọi là trì dục, phạm Đột-kiết-la. Lại khi Tăng có việc loạn xảy ra nên bỏ đi. Nên chỉnh đốn oai nghi đối trước như pháp nói):

Trưởng lão nhất tâm niệm! Nay Tăng có đoạn sự. Tôi Tỳ-kheo tên là... gởi dục như pháp Tăng sự (không cần nói ba lần chỉ nói một lần là được).

Trong Tăng nói:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... như pháp tăng sự, gởi dục thanh tịnh (nói một lần).

Pháp chuyển dục.

(Luật Tứ Phần ghi: Người gởi dục tự có việc không đến được trong Tăng, cho phép chuyển trao cho Tỳ-kheo. Nên nói như vầy):

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... đã nhận dục thanh tịnh cho nhiều Tỳ-kheo. Họ cùng với tôi đối với Tăng sự như pháp này gởi dục thanh tịnh (vị kia đến trong Tăng nói trực tiếp).

Pháp bảo thanh tịnh.

(Đức Phật dạy: Nếu thuyết giới xong tất cả chưa đứng dậy, có Tỳ-kheo đến hoặc nhiều hơn

hoặc bằng nên Bố-tát lại. Nếu ít hơn thì ở trong Tăng quỳ xuống, chấp tay thưa):

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... thanh tịnh.

Pháp năm loại thuyết giới:

(Như bộ khác nói có tám nạn duyên khác, khai lược thuyết giới. Đây tuy không có duyên nhưng chỗ khai cũng giống như vậy. Một rộng bốn lược tạo thành năm cách thuyết giới).

Thuyết lời tựa của giới một lần xong. (Nói): Chư Đại đức, bốn pháp đọa này Tăng thường nghe (Mười ba Tăng tàn, hai pháp Bất định, ba mươi Xả đọa, chín mươi tội Đọa, bốn Đề-xá-ni và pháp Chúng học. Mỗi một pháp chỉ nêu tên và nói Tăng thường nghe).

Nói lời tựa của giới Ba lần, bốn tội Đọa, mười ba pháp Tăng tàn và hai Bất định xong (Những pháp khác chỉ nói Tăng thường nghe).

Pháp hai ba người Bố-tát (chỉnh đốn oai nghi chấp tay nói): Nay là ngày thứ mười lăm, Tăng Bố-tát. Tôi Tỳ-kheo tên là... thanh tịnh (nói ba lần).

Pháp một người tâm niệm Bố-tát (Oai nghi như trước): Nay là ngày thứ mười lăm, chúng Tăng Bố-tát (Tâm nghĩ, miệng nói ba lần).

VI- PHÁP TĂNG CÙNG AN CƯ.

(Không có lý do đi du hành, lại giẫm đạp lên sinh vật, còn bỏ việc tu tập. Nêu việc bên ngoài để nói lên việc bên trong, nên chế ra pháp này).

Pháp nói ba lần an cư:

(Sửa soạn oai nghi đối cảnh như pháp nói):

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... ở trú xứ này an cư vào mùa hạ, ba tháng trước nương Tăng-già-lam... Nếu phòng xá hư hoại sẽ sửa lại (nói ba lần. Đáp): Tôi biết (Luật ghi: Sẽ nương vào người trì luật an cư. Nếu chỗ ở ồn ào bức bách thì qua bảy ngày được trở về chỗ cũ, tâm niệm nương từ xa. Luật Tứ Phần ghi: Trong mùa hạ an cư

nên nương vào đệ ngũ luật sư tụng đầy đủ hai bộ luật, nếu trái phạm Ba-dật-đề. Theo ý nghĩa luật nên hỏi):

Ngươi ai trì luật? Đáp: Nương luật sư... (nói): Có nghi ngờ nên hỏi (Nếu chẳng phải Tăng-già-lam cần phải bỏ. Phòng xá hư nên nói sửa chữa lại. Nếu hậu an cư thì chỉ xưng ba tháng sau là khác).

Pháp tâm niệm an cư.

(Chuẩn theo nói ba lần ở trước, chỉ trừ câu đầu).

Pháp thọ phòng xá an cư.

(Bấy giờ, có phân chia phòng xá và ngọa cụ, chia xong không khởi tâm niệm, miệng cũng không nói sinh nghi, bạch Đức Phật, Ngài dạy: Vì an cư nên phải thọ phòng xá và ngọa cụ, cũng thành

an cư. Đã nói, cũng không tâm niệm, nên có tâm niệm an cư):

Pháp thọ ngày xuất giới.

(Văn ghi: Trưởng giả thỉnh Tăng sợ không dám nhận, nhân đó bị chê bai. Đức Phật dạy: Hoặc thỉnh hoặc không thỉnh cần phải xuất ra ngoại giới. Tất cả đều cho phép bảy ngày, rồi trở lại. Lại có các ngoại đạo muốn cho nước chảy quanh Kỳ-hoàn. Vua xuất binh chinh phạt muốn đến hỏi han. Đức Phật dạy: Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng hay việc riêng bảy ngày cho phép bạch nhị, thọ mười lăm ngày đêm hoặc ba mươi đêm, lấy đêm để tính, không giống các bộ khác duyên đúng, duyên sai, giáo tự nêu rõ, trùng hay không trùng cứ nương vào cách thức thường làm. Nếu có hai nạn cho phép phá không có tội. Khai không trùng nên hạ an cư không phá thành tựu. Hoặc có thể theo văn đã cho phép chỗ kia thọ an cư chia y, an cư chỗ kia thành nghĩa cũng không mất).

Pháp Yết-ma thọ ngày.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... vì việc... muốn xuất giới đi ra ở ngoài bảy ngày lại thọ (mười lăm đêm hoặc ba mươi đêm) rồi trở lại an cư chỗ này. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... vì việc... muốn xuất giới đi ra ở ngoài bảy ngày lại

thọ (mười lăm đêm hoặc ba mươi đêm) rồi trở lại an cư chỗ này. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã cho Tỳ-kheo này tên là... thọ thêm (mười lăm đêm hoặc ba mươi đêm) xuất giới đi rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp nói ba lần thọ ngày.

(Luật không nói từ thọ, nói theo yết-ma):

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... vì việc... muốn xuất giới đi ra ngoài rồi trở về lại an cư ở đây (nói ba lần).

VII- PHÁP TĂNG TỰ TỨ

(Cùng sống chung tu tập đạo, hoặc có lỗi lầm nên để ngày cuối cùng của ba tháng hạ, ở trong chúng Tỳ-kheo như pháp, bôi đất trải cỏ ở trên, tự tứ thỉnh người khác cử tội).

Pháp sai người thọ Tự tứ.

(Tác pháp Tăng đều dựa vào nghi thức thông thường. Người có năm loại đức nên sai để thọ, nghĩa là không theo dục, tức giận, ngu si, sợ hãi và biết thời, phi thời. Hoặc hai hoặc nhiều trong văn đều cho phép).

Đại đức Tăng lắng nghe! Ở trụ xứ... Tỳ-kheo tên là... có thể vì Tăng làm người Tự tứ. Nay Tăng

sai vị tên là... làm người Tự tứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Ở trụ xứ... này Tỳ-kheo tên là... có thể làm người tự tứ cho Tăng. Nay Tăng sai vị tên là... ở trụ xứ... này làm người tự tứ. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói ra.

Tăng đã sai Tỳ-kheo tên là... ở trụ xứ... làm người tự tứ rồi. Tăng đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp năm đức đã được sai, đơn bạch gồm thâu chúng.

(Vì các Tỳ-kheo tạp loạn không theo trước sau tự tứ, nên chế ra tác bạch để chỉnh đốn oai nghi).

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay đến ngày chúng Tăng tự tứ, Tăng hòa hợp tác pháp tự tứ. Đây là lời tác bạch (Sau đó đều quỳ xuống tự tứ).

Pháp chính thức Tự tứ:

Các Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thấy tôi có tội, hoặc nghe tôi có tội, hoặc nghi tôi có tội, cúi xin Tăng thương xót tự tứ cho, tôi sẽ thấy tội sám hối (nói ba lần).

Pháp lược Tự tứ:

(Vì các bạch y muốn bố thí và nghe pháp mà các Tỳ-kheo Tự tứ lâu quá, đến nỗi bị những người chê trách. Nhân đó khai trừ bậc Thượng tọa, tám người mỗi mỗi Tự tứ, còn Hạ tọa cùng tuổi tự tứ

cùng một lúc. Ngoài ra duyên tám nạn có khai ở bộ khác. Chọn người có đức sai như trước. Đã nói rõ người có đủ năm đức được sai rồi, nên đứng dậy bạch chúng như sau):

Trừ Thượng tọa tám người, còn Hạ tọa cùng tuổi ngồi một chỗ tự tứ (Nếu tự tứ còn chậm nên bạch chúng):

Pháp bốn người mỗi mỗi hướng đến nhau tự tứ rồi, Hạ tọa tự tứ (Trong pháp tự tứ tuy không nói văn này chỉ căn cứ theo Bố-tát và các văn khác).

Pháp bốn người đối thú Tự tứ, nói ba lần:

Đại đức nhất tâm niệm! Nay là ngày chúng Tăng Tự tứ. Tôi Tỳ-kheo tên là... thanh tịnh (nói ba lần, mọi người đã thể hiện sự thanh tịnh nên tự tứ với người khác. Ba người, hai người cũng vậy).

Pháp một người tâm niệm Tự tứ: Nay là ngày chúng Tăng Tự tứ. Tôi tâm niệm thọ tự tứ (nói ba lần. Vị kia thuyết dục cũng như Bố-tát ở trước, chỉ có khác là đổi từ Tự tứ. Trong luật Tăng Kỳ: Khi Tự tứ không cho thuyết dục, sợ tránh việc cử tội nên không giống với nay).

Pháp Ni sai người Tự tứ:

(Đức Phật dạy: Tỳ-kheo-ni không được cùng tự tứ với Tỳ-kheo. Nên tập họp chúng Tự tứ trước, sau đó sai người đến chỗ Tỳ-kheo Tăng thỉnh kiến, văn, nghi tội. Luật Tứ Phần ghi: Nếu Tăng Ni đủ năm người không đến tự tứ thì sau đó sai người đến

chỗ Tỳ-kheo Tăng thỉnh tội kiến, văn, nghi tội. Luật Tứ Phần ghi: Nếu Tăng Ni không đủ năm người đến tự tứ, Tỳ-kheo-ni đến Tỳ-kheo Tăng đảnh lễ thăm hỏi. Nghĩa chuẩn theo mỗi đủ năm người, nên tập họp Tăng cần muốn hỏi duyên. Đáp: Sai. Yết-ma tự tứ nên nói):

A-di Tăng lắng nghe! Nay sai Tỳ-kheo-ni tên là... vì Tỳ-kheo-ni Tăng nên đến trong Đại Tăng thỉnh kiến, văn và nghi tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

A-di Tăng lắng nghe! Nay sai Tỳ-kheo-ni tên là... vì Tỳ-kheo-ni Tăng nên đến trong Đại Tăng thỉnh kiến, văn và nghi tội. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Ni Tăng đã sai Tỳ-kheo-ni tên là... vì Tỳ-kheo Tăng nên đến trong đại Tăng thỉnh thấy, nghe và nghi tội rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (Luật Tứ Phần ghi: Không được đi một mình mà nên sai hai ba người đi làm bạn. Luật này ghi: Ni kia đến trong Tăng rồi, trạch áo vai bên phải, cởi giày dép, từ xa đảnh lễ Tăng, sau đó vào trong Tăng chấp tay tác bạch):

Tinh xá... Tỳ-kheo-ni Tăng thanh tịnh hòa hợp đảnh lễ Tỳ-kheo Tăng hòa hợp. Chúng con Tỳ-kheo Tăng hòa hợp thỉnh Đại đức tự tứ nói thấy, nghe và nghi tội (nói như vậy Ba lần, đợi một lát. Nếu không có người cử tội, Thượng tọa trong

chúng nên bảo với người sứ):

Tỳ-kheo-ni chúng thỉnh Ba lần thấy, nghe và nghi tội, trong chúng từ Thượng tọa đến Hạ tọa đều im lặng, thật do ni chúng hành đạo như pháp, cẩn thận chớ buông lung (Sứ ni đảnh lễ lui ra. Khi trở về đến trong chùa, tập hợp Ni chúng tuyên bố khắp lời Tăng dạy, như nói trong giáo giới).

VIII- PHÁP THỌ THÍ CHIA Y:

(Mặc y phấn tảo bậc Thánh trước khen ngợi. Nhân Kỳ Vực thỉnh thọ gia thí y, nhưng y phấn tảo đã không có thí chủ, theo duyên có mười nhà thí y với tâm thí sai khác. Văn phân có chín loại).

Giới được thí: (Nghĩa là tâm thí chủ căn cứ nơi giới mà thí, tùy theo ý thí cho Tăng ở trong giới).

Cần được thí: (Hai giới cùng chia y, sau đó có vật thí, tùy theo yêu cầu mà nhận).

Giới hạn được thí: (Nghĩa là tâm thí chủ đã khởi số người nhất định. Văn trong luật nói thí cho người như vậy).

Tăng được thí: (Nghĩa là thí cùng khắp mười phương phàm Thánh, phát tâm rộng lớn thí phước cúng rất nhiều. Lại theo bổn tâm Tăng bốn phương nhận).

Tăng hiện tiền được thí: (Thí chủ đối diện căn cứ nơi cảnh làm hạn định).

Tăng an cư được thí: (Không có tâm nghĩ định bố thí Tăng an cư này).

Hai bộ Tăng được thí: (Tâm của thí chủ bố thí cho hai bộ Tăng, dù số lượng bao nhiêu cũng phân chia hết cho các vị trong hai bộ Tăng. Nếu chỉ một bộ thì chỉ một bộ được nhận. Trong văn của Tứ Phần không chia cho Sa-di, trong phần của Tỳ-kheo không có Sa-di-ni. Tỳ-kheo nên phân, nghĩa dựa theo đây. Y vật của người mất, Đức Phật bảo thuộc hai bộ Tăng, không thuộc về một bộ nào cả. Tuy không có thí chủ nhưng cũng dựa vào đấy phân chia cho đúng cách.

Dạy được thí: (Thí ba giáo Tăng không có nhân duyên như vậy).

Người được thí: (Thí chủ tự nói: Thí cho người... vì chín trường

hợp thí trước chỉ thuộc trong chúng. Trong hội chúng bao gồm riêng Tăng đúng thới và phi thời. Tăng được một loại hoặc thường trú đem nhập vào Tăng bốn phương. Nếu chẳng phải thường trụ, theo như trong tông này thì được tiếp phân chia như vậy. Không cần yết-ma. Do đó, văn ghi: Có một trụ xứ, vào lúc không an cư Tăng được thí y thì nghĩ: Đức Phật dạy: Bốn người trở lên gọi là Tăng. Nay chỉ một mình không biết phải làm thế nào? Đức Phật dạy: Nên thọ trì, nếu là người tịnh thí. Nếu không như vậy thì Tỳ-kheo khác đến thì nên

phân chia. Đây chỉ một người nói thọ trì, không ghi tâm niệm nói, dù có Tăng cũng không yết-ma. Lại ghi: Có một người ở trong Tăng được y, có thể phân chia nhưng có một Tỳ-kheo mang đến trong giới trường nhận riêng một mình. Đức Phật dạy: Không nên như vậy, phạm Đột-kiết-la, Tăng hiện tiền nên chia. Nếu theo các bộ khác thì Tăng phải yết-ma. Vì vật đã thí cho Tăng chia cần phải như pháp. Ba người trở xuống đối diện cùng chia. Trượng đã bằng vàng theo đó mà dùng không giữ. Tám pháp khác đều chia trực tiếp, theo sự tuy khác nhưng vẫn không yết-ma).

Pháp chia vật Tỳ-kheo chết.

(Thoát tục trở thành rồng trong bay vào đạo. Bên trong chứa Thánh giới, bên ngoài trang hoàng oai nghi Thánh. Vì đổi phước điền nhận tịnh vật cúng dường. Do nương vào Tăng được lợi dưỡng, thân mất thì nhập vào Tăng, chỉ giáo phân khai chế vật khác nặng nhẹ thuộc hai bộ Tăng phân chia có phép tắc rõ ràng. Muốn nêu tướng ấy cần phải làm mười trường hợp.

Cùng sống chung cùng tài lợi.

(Chủ yếu kết cùng tài lợi đều là vật chủ, ngoài thân mình đều hòa hợp chia cho Tăng. Nếu có thì không sợ cứ theo số liệu mà kết. Cùng sống cùng ở chung thì chung riêng đều có người khác ở đó nên trù lượng phân chia. Cần phải xem xét rõ ràng

thực hiện theo giáo pháp. Nếu vì tự lợi sẽ có hai sự tổn thất).

Mắc nợ đền trả (Nếu vật mắc nợ người khác đúng lý nên trả trước. Nếu vật mắc nợ trả rồi thì giữ lấy một phần. Dù vật khinh hay vật trọng đều căn cứ vào gốc của nó.

Trao thành không?

(Người chết lúc lâm chung lấy vật cho người, nói phó chúc tay nhận đều có thành không? Có thể biết các bộ có nêu trường hợp ấy. Luật này nói rõ chỉ hai loại cho rồi mang đi, tức là người kia như ở tại bổn xứ thì cần Tăng tác pháp. Cho nên, luật ghi: Nếu khi còn sống không lấy cho người thì nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu đem cho người mà người đó chưa giữ thì Tăng nên bạch nhị yết-ma tác pháp cho).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã qua đời ở đây, của cải khi còn sống hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay cho vị tên là... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã qua đời ở đây, của cải khi còn sống hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay cho vị tên là... Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng, vị nào không đồng ý thì xin nói ra. Tăng đã cho vị tên là... y rồi. Tăng đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận

như vậy (Tác pháp như vậy rồi trao vật cho người ấy).

Xứ thời chia vật (Thời có nghĩa là an táng xong, xứ là trong đại giới. Tăng Kỳ ghi: Nếu Tỳ-kheo chết, đệ tử là người không đáng tin cậy nên mang chia khóa giao cho vị tri sự của Tăng. Sau đó cúng dường xá lợi. Mẫu luận ghi: Trước hết đem người chết táng theo luật, sau đó đem vật của người chết đến trước Tăng, tập hợp Tăng chia. Luật này ghi: Chỉ một Tỳ-kheo mang vào trong giới đàn. Đức Phật dạy, phạm Đột-kiết-la. Nên chia cho Tăng hiện tiền.

Cắt rọc nặng nhẹ (Nếu muốn cắt nặng nhẹ, trước khiến xả vật. Tứ Phần ghi: Đem vật của người chết đến trong chúng, nên tác pháp như vậy. Nghĩa chuẩn theo, nên thể hiện oai nghi, quỳ xuống chấp tay, tác bạch như sau):

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã qua đời ở đây, những của cải khi còn sống hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền (nói ba lần). Tôi Tỳ-kheo tên là... nay xả cho Tăng (Xả như vậy rồi nên chính thức chia. Luật ghi: Có một hoặc nhiều Tỳ-kheo tri thức qua đời. Vật của họ rất nhiều. Đức Phật dạy: Khi còn sống đã cho người nên bạch nhị yết-ma. Nếu không cho người thì có thể chia hay không thể chia. Có thể chia là y Bà-na, y Tô-ma, y Kiếp-bối, ba y chấp lao, hoặc hạ y, xá lặc đơn phu hoặc y mền đắp thân, tọa cụ, ống

đựng kim, đãy lọc nước, bát lớn nhỏ và chìa khóa. Những vật như vậy đều phân chia cho Tăng hiện tiền. Nếu gấm lụa, y lông dày, y tắm mua, y đi vệ sinh, bích phong, tọa cụ giường, giường ngồi, trừ bát sành lớn nhỏ đựng nước, còn tất cả những đồ sành khác; trừ bát sắt lớn nhỏ, chìa khóa, dao cắt móng tay và kim, còn tất cả đồ sắt khác; trừ kiền chùy bằng đồng, Sa-la đồng thành nhãn dược vật, còn tất cả đồng khác, hoặc dù trích trượng, những vật như vậy thì không thể chia nên thuộc về Tăng).

Lượng đức thưởng vật:

(Luật ghi: Có một Tỳ-kheo lười biếng không chịu giúp làm việc chúng, không cung phụng sư trưởng. Khi bệnh không có người chăm sóc nằm liệt trên giường đầy phân uế. Đức Thế Tôn đích thân tắm rửa và dọn dẹp cho vị ấy, đồng thời Ngài thuyết pháp cho vị ấy lìa cấu chứng đạo. Nhưng sau đó Ngài bảo các Tỳ-kheo: Các thầy không có cha mẹ, không tự chăm sóc lẫn nhau thì ai chăm sóc các người? Nhân đó Ngài chế giới thầy và đệ tử chăm sóc cho nhau. Không có thầy đệ tử khuyên

bảo thứ tự sai. Nhưng người bệnh khó chăm sóc, nuôi bệnh đức có đủ hay không đủ? Khó nuôi có năm trường hợp:

1. Không thể lượng đúng thức ăn.
2. Không uống thuốc đúng.
3. Không nói bệnh trạng.

4. Không cho người khác dạy.
5. Không quán vô thường.

Dễ nuôi thì ngược lại. Có năm trường hợp không thể nuôi bệnh:

1. Không biết cho uống thuốc.
2. Không biết nhận thức ăn tùy theo bệnh.
3. Không thể vì người bệnh thuyết pháp.
4. Ghê tởm người bệnh, đổ đồ dơ, khạc nhổ.
5. Vì lợi ích chứ không có tâm từ.

Người có khả năng nuôi bệnh là nói ngược lại. Các bộ khác cũng nói đại khái như vậy. Ở trong chúng tìm hiểu xem xét người có đủ đức sau đó mới thưởng. Nếu vì người bệnh đang đi xa kiếm thuốc thang, thân tuy ở ngoài nhưng nương theo đó để thưởng.

g. Chính thức nói rõ pháp thưởng:

(Thưởng ở các bộ luật khác là ba y và sáu vật hoặc thuốc tàn. Luật này chỉ đem y bát).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... qua đời, ba y bát nên chia cho Tăng hiện tiền, nay đem cho người nuôi bệnh tên là... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... qua đời, ba y bát nên chia cho Tăng hiện tiền, nay đem cho người nuôi bệnh tên là... Trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là... y bát rồi. Tăng đã

đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (Ba y, bát hoặc ngọa cụ tùy người có đức thì thưởng. Tỳ-kheo-ni qua đời nên cho hai người hoặc đem vật của ni qua đời cho ba người là những người này ở trong chúng. Ngoài chúng thì dù người nuôi bệnh cũng không được cho).

h. Chính thức chia vật nhẹ:

(Luật ghi: Chia vật không có pháp yết-ma, chuẩn theo Tăng được vật trước mà chia trực tiếp, vì đây kia đều thuộc vật của Tăng. Tăng chia rồi vật này lại không thuộc vật của riêng. Biết dùng cách nào đây? Đáp: Vì đây cho người khác. Văn thêm bạch nhị. Vì vật của Tăng này không thuộc của người khác, nếu không dùng thì pháp này đâu thuộc về người kia. Cho nên thưởng người nuôi bệnh và trao cho người, vật thiếu không chia Tăng nên chia cho một người đều có yết-ma. Lại theo các bộ luật khác cũng đều có yết-ma. Vì vật của Tăng đây đều thuộc về bốn phương. Nếu không dùng pháp để định thì Tăng hiện tiền làm sao có thể gồm thâu được. Nhưng chuẩn theo Tăng thì hành sự thủ xả đều không giống nhau. Một hoặc hai bộ phận có thể đủ thuật từ, văn rõ định lý hai pháp làm trưởng (dư).

1. Sai người.
2. Chia trao.

Tuy chẳng phải lấy kết cục của bộ này làm

chuẩn nhưng dùng cũng không sai, cho nên nêu đầy đủ. Nếu có năm người nên tác pháp bạch nhị lưỡng trùng:

1. Sai người.
2. Phân trao.

Nếu chỉ bốn người không hòa hợp sai người thì nên theo luận Tỳ Ni Mẫu, trực tiếp tác một pháp chia trao cho).

Pháp sai người chia y:

(Vật đã thuộc về Tăng, chia vật không yết-ma thì không có sự rõ ràng. Trong văn người chia ngọa cụ, sai người thọ thỉnh người giữ vật... đều có pháp sai. Tứ Phần sai người cũng giống như vậy. Ở đây nghĩa chuẩn ghi):

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... có thể vì Tăng làm người chia y. Tăng nay sai vị tên là...làm người chia y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... có thể vì Tăng làm người chia y. Tăng nay sai vị tên là... làm người chia y. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã sai vị tên là... làm người chia y rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp đem vật giao chia.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã

qua đời ở trụ xứ này, của cải khi còn sống hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng đem cho Tỳ-kheo tên là... vị kia sẽ trao lại cho Tăng đã cho vị tên là... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã qua đời ở trụ xứ này, của cải khi còn sống hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng đem cho Tỳ-kheo tên là... vị kia sẽ trao lại cho Tăng đã cho vị tên là... Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo tên là... Tỳ-kheo tên là... sẽ trả lại cho Tăng rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp bốn người trực tiếp chia:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã qua đời ở trụ xứ này, của cải khi còn sống hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... đã qua đời ở trụ xứ này, của cải khi còn sống hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý chia vật này rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (Nếu

muốn thưởng cho người bệnh, nên dùng pháp ba người lấy y bát vật cho, nên nói):

Chư Đại đức Tăng! Tỳ-kheo tên là... qua đời đem y bát và vật cho người nuôi bệnh tên là... (nói ba lần). Hai người hòa hợp, thưởng cũng như vậy.

Pháp chúng nhiều người nói ba lần chia y:

Nhị Đại đức. Tỳ-kheo tên là... qua đời hoặc y hoặc chẳng phải y nên thuộc về chúng tôi (nói ba lần. Hai người khác cũng nói như vậy).

Pháp một người tâm niệm chia y.

Tỳ-kheo tên là... qua đời ở trú xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y đều nên thuộc về chúng tôi (nói ba lần).

Pháp cùng cho một người:

(Luật ghi: Nếu y thiếu không muốn chia, nên bạch nhị cho một người không có y).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng nay được y hoặc chẳng phải y. Nay đều cho Tỳ-kheo tên là... Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng nay được y hoặc chẳng phải y. Nay đều cho Tỳ-kheo tên là... Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là... y rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

j. Cùng thuộc về hai chúng:

(Văn ghi: Nếu có Tỳ-kheo trụ xứ, không phải lúc an cư, Tỳ-kheo qua đời không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên chia. Nếu trụ xứ Tỳ-kheo-ni không phải lúc an cư, Tỳ-kheo qua đời, không có Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo nên chia. Lúc an cư cũng như vậy. Tăng được thí vật cũng như vậy. Trong luật Tứ Phần cho đến không có một Sa-di thì Tỳ-kheo nên chia, như trước đã nói. Luật kia lại ghi: Nếu không có trụ xứ Tăng, Ni qua đời, nếu có người xuất gia trong năm chúng đến trước thì cho. Nếu không có người đến thì đem cho Già lam ở gần).

k. Các bộ tạp minh:

(Các bộ nhận chia. Đại luận có mười loại:

1. Lấy y phấn tảo. Như luật này người bị chết rồi.
2. Thấy trước lấy. Như luật Thập Tụng người học hối giữ giới cùng sống chung.
3. Đồng thấy lấy. Như luật Tứ Phần hai bộ cùng chết.
4. Công năng lấy. Luật Tứ Phần hai người cử chết cùng vào yết-ma cử Tăng.
5. Hai bộ lấy. Như luật Tứ Phần không trụ xứ chết.
6. Hướng đến trước mặt lấy. Như luận, chết trong hai giới.
7. Nhập Hòa thượng. Như Tăng Kỳ, Sa-di

chết.

8. Vào nhà bạch y. Như trong đa luận người bị diệt tẫn chết.

9. Tùy chỗ được lấy. Như Thập Tụng giới cho người.

10. Yết-ma lấy. Như luật khác, chết ở trong chúng, luật này cũng như vậy.

IX- PHÁP SÁM HỐI CÁC TỘI

(Phàm nghiệp như huyễn hóa, tánh tướng không định, gặp duyên thì sinh, không mà bỗng nhiên có. Gặp duyên mà diệt, có rồi lại hóa không. Nếu không sinh tâm hổ thẹn ăn năn tự trách tội lỗi trước đây thì trải qua trăm ngàn kiếp không thể trừ diệt. Khi duyên đã chín chắc sẽ thọ nhận, nếu hết lòng hối hận nhất tâm tu sửa, chỉ trong một niệm sẽ tiêu diệt hết. Cho nên, kinh Vị Tằng Hữu ghi: Tâm trước tạo ác như mây che mặt trời, tâm sau làm thiện như ngọn đuốc phá tối tăm. Lại như kinh Nghiệp Báo Sai Việt ghi: Nếu người tạo tội nặng, lại tự nhận quở trách hối hận không làm nữa thì có thể dứt được nghiệp căn bản. Lại như kinh Niết-bàn ghi: Nếu người tu tập thân, giới, tâm, huệ có thể khiến những khổ đau nặng trong địa ngục hiện đời được giảm nhẹ. Kinh giáo đã nói rất nhiều làm sao nêu cho hết được. Nhưng phạm thì có tánh ngăn. Sám hối chia ra lý và sự. Trong hai sám lại

chia ra lớn và nhỏ. Nếu tu tập tỏ tuệ, quán ngã, pháp đều không, phước thể còn không thì tội làm sao có lý này? Theo căn cơ tự nó bao hàm có lớn nhỏ. Trong Đại thừa phép tắc sám hối không giống nhau. Quán thể Phật tượng, tụng trì chú, tội vô khinh trọng đều diệt hết. Trong luật, sự sám chỉ thanh tịnh trái với giáo. Trên đã nêu ra những điều hoàn toàn khác, nên đã không có căn cơ tốt thuộc thế gian. Nhưng pháp sự trong Luật tông chỉ lấy kiến văn, đã phá luật nghi cuối cùng cần phải quy định. Có phạm giới thì nên nương vào pháp mà sám hối. Nhưng giáo pháp bao la không phân biệt phàm Thánh. Nay nương theo nặng nhẹ mỗi thứ đều nêu rõ đầy đủ).

Pháp sám hối Ba-la-di:

(Tên phạm Ba-la-di là hư hoại rễ gốc, chặt đá bể, đoạn đầu há lại còn sống hay toàn vẹn được sao? Trong pháp sám hối của Đại thừa tuy nói trừ diệt, nhưng đối với tông pháp thì vĩnh viễn không dùng Tăng. Đây là điều bổn cấm không giống với các tội khác, thọ trì nên cẩn thận dù nát thân cũng nên giữ gìn vững chải. Nhưng phàm tình dễ buông lung theo cảnh, nếu không có nhất niệm che chở. Trong luật cho phép người phạm tội này hối cải chỉ có thể sạch nghiệp phạm kia, còn Tăng pháp đâu có thể được dự. Phàm biết sám hối là đã quý. Nói đầy đủ như trong phần Sao).

Pháp sám hối Tăng-già-bà-thi-sa:

(Đã gọi là hình tàn phế, gần giống như đoạn mạng, cần nhờ chúng thanh tịnh mới trừ được nghiệp nặng. Bao gồm bốn pháp nêu rõ trong văn. Cả hai bộ đều có phép tắc. Pháp đã có rất nhiều, đây đâu có thể nêu ra được, gặp chuyện hành dụng có khác trong văn sao).

Pháp sám hối Thâu-lan-giá.

(Tội này từ duyên thông đến nhân quả. Nhân quả nặng nhẹ lại chia ra ba phẩm. Như phá pháp luân, trộm thức ăn của Tăng, trộm bốn tiền là nhân trọng của Thiên thứ nhất gọi là phẩm thượng, nên sám hối trong Tăng. Nếu phá yết-ma, trộm ba tiền trở xuống đều có thể nương vào xúc là nhân khinh của Thiên thứ nhất và nhân trọng của Thiên thứ hai nên gọi là phẩm trung, nên sám hối trước hai ba người. Nếu ăn thịt người, dùng tóc của người, mặc y của ngoại đạo và nhân khinh của hai Thiên gọi là phẩm hạ, nên sám hối trước một người. Ở trước Tăng, trước hết nên xin Ba lần biệt thỉnh, sám chủ đơn bạch, Tăng hòa hợp nói ba lần sám hối. Nếu hai hoặc ba người chỉ trừ xin mà lại bạch, thêm điều hỏi người bên cạnh, một người, lại trừ hỏi người bên cạnh chỉ bạch. Còn câu từ thì giống như trong sám hối Ba-dật-đề đã nói. Chỉ tên tội có khác, sự đã ít, giản lược nói đại cương, gặp chuyện hành dụng đã nói rõ trong phần Sao).

Pháp sám hối Ba-dật-đề:

(Xả đọa do tài lợi để thành, đơn đề không chỉ giới hạn nơi y. Phạm biệt luận xả. Tuy khác nhưng căn cứ vào xả đọa thì đồng với ba mươi, sám hối giống như Tăng biệt. Đơn đề chỉ sám hối riêng. Cho nên, phân chia nghĩa trước sau là ở chỗ đó).

Trước sám hối xả đọa, đối Tăng tác pháp.

(Văn ghi: Nên xả cho Tăng, nếu một người hai người trong ba người thì không được, cho người khác và phi nhân, xả rồi nên sám hối. Nếu không xả mà sám hối thì tội ấy càng nặng thêm. Trong luật Tứ Phần ghi: Có bốn pháp:

1. Xả tài vật.
2. Xả tội.
3. Trả lại tài vật.
4. Không trả lại kết tội.

Chia thảm, cụ điệp chuẩn theo dùng không mất. Nay chỉ dựa vào ba cái trước để nói nghi giới).

1. Xả tài vật.

(Trong xả tài vật này cần biết năm pháp:

Xả tâm tài vật, nghĩa là dùng tâm tham lấy vật này trái với giáo thành nghiệp sẽ nhận quả báo khổ. Bậc Thánh đã chế chân thật không hư, nếu không sám hối trừ diệt thì trong tương lai nhất định thọ quả báo. Suy nghĩ như vậy rồi, sinh tâm rất nhàm chán đối với tài vật này, vĩnh viễn đem xả không tiếc thứ gì.

Tài vật được xả nghĩa là y, bát, thuốc và vật

báu, nhưng chế người xả phải tập hợp lại xả kết.

Chỗ xả tài vật nghĩa là Tăng ba người trở lên. Luật Tứ Phần ghi không được xả riêng chúng. Nếu xả không thành, phạm Đột-kiết-la.

Oai nghi xả tài vật, nghĩa là trải Ni-sư-đàn, cởi giày dép đảnh lễ, quỳ xuống chấp tay. Nếu đối với người nhỏ hơn không cần đảnh lễ.

Pháp xả tài vật đối với Tăng nên nói):

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... cố ý giữ chừng ấy y dư, phạm xả đọa (Hoặc lìa y theo việc mà gọi). Y này nay xả cho Tăng (Nói ba lần. Xả như vậy rồi nên giao cho Tăng. Đối với trường hợp sau câu từ cũng như vậy, chỉ đổi nói hai lần đầu và sau là khác).

2. Xả tội. (Sám hối tội với Tăng cần phải có sáu pháp.

- Xin.
- Thỉnh.
- Bạch.
- Hối.
- Dạy.
- Thọ.

Sáu pháp này các giáo đều nói rõ. Cần phải đầy đủ mới thành sám hối).

a. Đối với chúng trình bày xin (Sửa soạn đủ oai nghi, quỳ xuống chấp tay): Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là...cố chứa chừng ấy y dư

phạm tội xả đọa, y này đã xả cho Tăng. Nay có chừng ấy tội Ba-dật-đề đến Tăng xin sám hối. Cúi xin Tăng từ bi thương xót cho tôi Tỳ-kheo tên là... sám hối (nói ba lần).

Thỉnh chủ sám hối (Phàm chủ sám hối cần phải thanh tịnh. Người kia mình bị trói buộc thì làm sao giải cho người khác, lúc người bệnh nặng thì không thanh tịnh. Trước khai không đồng phạm, sau khai đồng phạm).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là... nay thỉnh Đại đức làm chủ sám hối tội Ba-dật-đề. Cúi xin Đại đức rủ lòng thương xót làm chủ cho tôi sám hối tội Ba-dật-đề.

Đơn bạch hòa hợp.

(Đã đối nghĩa chúng thanh tịnh không thọ liền, nên cần phải hỏi bạch để lấy phương tiện tình cảm hòa hợp của chúng như thường lệ. Trả lời: Nhận yết-ma sám hối Ba-dật-đề).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... cố chứa y dư, phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng, trong này có tội Ba-dật-đề, nay đến Tăng xin sám hối. Tôi tên là... nhận sám hối của vị tên là... nếu thời gian thích hợp với Tăng. Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Chính thức sám hối trừ tội.

(Tội chứa y dư số loại quá nhiều, hoặc một, hai, ba cho đến chín loại tên phạm, chỉ kiết là Ba-dật-

đề. Sáu loại là phát sinh, ba loại là căn bản. Nay theo thứ tự nói sơ lược tướng của nó.

Như chứa một y dư phạm tội Ba-dật-đề, biết có phạm tội này mà còn khởi tâm che giấu rồi ngủ chung với người thanh tịnh đồng giới thì phạm tội Đột-kiết-la che giấu. Đây là một phẩm tội tùy theo y phát khởi, nên định chung là tội phú tàng. Nhưng phú tàng Đột-kiết-la cũng cần phải phát lồ, nếu che giấu không chịu phát lồ thì cũng sinh che giấu, do che giấu mà sinh nên gọi là tội tùy phú tàng Đột-kiết-la. Tội nhất phẩm này cũng theo đêm sinh, nếu số tuy nhiều nhưng gọi tổng quát tùy phú (Tùy che giấu, ở trên có ba phẩm tội. Một là đề (Ba-dật-đề), hai là kiết (Đột-kiết-la). Đề là từ căn bản, kiết là sinh, che từ hai, ba, không che thì chỉ một).

Phàm chứa y dư cử thể sinh tội. Nếu vị kia mặc dùng thì phạm tội Đột-kiết-la, theo tâm cởi ra thì không phạm. Há không phát lồ cũng có phú tàng. Như ba phẩm nặng nhẹ trước là khác.

Phạm các tội trước khi Tăng thuyết giới, hỏi Ba lần không phát lồ phạm Đột-kiết-la. Sinh từ hai phú (che) cũng đồng như ở trên. Từ trên trở xuống ba hai hợp thành chín. Phẩm có đủ và không đủ, theo sự suy nghĩ. Người hành sám hối đặc biệt phải biết rõ, xưng tên đếm số nhàm chán sinh hổ thẹn. Lập đạo để đối trị, phải cẩn thận chế ngự thân tâm, câu từ không sai mới thành sám hối, trước nhẹ sau nặng thứ tự dứt trừ. Hai điều kiện nói nhắc lại mới

kết loại của nó. Thức sám hối ba bậc phú, tùy và phú thành sáu, vì loại nặng nhẹ của nó giống nhau. Thứ hai mặc dùng mà quên, hai tội kiết là cơ bản. Thứ ba sám hối tội Ba-dật-đề do chứa y dư. Theo sự tuy nay đã rõ phép tắc. Trước nói sám hối Ba-dật-đề. Những trường hợp khác nhẹ chuẩn theo đây mà dùng. Văn ghi: Tỳ-kheo phạm tội nên để lộ vai bên phải, quỳ xuống chấp tay. Văn khác thì ngược lại cần có năm pháp. Đây thêm để lộ vai tổng cộng thành sáu pháp.

Đại đức tôi tên là... cố chứa y dư phạm tội Ba-dật-đề, hướng đến Đại đức sám hối (nói ba lần, các bộ lại có từ khác. Theo tông này chỉ hợp là như vậy).

Giới trợ giúp khiến đoạn.

(Vị kia nên hỏi: Thầy có tự thấy tội không? Đáp: Tôi tự thấy. Vị kia lại hỏi: Thầy muốn sám hối chứ? Đáp: Tôi muốn sám hối. Vị kia lại nói: Từ đây về sau ông không được làm như vậy nữa? Và lập thề nguyện).

Đáp: Vâng hoặc nói: Ghi nhớ thọ trì (từ trước đến nay gọi là sám hối xong).

Trả y lại.

(Nếu xả cho Tăng thì Tăng phải trả y lại. Xả cho người khác thì người khác cũng trả y lại. Vì tội chướng đã thành tâm thanh tịnh có thể tiêu vật lợi dưỡng để tăng trưởng đạo nghiệp.

Luật Tứ Phần ghi: Tăng nên trả y lại cho Tỳ-kheo này bạch nhị yết-ma, nếu Tăng không trả lại và cố làm hư đều phạm Đột-kiết-la, chỉ trừ năm phu cụ, hai vật báu và thuốc bảy ngày. Tám cái này không trả lại, nhưng Tăng kia muốn trả lại thì có hai cách.

Thượng tọa chuyển trao, nghĩa là chúng Tăng tập hợp đông, hoặc Tỳ-kheo có nhân duyên muốn đi xa, Tăng nên hỏi: Y này thầy cho ai. Tùy theo vị kia nói mà cho. Nếu không có hai nhân duyên này, thì sáng mai trực tiếp trả lại.

Thượng tọa trực tiếp trao, nghĩa là không cần để qua đêm nên trao. Nhưng phải có đủ năm người mới được phép chuyển trao, nếu bốn người chỉ được trao trực tiếp, nếu ba người trở xuống thì tác pháp bằng lời trả lại).

Pháp Thượng tọa chuyển trao.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... cố chứa chừng ấy y dư phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng, nay Tăng đem y này cho Tỳ-kheo tên là... vị kia sẽ trả lời cho Tỳ-kheo này. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là... này cố chứa từng ấy y dư phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng. Tăng mang y này cho Tỳ-kheo tên là... vị kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão

nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đem y này cho Tỳ-kheo tên là... vị kia sẽ trả lại cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp Thượng tọa trực tiếp trao.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố lìa Tăng-già-lê ngủ phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng. Tăng nay mang y này trả lại cho Tỳ-kheo tên là... nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố lìa Tăng-già-lê ngủ phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng. Tăng nay mang y này trả lại cho Tỳ-kheo tên là... Các trưởng lão nào đồng ý thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đem y này trả lại cho Tỳ-kheo tên là... rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (Tác yết-ma xong mang y trao lại cho vị kia).

Pháp đối trước chúng nhiều người xả sám hối.

(Xả tài vật giống như trên, chỉ miệng nói hòa hợp với người khác, không dùng đơn bạch).

Pháp thọ sám hối miệng nói hòa hợp.

Vị trưởng lão lắng nghe! Tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo tên là... thì tôi sẽ nhận (Người nhận sám hối trả y, có thể dựa theo cách dùng ở trước).

Pháp đối với trước một người xả sám.

(Nên dẫn Tỳ-kheo đến giới tự nhiên, hoặc trên giới trường gom

hết tài vật đã phạm chớ để thất lạc, sửa sang oai nghi giống như pháp Tăng ở trên, chỉ xưng cảnh là khác. Chỉ một mình nên không cần nói hòa hợp, chính thức sám hối trả lại cũng giống như vậy).

Sám hối hai tội Đột-kiết-la.

(Nên thỉnh người chủ sám hối. Oai nghi nói như trước).

Đại đức tôi tên là... phạm tội mặc dùng y bất tịnh và trải qua Tăng thuyết giới mà vẫn mặc nhiên nói dối, đều phạm tội Đột-kiết-la, không nhớ được số, nay hướng đến Đại đức sám hối.

Pháp sám hối phú tàng và tùy phú tàng Đột-kiết-la.

Đại đức, tôi tên là... phạm tội Ba-dật-đề cố chứa y dư và mặc dùng y bất tịnh, trải qua Tăng thuyết giới mà vẫn mặc nhiên nói dối Đột-kiết-la, mỗi mỗi đều có tội Đột-kiết-la che giấu (phú tàng) và lần lượt che giấu không nhớ số, nay hướng đến Đại đức sám hối.

Pháp sám hối đơn Ba-dật-đề:

(Chỉ theo tên là khác, dựa theo trước mà nói).

Pháp sám hối Ba-la-đề-đề-xá-ni:

(Thỉnh chủ sám hối, sửa oai nghi giống như trên, trình các tội đã phạm là khác).

Đại đức tôi tên là... phạm tội nhận thức ăn từ tay Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Chừng ấy tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, nay hướng đến Đại đức sám hối (Ngoài ra hỏi Ba lần, trả lời cũng giống như trước).

Sám hối Đột-kiết-la.

(Luật ghi: Mặc y cao thấp, nếu không giải không hỏi mà làm phạm tội Đột-kiết-la. Nếu giải không thuận cũng phạm tội Đột-kiết-la. Hai loại tội Đột-kiết-la này không coi nhẹ nặng vì bằng nên trách tâm sám hối. Nếu giải khinh nhẹ giới khinh nhẹ người mà tác pháp thì phạm tội Ba-dật-đề. Sám hối tội Ba-dật-đề này giống trước có thể biết. Tâm trách tội Đột-kiết-la không nên đối cảnh, nên sửa sang oai nghi rồi nói):

Tôi tên là... phạm tội Đột-kiết-la mặc y cao thấp, nay tâm tự trách sám hối (chỉ nói một lần).

PHÁP TRỤ TRÌ LINH TINH

(Chỉ tác tu đầy đủ, tự tha đều lợi, giáo hạnh nhân quả chứng cứ cần phải trình bày rõ ràng. Trước trình bày rõ về tông này, sau ngăn thuyết các bộ khác).

Tác pháp sáu niệm:

(Luật ghi: Tỳ-kheo biết số ngày mỗi nửa tháng biết ngày Bố-tát sám hối thanh tịnh. Lại ghi: Trước nên khởi tâm bố thí thức ăn, nếu

không khởi tâm bố thí thức ăn mà ăn phạm Đột-kiết-la. Nhưng văn này lại lộn xộn không theo thứ

tự phép tắc lục niệm rút ra ở trong Tăng Kỳ. Nay nương theo văn nghĩa chuẩn làm pháp. Nó thường làm nên ghi ở đầu).

Nghĩ biết số ngày tháng (nên nói): Hôm nay là ngày không trăng, nhỏ là ngày mồng một (cho đến ngày mười bốn. Nếu lớn thì nói lớn, nghĩa là ngày trăng tròn là lớn không phải nhỏ. Có thể tùy theo thời gian để gọi).

Nghĩ biết chỗ thức ăn (Nếu thường xin thức ăn nên nói: Tôi thường xin thức ăn. Nếu xin thức ăn của Tăng thì nên nói: Tôi xin thức ăn của Tăng. Nếu thức ăn tự làm thì nên nói: Tôi ăn thức ăn tự làm. Nếu nhận thức ăn người thỉnh một bữa muốn đi đến chỗ thỉnh thì nên nói: Tôi ăn thức ăn của nhà tên... Nếu nhận thỉnh nhiều chỗ không thể tự đi hết được, nên tự đi đến một chỗ thỉnh. Còn những chỗ khác nên bố thí cho người. Người bố thí là Tỳ-kheo hay Sa-di, chỉ ở trước người được thí tác pháp trao):

Trưởng lão... đàn-việt... bố thí cho tôi năm món ăn chính này, tôi có nhân duyên không đến được, nay đem bố thí lại cho Đại đức (Nếu thời gian quá gấp không có người bố thí lại. Luật mở bày nên tâm niệm thí cho, người nên tâm niệm như sau):

Phần tôi thỉnh cho Tỳ-kheo... Nếu không định thực xứ thì nên nói: Tôi không bỏ thỉnh thực.

Nghĩ biết thọ số thời an cư mùa hạ. (Nên nói:

Tôi ở dưới chừng ấy bóng cây một thước vào ngày... tháng… năm... thọ giới cụ túc không hạ. Nếu một hạ hay nhiều hạ thì cứ theo số mà gọi).

Nghĩ biết y bát thọ tịnh (Nên nói: Tôi ba y và bình bát đầy đủ thọ trì y dư và thuyết tịnh. Nếu thiếu y bát hoặc chưa thọ trì và chưa thuyết tịnh nên nghĩ từ nghĩ thuyết tịnh, tùy theo việc để gọi).

Nghĩ biết thân mạnh yếu, nên nói: Nay tôi không bệnh có thể hành đạo được. Nếu có bệnh nên nói: Tôi có bệnh cần phải điều trị.

Tác pháp tàn thực (thức ăn dư):

(Đức Phật dạy: Giữ thức ăn trong bát thủ hình đối với Tỳ-kheo chưa đủ thức ăn, trịch vai áo bên phải, quỳ gối phải xuống đất nói như sau):

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi tên là... thức ăn đã đủ, xin trưởng lão vì tôi làm pháp tàn thực. (Tỳ-kheo kia lấy thức ăn rồi hỏi: Thức ăn này cho tôi phải không? Đáp: Cho. Nên trả thức ăn lại cho người khác, không nên ăn chỉ lấy một ít rồi trả lại. Lại nói: Thức ăn này tôi đã làm phép tàn thực cho trưởng lão rồi. Pháp bạch đồng lợi thực trước sau vào thôn xóm:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là... trước thọ thỉnh vị... nay có duyên sự... muốn vào thôn xóm... đến nhà... tôi thưa với Đại đức biết.

Pháp bạch phi thời vào xóm làng.

Bạch trưởng lão! Tôi phi thời vào xóm làng.

Luật Thập Tụng ghi: Đến thành ấp, xóm làng... nhà... (Người trước đáp): Có thể.

Pháp phòng hộ mua bán cầu lợi:

(Luật ghi: Nếu Tỳ-kheo muốn mua bán nên sai tịnh nhân nói: Vì tôi đem vật này buôn bán. Lại nên nghĩ: Thà sai người kia được lợi cho mình, mình không được làm lợi cho mình.

Pháp đệ tử muốn từ giả đi Hòa thượng lượng nghi:

(Nếu trên đường có nghi sợ, hoặc đi với bạn không hiểu biết, không biết tụng giới yết-ma, Bố-tát, hoặc người kia mới khất thực, khó trì được pháp luật, hiểu luật nghi của người, hoặc thích tranh chấp, phá Bố-tát Tăng sự, hoặc người kia mới mắc bệnh, không tùy theo bệnh mà cho thuốc và thức ăn, không người nuôi bệnh. Nếu có một việc trong các việc ấy thì không cho phép đi. Nếu đệ tử cưỡng đi thì phạm tội Ba-dật-đề, khinh thầy. Nếu Hòa thượng trù lượng cho phép đi phạm tội Đột-kiết-la.

Pháp Tỳ-kheo trì luật đến nên ra nghinh đón cúng dường:

(Đức Phật dạy: Nay vì các Tỳ-kheo kết ứng học pháp đầu tiên. Nếu nghe Tỳ-kheo trì luật đến không nên tránh đi, phải quét tưới, sửa sang phòng ốc và ngọa cụ rồi đi ra nửa do-tuần nghinh đón. Chỗ nghi có nạn nên mang y vật dùng, làm ướt và

soạt thức ăn ngọ nên thỉnh thuyết pháp, nếu thật cầu sự hiểu biết nên như pháp thưa. Nếu hỏi bực bội thì không nên trả lời. Sáng làm thức ăn trước, thức ăn sau, cầu thỉnh ở lại an cư, nên cầu vì đàn-việt thí y. Cần phải cúng dường những thứ như vậy, nếu không phạm tội Đột-kiết-la).

(Tỳ-kheo trì luật có bảy nghi:

Đa văn các pháp.

Có thể biết được pháp và phi pháp.

Trù lượng Tỳ-kheo-ni.

Khéo giữ lời thầy dạy.

Khi đến nói ở chỗ khác không sợ.

Sống trong giới luật.

Biết giới cộng và bất cộng).

Pháp người nên tụng giới:

(Có một trụ xứ, Bạt-nan-đà làm Thượng tọa. Chúng Tăng thỉnh thuyết giới. Đáp: Tụng quên rồi. Các Tỳ-kheo nói: Tụng quên tại sao ở trên chỗ Thượng tọa? Đem việc này bạch Đức Phật, Đức Phật dạy: Thượng tọa phải thuyết giới, nếu không thuyết giới phạm tội Đột-kiết-la. Không biết thì làm sao làm Thượng tọa? Đức Phật dạy: Ở trên mọi người đều gọi là Thượng tọa).

Pháp tôn ty lễ kính của hai chúng Tăng Ni:

(Đức Phật dạy: Từ nay cho phép các Tỳ-kheo tùy thứ tự lễ Thượng tọa. Các Tỳ-kheo-ni đảnh lễ tất cả các Tỳ-kheo và cũng tùy theo thứ đảnh lễ.

Thức-xoa-ma-na đảnh lễ tất cả Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni cũng tùy theo thứ tự đảnh lễ. Sa-di cũng như vậy. Pháp kính lễ: Cho phép Tỳ-kheo-ni cách Tỳ-kheo không gần không xa chấp tay để đầu thưa: Hòa na. Luật Tứ Phần ghi: Tháp cũng đảnh lễ như vậy. Đức Phật dạy: Khi ăn cháo, quả, khi đi kinh hành, khi không mặc ba y, khi tối, khi không cùng nói, tức giận nhau nơi chỗ vắng, tất cả những trường hợp này đều không đảnh lễ. Phạm là tội Đột-kiết-la. Yết-ma năm người. Người bị cử không cùng nói chuyện. Bổn nói trị. Tâm tán loạn, điên, bệnh hoại tâm, biệt tục, hành Ma-na-đỏa, Bổn nhật, A phú ha na đều không nên đảnh lễ.

Tịnh năm sinh chủng. Nếu ăn quả không làm năm loại tịnh chủng (Lửa tịnh, dao tịnh, chim tịnh, hương tịnh và chưa thành chủng tịnh). Nếu ăn rễ nên làm năm loại chủng tịnh (Cắt tịnh, lột tịnh, phá tịnh, rửa tịnh và họa tịnh). Nếu ăn lá quả nên làm ba loại chủng tịnh (dao tịnh, lửa tịnh, và rửa tịnh). Gom lại trong một đồ đựng, nếu tịnh một gọi là tổng tịnh).

Pháp mặc y cao thấp.

(Đức Phật dạy: Mặc y dưới từ đầu gối trở xuống chân chừng một khuỷu tay, giữ ở trên cho hai bên đều nhau, giữ chặt đằng sau và cột chặt lại).

Pháp thọ thỉnh ứng cúng.

(Bấy giờ có trưởng giả thỉnh Phật và Tăng. Tỳ-

kheo hỏi Đức Phật: Nếu người thỉnh Tăng là thỉnh ai? Đức Phật dạy: Nếu hướng đúng đến người đó đầu đảnh lễ thỉnh. Tuy chẳng đúng hướng đến, nếu vì người xuất gia giải thoát, hoặc người tọa thiền, hoặc người đọc tụng kinh, hoặc người siêng làm việc chúng, trừ người giới ác còn tất cả Tăng đều nên ăn. Nếu thỉnh Tăng nên ăn cả hai chúng. Tỳ-kheo và Sa-di. Nếu thỉnh hai bộ thì năm chúng ăn).

Có năm loại vật bốn phương Tăng chúng không thể giữ, không

thể bán và không thể chia:

Đất ở trụ xứ.

Phòng xá.

Phần cần dùng.

Quả cây.

Hoa quả.

Tất cả Tỳ-kheo Sa-môn Thích tử đều có phần trong đó. Nếu giữ bán hoặc chia đều phạm tội Thâu-lan-giá.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Các ông phải nên buộc niệm hiện tiền, tự phòng hộ tâm (Thế nào gọi là buộc niệm? Nghĩa là quán hành bốn niệm xứ, trong thân quán chiếu từ bỏ vô minh ở thế gian, hoặc hộ quán ngoài thân và chế ngự tâm, pháp cũng như vậy. Thế nào gọi là tại tiền? Nghĩa là khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc đi, hoặc đến, xem xét trước sau, hoặc

che thân phủ ngưỡng, hoặc mặc y trì bát, hoặc ăn uống tiện lơi, hoặc nói, hoặc im lặng thường phải có tâm ấy. Đây là lời dạy của Ta).

Đức Phật bảo các Ly-xa: (Thế gian có năm báu rất là khó gặp

Tất cả chư Phật Thế Tôn.

Giáo pháp khéo nói của chư Phật.

Nghe pháp khó hiểu.

Theo giáo pháp thực hành.

Không quên ân nhỏ).

Pháp cung dưỡng cha mẹ(Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, nếu người trải qua một trăm năm vai phải cõng mẹ, vai trái cõng cha ở trên đại tiểu tiện, hoặc đem những vật châu báu quý giá, y phục, thức ăn uống cũng không đền đáp được một phần nhỏ của ân đức sinh thành dưỡng dục. Từ nay cho phép các Tỳ-kheo hết lòng, dốc sức cung dưỡng cha mẹ, nếu không cung dưỡng thì phạm tội nặng.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 71

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

SỐ 1425

(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1425
LUẬT MA HA TĂNG KỲ

Hán Dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Phật Đà Bạt Đà La,
người Thiên Trúc
và Sa-môn Pháp Hiển.

QUYỂN 1

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI

1. GIỚI: DÂM DỤC

Nếu thiện nam có lòng tin thuần thành, muốn được năm việc lợi ích, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này. Thế nào là năm việc lợi ích?

Nếu thiện nam muốn xây dựng pháp Phật, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Nếu muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Nếu muốn khỏi nghi ngờ, hối hận, khỏi thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Vì để làm chỗ nương tựa cho những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà sinh lo sợ, nên phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Vì muốn du hóa mọi nơi mà không bị chướng

ngại, nên phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Đó gọi là thiện nam có lòng tin thuần thành nhờ giữ gìn Luật này mà được năm việc lợi ích.

Nếu muốn giữ trọn vẹn
Oai nghi do Phật chế
Thành tựu năm công đức
Phải nghe Thế Tôn dạy.
Người giữ gìn Luật này
Khéo nghe rõ ý nghĩa
Nếu giữ được trọn vẹn
Giới Luật của Đức Phật
Là xây dựng pháp Phật
Chính danh chân Phật tử.
Pháp Phật được trụ lâu
Chánh pháp được truyền bá
Chẳng nghi ngờ điều chi
Khỏi phải hỏi kẻ khác.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Phạm tội có chỗ dựa
Đi du hóa phương nào
Đều không gặp chướng ngại.

Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác từ lúc phát tâm tu tập cho đến nay đã thành tựu, vì muốn độ người nên an trú tại thành Xá-vệ. Chư Thiên, nhân loại cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, danh vang khắp mười phương, xem Ngài như bậc tối thắng trong các bậc đáng cúng dường. Chúng sinh nào cầu phước đức, Ngài ban cho

phước đức. Chúng sinh nào cầu kết quả, Ngài ban cho kết quả. Chúng sinh nào khổ não Ngài làm cho an ổn. Ngài vì chư Thiên, nhân loại mà mở cửa cam lồ. Thế nên, mười sáu nước lớn không nước nào là không phục tùng. Những ai chính mình thấy biết cách an trú của Phật thì đều hiểu đó là cách an trú của chư Thiên, là cách an trú của Phạm Thiên, là cách an trú của Hiền Thánh, là cách an trú cao cả nhất, là cách an trú với trí tuệ tuyệt vời, được tự tại, tùy ý mà an trú. Do đó, Đức Như Lai an trú tại thành Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi kiết già nhập định một mình tại nơi thanh vắng, sau khi xuất định liền suy nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp không tồn tại lâu dài? Và vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp được tồn tại lâu dài?". Thế rồi vào lúc xế chiều, sau khi xuất định, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Ngồi xong, Tôn giả bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Con ngồi nhập định tại một nơi thanh vắng, sau khi xuất định, con suy nghĩ vì nhân duyên gì mà chư Phật sau khi diệt độ, giáo pháp không tồn tại lâu dài?

Vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp được tồn tại lâu dài?".

Khi ấy, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: "Này Xá-lợi-phất! Có những Đức Như Lai không nói

rộng cho các đệ tử các kinh như: Tu-đa-la, Ky-dạ, Tho-ký, Già-đà, Ưu-đà-na. Như Thị ngữ, Bản-sinh, Phương-quảng, Vị-tằng-hữu. Này Xá-lợi-phất! Có những Đức Như Lai không chế giới cho các Thanh văn, không quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới). Do đó, sau khi Đức Như Lai diệt độ giáo pháp không tồn tại lâu dài.

Này Xá-lợi-phất! Ví như thợ làm hoa và đệ tử đem các thứ hoa có nhiều màu sắc để trên bàn, mà không dùng chỉ xâu lại, nếu có gió từ bốn phương thổi đến, thì hoa sẽ bay tứ tán. Vì sao thế? Vì không dùng chỉ xâu lại. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào không nói rộng chín bộ kinh cho các đệ tử, không chế giới cho Thanh văn, không quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi Đức Như Lai diệt độ giáo pháp không tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào nói rộng chín bộ kinh cho các đệ tử, chế giới cho Thanh văn, quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi Đức Như Lai diệt độ, giáo pháp tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Ví như thợ làm hoa và đệ tử đem các thứ hoa có nhiều màu sắc dùng chỉ xâu lại, thì dù có gió từ bốn phương thổi đến cũng không bay tứ tán. Vì sao vậy? Vì đã có chỉ xâu. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào nói rộng chín bộ kinh, chế giới cho Thanh văn, quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi Đức Như Lai diệt độ, giáo pháp sẽ tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Vì các nhân duyên ấy

mà giáo pháp hoặc tồn tại lâu dài, hoặc không tồn tại lâu dài".

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Kính xin Thế Tôn nói rộng chín bộ kinh, khéo chế giới cho Thanh văn, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, để cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Thế Tôn hãy vì chư Thiên, nhân loại mà mở cửa cam lồ".

Phật bảo Xá-lợi-phất: "Nếu chưa có nhân duyên lầm lỗi thì Như Lai chưa chế giới cho đệ tử và chưa quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Này Xá-lợi-phất! Ví như Chuyển luân Thánh vương chưa đặt ra hình phạt, nếu như Bà-la-môn, cư sĩ chưa phạm phải lỗi lầm. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Như Lai cũng thế, nếu chưa có nhân duyên lầm lỗi thì Như Lai chưa chế giới cho đệ tử, chưa quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhưng này Xá-lợi-phất! Trong vị lai, những thiện nam có lòng tin chân chánh đối với pháp Phật, đã bỏ nhà xuất gia, nhưng có người vì tâm loạn điên đảo, khởi lên tưởng tịnh (Tưởng lầm sắc đẹp là trong sạch), do ba độc mãnh liệt mà phạm các tội lỗi. Này Xá-lợi-phất! Chỉ khi ấy, Như Lai mới chế giới cho các đệ tử và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Hãy thôi đi Xá-lợi-phất, Như Lai tự biết lúc nào cần phải làm gì".

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: "Thưa vâng! Bạch Thế Tôn! Con hiểu Đức Như Lai biết lúc nào cần

phải làm gì”.

Bấy giờ Xá-lợi-phất
Chắp tay bày vai áo
Tùy đấng Chuyển pháp luân.
Thỉnh cầu pháp tối thắng
Cung thỉnh Đức Thế Tôn
Nay thật là đúng lúc
Xin vì các đệ tử
Mà chế định luật nghi.
Để giáo pháp của Phật
Được tồn tại mãi mãi.
Mong mở cửa cam lồ
Khai hóa cả nhân thiên.
Bậc trụ thân tối hậu
Đã thưa thỉnh như vậy.
Bấy giờ, Thế Tôn dạy:
Tôn giả Xá-lợi-phất
Đệ tử chưa có tội
Tăng chúng đều thanh tịnh
Chư Phật chưa bao giờ
Chưa lỗi mà chế giới.
Ví như Chuyển Luân
Vương Cai trị khắp thế giới
Khi người chưa có lỗi
Mà đặt ra hình phạt.
Đây cũng ví như thế
Phật là thầy trời người
Nếu đệ tử chưa lỗi

Thì chưa chế giới luật.
Khi có người phạm tội
Lầm lỗi đã phát sinh
Thì bậc thầy, trời, người,
Mới chế ra luật nghi.
Quá khứ như vị lai
Mắt Phật đâu chẳng thấy.
Tùy theo việc nặng nhẹ
Mà chế giới nặng nhẹ.
Pháp này được tuyên thuyết
Tại ngôi rừng Kỳ-hoàn
Xá-lợi-phất cung thỉnh
Thế Tôn dạy như vậy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao các Tỳ-kheo chưa có lỗi lầm mà Tôn giả Xá-lợi-phất lại cung thỉnh Thế Tôn chế giới, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa?".

Phật dạy các Tỳ-kheo: "Xá-lợi-phất không những ngày nay chưa có lỗi lầm xảy ra lại thỉnh cầu Ta chế giới, xưa kia, tại một thôn xóm nơi một thành ấp nọ, dân chúng cư sĩ chưa có lỗi lầm mà ông cũng thỉnh cầu Ta chế ra các hình phạt".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ ngày xưa đã từng có việc như thế sao?".

Phật dạy: "Đúng như thế".

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vui lòng kể lại, chúng con muốn

nghe".

Phật dạy các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi, vị quốc vương trị vì lúc ấy hiệu là Đại Danh Xưng, dùng pháp cai trị, không có kẻ thù oán, luôn hành bố thí, giữ giới, thương yêu dân chúng, thâu phục quyến thuộc, trong nước dân chúng đông đúc, giàu có, an vui, thôn ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Muôn dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng chung hưởng an lạc. Khi ấy, có vị Đại thần tên là Đào-lợi, có nhiều mưu kế, suy nghĩ như sau: "Ngày nay tại vương quốc này tự nhiên giàu có mà dân chúng đông đúc, thành ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Muôn dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng nhau hưởng an lạc".

Rồi vị Đại thần ấy đến tâu với quốc vương: "Ngày nay đất nước này tự nhiên giàu có, dân chúng đông đúc, thành ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Muôn dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng nhau chung hưởng an lạc. Xin Đại vương ngay lúc này hãy chế ra hình phạt, chớ để vui quá mà sinh ra những lỗi lầm".

Vua nói: "Thôi thôi, lời đề nghị ấy không thể được. Vì sao thế? Vì lỗi lầm chưa phát sinh mà chế ra hình phạt làm chi".

Vị Đại thần lại tâu với Vua: "Nên đề phòng

việc chưa xảy ra, chớ để vui quá mà sinh ra lỗi lầm".

Khi ấy, nhà Vua suy nghĩ: "Vị Đại thần này thông minh, mưu trí, giao tiếp rộng, khó có thể kìm chế ngay được, giờ đây nếu ta khiển trách thì y sẽ nảy sinh oán hận". Thế rồi, để bảo ban tế nhị vị Đại thần, nhà Vua liền nói kệ như sau:

Người thế lực dễ sân,
Khó mà khiển trách liền.
Dễ khiến họ phạm lỗi
Việc này thật không thể.
Đại nhân giàu lòng từ
Người trí có lỗi thật
Còn phải xem xét lại
Thương xót khi trừng phạt.
Người ác làm phiền người
Không xét kỹ lỗi họ
Mà gia tăng hình phạt
Tổn mình tiếng ác tăng
Như Vua ưa phẫn nộ,
Hại oan gia lương thiện.
Tiếng ác đồn bốn phương
Khi chết rơi đường ác.
Đem chánh pháp dạy dân
Thân miệng ý thanh tịnh
Nhẫn nhục tu tứ đẳng
Mới là Vua muôn dân.
Vua đứng trên mọi người

Phải kìm chế phẫn nộ
Thương yêu kẻ có tội
Tha thứ giảm hình phạt.

Vị Đại thần nghe Vua nói, cảm thấy hoan hỷ, liền đọc kệ:

Đại vương bậc tối thắng
Xin mãi che chở dân.
Nhẫn nhục tự điều phục
Kẻ oán sẽ cảm ân.
Đức của Vua bủa khắp
Cơ nghiệp vững muôn đời
Dùng đạo trị thiên hạ
Thường làm Vua người trời.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Quốc vương Danh Xưng lúc ấy đâu phải ai khác mà chính là Ta đây, và Đại thần Đào-lợi là Tôn giả Xá-lợi-phất vậy. Khi ấy các trưởng giả cư sĩ ở các thành ấp xóm làng chưa có lỗi lầm gì mà ông xin Ta chế định hình phạt. Ngày nay các Tỳ-kheo cũng chưa có lỗi lầm gì mà ông lại xin Ta vì các đệ tử chế ra giới luật và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa".

Sau khi Đức Thế Tôn an trú an lạc tại thành Xá-vệ, liền cùng với năm trăm Đại Tỳ-kheo vây quanh trước sau du hành trong nhân gian đến nước Kiều-tát-la, xóm Canh-điền Bà-la-môn, khi đến nơi, liền an trú tại rừng Canh-điền. Rồi vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn xuất định, quan sát trên dưới, xung

quanh bốn phía, nhìn khoảnh đất bằng phẳng trước mặt vừa mỉm cười vừa đi kinh hành.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát trên dưới khắp nơi, nhìn khoảnh đất trước mặt bằng phẳng vừa mỉm cười vừa đi kinh hành. Thấy vậy, Tôn giả liền đến chỗ các Tỳ-kheo, nói với các thầy: "Các vị Trưởng lão! Vừa rồi tôi thấy Đức Thế Tôn, sau khi xuất định, quan sát khắp nơi... đi kinh hành lui tới. Này các Trưởng lão! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không khi nào không có lý do mà lại mỉm cười . Nếu đến thưa hỏi, ắt hẳn chúng ta sẽ nghe Phật dạy về những việc tiền kiếp xa xưa. Ngày nay chúng ta hãy đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa ấy, xem Phật dạy thế nào, chúng ta sẽ phụng hành".

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói thế, liền cùng Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đoạn cùng Phật đi kinh hành. Thế rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật: "Vừa rồi, con thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát bốn phương... đi kinh hành lui tới, con liền đến chỗ các Tỳ-kheo, nói với các Tỳ-kheo như sau: "Này các Trưởng lão! Vừa rồi tôi thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát bốn phương... đi kinh hành lui tới. Này các Trưởng lão! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không khi nào vô cớ mà lại mỉm cười. Nếu chúng ta đến thưa hỏi, ắt sẽ nghe Thế Tôn nói về những việc tiền kiếp xa xưa. Ngày

nay chúng ta phải đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa ấy, xem Phật dạy thế nào, rồi chúng ta sẽ phụng hành". Bạch Thế Tôn! chẳng hay vì nhân duyên gì mà Thế Tôn lại mỉm cười?".

Lúc này, Đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng, chỉ xuống đất nói với Xá-lợi-phất: "Ông thấy khoảnh đất này chăng?".

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: "Thưa vâng Thế Tôn, con đã thấy".

Phật dạy: "Khoảnh đất này là khu vườn xưa kia của Đức Phật Ca-diếp, còn chỗ kia là Tinh xá của Ngài, nơi kia là chỗ đi kinh hành, và chỗ nọ là nơi ngồi thiền".

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền lấy y Tăng-già-lê xếp lại làm tư, rồi đặt vào chỗ đất ấy. Đặt xong, trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải trên đất, chắp tay bạch Phật: "Kính mong Thế Tôn ngồi lên tòa này, để cho khoảnh đất này thành ra hai chỗ ngồi của hai Đức Phật".

Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu, liền ngồi lên đó. Tôn giả Xá-lợi-phất đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu việc lợi ích mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì đệ tử chế ra giới luật và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa?".

Phật bảo Xá-lợi-phất: "Có mười việc lợi ích nên chư Phật Như Lai vì đệ tử chế giới, quy định

cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười việc lợi ích đó là:

Vì thâu phục Tăng chúng.

Vì nhằm triệt để thâu phục Tăng chúng.

Vì muốn cho Tăng chúng an lạc.

Vì để thâu phục những người không biết hổ thẹn.

Vì để cho những người biết hổ thẹn cư trú yên ổn.

Vì để cho những người không tin khiến họ tin tưởng.

Vì để cho những người đã tin tăng thêm lòng tin.

Vì muốn dứt hết pháp lậu hoặc ngay trong hiện tại.

Vì để cho những lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.

Vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Chính vì muốn dùng mười việc lợi ích này để mở cửa cam lồ cho chư Thiên và nhân loại mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế giới cho các đệ tử, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa".

Bấy giờ Xá-lợi-phất
Trịch vai phải chắp tay
Tùy thuận chuyển pháp luân
Thưa hỏi Đức Tối Thắng.

Vị thọ thân cuối cùng
Chắp tay thưa hỏi xong
Bấy giờ Đức Tối Thắng
Nói với Xá-lợi-phất:
Có mười thứ công đức
Mà Như Lai đã biết
Nên chế ra giới luật
Cho tất cả đệ tử.
Thâu giữ Tăng triệt để
Khiến Tăng trú an lạc
Thâu phục kẻ vô sỉ
Người hổ thẹn yên ổn
Người không tin khiến tin
Người đã tin, tin hơn.
Hiện tại hết lậu hoặc
Lậu chưa sinh, không sinh.
Chánh pháp tồn tại mãi,
Mở cánh cửa cam lồ
Chánh pháp này được thuyết
Ở tại rừng Canh-điền.
Xá-lợi-phất thưa hỏi,
Thế Tôn đáp như vậy.

Sau khi Đức Thế Tôn an trú an lạc tại xóm Canh-điền thuộc nước Kiều-tát-la, liền từ đây đi đến nước Bạt-kỳ. Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo, sau khi đến nước Bạt-kỳ, thành Tỳ-xá-ly, liền an trú tại một Tinh xá có lầu gác trong rừng rậm.

Bấy giờ tại thành Tỳ-xá-ly, dân chúng đói khổ, ngũ cốc thiếu thốn, xương trắng đầy đường, khất thực khó khăn. Tại thành Tỳ-xá-ly này có một người con trai của trưởng giả tên Da-xá, có lòng tin, bỏ nhà xuất gia. Vì thân phụ ông tên Ca-lan-đà, nên các người tu hành đều gọi ông là Ca-lan-đà con.

Lúc ấy bị mất mùa, khất thực khó khăn, nên mỗi khi đến giờ ăn, ông thường về nhà thọ trai. Người mẹ nói với Da-xá: "Này con, con thật quá khổ, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc áo xấu, cầm bát đi xin ăn, bị người đời chê cười. Ngày nay trong nhà ta còn tài sản rất nhiều, tiền của cha mẹ con và những của báu của tổ tiên, nay giao hết cho con, con muốn làm gì thì làm. Hơn nữa người vợ yêu của con nay vẫn còn đó, đang cùng sống với gia đình, vậy mà con phải cam chịu những lao khổ như thế làm gì! Con nên về nhà hưởng thú vui của năm dục, tha hồ bố thí cúng dường Tam bảo gieo trồng các công đức".

Da-xá thưa với mẹ: "Xin mẹ hãy thôi đi, con chỉ thích tu phạm hạnh mà thôi". Mẹ ông lại khuyên đến lần thứ hai thứ ba như lần đầu, và Da-xá cũng trả lời như trước. Người mẹ lại bảo một lần nữa: "Nếu con không thích sống ở nhà thì phải lưu lại giòng giống của nhà ta để

nối dõi tông đường, đừng để cho nhà cửa bị tuyệt diệt, của cải bị sung công".

Da-xá thưa với mẹ: "Nếu mẹ muốn con lưu lại giòng giống thì con xin vâng lời".

Mẹ ông rất hoan hỷ, lập tức vào phòng vợ ông, nói với người vợ mới cưới ấy: "Con hãy sửa soạn gấp, mặc những y phục gì mà trước kia Da-xá thích nhất để ra gặp nó".

Người vợ đáp: "Xin vâng", liền trang điểm như mẹ chồng dạy. Bấy giờ, Da-xá cùng với vợ mình giao hoan, như người thế tục.

Người vợ liền thọ thai, đủ tháng bèn sinh con. Gia đình cùng bàn bạc: "Trước kia nhân xin để lại giòng giống, vì thế, giờ đây nên đặt tên đứa bé là Tục Chủng. Bởi vậy, người đời bấy giờ đều gọi nó là Tục Chủng, người cha cũng gọi Tục Chủng, mẹ cũng gọi Tục Chủng, tổ tiên Tục Chủng kể cả tiền của cũng đều gọi là Tục Chủng. Vì thế mà tiếng xấu truyền đi khắp, kẻ đạo người tục đều nghe tiếng.

Khi ấy, Da-xá nghe tiếng xấu loan truyền con mình là Tục Chủng nên rất hổ thẹn về những điều nghe được, liền suy nghĩ: "Trong các Sa-môn dòng họ Thích chưa từng nghe việc như thế bao giờ. Điều đó đúng pháp hay phi pháp. Nay ta nên đem việc này thưa rõ với Tôn giả Xá-lợi-phất, để Xá-lợi-phất đem việc này bạch đầy đủ lên Thế Tôn, tùy Thế Tôn dạy như thế nào, ta sẽ phụng hành". Thế rồi, Da-xá lập tức đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-

phất, nói rõ việc trên.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền cùng với Da-xá đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Ngồi xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đem việc trên thưa đầy đủ với Thế Tôn.

Bấy giờ, Phật hỏi Da-xá: "Ông quả thật có làm việc ấy chăng?". Da-xá đáp: "Thật có! Bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Thế là Da-xá đã phạm lỗi nặng. Trong các Tỳ-kheo tăng chưa có việc ấy. Ông là kẻ ngu si, đầu tiên mở cánh cửa phạm trọng tội, chưa có lậu hoặc mà khởi lên lậu hoặc. Thiên ma Ba-tuần thường tìm đến chỗ yếu kém của Tỳ-kheo mà chưa có cơ hội. Nay ông là người đầu tiên mở ra con đường ngắn của ma ác. Nay ông đã phá hủy cây cờ chánh pháp mà dựng lên cây cờ của ma Ba-tuần. Ông là kẻ ngu si, thà dùng dao bén cắt đứt thân sinh (dương vật), hoặc là để vào trong miệng rắn độc, hoặc để trong miệng chó dại, hoặc để trên ngọn lửa dữ, hoặc để trên lò than hồng, chớ không nên cùng giao hoan với phụ nữ. Này Da-xá! Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện để chê trách sự dâm dục hay sao? Nào là dục tức say mê, dục là lửa dữ đốt hết gốc thiện của người, dục là họa lớn. Ta lại dùng vô số phương tiện ca ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Nay vì sao ông làm điều bất thiện như thế hỡi Da-xá? Điều đó là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy, không thể

dùng nó để nuôi lớn pháp thiện".

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao trong chúng Tăng chưa có lậu hoặc mà Tỳ-kheo Da-xá này lại khởi lên lậu hoặc, đầu tiên mở ra cửa tội lỗi?".

Phật dạy các Tỳ-kheo: "Người này không phải chỉ có ngày nay, trong lúc giáo pháp của Ta chưa có lậu hoặc mà khởi lên lậu hoặc đâu".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Trong quá khứ ông ta đã từng có việc như thế chăng?".

Phật bảo: "Đúng thế".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được nghe".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ, lúc thế giới này đã đến giai đoạn kết thúc, các chúng sinh đều lên cõi trời Quang Âm, nên quả đất này được hình thành. Rồi các chúng sinh từ cõi trời Quang Âm trở lại cõi này. Lúc đó, thân của các chúng sinh ấy đều có ánh sáng đẹp, có thần túc tự tại, lấy niềm vui thiền định làm thức ăn, các vật cần thiết (muốn chi có nấy). Ánh sáng của các chúng sinh ấy chiếu qua lẫn nhau, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cũng không có ngày đêm, cũng không tính một tháng, nửa tháng. hay một năm bốn mùa gì hết. Khi ấy, quả đất này, chất đất tự nhiên có mùi vị, màu sắc, hương thơm, ngọt ngon đủ cả, chẳng khác gì vị cam lồ trên cõi trời. Bấy giờ, có

một chúng sinh khinh suất, thô tháo, ham muốn, liền nếm thử vị đất, thấy có mùi thơm, dần dần lấy dùng, liền sinh tâm tham đắm. Các chúng sinh khác thấy việc như thế, lần hồi bắt chước, tranh nhau lấy ăn. Lúc chúng sinh ăn vị đất rồi, thân thể nặng nề, ánh sáng liền mất, say đắm năm dục, mất hết thần túc, vì thế mà thế giới có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, tối sáng, nửa tháng, một tháng, Xuân, Hạ, Thu, Đông".

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Chúng sinh khinh suất, thô tháo ấy chẳng ai xa lạ, mà chính là Tỳ-kheo Da-xá đó. Thời ấy chúng sinh chưa có lậu hoặc mà Da-xá khởi lên lậu hoặc đầu tiên. Ngày nay lại ở trong Tăng chúng thanh tịnh mà đầu tiên mở cửa lậu hoặc".

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Da-xá này từ trước đến nay đều như thế sao? Vì lẽ gì mẹ ông lại khéo bày phương tiện, dùng sự dâm dục để dụ dỗ, lừa dối con mình?".

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay mẹ Da-xá khéo bày phương tiện để dụ dỗ lừa dối con mình, mà trong quá khứ cũng đã dụ dỗ, lừa dối".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như thế sao?".

Phật nói: "Đúng thế".

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn!

Chúng con muốn được nghe".

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Vào thời quá khứ có một kinh thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Bấy giờ, có Vua hiệu là Đại Danh Xưng, xa lìa mọi oán thù, hành bố thí, giữ giới, yêu thương người vật, dùng chánh pháp cai trị, khéo thâu phục quyến thuộc. Một hôm, đệ nhất phu nhân của Vua vào lúc sáng sớm, lên lầu cao để xem tinh tú, bỗng thấy một con nai chúa sắc vàng, từ phương Nam đi qua trên hư không và đi xuống phương Bắc. Phu nhân thấy rồi, liền suy nghĩ: "Nếu ta được tấm da của con nai vàng này dùng làm nệm thì không còn gì ân hận nữa, nhược bằng không được thì còn làm đệ nhất phu nhân làm chi?". Liền tự nhủ, nếu ta nói với người khác là thấy một con nai chúa sắc vàng thì ai mà tin được. Lại nghĩ như sau: "Nếu bảo là nai thì không thể đi trên hư không; còn nếu bảo đi trên hư không thì không thể nói là nai". Thế rồi, phu nhân buồn rầu, sợ không ai tin, liền cởi bỏ ngọc anh lạc, mặc y phục xấu xí đi vào phòng ưu sầu.

Bấy giờ, Vua giải quyết xong công việc triều chính, liền từ cung điện trở về phòng riêng, không thấy đệ nhất phu nhân, liền hỏi người hầu, người hầu đáp: "Phu nhân vừa mới vào nghỉ trong phòng Ưu não". Vua liền đến đó, hỏi phu nhân: "Ai xúc phạm ái khanh thế? Đại thần hay vương tử? Hay các phu nhân và kẻ hầu nào khác? Nếu kẻ nào xúc

phạm ái khanh, trẫm sẽ vì ái khanh mà nghiêm trị họ. Nay khanh còn cần thứ gì nữa không? Nếu thích vàng bạc, châu báu hương hoa anh lạc, trẫm sẽ cung cấp; hoặc muốn trừng phạt ai thì hãy nói". Vua hỏi đủ điều như thế, nhưng phu nhân không trả lời. Vua liền đi ra nói với các phu nhân khác, kể cả Đại thần, thái tử và mọi người: "Các khanh hãy đến hỏi xem ý phu nhân thế nào". Mọi người vâng lời, cùng đến hỏi phu nhân đủ điều, nhưng phu nhân vẫn im lặng không trả lời. Vua bèn sai người hầu gái kỳ cựu đến hỏi phu nhân một lần nữa. Vì người hầu này sinh trưởng trong cung Vua, có nhiều kinh nghiệm liền đi vào phòng hỏi phu nhân: "Vua là chỗ nương tựa của phu nhân mà sao Vua hỏi phu nhân lại im lặng không đáp? Nếu phu nhân có yêu cầu điều chi thì có lý do gì mà không được. Ai xúc phạm phu nhân? Đại thần, vương tử hay các phu nhân khác? Nếu phu nhân muốn trừng trị kẻ nào hãy tâu với Đại vương, chứ phu nhân im lặng, oán hận, chẳng thiệt thòi lắm sao? Nếu phu nhân rủi có chết, thì Đại vương cũng không thể chết theo, mà âu sầu là cùng. Trong những ngày tháng ấy, trong nước sẽ có các vị Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, những ai có con gái đẹp, đoan trang (ắt sẽ đem đến dâng Vua), Vua sẽ cùng họ thọ hưởng hoan lạc, liền quên hết ưu sầu. Rốt cuộc, phu nhân sẽ chết vô ích mà thôi. Nếu phu nhân không nói, có khác nào người câm nằm mộng

trong lúc ngủ, ai mà thấy được".

Lúc ấy, phu nhân nghe lời nói của đám thanh y (người hầu), liền tự suy nghĩ: "Đây quả là lời nói chí lý", liền nói với đám thanh y: "Không ai xúc phạm ta cả. Ta nhớ một chuyện mà khó nói quá, các ngươi hãy nghe ta nói: Một buổi sáng sớm gần đây, ta lên lầu xem tinh tú, khi ấy ta thấy một con nai chúa sắc vàng, từ phương Nam đi đến trên hư không sang phương Bắc. Nếu ta bảo với kẻ khác con nai đi trên hư không thì ai tin. Ta muốn được tấm da của nó để làm nệm mà không được, do thế mà ưu sầu tự nghĩ: Làm phu nhân của Vua mà làm gì!".

Nghe xong những lời ấy, các thanh y liền đến tâu với nhà Vua. Vua biết được ý của phu nhân nên rất đỗi vui mừng, liền hỏi những kẻ bề tôi bên cạnh: "Ai có thể lấy được tấm da của con nai vàng ấy? Nay ta cần nó để dùng làm tấm nệm". Các quan đáp: "Đại vương nên hỏi các thợ săn". Vua liền bảo các quan hãy truyền lệnh cho tất cả thợ săn trong nước ta phải tập trung hết về đây, như lời kệ:

Chư Thiên tùy niệm cảm
Vua chúa ban lệnh truyền
Người giàu cậy của cải
Kẻ nghèo cậy sức lực.

Sau khi lệnh Vua ban truyền như thế, tất cả thợ săn trong nước đều tập trung về hết, rồi tâu với Vua: "Chẳng hay Đại vương truyền dạy điều chi?".

Vua bảo các thợ săn: "Nay ta đang cần gấp tấm da của con nai vàng để làm chiếc nệm, các khanh hãy vì ta mà gấp rút tìm kiếm nó". Các thợ săn liền tâu Vua: "Xin Đại vương hãy cho chúng thần về trong ít lâu để chúng thần cùng bàn việc này". Vua nói: "Trẫm chấp thuận". Đoạn các thợ săn trở về cùng nhau bàn bạc: "Các vị săn bắn lâu nay có ai đã từng nghe thấy con nai sắc vàng chưa nhỉ?". Họ trả lời nhau: "Tổ tiên của chúng tôi từ xưa đến nay thường đi săn bắn, mà chưa từng nghe tên con nai sắc vàng, chứ đừng nói là chính mắt trông thấy". Thế rồi các thợ săn cùng nhau lập ước: "Nay chúng ta đến trả lời Đại vương, đừng để có những ý kiến bất đồng". Do vậy, khi đến yết kiến Vua, mỗi người đều tâu: "Tổ tiên chúng tôi từ xưa đến nay kế thừa nghề săn bắn, mà chưa từng nghe ai nói đến tên con nai sắc vàng, chứ đừng nói chính mắt thấy nó". Rồi nói kệ:

Vua có quyền tự do
Cầu muốn chi được nấy.

Vua bèn ra lệnh quan Hữu ty bắt các thợ săn giam vào ngục.

Khi ấy, có một thợ săn tên là San-xà, sức lực mạnh mẽ, đuổi kịp loài thú, khi bắn chim bay, bách phát bách trúng. Y suy nghĩ: Đám thợ săn chúng ta vô tội mà bị giam trong ngục, ta phải nghĩ kế gì để thoát khỏi nỗi khổ này. Vậy ta phải tâu Vua, xin Vua cho đi tìm nai. Nếu tìm được thì tốt, bằng

không tìm được ta sẽ giải thoát các bạn bè ra khỏi nhà giam. Nghĩ thế, y liền tâu với Vua: "Tâu Đại vương, đã có người nào nghe hay thấy con nai sắc vàng chưa?".

Vua nói với người thợ săn: "Ngươi có thể đến hỏi phu nhân". Đoạn, người thợ săn liền đến vương cung hỏi phu nhân: "Thưa phu nhân! Đã có ai thấy hay nghe con nai sắc vàng chăng?".

Phu nhân đáp: "Chính ta đích thân thấy nó". Người thợ săn hỏi: "Thấy nó ở đâu?"

Phu nhân đáp: "Vào lúc tờ mờ sáng, ta lên lầu xem tinh tú, bỗng thấy một con nai chúa sắc vàng từ phương Nam, đi qua trên hư không rồi xuống phía Bắc".

Người thợ săn này vốn lành nghề xem tướng cầm thú, nên biết con nai vàng chúa ấy hiện cư trú ở phương Nam, nhưng đi kiếm ăn phương Bắc. Nơi nó cư trú hoàn toàn không thể biết được, phải đến chỗ nó kiếm ăn tìm cách bắt nó mà thôi. Thế rồi, người thợ săn cầm lấy cung tên, đi lần về phương Bắc, đến Tuyết Sơn.

Bấy giờ, trong núi ấy có một vị Tiên nhân cư trú, xung quanh nơi ấy có suối chảy, ao hồ và hoa trái sum suê. Ở đây vị Tiên nhân áp dụng hai phương pháp để trừ lòng tham dục: Một là khổ hạnh. Hai là nhàn cư.

Lúc này, người thợ săn giấu các dụng cụ săn

bắn, ăn mặc giả người thường, đến chỗ vị Tiên nhân, lễ bái thưa hỏi. Vị Tiên nhân này ở trong hốc núi lâu ngày, ít khi gặp ai, nên lúc thợ săn đến thăm, rất đỗi vui mừng, bèn mời ngồi, rồi đem quả ngon, nước ngọt ra thiết đãi ân cần. Người thợ săn liền nói: "Tôn giả ở nơi này đã lâu hay mới đây?". Tiên nhân đáp: "Từ lúc đến đây tới nay đã trải qua thời gian như

thế…".

Thợ săn lại hỏi Tiên nhân: "Từ ngày Tôn giả đến đây tới nay đã từng thấy có việc gì khác thường chăng?".

Tiên nhân đáp: "Đã từng thấy".

Thợ săn lại hỏi: "Thế, Tôn giả thấy chuyện gì?".

Tiên nhân đáp: "Ở phía nam núi này có một cây Ni-câu-luật, thường có một con nai chúa sắc vàng, bay đến trên cây, ăn lá cây ấy no nê rồi bay đi".

Người thợ săn nghe thế, rất đỗi vui mừng, liền suy nghĩ: "Chắc có lẽ đó là con nai chúa sắc vàng mà phu nhân đã thấy. Ngày nay ta được nghe việc này, thế là nguyện vọng ta sắp thành tựu rồi, bèn nói giả lả sang chuyện khác, chợt hỏi: "Đường đến cây Ni-câu-luật ở hướng nào?".

Tiên nhân liền trả lời: "Từ đây ra đi, ở khoảng giữa có đoạn đường cong v.v…" đâu đó nói rõ ràng.

Chàng thợ săn nghe xong, vui mừng, chúc lành rồi ra đi, trở về chỗ cất dụng cụ săn bắn, cầm lấy, rồi thẳng đường đi tới đó. Từ xa, anh trông thấy cây ấy cành lá thưa thớt, nhưng bóng râm che khuất khá rộng. Anh ta đến bên cây, tìm kiếm nai chúa, nhưng không thấy tung tích và chỗ ăn của nó đâu cả. Anh liền ngồi núp dưới cây, lặng lẽ theo dõi. Theo dõi không lâu, anh bỗng thấy con nai chúa giống như con nhạn chúa, từ hư không bay đến, đậu lên trên cây, màu sắc ngời sáng, chiếu rõ hang núi, ăn lá no nê, rồi về phương Nam. Đoạn anh suy nghĩ: "Cây này cao vút, không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới được, biết làm thế nào để bắt nó? Nay ta hãy trở về thành Ba-la-nại, nơi đây có nhiều vị Đại thần, vương tử thông minh, trí tuệ, ta hãy vấn kế họ".

Thế rồi, anh trở lại cung đình, tâu với nhà Vua: "Tâu Đại vương! Đúng như phu nhân thấy, nhưng chỗ con nai trú, không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới, không có cách nào bắt được nó".

Vua bảo người thợ săn: "Ngươi hãy đến thưa rõ với phu nhân".

Thợ săn liền đến thưa phu nhân: "Tôi đã thấy con nai chúa sắc vàng, nhưng không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới, không biết làm sao để bắt được nó".

Phu nhân hỏi: "Chỗ ở của con nai ấy tại nơi

nào?”.

Đáp: “Nó ở trên cây Ni-câu-luật, ăn lá cây no, rồi trở về phương Nam”. Liền nói kệ:

Sát-lợi trăm phương tiện
Bà-la-môn gấp bội
Vua có ngàn mưu kế
Phụ nữ kế vô lượng.

Phu nhân của Vua có nhiều mưu kế như thế nên bảo thợ săn: “Ngươi mang mật đến cây ấy, rồi leo lên bôi vào lá cây. Con nai nghe mùi thơm của mật, sẽ ăn lá cây, ăn hết chỗ ấy, ngươi sẽ bôi lần đến chỗ bủa lưới”.

Thợ săn theo lời chỉ bảo, vào lại trong núi, mang mật lên cây, bôi vào lá cây. Con nai ấy bay đến, cứ theo lá cây có mật mà ăn, chỗ nào không có mật bôi thì nai không ăn, chỗ nào có mật thì lần lượt ăn tới, như kệ nói:

Thú rừng tin mũi mình
Phạm chí tin sách tướng
Vua chúa cậy hữu ty
Ai có niềm tin nấy.

Con nai ấy cứ theo mùi thơm mà ăn lá cây, lần lần xuống đến chỗ giăng lưới. Thợ săn suy nghĩ: “Nếu ta giết nó lấy da thì chưa thật là quý, ta phải bắt sống đem về mới được”. Thế rồi, thợ săn bắt nai nhốt vào cũi, đem đi ngang qua chỗ của vị Tiên nhân. Vị Tiên nhân từ xa trông thấy, thất kinh than:

"Ôi, tai họa thảm khốc! Dù có thể bay trên hư không mà không thể thoát khỏi tay kẻ ác này". Liền hỏi tên thợ săn ác độc: "Ông dùng nó để làm gì?".

Thợ săn đáp: "Vị đệ nhất phu nhân của nước Ca-thi cần da để làm một tấm nệm".

Tiên nhân lại hỏi: "Con nai này sau khi chết màu sắc như thế nào ông có biết không? Vì bên trong còn sinh khí nên màu sắc của nó mới như thế, bắt sống nó đem về ông mới được thưởng".

Lại hỏi tiếp: "Ông dùng phương pháp nào mà bắt được nó?". Thợ săn đáp: "Tôi dùng phương pháp như thế mà bắt được nó". Bấy giờ, Tiên nhân tự lấy làm mừng vì mình đã khéo sống ẩn dật,

nên mới không phạm những điều ác đó, nghĩ thương phu nhân đã sử dụng phương tiện ác độc và đau xót cho con nai chúa vì tham mùi vị mà bị khốn khổ. Thế rồi, Tiên nhân đọc bài kệ:

Ác nhất trên đời này
Không gì hơn tham vị
Nó mê hoặc phàm phu.
Và dã thú trong rừng.
Do tham trước hương vị
Mà phải chịu khổ não.

Lúc ấy, thợ săn hỏi Tiên nhân: "Tôi phải dùng phương tiện gì để nuôi dưỡng con nai này hầu đem về đến trong nước mà vẫn còn sống?".

Tiên nhân đáp: "Lấy mật bôi lên lá cây dùng để

nuôi nó, và khi về đến kinh thành, lấy mật hòa với lương khô mà nuôi dưỡng nó". Đoạn thợ săn lần hồi đi ngang qua nhân gian mà trở về nước. Con nai này thân hình thon thả dung sắc như vàng ròng, sừng trắng như ngọc, mắt màu da cam, tất cả những người trông thấy, không ai không cho là tuyệt đẹp.

Khi thợ săn đem nai về gần đến thành Ba-la-nại, Vua nghe nai đã về, liền ra lệnh trong thành sửa sang đường sá, quét dọn, đốt hương, dộng chuông, đánh trống để đón tiếp nai chúa. Người đi xem đông như mây tụ, không ai là không hoan hỷ, chúc mừng nhà Vua đã được điềm lành từ phương xa đến. Lúc phu nhân trông thấy vui mừng khấp khởi, không thể kìm chế được, liền tới ôm choàng lấy nai chúa. Cũng vì trước đây tâm của phu nhân yêu thích, tham đắm quá nặng, nên sắc vàng của nai chúa biến mất. Vua nói với phu nhân: "Sắc vàng của nai chúa bỗng nhiên biến mất, biết làm sao đây?".

Phu nhân trả lời nhà Vua: "Con nai này giờ đây trở thành vật vô dụng, vậy nên thả nó đi".

Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Con nai chúa sắc vàng thuở ấy đâu phải ai khác, chính là Tỳ-kheo Da-xá ngày nay, và phu nhân trước kia là mẹ của Da-xá hôm nay. Từ xưa đến nay bà đã dùng nhiều phương tiện để quyến rũ con mình khiến sinh ra tham đắm, phải chịu nhiều khổ não". Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Những Tỳ-kheo nào cư trú tại

thành Tỳ-xá-ly hãy bảo họ tập trung về cả đây".

Khi đó, Thế Tôn nhân sự việc ấy hướng đến các Tỳ-kheo nói rộng những nhân duyên khiển sinh ra các lỗi lầm, khiển trách những người đã tạo ra lỗi lầm, rồi tùy thuận thuyết pháp cho các Tỳ-kheo.

Thế Tôn dạy: "Vì mười việc lợi ích mà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế giới cho các đệ tử, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Về mười việc lợi ích như trên kia đã nói rõ. Vì lẽ đó mà Như Lai từ nay trở đi phải chế giới cho các Tỳ-kheo, để cho những ai chưa nghe, khiến được nghe, những ai nghe rồi nên nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới giữa chúng Tăng hòa hợp mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với chúng Tăng).

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), lúc ấy tại thành Tỳ-xá-ly có hai người con giòng họ Ly-xa, thuộc gia đình có niềm tin, bỏ nhà xuất gia. Vì ở thành Tỳ-xá-ly này ai cũng biết các ông, nên được cúng dường bốn thứ đầy đủ. Khi đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo này khoác y cầm bát vào xóm làng trong thành khất thực, vì không thâu phục thân, miệng, ý, không giữ niệm hiện tiền và không thâu phục các căn, nên tâm ý tán loạn, nhiễm đắm sắc dục, cho sắc dục là sạch sẽ, lòng dục mãnh liệt, liền suy nghĩ: "Ta mặc pháp phục mà hành dục thì thật là bất tiện. Ta phải cởi

bỏ pháp phục, mặc áo thế tục, không trở về Tăng chúng trong vòng bảy ngày, để tự do hành động". Suy nghĩ thế rồi hai thầy cởi bỏ cà-sa, mặc áo thế tục và hành dâm thỏa mãn. Qua hết bảy ngày, hai thầy mặc lại pháp phục, về với Tăng chúng. Sau khi về sống với Tăng chúng hai thầy tự thấy nhờm tởm về những việc mình đã làm, bèn suy nghĩ: "Thật chưa từng nghe thấy một vị Sa-môn nào lại làm một việc như thế. Nay ta hãy đem việc này thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất, nhờ Xá-lợi-phất đi đến Thế Tôn trình bày đầy đủ sự việc ấy. Nếu Phật có dạy điều chi thì ta hãy phụng hành".

Thế rồi hai Tỳ-kheo đi đến Tôn giả Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ như trên. Đoạn Tôn giả Xá-lợi-phất dẫn hai Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem sự việc kể trên bạch rõ với Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi-phất: "Phải bảo họ rời khỏi đây, đó là những kẻ ngu si, không được xuất gia thọ giới Cụ túc trong giáo pháp của Như Lai nữa".

Nhưng Xá-lợi-phất vì lòng thương xót, trịch vai áo phải, quỳ gối chắp tay, bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Trong vị lai có những thiện nam, có lòng tin giáo pháp Thế Tôn, bỏ nhà xuất gia, nhưng vì tâm ý mê muội, điên đảo, khởi lên tưởng tịnh (cho sắc đẹp là sạch sẽ), do ba nghiệp quá mạnh đến nỗi không biết hổ thẹn. Kính xin Thế Tôn mở ra phương tiện để cho các thiện nam ấy được xuất gia

thọ giới Cụ túc lại trong giáo pháp của Đức Như Lai".

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hãy gọi các Tỳ-kheo đang cư trú tại thành Tỳ-xá-ly tập trung cả về đây. Ta sẽ chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới Cụ túc giữa chư Tăng hòa hợp, trong khi chưa xả giới mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được cộng trú.

Lại một trường hợp nữa xảy ra trong lúc Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên). Khi ấy, các Tỳ-kheo an cư tại nhiều nơi, an cư xong, đi về Tỳ-xá-ly, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ, thăm hỏi. Thăm hỏi xong, theo thứ tự nhận phòng an trú, phòng hết không đủ chỗ, nên có người phải tạm trú nơi hành lang của những thảo am bên gốc cây ở giữa đám đất trống. Lúc ấy có một Tỳ-kheo đang ngồi bên gốc cây suy nghĩ như sau: "Xuất gia theo Phật giáo thật là quá khổ, tu phạm hạnh cũng quá khó khăn, ban ngày thì gió táp, nắng thiêu, ban đêm thì bị rắn độc, muỗi mòng cắn đốt. Tu phạm hạnh trong giáo lý Đức Phật thật sự ta không kham nổi". Khi vị Tỳ-kheo ấy bụng nghĩ, miệng nói như thế, thì các Tỳ-kheo khác nghe được, họ liền hỏi thầy: "Thầy định xả giới sao?".

Vị ấy đáp: "Không xả giới. Tôi chỉ nghĩ thế, vì

sợ mình không kham nổi tu phạm hạnh trong giáo pháp của Đức Như Lai mà thôi".

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên (sự kiện) ấy đến bạch với Thế Tôn Tỳ-kheo kia định xả giới.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Gọi thầy Tỳ-kheo kia đến đây".

Khi vị ấy đến, Phật hỏi: "Ông xả giới thật sao?". Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Không xả".

Phật hỏi: "Vì nhân duyên gì mà đến như thế?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con ngồi bên gốc cây, lòng nghĩ, miệng nói: Bỏ nhà xuất gia, sống trong giáo pháp của Phật thật quá cực khổ, ta không kham nổi tu phạm hạnh trong giáo pháp của Phật".

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: "Vì sao ông đã có niềm tin, bỏ nhà xuất gia, sống trong giáo pháp của Như Lai mà lại nghĩ ta không đủ gắng nhẫn tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai?".

Đoạn Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo ấy không phải là xả giới, đó gọi là giới sút kém; thầy chỉ nói lên những lời nói về giới sút kém của mình, thế nên, phạm tội Thâu-lan-giá".

Thế rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Gọi tất cả Tỳ-kheo cư trú tại thành Tỳ-xá-ly khiến họ tập trung hết về đây, những ai chưa nghe thì phải nghe, ai nghe rồi thì nên nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới Cụ túc giữa

chúng Tăng hòa hợp, chưa trả giới, giới sút kém, không xả giới mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được cộng trú.

Lại một trường hợp khác khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Khi ấy, tại thành Xá-vệ có một trưởng giả tên Nan-đề, thuộc gia đình có tín tâm, bỏ nhà xuất gia; vì ở đây ai cũng biết ông, nên được cúng dường bốn thứ đầy đủ. Có nhiều vị khác cũng tên Nan-đề, nhưng chỉ có Trưởng lão Nan-đề này thì khi đi cũng thiền, khi đứng cũng thiền, khi ngồi cũng thiền và khi nằm cũng thiền. Cho nên người thời ấy gọi thầy là Thiền Nan-đề.

Lúc này, Nan-đề cất một thảo am trong rừng Khai Nhãn dùng để tu tập. Vào đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm, thầy đều lấy hạnh tu tập làm sự nghiệp, nên được thiền định của thế tục, như vậy trải được bảy năm. Nhưng sau bảy năm, thầy thối thất (mất) thiền định, nên thường nương tựa bên một cội cây để tu tập, mong tìm lại thiền định đã mất.

Khi ấy, họ hàng nhà ma thường dùng phương tiện rình rập, tìm chỗ sơ hở của những người tu theo chánh pháp, mới biến thành hình người đoan chánh không gì sánh bằng, dùng đủ thứ hương hoa, anh lạc trang điểm thân mình, đến trước Nan-đề, gọi thầy, nói: "Này Tỳ-kheo, hãy đến đây, cùng ta giao hoan".

Nan-đề lập tức nói: "Loài tà ác, cút nhanh! Loài tà ác, cút nhanh!".

Miệng thầy nói, nhưng mắt không nhìn đến.

Thiên nữ lại nói như trên đến lần thứ hai, thứ ba, và Nan-đề cũng đáp lại hai Ba lần: "Loài tà ác, cút nhanh! Loài tà ác, cút nhanh!", mà không nhìn đến. Lúc này, Thiên nữ bèn cởi bỏ anh lạc, để lộ thân thể, đứng trước Nan-đề, nói với thầy: "Nào, chúng ta cùng nhau hành dâm".

Khi ấy, Nan-đề nhìn thấy thân thể Thiên nữ, lòng dục phát sinh, liền đáp: "Được thôi". Đoạn Thiên nữ từ từ đi lui. Nan-đề gọi theo: "Ngươi hãy dừng lại một tí, để chúng ta cùng nhau giao hoan". Nan-đề đi tới, thì Thiên nữ rảo bước nhanh hơn. Nan-đề đuổi theo đến bên hào Kỳ-hoàn. Trong hào ấy có một xác chết của con ngựa nhà Vua. Thiên nữ đến bên xác ngựa liền ẩn hình không hiện nữa. Khi ấy, Nan-đề vì lòng dục khởi lên quá mạnh, liền hành dâm với xác ngựa, đến lúc lòng dục lắng xuống, liền suy nghĩ: "Ta đã làm một việc rất tệ hại, không phải là pháp của Sa-môn, ta vì lòng tin xuất gia, mà nay phạm tội Ba-la-di thì còn mặc pháp phục, thọ dụng của tín thí làm chi nữa". Đoạn thầy cởi pháp phục vắt lên tay phải, tay trái che thân, đi đến Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: "Thưa các Trưởng lão, tôi phạm Ba-la-di, tôi phạm Ba-la-di".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang đi kinh hành chậm rãi trước sân Kỳ-hoàn, suy nghĩ về nghiệp của mình, bèn bảo nhau: "Đó là thầy tọa thiền Nan-đề, người tu phạm hạnh, không phải phạm Ba-la-di".

Nan-đề lại nói: "Thưa các Trưởng lão, không phải thế, tôi phạm Ba-la-di thật mà".

Các Tỳ-kheo liền hỏi do nguyên nhân gì mà phạm. Nan-đề bèn

trình bày đầy đủ sự việc như trên.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Chính thiện nam Nan-đề tự nói mình phạm trọng tội, nên phải đuổi đi".

Đoạn các Tỳ-kheo theo lời Phật dạy, đuổi Nan-đề đi, rồi bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Trưởng lão Nan-đề tu phạm hạnh đã lâu mà còn bị cô thiếu nữ ấy mê hoặc?".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Không phải ngày nay Tỳ-kheo Nan-đề mới bị Thiên nữ mê hoặc khiến cho thối thất phạm hạnh mà trong quá khứ cũng bị Thiên nữ ấy mê hoặc làm cho mất phạm hạnh".

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như thế sao?".

Phật nói: "Đúng thế!".

Rồi bảo với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ, có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Bấy giờ, tại nước A-bàn-đề ở phương Nam có người

ngoại đạo xuất gia, thuộc giòng họ Ca-diếp, thông minh, học rộng, lão luyện đối với các điển tịch, tinh xảo mọi nghệ thuật, không gì là không am tường. Vị ngoại đạo ấy giúp Vua trị nước. Khi Vua nước ấy dùng các hình phạt để trị tội bọn gian tặc như: Chặt tay, chân, xẻo tai mũi, rất là đau đớn. Bấy giờ, vị ngoại đạo ấy trầm ngâm suy nghĩ: "Ta đã xuất gia, tại sao lại cùng với nhà Vua tham dự việc này?". Liền tâu với Vua: "Xin Đại vương cho tôi xuất gia". Vua liền đáp: "Thầy đã xuất gia rồi, vì sao còn xin xuất gia nữa?".

Vị ấy nói: "Tâu Đại vương! Tôi nay tham dự vào các loại hình phạt làm khổ não chúng sinh thế này thì sao gọi là xuất gia?".

Vua liền hỏi: "Nay thầy muốn xuất gia theo đạo nào?".

Vị ấy đáp: "Tâu Đại vương! Tôi muốn xuất gia để học đạo tiên". Vua nói: "Được, tùy ý thầy".

Bấy giờ, cách thành Ba-la-nại không xa, có một dãy núi hàng trăm ngọn, trong đó có suối chảy, hồ nước, hoa quả sum sê, ông liền vào núi ấy, cất một tinh xá, rồi tu tập theo pháp môn ngoại đạo, đạt được thiền định thế tục, và đắc ngũ thần thông. Vào tiết tháng tư, ông ăn các quả dưa, do bốn đại không thích hợp, nên lúc đi tiểu, tinh khí theo ra. Lúc ấy có đàn nai đang sống từng bầy, thường đi theo nhau, nhân khát nước đi tìm nước uống, một con

đã uống nhầm nước tiểu ấy khiến chất bất tịnh (tinh khí) thấm vào miệng rồi theo đường sinh dục vào trong tử cung

-quả báo của chúng sinh khó mà nghĩ nổi -do đó mà thụ thứ hai. Con nai ấy thường ăn cỏ, uống nước bên triền núi, đến khi đủ tháng, tới ngày

sinh nở, gặp lúc vị Tiên nhân đi hái quả. Nhân vì sinh con khó nên con nai kêu la bi thiết, vị Tiên nhân ngỡ là nai bị thú dữ làm hại, nên đến cứu, liền thấy nó sinh một em bé trai.

Tiên nhân thấy thế, lấy làm quái lạ, liền suy nghĩ: "Vì sao súc vật lại sinh ra người!". Rồi nhập định tư duy, thấy được nguyên nhân, đó chính là con mình, nên đâm ra yêu mến đứa trẻ ấy, bèn dùng y bọc lại đem về nuôi dưỡng, và thường đem nó đến chỗ nai mẹ để nai cho bú, dần dần lớn lên, được đặt tên là Lộc-ban. Vì do mẹ sinh nên trên mình loang lỗ giống như mẹ, thế nên đặt tên Lộc-ban. Đồng tử ấy lần lần khôn lớn, đến năm bảy tuổi thì biết kính trọng tôn trưởng, nhân ái hiếu từ, thường hái quả, mang nước cúng dường Tiên nhân.

Khi ấy, Tiên nhân thầm nghĩ: "Cái đáng sợ nhất trong thiên hạ không gì hơn là phụ nữ". Liền dạy con: "Cái đáng sợ nhất không gì hơn là phụ nữ, nền chính trị bại vong, đức hạnh bị băng hoại, đều do nó cả". Dạy như thế rồi, ông liền dùng thần thông nhập định, tự hóa, như bài kệ tả:

Hết thảy mọi chúng sinh
Không ai tránh khỏi chết
Ra đi tùy theo nghiệp
Tự nhận lấy quả báo.
Làm thiện sinh lên trời
Tạo ác vào đại ngục
Hành đạo tu phạm hạnh
Hết lậu, được Niết-bàn.

Thế rồi Tiên nhân mệnh chung. Bấy giờ, đồng tử tịnh tu phạm hạnh, đạt được bốn thiền của ngoại đạo, phát sinh năm thần thông, được Đại thần lực, có thể dời núi, chận đứng dòng nước, hoặc rờ mặt trời, mặt trăng.

Lúc này, Đế Thích cỡi voi trắng du hành trong thế gian để xem ai hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Ba-la-môn, ai bố thí, giữ giới, tu phạm hạnh. Lúc Đế Thích đang du hành, bỗng thấy đồng tử Tiên nhân ấy, liền thầm nhủ: "Nếu đồng tử này muốn cầu Đế Thích, Phạm Vương, đều có thể được, vậy ta cần sớm loại trừ y", như lời kệ:

Chư Thiên và loài người
Tất cả mọi chúng sinh
Không ai thoát trói buộc
Do hai thứ kiết sử
Keo kiệt và ganh tỵ
Chết phải sinh cõi ác.

Đoạn nói về chư Thiên, họ có ba loại trống dùng trong ba lúc: Lúc chư Thiên và A-tu-la đánh

nhau, thì đánh trống thứ nhất. Lúc các loài hoa trong vườn Câu-tỳ-la nở, thì đánh trống thứ hai. Khi tập họp chư Thiên tại giảng đường thiện pháp để nghe pháp, thì đánh trống thứ ba.

Khi ấy, Đế Thích đánh trống thuyết pháp, vô số trăm ngàn Thiên tử đều tập họp về đó. Họ bèn hỏi Đế Thích: "Có điều chi dạy bảo chăng?". Đế Thích nói với họ: "Cõi Diêm-phù-đề có Tiên nhân đồng tử tên là Lộc-ban, y có công đức lớn, ta muốn dùng phương tiện để hãm hại y". Vô số Thiên tử nghe nói thế không vui, liền tự nhủ thầm: "Nếu hãm hại người ấy thì chư Thiên sẽ suy giảm, mà chúng A-tu-la sẽ tăng thêm". Nhưng trong chư Thiên có người bình tĩnh suy nghĩ: "Không nên chủ trương sự thành bại". Lại có hạng người vui lòng tán thán ý đồ hãm hại vị Tiên nhân ấy. Đoạn một vị Thiên tử hỏi: "Người nào nên đi?". Bỗng có người đáp: "Vị Thiên nữ kia nên đi".

Lúc này, chư Thiên đang dạo chơi các khu vườn, hoặc tại vườn Hoan-hỷ, hoặc tại vườn Tạp-sắc, hoặc tại vườn Lộc sáp. Thiên nữ phải đến các nơi đó gọi họ về. Tức thì, trăm ngàn Thiên nữ đều tập họp về. Có một Thiên nữ tên A-lam-phù, vì tóc cô có bốn màu xanh vàng đỏ trắng pha tạp nên gọi là tạp sắc, Đế Thích liền sai Thiên nữ này xuống Diêm-phù để phá hoại đồng tử Lộc-ban. Thiên nữ ấy bạch với Đế Thích: "Tôi từ trước tới nay đã nhiều lần phá những người tu phạm hạnh, vì vậy

mà mất thần thông, xin Thiên đế sai Thiên nữ khác đoan chánh, đẹp đẽ có thể làm cho người ta vui lòng". Lúc ấy, Đế Thích lại đọc một bài kệ để khuyến dụ Thiên nữ, đại khái: "Người có sứ mệnh phải đi hủy hoại Câu-xá-tần-đầu (Tiên nhân đồng tử)", như trong kinh Bản Sinh nói. Thế rồi, Thiên nữ bèn đi phá hoại đồng tử Tiên nhân.

Phật liền bảo với các Tỳ-kheo: "Đồng tử Tiên nhân Câu-xá-tần-đầu thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Thiền Nan-đề ngày nay. Còn Thiên nữ A-lam-phù cũng chính là cô Thiên nữ ngày nay. Nan-đề ngày xưa đã từng bị cô ấy phá hoại, ngày nay làm Tỳ-kheo, cũng bị cô ta hại nữa".

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào hành dâm ngay cả với loài súc vật cũng phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên), có các Tỳ-kheo kiết hạ an cư nơi này nơi khác. An cư xong, họ đi về thành Vương-xá lễ bái, thăm viếng Đức Thế Tôn. Mỗi người tùy thích chọn chỗ an trú, hoặc ở Tinh xá Tỳ-ba-la, hoặc ở tinh xá Bạch-sơn, hoặc ở tinh xá Phương-sơn, hoặc ở trong động của Tiên nhân, hoặc ở trong hang núi Kỳ-xà-quật, hoặc ở trong hang núi Biện-tài, hoặc ở tinh xá trong vườn Câu-lợi, hoặc ở tinh xá trong vườn Lại-tra, hoặc ở tinh xá trong vườn Sư-tử, hoặc ở tinh xá trong vườn

Thất-diệp, hoặc ở tinh xá Ôn-tuyền, hoặc ở trong hang Tán cái, hoặc ở trong hang Am-la, hoặc ở trong hang Ty-thi, hoặc ở tinh xá Viên-hầu.

Khi các Tỳ-kheo khách đến tinh xá Viên-hầu này, liền đến vị Tỳ-kheo tri thức cựu trú để cùng chúc tụng vấn an. Chúc tụng xong, vị Tỳ-kheo cựu trú liền cung cấp nước tắm, nước rửa tay chân, nước uống dùng trưa và chiều, chỉ chỗ phòng nghỉ. Do vậy, các Tỳ-kheo khách đều có chỗ an nghỉ.

Lúc ấy, trên đỉnh núi có một con vượn cái, từ trên núi xuống, đến trước Tỳ-kheo cựu trú, đứng quay lưng lại, hiện tướng muốn được hành dâm. Tỳ-kheo cựu trú liền quát tháo đuổi đi. Nó lại đến trước các Tỳ-kheo khách, đứng quay lưng lại, cũng hiện tướng muốn được hành dâm như thế.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khách suy nghĩ: "Phàm loài dã thú, vốn hay sợ hãi vì sao con vật này bị xua đuổi mà vẫn không đi, việc này ắt có uẩn khúc gì đây; biết đâu ở chốn này lại không có kẻ nào đó dùng con vượn cái này để làm điều bất tịnh (hành dâm)?". Nghĩ thế, các Tỳ-kheo khách nói với Tỳ-kheo cựu trú: "Này Trưởng lão, giờ đây chúng tôi muốn ra đi, thầy có thể thu lại giường nệm". Vị cựu Tỳ-kheo nói: "Các Trưởng lão, hiện giờ ở trú xứ này có giường nệm tốt, ngày ăn hai bữa, an ổn, vui vẻ, mong các Trưởng lão xem lại mà cùng an trú nơi đây". Các Tỳ-kheo khách đáp: "Không ở". Vị Tỳ-kheo cựu trú ân cần mời đến Ba lần, nhưng

các Tỳ-kheo khách vẫn không chuẩn thuận lời thỉnh cầu của thầy, cứ việc ra đi.

Khi ấy, những Tỳ-kheo khách nào lòng không nghi ngờ, hễ ra khỏi trú xứ liền đi luôn, còn những Tỳ-kheo khách nào lòng có ngờ vực, thì ẩn thân một nơi gần đó để theo dõi sự việc. Cựu Tỳ-kheo thấy khách Tỳ-kheo đã đi hết, liền thu dọn ngọa cụ, thu xếp xong, rửa chân rồi ngồi nghỉ. Bấy giờ con vượn cái lại từ trên đỉnh núi đi xuống, đến trước cựu Tỳ-kheo quay lưng lại. Thế rồi, vị cựu Tỳ-kheo cùng với con vượn cái này làm điều phi pháp (hành dâm). Các khách Tỳ-kheo từ xa trông thấy thế, liền cùng bảo nhau: "Những gì ta nghi ngờ, giờ đây đã hiện rõ".

Vì nhân duyên đó, họ liền đi đến bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Trong vườn Trường-vĩ (Viên hầu) thầy Tỳ-kheo cựu trú đã làm

một việc tồi tệ như thế…".

Phật dạy: "Hãy gọi Tỳ-kheo ấy đến đây".

Khi Tỳ-kheo ấy đến, Phật hỏi thầy: "Ông có làm việc đó thật không?".

Thầy đáp: "Thật có vậy, bạch Thế Tôn!".

Phật nói với thầy: "Ông không biết rằng Ta đã chế giới không được hành dâm hay sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật đã chế giới, nhưng con nghĩ, không được hành dâm với loài người và phi nhân, chớ không phải với súc

sinh".

Phật nói: "Tỳ-kheo hành dâm với súc sinh cũng mắc tội Ba-la-di. Các Tỳ-kheo nên biết, có ba việc phạm Ba-la-di. Đó là: Tỳ-kheo hành dâm với loài người, loài phi nhân và súc sinh, như vậy là ba việc".

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo, đến giờ khất thực, khoác y cầm bát vào thành khất thực, tuần tự đi đến một nhà kia, bỗng có một phụ nữ gọi bảo Tỳ-kheo: "Đại đức hãy vào đây, cùng tôi làm việc như thế (hành dâm)".

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Thế Tôn chế giới không được hành dâm". Người phụ nữ lại nói: "Tôi biết không thể hành dâm bằng con đường thông thường (âm đạo), nhưng có thể hành dâm bằng con đường khác (hậu môn, hoặc miệng)".

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo ấy cùng với người phụ nữ hành dâm bằng con đường khác. Hành dâm xong thầy sinh hồ nghi, liền đi đến chỗ Thế Tôn bạch lên sự kiện ấy.

Phật nói với thầy: "Ông không biết rằng Ta chế giới không được hành dâm hay sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật đã chế giới, nhưng con nghĩ là không được hành dâm theo con đường thông thường, chứ không phải hành dâm theo con đường khác".

Phật liền nói với thầy Tỳ-kheo ấy: "Con đường khác cũng phạm Ba-la-di".

Lại một trường hợp khác, Phật cũng an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, bèn khoác y cầm bát đi vào thành, tuần tự khất thực đến một nhà kia.

Lúc ấy có một người con trai từ trong nhà gọi Tỳ-kheo, nói: "Đại đức, có thể vào đây, chúng ta cùng làm việc như thế (hành dâm)".

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm".

Cậu trai ấy bảo: "Tôi biết Phật chế giới không được hành dâm với phụ nữ, còn tôi là nam giới".

Thế là thầy liền thuận theo ý đồ của Y (cùng hành dâm). Khi hành động xong, thầy sinh hồ nghi, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật nói với thầy: "Ông không biết Ta chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Đức Thế Tôn có chế giới, nhưng con tự nghĩ là không được hành dâm với phụ nữ, chứ không phải với nam giới".

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: "Hành dâm với nam giới cũng phạm Ba-la-di".

Một trường hợp khác, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, khoác y cầm bát vào thành, lần lượt khất

thực đến một nhà kia, trong nhà ấy có một người hoàng môn (phi nam phi nữ), gọi Tỳ-kheo ấy nói: "Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm việc như thế". Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm". Người ấy nói: "Tôi biết Phật chế giới không được hành dâm với phụ nữ và nam giới, còn tôi là phi nam phi nữ".

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo liền tùy thuận theo ý đồ của y. Nhưng khi hành động xong, thầy sinh hồ nghi, hối hận, bèn đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền hỏi thầy Tỳ-kheo ấy: "Ông không biết rằng Ta chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Đức Thế Tôn có chế giới, nhưng nghĩ là không được hành dâm với phụ nữ và nam giới, còn người hoàng môn này là phi nam phi nữ kia".

Phật dạy: "Tỳ-kheo hành dâm với kẻ hoàng môn cũng phạm Ba-la-di". Và Phật dạy tiếp: "Tỳ-kheo hành dâm với ba đối tượng sau đây phạm Ba-la-di: Với người nam, người nữ và hoàng môn. Đó là ba đối tượng".

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát, đi vào thôn xóm trong thành để khất thực, tuần tự đi đến một nhà kia, trong nhà ấy có một phụ nữ gọi thầy Tỳ-kheo ấy nói: "Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm

chuyện như thế”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm”.

Người phụ nữ nói: “Tôi biết không được, nhưng thầy có thể mặc y, còn tôi thì khõa thân”.

Đoạn thầy Tỳ-kheo bèn tùy thuận ý đồ của cô ấy. Hành động xong, thầy đâm nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách thầy: “Ông không biết Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây con mặc y, còn cô ấy khỏa thân”.

Phật liền nói với Tỳ-kheo ấy: “Một đàng mặc y, một đàng khỏa thân, cũng phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát đi vào trong thành để khất thực. Thầy khất thực tuần tự đến một nhà kia, khi ấy có một phụ nữ gọi thầy nói: “Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm việc như thế”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm”.

Người phụ nữ nói: “Tôi biết, nhưng thầy có thể khỏa thân, còn tôi thì che thân”.

Thầy liền tùy thuận theo ý đồ của cô ấy. Nhưng sau khi hành động, thầy bỗng sinh nghi ngờ, hối

hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn khiển trách thầy: "Ông không biết rằng Ta đã chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây cô ấy che thân, còn con khỏa thân".

Phật dạy: "Cô ấy che thân, còn ông khỏa thân cũng phạm Ba-la-di, thậm chí hai căn (dương vật và âm hộ) chỉ chạm nhau bằng hạt mè cũng phạm Ba-la-di".

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có thầy Tỳ-kheo từ phương khác đến, thầy có nam căn (dương vật) dài lớn, liền tự đút vào hậu môn để thỏa mãn tính dục. Hành động xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn khiển trách thầy: "Ông không biết là Phật đã chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con nghĩ là cấm đối với người khác chứ không phải với chính mình".

Phật dạy: "Hành dâm với chính mình, cũng phạm Ba-la-di".

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo từ phương Nam đến, trước kia thầy vốn là một vũ công, nên thân thể tay chân mềm mại, lúc ấy tình dục khởi

lên mãnh liệt, thầy liền đút dương vật vào miệng để hành dâm. Hành dâm xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền khiển trách thầy: "Ông không biết là Ta chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con nghĩ là không cấm tự đút (dương vật) vào miệng mình".

Phật dạy: "Tự đút vào miệng mình cũng phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm ở ba chỗ là: Miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, đều phạm Ba-la-di".

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên) khi ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thôn xóm, tuần tự khất thực, khi đến nhà của một dâm nữ, dâm nữ bèn gọi Tỳ-kheo nói: "Đại đức có thể vào đây cùng tôi làm chuyện như thế". Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm". Cô dâm nữ nói: "Tôi cũng biết không được hành dâm, nhưng ở đây hành dâm nơi âm hộ và xuất tinh ở ngoài (thì đâu có sao)".

Thầy bèn tùy theo ý của cô ta. Khi hành động xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền khiển trách thầy: "Ông không biết là Phật đã chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây hành dâm nơi âm hộ và xuất tinh ở ngoài".

Phật nói: "Hành dâm bên trong (âm hộ) và xuất tinh ở ngoài, hay hành dâm ở ngoài rồi xuất tinh ở trong, thậm chí hai căn (dương vật và âm hộ) chỉ chạm nhau một tí bằng hạt mè cũng phạm Ba-la-di".

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Vương-xá (Nói rộng như trên) bấy giờ có các khách buôn từ phương Bắc xa xôi đến đó, họ suy nghĩ: "Chúng ta từ phương xa đến đây an ổn, không gặp nạn giặc cướp, nên tự ăn mừng, liền bày ra các thức ăn uống, mời các nhạc công đến (múa hát), rồi cùng nhau ăn uống vui vẻ.

Bấy giờ, trong thành Vương-xá cũng có năm trăm dâm nữ cũng tụ tập một chỗ. Lúc ấy, các thương khách liền sai một người tín cẩn nói với một dâm nữ tuyệt diệu nhất: "Cô hãy đến truy hoan cùng chúng tôi".

Dâm nữ đáp: "Tôi đã hẹn trước với nhà Vua đêm nay phải đến ở

lại trong cung. Nếu ông gọi ban ngày, tôi có thể đến với ông".

Thương nhân giận dữ nói: "Không hiểu vật tồi tệ mà cô nhận được khi cô đến chỗ nhà Vua là vật gì? Hôm nay nếu cô chịu đến truy hoan với chúng

tôi, chúng tôi sẽ tặng cô nhiều món bảo vật".

Vì tham vật báu, dâm nữ liền hứa với thương nhân, rồi gian trá trang điểm một tỳ nữ đoan chánh nhất giả dạng mình, bảo y đến với nhà Vua, lại căn dặn: "Ngươi đến chỗ nhà Vua, phải khéo dùng phương tiện làm sao cho thật giống với hình dạng của ta, đừng để Vua biết là không phải ta".

Lúc đó Vua tắm xong, mặc đồ tươm tất, ngồi chờ dâm nữ, mơ tưởng đến cô, bỗng chốc cô hiện đến. Nhưng từ xa Vua trông thấy, biết đó là đứa đầy tớ chứ không phải dâm nữ, liền chận lại mắng: "Ngươi là ai mà lại đến đây?". Tỳ nữ hoảng sợ liền tâu thật với Vua: "Các thương nhân ở phương Bắc xa xôi mang bảo vật đến, đã đem nhiều vật quý tặng chủ nhân tôi. Chủ nhân tôi vì thấy nhiều của quý, khởi lòng tham, nên sai tôi đi thay để đáp lời hứa trước, nhưng tưởng Đại vương không biết". Vua nghe tỳ nữ nói, liền nổi giận mắng: "Con tiện tỳ kia, sao ngươi dám coi thường, lừa dối ta". Liền sai lính hầu cắt bỏ hình nữ (âm hộ) của cô.

Đoạn nói về các thương nhân, từ xa trông thấy sứ giả đến, họ biết là do Vua sai tới, liền xa chạy cao bay. Sứ giả liền bắt dâm nữ, cắt bỏ hình nữ. Đến khi sứ giả của Vua về hết, các thương nhân trở lại chỗ cũ, thấy dâm nữ như thế, ai nấy đều động lòng thương cảm. Họ liền gọi lương y đến, trọng thưởng, nhờ chữa trị vết thương cho dâm nữ. Vị y sĩ này tài giỏi, nên chữa trị vết thương bình phục

rất nhanh.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly, nhân sự việc dâm nữ như thế, biết đúng lúc bèn hỏi Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Nếu có người cắt nữ hình bỏ đi, rồi Tỳ-kheo hành dâm nơi chỗ hư hoại ấy, có phạm Ba-la-di không?".

Phật dạy: "Phạm Ba-la-di".

Lại hỏi: "Bạch Thế Tôn! Nếu nữ hình lìa khỏi thân, hành dâm nơi nữ hình ấy, có phạm Ba-la-di không?".

Phật dạy: "Mắc tội Thâu-lan-giá".

Lại hỏi tiếp: "Bạch Thế Tôn! Nếu nữ hình ráp lại với thân mà vết thương chưa lành, hành dâm nơi ấy, có phạm Ba-la-di không?".

Phật dạy: "Phạm Ba-la-di".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên), bấy giờ Vua A-xà-thế sinh một đồng tử, đặt tên là Ưu-đà-di-bạt-đà-la, dương vật của cậu bé này bị nhiễm trùng, đã dùng mọi thứ thuốc chữa

trị nhưng vẫn không lành. Thấy đứa bé bị vết thương hành hạ đau đớn, người vú nuôi thường dùng miệng ngậm dương vật, hơi ấm truyền vào, nên giảm bớt sự đau đớn. Bà vú thường ngậm luôn, dương vật được tiếp xúc với hơi ấm, do đó xuất tinh. Khi xuất tinh, vi trùng liền theo tinh khí ra ngoài. Nhờ thế, đứa trẻ dần dần lành bệnh, dứt hết

thống khổ. Từ đó trở đi, nó thường sử dụng phương pháp hành dâm nơi đường miệng, lâu ngày thành thói quen, do đó, nó cưỡng bức những bà vú nuôi khác để nó hành dâm nơi đường miệng.

Cậu ta có một người vợ, cô này suy nghĩ: "Chồng ta đã tập quen thói ấy, sẽ không cần đến ta nữa, vậy ta phải dùng phương tiện gì để ngăn chặn những chuyện xấu ấy". Thế rồi, cô khoác y, trùm lên mặt, để thân thể lõa lồ, đi đến chỗ mẹ chồng, lễ bái thưa hỏi mẹ. Mẹ chồng mắng: "Ngươi điên rồi sao? Tại sao làm như thế?". Cô đáp: "Không điên, chỉ vì con của đại gia (mẹ) bỏ con đường thông thường mà sử dụng đường miệng, cho nên con che miệng lại". Rồi cô trình bày đầy đủ sự việc trên cho mẹ chồng nghe.

Bấy giờ, trong cung ai nấy rỉ tai nhau, khiến mọi người ở ngoài đều hay biết cả. Do đó, nhiều người bắt chước hành dâm nơi đường miệng.

Biết việc như thế, các Bà-la-môn, cư sĩ ở thành Vương-xá, cùng đi đến chỗ Vua tâu: "Tâu Đại vương, trong nước hiện nay đang lưu hành một thói xấu. Vì sao miệng là chỗ ăn uống mà lại dùng làm sự bất tịnh (hành dâm)?".

Vua nghe lời tâu ấy, cho là việc không thể nào chấp nhận được, liền ra lệnh: "Từ nay trở đi, nếu ai làm việc đó, hoặc xúi kẻ khác làm, phải trị tội thật nặng".

Lúc này, Tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc, nên hỏi Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo hành dâm nơi đường miệng, có phạm Ba-la-di không?".

Phật dạy: "Cả hai đều phạm Ba-la-di".

Tôn giả lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo cùng Sa-di hành dâm nơi đường miệng, có phạm Ba-la-di không?".

Phật dạy: "Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, còn Sa-di thì đuổi đi".

Lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo cùng bạch y hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?".

Phật dạy: "Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, còn bạch y thì theo sự quy định của luật pháp thế gian".

Lại bạch Thế Tôn: "Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?".

Phật dạy: "Cả hai đều phạm Ba-la-di".

Tôn giả lại hỏi: "Bạch Thế Tôn! Nếu ngoại đạo xuất gia cùng Tỳ-kheo hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?".

Phật dạy: "Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nhưng ngoại đạo thì theo sự quy định của họ biết làm thế nào được!".

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 2

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

1. GIỚI DÂM DỤC (Phần còn lại)

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, như trên đã nói. Bấy giờ tại nước Uất-xà-ni có người vợ của một chàng thanh niên tính tình gian dâm, cùng giao hoan với người khác. Người chồng tức giận khiển trách trực tiếp nàng nhưng rồi nàng vẫn thế, nên anh ta muốn trừng phạt nghiêm khắc, song nàng vẫn không chịu bỏ. Người chồng rình lúc họ hành dâm, liền bắt cả hai đem lên trình với nhà Vua, và tâu: "Tâu Đại vương, người đàn bà này là kẻ bất lương đã cùng với ông này làm tình, xin Đại vương hãy trừng trị nghiêm khắc để ngăn ngừa về sau".

Khi ấy, nhà Vua vô cùng tức giận bèn ra lệnh quan Hữu ty chặt tay chân cô ta, rồi đem vứt ngoài nghĩa địa. Quan Hữu ty liền dẫn cô ta ra nghĩa địa, chặt tay chân, rồi bỏ nằm ngửa tại đó.

Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo đi qua nghĩa địa, thấy người phụ nữ ấy đang nằm lõa thể trên đất, vì thầy tư duy không chân chánh, nên phát sanh tưởng dục, bèn bảo người phụ nữ kia cùng làm việc ấy (hành dâm). Cô ta liền đáp: "Thân hình tôi như thế này mà có thể làm được việc ấy sao?".

Thầy Tỳ-kheo nói: "Có thể được". Cô ta bèn đồng ý, nên hai người cùng hành dâm. Sau khi xong việc, thầy Tỳ-kheo liền bỏ đi.

Lúc này, những bạn bè thân quyến của người phụ nữ ấy cùng bảo nhau ra nghĩa địa xem cô ta đã chết hay còn sống.

Thế rồi, họ cùng kéo nhau ra nghĩa địa, thấy cô ta bị chặt cả tay chân, đang nằm ngửa trên đất và trên thân còn dấu vết vừa mới hành dâm. Họ đều nổi giận bảo với cô: "Ngươi đang bị thống khổ, mà còn làm chuyện ấy, con người ta sao có thể vô liêm sĩ đến thế?".

Người phụ nữ ấy đáp: "Người ta đến cưỡng bức tôi, chớ không phải lỗi của tôi".

Họ bèn hỏi: "Kẻ cưỡng bức là ai vậy?".

Cô ta đáp: "Đó là Sa-môn giòng họ Thích".

Mọi người đều thất kinh lấy làm quái lạ bảo nhau: "Hạng Sa-môn Thích tử đối với một người đàn bà tàn phế thế này mà không từ bỏ, huống gì những người thân thể còn toàn vẹn. Chúng ta phải đề phòng gìn giữ, chớ để họ tới gần nhà. Đó là hạng

người bại hoại, nào có đạo đức gì".

Vị Tỳ-kheo kia, sau đó hối hận, nghi ngờ liền bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Này Tỳ-kheo! Thầy không nghe Ta chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Con biết Thế Tôn có chế giới nhưng tưởng là đối với người thân thể vẹn toàn, chứ còn người đàn bà này cụt tay chân".

Phật dạy: "Người đàn bà bị chặt một tay trái và một chân phải hay bị chặt một tay phải và một chân trái, nếu Tỳ-kheo hành dâm với họ, đều phạm Ba-la-di".

Lại nữa, khi Phật ở thành Vương-xá, như đã nói ở trên. Có một Tỳ-kheo tại tinh xá Kỳ-hoàn, sau khi ăn xong, vào trong rừng Khai Nhãn tọa thiền. Bấy giờ, tại rừng Khai Nhãn có một phụ nữ nổi cơn điên, nằm trên đất ngủ, gió thổi bay vạt áo, khiến thân thể lộ ra. Khi ấy, Tỳ-kheo không tư duy chân chánh, tâm dục phát khởi, liền hành dâm với người ấy. Khi hành dâm xong, liền hối hận, ngờ vực, bèn bạch đầy đủ việc ấy lên Thế Tôn. Phật liền bảo với Tỳ-kheo: "Ngươi không biết là Ta chế giới không được hành dâm sao?".

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Con có biết Phật chế giới, nhưng người phụ nữ này điên cuồng, nằm ngủ".

Phật dạy: "Hành dâm với phụ nữ điên cuồng nằm ngủ cũng phạm Ba-la-di".

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trước v.v... Lúc ấy có một người vợ của cư sĩ ở nhà cha mẹ lâu ngày, nhà chồng sai người đến báo tin nàng ấy phải về gấp. Nàng bèn làm các thức ăn đem theo, trên đường đi nàng trúng phải gió độc nên mạng vong. Nơi thành Tỳ-xá-ly này khí hậu ẩm thấp, người chết không thể để lâu ngày. Bấy giờ, những người thân quyến tập họp lại, họ bảo nhau phải đưa gấp tử thi đến nghĩa địa, kẻo để hư thối khiến người ta nhờm tởm. Nhưng khi rước tử thi, gặp mưa gió lớn, họ bèn đặt tử thi tại một chỗ, dùng cỏ phủ lên, định sáng hôm sau đem đi thiêu. Song, đêm đó mưa tạnh trời trong, trăng sáng, lúc ấy có một Tỳ-kheo đi tới nghĩa địa. Khi đến chỗ để tử thi, nghe mùi hương từ trong thân thể tử thi mới chết tỏa ra, ngỡ là người sống. Vị Tỳ-kheo này không chánh tư duy, tâm dục sinh khởi, liền hành dâm với tử thi. Khi hành dâm xong, thầy thấy chưa chán, bèn vác tử thi đem về trú xứ, tiếp tục hành dâm suốt đêm, đến sáng sớm, bèn đóng cửa, vào làng khất thực. Sáng sớm hôm ấy, thân quyến của người phụ nữ này, mang hương dầu, củi, lửa, định đem thiêu xác cô ta, nhưng họ tới chỗ cũ thì không thấy tử thi, lại cũng không thấy dấu vết gì do chim muông ăn cả. Họ tìm khắp mà không thấy, họ liền mở cửa thảo am của Tỳ-kheo thì thấy tử thi trong đó, và trên tử thi còn dấu vết vừa mới hành dâm. Thấy thế, họ liền bảo nhau:

"Quái lạ thay! Sa-môn Thích tử, người chết còn không tha, huống gì là người sống! Từ nay trở đi chúng ta cần phải phòng hộ, chớ để Sa-môn bước chân vào nhà. Những loại này là súc vật bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!".

Sau đó thầy Tỳ-kheo cảm thấy hối hận, ngờ vực, bèn bạch đầy đủ sự việc lên Thế Tôn. Phật dạy: "Này Tỳ-kheo! Thầy không biết là Ta chế giới không được hành dâm sao?".

Vị Tỳ-kheo đáp: "Con biết Phật có chế giới, nhưng đó là người đàn bà chết".

Phật dạy: "Hành dâm với người đàn bà chết cũng phạm Ba-la-di".

Có ba trường hợp thầy Tỳ-kheo hành dâm phạm Ba-la-di, đó là

hành dâm với người thức, người ngủ và người chết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo đang cư trú tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, rồi vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc ở trước chúng Tăng hòa hợp, giới yếu kém không trả giới, không ra khỏi (chúng Tăng) mà hành dâm, thậm chí hành dâm với súc dinh, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

(Phần duyên khởi của Ba-la-di đến đây là hết)

Giải thích:

Tỳ-kheo: Đã thọ Cụ túc, khéo thọ giới Cụ túc, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp, chứ không phải không hòa hợp, đáng khen ngợi, chớ không phải không đáng khen ngợi, đủ hai mươi tuổi, chứ không phải chưa đủ. Đó là Tỳ-kheo.

Thọ giới Cụ túc ở trước Tăng chúng hòa hợp: Nếu Tỳ-kheo lúc thọ Cụ túc khéo thọ Cụ túc tức là: Một lần bạch, Ba lần Yết-ma, không bị chướng pháp, (già nạn). Tăng chúng hòa hợp, không biệt chúng, đủ mười vị Tăng (Giới sư) hoặc hơn mười vị. Đó là Tỳ-kheo thọ giới Cụ túc ở giữa chúng Tăng hòa hợp.

Không trả giới: (Để rõ sự việc, trước hãy nói về "Trả giới")

Trả giới: Lúc vị Tỳ-kheo bị ưu sầu không vui, ý muốn bỏ pháp Sa-môn, không thích làm Tỳ-kheo, không ưa làm người con Phật, nói: "Tôi muốn làm Sa-di, tôi muốn làm ngoại đạo; tôi muốn làm người thế tục, hưởng thọ năm thứ dục lạc như xưa", rồi hướng vào một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, ngoại đạo, người xuất gia hoặc người thế tục tại gia nói: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ môn học, bỏ thuyết (giới), bỏ cộng trú, bỏ cộng lợi, bỏ Kinh Luận, bỏ Tỳ-kheo, bỏ Sa-môn, bỏ dòng họ Thích. Tôi không

phải Tỳ-kheo, không phải Sa-môn, không phải dòng họ Thích. Tôi là Sa-di, là ngoại đạo, là người thế tục, nay tôi sẽ thọ hưởng năm dục như trước". Đó gọi là trả giới.

Thế nào là bỏ Phật?

Bỏ Phật: Bỏ bậc Chánh giác, bỏ Đức tối thắng, bỏ Đấng Nhất thiết trí, bỏ bậc Thầy tất cả, bỏ bậc thấy không sót thứ gì, bỏ phụ thân của La-hầu-la, bỏ Đấng có thân như vàng ròng, bỏ bậc có ánh sáng viên mãn, bỏ ba mươi hai tướng, bỏ tám mươi tướng phụ tốt đẹp. Nếu xả bỏ mỗi mỗi danh hiệu Phật, đều gọi là bỏ Phật. Bỏ Phật như vậy, thì gọi là bỏ giới. Nhưng nếu nói bỏ Phật quá khứ, vị lai thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không nói bỏ Phật quá khứ, vị lai mà nói thẳng là bỏ Phật, đó gọi là bỏ giới. Hoặc nói: "Bỏ Phật-bích-chi", đó gọi là bỏ giới. Về quá khứ, vị lai giống như trường hợp bỏ Phật ở trên. Vả lại, tất cả các đệ tử xuất gia của hàng Lục sư ngoại đạo, họ cũng đều bảo có Phật. Nếu Tỳ-kheo thật sự muốn bỏ Phật ấy, rồi bảo tôi bỏ Phật, thì không gọi là bỏ giới nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Song nếu vì đùa cợt, nói: "Tôi bỏ Phật" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nhưng, nếu cuồng điên, nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ pháp?

Pháp là không thuộc vào ba đời, tướng của

pháp thường trụ, là Niết-bàn vô vi, lìa các phiền não, vĩnh viễn dứt sạch tất cả khổ não. Nếu nói tôi bỏ những pháp ấy, tức là bỏ giới. Nhưng nếu nói bỏ pháp quá khứ, vị lai, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nhưng, nếu không nói bỏ pháp quá khứ, vị lai mà nói thẳng là bỏ pháp, thì đó là bỏ giới. Tất cả ngoại đạo cũng đều có pháp. Nếu Tỳ-kheo thật sự muốn bỏ pháp này và nói rằng tôi bỏ pháp ấy, thì đó không gọi là bỏ giới. Nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa là mình bỏ pháp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ Tăng?

Tăng là đệ tử của Đức Thế Tôn, là các bậc hướng chánh, hướng trí, hướng pháp, hướng tùy thuận pháp hành, nghĩa là tứ song bát bối (bốn Hướng, bốn Quả), Tín thành tựu, Giới thành tựu, Văn thành tựu, Tam muội thành tựu, Tuệ thành tựu, Giải thoát thành tựu, Giải thoát tri kiến thành tựu, đáng được tôn kính, là phước điền vô thượng. Nếu Tỳ-kheo nói tôi bỏ Tăng như thế thì gọi là bỏ giới. Nhưng nếu nói tôi bỏ quá khứ, vị lai Tăng, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không nói quá khứ, vị lai Tăng mà nói thẳng là "bỏ Tăng", thì gọi là bỏ giới. Giống như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng thế. Nếu nói: "Tôi bỏ nhiều vị Tỳ-kheo" thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm

tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi bỏ nhiều Tỳ-kheo quá khứ, vị lai" thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nói bỏ nhiều Tỳ-kheo quá khứ, vị lai mà nói thẳng là "Tôi bỏ nhiều Tỳ-kheo" thì cũng không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Giống như nhiều Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo-ni cũng như thế. Nếu nói: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo" thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo quá khứ, vị lai" thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu không nói: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo quá khứ, vị lai", mà nói thẳng là: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo" thì cũng không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Giống như một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni cũng thế. Nếu nói: "Tôi bỏ Hòa thượng", đó gọi là bỏ giới. Những sai biệt giống như trường hợp bỏ Tăng đã nói ở trên. Nếu nói: "Tôi bỏ thầy (A-xà-lê)", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi bỏ thầy quá khứ, vị lai", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nói bỏ thầy quá khứ, vị lai" mà nói thẳng là bỏ thầy, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa là bỏ thầy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cuồng điên nói bậy bạ, thì không có tội.

Các hàng ngoại đạo cũng đều tự xưng là Tăng. Nếu Tỳ-kheo thực sự muốn bỏ hạng Tăng ấy, và nói: "Tôi bỏ ngoại đạo Tăng", thì không gọi là bỏ

giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: "Tôi bỏ Tăng", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì điên cuồng nói bậy bạ, thì không có tội.

Thế nào gọi là bỏ môn học?

Các môn học gồm ba thứ là: Giới học tăng thượng, Ý (tâm) học tăng thượng và Tuệ học tăng thượng.

Giới học tăng thượng: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, được thuyết minh rộng rãi hay đơn giản.

Ý học tăng thượng: Chín nấc thiền định (chánh thọ). Tuệ học tăng thượng: Bốn Thánh đế.

Các giới học tăng thượng, ý học tăng thượng và tuệ học tăng thượng ấy đều được gọi là các môn học. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ những môn học ấy", tức là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên. Thế gian mỗi ngành đều có môn học riêng, như công nghiệp, toán số, kỹ thuật v.v... đều gọi là môn học. Nếu Tỳ-kheo muốn bỏ những môn học ấy, và nói: "Tôi bỏ môn học đó", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc như ngoại đạo mỗi phái đều có một môn học riêng. Nếu Tỳ-kheo muốn bỏ những môn học đó vờ vĩnh nói: "Tôi bỏ các môn học ngoại đạo" thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: "Tôi bỏ môn học", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào gọi là bỏ thuyết (giới)?

Thuyết giới có ba trường hợp, hoặc thuyết giới vào ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trung gian thuyết giới (Bố-tát).

Ngày mười bốn là: Vào mùa Đông, Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Mùa Xuân, Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Mùa Hạ Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Đó là trong một năm có sáu lần Bố-tát vào ngày mười bốn. Ngoài ra, mười tám lần Bố-tát còn lại vào ngày mười lăm, cộng chung lại gồm có hai mươi bốn lần Bố-tát, và được gọi là Bố-tát ngày mười bốn, Bố-tát ngày mười lăm và trung gian Bố-tát. Khi Tỳ-kheo làm lễ Bố-tát, nếu Tăng không hòa hợp (nên không Bố-tát được) mà có một Tỳ-kheo xướng lên: "Đợi khi nào Tăng hòa hợp sẽ Bố-tát" (thì Tăng không phạm tội). Nếu không có một Tỳ-kheo nào xướng như thế, thì Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đến mười lăm ngày mà Tăng không hòa hợp thì đến ngày kế tiếp phải Bố-tát. Nếu ngày kế tiếp cũng không hòa hợp thì ngày thứ hai cho đến ngày thứ mười hai phải Bố-tát. Nếu ngày thứ mười hai cũng không hòa hợp thì đến ngày thứ mười ba phải Bố-tát. Nếu kỳ Bố-tát đó chỉ có mười bốn ngày, thì ngày thứ mười ba không được trung gian Bố-tát, mà phải dồn vào ngày mười bốn Bố-tát chung một lần. Ngày Bố-tát đó cũng gọi là trung gian Bố-tát, và cũng gọi là ngày Bố-tát chính thức. Nếu gặp tháng đủ (30 ngày), thì đến ngày thứ mười ba có thể làm trung gian Bố-tát khi mà Tăng chúng

hòa hợp. Nếu Tăng chúng bất hòa thì không được Bố-tát vào ngày thứ mười bốn mà để sang ngày thứ mười lăm Bố-tát luôn một lần. Lần Bố-tát này vừa gọi là trung gian Bố-tát, vừa gọi là chính thức Bố-tát. Vì sao vậy? Vì không được Bố-tát hai ngày liền nhau mà phải để cách một ngày Bố-tát. Đó gọi là trung gian Bố-tát. (Nếu trường hợp) đáng Bố-tát vào ngày thứ mười bốn thì không nên dời lại ngày mười lăm mới Bố-tát, trái lại đáng Bố-tát vào ngày thứ mười lăm thì cũng không được Bố-tát vào ngày mười bốn. Nhưng nếu có lý do chính đáng thì có thể Bố-tát được. Hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trung gian Bố-tát, đều gọi là thuyết (giới). Nếu nói rằng tôi bỏ sự thuyết giới ấy, thì gọi là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên.

Các hàng ngoại đạo khác cũng đều có sự thuyết giới. Nếu thật sự muốn bỏ sự thuyết giới ấy, giả vờ nói: "Tôi bỏ sự thuyết giới của ngoại đạo", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: "Tôi bỏ thuyết giới", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ cộng trú?

Cộng trú gồm có hai loại: Một là Cộng trú thanh tịnh. Hai là Cộng trú tương tợ.

Cộng trú thanh tịnh: Tăng chúng đều thanh tịnh, cùng nhau Bố-tát, đó gọi là Cộng trú thanh

tịnh.

Cộng trú tương tợ: Không thanh tịnh mà làm ra vẻ thanh tịnh để cùng với người thanh tịnh làm lễ Bố-tát, đó gọi là Cộng trú tương tợ. Hai loại Cộng trú thanh tịnh và Cộng trú tương tợ đều được gọi là cộng trụ. Nếu nói: "Tôi bỏ cộng trú", thì gọi là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên.

Các hàng ngoại đạo cũng có sự cộng trú. Nếu thật sự muốn bỏ sự cộng trú ấy, giả vờ nói: "Tôi bỏ sự cộng trú ấy", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: "Tôi bỏ cộng trú" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí điên cuồng nói bậy bạ: "Tôi bỏ cộng trú", thì không có tội.

Thế nào là bỏ cộng lợi?

Cộng lợi gồm có hai loại: Một là Pháp lợi. Hai là Y thực lợi.

Pháp lợi là: Thọ tụng, thưa hỏi.

Y thực lợi là: Cùng nhận một sự bố thí.

Pháp lợi và Y thực lợi này nói chung là Cộng lợi. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ những thứ lợi này" thì gọi là bỏ giới. Ngoài ra như bỏ Phật

đã nói rõ ở trên. Nếu nói: "Tôi bỏ Pháp lợi" tức là bỏ giới, nhưng nếu chỉ nói: "Tôi bỏ Y thực lợi", thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi bỏ Y thực lợi của quá khứ, vị lai", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các hàng ngoại đạo cũng có cộng lợi. Nếu thật

tình muốn bỏ thứ cộng này, giả vờ nói: "Tôi bỏ thứ cộng lợi kia", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: "Tôi bỏ cộng lợi" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì tâm trí cuồng điên nói bậy bạ: "Tôi bỏ cộng lợi", thì không có tội.

Thế nào là bỏ Kinh Luận?

Các Kinh Luận gồm có chín bộ loại. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ Kinh Luận này", thì gọi là bỏ giới. Nếu nói: "Tôi bỏ Kinh Luận quá khứ, vị lai", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dùng văn chương thi hóa lời Phật dạy để ngâm ca xướng tụng, rồi nói: "Tôi bỏ lời Phật dạy trong những xướng tụng ấy", thì gọi là bỏ giới.

Các hàng ngoại đạo cũng có Kinh Luận. Nếu thật sự muốn bỏ thứ Kinh Luận này, và nói: "Tôi bỏ Kinh Luận của họ" thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: "Tôi bỏ Kinh Luận", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí cuồng loạn nói bậy bạ: "Tôi bỏ Kinh Luận", thì không phạm tội.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ Phật, Phật bỏ tôi, tôi lìa Phật, Phật lìa tôi, tôi xa Phật, Phật xa tôi, tôi chán Phật, Phật chán tôi, tôi thôi Phật, Phật thôi tôi…" như vậy đều gọi là bỏ giới. Hoặc là bỏ Kinh Luận cũng như thế, đều gọi là bỏ giới.

Không phải bỏ giới: Nếu vì giận dữ, vì bốc đồng mà nói, hoặc nói một mình, hoặc nói mà

không rõ, hoặc nhân tranh luận hoặc tưởng tượng một mình mà nói, hoặc nói với người không hiểu, hoặc nói với người ngủ, hoặc nói với người điên, hoặc nói với người đang khổ não, hoặc nói với trẻ con, hoặc nói với phi nhân, hoặc nói với súc sinh v.v... nói trả giới trong những trường hợp như thế thì không gọi là bỏ giới.

Giới yếu kém: Người ấy suy nghĩ: "Chi bằng ta bỏ Phật, Pháp, Tăng, bỏ luôn Kinh Luận". Lại suy nghĩ: "Ta nên làm Sa-di, làm người thế tục, làm ngoại đạo". Người này tâm niệm, miệng nói, nhưng chưa quyết định hướng đến người khác nói, đó gọi là giới yếu kém. Nếu người này nói ra về giới yếu kém của mình, thì mỗi lời, mỗi lời đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc người ấy tâm niệm miệng nói: "Chi bằng ta bỏ Phật…" cho đến nói: "Chi bằng ta làm người thế tục như trước", lại nói: "Ta bỏ Phật là tốt nhất" cho đến nói: "Ta sống lại đời sống thế tục là tốt nhất", đó gọi là giới yếu kém. Nếu nói lên giới yếu kém của mình, thì mỗi lời, mỗi lời đều phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là giới yếu kém.

Hành dâm: Cùng với người nữ có sinh mệnh hành dâm tại ba chỗ (âm hộ, hậu môn và miệng), lúc bắt đầu, giai đoạn giữa và lúc cuối cảm thấy khoái lạc, đó gọi là sự hành dâm. Nếu Tỳ-kheo giới yếu kém, hành dâm thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung (với Tăng chúng). Nếu Tỳ-kheo

hành dâm với người phụ nữ đang sống hay chết, tại ba chỗ như trên, lúc đầu, giai đoạn giữa và lúc cuối cảm thấy khoái lạc thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc nếu hành dâm với loài phi nhân nữ, súc sinh cái trong các trường hợp như trên, cũng phạm tội như vậy, không được cùng sống chung (với Tăng chúng). Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người nam còn sống hay đã chết, loài phi nhân nam còn sống hay đã chết, loài súc sinh đực còn sống hay đã chết, tại hai chỗ (hậu môn và cửa miệng) và vào ba giai đoạn đầu, giữa và cuối cảm thấy khoái lạc thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người hoàng môn (lại cái) còn sống hay đã chết, loài phi nhân hoàng môn còn sống hay đã chết, loài súc sanh hoàng môn còn sống hay đã chết, tại hai chỗ, vào ba giai đoạn, mà cảm thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với thân con voi, ngựa đến thân con gà nhỏ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu... thân con voi nhỏ, cho đến thân con gà lớn, thì phạm tội Ba-la-di. Thế nên nói "Cho đến cùng với súc sinh phạm tội Ba-la-di".

Ba-la-di: Đối với chánh pháp tâm trí bị lui sụt, đọa lạc không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Như vậy là đối với các trí như vị trí, đẳng trí, tha tâm trí, khổ tập tận đạo trí, tận trí, vô sinh trí, đều bị lui sụt, đọa lạc, không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết-bàn bị lui sụt, đọa lạc, không chứng đạt được, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị lui sụt, đọa lạc, không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Những tội đã phạm không chịu phát lồ sám hối, nên gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đem tâm nhiễm ô để xem phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu mắt thấy họ, tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn như cả hai lõa thể chạm xúc nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu như nam căn đưa vào nữ căn, dù chỉ chạm nhau như hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu nam căn lớn, tuy đút vào nhưng chỉ ở ngoài mé nữ căn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Có những chúng sinh chỉ có một đường, vừa dùng để ăn uống, vừa để đại tiểu tiện, hoặc còn sống, hoặc là đã chết, nếu Tỳ-kheo hành dâm với họ mà cảm thấy lạc thú trong ba giai đoạn đầu, giữa và cuối, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân người nữ bị cắt dọc thành hai phần mà (Tỳ-kheo) hành dâm nơi mỗi phần, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đem buộc cho dính lại thành một rồi hành dâm, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân người nữ bị cắt làm ba phần: Thượng, trung, hạ, mà Tỳ-kheo đến hành dâm hai phần thượng và hạ thì phạm tội Ba-la-di. Nếu hành dâm ở phần trung thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu

hành dâm với thân của một người nữ bầm xanh, sình chương, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân ấy đã hư hoại, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thân ấy còn toàn vẹn nhưng đã phơi khô, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu đem dầu hay nước tẩm ướt làm cho tươi nhuận, nguyên vẹn, rồi hành dâm, thì phạm tội Ba-la-di. Còn như đem tẩm ướt mà rã ra rồi hành dâm, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Còn như hành dâm vào những đốt xương dính vào nhau đầy máu huyết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như hành dâm vào những đốt xương khô, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như hành dâm vào tượng phụ nữ bằng gỗ đá, hay bằng hình vẽ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo không nói trả giới, không nói không trả giới, hoặc vì giới yếu kém mà không nói trả giới, cũng không nói không trả giới, rồi làm người thế tục, thì tùy theo sự vi phạm mà như pháp trị tội, hoặc làm ngoại đạo cũng như thế.

Khi hành dâm nếu một người lõa thể, một người có y phục, hoặc cả hai cùng lõa thể, nếu nam căn vào trong nữ căn ngang mức bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không trả giới, hoặc vì giới yếu kém mà không cho ai biết, rồi mặc đồ thế tục và phạm tội, thì tùy theo sự vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo cưỡng dâm Tỳ-kheo-ni, thì Tỳ-

kheo phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni cảm thấy khoái lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo cảm thấy khoái lạc cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo cùng hành dâm với Tỳ-kheo, thì cả hai cùng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với Sa-di, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, và Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người thế tục, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, nhưng người thế tục không phạm. Đối với ngoại đạo cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo hành dâm với ba chủng loại: Người, phi nhân, súc sinh, với ba giới tính: Nữ, nam, hoàng môn, tại ba chỗ: Cửa miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: đang thức, lúc ngủ, hoặc thây chết, đều phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đang ngủ, điên cuồng hay nhập định mà có người nữ đến cưỡng dâm, rồi Tỳ-kheo hay biết và có khoái lạc trong ba giai đoạn đầu, giữa hay cuối, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đang ngủ hay nhập định mà có người nữ đến cưỡng dâm, Tỳ-kheo liền hay biết, nhưng lúc đầu không thấy khoái lạc, song lúc giữa và lúc cuối thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Giá như Tỳ-kheo lúc đầu, lúc giữa không thấy khoái lạc, nhưng lúc cuối thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Trái lại, nếu cả ba giai đoạn: Đầu, giữa và cuối đều không thấy khoái lạc thì không có tội.

Thế nào gọi là cảm thấy khoái lạc? Thế nào gọi là không cảm thấy khoái lạc?

Khoái lạc nghĩa là như người đói mà được các thức ăn ngon, vì người ấy xem thức ăn là khoái lạc nhất. Hoặc như người đang khát mà được các thức uống bổ dưỡng, vì người ấy xem thức uống là lạc thú nhất. Dục lạc (cái vui của nhục dục) cũng như thế.

Không cảm thấy khoái lạc nghĩa là: Ví như người đang sạch sẽ mà dùng các thứ xác chết buộc vào trên cổ, hoặc như phá vỡ mụt nhọt, hay bị thanh sắt nóng đốt thân; không thấy khoái lạc cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo hành dâm trong các trường hợp: Hoặc do mua dâm, hoặc do thuê bao, hoặc vì ân nghĩa mà được, hoặc do quen biết mà được, hoặc do đùa cợt mà được, hoặc do thách thức mà được... đều phạm tội Ba-la-di. Nếu vì tâm trí điên cuồng không hay biết, thì không có tội.

Thế nên nói:

-Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc trước chúng Tăng hòa hợp, không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi (Tăng chúng) mà hành dâm, thậm chí hành dâm với súc sinh thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

(Giải thích Giới thứ nhất đến đây là hết).

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại thành Tỳ-xá-ly. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng xế độ nửa thân người, ngày mười hai tháng thứ năm của mùa Đông, sáu năm sau khi thành đạo, vì Trưởng lão Da-xá con của Ca-lan-đà mà chế giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

---

2. GIỚI TRỘM CẮP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên... Bấy giờ, con của người thợ gốm là Trưởng lão Đạt-nị-già (Sudinna) đi quyên góp về xây cất tăng phòng cao lớn, trang nghiêm đẹp đẽ, rồi điêu khắc, chạm trổ văn vẻ, lại dùng dầu thơm rưới lên nền có màu sắc lưu ly, và bày biện các thức ẩm thực.

Bây giờ có vị Trưởng lão Tỳ-kheo đến, hỏi Đạt-nị-già: "Trưởng lão bao nhiêu tuổi?". Đạt-nị-già đáp: "Tuổi chừng đó". Khách Tỳ-kheo nói: "Thầy còn nhỏ, tôi nên ở trong phòng này". Thế rồi Đạt-nị-già nhường phòng lại cho Thượng tọa ở rồi đi khuyến hóa về cất một căn phòng thứ hai. Lại một Trưởng lão Tỳ-kheo khác đến, thầy cũng nhường phòng như trước, rồi đi quyên góp xây cất căn phòng thứ ba. Lần này cũng có một Trưởng lão Tỳ-

kheo khác đến, và thầy cũng nhường phòng như hai lần trước.

Khi ấy, Đạt-nị-già suy nghĩ: "Ta trải bao gian khổ xây phòng, nhưng không được ở, vậy ta phải tìm cây gỗ và nhân công ở đâu để xây lại căn phòng khác? Ta bị mưa gió nóng lạnh, muỗi ruồi làm khốn đốn, nên tìm cách xây được căn phòng vừa mới hoàn thành, thì kẻ khác đã chực sẵn như mèo rình chuột, vừa làm xong là đoạt mất. Vậy phải làm sao đây?". Bèn suy nghĩ: "Ta vốn là thợ khéo, lại có sức lực, ta nên xây một căn phòng bằng gạch trên tảng đá đen bên hang núi của các vị Tiên nhân, rồi nung cho chín để ở". Khi Đạt-nị-già suy nghĩ thế rồi, bèn xây một căn phòng bằng gạch trên tảng đá đen bên hang núi các Tiên nhân, rồi nung chín thành ngôi nhà, đồng thời chạm trổ và đặt các cánh cửa, chỉ trừ cánh cửa, then cửa và giá áo, ngoài ra các cái khác đều được nung chín, màu sắc đỏ au như Ưu-đàm-bát.

Lúc này, sau cơn mưa trời tạnh. Đức Thế Tôn đang đi kinh hành bên triền núi Kỳ-xà-quật. Với Phật nhãn Đức Như Lai không việc gì chẳng thấy, không có sự gì chẳng nghe, không có điều gì chẳng biết, vì nhân duyên ấy, Ngài muốn thuyết Khế kinh để cho giới luật được tồn tại lâu dài. Do đó tuy biết, Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Trên tảng đá đen bên hang núi của các Tiên nhân, có vật gì giống như hoa Ưu-đàm-bát vậy?".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đạt-nị-già trước kia đi khuyến hóa về làm tăng phòng rồi điêu khắc chạm trổ cực kỳ trang nghiêm, khi hoàn thành thì có vị Thượng tọa đến chiếm lấy, thầy bèn làm cái thứ hai, thứ ba, lại cũng bị chiếm lấy như trước. Thế nên, giờ đây thầy mới xây riêng một căn phòng bằng ngói nung chín có màu sắc đẹp đẽ như hoa Ưu-đàm-bát trên tảng đá đen, bên hang núi của Tiên nhân".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn bảo A-nan đem y đến cho Ngài, A-nan liền đem y dâng lên Đức Như Lai. Thế rồi, Thế Tôn khoác y, đi đến chỗ tảng đá đen bên hang núi của các Tiên nhân. Vì Đức Thế Tôn đã thành tựu tối thắng các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi (nên thoạt hiện một cách tự nhiên) không cần phải dụng tâm. Vì sao vậy? Vì công đức của hạnh nghiệp tự nhiên thù thắng nên chư Thiên, Phạm vương không thể sánh bằng, như trong kinh Oai Nghi đã mô tả đầy đủ. Lúc này, Đức Thế Tôn dùng oai nghi thù thắng đi đến căn phòng gạch của Đạt-nị-già . Thiên thần bèn làm cho cánh cửa tự mở, tuy căn phòng nhỏ hẹp, nhưng Đức Như Lai đi vào tự nhiên, không thấy nhỏ hẹp chút nào. Khi Đức Như Lai vào phòng của Đạt-nị-già xong, bèn dùng bàn tay vàng sờ vào vách tường, nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy xem Tỳ-kheo Đạt-nị-già đã trang hoàng căn phòng này thật khéo léo. Tỳ-kheo Đạt-nị-già này tuy đã xuất gia mà vẫn chưa

chán nghề nghiệp thuở trước, chưa chịu từ bỏ những kỹ thuật khéo léo, lại còn nung đốt căn phòng làm thương tổn chúng sinh. Vả lại căn phòng gạch này khi lạnh thì rất lạnh, khi nóng thì rất nóng, có thể làm hư mắt người ta, khiến người ta sinh nhiều bệnh. Vì có những điều bất tiện như thế, nên các thầy phải phá nó đi, chớ để sau này các Tỳ-kheo lại bắt chước làm kiểu phòng ấy. Vì đời vị lai các Tỳ-kheo sẽ bảo: "Khi Thế Tôn còn tại thế, các Tỳ-kheo mỗi người tự làm phòng để ở, do đó cần phải phá bỏ". Thế rồi các Tỳ-kheo bèn đập bỏ căn phòng ấy.

Đức Thế Tôn sai đập bỏ căn phòng ấy xong, liền trở về núi Kỳ-xà-quật.

Khi Trưởng lão Tỳ-kheo Đạt-nị-già từ thôn xóm khất thực trở về, thấy căn phòng mình đã bị đập phá, bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Ai phá căn phòng này?".

Lúc ấy có một Tỳ-kheo nói với Đạt-nị-già: "Nay thầy được lợi ích rất lớn. Vì sao vậy? Vì Đức Như Lai đã hạ cố đến căn phòng này, thầy nhờ căn phòng này mà được hưởng phước lây. Đức Thế Tôn biết thời, nên đã sai người đập phá căn phòng này".

Khi Đạt-nị-già nghe như thế, thầy hoan hỷ cực độ, nên suốt cả bảy ngày quên hết đói khát. Nhưng sau bảy ngày, thầy liền suy nghĩ: "Ta biết tìm cây

gỗ ở đâu để xây lại căn phòng mới, viên quan kiểm lâm của Vua Bình-sa là Da-thâu-đà vốn là bạn cũ của ta, ắt có cây gỗ". Nghĩ thế thầy bèn khoác y thường mặc, cầm bát đi đến nhà Da-thâu-đà, ủy lạo: "Ông không bệnh, Trường-thọ chứ? Tôi muốn cất một căn phòng mà chưa có cây gỗ, ông có thể ủng hộ cây gỗ được không?".

Viên Đại thần đáp: "Nhà tôi không có cây, mà cây của Vua cũng hết cả, khi nào gỗ chở đến tôi sẽ cấp cho thầy".

Đạt-nị-già liền nói: "Chớ nói như thế, lẽ nào cây của Vua mà lại hết được?".

Viên Đại thần lại nói: "Tôn giả, nếu thầy không tin, hãy thân hành đến xem".

Bấy giờ Đạt-nị-già liền đến chỗ vườn cây, trông thấy năm cây gỗ lớn, bèn chọn lấy hai cây đem về làm phòng. Theo phép cũ của tiên vương, cứ năm ngày Vua phải đi tuần hành quan sát kho lẫm, kho chứa vàng bạc, nơi cung nhân cư trú, các chuồng voi ngựa, nhà để xe cộ, kế tiếp đi đến nơi cất các cây gỗ, Vua thấy thiếu mất hai cây liền hỏi Da-thâu-đà: "Các cây gỗ vì sao thiếu mất hai cây ?".

Da-thâu-đà đáp: "Tâu Đại vương! Tất cả đều còn chứ đâu có thiếu".

Như vậy Vua đi tuần hành lần thứ hai, lần thứ ba, đều hỏi Da-thâu-đà vì sao thiếu mất hai cây gỗ,

nhưng Da-thâu-đà đều tâu với Vua còn đủ chứ không có thiếu. Vua liền nổi giận nói: "Chẳng phải ngươi đã đốt cây gỗ của ta sao? Hay là đã đem gỗ của ta cho nước địch?".

Liền ra lệnh quan Hữu ty bắt trói Da-thâu-đà. Da-thâu-đà bị bắt trói liền suy nghĩ: "Gần đây Tôn giả Đạt-nị-già từng đến xin cây mà không có, hay đã lấy đi chăng?". Ông liền sai người tín cẩn đến hỏi Đạt-nị-già: "Thưa Tôn giả, thầy từng đến xin cây, vậy thầy có lấy hai cây gỗ kia đi chăng?".

Tôn giả đáp: "Có lấy đi".

Da-thâu-đà lại sai sứ giả đến bạch với Tôn giả: "Vì tôi để mất cây gỗ nên bị bắt giam vào ngục, Tôn giả hãy dùng phương tiện gì biện bạch khỏi phạm lỗi để tôi sớm ra khỏi lao tù".

Đạt-nị-già liền thông báo lại: "Ông chỉ cần tâu với Vua là trước đây Tỳ-kheo Đạt-nị-già có đến tôi xin cây, hay là ông ta đã lấy đi, xin hãy ra lệnh tra xét".

Vua liền sai sứ gọi Đạt-nị-già, Đạt-nị-già bèn đến triều khuyết. Trưởng lão Đạt-nị-già vốn là người đoan nghiêm, dung nghi thanh nhã, trời, người đều tôn kính, nên Vua vừa trông thấy đã hoan hỷ, bèn hỏi thầy: "Tôn giả Đạt-nị-già, thầy không lấy hai cây gỗ của trẫm đấy chứ?".

Tôn giả đáp: "Tôi có lấy".

Vua hỏi: "Tôn giả, vì sao người xuất gia mà lấy

của người ta không cho?”.

Đạt-nị-già nói: “Đại vương trước kia đã hứa cho chứ không phải không cho”.

Vua hỏi: “Ai cho?”.

Đáp: “Đại vương chứ ai?”

Vua nói: “Thưa Tôn giả! Trẫm là Vua một nước nhiều việc bận rộn nên không nhớ được, xin thầy nhắc lại, thế nào là hứa cho?”.

Đạt-nị-già nói: “Đại vương không nhớ khi mới lên ngôi, các quan Đại thần trong triều tập họp lại, đi lấy nước của các ao hồ sông suối đem về rưới lên các mầm cây và dược thảo, lại đổ nước ấy trong ngà voi trắng, đem rót trên đầu Đại vương, tôn Đại vương lên ngôi báu. Lúc ấy chính từ miệng Đại vương tuyên bố: “Nay trẫm là Vua, tất cả cây cỏ, nước non trong xứ đều bố thí Sa-môn Bà-la-môn”. Đó là Vua đã cho chứ không phải không cho”.

Vua nói: “Tôn giả! Trẫm cho những vật trong nước không có người gìn giữ, chứ không phải cho những vật có người gìn giữ. Sao thầy dám xuyên tạc những lời trước kia, ngụy biện, vu khống ta”.

Thế rồi, Vua hạ lệnh thả Da-thâu-đà ra. Những Bà-la-môn và thiện nam tín nữ trong nước đều hoan hỷ, nói: “Lành thay! Tôn giả Đạt-nị-già đã dùng phương tiện trí tuệ khéo léo đáp Đại vương mà thoát khỏi tội hôm nay. Vua lại còn hạ lệnh cho Da-thâu-đà an ổn ra khỏi lao ngục”.

Khi ấy, tại thành Vương-xá, những kẻ không tin pháp Phật đều oán hận bảo: "Vì sao ông Sa-môn Đạt-nị-già này lại tráo trở, ngụy biện lừa dối nhà Vua để khỏi mắc tội? E rằng từ nay trở đi những cây cối trong nhà của chúng ta cũng sẽ bị ông ta lấy đem đi, rồi bảo trước kia Vua đã hứa cho. Phải làm sao đây? Đó là kẻ đồi bại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo liền đem những lời dị nghị ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Tỳ-kheo Đạt-nị-già đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi: "Có thật thầy lấy cây gỗ của nhà Vua chăng?".

Đáp: "Có lấy thật!".

Phật nói: "Thầy là người xuất gia, vì sao vật của người ta không cho mà lấy?".

Đạt-nị-già đáp: "Bạch Thế Tôn! Trước kia nhà Vua có hứa cho chứ không phải không hứa cho".

Phật hỏi: "Vua cho thế nào?".

Đạt-nị-già đáp: "Lúc Vua mới lên ngôi, chính miệng Vua tuyên bố: Những nước non cây cỏ trong quốc độ, trẫm bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn. Đó là hứa cho chứ không phải không hứa cho".

Phật bảo: "Ngươi là người ngu, Vua cho vật không có người giữ, chứ không phải cho vật có người giữ. Nay những cây gỗ của Vua có người giữ vì sao bảo là cho? Đạt-nị-già, thầy há không nghe Ta dùng nhiều nhân duyên khiển trách trường hợp

không cho mà lấy, và khen ngợi các trường hợp cho rồi mới lấy đó sao? Vì sao nay thầy lại lấy của không cho? Đạt-nị-già, đây là điều phi pháp, phi luật, chẳng phải điều Ta dạy, việc này không thể làm tăng thêm pháp thiện được".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo Đạt-nị-già này lần đầu tiên phạm tội không cho mà lấy?".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ông Đạt-nị-già này không những ngày nay đầu tiên phạm tội không cho mà lấy, mà trong đời quá khứ cũng đã từng phạm tội không cho mà lấy đầu tiên".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Đã từng có thế sao?".

Phật nói: "Đúng như thế. Trong thời quá khứ, lúc thế giới này đến thời kiếp tận, các chúng sinh sanh lên cõi trời Quang Âm. Khi thế giới hoàn thành, chư Thiên cõi Quang Âm xuống lại thế gian. Lúc ấy, chư Thiên đi lại trên hư không lấy niềm vui thiền định làm thức ăn, du hành đây đó, sống đời khoái lạc, thuần thiện, ánh sáng của thân thể chói rọi lẫn nhau, không cần đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Khi ấy chúng sinh không có ngày đêm, mặt trời, mặt trăng và năm tháng thời tiết. Khi nước vừa rút thì vị đất liền sinh như vị cam lồ của cõi trời. Bấy giờ có một chúng sinh thô tháo tham trước mùi vị, nếm vị đất đó thấy có mùi thơm ngon

lành, tâm liền sanh tham đắm. Các chúng sinh khác bắt chước nếm thử cũng cảm thấy ngon lành, nên cùng lấy ăn. Ăn rồi thân thể nặng nề, mất hết thần thông, ánh sáng tắt ngúm. Do đó, thế gian mới có mặt trời, mặt trăng, tối sáng, năm tháng, thời tiết.

Bấy giờ, chúng sinh chẳng phải nam, chẳng phải nữ, nhưng ăn vị đất lâu ngày hình sắc thành ra sai khác. Những ai ăn nhiều thì sắc thân thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc thân đoan chánh. Khi ấy, những kẻ đoan chánh tự cho mình hơn người, thấy kẻ thô xấu khinh họ không bằng mình, ỷ mình đoan chánh nên sinh ra kiêu mạn. Vì sinh tội kiêu mạn, nên vị đất biến mất. Thế rồi, đất sinh ra váng mùi vị như mật nguyên chất. Lúc này, các chúng sinh đều kinh hãi than: Vì sao vị đất bỗng nhiên biến mất, bèn cùng nhau ăn váng đất, những ai ăn nhiều thì hình sắc thô xấu, còn những kẻ ăn ít thì thân sắc đoan chánh. Rồi những kẻ đoan chánh tăng thêm kiêu mạn. Vì thế váng đất lại biến mất. Khi váng đất đã biến mất, đất lại sinh ra loại nấm, vị như đường phèn. Những ai ăn nhiều thì xấu xí, những kẻ ăn ít thì đẹp đẽ, lại cũng như trước, người đoan chánh sinh kiêu mạn càng nhiều. Do thế, nấm đất lại bỗng nhiên biến mất và đất tự nhiên hóa sinh lúa nếp. Loại lúa nếp này lấy rồi lại có, không hề tăng giảm, lấy buổi mai, buổi chiều lại có, lấy buổi chiều, buổi mai có lại.

Các Tỳ-kheo nên biết! Khi chúng sinh thấy

váng đất biến mất liền sinh sầu não, giống như kẻ trượng phu bị sầu não bức bách. Mặc dù bị sầu não bức bách, nhưng họ không biết là tội lỗi do mình. Thế rồi chúng sinh lại ăn loại lúa nếp tự nhiên ấy. Ăn lúa nếp lâu ngày dần dần sinh ra thân hình nam nữ, rồi nhiễm trước nhau, khởi lên dâm dục, thành ra vợ chồng. Các chúng sinh khác thấy thế giận dữ đánh đập, ném đá, nguyền rủa: "Vì sao thế gian bỗng sinh ra điều phi pháp? Việc ấy không phải là pháp được sinh lên trời. Từ nay trở đi phải tu pháp thiện để được sinh lên trời".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Khi ấy, những chúng sinh làm điều phi pháp cảm thấy hổ thẹn, ô uế, ẩn thân, không xuất đầu lộ diện, hoặc một ngày, hai ngày cho đến một tháng. Vì thế, họ xây cất phòng ốc để che khuất kín đáo mà làm điều phi pháp. Lúc ấy, chúng sinh bèn suy nghĩ: "Vì sao chúng ta phải lao khổ suốt ngày, chi bằng buổi sớm ta lấy lúa về dùng cho cả ngày mai". Thế rồi, ngày mai có chúng sinh khác đến rủ người ấy cùng đi lấy lúa, thì người ấy đáp: "Hôm qua tôi đã lấy luôn phần hôm nay rồi". Kẻ kia nói: "Đó quả là điều tốt". Rồi bắt chước lấy một lần cho cả mười ngày, hai mươi ngày, một tháng, hai tháng. Vì lòng tham tích trữ, nên lúa nếp sinh ra trấu cám, chỗ nào buổi mai gặt thì buổi chiều không sinh lại.

Khi đó, chúng sinh bèn hội họp lại bảo nhau: "Chúng ta ngày xưa đều tự nhiên bay đi, lấy niềm

vui thiền định làm thức ăn, khoái lạc, an ổn, rồi chúng ta ăn vị đất, nhưng lúc ấy trong chúng sinh chưa có pháp ác. Đến khi pháp ác sinh khởi thì vị đất biến mất, và sinh ra váng đất. Váng đất sinh ra có hương vị thơm ngon. Tiếp đến đất sinh ra nấm, rồi lại sinh ra lúa nếp vẫn còn thơm ngon. Ngày nay chúng ta phải lập ra định chế, chia những đám ruộng lúa ra thành bờ ngăn rồi giao cho nhau: Phần này thuộc về tôi, phần kia thuộc về bạn". Nhưng có một chúng sinh suy nghĩ thế này: "Nếu ta tự lấy phần mình thì không bao lâu sẽ hết, vậy ta hãy lấy một ít phần của người để phần của ta còn được lâu dài". Những chúng sinh khác thấy chúng sinh này lấy của không cho,

liền nói với y: "Vì sao vật người ta không cho mà ngươi lại lấy? Chớ có làm thế nữa". Nhưng chúng sinh ấy vẫn lấy, không thôi, chúng sinh kia bắt gặp y lấy trộm đến lần thứ ba liền bảo: "Vì sao chúng sinh lại có kẻ trộm cắp cho đến lần thứ ba? Từ nay trở đi, nếu ngươi còn trộm cắp thì phải bị trừng phạt". Thế nhưng y vẫn không chừa. Người kia bắt được liền dùng roi gậy đánh y thật đau, y bị ăn đòn, bèn kêu lớn: "Vì sao thế gian lại có pháp ác này, khiến chúng sinh này dùng gậy đánh chúng sinh kia?". Khi ấy người đánh liền ném gậy xuống đất và cũng kêu lớn lên: "Vì sao thế gian lại có thứ pháp ác ấy? Do đâu có người lấy vật mà người ta không cho, và càng nói càng không biết xấu hổ?".

Từ đó thế gian có ba pháp ác xuất hiện, đó là:

Không cho mà lấy.

Nói dối.

Dùng gậy đánh người.

Đó là ba pháp ác xuất hiện sớm nhất.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Khi ấy, chúng sinh lấy của không cho đầu tiên nào phải ai khác mà chính là Tỳ-kheo Đạt-nị-già con người thợ gốm này đây. Ông Đạt-nị-già này từ quá khứ lấy của không cho đầu tiên, ngày nay ở trong chánh pháp của Ta, lại cũng là người đầu tiên lấy của không cho".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì sao Tỳ-kheo Đạt-nị-già này mang ân Thế Tôn được khoác áo cà-sa khiến Vua Bình-sa thấy thầy liền thả đi?".

Phật dạy: "Đúng thế. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Đạt-nị-già đây không những ngày nay nhờ khoác áo cà-sa của Ta nên thoát khỏi tội mà trong thời quá khứ cũng đã từng mang ơn Ta mới được độ thoát. Đó là: Về đời quá khứ, bên bờ đại hải có một cây Viên-bà-lợi, trên cây có con chim cánh vàng (Kim-sí-điểu) to lớn, hai cánh cách nhau tới một trăm năm mươi do-tuần. Cách sống của chim cánh vàng là dùng rồng làm thức ăn. Khi muốn ăn thịt rồng trước hết nó dùng đôi cánh quạt mạnh trên biển, khiến nước hai bên vẹt ra, thân rồng xuất

hiện, liền bắt lấy ăn thịt. Theo truyền thống của loài rồng là sợ chim cánh vàng, nên thường tìm áo cà-sa treo ở trước cửa cung. Chim thấy áo cà-sa sinh lòng cung kính, nên không tiến vào bắt ăn các loài rồng ấy. Bấy giờ, con chim đó dùng cánh quạt nước biển, thấy được rồng muốn ăn thịt. Con rồng rất kinh hãi liền dùng chiếc cà-sa khoác lên đỉnh đầu, lên bờ chạy trốn. Lúc đó nó hóa ra hình người, con chim cánh vàng hóa ra hình Bà-la-môn đuổi theo con rồng đó và mắng: "Sao ngươi không chịu vứt cà-sa đi?". Con rồng đó sợ chết, giữ chặt chiếc áo cà-sa, dù chết cũng không chịu bỏ.

Bấy giờ, trên hải đảo có vị Tiên nhân cư trú, nơi đây có hoa trái sum suê, lúc đó con rồng quá sợ hãi mà không có chỗ nào nương tựa, liền chạy đến chỗ cư trú của Tiên nhân. Vị Tiên nhân này có uy đức lớn nên chim cánh vàng không dám bay vào mà từ xa hướng đến Tiên nhân đọc kệ:

Con rồng ác nghiệt kia
Giờ biến thành thân người
Sợ chết, cầu thoát thân
Mà chạy vào trong đó.
Vì đức hạnh Tiên nhân
Ta phải nhịn đói khát
Thà chịu mất thân mạng
Không dám ăn rồng này.

Lúc ấy, Tiên nhân suy nghĩ: "Ai đọc kệ đó nhỉ?". Liền đứng dậy bước ra xem, thấy con rồng

kia bị chim cánh vàng rượt đuổi, bèn đọc kệ đáp chim cánh vàng:

Mong ngươi được Trường-thọ
Thường hưởng thiên cam lồ
Nhịn đói không ăn rồng
Vì lòng kính trọng ta.

Khi đó, chim cánh vàng nhờ uy đức của Tiên nhân liền hết đói khát. Thế rồi, Tiên nhân nói với chim cánh vàng: "Vì ngươi phạm giới nên mới mang thân chim này, nay lại muốn sát sinh, ắt phải đọa địa ngục (nói rõ mười điều ác cho đến tà kiến). Như vậy, mỗi mỗi đều phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và A-tu-la. Nay ngươi nên cùng với con rồng này sám hối để sau này không thù oán nhau nữa". Chúng liền sám hối. Sám hối xong mỗi con đều trở về chỗ cũ.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Thuở ấy vị Tiên nhân kia nào phải ai khác mà chính là Ta đây. Con chim cánh vàng là Vua Bình-sa, con rồng là Tỳ-kheo Đạt-nị-già, Tỳ-kheo Đạt-nị-già này ngày xưa nhờ áo cà-sa của Ta mà thoát nạn chim cánh vàng, ngày nay cũng lại nhờ áo cà-sa của Ta mà thoát khỏi vương nạn".

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Vì sao Vua Bình-sa thấy Tỳ-kheo Đạt-nị-già liền thả cho đi?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày

nay mà xưa kia đã từng có vậy".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?".

Phật dạy: "Đúng thế. Trong thời quá khứ có một vị Vua khéo giáo hóa người và vật khiến chúng lìa xa thù oán, ngũ cốc phồn vinh, dân chúng an lạc, sống có tiết nghĩa ân tình, nhân đức hiếu thuận, bố thí, giữ giới. Bấy giờ, trong nước ấy có tên thợ săn voi, nhà y nghèo cùng, lại sinh nhiều con, các con y xúm nhau đòi ăn, đòi uống. Khi ấy, vợ người thợ săn bảo chồng: "Nhà ta nghèo khổ cơ hàn thế này, sao ông không siêng năng làm ăn?".

Thợ săn trả lời: "Bà muốn tôi làm việc gì?".

Người vợ đáp: "Vì sao không siêng năng làm nghề của ông cha?".

Khi ấy, người thợ săn bèn chuẩn bị lương thực mang theo dụng cụ săn bắn, đến bên núi Tuyết Sơn. Bấy giờ, ở chân núi có con voi trắng sáu ngà, vốn là một con voi có trí tuệ, liền suy nghĩ: "Vì lý do gì mà người ta muốn giết hại ta? Tại vì muốn lấy ngà nên họ mới giết ta?". Lúc ấy, con voi này khi tổ tiên chết, nó nhặt lấy ngà đem cất tại một chỗ, đến khi cha chết nó lại lấy ngà đem cất cùng chỗ, rồi tách khỏi đàn voi, thong thả đi kiếm ăn. Bấy giờ, người thợ săn lần lượt đi săn bắn, qua các núi rừng, rồi đến chỗ voi. Voi thấy thợ săn liền khởi suy nghĩ: "Kẻ trượng phu kia là ai mà lại đến đây,

há chẳng phải là thợ săn muốn đến giết ta sao?”. Liền đưa vòi lên tỏ ý vời gọi thợ săn.

Thợ săn vốn là người hiểu rõ tướng voi, nên nghĩ: “Nếu ta không đến nó ắt hại ta”, liền đến chỗ voi, voi liền hỏi: “Ngươi đến đây cầu việc gì?”. Thợ săn bèn nói ý mình với nó. Voi liền nói: “Nếu ngươi không đến đây nữa, ta sẽ cung cấp cho ngươi những gì ngươi cần”. Thợ săn liền đáp: “Nếu ta được những gì cần thiết, ta còn không muốn ra khỏi cửa, huống gì đến đây”. Bấy giờ, voi liền đem ngà của tổ tiên ra cho thợ săn. Thợ săn nhận được rồi, hoan hỷ trở về cố quốc. Thế rồi y liền suy nghĩ: “Ta đem số ngà voi này về lo việc ăn mặc cho vợ con ắt chẳng được bao lâu, ta nên tìm chỗ vắng vẻ mà ở để hưởng thụ một mình. Nếu ta khỏe mạnh sẽ có vợ con. Thế rồi một buổi sáng y cần có năm tiền, bèn mang số ngà voi kia đến một quán rượu.

Khi chủ quán thấy y đi đến, liền suy nghĩ: “Người này từ đâu đến vậy? Hôm nay ta ắt được một ít lợi lộc”, bèn sửa giường nệm để đợi người vác ngà voi kia đến, rồi mời y ngồi. Thừa lúc y đang đói khát, chủ quán liền chuốc rượu cho say, say rồi bèn bắt ghi sổ nợ, số rượu thì rất ít mà số nợ thì rất nhiều.

Ngày hôm sau tỉnh cơn say, y lại đòi rượu, chủ quán rượu liền nói:

“Vì sao ông còn đòi nữa? Hình như ông chưa

hiểu, vậy chúng ta hãy cùng nhau tính sổ, nếu còn thừa tiền tôi sẽ đưa rượu". Nhưng khi tính toán xong, không còn dư một đồng ten. Anh ta bèn suy nghĩ: "Ta biết tìm đâu để có được tiền? Hay là ta lại vào núi giết con voi ấy".

Rồi y trở vào núi đến chỗ voi ở, con voi thấy tên thợ săn, liền hỏi: "Vì sao ông còn đến đây?".

Người thợ săn bèn nói rõ ý mình với voi. Voi liền hỏi: "Những thứ tôi đưa ông lúc trước, giờ đây đâu rồi?".

Y đáp: "Vì tôi vô trí sinh ra phóng dật, nên đã dùng hết".

Voi nói: "Nếu ông không còn phóng dật nữa, tôi sẽ cho ông". Thợ săn đáp: "Tôi đã hối hận việc làm trước đây, lẽ nào còn tái phạm nữa. Nếu voi cho tôi lần nữa, tôi sẽ không ra khỏi cửa".

Voi lại đem số ngà của cha ra cho y. Thợ săn liền mang ngà voi về nước và cũng đem dùng bừa bãi hết sạch như trước, rồi suy nghĩ: "Ta phải giết con voi ấy, lần này tới đó đừng để nó thấy ta".

Vào tháng cuối xuân khí trời nóng bức con voi ấy xuống ao tắm, tắm xong lên bờ, đang nằm nghỉ mát dưới gốc cây, trước dàn voi. Bấy giờ, thợ săn bèn dùng tên có tẩm thuốc độc bắn con voi ấy, trúng vào vai nó, máu chảy thấm vào mắt. Con voi ngẩng đầu lên xem thử tên từ đâu đến, liền thấy tên thợ săn, bèn từ xa trách y: "Ngươi là quân tệ ác,

lòng dạ phản phúc, sức ta giờ đây có thể giết ngươi, nhưng vì kính trọng cà-sa nên ta không giết", bèn gọi thợ săn: "Người hãy đến nhanh cắt lấy ngà ta". Rồi dùng thân che chở tên thợ săn ấy không để những con voi khác làm hại.

Lúc ấy, trong rừng có một thiên thần, đọc kệ:

Trong không lìa si ám.
Ngoài giả mặc cà-sa.
Lòng ôm ấp độc hại,
Không đáng mặc cà-sa.
Thiền định trong vô tướng
Vĩnh viễn diệt phiền não.
Nội tâm thường vắng lặng
Mới đáng mặc cà-sa.

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Con voi chúa thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Vua Bình-sa ngày nay. Còn người thợ săn ngày nay là Tỳ-kheo Đạt-nị-già này đây. Vua Bình-sa vì tôn kính cà-sa nên đã tha thứ người thợ săn ấy. Ngày nay lại vì Đạt-nị-già khoác y cà-sa nên không bắt tội".

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Vua Bình-sa này thấy Đạt-nị-già uy nghi tề chỉnh, không khởi tâm ác?".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vua Bình-sa này không chỉ có ngày nay mới quý trọng uy nghi, không khởi tâm ác mà ngày xưa đã từng có".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã

từng có vậy sao?".

Phật dạy: "Đúng như vậy. Trong thời quá khứ có một vì Vua khéo giáo hóa dân chúng và mọi vật xa lìa sự thù oán, trong nước ngũ cốc phồn thịnh, dân chúng an lạc, sống có tiết nghĩa ân tình, nhân đức, hiếu từ, bố thí, giữ giới. thương yêu khắp người vật. Nhà Vua có một thớt voi tên là Đại Thân, hung ác khó điều phục, uy danh vang khắp xa gần. Khi ấy, các nước địch không nước nào đương cự nổi, nếu có chỗ nào phải chinh phạt thì quân giặc bị đánh tan tành. Nếu có kẻ nào vi phạm vương pháp đều khiến con voi này dùng chân chà chết. Vì Vua có voi ấy nên ỷ lại không sợ. (Nhưng một hôm) chuồng voi bị hư voi liền phóng chạy đến bên cạnh một Tinh xá trông thấy các Tỳ-kheo uy nghi tề chỉnh, lại nghe lời tụng kinh: "Sát sinh chịu khổ, không giết được phước". Voi nghe lời kinh ấy, tâm trở nên nhu thuận. Bấy giờ, có kẻ phạm pháp đáng tội chết, Vua ra lệnh quan Hữu ty khiến voi chà chết. Nhưng voi dùng mũi ngửi tội nhân Ba lần mà không có tâm giết hại. Viên quan giám sát liền đem việc ấy tâu lên Vua: "Voi thấy tội nhân chỉ dùng mũi ngửi mà hoàn toàn không có ý giết hại".

Vua nghe lời ấy rất lấy làm ưu sầu, bèn hỏi lại viên quan kia: "Voi làm như thế thật sao?".

Vị ấy đáp: "Thật như thế!".

Vua liền mời các Đại thần đến họp bàn việc ấy. Đại thần tập họp xong, Vua nói với họ: "Nay ta làm Vua, không ai thắng nổi, chính là nhờ con voi này, nay bỗng nhiên nó lại như thế, phải làm sao đây?".

Bấy giờ, các Đại thần bèn gọi người quản tượng đến hỏi: "Gần đây, chuồng voi bị hư, voi đi đến nơi nào?". Người quản tượng đáp: "Đến tại tinh xá". Các Đại thần vốn thông minh, đoán: "Con voi này thấy các Tỳ-kheo, ắt được nghe kinh pháp, tâm ý nhu hòa, không muốn sát sinh", bèn bảo tên quản tượng làm các nhà đánh bạc, lò sát sinh, nhà tù bên cạnh chuồng voi, để voi ở gần các nhà ấy. Thế rồi, voi thấy người đánh bạc thì mở to mắt, múa tay, cất tiếng kêu lớn, thấy kẻ đồ tể thì tàn sát súc vật, thấy chủ ngục thì tra khảo kìm kẹp. Voi thấy thế rồi, tâm ác sinh trở lại, nên khi Vua bỏ tội nhân vào chuồng, voi liền chà chết. Lúc ấy, chư Thiên liền nói kệ:

"Voi thấy thiện giới Luật,
Và nghe điều tội phước
Tâm thiện ngày đêm tăng
Ác hạnh dần tiêu diệt
Gần gũi các nghiệp ác,
Tâm trước khởi trở lại,
Chỉ có bậc minh trí
Thẳng tiến không lùi bước".

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Con voi lớn thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Vua Bình-sa.

Vua Bình-sa trong đời trước từng thấy Tỳ-kheo uy nghi tề chỉnh, lòng sinh yêu mến hoan hỷ, nay thấy Đạt-nị-già uy nghi tề chỉnh, lòng rất hoan hỷ nên không hỏi tội. Khi ấy, Đạt-nị-già liền suy nghĩ: "Ta làm căn phòng thứ nhất Thượng tọa đến chiếm lấy, đuổi ta ra đi, đến căn phòng thứ hai, thứ ba ta cũng bị đuổi đi, sau đó ta xây căn phòng bằng gạch nung thì Thế Tôn sai người đập phá. Ta lại lấy cây gỗ của Vua đem về làm nhà, lại bị Đức Thế Tôn khiển trách đủ điều. Thật là uổng công gian khổ, chẳng được việc gì! Từ nay trở đi ta chấm dứt việc lao khổ này, nương vào chúng Tăng , vui khổ qua ngày".

Thế rồi Đạt-nị-già tập hạnh vô sự, ngày đêm tinh thành chuyên tu đạo nghiệp, được các thiền định, thành tựu đạo quả, đắc sáu thần thông, biết mình đã chứng, lòng đầy phấn khích, Đạt-nị-già nói kệ an ủi mình:

"Muốn hưởng niềm vui thiền,
Phải tu pháp Sa-môn.
Giữ thân mạng tịnh chỉ
Như rắn vào hang chuột.
Muốn hưởng niềm vui thiền,
Phải tu pháp Sa-môn.
Y thực cần cho mình,
Xấu tốt tùy theo chúng.
Muốn hưởng niềm vui thiền
Phải tu pháp Sa-môn.

Nhất thiết phải tri túc
Chuyên tu đạo Niết-bàn”.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy bảo các Tỳ-kheo xung quanh thành Vương-xá tập họp hết về đây, dù cho những ai đã nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo lấy của mà người ta không cho thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Vương-xá (nói rộng như trên) có một Tỳ-kheo, đến giờ liền khoác y, cầm bát vào thành tìm y phấn tảo, nhưng tìm khắp thành Vương-xá mà không được rồi đến ven sông tìm cũng không được, cuối cùng đến chỗ giặt y để tìm. Khi ấy, người thợ giặt, giặt áo xong, liền đến một chỗ khuất nói chuyện với người khác.

Bấy giờ, Tỳ-kheo đến chỗ phơi áo, có một người đàn ông khác trông thấy bèn nói với người thợ giặt: “Người xuất gia kia muốn lấy áo của ông đấy”. Thợ giặt hỏi: “Người xuất gia ấy theo đạo nào?”.

Đáp: “Xuất gia theo dòng họ Thích”.

Người thợ giặt nói: “Khỏi lo, Sa-môn con dòng họ Thích hễ của người ta không cho thì không lấy”. Trong chốc lát, Tỳ-kheo bèn lấy áo ấy. Và người đàn ông kia lại nói với người thợ giặt: “Sa-môn đã lấy áo của ông rồi”.

Người thợ giặt cũng vẫn đáp như trước: "Khỏi lo, Sa-môn con dòng họ Thích hễ của người ta không cho thì không lấy".

Khi ấy, thầy Tỳ-kheo bèn kẹp những chiếc áo đó mang đi. Người đàn ông kia lại nói với người thợ giặt: "Sa-môn con dòng họ Thích đã đem áo đi rồi".

Người thợ giặt liền đi tới xem, thì than ôi! Quả thật thầy đã lấy mang đi, bèn chạy theo gọi: "Tôn giả, Tôn giả, áo ấy là của Vua, của Đại thần kia, của trưởng giả nọ, cái nào cũng có chủ cả, xin Tôn giả chớ mang đi".

Tỳ-kheo cố ý mang đi, không chịu bỏ lại.

Người thợ giặt liền mắng: "Kẻ Sa-môn có hành vi bại hoại, nếu không trả áo cho ta, ta sẽ trị ngươi như vậy, như vậy đó".

Tỳ-kheo cầm áo về đến trú xứ, mở cửa, để áo lên giường, đóng cửa, ngồi thiền.

Bấy giờ, người thợ giặt mang theo năm thứ tro đi vào Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo khác đang đi kinh hành trước cửa tinh xá Kỳ-hoàn, hoặc đang tịnh tọa tư duy liền hỏi người thợ giặt: "Vì sao ông kêu la om sòm như thế?". Người thợ giặt đáp: "Hôm nay tôi bị mất áo, vì sao lại hỏi tôi vô cớ kêu la lớn tiếng?".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Ai lấy áo của ông đem đi".

Y đáp: "Người xuất gia".

Họ bèn hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?"

Y đáp: "Dòng họ Thích".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Mang đến nơi nào?".

Người thợ giặt đáp: "Vào trong phòng này".

Các Tỳ-kheo liền đến phòng đó, dùng tay gõ cửa, gọi: "Trưởng lão hãy mở cửa".

Nhưng vị Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, khỏe mạnh, liền bẻ cửa bước vào. Thầy Tỳ-kheo trộm áo cảm thấy hổ thẹn, cúi đầu không nói. Thế rồi thầy Tỳ-kheo trẻ bèn vào giường lấy các chiếc áo đem ra, đếm số áo đó, rồi hỏi người thợ giặt có đúng với số áo của anh mất hay không, thì anh đáp là đúng và trả cho anh. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với người thợ giặt: "Trong hàng xuất gia có nhiều loại người, ví như bàn tay có năm ngón không đều, nhiều họ xuất gia làm sao đồng nhất được. Ông là người hiền lành tốt bụng, chớ nên loan truyền với người khác. Chúng tôi sẽ bạch việc này lên Thế Tôn".

Khi ấy, người thợ giặt bèn nói: "Sa-môn dòng họ Thích có thế lực của Vua chúa, thế lực của Bà-la-môn, trưởng giả, trước đây tôi chỉ sợ mất hết các áo này, bây giờ đã lấy lại được, còn nói với ai làm gì".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo kia đến, và họ đã gọi đến. Rồi Phật hỏi thầy: "Ông có thật

như vậy chăng?".

Thầy đáp: "Thật như vậy, bạch Thế Tôn!".

Phật bảo thầy: "Ông không nghe Ta chế giới không được trộm cắp hay sao?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con tưởng rằng chỉ cấm nơi thành ấp thôn xóm, chứ không biết là cấm cả những nơi hoang vắng".

Phật nói: "Kẻ ngu kia, lấy vật không cho ở trong làng xóm và lấy vật không cho ở nơi hoang vắng, khác nhau chỗ nào? Đây là việc làm phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để làm tăng thêm pháp thiện".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao người thợ giặt ấy không tin người khác để bị thầy Tỳ-kheo kia lừa gạt".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Người thợ giặt ấy không những đời này không tin (người khác) mà trong đời quá khứ cũng đã không tin".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như thế sao?". Phật dạy: "Đúng như thế. Trong đời quá khứ có hai Bà-la-môn đến Nam Thiên trúc học kinh luận của ngoại đạo, học xong trở về nước. Trên đường trở về, họ đi qua vùng hoang dã nơi đồng cỏ dê ăn, thấy hai con dê đực đang húc nhau giữa đường, phép giao đấu của loài dê

là tiến tới rồi lùi lại. Khi ấy, người đi đầu vì ngu si, cả tin, bèn nói với người bạn đi sau: "Hãy xem hai con dê đực kia vốn là loài thú bốn chân mà cũng biết lễ nhượng, thấy ta là Bà-la-môn trì giới, đa văn, nên từ từ nhường bước, mở đường". Người bạn đi sau nói: "Này Bà-la-môn, ông đừng coi thường, tin bậy mà bảo loài dê có tình hữu nghị. Đó không phải là nó kính trọng mở đường tránh ta, mà vì pháp giao đấu của dê là tiến tới rồi lại lùi".

Người đi trước không tin lời ấy, nên bị dê húc phải, làm thương tích hai đầu gối, nằm lăn quay trên đất, bất tỉnh, áo mũ bị rách nát tả tơi. Lúc ấy, có vị Thiên đọc kệ như sau:

"Y phục rách tả tơi,
Bị thương nằm bất động.
Người ngu chuốc họa này,
Là do tin mù quáng".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thuở ấy, người Bà-la-môn đi đầu nào phải ai khác đâu mà chính là người mất áo hôm nay. Còn người Bà-la-môn đi sau thuở ấy chính là người đàn ông báo tin kia. Con dê đực thuở ấy nay chính là Tỳ-kheo trộm áo. Người mất áo vì trước kia không tin nên bị dê húc, nay cũng không tin nên lại mất áo, ngày xưa đã không tin lời nói của người đi sau, nay tuy chân thành thông báo lại cũng không tin".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống

xung quanh thành Xá-vệ đều phải tập họp lại, những ai nghe rồi, cũng phải nghe lại nữa: "Nếu Tỳ-kheo ở nơi xóm làng, chỗ vắng vẻ, của người ta không

cho mà lấy trộm đủ số (quy định) thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung (với Tăng chúng)".

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 3

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

2. GIỚI: TRỘM CẮP (Phần còn lại)

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Vương-xá, nói rộng như trên, phép trị người có tội trong thời tổ tiên của Vua Bình-sa như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì dùng tay tát vào đầu để nghiêm trị, kẻ ấy sẽ thấy xấu hổ chẳng khác gì sắp chết, về sau không dám tái phạm.

Đến đời ông nội của Vua, phép trừng trị kẻ ăn trộm như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì bắt đứng một chỗ, dùng tro rắc chung quanh, một lát thì thả đi, kẻ trộm đó sẽ rất xấu hổ chẳng khác gì người chết, về sau không tái phạm.

Đến đời phụ vương của Vua, phép trị tội kẻ ăn trộm như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì đuổi ra khỏi thành, kẻ

trộm sẽ lấy làm xấu hổ như người chết không khác, về sau không dám tái phạm nữa.

Còn phép trị tội của Vua Bình-sa như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì đuổi ra khỏi nước, lấy đó làm điều răn đe.

Bấy giờ, có kẻ trộm đã bị trục xuất bảy lần, nhưng y vẫn trở lại cướp của giết người nơi các thành ấp. Khi ấy, có người bắt được y trói lại, đem đến Vua, tâu với Vua: "Tên trộm này đã bị trục xuất bảy lần, nhưng vẫn trở lại cướp của giết người tại các thành ấp, xin Đại vương hãy nghiêm trị thật nặng"

Vua nói với vị Đại thần ấy: "Đem tên trộm này đi, tùy theo tội mà trừng trị".

Vị Đại thần bèn tâu: "Thôi đi, thôi đi Đại vương. Đại vương hãy tự trị tội y, chớ giao cho hạ thần. Hạ thần sao dám chuyên quyền qua mặt Đại vương. Mệnh lệnh của Đại vương giờ đây vẫn được tôn trọng, phép

trừng trị phát xuất từ Đại vương, hãy còn lâu dài".

Vua nói: "Hãy đem hắn ra chặt ngón tay út đi".

Quan Hữu ty vâng lệnh liền cấp tốc đem tội nhân ra chặt ngón tay út của hắn, vì sợ Vua sẽ sinh hối hận. Khi ấy, Vua liền cắn thử ngón tay mình bèn cảm thấy đau đớn không chịu nổi, liền sai người đến truyền lệnh cho Đại thần: "Chớ chặt

ngón tay của hắn".

Vị Đại thần bèn trả lời với Vua: "Đã chặt ngón tay của hắn rồi". Vua rất hối hận, âu sầu, liền tự nghĩ: "Ta nay chính là vị pháp vương cuối cùng, chứ chẳng phải là vị pháp vương đầu tiên. Phàm làm Vua thì phải lo nghĩ đến dân chúng và muôn loài, chứ lẽ nào làm Vua

người ta mà lại chặt tay người ta".

Thế rồi, Vua Bình-sa ra lệnh cấp tốc chuẩn bị xa giá đi đến Thế Tôn. Đến nơi, Vua đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Phép trị những kẻ có tội của tằng tổ trẫm là dùng tay tát vào đầu, lần hồi trải qua các đời Vua cho đến đời của trẫm, thì pháp ác mỗi ngày mỗi gia tăng, chánh lệnh dần dần suy giảm. Trẫm may mắn được làm Vua, lại làm thương tổn đến thân người, tự trách mình vô đạo, thấy hổ thẹn, sợ hãi cực độ".

Phật hỏi: "Đại vương! Theo phép nước thì kẻ ăn trộm bao nhiêu tiền bị tội tử hình? Ăn trộm bao nhiêu tiền thì bị trục xuất ra khỏi nước? Ăn trộm bao nhiêu tiền thì dùng đến hình phạt roi gậy?".

Bấy giờ, Vua Bình-sa bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Cứ một Kế-lợi-sa-bàn là mười chín tiền chia làm bốn phần, nếu ăn trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì đáng tội tử hình".

Khi ấy, Đức Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp

giảng dạy cho Vua Bình-sa, khiến Vua được lợi ích, hoan hỷ, những mối hối hận phiền muộn liền trừ diệt, Vua bèn lễ Phật, rồi từ biệt.

Vua đi không lâu sau đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tòa mà ngồi, rồi nói với các Tỳ-kheo: "Vừa rồi Vua Bình-sa đến chỗ Ta, đảnh lễ Ta rồi ngồi sang một bên, bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn! Phép trị tội của tằng tổ trẫm là dùng tay tát vào đầu tội nhân, và chánh lệnh giáo hóa được kế thừa cho đến đời của trẫm". Ta liền hỏi nhà Vua: "Đại vương, ăn trộm bao nhiêu tiền thì đáng tội chết? Cho đến ăn trộm bao nhiêu thì bị hình phạt roi gậy?". Vua nói: "Cứ một Kế-lợi-sa-bàn là mười chín tiền, trong mười chín tiền chia là bốn phần, nếu ăn trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì đáng tội tử hình". Ta vì Vua Bình-sa tùy thuận thuyết pháp, sau khi nghe pháp, nhà Vua đã hoan hỷ, từ giã ra đi. Này các Tỳ-kheo! Từ nay phải biết: Cứ mười chín

đồng tiền xưa được gọi là một Kế-lợi-sa-bàn, chia một Kế-lợi-sa-bàn ra làm bốn phần, nếu lấy trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì phạm tội Ba-la-di".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Vua Bình-sa sợ tội đến như thế?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Vua Bình-sa không những đời này sợ tội như vậy, mà trong đời quá

khứ cũng đã từng sợ tội".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?".

Phật dạy: "Đúng như vậy! Trong đời quá khứ có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Khi ấy, có một vị Vua tên là Danh Xưng. Dân chúng trong nước lúc bấy giờ đều dùng những kỹ thuật khéo léo để sinh sống như kỹ nhạc, ca xướng, hoặc dùng các dụng cụ để trang sức như vàng bạc, châu báu vòng hoa anh lạc, hoặc điều khiển voi ngựa và làm các đạo thuật, thứ gì cũng khéo léo, không gì là không tinh xảo, dùng những phương tiện ấy làm kế sinh sống. Nếu kẻ nào không biết những kỹ thuật khéo léo, thì được xem là người ngu. Hoặc có kẻ nào ăn trộm cũng được gọi là người ngu si. Bấy giờ, có một người ăn trộm, dân chúng biết được, trói y đem lên Vua, thưa: "Tâu Đại vương! Kẻ này làm việc ngu si, xin Đại vương trừng trị hắn". Vua nói: "Thôi đi, thôi đi, người đời kẻ thì mất của, kẻ thì ăn trộm, lẽ nào ta lại thêm việc ác nữa". Thế rồi Vua suy nghĩ: "Ta dùng phương tiện gì đây để chỉnh đốn quốc pháp, khiến cho quần thần không biết (việc này), pháp ác không sinh khởi?". Vua lại suy nghĩ: "Từ xưa đến nay, giờ đây mới có người ngu. Những người ngu không đến ngàn người. Ta phải sai kẻ hầu cận đem người ngu này giao lại cho một vị Đại thần và bảo khi nào đủ ngàn người ngu, sẽ bảo lại cho ta hay, ta sẽ mở một

đại hội". Viên Đại thần ấy bèn nhận lấy người ngu, rồi giam vào một chỗ. Liền sau đó, Vua suy nghĩ: "Kẻ ngu si kia chưa chết đói chăng?", liền bảo quan Đại thần dẫn kẻ ngu đến, lại nhắc nhở ông: "Phải khéo trông nom người này chớ để cho y đau ốm, đem y vào sống trong vườn Vô ưu của ta, rồi cung cấp các thứ ngũ dục âm nhạc tiêu khiển". Viên Đại thần tuân chỉ, đối xử với người ngu ấy như những gì Vua đã căn dặn.

Lúc ấy, lại có một kẻ ngu khác nghe Vua bắt được một người ngu, rồi đưa vào an trí trong vườn Vô ưu, cung cấp các thứ kỹ nhạc, bèn dẫn thân đến chỗ quan viên Đại thần thưa: "Tôi là kẻ ngu si". Viên Đại thần vì muốn tuân thủ mệnh lệnh của Vua, liền đưa y vào trong vườn Vô ưu. Làm như vậy không bao lâu thì đã đủ số ngàn người. Viên Đại thần liền tâu lên nhà Vua: "Những kẻ ngu nay đã được ngàn người, bệ hạ muốn làm gì thì hãy làm gấp". Vua nghe lời tâu ấy rất đỗi ưu sầu, tự nhủ: "Từ xưa lại đây lâu xa lắm mới có một kẻ ngu si, vì sao ngày nay trong thời gian không lâu mà đã có cả ngàn người, hay là đời mạt thế pháp ác tăng trưởng?". Thế rồi, Vua ra lệnh quần thần quét dọn, đốt hương, treo cờ phướn, lọng báu, sửa soạn các thức ẩm thực ngon lành tại vườn Vô ưu. Các bề tôi bèn tuân lệnh làm đầy đủ các việc mà Vua đã ban truyền. Khi ấy, Vua cùng các quan, mười tám bộ chúng du hành đến vườn Vô ưu. Đến nơi, an tọa

xong, Vua hỏi các quan: "Những người ngu nay ở đâu hãy gọi cả đến đây". Những người ngu đều đến đầy đủ. Vua thấy những người ngu sống lâu trong vườn quần áo dơ bẩn, móng tay dài, tóc rối, liền ra lệnh các quan: "Dẫn những người ngu này đi tắm rửa, thay quần áo mới, hớt tóc, cắt móng tay, rồi mới dẫn đến đây". Khi họ đã trở lại, Vua liền ban các thức ăn uống, đem cho của cải và các thứ cần thiết, rồi truyền lệnh: "Các ngươi hãy trở về nhà lo cung cấp cho cha mẹ, siêng lo nghiệp nhà, chớ có ăn trộm nữa". Bấy giờ, những người ngu nghe Vua truyền lệnh, đều hoan hỷ phụng hành. Thế rồi, nhà Vua ấy bèn đem ngôi báu truyền lại cho thái tử, xuất gia, vào núi, học pháp của Tiên nhân. Khi ấy, nhà Vua đọc kệ:

"Xưa tìm ngàn người ngu,
Mở đại hội khó được.
Vì sao chẳng bao lâu,
Đã đủ số ngàn người?
Pháp ác ngày đêm tăng
Đại hội từ nay thôi.
Muốn lìa xa kẻ ác
Giờ đây nên xuất gia".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Quốc vương Danh Xưng thuở ấy đâu phải người nào khác mà chính là Vua Bình-sa ngày nay vậy. Vua Bình-sa từ xưa đến nay thường sợ tội báo, ngày nay làm Vua lại tiếp tục sợ tội".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Vua Bình-sa ra lệnh thi hành rồi, phút chốc lại hối hận?".

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Vua Bình-sa này không những ngày nay ra lệnh thi hành rồi liền hối hận, mà trong đời quá khứ cũng đã từng hối hận".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như thế sao?". Phật dạy: "Đúng như vậy. Trong đời quá khứ, có một người Bà-la-môn không có tiền của, lấy nghề ăn xin để nuôi sống. Vợ người Bà-la-môn này không sinh con, nhưng trong nhà có con trùng Na-câu-la (?) sinh được một con. Vì không có con nên người Bà-la-môn này xem (243c) con của Na-câu-la như con trai của mình, đồng thời con của Na-câu-la cũng xem ông Bà-la-môn như cha mình.

Bấy giờ, ông Bà-la-môn đến chơi nhà người khác, nếu được sữa, bơ và bánh thịt đều đem về nhà cho Na-câu-la. Sau đó vợ ông bỗng nhiên mang thai, khi đủ mười tháng liền sanh một con trai, bèn suy nghĩ: "Có lẽ nhờ Na-câu-la sinh ra đứa con tốt lành (Cát tường) nên ta mới có con". Khi ấy, Bà-la-môn muốn đi khất thực, bèn bảo vợ: "Nếu bà có đi đâu, phải đem con theo, cẩn thận chớ để nó ở nhà". Người vợ Bà-la-môn cho con ăn xong bèn đến nhà láng giềng mượn cối giã gạo. Lúc ấy, đứa con bà ăn tô lạc có mùi hương thơm, nên một con rắn độc đánh hơi bò đến, hả miệng

nhả độc, muốn giết đứa bé. Na-câu-la liền suy nghĩ: "Cha ta đã ra đi, mẹ ta cũng không có ở nhà, thế mà con rắn độc này lại muốn giết em ta, bèn đọc kệ:

"Độc xà, Na-câu-la
Chim bay và chim kêu Sa-môn,
Bà-la-môn Mẹ kế, con đời trước
Thường mang lòng ganh ghét,
Muốn hãm hại lẫn nhau".

Khi ấy, Na-câu-la liền giết rắn độc, chặt làm bảy khúc, rồi suy nghĩ: "Nay ta giết rắn để em được sống, cha mẹ biết được ắt khen thưởng ta, rồi lấy máu bôi lên miệng ra đứng chờ ngoài cửa, mong rằng cha mẹ thấy thì sẽ rất vui mừng".

Lúc này, ông Bà-la-môn đang trên đường trở về, từ xa trông thấy bà vợ ở nhà hàng xóm, bèn nổi giận mắng: "Ta đã bảo bà có đi đâu thì đem con theo, vì sao lại đi một mình?".

Rồi ông định vào nhà, thì thấy trong miệng Na-câu-la có máu, liền tự nghĩ: "Vợ chồng ta đi vắng, Na-câu-la ở nhà đã bắt giết con ta ăn thịt rồi chăng?", bèn nổi giận nói: "Uổng công ta nuôi đồ súc vật này, đến nỗi bị nó làm hại", liền sấn đến dùng gậy đập chết Na-câu-la. Đoạn bước vào trong nhà, thì thấy đứa con trai đang mút tay vui đùa, lại thấy bên cạnh nó bảy khúc thân con rắn độc. Thấy sự việc như thế, ông rất ưu sầu, hối hận, bèn tự thống trách mình: "Na-câu-la này rất có nhân tình,

đã cứu mạng con ta, mà ta không xem xét cẩn thận, lại đập chết nó, thật đáng xót thương. Thế rồi, ông nằm lăn quay trên đất bất tỉnh. Lúc ấy có vị thiên nhân đang ở trên không trung đọc kệ:

"Nên quan sát cẩn thận,
Chớ nổi giận bốc đồng
Lìa bạn tốt đáng yêu,
Hại oan người lương thiện
Ví như Bà-la-môn
Giết Na-câu-la nọ".

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Người Bà-la-môn thuở ấy đâu phải ai khác mà chính là Vua Bình-sa. Ngày xưa ông đã từng làm việc khinh suất rồi sau lại hối hận, ngày nay cũng lại như vậy". Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo đang sống xung quanh thành Vương-xá phải tập họp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi, cũng phải nghe lại, bèn chế giới như sau:

"Nếu Tỳ-kheo ở trong xóm làng hoặc nơi vắng vẻ mà lấy vật người ta không cho, bị Vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc tẫn xuất, nói: "Ôi nam tử! Ngươi là kẻ trộm chăng? Là kẻ ngu si chăng?". Tỳ-kheo ăn trộm như vậy thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

(Giới thứ hai (trộm cắp) đến đây là hết)

Giải thích:

Tỳ-kheo: Là người đã thọ giới Cụ túc, đã khéo thọ giới Cụ túc, tuổi đủ hai mươi, không bị các già

nạn, thọ giới trước mười vị thầy (thập sư) hay hơn mười vị, trải qua một lần tác bạch và Ba lần yết-ma. Đó gọi là Tỳ-kheo.

Xóm làng: (Tụ-lạc) là nơi có những bờ tường vây quanh hoặc có những hàng rào, bờ sông, kinh đào vây quanh.

Xóm làng còn có nghĩa: Vùng đất thả bò, khu đất trẻ em vui chơi, bãi đậu xe, chỗ bò nằm nghỉ, nới có từ bốn căn hộ và một chỗ chất củi cũng gọi là xóm làng.

Chỗ đất trống: (không địa): Chỗ đất trống là nơi ở ngoài bờ tường, ngoài thiền viện, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Ranh giới của xóm làng: Không xa chỗ ở, nơi đường cái người ta đi lại, gọi là ranh giới của xóm làng, như ở bên ngoài bờ đê, hào mương, hàng rào, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Vùng đất thả bò: Ở ngoài xa ranh giới của nhà cửa xóm làng, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Những công viên trẻ em vui chơi: Là chỗ ở rất xa bãi xe, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là vùng đất trống.

Bãi đậu xe (doanh xa Tụ-lạc): Những bãi đậu xe cách xa xóm làng, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Chỗ bò nằm nghỉ (ngưu miên Tụ-lạc): Ở bên ngoài rất xa nhà cửa, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Xóm làng có từ bốn ngôi nhà và một chỗ để củi: Chỗ cách nhà cửa rất xa, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Không cho: Hoặc là nam, hoặc là nữ, hoặc là kẻ hoàng môn phi nam phi nữ, hoặc là cư sĩ, hoặc người xuất gia, dùng tâm trộm cắp để lấy vật mà người ta không cho, thì tùy theo vật lấy trộm... Các vật ấy có tám loại:

Thời dược (thuốc dùng đúng thời).

Dạ phần dược (thuốc dùng ban đêm).

Thất nhật dược (thuốc dùng trong vòng bảy ngày).

Tận hình dược (thuốc dùng suốt đời).

Tùy vật (vật tùy thân).

Trọng vật (vật quan trọng).

Bất tịnh vật (vật không thanh tịnh).

Tịnh bất tịnh vật (vật vừa thanh tịnh vừa không thanh tịnh). Đó gọi là tám vật.

Lấy: Nghĩa là cầm vật dời khỏi chỗ cũ, đó gọi là lấy.

Tùy theo ăn trộm: Không giống như mười sáu trường hợp giám hộ, chẳng hạn lấy trộm của nhà Vua một món tiền nhỏ để mua dưa ăn mà bị Vua bắt giết. Vì Vua không có phép nhất định mà tùy

theo ý mình, hoặc ăn trộm chút ít mà bị giết, hoặc ăn trộm nhiều mà không bị giết. Như trường hợp Đức Thế Tôn hỏi về pháp của Vua Bình-sa sau đây: "Đại vương trị nước, ăn trộm chừng bao nhiêu tiền thì bị tử hình? Bao nhiêu tiền thì bị trục xuất? Bao nhiêu tiền thì bị đánh khảo?".

Vua Bình-sa trả lời Phật: "Cứ mười chín tiền là một kế-lợi-sa-bàn, một kế-lợi-sa-bàn chia làm bốn phần, nếu lấy một phần, hay hơn một phần, thì đáng tội chết. Nay tùy theo mức độ ăn trộm mà lấy đó làm chuẩn".

Vua: Nghĩa là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ nhận chức làm Vua.

Vua bắt: Vua sai người bắt, hoặc họ nắm tay, hoặc nắm các chỗ khác, thì gọi là bắt.

Giết: Kết liễu mạng sống thì gọi là giết.

Hoặc giam: Hoặc giam trong nhà, hoặc giam trong thành, hoặc giam trong thôn, hoặc gông cùm, hoặc xiềng xích, thì gọi là giam.

Tẫn xuất: Trục xuất ra khỏi xóm làng, trục xuất ra khỏi thành thị, trục xuất ra khỏi nước, thì gọi là tẫn xuất.

Than ôi, kẻ nam tử: Nếu Tỳ-kheo bị những lời khiển trách như: Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ si mê, ngươi là kẻ ngu muội, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Ba-la-di: Nghĩa là đối với giáo pháp, tâm trí bị

lui sụt, đọa lạc, không được đạo quả. Đó gọi là Ba-la-di. Như vậy cho đến tận trí, vô sinh trí, đối với các trí ấy bị lui sụt, đọa lạc, không được đạo quả, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với đạo quả Niết-bàn bị lui sụt, đọa lạc, không chứng đắc, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Vi phạm giới không lấy trộm, lui sụt, đọa lạc, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di lại còn có nghĩa là: Những tội vi phạm không thể phát lồ sám hối, nên gọi là Ba-la-di.

Thời dược: Tất cả các rễ cây, tất cả các thứ ngũ cốc, tất cả các thứ thịt.

Rễ cây: Thuốc trị bệnh, rễ cỏ, rễ sen, rễ tre, rễ khoai nước, rễ nho, rễ hành, thì gọi là rễ.

Ngũ cốc: Gồm mười bảy loại. Đó là:

Lúa.

Lúa đỏ.

Tiểu mạch.

Đại mạch.

Đậu nhỏ.

Đậu hồ.

Đậu lớn.

Đậu đăng.

Lúa tẻ.

Lúa mạ.

Mè.

Gừng.

Xà trí.

Ba tát đà.

Hạt cỏ lát.

Chỉ na câu.

Câu Đà-bà.

Đó gọi là mười bảy loại mễ cốc.

Thịt: Thịt của các loài trên đất và dưới nước. Thế nào là loài vật ở dưới nước? Loài vật ở dưới nước là: Cá, rùa, đề-di, chi-la, tu-la, tu-tu-la, tu-tu-ma-la. Những loài ở trong nước có thể ăn thịt được như vậy gọi là các loài ở trong nước.

Thế nào là loài vật ở trên đất? Loài vật ở trên đất là: Loài hai chân, bốn chân, không chân, nhiều chân, như vậy đều gọi là loài vật ở trên đất.

Các thức ăn bằng rễ, bằng hạt, bằng thịt như vậy đều thuộc về thời thực (thức ăn đúng lúc). Vì sao vậy? Vì đúng giờ mới được ăn, không đúng giờ thì không được ăn, nên gọi là thời thực. Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, xúc chạm các thứ thuốc đúng thời (thời dược) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu lay động vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ (năm tiền) thì phạm tội Ba-la-di.

Loại thuốc dùng ban đêm (dạ phần dược): Gồm mười bốn loại nước trái cây (tương) như sau:

Nước trái Am la.

Nước trái lê.

Nước trái lựu.

Nước điện đa lê (?).

Nước nho.

Nước Ba-lâu sa.

Nước kiền kiền.

Nước chuối.

Nước Kế già đề.

Nước kiết phả la.

Nước bù lung cừ.

Nước mía.

Nước Kha lê đà.

Nước Khư ba lê.

Các loại nước này, nếu nhận được vào lúc tối thì uống vào lúc tối, nếu nửa đêm nhận được thì uống vào lúc nửa đêm, nếu cuối đêm nhận được thì uống vào lúc cuối đêm, hoặc trước bữa ăn nhận được để đến chiều tối uống, thì gọi là thuốc dùng ban đêm (dạ phần dược). Nếu Tỳ-kheo có tâm lấy trộm xúc chạm vào loại thuốc dùng ban đêm này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu di chuyển khỏi chỗ cũ đủ số (quy định) thì phạm tội Ba-la-di.

Thuốc dùng trong bảy ngày: Sữa, dầu, mật,

đường phèn, mỡ, sữa tươi.

Sữa: Các loại sữa như sữa bò, sữa trâu, sữa dê, sữa linh dương, sữa lạc đà v.v…

Dầu: dầu mè, dầu xà lách, dầu hoàng-lam, dầu a-đà-tư, dầu tỳ-ma, dầu tỷ-lâu, dầu tỷ-châu-mạn-đà, dầu ca-lan-giá, dầu sa-la, dầu a-đề mục-đa, dầu mạn-đầu, dầu đại-ma, và các loại dầu khác thì gọi là dầu.

Mật: Các thứ mật quân trà, mật bố-để, mật ong ruồi, mật ong đất, đều gọi là mật.

Đường khối: Như đường bàn-đà, đường Na-la, đường mạn-xà, đường ma-ha-tỳ-lê v.v... thì gọi là đường khối.

Mỡ: Như mỡ cá, mỡ gấu, mỡ bi, mỡ tu-tu-la, mỡ heo. Những thứ mỡ này không có xương, không có thịt, không có máu, không có mùi hôi, không phải thức ăn chính, nếu Tỳ-kheo bệnh nhận được thì cho phép dùng trong bảy ngày. Đó gọi là mỡ.

Sữa tươi: Như các thứ sữa tươi của bò, dê v.v... được lọc sạch, không phải thức ăn chính, nếu bỗng nhiên nhận được thì được phép uống trong bảy ngày. Đó gọi là thuốc dùng trong bảy ngày.

Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, xúc chạm loại thuốc dùng trong bảy ngày, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động vật đó, thì phạm tội Thâu-

lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

-Thuốc dùng suốt đời: Ha-le-lặc, Tỳ-lê-lặc, A-ma-lặc, cây lá lốt, tiêu, gừng, quả sống đời (Trường-thọ), quả đào tiên, quả vú sữa, quả đậu đỏ, quả Ba-la-tất-đa, quả chuối, (bàn na); loại có năm rễ nhỏ, loại năm rễ lớn, tất cả các thứ muối, tất cả các loại tro trừ tám loại tro, tất cả các thứ đất, trừ đường khối, đất sỏi; những loại thuốc này không phải là thức ăn.

Nếu vừa mới nhận thì Tỳ-kheo bệnh có thể để uống suốt đời. Đó gọi là loại thuốc uống suốt đời.

Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp xúc chạm loại thuốc dùng suốt đời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu di chuyển khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

-Vật tùy thân: Ba y, tọa cụ, y che ghẻ, áo mưa, bát, đại kiền tư, tiểu kiền tư, đãy đựng bát, túi đựng đồ tắm, đãy lọc nước, hai loại đai thắt lưng, dao cạo, muỗng bằng đồng, bát nhỏ, ống đựng kim, bình nước,

cái gáo để tắm, bình đựng dầu, bình con, tích trượng, giày da, dù, quạt và các vật dụng cần thiết khác. Đó gọi là vật tùy thân. Lại có những vật tùy

thân của người thế tục như khí giới, dao, gậy, quần áo và các vật dụng cần thiết khác của người bạch y cũng gọi là vật tùy thân.

Nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp xúc chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động vật đó thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vật nặng (trọng vật): Như giường, vật dùng để nằm và các vật nặng khác.

Giường, vật dùng để nằm: Giường nằm, giường để ngồi, mền nhỏ, mền lớn, khúc gỗ, tấm ra, cái gối, và các vật nặng khác như các vật bằng đồng, bằng gỗ, bằng tre, bằng gạch v.v...

Các vật bằng đồng: Bình đồng, nồi đồng, chảo đồng, muỗng đồng và các dụng cụ bằng đồng khác, gọi là dụng cụ bằng đồng.

Các vật bằng gỗ và tre: Hộp bằng gỗ, bình gỗ, chậu bằng gỗ, chén gỗ, thìa bằng gỗ, cái giỏ tre, chiếu tre, cái sọt bằng tre, và tất cả các vật bằng gỗ, bằng tre khác, gọi là các vật bằng gỗ và bằng tre.

Vật bằng đất: Từ cái vò lớn cho đến cái chén dùng làm đèn đều gọi là vật bằng đất, gạch.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp rờ vào các vật nặng ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm

tội Ba-la-di.

-Vật bất tịnh là: Tiền, vàng, bạc; vì Tỳ-kheo không được chạm đến nên gọi là vật bất tịnh (vật không tinh khiết).

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật bất tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

-Vật thanh tịnh và không thanh tịnh: Chân châu, lưu ly, ngọc trai, san hô, pha lê, xà cừ, mã não, ngọc bích. Vì các bảo vật ấy có thể rờ đụng mà không thể mang vào mình, nên gọi là vật thanh tịnh và không thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào vật thanh tịnh và không thanh tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có mười sáu loại vật khác: Đất, vật trong đất, nước, vật trong nước, thuyền, vật trong thuyền, xe, vật trên xe, loài bốn chân, vật ở trên loài bốn chân, loài hai chân, vật ở trên loài hai chân, loài không chân, vật ở trên loài không chân, hư không, vật ở trên hư không.

Thế nào là đất?

Mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ bạch lạp, không thanh thư (?), đá vàng, đá diêm sinh, bụi, đất đỏ, đất trắng dẻo và các thứ đất thợ gốm dùng đều gọi là đất.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các loại đất ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vật ở trong đất: Nếu người ta chôn dấu các thứ vào trong đất như: Tiền, vàng, bạc, pha lê, ngọc trai, chân châu, xa cừ, mã não, bình sữa, bình dầu, bình đường khối và các loại cây, rễ, cành, lá, quả dùng làm thuốc v.v... cho đến tám vật cất giấu vào trong đất thì gọi là vật trong đất.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật trong đất ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nước: Nước gồm có mười loại: Nước sông, nước ao, nước giếng, nước đầm sâu có rồng ở, nước trong, nước suối nóng, nước không nhiễm bệnh, nước mưa đã lọc, nước trên không trung, nước đang chảy; có nơi thì nước rất quý, có nơi thì nước không quý, hoặc một đồng được bốn năm bình, hoặc đổi tất cả vật sở hữu mới được một bình,

như ở gần thôn ấp thành thị mà có nước tốt, thì một đồng được năm sáu bình.

Như có người khách buôn phải đi qua những con đường xa xôi hoang vắng, hoặc năm do-tuần, hoặc mười do-tuần, cho đến năm trăm do-tuần, trên đường đi không có nước, các vị khách buôn ấy đều phải đem nước theo, hoặc tự tìm lấy, hoặc phải mua lấy. Khi ấy, có một khách buôn còn một ít nước, không đủ dùng, vì khát bức bách, suy nghĩ: "Nếu ta còn sống, sẽ kiếm ra tiền, còn nếu ta khát nước mà chết thì tiền dùng để làm gì?", bèn đem tất cả tài vật đổi lấy một bình nước. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi theo người khách buôn, người này thường cung cấp nước cho Tỳ-kheo; nhưng khi chưa đến nơi thì nước sắp hết, lúc ấy người khách buôn nói với Tỳ-kheo: "Đường đi còn xa mà nước lại sắp hết, vậy xin hiến số nước này cho Tôn giả, và số nước này để tôi uống".

Tỳ-kheo phải lượng số nước mà khách buôn đã cho để dùng, nếu dấy tâm ăn trộm uống nhiều nước, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu khách buôn nói: "Nước tôi cung cấp cho Tôn giả, xin chớ cho người khác", nhưng nếu lúc ấy có người già cả bệnh hoạn bị khát bức bách, đến Tỳ-kheo xin nước uống, vì lòng từ bi, Tỳ-kheo

muốn cung cấp nước cho người bệnh ấy, bèn suy nghĩ: "Chủ nhân tuy đã nói như thế, nhưng người bệnh này đáng thương, nay ta nên đem nước cho ông". Nếu chủ nhân cũng có lòng chiếu cố, đồng ý, không khiển trách thì không phạm.

Có người dùng thuyền chở nước, Tỳ-kheo vì khát nước bức bách, dấy tâm trộm cắp chạm vào nước trên thuyền của ông ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng bát hoặc gáo múc nước ấy mà chưa rời khỏi thuyền thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã mang nước đi mà thân thể và y phục đều rời khỏi thuyền, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo khoét bình chứa nước của người ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng ống đút qua lỗ trống uống nước, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu thoắt uống thoắt nghỉ, thì mỗi hớp phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu đồ đựng nước trước đó được đậy nắp mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp mở nắp ra thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đang rót nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Rót xong mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc đang rót nước, liền sanh tâm hối hận,

sợ phạm tội nặng, bèn đổ nước vào lại trong bình, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu muốn kéo thuyền đi để lấy trộm nước, khi kéo thuyền tới, đuôi thuyền quá chỗ đầu thuyền thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc kéo ngược thuyền về phía sau, khi đầu thuyền qua khỏi chỗ đuôi thuyền, hoặc kéo qua bên phải, khi bên trái thuyền qua khỏi chỗ bên phải, hay ngược lại, liền phạm tội Ba-la-di.

Nếu thuyền nhỏ dễ lay động mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp đụng vào thuyền thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động nó thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cu, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu có người đắp bờ ngăn nước (chảy vào ruộng) mỗi đêm đáng giá một tiền cho đến hai, ba, bốn, năm tiền mà Tỳ-kheo vì pháp Phật Tăng khởi tâm trộm cắp phá hoại bờ của họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước chảy vào ruộng mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không muốn trực tiếp phá hoại mà dùng phương tiện kéo gạch, cây đi qua khiến cho bờ vỡ, nước chảy thì lúc kéo qua phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu chảy vào ruộng thì phạm tội Thâu-lan-giá

Đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Nếu dùng phương tiện lùa bò, dê, lạc đà đi qua làm hư bờ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo có tâm ganh tỵ, phá bờ cho nước chảy thoát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đi qua vùng hoang dã, có người nói: "Ngày mai sẽ tới chỗ có nước". Lúc ấy có người khách buôn đang gánh nước đi, Tỳ-kheo vì khát nước, đến xin Y mà không được, liền nổi giận mắng: "Kẻ tệ ác kia! Vì sao ngươi keo kiệt quá thế? Mang nước đi nhiều mà không dám uống, cũng không cho loài súc vật, cũng không cho Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng bao lâu cũng phải bỏ, chớ dùng nó làm gì nữa?". Tỳ-kheo liền phá thùng nước của y, vì tâm ác nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người dùng bồn chứa nước để tại nhà, rồi những bà con, bạn bè của Tỳ-kheo bị cháy nhà, Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm nước để chữa lửa, nếu đụng vào nước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động bồn nước của họ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dùng nước tưới lên lửa đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu tự suy nghĩ: "Ta sẽ trả lại đủ số nước đã lấy dùng", thì không phạm.

Nếu nhà của người ấy bị cháy dùng nước của Y để tưới lửa tắt thì không phạm. Nếu gặp lúc hạn

hán mười năm, hai mươi năm, nước ao hoặc nước giếng có người giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp mang thùng đến lấy nước, chạm vào nước ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu múc nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu gánh nước rời khỏi ao, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hồ nằm ở trong vườn, họ đóng cổng lại, mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, dùng ống từ xa hút nước uống, khi nước đang chảy liên tục không ngừng mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu uống từng hớp từng hớp rồi dừng lại, thì mỗi hớp phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu nước ở dưới giếng, Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, thì khi múc nước, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đã múc nước đổ vào thùng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Và khi mang nước rời khỏi giếng, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Có những nhà ngoại đạo dùng bình chứa nước, khi nhà bị cháy, họ hoảng sợ mà khi ấy Tỳ-kheo suy nghĩ: "Kẻ ngoại đạo tà ác như thế, như thế thường đố kỵ pháp Phật, hủy báng Sa-môn Thích tử, nay ngươi đang bị họa". Liền đi tới dùng gậy đập vỡ bình nước, vì tâm ác phá hoại đồ của người ta nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có các loại nước danh tiếng như nước Chiêm-ba có nước của sông Hằng, tại thành Vương-xá có

nước suối nóng, tại ấp Ba-liên-phất có sông Thứ-nô, tại nước Ba-la-nại có nước ao Phật-du-hành, tại nước Sa-kỳ có nước Huyền-chú, tại thành Xá-vệ có nước Bố-đa-lê, tại nước Ma-thâu-la có loại nước Diêu-bồ-na, tại nước Tăng-già-xá có nước Thạch-mật. Có những nhà quyền quý sai người đi lấy các thứ nước ấy, trên đường về nhà, nghỉ ở dọc đường, nếu Tỳ-kheo vì khát nước bức bách, dấy tâm trộm cắp rờ vào nước ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu rót nước ấy vào bình của mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu rót vừa dứt mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc đang rót mà sanh tâm hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn đổ nước vào bình trở lại thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Có những hàng quý tộc đi chơi ở hoa viên, bèn xây cái hồ, pha dầu thơm vào nước, rồi có Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, lấy nước ấy, nhưng nước không đáng giá tiền, thì tính theo thời giá dầu thơm (pha vào nước) mà quy định mức phạm tội.

Đó gọi là các thứ nước.

Vật ở trong nước: Đó là các thứ sinh trong nước như: Ưu-bát-la, Bát-đàm-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Tu-kiền-đề, rễ sen v.v... và các vật sinh ra trong nước khác, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, đụng chạm vào các vật sinh trong nước này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Nếu chỉ lấy một hoa mà trị giá đủ số quy định, cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định thì mỗi hoa phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nhưng hái hoa để trên đất thì chưa phạm tội Ba-la-di. Hoặc vì bó hoa lớn nặng không dỡ lên nổi, dù kéo đi hơi xa cũng không phạm Ba-

la-di. Nhưng nếu đã dỡ lên khỏi đất, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các vật sinh trong nước cũng như thế.

Nếu các nhà quyền quý làm các loại hoa bằng vàng bạc và các loại thuyền có hình các giống chim như le le, nhạn, uyên ương, để ở hồ tắm, khu giải trí, mà Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, đụng vào các vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc có người đem các vật như vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc trai, xích châu và tám loại khác cất giấu dưới nước mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật ở trong nước.

Thuyền: Thuyền có các loại như: Thuyền Tỳ-câu-la, thuyền Câu-ha-tra, thuyền Bạt-cù-lê, thuyền Tỳ-thi-già, thuyền mặt ngựa, thuyền mặt voi, thuyền mặt dê, thuyền mặt cá, hoặc một tầng cho đến bảy tầng, hoặc có vách ngăn, hoặc không có vách ngăn, hoặc dùng chở voi, hoặc dùng chở ngựa, hoặc dùng chở của cải, hoặc chở gạch ngói, hoặc chở da, hoặc chở kim loại, cho đến những cái bè chở liếp. Nếu những thuyền bè ấy buộc tại một chỗ mà Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp chạm vào chúng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu cắt dây buộc thuyền mà chưa dời khỏi chỗ cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc đã đời khỏi chỗ cũ mà chưa cắt dây buộc, cũng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã cắt dây buộc và rời khỏi chỗ cũ thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu ý muốn trộm thuyền, không định trộm vật, nhưng sợ người ta biết, bèn lấy cả vật mang đi, thì dù rời khỏi chỗ cũ cũng chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng nếu bỏ vật lại, chỉ lấy thuyền, thì rời khỏi chỗ cũ, liền phạm tội Ba-la-di.

Nếu có ý định trộm vật, không trộm thuyền, mà

sợ người ta phát giác, nên mang cả thuyền đi thì chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng bỏ thuyền lại lấy vật mang đi, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả thuyền và vật, thì khi thuyền rời khỏi chỗ cũ liền phạm Ba-la-di.

Nếu muốn bỏ vật xuống đáy sông để lấy trộm thì lúc vật chìm khuất, phạm Ba-la-di.

Nếu có người buộc thuyền bên bờ sông, lên ngồi nghỉ một chỗ khuất, có Tỳ-kheo định lấy trộm thuyền, bấy giờ có người khác nói với chủ thuyền: "Có người xuất gia muốn lấy trộm thuyền của ông đấy". Khi ấy, chủ thuyền hỏi: "Người xuất gia ấy theo đạo nào?".

Đáp: "Sa-môn Thích tử".

Chủ thuyền nói: "Khỏi lo, Sa-môn Thích tử không lấy của không cho".

Nhưng lúc ấy thân Tỳ-kheo đã chạm đến thuyền, người kia lại nói với chủ thuyền: "Thầy Tỳ-kheo kia đã lấy thuyền của ông rồi". Chủ thuyền liền sanh nghi: Lẽ nào vị Tỳ-kheo kia lại muốn lấy trộm thuyền của ta sao? Bèn hỏi: "Tôn giả định làm gì đấy?". Lúc ấy Tỳ-kheo im lặng, không đáp liền dùng sào chèo thuyền đi. Chủ thuyền liền đuổi theo gọi: "Tôn giả! Thuyền ấy là thuyền của Vua, của Đại thần, của Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, là thuyền để làm phước, thuyền

để chở người". Lại hăm dọa Tỳ-kheo, nói: "Quân tệ ác, nếu ngươi lấy thuyền ta đi, thì ta sẽ trừng trị ngươi thích đáng". Thầy Tỳ-kheo ấy tuy chèo thuyền đi xa, nhưng nếu chủ thuyền không nghĩ là thuyền đã mất, và Tỳ-kheo cũng không nghĩ là đã được, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Trái lại nếu chủ thuyền nghĩ là thuyền đã mất và Tỳ-kheo nghĩ là đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chủ thuyền buộc thuyền bên bờ sông, rồi có khách Tỳ-kheo đến nói với chủ thuyền: "Lão trượng (Trường-thọ) chở giúp tôi đi". Chủ thuyền đáp: "Chỉ có một người mà tôi chở thế nào được". Tỳ-kheo lại nói: "Lão trượng, giờ ăn của tôi đã đến, chớ làm cho tôi mất bữa ăn. Nay ông chở tôi tức là cho tôi ăn, là bố thí niềm vui cho tôi. Nay tôi với ông nguyện đời này đời sau giúp đỡ lẫn nhau". Chủ thuyền lại nói: "Ông không có đồng xu nào, thì làm sao muốn giúp đỡ người ta? Chân ông như con quạ đói, không đậu nhất định chỗ nào, thì ai sẽ giúp ông?". Tỳ-kheo bèn hạ giọng khẩn cầu. Chủ thuyền lại hỏi: "Tôi tự độ (giúp mình) được. Tôn giả giờ đây chỉ có một mình, thì bảo chở làm sao?". Tỳ-kheo đáp: "Lão trượng! Ông chỉ cần cầm lái, để tôi chèo cho". Chủ thuyền bèn đồng ý, liền bảo Tỳ-kheo lên thuyền. Khi đến giữa sông, thầy Tỳ-kheo bèn cầm mái chèo đánh chủ thuyền, mắng: "Quân tệ ác, dám hủy nhục Sa-môn Thích tử!". Mắng rồi lại đánh chủ thuyền, làm cho tay chân bị

thương tích trầm trọng, đoạn đem vứt xuống nước, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu chủ thuyền chết, mà trước đó Tỳ-kheo có tâm giết hại, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trước không có tâm sát hại, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lúc ấy, nếu Tỳ-kheo lấy trộm thuyền của Y, hoặc lấy trộm hành lý, mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tâm ác nhận chìm thuyền của y, hoặc phá hủy, hoặc thả trôi đi, vì làm hư hỏng, mất mát vật của người khác nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có người muốn tạo phước nên dùng thuyền chở người, nếu Tỳ-kheo tự chèo thuyền ấy qua sông, thì phải buộc thuyền vào bờ để người sau còn đi nữa; nếu Tỳ-kheo lấy trộm thuyền hoặc hành trang của họ mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhận chìm trong nước, hoặc phá hỏng, hoặc thả cho trôi đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tỳ-kheo nếu chèo thuyền đến bờ bên kia, thì phải buộc thuyền vào bờ ở chỗ trống trải để người sau còn sử dụng, không được buộc thuyền ở chỗ khuất.

Đó gọi là Thuyền.

Vật ở trên thuyền: Các vật ở trên thuyền như vàng, bạc, chân châu, tiền của, hổ phách, lưu ly, ngọc trai, san hô, xa cừ, xích châu, kiếp bối, cho

đến tất cả y phục, ngũ cốc và tám thứ vật, hoặc được che phủ, hoặc không che phủ mà Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm rờ vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động các vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Xe: Hoặc xe hành khách, hoặc xe chở hàng, hoặc xe ba gác, hoặc xe xích lô, cho đến các loại xe trẻ con chơi, đó gọi là xe.

Nếu Tỳ-kheo lấy trộm xe hai bánh, đẩy tới trước mà đuôi xe qua khỏi đầu xe, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc đẩy lui mà đầu xe qua khỏi đuôi xe, thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc đẩy sang hai bên mà bánh trái qua khỏi bánh phải hay bánh phải qua khỏi bánh trái, cũng phạm tội Ba-la-di. Hoặc Tỳ-kheo đập phá xe ấy, rồi lấy trộm từng khúc gỗ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Chưa đủ số quy định thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc xe nhỏ có thể mang đi, nếu chạm đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động nó thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là các loại xe.

Vật ở trên xe: Hoặc da sư tử dùng để che, hoặc da cọp, hoặc hoàng khâm bà la (?) và các vật dùng

để che khác, tất cả các vật dùng để lót và tất cả các vật dùng để trang trí xe. Đó gọi là các vật ở trên xe.

Tất cả những vật để trong xe: Đó là: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, chân châu, ngọc trai, san hô, hổ phách, xích bảo v.v... y phục, ẩm thực và tám thứ vật, hoặc được che kín, hoặc không được che kín, nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp sờ vào những vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật để trong xe.

Loài vật bốn chân: Đó là voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, la, dê, cả đến chuột, chó sói v.v... Nếu Tỳ-kheo muốn ăn trộm voi, dắt nó đi, khi nó đã dỡ lên từ một chân cho đến ba chân, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi nó đã dỡ lên cả bốn chân, rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả ngựa, lạc đà cho đến dê cũng như vậy. Nếu con vật ấy nhỏ có thể vác đi được thì khi chạm vào nó phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động nó phạm tội Thâu-lan-giá, nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là các con vật bốn chân.

Những vật dụng ở trên loài bốn chân: Đó là các dụng cụ dùng để trang bị cho voi, kể cả các dụng cụ trang bị cho chuột, chó sói và tám loài vật khác, hoặc được che kín, hoặc không che kín; nếu Tỳ-

kheo dùng tâm trộm cắp sờ vào các vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá; nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật dụng ở trên loài bốn chân.

Loài vật hai chân: Đó là người và chim v.v... Nếu Tỳ-kheo trộm người (thuộc quyền quản lý) của người khác, hoặc quyến rũ di theo, hoặc dùng dao gậy bức hiếp, khi người ấy dỡ lên một chân thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dỡ cả hai chân thì phạm tội Ba-la-di. Nếu người ấy nhỏ có thể cõng, vác đi, mà chạm đến họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu di động họ thì phạm tội Thâu-lan-giá; nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các loài chim cũng như thế.

Đó gọi là loài vật hai chân.

Những vật dụng ở trên loài hai chân: Đó là những vật trang điểm của phụ nữ, những vật trang điểm của nam giới, cho đến những thứ trang điểm trên mình chim oanh vũ.

Những vật trang điểm của phụ nữ: Đó là xoa, xuyến, y phục v.v…

Những vật trang điểm của nam giới: Như áo, mão ngọc, anh lạc v.v... Cho đến những thứ trang điểm trên chim oanh vũ như vàng, ngọc, lục lạc đeo vào cổ, chân của chúng, và tám thứ vật khác, hoặc được che kín, hoặc không che kín. Nếu Tỳ-

kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào các vật trên loài hai chân ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật dụng ở trên loài hai chân.

Loài vật không chân: Đó là rắn, trăn, hoặc ăn hoa, ăn trái, ăn thịt, hay chỉ thở bằng không khí, hoặc rắn được nhốt trong lọ hay trong lồng.

Có một Tỳ-kheo vốn là người nuôi rắn, về sau xuất gia. Vị này muốn bắt trộm con rắn của một người khác, nhưng sợ người chủ hay biết, liền xách cả cái lồng đi, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu bắt rắn, bỏ lồng lại, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu chỉ có ý trộm lồng, không trộm rắn, mà vì sợ chủ biết, nên lấy luôn cả rắn thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nếu bỏ rắn lấy lồng, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu định trộm cả lồng và rắn, thì khi xách đi khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di. Nếu bắt trộm con rắn trong lọ mà đuôi rắn chưa ra khỏi miệng lọ thì chưa phạm Ba-la-di. Nếu cả đầu và đuôi đều ra khỏi lọ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu tức giận, khiển trách kẻ ấy, mắng: "Quân ác độc, vì sao lại dùng lồng để nhốt chúng sinh". Liền mở lồng để cho rắn bò ra, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào loài

không chân, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những loài vật không chân.

Những đồ vật ở trên loài không chân: Đó là vàng, bạc, chân châu, xà cừ, hổ phách, san hô, ngọc trai, lưu ly, xích châu cho đến tám loài vật, hoặc được che kín, hoặc không che kín, vì người ta sợ loài vật không chân này nên không dám lấy (vật trên nó). Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào những đồ vật ở trên loài không chân này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động các vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật ở trên loài không chân.

Vật không trung: Đó là cây Am-la, cây Chiêm-bặc, cây Diêm-phù, cây Đa-tử, cây Chỉ-ba-la, cây Long hoa, cây Cát tường, quả, cho đến tất cả cây có hoa trái. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy trộm các cây đó, khi lấy một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định, tùy theo mức độ, như nhổ các cây con thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhổ cây con để lại một chỗ thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu mang đi khỏi khu đất ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu cây nặng, kéo đi mà chưa rời khu đất dù đã đi xa thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu đem đi khỏi khu đất thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp đụng vào vật trên hư không thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là vật không trung.

Vật ở trên không trung: Đó là quả Am-la (xoài) cho đến quả Cát tường. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm các loại trái cây ấy để ăn, nếu ăn một trái mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ, thì cứ mỗi miếng phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đụng vào cây, trái rơi xuống đất, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu nhặt trái mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu hai người đi hái trộm quả, một người lên cây hái quả ném

xuống, một người dưới đất nhặt quả, thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu người trên cây đã xuống tới đất, mang quả đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Lấy trộm tất cả các loại quả khác cũng như thế.

Nếu tại các nơi như Phật đản sinh, đắc đạo,

chuyển pháp luân, chỗ Tôn giả A-nan mở đại hội, La-hầu-la mở đại hội, Ban-giá-vu-sắt mở đại hội, có trồng các hàng cây, và trên các cây được trang trí các thứ châu báu và tám loại vật, hoặc được che kín, hoặc không che kín. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật báu đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật ở trên không trung.

Trong mười sáu vật đã kể trên, nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp đụng vào chúng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Lại có mười ba trường hợp sai biệt. Đó là:

Vật sai biệt.

Xứ sai biệt.

Bất định sai biệt.

Tường vách sai biệt.

Lồng sai biệt.

Ký sai biệt.

Tạp sai biệt.

Phương sai biệt.

Tướng sai biệt.

Cây cọc sai biệt.

Vườn sai biệt.

Ăn trộm sai biệt.

Thuế sai biệt.

Vật sai biệt: Vật gồm có tám loại:

Thuốc dùng đúng thời.

Thuốc dùng ban đêm.

Thuốc dùng trong vòng bảy ngày.

Thuốc dùng suốt đời.

Vật tùy thân.

Vật nặng.

Vật không thanh tịnh.

j. Vật thanh tịnh và không thanh tịnh. Đó gọi là những vật sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Xứ sai biệt: Đó là đất và những vật trong đất, nước và những vật trong nước, thuyền và những vật trên thuyền, xe và những vật trên xe, loài bốn chân và những đồ vật trên loài bốn chân, loài hai chân và những đồ vật trên loài hai chân, loài không chân và những đồ vật trên loài không chân, không trung và những vật trên không trung.

Đó gọi là xứ sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp sờ vào những vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Bất định sai biệt: Có trường hợp biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Có trường hợp không biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Ba-la-di. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Việt-tỳ-ni.

Biết mà nói dối phạm tội Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo không thật sự đạt được pháp siêu việt hơn người mà nói: "Tôi đắc quả A-la-hán", thì đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Ba-la-di.

Biết mà nói dối phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa: Nếu Tỳ-kheo vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm tội Ba-la-di, thì đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Biết mà nói dối phạm tội Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi là bậc A-la-hán", thì đó là biết mà nói dối, nên không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Thâu-lan-giá.

Biết mà nói dối phạm tội Việt-tỳ-ni: Nếu Tỳ-kheo tự nói: "Tôi là A-la-hán chăng?". Đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề, mà phạm tội Việt-tỳ-ni.

Biết mà nói dối, phạm Ba-dạ-đề: Trừ các việc trên, ngoài ra tất cả những lời nói dối đều thuộc về biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Lại có các trường hợp: Tàn hại cây cỏ, phạm Ba-la-di. Có trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Ba-dạ-đề.

Trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Ba-la-di: Như cây cối hoa quả có chủ giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp định lấy rồi làm tàn hại chúng, nếu đủ số quy định, thì không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Ba-la-di.

Tàn hại cây cỏ phạm Thâu-lan-giá: Nếu cây cối hoa quả có chủ giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy trộm chúng, chưa đủ số quy định thì không phải tội Ba-dạ-đề mà là tội Thâu-lan-giá.

Tàn hại cây cỏ phạm Ba-dạ-đề: Tàn hại tất cả cây cỏ đều phạm tội Ba-dạ-đề.

Có trường hợp ăn phi thời phạm Ba-la-di. Có trường hợp ăn phi thời phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp ăn phi thời phạm Ba-dạ-đề.

Ăn phi thời (không đúng giờ) phạm Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy trộm thức ăn

của người khác rồi ăn phi thời, nếu đủ số quy định thì không phải phạm Ba-dạ-đề mà là phạm Ba-la-di.

Ăn phi thời phạm Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy thức ăn của người khác ăn lúc phi thời mà chưa đủ số quy định thì không phải phạm Ba-dạ-đề mà là phạm Thâu-lan-giá.

Ăn phi thời phạm Ba-dạ-đề: Nếu Tỳ-kheo nhận thức ăn hợp pháp nhưng ăn lúc phi thời, thì phạm Ba-dạ-đề.

Không phải uống rượu chỉ phạm Ba-dạ-đề, mà có trường hợp uống rượu phạm Ba-la-di. Có trường hợp uống rượu phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp uống rượu phạm Ba-dạ-đề.

Trường hợp uống rượu phạm Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy rượu của người khác uống, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Trường hợp uống rượu phạm Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rượu của người khác uống, chưa đủ số quy định, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Trường hợp uống rượu phạm Ba-dạ-đề: Nếu Tỳ-kheo nhận được rượu hợp pháp mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp xúc chạm vào các vật bất định sai biệt thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là các vật bất định sai biệt.

Tường vách sai biệt: Chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng lạc đà, chuồng lừa, bò, dê, vườn rau, vườn cải, vườn dưa, vườn mía v.v... Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp bắt voi của người ta, voi dỡ lên một chân cho đến bốn chân, ra tới cửa chuồng, nhưng thân nó chưa ra khỏi cửa thì phạm tội Thâu-lan-giá, khi thân ra khỏi cửa thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các con vật khác kia cũng thế. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp bắt dê của người ta, dê sợ bỏ chạy, bèn nổi giận đánh chết thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cắt thịt nó ném ra ngoài hàng rào thì chưa phạm Ba-la-di, nhưng khi mình ra khỏi hàng rào, rồi mang thịt rời khỏi khu vực đó đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc trở lại trong chuồng, ăn thịt, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo đi bắt trộm dê, một người ở ngoài rào, một người ở trong rào, người ở trong cắt thịt ném ra ngoài rào, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu người ấy ra ngoài, mang thịt rời khỏi khu vực đó, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp đi nhổ cải trộm, nếu nhổ một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu chưa đủ, thì khi nhổ, cứ mỗi cây

phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhổ chất lại một đống, thì chưa phạm Ba-la-di, nhưng khi mang ra khỏi vườn thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhổ những gốc lớn không thể mang đi được, dù kéo đi hơi xa, cũng chưa phạm Ba-la-di.

Nếu đã rời khỏi đám đất, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Tất cả các thứ rau cho đến dưa cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chặt trộm mía của người, ăn đúng thời, dù một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định, thì cứ mỗi cây phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu chặt vứt ra ngoài hàng rào thì chưa phạm Ba-la-di, mà phạm Ba-dạ-đề.

Nếu ra khỏi vườn, mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, lại xảo trá lấy mía buộc dưới gót chân kéo đi, dù đi hơi xa, vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Nếu rời khỏi khu đất, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo ở trong vườn chặt mía vứt ra cho Tỳ-kheo ở ngoài vườn, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu người ấy ra rồi vác mía rời khỏi khu vườn, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc Tỳ-kheo vác mía đi, tuy chạm vào cây và lá mía, nhưng chưa rời khỏi vườn, thì chưa phạm Ba-la-di.

Sau khi đã rời khỏi vườn, thì phạm Ba-la-di.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật kể trên, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lồng sai biệt: Đó là các giống chim như Oanh vũ v.v... các giống thú như sư tử v.v...

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, khi lấy trộm chỉ muốn trộm chim không muốn trộm lồng, nhưng sợ người ta phát giác nên xách cả lồng đi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu bỏ lồng lại bắt chim đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu muốn trộm lồng, không trộm chim, nhưng sợ người ta biết nên đem cả chim đi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu thả chim ra, xách lồng đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả lồng và chim đi, khi mang đi khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, khi tay còn đang bắt chim trong lồng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi một chân chim ra khỏi lồng thì phạm tội

Thâu-lan-giá.

Khi hai chân ra khỏi lồng mà cánh, đuôi chưa ra khỏi miệng lồng thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Khi hoàn toàn rời khỏi lồng, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo bắt trộm sư tử mà tay còn ở trong chuồng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu kéo ra được một chân (sư tử) thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng khi bốn chân ra khỏi chuồng mà đuôi chưa ra khỏi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu hoàn toàn ra khỏi, thì phạm tội Ba-la-di. Tất cả các loài thú khác cũng như vậy.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vật ở trong lồng sai biệt như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Ký gởi sai biệt: Nếu Hòa thượng, thầy, đệ tử bạn hữu gởi vật nhờ ai đó giữ giúp, như bát, y và các vật khác, mà người nhận suy nghĩ: "Người gởi đã đi xa, mà vật gởi không biết thứ gì, vậy vật này ta phải xử dụng", bèn sinh tâm trộm cắp lấy vật đó, từ dưới đất để lên đầu gối, từ đầu gối đặt xuống đất, từ vai trái đặt lên vai phải, cho đến từ đầu để lên vai, mỗi mỗi sự di động, đủ số quy định, thì

phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nhận gởi gấm rồi, bèn đi qua sông, hoặc lội qua ao, hoặc qua chỗ nước xoáy, hoặc gặp mưa, sợ ướt nên mở ra xem, thấy y ấy đẹp, liền suy nghĩ: "Người gởi ấy đã đi xa, người hiện tiền không biết, vật này ta nên sử dụng". Bèn sinh tâm trộm cắp lấy vật ấy, từ đất để lên đầu gối, từ đầu gối đặt xuống đất, từ vai trái đặt qua vai phải, hoặc từ vai để lên đầu, mỗi mỗi sự di động, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vị Tỳ-kheo nhận ký gởi đang đi trên đường, thấy vị Tỳ-kheo khác từ chỗ ở trước kia đến, liền hỏi Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão từ nơi nào đến vậy?".

Đáp: "Từ chỗ nọ đến".

Hỏi: "Biết vị Tỳ-kheo kia chăng?". Đáp: "Biết".

Liền hỏi: "Vị Tỳ-kheo ấy có bình an không?". Đáp: "Chết" hoặc "Đã nhập Niết-bàn".

Nếu thế, thì các y phục và vật dụng ấy phải thuộc về hiện tiền Tăng. Nhưng nếu vị Tỳ-kheo nhận vật ký gởi biết pháp mà gian trá, liền suy nghĩ: "Tội gì mà ta chia cho vị Tỳ-kheo này", liền im lặng bỏ vị Tỳ-kheo ấy, đi tới chỗ khuất không thể nghe thấy, rồi nói: "Vị Tỳ-kheo mỗ giáp kia đã quá cố, đã nhập Niết-bàn. Các y bát và vật dụng khác của vị ấy nên chia cho Tăng chúng hiện tiền, nhưng hiện tiền không có Tăng chúng, nên tôi phải

nhận lấy". Vị Tỳ-kheo này dùng tâm gian trá để độc chiếm các vật đó, nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc giả, vị Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi muốn đi thuyền qua sông, bỗng có vị Tỳ-kheo khác từ bờ kia đi qua. Vị này hỏi vị ấy: "Thầy từ đâu đến?".

Đáp: "Từ chỗ ấy đến".

Lại hỏi: "Có biết vị Tỳ-kheo kia chăng?". Đáp: "Biết".

Lại hỏi: "Vị Tỳ-kheo ấy bình an chăng?". Đáp: "Đã chết, đã nhập Niết-bàn".

Bấy giờ, y phục và vật dụng (của Tỳ-kheo quá cố) phải thuộc về Tăng chúng hiện tiền, nhưng thầy Tỳ-kheo này biết pháp mà gian trá, làm yết-ma để độc chiếm y vật, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vị Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đi thuyền đến giữa sông thì gặp một Tỳ-kheo khác từ bên kia đi lại, thầy liền hỏi: "Trưởng lão từ đâu đến?" v.v... cho đến dùng tâm yết-ma gian trá thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc giả thầy Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đến bờ bên kia, xuống thuyền, liền gặp một Tỳ-kheo khác sắp lên thuyền v.v... cho đến dùng tâm yết-ma gian trá thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đã lên khỏi bờ, gặp một Tỳ-kheo

khác từ bên kia đi lại, liền hỏi: "Trưởng lão từ đâu đến?". Đáp: "Từ nơi ấy đến" v.v... cho đến

dùng tâm gian trá làm phép yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thầy Tỳ-kheo ấy hoặc suy nghĩ: "Hiện tại thấy có nhiều người cùng tên, vậy phải làm cách nào đến được nơi ấy?". Đến nơi ấy rồi, liền hỏi vị Tỳ-kheo kia có được bình an không thì được biết, hoặc đã chết, hoặc đã nhập Niết-bàn. Khi ấy, y vật đương nhiên thuộc về Tăng chúng hiện tiền. Thầy Tỳ-kheo này tuy biết pháp, nhưng gian trá suy nghĩ: "Y ấy vì sao phải chia cho nhiều người?" Liền gọi riêng thầy Tỳ-kheo quen biết ra ngoài giới trường, bảo: "Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp đã quá cố, đã nhập Niết-bàn, y bát và các tạp vật nên chia cho Tăng hiện tiền, giờ đây hai chúng ta là người hiện diện, nên nhận lấy". Cách nhận ấy là phép yết-ma gian trá, nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Trước đây (vị ấy) bảo ta tặng y này cho tháp, cho Tăng, mà nay thầy đã mất, đã nhập Niết-bàn", liền mang vật ấy trở về lại chỗ cũ (trú xứ của Tỳ-kheo đã mất), thì không phạm tội. Đó gọi là ký gởi sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào vật ký gởi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Tạp vật sai biệt: Như người chăn nuôi, chăn các loài súc vật như: voi, ngựa, bò, lạc đà, lừa, dê v.v...

Voi: Voi có nhiều thứ, như voi tốt, thuần[1241] dưỡng, đẹp đẽ, khỏe mạnh, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp bắt lấy voi, leo lên cưỡi rồi thúc voi về một phương nào đó như phương Đông, nhưng voi nổi khùng chạy về phương Nam, Tây, Bắc thì chưa phạm Ba-la-di. Hoặc muốn dắt voi về phương Nam, nhưng voi phát khùng chạy về phương Tây, Bắc, Đông, thì chưa phạm Ba-la-di; hoặc về phương Tây, Bắc cũng thế.

Nhưng nếu muốn dắt trộm voi về phương Đông mà voi đi về phương Đông, thì phạm Ba-la-di; phương Nam, Tây, Bắc cũng thế.

Nếu lúc đầu không định phương hướng, tùy nơi mà đi, thì khi voi dỡ lên đủ bốn chân, phạm tội Ba-la-di.

-Ngựa: Ngựa có nhiều loại, có loài thuần dưỡng, sắc đẹp, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, bắt con ngựa ấy, rồi leo lên ngựa thúc về phương Đông, nhưng ngựa nổi cuồng chạy về phương Nam, Tây, Bắc thì chưa phạm Ba-la-di.

Cũng vậy, các phương Nam, Tây, Bắc kia cũng thế, ngựa tùy phương đi như trên đã nói. Nếu không định phương hướng, tùy chỗ mà đi, thì khi ngựa đã dỡ lên cả bốn chân, phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo trộm con ngựa tốt, cưỡi chạy, rồi

chủ ngựa hay được, lên ngựa đuổi theo, nhưng chủ chưa cho là đã mất ngựa, Tỳ-kheo không nghĩ là mình đã được, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu chủ ngựa nghĩ là đã mất ngựa, Tỳ-kheo tưởng là đã được ngựa, thì phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, dùng mồi hoặc cỏ nhử ngựa người ta đem đến chỗ không thấy, không ghe được nữa, thì phạm tội Ba-la-di.

-Bò: Bò có nhiều loại, có loại thuần dưỡng, lông mịn, sắc đẹp, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, cầm roi đuổi bò về phương Đông, phạm và không phạm như đã nói trong trường hợp voi. Cho đến, nếu chủ bò hay được, đuổi theo, mà chủ không nghĩ là đã mất bò, Tỳ-kheo cũng không nghĩ là đã được, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng nếu chủ bò nghĩ là đã mất, Tỳ-kheo nghĩ mình đã được, thì phạm Ba-la-di.

Nếu khởi tâm trộm cắp dùng mồi hay cỏ nhử bò người ta dắt đi, hoặc dùng dây dài buộc dắt tới chỗ không còn ai trông thấy nữa, thì phạm Ba-la-di. Trường hợp trộm lạc đà, lừa, dê cũng như thế.

Đó gọi là tạp vật sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật kể trên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Cờ phướn sai biệt: Nếu tại các nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, La-hầu-la mở đại hội, Ban-giá-vu-sắt mở đại hội, được trang các thứ như treo biểu ngữ, che lọng và các thứ linh quý; nếu Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm cờ phướn, mở được một đầu dây thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi mở cả hai đầu, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp nói gạt là mình đi treo cờ phướn các nơi thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi lấy rồi mang đi luôn, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vòng hoa, mới mở một đầu thì chưa phạm

Ba-la-di.

Khi mở cả hai đầu xong, đủ số quy định, thì phạm Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo cùng đi lấy trộm cờ phướn trong chỗ tối không thấy nhau, mỗi người mở một đầu cuốn lại, gặp nhau ở chỗ giữa, liền hỏi: "Ông là ai?". Người nghe hỏi hoảng sợ bỏ cờ phướn mà chạy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu hai Tỳ-kheo đụng độ, hỏi nhau, mỗi người đều nói mình lấy trộm cờ phướn, rồi lấy mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhiều lá cờ có nhiều màu cùng cột một dây nặng nề, mỗi người mở một đầu rơi xuống đất,

nhưng vì nặng mang không nổi, kéo lê đi, tuy xa chỗ cũ, vẫn chưa phạm tội Ba-la-di.

Khi đã dỡ lên khỏi đất, cả hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Đây là vật trang trí tháp mà lấy đi, thì mang tội nặng. Ta chỉ cần một cái hai màu". Rồi lấy cái ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nghĩ: "Ta chỉ cần nửa màu", rồi lấy cái ấy, chưa đủ số quy định, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo lấy trộm cờ trong chỗ tối, cả hai không biết nhau, mỗi người mở một đầu cuốn lại, đến chỗ giữa gặp nhau, bèn hỏi: "Ông là ai?". Rồi hoảng sợ bỏ cờ mà chạy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Một Tỳ-kheo khác buổi sáng sớm đi nhiễu tháp, thấy cờ ấy rơi xuống đất, liền khởi tâm trộm cắp lấy đi, nếu đủ số quy định, thì phạm

Ba-la-di.

Có người dùng bảy thứ báu trang trí cúng dường cây Bồ-đề như: vàng, bạc, chân châu, các lá cờ hoa dây vàng, kim tuyến, móc vàng, linh treo, ánh vàng rực rỡ cả núi. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy các vật ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại nữa, các tháp của ngoại đạo cũng có các thứ lụa là rực rỡ cúng dường. Nếu Tỳ-kheo dùng tâm

trộm cắp để lấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.[1245]

Nếu gió thổi làm rơi (các vật kia) xuống đất, (mà Tỳ-kheo) biết đó là các vật cúng dường của tháp, thì không nên lấy. Nếu bị gió thổi bay xa bụi bặm vấy bẩn, mình tưởng là vật phấn tảo (vứt bỏ) mà lấy, thì không có tội. Hoặc trong thiên tự (chùa thờ trời) có các y vật, Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp để lấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu (các vật ấy) bị gió thổi bay xa, bụi bặm vấy bẩn, mình tưởng là đồ bỏ mà lấy, thì không có tội.

Đó gọi là cờ phướn sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các thứ cờ phướn sai biệt ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Tướng sai biệt: Nếu có nhà trưởng giả để y phục, chuỗi anh lạc bừa bãi chưa thu cất, khi ấy Tỳ-kheo dẫn Sa-di đến nhà, trông thấy rồi sinh tâm trộm cắp, lấy y vật đó bỏ vào trong xách, bảo Sa-di mang đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi Sa-di đem đi khỏi phạm vi nhà, thì (Tỳ-kheo) phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu (Tỳ-kheo) nghĩ mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu khi ấy chủ nhân phát hiện, liền hỏi Tỳ-kheo: "Trưởng lão làm gì thế?".

Đáp: "Lão gia, tôi sờ thử đó mà", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bảo người thế tục mang đi, thì cũng phạm tội như trên đã nói. Như trường hợp dẫn dê lông dài đi cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo vào nhà trưởng giả, dê con thấy sắc y của Tỳ-kheo tưởng là mẹ nó, nó bèn chạy tới, thì Tỳ-kheo phải đuổi nó trở lại, nhược bằng dùng mồi hay cỏ nhử nó chạy theo, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi dẫn nó đi chưa khỏi ranh giới, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi ra khỏi ranh giới thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trong lúc thọ trai, Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp, bỏ chén, thìa vào trong bát mình, rồi bảo đệ tử mang đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đệ tử ra khỏi ranh giới thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nghĩ là mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đệ tử biết được, liền hỏi: "Trưởng lão làm gì thế?".

Đáp: "Ta đùa đấy mà", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đi đường, giữa đường lại gặp một đoàn khách buôn từ bên kia đi lại. Rồi hai đoàn cùng nghỉ một chỗ. Nửa đêm,

Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, đem xe của người này đổi xe của người khác, đem đàn ông của người này hoán vị đàn ông của người kia, đem phụ nữ của người này hoán vị phụ nữ của người kia, đem trẻ con của người này hoán vị trẻ con của người kia, muốn hai đoàn khách mang đi lẫn lộn. Khi làm như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi họ rời khỏi ranh giới chỗ tạm trú, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nghĩ là mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là tướng trạng sai biệt của vật.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chạm vào các tướng sai biệt của vật thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Cây cọc sai biệt: Các nơi như chỗ Phật đản sinh, chỗ Phật thành đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La-hầu-la mở đại hội, chỗ Ban-giá-vu-sắt đại hội, có các vật trang trí đẹp đẽ tại các tinh xá, các cờ lọng nhiều màu sắc treo trên các cây cọc đó đây, các loại châu báu treo trên các cây cọc v.v... nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp định lấy các báu vật trên các cây cọc ấy, đưa tay lấy báu vật mà chưa gỡ khỏi dây buộc vào cọc, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nhưng khi rời khỏi cọc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu dây buộc cứng chắc, khi lấy báu vật dây buộc rời khỏi cây cọc, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả cọc, thì khi tay chạm vào sẽ phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động cây cọc ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trên cọc treo các bình sữa, bình dầu, bình mật, hoặc bát, tơ

lụa mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy bình sữa ấy, thì khi dùng tay dỡ lên, do dây mềm cọc thẳng, nên tuy dỡ, chưa phạm Ba-la-di. Khi tất cả rời khỏi cọc, thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc cọc cong, tuy dỡ chưa phạm Ba-la-di.

Khi tất cả đều rời khỏi cọc đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu dây cứng chắc mà cọc lại thẳng, thì khi dỡ lên liền phạm Ba-la-di.

Nếu khoét cho lủng bình thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi rót từ bình kia qua bình mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi ngưng rót, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu khi đang rót mà bỗng hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn trút lại vào trong bình thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Các bình dầu, bình mật kia cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo muốn lấy trộm bát, khi dùng tay dỡ lên, do dây mềm cọc thẳng, nên dù dỡ vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi bát rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc mà cọc cong, thì dù dỡ vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây mềm trụ cong, thì dù dỡ cầm vẫn chưa phạm Ba-la-di. Khi rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc, cọc thẳng, thì dỡ lên liền phạm Ba-la-di. Nếu lấy trộm tơ lụa thì cũng giống như trường hợp đã nói ở trên.

Lại nữa, khi ăn trộm tơ lụa, nếu suy nghĩ: "Ta cần một ít lụa", rồi leo lên cọc cuốn lấy lụa thì khi cuốn chưa xong chưa phạm Ba-la-di.

Khi đã cắt đứt lụa, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Khi Tỳ-kheo cuốn lấy lụa, nhưng cuốn chưa xong, liền hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn để lại chỗ cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là cây cọc sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào những cây cọc sai biệt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vườn sai biệt: Bấy giờ, có một trưởng giả

thuộc hàng đại phú, có một Tỳ-kheo tên Câu-lô thường vào ra nhà ông. Gia đình ông, cha mẹ anh em thường sống chung một nhà, nhưng khi cha mẹ chết thì trong nhà bất hòa, người em muốn chia gia tài mà người anh không bằng lòng, muốn sống chung cho có tình nghĩa. Người em đòi chia gia tài mãi, người anh bất đắc dĩ phải đồng ý. Thế rồi họ bàn bạc: "Ai có thể chia được?", và cùng nhau nhất trí là chỉ có thầy Câu-lô, vì khi cha mẹ còn sống, cúng dường thầy rất trọng hậu, trong nhà có gì hay không thầy biết rất rõ. Lúc ấy, người em gian manh liền đến Câu-lô lễ bái rồi thưa: "Thưa thầy, thầy được cha mẹ tôi tôn trọng, anh em tôi kính mến, trong nhà có gì hay không thầy đều biết rõ. Khi cha mẹ còn sinh tiền, anh em sống với nhau, nay cha mẹ đã qua đời, trong nhà bất hòa, muốn chia gia tài, nên tôi đến đây thưa với thầy, sau khi ở riêng tôi sẽ cúng dường thầy, và sẽ tự nuôi sống với những vật cúng dường còn lại, mong khi chia gia tài, thầy dành phần tốt cho tôi". Nếu Tỳ-kheo nhận lời người ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi giữ lại vật tốt thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi đã chia vật dụng xong, thì phạm tội Ba-la-di.

Lúc sắp chia vật dụng, Tỳ-kheo hỏi: "Nên chia vật gì trước hết?". Chủ nhân đáp: "Trước hết chia loài hai chân và bốn chân". Tỳ-kheo liền chia loài hai chân trước. Trong hàng nô tỳ những người già

cả khó sai bảo, không tin cậy được chia thành một phần, còn những người trai trẻ, không bệnh, dễ sai bảo, tin cậy được chia thành một phần. Khi chia loài bốn chân thì trong đàn bò những con già nua mất sức, xấu xí, khó dùng, không sinh sản, ít sữa, hoặc có sữa mà không vắt được, chia thành một phần, còn những con răng nhỏ, mập mạp, lanh lẹ, dễ sử dụng, mắn

đẻ, nhiều sữa, hiền lành, dễ dạy, chia thành một phần.

Khi chia phòng xá thì xếp các loại cũ kỹ, mục nát, thành một phần, còn những ngôi nhà mới đẹp đẽ, xếp thành một phần.

Về lầu gác, hàng quán cũng như thế.

Cho đến chia ruộng thì xếp những đám cằn cỗi, đất xấu thành một phần, những đám phì nhiêu, đất tốt thành một phần. Trong vườn, những chỗ đất chết, ít hoa trái chia thành một phần, còn chỗ đất tốt, hoa trái sum sê chia thành một phần. Lại sắp chia lúa thóc, vàng bạc, của cải.

Bấy giờ, người anh nói với Tỳ-kheo: "Thầy là người mà cha mẹ tôi kính mến, anh em tôi tôn trọng, vì sao chia của lại chia như thế?".

Thầy ấy bèn suy nghĩ lại về Phật dạy: "Nếu Tỳ-kheo đem cái tâm như thế mà chia của cho người ta, thì dù chủ không đồng ý nhận phần, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni".

Khi Câu-lô trở về rồi, hai anh em người ấy bèn bàn bạc: "Vậy thì ai là người mà cha mẹ kính trọng, là bậc kỳ cựu Đại đức biết trong nhà có gì hay không có, để nhờ họ chia của? Nếu không chia nhanh, sợ Vua nghe được hoặc có thể đánh thuế đoạt mất". Họ nghĩ lại thì thấy Câu-lô không có lỗi, nên anh em bàn nhau mời Câu-lô chia gia tài trở lại. Thế rồi, họ đi đến Câu-lô, lễ bái thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, bạch với Câu-lô: "Thầy là người mà cha mẹ tôi kính trọng, trong nhà có gì hay không thầy đều biết, nay hãy vì chúng tôi mà chia giúp gia tài này".

Lúc ấy, Câu-lô tức giận, vì trước đó họ không chịu nhận sự phân chia, nên bảo: "Anh em ngươi bạc nghĩa, đa nghi, bất tín, ai còn nhẫn nại để chia gia tài cho bọn ngươi nữa?".

Anh em họ liền thưa: "Trước đây vì chúng tôi bồng bột nên cảm thấy hổ thẹn với thầy, trong nhà của cải nhiều ít thầy đều biết rõ, nay xin thầy hãy chia giúp tài sản này. Nếu để quan thuế biết được, e họ đánh thuế cướp mất, cho nên chúng tôi muốn chia cho nhanh".

Tỳ-kheo hỏi lại: "Các ngươi nhất định muốn nhờ ta chia sao?".

Đáp: "Đúng thế thưa thầy".

Tỳ-kheo ấy liền bảo: "Nếu đã nhất quyết thì phải cam kết, sau khi chia của, được phần liền

nhận, không ai được nói gì nữa, thì ta mới chia cho các ngươi". Họ đồng thanh đáp: "Xin vâng lời dạy, không dám trái lời nữa". Thầy Tỳ-kheo ấy khi đã nhận lời thỉnh cầu của họ phải chia phần bằng nhau. Khi chia ruộng phải dùng dây căng ra đo đất, nếu đem tâm thiên vị mà đo đất thì dù chênh lệch nhau một bụi lúa, Tỳ-kheo này liền phạm tội Ba-la-di. Vì đất vốn là vật vô giá.

Đó gọi là vườn (đất) sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vườn sai biệt này thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Ăn trộm sai biệt: Có các Tỳ-kheo đang đi đường bị đám cướp cướp của, nhưng giặc cướp ít, Tỳ-kheo đông. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bèn bảo nhau: "Nay đám cướp ít mà chúng ta đông, ta phải hợp nhau lấy lại vật đã mất", bèn cùng nhau cầm gạch, đá, đuổi theo đám cướp ấy mà mắng lớn: "Quân trộm cướp tệ ác tội lỗi kia! Chúng ta đã tự mình cạo bỏ râu tóc, các ngươi tưởng ta cắt bỏ luôn cả tay rồi chăng?". Lúc ấy, đám cướp liền vứt y bát, tìm đường tẩu thoát. Nếu các Tỳ-kheo ấy chưa nghĩ là mình đã mất của, rồi lấy lại vật cũ thì không có tội. Nếu nghĩ là mình đã mất, rồi lấy lại vật ấy, tức là kẻ cướp lấy đồ của kẻ cướp, hễ đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có các Tỳ-kheo đang đi đường bị giặc cướp

cướp đoạt. Các Tỳ-kheo mất y bát rồi, vào núp trong rừng, đám cướp suy nghĩ: "Nhóm của chúng ta đông mà vật này thì ít, chia nhau sao đủ? Ta phải tìm thêm chút ít nữa". Liền đem y bát cất giấu một chỗ, rồi cướp của những người đang đi đường khác. Khi ấy, các Tỳ-kheo thấy được các vật chúng cất giấu, rình chờ đám cướp đi khỏi, bèn lấy lại y bát. Nếu các Tỳ-kheo ấy trước đó không nghĩ là mình đã mất của, rồi lấy lại vật cũ, thì không có tội. Nếu nghĩ là đã mất thì không nên lấy. Nếu lấy tức là đi cướp đồ của kẻ cướp, hễ đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có Tỳ-kheo đi đường bị đám cướp cướp đoạt y bát của Tỳ-kheo, rồi thuận đường đi tiếp. Khi ấy, Tỳ-kheo trông chừng xem chúng đi đâu, rồi theo sát chúng không ngừng. Đến một làng kia, đám cướp liền chia đồ vật. Tỳ-kheo bèn nói với chúng: "Các lão trượng! Tôi là người xuất gia, xin của người khác để nuôi sống. Các vị có thể xin y bát của tôi, nhưng các vị đâu có dùng y bát này làm gì?". Nếu Tỳ-kheo nói như thế mà đòi lại được, thì không có tội.

Nếu đám cướp mắng: "Này kẻ Sa-môn tệ ác! Ta định xin cả tính mạng của ngươi. Sao ngươi còn dám tới đây mong đòi lại y bát?".

Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ở đây gần làng xóm, đám cướp này ắt không dám hại ta, ta phải dọa chúng".

Liền nói với đám cướp: "Các ngươi tưởng ta không có ai che chở sao? Ta sẽ tâu với Vua và các quan Đại thần biết các ngươi là đám cướp". Nếu đe dọa chúng mà được, thì không có tội.

Nếu quân cướp nổi giận nói: "Ta nhất định không cho, ngươi muốn đi thưa tùy ý", mà Tỳ-kheo trình báo với xã trưởng, rồi ông ta bắt đám cướp hoặc trói, hoặc giết, thì không nên báo. Nếu báo với xã trưởng tìm phương tiện khuyến dụ họ mà được lại y bát, thì không có tội.

Lại có thầy Tỳ-kheo có nhiều y bát, nuôi đệ tử đông đúc, mà đệ tử của thầy thì không tu giới hạnh, nên họ nghĩ như sau: "Hãy đến phòng của thầy Hòa thượng lấy trộm các y bát. Y bát của tôi cũng để trong phòng của thầy". Bèn hẹn nhau: "Nếu ông được y bát thì chia cho tôi, nếu tôi được cũng chia cho ông", rồi vào trong phòng, đến chỗ móc y, lấy y của Hòa thượng đem để vào chỗ y của mình. Nếu chưa rời khỏi móc y cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã lấy y của thầy ra khỏi móc y, đem để vào chỗ y của mình, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu y của thầy còn vướng ở móc y, hoặc là dây tơ chưa rời khỏi móc y thì chưa phạm tội Ba-la-di, khi tất cả đều rời khỏi móc y, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thầy Hòa thượng nghi đệ tử có thể lấy trộm y bát của mình, bèn lấy y bát đó đem cất một chỗ khác. Người đệ tử bèn vào trong phòng tối ăn trộm

nhầm y bát của mình, khi ra ngoài không phân biệt được. Nếu trong nửa số y đó mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có một Tỳ-kheo Ma-ha-la (bán thế xuất gia), đã xuất gia mà không khéo giữ giới hạnh, nên có một Tỳ-kheo khác rủ: "Trưởng lão! Chúng ta hãy đi ăn trộm".

Ma-ha-la đáp: "Lúc còn ở nhà, tôi không làm kẻ trộm, nay đã xuất gia lẽ nào lại làm kẻ trộm?".

Tỳ-kheo kia nói: "Thầy không muốn ăn trộm thì chỉ cần giữ cửa, tôi sẽ chia phần cho thầy".

Ma-ha-la suy nghĩ: "Ta không ăn trộm mà được chia phần bằng nhau, vì sao không đi", bèn đáp: "Được".

Thế rồi hai người cùng đi. Ma-ha-la giữ cửa, thầy Tỳ-kheo kia vào nhà ăn trộm đồ đạc. Lúc chạm vào đồ đạc, thì cả hai cùng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động đồ đạc thì cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu có Tỳ-kheo khách đến, rồi nghỉ tại phòng ăn, hoặc tại phòng

tọa thiền, đến sáng sớm ra đi, bèn quên y bát và các vật khác. Bấy giờ, Tỳ-kheo tri khách (Ma-ma-đế) đi tuần hành các phòng ốc để xem Tỳ-kheo

khách kia đi hay chưa, bỗng thấy y bát liền[1257] sinh tâm trộm cắp, lấy y bát dời sang một chỗ khác (cất giấu), thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có Tỳ-kheo khác đến trông thấy y bát cũng sinh tâm trộm cắp, liền lấy dời một chỗ khác cất giấu, cũng phạm Ba-la-di.

Lại một người thứ ba đến trông thấy lại sinh tâm trộm cắp, đem cất giấu một chỗ khác nữa, cũng phạm Ba-la-di. Tùy số người nhiều ít khởi tâm trộm cắp di chuyển (các vật ấy), tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu người chủ y vật khi đã đi xa bỗng nhớ lại, bèn quay về chỗ tạm trú, nhận lại được y vật, thì không có tội.

Có Tỳ-kheo quên y bát, Tỳ-kheo khác thấy, liền sinh tâm trộm cắp, nhưng không tự tay lấy mà khiến Tỳ-kheo thị giả (Ma-ha-la) lấy. Tỳ-kheo thị giả tưởng là y bát của thầy ấy bèn cầm lấy. Khi chạm vào y bát thì Tỳ-kheo có tâm trộm cắp kia phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Còn Tỳ-kheo thị giả vì không có tâm trộm cắp, nên cả ba lúc đều không có tội. Nếu vị kia ban đầu bảo thị giả lấy y bát rồi sẽ chia phần, mà thị giả sinh tâm trộm cắp chạm vào thì ngay lúc ấy cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động, cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu thị giả thấy rồi, suy nghĩ: "Việc gì phải chia phần cho ông ấy? Ta hãy độc chiếm", rồi lấy đi thì phạm tội Ba-la-di.

Còn vị Tỳ-kheo kia phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo muốn làm tháp Phật mà không có vật liệu, trong khi chúng Tăng có vật liệu, liền suy nghĩ: "Trời người sở dĩ cúng dường chúng Tăng là đều mong ân Phật, cúng dường Phật tức là cúng dường chúng Tăng", bèn đem vật của chúng Tăng sửa chữa tháp, thì Tỳ-kheo kiến thiết ấy phạm tội Ba-la-di. Nếu tháp có vật liệu mà chúng Tăng không có, liền suy nghĩ: "Cúng dường Tăng thì Phật cũng có trong đó", liền đem vật của tháp cúng dường chúng Tăng, thì vị Tỳ-kheo kiến thiết này phạm tội Ba-la-di.

Nếu tháp không có vật liệu mà chúng Tăng có vật liệu thì được phép mượn dùng, nhưng phải làm biên bản ghi rõ: Lúc nào mượn dùng, lúc nào trả lại; trái lại, nếu Tăng không có vật liệu mà tháp có vật liệu, thì được phép mượn dùng cũng như thế. Khi bàn giao, thầy tri sự phải đọc biên bản bàn giao rõ ràng giữa chúng Tăng, nếu không đọc biên bản, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là mượn dùng tạm.

Hai Tỳ-kheo có tài vật chung phải chia nhau, nhưng một Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp độc chiếm, thì trừ ra phần của thầy, phần kia đủ số quy định sẽ phạm tội Ba-la-di.

Nếu thầy kia đồng ý, thì giữ lấy không có tội. Hoặc suy nghĩ: "Nay tôi mượn dùng, sau này sẽ trả lại", thì không có tội.

Có hai Tỳ-kheo chuyên giáo hóa cùng cam kết với nhau: "Từ nay trở đi nếu tôi hoặc thầy được phẩm vật thì phải chia hai". Nhưng sau đó, một người được một tấm y đẹp, bèn suy nghĩ: "Nếu sau này được cái khác chưa chắc được như thế này", liền nói với bạn: "Từ nay trở đi lộc của ai thì thuộc về người ấy. Nếu thầy được thì thầy tự giữ lấy, nếu tôi được thì tôi tự giữ lấy".

Vì chiếc y vừa được kia trái với cam kết, nên một nửa trong đó mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này nhận bố thí, chú nguyện xong rồi, nói với thí chủ: "Hãy để vật này ở chỗ ông, sau này tôi sẽ lấy", bèn nói với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ".

Khi nói lời ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo này nghe có người kia định bố thí y, liền nói trước với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu tôi được thì

tôi giữ, nếu thầy được thì thầy giữ". Khi nói như thế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có hai Tỳ-kheo theo hạnh phấn tảo y, cùng cam kết: "Từ nay trở đi nếu được phấn tảo y, thì chúng ta chia nhau".

Lúc ấy một Tỳ-kheo được y phấn tảo đẹp, liền suy nghĩ: "Y này rất đẹp, sau này nếu được nữa thì chưa chắc được như vậy", bèn nói với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ". Vì Tỳ-kheo này trái lời cam kết trước, nên trong nửa phần y ấy mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này được y phấn tảo đẹp mà không mang về, lại đem cất giấu, lấy cỏ, gạch phủ lên, rồi trở về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo này thấy y phấn tảo đẹp nhưng không lấy cũng không cất giấu mà trở về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo phải biết vật của Tăng có trường hợp nên cho, có trường hợp không nên cho. Thế nào là nên cho? Hoặc là vì tổn hại, hoặc là vì lợi ích.

Thế nào là vì tổn hại?

Có bọn cướp đến chùa đòi các thức ẩm thực, nếu không cho, thì chúng có thể đốt chùa cướp của,

nên dù không đáng cho mà vì sợ chúng gây sự tổn hại, do đó, ta phải tùy nghi cho chúng nhiều ít.

Thế nào là vì lợi ích?

Khi sửa chữa phòng ốc của chúng Tăng, nên cho các thợ nề, thợ mộc, thợ vẽ, cai thầu ăn bữa sáng và bữa chiều, và cho các thứ dầu thoa, nước giải khát v.v... Hoặc Vua và các người có thế lực lớn, ta phải cho họ ăn uống.

Đó gọi là vì lợi ích nên phải cho.

Có Tỳ-kheo mất y bát, vật dụng, nếu chưa nghĩ xả bỏ nó, mà sau đó biết nó ở đâu rồi đến đó tìm, tìm được thì không phạm. Trái lại, nếu đã nghĩ đã xả bỏ nó, thì dù biết nó ở đâu cũng không nên đến tìm, vì tìm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khi mất, bụng thầm nhủ: Sau này nếu biết nó ở đâu ta sẽ đến tìm, thì khi tìm được sẽ không có tội.

Có hai Tỳ-kheo cùng cam kết: Cùng thọ trì kinh chung, cùng tụng kinh chung. Nhưng về sau, không thọ trì, không đọc tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là vật ăn trộm sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào những vật ăn trộm sai biệt ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm

tội Ba-la-di.

Thuế sai biệt: Có một Tỳ-kheo đi đường cùng với khách buôn. Tỳ-kheo này có đồ chúng đông đảo. Khi ấy, khách buôn nói với một Tỳ-kheo: "Thầy của ông là bậc đại đức, đến chỗ thuế quan, ai mà dám kiểm tra. Ông hãy vì tôi cầm vật này bỏ vào trong xách y của thầy ông, đi qua chỗ thuế quan". Người đệ tử ấy bằng lòng, cầm vật kia bỏ vào trong xách y của thầy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn thầy không biết nên không có tội.

Nếu đi qua chỗ thuế quan thì đệ tử phạm tội Thâu-lan-giá. Thầy không phạm.

Nếu qua khỏi chỗ thuế quan thì đệ tử phạm tội Ba-la-di. Thầy không phạm.

Nếu khách buôn nói với vị thầy: "Thầy là người phước đức, đồ chúng cùng đi ai dám kiểm tra, xin thầy vì tôi đem ít vật này bỏ vào túi xách của đệ tử thầy để qua chỗ quan thuế". Thầy ấy liền đồng ý, lấy bỏ vào trong túi xách của đệ tử, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đệ tử không biết nên không có tội.

Nếu đến chỗ quan thuế, thì thầy phạm tội Thâu-lan-giá. Đệ tử không có tội.

Nếu qua khỏi chỗ quan thuế, thì thầy phạm tội Ba-la-di. Đệ tử không có tội.

Nếu khách buôn nói với cả hai thầy trò và hai người đều đồng ý, thì cả hai phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến chỗ quan thuế, thì cả hai phạm tội

Thâu-lan-giá. Nếu qua khỏi chỗ quan thuế, thì[1263] cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đi đường cùng với khách buôn, đến nơi xóm làng, Tỳ-kheo rửa tay, khách buôn hỏi: "Trưởng lão định đi đâu?". Đáp: "Ta định đi khất thực". Khách buôn nói: "Thầy khỏi đi khất thực, tôi sẽ cho đồ ăn", bèn cho Tỳ-kheo các thức ăn ngon.

Khi ăn xong, nói với Tỳ-kheo: "Thầy hãy vì tôi cầm một ít vật này qua chỗ quan thuế".

Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép ta mang vật phải đóng thuế qua cửa thuế quan".

Khách buôn suy nghĩ: "Qua cửa thuế quan cũng mất, cho Tỳ-kheo cũng mất, cả hai đều mất, nhưng cho Tỳ-kheo có thể được phước đức", bèn nói với các Tỳ-kheo: "Hãy đứng theo thứ tự, tôi muốn bố thí", liền tuần tự bố thí. Trong bát của mỗi người đều đầy những vật báu. Khi bố thí xong, khách buôn bèn đi qua cửa khẩu, dừng lại đợi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau đó đi đến. Người khách buôn ấy liền đảnh lễ dưới chân các Tỳ-kheo, bạch: "Các tôn đức có biết không?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Biết".

Lại hỏi: "Có biết trước đây tôi bố thí không?". Đáp: "Biết".

Hỏi: "Nếu biết, thì vì sao tôi bố thí?". Đáp: "Vì

ông muốn làm phước".

Khách buôn nói: "Đúng vậy! Nhưng vợ con tôi đang cần đến cơm áo. Mắc nợ thì phải trả. Vậy xin trả lại các vật trước đây".

Tỳ-kheo nên nói: "Kẻ tệ ác! Sao ngươi dám khinh thường chúng tôi đến thế? Trước đây bảo là làm phước, bây giờ thì đòi lại".

Nói thế rồi mà kẻ ấy vẫn cố đòi, Tỳ-kheo trả lại thì không phạm. Nếu trước kia biết họ không thật bố thí mà Tỳ-kheo vẫn nhận, đem hàng qua cửa thuế quan, thì dù trả lại vẫn phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đi cùng khách buôn, cho đến nói: "Phật không cho mang giúp vật phải đóng thuế, qua cửa thuế quan". Mà khách buôn nói với Tỳ-kheo: "Tôi không nhờ thầy mang vật này qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ thầy giữ giúp cho tôi, tôi muốn gặp người giữ cửa khẩu một tí, giây lát sẽ trở lại".

Thế rồi, Tỳ-kheo nhận vật gởi gấm, khách buôn đi qua khỏi cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chờ lâu, không biết giao vật đó cho ai, bèn mang qua cửa khẩu, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường chung với khách buôn... cho đến "Phật không cho mang giúp vật phải đóng thuế qua cửa khẩu". Rồi khách buôn nói: "Tôi không bảo Tỳ-kheo mang vật này qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ giữ giúp cho tôi, tôi đi gặp người giữ cửa khẩu một tí rồi trở lại". Tỳ-kheo liền giữ

giúp, và nói: "Nếu ông không trở lại, tôi sẽ bỏ vật của ông mà đi". Khách buôn lại suy nghĩ: "Tỳ-kheo tuy nói vậy, nhưng sẽ không bỏ vật của ta mà đi đâu", liền đi qua khỏi cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo dừng lại lâu mà không thấy y trở lại, bèn bỏ vật tại đó, đi qua cửa khẩu. Khách buôn bèn hỏi Tỳ-kheo: "Hàng hóa của tôi đâu rồi?".

Tỳ-kheo nổi giận nói: "Ngươi dám đùa cợt với ta sao? Trước đây ta há không bảo: "Nếu trong chốc lát ngươi không trở lại, thì ta bỏ hàng hóa của ngươi mà đi là gì? Hàng hóa của ngươi vẫn còn tại chỗ cũ hãy trở lại mà lấy". Nếu Tỳ-kheo làm như vậy thì không phạm.

Tỳ-kheo cùng đi chung đường với khách buôn... cho đến "Phật không cho mang giúp hàng hóa phải đóng thuế qua cửa khẩu" rồi khách buôn nói với Tỳ-kheo: "Tôi không bảo Tỳ-kheo mang hàng hóa qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ giữ giùm tôi, tôi đến gặp người giữ cửa khẩu một lát rồi trở lại". Tỳ-kheo bèn giữ giúp, và nói: "Nếu ông không trở lại thì tôi sẽ đem hàng hóa của ông gởi cho người giữ cửa khẩu". Khách buôn suy nghĩ: "Tỳ-kheo tuy nói vậy, nhưng lẽ nào lại đang tâm đem hàng hóa của ta gởi cho người giữ cửa khẩu?", bèn đi qua cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chờ lâu không thấy Y trở lại, bèn đem hàng hóa của Y gởi cho người giữ cửa khẩu, nói: "Có khách buôn diện mạo như thế, tên họ như thế thì ông hãy thâu thuế

theo hàng hóa và trả hàng lại cho y"...

Rồi Tỳ-kheo đi qua cửa khẩu. Khách buôn hỏi: "Hàng hóa của tôi đâu rồi?". Tỳ-kheo nổi giận nói: "Ngươi dám đùa cợt với ta sao? Trước đây ta há không bảo, nếu trong chốc lát ngươi không trở lại, thì ta đem hàng hóa của ngươi gởi cho người giữ cửa khẩu là gì? Hàng hóa của người giờ đây ở chỗ người giữ cửa khẩu, hãy đến đó mà lấy". Nếu Tỳ-kheo làm như vậy thì không phạm.

Tinh xá của Tỳ-kheo ở gần đại lộ, có một Tỳ-kheo đang đi kinh hành (trong ấy), rồi khách buôn (trông thấy) nói với Tỳ-kheo: "Tôi có món hàng phải đóng thuế, xin Trưởng lão mang vào thành giúp tôi".

Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn không cho phép ta mang hàng hóa phải đóng thuế qua cửa thuế quan. Nhưng nay ta bày cho ngươi một cách: Ngươi hãy đi băng qua đường, hoặc đi ngang qua hàng rào, hoặc đi ngang qua cái ngòi, hoặc có thể chất lên xe hàng đã đóng thuế, hoặc có thể gởi vào trong xe hàng của nhà Vua, hoặc gởi vào trong thùng nước của nô tỳ, hoặc giấu dưới lông của con dê mà đi qua". Nếu chỉ vẽ cho họ như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ trong thành chỉ vẽ cho họ ra ngoài thành cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo biết hàng phải đóng thuế mà không biết rằng đem hàng phải đóng thuế qua cửa

khẩu sẽ phạm Ba-la-di, thì khi đem hàng ấy[1267] qua cửa khẩu, đủ số quy định, sẽ phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo biết đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu sẽ phạm Ba-la-di, mà không biết hàng ấy phải đóng thuế, thì khi đem hàng ấy qua khỏi cửa khẩu, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo biết hàng phải đóng thuế, cũng biết rằng đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu phạm Ba-la-di, thì khi món hàng ấy qua khỏi cửa khẩu, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo không biết hàng phải đóng thuế, cũng không biết đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu phạm Ba-la-di, thì đem qua không phạm.

Thế nào là vật không phải đóng thuế?

Thế nào là vật phải đóng thuế?

Các vật của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni đệ tử của Thế Tôn, và vật của tất cả những người ngoại đạo xuất gia, đó là vật không phải đóng thuế. Nếu mua bán các vật đó thì phải nộp thuế.

Đó gọi là thuế sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào các vật phải đóng thuế sai khác này, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu một Tỳ-kheo có tâm trộm cắp chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hai, hoặc ba cho đến nhiều Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo sai một Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu sai hai người, ba người, cho đến sai nhiều Tỳ-kheo có tâm trộm cắp chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo được sai khiến lại sai một Tỳ-kheo khác, hoặc sai hai người, ba người, cho đến nhiều Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các loại thuốc (thức ăn) dùng ban đêm, dùng bảy ngày, dùng suốt đời, cho đến những vật thanh tịnh và không thanh tịnh cũng như vậy.

Tỳ-kheo có năm pháp đầy đủ, lấy của không cho, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đủ năm yếu tố sau đây, phạm Ba-la-di. Đó là:

Đủ số quy định (đủ năm tiền).

Có chủ.

Biết là có chủ.

Sinh tâm trộm cắp.

Rời khỏi chỗ cũ.

Lại đủ năm yếu tố lấy của không cho, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó là:

Biết là vật của người ta không cho.

Biết là không phải của mình.

Biết là có chủ.

Biết là họ không đồng ý.

Không nghĩ là mình mượn tạm.

Lại có năm yếu tố đầy đủ không phạm Ba-la-di.

Đủ năm yếu tố sau đây, không phạm Ba-la-di. Đó là:

Tưởng là người ta cho.

Tưởng là của mình.

Tưởng là vật vô chủ.

Tưởng là người chủ đồng ý.

Nghĩ là mình mượn tạm.

Đó là năm trường hợp Tỳ-kheo lấy của không cho, không phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo lấy của không cho, tại phương Đông, Tây, Bắc, Nam, trên hư không, chỗ trú xứ, đều phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo sai đầy tớ, hoặc người giúp việc, hoặc người quen biết, hoặc làm thử, hoặc chưa

từng làm mà làm, hoặc ngu si, hoặc không biết xấu hổ tưởng là việc tốt, đi lấy của không cho, thì đều phạm tội.

-Trường hợp không phạm: Nếu tâm loạn điên cuồng thì không có tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo lấy của không cho nơi làng xóm, chỗ hoang vắng, tùy theo vật lấy trộm, khiến Vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, nói: "Ôi, kẻ nam tử! Ngươi là kẻ trộm sao? Ngươi là kẻ ngu si sao?".

Nếu Tỳ-kheo là kẻ ăn trộm như thế, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (cùng Tăng chúng).

Khi ấy, Đức Thế Tôn trú tại thành Vương-xá, sau bữa thọ trai, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, bóng xế dài chừng hai người, vào ngày thứ mười giữa tháng thứ hai của mùa đông, sáu năm sau khi thành Phật, vì Trưởng lão Đạt-nị-già con của người thợ gốm nhân liên hệ đến Vua Bình-sa và Tỳ-kheo mặc y phấn tảo mà chế giới này. Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 4

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

3. GIỚI SÁT SINH

Khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày không bớt. Thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh đâm ra mỏi mệt chán ngán, liền nói với Tỳ-kheo có bệnh: "Trưởng lão! Tôi nuôi bệnh đã lâu ngày, không được phụng sự Hòa thượng, thầy Giáo-thọ, cũng không được thọ trì kinh, tụng kinh và tư duy hành đạo. Trưởng lão mang bệnh đã lâu ngày, chữa trị cũng không hết, tôi cũng khổ sở lây". Thầy Tỳ-kheo có bệnh nói: "Thế thì phải làm sao? Tôi cũng đau đớn thống khổ không sao chịu nổi. Nếu thầy có thể giết tôi chết thì hay lắm". Thầy Tỳ-kheo ấy liền giết vị kia. Các Tỳ-kheo hay được liền đem đầy đủ mọi tình tiết bạch lên Thế Tôn.

Thế Tôn dạy: "Gọi Tỳ-kheo ấy đến".

Khi thầy ấy đến rồi, Phật bèn hỏi kỹ các việc

trên: "Tỳ-kheo!

Ông có làm việc ấy thật chăng?" Đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si! Ông không từng nghe ta dùng nhiều phương tiện ca ngợi những người sống phạm hạnh có thân từ ái, miệng từ ái và ý từ ái, cúng dường cung cấp những thứ cần thiết cho họ là gì? Nay vì sao ông tự tay sát hại mạng sống của người? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Bấy giờ, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo tự tay mình sát hại mạng người, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh, chữa trị lâu ngày mà không dứt. Thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh mệt mỏi, chán ngán, bèn nói với Tỳ-kheo có bệnh: "Trưởng lão! Từ ngày tôi nuôi bệnh đến nay đã lâu mà không được phụng sự Hòa thượng, thầy Giáo thọ, không được thọ trì kinh, tụng kinh, tư duy hành đạo. Trưởng lão mang bệnh đã lâu ngày chữa trị không dứt, mà tôi cũng khổ lây". Thầy Tỳ-kheo có bệnh nói: "Thế thì phải

làm sao? Tôi cũng đã chán nỗi thống khổ[1273] này không thể chịu nổi. Nếu thầy có thể giết tôi chết thì rất tốt". Thầy Tỳ-kheo ấy nói: "Đức Thế Tôn chế giới không được tự tay mình giết người". Tỳ-kheo có bệnh nói: "Nếu thầy không thể tự tay mình giết tôi, thì thầy có thể vì tôi đi tìm một kẻ cầm dao đến đây". Lúc ấy, thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh bèn đi đến chỗ một ngoại đạo là Lộc Trượng, nói: "Lão trượng, ông có thể giết vị Tỳ-kheo mỗ giáp kia, thì tôi cho ông y bát". Y bèn theo lời, giết thầy ấy rồi lấy y bát.

Các Tỳ-kheo biết được việc đó, liền đem đầy đủ mọi sự tình bạch lên Thế Tôn.

Phật bảo: "Đi gọi thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh đến đây".

Khi Tỳ-kheo ấy đến, Phật hỏi: "Có thật ông làm việc đó chăng?".

Đáp: "Đúng vậy". Phật khiển trách: "Ngươi chẳng từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi những người sống phạm hạnh có thân từ ái, miệng từ ái, ý từ ái, cúng dường cung cấp những vật cần thiết cho họ là gì? Nay vì sao ông tìm người cầm dao giết chết mạng người? Đó là việc phi pháp, phi luật, chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống chung quanh thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại đầy

đủ. Ngài bèn vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu thầy Tỳ-kheo tự tay giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày. Rồi thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh nói với Tỳ-kheo bị bệnh dai dẳng ấy như sau: "Tôi không thọ trì kinh, tụng kinh, tư duy hành đạo được. Lại phải đi đến người ta tìm kiếm những thức ăn uống, thuốc thang phù hợp với người bệnh khiến thiên hạ đều chán ngấy tôi. Tôi cũng khổ sở chẳng kém". Thầy Tỳ-kheo bệnh nói: "Thế thì phải làm sao? Tôi cũng chán nỗi đau đớn này, không thể chịu nổi nữa. Nếu thầy giết tôi chết thì tốt lắm". Tỳ-kheo ấy liền nói: "Thầy không nghe Thế Tôn chế giới không được tự tay giết người hay sao?". Tỳ-kheo bệnh nói: "Nếu vậy thì thầy vì tôi đi gọi giúp người cầm dao đến đây". Tỳ-kheo ấy lại nói: "Thầy không nghe Thế Tôn chế giới không được đi tìm người cầm dao về giết người hay sao?". Tỳ-kheo bệnh nói: "Thế thì thầy bảo phải làm sao?". Tỳ-kheo nuôi bệnh đáp: "Thầy chỉ cầu được sống không muốn chết, chứ nếu muốn chết thì thầy có thể tìm dao dể tự sát, hoặc là uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc nhảy xuống hố, lao vào lửa, hoặc ôm đá dìm mình xuống sông, phương

pháp tự sát thật là đa dạng". Ca ngợi như thế rồi, thầy bèn ra khỏi trú xứ. Sau đó Tỳ-kheo có bệnh bèn tự sát. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn dạy: "Hãy gọi Tỳ-kheo nuôi bệnh đến đây".

Khi vị ấy đến, Phật hỏi kỹ sự việc trên: "Ông có làm thật như thế chăng?".

Đáp: "Thật như thế".

Phật nói: "Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi những người sống phạm hạnh, có thân từ ái, miệng từ ái và ý từ ái, và khuyên cúng dường cung cấp cho họ những thứ cần thiết là gì? Nay vì sao ông lại ca ngợi sự chết? Điều đó là phi pháp, phi luật, không đúng lời ta dạy. Không thể dùng việc này để nuôi lớn pháp thiện".

Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh thành Tỳ-xá-ly tập họp lại tất cả, những ai nghe rồi cũng phải nghe lại và căn cứ mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc đi tìm người cầm dao đến giết, hoặc bảo họ chết, ca ngợi sự chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với chúng Tăng.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên... Khi Lộc Trượng ngoại đạo giết Tỳ-kheo

rồi, lòng rất sầu não, suy nghĩ: "Ta nay vì sao lại giết người sống phạm hạnh, tạo tội ác như thế? Sau khi ta mệnh chung, làm sao khỏi rơi vào đường ác, sa vào địa ngục?"

Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần thường tạo điều kiện để làm tăng trưởng các việc ác, liền từ trên không trung nói với ngoại đạo: "Ông chớ nên ưu sầu lo sợ đọa vào đường ác. Vì sao thế? Việc làm của ông hôm nay là khiến cho người ta thoát được khổ hoạn, những ai chưa được độ thì được độ, thật là công đức vô lượng". Khi đó, ngoại đạo ấy suy nghĩ: "Ta giết Tỳ-kheo, ắt thu được phước lớn, cho nên chư Thiên tùy hỷ khen là việc tốt". Suy nghĩ thế rồi, y bèn cầm dao bén đi đến các tăng phòng và những chỗ kinh hành rao lớn cho các Tỳ-kheo nghe: "Ai muốn thoát khổ, ai muốn được độ, ta sẽ làm cho hết khổ, ta sẽ độ cho".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng về pháp môn quán Bất tịnh cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo tu pháp quán bất tịnh chán ngấy nỗi khổ của thân, trong số họ có người dùng dây thắt cổ, có người uống thuốc độc, có kẻ dùng dao tự sát, có kẻ nhảy xuống hố, kẻ lao vào lửa, tự vẫn rất đông. Họ còn bị Lộc trượng ngoại đạo trước sau giết không phải một người, hai người, ba, bốn, năm người, mười người mà cả thảy sáu mươi người. Lúc ấy vào ngày rằm hằng tháng, Đức Thế Tôn đang ngồi giữa chúng Tăng, định làm lễ Bố-tát. Ngài nhìn xung quanh

thấy chúng Tăng thưa thớt, bèn hỏi A-nan: "Hôm nay chúng Tỳ-kheo vì sao mà ít thế? Vì sao không thấy Tỳ-kheo A, B, v.v...?".

A-nan liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo giảng về pháp quán Bất tịnh, ca ngợi công đức tu tập pháp quán Bất tịnh. Các Tỳ-kheo siêng năng tu pháp quán Bất tịnh… Sau khi tu pháp quán Bất tịnh họ rất chán cái thân này. Do thế có người cầm dao tự sát. Thậm chí có người còn nhờ Lộc trượng ngoại đạo giết mình, chỉ trong nửa tháng mà mất sáu mươi người. Những ai không đến đều đã mệnh chung, rất mong Thế Tôn dạy cho pháp khác, để các Tỳ-kheo khỏi chán xác thân mà tự sát, hầu các bậc Hiền Thánh còn tồn tại lâu ở thế gian, đem lại lợi ích cho trời, người".

Thế rồi, Phật bảo A-nan: "Có pháp thiền định khác khiến các Tỳ-kheo thích thú, siêng tu mà không nhàm chán xác thân. Đó là pháp niệm hơi thở vô và hơi thở ra. A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo tu tập pháp niệm hơi thở vô hơi thở ra, được thành tựu, chứng ngộ, hiện bày diệu dụng trong an lạc? Đó là, nếu Tỳ-kheo cư trú nơi thành ấp, xóm làng, khi đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành khất thực, thu giữ thân, khẩu, ý, khéo nghĩ nhớ đến thân mình, không để tâm dong ruổi, thường giữ chánh định, thâu giữ các căn mà đi khất thực. Khất thực xong, trở về trú xứ tìm một chỗ vắng vẻ mà ngồi yên.

Nghĩa là tìm một chỗ trống, khe suối, hang núi hay nghĩa trang mà ngồi thiền rồi đoạn trừ tham dục, sân hận, ngủ nghỉ, trạo cử, hoài nghi và diệt trừ các chướng ngại, trí tuệ sáng tỏa, buộc niệm tại hơi thở, khi hít vào biết là hít vào, khi thở ra biết là thở ra.

Khi hít vào dài biết là hít vào dài, khi thở ra dài biết là thở ra dài.

Khi hít vào ngắn biết là hít vào ngắn. Khi thở ra ngắn, biết là thở ra ngắn.

Khi hơi thở vào khắp thân thể, biết là hơi thở vào khắp thân thể.

Khi hơi thở ra khắp thân thể, biết là hơi thở ra khắp thân thể.

Khi hơi thở vào thân buông xả, biết là hơi thở vào thân buông xả. Khi hơi thở ra thân buông xả, biết là hơi thở ra thân buông xả.

Khi thở vào hoan hỷ, biết là thở vào hoan hỷ. Khi thở ra hoan hỷ, biết là thở ra hoan hỷ.

Khi thở vào an lạc, biết là thở vào an lạc. Khi thở ra an lạc, biết là thở ra an lạc.

Khi thở vào có ý thức, biết là thở vào có ý thức. Khi thở ra có ý thức, biết là thở ra có ý thức.

Khi thở vào có ý hành xả, biết là thở vào có ý hành xả. Khi thở ra có ý hành xả, biết là thở ra có ý hành xả.

Khi thở vào có tâm hiện diện, biết là thở vào có tâm hiện diện. Khi thở ra có tâm hiện diện, biết là

thở ra có tâm hiện diện.

Khi thở vào tâm vui vẻ, biết là thở vào tâm vui vẻ. Khi thở ra tâm vui vẻ, biết là thở ra tâm vui vẻ.

Khi thở vào tâm định tĩnh, biết là thở vào tâm định tĩnh. Khi thở ra tâm định tĩnh, biết là thở ra tâm định tĩnh.

Khi thở vào tâm giải thoát, biết là thở vào tâm giải thoát. Khi thở ra tâm giải thoát, biết là thở ra tâm giải thoát.

Khi thở vào vô thường, biết là thở vào vô thường. Khi thở ra vô thường, biết là thở ra vô thường.

Khi thở vào đoạn diệt, biết là thở vào đoạn diệt. Khi thở ra đoạn diệt, biết là thở ra đoạn diệt.

Khi thở vào không tham dục, biết là thở vào không tham dục. Khi thở ra không tham dục, biết là thở ra không tham dục.

Khi thở vào tịch diệt, biết là thở vào tịch diệt. Khi thở ra tịch diệt, biết là thở ra tịch diệt.

Như thế đó A-nan, suy nghĩ như vậy, gọi là thích thú, khéo học, không nhàm chán xác thân, khiến cho các bậc Hiền Thánh an trú lâu ở thế gian, làm lợi ích cho trời, người. Rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh Tỳ-xá-ly tập họp lại hết, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay giết người, hoặc tìm người

cầm dao đến giết, hoặc xúi giục tự tử, hoặc ca ngợi sự chết, như nói: "Ôi! Kẻ nam tử, sống với cái thân nhơ uế để làm gì, chết còn hơn sống". Dùng phương tiện ca ngợi rằng chết là thích thú, với ý nghĩ như thế, tư tưởng như thế chứ không có gì khác, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Giải thích:

Tỳ-kheo: (Đã chú thích ở giới thứ nhất)

Tự tay mình: Đó là: Tự thân, thân phần, thân thế lực.

Tự thân: Dùng cả toàn thân mình đè lên để giết người thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là tự thân.

Thân phần: Hoặc dùng tay, cùi chỏ, gót chân, đầu gối, hoặc các bộ phận khác để giết người, thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là thân phần.

Thân thế lực: Hoặc dùng gậy, dùng đá, dùng gạch, từ xa để ném giết người thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là thân thế lực.

Người: Thuộc loài người, có mạng sống.

Giết chết: Khiến cho bốn đại của người ấy bị phân tán, mạng sống không còn tiếp tục. Đó gọi là giết chết.

Đi tìm: Là đi tìm người cầm dao hoặc là nam, nữ, lớn, nhỏ, hoặc xuất gia, tại gia.

Dao: Hoặc là kiếm kích, hoặc dao dài, dao ngắn, hoặc xà mâu, vòng sắt, tất cả những khí giới

sắt bén cho đến cây kim v.v...

Khen ngợi sự chết: Tức là nói: Sống với cái thân ô uế để làm gì, chết còn hơn sống. Ý nghĩ như vậy là ý nghĩ sát hại, tư tưởng như vậy là tư tưởng sát hại. Khen ngợi chết là thích thú để mong người ấy chết, chứ không có lý do nào khác. Do đó mà họ chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: (Đã giải thích ở giới thứ nhất)

Tỳ-kheo giết người: Hoặc dùng dao giết, hoặc dùng thuốc độc giết, hoặc bôi thuốc lên mình, hoặc cho mửa ra, cho đại tiện, hoặc làm đọa thai để giết, hoặc nói về tướng trạng, hoặc ca ngợi sự tự sát.

Giết bằng dao: Hoặc dùng gươm, dao lớn, dao nhỏ, cho đến dùng kim v.v... Khi có tâm sát hại mà thân động thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi chạm đến thân họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Do đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng dao.

Giết bằng thuốc độc: Thuốc độc có ba loại, là: Thuốc độc sống, thuốc độc bào chế, chất độc của loài vật.

Thuốc độc sống: Có những nước, đất ở đó sinh ra cây thuốc độc, như nước Nghê Lâu Sinh có cây thuốc độc thắng cừ, nước Uất-xà-ni sinh có cây thuốc độc già la. Đó gọi là thuốc độc sống.

Thuốc độc bào chế: Như trường hợp thợ săn

dùng rễ, cành, hoa, lá hợp lại chế thành thuốc độc. Đó gọi là thuốc độc bào chế.

Chất độc của loài vật: Như chất độc của rắn, chất độc của loài Na-câu-la, chất độc của mèo, chất độc của chuột, chất độc của chó, chất độc của gấu, chất độc của người (?). Các chất độc như thế gọi là chất độc của loài vật.

Bôi lên mình: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người bèn dùng tay cầm ba loại thuốc độc, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bôi lên mình họ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Người ấy do thế mà chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng thuốc.

Bôi thuốc mà giết: Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, tự tay cầm thuốc độc thì phạm tội Việt-tỳ-ni, thoa thuốc vào thân phần người khác, phạm Thâu-lan-giá. Nếu người ấy do đó mà chết, phạm tội Ba-la-di.

Cho thuốc mửa ra: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên chế ra thuốc mửa, suy nghĩ: "Ta đưa loại thuốc này cho người ấy uống để cho y mửa ra máu huyết, gan mật", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi đưa thuốc cho người ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Người ấy vì uống thuốc mửa đó mà chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Cho thuốc đại tiện: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên chế ra thuốc đại tiện, và suy nghĩ: "Ta

đưa thuốc này cho người ấy uống, để y đại tiện[1283] ra máu huyết và gan mật", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đưa thuốc cho người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người ấy do thuốc đó mà chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng thuốc đại tiện để giết.

Làm đọa thai để giết: Nếu Tỳ-kheo muốn giết bà mẹ mà làm cho đọa thai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn làm đọa thai mà bà mẹ chết, thì cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu muốn giết người mẹ mà người mẹ chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn làm đọa thai mà một phần của thai nhi, hoặc cả thai bị trục ra, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu làm đọa thai loài vật thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là làm đọa thai để giết.

Nói tướng trạng: Nếu Tỳ-kheo nói với người kia: "Theo chỗ thấy của tôi hiện giờ thì ông nhất định sẽ chết. Ông nên tự sát, chứ sống khổ sở để làm gì!" Người ấy do thế mà chết, thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di. Hoặc nói: "Như tôi thấy trong mộng thì nay ông nhất định sẽ chết"

Hoặc nói: "Tôi nghe tiếng chó sói, chim cú, chim quạ kêu. Nay tôi thấy trên mũi ông hiện lên sắc đen, ông chắc chắn sẽ chết. Ông nên tự sát, chứ sống khổ sở để làm gì". Người đó do thế mà chết,

thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hỏi: "Ông bao nhiêu tuổi?". Đáp: "Tôi chừng ấy tuổi". Lại nói: "Tôi rất rành số mạng. Năm nay ông chắc chắn sẽ chết, chi bằng ông tự sát là hơn, chứ để cái thân ô uế này sống mà làm gì". Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hỏi: "Ông thuộc về sao gì?". Đáp: "Tôi thuộc về sao như thế". Lại nói: "Tôi hiểu rõ sao đó, nên biết năm nay ông nhất định sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Vì sao ông không tự sát mà sống khổ sở để làm gì?".

Hoặc hỏi: "Ông tên gì?". Đáp: "Tôi tên là A". Lại nói: "Tôi biết tất cả các tên tuổi. Ông nhất định sẽ chết".

Lại hỏi: "Ông họ gì?". Đáp: "Tôi họ Mỗ". Lại nói: "Tôi biết rất rành các dòng họ, năm nay ông nhất định sẽ chết".

Lại hỏi: "Ông ăn thứ gì?". Đáp: "Tôi ăn thức ăn như thế". Bèn bảo họ mửa ra. Mửa rồi, liền nói: "Ông ăn thức ăn như thế chắc chắn sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa".

Lại hỏi: "Ông ăn tại đâu?". Đáp: "Ăn tại chỗ đó". Bèn bảo họ mửa ra. Mửa rồi, liền nói: "Chỗ đó có chất độc. Nay ông chắc chắn sẽ chết, sao không tự sát cho rồi, chứ sống khổ sở để làm gì?" Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội

Ba-la-di.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên cố ý nói về tướng trạng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người đó nghe lời dùng phương tiện định tự sát, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ đã tự sát, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là nói tướng trạng để giết.

Ca ngợi sự tự sát: Nếu Tỳ-kheo hỏi một người bố thí, hoặc trì giới có kết quả: "Ông có bố thí không?". Đáp: "Có bố thí". Tỳ-kheo nói: "Ông đã tạo được công đức, ắt sinh vào cõi thiện, sao không tự sát đi mà sống khổ sở để làm gì?". Đó là trường hợp bố thí.

Hoặc Tỳ-kheo hỏi một người trì giới: "Ông có giữ giới không?".

Đáp: "Có giữ giới".

Lại nói: "Đức Thế Tôn dạy: Kẻ trì giới sẽ sinh về hai nơi, hoặc trên trời, hoặc cõi người; sao ông không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?". Đó gọi là ca ngợi kết quả giữ giới. Tỳ-kheo lại nói: "Ông đã được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, tối đa là sinh lại trong cõi trời người bảy lần nữa rồi chấm dứt khổ đau, đóng cửa cõi ác, sao không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?".

Hoặc nói: "Ông đã được quả Tư-đà-hàm, còn một lần sinh lại thế gian rồi chấm dứt khổ đau, sao không tự sát mà sống khổ sở để làm gì?".

Hoặc nói: "Ông đã được quả A-na-hàm, không còn trở lại thế gian nữa, mọi khổ đau đã kết thúc sao không tự sát, mà còn sống khổ sở để làm gì?".

Hoặc nói: "Ông đã được quả A-la-hán, sạch hết dâm, nộ, si, không vướng phiền não, tâm được tự tại, sao không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?".

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên ca ngợi kết quả của sự bố thí, trì giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi người ấy tìm phương tiện để tự sát, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu họ đã tự sát thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có các trường hợp giết người khác: Hoặc đi, hoặc đặt cạm bẫy,

hoặc dùng Tỳ-đà-la chú, hoặc thuốc bột, hoặc ô mãn thổ, hoặc hầm hố, hoặc a ba khâm mãn, hoặc chỉ đường, hoặc chỉ sông, hoặc Đại thần, hoặc Tăng phường, hoặc cọp, hoặc ngoại đạo...

Giết khi đi: Hoặc mười người, hoặc hai mươi người cùng đi trên đường, rồi Tỳ-kheo vì trước đó có thù oán, muốn hại người đi trước mà hại lầm người đi giữa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại lầm người đi sau cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi sau mà hại lầm người đi giữa cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại lầm người đi đầu cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng muốn hại người đi đầu mà hại đúng người đi đầu thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại đúng người đi giữa cũng phạm tội Ba-la-di.

Hoặc có ý muốn giết tất cả, thì tùy người nào bị giết liền phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết khi đi.

Giết bằng đặt cạm bẫy: Nếu Tỳ-kheo có tâm giết hại, làm cạm bẫy, thì khi đem cạm bẫy đặt ở giữa đường liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng đặt cạm bẫy.

Giết bằng Tỳ-đà-la chú: Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, bèn làm tỳ đà la chú thì khi làm chú, phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy đâm ra sợ hãi, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi người ấy chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng chú Tỳ đà la để giết.

Giết bằng thuốc bột: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm thuốc bột. Khi làm nghĩ: "Ta sẽ đem món thuốc này đến giết người ấy", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu thuốc đó chạm đến người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng thuốc bột.

Giết bằng ô-mãn-thổ: Nếu Tỳ-kheo vì muốn

giết người nên làm ô-mãn-thổ (?) giữa đường, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy vì thế mà đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng ô-mãn-thổ.

Giết bằng hầm sập: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên đào hầm ở giữa đường, rồi đặt các thứ hung khí sắc bén, dùng cỏ, đất phủ lên trên, để người đó rơi xuống chết, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người đó bị đau đớn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng hầm sập.

Giết bằng a-ba-khâm-mãn: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm a-ba-khâm-mãn (?) ở giữa đường, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng a-ba-khâm-mãn.

Giết bằng cách chỉ đường: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên đường có người đến hỏi: "Trưởng lão! Tôi muốn đến khu làng như thế, phải đi đường nào?". Tỳ-kheo vì trước đó có mối thù với người ấy, liền suy nghĩ: "Ta nay gặp được kẻ này, nên chỉ con đường nguy hiểm, khiến cho y chỉ có chết mà thôi". Liền chỉ những con đường nguy hiểm như: nạn Vua, nạn sư tử, hổ báo, nạn rắn độc... thì khi chỉ những con đường hiểm như thế, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu người ấy bị thống khổ, thì

phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng cách chỉ đường.

Giết bằng chỉ lối qua sông: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên sông có người đến hỏi: "Trưởng lão! Tôi muốn đi đến chỗ như thế, nên đi lối nào?". Tỳ-kheo này trước đây vốn có mối thù với người ấy, liền suy nghĩ: "Nay ta gặp được kẻ này, nên chỉ y đi qua chỗ hiểm trở, khiến cho y không thể nào thoát chết", liền chỉ các lối đi hiểm trở như: chỗ nước xoáy, chỗ đá ngầm, chỗ đất sụp, lòng chảo v.v... hoặc đoạn bờ sông Vua cấm, hoặc có bọn cướp sông, hoặc có nạn sư tử, hổ báo, trùng độc v.v... khi chỉ cho người ấy lối đi hiểm trở thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng chỉ lối qua sông.

Đại thần: Nếu có quan Đại thần bạo ngược vô đạo, tham lam lấy của người đem về cho mình, không sợ hình phạt, buông lung phóng túng, suy nghĩ như sau: "Thà làm con quạ hôm nay hơn là làm con công ngày mai". Vua nghe được lời ấy, bèn bắt y giam vào tù để trị tội. Y sợ chết, nên dùng tất cả tài sản để chuộc mạng. Khi ấy, có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà đó, bèn đến an ủi hỏi han những nổi vui buồn của gia đình họ. Người vợ nói: "Nhà tôi vừa gặp chuyện rắc rối đang bị giam trong tù, thì làm sao vui được? Thầy có biết không? Hiện giờ nhà tôi sợ tội phải bị tử hình, nên đem tất cả

của cải để chuộc lấy tính mạng. Nếu tiền của hết thì phải bần cùng, không còn gì để sống nữa".

Tỳ-kheo nói: "Bà chớ sầu não! Ta sẽ bảo chồng bà không nên dùng đến tài sản", bèn đến nhà giam an ủi ông ta: "Lão trượng! Không bệnh chứ?". Viên Đại thần thấy Tỳ-kheo đến, lòng rất hoan hỷ nói: "Thầy ở ngoài có nghe điều gì chăng?". Tỳ-kheo đáp: "Nghe ông sắp phải chết, nên muốn dùng hết gia tài để chuộc lấy tính mạng. Nếu như thế thì vợ con ông sau này sẽ đói khát khốn cùng phải đi ăn xin, mà tiếng xấu gia đình ông sẽ còn truyền mãi". Viên Đại thần hỏi: "Thế thì phải làm sao?". Tỳ-kheo nói: "Tên Vua này vô đạo, giả sử có thu hết tài sản của ông cũng chẳng để ông sống đâu, cẩn thận, chớ giao của cho hắn mà phải tính toán cho kỹ lưỡng". Nếu viên Đại thần đó nghe theo lời ấy, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu y phải chịu thống khổ, thì Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vị Đại thần nghe Tỳ-kheo ấy nói bèn đáp: "Thầy là bạn tri kỷ của tôi mà tiếc tiền của không muốn tôi sống, nếu tôi chết rồi giả sử mặt trời mặt trăng không mọc nữa, thì cũng chẳng phải điều mà tôi lo, huống gì việc khác. Thầy hãy về suy nghĩ những lời Phật dạy, còn việc cát hung tốt xấu không liên quan gì đến thầy", thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu sau đó vị Đại thần suy nghĩ: "Đúng như Tỳ-kheo nói, tên Vua này vô đạo, giả sử cho

hết tài sản, chung cục hắn cũng giết ta. Ta chết đã vô ích mà vợ con còn bị đói khát, không lấy gì để sống, gia đình bị sỉ nhục. Ôi! Cái chết thật đau đớn! Ta nay chịu lấy một mình, không đem cho tài sản". Thế rồi ông bị chết. Dù ông không lập tức nghe lời của Tỳ-kheo, nhưng vì trước đó Tỳ-kheo đã bày kế ấy, nên phạm tội Thâu-lan-giá.

Có người vi phạm quốc pháp, viên chức hình sự bắt trói đem đến trình Vua. Vua bảo đem y ra tra xét, tùy tội xử trị. Lúc ấy, viên chức tư pháp bèn dùng hoa Già-tỳ la trang điểm lên đầu tội nhân, trói chặt hai tay, đánh trống, thổi tù và, loan báo sắc lệnh khắp nơi. Loan báo lệnh xong bèn đem y ra khỏi cửa thành, đến nơi pháp trường. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Ma-ha-la (bán thế xuất gia), chưa rành giới luật, thương kẻ tội nhân ấy đau khổ, bèn nói với tên đao phủ: "Người này thật đáng thương, đừng làm cho ông ta đau đớn. Ông chỉ nên chém y một nhát". Nếu lúc ấy tên đao phủ đáp: "Tôi sẽ y lời", rồi cầm dao bén chém phắt một nhát, thì Tỳ-kheo Ma-ha-la phạm tội Ba-la-di. Nếu tên đao phủ trả lời với Tỳ-kheo: "Ông nên biết mình phải làm gì. Tôi sẽ làm theo mệnh lệnh của Vua. Ông hãy trở về mà suy nghĩ những lời Phật dạy đi", thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu sau đó tên đao phủ suy nghĩ, rồi mới áp dụng lời nói của Tỳ-kheo, chém tội nhân một nhát mà không làm ngay lập tức, thì Tỳ-kheo Ma-ha-la phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là Đại thần.

Tăng phường: Có Tỳ-kheo khách đến chùa, theo thứ tự nhận phòng ở. Thầy Tỳ-kheo tri khách vì trước đó có hiềm khích với vị này, bèn suy nghĩ: "Ta nay gặp được ngươi, phải cho ngươi căn phòng đổ nát, để ngươi chết toi mạng", bèn giao cho căn phòng hư, tường cột đổ nát hư hoại, gần chỗ Tỳ-đà-la (?) đáng sợ, chỗ các loài ác quỷ Phú-đơn-na, gần chỗ rắn rít. Khi giao phòng cho người kia, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người kia bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thầy ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo khách buổi sáng dậy sớm hỏi vị Tỳ-kheo cựu trú vật rửa tay ở chỗ nào? Tỳ-kheo cựu trú lấy bình chứa đầy ong nọc, rít, rắn độc, rồi đậy nắp lại, nói với vị Tỳ-kheo khách: "Bình này có chứa nước rửa tay. Ngài cứ tự ý sử dụng". Khi vị khách cầm đến bình đó thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi bị đau đớn, phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu chết phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng tăng phường để giết.

Cọp: Các nơi hoang vắng thường có cọp làm hại người. Lúc ấy, chúng Tăng bèn tập họp lại bàn bạc: "Này các Trưởng lão! Tại nơi hoang vắng này có cọp, sợ nó làm hại người, vậy ai có thể trừ được con cọp này?". Bấy giờ, trong chúng có Tỳ-kheo A, vốn có hiềm khích với Tỳ-kheo B, bèn nói với mọi người: "Tôi có thể trừ được cọp". Rồi vào lúc chiều tối, Tỳ-kheo A này mang cung tên ra đi, khi

ấy thầy Tỳ-kheo B mặc y vàng, đầu có màu đen, đi đến chỗ cầu tiêu, rồi Tỳ-kheo A định giết Tỳ-kheo B nhưng giết nhầm cọp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc định giết cọp nhưng giết nhầm Tỳ-kheo B, cũng phạm tội

Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu muốn giết Tỳ-kheo B mà giết đúng Tỳ-kheo B, thì phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu muốn giết cọp mà giết đúng cọp thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu định giết cả hai, thì tùy theo giết đối tượng nào, phạm tội theo đối tượng đó: Giết Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, giết cọp phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cọp.

Ngoại đạo: Có các ngoại đạo thờ mặt trời, mặt trăng, nên mỗi khi nhật thực, nguyệt thực thì những người Bà-la-môn này tụ tập đồ đảng, tay cầm khí giới, lớn tiếng gọi nhau đi cứu mặt trời mặt trăng. Do đó, họ đi ngang qua gần tinh xá, vừa trông thấy các Tỳ-kheo, liền nổi giận mắng: "Bọn Sa-môn Thích tử kia là bè đảng của A-tu-la, nay phải giết chúng". Khi các Tỳ-kheo nghe những lời thô ác ấy, liền đánh kiền chùy (257b) tập họp Tăng chúng. Rồi một Tỳ-kheo nói: "Hôm nay chúng ta phải cùng nhau lập thệ ước trừng trị bọn ngoại đạo tà ác này, không để một mạng nào sống sót". Vì thề nguyền phi pháp, cho nên tất cả chúng Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bọn họ phải chịu đau khổ thì tất cả chúng

Tăng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu bọn họ chết thì tất cả Tăng chúng phạm tội Ba-la-di.

Nếu cùng nhau thề nguyền: "Không nên làm cho chúng chết mà chỉ làm chúng đau khổ để cải ác làm lành", thì tất cả chúng Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bọn họ chịu đau khổ thì tất cả Tăng chúng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu lúc ấy các Tỳ-kheo bảo nhau: "Các Trưởng lão! Không nên hại bọn chúng cũng không nên làm cho họ đau khổ, vì Đức Thế Tôn đã dạy: "Nếu Tỳ-kheo bị bọn giặc hung bạo dùng cưa, dao cắt đứt thân thể, thì lúc ấy tâm không nên khởi lên niệm ác, miệng không nên nói lời ác độc với chúng mà phải khởi tâm từ bi, tâm lợi ích, tâm nhẫn nhục". Do đó các Tỳ-kheo cùng suy nghĩ: "Trong kinh Cú Đạo Dụ, Thế Tôn đã dùng phương tiện dạy ta phải nhẫn nhục". Thế rồi, các thầy đóng chặt các cửa ngõ, lớn tiếng la vang để bọn ngoại đạo khiếp sợ, thì không có tội. Tất cả chúng Tăng đều cùng phát thệ như thế, thì tất cả Tăng không có tội.

Có một Tỳ-kheo đánh con của Bà-la-môn gần chết liền tự suy nghĩ: "Người này nếu chết, thì pháp Sa-môn Thích tử sẽ bị hoen ố. Giờ đây ta phải đi tìm thuốc cứu hắn sống lại". Rồi có một Tỳ-kheo khác hỏi Tỳ-kheo ấy: "Thầy đang làm gì thế?".

Đáp: "Tôi đánh người Bà-la-môn này gần chết,[1295] rồi tôi suy nghĩ: "Nếu kẻ này chết thật thì pháp

Sa-môn Thích tử sẽ bị hoen ố. Giờ đây ta phải đi tìm thuốc cứu hắn sống lại". Nếu Tỳ-kheo kia nói: "Thầy cứ đi tìm thuốc, để tôi giữ hắn cho". Thế rồi sau khi Tỳ-kheo đánh người đi khuất, vị Tỳ-kheo kia bèn kết liễu sinh mạng của hắn. Trong trường hợp này, Tỳ-kheo trước đánh người, phạm tội Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo sau giết người, phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là ngoại đạo. Nếu một Tỳ-kheo vì định giết người mà cầm dao thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu chạm đến thân người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai, ba cho đến nhiều người vì muốn giết người mà cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Một Tỳ-kheo được (người khác) sai đi giết người, bèn sai lại một Tỳ-kheo khác cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni... cho đến chết phạm tội Ba-la-di.

Như thế, sai người thứ hai thứ ba cho đến sai nhiều Tỳ-kheo cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến chết, phạm tội Ba-la-di.

Tóm lại giết bằng thuốc độc, giết bằng bôi thuốc lên mình, giết bằng thổ (mửa) hay tả (đi cầu), giết bằng làm đọa thai, giết bằng nói tướng trạng,

giết bằng khen ngợi sự chết cũng đều thế cả. Trường hợp giết người hội đủ năm điều kiện sau đây, thì phạm tội Ba-la-di. Đó là:

Đúng là người.

Tưởng là người.

Tạo phương tiện.

Có tâm giết hại.

Kết thúc mạng sống. Đó gọi là năm điều kiện.

Hoặc sai đầy tớ giết, hoặc sai người làm công, hoặc bạn bè, hoặc làm thử, hoặc chưa từng làm, vô trí, không biết xấu hổ, tưởng là làm không sao, đều phạm tội. Trái lại, nếu vì cuồng tâm, loạn trí mà giết người thì không phạm tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, hoặc khuyên họ chết, ca ngợi sự chết, nói: Ôi nam tử! Để cái thân ô uế này sống làm gì, chết còn hơn sống. Có ý nghĩ như thế, có tư tưởng như thế, dùng phương tiện khen ngợi rằng chết là thú vị, khiến cho người ấy chết, chứ không có lý do nào khác; thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang trú tại thành Tỳ-xá-ly, trước bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Bắc, bóng mặt trời xiên độ một người rưỡi, ngày mồng chín, nửa tháng thứ ba mùa Đông sau khi thành đạo sáu năm, vì những Tỳ-kheo nuôi bệnh đã nhờ Lộc trượng ngoại đạo giết các Tỳ-kheo, mà

chế giới này.

Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành, đó gọi là pháp tùy thuận.

(Giải thích giới thứ ba đến đây là hết)

---

4. GIỚI ĐẠI VỌNG NGỮ

Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại một làng kia có hai Tăng đoàn an cư. Lúc an cư xong, một nhóm về thành Xá-vệ thăm viếng Đức Thế Tôn, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, các thầy an cư ở đâu rồi đến đây?".

Đáp: "An cư tại làng ấy".

Phật lại hỏi: "Các thầy an cư có vui không? Khất thực có dễ không? Hành đạo có đúng pháp không? Sau khi an cư xong có được y an cư không? Các Ưu-bà-tắc có thường lui tới chăng?".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Hạ an cư vui, hành đạo đúng pháp nhưng khất thực khó được, y vật không đủ, các Ưu-bà-tắc không thường lui tới".

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Người xuất gia đâu có thể nhận được của thế gian hoài! Các Tỳ-kheo nên biết: Ở đời có tám pháp thường theo sát người ta, và người đời cũng thường theo sát tám pháp này. Tám pháp này là:

Lợi.

Không lợi.

Khen.

Không khen.

Ca ngợi.

Phỉ báng.

Vui.

Khổ.

Những Tỳ-kheo nào ngu si, phàm phu, ít nghe, ít biết ở trong chánh pháp mà tâm không điều phục, ở trong pháp của Hiền Thánh mà trí không mở mang, khi thế lợi sinh khởi không khéo quán sát: Thế lợi sinh khởi tức là pháp vô thường, hoại diệt, nên tuy có sinh khởi chúng sẽ chóng hoại diệt, không thể còn mãi. Nếu không quán sát ý nghĩa của pháp đúng như thế, thì đó là kẻ phàm phu, không thật có trí tuệ, tùy thuận thế pháp. Cũng thế, từ sự không có lợi cho đến vui, khổ cũng không biết quán sát: Niềm vui tuy phát sinh, nhưng nó là pháp vô thường hoại diệt, mà đã mang tính chất vô thường hoại diệt, thì nó sẽ chóng tàn, không thể còn mãi.

Nếu ai không biết quán sát ý nghĩa chân thật như thế thì đó là kẻ phàm phu, không thật có trí tuệ, tùy thuận theo thế pháp. Các Tỳ-kheo nên biết rằng, những ai đối với thế pháp này không quán sát, nên khi thế lợi phát khởi thì sinh ra tham trước,

nếu nó không sinh khởi, thì đâm ra lo âu, cho đến các khía cạnh vui, khổ kia cũng thế.

Này các Tỳ-kheo, như vậy là ba thọ tăng trưởng. Ba thọ đã tăng trưởng; thì bốn thủ sẽ lừng lẫy. Bốn thủ lừng lẫy thì có sinh duyên. Do đó mà khổ ấm tập khởi tăng trưởng mạnh mẽ, sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, tâm loạn phát cuồng. Các Tỳ-kheo nên biết: Các đệ tử Hiền Thánh, đa văn trí tuệ thì ở trong chánh pháp tâm khéo điều phục, ở trong pháp của Hiền Thánh, tâm được mở mang, khi thế lợi phát sinh, thì nên khéo quan sát: Thế lợi tuy sinh khởi, nhưng nó là pháp vô thường hoại diệt mà đã vô thường hoại diệt thì nó sẽ chóng tàn, không thể còn mãi, cho đến hai yếu tố vui, khổ kia cũng lại như vậy.

Các Tỳ-kheo nên biết: Khi quán sát như thế, thì lúc thế lợi sinh khởi sẽ không tham trước; lúc thế lợi không sinh khởi, tâm không sầu não; cho đến vui, khổ kia cũng thế. Do đó yêu ghét không sinh, cảm nhận tùy nghi, lìa mọi sầu khổ; cho đến vui khổ các uẩn đều diệt tận, liền được Niết-bàn.

Khi Thế Tôn thuyết pháp ấy rồi, bèn lập lại bằng thể kệ:

“Lợi suy và hủy dự,
Xưng cơ cùng khổ vui.
Tám pháp thường xen nhau,
Qua lại đổi thay luôn.
Tám pháp này biến hóa,

Tan hoại có bền đâu.
Thế nên Thánh đệ tử,
Cầm gương vô thường soi.
Xem kỹ tám pháp ấy,
Khoảnh khắc không tạm dừng.
Trong bốn thứ lợi lạc,
Chưa từng bị dao động.
Nếu gặp người hủy báng,
Lòng không thấy khổ đau.
Nếu lìa tám pháp này,
Mới là kẻ trí tuệ.
Ra khỏi sông ái dục,
Vượt qua biển sinh tử".

Khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế đều rất hoan hỷ, liền bạch Phật: "Lành thay Đức Thế Tôn, đã dùng phương tiện thiện xảo nói về tám pháp ở đời, thật là chưa từng có".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, tam đạt vô ngại năng lực trí tuệ như ánh trăng rằm, nói về tám pháp ở đời có chi là kỳ lạ. Ngày xưa Ta làm chim oanh vũ trong loài súc sinh, vì các loài chim khác, nói tám pháp ấy, thế mới là kỳ đặc".

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Đã từng có thế sao?". Phật đáp:

-Đúng thế. Trong thời quá khứ có một vị Vua nuôi hai con chim oanh vũ, một con tên La-đại,

một con tên Ba-la đều hiểu được tiếng người,[1301] nên Vua rất yêu thương, nhốt trong lồng vàng, cho ăn thức ngon. Lúc ấy, có một Đại thần đem hiến cho Vua một con khỉ con, tình đời vốn chuộng của mới, nên Vua rất yêu thích cho ăn uống nuôi dưỡng còn kỹ hơn oanh vũ. Bấy giờ, oanh vũ Ba-la bèn nói với La-đại bằng bài kệ:

"Trước đây ăn cùng Vua
Vị ngon nhất thế gian.
Bây giờ, khỉ cướp mất,
Đành phải chịu thiếu thốn".

Lúc ấy, La-đại nói: "Việc đó rồi cũng vô thường, chẳng bao lâu nữa con khỉ con này cũng sẽ mất phần lợi dưỡng mà thôi", bèn đáp Ba-la bằng bài kệ:

"Lợi suy và hủy dự,
Xưng cơ cùng khổ vui.
Đều là pháp vô thường.
Có gì đâu buồn vui".

Thế rồi Ba-la lại đọc kệ:

"Gặp chi cũng chẳng vui,
Không có gì thích thú.
Chỉ nghe tiếng chê bai,
Không được ai khen ngợi.
Ta nay được làm chim,
Vì sao chịu khổ này?".

Lúc khỉ con còn nhỏ, sắc lông mượt mà, nhảy nhót vui nhộn nên ai cũng thích đùa với nó. Đến

lúc lớn lên, sắc lông xơ xác, ai thấy cũng chán ghét. Nó lại còn vểnh tai chu miệng, đe dọa trẻ con. Khi ấy, oanh vũ La-đại bèn nói với Ba-la bằng bài kệ này:

"Vểnh tai nhăn mặt lại,
Chu miệng nhát trẻ con.
Tự mình gây tội lỗi,
Chẳng bao lâu hết lợi".

Con khỉ ấy lớn lên, lòng thương của Vua liền dứt, nên Vua ra lệnh kẻ tả hữu đem nó buộc ngoài cột chuồng ngựa. Lúc ấy hoàng tử còn bé tay cầm thức ăn đến bên con khỉ. Khỉ đòi thức ăn, hoàng tử không cho, nó bèn nổi giận cào mặt khiến hoàng tử bị thương và rách cả y phục. Hoàng tử kinh hãi, kêu la inh ỏi. Vua bèn hỏi kẻ tả hữu vì sao con mình kêu khóc. Kẻ tả hữu bèn đem sự việc ấy tâu lên nhà Vua. Vua rất giận dữ, bèn sai người đập chết, đem vứt bên hào để cho kỳ đà ăn. Khi ấy, oanh vũ Ba-la bèn nói với La-đại bằng bài kệ:

"Bạn là bậc trí tuệ,
Thấy trước việc chưa đến.
Anh em ta chưa chết,
Mà khỉ đã chết rồi".

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo:

-Lúc ấy, chim oanh vũ La-đại nào phải ai khác mà chính là Ta đây, còn chim oanh vũ Ba-la chính là A-nan vậy. Khi Ta làm chim oanh vũ mà còn vì thầy ấy nói về tám pháp vô thường chuyển biến ở

đời không thể còn mãi, huống chi ngày nay đã thành Chánh Giác lại còn nói về tám pháp ấy, thì có chi là kỳ lạ.

Khi đó, Tăng đoàn thứ hai an cư xong, cũng đi đến hầu thăm, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: "Các Tỳ-kheo an cư ở đâu rồi đến đây?".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! An cư tại chỗ ấy".

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "An cư có vui không? Hành đạo có vất vả không? Khất thực có dễ dàng không? Sau khi an cư xong, có được y an cư không? Các Ưu-bà-tắc có thường lui tới không?".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Hạ an cư vui vẻ, hành đạo không vất vả, khất thực dễ dàng, có nhiều y an cư, các Ưu-bà-tắc lui tới đông đúc".

Phật lại hỏi: "Vì lý do gì hai chúng cùng an cư tại một làng mà chỉ

có một chúng được cúng dường nhiều, còn một chúng không được?".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con dùng vô lượng phương tiện ca ngợi Tam bảo, cũng thường ca ngợi các đại đệ tử của Phật như Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... và tự ca ngợi về công đức tu tập của chính mình".

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Những điều các thầy ca ngợi có thật như thế không?".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Tam bảo và Tôn giả Xá-lợi-phất mà chúng con ca ngợi là có thật, còn tự ca ngợi mình thì không thật".

Phật khiển trách: "Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Tại sao chỉ vì lợi dưỡng cho bản thân mà lại ca ngợi những điều mình không thực có? Thà ăn tro bụi, nuốt phân đất, dùng dao bén mổ bụng, chứ không nên dùng lời dối trá ca ngợi mình có pháp hơn người (quá nhân pháp) để được cúng dường". Rồi Phật nhấn mạnh: "Ta thường khen ngợi ít muốn, biết đủ, vì sao các thầy lại đa dục không thỏa mãn, cầu nhiều không biết chán? Đó là điều phi pháp, phi luật, không phải việc ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện".

Sau khi Thế Tôn dùng các biện pháp khiển trách các Tỳ-kheo ấy rồi, các Tỳ-kheo an cư tại làng ấy khi vào làng khất thực, những ai tự ca ngợi mình thì khất thực dễ dàng còn những ai không tự ca ngợi thì khất thực rất khó khăn. Lúc ấy, một Trưởng lão Tỳ-kheo tự suy nghĩ: "Vì sao ta lại dùng lời dối trá tự ca ngợi mình được pháp hơn người để được nuôi sống? Từ nay trở đi ta không được dùng lời dối trá để tự khen mình nữa". Rồi vào buổi sáng sớm thầy khoác y, cầm bát vào làng khất thực. Khi đó, có người hỏi thầy: "Trưởng lão đối với quả thánh, thầy có đạt được gì không?". Thầy Tỳ-kheo này không tự ca ngợi mình, nên đi khất thực chỗ này chỗ kia đều không được. Mặt

trời sắp xế bóng, đói khát khốn đốn, thầy bèn[1305] tự ca ngợi, khất thực liền được.

Có vị Tỳ-kheo khác nghe vị Trưởng lão ấy lúc thì nói thật, lúc thì nói dối, liền đến bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Trưởng lão Tỳ-kheo ấy tâm chí bạc nhược, không giữ được kiên cố, khinh suất như vậy?".

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: "Vị Trưởng lão ấy không những ngày nay tâm chí bạc nhược, khinh suất không giữ được kiên cố, mà trong đời quá khứ cũng đã như thế".

Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?".

Phật đáp: "Đúng như thế! Trong thời quá khứ có trận mưa trái mùa liên tục bảy ngày không dứt. Các mục đồng không ra khỏi nhà suốt bảy ngày. Lúc ấy, có con chó sói đói, thất thểu đi tìm thức ăn khắp xóm làng, đi đến bảy thôn mà không được thứ gì cả. Rồi nó tự bảo: "Chi bằng hôm nay ta giữ chay lạt mà an trụ" bèn trở về rừng núi, ẩn mình trong hang, phát nguyện: "Mong tất cả chúng sinh đều được yên ổn". Thế rồi, nó nhiếp thân an tọa, nhắm mắt suy nghĩ. Lịch trình của Đế Thích cứ vào các ngày chay hằng tháng như ngày mồng tám, mười bốn, ngày rằm, cưỡi rồng trắng y la xuống quán sát thế gian, xem thử chúng sinh nào hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn,

bố thí, giữ giới tu phạm hạnh, thọ trì bát trai giới. Khi Thích Đề Hoàn Nhân quan sát khắp nơi liền đến hang núi ấy, thấy con chó sói kia đang nhắm mắt tư duy, bèn suy nghĩ: "Ôi, con chó sói này là loài muông thú mà thật là kỳ đặc. Con người còn không có tâm như thế, huống gì chó sói mà được như vậy". Bèn muốn thử xem để biết hư thực. Đế Thích liền biến thành một con dê, đứng trước hang, lớn tiếng gọi đàn. Khi ấy, chó sói thấy dê liền nghĩ: "Kỳ thay, phước báo chay lạt bỗng dưng đến. Ta ruồng cả bảy thôn tìm thức ăn mà không được, nay tạm thời giữ chay lạt thì thức ngon tự nhiên đến. Thức ăn nhà bếp đã đưa đến, giờ phải ăn thôi, ăn xong rồi hãy giữ chay lạt". Sói bèn ra khỏi hang, lao đến chỗ dê. Dê thấy sói đến kinh hãi bỏ chạy. Sói liền đuổi theo, dê chạy không dừng. Đuổi một đoạn xa, dê liền biến ra chó, miệng vuông, tai lớn, quay lại đuổi sói, sủa lên inh ỏi. Sói thấy chó rượt, sợ hãi chạy lui. Chó đuổi gấp theo, sói chạy thoát được, trở về lại hang, bèn suy nghĩ: "Ta muốn ăn thịt nó, ngược lại, nó đòi xơi ta". Khi ấy, Đế Thích bèn giả làm con dê què, kêu be be trước mặt chó sói. Sói nghĩ: "Trước kia là con chó, mà ta vì đói hoa mắt lại tưởng lầm là dê. Giờ đây thấy rõ, con này mới đúng là dê". Sói bèn định thần xem kỹ, thì thấy sừng tai lông đuôi hoàn toàn là dê thật. Sói bèn ra khỏi hang đuổi theo, dê sợ bỏ chạy. Sói sắp chụp được, thì dê lại hóa thành chó, đuổi ngược lại

sói, cũng như lần trước. Sói nghĩ: "Ta muốn[1307] ăn hắn, mà rồi hắn lại muốn xơi ta". Lúc ấy, Đế Thích liền hóa thành con dê con, đứng trước sói kêu mẹ, gọi bầy. Sói nổi giận nói: Ngươi biến thành cục thịt, ta cũng không ra khỏi hang, huống là hóa thành dê con để hòng gạt ta". Rồi sói giữ chay lạt trở lại, lắng lòng suy nghĩ. Khi ấy, Đế Thích biết tâm niệm của sói muốn giữ chay lạt trở lại, nên vẫn mang hình thức dê con đứng trước hang sói. Thế rồi, sói đọc kệ:

"Nếu quả thật là dê,
Ta cũng không thèm ra.
Huống gì là giả dạng,
Khủng bố ta như trước.
Thấy ta giữ trai giới,
Ngươi lại đến thử ta.
Giả sử là cục thịt,
Ta cũng không thể tin.
Huống gì giả dê con,
Làm bộ kêu be be".

Bấy giờ, Thế Tôn đọc kệ:

"Nếu có người xuất gia,
Giữ giới cách hời hợt,
Không thể bỏ lợi dưỡng,
Như sói giữ trai giới".

Khi ấy, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: "Chó sói lúc ấy đâu phải ai khác mà chính là thầy Tỳ-kheo này. Ngày xưa làm sói, tâm chí không kiên cố mà

ngày nay tuy đã xuất gia vẫn cứ khinh suất".

Bấy giờ, Thế Tôn truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, và vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

-Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa chứng, mà tự xưng là đã được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, biết như vậy, thấy như vậy, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy có hai Tỳ-kheo sống nơi rừng núi hoang vắng. Một Tỳ-kheo tạm thành tựu Căn lực, Giác chi, Thánh đạo, Tham sân không sinh khởi, bèn nói với vị Tỳ-kheo thứ hai: "Trưởng lão là thiện tri thức, người mà tôi kính trọng, nay muốn nói với Trưởng lão một việc bí mật". Vị kia hỏi: "Thầy muốn nói điều chi?".

Đáp: "Trưởng lão! Tôi đã chứng A-la-hán".

Vị kia nói: "Trưởng lão! Đức Thế Tôn còn tại thế, chúng ta đích thân lãnh thọ giáo pháp, tinh tấn siêng tu, thành tựu đạo quả là chuyện đương nhiên".

Thầy Tỳ-kheo ấy sau đó du hành nơi các làng mạc buông thả các căn, bỏ tu chỉ quán, liền khởi phiền não, si ái phát sinh, bèn nói với bạn: "Trước đây tôi tưởng đã chứng đắc, hóa ra chưa chứng. Vì

sao biết được? Vì tôi tự thấy trong tâm phiền não vẫn còn". Vị Tỳ-kheo kia nói: "Trưởng lão đã nói dối rằng mình được pháp hơn người nên phạm tội Ba-la-di". Tỳ-kheo này nói: "Không phải là tôi biết mà cố nói dối, mà vì tôi tưởng là thật chứng".

Các Tỳ-kheo đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo mỗ giáp nói dối rằng mình được pháp hơn người".

Phật gọi thầy ấy đến. Khi đến rồi, Phật hỏi: "Tỳ-kheo, có phải thầy hư vọng tự xưng mình được pháp hơn người chăng?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Không phải con tự xưng mình được pháp hơn người, mà vì con tưởng là đã thật chứng, do đó nên mới nói".

Phật bèn hỏi thầy: "Vì lý do gì mà thầy nói như thế?".

Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Khi con sống nơi rừng vắng, tu tập căn, lực, giác chi, thánh đạo, thì phiền não không sinh khởi, nên con tưởng là đã đắc quả A-la-hán, bèn nói với bạn là mình đã chứng đắc. Nhưng sau đó con du hành các làng mạc không thu giữ các căn, nên phiền não sinh khởi, liền sinh nghi ngờ bèn trình bày với Tỳ-kheo ấy, chứ không phải nói dối".

Bấy giờ, Thế Tôn bảo với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo ấy không phải cố ý vọng ngữ nói mình được pháp hơn người nhưng nên biết rằng Tỳ-kheo

ấy chính là người tăng thượng mạn".

Rồi Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

-Vì sao đối với chánh pháp, ông có lòng tin từ bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia mà còn khởi tâm tăng thượng mạn? Ông phải khéo léo đoạn trừ tăng thượng mạn, mới đạt được A-la-hán.

Khi đó, Tỳ-kheo ấy rất xấu hổ liền ngay trước Phật vận dụng sức tinh tấn, tu tập chỉ quán, đoạn trừ tăng thượng mạn, chứng quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Thật là ly kỳ bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ-kheo này nương đức từ bi của Phật, siêng năng tu tập chỉ quán, mà trừ được tăng thượng mạn, chứng quả A-la-hán".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo ấy không những ngày nay nương nhờ ơn ta, vận dụng tinh tấn, tu tập chỉ quán, trừ tăng thượng mạn, chứng quả La Hán, mà đời quá khứ, cũng đã nhờ ta, siêng tu không nhác, được quả báo lớn".

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Đã từng có như vậy sao?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đúng thế. Trong thời quá khứ có một nước tên Ca-thi, thành phố tên Ba-la-nại. Bấy giờ, trong nước dân chúng giàu có, ba độc mãnh liệt, có một người Bà-la-môn bần cùng, từ ngoài thôn đi vào thành phố. Nhân ngày lễ hội, nên dân chúng trong thành có người cưỡi voi, có kẻ cưỡi ngựa, có người đi xe, có người đi

kiệu. Họ tắm rửa sạch sẽ, thoa ướp hương thơm, mặc y phục mới, tha hồ hưởng

thụ năm thứ dục lạc, các môn giải trí. Khi ấy, ông Bà-la-môn, tâm khát ái phát sinh bèn hỏi người khác: "Những bọn người ấy đã tạo nhân duyên gì mà hưởng được khoái lạc như thế?". Đáp: "Bà-la-môn! Ông không biết sao?". Ông trả lời: "Không biết!".

Người ấy bèn nói với Bà-la-môn: "Những người ấy đời trước tu hành công đức, đời này lại chăm chỉ gầy dựng cơ nghiệp, nên được an lạc như thế". Lúc ấy, Bà-la-môn liền suy nghĩ: "Những hạng người này thân thể tay chân chẳng khác gì ta. Nay ta cần phải gắng công nỗ lực sẽ được tài sản, tha hồ vui chơi, chẳng khác chi họ". Ông bèn về nhà nói với bà vợ: "Tôi muốn đi xa, gắng sức cầu tài". Vợ ông đáp: "Ông đi tìm kiếm các thức ăn uống cho vợ con ở gần đây cũng được, việc gì phải đi xa". Bà-la-môn nói: "Vì việc đó không thực hiện được, nên ta phải đi xa". Bà vợ suy nghĩ: "Ông ấy nhất quyết muốn đi, biết làm sao được". Bèn nói với ông Bà-la-môn: "Đi, ở tùy ý ông, nhưng phải tự bảo trọng". Bà-la-môn bèn ra lệnh cho vợ: "Bà-phải cẩn thận trông chừng thằng bé". Thế rồi, Bà-la-môn ra đi, đến một khu làng ven biển thấy các khách buôn tụ họp tại một đình làng, truyền lệnh như sau: "Có ai ra biển tìm châu báu chăng?". Bà-la-môn đáp: "Tôi muốn ra biển". Khách buôn hỏi:

"Ông có tiền bạc hàng hóa gì không?". Đáp: "Tôi không có tiền bạc hàng hóa gì cả, chỉ muốn theo các ông xin ăn và chú nguyện giúp các ông". Khi ấy, các thương khách vì cầu phước, nên bảo ông lên thuyền. Thuyền gặp gió thuận, đi đến một khu làng nơi bờ biển. Lúc ấy, Bà-la-môn vào xóm khất thực, dốc sức tìm tiền bạc, được vàng ròng ba mươi hai dật, mười bốn hạt ngọc ma ni, rồi theo bè bạn trở lại Diêm-phù-đề. Khi thuyền cập bến, Bà-la-môn khoác lác với các khách buôn: "Đem hàng hóa đi, nay được của cải trở về thì có gì là kỳ lạ. Trước đây ta đi tay không, nay được châu báu thế này, mới gọi là kỳ đặc". Rồi ông ta vui mừng quá mức tay cầm châu báu, nhảy nhót không ngừng; bất đồ, châu báu rơi tõm xuống biển. Lúc ấy, Bà-la-môn rất là sầu não, than thở: Ta đã quá cực khổ mới được châu báu thế này, vì sao bỗng chốc lại rơi cả xuống nước! Ta phải dùng sào khều lên để tìm lại châu báu. Ông bèn lên bờ tìm được một khúc cây, đem đến thợ mộc, nói: "Phiền ông làm giúp tôi một cái muỗng". Thợ mộc làm xong. Ông lại đem đến thợ tiện nhờ tiện giúp, rồi đem đến thợ sắt nhờ họ bịt sắt. Xong đâu đó, ông trở lại biển, vén tay áo lên, rồi dùng cái muỗng khều nước biển. Khi ấy, có vị thần biển, thấy thế suy nghĩ: "Ông Bà-la-môn này định làm gì thế, ta hỏi thử xem". Bèn biến hình dạng một Bà-la-môn, đến cạnh ông ta, dùng kệ mà hỏi:

"Xắn áo lên tận vai,
Vội vàng tợ việc gấp.
Nên tôi đến hỏi ông,
Định làm việc gì thế?".

Bà-la-môn dùng kệ đáp lại:

"Nước biển cả này đây,
Sâu rộng, chúa trăm sông.
Nay tôi dùng phương tiện,
Chỉ muốn múc cho hết".

Khi ấy, thần biển lại đọc kệ:

"Biển lớn chứa trăm sông,
Có lỗi gì với ông?
Mà ông dùng phương tiện,
Mong múc hết sạch không?".

Bà-la-môn lại đọc kệ:

"Tôi trải qua khổ cực,
Vượt biển tìm châu báu.
Được băm hai dật vàng,
Ma ni mười bốn hạt.
Định rời thuyền lên bờ,
Gói đồ rơi xuống biển.
Vì tìm lại bảo vật,
Muốn múc cạn biển này".

Bấy giờ, thần biển lại đọc kệ:

"Biển lớn quá rộng sâu,
Chúa tể cả trăm sông.
Giả sử trăm ngàn năm,

Múc hoài vẫn không hết”.

(260c) Bà-la-môn lại nói kệ đáp:

“Nhật nguyệt chiếu soi không tận cùng,
Muỗng cây cán sắt khó hư hoại,
Chuyên cần nổ lực không ngơi nghỉ
Biển cả lo gì chẳng cạn vơi”.

Khi Bà-la-môn nói kệ xong, bèn múc nước biển, đổ lên bờ, nước lại chảy xuống. Lúc ấy, thần biển xem xét tâm ý Bà-la-môn biếng nhác hay kiên cố thì thấy ông ta rất chuyên cần, không hề thối chí. Thần biển liền suy nghĩ: “Giả sử múc nước biển này trải qua trăm năm thì nước cũng không suy giảm, như nước thấm lông tóc mà thôi. Nhưng vì cảm

động đức tính chuyên cần của Bà-la-môn, nên thần biển hoàn lại châu báu và đọc kệ:

“Tráng sĩ thật siêng năng,
Tâm chí không ngơi nghỉ.
Vì cảm đức chuyên cần,
Tuy mất rồi lại được”.

Phật bảo với các Tỳ-kheo: “Thần biển khi ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Ta đây, còn Bà-la-môn chính là Tỳ-kheo này. Trong đời quá khứ ông đã nhờ Ta ra sức siêng năng nên được quả báo lớn. Ngày nay cũng lại nhờ Ta, tinh cần chăm chỉ, tu tập chỉ quán, trừ tăng thượng mạn mà đạt được A-la-hán”.

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống[1315] tại thành Xá-vệ đều tập hợp tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, và vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa chứng, mà tự xưng mình được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, biết như thế, thấy như thế; sau đó, vị này bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, nhưng sợ phạm tội và muốn được thanh tịnh nên nói như sau:

Thưa Trưởng lão! Tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy. Đó là lời nói hư dối không thật.

Trừ trường hợp tăng thượng mạn ra, Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Giải thích:

Tỳ-kheo: (Đã giải thích ở giới thứ nhất). Chưa biết: Vì không có trí.

Chưa liễu (chứng): Vì chưa đoạn trừ (các lậu hoặc). Tự xưng: Nói về bản thân mình.

Nhân pháp (pháp của người): Đó là: năm dục, năm kiết hạ phần, sáu thú, sáu cơ sở tranh cãi, bảy sử, tám tà vạy ở đời, tám pháp, chín mạn, chín não, mười hành tích thiện, mười hành tích ác.

Nhân pháp còn có: Như các thiên nhân dùng kệ hỏi Phật:

"Người nào sinh đường thiện?
Ai được sinh, cõi trời?
Kẻ nào suốt ngày đêm,
Nuôi lớn các công đức?".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp các thiên nhân:

"Đào giếng bên đường đi,
Trồng cây bố thí trái.
Rừng cây cho bóng mát,
Cầu đò đưa người qua.
Bố thí tu tịnh giới,
Trí tuệ bỏ xan tham.
Công đức ngày đêm tăng,
Thường sinh cõi trời người".

Đó là nhân pháp.

Lại nữa, hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc tu phạm hạnh đáng tôn kính, đó là nhân pháp.

Pháp hơn người (quá nhân pháp): Thập trí, pháp trí, vị tri trí, đẳng trí, tha tâm trí, khổ tập diệt đạo trí, tận trí, vô sinh trí, diệt tận giải thoát, tăng thượng tâm thiện, thuần thục thiện căn, tịnh bất tịnh giải thoát, hiểu rõ quả Tu-đà-hoàn và pháp thiền định tùy thuộc, khéo nhập, xuất trụ và thể nghiệm các pháp thiền định gọi là chỉ quán ba Tam-muội, ba minh; bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn

định vô sắc, bốn thánh đạo, bốn thánh chủng, bốn thánh đế, bốn quả Sa-môn; năm chi định, năm căn, năm lực, năm xứ giải thoát; sáu pháp vô thượng, sáu thánh pháp, sáu giới xuất yếu, sáu niệm, sáu thông; bảy tài, bảy pháp vô trước, bảy tam muội, bảy lậu tận lực, bảy giác chi; tám chánh đạo, tám thắng xứ, tám giải thoát, tám hướng đạo tích; chín tưởng, chín pháp hoan hỷ, chín tịnh hạnh mãn túc, chín định thứ đệ; mười trụ xứ Hiền Thánh, mười nhất thiết nhập, mười ly pháp xí nhiên, mười pháp vô học, mười chủng lậu tận lực. Đó gọi là pháp hơn người.

Thánh tri kiến: Tri kiến của Phật và đệ tử Phật, hoặc tự xưng biết mà không thấy, hoặc tự xưng thấy mà không biết, hoặc tự xưng vừa biết vừa thấy, hoặc không biết không thấy.

Biết mà không thấy: Như nói: Tôi biết khổ tập diệt đạo, mà không nói: Tôi có thiên nhãn thanh tịnh, thấy người chết ở đây rồi sinh đến cõi thiện, cõi ác kia hoặc quý, hoặc tiện. Lại cũng không nói: Tôi được thiên nhĩ hơn người, nghe được tiếng người, tiếng loài phi nhân, hoặc gần hoặc xa; Lại cũng không nói: Tôi biết được tâm người khác, có thần túc bay trên hư không tự biết được đời trước v.v... Đó gọi là biết mà không thấy.

Thấy mà không biết: Tự nói: Tôi được thiên nhãn thanh tịnh, cho đến tự biết túc mạng mà không nói. Tôi biết tứ thánh đế. Đó gọi là thấy mà

không biết.

Vừa biết vừa thấy: Như nói: Tôi biết bốn Thánh đế, cho đến tự biết được túc mạng; Đó gọi là vừa biết vừa thấy.

Không biết không thấy: Không nói: Tôi biết bốn thánh đế, cho đến tự biết túc mạng. Đó gọi là không biết không thấy.

Được sự thù thắng: Biết như vậy, thấy như vậy, hoặc thật không biết mà nói biết, không thấy mà nói thấy. Về sau được kiểm tra, hoặc không kiểm tra.

Kiểm tra: Có người hỏi: "Trưởng lão! Ngài được quả thánh chăng? Theo pháp sư nào mà học được quả ấy? Ngài đạt được tại đâu? Khi đạt được như thế nào?". Đó gọi là kiểm tra.

Không kiểm tra: Không ai hỏi. Nếu không thật sự được pháp hơn người mà nói là mình được, thì dù có ai kiểm tra hay không kiểm tra cũng phạm tội Ba-la-di.

Cầu thanh tịnh: Vì muốn được thanh tịnh, nên nói: Tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy.

Hư: Trống không.

Cuống: Không đúng sự thật.

Vọng ngữ: Tự nói một cách hư dối. Trừ tăng thượng mạn: Thế Tôn thể tất. Ba-la-di: (Như trên đã nói)

Lại có Ba-la-di không phải do nói dối mà do thoái hóa, đọa lạc.

Đó gọi là Ba-la-di.

Lại có Ba-la-di: Tội đã vi phạm không thể phát lồ sám hối, gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo tự nói: "Tôi là bậc pháp trí chăng?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi là bậc pháp trí", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi đã được pháp trí", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi đoạn trừ như vậy, tu tập như vậy, chứng ngộ như vậy v.v…" cho đến nói: "Tôi là bậc lậu tận lực chăng?" thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi là bậc lậu tận lực", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi được lậu tận lực", thì phạm tội Ba-la-di. (hoặc nói):

Đoạn như vậy, tu như vậy, chứng như vậy v.v... cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo chuyên đi giáo hóa, đến nhà đàn-việt, nói với người đàn bà: "Này Ưu-bà-di, các Tỳ-kheo an cư tại chỗ ấy đều chẳng phải là phàm phu", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi cũng ở trong số đó", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hỏi: "Trưởng lão đã được pháp ấy sao?"

Đáp: "Đã được", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Này Ưu-bà-di! Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đều được quả A-la-hán", cho đến nói: "Tôi cũng được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo nói: "Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đều được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc nói: "Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đã xong…" cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di: "Các Tỳ-kheo tự tứ tại chỗ kia đều chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán, đều được pháp thù thắng"; cho đến nói: "Tôi được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: "Các Tỳ-kheo trú tại tự viện kia đều chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán, đều được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: "Các Tỳ-kheo Thượng tọa ở tại chỗ kia đều chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán, đều được pháp thù thắng". Rồi người ấy hỏi: "Trưởng lão có được pháp ấy chăng?". Đáp: "Tôi cũng được pháp ấy" thì phạm tội Ba-la-di. Tại nhà quốc vương, nhà Đại thần, nhà trưởng giả, nhà cư sĩ ở trong thành, trong viện, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Các Tỳ-kheo ở nhà bà, các

Tỳ-kheo thọ trai nhà bà, các Tỳ-kheo dạy kinh cho bà con của bà, đều không phải là phàm phu, mà là A-la-hán, đã được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi đã được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nói: "Tỳ-kheo cầm bát như thế, mặc y như thế, ăn thức ăn như thế, đi như thế, đứng như thế, nằm như thế, đều không phải là phàm phu, mà là A-la-hán, đã được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi đã được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nói: "Các Tỳ-kheo trên đây đều được pháp trí, tôi cũng được pháp trí chăng?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi là bậc pháp trí", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nói: "Tôi đã chứng đắc pháp trí", mà không thật chứng, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc nói: "Tôi biết như thế, tôi đoạn như thế, tôi tu như thế", nói như thế, cho đến "Được lậu tận lực, đã chứng đắc", cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo dùng ngôn ngữ thủ đô nói với người ở biên thùy, hoặc dùng ngôn ngữ ở biên thùy nói với người ở thủ đô, hoặc dùng ngôn ngữ thủ đô nói với người ở thủ đô, hoặc dùng ngôn ngữ biên thùy nói

với người ở biên thùy, chỉ nói nghĩa mà không nói ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nói ẩn ý mà không nói nghĩa, thì phạm tội

Việt-tỳ-ni. Nếu nói cả ẩn ý lẫn nghĩa, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý mà hiện tướng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nói nghĩa không nói ẩn ý: Tự xưng nói về mình (ngã) mà không xưng nói La Hán.

Nói ẩn ý không nói nghĩa: Xưng nói về La Hán mà không xưng nói về mình.

Nói cả nghĩa lẫn ẩn ý: Tự xưng nói "Ta là La Hán".

Không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý: Hiện tướng La-hán, hoặc nhắm mắt lại, dùng tay chỉ vào mình, nói với Ưu-bà-di: "Bà là kẻ ngu si không biết bậc đáng tôn kính, ví như hoa Ưu đàm bát, lâu lắm mới xuất hiện một lần mà không biết trân quý". Làm ra tướng trạng như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo viết ra chữ hoặc bằng dấu hiệu, hoặc ra dấu tay, hiện nghĩa mà không hiện ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc hiện ẩn ý không hiện nghĩa cũng phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu hiện cả nghĩa lẫn ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu không hiện nghĩa cũng không hiện ẩn ý, thì không có tội. Trừ căn, lực, giác chi, thánh đạo, chủng, còn các thứ pháp thiện thế gian, các oai nghi nhỏ nhặt không nên tán thán mà chỉ tán thán Phật, Pháp, Tăng, các đại đệ tử như Xá-lợi-phất,

Mục-kiền-liên thì không có tội. Không nên tự ca ngợi bản thân mình. Chỉ khi nào (ai) đồng ý hỏi, mình nói sự thật, thì không có tội. Thế nên, nói:

-Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa chứng mà tự xưng được pháp hơn người, được Thánh tri kiến thù thắng, biết như vậy, thấy như vậy. Về sau, hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, biết là mình phạm tội, muốn cầu thanh tịnh, nên nói như sau: "Thưa Trưởng lão! Tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy, lời nói trống không, dối trá, không thật", trừ trường hợp tăng thượng mạn ra, Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn trú tại thành Xá-vệ, sau bữa ngọ trai, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, bóng mặt trời xế độ ba người rưỡi, ngày mười ba, nửa tháng thứ tư của mùa Đông, sáu năm sau khi thành đạo, vì các Tỳ-kheo sống nơi làng mạc, và các Tỳ-kheo tăng thượng mạn mà chế giới này. Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành.

Đó gọi là pháp tùy thuận.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 5

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN

1. GIỚI CỐ Ý LÀM XUẤT TINH

Bấy giờ, Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Khi ấy, có một Tỳ-kheo tên Thi-lợi-da-bà ở tại thành Xá-vệ, có niềm tin, từ bỏ gia đình xuất gia, đến giờ khất thực, thầy khoác y, cầm bát vào thành khất thực. Vì thầy không khéo thâu giữ thân, miệng, ý, buông lỏng các căn, nhưng mới vào một nhà đã nhận được thức ăn đầy đủ, thầy bèn vào nhà thứ hai, tại nhà thứ hai này, có một phụ nữ đang cởi trần ngồi một mình. Thầy Tỳ-kheo thấy thế rồi trở về lại trú xứ, tưởng nhớ đến thân thể người phụ nữ ấy, tâm ý rối loạn, ưu sầu phát bịnh, sắc mặt tiều tụy. Khi ấy, các Tỳ-kheo hỏi Thi-lợi-da-bà: "Nay thầy vì sao sắc mặt tiều tụy, ưu sầu không vui? Có cần đến sữa, dầu, đường phèn, thuốc thang gì chăng?". Đáp: "Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi".

Các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thăm

hỏi, thầy cũng đều nói thế. Thầy ấy nghỉ trưa, sau khi trở dậy, lòng tơ tưởng, nam căn khởi lên, bèn dùng tay cọ xát, liền bị xuất tinh. Sau khi tinh xuất, thầy thấy an lạc, ưu sầu liền dứt, thầy bèn suy nghĩ: "Phương pháp này tốt thật, có thể dứt được mối lo mà không phương hại gì đến việc xuất gia tịnh tu phạm hạnh, nhận đồ thí chủ cúng dường". 1325

Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích, nên cứ năm hôm đi tuần tra tăng phòng một lần. Năm việc lợi ích đó là:

Xem các đệ tử Thanh văn có vướng mắc vào các việc hữu vi hay không.

Xem họ có bàn luận việc thế tục không.

Xem họ có ham mê ngủ nghỉ làm phương hại đến việc hành đạo không.

Xem có Tỳ-kheo nào đau ốm không.

Để cho các Tỳ-kheo tuổi trẻ mới xuất gia thấy uy nghi tề chỉnh của Đức Như Lai mà sinh tâm hoan hỷ.

Chính vì năm việc này mà Đức Như Lai cứ năm hôm đi xem xét các phòng một lần.

Lúc ấy, Trưởng lão Thi-lợi-da-bà ngủ trưa thức dậy, bèn ra phòng phía sau đi tiểu, thì nam căn cương cứng. Đức Thế Tôn sợ thầy kinh sợ xấu hổ, nên lên tiếng đằng hắng để thầy hay biết. Khi Thi-lợi-da-bà thấy Thế Tôn, bèn vội vàng khoác y, bước theo đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng hầu.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Thi-lợi-da-bà: "Trước đây thầy mắc bệnh, mặt mày tiều tụy, do duyên cớ gì mà nay hết bệnh?".

Thầy liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con sinh ra tại thành Xá-vệ, con có niềm tin từ bỏ gia đình xuất gia. Bà con quen biết cung cấp cho con y phục giường nệm thuốc men không thiếu thứ gì. Một hôm con khoác y cầm bát vào thành khất thực, đến một nhà kia, thấy một phụ nữ cởi trần đang ngồi. Sau khi thấy thế con trở về lại tinh xá, lòng dục ray rứt, cảm thấy không vui, thân thể phát bịnh nên không muốn ăn uống gì cả. Lúc đó, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến thăm hỏi an ủi con, ai cũng muốn cho con uống thuốc, nhưng con bảo không cần. Một hôm, con ngủ trưa thức dậy, thấy nam căn cương cứng, con dùng tay thủ dâm, tinh liền xuất ra. Sau khi xuất tinh, con ngủ an ổn, bệnh liền dứt hết. Con bèn suy nghĩ: "Phương pháp này rất tốt, có thể trừ được mối lo, mà không phương hại đến việc xuất gia, nhận đồ thí chủ cúng dường". Bạch Thế Tôn! Vì thế mà được lành bệnh, thân thể an ổn, tu phạm hạnh dễ dàng".

Phật nói: "Này kẻ ngu si, điều đó thật không thể được. Điều đó không phải phạm hạnh mà bảo là phạm hạnh, không phải an ổn mà cho là an ổn. Này kẻ ngu si! Vì sao dùng bàn tay ấy nhận đồ người ta bố thí, rồi lại dùng bàn tay ấy thủ dâm cho

xuất tinh? Ngươi há không nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách tưởng dục, ca ngợi sự đoạn dục sao? Nay ngươi đã làm một việc ác không tốt. Đó là điều phi pháp, phi luật chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi Phật truyền cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

-Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Lúc ấy, Trưởng lão Thi-lợi-da-bà thường hay phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, hoặc Ba-la-đề-đề-xá-ni hoặc tội Việt-tỳ-ni phải sám hối. Các Tỳ-kheo thấy Trưởng lão thường hay phạm các tội phải sám hối như vậy, nên nói với Trưởng lão: "Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã chế định các tội phạm sai biệt rồi, vì sao thầy còn khinh thường hay vi phạm như thế?". Thi-lợi-da-bà nói: "Thưa các Trưởng lão! Tôi phạm tội phải sám hối mà không than mỏi mệt, quý vị nhận sự sám hối của tôi thì có gì là vất vả?".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Sau khi thầy đến, Phật liền hỏi: "Ông thường thường

phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa v.v... và nói với các Tỳ-kheo: "Tôi phạm tội phải sám hối mà không thấy mỏi mệt, quý vị nhận sự sám hối của tôi thì có gì là vất vả?". Có thật thế chăng?". Đáp: "Có thật như vậy bạch Thế Tôn".

Phật liền nói với Thi-lợi-da-bà: "Đó là việc ác, từ nay trở đi, nếu phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma-na-đỏa sáu ngày sáu đêm trong chúng Tỳ-kheo. Sau khi thi hành pháp Ma-na-đỏa phải làm phép xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, Thi-lợi-da-bà thường thường phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa, bèn suy nghĩ: "Thế Tôn chế giới phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma-na-đỏa sáu ngày sáu đêm. Sau khi thi hành pháp Ma-na-đỏa rồi, phải làm phép xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo. Nay ta phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không ai biết thì khỏi thi hành sáu ngày sáu đêm Ma-na-đỏa, không thi hành sáu ngày sáu đêm Ma-na-đỏa thì cũng khỏi làm pháp xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo. Nay ta nên che giấu".

Nhưng sau khi che giấu, thầy thấy nghi ngờ, hối hận liền thầm nghĩ: "Ta là kẻ bất thiện, rất trái với luật pháp. Vì sao kẻ thiện nam có lòng tin xuất gia, biết Phật chế giới mà cố ý vi phạm, rồi che giấu? Giả sử những người sống phạm hạnh không

biết đi chăng nữa, thì chư Thiên biết được tâm người khác, há lại không biết hay sao? Giá như chư Thiên không biết thì Đức Thế Tôn há lại không biết hay sao?". Thế rồi, thầy liền nói với các Tỳ-kheo: "Cho tôi pháp Ma-na-đỏa". Các Tỳ-kheo hỏi: "Vì sao thầy cầu xin pháp Ma-na-đỏa?".

Đáp: "Tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Từ lúc phạm đến giờ đã bao lâu?". Đáp: "Chừng ấy thời gian".

Lại hỏi: "Vì sao không nói liền với người khác?".

Đáp: "Vì tôi hổ thẹn, nên không nói liền. Nhưng tôi lại nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới, ai phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma-na-đỏa sáu ngày sáu đêm v.v"... cho đến nghĩ: "Nếu chư Thiên không biết đi chăng nữa, thì Đức Thế Tôn há lại không biết hay sao? Vì lẽ đó mà nay tôi nói với các Trưởng lão".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Phật dạy: "Hãy gọi Thi-lợi-da-bà đến". Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ các việc trên: "Ông có thật thế chăng?". Đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Này kẻ ngu si! Đó là việc ác. Đã phạm giới mà không biết hổ thẹn, sám hối".

Thế rồi Thế Tôn đọc kệ:

Che giấu thì hoen ố.

Bày tỏ không hoen ố
Thế nên ai che giấu,
Phải khiến họ bày tỏ.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

-Từ nay trở đi, ai phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu thì phải bắt họ thực hiện pháp Ba-lợi-bà-sa. Thực hiện pháp Ba-lợi-bà-sa xong phải bắt họ thi hành sáu ngày sáu đêm pháp Ma-na-đỏa. Sau khi thi hành pháp Ma-na-đỏa phải cho họ xuất tội giữa hai mươi vị Tỳ-kheo. Nếu thiếu một người trong số hai mươi Tỳ-kheo mà làm pháp xuất tội, thì Tỳ-kheo ấy không khỏi tội, mà các Tỳ-kheo còn bị khiển trách.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy có hai người còn phải học, hai người còn là phàm phu, nằm mộng xuất tinh. Họ đều suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới, ai cố ý làm xuất tinh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nay chúng ta có lẽ đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa chăng? Ta phải đem việc này thưa đầy đủ với Tôn giả Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất sẽ hỏi Thế Tôn, Phật có dạy thế nào thì ta sẽ phụng hành". Thế rồi các Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, đem mọi sự tình trình bày với Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất liền dẫn các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Bốn Tỳ-kheo này bị xuất tinh trong giấc

mộng, liền sinh nghi ngờ: "Thế Tôn đã chế giới[1331], vậy có lẽ ta đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa chăng?" Cho nên con đến đây bạch với Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Vậy việc ấy như thế nào?". Phật liền bảo với Xá-lợi-phất: "Mộng vốn là hư vọng, không thật; nếu mộng mà chân thật, thì những người tu phạm hạnh trong giáo pháp của ta sẽ không có ai giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Vì tất cả mộng mị đều không chân thật, cho nên những người tu phạm hạnh trong giáo pháp của ta dứt được cội nguồn đau khổ". Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

-Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, trừ ra trong giấc mộng.

Giải thích:

Cố ý: Cố tình tìm phương tiện.

Xuất tinh: Chảy ra những thứ bất tịnh.

Trừ ra trong giấc mộng: Đức Thế Tôn nói: Xuất tinh trong giấc mộng không có tội.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tăng già là bốn pháp Ba-la-di (?) Bà-thi-sa là tội còn lại cần phải làm pháp yết-ma trị phạt, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa. Lại nữa, tội ấy phải phát lồ sám hối giữa Tăng, nên cũng gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Mộng: Gồm có năm thứ sau đây:

Mộng thật.

Mộng không thật.

Mộng không rõ ràng.

Mộng trong mộng.

Trước tưởng đến rồi sau mới có mộng. Đó là năm thứ mộng. Nhưng thế nào là mộng thật?

Mộng thật: Đó là Đức Như Lai khi làm Bồ tát thấy năm giấc mộng như thật không khác chút nào. Đó gọi là mộng thật.

Mộng không thật: Khi (người ta nằm ngủ) thấy mộng, nhưng lúc thức dậy thì không thật. Đó gọi là mộng không thật.

Mộng không rõ ràng: Như giấc mộng không ghi nhớ được đầu, giữa và cuối. Đó gọi là mộng không rõ ràng.

Mộng trong mộng: Như nằm thấy mộng rồi đem giấc mộng ấy nói với người khác cũng trong mộng. Đó gọi là mộng trong mộng.

Trước tưởng đến rồi sau mới có mộng: Như ban ngày tưởng đến việc gì rồi ban đêm nằm thấy mộng việc đó. Đó gọi là trước tưởng rồi sau mộng.

Bây giờ nói về năm nguyên nhân phát sinh dâm dục: Mắt thấy sắc đẹp sinh ra nhiễm vướng, ưa thích, rồi tưởng đến sự dâm dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân nhiễm vướng tơ tưởng giao hoan với người nữ, rồi sau nung nấu liên tục mà sinh tâm dâm dục. Đó gọi là năm nguyên nhân phát sinh sự

dâm dục.

Còn nam căn (dương vật) cương cứng có năm nguyên nhân: Do tâm ham muốn mà cương cứng, do đi cầu mà cương cứng, do đi tiểu mà cương cứng, do bệnh phong mà cương cứng, hoặc do loài phi nhân xúc chạm mà cương cứng. Đó gọi là năm nguyên nhân khiến cho nam căn cương cứng.

Thủ dâm cho xuất tinh có ba việc: Vì có tâm dâm dục, vì muốn lấy tinh dịch, hoặc vì muốn khoái lạc nên thủ dâm. Hoặc tự nghĩ: "Lâu nay không thông thoát nên sinh ra bệnh hoạn", hoặc vì muốn được thông thoát, hoặc vì đùa nghịch, hoặc để thí nghiệm, hoặc chưa từng làm nên làm thử, hoặc tự mình thủ dâm cho xuất tinh". Đó gọi là thủ dâm cho xuất tinh. Tinh có các màu: màu sữa tươi, màu sữa chua, màu sữa đông lạnh, màu dầu, hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu một trong các màu ấy vọt ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong tâm khởi dâm dục làm cho nam căn cương cứng, tưởng chừng như sẽ xuất tinh, nhưng nếu không thủ dâm thì tinh không xuất. Đó là do lỗi của tâm. Nếu tâm dục sinh khởi nam căn như muốn xuất tinh, rồi thủ dâm nhưng tinh không xuất, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Vì tâm dục sinh khởi, nam căn muốn xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tâm dục sinh khởi, nam căn không muốn

xuất tinh và không cố ý thủ dâm nên tinh không xuất, thì không có tội. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, hoặc bị bệnh phong hoặc phi nhân xúc chạm mà nam căn cương cứng cũng đều như thế.

Nếu tâm dục sinh khởi, bèn tưởng đến nam căn xuất tinh, rồi cố ý thủ dâm, tinh sắp vọt ra, nhưng không vọt ra ngoài, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu tâm dục sinh khởi, rồi tưởng tượng nam căn xuất tinh, nhưng không thủ dâm, nên tinh không xuất, thì phải trách tâm.

Nếu tâm dục sinh khởi, nhưng không tưởng tượng nam căn xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh không xuất, thì cũng phải trách tâm.

Nếu tâm dục sinh khởi, nhưng không tưởng tượng nam căn xuất tinh, không cố ý thủ dâm mà tinh xuất, thì cũng phải trách tâm.

Nếu tâm dục sinh khởi, bèn tưởng đến xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Cho đến trường hợp phi nhân xúc chạm.v.v.. cũng như vậy.

Trường hợp xuất tinh hoặc thân, hoặc thân phần, hoặc thân hợp.

Thân: Tất cả toàn thân dao động, khi ấy tạo điều kiện cho tinh xuất, và tinh xuất ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thân phần: Hoặc dùng tay, hoặc dùng gót chân, hoặc dùng bắp tay, khuỷu tay, tạo điều kiện cho

tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thân hợp: Gồm có các chất địa, thủy, hỏa, phong.

Chất địa: Như giường, hoặc mền, hoặc vách tường, hoặc bọng cây, hoặc ống tre v.v... nếu dùng các vật cứng ấy chạm vào nam căn để cho xuất tinh, mà tinh xuất ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất nước: Hoặc dùng các dòng nước chảy ngược chạm vào nam căn, hoặc dùng nam căn nhúng vào các chất sữa dầu hay các vật ẩm ướt ở trong nước, muốn cho tinh xuất mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất lửa: Hoặc để nam căn vào chỗ nóng, hoặc áp vật nóng vào nam căn, hoặc hướng đến ngọn lửa, hướng về ánh nắng, muốn cho tinh xuất mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất gió: Hoặc dùng miệng thổi, hoặc dùng quạt quạt, hoặc dùng vải phất qua, chạm đến nam căn muốn cho tinh xuất, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo bảo người khác: "Ông hãy thủ dâm tôi để cho xuất tinh", mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc nói với người ta: "Ông chớ đợi tôi phải nói, ông từng biết việc đó mà". Sau đó, người ấy thủ dâm giúp mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-

bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo ở những nơi thanh vắng, trông thấy cầm thú giao phối, thấy rồi tâm dục sinh khởi, rồi bị xuất tinh thì phải trách tâm. Nếu vì thích hưởng khoái lạc mà tìm cách chạy theo xem cầm thú giao phối, muốn cho tinh xuất, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu có người dùng sức mạnh thủ dâm Tỳ-kheo khiến cho xuất tinh, thì Tỳ-kheo phải tự trách tâm. Nếu vì muốn khoái lạc, bèn đến người kia bảo họ thủ dâm giúp, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thấy kẻ nam nữ hành dâm, thấy rồi, tâm dục sinh khởi nên xuất tinh, thì phải tự trách tâm. Nếu vì muốn khoái lạc mà chạy theo xem, khiến cho tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo thấy thợ cất nhà cho dâm nữ, liền suy nghĩ: "Nơi đó chính là để làm việc dâm dục chứ đâu có việc gì khác nữa", do thế, tâm dục sinh khởi, rồi xuất tinh, thì phải tự trách tâm mình. Nhưng nếu vì ham vui cố ý đến xem, khiến cho tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo trông thấy phụ nữ tắm lõa thể, thấy rồi tâm dục sinh khởi mà xuất tinh, thì phải tự trách mình. Nhưng nếu vì ham vui cố ý đến xem, khiến cho tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-

sa. Hoặc thấy đàn ông lõa thể... cũng như thế.[1337]

Nếu Tỳ-kheo đang đi đường mà tâm dục sinh khởi, rồi xuất tinh thì phải tự trách tâm mình. Nhưng nếu trong khi đi cố tạo điều kiện khiến cho tinh xuất, rồi tinh xuất ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa... Như lúc đi, đứng, ngồi, nằm... cũng như thế. Nếu do thoa dầu để tắm mà tinh xuất thì phải tự trách tâm mình. Bằng cố ý tạo phương tiện thoa dầu để tắm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên, Đức Thế Tôn nói:

-Nếu Tỳ-kheo cố ý thủ dâm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, ngoại trừ trong giấc mộng.

(Hết giới Tăng tàn thứ nhất).

2. GIỚI XÚC CHẠM NỮ NHÂN

Khi Phật an trụ tại thành Vương-xá, trong vườn Trúc Ca-lan-đà, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la có một đệ tử Sa-di ni tên là Chi-lê. Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la sai Sa-di ni Chi-lê mang y đến cho Ưu-đà-di. Lúc ấy, Ưu-đà-di đang vá y trước phòng mình, Chi-lê bèn đảnh lễ dưới chân Ưu-đà-di, rồi đứng qua một bên, bạch Ưu-đà-di: "Thầy con là Ưu-bát-la sai con đem y đến cho Trưởng lão". Ưu-đà-di đáp: "Tốt, hãy mang để vào trong phòng". Thế rồi Ưu-đà-di liền bước theo sau, đi vào trong phòng, tiện tay ôm cô ấy vuốt ve một

lát cho thỏa thích, rồi thả đi. Chi-lê nước mắt ràn rụa trở về với thầy. Ưu-bát-la hỏi: "Vì sao con khóc?". Đáp: "Trưởng lão Ưu-đà-di đi theo con vào trong phòng, rồi ôm con đùa giỡn, xúc phạm con thậm tệ". Ưu-bát-la nói: "Con đừng khóc nữa, ta sẽ thưa với Phật trừng phạt Ưu-đà-di".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên... Đến giờ khất thực, Trưởng lão Ưu-đà-di khoác y cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Thầy đi vào một nhà, thấy một phụ nữ đang giã đậu, bèn nắm tóc lôi kéo, ôm vào lòng đùa giỡn thích ý trong giây lát, rồi thả đi. Người phụ nữ ấy liền khiển trách: "Ông Ưu-đà-di này là kẻ phi pháp, bất thiện. Ông cho rằng nhà tôi là phòng dâm nữ chăng? Tôi sẽ đem việc này bạch với các Tỳ-kheo". Ưu-đà-di nói: "Bạch hay không bạch, tùy ý bà", rồi bỏ đi.

Lại nữa, khi Phật an trụ tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc đến giờ khất thực, Ưu-đà-di bèn khoác y cầm bát, vào thành tuần tự khất thực. Khi thầy vào một nhà, thấy một phụ nữ mang thai giã gạo mỏi mệt, bèn ngồi trên cối nghỉ ngơi. Thấy thế, Ưu-đà-di bèn dùng chân đạp vào cối, cái cối chuyển động, khiến bà ta ngã kềnh ra đất, để lộ thân thể. Ưu-đà-di liền dìu bà đứng dậy, nói: "Chị hãy đứng dậy, tôi đã thấy rồi". Khi ấy, bà ta giận dữ nói: "Sa-môn Thích tử! Đó không phải là cách xin lỗi. Thà ngươi đập một chày giã gạo cho ta

chết, còn hơn là trông thấy mặt ngươi ở chỗ vắng người thế này. Ta sẽ đem việc này thưa với các Tỳ-kheo". Ưu-đà-di nói: "Thưa hay không thưa tùy ý bà", rồi bỏ đi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Trưởng lão Ưu-đà-di đến phiên canh giữ các phòng. Nhân vì có một người Bà-la-môn quen biết dẫn vợ đến thăm Ưu-đà-di. Bà này rất đoan chánh. Ông chồng nói với Ưu-đà-di: "Thầy hãy mở căn phòng để cho bà này xem". Ưu-đà-di nói: "Dù ông không bảo thì tôi cũng muốn giới thiệu các căn phòng cho bà này xem huống gì ông đã yêu cầu", bèn đưa bà ấy lên trên gác chỉ cho xem các căn phòng có điêu khắc hoa văn, trang trí các hình ảnh đẹp đẽ, dưới đất thì tạo mô hình những hạt đậu xanh. Rồi đến một chỗ khuất, thầy bèn kéo bà ấy lại ôm chầm vào lòng.

Người đàn bà ấy suy nghĩ: "Ông Ưu-đà-di này chắc muốn làm việc như vậy, như vậy". Thế nhưng, thầy đùa giỡn xong rồi bèn buông ra, rồi đến nói với ông Bà-la-môn: "Tôi đã cho xem xong rồi". Ông Bà-la-môn nói: "Tốt, vậy hãy cho xem các phòng khác". Khi ấy, vì Ưu-đà-di không cùng giao hoan với người đàn bà ấy nên bà ta nổi giận nói: "Xem phòng ốc để làm gì? Đó là kẻ xuất gia hoàng môn bạc phước, ôm ấp, vuốt ve thân tôi, mà không có việc tốt". Lúc ấy, ông Bà-la-môn bèn nói với Ưu-đà-di: "Ông là chỗ tri thức của tôi mà lại

sinh ra xằng bậy không xứng đáng tri thức! Tại nơi đất bằng bỗng sinh ra gò nổng! Trong nước bỗng sinh ra lửa". Bèn xiết cổ Ưu-đà-di dẫn đi. Ưu-đà-di nói: "Bà-la-môn hãy thả ta ra, đừng làm cho ta trong khoảnh khắc mà bị vỡ đầu". Bà-la-môn nói: "Ta không thả ngươi. Ngươi đã phụ lòng tin cậy của ta".

Các Tỳ-kheo nghe tiếng cãi cọ, liền ra xem, và nói với Bà-la-môn: "Thôi, thôi, hãy thả Ưu-đà-di ra". Bà-la-môn nói: "Dứt khoát tôi không thả, phải dẫn đến chỗ Thế Tôn".

Bấy giờ, Phật thấy thế, liền nói với Bà-la-môn: "Thả Ưu-đà-di đi". Bà-la-môn liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Nay con không thả, cần phải nói rõ tội trạng của y rồi mới thả ra".

Bấy giờ, Ưu-đà-di bèn dùng hết sức vùng vẫy thoát được, liền bỏ chạy. Thế rồi Bà-la-môn đem các nhân duyên kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Khi ấy, Thế Tôn liền tùy thuận thuyết pháp cho Bà-la-môn, khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, giận dữ bèn tiêu trừ, được con mắt pháp thanh tịnh, nên ông từ giã xin phép trở về. Phật nói: "Ông nên biết lúc nào phải làm gì". Rồi ông đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng mà ra đi. Khi ông Bà-la-môn đi chưa bao lâu, Phật bèn bảo các Tỳ-kheo gọi Ưu-đà-di đến. Sau khi thầy đến, Phật liền đem việc trên hỏi rõ Ưu-đà-di: "Ông có thật như thế

chăng?”. Đáp: “Có thật như thế bạch Thế Tôn[1341]!”. Phật nói: “Ưu-đà-di! Đó là việc xấu”. Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Ông Ưu-đà-di này không những làm một việc xấu như hôm nay mà trước đây, tại thành Vương-xá, trong vườn trúc Ca-lan-đà cũng đã từng làm việc xấu. Đó là khi Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la sai Sa-di ni Chi-lê đem y đến cho Ưu-đà-di, Ưu-đà-di liền ôm cô ấy vào lòng đùa giỡn thỏa thích rồi thả đi”. Phật liền hỏi Ưu-đà-di: “Ông có việc ấy thật chăng?”. Thầy đáp: “Có thật bạch Thế Tôn”. Phật nói: “Đó là việc xấu”.

Lại có Tỳ-kheo khác bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Không những một việc xấu đó thôi, mà lúc ở tại thành Xá-vệ cũng đã từng làm việc xấu. Đó là khi đến giờ khất thực, Ưu-đà-di khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Thầy vào một nhà kia, thấy trong nhà có một phụ nữ đang giã đậu, Ưu-đà-di bèn nắm tóc cô ấy lôi kéo, đùa giỡn, xúc não, rồi thả đi. Phật liền hỏi Ưu-đà-di: “Ông có việc ấy thật chăng?”. Đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!”. Phật nói: “Đó là việc xấu”.

Lại có một Tỳ-kheo khác nói:

Bạch Thế Tôn! Đâu phải chỉ có một việc xấu đó thôi, mà lúc Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ, đến giờ khất thực, Ưu-đà-di liền khoác y, cầm bát vào

thành khất thực, khi đến một nhà kia, thầy trông thấy một phụ nữ đang mang thai, do giã gạo mỏi mệt ngồi trên cối nghỉ ngơi, Ưu-đà-di bèn dùng gót chân đạp vào cối giã khiến bà ta ngã kềnh trên đất, để lộ thân hình. Thầy bèn đứng xem mãn nhãn, rồi mới ra đi. Phật liền hỏi: "Ưu-đà-di, ông có làm việc ấy thật chăng?".

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!". Phật hỏi: "Vì cớ gì vậy?".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Vì con chưa từng trông thấy phụ nữ mang thai nên muốn xem thử vậy".

Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si! Thà xem các cầu tiêu chứ không nên xem phụ nữ đang mang bầu. Ta há không từng dùng nhiều phương tiện chê trách tưởng dục, và khen ngợi ly dục là gì? Vì sao ông lại làm cái việc xấu bất thiện như vậy? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

-Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Ưu-đà-di này bị Bà-la-môn kia thộp cổ, rồi nhờ ân huệ của Thế Tôn mà chạy thoát được?

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-đà-di này không những hôm nay nhờ ta mới được thoát, mà trong thời quá khứ cũng từng bị bắt và nhờ Ta mới thoát được".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có

như vậy sao?". Phật nói: "Có như vậy. Trong thời quá khứ, ở trên núi Hương sơn, có một vị Tiên nhân ẩn cư. Cách núi ấy không xa, có một cái ao nước. Trong ao có một con ba ba, nó rời khỏi ao đi tìm thức ăn, khi ăn xong liền hướng về phía mặt trời, mở miệng ra mà ngủ. Khi ấy, trong Hương sơn có một con khỉ đi xuống ao uống nước, uống xong bèn lên bờ, liền trông thấy con ba ba đang mở miệng nằm ngủ. Thấy vậy, con khỉ bèn muốn làm việc dâm dục, liền đút dương vật vào trong miệng con ba ba. Ba ba bỗng thức giấc, liền ngậm miệng lại, thu rút sáu chi phần vào trong mai, như bài kệ sau đây trình bày:

"Kẻ ngu si chấp tướng,
Như Ba Ba ngậm mồm.
Họa chỉ có trời gầm,
Búa bổ mới chịu nhả".

Khi ấy, ba ba ngậm chặt dương vật của khỉ định chui xuống nước. Khỉ đột hoảng sợ liền suy nghĩ: "Nếu ta xuống nước chắc chết, không còn nghi ngờ gì nữa". Nhưng ba ba sức yếu, hai con giằng co nhau, dần dần lôi đến bờ vực.

Lúc ấy, con ba ba nằm ngửa, khỉ dùng hai tay ôm lấy ba ba, suy nghĩ và nói: "Không biết có ai giúp ta thoát được nạn này?". Vì khỉ đã biết chỗ ở của Tiên nhân, nên nghĩ rằng ông ấy sẽ cứu ta, bèn ôm ba ba hướng đến nơi ấy. Tiên nhân từ xa trông thấy, liền suy nghĩ: "Ôi, thật là việc lạ lùng! Con

khỉ này nay muốn giở trò gì đây?”, bèn nói đùa với khỉ: “Bà-la-môn! Vật quý gì đựng đầy bát mang đến đây vậy? Có tin tức gì vui mà đến tìm tôi thế?”.

Bấy giờ, khỉ liền đọc kệ:

“Tôi, con khỉ ngu si
Vô cớ xúc não người.
Hiền sĩ hãy cứu giúp,
Tính mạng tôi sắp tiêu.
Hôm nay Bà-la-môn,
Nếu không cứu lấy tôi.
Chốc lát đứt của quý,
Khốn khổ trở về rừng”.

Khi ấy, Tiên nhân dùng kệ đáp lại:

“Nếu ta giải cứu ngươi,
Cho về lại núi rừng.
E rằng tánh khỉ đột
Chứng nào vẫn tật nấy”.

Thế rồi, Tiên nhân nói với chúng về sự tích thuở xưa:

“Ba ba mi thuở xưa,
Từng có hiệu Ca-diếp.
Con khỉ trong quá khứ,
Hiệu là Kiều-trần-như.
Từng làm việc dâm dục
Nay là dịp đoạn trừ.
Ca-diếp thả Kiều-trần

Cho về lại núi rừng".

Bấy giờ, Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Vị Tiên nhân thời ấy nào phải ai khác đau mà chính là Ta đây; còn ba Ba-là Bà-la-môn, và con khỉ lúc ấy là Ưu-đà-di. Xưa kia làm muông thú, y đã nhờ Ta cứu thoát, nay lại cũng nhờ Ta mà được giải thoát".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Ưu-đà-di đối với Sa-di ni Chi-lê như con gái mình, lại sinh khởi tưởng dục?". Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay Ưu-đà-di đối với Chi-lê như con gái mình mà khởi tưởng dục, mà trong thời quá khứ đối với cô gái ấy cùng đã từng khởi tưởng dục". Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?".

Phật đáp: "Đúng như vậy! Trong thời quá khứ có một người Bà-la-môn họ Tung-cừ, sống bằng nghề nông, ông cưới một bà vợ đoan chánh đẹp đẽ, hai người ái ân nồng thắm, sinh một đứa con gái cũng đoan chánh không kém. Vì họ của ông là Tung-cừ nên ông đặt tên con gái là Tung-cừ. Đến khi cô khôn lớn, các gia đình Bà-la-môn liền sai mai mối đến xin cưới cô. Khi ấy, cô hỏi mẹ: "Những người khách đến là ai vậy?". Đáp: "Họ xin cưới con đấy". Cô bèn thưa với mẹ: "Con không muốn lấy chồng, chỉ thích tu phạm hạnh". Bà mẹ nói: "Không được! Nguyên tắc con trai con gái là phải lấy vợ lấy chồng". Cô lại nói: "Nếu cha mẹ

thương yêu con, thì xin đừng gả con cho ai". Vì cha mẹ quá thương yêu con gái nên không nở làm trái ý nó, liền đáp: "Đồng ý". Lúc đó, bà con quen biết đều lấy làm kỳ quái, tự hỏi: "Vì sao người con gái ấy đoan chánh đẹp đẽ mà lại thủ chí thích tu phạm hạnh?". Thế nên, ai nấy đều yêu mến cô. Trong lúc Bà-la-môn ra đồng cày ruộng, bà vợ thường mang đồ ăn. Bỗng một hôm, bà vợ bận việc, bèn sai Tung-cừ đem thức ăn ra đồng cho cha. Khi ấy, Bà-la-môn vì không tư duy chân chánh nên phát sinh tưởng dục, mong mỏi vợ tới sẽ cùng hành dâm, nên trông thấy người mang thức ăn đến, liền bỏ cày lên đón. Do lòng dục làm mê loạn, ông không kiềm chế được, nên chỗ không nên vuốt ve mà cha lại vuốt ve con mình. Khi ấy, cô Tung-cừ liền chảy nước mắt đứng yên. Thế rồi, ông Bà-la-môn bỗng sực nghĩ lại: "Con Tung-cừ này thường không ưa dục lạc, mọi người đều ca ngợi, nay ta vuốt ve nó mà nó chẳng kêu la gì, hình như nó có ý thích, liền đọc kệ:

"Nay ta vuốt ve con,
Con cúi đầu thở ra
Hình như con không muốn
Hành dâm cùng với ta.
Con từng tu phạm hạnh
Mọi người ai cũng kính
Mà nay lại yếu mềm
Dường có ý phàm tục".

Bấy giờ, cô Tung-cừ bèn dùng kệ đáp lại[1347] lời cha:

"Trước gặp cảnh khủng bố,
Con nương cậy cha hiền
Nay cội gốc nương tựa
Lại gặp phải não phiền
Nhưng trong chỗ thâm tình
Biết tố cáo cùng ai.
Ví như chỗ nước sâu
Bỗng phát sinh ra lửa
Nơi cội gốc chở che,
Mà nay sinh khủng bố
Chỗ không sợ sinh sợ
Nơi trở về gặp nạn
Các thiên thần rừng cây
Chứng cho điều phi pháp
Ân sinh dưỡng không tròn
Một sớm thành ô nhục
Lòng đất không mở ra
Ta biết trốn vào đâu?".

Khi Bà-la-môn nghe con gái mình đọc kệ, lòng đầy hổ thẹn, lập tức bỏ đi.

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Bà-la-môn thuở ấy nào phải ai khác đâu mà là Ưu-đà-di ngày nay. Còn vợ Bà-la-môn lúc ấy thì nay là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la; và cô Tung-cừ thuở trước thì nay chính là Sa-di ni Chi-lê vậy. Ngày xưa, ông đã từng khởi tưởng dục với cô gái này nên nay lại khởi trở lại".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo cư trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo bị dâm dục biến tâm, rồi cọ xát với thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm đuôi tóc và xúc chạm vào các bộ phận khác để tìm cảm giác êm ái, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Dâm dục: Tức là có tâm nhiễm ô.

Biến tâm: Tâm quá khứ diệt tận, thay đổi nên gọi là biến. Nhưng chỉ biến dịch trong các thứ này: căn, lực, giác chi và thánh đạo.

Tâm: Tức là ý thức.

Người nữ: Như mẹ, chị, em thân thích hoặc chẳng phải thân thích, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Nắm tay: Hoặc nắm bàn tay, hoặc nắm cổ tay, cho đến nắm một ngón tay thì gọi là nắm tay.

Biên: Có tám loại, đó là:

Đuôi tóc.

Ngoài lề của hạt châu.

Phần chót của sợi tơ.

Trên chót vòng hoa.

Lớp ngoài vỏ cây.

Trên đầu ngọn cỏ.

Trên đầu sợi lông.

Bên ngoài da.

Nếu nắm tám loại biên này gồm luôn cả tóc thì phạm tám tội Tăng-già-bà-thi-sa. Ngoài tóc ra, nếu nắm bảy loại biên kia thì phạm bảy tội Thâu-lan-giá.

Thân thể tiếp xúc: Hai thân thể tiếp xúc nhau.

Các bộ phận khác: Các bộ phận trong thân thể, trừ tóc ra. Vuốt ve: Vuốt xuôi, vuốt ngược khắp nơi.

Tìm cảm giác êm ái: Trong khi vuốt xuôi, vuốt ngược thân thể có cảm giác êm ái.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói, hoặc Tỳ-kheo có tâm nhiễm ô kéo mái tóc của phụ nữ, hoặc dỡ lên, hoặc đè xuống, hoặc kéo tới, hoặc đẩy lui, hoặc ôm vào, hoặc hôn, hoặc xô, hoặc vỗ, đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo muốn nắm người này mà lại đụng nhằm người khác, hoặc muốn nắm người khác mà lại đụng phải người này, hoặc muốn xúc chạm người này mà xúc chạm người này, hoặc muốn xúc chạm những người khác rồi xúc chạm những người khác, cho đến lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Trong ý tưởng người đó là phụ nữ, nhưng lại là hoàng môn rồi nắm tóc, cho đến lôi kéo, vuốt ve thì Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là hoàng môn, nhưng lại là phụ nữ, rồi lôi kéo, vuốt ve thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là phụ nữ mà người đó đích thực là phụ nữ, rồi lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là hoàng môn mà người đó quả là hoàng môn, rồi lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là phụ nữ nhưng lại là đàn ông, rồi lôi kéo, vuốt ve thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là nam giới, nhưng lại là phụ nữ, rồi lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là nam giới, mà quả thực là nam giới, rồi lôi kéo, vuốt ve thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đối với hoàng môn thì cũng như nam giới.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người nữ, rồi người nữ đó chạy vào trong đám phụ nữ, và Tỳ-kheo vào trong đó kéo người nữ ấy ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc khởi tâm dục chạm vào trong các phụ nữ ấy thì tùy xúc chạm vào ai đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu không xúc chạm thì phạm tội Thâu-

lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người nữ, rồi người nữ ấy chạy vào trong đám hoàng môn, và Tỳ-kheo vào trong đó kéo người nữ ấy ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục xúc chạm các người hoàng môn, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không xúc chạm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người nữ rồi người nữ ấy chạy vào trong đám đàn ông, và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nữ ấy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục xúc chạm vào các người đàn ông, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Việt-tỳ-ni. Bằng không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người hoàng môn và người hoàng môn ấy chạy vào trong đám hoàng môn, rồi Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người hoàng môn ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục xúc chạm những người hoàng môn khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người hoàng môn, và người hoàng môn ấy chạy vào trong đám phụ nữ, rồi Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người hoàng môn ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục xúc chạm vào những phụ nữ khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người hoàng môn rồi người hoàng môn ấy chạy vào trong đám đàn ông, và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người hoàng môn ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu có tâm dục xúc chạm những đàn ông khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt một người nam, rồi người nam ấy chạy vào trong đám người nam, và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nam ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tâm dục xúc chạm những người nam khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt một

người nam và người nam ấy chạy vào trong đám phụ nữ rồi Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nam ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tâm dục xúc chạm những người nữ khác, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt một người nam, rồi người nam ấy chạy vào trong chúng hoàng môn và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nam ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tâm dục xúc chạm những người hoàng môn khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục, một lần xúc chạm nhiều phụ nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu xúc chạm riêng từng người thì một lần xúc chạm phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đang ngồi, có phụ nữ đến đảnh lễ dưới chân, mà Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục, thì phải đứng thẳng dậy nghiêm trang, nói với phụ nữ ấy: "Đảnh lễ xa một tí".

Nhưng vì người phụ nữ ấy sùng tín, nên lại tiếp tục đảnh lễ dưới chân. Khi ấy, Tỳ-kheo phải cẳn

lưỡi, mím môi chịu đau đớn, chứ không được cảm nhận sự êm ái của người nữ.

Nếu phụ nữ đến Tỳ-kheo xin nước, thì Tỳ-kheo nên bảo người giữ nước cho họ, chứ không nên tự mình rót nước trực tiếp vào tay phụ nữ, mà phải đổ nước đầy xô rồi đưa. Nếu không có xô thì sai tịnh nhân (cư sĩ trong chùa) đưa cho họ. Nếu không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo phải để chén nước trên giường, trên ghế rồi bảo: "Hãy lấy nước đấy uống". Nếu Tỳ-kheo ngồi cùng với phụ nữ trên một chiếc giường thì trái oai nghi. Nếu khởi tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn như cố ý lay động cái giường, dù không xúc chạm trực tiếp, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cùng ăn chung một chén, một tô, hoặc cùng nằm chung một giường cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nằm chung với phụ nữ trên một giường xúc chạm nhau, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo ngồi, phụ nữ nằm, phụ nữ ngồi, Tỳ-kheo nằm, tùy

theo lúc ngồi, lúc nằm xúc chạm nhau, thì mỗi lần phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo biết phép mà đa trá ôm phụ nữ cùng ngồi, cùng nằm cả đêm không di dịch, thì phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo cùng kết vòng hoa chung với phụ

nữ, thì trái oai nghi. Nhưng nếu sinh tâm nhiễm ô thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khởi tâm dục, làm lay động vòng hoa, dù không chạm xúc nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng đứng chung với phụ nữ trên miếng ván đặt trên miệng giếng để xách nước, thì trái oai nghi.

Nếu có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tâm dục làm lay động tấm ván, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không lay động thì không có tội. Hoặc nơi đó có người đàn ông khác cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ xách nước chung một dây thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu khởi tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì tâm dục mà làm lay động cái dây, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ xách nước chung một giếng, khi Tỳ-kheo thả gàu xuống, phụ nữ cũng muốn thả gàu xuống, thì Tỳ-kheo phải nói: "Này chị hãy khoan, đợi tôi xách lên rồi, chị mới thả xuống".

Nếu thềm giếng mỏng manh dễ lay động mà Tỳ-kheo cùng xách nước một lúc với phụ nữ, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu khởi tâm dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Còn nếu vì tâm dục, làm lay động thềm giếng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu thềm giếng không động, thì không có tội. Hoặc ở trung gian có tịnh nhân, cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi vào xóm làng đến nhà Ưu-bà-tắc có tín tâm, khi ấy Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói: "Con muốn nghỉ tại chùa một đêm để cúng dường Phật và xin thầy cho con mượn những dụng cụ cần thiết". Tỳ-kheo đáp: "Được thôi". Rồi sau đó, nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ nâng cây trụ lên để trồng, thì trái oai nghi. Nếu có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vì tâm dục mà làm lay động cây trụ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ trương ra những dụng cụ cúng dường như tre, gỗ, da, mỗi người cầm một đầu, thì trái oai nghi. Trong khi đó nếu có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì tâm dục, làm lay động tre, gỗ, da thì phạm tội Thâu-lan-giá. Ngoài ra nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ nắm một đầu giăng ra các thứ như trướng, man y, gấm vóc, bức tượng, cho đến các vòng hoa, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vì tâm dục mà làm lay động những vật ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người phụ nữ bưng cái hũ đường phèn lên thì trái oai nghi. Trong lúc đó, nếu có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vì tâm dục mà làm lay động cái hũ đó, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cho đến tất cả các vật nặng khác cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ cắm hoa, rót đầu, người nữ cầm lục bình, còn Tỳ-kheo cắm hoa hoặc Tỳ-kheo cầm lục bình và người nữ cắm hoa, đều trái oai nghi. Trong lúc đó, nếu có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì tâm dục mà làm lay động cái bình, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo nghe thuyết pháp suốt đêm với phụ nữ thì nên cho họ ngồi ở ngoài bức tường. Nếu giảng đường rộng, phải ngồi chung, thì phải dùng một khúc cây ngăn cách với họ.

Sau khi nghe pháp xong, Tỳ-kheo cầm các vật như mền, áo, châu báu v.v... bố thí, mà Tỳ-kheo cùng với người nữ cầm những vật đó để chú nguyện, thì trái oai nghi. Trong lúc đó, nếu có tâm dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì tâm dục mà làm lay động các vật ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Vào buổi sáng sớm Tỳ-kheo cùng với người nữ chuẩn bị các thứ ẩm thực, cho đến các thứ muối, nếu Tỳ-kheo cầm chén, người nữ bỏ muối vào, hoặc người nữ cầm chén, Tỳ-kheo bỏ muối vào, đều trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có

tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì tâm dục mà làm lay động cái chén, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo để cái chén trên bàn, rồi người nữ bỏ muối vào trong đó, thì không phạm.

Nếu có người nữ muốn gánh vật nặng mà không dỡ nổi lên vai, bèn nhờ Tỳ-kheo đỡ giúp lên vai, thì Tỳ-kheo không nên đỡ giúp. Trong khi đó, nếu có những nam nữ khác thì Tỳ-kheo nên bảo họ đỡ giúp. Nếu không có ai cả thì Tỳ-kheo nên đỡ vật ấy đặt lên một chỗ cao, rồi bảo người phụ nữ ấy đến gánh.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với người nữ trên đường đất có thể rung động, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có tâm dục, thì phạm

tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì tâm dục mà làm lay động đất, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với người nữ trên một chiếc xe, trên một con đò, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì tâm dục mà làm lay động chiếc xe, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu xe không lay động thì không có tội. Hoặc ở trung gian có người đàn ông khác, thì không có tội.

Nếu khi xuống xe, thấy người nữ cùng xuống, thì Tỳ-kheo dừng lại để người nữ xuống xong rồi Tỳ-kheo mới xuống. Nhưng nếu lối xuống rộng rãi, không lay động thì không có tội. Hoặc trung gian có người đàn ông khác thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi chung với phụ nữ trên một tấm ván dài thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có tâm dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì tâm dục mà làm lay động tấm ván, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu tấm ván không lay động, hoặc trung gian có người đàn ông, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng lội nước chung với người phụ nữ, mà Tỳ-kheo đi sát bên sau, làm văng nước lên người nữ thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có tâm dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì tâm dục mà làm bắn nước lên người nữ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đi cùng thuyền với phụ nữ, thì Tỳ-kheo phải đứng ở chỗ nam giới đứng. Nhưng nếu chỉ có một chỗ, thì Tỳ-kheo phải giữ chánh niệm mà đứng, trái lại, nếu có tâm này khác mà xúc chạm họ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu khi thuyền bị chìm, người nữ trôi giạt đến Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo tưởng tượng họ là cục đất mà vớt lên khỏi nước, thì không phạm. Nhưng nếu có tâm dục thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên sông, có người nữ rơi xuống sông, kêu la ơi ới xin Tỳ-kheo cứu mạng, thì Tỳ-kheo tưởng tượng họ là cục đất mà vớt lên, thì không phạm; hoặc đưa cành tre, khúc cây, chiếc dây cho họ nắm rồi kéo lên, thì không phạm. Hoặc Tỳ-kheo nói: "Ta biết cô tuy khổ, nhưng do số mạng đã định trước", thì không có tội.

Nếu người nữ vội vàng vớ lấy Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo phải giữ chánh tâm đứng im, còn như có tâm này khác, gấp chiếc y cho dày lại để nắm cô ta, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu nắm cô ta qua lớp y mỏng manh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi Tỳ-kheo đi vào trong thành, nếu gặp Vua xuất thành, hoặc gặp ngày đại hội có đông người ra vào, thì Tỳ-kheo phải đứng chờ lúc ít người mới đi vào, trái lại, nếu cùng đi chung với mọi người đông đúc, thì trái oai nghi; thậm chí, nếu có tâm dục xúc chạm họ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vào thành khất thực đi ngang qua nhà dâm nữ, rồi dâm nữ đến nắm lấy tay Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo phải tư duy chân chánh. Khi Tỳ-kheo khất thực, nếu có phụ nữ đoan chánh đem thức ăn đến cúng dường Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo thấy người nữ ấy mà khởi lên tưởng dục, thì Tỳ-kheo phải đặt bát xuống đất nhờ người trao cho cô ta.

Nếu người đem thức ăn đến dâng Tỳ-kheo, mà một tay cô đỡ bát, một tay sớt thức ăn, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có tâm dục mà xúc chạm cô ấy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên con đường hẻm chật chội trong xóm mà gặp người nữ, thì phải dừng lại đợi người đó đi qua. Nhưng nếu cùng tranh nhau đi thì trái oai nghi, hoặc có tâm dục mà xúc chạm họ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo cùng với mẹ, chị, em, thân quyến lâu ngày gặp nhau, rồi họ vui mừng ôm chầm lấy Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo phải đứng im, giữ chánh niệm. Trái lại, nếu có tâm này khác, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn-việt rồi phụ nữ bồng trẻ con đặt lên gối Tỳ-kheo, thì không phạm. Nhưng nếu Tỳ-kheo đến bồng trẻ con từ trên tay phụ nữ, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có tâm dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu hai đàng giằng co động chạm nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu tay Tỳ-kheo xúc chạm người phụ nữ ấy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đi vào thành mà gặp lúc Vua xuất cung hoặc gặp ngày đại hội có nhiều nam nữ ra vào, thì Tỳ-kheo phải đứng lại đợi lúc ít người mới đi vào.

Nếu lúc đó có voi điên, ngựa điên, trâu điên phóng chạy hoặc xe bốc cháy, các tai nạn đáng sợ xảy ra nên Tỳ-kheo phải gấp rút đi vào thì không có tội.

Nếu tại những nơi có đại hội như chỗ Phật đản sinh, chỗ Phật thành đạo, chỗ Chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La-hầu-la mở đại hội, chỗ có hội Ban-giá-vu-sắt, đang có nhiều người đến xem, rồi người đem vòng xuyến, chuỗi anh lạc, y phục đến gởi Tỳ-kheo.

Nếu là vật không thanh tịnh (như vòng ngọc) thì Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân giữ. Nếu là vật thanh tịnh thì phải tự tay mình giữ. Và khi người nữ trở lại đòi những vật đó, thì bảo tịnh nhân trả lại vật không thanh tịnh, còn vật thanh tịnh thì chính tay mình trả lại. Nhưng Tỳ-kheo không được đeo những vật đó cho họ, nếu đeo, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn như xúc chạm vào thân thể người nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu xúc chạm vào kẻ hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu xúc chạm vào đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xúc chạm tất cả các loài súc sinh giống cái, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xúc chạm vào Khẩn-na-la cái, hoặc khỉ cái, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Ngoài ra còn có các trường hợp:

Nếu đứng kề sát người nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa; kề sát người hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; kề sát đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc là đứng kề sát người nữ, thì phạm tội Thâu-lan-giá; kề sát hoàng môn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; kề sát đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Hoặc là đứng kề sát người nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; kề sát hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; kề sát đàn ông thì không phạm. Hoặc là đứng kề sát phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; hoàng môn và đàn ông thì không phạm. Do đó nên nói:

Nếu Tỳ-kheo bị dâm dục biến tâm, rồi xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay hoặc nắm đuôi tóc, hoặc xúc chạm vào các bộ phận khác để tìm cảm giác êm ái, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới Tăng tàn thứ hai)

GIỚI NÓI NĂNG THÔ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, trong vườn Trúc Ca-lan-đà, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tịnh Cư Thiên đem thứ thuốc dành cho Chuyển luân vương uống giá trị hàng trăm ngàn trao cho Kỳ Cựu. Rồi thầy thuốc Kỳ Cựu suy nghĩ: "Hiện nay, trên thế gian này, ai là người đáng tôn trọng bậc nhất, ai là người cao quý hơn hết để ta đem món thuốc này mà hiến tặng". Thế rồi ông thầm nhủ:

"Chỉ có Đức Như Lai là đáng tôn kính hơn hết, vậy ta hãy đem món thuốc này mà dâng hiến lên Thế Tôn". Tức thì đồng tử Kỳ Cựu đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Tịnh Cư Thiên cho con món thuốc dành cho Chuyển Luân Vương, giá trị đáng trăm ngàn, con suy nghĩ: "Trên thế gian này ai là người đáng tôn trọng bậc nhất, ai là người cao quý hơn hết đáng dâng tặng món thuốc này". Rồi con thầm nhủ: "Chỉ có Đức Như Lai là bậc đáng tôn kính nhất trên đời, vậy ta hãy đem món thuốc này mà dâng hiến lên Thế Tôn". Xin Thế Tôn hãy thương xót con mà nhận lấy món thuốc này.

Phật bèn nói với Kỳ Cựu:

Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã vĩnh viễn đoạn tận các tập khí chướng ngại dâm, nộ, si chỉ còn cái thân vi diệu kiên cố, bình đẳng, không có bệnh hoạn gì cần phải uống thứ thuốc này.

Kỳ Cựu lại bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri có cái thân vi diệu bình đẳng, tuy không còn bệnh tật gì, nhưng vì thương xót con, xin hãy nhận lấy món thuốc này, lại vì các đệ tử trong đời sau mở bày phương tiện để họ thấy rõ: Người có bệnh thì nhận thuốc, người bố thí thì được phước".

Khi ấy, Thế Tôn im lặng thọ nhận. Kỳ Cựu lại

suy nghĩ: "Nay đây ta không thể cho Thế Tôn uống thuốc như người thường, mà phải dùng hoa sen xanh ướp vào thuốc cho thơm để Thế Tôn ngửi". Bấy giờ, Thế Tôn bèn ngửi món thuốc có ướp mùi thơm của hoa sen xanh, cho nên bị đi cầu đến mười tám lần. Sau khi đi cầu, sắc tướng của Thế Tôn kém vui.

Bấy giờ, Vua Bình-sa cùng với quần thần và quyến thuộc đều đến thăm bệnh Thế Tôn. Đồng thời năm trăm dâm nữ tại thành Vương-xá cũng đến đảnh lễ vấn an Thế Tôn. Khi Vua Bình-sa vào thăm bệnh Thế Tôn xong thì quần thần theo hầu cũng tuần tự vào vấn an Thế Tôn. Năm trăm dâm nữ bấy giờ hoặc cưỡi voi, ngựa, hoặc đi xe, đi kiệu riêng đến thăm bệnh Thế Tôn. Trong số đó có người thì vào thăm, có người thì không vào, có người thì cùng với bọn trai trẻ vào trong công viên dạo xem các hồ tắm, hưởng thụ ngũ dục, ca múa vui đùa. Khi ấy, có một dâm nữ bần cùng, y phục xấu xí, không ai thèm nói chuyện nên cô đi đến chỗ Ưu-đà-di, thưa: "Thưa thầy, con muốn vào xem". Ưu-đà-di nói: "Được thôi, chị không yêu cầu tôi cũng muốn cho chị vào, huống gì chị đã yêu cầu", liền dẫn cô ta vào phòng. Rồi Ưu-đà-di lần lượt chỉ cho cô xem những hình vẽ nơi các căn phòng, và hỏi: "Này chị, phòng ốc có đẹp không?". Đáp: "Thật đẹp". Thầy lại hỏi: "Này chị, chúng ta có thể cùng làm việc đó được chăng?". Đáp: "Tôi lấy việc

nằm ngửa để làm kế sinh sống, khi nào có đàn ông đến kia mà". Ưu-đà-di nói: "Này chị, chị hãy nằm xuống đất". Cô ta liền nằm xuống đất. Thầy lại bảo: "Hãy nằm nghiêng bên phải". Cô ta bèn nằm nghiêng bên phải. Thầy lại bảo: "Hãy nằm nghiêng bên trái". Cô ta bèn nằm nghiêng bên trái. Thầy lại ra lệnh: "Hãy nằm ngửa". Tức thì cô ta nằm ngửa. Thầy lại truyền lệnh: "Hãy khoan thai đi". Cô ta liền đi ẻo lả. Bấy giờ, Ưu-đà-di bèn nhổ nước bọt, đạp một đạp, khiến cô ta ngã quị. Rồi thầy lại nói: "Này chị, hãy đứng dậy. Ta đã làm (đùa) xong". Khi ấy, dâm nữ nổi giận nói: "Đó không phải là cách từ tạ của Sa-môn".

Lúc này, có một Tỳ-kheo chuyên tọa thiền, trước đó vào ngồi tại một chỗ tối trong phòng, từ xa trông thấy sự kiện như thế, liền nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Họ liền gọi đến. Khi đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-đà-di:

"Ông có làm như vậy thật chăng?". Đáp: "Có thật như vậy".

Phật liền nói: "Ông dùng cái tâm nào (xử sự như vậy)?". Đáp: "Tâm tham dục".

Phật lại hỏi: "Ông muốn hành dâm sao?".

Đáp: "Con không muốn việc đó mà chỉ muốn đùa thôi".

Phật nói: "Đó là việc xấu. Này Ưu-đà-di, Ta

không từng dùng nhiều cách chê trách tưởng dục, ca ngợi ly dục là gì? Vì sao nay ông lại làm một việc xấu như thế? Ưu-đà-di! Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Vương-xá phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo để cho tư tưởng dâm dục xâm chiếm tâm hồn, rồi dùng lời dơ bẩn bảo người nữ giao hoan với mình, theo tập quán tính dục như đám nam nữ trai trẻ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Bảo người nữ giao hoan với mình: Là nói cái việc trái với phạm hạnh.

Như đám nam nữ trai trẻ: Trai trẻ có ba hạng: Thiếu niên nhỏ tuổi, thiếu niên trung niên và thiếu niên lớn tuổi. Trung niên cũng có ba hạng: Trung niên nhỏ tuổi, trung niên trung bình và trung niên lớn tuổi. Lão niên cũng có ba hạng: Lão niên nhỏ tuổi, lão niên trung bình và lão niên già lão.

(Nếu Tỳ-kheo bảo người nữ giao hoan với mình) Như đám nam nữ thanh niên thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đối với phụ nữ khởi tâm dục, rồi

nói thẳng muốn làm hoặc không muốn làm, hoặc khen chê, hỏi han, cầu xin được thấy (của quý) hoặc mắng v.v...(thì phạm tội).

Muốn làm: Muốn bỏ pháp Sa-môn mà làm việc dâm dục.

Không muốn làm: Không muốn bỏ pháp Sa-môn, tuy nói: "Tôi sẽ làm việc dâm dục", nhưng thực sự không làm. Đó gọi là không muốn làm.

Khen chê: Khen hoặc chê tám chỗ sau đây: hai môi, hai nách, hai vú, hai bên sườn, bụng, rún, hai đùi vế và hai đường (âm đạo và hậu môn).

Môi: Nói: Môi đẹp, môi hồng, môi cân đối, môi như hoa thạch lựu. v.v… khen ngợi như thế thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói: Môi xấu, môi trề, môi thô, môi heo, môi như miệng giếng v.v... chê bai như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nách: Hoặc khen: Nách đẹp, nách bằng phẳng, nách không có lông, nách thơm. Hoặc chê: Nách hôi, nách sâu, nách nhiều lông. Nếu khen chê như thế thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Vú: Hoặc khen: Vú đẹp, vú tròn, vú như trái lựu, vú như núm vàng, hai vú cân bằng. Hoặc chê: Vú hôi, vú trệ, vú lớn, vú heo, vú chó, vú như túi đựng thuốc. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Sườn: Hoặc khen: Sườn đẹp, sườn bằng phẳng,

sườn như cái ròng rọc. Hoặc chê: Sườn xấu, sườn bị sa xuống v.v... Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Bụng: Hoặc khen: Bụng đẹp, bụng bằng phẳng. Hoặc chê: Bụng xấu, bụng lớn, bụng trệ. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Rún: Hoặc khen: Rún đẹp, rún sâu, rún như dòng nước xoáy. Hoặc chê: Rún xấu, rún lớn, rún lồi. Nếu khen chê như vậy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đùi vế: Hoặc khen: Đùi vế đẹp, đùi vế tròn, đùi vế như chân cọp, đùi vế như vòi voi. Hoặc chê: Đùi vế xấu, đùi vế ốm teo. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hai đường: (Đường tiểu tiện và hậu môn), nếu nói tên hai đường này thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tâm nhiễm ô khen chê tám chỗ kể trên, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói: Tức nói với người nữ: Như mẹ, chị em của cô từng phục vụ người khác, hoặc chồng, hoặc chú của cô bảo cô: "Ngươi phải tùy theo chỗ đó mà làm".

Nếu nói những lời ấy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Chẳng hạn hỏi người nữ: "Ngươi đã từng theo lệnh của những người như chồng hoặc chú,

làm (việc ấy) tại chỗ nào? Làm vào giờ nào trong đêm?"

Nếu hỏi như vậy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Cầu: Tỳ-kheo nói với người nữ: "Như người ta đòi mẹ, chị hay em của ngươi phục vụ cho họ. Nay nhà ngươi nhờ việc này mà được cơm áo".

Nếu nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thỉnh: Tỳ-kheo nói với người nữ: "Ta đã cầu thỉnh các thiên thần để được giao hoan với ngươi thì ta mới thỏa nguyện".

Nếu nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Xem: Tỳ-kheo nói với người nữ: "Giờ đây chúng ta hãy so sánh xem môi ai đẹp: của tôi hay của cô? Nếu môi ai không đẹp thì phải chịu bù lỗ". Đối với hai nách, hai vú, hai sườn, bụng, rún và hai bắp đùi cũng đều so sánh xem của người nào đẹp; Nếu không đẹp thì phải chịu bù lỗ. Hoặc gọi tên hai đường, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Mắng: Vì do lòng dục mà mắng bằng các danh từ như lừa, ngựa. v.v.. thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói thẳng: Nếu Tỳ-kheo nói huỵch toẹt với người nữ: "Hai ta hãy làm cái việc ấy", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo có tâm dục đối với người nữ, hoặc muốn làm (tình), hoặc không muốn làm, rồi khen, chê, nói, hỏi, cầu, thỉnh, xem, mắng, nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dục muốn tới người này mà lại tới những người khác, hoặc muốn tới những người khác mà lại tới người này, hoặc muốn tới người này, rồi tới người này, hoặc muốn tới những người khác, rồi tới những người khác v.v... cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dục đối với người nữ mà hướng đến người hoàng môn, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đối với người hoàng môn, khởi tâm dục, mà lại hướng đến người nữ, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đối với người nữ khởi tâm dục rồi hướng đến người nữ cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đối với người hoàng môn khởi tâm dục, rồi hướng đến người hoàng môn, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đối với người nữ khởi tâm dục, mà lại hướng đến người nam, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đối với người nam, khởi tâm dục, mà lại hướng đến người nữ, cho đến nói thẳng, thì

phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. (Người nữ hướng đến người nữ cũng như thế).

Nếu Tỳ-kheo đối với người nam khởi tâm dục, rồi hướng đến người nam cho đến nói thẳng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoàng môn, người nam cũng như thế.

Hoặc Tỳ-kheo có tâm dục hướng đến người nữ nói về các việc: Dâm dục, thuận dâm dục, nói úp mở, nói quanh co, nói với người mang thứ hai.

Dâm dục: Như nói: "Này chị, chúng ta cùng làm việc ấy". Đó gọi là dâm dục.

Thuận dâm dục: Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: "Muốn được các vật như con trai, thoa hương, vòng hoa, y phục, anh lạc, thì phải làm việc ấy", đó gọi là thuận dâm dục.

Nói úp mở: Nếu Tỳ-kheo đến người nữ nói úp mở: "Này chị, đến tắm, đến ăn trái cây, đến nặn ra chất độc", nói những lời bóng gió như vậy, thì gọi là nói úp mở.

Nói quanh co: Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một phụ nữ này, rồi hướng về người nữ khác nói về tám chỗ, mà phụ nữ này biết Tỳ-kheo có tình ý đối với mình, thì Tỳ-kheo ấy phạm tám tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ ấy không biết, thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Thâu-lan-giá, hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục đối với một phụ nữ, rồi hướng đến chính phụ nữ này khen chê tám bộ phận của những phụ nữ khác, mà người nữ này biết Tỳ-kheo có tình ý đối với mình, thì Tỳ-kheo ấy phạm tám tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ này không biết, thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Thâu-lan-giá, hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý đối với một phụ nữ, rồi hướng đến người

nữ này nói về tám bộ phận của kẻ hoàng môn, mà người nữ này biết Tỳ-kheo có tình ý đối với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ ấy không biết thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Thâu-lan-giá và hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý đối với một phụ nữ, rồi tới nói với người phụ nữ ấy về tám bộ phận của người đàn ông, mà người phụ nữ ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ ấy không biết thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Thâu-lan-giá, hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến những hoàng môn khác khen

tám bộ phận của họ, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình thì Tỳ-kheo phạm tám tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu người hoàng môn ấy không biết thì thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Việt-tỳ-ni, hai tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn ấy khen chê tám bộ phận của những hoàng môn khác, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không biết thì phạm sáu tội Việt-tỳ-ni, hai tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn ấy khen chê về tám bộ phận của phụ nữ, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình thì Tỳ-kheo phạm tám tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu người hoàng môn ấy không biết thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Việt-tỳ-ni, hai tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn ấy khen chê tám bộ phận của đàn ông, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không biết thì phạm sáu tội Việt-tỳ-

ni, hai tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông khác khen chê tám bộ phận của họ, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình thì Tỳ-kheo phạm tám tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết, thì phạm sáu tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và hai tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông ấy khen chê tám bộ phận của những người đàn ông khác, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết thì phạm sáu tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và hai tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông ấy khen chê tám bộ phận của phụ nữ, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết, thì phạm sáu tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và hai tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông ấy nói về tám bộ phận của người hoàng môn, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm tám tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết, thì phạm sáu tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và hai tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là nói quanh co.

Nói với người mang thai: Nếu phụ nữ có thai đến chùa lễ Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo nói với họ: "Ôi, ôi, Ưu-bà-di! Ngươi đã mở cửa, đã thọ nhiễm sắc. Ngươi suốt đêm không ngủ, tạo nghiệp bất tịnh. Đó chẳng phải là phạm hạnh, mà là kết quả của sự dâm dục".

Nếu nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Đó gọi là nói với người mang thứ hai.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khen chê trước mặt phụ nữ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khen chê trước mặt hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; khen chê trước mặt đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu hướng đến khẩn Na-la cái, khỉ cái mà nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá; hướng đến những súc sinh cái khác nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói ở bên cạnh phụ nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa; bên cạnh hoàng môn, thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo khen chê bên cạnh phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh hoàng môn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; bên cạnh

đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo khen chê bên cạnh phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni, bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh đàn ông thì không có tội.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo khen chê bên cạnh phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh hoàng môn và đàn ông thì không có tội. Thế nên nói:

-Nếu Tỳ-kheo để tư tưởng dâm dục xâm chiếm tâm hồn, rồi nói với phụ nữ những lời thô ác theo cách dâm dục của thanh thiếu niên nam nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.(Hết giới Tăng tàn thứ ba)

GIỚI YÊU CẦU NGƯỜI NỮ HIẾN THÂN

Bấy giờ, Phật trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Khi ấy, Trưởng lão Ưu-đà-di có một người bạn Bà-la-môn cố cựu, ông nói với Trưởng lão: "Tôi có công việc sắp đi xa, Trưởng lão có thể thường lui tới chăm sóc giúp vợ con tôi ở nhà không?". Ưu-đà-di nói: "Này Bà-la-môn! Ông không ủy thác, tôi cũng phải trông nom, huống gì đã được ông ủy thác". Thế rồi, Bà-la-môn ra đi.

Bấy giờ, Ưu-đà-di bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà Bà-la-môn. Vợ Bà-la-môn trông thấy Trưởng lão Ưu-đà-di đến liền ra nghinh tiếp, cung kính nói: "Lành thay sư phụ! Đã lâu ngày không gặp, nay lại hạ cố đến đây, xin mời thầy vào ngồi chơi". Ưu-

đà-di liền bước vào, ngồi xong bèn nói: "Lâu ngày lắm tôi mới đến, hôm nay bà có gì cúng dường tôi không?". Vợ Bà-la-môn nói: "Có rất nhiều thức ẩm thực, tùy thầy đòi thứ gì tôi sẽ cúng dường tất cả". Ưu-đà-di nói: "Các thứ ẩm thực ấy tôi đều đã nhận được tại những nhà tín tâm khác rồi, nhưng cái mà người xuất gia chúng tôi khó được, thì bà được một cách tự nhiên, vậy hãy đem cái ấy ra hiến ta". Vợ Bà-la-môn nói: "Không biết cái mà người xuất gia khó được là vật gì mà tôi lại được một cách tự nhiên, xin thầy nói rõ cho biết? Nếu nhà tôi có thì tôi sẽ đem đến cho thầy, nhược bằng trong nhà không có, thì tôi sẽ đi tìm kiếm chỗ khác để biếu thầy". Ưu-đà-di nói: "Bà đã biết rõ việc ấy, chứ làm gì mà không biết! Bà đa tình xảo trá như kẻ trộm có bốn mắt, việc gì mà bà không biết". Vợ Bà-la-môn nói: "Tôi thật không biết, xin thầy nói rõ điều đó. Nếu trong nhà tôi có, tôi sẽ đem biếu thầy. Nếu trong nhà không có, tôi sẽ đi tìm chỗ khác mua biếu thầy. Thầy cần vật đó để làm gì?". Ưu-đà-di nói: "Bà dư biết việc ấy. Đó là cách cúng dường đệ nhất, tức là việc thông giao (giao hoan). Nghĩa là đem việc tùy thuận dâm dục cúng dường cho đám Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi".

Khi ấy, trong số các bà vợ của ông Bà-la-môn, có người còn trẻ cảm thấy hổ thẹn liền cúi đầu lặng lẽ bỏ đi, ai nấy trở về phòng mình. Còn những

người trung niên cũng thấy xấu hổ, nhưng đều[1379] cúi đầu mà đứng im lặng. Riêng những người già cả liền mắng: "Thầy Ưu-đà-di! Đó chẳng phải là việc thiện, thầy không nên nói những lời sàm sỡ như thế. Đây là nhà của Bà-la-môn chứ đâu phải là nhà của dâm nữ? Chúng tôi sẽ đem việc này bạch với các Tỳ-kheo". Ưu-đà-di nói: "Bạch hay không bạch tùy ý các ngươi". Nói thế rồi, thầy liền bỏ đi. Sau khi rời khỏi nhà ấy, thầy liền đi vào nhà của các dâm nữ. Đám dâm nữ thấy thầy đến đều đứng dậy tiếp đón, cung kính chào hỏi: "Lành thay sư phụ Ưu-đà-di! Đã lâu ngày không gặp, hôm nay bỗng nhiên hạ cố đến đây". Liền mời vào ghế ngồi. Ưu-đà-di nói: "Rất ít khi tôi đến, hôm nay các cô có chút ít gì cúng dường tôi không?". Các dâm nữ nói: "Có các thức ẩm thực, tùy thầy cần thứ gì, yêu cầu thứ gì, chúng tôi sẽ dâng hiến tất cả". Ưu-đà-di nói: "Các thứ ẩm thực ấy tôi đã nhận được tại những nhà có tín tâm khác rồi, nhưng cái mà những người xuất gia chúng tôi khó có được, thì các cô được một cách tự nhiên, vậy hãy đem cho tôi là tốt nhất". Các dâm nữ nói: "Nay chúng tôi không biết vật gì mà người xuất gia khó được, xin thầy hãy nói cho biết. Nếu trong nhà có thì chúng tôi sẽ đem cho thầy; nếu trong nhà không có thì chúng tôi sẽ đến những nơi khác tìm kiếm để dâng cho thầy". Ưu-đà-di nói: "Các cô đã biết việc ấy rồi, chứ sao không biết. Các cô đa tình xảo trá như tên trộm có

bốn mắt, sao lại không biết". Thầy nói như thế đến ba lần mà bọn dâm nữ vẫn bảo là không biết. Ưu-đà-di lại nói: "Các cô biết rõ việc ấy rồi chứ sao lại không biết? Đó là cách cúng dường đệ nhất, tức là việc thông giao. Nghĩa là đem sự tùy thuận dâm dục cúng dường cho những Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi".

Bấy giờ, những người trẻ tuổi trong các dâm nữ liền vỗ tay cười ầm lên. Những người trung niên liền nói: "Nghề sinh sống chính của chúng tôi là nằm ngửa, nếu thầy là nam tử thì cứ đến". Còn những người già cả thì nói: "Thầy Ưu-đà-di, tuy chúng tôi lấy việc đó làm kế mưu sinh, nhưng chẳng lẽ thầy không giữ gìn pháp Sa-môn sao? Chúng tôi sẽ đem việc này bạch với các Tỳ-kheo». Ưu-đà-di nói: "Bạch hay không bạch tùy ý các ngươi". Nói thế rồi, thầy liền bỏ đi.

Sau đó, đám dâm nữ bèn nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật.

Phật dạy: "Hãy gọi Ưu-đà-di đến". Khi thầy đến rồi, Phật liền đem việc trên hỏi rõ Ưu-đà-di: "Ông có thật như thế chăng?".

Đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Ưu-đà-di! Ông há không từng nghe Ta dùng nhiều nhân duyên để quở trách dâm dục, dùng nhiều nhân duyên để khen ngợi ly

dục là gì? Vì sao ông làm một việc xấu, bất thiện như thế? Ưu-đà-di! Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

-Nếu Tỳ-kheo để tư tưởng dâm dục xâm chiếm tâm hồn rồi ở trước mặt những người nữ khen ngợi việc đem thân mình ra cúng dường như sau: "Này chị em, hãy đem việc dâm dục cúng dường cho tôi, vì tôi là Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh". Nếu tán thán như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Khen ngợi sự cúng dường chính thân mình: Nếu Tỳ-kheo tự khen thân mình: "Này chị em, tôi là Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh, nên đem việc dâm dục cúng dường cho tôi, đó là việc cúng dường bậc nhất", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tâm nhiễm ô, đứng trước người nữ mà nói với họ: "Nếu ngươi muốn được việc tối thắng đệ nhất, tự tại, đại tự tại, không có gì so sánh được, không có gì tương tự, được sự tối thắng, được sở trường, được sự giải thoát , được

cái không có gì sánh bằng, được cái không có gì tương tự, bản thân không bệnh, mẹ không bệnh, cha không bệnh, bà con không bệnh, quyến thuộc không bệnh, được phúc đức danh dự, nhiều người thương, nhiều người nhớ tưởng, nhiều người hoan hỷ, nhiều người trọng thị, được Trường-thọ, được sắc đẹp, được an lạc, được thế lực, được quyến thuộc, được cõi thiện, được cõi trời Ba Mươi Ba, được làm vợ của Thiên đế, được thiên nhãn thanh tịnh, hai trái tai thòng xuống v.v... thì nên đem việc đó phụng sự cho hàng Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi, đồng thời cung kính, tôn trọng, ngưỡng vọng cúng dường không nuối tiếc, thoải mái, rất thoải mái, tùy thuận lấy, tùy thuận nhận".

Trong ba mươi việc đó, mười việc đầu tiên mỗi việc phạm một tội Việt-tỳ-ni. Tám việc kế tiếp, mỗi việc phạm một tội Thâu-lan-giá. Mười hai việc sau cùng, mỗi việc phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dục, muốn hướng đến người này mà lại hướng đến những người khác, muốn hướng đến những người khác mà lại hướng đến người này, muốn hướng đến người này, rồi hướng đến người này, muốn hướng những người khác, rồi hướng đến những người khác... Hoặc Tỳ-kheo đối với người nữ khởi tâm dục mà lại hướng đến hoàng môn nói từ việc thứ nhất đến tùy thuận nhận, thì trong ba mươi việc đó, mười việc đầu tiên

phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối, tám việc kế tiếp phạm tội Việt-tỳ-ni, mười hai việc sau cùng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục đối với người hoàng môn, mà hướng đến người nữ nói việc thứ nhất cho đến tùy thuận nhận, thì trong ba mươi việc đó, mười việc đầu phạm tội Việt-tỳ-ni, tám việc kế tiếp phạm tội Thâu-lan-giá, trong mười hai việc sau cùng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Người nữ đối với người nữ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục đối với người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn nói việc thứ nhất cho đến nói "Tùy thuận thọ nhận". Trong ba mươi việc đó, mười việc đầu tiên phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; trong tám việc tiếp sau đó phạm tội Việt-tỳ-ni; trong mười hai việc cuối cùng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục đối với người nữ mà hướng đến người nam nói việc thứ nhất cho đến nói: "Tùy thuận thọ nhận", thì trong ba mươi việc đó, mười việc đầu tiên và tám việc tiếp theo, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; trong mười hai việc sau cùng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tâm dục đối với người nam mà hướng đến người nữ nói việc thứ nhất cho đến nói "Tùy thuận thọ nhận" thì trong ba mươi việc đó, mười việc đầu tiên phạm tội Việt-tỳ-ni; tám việc

kế tiếp phạm tội Thâu-lan-giá; trong mười hai việc sau cùng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Người nữ đối với người nữ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dục đối với người nam, rồi hướng đến người nam nói việc thứ nhất cho đến nói "Tùy thuận thọ nhận" thì trong ba mươi việc đó, mười việc đầu và tám việc tiếp theo phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; mười hai việc sau cùng phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoàng môn, và đàn ông trong bốn câu cũng như vậy.

Nếu đối với người nữ mà khen ngợi việc đem thân cúng dường cho mình, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu đối với hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; đối với đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni; đối với Khẩn Na-la cái, khỉ cái, thì phạm tội Thâu-lan-giá; đối với súc sinh giống cái, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo... bên cạnh người nữ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa; bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp: Nếu Tỳ-kheo... bên cạnh phụ nữ, thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni; bên cạnh đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Lại có trường hợp: nếu Tỳ-kheo... bên cạnh người nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; bên cạnh hoàng

môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối;[1385] bên cạnh nam giới, thì không phạm.

Lại có trường hợp: Nếu Tỳ-kheo... bên cạnh phụ nữ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh hoàng môn và nam giới, thì không có tội. Thế nên, Đức Thế Tôn nói:

Nếu Tỳ-kheo để cho tình dục xâm chiếm tâm hồn, rồi đứng trước người nữ ca ngợi việc họ đem thân cúng dường cho mình: "Này chị em! Hãy đem việc dâm dục cúng dường cho tôi vì tôi là hàng Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh". Nếu ca ngợi như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới Tăng tàn thứ tư)

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 6

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

GIỚI LÀM MAI MỐI

Khi Phật an trú ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Trưởng lão Tỳ-kheo tên Ca-la, đến giờ khất thực, thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đi vào một gia đình nhà nông, người mẹ trong gia đình từ xa trông thấy Trưởng lão Ca-la đến, liền đứng dậy ra đón tiếp, cung kính chào hỏi:

Lành thay sư phụ mới đến, đã lâu ngày không gặp, xin đừng coi xa lạ như những nhà khác, mà hãy xem như nhà mình, mời thầy vào ngồi chơi.

Ca-la liền vào ngồi, khi ấy người mẹ đảnh lễ dưới chân Ca-la xong, liền đứng qua một bên. Tiếp theo toàn gia nam nữ cũng đều ra đảnh lễ chân Ca-la, rồi đứng qua một bên. Sau cùng, có một cậu con trai luống tuổi cũng đến đảnh lễ chân Ca-la, rồi

đứng sang một bên. Ca-la hỏi chủ nhà: "Cậu này là con ai vậy?".

Người mẹ đáp: "Nó là con trai tôi".

Ca-la bèn hỏi: "Đã lập gia đình chưa?". Đáp: "Chưa lập gia đình".

Ca-la nói: "Nên cưới vợ cho nó, không nên để đi ra ngoài, làm những việc tội lỗi, xấu xa".

Ca-la lại hỏi: "Đã chọn được nơi nào thích hợp chưa?".

Đáp: "Có một nhà kia có một người con gái, tôi đã nhờ người mai mối đến hỏi cưới mà không được". Lại hỏi: "Vì sao không được?", Đáp: "Họ nói như sau: Tôi muốn không có con trai mà thành có con trai, không có con gái mà thành có con gái. Tôi đưa ra một điều kiện: Người đó vừa là rể tôi mà cũng vừa là con trai tôi, thì tôi mới gả con gái".

Rồi bà tiếp: "Tôi nay đâu có thể vì con gái họ mà để cho con mình đi ở rể".

Ca-la nói: "Như lời bà nói thì kẻ đó là người ngu. Ai lại vì con gái mà bỏ mất con mình. Như người ta thường nói: "Hễ là con gái thì phải đi đến nhà người khác. Dù sinh trong gia đình hoàng tộc, thì theo luật hôn nhân, cũng phải ra đi, như bà ngày trước cũng từ bên ngoài mà đến đây. Nhưng tôi cũng có ra vào nhà ấy, tôi sẽ vì con trai bà mà cầu xin giúp cho".

Bà ấy liền đáp: "Lành thay sư phụ".

Thế rồi Tỳ-kheo Ca-la bèn rời nhà này, đi đến nhà kia. Bà mẹ của gia đình ấy trông thấy Ca-la đến, liền bước ra nghinh tiếp, cung kính chào hỏi: "Lành thay sư phụ mới đến, đã lâu ngày không được thăm hỏi. Xin thầy đừng coi xa lạ như những nhà khác, mà hãy xem nhà con như nhà của thầy, mời thầy vào ngồi chơi".

Khi ngồi xong, bà bèn đảnh lễ dưới chân Ca-la, rồi đứng qua một bên. Sau đó toàn gia nam nữ cũng bước ra đảnh lễ dưới chân thầy, rồi đứng sang một bên, Cuối cùng có một người con gái luống tuổi, đi đến đảnh lễ dưới chân Ca-la. Ca-la hỏi bà chủ: "Đây là con gái nhà ai?".

Bà chủ đáp: "Con gái tôi đấy". Lại hỏi: "Đã gả chồng chưa?" Đáp: "Chưa gả chồng".

Ca-la nói: "Nên sắp đặt sớm, đừng để nó đi ra bên ngoài mà rủi ro xảy ra những chuyện không hay".

Rồi Ca-la lại hỏi: "Đã có ai đến xin cưới chưa?".

Đáp: "Có một gia đình kia đến xin cưới mà không gả". Hỏi: "Vì sao không gả?".

Đáp: "Thưa thầy, tôi muốn rằng không có con trai mà thành có con trai, không có con gái mà thành có con gái. Tôi có một điều kiện: Chồng nó vừa là chàng rể mà cũng vừa là con trai tôi, đến nhà tôi ở, thì tôi mới chịu gả nó. Nay tôi lẽ nào vì con

trai người ta mà để cho con gái mình rời khỏi nhà".

Ca-la nói: "Thật là quái gỡ! Bà là kẻ ngu si, Xưa nay có nghe ai nói gả con trai cho con gái bao giờ! Như bà ngày trước vì sao lại đến nhà người khác? Miệng đời thường nói: "Sinh con gái thì phải gả chồng. Dù sinh trong gia đình hoàng tộc, thì theo luật hôn nhân cũng phải rời khỏi nhà. Nhưng gia đình chàng trai kia vốn là thí chủ của tôi. Bà gả con gái cho họ thì có thể được giàu sang sung sướng".

Bà mẹ liền hỏi: "Ý thầy muốn như vậy sao?"

Đáp: "Muốn như vậy". Bà liền đồng ý.

Thế rồi, Ca-la trở về lại nhà trai, nói với bà chủ nhà: "Nhà gái đã đồng ý rồi, những gì cần làm hãy làm ngay đi".

Khi ấy, cả hai gia đình đều giàu có, nên họ đưa lễ vật qua lại, rồi cử hành hôn lễ và người con gái đi về nhà chồng. Nhưng sau đó do công việc cực nhọc mà hằng ngày cô ta sinh ra mệt mỏi, nằm ngủ đến khi mặt trời mọc.

Bà mẹ chồng đến gọi: "Vì sao không dậy. Mày không biết phép tắc của người vợ là phải dậy sớm quét tước, làm công việc và trông nom khách khứa sao?". Bà nhắc nhở đến lần thứ ba mà cô vẫn không nghe lời. Cho nên bà rất đau khổ, chán nản, than phiền:

-Vì ông Ca-la mà ta phải chuốc lấy nỗi khổ này,

ông đã tìm cho ta một vật không có tay chân.

Bấy giờ, cô vợ trẻ cũng khóc lóc than thở: "Vì ông Ca-la mà ta phải chịu đựng nỗi khổ này, vì sao mà đem ta vứt vào trong hầm lửa".

Khi ấy, người mẹ của cô gái nghe được, cũng giận dữ nói: "Con gái ta ở nhà dịu dàng vui vẻ, ít việc, ngày nay ở nhà chồng nhiều việc lao khổ, suốt ngày khóc lóc. Vì sao ông Ca-la lại đem con gái ta ném vào một gia đình tệ ác như thế?".

Kết cuộc Tỳ-kheo Ca-la làm cho cả hai nhà đều tức giận.

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn liền bảo gọi Tỳ-kheo Ca-la đến. Họ liền gọi đến.

Phật bèn hỏi Ca-la: "Ông có làm việc đó thật chăng?". Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Ca-la, ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện để chê trách việc hòa hợp dâm dục, và dùng vô số phương tiện khen ngợi sự ly dục là gì? Nay vì sao ông lại làm môi giới cho việc hòa hợp dâm dục? Đó là việc ác. Nay nhân vì ông mà Ta phải chế giới cho các Tỳ-kheo".

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ, phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo nhận làm môi giới cho người khác để đưa đến hòa hợp dâm dục, hoặc cưới hỏi, hoặc là tư thông với nhau, dù trong chốc lát thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Sứ giả: Nhận làm công việc sứ giả.

Hành: Đi lại.

Hòa hợp: Hòa hợp nam nữ vậy. Vợ: Làm vợ suốt đời.

Tư thông: Giao hoan tạm thời.

Dù trong chốc lát: Dù cho họ hòa hợp giao hoan trong khoảnh khắc, thì (Tỳ-kheo) cũng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Hoặc người con gái cô độc, không cha, không mẹ, không thân thích, hoặc không có ai hết, hoặc tự lập, hoặc nương tựa người khác, hoặc nương tựa thân thích, hoặc nương tựa nhiều người...

Con gái mồ côi mẹ: Người con gái không có mẹ, nương tựa vào cha mà sống, đó gọi là con gái mồ côi. Nếu có người con trai muốn xin cưới cô gái ấy làm vợ rồi nhờ Tỳ-kheo đến cầu hôn, mà Tỳ-kheo nhận lời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến người ấy nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được mà trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con gái mồ côi cha: Có những người con gái

không có cha, nương tựa mẹ mà sinh sống. Đó gọi là con gái mồ côi cha.

Nếu có người con trai muốn xin cưới cô gái ấy làm vợ, rồi nhờ Tỳ-kheo thay mặt đến xin cưới cô về làm vợ, mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả cho họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nhà ấy nói thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đối với người con gái không có thân thích và không có ai để nương tựa cũng như thế.

Tự lập: Không cha, không mẹ, không bà con, tự nuôi lấy thân. Nếu có người con trai muốn cưới cô gái này làm vợ, bèn cậy Tỳ-

kheo đến nói với cô gái này, mà Tỳ-kheo nhận làm môi giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với cô gái, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Sống nương tựa người khác: Nếu có người con gái không có cha mẹ, sống nương tựa người khác, rồi có người con trai muốn cưới cô ta làm vợ, bèn cậy Tỳ-kheo làm môi giới, mà Tỳ-kheo nhận lời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với người ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Người con gái

sống nương tựa cha, mẹ và những người khác cũng như thế.

Hoặc các trường hợp con trai mồ côi không mẹ, không cha, không bà con, hoàn toàn không có ai cả, sống tự lập, hoặc nương tựa vào kẻ khác, hoặc nương tựa cha mẹ, hoặc nương tựa mọi người.

Không có mẹ: Nếu đứa con trai không có mẹ, nương nhờ cha mà sinh sống, muốn xin cưới một cô gái làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo làm môi giới, mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với cô gái ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Kể cả những người không có ai để nương tựa cũng như thế.

Hoặc có các trường hợp: Cùng sinh trong một nhà, trước đã giao kết, trừng phạt, Vua thảo khấu, dệt tơ, nấu ăn, lấy nước, không có con, vì thừa kế.

Trong nhà: Nếu có người nuôi trẻ con của người khác, dạy dỗ thành người, và trong nhà cũng có một đứa con gái ruột đã đến tuổi trưởng thành liền suy nghĩ: "Con gái ta nay đã khôn lớn, cần phải cho nó lấy chồng. Ngày nay, đứa con trai này do ta nuôi dưỡng cũng đã trưởng thành, vì sao ta không đem con gái mình gả cho nó, để nó trở thành chàng rể, đồng thời vừa là con trai ta?". Thế nhưng người này không thể nói ra được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay thế mình nói với đứa con trai ấy như sau: "Ta đã

nuôi dưỡng con, cho ăn học thành tựu, nay đã khôn lớn và ta cũng có đứa con gái sắp lấy chồng. Ta muốn con làm rể ta và đồng thời cũng là con trai ta".

Nếu Tỳ-kheo nhận làm môi giới cho người ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với cậu ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc giả đứa con nuôi ấy trước đó muốn cưới cô ấy, rồi nhờ Tỳ-kheo làm môi giới đến thưa với cha cô cũng như thế.

Cùng sinh: Nếu có hai anh em ruột mà anh chết, em muốn lấy chị dâu làm vợ, rồi nhờ Tỳ-kheo làm môi giới đến nói với chị dâu... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trước đã giao kết: Nếu có một chàng trai cùng với vợ người thông giao, rồi người đàn bà ấy nói với chàng trai:

-Nếu chồng tôi nổi giận trị tội tôi khốc liệt rồi đuổi ra khỏi nhà, thì anh hãy lấy tôi.

Đáp: "Có thể được".

Khi ấy, người vợ đó cố tình xúc não chồng mình, để cho anh ta nổi giận trừng trị cô rồi đuổi đi.

Chàng trai ấy biết được việc đó, nhưng không thể đích thân đến nói, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời

mình đến nói với người đàn bà ấy: "Cô đã bị chồng trừng trị khổ sở rồi đuổi đi, vậy hãy đến với tôi", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có một người phụ nữ thích một người con trai mà không thể tự nói, liền nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với người con trai ấy: "Tôi bị chồng trừng phạt nặng rồi đuổi đi, nay muốn đến anh, lấy anh làm chồng", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có trường hợp có người đàn bà muốn tái hợp với chồng cũ mà không thể nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với người chồng ấy: "Cho tôi cùng trở lại để cùng sống bên nhau, tôi hứa sẽ không phạm sai lầm nữa", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có trường hợp người chồng muốn trở lại với vợ cũ mà không thể tự nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với bà ấy: "Nay cho phép cô trở về, nhưng đừng có phạm tội nữa", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trừng phạt: Nếu Vua muốn cưới con gái người

ta, nhưng không thể tự nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với gia đình ấy: "Tôi có thể phạt gia đình ông, rồi bắt con gái ông, nhưng tôi không muốn thế. Nếu ông cho con gái ông cho tôi, thì cô ấy sẽ được y phục, ẩm thực và những vật trang điểm tự nhiên không thiếu thứ gì, lại còn ích lợi cho nhà ông nữa", mà Tỳ-kheo nhận lời làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Vua thảo khấu: Tức chúa trại. Nếu chúa trại muốn lấy con gái người ta, nhưng không thể tự nói, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nhà ấy nói: "Tôi là Vua trong rừng, có thể gây cho ông những điều bất lợi, ông phải đưa con gái ông đến cho tôi thì cô ấy sẽ được y phục, ăn uống và các vật trang sức thoải mái và nhà ông cũng được bảo vệ", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dệt tơ: Nếu có người quả phụ làm nghề dệt tơ lụa để sinh sống, rồi có người đàn ông muốn cưới bà ta mà không thể tự nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với bà quả phụ ấy: "Tôi muốn lấy bà làm vợ". Người quả phụ ấy nói: "Nếu tôi về đó thì không thể làm việc gì khác mà chỉ biết dệt tơ thôi, nếu có cần thì tôi sẽ đến", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nấu ăn: Có một người đàn ông kia muốn lấy một quả phụ làm vợ, nhưng không thể đến nói trực tiếp được, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy: "Hãy đến chung sống với tôi".

Quả phụ nói: "Tôi chỉ có thể nấu ăn, ngoài ra không thể làm gì khác, có cần thì tôi sẽ đến", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Lấy nước: Có một gã đàn ông muốn hỏi cưới một quả phụ nhưng không thể đến nói trực tiếp được, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ: "Hãy đến sống chung với tôi". Quả phụ đáp: "Tôi chỉ có thể lấy nước, ngoài ra không thể làm việc gì khác, có cần thì tôi sẽ đến", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Không có con: Có một người đàn ông không có vợ con muốn cưới một quả phụ cũng chẳng có chồng con gì, nhưng không thể tự mình nói ra, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy: "Hai chúng ta đều không có con cái gì, bà hãy đến sống chung cùng tôi", mà Tỳ-kheo nhận lời làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc bà quả phụ ấy muốn lấy ông kia nhưng không thể tự mình nói trực tiếp được, bèn cậy Tỳ-

kheo đến... thì cũng như vậy.

Thừa kế giỗ quải: Nếu có người đàn ông đàn bà đều không có con cái gì, sợ sau khi chết trở thành quỷ đói không có ai kế thừa, giỗ quải, rồi người đàn ông ấy muốn lấy quả phụ đó nhưng không thể đến nói trực tiếp, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với bà quả phụ: "Bà hãy đến sống chung cùng tôi. Nếu tôi chết trước hóa thành quỷ đói thì bà cúng quải tôi. Nếu bà chết trước, thì tôi sẽ kỵ giỗ bà", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc bà quả phụ ấy muốn lấy người đàn ông đó cũng như vậy.

Hoặc có các trường hợp: Có người con gái được cha bảo vệ, mẹ bảo vệ, anh em bảo vệ, chị em bảo vệ, tự bảo vệ, dòng họ bảo vệ, nhờ tiền bạc bảo vệ, hoặc là bé gái, hoặc là quả phụ, hoặc là gái có chồng...

Mẹ bảo vệ: Có người con gái sống nương tựa vào mẹ, rồi có người muốn cưới cô ta, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với mẹ cô: "Tôi muốn cưới cô này làm vợ", mà Tỳ-kheo nhận lời, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp được cha bảo vệ, anh em, chị em bảo vệ cũng như thế.

Tự bảo vệ: Có người con gái không có cha mẹ

bà con, phải tự mình mưu sinh và trì giới, giữ mình. Rồi có người con trai muốn cưới cô ấy, liền nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dòng họ bảo vệ: Có người con gái không có cha mẹ, phải sống nương tựa những người cùng họ hàng... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tiền bạc bảo vệ: Nếu có người con gái nợ tiền người ta mà chưa trả đủ, rồi có người con trai muốn cưới cô ấy, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với gia đình cô ta: "Cho tôi cô gái này, tôi sẽ thay thế để trả món tiền mắc nợ", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Bé gái, quả phụ, đàn bà có chồng cũng như vậy.

Hoặc có các trường hợp: Có người con gái do dùng lúa mà đổi được, hoặc dùng tiền mua được, hoặc thuê nuôi bằng tiền, hoặc thuê nuôi nửa thời gian, hoặc thuê nuôi trọn thời gian, hoặc ở một tháng, hoặc ở tùy hứng, hoặc do cướp được, hoặc nhận lấy vòng hoa, không có họ, chốc lát...

Dùng lúa mà đổi được: Hoặc có người dùng lúa đổi được cô gái, rồi có chàng trai muốn lấy cô, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với cô ta: "Cô hãy làm vợ tôi", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến

được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dùng tiền mua được: Giống như trường hợp trên.

Thuê bằng tiền: Có người nuôi con gái người ta để lấy tiền công. Số tiền ấy trừ khoản cung cấp cô ta, còn thừa thì lấy hết. Rồi có chàng trai muốn lấy cô ấy, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nuôi thuê nửa thời gian hoặc toàn thời gian đều như thế cả.

Ở một tháng: Hoặc có chàng trai muốn cưới một quả phụ làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy, rồi quả phụ đáp: "Tôi không thể ở lâu dài được, mà chỉ có thể ở chừng một tháng, có cần thì tôi sẽ đến"... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Ở tùy hứng: Có chàng trai muốn xin cưới một quả phụ, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy, rồi bà ta đáp: "Tôi không thể ở mãi được, ý tôi chỉ muốn ở chừng ấy thời gian thôi, có cần thì tôi sẽ đến"... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Do cướp được: Hoặc có người phá xóm làng người ta, cướp được một cô gái, rồi có chàng trai muốn xin cưới cô ta, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội

Tăng-già-bà-thi-sa.

Do nhận lấy vòng hoa: Có những nước có phong tục: Khi con trai muốn xin cưới con gái thì phải sai người đem vòng hoa đến gia đình nhà gái.

Nếu họ nhận vòng hoa, thì biết họ đã đồng ý.

Nếu họ không nhận vòng hoa, thì biết họ không đồng ý.

Bấy giờ, nhà trai bèn nhờ Tỳ-kheo mang vòng hoa đến gia đình nhà gái... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Người không có họ: Hoặc có chàng trai không cha, không mẹ, không bạn bè và một cô gái kia cũng thế. Rồi chàng trai nọ muốn cầu hôn cô gái, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong chốc lát: Có một chàng trai kia muốn thông giao với một cô gái đoan chánh trong chốc lát, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình ngỏ ý... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có các trường hợp: Đàn bà không có con, nô tỳ gái, người xuất gia, người bị bỏ (đuổi) dâm nữ, người hầu dâm nữ, dâm nữ đứng đường, người hầu dâm nữ đứng đường, cô gái bị vứt bỏ, cô gái xin được, cô gái bị thải hồi, hạ tiền nữ v.v...

Đàn bà không con: Có những gia đình giàu có, cưới vợ cho con lúc còn bé. Sau đó, con chết, rồi nàng dâu sống nương tựa mẹ chồng cho đến lúc

khôn lớn. Thế rồi có chàng trai muốn lấy cô, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với mẹ chồng: "Con bà đã qua đời, tôi nay cũng như con bà, vậy xin bà hãy cho nàng dâu bà cho tôi. Tôi sẽ cung cấp y phục ẩm thực, để nàng cùng chung sống với tôi"... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Người đàn bà nô tỳ: Như nhiều quốc gia, có tục lệ bán bớt miệng ăn (cho con gái đi ở đợ) rồi có chàng trai muốn chuộc cô ta về làm vợ, nhưng sợ khoản tiền hơi nhiều, bèn nhờ Tỳ-kheo bí mật đem lời mình đến nói với cô ta: "Nay tôi chuộc cô về làm nô tỳ, nhưng kỳ thực là để làm vợ"... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Xuất gia: Có cô gái đoan chánh xuất gia với ngoại đạo, rồi chàng trai muốn cưới cô ta về làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình để ngỏ ý... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Người bị bỏ: Bị bỏ có hai trường hợp: hoặc bán, hoặc ly hôn.

Bán: Theo luật pháp của nước Pha Lợi, hễ người vợ có tỳ vết, thì liền bị đem bán.

Ly hôn: Có những quốc gia được luật pháp quy định, hễ vợ chồng sống không hạnh phúc, thì bèn dẫn nhau đến tòa án, mua hai lá đơn ba đồng rưỡi

để nhờ quan tòa xử cho ly hôn. Hoặc có người vợ trẻ tư thông với người khác, rồi cùng giao kết: "Nếu tôi được ly hôn với chồng tôi, thì tôi sẽ lấy anh".

Đáp: "Được đó".

Rồi cô ta bỏ tiền ra lo kiện và được ly hôn. Thế rồi, chàng trai kia nghe được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với cô ta: "Cô đã ly hôn, vậy hãy đến làm vợ tôi"... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc giả cô ấy nhờ Tỳ-kheo đem lời mình đến nói với anh ta: "Tôi đã ly hôn, vậy anh hãy cưới tôi"... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dâm nữ: Có chàng trai nhờ Tỳ-kheo môi giới để được tư thông với dâm nữ... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con hầu của dâm nữ: Tức là nô tỳ của dâm nữ, cũng như trường hợp đã nói ở trên.

Dâm nữ đứng đường: Có những hạng dâm nữ thường đón khách ở dọc đường, rồi một chàng trai nhờ Tỳ-kheo làm môi giới để mình được tư thông với cô ta... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con hầu của dâm nữ đứng đường: Trường hợp này cũng như ở trên.

Con gái bị vứt bỏ: Có người con gái bị người ta

hiếp dâm có thai, rồi sau đó xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo, đến ngày mãn nguyệt, liền sinh ra bé gái. Người mẹ ấy bèn đem con bỏ ở ngã tư đường, rồi có người nhặt về nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn. Đoạn có chàng trai muốn cưới cô ấy, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói giúp... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Cô gái do xin được: Có người nhiều con trai mà không có con gái, bèn xin con gái người khác đem về nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Rồi có chàng trai muốn cưới cô ta làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo đến nói giúp... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con gái bị thải hồi: Có người con gái lúc chưa lấy chồng đã tư thông với người khác, đến khi về nhà chồng, chồng biết cô ta không phải đồng nữ (không còn trinh), bèn đuổi cô trở về nhà cha mẹ, rồi đòi lại những lễ vật trước kia. Thế rồi, người con trai từng tư thông với cô ngày trước nghe cô bị trục xuất, bèn suy nghĩ: "Người con gái này do ta mà bị trục xuất, vậy ta nên nhận lấy cô", rồi nhờ Tỳ-kheo đến nói với cha mẹ cô... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hạ tiền nữ: Có chàng trai muốn cưới vợ mà nạp tiền cheo chưa đủ, rồi cha mẹ cô gái ấy nhiều lần đòi tiền mà chàng trai không thể trả nổi nên không cưới được vợ, và cô gái ấy cũng không thể lấy

chồng. Thế rồi có một chàng trai khác muốn cưới cô ta, bèn nhờ Tỳ-kheo đem lời mình đến nói với cha mẹ cô "Gả cô này cho tôi, tôi sẽ đưa tiền cho ông để ông trả lại cho người chồng trước"... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có một chàng trai hay tớ trai của chàng nói với Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo nghe theo lời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với người kia, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu tự mình đến nói, hoặc sai người đến nói, rồi được hay không được mà trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có cô gái mồ côi sống với ông bà ngoại, hoặc sống với ông bà cố ngoại, hoặc sống với cậu, hoặc sống với dì, hoặc sống với ông bà nội, hoặc sống với ông bà cố nội, hoặc sống với cậu của cha, hoặc sống với dì của cha, cũng đều như trên đã nói.

Lại có các trường hợp: Nói thẳng, nói quanh co, ra dấu, có thể nhận lãnh, ra vào, bệnh, nhà Vua, pháp sư, bè nhóm, cùng chung, phức tạp...

Nói thẳng: Có một chàng trai muốn cưới con gái người ta mà không thể cầu hôn trực tiếp được, bèn nhờ Tỳ-kheo làm mai mối, mà Tỳ-kheo nhận lời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu gia đình nhà gái nói: "Nhà đó thuộc dòng

Sát-đế-lợi, còn tôi thuộc Bà-la-môn, nhà đó thuộc Tỳ (Phệ) Xá, còn tôi là Bà-la-môn; nhà đó thuộc Thủ-đà-la, còn tôi là Bà-la-môn". Hoặc nói: Tôi là Sát-đế-lợi, còn nhà đó là Bà-la-môn. Tôi thuộc Tỳ-xá còn nhà đó là Bà-la-môn. Tôi là Thủ-đà-la, còn nhà đó là Bà-la-môn".

Hoặc giả nói: "Nhà đó là Sát-đế-lợi, còn tôi là Tỳ-xá. Nhà đó là Sát-đế-lợi, còn tôi Thủ-đà-la".

Hoặc nói: "Nhà đó là Bà-la-môn, tôi cũng là Bà-la-môn. Nhà đó là Sát-đế-lợi, tôi cũng là Sát-đế-lợi. Nhà đó là Tỳ-xá, tôi cũng là Tỳ-xá. Họ là Thủ-đà-la, tôi cũng là Thủ-đà-la…".

Nếu được hoặc không được, rồi trở về báo lại thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói quanh co: Có một chàng trai muốn cưới con gái người ta mà không thể tự mình đến cầu hôn, bèn nhờ Tỳ-kheo giúp, rồi Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới, Tỳ-kheo không được làm sứ giả". Miệng tuy không hứa, nhưng trong lòng mặc nhiên đồng ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Ra dấu: Có chàng trai muốn cưới con gái người ta mà không thể tự đến cầu hôn, bèn nhờ Tỳ-kheo đi giúp, rồi Tỳ-kheo nói: "Phật chế giới: Tỳ-kheo không được làm sứ giả, nhưng tôi sẽ ra dấu cho anh

biết. Nếu anh thấy tôi mặc y phục bẩn thỉu cầm bát rỗng và vỡ ngồi trên giường thấp, nói chuyện với những bọn nô tỳ thì nên biết là không được. Trái lại, nếu anh thấy tôi mặc y mới và sạch, cầm bát đẹp, ngồi trên giường lớn, miệng nói những chuyện trai gái vợ chồng với cô gái ấy thì anh nên biết đó là dấu hiệu đã thành công".

Nếu Tỳ-kheo ra dấu như thế, hoặc được, hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Có thể nhận lãnh: Nếu chúng Tỳ-kheo đông đúc, đến nhà thí chủ thọ trai và sau khi ăn xong, Ưu-bà-di bạch với các Tỳ-kheo: "Tôi muốn cưới con gái của nhà kia về làm dâu, nhờ quý thầy nói giúp giùm tôi". Rồi các Tỳ-kheo nói: "Ưu-bà-di! Đức Thế Tôn chế giới: các Tỳ-kheo không được làm sứ giả". Nhưng trong đó có hai, ba Tỳ-kheo lại chấp nhận làm sứ giả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu trở về báo lại thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Ra vào: Khi Tỳ-kheo lui tới nhà người ta nhận sự cúng dường, rồi chủ nhà nói: "Tôi muốn cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, xin Tôn giả hãy ngỏ lời giúp". Tỳ-kheo nói: "Bà cho tôi ăn uống, tôi sẽ nói giúp cho bà". Chủ nhân nói: "Khi nào con tôi được vợ, tôi sẽ mời Tôn giả dùng cơm". Tỳ-kheo nói: "Tôi đã mở miệng, thì không gì là

không thành công. Nhưng phải mời cơm trước đã". Thế rồi, chủ nhà sửa cơm, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau đó Tỳ-kheo đến nhà ấy nói: "Bà có biết không?". Chủ nhà hỏi: "Biết việc gì?". Tỳ-kheo nói: "Tôi có điều muốn nói, nếu bà chịu nghe lời tôi, thì tôi sẽ nói". Chủ nhân nói: "Nhưng hãy nói đi đã". Tỳ-kheo nói: "Có người muốn xin cưới con gái bà". Hỏi: "Ai vậy?". Đáp: "Con trai nhà đó". Chủ nhân nổi giận nói: "Thà tôi đem con gái bỏ vào trong chỗ nước lửa tối tăm, chứ không bao giờ gả cho hạng ấy". Nếu Tỳ-kheo hoảng sợ liền bỏ đi, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cô ấy vẫn chưa lấy chồng, mà Tỳ-kheo vì trước đó khoa trương để người ta cho ăn nên cảm thấy xấu hổ, rồi trở về báo lại rằng không được, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu cô ấy hoặc đã đi lấy chồng, hoặc đã chết, rồi Tỳ-kheo trở về báo lại, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Bệnh: Nếu Tỳ-kheo thường ra vào một nhà kia, rồi gia chủ nói với Tỳ-kheo: "Tôi muốn cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, nhờ thầy mai mối giúp". Rồi Tỳ-kheo nhận lời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhà ấy nói: "Con gái tôi đang bệnh, không

biết sống chết lúc nào". Hoặc người con trai kia có bệnh, rồi nhà gái nói: "Con trai nhà ấy bị bệnh, không biết sống chết lúc nào! Nếu gả con cho nó, mà rủi ro nó chết, thì con gái tôi sẽ thành quả phụ". Tỳ-kheo lại nói: "Hễ ai mắc bệnh đều chết hết cả sao?. Rồi tự nhiên sẽ lành thôi, nên gả cho họ đi". Khi nói như vậy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Vua: Nếu Vua muốn lấy con gái người ta, bèn nói với các Tỳ-kheo: "Nay tôi muốn được con gái của nhà kia, nhờ chư Tăng mai mối giúp", mà tất cả chư Tăng đều hứa giúp, thì tất cả đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tất cả Tăng chúng đều đến đó ngỏ lời, thì tất cả chúng Tăng đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì tất cả Tăng chúng đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu chúng Tăng sai sứ giả đến nói với nhà ấy, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi sứ giả nói với họ, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được rồi trở về nói lại, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu sứ giả được sai đi suy nghĩ: "Nếu ta về lại trong chúng, thì mọi người sẽ sai ta đến tâu với

Vua, chi bằng ta đến tâu thẳng với Vua, Vua sẽ biết ta". Suy nghĩ thế rồi, vị Tỳ-kheo ấy đi làm mai mối, và việc được hay không được mà đi đến báo với nhà Vua, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Còn tất cả chúng Tăng vì trước đó đã có ý giúp nên phạm tội Thâu-lan-giá.

Pháp sư: Có một gia đình Ưu-bà-tắc muốn cưới con gái của một Ưu-bà-tắc khác nhưng gia đình ấy không chịu gả, bèn nói: "Thà tôi gả con cho kẻ ngoại đạo tà kiến còn hơn là gả con cho gia đình Ưu-bà-tắc ấy". Bên nhà trai bèn suy nghĩ: "Ai có thể giúp ta để mà đứng ra tác hợp? Có lẽ chỉ có Sa-môn có lắm phương tiện giỏi thuyết pháp mới tác hợp giúp được thôi", bèn đến tinh xá, bạch với pháp sư: "Tôi xin cưới con gái nhà ấy, nhưng họ không chịu gả". Pháp sư liền hỏi: "Họ nói thế nào?". Đáp: "Họ nói thế này: Thà gả cho kẻ ngoại đạo tà kiến, chứ không gả cho nhà ấy". Nhờ pháp sư đem nghĩa vụ đồng đạo ra nói giúp để họ gả con cho tôi". Nếu Tỳ-kheo hứa khả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thỉnh chung đồ chúng mình đi mà họ đi, thì cả chúng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vào dịp thuyết pháp mồng tám, mười bốn và rằm hằng tháng, cả hai gia đình nhà trai, nhà gái đều đến nghe pháp, nhân dịp đó pháp sư thuyết: Như trong Khế kinh Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các chúng sinh tùy theo tánh mà không có lòng

tin, không có lòng tin mà kết thân hảo với nhau, như thế là phạm giới; Phạm giới mà kết thân với nhau thì không có oai nghi; không có oai nghi mà kết thân với nhau là không biết xấu hổ, không biết xấu hổ mà kết thân với nhau thì sinh ra lười biếng; Lười biếng mà kết thân với nhau thì thành ra loạn tâm; Loạn tâm mà kết thân với nhau thì thành vô trí. Thế rồi những kẻ vô trí bèn kết thân hảo với nhau tùy theo chủng loại. Quá khứ, hiện tại và vị lai, các chúng sinh đều như thế cả. Ví như hai vật hôi thối bất tịnh hòa hợp cùng nhau cũng như vậy. Và này các Tỳ-kheo! Các chúng sanh tùy theo mỗi loài có niềm tin vững chắc. Những kẻ có niềm tin vững chắc mà kết thân hảo với nhau như thế là trì giới; Trì giới mà kết thân hảo với nhau thì có oai nghi; có oai nghi mà kết thân hảo với nhau là biết hổ thẹn; biết hổ thẹn mà kết thân hảo với nhau thì sẽ tinh tấn; Tinh tấn mà kết thân hảo với nhau thì có thiền định; Có thiền định mà kết thân hảo với nhau thì có trí tuệ. Thế rồi những kẻ có trí tuệ cùng kết thân hảo với nhau. Quá khứ hiện tại và vị lai, các loài chúng sanh đều như thế cả. Ví như những vật trắng sạch được ướp hương thơm, rồi cho hòa hợp cùng nhau". Pháp sư thuyết pháp như thế xong, liền hỏi gia đình nhà gái: "Tôi nghe nói con trai nhà kia muốn xin cưới con gái bà, bà liền nói với họ: Thà gả con cho kẻ ngoại đạo tà kiến, chứ không gả cho nhà ấy", có đúng như thế chăng? Bà

không nghe Thế Tôn nói: "Có kẻ sát nhân và lũ oan gia tay cầm kiếm sắc, lăm lăm thường tìm cơ hội để giết người hay sao? Đứa con oan gia của bà nên cho vào gia đình ấy, chứ không nên cho vào gia đình ngoại đạo tà kiến. Nay vì sao bà lại muốn gả con gái mình cho một gia đình tà kiến? Nếu gả cho Ưu-bà-tắc thì thường thường có thể gặp được các Tỳ-kheo trì giới thọ trai". Lúc ấy, bà ta nói: "Thưa thầy, thầy muốn như vậy sao?". Đáp: "Muốn như vậy". Bà ấy liền nói: "Tôi sẽ gả". Nếu lúc ấy, pháp sư im lặng không nói gì cả thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu pháp sư không nhẫn nại được bèn ngồi trên tòa nói: "Nhà kia đã được rồi", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu pháp sư xướng lớn trong đồ chúng: "Đã được rồi", thì cũng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Cùng chung: Có các trường hợp: Nhận lời chung rồi nói riêng; nhận lời riêng rồi nói chung; Nhận lời chung rồi nói chung; Nhận lời riêng rồi nói riêng.

Nhận lời chung rồi nói riêng: Tỳ-kheo, sau khi an cư mùa hạ xong, bèn đi đến các thôn xóm để từ biệt các gia chủ quen biết, rồi đi sang các nước khác. Bấy giờ, các Ưu-bà-di nơi các thôn xóm bèn nhờ cậy: "Thầy hãy hỏi giùm vợ cho con trai tôi, hãy hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hãy hỏi giùm vợ

cho chú tôi”.

Như vậy các Ưu-bà-di mỗi người nói với Tỳ-kheo một lần, rồi Tỳ-kheo đáp: “Được thôi” thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đến nơi ấy, rồi ngỏ ý từng nhà, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu trở về báo lại từng nhà, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhận lời riêng rồi nói chung: Tỳ-kheo sau khi an cư mùa hạ xong, bèn du hành trong nhân gian để từ biệt các thí chủ mà đi đến nước khác. Thế rồi các Ưu-bà-di có người nói với Tỳ-kheo: “Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho con trai tôi”, có người nói: “Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hỏi giùm vợ cho chú tôi”. Rồi Tỳ-kheo mỗi mỗi đều hứa giúp thì mỗi mỗi đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến từng nhà hỏi giùm vợ cho họ, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu khi trở về chỉ thông báo một lời cho tất cả, thì phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhận lời chung rồi nói chung: Tỳ-kheo, sau khi an cư mùa hạ xong, bèn du hành trong nhân gian để từ biệt các thí chủ mà đi đến nước khác. Thế rồi, các Ưu-bà-di bèn nói với Tỳ-kheo: “Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho con trai tôi, hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hỏi giùm vợ cho chú tôi”. Nếu Tỳ-kheo đáp chung một lời: “Có thể được”, thì phạm một tội

Việt-tỳ-ni.

Nếu đến đó hỏi riêng từng nhà, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu trở về đáp chung một lời: "Được", thì phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhận lời riêng rồi nói riêng: Tỳ-kheo sau khi an cư mùa hạ xong, bèn du hành trong nhân gian để từ biệt các thí chủ, rồi có Ưu-bà-di nói: "Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho con trai tôi, hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hỏi giùm vợ cho chú tôi". Rồi Tỳ-kheo đáp riêng từng người: "Có thể được", thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Nếu đến nơi đó hỏi riêng từng nhà thì mỗi nơi phạm mỗi tội Thâu-lan-giá. Nếu khi trở về, báo riêng từng chỗ thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Phức tạp: Có một Tỳ-kheo có nhiều người quen biết, bèn dẫn đồ chúng đến một nhà xin ăn. Khi ăn xong bà chủ nhà bạch với Thượng tọa: "Tôi muốn xin cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, nhờ Thượng tọa nói giúp cho". Thế rồi, Thượng tọa vì không am tường giới luật, bèn hứa khả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi ấy, đồ chúng vì ít rành giới luật, sợ mất lòng họ nên không dám can gián, đến lúc rời khỏi nhà, liền chất vấn Thượng tọa: "Sao Thượng tọa lại làm thế?". Hỏi: "Việc gì nào?". Đáp: "Há Thượng tọa không biết rằng Đức Thế Tôn chế giới

Tỳ-kheo không được làm mai mối cho nam nữ lấy nhau hay sao?".

Thượng tọa đáp: "Không biết". Trong số đó có một Tỳ-kheo nói: "Thượng tọa chớ có ngỏ lời, để con nói giúp cho", thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Còn Thượng tọa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu trước đó Ưu-bà-di nói với đồ chúng: "Tôi muốn cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, xin quý thầy mai mối giúp cho". Khi ấy, đồ chúng không rành giới luật liền đáp: "Có thể được", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nhưng Thượng tọa cũng ít biết giới luật, sợ mất lòng họ, nên không khiển trách, ngăn chận kịp thời, đến khi ra khỏi nhà liền nói với đồ chúng: "Các ngươi bất thiện nên mới làm việc đó". Hỏi: "Làm việc gì?". Thượng tọa nói: "Các ngươi không biết rằng Đức Thế Tôn chế giới các Tỳ-kheo không được làm sứ giả sao?". Đáp: "Không biết". Thượng tọa lại nói: "Các ngươi đừng ngỏ lời, để ta ngỏ lời cho". Rồi Thượng tọa đi làm mai mối, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Còn đồ chúng của thầy thì phạm Việt-tỳ-ni.

Nếu trước đó Ưu-bà-di bạch chung cả đại

chúng mà đại chúng đều hứa khả, thì tất cả đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tất cả cùng đi làm mai mối, thì tất cả đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì tất cả đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Có một người đàn ông có nhiều vợ, bà thì được sủng ái, bà thì bị lạnh nhạt. Khi Tỳ-kheo đến nhà ấy, có một bà ra đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo cung kính vấn an. Rồi Tỳ-kheo hỏi: "Con có được yên ổn an lạc không?". Bà liền đáp: "Được an lạc chỗ nào?". Hỏi: "Vì sao vậy?". Bà bèn nói: "Người đàn ông ấy (ông chồng) thường cùng ngồi, cùng nằm chung với một người, riêng con bị ông ấy bạc đãi, ví như vật dụng đã lủng, trở thành vô dụng, làm sao mà không khổ được?". Tỳ-kheo bèn an ủi: "Con chớ có ưu sầu. Ta sẽ bảo chồng con đối xử bình đẳng giữa các bà vợ". Rồi thầy nói với ông chồng ấy: "Ngươi không biết gì cả. Vì sao bắt chước người ta lấy nhiều thê thiếp mà không đối xử bình đẳng lại thiên vị một người cùng ngồi cùng nằm?". Đáp: "Vậy phải làm sao?". Tỳ-kheo nói: "Phải xem nhau bình đẳng, chia đều công việc". Đáp: "Tôi sẽ làm theo lời thầy dạy", thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Thâu-lan-giá. Có người đã có nhiều vợ mà còn muốn tìm thêm gái trinh khác, nhưng không thể đến nói trực tiếp, bèn nhờ Tỳ-kheo đến nói giúp... cho đến được hay không được, rồi trở

về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Có hai vợ chồng kia gây lộn với nhau mà Tỳ-kheo khuyên bảo họ hòa hợp, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu cặp vợ chồng ấy vì việc Phật, việc Tăng mà bất hòa, gây gổ nhau, rồi vì việc phước đức mà khuyên họ hòa hợp thì không có tội.

Nếu có một người đàn bà bồng con trở về nhà cha mẹ, rồi Tỳ-kheo đến nhà ấy, và các trai gái trong nhà ra đảnh lễ, Tỳ-kheo thấy hai mẹ con bà ấy, bèn nói: "Ngươi muốn ở mãi đây sao? Không nên ở lâu. Chồng ngươi xuất tiền ra cưới ngươi là để làm gì vậy? Ngươi nên trở về lại nhà ấy". Khi nói những lời ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Có người nuôi nhiều ngựa, nhưng không có ngựa giống tốt, bèn

nhờ Tỳ-kheo đi tìm giúp con ngựa giống tốt tại một nhà kia, mà Tỳ-kheo nhận làm, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có hai người Ma-ha-la, một người thì bỏ vợ và con trai đi xuất gia, còn một người thì bỏ vợ và con gái đi xuất gia. Họ đều đi du hành trong nhân gian, rồi trở về thành Xá-vệ, cùng ở chung một phòng. Người bỏ vợ và con gái bèn suy nghĩ: "Ta phải trở về nhà thăm vợ và con gái ta". Thế rồi, thầy khoác y trở lại nhà cũ. Người vợ từ xa trông thấy Ma-ha-la tới, liền nổi giận nói: "Ông là tên Ma-ha-la bạc phước,

vô tích sự, đã không thể nuôi sống vợ con mà còn trốn nghĩa vụ quan dịch, bỏ nhà đi xa. Con gái đã đến tuổi khôn lớn mà không lấy chồng được. Tôi định đến tu viện lôi ông về nhà. Nếu ông không về thì tôi sẽ bẻ gãy cặp giò ông, xem ai còn thích trông thấy ông nữa". Lúc ấy Ma-ha-la bèn trở về lại trụ xứ, mặt mày bí rị, sầu khổ như khách buôn bị mất của.

Bấy giờ, người bỏ vợ và con trai đi xuất gia trở về thăm nhà cũng gặp trường hợp như thế. Nhưng thầy ít trí tuệ, bèn nói với thầy kia: "Trưởng lão! Vì sao mà ưu sầu, đau khổ như thế". Đáp: "Trưởng lão! Cần gì phải hỏi đến việc ấy!". Người kia lại nói: "Tôi muốn biết rõ những việc cần biết. Vì sao hai chúng ta cùng ở chung một phòng mà những việc xấu không cho nhau biết? Không nói với tôi thì nói với ai?". Ông Ma-ha-la này bèn nói rõ sự việc ở trên. Thế rồi, ông Ma-ha-la bỏ con trai đi xuất gia nói: "Thầy buồn rầu làm gì? Nhà tôi cũng thế thôi. Nay thầy có biết tương kế tựu kế không? Thầy có thể đem con gái mình gả cho con trai tôi". Thầy kia đáp: "Tốt". (Nếu sự kiện diễn tiến như vậy, thì) cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, cả hai Ma-ha-la sáng sớm hôm sau, khoác y trở về nhà. Thầy Ma-ha-la bỏ con gái đi tu nói với vợ: "Tôi đã tìm được chàng rể cho bà rồi".

Bà vợ liền hỏi: "Con trai nhà ai vậy?". Đáp: "Con trai nhà kia". Thầy Ma-ha-la bỏ con trai đi tu

cũng nói với vợ: "Tôi đã tìm được vợ cho con bà rồi". Bà vợ hỏi: "Con gái nhà ai vậy?". Đáp: "Con gái nhà đó". Nếu nói như vậy thì cả hai đều phạm tội Thâu-lan-giá.

Bấy giờ, hai đứa con trai con gái ấy đang chạy chơi trong xóm, rồi một Ma-ha-la chỉ cho con gái mình nói: "Thằng kia là chồng con đó". Thầy Ma-ha-la thứ hai cũng chỉ cho con trai mình nói: "Con kia là vợ con đó". Nếu cả hai cùng nói như thế, thì cả hai đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hai Ma-ha-la sau khi làm suôi gia với nhau, ai nấy đều hoan hỷ

như người nghèo được châu báu, họ yêu kính nhau như anh em ruột. Các Tỳ-kheo nghe sự tình như vậy, bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi: "Bạch Thế Tôn! Vì sao hai thầy Ma-ha-la ấy sau khi kết làm suôi gia, họ rất hoan hỷ và yêu kính nhau đến như thế?".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Hai ông Ma-ha-la này không những ngày nay mới làm cái việc như vậy, mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy".

Rồi Phật kể lại với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ, tại thành Ba-la-nại, nước Già-thi có một người Bà-la-môn, ông ta có loại đậu ma sa cũ kỹ nấu mấy cũng không chín, bèn bày trước cửa hàng để bán cho người ta, nhưng không có ai mua cả.

Bấy giờ, có một người khác có con lừa đực đem ra chợ bán cũng rất khó khăn. Thế rồi, người có đậu ma sa cũ kỹ liền suy nghĩ: "Ta hãy đem loại đậu này đi đổi lấy con lừa kia đem về dùng". Bèn đến người kia nói: "Ông có thể đổi con lừa để lấy thứ đậu này được không?".

Người chủ con lừa bèn suy nghĩ: "Dùng lừa đực này để làm việc gì? Ta hãy đem đổi thứ đậu ấy", liền đáp: "Có thể được". Ông ta được lừa rồi, rất hoan hỷ. Bấy giờ, người có đậu bèn suy nghĩ: "Nay ta đã được mi", liền nói kệ:

"Phép Bà-la-môn khéo bán buôn
Đậu chai để dành mười sáu năm
Đốt bao nhiêu củi cũng không chín
Lớn bé nhà ngươi gãy hết răng".
Khi ấy, chủ con lừa cũng đọc kệ:
"Này Bà-la-môn, sao vui thế?
Tuy có bốn chân lông đẹp tuyệt
Chở nặng đi đường hết chỗ chê
Kim châm lửa đốt không nao núng".

Thế rồi, người chủ đậu lại đọc kệ:

"Con độc sinh ngàn năm
Đầu mọc sừng bốn tấc.
Đánh bại con lừa ngu
Lo chi chẳng hàng phục".

Bấy giờ, người chủ con lừa nổi giận liền đọc kệ:

"Trụ vững hai chân trước

Song phi hai móng sau
Hàm răng ông sẽ gãy
Để rồi ông sẽ hay”.

Người chủ đậu bèn đọc kệ nói với con lừa:

“Nọc độc loài muỗi mòng
Chỉ cong đuôi đề phòng
Đuôi ngươi phải chặt đứt.
Để ngươi biết khổ đau”.

Con lừa liền đáp:

“Từ tiên tổ đến nay
Nghề đá hậu tuyệt hay
Nay tôi cố gìn giữ
Đến chết không đổi thay”.

Bấy giờ, người chủ đậu biết đó là giống súc sinh tệ ác, nhưng không thể thốt lời cay đắng, trái lại còn đọc kệ ca ngợi:

“Âm thanh kêu tuyệt hảo
Mặt trắng như tuyết pha.
Ngươi sẽ được cưới vợ
Để rong chơi rừng già”.

Con lừa nghe lời nói nhã nhặn thân ái liền đọc kệ:

“Tôi chở được tám đấu
Ngày đi sáu trăm dặm
Bà-la-môn biết không?
Nghe được vợ mừng lắm”.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo:

Hai người khi ấy, chính là hai Ma-ha-la ngày nay. Còn con lừa nay là con trai của Ma-ha-la. Khi ấy, họ đã đổi chác nhau bằng sự lừa gạt, rồi hoan hỷ, ngày nay cũng thế, lừa dối lẫn nhau để mà hòa hợp, rồi lại hoan hỷ. Rồi Phật kết luận:

Nếu Tỳ-kheo đứng ra tác hợp cho người nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tác hợp cho kẻ hoàng môn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Tác hợp cho đàn ông và súc sinh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tác hợp cho Khẩn Na-la cái và khỉ cái, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

(Hết giới Tăng tàn thứ năm)

GIỚI LÀM NHÀ QUÁ MỨC QUY ĐỊNH

Khi Phật an trú tại tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở trong tinh xá này làm năm trăm cái phòng riêng, đều do họ tự đi xin vật liệu về làm.

Có một Tỳ-kheo vào buổi sáng sớm khoác y, cầm bát vào thôn Khoáng-dã để xin vật liệu làm phòng. Lúc ấy, có một người bán tạp hóa mang những cái móc cửa ra tiệm tạp hóa mở cửa hàng định bán, thì trông thấy Tỳ-kheo từ xa đi nhanh đến. Người chủ tiệm liền suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này đến đây chắc là để xin vật liệu làm phòng. Từ sáng sớm đến giờ ta chưa bán chác được gì, thì lại có người đến xin". Nghĩ thế ông bèn đóng cửa hàng trở về nhà.

Rồi Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ông khách buôn này thấy ta bèn đóng cửa hàng trở về nhà, chắc là biết ta đến xin vật liệu mà không muốn cho chớ gì?". Nghĩ thế rồi, thầy liền đi tắt một đường khác đón đầu ông ta, hỏi: "Lão trượng, ông định đi đâu mà không đợi tôi? Tôi biết nhờ ai để cất phòng, chỉ có nhờ ông thôi. Vì ông là người tin pháp Phật, biết có tội phước, hễ tạo nghiệp thì có quả báo... mà không muốn cho, thì còn ai cho tôi? Lão trượng nên biết rằng Đức Thế Tôn đã dạy:

-Phải khởi tâm từ đối với người không muốn nghe, phải tạo phương tiện khiến cho họ nghe; Với những người không tin, phải làm cho họ tin; Thậm chí phải dùng tay kéo đầu họ, khuyên họ bố thí. Bởi lẽ, những người ấy sau khi mệnh chung sẽ sinh lên cõi trời, có sắc đẹp, sức khỏe, Trường-thọ và quyến thuộc đông đúc; đến khi sinh vào cõi người cũng được an lạc, có sắc đẹp, sức khỏe, sống lâu và bà con sum vầy, biết tu tập pháp Phật, làm tăng trưởng công đức, kiến tạo đạo quả.

Này lão trượng, thế nên Đức Thế Tôn nói kệ:

"Làm phước hưởng quả vui,
Muốn gì được tự nhiên,
Vượt khỏi dòng sinh tử,
Lên tới cõi Niết-bàn.
Nếu người làm việc phước
Thiên thần liền gia hộ
Nguyện gì cũng thành tựu

Quân ma không thể hại.
Đức mỏng nhiều phiền não
Phước lớn tai họa tiêu
Phước đức mà vững chắc
Định kiên cố chóng thành.
Sinh thiên hưởng diệu lạc
Cõi người cũng tự tại.
Vì do công đức này
Đến đâu đều tự nhiên.
Nhân phương tiện phước báo
Lìa hẳn khổ sinh tử.
Đắc đạo đến Niết-bàn
Hết trôi nổi tái sinh".

Khi Tỳ-kheo đọc bài kệ ấy rồi, lại nói: "Lão trượng! Ông giúp tôi cất phòng thì phước đức rất lớn". Sau khi nghe thuyết pháp, khách buôn liền bố thí ít nhiều.

Thế rồi, ông suy nghĩ: "Nếu ta trở lại cửa hàng, thì sẽ có nhiều người đến xin, đã không được lợi mà còn bị lỗ vốn, chi bằng ngồi ở nhà thì mới bảo toàn được vốn liếng, hơn là ra sạp mua bán, vốn lời sẽ mất hết". Suy nghĩ như vậy rồi, ông bèn trở về nhà ngồi nghỉ.

Bà vợ thấy ông chồng như thế, nổi giận nói: "Vì sao ông ra chợ rồi lại quay về liền? Biếng nhác như vậy thì lấy gì để nuôi sống các con, đóng tiền sưu dịch cho nhà nước?".

Khách buôn đáp:

-Bà chớ giận, hãy nghe đã. Sáng sớm hôm nay, tôi ra cửa hàng ngoài chợ v.v... (nói rộng cho đến) vì sợ mất vốn nên trở về nhà.

Bà vợ biết rồi, liền im lặng không nói.

Đoạn nói về Tôn giả Xá-lợi-phất, khi vào xóm làng khất thực tuần tự, liền đến đứng ngoài cửa nhà ấy. Bà vợ ông nhà buôn vốn là người có niềm tin sâu xa, cung kính, nên khi trông thấy Xá-lợi-phất, bèn lấy cái bát sạch bỏ đầy thức ăn, đem ra đổ vào trong bát Xá-lợi-phất, rồi đảnh lễ dưới chân, cung kính vấn an.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất an ủi, hỏi thăm: "Trong nhà sinh hoạt thế nào, có tốt đẹp không?".

Bà ta đáp: "Trong nhà đều tốt cả, chỉ có việc sinh nhai bị đình đốn".

Hỏi: "Vì sao như vậy?".

Bà bèn đem các nhân duyên trên bạch đầy đủ với Xá-lợi-phất:

"Các sinh hoạt trong nhà như ăn uống, y phục và cung cấp sưu dịch cho quan, đều trông cậy vào cái cửa hàng, nhưng nay ông chồng chỉ ở riết trong nhà, vì sợ người ta đến xin. Thực sự ông đang ở nhà mà ông bảo là đi, thực sự đang thức mà bảo là ngủ. Thầy là người mà nhà tôi cung kính, tôn trọng cúng dường, không dám giấu giếm điều chi, nên mới thố lộ cùng thầy".

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bèn dùng nhiều cách thuyết pháp cho bà vợ ông khách buôn, khiến bà ta sinh tâm hoan hỷ. Rồi thầy trở về tinh xá, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền bảo: "Gọi Tỳ-kheo kinh doanh ấy đến đây?".

Sau khi thầy được gọi đến, Phật bèn hỏi: "Có thật ông đi xin vật liệu về làm phòng, phiền lụy các thí chủ, khiến họ phiền trách với Xá-lợi-phất về việc của ông không?".

Đáp: "Có thật như vậy bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Đi xin vật liệu về làm phòng riêng, làm não loạn các thí chủ là pháp ác".

Rồi Phật khuyến cáo các Tỳ-kheo:

Các thầy chớ có làm phòng riêng, khiến não loạn đến các thí chủ nữa. Vì tiền tài khó kiếm, việc bố thí cũng gian nan. Các Bà-la-môn, cư sĩ xén bớt tài vật để cúng dường Sa-môn y phục, ẩm thực, sàng tọa và các thứ thuốc men phòng trị bệnh, những việc đó thật rất gian nan.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo kinh doanh: "Trong thời quá khứ, có một Tỳ-kheo tên Bạt-cừ sống ở trong rừng, đồng thời có nhiều con chim thích quân cũng đậu nơi rừng ấy, sớm chiều kêu inh ỏi, làm não loạn Tỳ-kheo kia".

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bạt-cừ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Thế

rồi, Đức Thế Tôn bèn an ủi, hỏi Tỳ-kheo đang sống trong rừng ấy như sau: "Thế nào? Thầy ít bệnh, ít phiền não, sống trong rừng vui vẻ chứ?". Thầy liền đáp: "Bạch Thế Tôn! Ít bệnh, ít phiền não, sống trong rừng vui vẻ, nhưng vào buổi sớm mai và chiều tối, bị các con chim thích quân kêu inh ỏi, làm não loạn không thể suy nghĩ được". Phật liền hỏi Tỳ-kheo ấy: "Ông muốn tất cả các con chim thích quân không đến chăng?". Đáp: "Con mong như vậy, bạch Thế Tôn!". Phật nói: "Này Tỳ-kheo, cứ vào buổi chiều, bầy chim thích quân bay về. Ông xin mỗi con một cái lông, rồi sáng sớm chúng bay đi, ông cũng xin như thế". Tỳ-kheo ấy liền bạch với Phật: "Lành thay Đức Thế Tôn", bèn trở lại trong rừng, ngồi ngay ngắn suy nghĩ. Đến khi mặt trời về chiều, bầy chim bay về kêu inh ỏi, thầy liền nói: "Này các con chim thích quân, mỗi chú cho ta mỗi cái lông, vì ta đang có việc cần dùng". Khi ấy, bầy chim bèn im lặng trong giây lát, rồi mỗi con nhổ một cái lông bỏ xuống đất. Vào buổi sáng sớm thầy cũng xin như thế.

Do vậy bầy chim bèn di chuyển đến nơi khác, ngủ lại một đêm, nhưng chúng không thích chỗ ấy, nên bay về lại. Thế rồi, Tỳ-kheo lại xin lông chúng như trước. Mỗi con cũng đều nhổ lông cho thầy. Rồi chúng suy nghĩ: "Nay ông Sa-môn này, xin một cách thật là kỳ quặc. E rằng không bao lâu nữa lông của chúng ta sẽ hết sạch và từng thớ thịt cũng

sẽ rơi xuống đất, hết bay nổi nữa, biết làm sao đây?". Rồi cùng nhau bàn bạc: "Tỳ-kheo này thường sống trong rừng này, vậy chúng ta nên đi tìm một nơi khác để đậu, không nên trở về đây nữa".

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Loài chim là giống súc sinh, còn ghét xin nhiều, huống chi người đời. Này các Tỳ-kheo! Chớ có kinh doanh sự nghiệp, khiến cho các Bà-la-môn, cư sĩ có tín tâm phải bỏ ra tài vật một cách đau khổ để cung cấp cho Sa-môn y phục, ẩm thực, giường nằm và các thuốc men phòng trị bệnh".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao thầy Tỳ-kheo ở trong rừng ấy lại khiếp sợ sự hỗn loạn, chán ghét tiếng chim?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo ấy không những ngày nay khiếp sợ mà trong quá khứ cũng đã từng khiếp sợ".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Đã có như vậy sao?"

Phật liền bảo với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ có một con voi sống nơi thanh vắng trong rừng. Rồi có một cơn gió lốc thổi mạnh, làm gãy cây cối. Voi nghe tiếng cây cối đổ gãy, liền sợ hãi tuôn chạy. Sau đó, nổi sợ hãi vơi dần, voi liền đến đứng dưới một cội cây, nhưng cây ấy lại gãy nữa, voi liền bôn tẩu.

Bấy giờ, có một vị thiên nhân, thấy voi hoảng

chạy, liền suy nghĩ: "Vì sao con voi này lại điên cuồng chạy loạn xạ như thế?", bèn đọc kệ:

"Gió trốt thổi lên cây đổ gãy,
Voi kia hoảng sợ chạy điên cuồng.
Giá như gió thổi khắp thiên hạ
Bấy giờ, voi ấy chạy về đâu?".

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Con voi thuở ấy chính là Tỳ-kheo ở trong rừng ngày nay".

Đoạn Phật lại nói với các Tỳ-kheo kinh doanh: "Trong thời quá khứ có năm trăm vị Tiên nhân ở trong núi tuyết. Một Tiên nhân ở riêng tại một chỗ có suối nước ngọt, hoa trái sum sê. Cách đó không xa, tại đầm Tát-la có một con rồng đang sống. Nó thấy vị Tiên nhân oai nghi tề chỉnh, sinh lòng yêu mến, bèn đến chỗ Tiên nhân, thì gặp lúc vị Tiên nhân đang ngồi kiết già. Rồng liền dùng thân quấn quanh vị Tiên nhân bảy vòng và dùng đầu che trên đỉnh Tiên nhân, rồi đứng yên... Ngày nào cũng như thế. Chỉ có lúc ăn là không đến. Vị Tiên nhân bị rồng quấn lấy thân, nên ngày đêm ngồi thẳng, không nghỉ ngơi được. Do đó, thân thể tiều tụy, sinh ra ghẻ chốc.

Lúc này, có một người sống gần đó, thong thả mang đồ đến cúng dường Tiên nhân, thấy Tiên nhân gầy ốm và ghẻ chốc, bèn hỏi: "Vì sao ông như thế?". Tiên nhân liền trình bày đầy đủ sự việc kể trên.

Người ấy liền nói với ông: "Ông có muốn con rồng này không trở

lại nửa chăng?". Đáp: "Muốn như vậy". Người ấy lại hỏi Tiên nhân: "Con rồng ấy có đeo thứ gì không?". Đáp: "Nó chỉ đeo chuỗi ngọc anh lạc trên cổ". Người ấy liền bảo: "Ông chỉ cần xin nó xâu chuỗi ngọc. Vì tính của rồng rất keo kiệt, nên nó sẽ không cho ông và do đó nó không đến nữa". Bày kế xong rồi, ông ta liền đi. Trong khoảnh khắc con rồng lại đến, Tiên nhân bèn xin chuỗi ngọc. Rồng nghe đến việc xin ngọc, trong lòng không vui, liền từ từ bỏ đi. Hôm sau, rồng bèn trở lại. Từ xa trông thấy, Tiên nhân bèn đọc kệ:

"Chuỗi Ma ni ngời sáng,
Anh lạc trang nghiêm thân.
Rồng cho ta vật đó,
Mới là tình bạn thân".

Khi ấy, con rồng liền đọc kệ đáp lại:

"Sợ mất chuỗi Ma ni
Phải cầm gậy xịt chó (để giữ gìn)
Bảo châu khó có được
Nên không đến thăm ông.
Ma ni này quý hơn
Thức ngon và châu báu.
Tôi không thể nào cho
Khẩn khoản xin làm gì?
Cầu nhiều thân ái ly
Do đó không đến nữa".

Bấy giờ, có vị trời đang ở trên hư không,[1431] liền đọc kệ:

"Nhàm chán sở dĩ sinh
Đều do tham cầu nhiều
Lòng tham Phạm chí hiện
Rồng liền ẩn đầm sâu".

Thế rồi, Phật liền nói với các Tỳ-kheo kinh doanh: "Rồng là loài súc sinh còn ghét sự tham cầu nhiều, huống gì là người".

Này các Tỳ-kheo! Chớ có kinh doanh nhiều việc, đòi hỏi hoài không biết chán, khiến cho Bà-la-môn, cư sĩ có lòng tin phải đau xót bỏ tài vật ra cung cấp cho Sa-môn như y phục, ẩm thực, giường nằm và các thứ thuốc men chữa bệnh".

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Có mười việc làm cho người ta không thích. Đó là:

Không thường gần nhau.

Quá thường gần nhau.

Vì lợi mà gần nhau.

Người đáng yêu mà không yêu.

Kẻ không đáng yêu lại yêu.

Không tin lời nói chân thật.

Ưa xen vào việc người khác.

Mình thật sự không có uy đức mà muốn áp đảo người khác.

Ưa che giấu những lời nói gian tà.

Tham cầu nhiều quá.

Đó là mười việc làm cho người ta không thích".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại những nơi khoáng dã phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự mình đi xin vật liệu về xây phòng ốc, không có thân chủ, tự bản thân mình làm, thì phải làm đúng quy định, tức là: Chiều dài mười hai gang tay Tu-già-đà, bên trong rộng bảy gang tay, phải dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ xây phòng, nơi ấy không nguy hiểm, không có phương hại. Trái lại, nếu Tỳ-kheo tự đi xin vật liệu về làm phòng, không có thí chủ, tự mình làm lấy mà làm tại những nơi nguy hiểm, có phương hại, làm quá quy định, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ làm phòng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Tự xin: Tự mình đi xin nhà này, nhà kia, hoặc một đồng, hai đồng cho đến trăm ngàn đồng.

Phòng xá: Mức độ căn phòng mà Phật cho phép. Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm.

Không có thân chủ: Không có thân chủ nghĩa là không có người đàn ông, đàn bà, tại gia hay xuất gia là thân chủ.

Tự thân: Tự chính mình.

Đúng quy định: Quy định đúng pháp. Dài: Đo

theo chiều dọc.

Rộng: Đo theo chiều ngang.

Tu-già-đà: Vượt qua một cách khéo léo. (ám chỉ Phật) Mười hai gang tay: Gồm hai thước bốn tấc.

Bên trong bảy gang tay: Phép làm phòng phải đo ở trong và ở ngoài, nghĩa là tính chiều dọc và chiều ngang bên trong bức tường.

Đo mức độ cao thấp của căn phòng: Tường phải cao một trượng hai thước.

Dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ làm phòng: Nghĩa là chỉ chỗ đất

(quy định làm phòng).

Các Tỳ-kheo: Hoặc là chúng Tăng, hoặc là sứ giả của chúng Tăng.

Tăng: Vị Tỳ-kheo làm phòng trước hết vào trong Tăng làm pháp yết-ma xin Tăng nghe mình trình bày, rồi mới làm pháp yết-ma xin cất phòng.

Người làm yết-ma nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Vị Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, không có người giúp đỡ, tự mình làm lấy, muốn xin chúng Tăng chỉ cho chỗ (để làm). Nếu chúng Tăng thấy hợp thời, thì hãy chỉ chỗ cho Tỳ-kheo muốn xây phòng.

Các Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp xin Tăng chỉ chỗ, nay Tăng đã nhận lời, nên im lặng. Việc này hãy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, vị Tỳ-kheo ấy vào trong Tăng, quì gối chấp tay nói như sau: "Đại đức Tăng nhớ nghĩ cho! Con là Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, không người giúp đỡ, tự mình làm lấy. Nay đến trong Tăng xin phép làm phòng. Mong Tăng chỉ cho con chỗ làm phòng".

Thầy phải xin ba lần như vậy. Rồi Tỳ-kheo làm yết-ma phải nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin cất phòng, không có người giúp đỡ, tự mình làm lấy, đã ở trước Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nếu Tăng thấy hợp thời, thì Tăng hãy chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp này! Đó là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, không có người giúp, tự mình làm lấy, đã ở trước Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nay Tăng vì Tỳ-kheo mỗ giáp chỉ chỗ làm phòng. Đại đức nào đồng ý thì im lặng, ai không đồng ý hãy nói.

Vì Tăng đã đồng ý chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp, nên tất cả đều im lặng. Vậy việc này hãy cứ như thế mà thi hành.

Nếu tất cả trong Tăng không có ai làm yết-ma, thì tất cả Tăng phải đi đến chỗ làm phòng, rồi một Tỳ-kheo xướng lên giữa Tăng:

Tất cả Tăng vì Tỳ-kheo mỗ giáp chỉ chỗ làm

phòng. (nói như thế ba lần).

Sứ giả của Tăng: Nếu chỗ làm phòng xa xôi, hoặc bị nước ngăn cách, hoặc lúc trời lạnh, lúc nóng bức, lúc mưa lớn, hoặc lúc tuyết rơi nhiều, hoặc trong Tăng có nhiều Tỳ-kheo già bệnh không đến đầy đủ được, thì khi vị Tỳ-kheo ấy xin Tăng chỉ chỗ làm phòng xong, Tăng phải sai một, hai, tối đa là ba Tỳ-kheo (đại diện cho Tăng). Vì không thể làm yết-ma cho tất cả chúng (từ bốn người trở lên). Rồi thầy yết-ma nên nói như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, mà không có người giúp, tự mình làm lấy, đã ở giữa Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nếu Tăng thấy hợp thời, thì Tăng sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Đó là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng mà không có người giúp, tự mình làm lấy, đã ở giữa Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nay Tăng hãy sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Các Đại đức nào bằng lòng sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp, thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói.

Vì Tăng im lặng như vậy chứng tỏ Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Việc này cứ như thế

mà thi hành.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sứ giả đến chỗ làm phòng quan sát. Nếu tại chỗ ấy có nhiều côn trùng và những cây nhiều hoa trái, thì không nên chấp nhận. Ngoại trừ sau khi quan sát mà không có những thứ đó thì như trên đã nói.

Một Tỳ-kheo xướng:

-Tăng đã xem chỗ làm phòng rồi. (Nói như thế ba lần)

Chỗ không nguy hiểm: Nơi ấy không có các giống côn trùng răn rít, không có cây cối nhiều hoa trái.

Chỗ không phương hại: Bốn bên mỗi bên phải dung chứa được một cái thang có mười hai nấc, và khoảng cách của mỗi nấc thang là một khuỷu tay. Cần phải sai người làm công dọn dẹp những cỏ tranh che phủ các lối đi lại xung quanh.

Nếu tại những chỗ nguy hiểm, có cây cối nhiều hoa trái, và chỗ có các loại trùng độc, răn rít, xung quanh không dung chứa được một cái thang mười hai nấc, không sai người dọn dẹp lối đi lại xung quanh bị cỏ tranh che khuất, mà Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không ai giúp, tự làm lấy, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, và làm quá mức quy định, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại những chỗ

nguy hiểm, chỗ có phương hại, cũng không dẫn các[1437] Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, hoặc làm dưới mức quy định, hoặc nhờ người khác làm, đến khi làm xong, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ hai Tỳ-kheo cho đến nhiều Tỳ-kheo cũng như thế.

Nếu một Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không ai giúp, tự làm lấy, lại làm tại chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, lại không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, hoặc tự làm đúng mức quy định, hoặc bảo người khác làm, đến khi làm xong, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ hai người trở lên đến nhiều người cũng đều như thế.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không có người giúp, tự mình làm lấy, làm nhằm chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, lại không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, làm quá mức quy định, hoặc bảo người khác làm. Khi phòng làm xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ hai Tỳ-kheo trở lên đến nhiều Tỳ-kheo cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng tại chỗ không được chỉ định, hoặc ngoài phạm vi Tăng chỉ định, hoặc chỗ dự kiến chỉ định từ năm trước, hoặc tại các cù lao không phải đất cát, không phải đất có đá cuội, không phải ở trên tảng đá, không phải chỗ đất bị

lửa đốt cháy; hoặc trong Tăng có một người không làm phòng, hoặc hai, ba người không làm phòng đều không nên chỉ chỗ. Nếu những người không làm phòng trong chúng số đông thì cho phép chỉ chỗ.

Nếu Tỳ-kheo muốn làm phòng vệ sinh mà phải dùng cái phòng đang ở để làm, thì không nên làm; hoặc phải dùng cái phòng đang chất củi để làm, thì không nên làm; hoặc phải dùng đến cái phòng ở trung tâm để làm, thì không nên làm; hoặc phải dùng cái phòng tắm để làm, thì không nên làm.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng riêng tại những nơi nguy hiểm, nơi có thể phương hại, chỗ không được Tăng chỉ định, làm quá mức cho phép, hoặc xây toàn bằng đất sét đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dùng gạch xây tường để làm phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi làm vừa xong cửa lớn, cửa sổ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc căn phòng được xây bằng gạch cho đến khi xây xong viên gạch cuối cùng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc được lợp bằng ngói, hoặc được lợp bằng cây, hoặc lợp bằng ván, hoặc lợp bằng xi măng, hoặc lợp bằng những viên đất sét, hoặc lợp bằng cỏ, cho đến khi lợp xong lọn cỏ cuối cùng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu làm phòng chưa xong, nửa chừng dừng lại,

thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu làm cho đến khi hoàn thành, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc trường hợp người làm phòng hay chủ phòng ở trước trong phòng, rồi sai người khác làm, cho đến lúc hoàn thành thì Tỳ-kheo làm phòng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc trường hợp chủ phòng ở trước trong phòng, rồi sau đó người khác làm hoàn thành, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng ở chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, không dẫn các Tỳ-kheo chỉ chỗ cần làm, làm quá mức quy định và Tỳ-kheo chủ phòng, không xả giới, không chết, không hiến cho Tăng, rồi có một Tỳ-kheo nào đó hoặc nhuộm bát, may y trong đó, hoặc tụng kinh, ngồi thiền, thì tất cả những người sử dụng đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Hai người, nhiều người làm phòng cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại, có dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, làm dưới mức quy định, hoặc bảo người khác làm, cho đến khi làm xong, thì Tỳ-kheo ấy không có tội.

Người sử dụng cũng không có tội. Hai người, nhiều người cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không có phương hại, có dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ làm phòng, và làm đúng mức

quy định, hoặc bảo người khác làm cho đến khi phòng hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy không có tội.

Người sử dụng cũng không có tội. Hoặc hai người, hoặc nhiều người cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo dẫn các Tỳ-kheo chỉ chỗ làm phòng, chỗ không ngoài ranh giới mà Tăng đã chỉ định, cũng không phải chỗ đã chỉ định từ năm trước, không phải các chỗ ở trong nước như: chỗ đất cát, chỗ đất có đá cuội, hoặc trên tảng đá, không phải chỗ đất bị lửa thiêu và những người không làm phòng trong chúng Tăng không phải là một người, hai người, ba người mà nhiều người thì cho phép làm. Hoặc giả dự định làm phòng ở, dự định làm phòng rửa ráy, dự định làm hội trường, dự định làm phòng tắm, thì cho phép làm. Hoặc giả Tỳ-kheo ấy làm cái phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại, làm không quá mức quy định, thầy cũng có dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ làm phòng, các Tỳ-kheo ấy hoặc giúp tô vách tường, hoặc trợ giúp thầy đúc gạch, chung quy tất cả những Tỳ-kheo trợ giúp này đều không có tội.

Nếu xây (gạch) một hàng, hai hàng cho đến khi đặt cửa lớn và cửa sổ, thì Tỳ-kheo ấy không có tội. Hoặc dùng gạch để lợp, cho đến khi lợp viên cuối cùng, thì Tỳ-kheo ấy không có tội. Hoặc lợp bằng ngói, lợp bằng cây, lợp bằng ván, lợp bằng cỏ, lợp bằng xi măng, lợp bằng những viên đất sét, khi lợp đến viên đất sét cuối cùng, cũng không có tội.

Nếu làm nửa chừng rồi dừng lại, thì Tỳ-kheo ấy cũng không có tội. Hoặc làm cho đến khi hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy cũng không có tội. Hoặc tạo phương tiện để cho người khác làm hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy không có tội. Hoặc tự làm, rồi sau đó người khác hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại, có dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, làm không quá mức quy định, rồi Tỳ-kheo này không xả giới, không chết, không hiến cho chúng Tăng, các Tỳ-kheo hoặc nhuộm bát, may y, tụng kinh, ngồi thiền ở trong đó, thì tất cả những người sử dụng này đều không có tội.

Nếu Tỳ-kheo làm các rạp tạm tại chỗ Phật đản sinh, chỗ Phật đắc đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ năm năm đại hội một lần, vì để cúng dường những chỗ tôn quý ấy mà làm rạp bằng tranh, rạp bằng lá cây, rạp bằng các thứ cờ màn trướng thì cho phép làm. Thế nên nói:

-Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không ai giúp, tự mình làm lấy, mà làm quá mức quy định, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới Tăng tàn thứ sáu)

GIỚI KHÔNG MỜI TĂNG CHỈ CHỖ LÀM THẤT

Khi Phật an trú tại nước Câu-xá-di, nói rộng

như trên. Bấy giờ, tại nước Câu-xá-di có năm trăm Tỳ-kheo mỗi người đều làm phòng riêng. Lúc ấy, Tỳ-kheo Xiển-đà không có người ủng hộ làm phòng, nhưng thầy có một thí chủ thân tín tên A-bạt-tra. Thế rồi, thầy khoác y thường dùng để đi vào xóm làng, tới gia đình ấy. Chủ nhân trông thấy thầy đến, liền cung kính đảnh lễ dưới chân, rồi cùng nhau vấn an. Đoạn, chủ nhân hỏi: "Thưa thầy, tôi nghe nói năm trăm Tỳ-kheo tại Câu-xá-di làm năm trăm căn phòng riêng, vậy có ai làm phòng giúp cho thầy không?".

Đáp: "Đúng như đạo hữu đã nghe, ai có thân chủ thì đều được phòng, riêng tôi đức hèn, phước mỏng, giống như chim kiêu trơ trụi, không có thân nhân, thì ai làm phòng cho?".

Chủ nhân liền nói: "Thưa thầy, thầy đừng hận, tôi sẽ làm cho thầy", bèn cúng dường năm trăm đồng và bạch: "Thưa thầy, thầy hãy đem về làm phòng".

Bấy giờ, Xiển Đà liền cầm tiền ra về, tìm chỗ thuận tiện, yên ổn để làm một cái phòng lớn. Thầy dùng năm trăm đồng để đổ nền và xây một ít tường vách, thì tiền vật hết sạch. Thầy lại đi đến nhà ấy. Chủ nhân bèn lễ dưới chân, cùng nhau an ủi, rồi nói: "Thưa thầy, làm phòng xong chưa?".

Đáp: "Mới đổ xong nền và làm được một ít tường vách thì tiền vật đều hết cả".

Lúc ấy, chủ nhân lại cúng thêm năm trăm đồng.

Xiển-đà mang số tiền ấy về xây xong tường vách và đặt xong các cửa lớn cửa sổ, thì tiền vật cũng lại hết sạch, nên thầy đi đến thân nhân một lần nữa.

Chủ nhân bèn lễ dưới chân rồi hỏi: "Thưa thầy, phòng làm xong rồi chăng?".

Đáp: "Tường vách, cửa lớn, cửa sổ làm xong, thì tiền vật cũng hết".

Bấy giờ, chủ nhân hết tin tưởng, bèn nói với Xiển-đà: "Thầy là

người xuất gia mà làm căn phòng lớn làm chi. Số tiền một ngàn đồng đủ để xây một căn lầu mà chỉ làm một căn phòng, vì sao không đủ? Tôn giả hãy trở về. Tôi không thể cho thêm nữa".

Khi ấy, Xiển-đà ưu sầu thầm nhủ: "Không biết dùng phương tiện gì để làm cho xong căn phòng đây". Thầy bèn nhớ đến rừng cây Tát-la liền tới đó định chặt cây đem về làm cho căn phòng hoàn thành.

Bấy giờ, có một con quỷ đang nương thân nơi cây ấy, nói với Xiển-đà: "Chớ có chặt cây này, nếu thầy chặt thì các đứa con trai, con gái bé thơ của tôi bị nắng mưa sương gió, không nơi nương tựa".

Xiển-đà liền nói: "Đồ quỷ chết tiệt, hãy xéo gấp, đừng ở đây nữa, ai mà muốn thấy mặt ngươi", rồi đốn lấy cây. Khi ấy, con quỷ này liền khóc rống

lên, rồi dắt các con đến chỗ Thế Tôn.

Phật thấy thế, tuy biết nhưng vẫn hỏi: "Vì sao mà ngươi khóc lóc?". Đáp: "Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà chặt cái cây trong rừng mà con nương trú đem về làm phòng. Bạch Thế Tôn! Các con trai, con gái thơ dại, bé bỏng của con phải phơi thân ngoài nắng mưa sương gió, biết nương vào chỗ nào đây?".

Bấy giờ, Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho con quỷ ấy nghe, chỉ dạy về những điều lợi ích vui vẻ, khiến mọi sầu khổ đều được đoạn trừ. Rồi Thế Tôn chỉ cho nó đến nương thân một rừng cây gần đó.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo gọi Xiển-đà đến. Họ liền đi gọi. Sau khi Xiển-đà đến, Phật bèn hỏi rõ các việc trên: "Có thật ông làm như thế chăng?". Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Này kẻ ngu si! Đó là việc ác. Ông không biết rằng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hễ an trú một đêm tại nơi nào thì người ta xem cây cối xung quanh nơi ấy như là những tháp miếu. Cho nên quỷ thần thích đến cư trú. Vì sao Tỳ-kheo lại ác khẩu mắng họ? Xiển-đà! Hành vi đó là phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện".

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Xiển-đà này khéo dùng phương tiện kinh

doanh khiến cho chủ nhân ấy cúng một ngàn đồng tiền cũ?”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Đó chẳng phải là phương tiện khéo léo. Nếu là phương tiện khéo léo thì chỉ năm trăm đồng đã làm xong căn phòng, đâu phải dùng đến cả một ngàn đồng”.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

“Đúng như Thế Tôn nói! Xét kỹ thì Tỳ-kheo Xiển-đà này không có phương tiện tốt”.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Không phải ngày nay mới biết ông Tỳ-kheo này không có phương tiện tốt mà trong thời quá khứ cũng đã biết Tỳ-kheo Xiển-đà không có phương tiện tốt”.

Rồi Phật tiếp: “Trong thời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại, nước tên Già Thi. Bấy giờ, vị quốc vương dùng luật pháp cai trị muôn dân, khiến cho dân chúng an lạc không bị tai ương. Quốc vương không có con, rồi hoàng hậu bỗng nhiên mang thai, đủ mười tháng liền sinh được một bé trai, nhưng không có mắt và mũi. Sinh con được bảy ngày, nhà Vua liền mở đại hội triệu tập quần thần, thầy tướng và đạo sĩ đến để đặt tên cho con. Theo phong tục của vương quốc lúc ấy, người ta thường dựa vào phước tướng, vào tinh tú, hoặc vào cha mẹ để đặt tên cho con. Thế nên Bà-la-môn bèn hỏi mọi người: “Thân thể của vương tử có những dị tướng gì?”.

Một người ngồi bên cạnh đáp: "Ngày nay, vương tử này mặt mày phương phi, đoan chánh nhưng không có mắt và mũi".

Bà-la-môn liền nói: "Thế thì nên đặt tên cho vương tử là Kính-diện, và giao cho bốn bà vú trông nom nuôi dưỡng: Một bà lo việc xoa bóp, tắm rửa, một bà lo việc vệ sinh; một bà lo việc bồng bế và một bà lo việc bú mớm.

Thế rồi, bốn bà vú này ngày đêm cung cấp và hầu hạ khiến vương tử như đóa hoa sen mỗi ngày mỗi tăng trưởng.

Đến lúc vương tử khôn lớn, thì Vua cha mệnh chung, triều đình bèn tôn Kính-diện lên kế vị ngôi Vua. Vị thái tử này vốn đã gieo trồng phước đức từ đời trước, nên tuy sinh ra không có mắt mà lại có thiên nhãn. Do đó mà có thể làm Vua đủ phước đức và uy lực lớn.

Dân chúng trong nước nghe thái tử Kính-diện làm Vua không ai là không lấy làm kỳ quái. Bấy giờ, có một Đại thần muốn thử nhà Vua mà chưa gặp cơ hội, thì gặp lúc Vua xuất du, đồng thời ra lệnh quần thần làm lại cung điện mới, cho điêu khắc chạm trổ và vẽ vời nhiều cảnh trí.

Đại thần suy nghĩ: "Bấy lâu nay ta muốn thử nhà Vua, hôm nay mới gặp được cơ hội". Ông bèn dùng một con khỉ cho mặc y phục, rồi làm những dụng cụ tinh xảo (của thợ mộc), bỏ vào trong túi

da, buộc vào vai nó, đoạn đem đến trước Vua, nói:

-Tâu Đại vương, Đại vương ra lệnh lập cung điện, nay thợ khéo đã đến, xin Đại vương hãy chỉ bảo về phương pháp xây cất cung điện.

Vua thầm nhủ: "Ông ấy muốn thử ta", liền đọc kệ:

"Xem loài chúng sinh này,
Mặt nhăn nhó dáo dác.
Tánh khinh tháo nhảy nhót,
Việc thành, hắn liền phá.
Bản chất vốn như thế,
Làm sao xây cung điện?
Tàn phá cây hoa trái
Không thể gần gũi người.
Huống gì tạo cung điện.
Thả về rừng hoang thôi".

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Quốc vương Kính-diện thuở ấy, nay chính là Ta đây, và con khỉ thuở ấy, nay là Tỳ-kheo Xiển-đà. Vào thời ấy ta sinh ra không có hai mắt mà còn biết được ông ta không làm được việc, huống gì ngày nay".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Câu-xá-di phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới như sau:

-Nếu Tỳ-kheo làm phòng ốc lớn, có thân chủ giúp đỡ làm cho mình, phải dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, và làm tại chỗ không nguy hiểm,

không phương hại. Trái lại, nếu Tỳ-kheo có thân chủ làm phòng cho mình, lại làm nhằm chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Lớn: Quá mức quy định.

Phòng: Phòng ở mà Phật cho phép.

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm. Có chủ: (Trước đã giải thích).

Vì mình: Vì bản thân mình, không phải vì chúng Tăng.

Dẫn các Tỳ-kheo chỉ chỗ để làm: Nghĩa là dẫn cả chúng Tăng, hoặc là dẫn sứ giả của Tăng, như đã nói trong trường hợp phòng nhỏ ở trên.

Chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại: Cũng như đã nói ở trên.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng tại các nơi nguy hiểm, nơi có phương hại, và không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm phòng thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu một Tỳ-kheo làm phòng lớn tại chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, cho đến khi phòng hoàn thành, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ hai người trở lên đến nhiều người cũng như thế. Trừ

trường hợp làm quá mức quy định, các vấn đề có tội, không có tội cũng giống như trường hợp phòng nhỏ đã nói ở trên.

Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo làm phòng ốc lớn, có thân nhân giúp làm cho mình mà không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới Tăng tàn thứ bảy).

GIỚI VÌ TỨC GIẬN MÀ VU KHỐNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ như trên đã nói. Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo tên Đà-phiêu-ma-la-tử được chúng Tăng đề cử coi sóc chín việc sau đây:

Coi sóc theo thứ tự mà trao giường ghế.

Theo thứ tự mà sai thỉnh đi dự hội.

Theo thứ tự mà chia phòng ốc.

Theo thứ tự mà chia y vật.

Theo thứ tự mà chia hương hoa.

Theo thứ tự mà chia dưa trái.

Theo thứ tự mà phân công người nấu nước.

Theo thứ tự mà chia các quà bánh lặt vặt.

Biết tùy nghi mà cử người làm được việc. Đó gọi là Tăng đề cử coi sóc chín việc.

Khi giao giường ghế cho ai thì Trưởng lão dùng ngón tay út bên phải khều tim đèn cho sáng để thấy rõ các dụng cụ, rồi mới giao cho. Đoạn, thầy sắp

xếp:

Người ưa yên tĩnh thì cho ở chung với người ưa yên tĩnh.

Người khất thực cho ở với người khất thực.

Người mặc y phấn tảo cho ở với người mặc y phấn tảo.

Người ăn một lần cho ở với người ăn một lần.

Người thường ngồi cho ở với người thường ngồi.

Người ưa ngồi chỗ trống cho ở với người ưa ngồi chỗ trống.

Người ngồi nệm cỏ cho ở với người ngồi nệm cỏ.

Người tụng kinh cho ở với người tụng kinh.

Pháp sư cho ở với pháp sư.

Người học luật cho ở với người học luật.

Tu-đà-hoàn cho ở với Tu-đà-hoàn.

Tư-đà-hàm cho ở với Tư-đà-hàm.

A-na-hàm cho ở với A-na-hàm.

A-la-hán cho ở với A-la-hán.

Những vị được ba minh cho ở với những vị được ba minh.

Những vị được sáu thông cho ở với những vị được sáu thông.

Những vị không có oai nghi cho ở với những vị không có oai nghi.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ-địa và nhóm sáu Tỳ-kheo[1451] (Lục quần Tỳ-kheo) đến đòi phòng ở. Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử đáp:

Chờ một tí, đợi các thầy ngồi ổn định, rồi tôi sẽ tuần tự giao phòng cho các thầy.

Đến khi họ ngồi xong, Đà-phiêu bèn theo thứ lớp giao phòng cho họ. Khi nhận được phòng, nhóm sáu Tỳ-kheo thấy các vật dụng trong phòng như giường nằm, ghế ngồi, mền gối đều cũ kỹ, mục nát và căn phòng ăn riêng cũng xấu xí bèn cùng nhau bàn tính:

Hình như Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử có tư thù với chúng ta, nên cho chúng ta căn phòng tồi tàn và thức ăn thô xấu. Nếu Trưởng lão này còn sống đời phạm hạnh lâu dài, thì chúng ta sẽ phải chịu nhiều đau khổ. Nay chúng ta hãy vu cáo ông ta phạm tội Ba-la-di.

Đoạn, họ nói với Đà-phiêu: "Trưởng lão! Ông phạm tội Ba-la-di.

Chúng tôi sẽ vạch tội ông".

Đáp: "Tôi không phạm tội ấy".

Họ bèn nói: "Có ai ăn trộm mà tự xưng mình ăn trộm bao giờ!

Nhưng nay ông đã phạm tội Ba-la-di".

Thế rồi, họ đến chỗ đông người vu khống, lại đến giữa chúng Tăng vu khống Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử phạm tội Ba-la-di.

Đà-phiêu-ma-la-tử bèn đi đến bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Từ-địa đã vu khống con phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ".

Phật hỏi: "Ông có việc ấy không?". Đáp: "Không có, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Này Tỳ-kheo, Như Lai biết ông thanh tịnh, nhưng người khác vu khống ông, vậy phải làm sao đây?".

Đà-phiêu nói: "Tuy Thế Tôn biết con thanh tịnh, không có tội, nhưng xin Thế Tôn hãy nói với ông ta khiến ông ta sinh khởi lòng tin, để khỏi chuốc lấy sự bất hạnh lâu dài".

Phật liền bảo: "Hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây". Thầy liền đi gọi đến.

Đoạn, Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật các ông vu khống Tỳ-kheo Đà-phiêu-ma-la-tử phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ không?"

Đáp: "Thật như vậy, bạch Thế Tôn". Phật hỏi: "Vì sao thế?".

Đáp: "Vì Trưởng lão ấy giao cho chúng con căn phòng cũ kỹ đổ nát v.v... cho đến: Nếu Trưởng lão ấy còn sống đời phạm hạnh lâu dài, thì chúng ta còn phải chịu nhiều đau khổ. Do thế, chúng con vu khống ông ta phạm tội Ba-la-di".

Phật liền khiển trách nhóm Tỳ-kheo sáu người:

Đó là việc ác. Há Ta không thường bảo phải cung kính và thể hiện sự từ ái của thân, khẩu, ý đối

với các bậc phạm hạnh hay sao? Nay vì sao các ông lại vu khống một Tỳ-kheo sống phạm hạnh vô tội, rằng ông ta phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ như thế? Đó là phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo vì sân hận, không vui, mà vu khống một Tỳ-kheo

vô tội thanh tịnh rằng phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ, chỉ vì muốn phá rối Tỳ-kheo phạm hạnh ấy, sau đó hoặc có người tra xét lại, hoặc không ai tra xét, mà tự nói: "Việc đó không có căn cứ, vì tôi tức giận nên nói như thế", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Sân: Chín sự não loạn hoặc giận dữ vô cớ và điều thứ mười là hận.

Hận nghĩa là phàm phu và người còn đang học cảm thấy không vui, cho đến đối với A-la-hán.

Không có căn cứ: Sự việc ấy hoàn toàn không xuất hiện, cũng không thấy việc của người ấy, không nghe việc của người ấy, không nghi việc của người ấy.

Ba-la-di: Mỗi mỗi điều trong bốn Ba-la-di.

Vu khống: Việc không có mà dựng đứng lên nói là có. Đó gọi là vu khống.

Muốn phá sự thanh tịnh của người ấy: Muốn làm cho họ không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là con dòng họ Thích. Hoặc muốn họ làm Sa-di, làm người thế tục, làm kẻ giữ vườn, làm ngoại đạo...

Sau đó hoặc có người tra xét, hoặc không ai tra xét.

Tra xét: Như hỏi: "Ông thấy việc gì? Việc dâm dục chăng? Lấy trên năm tiền chăng? Cố giết người chăng? Không có thật mà tự xưng được pháp hơn người phải không? Vì sao mà thấy? Nhân lý do gì mà thấy? Thấy ở đâu?". Đó gọi là tra xét. Trái lại, nếu không hỏi như thế, thì gọi là không tra xét.

Nếu việc ấy không có căn cứ mà chỉ vì sân hận nên nói như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vì sân hận mà vu khống hai người tương tự: Người bất tịnh và người thanh tịnh. Rồi người thanh tịnh hỏi:

Thầy thấy tôi phạm tội gì? Trong bốn việc (bốn tội Ba-la-di), phạm tội thứ nhất hay thứ hai? Trong mười ba việc (mười ba tội Tăng-già-bà-thi-sa) phạm tội thứ nhất hay thứ hai?

Hoặc không thấy, không nghe, không nghi, không quyết định mà đem ra vu khống người ta tại

chỗ vắng hoặc giữa nhiều người, hoặc giữa chúng[1455] Tăng:

Tôi thấy thầy ấy phạm tội Ba-la-di. Tôi nghe thầy ấy phạm tội Ba-la-di. Tôi nghi thầy ấy phạm tội Ba-la-di. Nhưng thấy không thật thấy, căn bản không thật; Nghe không thật nghe, căn bản không thật;

Nghi không thật nghi, căn bản không thật. Sự thấy đó là sai lầm, nghe sai lầm, nghi sai lầm, không phải thấy như vậy, không phải nghe như vậy, không phải nghi như vậy, thế mà hai người đối diện, bốn mắt nhìn nhau, vu khống trực tiếp, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vu khống Tỳ-kheo khác phạm các điều trong bốn tội Ba-la-di, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vu khống Tỳ-kheo khác phạm các điều trong mười ba tội Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vu khống Tỳ-kheo khác phạm các tội trong Ba-dạ-đề, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vu khống về các tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng học pháp và tội Việt-tỳ-ni, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu vu khống Tỳ-kheo-ni phạm các tội trong tám Ba-la-di, trong mười chín Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vu khống Tỳ-kheo-ni phạm các tội thuộc trong ba mươi Ni-tát-kỳ, trong một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vu khống Tỳ-kheo-ni phạm các tội trong tám giới Ba-la-đề-đề-xá-ni, trong chúng học pháp và oai nghi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu vu khống học giới ni phạm các tội trong mười tám pháp, rồi nói: "Phải cho học giới trở lại". thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu vu khống Sa-di, Sa-di ni phạm các tội trong mười giới, rồi nói: "Phải cho xuất gia trở lại", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau cùng đến những người thế tục, nếu Tỳ-kheo vu khống họ phạm các tội trong năm giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Thế nên nói:

-Nếu Tỳ-kheo vì sân hận, không vui... cho đến nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới Tăng tàn thứ tám)

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 7

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 2: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

GIỚI XUYÊN TẠC ĐỂ HỦY BÁNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, như trên đã nói. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử được chúng Tăng đề cử trông coi chín việc mà trên đã đề cập. Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo nhận phòng xấu, thức ăn kém, nên tâm thường sầu khổ, bèn suy nghĩ: "Nếu Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử mà còn sống phạm hạnh lâu dài thì chúng ta còn chịu khổ não. Nhưng Thế Tôn đã chế giới không cho phép vu khống người khác phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ. Nay ta phải tìm chứng cứ của tội lỗi". Nghĩ như thế rồi, họ bèn theo sát Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử, trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, đều theo sát hai bên. Hằng tháng vào các ngày mồng tám, mười bốn và mười lăm các Tỳ-kheo-ni đến lễ Phật, khi ấy, Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử đang ngồi

đối diện cách Phật không xa, nên các Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ chân Phật rồi, bèn đến đảnh lễ Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo-ni trong khi đảnh lễ bị gió thổi làm tung góc y của cô vướng trên đầu gối của Tôn giả, Tôn giả liền dùng tay dỡ lên.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo bèn nói: "Trưởng lão Đà-phiêu, ông phạm tội Ba-la-di".

Đà-phiêu nói: "Tôi không có việc ấy".

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại nói: "Việc ấy tôi đã thấy, còn nghi ngờ gì nữa, có ai ăn trộm mà lại nói mình là kẻ ăn trộm bao giờ".

Rồi họ đem việc ấy nói tại chỗ vắng, chỗ nhiều người và chỗ chúng Tăng. Bấy giờ, Đà-phiêu bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Thầy liền đi gọi đến.

Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật các ông vu khống Đà-phiêu-ma-la-tử phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ chăng?"

Đáp: "Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Có chứng cứ thật".

Phật nói: "Có chứng cứ gì?". Nhóm sáu Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Gặp ngày trai kỳ, các Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ Thế Tôn rồi họ sang đảnh lễ Đà-phiêu. Khi ấy, gió thổi làm tung chéo y của Tỳ-kheo-ni lên đầu gối của Đà-phiêu.

Đà-phiêu bèn dùng tay nắm y của cô ấy, đó[1459] là chứng cứ".

Phật nói: "Này kẻ ngu si, đó chẳng phải là bằng chứng phạm tội Ba-la-di. Đó chỉ là một việc nhỏ thuộc phạm vi khác". Thế rồi, Phật khiển trách nhóm sáu Tỳ-kheo: "Các ông không từng nghe Ta dùng nhiều nhân duyên ca ngợi việc đem thân, khẩu, ý, từ ái, kính trọng những người tu phạm hạnh hay sao? Nay vì sao đối với một Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội, mà các ông lại muốn phá sự thanh tịnh của họ, rồi đem một việc nhỏ thuộc phạm vi khác chẳng phải Ba-la-di của Tỳ-kheo mà vu cáo họ phạm tội Ba-la-di? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo vì sân hận, không vui, đem một việc nhỏ thuộc phạm vi khác chẳng phải Ba-la-di của Tỳ-kheo mà vu cáo họ phạm tội Ba-la-di để phá hoại sự phạm hạnh của họ; rồi sau đó, hoặc bị tra hỏi, hoặc không ai tra hỏi mà tự nói: "Chỉ vì sân hận nên tôi đem một việc thuộc phạm vi khác mà vu cáo", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Tỳ-kheo sân hận không vui: Như trên đã nói.

Thuộc phạm vi khác: Trừ bốn Ba-la-di, từ mười ba giới Tăng-già-bà-thi-sa trở đi là thuộc phạm vi khác.

Những việc nhỏ: Chúng học pháp và các oai nghi.

Chẳng phải Ba-la-di của Tỳ-kheo mà vu khống là phạm Ba-la-di: Việc đó không thuộc Ba-la-di, mà vu khống rằng phạm các giới trong bốn Ba-la-di.

Muốn phá phạm hạnh của người ấy: Muốn làm cho người ấy không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là con dòng họ Thích. Muốn họ làm Sa-di, làm người thế tục, làm người giữ vườn, làm kẻ ngoại đạo.

-Sau đó, hoặc bị tra hỏi, hoặc không bị tra hỏi.

Tra hỏi: Như hỏi: "Ông thấy việc gì? Việc dâm chăng? Việc trộm cắp chăng? Cố ý giết người chăng? Không thật được pháp thượng nhân mà tự xưng được pháp thượng nhân chăng? Thấy tại chỗ nào?". Đó gọi là tra hỏi. Nếu không hỏi như vậy thì gọi là không tra hỏi.

Nếu vì sân hận đối với một Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội mà đem một việc nhỏ thuộc phạm vi khác vu khống họ phạm tội Ba-la-di, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Phần còn lại như trên đã nói rõ) Thế nên nói:

-Nếu Tỳ-kheo vì sân hận không vui mà đem một việc thuộc phạm vi khác, cho đến "vì sân hận mà nói", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới Tăng tàn thứ chín)

GIỚI PHÁ TĂNG HÒA HỢP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng đoàn, cho nên tìm đủ mọi cách để phá hoại việc của Tăng.

Đối với mười hai bài tựa của giới kinh, bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, hai Bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai Ba-dạ-đề, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Chúng học pháp, bảy Pháp diệt tránh, pháp Tùy thuận v.v...

Những gì Phật không chế thì ông chế thêm, những gì Phật chế thì ông mở ra. Cho đến, những pháp mà người tại gia, xuất gia cùng thực hành như chín bộ kinh:

Tu Đa La.

Kỳ Dạ.

Thọ Ký.

Già Đà.

Ưu Đà Na.

Như Thị Ngữ Kinh.

Bản Sanh Kinh.

Phương Quảng.

Vị Tằng Hữu Pháp.

Đối với chín bộ kinh này, ông liền tạo ra những câu khác, những chữ khác, những ý nghĩa khác. Mỗi thứ đều có những lời văn khác để tụng đọc, cũng như dạy người khác tụng đọc. Khi ấy, các Tỳ-kheo nói với Đề-bà-đạt-đa: "Ông chớ tìm cách phá sự hòa hợp của Tăng đoàn, chớ có kiên trì tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng, cố ý tranh cãi. Trưởng lão nên hòa mình với Tăng. Vì sao vậy? Vì Tăng hòa hợp vui vẻ, không tranh cãi, cùng học một giáo lý, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng, để cùng sống an lạc".

Sau khi khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không chấm dứt, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng đều không đình chỉ, cho nên các Tỳ-kheo đem nhân duyên ấy bạch lên Phật: "Bạch Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, nên đã kiên trì tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng. Từ bài tựa của giới cho đến chín bộ kinh, ông đều đặt ra những chữ khác, ý nghĩa khác, mỗi thứ đều chế ra những thứ văn từ khác, rồi tự mình tụng đọc và dạy người khác tụng đọc. Thế nhưng, các Tỳ-kheo khuyên can lần thứ nhất không chấm dứt, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng không chấm dứt".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nếu ông Đề-bà-đạt-đa ngu si này vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, nên đã kiên trì tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng sự, cho đến đối với chín bộ kinh làm ra những câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác và mỗi thứ đều dùng những văn từ khác, mà khuyên can đến lần thứ ba vẫn không chấm dứt, thì các ông nên đến đó khuyên can ông ở chỗ vắng ba lần, rồi khuyên can ở chỗ đông người ba lần, sau đó khuyên can giữa chúng Tăng ba lần, khiến cho ông ta bỏ việc ấy".

Khi Tỳ-kheo khuyên can ở chỗ vắng, thì nên nói như thế này: "Ông Đề-bà-đạt-đa kia, có thật ông muốn phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì phá Tăng sự, đối với chín bộ kinh tạo ra câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, văn từ khác, rồi tự mình tụng đọc và đem dạy người khác chăng?".

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên nói với Đề-bà-đạt-đa: "Ông chớ có phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự. Trưởng lão Đề-bà-đạt-đa! Phá sự hòa hợp của Tăng là tội ác rất nặng, phải đọa vào đường ác, rơi trong địa ngục, phải chịu tội đến một kiếp. Đề-bà-đạt-đa, nay tôi vì lòng từ muốn ông được lợi ích, vậy phải nghe lời tôi. Một lần khuyên can đã qua, còn hai lần khuyên can nữa, vậy ông có bỏ việc ấy không?".

Nếu trường hợp không bỏ, thì phải khuyên can

đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Lại khuyên can ở chỗ đông người, cũng như vậy, nếu vẫn không chấm dứt, thì phải đưa đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính (Xin trình bày).

Bấy giờ, người làm Yết-ma nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Ông Đề-bà-đạt-đa vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự. Đối với mười hai bài tựa của giới cũng như chín bộ kinh, ông làm ra những câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, văn từ khác rồi tự tụng đọc và dạy người khác. Các Tỳ-kheo đã khuyên can tại chỗ vắng ba lần, tại chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, nay ở giữa Tăng nên khuyên can ba lần nữa khiến ông chấm dứt".

Bấy giờ, Tăng nên hỏi Đề-bà-đạt-đa: "Có thật ông đối với mười hai bài tựa của giới, cũng như chín bộ kinh, làm ra những câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, văn từ khác, rồi tự tụng đọc dạy người tụng đọc chăng? Thế rồi các Tỳ-kheo đã khuyên can ba lần tại chỗ vắng, khuyên can ba lần tại chỗ nhiều người mà vẫn không chấm dứt chăng?"

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì khuyên can giữa Tăng: "Này ông Đề-bà-đạt-đa, đừng vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, rồi đối với chín bộ kinh, tạo ra câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, và văn từ

khác. Ông đừng phá sự hòa hợp của Tăng, vì phá sự hòa hợp của Tăng là một tội ác lớn, là tội nặng, phải đọa vào đường ác, rơi trong địa ngục, phải chịu tội khổ đến một kiếp. Ngày nay chúng Tăng vì lòng từ khuyên can, muốn ông được lợi ích. Vậy hãy vâng lời chúng Tăng. Một lần khuyên can đã qua, còn hai lần nữa, vậy ông bỏ việc ấy đi".

Thế nhưng, ông ta không bỏ, rồi tiếp tục khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ. Cuối cùng, các Tỳ-kheo phải đem việc ấy bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Chúng Tăng đã khuyên can ông Đề-bà-đạt-đa tại chỗ vắng ba lần, tại chỗ đông người ba lần, giữa chúng Tăng ba lần, mà vẫn không bỏ việc ấy".

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Đề-bà-đạt-đa này là kẻ ngu si, phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự và đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ đông người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy, thì Tăng nên làm pháp Yết-ma cử tội (vạch tội)".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Đề-bà-đạt-đa này không chịu nghe lời các Tỳ-kheo khuyên can mà tự chuốc lấy khổ não?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay ông không nghe lời người khác, phải tự chuốc khổ não mà trong thời quá khứ cũng đã từng có

như vậy".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?". Phật đáp: "Đúng như vậy! Trong thời quá khứ, tại thành Ba-la-nại, nước Già Thi có một người Bà-la-môn đào một cái giếng tại nơi hoang vắng để làm phước thiện; nhằm giúp những kẻ mục đồng, những người đốn củi và khách bộ hành tới đó uống nước và tắm rửa. Bấy giờ, sắp đến lúc hoàng hôn, có bầy dã can đến đó uống nước dưới giếng, chỉ có con dã can chúa không chịu uống nước dưới giếng mà đút đầu vào trong lu để uống nước. Uống xong, nó bèn mang cả cái lu giơ cao đầu lên đập vỡ chiếc lu. Nhưng miệng lu vẫn còn vướng vào cổ nó, đàn dã can bèn nói với dã can chúa: "Nếu một chiếc lá cây ướt mà còn dùng được, người ta vẫn gìn giữ nó, huống gì cái lu này rất có ích cho người đi đường".

Dã can chúa nói: "Ta làm việc này vì cảm thấy trong lòng thích thú, đâu cần gì biết đến việc khác".

Bấy giờ, những người đi đường bèn nói với Bà-la-môn: "Cái lu của ông để trên giếng đã bị vỡ rồi. Vậy ông hãy đặt lại cái lu khác ở chỗ cũ".

Dã can phá như vậy chẳng phải một cái lu mà đến mười bốn cái, mặc dù đàn dã can vẫn thường khuyên can, nhưng dã can chúa vẫn không nghe lời. Thế rồi, Bà-la-môn bèn suy nghĩ: "Ta đào giếng làm việc phước thiện nhưng không biết ai đã

gây ra chướng ngại nhỉ? Nay ta phải đến xem”.[1467]

Khi đến nơi, ông ta thấy rõ sự việc, bèn đem cái lu khác đặt lại trên giếng như trước, rồi núp tại một chỗ khuất theo dõi, thì thấy các người bộ hành uống nước liền đi, không ai phá lu cả. Đến lúc mặt trời về chiều, ông bèn thấy bầy dã can đến uống nước dưới giếng, chỉ có con dã can chúa là uống nước trong lu, rồi đập vỡ lu. Thấy thế, ông bèn nghĩ: “Chính con dã can này gây ra tai họa đối với việc đào giếng làm phước của ta”.

Rồi ông làm một cái thùng bằng gỗ kiên cố khó mà phá vỡ, hễ đút đầu vào thì dễ mà rút ra thì khó, đem đặt bên giếng, bèn cầm gậy núp ở chỗ khuất mà rình. Ông thấy những bộ hành uống nước xong rồi đi. Vào lúc xế chiều, bầy dã can lại tụ về uống nước giếng như lần trước. Chỉ có dã can chúa là uống nước trong thùng, uống xong liền đập thùng xuống đất, nhưng không phá được. Khi ấy, ông Bà-la-môn bèn cầm gậy chạy tới đập chết dã can. Thấy thế, từ trên không trung một vị trời bèn đọc kệ:

“Bạn tâm từ khuyên can
Ương ngạnh không nghe lời
Kẻ ngu chuốc tai họa
Tự hại tính mạng mình
Thế nên dã can ngu
Gặp nỗi khổ thùng gỗ”.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Dã can chúa thuở ấy, ngày nay chính là Đề-bà-đạt-đa; còn bầy

dã can khi ấy, ngày nay là các Tỳ-kheo khuyên can Đề-bà-đạt-đa. Các Tỳ-kheo nên biết, trong thời quá khứ, ông ta đã không chịu nghe lời khuyên ân cần của các bạn bè đến nỗi tự hại tính mạng; ngày nay cũng lại không chịu nghe lời khuyên can của các Tỳ-kheo, nên sẽ rơi vào nẻo ác, chịu khổ lâu dài".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo phá sự hòa hợp của Tăng, bèn kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, tranh chấp với người khác. Rồi các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão, chớ phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, tranh chấp với người khác. Trưởng lão hãy hòa mình với chúng Tăng. Vì sao phải thế? Vì Tăng phải hòa hợp, vui vẻ, không tranh chấp, cùng học một giáo pháp, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng để cùng sống an lạc. Trưởng lão hãy bỏ động cơ phá Tăng ấy đi".

Khi các Tỳ-kheo đã khuyên can Tỳ-kheo ấy như vậy, mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

Giải thích:

Tăng hòa hợp: Không biệt chúng. Các Tỳ-kheo tuy có tranh cãi, nhưng vẫn nói chuyện với nhau, lại cùng ở trong một ranh giới, trong một chúng, một trú xứ, cùng Bố-tát, tự tứ, đó gọi là Tăng hòa hợp.

Thế thì, đến chừng mực nào mới gọi là phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự? Đó là:

Nếu Tỳ-kheo đối với mười hai việc trong bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, pháp Chúng Học, bảy pháp Diệt Tránh, pháp Tùy thuận v.v... Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế liền khuếch đại, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với các tội thuộc năm chúng, Phật không chế mà lại chế ra, Phật đã chế rồi đem khuếch đại, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với các tội thuộc bốn chúng, Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế mà khai mở, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với các tội của ba chúng, các tội của hai chúng, các tội của một chúng như bốn Ba-la-di, Phật không chế mà lại chế ra, Phật đã chế mà khai mở, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với sáu pháp "Tác xả" như:

Yết-ma hàng phục.

Yết-ma không nói.

Yết-ma phát hỷ.

Yết-ma Tẫn Xuất.

Yết-ma cử tội.

Yết-ma biệt trú.

Trong sáu pháp Yết-ma tác xả này, những gì Phật không chế mà chế, những gì Phật đã chế bèn khai mở. Đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Tỳ-kheo phá sự hòa hợp của Tăng: Như trường hợp Đề-bà-đạt-đa.

Các Tỳ-kheo: Hoặc một người, hoặc hai người, hoặc nhiều người,

hoặc chúng Tăng.

Ba lần khuyên can: Ba lần khuyên can ở chỗ vắng, ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người và ba lần khuyên can ở giữa chúng Tăng.

Ba lần khuyên can ở chỗ vắng: Chẳng hạn hỏi: "Trưởng lão! Ông có thật phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, cho đến đối với mười hai đoạn trong bài tựa giới kinh Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế mà khai mở chăng?". Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì vị Tỳ-kheo ấy bèn khuyên can: "Trưởng lão, ông chớ có phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, đối với mười hai đoạn trong bài tựa

giới kinh Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế liền khai mở; phá Tăng là một tội lớn, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục, chịu đau khổ lâu dài. Nay tôi có lòng từ khuyên can ông vì muốn được lợi ích. Ông hãy nghe lời tôi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần nữa, ông có bỏ việc đó chăng?". Nếu không bỏ thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như thế. Rồi lại khuyên can ở chỗ nhiều người Ba lần cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ thì đem đến giữa chúng Tăng làm phép Yết-ma cầu Thính như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp này vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay ở giữa Tăng hãy khuyên can ba lần để cho ông chấm dứt".

Thế rồi, Tăng lại hỏi: "Trưởng lão, ông có thật vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự cho đến những gì Phật không chế, ông liền chế, những gì Phật đã chế, bèn khai mở chăng?".

Nếu đáp: "Đúng như thế", thì nên khuyên can: "Trưởng lão, nay chúng Tăng khuyên ông, đừng vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, cho đến những gì Phật không chế, bèn chế; những gì Phật đã chế, bèn khai

mở; phá Tăng là việc đại ác, tội lỗi rất nặng, phải chịu khổ đau lâu dài trong đường ác. Ngày nay chúng Tăng có lòng từ quở trách ông, ông hãy đình chỉ ngay việc đó". Nếu không bỏ thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Khi khuyên can như vậy, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Khi vị Tỳ-kheo ấy được khuyên can ở chỗ vắng một lần mà không bỏ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người, một lần mà không chấm dứt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Nhưng khi đến giữa Tăng khuyên can lần thứ nhất, nói chưa xong, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khuyên can lần thứ hai, nói chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khuyên can lần thứ ba, nói chưa xong, thì phạm tội Thâu-lan-giá; nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa phát khởi từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, khuyên can ở chỗ nhiều người và khuyên can giữa chúng Tăng. Tất cả các tội Việt-tỳ-ni, các tội Thâu-lan-giá gộp lại thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ, thì tùy theo chỗ đình chỉ để trị tội. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo vì muốn phá sự hòa hợp của

Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, cho đến ba lần khuyên can (ở giữa chúng Tăng) mà không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

(Hết giới Tăng tàn thứ mười)

GIỚI ĐỒNG LÕA VỚI NGƯỜI PHÁ TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo tác pháp Yết-ma cử tội Đề-bà-đạt-đa. Lần Yết-ma đầu tiên xong, không có ai ngăn cản, đến lần Yết-ma thứ hai chấm dứt, cũng không có ai ngăn cản. Nhưng đến lần Yết-ma thứ ba, thì Đề-bà-đạt-đa nhìn vào mặt nhóm sáu Tỳ-kheo, nói như sau: "Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Các ông từ lâu phụng sự ta, cùng cộng tác với ta, nay chúng Tăng làm Yết-ma vạch tội ta đến lần thứ hai mà sao các ông vẫn im lặng? Ngày nay, các ông đem ta bỏ vào giữa đám đông giống như dùng sữa chua phết lên bún, rồi đem cho quạ, hoặc như dùng váng sữa bôi lên bánh, rồi đem cho Na-câu-la, hoặc như dùng dầu trộn với cơm, rồi đem cho dã can. Người tu phạm hạnh trông thấy kẻ khác bị khốn đốn mà lại ngồi xem sao?". Lập tức nhóm sáu Tỳ-kheo liền đứng dậy nói với (người làm Yết-ma): "Như vậy, như vậy đó Trưởng lão. Vị Tỳ-kheo ấy nói đúng như pháp, nói đúng như luật. Điều gì Tỳ-kheo ấy nói thì chúng tôi đều chấp

nhận cả, những ý kiến của Tỳ-kheo ấy chúng tôi cũng đều công nhận. Vị Tỳ-kheo ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói". Vì lúc ấy có nhiều người ngăn cản, nên Yết-ma không thành. Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn nói với nhóm Tỳ-kheo sáu người: "Các Trưởng lão chớ trợ giúp Đề-bà-đạt-đa phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý, mà nên cộng tác với Tăng. Vì tất cả Tăng cần phải hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng, để được sống an lạc". Khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không từ bỏ; họ bèn khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, vẫn ngoan cố không từ bỏ. Thế nên, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nhóm sáu Tỳ-kheo này cùng với Đề-bà-đạt-đa ngu si muốn phá hoại sự hòa hợp của Tăng, nên a dua, đồng ý với nhau, Tăng đã một lần, hai lần, ba lần khuyên can vẫn không từ bỏ. Vậy các ông hãy đi tới chỗ vắng khuyên can ba lần, rồi tới giữa chỗ đông người khuyên can ba lần; sau cùng đến giữa Tăng chúng khuyên can Ba lần, khiến cho bỏ việc ấy". Tỳ-kheo lãnh giáo liền đi tới chỗ vắng hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật chăng các ông cùng với Đề-bà-đạt-đa ngu si phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý kết làm bè nhóm, rồi các Tỳ-kheo đã ba lần khuyên can vẫn ngoan cố không

từ bỏ?”...

Họ đáp: “Đúng như vậy”.

Các Tỳ-kheo liền khuyên can: “Này nhóm sáu Tỳ-kheo, chớ câu kết với Đề-bà-đạt-đa để phá sự hòa hợp của chúng Tăng, rồi cùng a dua, cùng đồng ý. Các ông phải hợp tác với chúng Tăng. Vì tất cả chúng Tăng cần phải hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng, có vậy mới sống an lạc được. Các Trưởng lão, phá sự hòa hợp của Tăng là tội ác rất lớn, sẽ đọa vào cõi ác, rơi xuống địa ngục, chịu đau khổ lâu dài. Nay tôi vì tâm từ khuyên các ông, muốn cho các ông được lợi ích. Vậy phải nghe lời tôi. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa, các ông phải bỏ việc ấy đi”. Nếu họ không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Rồi lại khuyên can ở giữa đông người ba lần, cũng như vậy. Nếu vẫn không từ bỏ, thì phải đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thỉnh như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nhóm sáu Tỳ-kheo này cùng với Đề-bà-đạt-đa phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý với nhau, đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ đông người, vẫn ngoan cố không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, thì nên khuyên can ba lần ở giữa Tăng, khiến cho bỏ việc ấy”.

Thế rồi, thầy Yết-ma hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật chăng các ông cùng với Đề-bà-đạt-đa phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý và đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, được khuyên can ba lần ở chỗ đông người mà vẫn ngoan cố không bỏ?".

Họ đáp: "Đúng như vậy". Các Tỳ-kheo liền khuyên can: "Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Các ông chớ cấu kết với Đề-bà-đạt-đa để phá sự hòa hợp của Tăng, rồi cùng a dua, cùng đồng ý. Vì phá sự hòa hợp của Tăng là tội ác rất lớn, sẽ đọa vào nẻo ác, rơi xuống địa ngục, chịu đau khổ lâu dài. Nay Tăng có lòng từ khuyên can các ông là vì muốn cho các ông được lợi ích. Vậy hãy vâng lời chúng Tăng. Một lần khuyên can đã xong còn hai lần nữa, các ông hãy bỏ việc ấy". Nếu như không chấm dứt, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng họ vẫn ngoan cố không bỏ.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến, họ bèn đi gọi đến.

Bấy giờ, Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật các ông cùng với Đề-bà-đạt-đa ngu si cùng a dua, cùng đồng ý phá sự hòa hợp của Tăng, rồi các Tỳ-kheo đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ đông người ba lần, khuyên can giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ phải không?".

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật bèn khiển trách: "Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác, các ông không thường nghe Ta dùng nhiều nhân duyên để chê trách tính ương ngạnh, khó khuyên bảo và dùng nhiều nhân duyên để khen ngợi tính nhu hòa dễ khuyên bảo hay sao? Các ông vì sao lại ương ngạnh khó khuyên bảo? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể

dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao nhóm sáu Tỳ-kheo cùng cấu kết với Đề-bà-đạt-đa cùng a dua, cùng đồng ý, để phải chịu đau khổ một cách oan uổng?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nhóm sáu Tỳ-kheo này không những ngày nay cùng a dua, cùng đồng ý để phải chịu đau khổ oan uổng mà trong đời quá khứ cũng đã từng như vậy".

Các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật: "Đã từng có như vậy sao? Xin Thế Tôn hãy nói về việc ấy".

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ tại thành Ba-la-nại, nước Già-thi có năm trăm con khỉ đột sinh sống trong rừng tại một nơi hoang vắng, rồi chúng du hành đến một cây Ni-câu-luật. Dưới cây này có một cái giếng. Trong giếng có bóng trăng hiện ra. Con khỉ đột chúa khi thấy bóng trăng ấy, liền nói với đồng bọn: "Mặt trăng hôm nay đã chết và rơi vào trong giếng, chúng ta phải

cùng nhau vớt lên, chớ để thế gian sống mãi trong tăm tối".

Thế rồi chúng cùng nhau bàn bạc: "Vớt lên bằng cách nào đây?".

Đoạn, khỉ đột chúa nói: "Ta biết cách đem lên. Ta nắm cành cây, các ngươi nắm đuôi ta, nối kết vào nhau, thì có thể vớt lên được".

Thế rồi, các khỉ đột liền làm theo lời khỉ chúa, lần lượt nắm vào nhau, nhưng chưa tới nước mà vì một chùm khỉ quá nặng còn cành cây thì yếu ớt nên bị gãy tiện. Thế là, cả chùm khỉ đột đều rơi tõm vào trong giếng nước. Bấy giờ, thần cây liền đọc kệ:

"Một bầy thú lẩn thẩn
Ngu si nắm đuôi nhau
Tự mình gây khổ não
Làm sao cứu thế gian?".

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Con khỉ đột chúa thuở ấy, nay là Đề-bà-đạt-đa, còn bầy khỉ đột lúc ấy, nay là nhóm sáu Tỳ-kheo này. Ngày xưa đã từng tùy thuận nhau mà chuốc lấy khổ não, rồi ngày nay cũng lại như thế".

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Vương-xá phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo đồng ý tương trợ nhau, hoặc

một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến, muốn phá sự hòa hợp của Tăng; khi các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy, thì Tỳ-kheo đồng bọn nói:

"Các Trưởng lão chớ nói về việc tốt xấu của Tỳ-kheo ấy, tại vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Những lời nói của Tỳ-kheo ấy chúng tôi đều chấp nhận, những ý kiến và việc làm của Tỳ-kheo ấy chúng tôi đều chấp nhận. Tỳ-kheo ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói".

Các Tỳ-kheo phải khuyên can Tỳ-kheo đồng tình này như sau: "Các Trưởng lão chớ nên nói: Tỳ-kheo ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Tại vì sao? Vì đó là Tỳ-kheo nói phi pháp, nói phi luật. Các Trưởng lão chớ nên trợ giúp việc phá Tăng, mà nên vui vẻ tán trợ sự hòa hợp của Tăng. Tại vì sao? Vì Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, cùng học một giới, như nước hòa với sữa, điều gì đúng pháp thì nói là đúng pháp một cách rõ ràng thì mới sống an lạc. Các Trưởng lão nên bỏ việc phá Tăng ấy đi".

Nếu Tỳ-kheo đồng bọn khi được các Tỳ-kheo khuyên can mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba để ông ta bỏ việc ấy. Nếu khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba mà bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

Giải thích:

Tỳ-kheo: Ở đây chỉ cho Đề-bà-đạt-đa.

Tỳ-kheo cùng nói, cùng ý kiến: Chỉ cho nhóm sáu Tỳ-kheo.

Hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến: Hoặc có khi cùng nói mà không cùng ý kiến, hoặc có khi cùng một ý kiến mà không cùng nói; hoặc có khi cùng nói cũng cùng ý kiến; hoặc có khi không cùng nói cũng không cùng một ý kiến.

Cùng nói mà không cùng ý kiến: Dùng lời nói để trợ giúp nhau, nhưng không đồng ý kiến với người ấy; đó gọi là cùng nói mà không cùng một ý kiến.

Cùng ý kiến mà không cùng nói: Cùng chung ý kiến với người ấy mà không nói giúp vào. Đó gọi là cùng một ý kiến mà không cùng nói.

Cùng nói và cùng ý kiến: Hỗ trợ lời nói của người ấy, đồng thời cùng ý kiến với họ. Đó gọi là cùng nói cùng ý kiến.

Chẳng cùng nói cũng chẳng cùng ý kiến: Không tán trợ lời nói của người ấy, cũng không cùng ý kiến. Đó gọi là chẳng cùng nói cũng chẳng cùng ý kiến.

Trong những trường hợp trên: Cùng nói chẳng cùng ý kiến và cùng nói cùng ý kiến, thì đáng khiển trách.

Cùng nói và cùng chung ý kiến: Đối với mười hai pháp (mười hai

đoạn của bài tựa giới kinh), Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế mà khai ra, đó gọi là cùng nói và cùng ý kiến. Lại nữa, đối với năm chúng tội, Phật không chế mà chế, Phật đã chế bèn khai ra; đối với bốn chúng, ba chúng, hai chúng và một chúng tội cũng thế, nghĩa là Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế liền khai mở. Lại nữa, đối với sáu pháp "Tác xả", Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế bèn khai mở. Đó gọi là cùng nói cùng ý kiến. Trong trường hợp này, các Tỳ-kheo nên khuyên can thầy Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão đừng tham dự vào việc phá sự hòa hợp của Tăng, rồi tìm đủ mọi cách để cùng nói và cùng đồng ý".

Trong khi các Tỳ-kheo khuyên can mà các Tỳ-kheo ấy vẫn kiên trì cố chấp vào việc đó: Đó là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo: Hoặc là Tăng, hoặc là nhiều người, hoặc là một người vậy.

Khuyên can ba lần: Khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở giữa nhiều người ba lần và khuyên can giữa chúng Tăng ba lần.

Khuyên can ở chỗ vắng: Chẳng hạn nói: "Các Trưởng lão có thật tham dự vào việc phá sự hòa hợp của Tăng, tạo phương tiện, cùng nói cùng chung ý kiến với người đó chăng?".

Đáp: "Có thật như vậy!"

Lại nói: "Trưởng lão! Ông chớ có tham dự vào việc phá sự hòa hợp của Tăng, rồi tạo phương tiện cùng nói, cùng chung ý kiến với người đó. Vì phá Tăng là việc ác rất lớn, sẽ rơi vào đường ác, chịu đau khổ lâu dài. Tôi nay vì tâm từ khuyên can ông. Vậy ông nên bỏ việc đó đi. Lần khuyên can thứ nhất đã hết, còn hai lần khuyên can nữa". Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. Khi khuyên can ở giữa nhiều người cũng như vậy. Rồi đến giữa Tăng ba lần Yết-ma khuyên can mà vẫn không đình chỉ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo ấy được khuyên can ở chỗ vắng một lần mà không chấm dứt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nhưng nếu ở giữa Tăng làm Yết-ma khuyên lần đầu chưa xong mà không chấm dứt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu nói xong (lần đầu) thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần Yết-ma thứ hai chưa xong mà không chấm dứt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói xong, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần Yết-ma thứ ba chưa xong mà không chấm dứt, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói xong, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa phát khởi từ khi khuyên can ba lần ở chỗ vắng (phạm tội Việt-tỳ-ni) Ba lần

ở giữa nhiều người (cũng phạm tội Việt-tỳ-ni[1483]) và ở giữa chúng Tăng phạm tội Thâu-lan-giá. Tất cả các tội ấy gộp lại thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ, thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào mà theo đó trị tội. Do đó Đức Thế Tôn nói:

"Nếu Tỳ-kheo đồng tình hỗ trợ nhau, hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến, rồi được Tăng khuyên can ba lần vẫn không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

(Hết giới Tăng tàn thứ mười một)

GIỚI BƯỚNG BỈNH

Khi Phật an trú tại nước Câu-xá-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, Trưởng lão Xiển-đà tánh ác, khó nói chuyện với thầy. Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo, thì thầy nói một cách bướng bỉnh: "Các Trưởng lão chớ nói tôi hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói các Trưởng lão hoặc tốt hoặc xấu. Vì sao thế? Vì các ông đều là dòng họ tạp nhạp, còn tôi là con nhà quan; ví như chim, quạ ngậm những loại xương khác nhau cùng đậu tại một chỗ, thì làm sao khuyên bảo tôi về các việc Phật Pháp Tăng. Từ khi tôi chấp nhận theo Bồ tát xuất gia, tôi thường theo hầu Ngài cho đến ngày nay, chỉ có Phật dạy tôi thì tôi mới vâng lời". Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn nói với Xiển-đà: "Trưởng lão! Các Tỳ-

kheo đã khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật, thầy đừng có làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, thầy nên làm người có thể nói chuyện được. Trưởng lão! Thầy nên khuyên bảo các Tỳ-kheo đúng theo tinh thần của giới luật và các Tỳ-kheo cũng theo đúng tinh thần của giới luật mà khuyên bảo thầy. Vì sao vậy? Vì cùng nói chuyện, cùng bàn bạc, cùng khuyên nhủ, ai có tội thì cùng phát lồ, có như thế chúng đệ tử của Như Lai mới lớn mạnh. Trưởng lão hãy từ bỏ cái tật làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được đó đi".

Khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng vẫn không bỏ, nên các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Xiển-đà tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, cho đến khuyên can ba lần vẫn không bỏ". Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ông Xiển-đà này tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, cho đến khuyên can ba lần vẫn không bỏ. Vậy các ông phải đi đến chỗ vắng khuyên can ba lần. Nếu không bỏ, thì đến chỗ nhiều người khuyên can ba lần. Nhưng nếu vẫn không đình chỉ thì phải đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Xiển-đà này có tính xấu, khó cùng nói chuyện. Các

Tỳ-kheo như pháp khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật mà thầy lại tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được.

Thế rồi đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ở giữa Tăng ba lần, khiến cho chấm dứt việc ấy".

Rồi khuyên can ở giữa Tăng: "Trưởng lão Xiển-đà! Có thật thầy có tính xấu khó cùng nói chuyện, rồi các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên bảo mà thầy vẫn tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, thậm chí đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt phải không?" Nếu đáp: "Quả thật như vậy!", thì Tăng nên khuyên can: "Trưởng lão! Thầy không nên có tính xấu khó cùng nói chuyện, nay các Tỳ-kheo như pháp khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật, thầy đừng có tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được", cho đến: "Vì cùng nói chuyện, cùng bàn luận, cùng khuyên nhủ, ai có tội thì cùng xuất tội, có như thế chúng đệ tử của Như Lai mới lớn mạnh". Nay Tăng vì lòng từ khuyên can thầy là vì muốn được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa thầy nên đình chỉ việc ấy". Nếu như không bỏ, thì lần thứ

hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng thầy vẫn ngoan cố không chấm dứt. Do đó, các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo: "Gọi Xiển-đà đến đây".

Họ liền đi gọi đến. Rồi Phật hỏi Xiển-đà: "Có thật ông có tính xấu khó cùng nói chuyện, thậm chí được khuyên can ở giữa chúng Tăng Ba lần mà vẫn không chấm dứt chăng?". Đáp: "Có thật như vậy". Phật bèn khiển trách: "Xiển-đà, đó là việc xấu. Há ông không thường nghe Ta dùng nhiều nhân duyên để chê trách tính bướng bỉnh và khen ngợi tính không bướng bỉnh hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện".

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo Xiển-đà này lại tự phụ nói: "Chỉ có Phật dạy, tôi mới nghe lời?". Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà này không những ngày nay không chịu nghe lời người khác, chỉ tin lời ta, mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy".

Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao? Chúng con muốn được nghe, mong Thế Tôn hãy nói".

Phật nói: "Đúng như vậy! Trong thời quá khứ có một trưởng giả ở thành Ba-la-nại, nước Già-thi, ông ta có một đứa nô bộc tên A-ma-do tính tình

hung ác. Bấy giờ, trưởng giả cùng với những cậu con trai của các Bà-la-môn du hí tại viên lâm, thì bọn người theo hầu đều ở cả bên ngoài cổng vườn. Khi ấy, A-ma-do đang ở ngoài cổng vườn liền đánh bọn người theo hầu. Lúc ấy, mọi người theo hầu đều báo lại với chủ mình. Thế rồi, những người con của các Bà-la-môn đều ra khiển trách

y. Nhưng A-ma-do không nghe lời họ, mà trả lời với những người con của các Bà-la-môn: "Ta không nghe lời các người. Khi nào chủ ta đến rầy la ta, thì ta mới chịu nghe lời". Rồi y tiếp tục đánh không ngừng. Họ liền đến báo với chủ của A-ma-do. Chủ của A-ma-do bình sinh có thiên nhãn, ông quan sát thấy dưới chỗ đánh nhau có kho tàng vàng bạc, vì hung khí của chất vàng bạc nên khiến chúng đánh nhau. Do vậy, ông bèn đến đó, la rầy tên nô bộc. Vì vậy, y mới dừng lại".

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông trưởng giả thuở ấy đâu phải ai khác mà chính là Ta đây, còn A-ma-do lúc đó, thì nay là Tỳ-kheo Xiển-đà". Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Xiển-đà này ỷ thế Thế Tôn lăng mạ người khác?".

Phật nói: "Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo Xiển-đà không những ngày nay ỷ thế Ta khinh thường người khác mà trong thời quá khứ cũng đã từng ỷ thế Ta khinh thường người khác rồi".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?". Phật nói: "Đúng như vậy. Trong thời quá khứ tại thành Ba-la-nại,

nước Già Thi có một Bà-la-môn học rộng tên là Phất-lô-ê làm quân sư cho nhà Vua. Ông thường dạy năm trăm đồng tử học tập. Khi ấy, kẻ gia nô của ông vừa sinh được một bé trai tên là Ca-la-ha. Chủ nhà sai y phục dịch cho các đồng tử. Theo phép tắc của Bà-la-môn thì những chủng tộc khác không được phép nghe (những giáo lý của họ), nhưng vì tên nô bộc này gần gũi cung phụng các đồng tử, nên được ở gần họ. Do đó, khi Bà-la-môn dạy các đồng tử, thì tên nô bộc sáng dạ này ghi nhớ hết những điều ông giảng dạy. Thế rồi, một hôm, y có chút xích mích với các đồng tử, bèn bỏ sang nước khác, mạo xưng mình là con trai của Bà-la-môn Phất-lô-ê, tên Da-nhã-đạt-đa, và nói với Bà-la-môn quân sư của quốc vương đó: "Tôi là con trai của Phất-lô-ê, quân sư của quốc vương Ba-la-nại, vừa mới đến đây, muốn theo đại sư học giáo pháp của Bà-la-môn".

Thầy trả lời: "Có thể được". Tên nô bộc này bản tính thông minh, trước đã từng nghe, nay được nghe lại nên nghe đâu nhớ đó. Thế nên ông thầy rất vui, bèn nói với y: "Ta có việc phải đi đến nhà Vua, vậy ngươi hãy thay mặt ta dạy dỗ năm trăm đồng tử môn đồ".

Vì ông thầy Bà-la-môn này không có con trai

mà chỉ có một cô con gái, nên suy nghĩ: "Nay ta có thể gả con gái cho Da-nhã-đạt-đa, vì nó ở trong nhà ta cũng như con trai ta".

Nghĩ thế, liền nói: "Da-nhã-đạt-đa hãy nghe ta nói đây". Đáp: "Xin vâng lời".

Thầy liền nói: "Ngươi chớ trở về Ba-la-nại mà hãy ở lại nước này.

Nay ta sẽ gả con gái ta cho ngươi". Đáp: "Xin vâng lời".

Ông bèn gả con. Cô gái này cùng sống với chồng tại nhà mình, khiến gia đình dần dần trở nên giàu có. Nhưng Da-nhã-đạt-đa vốn là con người khó tính, cô vợ làm thức ăn chua ngọt, mặn nhạt, sống chín không thể nào vừa miệng y, cho nên y thường ôm lòng tức giận. Thấy thế, cô vợ thường suy nghĩ: "Phải chi có người nào từ Ba-la-nại đến, ta sẽ theo họ học phương pháp nấu ăn, rồi ta áp dụng nấu nướng cung phụng chồng ta".

Ông Bà-la-môn Phất-lô-ê nghe được sự tình ấy, liền suy nghĩ: "Tên nô bộc Ca-la Ha của ta đã trốn sang nước khác, ta phải đến đó bắt về, may ra được lại nó". Thế rồi, ông đi đến nước ấy. Bấy giờ, Da-nhã-đạt-đa cùng các học trò đang đi đến công viên dạo chơi, giữa đường y bỗng thấy chủ cũ từ xa, nên hoảng sợ, nói nhỏ với môn đồ: "Này các đồng tử! Các ngươi hãy trở về, ai nấy lo việc học bài".

Khi các học trò đi rồi, y bèn đến trước mặt chủ,

cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch với chủ: "Con đến nước này nói với họ rằng đại gia là phụ thân con, rồi tôn vị quốc sư là Bà-la-môn học rộng làm thầy để học các kinh điển cao cấp. Thầy Bà-la-môn ấy bèn đem con gái gả cho con làm vợ. Hiện giờ mong đại gia chớ nói rõ sự thật của con. Con sẽ phụng sự đại gia như đầy tớ đối với chủ".

Ông Bà-la-môn này vốn là người hiểu rõ sự đời, liền đáp: "Ngươi thật là con ta, hà tất phải nhiều lời. Nhưng phải tạo điều kiện để ta trở về sớm". Tên đầy tớ bèn đưa ông về nhà giới thiệu với mọi người trong nhà: "Phụ thân tôi vừa mới đến".

Người vợ rất vui mừng, bèn sửa soạn các thức ăn uống dâng lên thếch đãi. Sau khi ăn xong, lựa lúc nhàn rỗi, cô bèn lén đảnh lễ dưới chân Bà-la-môn, hỏi: "Con phụng sự chồng con là Da-nhã-đạt-đa, thường dâng các thức ăn uống, nhưng chàng không vừa ý, xin đại gia chỉ dạy. Lúc còn ở nhà chồng con thường ăn những thứ gì, để con làm các thức ẩm thực giống như khi trước".

Khách Bà-la-môn bèn nổi giận, nhưng kiềm chế, suy nghĩ: "Cái thằng chết bầm, làm khốn khổ con gái người ta như thế đó", bèn nói với cô ấy: "Con hãy sắp đặt cho ta trở về sớm, đến lúc sắp đi, ta sẽ dạy con một bài kệ. Khi con đọc kệ ấy, sẽ khiến chồng con không thể nói nữa".

Đoạn, cô ta bèn nói với chồng: "Ông cụ Bà-la-

môn từ xa đến, vậy hãy sớm tiễn ông ta trở về”.[1491]

Anh chồng liền suy nghĩ: “Đúng như vợ ta nói, phải sớm tiễn ông ta trở về, không khéo ở lâu ngày lỡ nói năng sơ xuất, sẽ tổn hại đến ta không ít”.

Rồi anh ta xuất ra nhiều tiền đưa cho vợ bảo sắm thức ăn và đích thân cung phụng để mua chuộc tình cảm của chủ. Sau khi dâng thức ăn xong, cô vợ bèn đảnh lễ từ biệt ông già và xin bài kệ ông đã hứa trước kia. Ông liền đọc bài kệ để dạy cho cô:

“Cô độc tới tha phương
Lừa dối người thiên hạ
Trước ăn thức ăn thô
Đâu có chê ngon dở?”.

Rồi bảo: “Nay ta dạy con bài kệ này, nếu khi nào nó giận dữ chê thức ăn dở, thì con hãy đứng gần nó, quay lưng lại, đọc nhỏ cho nó nghe”.

Dạy như thế rồi, ông bèn trở về lại bản quốc. Khi Da-nhã-đạt-đa tiễn chủ đi rồi, mỗi lần đến bữa ăn, y lại nổi giận. Cô vợ bèn đứng bên cạnh chồng đọc lên bài kệ ấy. Khi y nghe kệ rồi, lòng thấy không vui, liền suy nghĩ: “Ôi! Ông già quái ác này, phanh phui chuyện xấu của ta”.

Thế nên, từ đó trở đi, y thường nói năng nhã nhặn, vì sợ cô vợ nói với người khác về sự ám muội của mình.

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Bà-la-môn Phất-lô-ê của nước Ba-la-nại thuở ấy nào phải

là ai khác mà chính là Ta đây, còn tên nô bộc Ca-la-ha lúc ấy thì nay là Tỳ-kheo Xiển-đà vậy. Thuở ấy, y đã từng ỷ thế Ta mà lăng mạ người khác, thì nay y lại ỷ thế Ta mà khinh miệt tha nhân".

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Câu-xá-di phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới:

"Nếu Tỳ-kheo nói những lời hung ác, rồi được các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên can, bèn nói một cách bướng bỉnh: "Các ông chớ nói với tôi hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với các ông hoặc tốt hoặc xấu", thì các Tỳ-kheo phải khuyên can Tỳ-kheo này: "Trưởng lão! Các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên bảo, thầy chớ có bướng bỉnh mà nên vâng lời. Thầy cũng như pháp như luật mà khuyên bảo các Tỳ-kheo. Vì sao vậy? Vì các đệ tử của Đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, ai có tội thì cùng phát lồ, thì pháp thiện mới tăng trưởng".

Khi các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy nên bỏ việc đó, nhưng nếu không bỏ thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

Giải thích:

Tỳ-kheo dùng những lời nói bướng bỉnh: Chỉ cho Tỳ-kheo Xiển-đà.

Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo:

Đó là: Bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất Định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, pháp Chúng học, bảy pháp Diệt Tránh, pháp Tùy Thuận; dùng các pháp luật này mà khuyên bảo lẫn nhau. Lại dùng năm chúng tội, bốn chúng tội, ba chúng tội, hai chúng tội, một chúng tội và sáu pháp Tác xả để khuyên bảo lẫn nhau. Lại dùng các tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề cho đến tội Việt-tỳ-ni, có thật chứ không phải không có thật, đúng lúc chứ không phải không đúng lúc, có lợi ích chứ không phải không có lợi ích, nói nhã nhặn chứ không phải nói thô lỗ, vì tâm từ chứ không phải cố ý vạch lỗi; đó gọi là như pháp, như luật khuyên bảo lẫn nhau.

Thầy Tỳ-kheo ấy: Tức là Xiển-đà.

Các Tỳ-kheo: Đó là một người, nhiều người và chúng Tăng.

Ba lần khuyên can: Khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, và khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Chỗ vắng: Người khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi như sau: “Trưởng lão! Thầy có thật dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can, thì thầy tỏ ra ương ngạnh chăng?” Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì

liền khuyên can: "Trưởng lão! Thầy chớ có dùng những lời nói ngang bướng. Khi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can thì thầy nên nghe lời, thầy chớ có tỏ ra ương ngạnh... cho đến "Khuyên bảo lẫn nhau thì pháp thiện được tăng trưởng. Tôi nay vì lòng từ khuyên bảo thầy nên bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa". Nếu không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như thế. Rồi lại khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như thế. Nhưng nếu vẫn không chấm dứt, thì phải đem đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, tác bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp này dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo vẫn không nghe lời. Ông đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ở giữa Tăng ba lần khiến cho thầy chấm dứt việc ấy".

Bấy giờ, Tăng liền hỏi: "Trưởng lão có thật dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo mà không nghe lời, lại được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn ngoan cố không nghe lời phải không?". Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì Tăng nên khuyên can: "Trưởng lão chớ có tỏ ra ương ngạnh. Các Tỳ-kheo đã như pháp, như luật khuyên can,

cho đến "khuyên bảo lẫn nhau thì pháp thiện được tăng trưởng". Nay Tăng vì lòng từ khuyên can thầy là muốn được lợi ích, vậy thầy nên nghe lời chúng Tăng mà bỏ việc ấy đi. Tăng khuyên can một lần đã xong, còn hai lần khuyên can nữa". Nếu không chấm dứt thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo ấy đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không chấm dứt thì mỗi lần khuyên can phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở giữa Tăng lần đầu chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi Yết-ma lần đầu xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi Yết-ma lần thứ hai chưa xong cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, và khi xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng khi Yết-ma lần thứ ba chưa xong thì phạm tội Thâu-lan-giá và khi nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đi từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, cho đến khuyên can ở giữa chúng Tăng có các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá, gộp tất cả các tội ấy thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trường hợp đình chỉ nửa chừng, thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở chỗ đó. Thế nên Đức Thế Tôn nói:

"Nếu Tỳ-kheo tự mình nói những lời ngang

bướng, cho đến khuyên can Ba lần mà không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

(Hết giới Tăng tàn thứ mười hai)

GIỚI LÀM MẤT LÒNG TIN CỦA TÍN ĐỒ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại thôn Ca-thi Hắc-sơn làm các việc trái oai nghi: thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái oai nghi.

Thân trái oai nghi: Hoặc chạy đi, chạy lại, hoặc nhảy nhót, đi lẩn quẩn, đi xà lui, đi khúm núm, hoặc gõ bồn cười đùa, hoặc cõng nhau, dùng cái thân làm các trò đùa như thế gọi là thân trái oai nghi.

Miệng trái oai nghi: Giả tiếng voi kêu, lạc đà kêu, trâu rống, dê kêu, tiếng ngắn, tiếng dài, hoặc vểnh tai lên nghe; tạo ra các âm thanh như thế để đùa cợt.

Thân, miệng trái oai nghi: Vẽ loang lỗ trên mình, nửa bên trắng, bôi mặt đen, nhuộm tóc trắng, nhịp trống đánh đàn, gõ nhịp nhảy múa v.v...

Bấy giờ, các Ưu-bà-tắc đi đến các Tỳ-kheo muốn lễ bái, nghe pháp, trông thấy việc như thế nên lòng không vui, liền nói: "Thưa thầy! Pháp của Sa-môn là làm các việc thiện, khiến cho những người không tin sinh niềm tin, những người đã tin

càng thêm tin tưởng, mà nay các thầy làm đều phi pháp, chỉ làm cho người không tin càng thêm bất tín, người đã tin thêm tổn hại".

Nhóm sáu Tỳ-kheo liền nổi giận nói: "Ngươi là thầy ta, là Hòa thượng của ta chắc. Đó là điều nghịch lý. Lẽ ra ta phải dạy bảo ngươi, trái lại ngươi lại dạy bảo ta". Sự giận dữ ấy càng tăng mạnh, làm cho thân tổn hại, thân miệng tổn hại.

Thân tổn hại: Họ đi vào nhà Ưu-bà-tắc lôi mấy đứa bé ra vả tát, đánh đấm, đập vỡ đồ dùng, bẽ gãy chân bò nghé, đâm thủng mắt dê, rồi vào trong cửa hàng của họ tại chợ đổ lộn xà ngầu các thứ: Thóc gạo, tiểu mạch, đại mạch, muối, bún, sữa, dầu, sữa chua không còn phân biệt được nữa. Rồi họ ra ngoài đồng ruộng, những đám lúa non cần nước thì họ xả nước cho khô, những đám không cần nước thì họ xả nước vào cho ngập, cắt phá lúa non, đốt cháy lúa chín. Đó gọi là thân tổn hại.

Miệng tổn hại: Đi đến nhà Vua gièm pha người tốt, vu cáo kẻ lương thiện. Đó gọi là miệng tổn hại.

Thân miệng tổn hại: Núp vào chỗ khuất để hù nhát người khác, lôi kéo kẻ vô tội. Đó gọi là thân miệng tổn hại.

Do thế, các Ưu-bà-tắc nổi giận nói: "Sa-môn con dòng họ Thích mà làm các việc phi pháp, từ nay trở đi chúng ta đừng cúng dường cho họ nữa".

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy cầm bát đi khất thực, gia

đình kia trông thấy

thầy, vẫn cho thức ăn như trước nên không đến nỗi vất vả lắm. Thấy thế, các Ưu-bà-tắc bèn giao ước với nhau: "Sa-môn con dòng họ Thích đã làm việc bạo ác như thế, từ nay chúng ta đừng cho họ vào cửa nữa". Thế rồi, Tỳ-kheo ấy bèn đến những nhà không có tín tâm khất thực. Ban đầu họ vẫn cho thức ăn, nhưng sau đó họ nghe các Ưu-bà-tắc cắt đứt không cho thức ăn nữa, họ nghĩ: "Nhất định đó là kẻ ác, vì sao ta lại cho thức ăn?". Do đó họ không cho vào cửa nữa.

Vì vậy các Tỳ-kheo ấy bèn làm các việc thân tà mạng, khẩu tà mạng, thân khẩu tà mạng.

Thân tà mạng: Làm bình đựng nước, làm đồ dùng bằng gỗ để bán, làm bình đựng sữa, làm túi da, dệt sợi, đan lưới, may áo, học làm bánh rồi đem bán, học bán thuốc, làm liên lạc cho người, làm các việc như vậy để mưu sinh, đó gọi là thân tà mạng.

Khẩu tà mạng: Tụng đọc các chú thuật, như chú rắn, chú rồng, chú quỷ, chú bệnh, chú nước, chú lửa v.v..., làm các việc như vậy để mưu sinh, đó gọi là khẩu tà mạng.

Thân khẩu tà mạng: Tay tự nhiên bốc lửa, miệng niệm chú thuật, tay rưới sữa dầu, rải tung những hạt cải, làm các việc như vậy để mưu sinh, đó gọi là thân khẩu tà mạng.

Bấy giờ, các Ưu-bà-tắc ở thôn Hắc-sơn đi đến

thành Xá-vệ để giải quyết các việc quan. Sau khi xong việc, họ bèn đi đến Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con là những Ưu-bà-tắc tại thôn Hắc-sơn. Nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại thôn này làm những việc phi pháp (nói rõ như trên), kính xin Thế Tôn hãy kiềm chế họ, khiến họ không ở thôn này nữa thì tốt".

Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp dạy dỗ các Ưu-bà-tắc, khiến họ được lợi ích, hoan hỷ, rồi họ đảnh lễ mà đi. Thế rồi, Đức Thế Tôn bảo A-nan: "Ông hãy đến thôn Hắc-sơn làm pháp Yết-ma khu xuất nhóm sáu Tỳ-kheo".

A-nan liền bạch với Phật: "Con không dám đi". Phật hỏi: "Vì cớ gì?".

A-nan đáp: "Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo tính tình thô tháo, hung bạo, nếu con đến đó thì cũng giống như các nông phu trồng mía đang chở mía từ ruộng về nhà, bỗng gặp lũ trẻ từ trong xóm đi ra, rồi chúng chạy ùa lại giựt lấy mía mà tìm một chỗ khuất để ăn. Nhóm sáu Tỳ-kheo này cũng như vậy. Nếu nghe con đến, ắt họ sẽ đón đường con làm những việc phi pháp; hoặc làm pháp Yết-ma khu xuất con. Thế nên con khó mà đi được".

Phật liền bảo A-nan: "Vậy thì ông hãy đi cùng với ba mươi người nữa, thì có thể hàng phục được

họ".

Khi ấy, A-nan cùng với ba mươi người thứ tự trước sau đi đến thôn Hắc-sơn. Lại có ba mươi Tỳ-kheo khác nghe Tôn giả A-nan tới thôn Hắc-sơn, bèn bảo nhau: "Tôi chưa từng nghe pháp Yết-ma khu xuất, vậy chúng ta nên theo A-nan đến thôn ấy để nghe pháp Yết-ma khu xuất". Thế rồi, họ kết hợp với ba mươi người trước thành ra sáu mươi Tỳ-kheo, một đoàn vui vẻ cùng đi.

Lúc này, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-nan với sáu mươi người nữa cùng kết làm bè bạn đi đến làm pháp Yết-ma khu xuất họ, nên họ đâm ra sợ hãi. Do vậy Tam-văn-đà-đạt-đa, Ma-ê-sa-đạt-đa bèn chạy tới thôn Vương Đạo; còn Trưởng lão Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di đi một do-tuần để đón tiếp Tôn giả A-nan và sám hối: "Trưởng lão! Những việc làm của chúng tôi là bất thiện, phạm các tội lỗi, từ nay trở đi chúng tôi không dám tái phạm nữa". Bấy giờ, Tăng chúng nhận sự sám hối ấy, rồi Tôn giả A-nan đi tiếp đến thôn ấy. Ở đây, ngoài hai người đã sám hối xong, hai người chạy trốn, còn những người khác đang ở đó, Tôn giả bèn làm pháp Yết-ma khu xuất. Vì Đức Thế Tôn không cho phép chúng (Tăng) làm Yết-ma với chúng (Tăng) mà chỉ cho phép chúng Tăng làm Yết-ma với hai, ba người mà thôi. Khi làm Yết-ma, người làm Yết-ma phải nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Tỳ-kheo mỗ

giáp này ở tại thôn này, thường có những hành vi trái oai nghi mà không chấm dứt, người đạo kẻ tục đều biết cả. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nên làm Yết-ma khu xuất các Tỳ-kheo mỗ giáp có hành vi trái oai nghi này".

Rồi bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Trưởng lão Tỳ-kheo mỗ giáp kia thường có các hành vi trái oai nghi mà không chấm dứt, kẻ đạo người tục đều biết. Nay Tăng làm pháp Yết-ma khu xuất các Tỳ-kheo mỗ giáp ấy. Các Đại đức nào đồng ý thì im lặng, ai không đồng ý hãy nói".

Khi Yết-ma xong lần thứ nhất tiếp đến làm Yết-ma lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Cuối cùng kết thúc:

"Tăng đã làm xong pháp Yết-ma khu xuất các Tỳ-kheo mỗ giáp có các hành vi trái oai nghi, vì Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này cứ theo đó mà thi hành".

Các pháp Yết-ma miệng trái oai nghi cũng làm như thế. Đồng thời, thân tổn hại, miệng tổn hại, thân miệng tổn hại cũng làm như thế. Thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng cũng như thế.

Sau khi nói ba lần Yết-ma, các Tỳ-kheo trong nhóm sáu Tỳ-kheo bị khu xuất bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di

cũng làm điều phi pháp, vì sao chỉ đuổi chúng tôi mà không đuổi họ?". Chúng Tăng bèn nói với mấy người đó: "Vì hai Tỳ-kheo ấy đã đi một do-tuần nghinh đón chúng Tăng mà sám hối và chúng Tăng đã nhận sự sám hối của họ. Còn Tam-văn-đà-đạt-đa và Ma-ê-sa-đạt-đa thì đã chạy sang thôn Vương-đạo trốn thoát. Trong khi các ông hiện diện nơi đây, đã không nghinh đón chúng Tăng để sám hối, cũng không bỏ chạy, cho nên phải làm Yết-ma khu xuất".

Họ lại nói: "Thưa Trưởng lão! Tăng nay tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng có tội như nhau mà kẻ thì bị đuổi đi, người thì không đuổi". Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: "Trưởng lão chớ đem điều phi lý mà hủy báng Tăng. Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng tội mà có người thì đuổi đi, người thì không đuổi đi".

Khi các Tỳ-kheo khuyên can như vậy mà họ vẫn ngoan cố không chấm dứt, nên phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, thế nhưng họ vẫn kiên trì không chấm dứt. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bèn tùy thuận thuyết pháp cho các Ưu-bà-tắc khiến họ hoan hỷ cúng dường chúng Tăng trở lại như trước. Rồi Tôn giả cùng đại chúng chuẩn bị trở về lại Xá-vệ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn thưa với Tôn giả A-nan: "Nay Tăng trở về hết, thì cảnh Già Lam này

giao cho ai trông coi?”.

A-nan hỏi: “Thế thì nên để ai ở lại trông coi?”.

Các Tỳ-kheo nói: “Nên để Trưởng lão Xiển-đà ở lại”.

A-nan lại nói: “Xiển-đà trước đây đã có lỗi khiến người ta không tin, làm sao có thể ở lại được?”.

Tôn giả bèn bổ nhiệm một Tỳ-kheo khác, rồi trở về thành Xá-vệ, đảnh lễ chân Thế Tôn, đứng hầu một bên. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi: “A-nan! Các ông đã làm pháp Yết-ma khu xuất tại thôn Hắc-sơn xong rồi chăng?”.

Đáp: “Đã làm xong, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di đi cả một do-tuần nghinh đón chúng Tăng để sám hối, còn Tam-văn-đà-đạt-đa và Ma-ê-sa-đạt-đa thì chạy đến thôn Vương-đạo. Ngoài ra, các Tỳ-kheo khác không tới sám hối, cũng không bỏ chạy, nên chúng Tăng đã làm Yết-ma khu xuất. Thế nhưng, họ thấy Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di không bị khu xuất, nên đã hủy báng chúng Tăng một cách phi lý: “Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng phạm tội như nhau mà có người thì đuổi đi, người thì không đuổi”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Nếu nhóm sáu Tỳ-kheo vô lý hủy báng chúng Tăng: “Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng phạm tội như nhau mà có người thì đuổi đi, có người thì

không đuổi", thì các ông nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, chỗ nhiều người ba lần, rồi đến giữa chúng Tăng khuyên can Ba lần, khiến cho họ bỏ việc ấy.

Khi ở chỗ vắng nên hỏi: "Các ông vì phân bì với Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di mà vô lý hủy báng chúng Tăng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng phạm tội như nhau mà có người thì đuổi đi, có người thì không đuổi", có phải thế chăng?".

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can ở chỗ vắng: "Trưởng lão! Chớ vô lý hủy báng chúng Tăng. Vì sao vậy? Vì chúng Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người cùng phạm tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Các ông chớ nói rằng chúng Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Trưởng lão! Nay tôi vì lòng từ khuyên can các ông là vì muốn được lợi ích, vậy hãy bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa". Nếu họ không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Rồi khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần. Nhưng nếu vẫn không chấm dứt, thì nên đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính.

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nhóm sáu Tỳ-

kheo này đã vô lý hủy báng chúng Tăng, rồi đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay ở giữa chúng Tăng nên khuyên can ba lần khiến họ chấm dứt việc ấy".

Thế rồi ở giữa chúng Tăng hỏi các Tỳ-kheo ấy: "Các ông có thật vô lý hủy báng Tăng, rồi được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người mà vẫn không chấm dứt chăng?".

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì Tăng nên khuyên: "Trưởng lão! Chớ vô lý hủy báng chúng Tăng. Vì sao thế? Vì Tăng không có tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng phạm tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Nay Tăng vì lòng từ khuyên can các ông là muốn được lợi ích. Vậy các ông nên bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong còn hai lần khuyên can nữa".

Nếu họ không chấm dứt, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng họ vẫn ngoan cố không chấm dứt. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn: "Nhóm sáu Tỳ-kheo đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, cho đến khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng mà vẫn ngoan cố không bỏ".

Phật bảo: "Gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến".

Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật các ông vô lý hủy báng Tăng, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, cho đến khuyên ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn ngoan cố không chấm dứt phải không?".

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!".

Phật bèn nói với nhóm sáu Tỳ-kheo: "Đó là việc ác. Các ông há chẳng nghe Ta thường khen ngợi tính dễ khuyên bảo và chê trách tính khó khuyên bảo hay sao? Nay vì sao các ông lại khó khuyên bảo, kiên trì không xả bỏ? Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện".

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Do đâu nhóm sáu Tỳ-kheo này chỉ vì Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di không bị đuổi mà vô lý hủy báng chúng Tăng?".

Phật nói: "Nhóm sáu Tỳ-kheo này không những ngày nay vô lý hủy báng chúng Tăng mà trong thời quá khứ cũng đã từng vô lý hủy báng người khác".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Đã từng có như vậy sao?" Phật đáp: "Đã từng có như vậy!"

Các Tỳ-kheo nói: "Xin Thế Tôn hãy kể lại, chúng con muốn nghe".

Phật nói: "Trong thời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại, nước tên Già thi. Bấy giờ, trong nhà của Vua có nuôi hai con chó, nhà Vua dùng vàng, bạc làm dây buộc chúng và dùng châu báu đựng thức ăn cho chúng. Ban đêm, người ta mở dây thả ra để cho chúng giữ cửa ngõ. Lúc này, nhà Vua bị chứng bệnh đau đầu, chữa trị đã mười hai năm mà không bớt, nhưng sau đó đã tạm bớt. Rồi trong khi ngủ, nhà Vua nghe tiếng chó sủa khiến ông kinh sợ thức giấc, do đó, chứng đau đầu ngày càng tăng thêm. Bấy giờ, Vua liền hỏi người hầu cận: "Vừa rồi có tiếng gì vậy?"

Đáp: "Tiếng chó sủa đó".

Vua liền nổi giận ra lệnh kẻ hầu cận đuổi hết các con chó đang có mặt (trong thành phố). Họ bèn theo lệnh đuổi hết chúng đi. Lúc ấy, có

một con chó hỏi người đuổi nó: "Vì sao đuổi tôi?".

Người đuổi đáp: "Nhà Vua vừa hơi bớt bệnh, thì trong giấc ngủ nghe tiếng chó sủa khiến Vua kinh hãi thức giấc, nên bệnh lại gia tăng, do đó mà đuổi ngươi".

Chó lại hỏi: "Tất cả chó đều bị đuổi hết phải chăng?". Đáp: "Đều đuổi hết".

Lại hỏi: "Hai con chó trong nhà của Vua cũng bị đuổi chăng?". Đáp: "Hai con chó trong nhà của Vua không bị đuổi".

Chó liền giận dữ nói: "Ông Vua này vô đạo, tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si".

Rồi nó đọc kệ:

"Nếu bảo chó nguy hại
Thì nên đuổi tất cả
Mà nay không đuổi hết
Thế là Vua vô đạo
Nhà mình nuôi hai con
Không đuổi mà đuổi ta
Mới biết ác vương này
Tùy thương, giận, sợ, si".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Chó của nhà Vua thuở ấy nay là Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di, còn các con chó khác nay là những Tỳ-kheo còn lại trong nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi ấy, do thấy hai con kia không bị đuổi mà chúng bị đuổi nên đã vô lý phỉ báng, ngày nay bị đuổi lại cũng như thế".

Vì hai Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di không bị đuổi nên các Tỳ-kheo kia vô lý hủy báng Tăng, do đó các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao mọi người muốn cử Tỳ-kheo Xiển-đà làm tri sự mà A-nan không đồng ý?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay Tỳ-kheo Xiển-đà muốn làm tri sự mà A-nan không đồng ý, mà trong thời quá khứ cũng đã từng muốn được cử làm Vua mà A-nan không đồng ý".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế

Tôn! Đã từng có như vậy sao?".

Phật nói: "Đúng như vậy".

Các Tỳ-kheo bạch: "Chúng con muốn được nghe, mong Thế Tôn hãy kể lại".

Phật nói: "Trong thời quá khứ, tại một ngọn đồi dưới chân núi Tuyết có một chỗ nắng ấm, nhiều loài chim quy tụ về đó cùng bàn bạc:

"Ngày nay, chúng ta hãy cử một con chim làm Vua để cho các con chim sợ uy, không dám làm việc phi pháp".

Các con chim nói: "Tốt! Nhưng ai nên làm Vua?". Có một con chim nói: "Nên cử Hồng hộc".

Một con chim khác nói: "Không được! Vì sao? Vì nó có cẳng cao, cổ dài, giá như khi chúng ta phạm tội, thì nó sẽ mổ đầu chúng ta".

Cả bầy đều bảo là đúng như vậy. Lại có một con nói: "Nên cử thiên nga làm Vua, vì sắc lông trắng tuyệt, nên mọi con chim đều kính trọng".

Các con chim lại nói: "Con này không thể được, nhan mạo tuy trắng, nhưng cổ dài lại gấp khúc. Chính cổ mình đã không thẳng, thì làm sao sửa kẻ khác cho ngay chánh được".

Rồi nó lại nói: "Chỉ có con công đủ màu sắc, ai xem cũng thấy vui mắt, nên có thể làm Vua".

Con khác lại nói: "Không thể được? Vì sao thế? Vì bộ lông tuy đẹp nhưng không biết hổ thẹn, mỗi lần múa là nó để lộ ra những chỗ xấu, cho nên

không thể được".

Một con khác nói: "Nên cử con chim cú trọc đầu làm Vua. Tại vì sao? Vì ban ngày thì ngủ yên còn ban đêm thì siêng năng hoạt động, bảo vệ chúng ta, nên có thể làm Vua".

Cả đàn đều nói: "Được".

Bấy giờ, có một con oanh vũ, đậu ở gần đó, có trí tuệ, suy nghĩ: "Quy luật của loài chim là ban đêm ngủ nghỉ, mà đặc tính của con cú trọc này ban đêm lại không ngủ nghỉ, bắt mọi con chim phải vây quanh hầu hạ, ngày đêm canh gác túc trực không được ngủ nghỉ, rất là khổ cực. Nhưng nếu ta nói ra thì nó sẽ nổi giận vặt hết bộ lông ta, còn như không nói thì các loài chim phải chịu khốn khổ lâu dài. Ta thà bị vặt lông chứ không thể để lẽ phải bị chà đạp", bèn đến trước muôn chim trương đôi cánh, cung kính nói với đàn chim: "Xin nghe tôi đọc một bài kệ". Bấy giờ, đàn chim bèn đọc bài kệ đáp:

"Có trí biết nghĩa rộng
Hà tất kể tuổi tác
Ngươi tuy tuổi còn thơ
Nhưng có trí, cứ nói".

Khi oanh vũ nghe bầy chim đọc kệ, liền nói kệ:

Nếu nghe theo ý tôi
Chớ cho cú làm Vua
Vì vẻ mặt lúc vui
Trông cũng thấy khiếp sợ

Huống gì khi giận dữ
Bộ mặt không coi được”.

Bấy giờ, bầy chim đều nói: “Đúng như oanh vũ nói”. Rồi cùng nhau bàn bạc: “Con oanh vũ này thông minh trí tuệ, nên cử làm Vua”, bèn suy tôn oanh vũ làm Vua.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Chim cú trọc thuở ấy, nay là Tỳ-kheo Xiển-đà, còn chim oanh vũ nay là A-nan. Khi ấy, con này đã ngăn cản con kia không cho làm Vua, thì nay cũng lại ngăn cản không cho làm tri sự”.

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo cư trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, rồi chế giới:

“Nếu có các Tỳ-kheo sống tại thành phố hoặc thôn xóm mà làm những việc xấu khiến ai cũng thấy cũng nghe; làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe, thì các Tỳ-kheo nên nói với những Tỳ-kheo ấy: “Các Trưởng lão! Các vị đã làm những việc xấu khiến ai cũng thấy, cũng nghe; làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe. Các Trưởng lão! Các vị hãy đi khỏi nơi này, không nên ở đây nữa”.

Thế rồi, những Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: “Các Đại đức Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Tại sao? Vì có các Tỳ-kheo đồng tội như nhau mà có người thì đuổi, có người thì không

đuổi".

Các Tỳ-kheo nên nói với những Tỳ-kheo ấy: "Các Trưởng lão! Các vị chớ nên nói: "(Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Có các Tỳ-kheo đồng tội như nhau, mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi)". Tại vì sao? Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Này các Trưởng lão! Các vị đã làm những việc xấu khiến ai cũng thấy, cũng nghe; làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe. Các vị hãy đi khỏi nơi này, không được ở đây nữa".

Những Tỳ-kheo ấy khi được các Tỳ-kheo khuyên can, nếu vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba cho họ bỏ việc ấy. Khuyên can lần thứ hai, thứ ba mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải thích:

Các Tỳ-kheo: Hoặc là chúng Tăng, hoặc là nhiều người, hoặc là một người nương tựa tại thành phố hay tại xóm làng.

Thế nào là nương tựa vào xóm làng?: Nếu Tỳ-kheo ở nơi xóm làng ấy được y phục, ẩm thực, giường chõng, thuốc trị bệnh v.v... thì gọi

là nương tựa mà sống. Nếu không được các thứ y phục, ẩm thực, giường chõng, thuốc trị bệnh v.v... mà chỉ có nương tựa vào xóm làng để khỏi các tai nạn, thì cũng gọi là nương tựa mà sống. Nếu

Tỳ-kheo không nương tựa vào xóm làng để tránh[1513] tai nạn, mà chỉ nương tựa nơi ranh giới của xóm làng, thì cũng gọi là nương tựa mà sống.

Người khác: Các nhà Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, đó gọi là người khác.

Làm vẩn đục: Nếu các Tỳ-kheo làm các việc phi phạm hạnh như uống rượu, ăn phi thời tại các xóm làng thì chưa phải là làm vẩn đục tín tâm của người khác.

Làm vẩn đục tín tâm của người khác: Nếu có người trong xóm làng trước đây có tín tâm cúng dường chúng Tăng, kiến tạo chùa tháp mà Tỳ-kheo làm cho họ thối thất đạo tâm, thì gọi là làm vẩn đục tín tâm của người khác.

Làm các việc xấu: Thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái oai nghi; Thân tổn hại, miệng tổn hại, thân miệng tổn hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng, đó gọi là làm việc xấu.

Làm các việc xấu khiến vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe: Làm các việc xấu tại nơi xóm làng khiến ai cũng thấy, cũng nghe, rồi các Tỳ-kheo nói với những Tỳ-kheo ấy: "Này các Trưởng lão! Các vị đã làm những việc xấu, ai cũng thấy, cũng nghe, làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe. Nay chớ có ở đây nữa".

Các Tỳ-kheo ấy liền nói lại: "Này các Trưởng lão! Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, có các Tỳ-kheo đồng tội mà người thì đuổi đi, người thì không đuổi".

Rồi các Tỳ-kheo nói với những Tỳ-kheo ấy: "Này các Trưởng lão! Các vị chớ nên nói như thế. Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Các vị hãy bỏ việc ấy đi".

Những Tỳ-kheo ấy kiên trì không bỏ, lại còn vô lý hủy báng Tăng: Đó là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo: Hoặc là Tăng, hoặc nhiều người, hoặc là một người.

Ba lần khuyên can: Khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng Ba lần.

Khuyên can ở chỗ vắng: Hỏi ở chỗ vắng: "Các Trưởng lão! Các vị có thật vô lý hủy báng Tăng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Có các Tỳ-kheo đồng phạm tội mà người thì bị đuổi, người thì không bị đuổi, có phải thế chăng?". Nếu đáp: "Thật như vậy", liền khiển trách: "Các Trưởng lão chớ dùng những lời vô lý hủy báng Tăng. Vì sao thế? Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Tôi nay vì lòng từ khuyên can các vị, là vì muốn được lợi ích. Vậy các vị hãy

chấm dứt việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa". Nếu không bỏ thì phải khuyên can lần thứ hai, thứ ba, rồi khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần. Nhưng nếu vẫn ngoan cố không bỏ, thì phải đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Các Tỳ-kheo mỗ giáp vô lý hủy báng Tăng và đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, nhưng vẫn nhất định không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ba lần ở giữa Tăng, để cho chấm dứt việc ấy".

Tăng nên hỏi: "Các Trưởng lão! Các vị có thật vô lý hủy báng Tăng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si v.v... cho đến được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người Ba lần mà vẫn nhất định không bỏ phải không?". Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì Tăng nên khuyên can: "Các Trưởng lão! Các vị chớ vô lý hủy báng chúng Tăng. Vì cớ sao? Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Nay Tăng vì lòng từ khuyên can các vị, là muốn được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa. Các vị nên bỏ việc ấy đi". Nếu không bỏ thì khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nhưng nếu vẫn không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

-Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Những Tỳ-kheo ấy được khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không chấm dứt thì mỗi lần khuyên can phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Rồi khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như thế. Đến khi khuyên can ở giữa chúng Tăng, lần đầu chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần khuyên can thứ hai, nói chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần khuyên can thứ ba nói chưa xong phạm tội Thâu-lan-giá, nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đi (trừ ba tội Thâu-lan-giá do vô lý hủy báng chúng Tăng) từ khi khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can

ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần, gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, các tội Thâu-lan-giá gộp chung lại thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào, trị tội ở chỗ đó. Thế nên nói:

"Có các Tỳ-kheo nương tựa vào thành phố hoặc xóm làng mà sinh sống... cho đến khi khuyên can lần thứ hai, thứ ba mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa".

(Hết giới Tăng tàn thứ mười ba)

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 3: NÓI VỀ 2 PHÁP BẤT ĐỊNH

GIỚI NGỒI CHỖ KHUẤT, CHỖ TRỐNG VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ, ông Bà-la-môn đồng hương, bạn cũ của Trưởng lão Ưu-đà-di có cô con gái vừa về nhà chồng, ưu sầu, không vui, nên cô sai người báo tin cho cha cô đến thăm, nếu không đi được thì nhờ Trưởng lão Ưu-đà-di đến thăm cô. Người cha được tin bèn đến nói với Ưu-đà-di: "Con gái tôi vừa mới về nhà chồng, ưu sầu không vui, nên sai người nhắn tin tôi, đồng thời cũng nhắn tin thầy (đến thăm). Tôi nay là người thế tục có nhiều việc nên không thể đi được, xin thầy thỉnh thoảng đến thăm nó".

Ưu-đà-di nói: "Có thể được! Nếu ông không dặn dò, tôi cũng phải đến thăm, huống gì ông đã dặn". Thế rồi, Trưởng lão Ưu-đà-di sáng sớm hôm sau khoác y đi đến nhà ấy. Khi ấy, cô ta đang đóng cửa mà ngồi. Ưu-đà-di ở bên ngoài kêu: "Cô Tuyết có ở nhà không?". Cô hỏi: "Ai đó?". Đáp: "Tôi là Ưu-đà-di đây!". Cô nói: "Sư phụ! Thầy hãy vào. Sư phụ, thầy hãy vào". Thầy bèn bước vào, ngồi ở trong phòng cùng nói chuyện vãng với cô. Bấy giờ, bà mẹ chồng của cô là Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu có ba

mươi hai cậu con trai và ba mươi hai cô con gái, và các nàng dâu bà đều có phước đức, thành tựu các tướng tốt. Khi ấy, bà thường dạy bảo con trai, con gái và các nàng dâu, khuyên răn họ về cách đối xử với cha mẹ, bà con. Rồi bà đi tới trước phòng của cô ấy. Bà vốn là người biết rõ lúc nào là đúng thời, nên không vào liền mà đứng trù trừ ở ngoài cửa. Thế rồi, bà nhìn vào khe cửa, thấy trong phòng có người cạo tóc, khoác y, đang nháy nhó thì thầm (với nàng dâu bà). Bà biết đó là người xuất gia nhưng không biết là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo ni, liền gọi cô dâu. Cô dâu ứng ngôn hỏi: "Ai đó?".

Đáp: "Ta đây".

Cô nói: "Đại gia xin mời vào".

Bà hỏi: "Người ở bên ngươi là ai vậy?".

Cô đáp: "Thầy Ưu-đà-di đấy".

Ưu-đà-di nói: "Ưu-bà-di vì sao không bước vào?".

Lộc mẫu liền bước vào, hỏi: "Thầy Ưu-đà-di! Thầy ngồi đây sao?".

Đáp: "Đúng vậy".

Bà thưa: "Thưa thầy, chỗ ngồi này không được tỏ rõ, giả sử có điều gì mờ ám thì ai có thể biết được! Con sẽ đem việc này nói với các thầy Tỳ-kheo".

Ưu-đà-di vặn lại: "Bà nói những gì?".

Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu nói: "Thấy Ưu-đà-di cùng

ngồi với phụ nữ". Ưu-đà-di liền phản pháo: "Tôi[1519] cũng sẽ đến Phật nói về bà".

Bà bèn hỏi: "Thầy định nói điều chi?".

Ưu-đà-di nói: "Tôi thấy Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu cùng ngồi với đàn ông".

Bà liền hỏi: "Đàn ông nào?".

Ưu-đà-di nói: "Ta chẳng phải đàn ông sao?".

Bà liền nói: "Thưa thầy! Phật không cấm con cùng ngồi với đàn ông, nhưng thầy là người xuất gia phải giữ gìn phép của Sa-môn chứ?".

Ưu-đà-di giận dữ: "Than ôi! Ngươi đã não loạn ta không ít!", rồi đứng lên bỏ đi.

Thế rồi, thầy đi tới nơi khác và cùng ngồi với phụ nữ tại một chỗ trống. Còn Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu thì dạy bảo các con gái, con dâu xong rồi, bèn đi ra, lại thấy Ưu-đà-di cùng ngồi nói chuyện với phụ nữ tại một chỗ trống, bà liền đến bên Ưu-đà-di nói: "Đó là việc bất thiện, không phải phép tắc của Sa-môn. Vì sao thầy lại ngồi với phụ nữ ở chỗ trống trải, tôi sẽ đem việc này nói với các Tỳ-kheo". Ưu-đà-di hỏi: "Bà nói việc gì?". Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu nói: "Thấy Ưu-đà-di ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ trống mà nói chuyện". Ưu-đà-di liền phản pháo: "Ta cũng sẽ đến Phật nói về việc của bà". Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu hỏi: "Thầy nói điều gì?". Ưu-đà-di nói: "Tôi thấy Lộc Mẫu cùng ngồi nói chuyện với đàn ông ở chỗ trống". Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu hỏi:

"Người đàn ông nào?". Đáp: "Ta chẳng phải đàn ông chắc?". Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu nói: "Tôi là người thế tục ngồi với đàn ông thì Phật cho phép, còn thầy là Sa-môn phải giữ gìn phép tắc chớ sao lại thế?". Ưu-đà-di nói: "Bà quấy rầy ta ở mọi chỗ". Nói như thế rồi, liền đứng dậy đi.

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu bèn đem việc đó bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật bảo: "Gọi Ưu-đà-di đến". Họ liền gọi đến. Phật bèn hỏi Ưu-đà-di: "Ông có thật như thế chăng?". Đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn!". Phật liền khiển trách Ưu-đà-di: "Ông là kẻ ngu si. Đó là một việc xấu, người thế tục còn biết phép tắc của người xuất gia điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Còn ông là người xuất gia mà lại không biết phép tắc ngồi đứng, nói năng, điều gì nên, điều gì không nên. Há ông không thường nghe Ta dùng nhiều nhân duyên chê trách việc tùy thuận dâm dục và khen ngợi ly dục hay sao? Nay vì sao ông làm việc xấu như thế? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn pháp thiện". Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập trung lại tất cả. Khi đã tập họp xong, Thế Tôn bèn đem nhân duyên ấy hướng đến các Tỳ-kheo nói rộng về các nguyên nhân sinh khởi những sự lỗi lầm, khiển trách những lỗi lầm đã sinh khởi, rồi tùy thuận thuyết pháp cho các Tỳ-kheo. Vì mười việc

lợi ích mà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri[1521] chế giới cho các đệ tử, lập ra pháp Ba-la-đề-mộc-xoa.

Mười việc đó là:

Vì thâu phục Tăng.

Vì thâu phục Tăng một cách triệt để.

Vì để cho Tăng được an lạc.

Vì để hàng phục kẻ không biết xấu hổ.

Vì để những ai có hổ thẹn được sống an lạc.

Vì để cho người không có lòng tin khiến họ tin tưởng.

Vì để người đã có lòng tin tăng thêm tin tưởng.

Vì muốn chấm dứt Lậu hoặc ngay trong hiện tại.

Vì để cho các Lậu hoặc chưa sinh khởi thì không sinh khởi.

Vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, mở cửa cam lồ cho chư Thiên và nhân loại.

Đó gọi là vì mười việc lợi ích mà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế giới cho các đệ tử; ai chưa nghe thì nghe, ai nghe rồi nên nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ vắng vẻ, che khuất, có thể hành dâm được, rồi Ưu-bà-di khả tín tố cáo Tỳ-kheo ấy phạm một trong ba pháp: Hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề. Đoạn Tỳ-kheo ấy tự nói: "Tôi ngồi chỗ ấy", thì trong ba pháp kia phạm pháp nào trị phạt theo pháp đó: Hoặc Ba-la-di, hoặc

Tăng-già-bà-thi-sa; hoặc Ba-dạ-đề, phải tùy theo lời tố cáo của Ưu-bà-di khả tín mà trị phạt đúng như pháp. Thầy Tỳ-kheo ấy là người phạm pháp Bất định thứ nhất.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ tại chỗ trống, không thể hành dâm được, rồi có Ưu-bà-di khả tín tố cáo Tỳ-kheo ấy phạm một trong hai pháp: Hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề. Đoạn Tỳ-kheo ấy tự nói: "Tôi ngồi chỗ ấy", thì phải căn cứ vào lời tố cáo của Ưu-bà-di khả tín mà trị phạt Tỳ-kheo ấy đúng như pháp: Hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Xem lại một số từ ngữ đã được giải thích ở trước)

Chỗ che khuất: Hoặc ở chỗ tối, hoặc chỗ có che chắn.

Chỗ có thể hành dâm: Chỗ nam nữ có thể giao hoan mà không sợ hổ thẹn.

Một mình: Chỉ có một nam, một nữ mà không có người khác; giả sử có người khác mà đang ngủ, hoặc điên cuồng, hoặc trẻ con, phi nhân, súc sinh thì cũng gọi là một mình.

Ngồi chung: Ngồi gần nhau.

Ưu-bà-di khả tín: Người thành tựu mười sáu pháp sau đây thì gọi là Ưu-bà-di khả tín:

Quy y Phật.

Quy y Pháp.

Quy y Tăng.

Không làm tổn thương lòng tịnh tín đối với Phật.

Không làm tổn thương lòng tịnh tín đối với Pháp.

Không làm tổn thương lòng tịnh tín đối với Tăng.

Tăng chưa được lợi ích có thể làm cho lợi ích.

Tăng đã được lợi ích có thể làm cho tăng trưởng.

Tăng chưa được danh dự thì có thể làm cho danh dự vang xa.

Tăng bị tiếng xấu có thể sớm trừ diệt.

Không hành động tùy theo sự thiên vị.

Không hành động tùy theo sự giận dữ.

Không hành động tùy theo sự sợ hãi.

Không hành động tùy theo sự mê muội.

Hướng đến sự lìa dục.

Thành tựu thánh giới.

Những ai thành tựu mười sáu pháp này thì gọi là người khả tín (đáng tin).

Nếu Tỳ-kheo ấy tự nói rằng biết sự việc, nhưng không biết là mình có ngồi hay không, thì nên trị phạt về sự việc. Nếu nói biết là mình có ngồi, nhưng không biết về sự việc, thì nên trị phạt về lỗi

đã ngồi. Nếu nói biết về sự việc cũng biết là mình có ngồi, thì nên trị phạt cả hai. Nếu nói không biết về sự việc, cũng không biết là mình có ngồi hay không, thì nên căn cứ vào lời tố cáo của Ưu-bà-di khả tín mà làm phép Yết-ma mích tội tướng (tìm xem dấu hiệu của tội).

(Một số từ ngữ đã giải thích ở trước)

Chỗ trống trải: Chỗ sáng sủa trống trải, không có gì che chắn, đó gọi là chỗ trống trải.

Chỗ không thể hành dâm: Chỗ mà, nếu nam nữ giao hoan thì có thể công xúc tu sĩ.

Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một người nữ ở chỗ che khuất, kín đáo, có thể hành dâm được... cho đến bị Ưu-bà-di khả tín tố cáo, thì Tăng phải trị phạt Tỳ-kheo ấy đúng pháp. Đó gọi là pháp Bất định thứ nhất.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ trống trải, không thể hành dâm được... cho đến bị Ưu-bà-di khả tín tố cáo, thì Tăng phải trị phạt Tỳ-kheo ấy đúng pháp. Đó gọi là pháp Bất định thứ hai.

(Hết hai pháp Bất định)

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 8

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ

1. GIỚI CẤT Y DƯ QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại một tinh xá có lầu gác trong rừng Đại-lâm thuộc thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành nơi các thôn xóm rồi chở về đầy xe các thứ vải vóc phẩm vật đã nhận được. Sáng sớm hôm ấy, Thế Tôn nghe tiếng xe chở nặng, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tiếng xe gì vậy?".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng xe của Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành tại các thôn xóm đã nhận được nhiều vải vóc và phẩm vật chở về".

Khi ấy, Thế Tôn bèn suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta tìm cầu nhiều y vật đến như vậy nhỉ!". Sau đó vào một đêm mồng tám giữa mùa đông, tuyết sa rất lạnh, đầu đêm Thế Tôn mặc chiếc áo nhập vào

thiền có giác, có quán, đến lúc nửa đêm cảm thấy hơi lạnh, Thế Tôn bèn mặc chiếc áo thứ hai, nhưng đến cuối đêm, lại cảm thấy lạnh hơn, bèn mặc thêm chiếc áo thứ ba. Thế rồi, Ngài suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta chỉ cần mặc ba y (áo) là đủ ngăn ngừa những khi quá lạnh, quá nóng, đề phòng muỗi mòng, che khuất sự hổ thẹn, không làm tổn thương đến thánh thể. Nếu ai không chịu nổi rét lạnh thì Ta cho phép mặc thêm những chiếc áo cũ".

Thế rồi, trải qua đêm đến sáng sớm, Thế Tôn bèn đi đến chỗ các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: "Một hôm vào buổi sớm mai Ta nghe tiếng xe chở nặng bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Tiếng xe gì thế?", các Tỳ-kheo đáp: "Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành các xóm làng và nhận được nhiều y vật, nên đã dùng xe chở về vậy". Ta bèn suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta tìm cầu nhiều y vật, sính mặc nhiều áo thế nhỉ?". Rồi vào một đêm mùng tám giữa mùa đông... cho đến mặc ba chiếc áo, bèn suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta chỉ cần mặc ba y là vừa đủ ngăn ngừa khi quá lạnh, quá nóng, đề phòng các muỗi mòng, che khuất sự hổ thẹn, không làm tổn thương đến thánh thể". Từ hôm nay trở đi, Ta cho phép các Tỳ-kheo chỉ cất giữ chừng ba y. Nếu được vải mới thì may một y Tăng-già-lê hai lớp, một y Uất-đa-la-tăng một lớp và một y An-đà-hội một lớp. Nếu ai không kham chịu lạnh thì Ta cho phép tùy ý mặc thêm những

chiếc y cũ".

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại một làng kia có ba Tỳ-kheo Ma-ha-la cùng sống chung. Rồi một người qua đời để lại nhiều y vật, hai người còn sống không biết chia cách nào, một Tỳ-kheo nói: "Tôi cần Tăng-già-lê". Người thứ hai cũng nói: "Tôi cũng cần nó". Như vậy hai người đều muốn giành các vật mà không thể quyết đoán được. Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà du hành các thôn xóm rồi ghé qua chỗ họ. Các Ma-ha-la từ xa trông thấy thầy đến, bèn suy nghĩ: "Ông này thuộc dòng dõi Thích Ca, tướng hảo đoan nghiêm, xuất gia từ dòng giống Phật, có thể giúp chúng ta chấm dứt sự tranh giành này", bèn thưa: "Tại chỗ chúng tôi hiện có các y vật, ai cũng muốn giành lấy, không thể chia được. Hôm nay mong Tôn giả hãy vì chúng tôi mà chia giúp các y vật này để tránh sự tranh giành".

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Tôi chia giúp y vật cho các ông tránh sao khỏi các ông oán tôi".

Ma-ha-la nói: "Nếu thầy không chia thì ai chia giúp chúng tôi?

Chẳng lẽ chúng tôi đi nhờ các ngoại đạo chia giùm y vật hay sao?".

Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Trước hết hai người phải cam kết nghe theo lời tôi, thì tôi mới chia cho".

Đáp: "Xin nghe lời".

Thế rồi, Ưu-ba-nan-đà bảo: "Đem hết các vật ra đây".

Họ bèn đem ra. Rồi Ưu-ba-nan-đà chia làm ba phần. Khi ấy, Ma-ha-la suy nghĩ: "Chúng ta chỉ có hai người mà ông ta lại chia làm ba phần, hay là ông ta muốn lấy một phần chăng? Vậy hãy bảo ông ta lấy một phần để chấm dứt sự tranh chấp của chúng ta".

Sau khi chia ba phần ấy đã xong, Ưu-ba-nan-đà lại hỏi các Ma-ha-la: "Còn vật gì hãy đem hết ra đây, kẻo để sau này lại tranh chấp nhau nữa". Người thứ nhất không muốn đem ra, nhưng người thứ hai bèn lấy mang ra, rồi nói: "Hết cả rồi". Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà bèn chia thêm vào ba phần trước rồi tự mình đứng giữa hai phần, còn một phần đem đặt giữa hai Ma-ha-la, nói: "Các ông hãy nghe tôi làm Yết-ma".

Đáp: "Vâng", bèn nói: "Hai phần này và cả tôi, như vậy tôi có ba; còn hai ông và một phần, như vậy hai ông cũng có ba. Thế là đằng này ba, đằng đó ba, hai bên đều được Ba-là công bằng phải không?". Các Ma-ha-la vì trước đó đã cam kết, hơn nữa do sợ uy con dòng họ Thích, nên không dám nói gì nữa.

Thế nên hai người bằng lòng nhận lấy một phần ấy, nhưng không biết làm sao chia, bèn nói:

"Trưởng lão! Phần này của chúng tôi giờ đây phải chia bằng cách nào?".

Bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà bèn chia ra làm hai phần. Rồi mỗi Ma-ha-la nhận lấy một phần mang đi.

Lúc này, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao mà Ưu-ba-nan-đà lại lừa gạt các Tỳ-kheo Ma-ha-la kia như vậy?".

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-ba-nan-đà này không những ngày nay lừa gạt các Tỳ-kheo ấy mà trong thời quá khứ cũng đã từng lừa dối họ". Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?".

Đáp: "Đã từng có như vậy. Trong thời quá khứ, tại một nước ở phương Nam, có một con sông trong sạch, trong sông ấy có hai con rái cá, một con có thể lặn xuống nước sâu, còn một con chỉ lặn ở trên cạn. Bấy giờ, con lặn dưới sâu, bắt được một con cá lý... như trong kinh Bản Sinh đã nói rõ".

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Vì mười việc lợi ích mà cứ năm hôm Đức Như Lai đi tuần hành đến các phòng Tỳ-kheo một lần. Khi Thế Tôn đi qua các phòng, đến phòng của A-nan-đà trông thấy trong phòng cất chứa nhiều y vật: Có y đang hong phơi, có y đang may, có cái đang nhuộm, có cái vừa mới đập cho hết hồ, có cái

tác tịnh. Nan-đà sắp xếp từng chỗ như thế, giống như đang chuẩn bị mở đại hội bố thí các tăng vật.

Khi ấy, Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: "Nan-đà! Những y vật này của ai thế?".

Đáp: "Của con đấy".

Phật nói: "Này Tỳ-kheo! Y này nhiều quá".

Nan-đà liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn cho phép dùng hai lớp y Tăng-già-lê, một lớp y Uất-đa-la-tăng và một lớp y An-đà-hội kia mà".

Phật nói: "Nhưng y này cũng vẫn nhiều".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con có các đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ đều cần may hai lớp y Tăng-già-lê, một lớp y Uất-đa-la-tăng, một lớp y An-đà-hội, lại còn may y cho Sa-di nữa".

Phật lại nói: "Nhưng y này cũng vẫn còn nhiều".

Rồi thầy bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Những người xuất gia chúng con khi cần đến y phục thì khó tìm được, cho nên các vải vóc này giặt phơi xong rồi, con đem cất vào trong tủ, để khi y phục bị rách sẽ lấy ra may y mà dùng".

Phật bèn nói với Nan-đà: "Đó là việc xấu. Ông là người xuất gia vì sao vẫn còn tham lam như kẻ thế tục? Ông há không thường nghe Ta chê trách đa cầu, đa dục, khó thỏa mãn và khen ngợi thiểu dục tri túc hay sao? Thế mà nay ông lại đa dục, khó

thỏa mãn, cầu nhiều y vật cất chứa lâu dài. Đó[1531] là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Vì sao lại cất chứa vải lâu ngày để dùng? Từ nay trở đi nếu nhận được vải vóc thì cho phép cất giữ một đêm".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Nan-đà này lại cất chứa nhiều vải mà không biết đủ?".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông Nan-đà này không những ngày nay cất chứa nhiều vải vóc, không biết đủ, mà trong thời quá khứ cũng đã từng cất chứa nhiều, không biết đủ, như trong kinh Điểu Sinh (Thuộc Bản Sinh?) đã nói rõ".

Lại nữa, khi Phật an trú tại Câu-xá-di, được chư Thiên và người đời cung kính cúng dường. Đến giờ khất thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát đi vào thành Câu-xá-di tuần tự khất thực. Bấy giờ, hoàng hậu của quốc vương tên là Xá Di, đem một ngàn năm trăm tấm dạ cúng dường cho Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan đem những tấm dạ ấy chia cho các Tỳ-kheo. Trưởng lão A-nan liền đem chia cho các Tỳ-kheo, nhưng các Tỳ-kheo không nhận, và nói với A-nan: "Dùng kiếp bối nhuộm chưa xong, cho nên không đúng pháp".

Khi đó, A-nan đem nhân duyên ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với A-nan: "Từ nay trở đi

nếu được vải thừa, Ta cho phép để dành đến mười hôm".

Thế rồi, có các Tỳ-kheo cất vải thừa đã đủ mười ngày bèn cầm đến bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Những vải này cất đã mười ngày, nay phải làm sao?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nếu có Tỳ-kheo bạn ở gần bên thì nên làm phép tịnh thí, rồi mười ngày thay đồ cũ và mặc đồ mới một lần".

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, hằng năm, dân chúng tại thành này cúng dường chúng Tăng ăn uống xong rồi, bèn bố thí y vật cho các Tỳ-kheo, nhưng các Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, các thí chủ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Có phương tiện gì cho phép các Tỳ-kheo nhận các y vật về dùng, để cho người bố thí thì được phước, người thọ dụng thì được lợi ích hay không?".

Phật nói: "Được". Như trên đã nói rõ.

Bấy giờ, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo, việc y phục đã hoàn tất, y Ca-hi-na cũng đã xả, nhận được y (do thí chủ cúng dường) được cất giữ trong vòng mười hôm; nếu quá mười hôm thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Y phục đã hoàn tất: Tỳ-kheo đã may xong ba y, gọi là y đã hoàn tất. Hoặc không thọ y Ca-hi-na, cũng gọi là y đã hoàn tất. Hoặc đã xả y Ca-hi-na, cũng gọi là y đã hoàn tất. Hoặc y giặt nhuộm đã xong, cũng gọi là y đã hoàn tất.

Y: Gồm có các loại: Y Khâm-bà-la, y Kiếp-bối, y Sô-ma, y Câu-xá-da, y Xá-na, y Ma, y Khu-mâu-đề. Lại có các loại y khác như: Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Ni-sư-đàn, y Tắm mưa, y Che ghẻ, y Chắp vá, y Cư sĩ, y Phấn tảo, hoặc làm, hoặc không làm, y như pháp, y không như pháp, y biết rõ, y Ca-hi-na. Đó gọi là y.

Đã xả: Tức xả y Ca-hi-na. Có mười trường hợp xả y như sau:

Thọ y xả.

Y hết xả.

Hết thời gian mà xả.

Nghe xả.

Ra đi (khỏi trú xứ) xả.

Bị mất mà xả.

Bị hư mà xả.

Đưa y đi chỗ khác mà xả.

Thời gian đã qua mà xả.

Hết thời gian mà xả.

Đó gọi là mười trường hợp xả y.

Vừa đúng mười ngày: Số ngày tối đa là mười ngày.

Y để lâu ngày (trường y): Ngoại trừ số y được phép thọ dụng, các y khác nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Nghĩa là chiếc y đó cần phải xả giữa Tăng,

rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nhưng nếu không xả mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Các tội phải đọa vào đường ác như: Tội được thấy, được nghe, tội bị cử (nêu ra) v.v... Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, rồi liên tục các ngày khác đều nhận được y, thì được cất trong vòng mười ngày không cần tác tịnh (cho tượng trưng). Nếu quá mười ngày thì tất cả các y đó đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, rồi liên tục các ngày khác cũng được y mà trong nửa số đó có tác tịnh, nửa số không tác tịnh, thì những cái có tác tịnh là hợp pháp, còn những cái không tác tịnh là không hợp pháp, nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai tác tịnh; ngày thứ hai lại được y, ngày thứ ba tác tịnh; ngày thứ ba lại được y, ngày thứ tư tác tịnh; ngày thứ tư lại được y, ngày thứ năm tác tịnh; ngày thứ năm lại được y, ngày thứ sáu tác tịnh;

ngày thứ sáu lại được y, ngày thứ bảy tác tịnh; ngày thứ bảy lại được y, ngày thứ tám tác tịnh; ngày thứ tám lại được y, ngày thứ chín tác tịnh; ngày thứ chín lại được y, ngày thứ mười tác tịnh; ngày thứ mười lại được y để đến ngày thứ mười một, thì tất cả đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vì tương tục không gián đoạn vậy.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y liền tác tịnh ngay trong ngày ấy, cho đến hết ngày thứ mười được y, liền tác tịnh trong ngày thứ mười, ngày thứ mười một được một y, tác tịnh trong ngày thứ mười một, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Vì không gián đoạn vậy.

Gián đoạn: Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, bèn đình lại đến chín ngày; ngày thứ hai được y, bèn đình lại đến tám ngày, ngày thứ ba được y, bèn đình lại đến bảy ngày; ngày thứ tư được y, bèn đình lại đến sáu ngày; ngày thứ năm được y, bèn đình lại đến năm ngày; ngày thứ sáu được y, bèn đình lại đến bốn ngày; ngày thứ bảy được y, bèn đình lại đến ba ngày; ngày thứ tám được y , bèn đình lại đến hai ngày; ngày thứ chín được y, bèn đình lại đến một ngày; ngày thứ mười được y, bèn tác tịnh tất cả các y kể trên trong ngày thứ mười. Nếu ngày thứ mười một được y, thì không nên nhận. Đó gọi là gián đoạn.

Nếu Tỳ-kheo trước được y nhiều, sau được y ít, do vì hiệu lực của y trước, nên phạm tội Ni-tát-kỳ

Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước được y ít, sau được y nhiều, vì hiệu lực của y trước, nên phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo trước có y, trung gian không có, nếu có thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước không có y, trung gian lại có, nếu có, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Lại có các trường hợp) Hoặc các Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà tưởng có thọ; hoặc đã xả y Ca-hi-na mà tưởng chưa xả; hoặc không thọ y mà tưởng có thọ; hoặc không tác tịnh mà tưởng đã tác tịnh; hoặc không cho (người khác) mà tưởng đã cho; hoặc không ghi nhớ mà tưởng ghi nhớ; hoặc vì trong lòng mê muội, tác tịnh không đúng chỗ...

Không thọ y Ca-hi-na mà tưởng có thọ: Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà tự bảo đã thọ, rồi cất giữ y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Đã xả y Ca-hi-na mà tưởng chưa xả: Tỳ-kheo đã xả y Ca-hi-na mà tự bảo chưa xả, rồi cất giữ y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Chưa thọ y mà tưởng đã thọ: Nếu Tỳ-kheo đối với ba y tự mình không thọ mà tự bảo mình đã thọ rồi, nên không tác tịnh để y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Chưa tác tịnh mà tưởng đã tác tịnh: Tỳ-kheo cất y lâu ngày không tịnh thí (cho người khác theo thủ

tục chứ không thực cho), mà tưởng mình đã tịnh thí rồi để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Không cho mà tưởng đã cho: Chiếc y ấy không hiến cho Tháp, không hiến cho Tăng, không cho người, mà bảo là đã cho rồi, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Không nhớ rõ mà tưởng nhớ rõ: Nếu Tỳ-kheo không nhớ rõ rằng đây là Ni sư đàn, đây là y Che ghẻ, đây là áo tắm mưa, mà tưởng là nhớ rõ, rồi không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Mê muội: Nếu Tỳ-kheo được y, mà vì mê muội, nên không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tâm niệm thuyết tịnh: Trong lòng định thuyết tịnh, mà miệng không nói thành lời đó gọi là thuyết tịnh phi pháp, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu miệng nói thì không có tội.

Không đúng chỗ: Nếu tác tịnh với người thế tục, người không hay biết, với súc sinh, thì cũng như không tác tịnh. Nếu (tác tịnh rồi) để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ưu-ba-ly bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ-kheo có y thừa muốn tác tịnh, vậy phải tác tịnh với ai?".

Phật nói với Ưu-ba-ly: "Nên tác tịnh với Tỳ-

kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni".

Lại hỏi: "Tác tịnh với những người ở cách mình chừng bao xa?".

Phật nói: "Chừng ba do-tuần và phải biết họ đã mất hay còn (Họ còn sống mới tác tịnh được)".

Ưu-ba-ly lại bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chiếc y để dành đem tác tịnh với Sa-di mà Sa-di ấy thọ giới Cụ túc thì thế nào?".

Phật nói: "Xưng là Tỳ-kheo không có tuổi hạ để tác tịnh".

Ưu-ba-ly lại hỏi: "Nếu ông Tỳ-kheo không có tuổi hạ ấy chết thì phải làm sao?".

Phật đáp: "Được đình lại mười ngày, rồi tác tịnh với những người quen biết khác".

Lại hỏi: "Tấm vải rộng mức độ nào phải tác tịnh? Mức độ nào khỏi phải tác tịnh?"

Phật nói: "Nếu tấm vải (y) rộng chừng một khuỷu tay, dài chừng hai khuỷu tay thì phải tác tịnh. Nhưng nếu hai Tỳ-kheo có một tấm vải chung chưa chia thì không phạm. Nếu đã chia ra rồi thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Nếu nhà Bà-la-môn mời chư Tăng đến thọ trai và bố thí vải vóc, nhưng có một Tỳ-kheo do bệnh bèn nhờ người khác nhận giúp phần vải của mình, rồi Tỳ-kheo ấy nhận giúp phần vải đó đem về, tuy

cất lâu ngày chưa đưa vẫn không phạm tội. Nhưng khi Tỳ-kheo bệnh đã nhận rồi thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nghe nói thầy hoặc đệ tử sẽ cho y cho mình, nhưng chưa nhận được, thì lâu ngày vẫn không phạm tội. Nếu đã nhận được thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nhờ thợ dệt áo cho mình, áo tuy dệt xong đã lâu mà họ chưa đưa, thì Tỳ-kheo không phạm tội. Nhưng nếu đã nhận được áo thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo mua y, tuy giá cả đã dứt khoát, nhưng chưa nhận được y thì không phạm tội. Nếu đã nhận được y thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vì việc cúng dường Phật, cúng dường Tăng, rồi đi tìm kiếm y đem về để một chỗ, tuy lâu ngày chưa dùng đến vẫn không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nhận được các y vật từ những cuộc bố thí lớn tại các nơi như Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La Vân mở đại hội, chỗ năm năm đại hội một lần, rồi đem các y vật đó nhập vào của Tăng, chưa phân chia, tuy lâu ngày vẫn không phạm tội.

Nếu y vật ấy đã phân chia, nhiều người được chung một phần, trong đó có người am tường luật đồng ý tác tịnh cho mọi người thì không có tội. Nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đi đường gặp chỗ nguy hiểm đáng sợ, bèn giấu y mà đi, để quá mười ngày trở lại lấy, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu có người lấy y ấy mang đến cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo nhận thì cũng phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo bị quân giặc đuổi, bèn vứt y mà chạy, quá mười ngày, có người nhặt được y ấy, đem trả lại Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo không có tội.

Nếu y không mất mà tưởng là mất hoặc mất mà tưởng là không mất, hoặc mất mà tưởng là mất, đều không phạm nên để quá mười ngày không có tội. Nhưng nếu y không mất mà biết là y không mất, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cất y thừa quá mười ngày, muốn xả nó, thì nên nhờ một Tỳ-kheo trì luật, biết làm Yết-ma mời một số Tỳ-kheo quen biết ra ngoài đại giới, nếu nơi ấy không có giới trường thì phải kết tiểu giới để làm Yết-ma, rồi thầy Yết-ma nên nói:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy phạm vi từ ngoài chỗ Tăng ngồi một tầm trở vào, dùng phạm vi ấy làm Yết-ma. Xin các Đại đức Tăng hãy nghe!

Ở tại chỗ này từ ngoài chỗ Tăng ngồi một tầm[1541] trở vào trong, dùng phạm vi ấy làm Yết-ma... Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà chấp hành".

Chỗ đất nào không làm Yết-ma (kết cương giới) thì không được làm các việc của Tăng (không được giải quyết việc của Tăng), nếu làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Vị luật sư nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Thầy hãy xả y này". Rồi Tỳ-kheo ấy phải quì xuống chắp tay nói như sau:

"Mong chư Đại đức Tăng nhớ cho: Con là Tỳ-kheo mỗ giáp đã cất y này quá mười ngày, phạm tội Ni-tát-kỳ, nay con xả nó giữa chúng Tăng".

Vị luật sư lại hỏi: "Thầy đã dùng chiếc y này chưa?". Nếu nói: "Đã dùng", thì nên bảo: "Thầy đã phạm tội Ba-dạ-đề, vì sử dụng y bất tịnh (không đúng quy định), do sử dụng nên phạm thêm tội Việt-tỳ-ni". Nếu đáp: "Chưa dùng". Thì lại nói: "Thầy phạm tội Ba-dạ-đề".

Thầy Tỳ-kheo ấy phải quì trước vị luật sư, chắp tay bạch: "Xin

Trưởng lão nhớ cho: Tôi là mỗ giáp, cất giữ y quá mười ngày, đã xả giữa chúng Tăng, trong đó phạm tội Ba-dạ-đề. Nay xin sám hối trước Trưởng lão, không dám che giấu".

Vị luật sư hỏi: "Thầy có tự thấy tội không?".

Nếu đáp: "Thấy", thì nên khuyên bảo: "Chớ có

phạm lại nữa". Đáp: "Xin vâng" (ba lần).

Rồi Tỳ-kheo ấy lại nói như sau: "Xin Trưởng lão nhớ cho: Tôi Tỳ-kheo mỗ giáp, cất y quá mười ngày, đã xả giữa chúng Tăng, trong đó phạm tội Ba-dạ-đề, vì đã sử dụng y bất tịnh, phạm thêm tội Việt-tỳ-ni, nay hướng đến Trưởng lão thành tâm sám hối tất cả các tội ấy không dám che giấu".

Vị luật sư hỏi: "Thầy có tự thấy tội không?".

Nếu đáp: "Thấy", thì bảo: "Thầy chớ có tái phạm".

Đáp: "Xin đội lên đầu chấp hành". Lập lại như thế đến lần thứ hai, thứ ba.

Vị luật sư lại hỏi: "Trong chúng Tăng đây ai là người mà thầy quen biết?"

Nếu đáp: "Mỗ giáp", liền nói: "Hãy ngồi theo thứ tự". Rồi làm Yết-ma:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp đã cất y quá mười ngày và đã xả giữa chúng Tăng đúng pháp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng đem chiếc y này cho vị Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp". Đó là lời tác bạch.

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp này cất y quá mười ngày và đã xả giữa Tăng đúng pháp. Nay Tăng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp. Các đại đức Tăng nào bằng lòng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp thì im lặng, ai

không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma[1543] thứ nhất".

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Rồi kết luận:

"Tăng đã bằng lòng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành".

Sau đó, thầy Tỳ-kheo quen biết nên trả y lại cho vị kia ngay trong ngày ấy, hoặc ngày hôm sau, nhưng không được trả ở giữa chúng Tăng, cũng không được để hơn nửa tháng mới trả. Thầy Tỳ-kheo ấy được y lại rồi hoặc thọ trì, hoặc tác tịnh. Nếu không biết cách thọ trì và không biết tác tịnh thì Tăng nên dạy nói như sau:

"Tôi mỗ giáp, chiếc y Tăng-già-lê này, chiếc y Uất-đa-la-tăng này,

chiếc y An-đà-hội này tôi luôn luôn thọ trì không rời nó qua đêm".

Nói như thế Ba lần. Nếu tác tịnh thì nên dạy nói như sau:

"Tôi là Tỳ-kheo A, chiếc y này dư thừa, nay tịnh thí cho Tỳ-kheo B; vì Tỳ-kheo B ở gần tôi. Tôi sẽ tùy ý giặt phơi, vá lại và nếu có nhân duyên thì đem ra sử dụng".

Nói như vậy Ba lần. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo việc y đã hoàn tất, y Ca-hi-na

cũng đã xả, có thể cất giữ y (ngoài ba y) trong vòng mười ngày, nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ nhất)

2. GIỚI RỜI Y MÀ NGỦ

Khi Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Bà-la-môn mời chúng Tăng về nhà nghỉ qua đêm để cúng dường và bố thí y vật. Các Tỳ-kheo nghe ông ta mời chúng Tăng liền suy nghĩ: "Lúc này, thời tiết ôn hòa, không lạnh, không nóng, chúng ta chỉ cần mặc y thượng, y hạ đi đến, nếu ông ta cúng dường y thì ta cứ xem như thọ nhận thêm cái y thứ ba", bèn mặc y thượng và hạ ra đi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành đến các phòng của Tăng chúng một lần. Khi đến đó, Thế Tôn mở cửa một căn phòng, thấy trên giá có nhiều y, mặc dù biết, Thế Tôn vẫn hỏi: "Trên giá có nhiều cái y, là y của ai thế?"

Có một Tỳ-kheo bệnh bạch với Thế Tôn: "Có một Bà-la-môn mời các Tỳ-kheo về nhà nghỉ qua đêm để cúng dường và bố thí các y vật. Các Tỳ-kheo nghĩ rằng thời tiết ấm áp nên để lại các y này, chỉ mặc thượng, hạ y mà đi, nếu như ông ta cúng dường y, thì thọ làm cái y thứ ba".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Nên biết: Như Lai Ứng Cúng là người an lạc bậc nhất, xuất gia ly dục là niềm vui bậc nhất, tùy theo chỗ mà ở, lúc đi khất thực phải đem theo ba y và bát, ví như đôi cánh của chim luôn dính sát vào thân. Tỳ-kheo các ông đã từ bỏ dòng họ cũ, vì lòng tin xuất gia, thế nên, hễ đi đến đâu phải đem pháp y theo bên mình, không nên lìa y qua đêm”.[1545]

Lại nữa, khi Phật an cư tại thành Xá-vệ xong, bèn đi đến thành Vương-xá. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở thành Vương-xá vì lòng tin xuất gia, sau khi an cư tại một thôn làng khác vừa kết thúc, nghe tin Phật an cư xong đi đến thành Vương-xá, bèn thầm nhủ: “Nay ta nên đến vấn an

Thế Tôn rồi cùng theo Phật đi thăm những bà con, lúc này trời không lạnh, không nóng, vậy ta nên để lại một y, chỉ cần mặc y thượng, y hạ mà ra đi”. Thế là bị Thế Tôn quở trách: “Phép tắc của Tỳ-kheo là pháp y và ứng khí (bát) phải luôn đem theo bên mình, ví như chim bay, lông cánh luôn theo bên mình, không nên rời xa”.

Khi Phật trú tại thành Vương-xá nơi tinh xá trong vườn trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất suy nghĩ: “Nay ta nên vì lợi ích của bà con an cư tại thôn Na-la. Nhưng vì lòng tôn kính đối với Thế Tôn nên không muốn rời xa, song cũng khó đến nói với Phật”.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Do đó, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ hôm nay, Ta cho phép chư Tăng ở tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và chư Tăng tại thôn Na-la cùng thiết lập chung một giới trường bố-tát để cho Xá-lợi-phất được sống an lạc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Từ hôm nay tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và thôn Na-la cùng thiết lập chung một giới trường Bố-tát. Nếu thời gian thích hợp đối với tăng, nay Tăng đem tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và thôn Na-la thiết lập chung một giới trường Bố-tát, xin bạch như thế".

Một lần bạch Yết-ma, cho đến "Vì Tăng bằng lòng nên im lặng.

Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất an cư tại thôn Na-la, hằng ngày đi đến tinh xá Trúc Viên đảnh lễ Thế Tôn, gặp lúc trời mưa suốt bảy ngày, bèn suy nghĩ: "Thân ta nay già yếu, mà y Tăng-già-lê này thì nặng, ta muốn mang đi, nhưng bị mưa ướt càng nặng thêm, còn nếu không mang đi, lỡ ra không về kịp, thành phạm tội Xả đọa. Vậy ta hãy chờ mưa tạnh rồi sẽ đi đến Thế Tôn". Nhưng lúc đi đường, gặp các ngoại đạo, Tôn giả bèn luận bàn với họ (như kinh Sa-môn Quả đã nói) rồi mới đi đến Thế

Tôn, đảnh lễ vấn an. Phật biết mà vẫn hỏi: "Xá-lợi-phất! Vì sao lâu ngày Ta không gặp ông?". Tôn giả bèn hướng đến Thế Tôn nói rõ các việc trên.[1547]

Lúc này, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi gộp chung tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và thôn Na-la làm thành một giới "Bất ly y túc" (ngủ đêm không rời y), để các Tỳ-kheo được sống an lạc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nay từ tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá đến thôn Na-la -Trừ các nhà dân và ranh giới của thôn -làm thành một phạm vi không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng,

Tăng nay gộp chung từ thành Vương-xá đến thôn Na-la. Trừ các nhà dân và ranh giới của thôn -làm thành một phạm vi không mất y.

Các Đại đức nào bằng lòng gộp chung từ thành Vương-xá đến thôn Na-la.-Trừ các nhà dân và ranh giới của thôn -làm thành một phạm vi không mất y, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói...

Tăng đã bằng lòng vì im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành". Sau khi kiết giới không mất y rồi thì từ thành Vương-xá đến thôn

Na-la, hai bên đường mỗi bên hai mươi lăm khuỷu tay đều thuộc giới vức không mất y, nên Tỳ-kheo có thể để y tại thành Vương-xá rồi đi đến thôn

Na-la mà không có tội, hoặc để y tại thôn Na-la rồi đi đến thành Vương-xá cũng thế. Như nhân duyên của Xá-lợi-phất, nhân duyên của Mục-kiền-liên cũng như vậy.

Lại nữa, khi Thế Tôn an trú tại tinh xá Kỳ-hoàn thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy có một Tỳ-kheo sau bữa ăn muốn đến rừng Khai Nhãn ngồi thiền, liền suy nghĩ: "Nếu ta nghỉ đêm tại rừng Khai nhãn thì sẽ mất y Tăng-già-lê (y này bị phạm luật), liền đem cả ba y theo; bỗng gặp Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo! Vì sao thầy mang theo nhiều y thế?". Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con muốn đến rừng Khai Nhãn ngồi thiền, nhưng sợ lỡ ra buổi chiều không trở về kịp thì sẽ mất y Tăng-già-lê, nên phải mang theo cả ba y".

Do thế, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi, kể từ rừng Kỳ-hoàn đến rừng Khai Nhãn các tinh xá Đông phường, tinh xá Tây phường, tinh xá Đông lâm, tinh xá Tây lâm, tinh xá Vương viên, tháp Thọ trù, tinh xá Bà la lâm gộp lại làm thành giới vức không mất y, để các Tỳ-kheo sống trong đó được an lạc. Thầy Yết-ma nên nói như sau: "Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nay từ Kỳ-hoàn đến rừng Khai Nhãn, từ tinh xá Đông lâm cho đến tháp Thọ Trù, trong phạm vi đó, trừ thôn và ranh giới của thôn... nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ rừng Kỳ-hoàn cho đến tháp Thọ trù, làm pháp Yết-ma kết

giới không mất y. Đó là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe: Từ rừng Kỳ-hoàn cho đến tháp Thọ Trù, trong phạm vi đó, trừ thôn và ranh giới của thôn Tăng nay kết giới không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng lấy từ rừng Kỳ-hoàn qua rừng Khai Nhãn cho đến tháp Thọ Trù làm giới vức không mất y thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng lấy từ rừng Kỳ-hoàn qua rừng Khai Nhãn cho đến tháp Thọ Trù làm giới vức không mất y, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Vậy việc đó cứ như thế mà thi hành".

Lại nữa, khi Phật trú tại tinh xá Kỳ-hoàn trong thành Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ bị hỏa hoạn nên dân chúng, voi, ngựa, xe cộ và trai gái mang vác y phục chạy ra khỏi thành. Còn các Tỳ-kheo thì phần lớn gởi y ở trong thành, nên vì sợ cháy y mà từ ngoài chạy gấp vào trong thành. Thấy thế, những kẻ không tin Phật ở trong thành đều chê trách: "Chúng ta vì bị lửa cháy mà chạy ra khỏi thành tị nạn, còn các Sa-môn này lại chạy vào thành giống như những con thiêu thân lao vào lửa, có việc gì mà gấp thế?".

Khi ấy, có người nói: "Các Sa-môn này không sống theo chánh đạo, muốn lấy đồ vật của người ta. Ví như quân trộm cướp rình xem người ta giấu của ở đâu để lấy về nuôi sống, như là thuốc trị

bệnh. Đám Sa-môn này cũng như vậy, chờ khi người ta bị tai họa mà chạy xông vào thành... Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Họ bèn gọi đến. Khi các Tỳ-kheo ấy đến rồi, Phật liền hỏi: "Vì sao các ông lại hướng về trong thành mà chạy khiến cho người đời hiềm trách?". Đáp: "Bạch Thế Tôn! Y phục và vật dụng của chúng con trước đây để trong thành, khi trong thành phát hỏa, chúng con sợ mất y nên mới chạy vào để lấy".

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao Tăng chúng các ông không tác pháp Yết-ma ly y túc?".

Đáp: "Có tác Yết-ma".

Phật lại hỏi: "Tác Yết-ma bằng cách nào?".

Đáp: "Kết luôn cả thành Xá-vệ". Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Vì sao các ông lại tác Yết-ma gom chung chỗ A-lan-nhã với thôn xóm? Từ nay trở đi ta không cho phép làm phép Yết-ma gom chung A-lan-nhã với thôn xóm, mà phải A-lan-nhã kết chung với A-lan-nhã, thôn xóm kết chung với thôn xóm. Nếu ghép chung A-lan-nhã với thôn xóm, thôn xóm với A-lan-nhã thì phạm tội Việt-tỳ-ni". Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả. Rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai

nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo việc y đã xong, y Ca-hi-na cũng đã xả, mà rời một trong ba y ngủ qua đêm một chỗ khác -trừ trường hợp Tăng Yết-ma cho phép -thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Y đã xong: Ba y đã đầy đủ gọi là y đã xong. Hoặc không thọ y Ca hi la cũng gọi là y đã xong, hoặc đã xả y Ca-hi-na cũng gọi là y đã xong, hoặc y được giặt nhuộm xong cũng gọi là y đã xong.

Y: Y gồm có các loại y Kiếp-bối, y Khâm-bà-la, y Sô-ma, y Kiều-xá-da, y Xá-na, y Ma, y Khu-mâu-đề.

Xả y Ca-hi-na: Gồm có mười việc từ thọ y xả cho đến chung cục xả.

Một đêm: Từ lúc mặt trời sắp lặn cho đến bình minh xuất hiện.

Ba y: Y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng và y An-đà-hội.

Trừ Tăng Yết-ma: Nếu Tăng không làm Yết-ma cho phép thì không được rời y một đêm. Nhưng nếu làm Yết-ma mà bạch không đúng cách thì việc Yết-ma cũng không thành tựu. Hoặc làm Yết-ma mà tất cả đều sai cách thức thì cũng như không làm Yết-ma.

Làm Yết-ma: Bạch thành tựu (đúng cách thức), Yết-ma thành tựu, chúng thành tựu, tất cả mọi chi

tiết đều đúng pháp thì gọi là Tăng đã làm Yết-ma. Nếu đã làm Yết-ma như thế thì Thế Tôn bảo là không có tội (tức được rời y một đêm không phạm tội).

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Tức chiếc y ấy cần phải xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Cương giới:

Cương giới Yết-ma.

Cương giới du hành.

Cương giới nương tựa.

Cương giới bảy cây Am-bà-la (xoài).

Cương giới Yết-ma:

Nói rộng.

Nói sơ lược.

Thôn xóm.

Nêu tên.

Cột mốc.

Tùy khúc giới.

Tị nạn giới.

Chư phương giới.

Nói rộng: Như tại nước Ma-đầu-la có Tùng-lâm tinh xá, ở phía Đông của Ma-đầu-la có sông Diêm-phù-na và về phía Đông của sông này có tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở tinh

xá Tiên nhân Tụ-lạc sai sứ giả đến thưa với[1553] chư Tăng tại tinh xá Tùng-lâm như sau:

"Chúng tôi muốn cùng quý vị kết chung một giới vức Bố-tát". Các Tỳ-kheo kia hỏi: "Vì sao vậy?"

Đáp: "Vì ở bên đó có nhiều thức ăn ngon lành, lại được y của từng phòng riêng, y an cư, nên chúng tôi muốn cùng được san sẻ".

Các Tỳ-kheo kia nên trả lời: "Nếu vì y phục và ẩm thực mà muốn kết giới chung thì điều đó không thích hợp, các vị cứ hãy ở yên bên đó".

Nhưng nếu họ nói: "Trú xứ của chúng tôi có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, không am tường Khế kinh, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không khéo quán tưởng về ấm, giới, nhập, mười hai nhân duyên, cho nên muốn đến các Trưởng lão để học Khế kinh, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, ấm, giới, nhập, quán tưởng mười hai nhân duyên".

Thì các vị kia nên nói: "Sau khi Tăng chúng bên các thầy làm Yết-ma mà không gặp trở ngại gì thì chúng tôi sẽ cùng các thầy kết giới chung".

Đồng thời bảo tất cả Tỳ-kheo đến hết bên đó. Nếu không đến thì tất cả phải ra hết ngoài giới, hoặc là bên đó đến, hoặc là ra hết ngoài giới rồi mới làm phép Yết-ma. Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian

thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ tinh xá Tùng-lâm đến tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc, ở trong đó: Nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới cùng kết chung một giới vức Bố-tát". Đó là lời tác bạch.

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Từ tinh xá Tùng-lâm này đến tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc, ở trong đó: Nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới Tăng nay kết hợp chung thành một giới vức Bố-tát. Các Đại đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng đem tinh xá Ma-đầu-la, Tùng-lâm kết chung với tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc. Hai đại giới này, thành một giới vức Bố-tát đã xong. Tăng bằng lòng vì im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành".

Nếu ở trung gian không có sông thì nên làm Yết-ma thành một chỗ, nhưng nếu ở Trung gian có sông thì phải làm Yết-ma chia thành ba khu vực:

Tinh xá Ma-đầu-la.

Trong nước.

Tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc.

Nhưng nếu trong sông có cù lao thì phải làm Yết-ma chia thành

năm khu vực:

Tinh xá Ma-đầu-la.

Trong nước.

Trên cù lao.

Trong nước.

Thôn Tiên nhân.

Cũng như trên đất liền cách hai bên đường mỗi bên hai mươi lăm khuỷu tay, ở trong nước cũng vậy.

Sau khi kiết giới xong, một hôm vào mùa hạ, nước dâng lên cao, Tỳ-kheo nhận dục xong muốn đến tham dự Yết-ma, nhưng bị nước cuốn trôi ra khỏi ranh giới, suýt chết, may mà sống được, bèn bạch với các Tỳ-kheo: "Vừa rồi tôi nhận dục xong đến đây bị nước cuốn trôi, may mà thoát chết, nay có thể kiết giới rộng được không?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Được! Vậy thầy hãy đi đến phía trên, phía dưới nước khoảng ba do-tuần làm các tiêu xí như cây, đá, hoặc đống đất, rồi trở về đây".

Bấy giờ, người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Từ tinh xá Ma-đầu-la cho đến tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới, trung gian giới và trên, dưới nước với chừng mực như thế trở lại... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay kết từ tinh xá Ma-đầu-la cho đến Tinh Xá Tiên nhân Tụ-lạc, trên dưới sông với chừng mực như thế trở lại làm thành giới vức Bố-tát Yết-ma, xin bạch như vậy".

Rồi bạch một lần Yết-ma cho đến "Tăng bằng lòng vì im lặng.

Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Lại có một lần, một người nhận dục xong đi đến chỗ Yết-ma, bèn lên thuyền định đi, nhưng người chèo đò kéo thuyền ngược dòng nước rồi mới chèo, liền nói với Tỳ-kheo: "Thuyền nặng khó kéo đi, thầy hãy lên bờ đến chỗ chèo được rồi hãy lên thuyền trở lại". Thầy Tỳ-kheo này vì đang nhận dục nên không được lên bờ, vì hễ ra khỏi giới thì bị mất dục. Do đó, thầy phải lội dọc theo bờ mà đi tới, nhưng vì thuyền trôi quá nhanh nên ra khỏi phạm vi của giới vức. Tỳ-kheo bèn ở trong phạm vi của giới vức bơi theo thuyền, nhưng nước lại cuốn thuyền trôi về phía dưới quá ba do-tuần. Bấy giờ, Tỳ-kheo phải bỏ thuyền nhắm bờ mà lội đến, khi tới được đầu đường thuộc phạm vi trong giới vức rồi mới lên bờ. Đó là trình bày rộng.

Nói sơ lược: Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với

Tăng, Tăng nay lấy từ tinh xá Ma-đầu-la cho đến tinh xá Tiên nhân Tụ-lạc, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian, kết chung thành một cương giới Bố-tát, xin bạch như thế".

Bạch một lần Yết-ma cho đến "Vì Tăng đã

bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Đó gọi là nói sơ lược về cương giới.

(Cương giới của) thôn xóm: Nếu như tinh xá Ma-đầu-la ở phương Tây và tinh xá Tụ-lạc muốn kết chung thành một cương giới Bố-tát thì nên kể tên các tinh xá trong phạm vi ba do-tuần để làm Yết-ma. Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ tinh xá Điềm, tinh xá Đông, tinh xá Thắng, tinh xá Bất-loạn, tinh xá Hiền, tinh xá Giới-thứ-đệ, tinh xá Loa, tinh xá Lạc Thôn và tinh xá Hoàng, trong các tinh xá như vậy, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới kết chung thành một cương giới Bố-tát, xin bạch như thế".

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Nêu tên (cương giới): Nếu Tỳ-kheo làm Yết-ma không biết tên của các tinh xá thì nên nhờ một cựu Tỳ-kheo hiểu biết xướng tên của các tinh xá giữa chúng Tăng, rồi người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, thì kể từ hôm nay, Tăng đem các tinh xá mà thầy Tỳ-kheo mỗ giáp vừa nêu

tên, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới, kết chung thành một cương giới Bố-tát, xin bạch như thế".

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Đó gọi là nêu tên cương giới.

Cột mốc của giới: Người làm Yết-ma nói như thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy các cột mốc như tảng đá, ngọn núi, cái giếng, bến đò, gốc cây, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới, kết thành một cương giới Bố-tát. Xin bạch như thế".

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Nếu người làm Yết-ma không biết rõ các cột mốc thì trước hết phải nhờ một Tỳ-kheo cựu trú hiểu biết xướng tên các cột mốc ở giữa Tăng như trong trường hợp nêu tên ranh giới ở trên.

Tùy khúc giới: Có các tinh xá ở cuối thôn xóm bị hư hại nhiều, rồi có người cúng dường dụng cụ cho chúng Tăng muốn các Tỳ-kheo của các tinh xá kết chung một cương giới Bố-tát, và dùng các dụng cụ ấy sửa chữa các tinh xá. Nhưng Tỳ-kheo ở các

nơi có người thì muốn kết giới chung, có người thì không muốn. Nếu gặp trường hợp như thế, thì những người muốn kết giới chung phải tập họp hết lại rồi dẫn nhau ra khỏi cương giới. Còn những người không muốn kết giới chung thì phải đặt những cột mốc trong phạm vi tinh xá của mình để an trú. Trong khi ấy, những người muốn kết giới chung sau khi đã tập họp một chỗ thì người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, kể từ hôm nay, Tăng đem trú xứ này với trú xứ mỗ giáp, có những cột mốc chỉ rõ nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới kết chung thành một cương giới Bố-tát. Xin bạch như thế".

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Đó gọi là Tùy khúc giới.

Tị nạn giới: Tại một trú xứ kia, các Tỳ-kheo đã tiền an cư, hậu an cư xong, bỗng một hôm có tai nạn xảy ra, như nạn giặc cướp, nạn Vua, hoặc bị cướp đoạt mạng sống, hoặc phá giới, hoặc nước có nhiều ký sinh trùng lọc không sạch; do thế, các Tỳ-kheo muốn đến một tinh xá cách đó ba do-tuần để lánh các tai nạn ấy. Bấy giờ, phải gọi các Tỳ-kheo ở tinh xá ấy đến, hoặc ra ngoài giới, rồi người làm

Yết-ma tác bạch thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng đem trú xứ này với tinh xá Tụ-lạc mỗ giáp kia gồm nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới kết chung thành một cương giới Bố-tát. Xin bạch như thế".

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Nếu đến nơi đó rồi, lại muốn tới các tinh xá khác nữa, thì nên xả cương giới trước bằng cách bạch Yết-ma như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay đem trú xứ này với trú xứ trước kia kết thành cương giới tụng giới riêng, xin bạch như vậy".

Rồi bạch một lần Yết-ma cho đến: "Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Thế rồi, Tăng lại muốn đi tới một tinh xá cách đó ba do-tuần và kết thành một cương giới Bố-tát. Rồi muốn đi tới trước nữa, thì phải xả cái sau, kết cái trước, cho đến khi tìm được nơi thích ý ở phía trước. Cứ như vậy, tùy ý kết, tùy ý xả. Đó gọi là cương giới tị nạn.

Chư phương giới: Nếu Tỳ-kheo trong lúc hạ an cư mà xảy ra các tai nạn như: Nạn Vua, nạn giặc,

nạn cướp, nạn giết hại, nạn phá giới, hoặc nước có nhiều ký sinh trùng không thể lọc sạch được, thì tùy theo bốn phương, mỗi phương cách ba do-tuần, được tự do kết giới, như đã nói ở trên. Nếu tai nạn đến bất ngờ, không thể làm Yết-ma được, thì có thể ra đi, không có tội. Đó gọi là cương giới ở các phương.

Cương giới du hành: Đó là các cương giới như:

Cương giới của một thôn có sáu mươi gia đình.

Cương giới có ngăn cách.

Cương giới lầu gác.

Cương giới giữa hai con đường.

Cương giới của giếng.

Cương giới của cây.

Cương giới của vườn.

Cương giới của đám dây bò dưới đất.

Cương giới tạm trú một đêm.

Cương giới của thuyền.

Cương giới trong nhà.

Cương giới gồm chung.

Cương giới của một thôn có sáu mươi gia đình: Như một thôn xóm lớn của nước Thích-ca-lê, thôn lớn của nước Tô-di, thôn lớn của nước Ma-đầu-la, thôn lớn của ấp Ba-liên-phất; các thôn ấy đều có xây cất nhà cửa. Nếu Tỳ-kheo để y tại ngôi nhà thứ nhất còn bản thân mình ngủ đêm tại ngôi nhà thứ

ba, mà lúc ra đi mặt trời chưa lặn đến lúc mặt trời xuất hiện mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu ra đi lúc mặt trời đã lặn đến sáng hôm sau mặt trời chưa xuất hiện trở về thì chưa có tội. Nhưng khi ra đi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa xuất hiện trở về thì không có tội. Hoặc giả, trong tất cả các ngôi nhà ấy đều có Tỳ-kheo trú ngụ thì không có tội. Hoặc đã kết giới không mất y, thì không có tội. Hoặc thôn xóm có tường vách bao quanh thì không có tội. Hoặc có hào mương bao quanh cũng không có tội. Hoặc có bờ ngăn nước bao quanh cũng không có tội. Hoặc các ngôi nhà ấy đều đi chung một cửa cũng không có tội. Nếu thôn xóm đó có con đường xuyên qua mà Tỳ-kheo để y ở bên trái đường còn mình đi qua bên phải đường từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời xuất hiện, thì như đã nói ở trên. Nếu Tỳ-kheo nằm nghỉ ở giữa đường, dùng ba y gối đầu, (cho đến khi mặt trời chưa xuất hiện) mà y rời khỏi đầu thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Vì (theo luật) không được cách ly với y (vào lúc ban đêm). Thế nên tất cả các y ấy đều phải xả (giữa chúng Tăng). Nếu thôn xóm có tường bao xung quanh, hoặc có hào mương, có bờ rào, hoặc cả thôn chỉ có một cổng mà cổng được đóng lại, thì đều không có tội. Đó gọi là cương giới của một thôn có sáu mươi gia đình.

Cương giới bị ngăn cách: Cũng như trên.

Cương giới của lầu gác: Cách con đường lên

gác thang mỗi bên hai mươi lăm khuỷu tay, đó gọi là cương giới của lầu gác. Nếu Tỳ-kheo để y trên gác, rồi vào lúc mặt trời chưa lặn ra đi cách đó hơn hai mươi lăm khuỷu tay, đến khi mặt trời xuất hiện mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu ra đi lúc mặt trời đã lặn, đến khi mặt trời xuất hiện trở về thì không có tội. Hoặc ra đi lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời chưa mọc mà trở về, thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo đang ở trên lầu gác mà sợ bọn giặc cướp đến cướp phá lầu gác nên mang y ra khỏi lầu gác cách xa hơn hai mươi lăm khuỷu tay cất giấu, rồi trở về nghỉ trên lầu, khi ra đi mặt trời chưa lặn đến lúc mặt trời xuất hiện mới nhận lại y thì phạm tội Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo ban đêm đi đại tiểu tiện lìa y trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay, rồi sau đó trở về lại chỗ để y, thì không có tội. Đó gọi là Cương giới của lầu gác.

Cương giới của hai loại đường: Đó là:

Đường bộ.

Đường xe đi.

Cương giới đường bộ: Có Tỳ-kheo vì sợ lạnh nên đi đến các xứ ấm áp, hoặc vì sợ nóng nên đi đến những xứ ôn đới. Trong khi đi đường, thầy vừa đi vừa bàn luận với các bạn bè, đệ tử mang y bát đi sau, theo thầy không kịp. Đến lúc mặt trời lặn, thầy sợ phạm tội nghỉ rời y, nên rời khỏi con đường,

dừng lại một chỗ để đợi đệ tử. Nhưng lúc đệ tử đi qua không thấy thầy, nên thầy ngồi đợi cho đến sáng. Nếu chỗ thầy ngồi đợi y cách đường trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay, rồi sau đó mới gặp lại y, thì không phạm. Nhưng nếu chỗ ngồi chờ quá hai mươi lăm khuỷu tay thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Hoặc trường hợp đệ tử cầm y đi trước, khi mặt trời lặn liền suy nghĩ: "Chớ để thầy ta nghỉ đêm rời y" bèn dừng lại ở ngoài đường đợi thầy đến. Nhưng vì ngủ quên không hay thầy đi qua, đến sáng mới gặp nhau thì cũng như trên đã nói. Đó gọi là đường bộ.

Cương giới đường xe đi: Tỳ-kheo cùng đi xe với khách buôn, để y trên xe, vì sợ bụi bặm nên đi trước, đến lúc mặt trời lặn, sợ phạm tội ngủ rời y, phải dừng lại ở ngoài đường trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay chờ xe để đến để gặp lại y, thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo để y trên xe rồi đi theo sau xe, đến khi mặt trời lặn không biết chiếc xe nào là xe mình để y, thì bấy giờ Tỳ-kheo nên nghỉ cách bến xe trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay, rồi sáng hôm sau gặp lại y thì không phạm.

Nếu chiếc xe lớn phải leo lên một, hai, ba tầng cấp mà Tỳ-kheo để y trên xe rồi đứng dưới xe, từ lúc mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời xuất hiện thì phạm tội Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói.

Nhưng nếu giữa đêm có sờ tay vào trên xe[1565] thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nghỉ trên xe mà để y dưới xe, hoặc ở trước xe mà để y sau xe, hoặc ở sau xe mà để y trước xe, hoặc ở bên trái xe mà để y bên phải xe, hoặc ở bên phải xe mà để y bên trái xe, từ lúc mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo để y trên xe rồi tìm chỗ yên lặng cách xe hơn hai mươi lăm khuỷu tay để nghỉ; ra đi từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì sợ bọn cướp nên đem y cất giấu một chỗ cách xe hơn hai mươi lăm khuỷu tay rồi trở về ngủ trên xe, từ khi mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Nhưng nếu ban đêm trở dậy đi đại tiểu tiện, rời y trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay, rồi trở về chỗ để y thì không có tội.

Nếu tại bãi xe người ta dùng dây dài ngăn ra để nhốt bò, mà Tỳ-kheo nghỉ phía bên này dây, để y phía bên kia dây, từ lúc mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Đó gọi là cương giới hai loại đường.

e Cương giới của giếng: Nếu Tỳ-kheo đi đường với khách buôn, lỡ đường trú lại ở bên giếng, cách thành giếng trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay gọi

là cương giới của giếng. Nếu để y trên thành giếng mà Tỳ-kheo đi cách thành giếng hơn hai mươi lăm khuỷu tay, lúc ra đi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói.

Nếu vì sợ giặc cướp nên từ lúc mặt trời chưa lặn đem y đi giấu cách giếng hơn hai mươi lăm khuỷu tay, rồi trở về nghỉ lại bên giếng đến khi mặt trời mọc mới lấy lại y thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu để y nơi cái lều che giếng rồi nghỉ trên giếng, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi

mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu dùng dây buộc từ cái y đến thân mình thì không phạm. Hoặc để y dưới đáy giếng, ngủ ở trên giếng, hoặc để y trên giếng, ngủ dưới đáy giếng (nếu giếng khô) cũng như thế. Nếu ban đêm đưa tay, chân chạm đến giếng, hợp cùng y thì không có tội. Đó gọi là cương giới của giếng.

Cương giới của cây: Trên cành lá của cây trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay gọi là cương giới của cây. Nếu Tỳ-kheo để y cách xa cây hơn hai mươi lăm khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc... thì giống như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo vì sợ bọn cướp lấy y nên để y cách xa cây hơn hai mươi lăm khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới lấy lại y, thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa mọc nhận lại y thì không phạm. Hoặc ra

đi từ lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về thì không phạm. Hoặc trong đêm ghé lại chỗ để y chạm vào y, thì không phạm. Nếu để y trên cây, nghỉ dưới gốc cây, hoặc để y dưới gốc cây nghỉ trên cây từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu dùng dây buộc từ y đến thân mình thì không có tội. Đó gọi là cương giới của cây.

Cương giới của vườn: Cũng như vậy.

Cương giới của đám dây bò dưới đất: Các loại dây như dây mây, dây dang, dây chùm bao, dây bìm bìm, dây tơ hồng v.v... Cách ngoài các loại dây ấy chừng độ hai mươi lăm khuỷu tay thì được gọi là cương giới của các đám dây. Nếu Tỳ-kheo đi đường với khách buôn gặp những đám dây như thế, muốn nghỉ lại bèn tìm một chỗ khuất để giấu y dưới đám dây, rồi ra ngoài phạm vi hai mươi lăm khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu ra đi từ lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời mọc trở về thì không có tội. Hoặc ra đi từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa mọc trở về cũng không có tội. Nếu vì sợ bọn cướp lấy y nên đem giấu y cách đám dây hơn hai mươi lăm khuỷu tay, rồi trở về nghỉ chỗ đám dây, ra đi lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì cũng như trên đã nói. Nếu trong đêm đi tiểu rồi trở về chỗ để y chạm vào y thì không có tội.

Nếu để y trên đám dây, nghỉ dưới đám dây, để y dưới đám dây nghỉ trên đám dây thì cũng như vậy. Nhưng nếu dùng dây buộc từ y đến thân thì không có tội. Đó gọi là cương giới của đám dây.

Cương giới tạm trú: Nếu Tỳ-kheo dừng chân nơi lữ quán với nhiều hạng người, rồi chủ lữ quán nói: "Ở trong đây sợ có kẻ trộm cắp, vậy mỗi người phải tự phòng bị".

Tỳ-kheo bèn hỏi chủ lữ quán: "Lão trượng! Chỗ nào an toàn?".

Chủ lữ quán đáp: "Trên gác an toàn", hoặc nói: "Dưới gác an toàn". Rồi Tỳ-kheo giấu y dưới gác, lên nghỉ trên gác, hoặc giấu y trên gác xuống nghỉ dưới gác, rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Nhưng nếu con đường lên thang gác thông nhau, thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo trong lúc đi đường dừng chân tại một Thiên Tự, rồi người chủ Thiên Tự nói: "Ở nơi đây sợ có kẻ lấy trộm đồ, vậy mỗi người phải tự phòng bị lấy".

Tỳ-kheo bèn hỏi chủ Thiên Tự: "Nơi nào an toàn?".

Người chủ Thiên Tự hoặc đáp: "Ở trong nhà an toàn, hoặc ở ngoài nhà an toàn".

Rồi Tỳ-kheo bèn để y ở trong nhà, ra ngoài nhà nằm quay đầu về hướng nhà, rời y từ lúc mặt trời

chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Nhưng nếu Tỳ-kheo nằm gần cửa thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo đi đường rồi dừng chân tại một thôn xóm hoang vắng, để y tại căn phòng thứ nhất, còn mình nghỉ tại căn phòng thứ ba, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì như trên đã nói. Nhưng nếu tất cả các phòng đều có Tỳ-kheo trú, thì không phạm. Hoặc đã làm Yết-ma kết giới (không mất y), hoặc thôn xóm có hàng rào, tường, mương nước bao quanh, hoặc có con sông chảy xung quanh, thì không phạm. Đó gọi là cương giới tạm trú.

Cương giới của thuyền: Nếu Tỳ-kheo đi thuyền hoặc ngược dòng, hoặc xuôi dòng nước, trên thuyền có nhiều chỗ trú chân, hoặc chỗ trú chân của Tỳ-kheo, hoặc chỗ trú chân của ngoại đạo. Chỗ trú chân của Tỳ-kheo không kín đáo, không an toàn, nên Tỳ-kheo đem y đến gởi tại chỗ của ngoại đạo, rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói. Nhưng nếu ngoại đạo đồng ý cho gởi y vật, thì không phạm (?).

Nếu thuyền cập bến, Tỳ-kheo để y trên thuyền, rồi lên thuyền đi quá hai mươi lăm khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì như trên đã nói.

Nếu vì sợ trên thuyền có kẻ trộm nên Tỳ-kheo đem y lên bờ giấu ở chỗ cách thuyền hơn hai mươi lăm khuỷu tay, rồi trở về nghỉ lại trên thuyền, rời y từ khi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu trong đêm đi đại tiểu tiện rồi ghé lại chỗ để y, chạm vào y thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo phơi y trên thuyền, bị gió thổi khiến y bay cách xa thuyền, trải qua suốt đêm, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu trong đêm gió thổi y bay vào trong thuyền thì không phạm. Nếu phơi y một nửa trong thuyền, một nửa ở ngoài thuyền thì phạm Ni-tát-kỳ.

Vì y không được rời người, nên (nếu y rời người) thì phải xả tất cả.

Đó gọi là cương giới của thuyền.

Cương giới trong nhà: Có hai anh em nhà kia cùng sống chung trong một nhà, sau đó họ ngăn hai ra, hoặc anh không cho em vào nhà mình, hoặc em không cho anh vào nhà mình. Nếu Tỳ-kheo nghỉ tại nhà người anh để y tại nhà người em, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì như trên đã nói. Nhưng nếu hai anh em nói với Tỳ-kheo: "Vì chúng tôi là người thế tục nên phải ngăn ra như thế nhưng đối với pháp không có gì trở ngại, thầy cứ tùy ý an trú", thì khi ấy có thể tùy ý để y (bên nào cũng được) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y rồi nghỉ lại, vì sợ[1571] kẻ trộm nên hỏi bạch y: "Chỗ nào an toàn?".

Đáp: "Trong nhà an toàn". Tỳ-kheo bèn để y trong nhà và nghỉ ở ngoài nhà từ khi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì như trên đã nói. Nếu trong đêm đưa một cánh tay vào trong nhà ngang qua lỗ trống, thì không phạm. Đó gọi là cương giới trong nhà.

Cương giới cả bốn bên: Nếu ở tại chỗ ranh giới của bốn thôn, Tỳ-kheo gối y trên đầu mà nằm, đầu thuộc một ranh giới, hai tay mỗi tay thuộc một ranh giới và chân thuộc một ranh giới. Nếu để y rời khỏi đầu, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu trong đêm tay chân có chạm vào y thì không phạm.

Nếu xe dừng tại chỗ bốn ranh giới ấy mà đầu xe thuộc một ranh giới, đuôi xe thuộc một ranh giới, bánh xe trái thuộc một ranh giới, bánh xe phải thuộc một ranh giới; nếu để y trước xe, nghỉ sau xe, hoặc để y sau xe, nghỉ trước xe; hoặc để y bên phải xe, nghỉ bên trái xe; hoặc để y bên trái xe, nghỉ bên phải xe, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nếu rời y từ lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời mọc chạm lại y thì không phạm. Hoặc rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa mọc, chạm lại y thì không phạm.

Đó gọi là cương giới của bốn bên.

Cương giới nương tựa (thôn xóm): Nếu Tỳ-kheo mặc thượng, hạ y vào thôn xóm, có chủ nhân nói với Tỳ-kheo: "Đêm nay tôi muốn cúng dường tượng Phật để tạo phước đức, nhờ thầy hãy giúp tôi sắp đặt cho". Tỳ-kheo bèn giúp họ trang trí tượng Phật hoặc treo màn, cắm hoa, trải tòa, sắp đặt giường ghế, đến lúc mặt trời lặn, Tỳ-kheo nói với chủ nhân: "Trời đã hoàng hôn, tôi phải về lại tinh xá", nhưng chủ nhân ân cần lưu Tỳ-kheo nghỉ lại. Nếu ở đây có các Tỳ-kheo khác có y dư thì nên mượn tạm để mặc. Nếu tại đó không có, mà gần đó có Tỳ-kheo cư trú thì nên đến họ mượn y. Nếu không có Tỳ-kheo mà có Tỳ-kheo-ni cư trú thì cũng nên đến họ mượn. Nếu cũng không có mà người thế tục ở đây lại có y thì nên mượn y của họ rồi tác tịnh làm dấu để mặc. Nếu không có các trường hợp ấy thì rạng đông hôm sau khi cửa thành mở, phải trở về chùa gấp. Lúc trở về tinh xá, nếu cổng chùa chưa mở thì phải gọi người mở cửa. Nếu gọi không được thì phải trú dưới nhà của cổng chùa. Nếu cổng không có nhà thì phải đưa một tay xuyên qua lỗ trống vào bên trong. Lỗ trống có hai loại: Hoặc lỗ trống của cửa, hoặc cống nước. Nếu cửa không có lỗ trống mà có cống nước thì nên đưa tay hoặc chân vào trong lỗ trống của cống nước. Trước khi đút tay chân vào nên dùng cây quậy nước cho rắn rít kinh sợ bỏ chạy rồi mới đút tay chân vào để tiếp cận với cương giới của y. Nếu

không có cống nước thì nên leo tường mà vào; trước khi leo vào phải ra hiệu để người bên trong biết, kẻo họ ngỡ là bọn cướp mà sinh ra kinh sợ. Nếu không vào được thì phải xả y (để ở chùa) để khỏi phạm tội Việt-tỳ-ni, mà từ tội nhẹ hóa thành tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo ở tại tinh xá giặt y rồi trải trên bờ tường để phơi, bất ngờ ban đêm bị gió thổi làm rơi bên ngoài tường thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu y rơi bên trong tường thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo ra ngoài tinh xá cởi y chấp tác, rồi để quên y ngoài đó, ban đêm nhớ lại ra tìm, nhưng không thấy, đến sáng sớm ra tìm mới thấy. Nếu y đó để cách tinh xá trong vòng hai mươi lăm khuỷu tay thì không phạm, nhưng nếu cách tinh xá hơn hai mươi lăm khuỷu tay thì phạm Ni-tát-kỳ. Y đó phải xả giữa chúng Tăng.

Đó gọi là cương giới của thôn xóm.

Cương giới của bảy cây xoài: Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Bà-la-môn chuyên trồng loại cây xoài. Ông ta nghe nói Sa-môn Cù Đàm ở thành Xá-vệ có Nhất thiết tri kiến, ai hỏi điều gì đều có thể trả lời thông suốt, bèn suy nghĩ: "Nay ta hãy đến hỏi về phương pháp trồng xoài, xem làm cách nào để cho gốc rễ vững chắc, cành lá tốt tươi, hoa quả sum sê, chồi mầm sinh trưởng, không bị chướng ngại". Nghĩ thế rồi, ông bèn đi

đến chỗ Thế Tôn, cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi xuống một bên, bạch với Thế Tôn: "Sa-môn Cù Đàm! Trồng xoài bằng phương pháp nào để cho gốc rễ vững chắc, cành lá tốt tươi, hoa quả sum sê, chồi mầm sinh trưởng không bị chướng ngại?".

Khi ấy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn: "Dùng năm thước làm mức đo, cứ bảy thước trồng một cây, trồng như thế thì có thể làm cho cây ấy có gốc rễ vững chắc, cành lá tốt tươi, hoa quả sum sê, chồi mầm sinh trưởng, không bị trở ngại nhau". Bấy giờ, Bà-la-môn hoan hỷ, bèn thốt lên: "Lành thay Sa-môn Cù Đàm! Biết rất rành phương pháp trồng cây, thật là bậc có trí biết tất cả mọi thứ", rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Sau khi Bà-la-môn ra đi không bao lâu, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Bà-la-môn này bữa nay thật là thiệt thòi lớn, điều nên hỏi thì không hỏi, điều không nên hỏi lại hỏi. Nếu ông ta hỏi về ý nghĩa của khổ tập thì đã có thể thấy được dấu vết của đạo mầu rồi. Tuy nhiên ông ta bữa nay đối với ta phát tâm hoan hỷ, như vậy cũng đã được ích lợi rồi".

Khi ấy, Ưu-ba-ly biết đúng lúc, bèn bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con đã nghe về giới hạn của cây xoài, giờ xin hỏi thêm: "Nếu có một thành thị thôn xóm nào đó không thể biết được ranh giới, nhưng ta muốn làm Yết-ma thì đến chừng mức nào được xem là Yết-ma tốt nhất để cho Tăng chúng ở

các chỗ đều có thể trông thấy nhau, khiến pháp[1575] Yết-ma thành tựu, Tăng chúng không phạm tội biệt chúng?”.

Phật nói với Ưu-ba-ly: “Cứ năm khuỷu tay thành một cung, bảy cung trồng một cây xoài, làm Yết-ma trong phạm vi bảy cây xoài, thì gọi là pháp Yết-ma tốt nhất, khiến cho Tăng chúng ở các chỗ thấy được nhau, khỏi phạm tội biệt chúng. Đó gọi là cương giới của bảy cây xoài”.

Nếu Tỳ-kheo lìa y ngủ qua đêm thì nên bạch với một vị trì luật có thể làm Yết-ma như sau: “Thưa Trưởng lão! Tôi đã ngủ cách ly với chiếc y này qua đêm nên phải xả, xin Trưởng lão làm Yết-ma giúp tôi”. Pháp Yết-ma này như trường hợp y quá mười ngày đã nói ở trên. Thế nên nói:

“Khi việc y đã xong, y Ca-hi-na cũng đã xả, mà Tỳ-kheo rời một trong ba y ngủ ở một chỗ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp Tăng Yết-ma cho phép”.

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ hai)

GIỚI CẤT VẢI QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật đang dừng chân ở bên sông A-kỳ-la được một miếng vải nhỏ, thầy bèn đem xuống sông A-kỳ-la giặt rồi cất, định tìm thêm những miếng khác nữa. Khi ấy, Đức Thế Tôn

khuất dạng nơi chỗ trú và hiện

đến bên bờ sông A-kỳ-la, mặc dù biết Ngài vẫn hỏi A-na-luật: "Ông làm gì đó?".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con được một miếng vải nhỏ, kích thước không đủ, con định kiếm thêm những miếng khác nữa".

Phật nói với A-na-luật: "Ông có chỗ nào hy vọng kiếm thêm được vải nữa không?".

Đáp: "Có".

Thế Tôn hỏi: "Chừng nào có thể được?". Đáp: "Một tháng".

Phật dạy: "Từ nay trở đi, ta cho phép ai có vải không đủ (may y) mà có chỗ hy vọng tìm thêm được nữa, thì có thể đợi một tháng để tìm cho đủ".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới:

"Nếu Tỳ-kheo y đã xong, y Ca-hi-na cũng đã xa, mà được vải phi thời, lại đang cần y, thì hãy may nhanh thành y để dùng. Nếu số vải đó không đủ may y mà có chỗ hy vọng kiếm thêm cho đủ, thì Ta cho phép được cất trong một tháng. Trái lại, nếu cất trên một tháng thì dù đủ hay không đủ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Y đã xong: Ba y đã đầy đủ cũng gọi là y đã xong. Không thọ y Ca-hi-na cũng gọi là y đã xong.

Y Ca-hi-na đã xả cũng gọi là y đã xong. Giặt nhuộm y cũng gọi là y đã xong.

Đã xả y Ca-hi-na: Có mười trường hợp xả y Ca-hi-na như trên đã nói.

Được vải: Được vải từ những người tại gia, xuất gia gọi là được vải.

Phi thời: Nếu có thọ y Ca-hi-na thì thời gian phi thời là bảy tháng.

Nếu không thọ y Ca-hi-na thì thời gian phi thời là mười một tháng. Nếu được vải trong thời gian ấy, thì vải ấy thuộc phi thời.

Vải: Như trên đã nói.

Cần: Nếu vị Tỳ-kheo này thật sự đang cần đến y thì có thể dùng vải (vừa nhận được) may nhanh thành y để dùng. Nếu vải chưa đủ thì có thể triển hạn một tháng, tức là ba mươi ngày, được cất giữ trong thời gian đó để chờ cho đủ.

Có hy vọng: Nếu Tỳ-kheo nghe nói nơi nào đó sẽ cúng vải thì có thể đợi cho đủ số, nên được cất giữ trong một tháng; nếu quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Chiếc y đó phải xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo trong mười ngày ấy có hy vọng được thêm vải, rồi mất hy vọng, hoặc hy vọng rất nhỏ nhoi, hoặc không có

thể hy vọng, hoặc hy vọng yếu ớt, hoặc sinh hy vọng trở lại rồi mất hy vọng, hoặc hy vọng một chỗ khác v.v..., những trường hợp này đều là triển hạn không chính đáng. Nếu khi được vải đủ số mà trong đó một nửa có tác tịnh, một nửa không tác tịnh, thì số đã tác tịnh được xem là hợp pháp; còn số không tác tịnh, để quá mười ngày phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày đầu hoặc được vải từ cư sĩ, hoặc được vải phấn tảo mà không tự mình may y, không nhờ người khác may hộ, lại không cần dùng, không tác tịnh, thì số vải đó dù có may y hay không may y và các vải dư khác để quá mười ngày đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày đầu được vải cũ hoặc vải vụn mà không tự may y, không nhờ người khác may, để quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày giữa được vải đã giặt sạch hoặc chưa giặt sạch mà không tự mình may y cũng không nhờ người khác may, không sử dụng cũng không tác tịnh, thì số vải ấy dù đem may y hay không may y và các vải dư khác để quá mười ngày đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày được vải thích hợp hoặc không thích hợp, nhận rồi mà không tự may y, cũng không nhờ người khác may

y, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày sau được vải, ban đầu định may một y, nhưng sau lại muốn may hai y. Rồi các Tỳ-kheo khác nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão! Ban đầu thầy định may một y, nay vì sao lại may hai y? Nay thầy nên may một y như dự định ban đầu". Vị Tỳ-kheo ấy khi đã được vải không tự mình may y mà cũng không nhờ người khác may, lại để quá mười ngày sau thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày sau được vải định may một y nhỏ nhiều mảnh, nhưng lại may một cái y lớn nhiều mảnh. Các Tỳ-kheo khác nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão! Ban đầu thầy định may một y nhỏ nhiều mảnh nay vì sao lại may một y lớn nhiều mảnh? Thầy hãy may theo dự định ban đầu". Vị Tỳ-kheo này được vải rồi mà không tự mình may y, không nhờ người khác may, không sử dụng, cũng không tác tịnh, thì số vải ấy dù may hay không may y, và các vải dư khác đã để quá mười ngày đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo được vải trong vòng mười ngày đầu thì nên may y liền trong mười ngày đầu; Được vải trong vòng mười ngày giữa thì nên may y liền trong vòng mười ngày giữa; Được vải trong vòng mười ngày sau thì nên may y trong vòng mười ngày sau.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày đầu, năm ngày đã qua mà có hy vọng được vải thì trong năm ngày sau của mười ngày đầu và trong năm ngày đầu của mười ngày giữa, trong khoảng mười ngày ấy nên may y.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày giữa đã qua hết năm ngày đầu mà có hy vọng được vải thì trong năm ngày sau của mười ngày giữa và trong năm ngày đầu của mười ngày sau, trong khoảng mười ngày ấy nên may y.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày sau đã qua hết năm ngày đầu mà có hy vọng được y thì nên may y trong năm ngày còn lại ấy.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng mười ngày sau đã qua hết sáu ngày mới có hy vọng được vải, thì nên may y trong bốn ngày còn lại ấy. Hoặc đã qua bảy ngày mới được vải, thì nên may y trong ba ngày còn lại ấy. Hoặc đã qua hết tám ngày mới được vải thì nên may y trong hai ngày còn lại ấy. Hoặc đã qua hết chín ngày mới được vải thì nên may y trong một ngày còn lại ấy. Nếu ngày thứ mười được vải thì nên may y ngay trong ngày ấy. Khi may y nên nhờ những người khác giúp đỡ; đoạn giặt sạch, cắt xén, chằm vá, thêu thùa, thêu chiều ngang, thêu chiều dài, thêu viền xung quanh, đem đi nhuộm, tác tịnh rồi mới sử dụng. Nếu sợ làm một ngày không xong thì nên làm sơ sài cho xong để dùng. Rồi sau đó mới dọn kỷ lại, cho nên Thế Tôn dạy:

"Nếu việc y đã xong, y Ca-hi-na đã xả... cho đến dù vải đủ hay không đủ để may y (mà để quá một tháng) thì phạm Ni-tát-kỳ".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ ba)

GIỚI NHẬN Y CỦA NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la đem chiếc y Tăng-kỳ-chi cho Tôn giả Nan-đà. Vì chiếc y này dơ bẩn không sạch, nên Nan-đà đem tẩy những vết bùn lấm rồi phơi nắng. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Nan-đà! Ông làm gì đó?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la cho con chiếc y Tăng-

kỳ-chi này nhưng nó dơ bẩn không sạch nên con đem tẩy bùn đất, rồi đem phơi nắng".

Phật lại hỏi Nan-đà: "Ông dùng vật dụng gì để đổi phải không?" Đáp: "Không phải đổi, bạch Thế Tôn".

Phật nói với Nan-đà: "Nên cho một vật gì đó để đổi lấy, vì người nữ ít có những lợi lộc".

Thế nhưng Nan-đà không muốn cho. Phật hỏi Nan-đà: "Vì sao không cho?".

Nan-đà bạch Phật: "Cho vật gì?".

Phật bảo Nan-đà: "Ông nên đem tấm vải kiếp bối dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay do

Vua Ba-tư-nặc đã bố thí mà cho".

Tuy vậy, Nan-đà vẫn cố tình không cho, như kinh Kiếp Bối đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy

giờ, Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến đảnh lễ Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến đảnh lễ Ta vậy?".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh".

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh này được y mà không mặc, hay không được y?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Khi được y rồi cô bèn đem cho Ưu-đà-di".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến hầu thăm Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến viếng Ta vậy?".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà".

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà này được y mà không mặc, hay vì không được y mà không mặc?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Chỉ vì khi được y rồi cô liền

đem cho Nan-đà".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến viếng thăm Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến thăm Ta thế?".

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề".

Phật bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề này được y mà không mặc hay không được y?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Chỉ vì khi được y rồi cô liền đem cho Tỳ-kheo Thiện Giải".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thất-lợi-ma mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến viếng Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến viếng thăm Ta vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Thất-lợi-ma".

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Thất-lợi-ma này được y mà không mặc hay không được y?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Chỉ vì khi được y rồi cô liền đem cho chư Tăng". Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Nếu thấy Tỳ-kheo-ni thân quyến mặc y rách rưới như vậy thì Tỳ-kheo thân quyến có đành lòng nhận

y cô ta không?".

Đáp: "Không nhận"

Thế Tôn lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo-ni thân quyến mặc chiếc y rách rưới thì có thể đem chiếc y đó cho thầy Tỳ-kheo thân quyến hay không?".

Đáp: "Không thể, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Thế nên Tỳ-kheo không nên lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con, trừ trường hợp trao đổi".

Bấy giờ, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nhận y của Tỳ-kheo-ni không phải bà con, trừ trường hợp trao đổi, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không phải bà con: Không phải con cùng một cha, không phải con cùng một mẹ, thì gọi là Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Nếu một người là bà con mà nhiều người không phải bà con, hay nhiều người là bà con mà một người không phải bà con, như Sa-di ni là bà con mà Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, hay Sa-di ni không phải là bà con mà Tỳ-kheo-ni là bà con, nếu được y - thuộc của chung - từ những người này thì phạm tội. Ngoại trừ

hai chúng này thì không có tội.

Y: Gồm các loại y Khâm-bà-la, y Kiếp-bối, y Kiều-xá-da, y Sô-ma, y Xá-na, y Ma, y Khu-vật-đề.

Lấy (nhận): Nhận của người kia bố thí.

Trừ trường hợp trao đổi: Phật dạy nếu trao đổi thì không có tội.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo không phải bà con, sai sứ giả đi nhận, sứ giả trao tự tay mình nhận, tự tay người này đưa, tự tay người kia nhận, người này sai sứ đưa, người kia sai sứ nhận.

Sai sứ giả nhận: Tỳ-kheo-ni tự tay đưa y, rồi Tỳ-kheo sai sứ giả nhận lấy.

Sứ giả trao, tự tay mình nhận: Tỳ-kheo-ni sai sứ giả mang y đến cho Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo tự tay mình nhận lấy.

Tự tay người này đưa, tự tay người kia nhận: Tỳ-kheo-ni tự tay đưa y rồi Tỳ-kheo tự tay nhận lấy.

Người này sai sứ giả đưa, người kia sai sứ giả nhận: Tỳ-kheo-ni sai sứ giả cầm y trao cho Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo sai sứ giả nhận lấy.

Nếu Tỳ-kheo nhận y từ một Tỳ-kheo-ni không phải bà con, hứa sẽ đổi một vật khác mà không đưa, cũng không bảo ai đưa, không nói trực tiếp,

cũng không nhờ ai nói hộ, rồi trả lại y hoặc cắt xén bớt rồi trả, hoặc đưa một vật khác với vật đã hứa và để vật ấy cách xa chỗ thấy nghe, ngoài phạm vi cương giới, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-dạ-đề.

Không đưa: Tự mình không đưa.

Không bảo ai đưa: Không bảo người khác đưa.

Không nói trực tiếp: Không tự mình nói với Tỳ-kheo-ni: "Bữa sau vào lúc đó, tôi sẽ đưa y cho cô".

Không nhờ ai nói hộ: Không nhờ người khác nói với Tỳ-kheo-ni: "Sau này vào hôm nào đó, tôi sẽ đưa y cho cô".

Trả lại y trước: Trả lại chiếc y trước của Tỳ-kheo-ni. Đó là điều không nên làm, mà nên đưa cho cô chiếc y khác.

Cắt xén bớt: Cắt xén chiếc y trước rồi trả lại cô ấy, thì đó không thể gọi là trao đổi.

Đưa cái y thiếu kích thước: Nhận của họ cái y hoàn toàn, rồi đưa cho họ cái y nhỏ thiếu kích thước. Đó không phải là cách trao đổi, mà phải đưa cho họ một cái y hoàn toàn.

Trao cho vật khác: Chẳng hạn lấy y của họ, rồi đưa họ một cái bát nhỏ hoặc một cái tô, hoặc đưa thức ăn và những thứ khác. Đó không phải gọi là trao đổi, mà nên trao đổi bằng y.

Để cách xa chỗ thấy, nghe: Nếu Tỳ-kheo lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con, rồi không đưa lại trực tiếp, không nhờ ai đưa, mình không tự

nói, cũng không nhờ ai nói, lại để cách xa chỗ nghe[1587] thấy, thì phạm Ba-dạ-đề.

Cách xa cương giới: Nếu Tỳ-kheo lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà không đổi lại vật khác, không tự mình đưa, không nhờ người khác đưa, mình không nói trực tiếp, cũng không nhờ ai nói giúp, rồi bỏ y ngoài cương giới hai mươi lăm khuỷu tay thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con hứa đổi lại vật khác mà không đưa, không tự mình đưa, không bảo người khác đưa giúp, không nói trực tiếp, không nhờ người khác nói giúp, rồi ngồi hoặc nằm, hoặc nhập định, đều phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni không phải bà con đưa y cho một người quen biết rồi dặn: "Sa-di! Tôi đưa cho chú chiếc y này, chú cầm đưa cho Tỳ-kheo mỗ giáp, sẽ được phước đức". Rồi Tỳ-kheo nhận lấy thì không có tội. Cũng vậy (nếu Tỳ-kheo-ni ấy) đưa y cho Sa-di ni, Thức-xoa-ma-ni, Ưu-bà-tắc, cho đến các Ưu-bà-di và nói: "Ta đưa cho ngươi chiếc y này, ngươi hãy cầm đưa cho Tôn giả Tỳ-kheo mỗ giáp, thì sẽ được công đức". Rồi Tỳ-kheo nhận lấy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo: "Tôi cho Tôn giả mượn chiếc y này, tùy ý mặc", thì Tỳ-kheo được quyền mặc cho đến rách rồi trả lại vẫn không có tội.

Nếu nhiều Tỳ-kheo-ni cho y cho một Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo này phải đổi y lại cho mỗi Tỳ-kheo-ni ấy, cũng có thể dùng một chiếc y cho các Tỳ-kheo-ni ấy, và nói: "Này các chị em, chúng ta hãy trao đổi qua lại". Hoặc một Tỳ-kheo-ni cho các Tỳ-kheo mỗi người một chiếc y, thì các Tỳ-kheo này mỗi người cũng phải cho lại Tỳ-kheo-ni ấy một chiếc

y. Cũng có thể chỉ cho một chiếc và nói: "Này chị, chúng tôi đổi lại cho chị chiếc y này".

Hoặc nhiều Tỳ-kheo-ni cho y cho nhiều Tỳ-kheo, thì các Tỳ-kheo cũng phải cho y lại cho các Tỳ-kheo-ni ấy.

Hoặc một Tỳ-kheo-ni cho y một Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo này phải cho y lại cho Tỳ-kheo-ni ấy.

Nếu Tỳ-kheo-ni cho Tỳ-kheo bát, hoặc chén, hoặc tô, hoặc thức ăn và các vật nhỏ nhặt khác, thì Tỳ-kheo đều có thể lấy mà không có tội. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con, trừ trường hợp trao đổi, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới thứ tư)

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 9

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo)

GIỚI NHỜ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON GIẶT Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di cầm y đưa cho Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo và nói: "Lành thay Cù-đàm-di! Hãy giặt, nhuộm, ủi giúp cái y này cho tôi".

Đại Ái Đạo liền giặt, nhuộm, ủi xong đem trao lại Ưu-đà-di, nói: "Chiếc y này đã giặt nhuộm ủi xong, nay tôi xin gửi lại".

Ưu-đà-di liền chú nguyện: "Cầu mong được an lạc, không có bệnh", rồi đem cất vào trong phòng.

Thế rồi, Đại Ái Đạo bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Cù-đàm-di! Trên tay bà vì sao có màu phẩm?".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con giặt, nhuộm y cho

Ưu-đà-di nên tay có màu phẩm".

Khi Cù-đàm-di đi chẳng bao lâu, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Vì sao Ưu-đà-di lại sai Tỳ-kheo-ni đang tu tập giặt, nhuộm y, làm phương hại đến đạo nghiệp của Tỳ-kheo-ni?".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Trưởng lão A-nan-đà không xem xét cẩn thận, đưa y cho Thâu-lan-nan-đà Tỳ-kheo-ni giặt, nói: "Này chị! Hãy giặt, nhuộm, ủi giúp cái y này cho tôi". Khi ấy, Thâu-lan-nan-đà liền đem y về Tinh xá, căng ra thấy chất bất tịnh dính trên y, bèn đưa y ấy cho các Tỳ-kheo-ni xem và nói: "Các người hãy xem trên cái y này, đó là hình ảnh của trượng phu vậy".

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Thâu-lan-nan-đà: "Những thứ cần phải che giấu như vậy, vì sao lại đưa cho người ta xem, lẽ ra, nếu muốn giặt thì nên giặt, nếu không muốn giặt thì nên đem cất mới

phải".

Khi đó, Thâu-lan-nan-đà Tỳ-kheo-ni bèn nói với các Tỳ-kheo-ni: "Cái đó có gì đáng xấu hổ mà bảo ta phải giấu đi? Đó chính là trượng phu, là hình ảnh của trượng phu". Bèn cầm đưa lên lần nữa cho các Tỳ-kheo-ni xem.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ở cách Tỳ-kheo-ni không xa, nghe nói thế bèn vỗ tay cười lớn, nói:

"Thật là việc kỳ lạ, là việc kỳ lạ".

Các Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi A-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi Phật liền hỏi: "Ông có việc đó thật không?". Thầy đáp: "Có thật như vậy. Vì con không xem cẩn thận, nên đưa y cho cô ấy".

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "Giả sử Tỳ-kheo bà con có chiếc y bất tịnh như vậy, thì có nên đưa cho Tỳ-kheo-ni bà con giặt hay không?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Không nên đưa, bạch Thế Tôn".

Phật lại hỏi: "Giả sử Tỳ-kheo-ni bà con thấy Tỳ-kheo bà con có việc cần phải che giấu như thế thì có nên đưa cho mọi người xem hay không?".

Họ lại bảo: "Không nên đưa xem, bạch Thế Tôn".

Phật liền nói với Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni bà con mà còn không nên bảo giặt y bất tịnh, thì vì sao lại bảo Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y như thế? Từ nay trở đi Ta không cho phép làm như vậy".

Rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc ủi, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Không phải bà con: Không phải cùng Cha sinh ra, không phải cùng Mẹ sinh ra.

Y cũ: Dù chỉ dùng gối đầu một lần cũng gọi là y cũ.

Y: Như trên đã nói.

Giặt: Tẩy trừ cáu bẩn.

Nhuộm: Hoặc nhuộm bằng rễ cây, bằng vỏ cây, bằng lá cây, bằng hoa, bằng trái v.v... các thứ như thế.

Ủi: Cho đến dùng tay vuốt một lần thì gọi là ủi. (Một số từ khác đã được giải thích ở trên).

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo bảo giặt, (Tỳ-kheo ni) liền giặt, bảo nhuộm liền nhuộm, bảo ủi liền ủi, thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải là bà con giặt y, cô ta liền nhuộm; hoặc bảo nhuộm cô ta liền ủi; bảo ủi, liền giặt; hoặc bảo mà cô ta không làm; hoặc không bảo làm mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y, cô ta bèn nhuộm, ủi; hoặc bảo nhuộm, cô ta bèn giặt, ủi; hoặc bảo ủi, cô ta liền giặt, nhuộm; hoặc bảo mà không làm, hoặc không bảo mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có các trường hợp Tỳ-kheo đưa y cho Tỳ-

kheo-ni bà con mà Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt; hoặc đưa y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà người bà con giặt; hoặc đưa y cho người bà con, rồi người không bà con giặt; hoặc đưa y cho người không phải bà con, rồi người không phải bà con giặt.

Đưa cho người bà con mà người không phải bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo có mẹ, chị, hoặc em xuất gia, và Tỳ-kheo đưa y bảo họ giặt, đoạn Tỳ-kheo-ni ấy đem y về Tinh xá, bấy giờ có người đệ tử ni nói: "Thầy có việc gì cần làm con làm cho", bèn lấy y đem giặt, nhuộm, ủi, thì Tỳ-kheo không có tội. Đó gọi là đưa cho người bà con mà người không phải bà con giặt.

Đưa cho người không phải bà con mà người bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo đưa y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt, nhuộm, ủi. Rồi Tỳ-kheo-ni ấy cầm y về Tinh xá, bấy giờ Tỳ-kheo ấy có mẹ, chị hoặc em xuất gia, biết chiếc y ấy (của người thân mình) liền hỏi Tỳ-kheo-ni đó: "Chiếc y ấy là của ai?". Người ấy đáp: "Chiếc y của Tỳ-kheo mỗ giáp". Vị ni bà con này liền suy nghĩ: "Thầy ấy không biết luật". Rồi cô muốn cho Tỳ-kheo ấy khỏi phạm tội Ni-tát-kỳ liền lấy y đi giặt, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đưa cho người không phải bà con mà người bà con giặt.

Đưa cho người bà con rồi người không bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo có mẹ, chị, hoặc em xuất gia,

thầy bèn đưa y nhờ họ giặt giúp. Tỳ-kheo-ni ấy nói: "Tôi đang bị bệnh". Tỳ-kheo này liền nói: "Mẹ... có đệ tử khỏe mạnh, vậy hãy bảo họ giặt giúp". Rồi Tỳ-kheo-ni ấy liền sai đệ tử giặt, giặt xong bèn đem y trả lại, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu Tỳ-kheo không bảo (sai đệ tử giặt) mà Tỳ-kheo-ni tự sai đệ tử giặt, thì Tỳ-kheo không có tội. Đó gọi là đưa cho người thân rồi người (không) thân giặt.

Đưa cho người không bà con rồi người không bà con giặt: Nếu

Tỳ-kheo đưa y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, rồi Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt, nhuộm, ủi thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Đó gọi là đưa cho người không phải bà con rồi người không phải bà con giặt.

Nếu Tỳ-kheo đem y và đồ dùng để giặt gởi tại một Tinh xá của Tỳ-kheo-ni rồi đi đến một nơi thanh vắng an cư. Tỳ-kheo-ni nhận ký gởi ấy nhân sau mùa hạ, đem y mình ra giặt, luôn tiện giặt giúp y cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo an cư xong, trở về Ni xá đòi lại y để giặt. Tỳ-kheo-ni kia nói: "Tôi đã giặt nhuộm xong rồi", thì Tỳ-kheo ấy không phạm tội. Nhưng nếu khi gởi y, Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: "Họ sẽ giặt, nhuộm, ủi giúp ta". Quả nhiên sau đó, y được giặt, nhuộm, ủi thì thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đi vào thôn xóm, gặp voi điên, hoặc xe ngựa làm văng bùn bẩn cả y, rồi đến Tinh xá Tỳ-kheo ni, nhờ Tỳ-kheo-ni giặt giúp thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo-ni xối nước, Tỳ-kheo tự giặt lấy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang giặt y tại giếng nước, nhằm ngày trai kỳ, các Tỳ-kheo-ni đi đến Tinh xá đảnh lễ chư Tỳ-kheo, rồi họ trông thấy Tỳ-kheo đang giặt y, bèn hỏi: "Thưa thầy, thầy không có ai giặt y giúp cho sao?". Tỳ-kheo đáp: "Không có". Tỳ-kheo-ni này vì có tín tâm nên bảo Tỳ-kheo dừng tay để mình giặt giúp cho. Rồi Tỳ-kheo đồng ý để cho họ giặt giúp thì không có tội. Nhưng nếu Tỳ-kheo ấy cố ý giặt y vào ngày trai kỳ với ý nghĩ: "Tỳ-kheo-ni ắt sẽ đến và họ sẽ giặt giúp y cho ta", rồi đưa cho Tỳ-kheo-ni giặt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều đệ tử ni, tuy không được sai họ giặt, nhuộm, ủi y vẫn có thể sai lượm củi, lấy nước về đun nhuộm, lấy thức ăn, dâng nước uống, cầm quạt quạt, và khi ăn xong dọn cất bát. Tất cả các việc ấy...đều có thể sai làm, nhưng nếu sai họ giặt, nhuộm, ủi y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu vì Hòa thượng, A-xà-lê mà đưa y bảo Tỳ-kheo-ni giặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì tháp, Tăng mà sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, ủi, thì không có tội. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc ủi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ năm)

GIỚI XIN Y CỦA NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, vào ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm dân chúng trong thành đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Bấy giờ, có một người tên A-bạt-tra mặc hai tấm áo lụa trắng, vào Tinh xá Kỳ-hoàn đảnh lễ Thế Tôn, rồi đi tới chỗ Trưởng lão Ưu-ba-nan-đà, chào: "Kính chào thầy".

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Kính chúc lão trượng không bệnh". A-bạt-tra nói: "Tôi muốn xem các căn phòng và nhà".

Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà đáp: "Có thể được. Các vị không muốn xem, tôi cũng dẫn các vị đi xem, huống gì các vị đã thích xem", bèn dẫn lên trên hai tầng lầu, nói: "Hãy xem này lão trượng: Những đường nét điêu khắc tinh vi, các hình vẽ có năm màu lộng lẫy, sàn nhà màu lưu ly, và các thứ giường nệm mền gối…".

Lúc xem xong, ông ta nói: "Thật tuyệt diệu thưa thầy".

Ưu-ba-nan-đà nói: "Chiếc áo lụa của ông cũng

rộng lớn tinh vi tuyệt đẹp".

Khi ấy, A-bạt-tra thưa: "Tôi lại muốn xem các phòng xá khác nữa".

Thế rồi, Ưu-ba-nan-đà bèn đưa ông lên tầng lầu thứ ba để xem, nói rộng như trên, cho đến... "Áo của ông cũng rộng rãi tinh vi tuyệt đẹp".

Bấy giờ, ông ta suy nghĩ: "Vị Sa-môn này khen ngợi chiếc áo của ta, ắt muốn xin đây. Nhưng Vị Tỳ-kheo này lại là chỗ quen biết của nhà Vua, và các quan Đại thần có thế lực lớn, nếu ta không cho thì ông sẽ oán hận ta". Nghĩ thế rồi ông liền nói: "Thưa thầy, thầy muốn chiếc áo này chăng?".

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Rất muốn".

A-bạt-tra nói: "Thôi hãy theo tôi về nhà, tôi sẽ trao cho thầy chiếc áo khác".

Ưu-ba-nan-đà nói: "Ôi thôi lão trượng! Vì sao ông lại bảo cho tôi chiếc áo khác? Tôi cũng có nhiều tấm vải lụa hảo hạng, chỉ vì nó không giống cái này. Nên muốn được cái áo của ông cùng một loại vải để may một chiếc y mà thôi. Nếu ý ông muốn cho thì hãy cho tôi chiếc áo này, ngoài ra những cái đẹp khác thì tôi không cần đến".

A-bạt-tra nói: "Tôi mặc chiếc áo này đi đến nhà Vua, các trưởng giả và thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn, là những việc không thể bỏ ngang được".

Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Vì sao ông lại bảo cho tôi chiếc áo khác?

Nếu quả thật ông nghĩ rằng tôi không có vải lụa đẹp mà muốn cho tôi thì hãy cho tôi chiếc áo này đi, ngoài ra những cái đẹp khác thì tôi không cần đến".

A-bạt-tra nói: "Nếu thầy cần loại áo này thì hãy theo tôi về nhà, tôi sẽ cho".

Ưu-ba-nan-đà nói: "Ông chẳng hiểu sự tình, cũng chẳng biết những chuyện rắc rối trong nhà. Giả sử cha mẹ, anh chị em ông hoặc tiếc của, hoặc không bằng lòng, thì dù ông cho, tôi cũng không thể lấy. Nếu ông không bố thí làm phước được, thì cả hai đều bất lợi, vì những rắc rối vừa kể, thế nên cho tôi ngay bây giờ là tiện nhất".

Khi ấy, A-bạt-tra đã từ chối một cách khó khăn mà vẫn không được liền cởi áo ngoài đưa cho, chỉ mặc có áo trong, rồi đi đến thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhiều người trong thành đi đến thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn, A-bạt-tra bèn hỏi mọi người: "Hôm nay các người định đi đâu thế?".

Họ đáp: "Muốn đến Kỳ-hoàn". Ông nói: "Chớ có đi".

Họ hỏi: "Vì cớ sao?".

Ông đáp: "Sa-môn là kẻ ăn cướp".

Họ lại hỏi: "Cưỡng đoạt vật của người ta sao?".

Ông đáp: "Lại còn phải hỏi? Các ngươi hãy xem ta mặc hai lớp áo lụa ra đi mà bây giờ chỉ còn một tấm dính trong mình".

Do thế, những người không tin Phật liền trở về[1599] lại trong thành, còn những người khác thì nửa tin nửa ngờ, đứng trầm ngâm suy nghĩ. Trái lại những người tin pháp Phật thì suy nghĩ: "Hoàn toàn không thể có việc đó được. Vì Sa-môn Thích-tử hễ của người ta không cho thì không lấy, làm sao lại có thể cướp lấy của người! Hoặc là có thể dùng phương tiện thuyết pháp để nhận lấy mà thôi".

Thế rồi một ít người đi đến Kỳ-hoàn đảnh lễ thăm viếng Thế Tôn. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan: "Vì sao hôm nay ít người đến Kỳ-hoàn thế này?".

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Họ liền gọi đến. Khi đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-ba-nan-đà: "Ông có việc đó thật chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Này Tỳ-kheo, đó là việc ác. Vì sao Tỳ-kheo lại xin y của người ta một cách cưỡng bức? Há ông không thường nghe Ta ca ngợi thiểu dục, chê trách đa dục không biết chán là gì? Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo xin y của cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con".

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có sáu mươi Tỳ-kheo ở phương Bắc đi đến thành Xá-vệ để thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn, nhưng giữa đường họ bị bọn cướp lấy mất y,

nên họ phải lõa thể vào Tinh xá Kỳ-hoàn đảnh lễ các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn hỏi: "Các ngươi là ai vậy?".

Họ đáp: "Là người xuất gia".

Các Tỳ-kheo lại hỏi: "Xuất gia theo đạo nào? Họ đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích".

Lại hỏi: "Y của các vị đâu mà ở trần như vậy?". Đáp: "Chúng tôi đi đường bị bọn cướp lấy mất y".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bèn đem y cho mỗi người, hoặc là cho y Tăng-già-lê, hoặc Uất-đa-la-tăng, hoặc An-đà-hội, hoặc Tọa cụ. Các Tỳ-kheo mặc y xong, bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy từ đâu đến?".

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Chúng con từ phương Bắc đến".

Phật lại hỏi: "Các thầy nhẫn chịu được khổ cực, khất thực không khó khăn, đi đường không vất vã chứ?".

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Chúng con nhẫn chịu được khổ cực, khất thực không khó khăn, đi đường không vất vả, nhưng giữa đường gặp đám cướp lấy mất y, phải ở trần vào Tinh xá Kỳ-hoàn".

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Thế ra ở dọc đường không có thành ấp xóm làng gì sao?".

Đáp: "Thưa có".

Phật hỏi: "Vì sao không xin (y)?".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Vì chúng con nghe Thế Tôn chế giới không được xin y của những người không phải bà con, mà chúng con không có bà con, cũng không có thí chủ bố thí, vì thế chúng con không dám xin y, mà phải ở trần đến đây".

Phật liền khen ngợi hạnh giữ giới ấy: "Lành thay, lành thay các Tỳ-kheo! Các thầy là những người tùy thuận, thành tín xuất gia, dù gặp phải sự kiện mất mạng cũng không để phạm giới. Từ nay về sau, Ta cho phép những ai mất y được phép xin y".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo xin y từ những người cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ lúc khác. Lúc khác tức là lúc mất y".

Giải thích:

(Một số từ ngữ trên đã giải thích)

Cư sĩ: Tức là người chủ nhà.

Y: Y khâm-bà-la, y kiếp-bối, y sô-ma, y kiêu-xá-da, y xá-na, y ma, y khu-mâu-đề.

Xin: Hoặc tự mình xin, hoặc nhờ người khác xin. Trừ ra lúc bị mất y mà xin thì không có tội.

Lúc khác: Lúc bị mất y. Có mười trường hợp

mất y: Hoặc Vua đoạt lấy, hoặc bị bọn cướp lấy, hoặc bị lửa cháy, hoặc gió cuốn mất, hoặc bị nước trôi mất, hoặc bị người nữ sinh lòng tham cướp lấy, hoặc bị cha mẹ bà con muốn cho mình bãi đạo mà đoạt lấy, hoặc mình cất giấu rồi sau quên mất chỗ cất, hoặc đem cất rồi y mục nát, hoặc cất lâu ngày y hư hỏng không dùng được nữa.

Đó gọi là mười trường hợp mất y. Gặp các trường hợp này Đức Thế Tôn bảo là không có tội

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo biết sẽ được y trong phạm vi ba do-tuần, mà hiện tại mất y Tăng-già-lê, nhưng y Uất-la-tăng vẫn còn, thì không nên xin y. Nếu mất y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng mà y An-đà-hội vẫn còn, thì không nên xin y. Nếu mất ba y, mà y che ghẻ còn, thì không nên xin. Nếu mất cả ba y, y che ghẻ cũng mất mà còn y tắm mưa, thì không nên xin y. Nếu Tỳ-kheo mất ba y, y che ghẻ, y tắm mưa cũng mất, mà còn tấm vải trải giường, thì không nên xin y. Nếu Tỳ-kheo mất ba y, mất y che ghẻ, y tắm mưa và tấm vải trải giường, mà còn miếng vải có chiều dài hai khuỷu tay thì cũng không nên xin y. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo có thể mặc áo lót đi trong ba do-tuần để nhận lại y trước của mình. Nếu trên đường đi có những tai nạn, không thể đi tới đó để nhận lại y thì được xin y che mưa, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo xin y từ người không phải bà con, hoặc tự xin, hoặc nhờ người khác xin, hoặc ra dấu để xin, hoặc thuyết pháp để xin...

Tự mình xin: Tự mình thân hành đến đó xin.

Sai người khác xin: Sai người khác đến đó để xin.

Hiện ra tướng để xin: Hiện ra tướng lạnh tướng nóng.

Thế nào là tướng lạnh? Nếu Tỳ-kheo vào đêm mồng tám giữa mùa đông lúc tuyết rơi, mặc y cũ, đến nhà đàn-việt, hiện ra tướng lạnh cóng, khi ấy người đàn-việt đảnh lễ chân Tỳ-kheo rồi hỏi: "Thưa thầy, thầy không có y hợp thời chăng? Vì sao lạnh cóng như thế?". Tỳ-kheo đáp: "Không có. Khi cha mẹ ngươi còn sống thường cúng dường ta y phục hợp thời, nay cha mẹ ngươi đã qua đời, thì ai sắm y cho ta? Chẳng những cha mẹ ngươi đã mất mà cha mẹ ta cũng quá cố cả rồi?". Người đàn-việt liền thưa: "Thưa thầy, thầy đừng oán hận, con sẽ sắm y hợp thời cho thầy".

Đó gọi là hiện tướng lạnh để xin y. Nếu được y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Thế nào gọi là hiện tướng nóng? Đó là: Vào tháng năm, tháng sáu lúc trời nóng, Tỳ-kheo mặc y vá nhiều lớp toát mồ hôi đi đến nhà đàn-việt hiện ra tướng nóng. Bấy giờ, người đàn-việt lễ chân Tỳ-kheo, hỏi: "Thưa thầy, thầy không có y hợp thời

sao mà mặc y dày toát mồ hôi như thế?". Tỳ-kheo bèn đáp: "Không có. Khi cha mẹ ngươi còn sống thường sắm y hợp thời cho ta, nay cha mẹ ngươi đã qua đời thì ai sắm y cho ta nữa. Không những cha mẹ ngươi đã mất mà cha mẹ ta cũng chẳng còn". Người Đàn-việt liền nói: "Thưa thầy, thầy chớ oán hận, con sẽ sắm y hợp thời cho thầy".

Đó là hiện tướng nóng để xin y. Nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

-Thuyết pháp để xin: Tỳ-kheo vì muốn xin y mà nói kệ cho Đàn-việt như sau:

"Nếu ai bố thí y
Sẽ sinh cõi tối thắng
Nhờ vui lòng bố thí
Hưởng phước báo nhân thiên
Sinh thiên được sắc đẹp
Điểm trang toàn châu báu
Vì cúng y Tỳ-kheo
Đời đời được áo đẹp".

Đó gọi là thuyết pháp để xin. Nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu xin đãy lọc nước, hoặc xin miếng vải nhỏ để vá y, hoặc khăn trùm đầu, hoặc vải bó ghẻ, hoặc vải làm đệm, nếu xin một trong những loại vải kể trên thì không phạm. Nếu xin các vật ấy, rồi Đàn-việt bố thí trọn tấm, hoặc cắt ra từng mảnh mà Tỳ-kheo nhận lấy thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta chỉ cần xin những vật nhỏ, đàn-việt sẽ tự cho ta", rồi được cả một tấm vải lớn thì phạm Ni-tát -kỳ Ba-dạ-đề. 1605

Nếu xin cho Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu xin cho tháp, Tăng, thì không phạm. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ hoặc vợ cư sĩ không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Ngoại trừ khi khác. Khi khác tức là khi mất y".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ sáu)

GIỚI NHẬN VẢI QUÁ MỨC QUY ĐỊNH

Khi Phật trú tại thành Xá-vệ, có sáu mươi Tỳ-kheo từ phương Bắc đi đến Xá-vệ, giữa đường bị giặc cướp lấy mất y. Lúc các thầy vào Tinh xá Kỳ-hoàn, Ưu-ba-nan-đà thấy thế, bèn nói với họ: "Này các Trưởng lão, Đức Thế Tôn đã cho phép các Tỳ-kheo khi bị mất y có thể xin y của những người không phải bà con, vì sao không xin?".

Họ đáp: "Các vị đồng phạm hạnh đã cho y đủ rồi, vì thế nên không xin".

Lúc ấy Ưu-ba-nan-đà nói: "Nếu dịp này không xin thì mất lợi rất uổng".

Họ đáp: "Chúng tôi đã được y rồi, thì cần gì nói đến việc thất lợi hay không thất lợi?".

Ưu-ba-nan-đà lại nói với các Tỳ-kheo mất y: "Các vị nếu không thể xin thì tôi sẽ xin giúp cho

các vị”.

Họ nói: “Thầy tự biết thời”.

Thế rồi, vào buổi sáng sớm, Ưu-ba-nan-đà khoác y thường mặc, cầm giấy bút vào thành Xá-vệ, nói với các Ưu-bà-tắc: “Các vị hãy giúp tôi xin y”.

Các Ưu-bà-tắc hỏi: “Vì lý do gì mà xin?”

Thầy đáp: “Vì có các Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, giữa đường bị giặc cướp lấy hết y vật, nên phải xin y giúp họ”.

Ưu-bà-tắc nói: “Được”.

Khi ấy, họ bèn dẫn nhau đến các cửa hàng để khuyến hóa. Vì lúc bấy giờ, nhiều người có lòng tín kính, nên xin được chỗ thì một tấm vải, chỗ thì hai tấm. Như vậy dần dần được khá nhiều y vật, họ phải gánh đi. Có thể nói là đã xin được một phần tư trong những nhà có tín tâm, nhưng vẫn còn muốn xin nữa. Các Ưu-bà-tắc liền nói: “Thưa thầy, có lẽ đủ rồi, chúng ta trở về”.

Ưu-ba-nan-đà nói: “Than ôi Lão trượng, gì mà gấp gáp thế! Ta xin mới có chừng ấy chưa nên đi về. Vì sao vậy? Vì hễ nhiều người bố thí thì nhiều người được phước. Chúng tôi là người xuất gia, ăn uống có thì giờ nhất định, còn chưa muốn trở về, Các vị là người tại gia ăn lúc nào cũng được, không sợ sai giờ giấc, thì có việc gì gấp gáp mà muốn vội vã trở về?”.

Thế rồi, họ bèn tiếp tục đi xin nữa.

Các Ưu-bà-tắc lại nói: "Có lẽ đủ rồi thưa thầy". Ưu-ba-nan-đà nói: "Vẫn chưa đủ".

Các Ưu-bà-tắc hỏi: "Có bao nhiêu người vậy?". Thầy đáp: "Nhiều người".

Họ lại hỏi: "Nhiều người là bao nhiêu?". Thầy lớn tiếng nói: "Có sáu mươi Tỳ-kheo".

Các Ưu-bà-tắc nói: "Thưa thầy, số vải này có thể cung cấp cho năm trăm Tỳ-kheo (cũng đủ) huống gì sáu mươi người, vì sao còn xin nữa, muốn làm sập tiệm người ta chăng?".

Họ liền ném giấy bút xuống đất, giận dữ nói: "Ở đâu mà sinh ra cái loại người tham cầu nhiều, không chán, không biết chừng nào là đủ thế này".

Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo ít dục biết đủ, nghe lời nói ấy, bèn đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Họ bèn gọi đến. Phật liền hỏi kỹ việc trên: "Ông có làm điều đó thật không?".

Thầy đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn". Phật hỏi Ưu-ba-nan-đà: "Vì sao mà xin?"

Thầy đáp: "Con vì các Tỳ-kheo bị mất y mà xin".

Phật liền gọi các Tỳ-kheo bị mất y đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Này các Tỳ-kheo, có thật các thầy nhờ Ưu-ba-nan-đà xin y giúp không?"

Họ đáp: "Thưa không, bạch Thế Tôn".

Phật lại hỏi họ vì sao Ưu-ba-nan-đà làm việc

đó. Họ bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với Ưu-ba-nan-đà: "Này kẻ ngu si, đó là việc xấu, lúc không nên xin thì lại xin, lúc nên xin thì lại không xin. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện để khen ngợi sự ít muốn, chê trách sự ham muốn nhiều là gì! Đó là điều phi pháp, trái luật, không phải là điều ta dạy, không thể dùng việc này để nuôi lớn pháp thiện được".

Sau khi Phật quở trách đủ điều rồi truyền lệnh các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Khi Tỳ-kheo bị mất y thì có thể xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ, không phải bà con. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con tùy hỷ cho nhiều vải, thì Tỳ-kheo chỉ được nhận hai tấm y thượng hạ, quá số đó sẽ phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Một số từ trên đã giải thích)

Tùy hỷ: Tùy ý cho.

Thượng hạ y: Có thể nhận hai tấm vải chiều dài năm khuỷu tay, chiều rộng ba khuỷu tay, nếu nhận quá số đó phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với khách buôn mà gặp bọn cướp từ một phương, hai phương hay ba phương đến, thì phải tùy nghi chạy lánh giặc

cướp. Nếu giặc cướp ập đến từ bốn phía không thể chạy được, thì nên đứng nghiêm chỉnh, không được xô xát với chúng. Nếu giặc cướp bảo lấy y Tăng-già-lê đưa, thì nên đáp: "Đây này lão trượng". Như vậy, tùy theo chúng đòi nhiều ít mà đưa cho chúng, chứ không được giận dữ lớn tiếng mắng chửi bọn chúng. Sau khi đưa y vật rồi, nên từ từ đi vào rừng núp để dò xét chúng từ xa, chờ sau khi bọn cướp đi rồi, nếu còn những y vật thừa chúng bỏ lại, thì có thể lấy dùng. Nếu không còn cái y dư nào, mà trong số các Tỳ-kheo hoặc ngoại đạo xuất gia có người bị bọn cướp giết chết, thì có thể lấy y của họ sử dụng. Nếu không có người xuất gia chết mà có người thế tục chết, thì nên lấy áo của họ cắt may, tác tịnh rồi mới mặc. Nếu không có áo của người chết mà có áo đẹp của khách buôn bỏ lại thì không nên lấy. Nếu áo họ bỏ lại thô xấu, thì nên lấy dùng. Nếu khách buôn quay trở lại, gọi Tỳ-kheo đến cho áo tốt, thì nên lấy, lấy xong đem cắt may, dùng phân bò nhuộm tác tịnh, rồi mới dùng. Nếu người khách buôn ấy nói với Tỳ-kheo: "Tôi cho ông mượn chiếc áo này mặc đi tới chỗ dừng chân rồi trả lại tôi, đừng làm hư hỏng", thì Tỳ-kheo nên lấy chiếc áo đó gấp lại, may qua loa, không để lộ dấu tác tịnh, mặc tạm, đi đến chỗ dừng chân, rồi trả lại họ. Nếu không có các trường hợp ấy thì nên hái lá cây che trước sau thân mà đi. Nếu không có lá cây thì nên dùng tay che ở trước thân

mình và đi bên lề đường, chứ không nên đi ngang nhiên giữa đường như bọn Ni-kiền-tử. Cũng không được đi sâu vào trong rừng khiến cho bọn cướp tưởng lầm là rình bắt chúng, mà chỉ nên đi dọc theo bên đường trong những chỗ cỏ thưa. Khi đi, nếu gặp người ta đến, thì phải giả vờ ngồi tiểu tại chỗ cỏ thưa để cho họ trông thấy. Nếu họ hỏi: "Ông là ai?". Thì phải đáp: "Người xuất gia". Nếu họ hỏi nữa: "Xuất gia theo đạo nào?". Thì đáp:

"Xuất gia theo dòng họ Thích". Lại hỏi: "Vì sao mà lõa thể?", thì đáp: "Bị giặc cướp lấy mất đồ". Thế rồi, nếu không xin mà họ tự cho nhiều áo, thì lấy không có tội. Nếu họ không cho thì nên xin họ. Khi xin mà họ cho nhiều vải thì chỉ nên lấy hai tấm, mỗi tấm chiều dài năm khuỷu tay, chiều rộng ba khuỷu tay mà thôi. Nếu không gặp trường hợp đó thì nên đi đến các người quen biết ở nơi hoang vắng xin y mà dùng. Nếu không có nơi hoang vắng (304a) thì nên đến nghĩa trang. Nếu có người giữ nghĩa trang thì nên nói với họ: "Tôi muốn nhặt những chiếc áo hư". Nếu người giữ nghĩa trang bảo lấy, và lấy rồi đưa cho họ xem, thì nên lấy rồi giơ cho họ xem. Nếu lấy áo từ thây của một người nữ mới chết thân chưa hủy hoại, thì nên đến phía đầu mà lấy. Nếu thân đã hư hoại thì được tùy ý lấy. Hoặc là áo của thây chết đàn ông, cũng được tùy ý lấy. Nếu áo của thây chết có châu báu thì nên dùng chân gạt châu báu ra rồi lấy áo mà đi. Nếu không

biết là có châu báu, đem về tới Tinh xá mới biết có châu báu, thì nên sai tịnh nhân (cư sĩ ở chùa) lấy đổi dược phẩm. Nếu người giữ nghĩa trang nói với Tỳ-kheo: "Cho ông được lấy áo xấu, còn áo tốt thì chớ lấy". Nhưng Tỳ-kheo đến nghĩa trang, không thấy áo xấu mà thấy có nhiều áo tốt, thì nên cầm đến nói với người giữ nghĩa trang: "Chỉ có những áo tốt này thôi". Nếu họ cho lấy thì liền lấy. Nếu họ nói những cái đó tốt không cho ông lấy, thì Tỳ-kheo nên trả lại, xin cái khác. Nếu họ bảo Tỳ-kheo lấy áo dưới đất thì nên lấy áo dưới đất. Nếu họ bảo lấy áo ở trên không, thì nên lấy áo ở trên không. Nếu áo còn tốt một nữa dưới đất một nữa trên không thì nên cắt lấy một nửa.

Nếu không có trường hợp như thế, thì nên đến trú xứ của Tỳ-kheo ở ngoại vi thôn xóm, chứ không đi vào thôn xóm lúc ban ngày. Và nên đợi lúc hoàng hôn, khi mục đồng lùa bò về mà đi theo đàn bò, cũng không nên đi bên cạnh những con bò đực khỏe mạnh, mà nên đi gần những con bò con ốm yếu. Khi thấy có người thì nên ngồi xuống. Nếu họ hỏi: "Ông là ai?", thì nên đáp: "Là người xuất gia". Lại hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?", thì đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích". Lại hỏi: "Y phục ông đâu?", thì đáp: "Bị giặc cướp lấy hết cả".

Bấy giờ, nếu không xin mà họ tự cho thì được lấy nhiều ít tùy ý. Nếu họ không cho, thì nên xin họ. Khi xin, nếu họ cho nhiều thì nên lấy hai cái,

mỗi cái chiều dài năm khuỷu tay, chiều rộng ba khuỷu tay mà thôi.

Nếu không có trường hợp như thế, thì nên đến Tinh xá hỏi cựu Tỳ-kheo xem ai là Duy na, ai là người coi sóc giường nệm. Khi họ đã chỉ cho biết đối tượng, thì Tỳ-kheo nên đến vị Tỳ-kheo tri sự ấy hỏi: "Tỳ-

kheo chừng ấy tuổi thì được giường nệm ngọa cụ như thế nào?". Nếu họ đáp: "Tỳ-kheo chừng ấy tuổi thì được giường nệm ngọa cụ như thế đó". Bấy giờ, Tỳ-kheo nhận được mền rồi liền mở ra, lấy lông tóc buộc một chỗ làm dấu bên trong để dùng làm quần, nhận được gối cũng mở ra, lấy lông tóc buộc một chỗ làm dấu bên trong để dùng làm áo lót, và được ngọa cụ cũng lấy làm dấu. Xong đâu đó, nên đi lễ tháp, lễ Thượng tọa, thăm hỏi Hạ-tọa, rồi trình bày: "Lúc đi đường, tôi bị bọn cướp lấy mất y, mong thầy hãy giúp tôi xin y". Nếu cựu Tỳ-kheo nói: "Thầy như con quạ đói, chân không đậu một chỗ thì ai mà giúp thầy. Có lẽ chủ quán rượu hoặc nhà chứa cờ bạc đã cướp y thầy, hoặc là thầy đem đổi thức ăn rồi bảo là bị cướp lấy, để nhờ người ta xin giúp chớ gì?".

Nếu gặp trường hợp như thế, thì nên đến nhà Ưu-bà-tắc, nói: "Này lão trượng, tôi đi đường bị bọn cướp lấy mất y, các vị hãy giúp tôi xin y". Nếu khi ấy họ đáp: "Thưa thầy, có thể được", rồi họ xin giúp được nhiều vải, thì Tỳ-kheo chỉ nên lấy hai

tấm mỗi tấm chiều dài năm khuỷu tay, chiều rộng ba khuỷu tay mà thôi. Lúc ấy Ưu-bà-tắc nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể dùng phương tiện lấy giúp hết số vải này không?", thì nên đáp: "Ông có thể chọn hai tấm lụa nhỏ rồi mang đến đây". Nếu Ưu-bà-tắc khéo léo linh động, sẽ đưa Tỳ-kheo ra ngoài đại giới, nói: "Thưa thầy, số vải này dùng bố thí hiện tiền Tăng, mà hiện tại không có chư Tăng, chỉ có thầy hiện diện, vậy xin nhận giúp", thì khi ấy, Tỳ-kheo nhận, không có tội.

Nếu Ưu-bà-tắc đưa cho tấm lụa lớn thì Tỳ-kheo nên cắt ra, rồi lấy hai tấm. Nếu họ hỏi vì sao vậy, thì hãy đáp: Vì Thế Tôn chế giới chỉ được lấy hai tấm vải. Rồi Ưu-bà-tắc lại bảo: "Thầy hãy đem đi nhuộm", thì Tỳ-kheo đem đi nhuộm rồi mang trả lại. Ưu-bà-tắc lại nói: "Khi chưa nhuộm là áo của người thế tục mà tôi còn không thích, huống gì giờ đây đã nhuộm thành hoại sắc, chính là màu áo của người xuất gia, thì tôi còn lấy làm gì". Khi ấy, Tỳ-kheo được phép lấy, may y, tùy ý sử dụng. Thế rồi các thứ mền, áo gối mà trước kia đã dùng làm tạm quần áo lót, Tỳ-kheo phải đem nhuộm hoàn lại vị trí dụng cụ mền, áo gối... mà trả lại thầy tri sự, rồi mới ra đi. Nếu muốn ở lại đó thì tùy ý xin phép ở lại chứ không được ngang nhiên ở lại. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo bị mất y thì được phép xin vải từ Cư sĩ và vợ Cư sĩ không phải bà con. Nếu Cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con cho nhiều vải, Tỳ-kheo

chỉ được lấy hai tấm thượng, hạ, quá số đó, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ bảy)

GIỚI KHUYÊN NGƯỜI CÚNG Y THEO Ý MÌNH

Khi Phật trú tại thành Xá-vệ, có vị Tỳ-kheo đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Khi tới một nhà kia, bà chủ nhà ấy bèn nói với Tỳ-kheo: "Thưa thầy, ngày đó tôi sẽ cúng dường cơm và bố thí y cho chư Tăng".

Tỳ-kheo nói: "Lành thay các chị em! Dùng tài sản để tạo nên ba thân kiên cố, mong rằng trong việc làm đó không gặp gì trắc trở". Nói thế rồi ra đi. Khi khất thực xong trở về tịnh thất, thầy nói với các Tỳ-kheo: "Tôi báo cho các Trưởng lão biết một tin vui".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Tin vui gì thế?".

Thầy đáp: "Tôi nghe vị Ưu-bà-di nọ một ngày kia sẽ thỉnh chư Tăng thọ trai và cúng dường y".

Khi nghe nói thế, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà liền hỏi: "Trưởng lão, nhà ấy ở xóm nào? Tên họ người ấy là gì?".

Hỏi rõ sự việc xong, sáng sớm hôm sau, hai vị này khoác y đến gia đình ấy, chào hỏi: "Ưu-bà-di mạnh khỏe chứ?".

Ưu-bà-di đáp: "Kính chào thầy".

Tỳ-kheo nói: "Tôi vừa nghe có tin vui". Người ấy hỏi: "Thầy nghe tin gì vậy?".

Đáp: "Nghe rằng bà định thỉnh chư Tăng cúng dường trai phạn và bố thí y".

Bà ta nói: "Tôi có ý định đó, nhưng sợ nửa chừng gặp trục trặc không thành".

Các Tỳ-kheo nói: "Nếu bà thỉnh chư Tăng cúng dường, bố thí vải thì nên cúng dường các Trưởng lão Tỳ-kheo thứ vải tốt, còn vải xấu nên cúng dường cho Sa-di. Nếu cúng dường vải tốt cho tôi, tôi sẽ mặc đi vào Vương cung, vào các nhà hào quý và lễ Phật. Nếu có ai hỏi, tôi sẽ nói là y do Ưu-bà-di có tín tâm mỗ giáp cúng cho tôi, bấy giờ bà sẽ được tiếng khen và công đức".

Bà nói: "Nhưng tôi không có hứa cúng dường chư Tăng. Nếu có thì tôi sẽ dành đặc biệt (cho thầy)".

Tỳ-kheo nói: "Cho hay không cho tùy ý bà". Nói xong liền ra đi.

Người đàn-việt ấy bèn suy nghĩ: "Nếu cúng dường thầy đó, không cúng dường Tăng là ruộng phước tốt (thì ta thất hứa). Còn nếu không cúng dường cho thầy thì sợ thầy dựa thế lực Vua chúa có thể làm điều bất lợi". Do sợ thầy ấy mà bà không cúng dường chư Tăng, và vì bà không hoan hỷ nên không cúng dường cả hai.

Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khất thực ấy:

"Việc thầy nghe trước đây tuyệt nhiên không thấy có tin tức gì cả".

Tỳ-kheo khất thực nói: "Tôi biết chắc ngày mai đây mà".

Thế rồi, sáng sớm hôm sau thầy khoác y thường mặc, đi tới nhà ấy, hỏi Ưu-bà-di: "Vì sao không thấy bày biện ra các thức ẩm thực?".

Bà ta nói: "Thưa thầy, tại vì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà phá vỡ tâm thiện của tôi".

Thầy hỏi: "Vì cớ gì?".

Bà liền trình bày đầy đủ sự việc kể trên. Thầy Tỳ-kheo khất thực nghe xong bèn trở về nói lại với các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc ấy thật không?"

Họ đáp: "Thưa có thật như vậy".

Phật nói: "Các ông là kẻ ngu si. Đó là việc xấu, các ông đã làm cho cả hai đều mất lợi ích: Người bố thí mất phước, người nhận thí mất lợi. Các ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Vì sao người ta không tự nguyện thỉnh cầu mà vì muốn y đẹp, các ông lại đến khuyên người ta bố thí? Đó là việc phi pháp, trái luật, không đúng lời Ta dạy. Không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện

được”.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu vợ chồng cư sĩ, vì Tỳ-kheo, chuẩn bị số tiền sắm y, rồi bàn nhau: “Chúng ta chuẩn bị số tiền như thế để mua chiếc y như thế cho Tỳ-kheo mỗ giáp”. Vị Tỳ-kheo này trước đó không được cư sĩ tự nguyện hứa cúng y mà vì thích đẹp nên đến nhà họ nói như sau: “Ông bà hãy sắm cho tôi chiếc y như vậy”, thì khi được y phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề”.

Giải thích:

Vị Tỳ-kheo: Hoặc là chư Tăng, hoặc là nhiều người, hoặc là một người.

Cư sĩ: Như trên đã nói.

Y: Trên đã nói.

Giá y: Trị giá bằng các thứ vàng bạc châu báu v.v…

Chuẩn bị: Như nói: Hôm nay, hoặc là ngày mai, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng nữa, tôi sẽ chuẩn bị số tiền sắm y chừng ấy để mua

chiếc y như vậy cúng dường cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Đó gọi là chuẩn bị.

Trước đó không tự nguyện thỉnh cầu: Mình biết trước là họ không tự ý thỉnh cầu mà bảo rằng họ tự

ý thỉnh cầu. Hoặc biết họ tự nguyện thỉnh các Tỳ-kheo khác mà bảo là họ tự nguyện thỉnh mình. Hoặc biết họ tự nguyện thỉnh đến bố thí những vật khác mà nói là họ tự nguyện thỉnh tôi đến bố thí y.

Đi đến: Hoặc đến ruộng của cư sĩ, hoặc đến nhà hoặc, vào trong nhà.

Yêu cầu: Như nói: Tôi cần màu xanh, hoặc màu vàng, hoặc màu đỏ, hoặc màu đen, hoặc các màu sắc khác. Hoặc dài hoặc rộng, hoặc dài rộng chừng ấy. Nếu họ cho theo yêu cầu của mình, hoặc họ cho vật khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Vì thích đẹp: Thích đẹp có: Tri túc hảo, bất tri túc hảo, thô túc hảo.

Tri túc hảo: Nếu họ cho vải mịn (vải sợi nhỏ), mình liền bảo:

"Tôi cần vải thô". Đó gọi là tri túc hảo (thích cái đẹp trong sự vừa đủ). Nếu nhận được thì phạm Ni-tát-kỳ.

Bất tri túc hảo: Khi người ta cho y xấu, liền nói: "Nếu cho tôi y xấu, tôi không thèm mặc, vì tôi là hạng người cao quý, phải cho tôi y tốt". Đó gọi là Bất tri túc hảo.

Thô túc hảo: Khi họ cho y mịn màng liền nói: Tôi không dùng y tốt này, vì tôi là người sống ở nơi hoang vắng như con nai trong rừng, nghỉ chỗ đất trống, nên cho tôi y thô xấu đủ che lạnh nóng mưa gió mà thôi". Đó gọi là thô túc hảo. Nếu nhận

được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Trên đã giải thích. Thế nên Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Nếu cư sĩ, vợ cơ sĩ v.v… cho đến vì thích đẹp mà được y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ tám)

GIỚI KHUYÊN HAI GIA ĐÌNH CHUNG TIỀN SẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có thầy Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn mặc y thường mặt, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Bấy giờ, có người vợ cư sĩ nói với Tỳ-kheo như trên. Nhưng đó là một cư sĩ nói. Còn ở đây có hai gia đình cư sĩ mà ý kiến khác nhau thì Tỳ-kheo nghe rồi cũng phải nghe lại cho rõ. Nếu cả hai gia đình vợ chồng cư sĩ ấy đều bàn bạc về giá cả của y và nói như sau: "Chúng tôi sẽ sắm y như

vậy như vậy, giá cả như vậy như vậy, để cho Tỳ-kheo mỗ giáp". Nhưng trước đó họ không tự ý thỉnh mời mà Tỳ-kheo vì muốn y tốt nên đến hai nhà cư sĩ, nói: "Cả hai nhà nên chung sức sắm cho tôi một chiếc y như vậy, với giá trị như thế". Vị này vì thích đẹp, nên nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ chín)

GIỚI ĐỒI TIỀN Y QUÁ SỐ LẦN QUY ĐỊNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Vua Bình-sa có hai vị Đại thần, người thứ nhất là Ni-đề, người thứ hai tên là Bà-lợi-sa. Vào mùa thu, dân chúng thu hoạch xong, bèn vận chuyển lương thực vào thành. Khi ấy, tuyết rơi lạnh, hai vị Đại thần suy nghĩ: "Hằng năm chúng ta thường mời thầy Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà về nhà cúng dường trai phạn và y phục, không biết hiện giờ họ ở đâu". Có người nói: "Họ đang ở tại thành Xá-vệ".

Lúc ấy, hai vị Đại thần bèn sai sứ giả mang thư và tám trăm đồng tiền cũ đến đưa cho Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà, và dặn họ phải mang thư hồi âm về báo lại. Sứ giả đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn bèn hỏi thầy tri khách: "Phòng của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ở đâu?".

Lúc ấy các Tỳ-kheo liền chỉ, nói: "Phòng này đây".

Sứ giả liền bước vào phòng, đảnh lễ, rồi hỏi: "Thầy có phải là Ưu-ba-nan-đà không?".

Thầy đáp: "Phải. Ông muốn hỏi điều gì?"

Sứ giả đáp: "Hai vị Đại thần của Vua Bình-sa là Ni-đề và Ba-lợi-sa sai tôi đem thư và tám trăm đồng tiền cũ đến thầy, và xin thư hồi âm".

Khi ấy, có Ưu-bà-tắc tên Pháp-dự, Ưu-ba-nan-đà bèn nói với ông ta: "Ông hãy đếm xem số tiền

sắm y này có phù hợp với lá thư không".

Ông ta bèn đếm thì thấy số tiền ấy phù hợp với thư, liền viết thư phúc đáp và sai sứ giả đem về. Thế rồi, Pháp-dự định đi về, liền bạch với Ưu-ba-nan-đà: "Thưa Tôn giả, tiền sắm y này nên để ở đâu?"

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Nên để bên ông".

Ưu-bà-tắc bèn mang về nhà, nhưng chờ một ngày, hai ngày, ba ngày mà không thấy Ưu-ba-nan-đà đến lấy. Vì thầy bận nhiều việc nên quên không đến lấy. Khi ấy, trong nhà Ưu-bà-tắc đang thiếu tiền, nên ông mượn số tiền ấy dùng tạm rồi sau sẽ hoàn lại. Mới vừa tiêu xong, thì ngay trong ngày ấy, Nan-Đà bảo Ưu-ba-nan-đà đến đòi lại số tiền sắm y. Ưu-bà-tắc nói: "Khi tôi mang tiền về nhà chờ Tôn giả một ngày, hai ngày, ba ngày mà không thấy đến lấy, nhân trong nhà đang thiếu ít tiền, nên tôi mượn dùng tạm rồi sẽ hoàn trả lại".

Ưu-ba-nan-đà liền giận dữ nói: "Ông là người không thể gởi gấm được! Đó là tiền của tôi, vì sao tự tiện sử dụng?"

Thế rồi, Nan-đà nói với Ưu-ba-nan-đà: "Vật ấy không thể đòi trực tiếp được", bèn báo với quan đến bắt ông ta đi.

Khi ấy, dân chúng thấy thế, liền chê trách đủ điều, rằng: "Sa-môn Thích tử tự cho mình thánh thiện tốt đẹp, thế mà người đàn-việt kia thường

cung cấp cho họ, họ lại nỡ làm khốn khổ như vậy đó, huống gì người khác. Thật là mất hết phép tắc Sa-môn, làm ác như vậy thì còn có đạo đức gì nữa".

Ưu-ba-nan-đà nghe thế lấy làm xấu hổ, liền thả ông ta đi.

Các Tỳ-kheo nghe việc ấy bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi: "Ưu-ba-nan-đà, ông có làm việc đó thật chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn".

Phật bèn khiển trách Ưu-ba-nan-đà: "Đó là việc ác. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện để chê trách sự đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay trở đi Ta không cho phép đến đòi như thế nữa".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ có Ưu-bà-tắc Pháp-dự thường mời các Tỳ-kheo tuần tự thọ trai. Đến phiên Tỳ-kheo đến nhà ấy thọ trai, Pháp-dự hỏi: "Vì sao không thấy Ưu-ba-nan-đà đến nhận lại tiền? Khi tôi chưa có tiền thì đòi một cách khẩn thiết giữa mọi người, nay tôi có tiền thì không thấy đến lấy".

Các Tỳ-kheo nói: "Phật chế giới không được đến đòi".

Pháp-dự nói: "Nếu không cho đòi thì vì sao

không đến đây đứng im lặng, tôi sẽ hiểu ý?”. [1623]

Thầy Tỳ-kheo ấy ăn xong trở về nói với Các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Ông Ưu-bà-tắc Pháp-dự này là kẻ thông minh, có trí tuệ, và có phương tiện quyền biến. Từ nay Ta cho phép các Tỳ-kheo Ba lần đến đòi, sáu lần đến đứng im lặng”.

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu Vua hay Đại thần sai sứ giả mang tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo, rồi sứ giả đến chỗ Tỳ-kheo nói: “Tôn giả, đây là tiền sắm y của Vua, của vị Đại thần kia đưa cho Tôn giả, Tôn giả hãy nhận lấy”. Tỳ-kheo này nên nói với sứ giả như sau: “Phép của các Tỳ-kheo không được nhận tiền sắm y. Khi nào ta cần y thanh tịnh (hợp pháp), ta sẽ tự tay nhận tiền để sắm y”. Sứ giả nên hỏi Tỳ-kheo: “Thưa Tôn giả! có người chức sự, thường xử lý công việc cho các Tỳ-kheo không?”. Tỳ-kheo này nên chỉ cho sứ giả người chức sự như người làm vườn hoặc cư sĩ ở chùa, và nói: “Những người đó thường hay giúp việc cho các Tỳ-kheo”. Bấy giờ, sứ giả đến chỗ người chức sự nói: “Lành thay ông chức sự! Số tiền sắm y như thế này đây dùng để sắm y như vậy, như vậy cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Khi

nào Tỳ-kheo ấy cần y đến lấy, thì ông nên đưa y cho thầy". Sứ giả này tự mình khuyến dụ, hoặc nhờ người khác khuyến dụ xong, trở lại chỗ Tỳ-kheo, thưa: "Thưa Tôn giả, người chức sự mà Tôn giả đã chỉ tôi đã đến nhờ ông ta may y cho Tôn giả. Khi nào Tôn giả cần y cứ đến lấy, ông ta sẽ đưa y cho Tôn giả".

Thầy Tỳ-kheo khi cần y nên đến chỗ người chức sự đòi y, nói như sau: "Tôi cần y". Đòi đến lần thứ hai thứ ba cũng như thế. Nếu được y thì tốt, nếu không được thì lại đến trước người chức sự đứng im lặng đến lần thứ tư thứ năm, thứ sáu, mà được y thì tốt. Nếu không được mà cứ đến đòi hơn sáu lần thì khi được y, sẽ phạm Ni-tát-kỳ Ba-da-đề.

Nếu không được y, thì hoặc tự đi, hoặc nhờ sứ giả tới người đưa tiền sắm y, nói như sau: "Ông đưa tiền sắm y cho Tỳ-kheo mỗ giáp, nhưng rốt cuộc Tỳ-kheo mỗ giáp không được y. Vậy ông hãy đến lấy lại tiền y kẻo bị mất". Việc này nên làm như vậy.

Giải thích:

Vua: Như đã nói trong giới ăn trộm.

Bề tôi của Vua: Kể cả viên Tiểu lại biết trông coi việc quan đều gọi là bề tôi.

Sứ giả: Hoặc trai, hoặc gái, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Y: Như trên đã nói.

Tiền sắm y: Tiền, vàng bạc, châu báu, lưu ly, hà bối, san hô, hổ phách, xà cừ, mã não, Xích bảo, đồng, thiết, bạch lạp, chì v.v... Đó gọi là tiền sắm y.

Người làm vườn: Người tịnh nhân phụng sự chúng Tăng, gọi là người làm vườn.

Ưu-bà-tắc: Người đã thọ ba quy y, giữ được một phần giới, giữ

được một ít giới, giữ được nhiều giới, giữ được giới trọn vẹn, làm một cách nhuần nhuyễn. Người được như thế gọi là Ưu-bà-tắc.

Nói ba lần: Không phải chỉ trong một lần đi về, nói ba lời, mà là đi về đòi ba lần, thì gọi là nói ba lần.

Hoặc bốn, năm, sáu lần đến đứng im lặng: Không phải một lần đến đứng im lặng rồi trở về mà là sáu lần đến đứng im lặng rồi trở về. Nghĩa là một lần tự mình đến đòi, một lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, hai lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, ba lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, bốn lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, năm lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, sáu lần sai sứ đến đứng im lặng. Hai lần tự mình đến hỏi, ba lần tự mình đến hỏi cũng như vậy. Hoặc là một lần sai sứ đến đòi, một lần tự

mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, hai lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, ba lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, bốn lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, năm lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, sáu lần tự mình đến đứng im lặng. Thế rồi, hai lần sai sứ đến hỏi, ba lần sai sứ đến hỏi cũng như vậy. Hai lần tự mình đến đòi, ba lần tự mình đến hỏi cũng như vậy. Sai sứ đến đòi, sai sứ đến đứng im lặng ba lần cũng như vậy.

Nghĩa là ba lần đến đòi, sáu lần đến đứng im lặng. Thời gian hoặc hoãn hoặc gấp.

Thế nào là hoãn?

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn-việt đòi y, hỏi: "Lão trượng đưa cho tôi số tiền sắm y". Rồi đàn-việt đáp: "Tôn giả, một tháng nữa hãy đến". Tỳ-kheo đợi đủ một tháng lại đến đòi.

Nếu đàn-việt lại nói: "Một tháng nữa lại đến". Rồi Tỳ-kheo đợi đủ một tháng lại đến đòi.

Bấy giờ, đàn-việt lại nói: "Tôn giả, một tháng nữa lại đến". Tỳ-kheo đợi đủ một tháng lại đến đòi. Khi đã qua ba tháng rồi thì không được đến đòi nữa.

Hoặc họ nói: "Nửa tháng nữa đến lấy", thì quá ba lần nửa tháng, không được đến đòi nữa.

Hoặc họ nói: "Mười ngày, năm ngày, bốn ngày,

ba ngày, hai ngày, một ngày, một chốc lát…”[1627] mà quá ba chốc lát thì không được đến đòi nữa.

Khi Tỳ-kheo này sáu lần đến đứng mà đàn-việt nói: “Tôi biết Tôn giả đến đứng có ý gì rồi, vậy một tháng nữa hãy đến”. Thì Tỳ-kheo đợi đủ một tháng sẽ đến đứng im lặng. Cứ như vậy đủ sáu tháng đến đứng im lặng rồi thì không được đến nữa.

Hoặc họ nói: “Nửa tháng, mười ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, trong khoảnh khắc”. Mà quá sáu khoảnh khắc rồi, thì không được đến đứng im lặng nữa. Thế thì thời gian đứng im lặng là bao lâu? Khoảng thời gian ấy bằng thời gian một người vào phòng lấy mũ đội lên đầu, hoặc như khoảng thời gian khoác áo vào, rồi ra đi.

Nếu Tỳ-kheo tạo phương tiện hiện ra tướng trạng bằng cách cầm y, bát, tích trượng, bình nước, đi qua nhà người mình đã gởi tiền trước kia, rồi người đó hỏi: “Tôn giả định đi đâu vậy?”. Bèn đáp: “Định đi tới người đã gởi tiền trước kia bảo họ lấy lại tiền kẻo để mất”. Rồi người nhận ký gởi nói: “Tôi đã chuẩn bị tiền từ lâu, không cần phải đến nữa”. Bèn đưa tiền cho Tỳ-kheo, mà Tỳ-kheo lấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nhưng nếu không có dụng ý mà nhân đi đường ngang qua trước họ, rồi họ hỏi: “Tôn giả định đi

đến đâu đó". Tỳ-kheo đáp: "Định đi tới người chủ đã đưa tiền trước kia bảo họ lấy lại tiền kẻo để mất". Rồi người nhận ký gởi nói: "Tôi đã chuẩn bị tiền từ lâu, khỏi cần đi đến nữa"; bèn đưa tiền, mà Tỳ-kheo nhận, thì không có tội.

Trái lại, nếu người nhận ký gởi nói: "Tùy ý mà đi. Giả sử ông có xẻ thịt tôi ra như xẻ cây đa la, thì tôi cũng không đưa ông một đồng xu ten", thì bấy giờ Tỳ-kheo nên đến người đã gởi tiền bảo họ lấy lại tiền kẻo để mất. Nếu như người chủ đã đưa tiền nói: "Trước đây tôi đã cúng dường cho thầy, thầy tùy phương tiện mà đòi lại". Khi ấy, Tỳ-kheo được phép làm như trước Ba lần đến đòi, sáu lần đến đứng im lặng.

Thế nên Đức Thế Tôn nói:

"Hoặc nhà Vua, hoặc Đại thần đưa tiền sắm y... cho đến chớ để mất. Việc ấy nên làm như vậy".

(Hết phần đầu của Ni-tát-kỳ).

GIỚI LÀM PHU CỤ LÔNG ĐEN

Khi Phật an trú tại Tinh xá có tầng lầu nơi Đại-lâm ở thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tất cả các Tỳ-kheo đều may y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Ni sư-đàn bằng len, chỉ trừ đãy lọc nước và dây buộc xách là không phải bằng len. Do đó, các Tỳ-kheo đi mọi chỗ xin lông dê để may y bằng len, nhiều người đều làm như thế, khiến

người đời sinh chán ngán. Khi ấy, có một Tỳ-kheo[1629] sáng sớm khoác y,

cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly để xin lông thú. Bấy giờ một khách buôn tay cầm chìa khóa đi tới chợ, định mở cửa sạp hàng, nhưng trông thấy Tỳ-kheo từ xa vội vã đi đến, bèn suy nghĩ: "Thầy Tỳ-kheo này tới đây chắc là để xin lông thú, mới sáng sớm mà đã tới đây, chợ búa chưa mở hàng thì ai mà lại cho lông". Thế rồi, ông đóng cửa sạp hàng, trở về nhà. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ông khách buôn này thấy ta liền đóng cửa sạp hàng, trở về nhà, có lẽ là không muốn cho ta lông thú", bèn đi đường tắt đến chận đầu ông ta hỏi: "Lão trượng, ông đi đâu mà không chờ tôi? Vậy thì tôi xin lông ai đây? Chính là tôi định xin lông thú của ông, vì ông là người tin tưởng pháp Phật, biết rõ tội phước, việc làm có quả báo mà nếu không cho tôi, thì ai sẽ cho tôi. Lão trượng nên biết, Đức Thế Tôn đã dạy: Nên khởi tâm từ, đối với người không thích nghe, tạo phương tiện khiến cho họ nghe; đối với những người không tin tưởng phải khuyên bảo họ tin tưởng; thậm chí dùng tay ghì đầu họ, khuyên họ phải bố thì. Vì lẽ, họ nhờ đó mà khi mệnh chung được sinh lên cõi trời, có sắc đẹp, khỏe mạnh, sống lâu, có bà con sum họp, đời sau sinh vào cõi người cũng hưởng được khoái lạc, có sắc đẹp, khỏe mạnh, sống lâu, và bà con đông đúc. Thế rồi, họ tu tập pháp Phật, làm tăng thêm công đức và chờ đợi

quả vị cam lồ. Do vậy, này lão trượng, Thế Tôn đã nói kệ:

"Làm phước hưởng an lạc
Muốn gì đều tự nhiên
Vượt khỏi dòng sinh tử
Lên cảnh giới Niết-bàn
Những kẻ làm việc phước
Được thiên thần hộ trì
Nguyện chi đều thành tựu
Ma ác không hại được
Bạc phước nhiều khổ não
Phước dày tai họa tiêu
Phước đức mà vững chắc
Định kiên cố chóng thành
Sinh thiên hưởng diệu lạc
Ở nhân gian, tự tại
Đó là do công đức
Đến đâu đều tự nhiên
Do phương tiện phước đức
Mà lìa khổ sinh tử
Đắc đạo đến Niết-bàn
Dứt lưu chuyển tái sinh".

Khi Tỳ-kheo thuyết kệ xong, liền nói với khách buôn: "Lão trượng, bố thí lông dê cho tôi phước đức rất lớn".

Khách buôn nghe nói thế, liền bố thí một ít lông dê, đoạn suy nghĩ: "Nếu ta vào chợ, sẽ có nhiều người xin lông, đã chẳng được lợi ích gì mà còn

hao tổn vốn liếng. Vậy, thà ngồi ở nhà còn có thể bảo toàn vốn liếng chứ cố vào sạp buôn bán, e mất toi cả vốn lời". Nghĩ thế rồi, ông bèn trở về ngồi trong nhà. Bà vợ trông thấy vậy, nổi giận nói với chồng: "Vì sao ông đến chợ rồi lại tức tốc trở về? Lười biếng như vậy thì lấy gì để nuôi con cái, nạp thuế quan và lo việc sưu dịch?".

Khách buôn đáp: "Bà chớ giận, hãy nghe đã. Sáng sớm nay tôi đến sạp hàng định mua bán...". Nói rộng như trên, cho đến "Không bằng trở về nhà ngồi nghỉ".

Bà vợ nghe rồi im lặng không nói nữa. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất tuần tự khuất thực, đến nhà khách buôn ấy, đứng ở ngoài cửa. Bà vợ của ông nhà buôn vốn là người có tín tâm, cung kính, biết Tôn giả Xá-lợi-phất, nên dùng cái tô múc đầy thức ăn, đem ra cửa sớt vào bát của Xá-lợi-phất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, cung kính vấn an. Khi ấy, Xá-lợi-phất cũng an ủi bà ta: "Trong nhà thế nào? Sinh hoạt có tốt không?".

Bà ấy đáp: "Trong nhà đều tốt đẹp cả, chỉ có việc sinh nhai bị đình đốn".

Tôn giả hỏi: "Vì sao vậy?".

Bà liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Xá-lợi-phất: "Mọi sinh hoạt trong nhà như ăn uống, quần áo, cung cấp, sưu dịch, thuế khóa đều nhờ vào sạp hàng mà nay ông nhà cứ ngồi ì trong nhà, vì sợ

người ta xin lông dê. Thật sự ông đang ở đó mà bảo là đi, thật sự ông đang thức mà bảo là ngủ. Nay thầy là người mà gia đình con cúng dường, cung kính, tôn trọng, không dám giấu giếm điều chi. Vì lẽ lông rất quý, giá một đồng một lạng, cho đến hai ba, bốn đồng tiền vàng một lạng. Hơn nữa, thứ lông này rất mịn, dù châm vào tròng mắt cũng không chảy nước mắt, nên rất khó được. Thưa Tôn giả! Thứ lông dê này phát xuất từ bốn nước lớn là: Nước Tỳ-xá-ly, nước Phất-ca-la, nước Đắc-sát-thi-ra, nước Nan-đề-bạt-đà. Chồng tôi và các thân quyến vì đi tìm thứ lông ấy mà có khi còn sống trở về, có khi bị chết không trở về, vì loại lông này khó được như vậy, cho nên rất quý. Thế mà các Tỳ-kheo hết người này đến người khác tới xin hoài, phá gia nghiệp của con, khiến lâm vào cảnh

bần cùng".

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền thuyết pháp rộng rãi, khiến bà ta phát tâm hoan hỷ, rồi trở về Tinh xá. Và sau khi thọ trai xong, thầy bèn đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi: "Có thật là ông vì muốn làm y bằng len mà xin lông dê, khiến cho bà vợ ông nhà buôn đã trách móc với Xá-lợi-phất chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Này Tỳ-kheo, há ông không từng

nghe Ta dùng vô số phương tiện quở trách đa dục, tán thán thiểu dục hay sao? Việc ông làm là phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Thuần: Không pha tạp.

Lông dê: Có mười loại là: Dê tương tục, dê đen, dê lang (không đủ sắc), dê núi, dê lang thang, dê hồ, dê đẳng, dê kên, dê nhiều tai, dê mộc liên.

Mới: Mới làm thành.

Phu cụ: Dụng cụ để trải, được làm bằng len.

Làm: Hoặc tự làm, hoặc nhờ người khác làm.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Phu cụ ấy phải xả bỏ giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Dê tương tục: Có sáu loại lông: Màu xanh tự nhiên, màu xanh nhuộm, màu đen tự nhiên, màu đen nhuộm, màu xanh đen tự nhiên, màu xanh đen nhuộm.

Nếu tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm thì

phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến loại lông dê mộc liên cũng như vậy. Loại phu cụ này phải xả bỏ giữa chúng Tăng, nhưng chúng Tăng không được trao lại chủ cũ, cũng không được dùng vào các việc khác, mà chỉ có thể trải dưới đất, hoặc tủ trên mái nhà, làm rèm, phướn. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ mười một)

GIỚI LÀM PHU CỤ THUẦN MÀU ĐEN

Khi Phật an trú tại một Tinh xá có lầu gác trong rừng ở thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo làm các loại y bằng len như y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng, y An-đà-hội và Ni-sư-đàn, chỉ trừ đãy lọc nước và dây buộc túi xách. Vì bấy giờ Phật chưa chế giới nên các Tỳ-kheo mặc loại y bằng len này ngồi ở ngoài trời (ban đêm) một cách an ổn. Nhưng sau khi Phật chế giới, các Tỳ-kheo không được mặc y bằng len nên nhiều người đau ốm, sống không yên ổn. Do vậy, họ bèn đem sự kiện ấy nói với Tôn giả A-nan: "Khi Phật chưa chế giới, chúng tôi mặc y bằng len (nên dù ở ngoài trời) cũng yên ổn như ở trong nhà, đến khi Phật chế giới rồi, không được mặc y bằng len nữa, nên nhiều người ốm đau, không yên ổn. Lành thay A-nan!

Thầy hãy vì chúng tôi bạch với Phật cho phép chúng tôi dùng lại y bằng len như trước".

Khi ấy, Tôn giả A-nan bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn: "Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo mặc y bằng len như trước".

Phật nói: "Ta cho phép các Tỳ-kheo làm y pha trộn (các loại lông)".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới nên trộn lẫn hai phần lông dê thuần đen, phần thứ ba lông trắng và phần thứ tư màu xám. Trái lại, nếu Tỳ-kheo không trộn lẫn hai phần lông dê thuần đen, phần thứ ba lông trắng và phần thứ tư màu xám để làm phu cụ, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Một số từ ngữ đã được giải thích ở trên)

Hai phần: Dùng 2/4 lông dê đen để làm phu cụ.

Phần thứ ba trắng: Dùng 1/4 lông dê trắng để làm phu cụ

Phần thứ tư màu xám: Dùng 1/4 lông màu xám để làm phu cụ Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới (sai quy định trên đây) hoặc tự làm,

hoặc nhờ người khác làm, khi làm thành thì

phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

(Các từ khác trên đã giải thích). Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới thì phải dùng hai phần tư lông dê thuần đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám để làm. Trái lại, nếu không dùng hai phần tư lông dê thuần đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám để làm phu cụ mới, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ mười hai)

GIỚI DÙNG TƠ TRỘN LÔNG LÀM PHU CỤ

Khi Phật an trú tại một Tinh xá có lầu gác trong rừng lớn thuộc thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo định làm phu cụ nhưng thiếu lông dê, các Tỳ-kheo bèn hỏi: "Làm phu cụ xong chưa?".

Thầy đáp: "Làm chưa xong". Họ lại hỏi: "Vì sao vậy?".

Thầy đáp: "Vì thiếu lông dê".

Các Tỳ-kheo bèn nói: "Thầy muốn có tơ tằm mịn để làm không?"

Thầy đáp: "Muốn".

Các Tỳ-kheo liền nói: "Thầy hãy đến thôn Khoáng Dã xin tơ tằm về trộn lẫn với lông dê để làm".

Thầy liền theo lời chỉ dẫn, đi tới thôn Khoáng

dã vào nhà làm tơ tằm hỏi chủ nhà: "Lão trượng, cho tôi ít tơ tằm".

Chủ nhà đáp: "Thầy đợi một chút, tôi đi lấy tơ tằm đem ra cho".

Tỳ-kheo đứng chờ ở ngoài một lát, bèn tới hỏi: "Đã lấy xong chưa?".

Họ đáp: "Vừa mới lấy ra, đợi tôi một lát, tôi nấu xong rồi sẽ đưa".

Thế rồi, họ đem ghế ra mời Tỳ-kheo ngồi. Thầy liền ngồi chờ một chốc lát, bèn đi tới xem nồi nước sôi chưa. Thấy nước đã sôi thầy liền nói: "Nước đã sôi, có thể bỏ kén vào".

Chủ nhân vì muốn chế diễu Tỳ-kheo, nên hỏi: "Tôn giả, nước đã sôi có thể bỏ kén vào thực sao?".

Thầy đáp: "Quả thực đã sôi có thể bỏ vào được".

Chủ nhân bèn đem kén bỏ vào nồi nước sôi, phát ra tiếng kêu sùng sục, rồi ông trách: "Tôi nghe Sa-môn Cù-Đàm dùng vô số phương tiện ca ngợi sự không sát sinh, khiển trách sự sát sinh, vì sao Sa-môn Thích tử lại cố ý sát hại chúng sinh? Thế là mất hết phép tắc Sa-môn, còn có đạo hạnh gì nữa?".

Với tâm không hoan hỷ, chủ nhân bèn đem cho Tỳ-kheo một ít tơ tằm. Tỳ-kheo được tơ tằm rồi, bèn đem về trộn với lông dê, làm phu cụ. Các Tỳ-kheo lại hỏi: "Thầy làm phu cụ xong chưa?".

Thầy đáp: "Xong rồi, nhưng trong khi làm lợi ít mà lỗi nhiều". Các Tỳ-kheo hỏi: "Thế nào là lợi ít mà lỗi nhiều?"

Thầy bèn trình bày đầy đủ sự kiện kể trên. Các Tỳ-kheo nghe xong, liền đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến Phật liền hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Đó là việc ác. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện chê trách việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh hay sao? Nay vì sao ông lại làm việc ác như thế. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm trộn lẫn với lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

-Tơ tằm: Gồm có hai loại: Một là sống, hai là đã làm. Tơ sống nghĩa là tơ mịn. Tơ đã làm nghĩa là tơ đã đánh sợi.

(Một số từ đã giải thích ở trên).

1639

Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm may y Tăng-già-lê, dùng lông dê may y Uất-đa-la-tăng; hoặc dùng lông dê may y Tăng-già-lê, dùng tơ tằm may y Uất-đa-la-tăng hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm, khi làm xong, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm may y Tăng-già-lê, dùng lông dê may y An-đà-hội, hoặc dùng lông dê may y Tăng-già-lê, dùng tơ tằm may y An-đà-hội. Hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm, khi làm xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc đường dọc làm bằng tơ tằm, đường ngang làm bằng lông dê, hoặc đường dọc làm bằng lông dê, đường ngang làm bằng tơ tằm; hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác, khi làm xong, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc dệt ở ngoài lề bằng lông dê, ở giữa bằng tơ tằm, hoặc dệt ở giữa bằng lông dê, ở ngoài lề bằng tơ tằm, hoặc tự mình dệt, hoặc nhờ người khác dệt, khi dệt xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc dệt một sợi bằng tơ tằm, một sợi bằng lông dê, thì cũng như trên đã nói. Hoặc y bằng lông dê, đường viền bằng tơ tằm, hoặc y bằng lông dê, đường xếp bằng tơ tằm, hoặc y bằng lông dê, miếng vá bằng tơ tằm, hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm, đều như trên đã nói. Cái y len này phải đem xả bỏ giữa chúng Tăng, và Tăng không được dùng, cũng

không được trả lại chủ cũ, mà chỉ được dùng trải đất và làm rèm, màn che gió mà thôi. Thế nên nói:

"Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm trộn lẫn với lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ mười ba)

GIỚI DÙNG PHU CỤ CHƯA ĐỦ SÁU NĂM.

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác trong rừng lớn nơi thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Vì năm điều lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi quan sát phòng ốc của các Tỳ-kheo một lần. Lúc ấy, Thế Tôn thấy các phu cụ len cũ bỏ ngổn ngang khắp nơi, hoặc trong đống rác, hoặc trong xó nhà, hoặc dưới thềm nhà, bị chim, quạ mang về làm ổ, hoặc chuột tha vào trong hang. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là loại phu cụ len cũ của ai mà bỏ ngổn ngang khắp nơi như thế?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Đó là thứ phu cụ len cũ mà các Tỳ-kheo vứt bỏ, vì thích làm phu cụ mới".

Phật bèn bảo với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi, các Tỳ-kheo khi làm phu cụ mới phải sử dụng đến sáu năm".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo già bệnh

mang chiếc y Tăng-già-lê bằng len nặng nề,[1641] các Tỳ-kheo thấy thế, nói: "Thầy mang chiếc y Tăng-già-lê bằng len nặng thế này sẽ chết mất, hãy bỏ cái y nặng này đi và mang chiếc y nhẹ khác".

Thầy liền đáp: "Vì dùng chưa đủ sáu năm".

Các Tỳ-kheo lại nói: "Thầy không bỏ cái y này sẽ ốm mà chết". Thầy đáp: "Thà tôi chết, chứ không dám trái giới luật".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo già bệnh ấy vì mang y bằng len nặng mà tăng thêm bệnh thì Tăng nên cho thầy pháp Yết-ma dùng y len. Tỳ-kheo này nên đến xin Tăng và Tăng nên làm pháp Yết-ma cầu thính. Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp già bệnh mà chiếc y bằng len nặng nên càng tăng thêm bệnh suy vi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho phép Tỳ-kheo mỗ giáp đến Tăng xin Yết-ma về y len.

Xin các Đại đức lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp muốn đến Tăng xin pháp Yết-ma y len, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành".

Thế rồi, Tỳ-kheo này đến trước Tăng, trật vai áo bên phải, chân phải quỳ xuống đất, tác bạch xin như sau:

"Tôi Tỳ-kheo mỗ giáp già bệnh mà chiếc y này nặng càng làm cho bệnh hoạn tôi tăng thêm. Nay tôi đến giữa Tăng xin pháp Yết-ma y len, mong Tăng cho tôi pháp Yết-ma y len". Xin lần thứ hai thứ ba cũng như thế.

Bấy giờ, người làm Yết-ma nên nói như sau:

-Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp này bệnh mà chiếc y bằng len nặng, thầy đã đến giữa Tăng xin pháp Yết-ma y len. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp Yết-ma y len. Đây là lời tác bạch.

Rồi ba lần bạch Yết-ma cũng như thế.

Sau đó, Phật hỏi các Tỳ-kheo đã cho Tỳ-kheo già bệnh pháp Yết-ma y len chưa, thì họ đáp rằng đã cho rồi. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới phải dùng đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm mà bỏ, hoặc không bỏ phu cụ cũ, làm phu cụ mới -ngoại trừ Tăng làm Yết-ma cho phép -thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Một số từ đã giải thích ở trên)

Sáu năm: Tức sáu mùa hạ. Bốn tháng mùa hạ nên ở trong nhà, mỗi đêm nên trải tấm phu cụ bằng len ba lần, không nên đầu đêm đem ra trải ba lần;

nếu đầu đêm đem ra mà giữa đêm, cuối đêm không đem ra, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu giữa đêm đem ra (dùng) mà đầu đêm, cuối đêm không đem ra thì cũng phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu cuối đêm đem ra, mà đầu đêm, giữa đêm không đem ra, thì cũng phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều không đem ra, thì phạm ba tội Việt-tỳ-ni. Trái lại nếu đem ra ba lần đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm, thì không có tội.

Chưa đủ sáu năm: Chưa đủ sáu mùa hạ.

Phu cụ cũ: Đã được dùng trong sáu năm.

Hoặc xả, hoặc không xả: Cái phu cụ cũ hiện tiền nếu bỏ rồi làm cái mới thì phạm; hoặc cái phu cụ cũ hiện tiền không bỏ mà làm cái mới cũng phạm; hoặc cái phu cụ cũ không hiện tiền, nếu bỏ mà làm cái mới cũng phạm; hoặc cái phu cụ cũ không hiện tiền, không bỏ mà làm cái phu cụ mới, tự mình làm hay nhờ người khác làm, khi làm xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vì muốn tốt: Chẳng hạn hiềm vì "Lớn quá, nhỏ quá, nhẹ quá, nặng quá, khi mặc vào lạnh quá, nóng quá, mà ta có đàn-việt, có người làm giúp, ta có lông dê, vậy ta hãy làm cái phu cụ mới". Nếu vì muốn tốt, suy nghĩ như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ngoại trừ Tăng Yết-ma cho phép: Nếu Thế Tôn

cho đặc miễn thì không có tội. Nhưng Yết-ma hoặc thành hoặc không thành.

Yết-ma không thành tựu: Thân thể không gầy yếu nhan sắc không tiều tụy, gân cốt không suy giảm, ăn thực phẩm thô sơ vẫn no; hoặc tác bạch không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, tăng không thành tựu, có những sự việc không thành tựu như vậy, đó gọi là Yết-ma không thành tựu. Trái lại, nếu Tỳ-kheo ấy bệnh hoạn, thân thể nhan sắc tiều tụy, gân cốt suy giảm, ăn thức ăn nhuyễn cũng không thấy no, đừng nói là thức ăn thô; nhưng khi tác bạch không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, tăng không thành tựu, có các việc sai trái như thế, thì cũng gọi là Yết-ma không thành tựu.

Yết-ma thành tựu: Nếu Tỳ-kheo ấy ốm yếu, nhan sắc tiều tụy, gân cốt suy giảm, ăn thức ăn nhuyễn cũng không no được, tác bạch thành tựu, Yết-ma thành tựu, tăng thành tựu, các việc như thế đều không sai sót, đó gọi là Yết-ma thành tựu.

Vị Tỳ-kheo già bệnh này, khi được Tăng Yết-ma cho phép rồi, phải ghi nhớ số ngày tháng năm đã sử dụng cái phu cụ bằng len cũ, đến lúc lành bệnh phải sử dụng lại cái phu cụ cũ ấy, tính với số thời gian trước kia đủ sáu năm. Nếu Tỳ-kheo này sau khi lành bệnh không dùng lại phu cụ cũ đủ sáu năm, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề như trên đã nói. Sau khi vị

ấy đem xả giữa chúng Tăng, Tăng không nên trả lại vị ấy, mà được sử dụng, nhưng không được khoác mặc vào thân, thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ mười bốn)

GIỚI KHÔNG MAY MỘT MIẾNG CŨ TRÊN PHU CỤ MỚI

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác trong rừng lớn ở thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng xá của các Tỳ-kheo, thấy phu cụ bằng len cũ bỏ vung vãi khắp nơi như tại đống rác, trong xó nhà, dưới mái hiên, hoặc bị chim quạ tha đi lót ổ, hoặc chuột tha vào hang. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Những phu cụ bằng len cũ này của ai mà bỏ vung vãi khắp nơi thế này?".

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Có một số Tỳ-kheo hoặc bãi đạo, hoặc qua đời, hoặc còn đang sống, chính họ vứt bỏ các phu cụ bằng len cũ vung vãi như thế".

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Nếu như người bố thí không cân nhắc, thì người thọ thí cũng phải cân nhắc, nghĩa là Tỳ-kheo thọ thí phải sử dụng, không được vứt bỏ. Từ nay trở đi nếu Tỳ-kheo làm phu cụ Ni-sư-đàn bằng len mới thì phải dùng một miếng phu cụ bằng len cũ vuông vức một gang tay Tu-già-đà may chồng lên cái mới để cho hỏng màu

sắc đi mới được".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ Ni-sư-đàn bằng len mới thì phải dùng một miếng phu cụ bằng len cũ vuông vức một gang tay Tu-già-đà may chồng lên cái mới để cho hỏng màu sắc đi. Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ Ni-sư-đàn bằng len mới mà không dùng một miếng phu cụ bằng len cũ vuông vức một gang tay Tu-già-đà may chồng lên cái mới, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Một số từ ngữ đã giải thích ở trên)

Phu cụ cũ: Phu cụ đã dùng được sáu năm.

Tu-già-đà: Chỉ cho đức Đẳng Chánh Giác.

Một gang tay: Dài hai thước, bốn tấc (?). Khi dùng cái phu cụ cũ không được dùng phu cụ của những người kém hiểu biết, người phạm giới, người không nghe pháp, người ở trong phòng mà khi phòng hư không sửa chữa, người bị mang tiếng xấu, người có kiến giải đoạn diệt, người xa lìa Hòa thượng, A-xà-lê, không thích thưa hỏi, người không thể phá ác ma, người không phân biệt được việc của ma. Trái lại, nên dùng phu cụ cũ của những người nghe nhiều... và phân biệt được việc

của ma.

Khi dùng một miếng phu cụ cũ vuông vức bằng một gang tay của đức Chánh Đẳng Giác thì không được dùng miếng mất góc, miếng có hình hạt lúa, miếng như cái chày, miếng có hình chiếc xe, có hình thòng xuống, có hình méo mó, có hình lồi, hình lõm.

Mất góc: Không có góc.

Hình hạt lúa: Ở giữa rộng, hai đầu hẹp.

Hình cái chày: Hai đầu rộng, chính giữa hẹp.

Hình chiếc xe: Một đầu rộng, một đầu hẹp.

Hình thòng xuống: Hình xiên xẹo.

Hình méo mó: Không cân xứng.

Hình lồi: Nổi gồ lên.

Hình lõm: Bốn góc lồi ra, ở các khoảng giữa lõm xuống.

Khi may chồng thêm, không được may những miếng có hình thù kể trên, mà phải may những miếng vuông vức đầy đặn. Khi bị rách thì phải vá lại, hoặc bị bẩn thì phải giặt, rồi dùng các loại len bằng lông khác mà vá lại. Thầy Tỳ-kheo nào may Ni sư-đàn mới mà không may một miếng cũ chồng lên trên, thì cái Ni sư-đàn ấy phải đem xả bỏ giữa chúng Tăng, và Tăng không được trả lại chủ cũ mà chỉ để Tăng dùng, nhưng không được khoác lên mình. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ thứ mười lăm)

GIỚI CẦM LÔNG DÊ ĐI QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly nơi Tinh xá có lầu gác trong rừng lớn, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di gánh một gánh lông dê nặng nề, thân còng xuống, từ trong thành đi ra, khiến cho người đời chỉ trích: "Hãy xem Sa-môn Ưu-đà-di kìa. Giống như con lạc đà, giống như con lừa, giống như phu khuân vác, gánh lông dê như thế mất hết phép tắc Sa-môn, nào còn có đạo hạnh gì nữa".

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật ông gánh lông dê nặng nề, khiến cho người đời chê trách phải không?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Đó là việc xấu, từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo gánh vác nữa".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có sáu mươi Tỳ-kheo từ phương Bắc định đến Xá-vệ để thăm viếng Phật, thăm viếng Xá-lợi-phất, Mục-liên các Trưởng lão Tỳ-kheo và

thăm viếng Cư sĩ Tu-đạt, Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu, tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi lầu gác trong rừng Khai

Nhãn. Nhân có một Tỳ-kheo từ Xá-vệ đến chỗ họ, họ bèn hỏi: "Chúng tôi muốn đến đó (Xá-vệ) cúng dường các bậc phạm hạnh một ít phẩm vật, không hiểu nên mang theo những vật gì cho hợp với nhu cầu của các vị ấy?".

Vị này đáp: "Thưa Trưởng lão, tất cả các Tỳ-kheo ở đó đều mặc y bằng len, chỉ trừ đãy lọc nước và quai buộc xách. Vậy có thể mang theo lông dê đến đó".

Thế rồi, sáu mươi Tỳ-kheo ấy, mỗi người đều gánh những gánh lông dê nặng mà đi, từ thôn xóm này đến thôn xóm khác, từ thành phố này đến thành phố khác. Thấy thế, dân chúng châm biếm: "Các người hãy xem kìa! Những Sa-môn Thích tử này gánh nặng mà đi giống như đàn lạc đà, đàn lừa, như phu khuân vác, như khách buôn…". Lại có người nói: "Các vị không biết sao, ở đây mua rẻ nên họ định đem đến đó bán đắt đấy. Thật là mất hết phép tắc Sa-môn, nào có đạo hạnh gì nữa".

Các Tỳ-kheo đi lần lần đến thành Xá-vệ, khi đến nơi, bèn đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Các Thầy từ đâu đến vậy?".

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Từ phương Bắc đến".

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đi đường có vất vả, khất thực có khó khăn không?".

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Đi đường không vất

vã, khất thực không khó khăn, chỉ có điều dọc đường bị người đời chê trách".

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "Người ta chê trách về việc gì?".

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Sáu mươi người chúng con đều gánh lông dê (nói rộng như trên)".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các ông đáng bị người đời chê trách. Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo gánh lông dê đi".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo đi đường được lông dê mà muốn lấy thì có thể tự tay cầm đi trong ba do-tuần. Nếu gánh đi quá ba do-tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Đường đi: Hoặc ba do-tuần, hai do-tuần, một do-tuần, nửa do-tuần, hoặc một Câu-lô-xá.

Được: Được từ những người đàn ông, đàn bà, người lớn, trẻ con, người tại gia hoặc người xuất gia.

Muốn lấy: Thực sự cần đến.

Tự mang đi ba do-tuần: Cứ hai ngàn bộ được gọi là một Câu-lô-xá, bốn ngàn bộ là nửa do-tuần, tám ngàn bộ là một do-tuần, mười sáu ngàn bộ là

hai do-tuần, hai mươi bốn ngàn bộ là ba do-tuần. Tỳ-kheo có thể tự mang lông dê đi trong vòng ba do-tuần, nếu quá ba do-tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. (về cách xử lý như đã nói ở trước).

Nếu Tỳ-kheo mang lông dê đi trên đường một do-tuần, bỗng quên mất một vật gì bèn trở lại lấy, lấy xong trở lại chỗ khi nãy tức là vừa đúng ba do-tuần, không được đi thêm nữa, nếu đi thêm nữa thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu như đi được một do-tuần rưỡi, rồi quên một vật gì phải trở lại chỗ khởi hành để lấy, thì khi lấy xong không được đi tiếp nữa (vì đã đủ ba do-tuần). Nếu đi tiếp thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu đi thẳng đúng ba do-tuần mà còn đi thêm một bước nữa thì phạm tội Việt-tỳ-ni; đi quá hai bước nữa thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu hai người gánh một gánh, thì người đầu gánh đi ba do-tuần rồi sang vai người kia gánh đi ba do-tuần. Nếu ba người gánh một gánh thì được thay đổi nhau đi chín do-tuần. Nếu bốn người gánh một gánh thì được đi mười hai do-tuần. Nếu nhiều người đi thì tùy theo số lượng đó mà tính, nhưng có điều là không được gánh nặng. Trong khi gánh đi hoặc trao đổi, hoặc được cái mới thì cũng chỉ được gánh đi trong vòng ba do-tuần mà thôi. Nếu Tỳ-kheo đem lông dê bỏ vào trong túi xách y, mang đi từ nhà này đến nhà khác, thì cũng chỉ được trong vòng ba do-tuần, không được đi thêm. Hoặc đem lông dê bỏ vào trong túi đựng bát, rồi đi khất

thực từ làng này đến làng khác, thì cũng như thế. Hoặc đem lông dê bỏ vào trong túi đựng kinh rồi đi, cũng như vậy. Nếu lông dê chưa được dệt thành thì dù bỏ trong ống đồng mang đi quá ba do-tuần cũng phạm tội. Trái lại, nếu đã dệt thành len, hoặc làm gối, làm đệm v.v... thì không phạm. Nếu gánh lông lạc đà, lông bò thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu gánh lông đuôi trâu đen đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni, Nếu gắn vào cái cán (làm thành chổi lau bụi) thì không có tội. Nếu gánh lông sư tử, lông heo thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu đã làm thành dụng cụ thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ mười sáu)

GIỚI NHỜ TỲ KHEO NI GIẶT LÔNG DÊ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly trong Tinh xá có lầu gác trong rừng lớn, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đem lông dê đưa cho Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh, vốn là vợ cũ của Tôn giả, và bảo: "Lành thay này em, em hãy giặt nhuộm chải giúp cho ta cái này". Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh bèn đem về trú xứ, giặt nhuộm chải xong, bỏ vào trong hộp, lấy lông ngực, ức, của nai phủ lên trên, rồi sai sứ giả mang đến cho Ưu-đà-di. Ưu-đà-di nhận xong, mở hộp ra, thấy có lông nai hoan hỷ, liền đem khoe với

các Tỳ-kheo: "Hãy xem này các Trưởng lão, tôi đưa ít lông cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến mà lại nhận được nhiều lông".

Các Tỳ-kheo thấy thế, liền nói: "Đó là vật nên che giấu vì sao lại đưa cho người ta xem?".

Thầy liền đáp: "Vật này có gì phải che giấu, tôi đưa (cô ấy) lông ít mà lại nhận được nhiều lông".

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ xa nghe được bèn vỗ tay cười lớn: "Quái thay! Quái thay".

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy tới rồi, Phật bèn hỏi: "Ông có việc đó thật chăng?".

Thầy đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu v.v…".

Rồi Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Giả sử có vật cần phải che giấu thì Tỳ-kheo-ni thân quyến có nên đưa cho Tỳ-kheo thân quyến xem hay không?"

Họ đáp: "Không nên, bạch Thế Tôn".

Phật lại hỏi: "Giả sử Tỳ-kheo thân quyến nhận được một vật cần phải che giấu của Tỳ-kheo-ni thân quyến, thì có nên đưa cho người khác xem hay không?"

Họ đáp: "Không nên, bạch Thế Tôn".

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi (các Tỳ-kheo) không được nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê".

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng

như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di cầm lông dê đưa cho Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo, nói: "Lành thay này chị, hãy giặt nhuộm, chải giúp cho tôi cái này".

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo liền đem giặt nhuộm chải xong, gởi trả lại cho Ưu-đà-di. Rồi bà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới

chân Phật, rồi đứng sang một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Vì sao trên tay bà có màu thuốc nhuộm?".

Bà đáp: "Tôi giặt nhuộm chải giúp lông dê cho Tôn giả Ưu-đà-di".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Tại sao Ưu-đà-di lại nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải giúp lông dê?".

Thế rồi, Phật bèn gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có nhờ Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo giặt nhuộm chải lông dê thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách Ưu-đà-di: "Vì sao ông lại sai một Tỳ-kheo-ni đang hành đạo làm? Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Một số từ ngữ đã được giải thích ở trên)

Trong đây tăng thêm việc chải (lông dê), và trừ việc mặc y vấy bùn, y cáu bẩn đến chùa Ni, ngoài ra, như trong giới thứ năm ở trên đã nói rõ.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 10

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (tiếp theo)

GIỚI CẦM CỦA TIỀN VÀNG BẠC

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà ở thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, thôn trưởng của thôn Châu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên, bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Trước đây các vị Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ, Trưởng giả họp tại cung điện Vua cùng nhau nghị luận. Có người thì nói Sa-môn Thích tử nên cất giữ vàng bạc. Có người thì nói không nên cất giữ. Vậy ai nói thật, nói đúng pháp, nói tùy thuận pháp, nghị luận không trái nghịch với phép tắc hiện tại?".

Phật đáp: "Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu có ai nói nên cất giữ, thì đó là phỉ báng ta, không thật, không đúng pháp, không tùy thuận, là lời nghị luận trái với phép tắc hiện tại. Vì

sao vậy? Vì nếu được cất giữ vàng bạc thì cũng được duy trì năm dục. Năm dục là: Mắt phân biệt sắc pháp sinh ra ái nhiễm, cho đến thân xúc chạm sinh ra ái nhiễm. Phải biết rằng đó không phải là pháp của Sa-môn Thích tử".

Vị thôn trưởng nói: "Thật là kỳ lạ, bạch Thế Tôn! Chưa từng có việc như thế. Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu cất giữ vàng bạc thì không phải pháp của Sa-môn, không phải pháp của dòng họ Thích. Vì thế, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con là đệ tử tại gia của Phật, xa lìa sát sinh, Thế Tôn hãy chứng minh cho con. (nói như thế ba lần) cho đến: Không uống rượu. Trước đây con đã suy nghĩ: Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu ai cất giữ thì chẳng khác gì người hưởng thụ ngũ dục".

Bấy giờ, Thế Tôn liền tùy nghi thuyết pháp chỉ dạy thôn trưởng khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, giống như tấm lụa sạch dễ thấm màu nhuộm. Ông liền thấy được lý Tứ Đế ngay tại chỗ ngồi, bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Người thế tục có nhiều công việc, con xin từ biệt trở về".

Phật nói: "Ông nên tự biết đúng lúc".

Ông liền đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên phải rồi ra đi.

Sau khi ông đi không bao lâu Phật bèn đến chỗ

có đông Tỳ-kheo

trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: "Vừa rồi thôn trưởng thôn Chu La đến chỗ ta (như trên đã nói cho đến) nhiễu bên phải rồi ra đi".

Đoạn Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy phải học như sau: "Không được cất giữ vàng bạc. Ta không có lý do gì được phép cất giữ vàng bạc".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ở của các Tỳ-kheo một lần. Ngài đến chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà vừa đếm tiền nên tay bị dính đất, liền đi đến đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Tay các thầy vì sao dính đất như thế?".

Họ liền đáp: "Bạch Thế Tôn! Con vừa đếm tiền, nên tay bị dính đất".

Phật liền nói với Nan-đà: "Vì sao các thầy lại dùng tay để cầm "Sinh sắc", "Tợ sắc"?".

"Từ nay ta không cho phép các thầy tự tay cầm "Sinh sắc" "Tợ sắc".

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng lớn nơi thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Khi ấy, Ưu-đà-di đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát đi tới nhà một người thợ hồ. Nhà ông này vừa làm lễ khánh hạ xong, bà vợ bèn bước ra nghênh đón làm lễ, hỏi: "Tôn giả, hôm qua vì

sao không đến? Nếu đến thì đã được thức ăn uống ngon rồi".

Thầy liền đáp: "Hôm qua, bữa nay thì có sao đâu? Nếu có thức ăn ngon thì hãy mang ra đây".

Bà liền nói: "Thức ăn ngon hết rồi, nay con xin gởi tiền để Tôn giả đến quán ăn mua thức ăn ngon khác".

Thầy nói: "Đức Thế Tôn chế giới, không cho ta tự tay cầm tiền.

Bà hãy đem tiền buộc vào chéo y của ta".

Bà theo lời chỉ bảo, đem tiền buộc vào chéo y, rồi thầy ra đi, đến một quán bán bánh, nói với chủ quán: "Lão trượng, hãy mang bánh cho tôi".

Ông ta nói: "Tôn giả cho tôi xem tiền đã".

Ưu-đà-di nói: "Ông chỉ cần đưa bánh cho ta, ta sẽ trao tiền cho ông ngay tại đây thôi".

Ông liền nói: "Tôn giả hãy đưa bát ra".

Thế rồi, ông liền đem các thứ bánh bỏ vào đầy bát, và nói: "Xin đưa tiền cho tôi".

Ưu-đà-di bảo: "Ông hãy mở chéo y của tôi ra mà lấy".

Ông chủ quán muốn đùa cợt nên không chịu mở, nói: "Ông hãy tự mở lấy đưa cho tôi".

Ưu-đà-di đáp: "Phật không cho phép tôi cầm sinh sắc, tợ sắc, ông hãy tự mở lấy".

Ông ta bèn mở lấy. Lấy xong, chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại dùng phương tiện sơ sài

này, xem đây là thanh tịnh. Chúng ta cũng ít khi dùng tay cầm nắm và đặt vào trong miệng, cũng chẳng khi nào buộc vào chéo áo hoặc bỏ vào trong túi. Thế này thì mất hết phép tắc Sa-môn, nào có đạo hạnh gì?".

Thế rồi, Ưu-đà-di mang bánh về phòng, mời các Tỳ-kheo khác cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: "Thứ bánh này rất ngon, ở đâu mà có được vậy? Loại này không phải là bánh làm ở nhà".

Ưu-đà-di đáp: "Này các Trưởng lão! Trong đây lợi ít mà lỗi nhiều".

Các Tỳ-kheo bèn hỏi: "Vì sao nhiều lỗi?".

Đáp: "Tôi tạo nhân duyên như vậy như vậy cho nên nhiều lỗi"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có làm như vậy thật chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Từ nay về sau, dùng tiền buộc vào chéo y, Ta cũng không cho".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích, nên Thế Tôn cứ năm hôm đi quan sát phòng ở của các Tỳ-kheo một lần, bỗng thấy một Tỳ-kheo mang bệnh huỳnh đãng ốm yếu. Phật biết mà vẫn hỏi: "Tỳ-kheo!

Thầy có nhẫn chịu được nỗi khổ được chăng? Thầy có sống yên ổn chăng?".

Thầy ấy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con không được yên ổn, bị bệnh tật khổ não".

Phật liền hỏi thầy: "Ông không thể đòi hỏi thức ăn hợp với bệnh, thuốc hợp với bệnh được sao?"

Thầy đáp: "Con nghe Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc, lại không có ai đưa cho con, nên con phải chịu khổ não".

Phật liền nói: "Từ nay về sau, ta cho phép người bệnh được quyền sai tịnh nhân cất tiền bạc, nhưng chớ có tham vướng".

Thế rồi, Phật truyền cho các Tỳ-kheo tại thành Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc hoặc sai người cầm nắm với ý tham trước thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

(Một số từ đã được giải thích ở trước)

Sinh sắc: Chỉ cho vàng.

Tợ sắc: Chỉ cho bạc.

Sinh sắc tợ sắc: Chỉ cho các loại tiền tệ dùng ở thị trường.

Cầm: Hoặc tự mình cầm, hoặc bảo người khác

cầm.

Nắm: Hoặc tự mình nắm, hoặc bảo người khác nắm.

Tham vướng: Suy nghĩ như sau: "Ta sẽ dùng vật này để đạt được năm thứ dục lạc như: Sắc, thanh, hương, vị, xúc". Đó gọi là tham trước.

Không tham vướng: Như vị Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh tự gánh lương thực như bún, bánh, gạo, bột gạo v.v... khi ấy, suy nghĩ: "Ta không có phương tiện nào khác nên bất đắc dĩ phải dùng đến thức ăn này". Trái lại, nếu đối với các vật bất tịnh này mà tưởng là những vật thanh tịnh, như sau: "Ta sẽ thọ dụng những thứ này", thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Các thứ tiền, vàng bạc này phải đem thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Các thứ vàng bạc hay tiền, hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc thuần, hoặc tạp, hoặc đã làm thành dụng cụ, khi đem thí xả giữa chúng Tăng, thì Tăng không nên cho lại Tỳ-kheo ấy, cũng không được phân chia. Nếu nhiều thì nên bỏ vào quỹ tiết kiệm. Sau khi bỏ vào quỹ tiết kiệm, nếu sinh lợi tức, thì được dùng nó làm phòng xá, sắm y, mà không được mua sắm thức ăn.

Tỳ-kheo khi nhận được tiền, và sau mùa an cư

xong nhận được tiền sắm y, không được đưa tay cầm lấy mà phải nhờ tịnh nhân lấy giúp.

Nếu không có tịnh nhân thì hãy bảo thí chủ bỏ dưới đất bên cạnh chân mình. Sau đó, mình dùng cỏ, lá, gạch, ngói tủ lên trên, đợi tịnh nhân đến, chỉ cho họ thấy để họ cầm lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin cậy, thì bảo họ đi trước mình, và bảo để tiền tại nơi nào đó.

Nếu Tỳ-kheo làm tri sự trông coi việc của Phật, của Tăng có nhiều tiền vàng bạc để tại chỗ sinh địa thì nên chỉ cho tịnh nhân biết. Nếu để chỗ tử địa kín đáo thì hoặc tự mình đào lấy, hoặc sai Tỳ-kheo trẻ tuổi đào lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin, thì nên dùng khăn bịt mắt họ ba vòng, rồi mới dẫn đến chỉ cho họ biết chỗ đất, sau đó chỉ cho biết hầm để tiền, và cứ để mắt bị bịt như thế bảo đi khỏi nơi đó. Nếu tiền rơi trên bờ hầm, thì được dùng ngói gạch gạt cho tiền rớt xuống hầm, và được tự tay đậy nắp hầm lại. Sau đó khi cần lấy, nếu là chỗ sinh địa thì chỉ cho tịnh nhân biết; nếu là chỗ tử địa thì được tự tay đào lên cho đến khi gặp tiền, bèn sai tịnh nhân đến lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin thì phải bịt mắt y ba vòng rồi dẫn đến lấy. Nếu trong cái khăn gói để trên đầu cây gậy có vàng, bạc, tiền thì không được tự tay cầm lấy mà nên bảo cho tịnh nhân biết. Nếu tịnh nhân bé nhỏ không sờ tới thì được bồng y lên khiến y lấy. Khi bồng y nên nói như sau: "Tôi bồng tịnh nhân, tôi bồng tịnh nhân". Lúc đem gói

đồ xuống rồi phải bảo y mở ra. Nếu y không biết mở thì được phép cầm tay y chỉ cho y mở. Khi mở xong bảo y đếm. Nếu y không biết đếm thì được phép cầm tay y mà đếm. Khi đếm xong, số còn thừa bảo y bỏ lại vào túi. Nếu y không biết cầm bỏ vào túi, thì được phép cầm tay y dạy y bỏ vào túi. Khi bỏ vào túi xong nên bảo tịnh nhân buộc túi lại. Nếu tịnh nhân không biết buộc, thì bảo y nâng cái đáy túi, rồi Tỳ-kheo tự tay mình buộc. Khi buộc xong nên đem để lại trên đầu gậy như trước. Nếu tịnh nhân thấp để không tới thì Tỳ-kheo được phép bồng y lên.

Nếu kho lẫm, rương, tủ để trên gác, trên cột trụ, thì khi lấy, khi mở ra, khi đậy lại cũng như thế.

Nếu khi đi đường, tịnh nhân mang vàng bạc, mà y còn bé, thì ta được phép dùng tay dắt y đi. Nếu khi lội nước, thì ta được phép dìu y lội qua, nhưng phải nói: "Tôi dìu tịnh nhân, tôi dìu tịnh nhân".

Nếu Tỳ-kheo dẫn tịnh nhân theo, lúc đi qua đò mà y còn bé không lên đò được, thì Tỳ-kheo được phép đỡ y lên đò, nhưng phải nói: "Tôi đỡ tịnh nhân, tôi đỡ tịnh nhân". Khi xuống đò, cũng như vậy. Trên

đường đi, Tỳ-kheo dừng lại ở trên bờ sông, bên giếng hoặc trên ao hồ để ăn uống nghỉ ngơi, rồi lúc ra đi, tịnh nhân để quên túi xách. Bấy giờ, có vị

Trưởng lão Tỳ-kheo đi sau, xem có ai để quên vật gì không, thì thấy có một gói đồ sót lại, bèn suy nghĩ: "Cái này ắt là của vị Tỳ-kheo kia", bèn cầm lấy mang đi, khi đi kịp chúng bạn, bèn hỏi: "Vật này của ai vậy?". Lúc ấy có người nói: "Đó là gói đồ của tịnh nhân". Vị Trưởng lão bèn bỏ gói đồ xuống đất. Bấy giờ, tịnh nhân nên cầm lấy mang đi, nhưng không được gọi tên gói đồ.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với tịnh nhân, khi đêm đến dừng nghỉ tại một chỗ, rồi tờ mờ sáng ra đi. Bấy giờ, tịnh nhân cầm nhầm gói đồ của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm nhầm gói đồ của tịnh nhân. Khi đến nơi, Tỳ-kheo mới nhận ra gói đồ mình cầm là của Tịnh nhân, thì nên bỏ xuống đất, và tịnh nhân phải đến lấy mà không được gọi tên gói đồ (tức không được gọi là túi đựng bạc).

Nếu Tỳ-kheo nhiều vàng, bạc, tiền bị mất, và nghi bị rơi ở bên cạnh giường, nên muốn tìm lại, thì khi rời khỏi giường, phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu tìm lại được thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi là cất trong mền len, nên định tìm kiếm thì khi mở chiếc mền ra, phạm tội Việt tỳ-ni. Khi được tiền, phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi bị rơi trên đất, muốn tìm kiếm thì khi cầm chổi quét đất, phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu tìm lại được, thì phạm tội Ni-

tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi bị rơi trong đống rác, nên định tìm kiếm, thì khi bươi đống rác, phạm tội Việt tỳ-ni, khi được tiền phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo lâm bệnh, có đàn-việt cúng dường tiền thuốc, vì bệnh nên được nhận tiền, đem cất dưới mền. Khi cần tìm lấy, nhưng vì trong tối mắt không trông thấy, dùng tay rờ đụng tiền, thì không có tội. Nếu đàn-việt làm giường ghế mới bằng vàng bạc, vì có lòng tin,

nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước nhất, rồi Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia, luật không cho phép dùng". Đàn-việt lại nói: "Tôn giả vì tôi mà khai thông có được thọ dụng không?" Tỳ-kheo nên nói: "Hãy xếp một tọa cụ cho dày lót lên, thì tôi mới ngồi được". Nhưng khi Tỳ-kheo ngồi rồi thì không được lay động cái giường, cũng không được khen ngợi.

Nếu đàn-việt làm xe, máy móc mới bằng vàng bạc, vì có tín tâm nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước tiên, khi ấy Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia luật không cho phép sử dụng vật ấy". Người kia lại nói: "Tôn giả hãy vì tôi mà phương tiện khai thông thọ dụng giúp cho". Tỳ-kheo nên bảo: "Nếu trên xe có lót lá cây, hoặc lót tấm vải lên trên, thì tôi mới đặt chân lên được". Nhưng sau khi đặt chân

lên, không nên động chân, cũng không được khen ngợi.

Có người đàn-việt làm cái mâm vàng bạc, vì có tín tâm nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước nhất, Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia, không được phép dùng vật ấy".

Người kia nói: "Tôn giả có thể vì tôi mà khai thông phương tiện thọ dụng được không?". Tỳ-kheo nên nói: "Nếu dùng cỏ, lá cây hay tấm vải phủ lên trên đó thì có thể được". Nhưng không được dùng tay cầm mà nên bảo họ bưng để xuống đất.

Nếu đàn-việt làm chén bát mới bằng vàng bạc, vì tín tâm nên muốn nhờ Tỳ-kheo sử dụng trước nhất. Rồi Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia không được phép dùng nó". Người ấy lại nói: "Tôn giả có thể vì tôi mà khai thông phương tiện thọ dụng được không?". Tỳ-kheo nên đáp: "Ngươi nên rửa sạch, đặt trên mâm, đem thức ăn bỏ vào, rồi đưa tay chỉ bát nói: "Dùng, dùng…". Nói ba lần như vậy, đó gọi là dùng. Nhưng khi ăn, Tỳ-kheo chỉ ăn thức ăn trong bát, không được động đến xung quanh bát.

Nếu ngày mồng tám tháng tư hay các ngày đại hội cúng dường, tất cả các tháp, tượng Bồ-tát, cờ phướn, lọng báu, những dụng cụ cúng dường ấy có thếp vàng bạc thì Tỳ-kheo không được cầm đến mà

nên bảo tịnh nhân cầm. Nếu bị rơi xuống đất,[1669] thì nên cầm chỗ nào không có vàng bạc nhặt lên. Nếu được thiếp vàng khắp cả thì nên dùng vải bọc tay rồi mới cầm. Nếu không có vật gì bọc tay mà trên tượng có chỗ chưa thếp vàng thì nên cầm chỗ ấy. Tất cả các thứ như lư hương, đèn, cán phất trần mà có thếp vàng, đều không được cầm. Khi tắm rửa tượng Bồ tát bằng vàng bạc thì không được tự tay mình tắm mà phải bảo tịnh nhân làm. Vào những ngày đại hội, Tỳ-kheo bảo tịnh nhân lấy ra các tượng bằng vàng bạc, Tỳ-kheo chỉ được đỡ giúp tịnh nhân, không được cầm. Và trên tượng có thếp vàng, Tỳ-kheo không được trước cầm rồi sau thả ra. Tùy theo mỗi nước, có nước dùng tiền bằng đồng, hoặc tiền bằng vỏ ốc, hoặc tiền bằng sắt, hoặc tiền bằng hồ dao, hoặc tiền bằng thẻ tre, hoặc tiền bằng da... Tất cả các loại tiền ấy, Tỳ-kheo không được cầm. Hoặc có những nước người ta sử dụng tiền tệ mà chưa thành hình tướng của tiền tệ, Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Việt tỳ-ni. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ không có hình dạng của tiền tệ, mà Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Việt tỳ-ni. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ có hình dạng của tiền tệ mà Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ không có hình dáng của tiền tệ, Tỳ-kheo xem nó như loại đồng, sắt mà cầm, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ mười tám)

GIỚI BUÔN BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo mua các thứ sinh tô, dầu, mật, đường phèn, sữa, sữa chua tại giữa chợ để dùng, nên bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử không chịu khất thực mà đến các chợ mua thức ăn để ăn, mất hết cả phép tắc Sa-môn, có đạo nào như thế?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật các ông mua các thức ăn tại chợ nên bị người đời chê trách không?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu, đáng bị người chê trách. Các ông không nghe ta thường khen ngợi thiểu dục, khiển trách đa dục hay sao?. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho tất cả các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo mua bán các thứ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Các thứ: Hoặc tự hỏi giá, hoặc nhờ người khác hỏi giá, hoặc tự thách giá, hoặc nhờ người khác thách giá, hoặc tự hạ giá, hoặc nhờ người khác hạ giá.

Tự hỏi giá: Như hỏi: "Vật này giá bao nhiêu?". Và họ đáp: "Bán cho ông giá chừng đó". Rồi hỏi: "Tôi mua với giá đó được không?" Vì cách hỏi không thanh tịnh, nên phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu mua được vật ấy thì phạm Ni-tát-kỳ.

Sai người khác hỏi: Như bảo: "Ngươi đến hỏi xem vật ấy họ đòi bao nhiêu". Hoặc bảo: "Nếu họ đòi giá chừng đó thì ngươi nên trả cho họ". Vì sai người ta hỏi những lời bất tịnh nên phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu mua được vật đó thì phạm Ni-tát-kỳ.

Thách giá: Chẳng hạn họ hỏi: "Vật này giá bao nhiêu?" Rồi mình đáp: "Tôi bán cho ông với giá đó". Và người kia nói: "Tôi muốn mua với giá đó". Do tranh nhau thách trả nói những lời bất tịnh nên phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu bán được vật đó, thì phạm Ni-tát-kỳ.

Sai người thách giá: Như bảo tịnh nhân: "Ngươi đến thách giá như vậy. Nếu được giá đó thì bán". Vì nói lời bất tịnh nên phạm tội Ni-tát-kỳ.

Hạ giá: Như hỏi: "Giá vật này bao nhiêu?" Rồi Họ đáp: "Một ngàn", và mình nói: "Tôi trả cho ông tám trăm". Nếu họ đòi chín trăm, rồi mình nói:

"Tôi trả bảy trăm"... cho đến mười. Vì mong mua được vật của người ta mà bớt giá một cách bất tịnh, nên phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu mua được thì phạm Ni-tát-kỳ.

Sai người hạ giá: Cũng như vậy. Nếu căn cứ theo thời giá mà đi mua các vật, như vật dùng ban đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời, vật tùy thân, vật nặng, vật bất tịnh, vật vừa thanh tịnh vừa bất tịnh, khi nói thì phạm tội Việt tỳ-ni, khi mua được thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu hỏi mua các vật dùng bảy ngày, trọn đời, tùy thân, vật nặng, vật vừa thanh tịnh vừa bất tịnh... thì khi hỏi mua cũng phạm tội như vật dùng ban đêm kể trên.

Tại chợ, giá vải đã được quy định sẵn, Tỳ-kheo đem tiền đến mua vải, khi đặt tiền xuống sạp thì nên nói với chủ sạp: "Đây là giá tiền của tấm vải đó". Nếu không nói (mà đặt tiền xong) im lặng cầm vải đi thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu mua dù lọng, rương, giày da, quạt, mía, cá, sữa chua, dầu, mật... các vật ấy cũng như vậy.

Có những quốc gia, việc mua bán tại các chợ đã có phép nhất định, người mua chỉ cần cầm tiền đặt ở chỗ vật cần mua, và người chủ sạp gật đầu, thì biết là đồng ý bán. Nhưng Tỳ-kheo khi mua cũng phải nói: "Giá tiền của vật này đây". Người chủ sạp biết hay không biết, đều phải nói như thế. Nếu không nói như thế mà im lặng cầm món hàng đi thì phạm tội Việt tỳ-ni.

1673

Nếu món hàng đáng giá năm mươi đồng mà người chủ sạp thách giá một trăm đồng, rồi Tỳ-kheo nói: "Tôi chỉ trả năm mươi đồng". Chỉ mong mua với giá như vậy, thì không gọi là bớt (hạ) giá.

Nếu Tỳ-kheo biết người đứng trước mình đang muốn mua vật nào đó thì không được tranh mua mà nên hỏi: "Bà đã thôi chưa?" Nếu họ nói: "Tôi đang cố mua với giá đó". Bấy giờ, Tỳ-kheo không nên xen vào tranh mua với họ. Nếu mua thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu người mua nói: "Tôi dừng rồi", thì Tỳ-kheo nên nói với người chủ sạp: "Tôi muốn mua vật kia với giá đó".

Nếu Tỳ-kheo trao đổi y bát với nhau thì không được làm trung gian tranh giành. Nếu tranh giành thì Phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu người trước đã bỏ cuộc, rồi mình đổi lấy thì không có tội.

Nếu bán đồ vật giữa chúng Tăng thì được phép ra giá, khi bán được thì không có tội.

Nếu Hòa thượng, A-xà-lê muốn mua lấy thì không được tranh giành. Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo mua bán đổi chác, nói những lời bất tịnh để mua thì không có tội. Đối với chín mươi sáu hạng người xuất gia, dùng những lời bất tịnh trao đổi với họ để mua được vật thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo thấy người ta bán bát bèn suy nghĩ: "Cái bát này đẹp, nếu đem đến nơi kia bán sẽ được lời", rồi mua, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Trái lại,

nếu suy nghĩ: "Ta có vật này mà không có tịnh nhân, đây là vật thanh tịnh", thì được mua mà không có tội. Khi đến đó, hoặc Hòa thượng, A-xà-lê cần đến, hoặc mình bị bệnh, hoặc muốn làm công đức, được giá cao bèn bán đi mà không vụ lợi, thì không có tội. Đối với tất cả các vật khác cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo khi cất giữ lúa suy nghĩ: "Loại này về sau sẽ quý giá", thì khi cất giữ phạm tội Việt tỳ-ni, khi đem bán, phạm Ni-tát-kỳ. Nếu suy nghĩ: "Sợ lúc nào đó giá lúa đắt đỏ, bấy giờ ta sẽ bán lúa này và nhờ đó mà ta yên tâm tụng kinh ngồi thiền, hành đạo". Đến khi đó, quả nhiên lúa đắt đỏ, thì hoặc dùng để ăn, hoặc cho Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc dùng làm công đức, còn thừa ra đem bán được lời, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cất thảo dược với suy nghĩ: "Sau này giá đắt ta sẽ bán", thì phạm tội Việt tỳ-ni. Về sau đem bán thật thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo mua thuốc với suy nghĩ: "Về sau này khi có bệnh sợ giá thuốc đắt đỏ khó mua", nhưng sau đó nếu không bệnh, hoặc uống còn thừa đem bán có lợi, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo kinh doanh thuê thợ làm đồ gốm, thợ mộc làm việc, nói những lời bất tịnh, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu đi thuê các loại thợ như thợ hồ, thợ vẽ, thì cũng như vậy. Nếu đi thuê xe ngựa, bò,

lừa, lạc đà, người, thuyền... cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo phụ trách công việc hằng tháng cho chúng Tăng, ra chợ mua các loại sữa, dầu, gạo, đậu, lúa mạch, bún, bột mì, khi đi tìm mua các thứ đó, nói những lời bất tịnh, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Hoặc tự mua cho chính mình các thứ sữa, dầu... nói những lời bất tịnh thì phạm tội Việt tỳ-ni. Khi đã mua được thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo lúc đi mua đồ khen chê một cách trung thực về những vật ở trước người: "Cái này tốt, cái này xấu, hoặc thô, hoặc tế, hoặc cân lượng lớn, nhỏ, thơm, thối... thì không có tội". Nếu người bán hàng nói: "Tôi sẽ cân đo đầy đủ". Tỳ-kheo nên nói: "Ông bán đúng với giá này thì thôi".

Nếu Tỳ-kheo khất thực có mì, bún, thừa đem ra cửa hàng đổi sữa, dầu, tô lạt, nói những lời bất tịnh thì phạm tội Việt tỳ-ni. Khi đổi được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo không được đến những cửa hàng của những người tại chợ búa ồn náo để mua đồ, mà được đến những cửa hàng ít người, nói: "Nên biết rằng tôi mua với giá này đây". Tất cả đều nên nói như thế.

Nếu Tỳ-kheo khất thực có bún dư thừa, đem cho người khác để nhờ họ sửa chữa giày dép, nói những lời bất tịnh thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu trước đó cho người ta bún, sau đó người ta sửa

chữa giày giúp, hoặc người ta sửa chữa trước, sau đó mình cho họ bún thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng thức ăn thừa trong bát đem thuê người bảo họ sửa chỗ đi kinh hành, nói những lời bất tịnh, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Chỉ nên nói: "Hãy biết cái này". Nếu trước cho ăn, sau nhờ họ làm, hoặc trước nhờ họ làm, sau cho họ ăn, thì không có tội.

Có đàn-việt muốn giúp đỡ Tỳ-kheo bèn đưa tiền cho chủ quán, nói: "Nếu Tỳ-kheo mỗ giáp hằng ngày đến đây có cần thứ gì thì tùy ý đưa cho thầy ấy". Về sau, khi cần đến đòi hỏi, nói những lời bất tịnh, thì không có tội. Thầy Tỳ-kheo ấy đòi đồ vật mà ở sạp hàng không có, nên chủ quán đưa tiền cho Tỳ-kheo đến chỗ khác tìm mua, rồi Tỳ-kheo đến chỗ khác tìm mua vật mình cần, nói những lời bất tịnh, khi được vật thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo đến cửa hàng dùng bất tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ, hoặc tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, hoặc bất tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, hoặc tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ.

Bất tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ: Như hỏi người chủ sạp: "Vật này đòi giá bao nhiêu? Tôi muốn biết giá của nó".

Tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ: Biết

vật đó đề giá như thế, nhưng trả: "Tôi muốn mua với giá đó".

Bất tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ: Vật đó họ đòi giá như thế, nhưng nói: "Tôi mua với giá đó".

Tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ: Biết vật ấy giá chừng đó và mình mua đúng với giá đó.

Hai trường hợp Bất tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ và tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, phạm tội Việt tỳ-ni. Trường hợp bất tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Trường hợp Tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ mười chín)

GIỚI MUA BÁN VÀNG BẠC

Khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng Đại-lâm, nơi thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mua vàng từ các nhà hoàng tộc rồi bảo thợ kim hoàn của các hoàng tộc làm dụng cụ trang sức bằng chuỗi anh lạc. Khi làm xong đem mài giũa phát sáng, cất vào trong va li, dùng tấm lụa màu hoa sen xanh phủ lên trên, rồi đưa cho Sa-di, dặn: "Ta dẫn ngươi đến các nhà hào quý, nếu ta bảo ngươi mở nắp va li, thì ngươi chỉ mở lộ ra một góc". Thế rồi, họ dẫn Sa-di đến các nhà hào quý. Phụ nữ các nhà ấy trông thấy họ đến,

liền ra cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, và hỏi: "Vật gì đựng trong va li này vậy?".

Họ đáp: "Hỏi cái này làm gì? Đó không phải là điều các người nên hỏi".

Vì không cho xem, nên các bà ân cần nói với Sa-di: "Mở ra cho chúng tôi xem với".

Sa-di bèn mở hé ra cho xem một góc. Màu xanh càng giúp cho xâu chuỗi nổi rõ màu sắc, và ánh mặt trời chiếu vào càng làm rực rỡ chói mắt. Mấy bà liền hỏi: "Vật này của ai vậy?".

Họ đáp: "Hỏi cái này làm gì? Ai có vàng đem chế tạo ra tức là chủ nhân".

Mấy bà lại hỏi: "Giá vàng bao nhiêu?".

Họ liền đáp đúng như thật: "Giá vàng chừng đó, tiền công chừng đó".

Mấy bà liền tán thán: "Thực là đại quý".

Họ nói: "Vì sao bà lại "Chê" của quý? Tôi đưa cho bà giá tiền chừng đó liệu bà có làm được không?".

Trong số đó có người thành tín nói: "Đúng như thầy dạy, làm cũng thật là khó, không thể nào làm nhanh được"

Trong số đó có một phụ nữ, hoặc là có của riêng hoặc là của cha mẹ, hoặc là tài sản của mẹ chồng, hoặc là tài sản của chú bác, hoặc là tài sản của chồng, hoặc là của giữ riêng cho gia đình, bèn lấy mua chuỗi anh lạc đó. Vì lúc ấy người này không

mua vàng tại cửa hàng, cũng không thuê thợ kim hoàn làm, cho nên chủ nhân các tiệm vàng và những thợ kim hoàn đều chỉ trích: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại đoạt mất nguồn lợi tức của người ta?"

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật các ông mua vàng từ các nhà hoàng tộc, rồi bảo thợ kim hoàn làm thành đồ trang sức không?".

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Ưu-ba-nan-đà, đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, ca ngợi thiểu dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang ở tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo mua bán các thứ sinh sắc, tợ sắc thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Sinh sắc: Vàng.

Tợ sắc: Bạc.

Hoặc dùng vàng đổi lấy vàng, dùng vàng đổi lấy bạc, dùng vàng đổi lấy vàng bạc; hoặc dùng bạc đổi lấy bạc, dùng bạc đổi lấy vàng, dùng bạc đổi

lấy vàng bạc; hoặc dùng vàng bạc đổi lấy bạc, hoặc dùng vàng bạc đổi lấy vàng bạc. Hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra vàng; hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng; hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể hay không thể làm ra vàng; hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng hay không thể làm ra vàng. Dùng loại làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng trong bốn trường hợp; dùng loại làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra vàng trong bốn trường hợp; dùng loại làm ra vàng không làm ra vàng và làm, hoặc không thể làm ra vàng trong bốn trường hợp, đều như trên. Hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra bạc, hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể hay không thể làm ra bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra bạc hay không làm ra bạc và có thể hay không thể làm ra bạc. Các loại làm ra vàng trong bốn trường hợp làm hay không làm ra vàng bốn trường hợp, làm ra vàng hay không làm ra vàng và vừa có thể vừa không thể làm ra vàng trong bốn trường hợp, cũng như trên. Hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra vàng bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể hoặc không thể

làm ra vàng bạc; dùng loại không thể làm ra vàng[1681] đổi lấy loại có thể làm và không thể làm ra vàng bạc. Ngoài ra, làm dụng cụ bằng vàng, làm không làm dụng cụ bằng vàng, làm thành vàng không làm thành vàng và làm không làm dụng cụ bằng vàng bốn trường hợp, đều như trên. Về những dụng cụ được làm bằng bạc theo mười hai cách trong bốn trường hợp và những kim hoàn hợp chế bằng vàng bạc theo mười hai cách trong bốn trường hợp cũng được nói rộng như trên.

(Hết phần hai của Ni-tát-kỳ).

GIỚI CẤT BÁT THỪA QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát đi đến nhà một người thợ gốm tên Pháp-dự. Pháp-dự trông thấy liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên. Tỳ-kheo nói:

Tôi cần bát.

Pháp-dự bèn làm bát cúng dường. Bát này không lớn, không nhỏ, vừa cỡ trung bình, được nung chín nhẵn bóng.

Sau khi được bát, thầy mang về tinh xá Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão, thầy được bát đó ở đâu mà không lớn, không nhỏ, vừa trung bình, được nung chín

nhẫn bóng như thế?

Thầy đáp:

Thợ gốm Pháp-dự bố thí cho tôi đấy.

Các Tỳ-kheo hỏi thế rồi, đi đến nhà Pháp-dự xin, đều được tất cả. Quá nhiều người đến xin như thế, nên Pháp-dự suy nghĩ: "Có nhiều Tỳ-kheo cần đến bát, chi bằng ta mời chúng Tăng về nhà cúng dường bát, vì chúng Tăng là phước điền tốt nhất, phước báo vô lượng".

Nghĩ thế rồi, ông bèn đi đến tinh xá Kỳ-hoàn, tới trước Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối chắp tay bạch:

Con là thợ gốm Pháp-dự, xin mời đại đức chúng Tăng tới nhà con nhận cúng dường bát. Ai cần thì đến lấy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo người thì lấy một cái, hoặc hai, ba, bốn thậm chí có người lấy mười cái. Pháp-dự cung cấp không đủ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành Xá-

vệ tuần tự khất thực, lần lượt đến gia đình ấy. Người vợ của Pháp-dự vốn có tín tâm, nên rất hoan hỷ, hơn nữa, bà đã từng quen biết Tôn giả Xá-lợi-phất từ trước nên đem cái bát bằng đồng rửa sạch múc đầy thức ăn, bưng ra sớt vào bát của Xá-lợi-phất, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi bà: "Nghề nghiệp

sinh kế trong nhà thế nào?”.

Bà đáp: “Việc sinh kế trong nhà không được phát đạt”.

Tôn giả hỏi: “Vì sao thế?”.

Bà đáp: “Chồng con mời chư Tăng về cúng dường bát. Các Tỳ-kheo người thì lấy một cái, hai cái thậm chí có người lấy mười cái. Thế nên, làm bát cung cấp không đủ, việc sinh kế trong nhà không xoay xở nổi. Tại vì sao? Vì gia đình con, lớn nhỏ, ăn uống, trang phục, cung cấp cho Vua chúa, thuế khoá đều dựa vào nghề làm đồ gốm mà sinh hoạt. Thầy là người được gia đình con tôn trọng, cúng dường, nên mới dám bộc bạch như thế”.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp rộng rãi cho bà ta sinh tâm hoan hỷ, rồi ra về. Khi về đến tinh xá, Tôn giả bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo tới. Khi họ tới rồi, Phật hỏi: “Các ông có việc đó thật không?”.

Họ đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn”.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Nếu thí chủ không biết tính toán, thì người thọ nhận phải biết cân nhắc”.

Rồi Phật nói: “Từ nay trở đi, Tỳ-kheo có bát thừa, chỉ cho phép cất trong một ngày mà thôi”.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly nơi tinh xá có lầu gác trong rừng Đại-lâm, nói rộng như trên. Hằng năm, dân chúng tại Tỳ-xá-ly thường mời chư

Tăng thọ trai rồi cúng dường bát. Nhưng các Tỳ-kheo không dám nhận bát, vì Thế Tôn chỉ cho phép họ chứa bát thừa trong một ngày, nếu để lâu hơn một ngày thì thành ra vật bất tịnh. Khi ấy, thí chủ nói: "Chúng con sẽ đến Thế Tôn trình bày nguyện vọng này".

Thế rồi, họ đi đến Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Hằng năm chúng con mời chư Tăng thọ trai rồi cúng dường bát, nhưng các Tỳ-kheo không thọ nhận và nói: "Tôi nhận cái bát này làm gì, vì chưa dùng đến mà thành ra bất tịnh rồi". Lành thay, bạch Thế Tôn! Có phương tiện nào giúp khai thông để cho người bố thí được công đức, và người thọ dụng được lợi ích hay không?".

Phật nói: "Ta cho phép một ngày (đã cho phép) trước kia thêm chín ngày nữa".

Thế rồi, các Tỳ-kheo chứa bát dư đủ mười ngày, bèn cầm bát đến chỗ Phật bạch: "Cái bát này đã đủ mười ngày, giờ đây phải làm sao?" Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, cái bát ấy nên tác tịnh cho các Tỳ-

kheo quen biết, cứ mười hôm cất cái cũ, dùng cái mới thay đổi một lần".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo có bát thừa được chứa trong mười ngày, nhưng để quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Mười ngày: Được cất chứa trong khoảng mười ngày.

Bát thừa: Cái bát được phép sử dụng ngoài cái bát (đã quy định).

Bát: Có các loại:

Bát Tham-bà.

Bát Ô-ca-tư-ma.

Bát Ưu-ca-tra-da.

Bát Đa-kỳ-da.

Bát Sắt.

Bát Trí-diệp-ni.

Bát Tất-lệ-thâu.

Bát Thượng.

Bát Trung.

Bát Hạ.

Quá bát.

Phi bát.

Tùy bát.

Bát thượng: Tại nước Ma-kiệt-đề, cứ một A-la-gạo được nấu thành cơm và canh rau thì đựng vừa đầy bát. Một A-la bằng một đấu sáu thăng của

Trung Quốc.

Bát trung: Cứ nửa A-la-gạo nấu thành cơm và cả canh rau thì đựng vừa đầy bát.

Bát hạ: Chứa được một Bát-tha-gạo nấu thành cơm và canh rau, cứ ba phần cơm thì một phần canh rau.

Quá bát: Một A-la-gạo được nấu thành cơm và cả canh rau vẫn đựng không đầy bát này. Đó gọi là quá bát.

Phi bát: Chứa không hết một bát tha gạo được nấu thành cơm và canh rau. Đó gọi là phi bát.

Tùy bát: Tùy theo những thứ cần thiết mà đựng vào trong đó.

Ở đây, nếu cất bát thượng, bát trung, bát hạ quá mười ngày, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoài ra cất các loại bát khác không phạm.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo vào ngày mồng một đầu tháng nhận được mười cái bát mà không tác tịnh, để qua khỏi ngày thứ mười, thì tất cả các bát ấy đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Giá như ai không hiểu cách thọ trì, không hiểu cách tác tịnh, thì nên dạy họ thọ trì như thế, tác tịnh như thế. Nghĩa là như trong giới trường y thứ nhất đã trình bày rõ, ở đây chỉ khác là bát thay vì y mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ hai mươi mốt)

GIỚI BÁT CŨ CHƯA HƯ MÀ TÌM BÁT MỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, ở thành này có một người thợ gốm tên Pháp-dự mời chư Tăng về cúng dường bát. Các Tỳ-kheo vì ưa đẹp nên đem bát cũ đổi bát mới, rất nhiều người làm như vậy. Do đó, thí chủ không cung cấp nổi. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến gia đình Pháp-dự, đứng trước cửa. Bà vợ của Pháp-dự với Tôn giả Xá-lợi-phất vốn là chỗ quen biết nhau từ trước, bà lại có lòng kính tín, nên rất hoan hỷ, cho đến nói: "Thưa Tôn giả, chồng con mời chư Tăng đến cúng dường bát. Các Tỳ-kheo vì thích bát đẹp nên đem bát cũ đến đổi bát mới, khiến nhà con chứa bát cũ chất cao như núi. Gia đình con là nhà thế tục, bát mới còn không dùng, huống gì là bát cũ. Thưa Tôn giả, mọi sinh hoạt trong gia đình con chỉ trông cậy vào nghề làm bát".

Thế rồi, Xá-lợi-phất tùy thuận thuyết pháp, khiến bà sinh tâm hoan hỷ, đảnh lễ dưới chân rồi cáo lui. Đoạn thầy trở về tinh xá, đem sự tình ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Sau khi họ đã đến, Phật liền hỏi: "Các ông có làm việc đó thật chăng?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn".

Phật dạy: "Từ hôm nay trở đi, ta không cho các Tỳ-kheo xin bát (nơi đàn-việt)".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có sáu mươi Tỳ-kheo ở phương Bắc muốn đến tinh xá Kỳ-hoàn đảnh lễ Phật, nhưng giữa đường bị bọn cướp lấy mất hết bát, nên không có bát để tới Kỳ-hoàn. Lúc ấy, các vị phạm hạnh mỗi người cho một cái bát. Khi họ được bát rồi bèn đi đến Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, các ông từ đâu đến?".

Họ đáp: "Từ phương Bắc đến".

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Đi đường có an ổn không?".

Họ đáp: "Không an ổn, giữa đường gặp bọn cướp nên mất hết bát, do đó, không có bát để đi vào Kỳ-hoàn, may nhờ các vị Phạm-hạnh mỗi người cho chúng con một cái bát".

Phật lại hỏi: "Dọc đường không có thành ấp xóm làng hay sao?". Họ đáp: "Có".

Phật lại hỏi: "Vì sao không xin bát?".

Họ đáp: "Vì chúng con nghe Thế Tôn chế giới không cho xin bát, lại không có thí chủ".

Phật tán thán: "Lành thay! Lành thay các Tỳ-kheo! Các ông là những người có lòng tin xuất gia, đúng phép phải như vậy, dù cho mất mạng cũng không được phạm giới. Từ nay trở đi, Ta cho phép

khi mất bát được quyền xin bát".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, sáu mươi Tỳ-kheo ở phương Bắc bị mất bát, đi đến Kỳ-hoàn, Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nói với họ: "Các Trưởng lão, Đức Thế Tôn cho phép ai mất bát được quyền xin bát, vì sao không xin?"

Họ đáp: "Các vị phạm hạnh đã cho chúng tôi bát rồi".

Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Các vị không xin những gì mình được phép xin, thành ra thất lợi".

Họ đáp: "Chúng tôi đã được bát rồi, thất lợi với chẳng thất, không thành vấn đề".

Nan-đà nói: "Tôi sẽ xin giúp cho các vị".

Họ đáp: "Thầy tự biết phải làm gì", cho đến Ưu-bà-tắc nói: "Tôn giả muốn làm cửa hàng đồ gốm chăng?", như đã được nói rõ ở mục xin y.

Các Tỳ-kheo nghe việc ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, các ông có việc đó thật chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn". Phật hỏi: "Vì lý do gì mà xin?"

Họ đáp: "Con xin cho các Tỳ-kheo bị mất bát".

Phật bảo gọi các Tỳ-kheo bị mất bát đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Các Tỳ-kheo, các ông bảo

Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà xin bát phải không?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Không có, bạch Thế Tôn". Phật nói: "Vậy thì vì lý do gì mà xin?".

Họ liền trình bày lại sự việc kể trên.

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Hai ông Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà này việc không nên xin lại xin, việc đáng xin lại không xin".

Thế rồi, Phật nói với Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: "Đó là việc xấu, các ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện tán thán thiểu dục, khiển trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc này để nuôi lớn pháp thiện được".

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo dùng bát chưa vá đến năm lần mà vì thích đẹp, xin bát mới, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Cái bát ấy phải thí xả giữa chúng Tăng, rồi Tăng đem cái bát chót nhất trao cho thầy ấy, dạy như sau: "Này Tỳ-kheo, thầy hãy nhận cái bát này sử dụng cho đến khi vỡ" nguyên tắc phải như vậy".

Giải thích:

Chưa đủ năm miếng vá: Nếu có một miếng vá, hoặc từ hai miếng cho đến bốn miếng thì gọi là

chưa đủ năm miếng vá.

Đủ năm miếng vá: Đã có năm miếng vá, và mức độ đã đủ. Mức độ ở đây được quy định là chỗ vỡ được vá lại xấp xỉ bằng ngón chân cái.

Bát: Như trên đã nói.

Mới: Vừa hoàn thành.

Lại tìm thêm nữa: Hoặc xin, hoặc khuyến hóa, vì thích đẹp, rồi chê bát của mình đang dùng là lớn quá, nhỏ quá, nặng quá, nhẹ quá, hoặc thô kệch quá... tự nghĩ: "Ta có đàn-việt, có đất sét, có tay nghề, ta nên làm cái bát khác cho đẹp". Nếu như thế thì vị Tỳ-kheo này phải cầm cái bát mới ấy đến thí xả giữa chúng Tăng. Rồi chúng Tăng chọn một cái bát kém nhất đưa cho Tỳ-kheo này và căn dặn: "Này Trưởng lão, thầy phải nhận cái bát này sử dụng cho đến khi vỡ không được cố ý đập bể; lại phải sám hối tội Ba-dạ-đề". Nếu không đem cái bát mới ấy xả giữa chúng Tăng mà sám hối tội Ba-dạ-đề thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Thầy Tỳ-kheo ấy dùng bát chưa vá (hàn) đủ năm chỗ mà vì thích đẹp, đi tìm bát mới nên phạm Ni-tát-kỳ. Tỳ-kheo ấy phải mời một vị trì luật, biết làm Yết-ma và thành tựu năm pháp, rồi Tăng làm Yết-ma cử vị này đứng ra xử lý công việc. Vị này phải hội đủ năm yếu tố: Không thiên vị, không giận dữ, không sợ sệt, không si ám, ai đưa, ai không đưa đều biết. Đó gọi

là năm yếu tố. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng sai Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát (giải quyết công việc). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, Tăng nay sai Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát xong, vì tất cả đều im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Khi làm Yết-ma xong, nên tuyên bố giữa chúng Tăng: "Những cái bát mà đại đức Tăng đang sử dụng phải đem đến tất cả". Nếu không tuyên bố như vậy thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Thế rồi, mỗi Tỳ-kheo đều phải mang cái bát mà mình đang sử dụng ở nhà đến. Nếu có Tỳ-kheo nào để cái bát mình đang sử dụng ở nhà, rồi đem cái bát kém nhất đến, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Người làm Yết-ma nên bảo Tỳ-kheo này đặt cái bát ấy xuống, trật vai áo bên phải, quỳ gối bên phải xuống đất, nói: "Con là Tỳ-kheo mỗ giáp, dùng cái bát chưa đủ năm miếng vá mà vì ưa đẹp, đi tìm bát mới, nay con đem thí xả giữa chúng Tăng".

Vị luật sư nên hỏi: "Ông đã sử dụng chưa?". Nếu đáp rằng đã sử dụng thì nên nói: "Ông đã sử dụng bát bất tịnh (không đúng pháp) nên đã phạm vô lượng tội Việt tỳ-ni, phải sám hối".

Thế rồi, vị này phải nói: "Thưa Trưởng lão, con là mỗ giáp, có cái bát dùng chưa đủ năm miếng vá mà con lại xin bát mới, nay đem thí xả giữa chúng Tăng, trong đây phạm tội Ba-dạ-đề vì dùng bát bất tịnh, lại phạm vô lượng tội Việt tỳ-ni, con xin sám hối tất cả".

Người làm Yết-ma hỏi: "Ông có thấy tội không?" Đáp: "Thấy".

Cẩn thận chớ có tái phạm.

Xin cúi đầu chấp hành.

Người hành bát (được Tăng sai) phải đem cái bát này đến đưa cho vị lớn nhất trong Tăng (Thượng tọa). Nếu Thượng tọa thứ nhất nhận, thì

phải đem cái bát của Thượng tọa đưa cho Thượng tọa thứ hai, cứ tuần tự như thế cho đến vị Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Nếu hoàn toàn không có ai lấy, thì cái bát kia nên trao lại cho chủ cũ. Nhưng nếu cái bát ấy quý giá thì nên đem bán rồi mua mười cái, chín cái đem cất vào nhà bếp của chúng Tăng, một cái giao lại cho chủ cũ và bảo: "Thầy hãy sử dụng cái bát này cho đến khi vỡ".

Thầy Tỳ-kheo cầm cái bát vá vào thôn xóm khất thực, và khi ăn xong nên gỡ miếng vá ra, rồi

dùng tro, đất rửa cho sạch. Khi rửa, không được dùng vật cứng xoi vào lỗ hủng khiến nó bể vỡ, mà nên dùng lông chim xoi vào. Khi rửa bát, cũng không được dùng cát chà xát khiến nó phai màu mà phải dùng bùn đất để chà, hoặc dùng nước rễ cây, nước lá cây, nước trái cây, nước hoa cây để rửa. Khi rửa, không được đến trên bờ hố, chỗ nguy hiểm, hoặc dưới cây xoài có trái chín, hoặc dưới cây dừa, trên tảng đá, trên gạch, chỗ đường đi, chỗ cửa mở. Khi rửa xong phải để vào trong túi rồi đem cất trên vách, trong tủ, dùng vật gì đậy lên miệng bát. Nếu có việc gấp gáp không rửa sạch được thì nên dùng nước rễ, nước lá chùi qua, để khi xong việc sẽ rửa. Sáng sớm, rửa xong mới mang vào làng khất thực. Giá như bát vá khó dùng, thì mỗi ngày dùng xong phải rửa sạch. Nếu cố ý đập bể thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê, những bạn bè quen biết suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo hiền thiện này vì việc rửa bát mà phương hại đến sự ngồi thiền, trì kinh, tụng kinh". Rồi đập vỡ, hoặc đem giấu đi khiến Tỳ-kheo tìm không thấy, rồi xin cái khác, thì không có tội. Khi không có bát mà xin được một cái thì phải sử dụng. Nếu xin được hai cái, thì dùng một cái, một cái nên đem cất vào nhà bếp của chúng Tăng. Thậm chí, nếu xin được mười cái thì nên dùng một cái, cò chín cái kia nên đem cất vào nhà bếp của chúng Tăng.

Nếu Tỳ-kheo không có bát rồi đi tìm bát, bèn

nhận được giá tiền của một cái bát, cũng được xem là có bát. Nếu xin được giá tiền của hai cái bát, thì phải bỏ vào ngân quỹ của chúng Tăng giá tiền một cái. Thậm chí, nếu được giá tiền của mười cái bát, thì nên bỏ vào ngân quỷ của chúng Tăng giá tiền của chín cái. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới Ni-tát-kỳ hai mươi hai)

GIỚI CẤT THUỐC QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm, Thế Tôn đi thị sát phòng xá các Tỳ-kheo một lần, Phật thấy chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà để

đầy các bình sữa, dầu, mật, đường phèn, nước rỉ ra, và các thứ rễ thuốc, cây thuốc, lá thuốc, hoa thuốc và trái thuốc. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, chỗ ở của ai đây mà để đầy các bình sữa, dầu, mật... nước rỉ ra khắp cả thế này?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà".

Khi ấy, Thế Tôn nói: "Đợi họ đến ta sẽ hỏi".

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng Đại-lâm ở Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Đến giờ khất thực, Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với nhiều Tỳ-kheo sắp vào thành Tỳ-xá-ly khất thực thì thấy Ưu-ba-nan-đà cầm một bát mật đầy

đi ra. Thấy thế, Phật biết mà vẫn hỏi: "Trong bát này đựng thứ gì vậy?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Đó là mật". Phật lại hỏi: "Dùng để làm gì?"

Thầy đáp: "Nan-đà bệnh đang cần nó". Phật hỏi: "Nhiều quá".

Thầy đáp: "Phải uống suốt ngày".

Phật nói: "Vì sao chứa thuốc uống suốt ngày? Từ nay trở đi không được chứa thuốc để uống suốt ngày nữa".

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật, trong thành Ca-duy-la-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần tra phòng xá các Tỳ-kheo một lần. Năm việc lợi ích đó là:

Xem các đệ tử Thanh văn có bận tâm đến các việc hữu vi không.

Xem họ có say mê đàm luận các việc thế tục không.

Xem họ có ưa thích ngủ nghỉ, phương hại đến việc hành đạo không.

Nhằm thăm bệnh các Tỳ-kheo.

Nhằm làm cho các Tỳ-kheo niên thiếu mới xuất gia trông thấy oai nghi của Như Lai mà sinh tâm hoan hỷ.

Chính vì năm việc ấy mà cứ năm hôm Như Lai đi xem xét các phòng. Khi ấy, Phật thấy một Tỳ-

kheo đang bệnh, nhan sắc tiều tụy, vàng vọt ốm yếu, Ngài biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, ông có được điều hòa không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh, đau khổ, không điều hòa.

Ông không thể đòi thức ăn hợp với bệnh và thuốc trị bệnh sao?

Vì Thế Tôn chế giới có thuốc phải uống liền không được cất lâu,

nên con mới bị khổ.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ hôm nay trở đi ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được cất thuốc qua một ngày".

Khi ấy, Phật hỏi Nan-đà: "Lúc ở Xá-vệ ông thường cất chứa nhiều sữa, dầu, mật, đường phèn phải không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế tôn".

Phật liền khiển trách: "Vì sao ông lại đa dục không biết chán? Từ nay trở đi Ta không cho phép cất chứa nhiều thức ăn".

Lại nữa, khi Phật trú tại Ba-la-nại trong vườn nai của Tiên nhân, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một y sĩ xuất gia hành đạo, chữa bệnh cho sáu mươi Tỳ-kheo đau ốm. Thầy đi đến thăm viếng Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo y sĩ, các Tỳ-kheo bệnh có điều hòa không?

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo bệnh an ổn, nhưng con thì lao khổ".

Phật hỏi: "Vì sao vậy?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Thành Ba-la-nại cách đây nửa do-tuần, vì phải tìm những thứ cần dùng, hằng ngày con phải đi về, vì thế mà lao khổ. Vả lại, Thế Tôn chỉ cho phép Tỳ-kheo bệnh cất thuốc trong một ngày mà bệnh tật thì chưa khỏi".

Phật lại hỏi Tỳ-kheo y sĩ: "Vậy thì nên chứa thuốc chừng bao nhiêu ngày là an ổn?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Dùng liên tục bảy ngày thì mới có thể biết rõ hiệu lực của thuốc".

Phật dạy: "Từ hôm nay trở đi, Ta cho phép được cất thêm sáu ngày nữa, với một ngày trước kia, thành ra bảy ngày".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ba-la-nại phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần phải uống các thứ sữa, dầu, mật, đường phèn, sinh tô, mỡ, thì được phép cất bảy ngày để uống. Nếu để quá bảy ngày mà còn cất thuốc để uống không xả bỏ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải thích:

Bệnh cần uống thuốc: Như sữa, dầu, mật, đường phèn, sinh tô, mỡ như đã nói trong giới ăn

trộm.

Bệnh: Gồm có bốn trăm lẻ bốn bệnh, bệnh phong có một trăm lẻ một, bệnh hỏa có một trăm lẻ một, bệnh thủy có một trăm lẻ một và bệnh tạp cũng có một trăm lẻ một. Nếu gặp bệnh phong, nên dùng dầu, mỡ để chữa trị; gặp bệnh nhiệt, nên dùng sữa để trị; gặp bệnh thủy, nên dùng mật chữa trị; gặp bệnh tạp, nên dùng cả ba loại thuốc trên để trị.

Bảy ngày: Mức độ tối đa.

Cất trong bảy ngày: Nhận thuốc về dùng trong bảy ngày, nếu để quá bảy ngày uống thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Thứ thuốc ấy phải đem ra thí xả giữa chúng Tăng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối, thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo một ngày được mười loại thuốc như sữa, dầu, mật, đường phèn, sinh tô và năm thứ mỡ thì được uống tất cả bảy ngày không cần tác tịnh, nếu để quá bảy ngày thì tất cả phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo một ngày được mười loại thuốc, một nửa tác tịnh, (317a) một nửa không tác tịnh, trong đó, loại được tác tịnh thì đúng pháp, loại không tác tịnh mà để quá bảy ngày thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo một ngày được mười loại thuốc, thì như trong giới y thừa ở trên đã nói rõ, trong đây khác nhau là thời gian của thuốc chỉ có bảy ngày. Cho đến không nhớ rõ mà tưởng nhớ rõ, đó không gọi là tác tịnh. Dầu thắp đèn, dầu thoa chân, dầu thoa mình không nhớ rõ, không tác tịnh, để quá bảy ngày, phạm Ni-tát-kỳ.

Tác tịnh không đúng pháp: Nếu tác tịnh với người không có tâm ý (không hay biết), để quá bảy ngày phạm Ni-tát-kỳ.

Nên tác tịnh với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, người thế tục, súc sinh.

Có các trường hợp: Súc dược lợi, súc dược lợi tương ô; súc dược lợi, bất súc dược lợi tương ô; bất súc dược lợi, súc dược lợi bất tương ô; bất súc dược lợi, bất súc dược lợi bất tương ô; tục nhân dược lợi ô Tỳ-kheo dược lợi; Tỳ-kheo dược lợi ô tục nhân dược lợi; tục nhân dược lợi ô tục nhân dược lợi; Tỳ-kheo dược lợi ô Tỳ-kheo dược lợi; Khách Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi; Cựu Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi; Khách Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi; Cựu Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi; Tăng lợi ô Tỳ-kheo lợi; Tỳ-kheo lợi ô tăng lợi; Tăng lợi ô Tăng lợi; Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi; Hữu thực gian, phi thọ gian; hữu thọ gian, phi thực gian; hữu thực gian, hữu thọ gian; hữu phi thực gian, phi thọ gian; bình đường phèn; dầu thắp đèn; sữa lạc; mỡ.

Súc dược lợi, súc dược lợi tương ô: Nếu[1701] Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, tạp thực còn thừa không tác tịnh, sau bữa ăn lại được

đường phèn cũng không tác tịnh mà lấy cất; đó gọi là súc dược lợi súc dược lợi tương ô (thức ăn cất trước, thức ăn cất sau hoen ố lẫn nhau).

Súc dược lợi, bất súc dược lợi tương ô: Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, tạp thực, bèn ăn không tác tịnh, sau bữa ăn lại được đường phèn đem tác tịnh rồi lấy cất. Đó gọi là súc dược lợi bất súc dược lợi tương ô.

Bất súc dược lợi, súc dược lợi bất tương ô: Nếu Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, không ăn tạp đem tác tịnh, sau bữa ăn lại được đường phèn thừa không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là bất súc dược lợi súc dược lợi bất tương ô.

Bất súc dược lợi, bất súc dược lợi, bất tương ô: Nếu Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, không ăn tạp, liền đem tác tịnh mà ăn, sau đó lại được đường phèn tác tịnh rồi nhận lấy. Đó gọi là bất súc dược lợi, bất súc dược lợi, bất tương ô.

Tục nhân (dược) lợi ô Tỳ-kheo (dược) lợi: Bấy giờ, có Ưu-bà-tắc đến đảnh lễ chân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có đường phèn cất đến ngày thứ bảy, bèn hỏi Ưu-bà-tắc: "Ông muốn uống nước đường phèn không?". Ông ta đáp: "Muốn uống". Thế rồi, ông ta mang đường phèn ấy đi đến đảnh lễ các Tỳ-kheo

khác, hỏi: "Tôn giả muốn uống nước đường phèn không?", Tỳ-kheo ấy đáp: "Muốn uống". Tỳ-kheo này được đường phèn trong ngày không tác tịnh mà lấy. Đó gọi là tục nhân lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Tỳ-kheo (dược) lợi ô tục nhân (dược) lợi: Có một Ưu-bà -Tắc đem đường phèn đến, đảnh lễ chân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có đường phèn cất đến ngày thứ bảy, bèn hỏi Ưu-bà-tắc: "Ông có muốn uống nước đường phèn không?". Ông ta đáp: "Muốn uống", liền lấy đổ chung vào trong bình rồi đi. Lại có một Ưu-bà-tắc khác đem đường phèn đến, hai người gặp nhau giữa đường. Ưu-bà-tắc trước hỏi Ưu-bà-tắc sau: "Ông định đi đâu đó?". Ông ta đáp: "Tôi muốn đem đường phèn này đến cho Tỳ-kheo mỗ giáp". Ông này liền nói: "Ông hãy mang phần đường phèn này đến cho Tỳ-kheo mỗ giáp ấy giúp tôi". Ông ta liền nhận mang đi. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô tục nhân lợi.

Tục nhân (dược) lợi ô tục nhân (dược) lợi: Cả hai người đều khác biệt nhau (?)

Tỳ-kheo (dược) lợi ô Tỳ-kheo (dược) lợi: Tỳ-kheo có nước đường phèn cất đến ngày thứ bảy, bèn hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy muốn uống nước đường phèn không? "Thầy ấy đáp: 'Muốn uống". Rồi Tỳ-kheo ấy ngay trong ngày được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi

là Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Khách Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi: Tỳ-kheo khách có đường phèn cất đến ngày thứ bảy, bèn hỏi Cựu Tỳ-kheo: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?". Vị kia đáp: "Muốn uống". Thế rồi, Cựu Tỳ-kheo này ngay trong ngày ấy được đường phèn không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là khách Tỳ-kheo lợi ô Cựu Tỳ-kheo lợi.

Cựu Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi: Có Tỳ-kheo khách đến, rồi cựu Tỳ-kheo có đường phèn cất bảy ngày, nói với Tỳ-kheo khách: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?". Thầy liền đáp: "Muốn uống". Thế rồi, Tỳ-kheo khách này được đường phèn ngay trong ngày, không tác tịnh mà nhận lấy. đó gọi là cựu Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi.

Khách Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi: Có hai khách Tỳ-kheo đến một trú xứ, Vị này có đường phèn để bảy ngày, bèn hỏi vị kia: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?". Vị kia đáp: "Muốn uống". Thế rồi, ngay trong ngày, thầy được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là khách Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi.

Cựu Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi: Một cựu Tỳ-kheo có đường phèn để bảy ngày, hỏi một cựu Tỳ-kheo khác: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?". Thầy liền đáp: "Muốn uống". Thế rồi, ngay trong ngày, thầy được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là cựu Tỳ-kheo lợi ô

cựu Tỳ-kheo lợi.

Tăng lợi ô Tỳ-kheo lợi: Tăng có đường phèn để bảy ngày đem chia cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này ngay trong ngày được đường phèn, không tác tịnh mà thọ nhận. Đó gọi là Tăng lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Tỳ-kheo lợi ô Tăng lợi: Tỳ-kheo có đường phèn để bảy ngày liền mang đến cúng dường Tăng, Tăng được đường phèn ngay trong ngày, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô Tăng lợi.

Tăng lợi ô Tăng lợi: Tăng có đường phèn để bảy ngày đem ra cúng dường cho Tăng, Tăng này nhận được đường phèn ngay trong ngày, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tăng lợi ô Tăng lợi.

Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi: Tỳ-kheo có đường phèn để bảy ngày, rồi hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy có muốn uống nước đường phèn không?". Vị này đáp: "Muốn uống". Thế rồi, Tỳ-kheo này ngay trong ngày nhận được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Hữu thực gian phi thọ gian: Nếu Tỳ-kheo bảy ngày ăn đường phèn, rồi nhận thêm đường phèn nữa, ngày thứ tám lại ăn. Vì không để

gián đoạn nên phạm tội Việt tỳ-ni. Cần phải để gián đoạn một ngày. Đó gọi là hữu thực gian phi thọ gian.

Thọ gian phi thực gian: Nếu Tỳ-kheo nhận đường phèn để bảy ngày không ăn, đến ngày thứ

tám lại nhận thêm đường phèn khác, không để[1705] gián đoạn mà thọ nhận nên phạm tội Việt tỳ-ni. Cần phải để gián đoạn một ngày. Đó gọi là thọ gian phi thực gian.

Thọ gian thực gian: Nếu Tỳ-kheo bảy ngày nhận được đường phèn rồi ăn, đến ngày thứ tám lại nhận được đường phèn cũng ăn, như vậy là phạm hai tội Việt tỳ-ni.

Phi thọ gian phi thực gian: Nếu Tỳ-kheo do tụng kinh nhiều bị bệnh phổi, thổ huyết, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống thường xuyên đường phèn". Thì trước bữa ăn được ăn đường phèn, sau bữa ăn tác tịnh rồi cũng được ăn. Đó gọi là phi thọ gian, phi thực gian.

Bình đường phèn: Như ở nước Vũ-la, người muốn thọ giới Cụ túc, sau khi thọ giới tại giới trường, bèn đem bố thí cho chúng Tăng mỗi người một bình đường phèn. Các Tỳ-kheo có tín tâm thích làm công đức bèn mang bình đường phèn ấy đến cúng dường Thượng tọa. Thượng tọa có tín tâm, nên nói: "Tăng là phước điền tốt nhất". Thế là vị ấy đem bố thí cho Tăng. Các Tỳ-kheo có đường phèn cất bảy ngày, còn lấy thêm đường phèn này. Đó gọi là ô nhiễm lẫn nhau.

Nếu Tỳ-kheo vào bữa ăn nhận được nhiều mía, ăn còn thừa thì được ép ra nước để dùng vào buổi tối. Nếu uống không hết thì được đem nấu thành

đường phèn để dùng trong bảy ngày. Đường phèn này nếu dùng không hết thì đem đốt thành tro để dùng suốt đời. Nếu có việc không ép được, thì trước bữa trưa nên dùng nước tác tịnh, nói như sau: "Ở trong đây có tịnh vật sinh ra, tôi sẽ nhận lấy".

Nếu vào bữa ăn nhận được nhiều trái cây, ăn không hết thì được đem ép để dùng buổi tối. Nếu có việc không thể ép được thì lúc ấy nên nói: "Trong đây có Tịnh vật sinh ta, tôi sẽ nhận lấy". Nếu thời gian đã quá hạn (hết ngày), thì không nên làm.

Dầu đốt đèn: Nếu tín nữ có lòng tin thuần thành đem cúng dường cho Tăng thức ăn, bằng cách đổ dầu vào đèn đốt lên đem cúng dường, thì Tăng không nên nhận khi có ngọn đèn sáng, mà nên bảo tịnh nhân nhận lấy. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ để xuống đất, thổi tắt ngọn đèn rồi mới nhận. Nếu người nữ vì có tín tâm, quá ân cần, không muốn tắt ngọn đèn, thì có thể nhận lấy. Khi nhận xong, nên dùng dao cắt bỏ tim đèn rồi mới sử dụng dầu. Đó là trường hợp dầu thắp đèn.

Bình sữa lạc: Vào bữa ăn nhận được nhiều sữa lạc dùng không hết, thì nên đem nấu thành sinh tô để dùng trong bảy ngày. Nếu sinh tô còn thừa thì được đem nấu lần nữa thành thục tô để dùng trong bảy ngày.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực được nhiều sinh tô

thì nên dùng miếng lụa sạch lọc lấy tô để dùng[1707] trong bảy ngày. Nếu có công việc không thể làm trước buổi trưa được, thì nên nói: "Trong đây sẽ sinh ra tịnh vật, tôi sẽ dùng làm thuốc uống trong bảy ngày". Nếu lỡ quên không dùng, không tác tịnh, để quá thời hạn thì thành ra bất tịnh.

Nếu khi đi khất thực được nhiều dầu, thì nên áp dụng như trường hợp tô vừa nói ở trên.

Nếu vào bữa ăn nhận được nhiều mè, ăn còn thừa thì nên đem ép thành dầu để dùng trong bảy ngày. Nếu vì công việc không làm được, thì như trường hợp tô đã nói ở trên. Đó gọi là bình sữa lạc.

Mỡ: Nếu Tăng đem chia cho mỡ gấu, mỡ cá, mỡ bi, mỡ heo, mỡ Thất-tu-ma-la, thì Tỳ-kheo ít có người quen biết có thể dùng một miếng lụa mỏng lọc để làm thức ăn dùng trong bảy ngày. Nếu bận việc không thể làm được thì như trường hợp tô đã nói ở trên.

Khi Tăng đem chia dầu, Tỳ-kheo hoặc muốn đem tác tịnh, hoặc dùng làm dầu ăn bảy ngày, hoặc dùng làm dầu thắp đèn, hoặc làm dầu thoa chân, hoặc dùng thoa mình. Nếu Tăng chia dầu ít không đủ dùng, bèn đem đổ dồn một chỗ, thì tất cả đều bất tịnh. Nếu có dầu thanh tịnh (hợp lệ) thì đổ chung với dầu thanh tịnh trong một bình rồi đem rửa Bình-sạch giao cho tịnh nhân giữ. Cũng vậy, dầu dùng bảy ngày nên đổ chung với dầu dùng bảy

ngày trong một bình, rồi đem rửa Bình-sạch giao cho tịnh nhân cất. Cũng vậy, dầu đốt đèn, dầu thoa chân, khi có được cũng nên nhận.

Nếu Tỳ-kheo muốn uống bột, uống dầu, thì không được trước uống bột, sau uống dầu, vì bột là thuốc dùng trọn đời, còn dầu là thuốc dùng bảy ngày. Do đó, nên uống dầu trước, rồi rửa tay, súc miệng cho sạch, sau đó mới uống bột.

Nếu Tỳ-kheo sau bữa ngọ trai có bệnh, nên uống tô trước, vì tô là thuốc bảy ngày, rồi rửa tay, súc miệng cho sạch mới ăn. Nếu Tỳ-kheo có bệnh muốn uống tô thì phải uống vào buổi mai, vì tô là thuốc dùng bảy ngày, sau đó ăn cơm xong, súc miệng, rửa tay cho sạch rồi mới uống thuốc.

Nếu Tỳ-kheo uống dầu xong, còn thừa định dùng đốt đèn hoặc thoa chân, nhưng có Hòa thượng, A-xà-lê đến thấy chê dầu nhiều, bèn uống nữa thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn đường phèn xong rồi muốn uống nước ngọt vào buổi tối, thì phải súc miệng cho sạch, rồi mới uống nước ngọt. Nếu uống nước ngọt rồi mới ăn đường phèn, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo muốn nấu đường phèn, nên sai tịnh nhân nấu.

Nếu Tỳ-kheo nhận được tô, rồi dùng tô trộn với tô, tô trộn với dầu, tô trộn với mật, tô trộn với đường phèn, tô trộn với sinh tô, tô trộn với mỡ,

cũng vậy, dầu, mật, đường phèn, sinh tô, cho đến mỡ trộn với tô, mỡ trộn với dầu, mỡ trộn với mật, mỡ trộn với sinh tô, mỡ trộn với đường phèn, mỡ trộn với mỡ, cũng như vậy. Thức ăn đúng giờ, thức uống buổi tối, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời trộn lẫn vào nhau thì được uống đúng thời.

Thuốc uống buổi tối, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời hòa lẫn vào nhau thì được uống vào buổi tối.

Thuốc uống bảy ngày, thuốc dùng suốt đời hòa lẫn vào nhau, thì được uống trong bảy ngày.

Nếu Tỳ-kheo có ít người quen biết khi đi khất thực được muối đỏ, muối tía... thì nên rửa sạch để dùng suốt đời. Nếu được hồ tiêu, tất bát, cũng lại như vậy.

Nếu Tỳ-kheo có ít người quen biết khi đi khất thực được đường phèn đen, đường phèn trắng, nên đem rửa sạch hơi đồ ăn, để làm thuốc dùng trong bảy ngày. Thế nên nói (như trên).

-oOo-